TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

29



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TẬP 29

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 29

Sưu tầm, biên soạn:
NGUYỄN HOÀNH KHUNG



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

PHẦN THỨ NHẤT

CÙNG BẠN ĐỌC

Các tập 28, 29, 30 và 31 của bộ Tổng tập văn học Việt Nam đang ở dưới mắt bạn đọc chính là các tập 29A, 29B, 29C và 29D của bộ sách được tái bản lần thứ nhất.

Theo dự kiến ban đầu của Hội đồng biên tập Tổng tập văn học Việt Nam, tập 29 (gồm 29A và 29D) sẽ giới thiệu với bạn đọc mảng văn xuôi hiện thực những năm ba mươi của thế kỷ XX qua một số tác giả tiêu biểu và một số sáng tác có tính chất phong trào. Tập 29A (xuất bản 1988) được biên soạn theo dự kiến sắp xếp đó và bài Khải luận in ở đầu tập cũng được viết nhằm giới thiệu nội dung đó. Do nhiều khó khăn ở khâu xuất bản nên mãi đến 1997, tập 29 mới được xuất bản tiếp. Khi biên soạn để xuất bản tiếp, Hội đồng biên tập, Nhà xuất bản và người biên soạn đều nhận thấy không thể giữ nguyên nội dung tập 29 như dự kiến ban đầu cách đây gần hai mươi năm. Công cuộc đổi mới lớn lao diễn ra trên đất nước hơn mười năm qua đòi hỏi có sự đổi mới trong cách nhìn nhận các giá trị văn học; đặc biệt, cần khắc phục lối nhìn máy móc, hẹp hòi khá phổ biến một thời, dẫn đến sự bỏ rơi nhiều hiện tượng văn học "tiền chiến" có giá trị như trước đây. Sự phân biệt mang tính chất đối lập giá trị giữa các dòng văn học hiện thực và lãng mạn cũng không còn được chấp nhận. Do quan niệm như vậy nên trong lần xuất bản các tập 29B, 29C, 29D và nhất là trong lần tái bản này, các tập đều có những chỉnh lý và bổ sung quan trọng so với sự sắp xếp ban đầu. Diện tác giả, tác phẩm đưa vào đã mở rộng hơn và không nhất thiết đó đều là "hiện thực". Sự phân bố các tác giả, tác phẩm trong các tập đều được sắp xếp lại. Bốn tác giả lớn (Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyễn Tuân) vẫn giữ nguyên vị trí chủ chốt trong bốn tập, nhưng sự phân bố các tác giả khác trong các tập thì có điều chỉnh ít nhiều, để các tập cân đối, nhất quán hơn, cũng tức là hợp lý hơn. Phần bổ sung đều phải là những tác giả, tác phẩm có giá trị cần được kể đến, ít nhất cũng có ý nghĩa về một mặt nào đó trong sự phát triển đa dạng của văn học thời kỳ này.

Như vậy, các tập 28, 29, 30, 31 này không phải là sự tái bản lần lượt từng tập 29A, 29B, 29C, 29D, mà là tái bản cả hệ thống bốn tập với sự sắp xếp lại nội dung các tập. Với lần tái bản này, chúng tôi hy vọng sẽ giới thiệu tương đối đầy đủ và có hệ thống một số tác giả, tác phẩm của nền văn xuôi Việt Nam những năm ba mươi của thế kỷ XX.

Trong lần xuất bản thứ nhất, tập 29A (xuất bản 1988) là công trình tập thể của nhóm biên soạn gồm ba người Phan Cự Đệ, Nguyễn Hoành Khung, Trần Hữu Tá (Phan Cự Đệ là Chủ biên và viết bài Khải luận). Các tập 29B, 29C, 29D (xuất bản 1997, có chỉnh lý, mở rộng so với quy định ban đầu) do Nguyễn Hoành Khung biên soạn. Các tập 28, 29, 30, 31 của bộ Tổng tập tái bản này cũng do Nguyễn Hoành Khung biên soạn.

Hà Nội, 11-1998

Soạn giả

VŨ TRỌNG PHỤNG
(1912 – 1939)

Vũ Trọng Phụng – đôi khi dùng bút danh Thiên Hư – quê ở làng Hảo, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, nhưng sinh ra và sống suốt đời ở Hà Nội. Cha là thợ tiện, chết trẻ vì lao phổi khi Vũ Trọng Phụng mới 7 tháng tuổi. Mẹ khi đó 24 tuổi, đã ở vậy nuôi con ăn học và phụng dưỡng mẹ chồng bằng nghề khâu vá thuê, Vũ Trọng Phụng chỉ học hết tiểu học (trường Hàng Vôi), phải đi làm sớm để kiếm sống. Ban đầu làm thư ký cho hãng buôn Gô Đa, nhưng chỉ được vài tháng thì bị cho thôi việc. Sau xin được chân đánh máy chữ cho nhà in Viễn Đông (IDEO), nhưng cũng bị mất việc chỉ sau một thời gian ngắn. Đây là thời kỳ khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) nên việc sa thải viên chức, công nhân xảy ra rất phổ biến. Từ 1930, Vũ Trọng Phụng chuyên hẳn vào nghề làm báo, viết văn. Ông sống rất chật vật, nhất là từ khi có cái gia đình nhỏ phải gánh vác (ông lấy vợ đầu năm 1938 và sinh con cuối năm đó). Do làm việc quá sức, Vũ Trọng Phụng mắc bệnh lao phổi và qua đời ngày 13 tháng 10 năm 1939, tại căn nhà số 73 Cầu Mới, gần Ngã Tư Sở, Hà Nội, để lại bà, mẹ và vợ – ba người đàn bà góa – cùng một mụn con gái chưa đầy năm.

Vũ Trọng Phụng có truyện ngắn đăng báo từ 1930. Ông đã viết cho nhiều báo: *Hà thành ngọ báo, Nhật Tân, Hải Phòng tuần báo, Tân thiếu niên, Công dân, Tiểu thuyết thứ bảy, Hà Nội báo, Tương lai, Tiểu thuyết thứ năm, Sông Hương, Đông Dương tạp chí, Thời vụ, Tao đàn tạp chí*.... Tác phẩm của nhà văn hầu hết đăng báo trước khi in thành sách.

Vũ Trọng Phụng viết nhiều thể loại: phóng sự, tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch nói, xã luận, bình luận chính trị, bút chiến, phê bình văn học... Ông còn dịch một số tác phẩm văn học Pháp. Ở thể loại nào, ngòi bút sắc sảo của Vũ Trọng Phụng cũng có những nét đặc sắc, nhưng ông thành công xuất sắc ở hai thể loại: phóng sự và tiểu thuyết. Báo chí đã gọi Vũ Trọng Phụng là "ông vua phóng sự đất Bắc", và các tiểu thuyết *Giông tố, Số đỏ* (đều viết 1936, có thể coi là những kiệt tác, đã gây tiếng vang lớn).

Đời sống và đời văn Vũ Trọng Phụng tuy ngắn ngủi nhưng ông đã để lại một sự nghiệp văn học phong phú và có đóng góp to lớn vào sự phát triển của văn học dân tộc. Mặc dù, sự nghiệp văn học ấy chứa đựng nhiều mâu thuẫn phức tạp và chất lượng tư tưởng và nghệ thuật các tác phẩm không đồng đều,

mặc dù đôi khi do thiếu niềm tin yêu sâu sắc vào con người nên ngòi bút Vũ Trọng Phụng đã sa vào chủ nghĩa tự nhiên. Nhưng, bộ phận quan trọng nhất, tiếng nói văn học vang dội nhất của Vũ Trọng Phụng vẫn là tiếng nói tiến bộ của một nhà văn hiện thực lớn. Ngay khi sinh thời Vũ Trọng Phụng đã trở thành một "vấn đề" gây tranh cãi trong dư luận. Song đến nay, có thể nói, vị trí hàng đầu của Vũ Trọng Phụng trong nền văn xuôi quốc ngữ nước ta trước cách mạng đã được khẳng định chắc chắn hơn bao giờ hết.

Tác phẩm của Vũ Trọng Phụng

Phóng sự:

- *Cạm bẫy người,* đăng báo *Nhật Tân,* 1933; Đời Nay xuất bản, Hà Nội, 1935.
- *Kỹ nghệ lấy Tây,* đăng báo *Nhật Tân,* 1934; Phương Đông xuất bản, Hà Nội, 1936.
- *Dân biểu và dân biểu,* đăng báo *Công dân,* 1935.
- *Cơm thầy cơm cô,* đăng *Hanoi báo,* 1936; Minh Phương xuất bản (in chung với *Lục xì*), Hà Nội, 1937.
- *Lục xì,* đăng báo *Tương Lai,* 1937; Minh Phương xuất bản (chung với *Cơm thầy cơm cô*), Hà Nội, 1937.
- *Một huyện ăn tết,* đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy,* 1938.

Tiểu thuyết:

- *Dứt tình,* đăng trên *Hải Phòng tuần báo,* 1934; in thành sách trong *Phổ thông bán nguyệt san* số 39, 12–1939.
- *Giông tố,* đăng trên *Hanoi báo,* 1936; Văn Thanh xuất bản, Hà Nội, 1937.
- *Số đỏ,* đăng trên *Hanoi báo,* 1936; Lê Cường xuất bản, Hà Nội, 1938.
- *Vỡ đê,* đăng trên *Tương lai,* 1936; *Tiểu thuyết thứ ba* in thành sách, 1941.
- *Làm đĩ,* đăng trên *Sông Hương,* 1936; Mai Lĩnh xuất bản, Hà Nội, 1939.
- *Lấy nhau vì tình,* viết 1937, đăng trên *Tiểu thuyết thứ ba,* 1941; Mai Lĩnh xuất bản, Hà Nội, 1951.
- *Quý phái,* đăng dở trên *Đông Dương tạp chí,* Hà Nội, 1937.
- *Trúng số độc đắc,* đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy,* 1938.
- *Người tù được tha* (di cảo), đã trích đăng dưới dạng hai truyện ngắn trên tạp chí *Tao Đàn,* 1939; sau đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy,* loại mới, 1945.

Truyện ngắn

- Một cái chết, *Ngọ báo,* 3–1931.
- Bà lão lòa, *Ngọ báo,* 3–1931.
- Con người điêu trá, *Ngọ báo,* 3–1932.
- Quyền làm bố, ký tên Bích Ngô, *Nhật Tân,* 8–1933.
- Cuộc vui ít có, *Nhật Tân,* 8–1933.
- Hai hộp xì gà, *Nhật Tân,* 12–1933.
- Sư cụ triết lý, *Tiểu thuyết thứ bảy,* 1935.
- Mơ ngày Tết, *Hanoi báo,* 1–1936.
- Tết ăn mày, *Hanoi báo,* 1–1936.
- Bộ răng vàng, *Hanoi báo,* 8–1936.
- Hồ sê líu, hồ líu sê sàng, *Hanoi báo,* 9–1936.
- Cái ghen đàn ông, *Đông Dương tạp chí,* 8–1937.
- Lòng tự ái, *Đông Dương tạp chí,* 8–1937.
- Đi săn khỉ, *Đông Dương tạp chí,* 8–1937.
- Người có quyền, *Đông Dương tạp chí* 8–1937.
- Máu mê, *Đông Dương tạp chí* 9–1937.
- Tự do, *Đông Dương tạp chí,* 9–1937.
- Lấy vợ xấu, *Đông Dương tạp chí,* 9–1937.
- Một con chó hay chim chuột, *Đông Dương tạp chí,* 9–1937.
- Một đồng bạc, *Tao Đàn,* 2–1939.
- Đời là một cuộc chiến đấu, *Tao Đàn* 4–1939.
- Từ lý thuyết đến thực hành, *Tao Đàn,* 6–1939.
- Đoạn tuyệt (di cảo), *Tao Đàn,* số đặc biệt về Vũ Trọng Phụng, 12–1939.
- Gương... tống tiền (?)

Kịch:

- *Không một tiếng vang (dân sinh bi kịch ba hồi),* tác giả xuất bản, Hà Nội, 1931.
- *Tài tử,* kịch vui, đăng báo *Nhật Tân,* 1934.
- *Cái chết bí mật của người trúng số độc đắc, Đông Dương tạp chí* số 9–1937.
- *Hội nghị đùa nhả,* kịch vui, *Đông Dương tạp chí,* 1938.
- *Tết cụ cố,* di cảo, đăng *Tiểu thuyết thứ bảy,* 1940.
- *Phân bua,* tạp chí *Tao Đàn,* 5–1939.

Dịch thuật văn học:

– *Giết mẹ* (dịch vở *Luykrex Boocgia* của Vichto Huygô), Dịch thuật tùng thư, 1936

Bình luận thời sự chính trị:

– *Nhân sự chia rẽ Đệ tam và Đệ tứ,* đăng trên *Đông Dương tạp chí,* 1937; Huỳnh Văn Tài in thành sách.

Các bài báo (có phê bình văn học).

CẠM BẪY NGƯỜI
(Phóng sự – Trích)

Cạm bẫy người là thiên phóng sự đầu tiên của Vũ Trọng Phụng– "ông vua phóng sự đất Bắc" như lời báo chí lúc bấy giờ. *Cạm bẫy người* được đăng dần trên báo *Nhật Tân* ở Hà Nội, từ số 2 (ra ngày 9 – 8 – 1933) đến số 14 (ra ngày 1–11–1933); An Nam xuất bản cục in thành sách năm 1934, với tiêu đề "Tiểu thuyết phóng sự".

Phóng sự *Cạm bẫy người* đã điều tra, nghiên cứu, miêu tả xã hội cờ bạc bịp ở Hà Nội lúc bấy giờ. Tác giả đã "thâm nhập" xã hội đó, để phơi ra trước công chúng một tệ nạn xã hội trầm trọng, đang công nhiên diễn ra ngoài vòng pháp luật giữa một đô thành văn minh. Cờ bạc (và sự gian lận trong cờ bạc) vốn không phải là cái gì mới mẻ, nhưng cái "nghề" bất lương đó đã phát triển với một quy mô có tổ chức chặt chẽ, tinh vi đáng sợ. Qua những "người thật, việc thật" được miêu tả sinh động bằng ngòi bút "tả chân" sắc sảo, Vũ Trọng Phụng đã phơi ra các thủ đoạn vừa tinh vi vừa trắng trợn của bọn cờ bạc bịp. Mà mỗi môn bài bạc (tài bàn, xóc đĩa, đánh xì...) lại có cả một loạt ngón nghề, mánh khóe bịp bợm riêng! Tất cả đều là cạm bẫy đối với các "tín đồ của đổ bác giáo". Vì vậy, kẻ có máu mê đỏ đen trở thành những "con mòng", bước vào sòng bạc là chỉ để cho "làng bịp" "nhét đất thó vào lỗ mũi mà lấy tiền". Cả một guồng máy ghê gớm thường xuyên vận hành như một cái "lưới nhện ghê gớm", đã gây nên bao tấn bi hài kịch trong gia đình và xã hội. Tác phẩm đã phác họa nổi bật chân dung một loạt nhân vật của "làng bịp", từ "trùm bịp" cho đến cả một hệ thống "đàn em", tay chân, vốn thuộc đủ hạng người, hầu hết là những kẻ mất hết lương tâm, có khi chỉ vì một "con mòng" mà đâm lòi ruột nhau... Về phía những tín đồ của "tôn giáo đỏ đen" và là nạn nhân của "làng bịp" thì có bao kẻ tan cửa nát nhà, tổng lý bị cách chức, viên chức thụt két phải vào tù. Có kẻ "lột áo người sống, bán áo người chết" để lấy tiền đem nướng ở sòng bạc. Thậm chí, có kẻ đem tiền bán ruộng mua thuốc cho con đang thập tử nhất sinh vào chiếu bạc để đến nỗi con phải chết... Từ sòng bạc, tác giả đã nhìn ra và nêu lên tình trạng băng hoại về đạo đức của cái xã hội mà đồng tiền chi phối một cách trâng tráo, không che đậy đó.

Tuy là phóng sự đầu tay và ra đời vào lúc thể loại này còn quá mới mẻ. *Cạm bẫy người* vẫn cho thấy sở trường và đặc sắc của ngòi bút Vũ Trọng Phụng về phóng sự.

Dưới đây, trích các chương I, II, III, VIII, IX, XII, XIII, XIV.

I

ÔNG THÂN TÔI LÀ "MÒNG"

Nụ cười vẫn thường lộ trên cặp môi đỏ tựa thoa son, anh Vân bỗng ủ dột, muốn như có vẻ chán đời.

Do lẽ gì, cái thái độ trái ngược như vậy? Vì ông thân anh, một cụ Phán thượng hạng đã về hưu, hưu bổng hàng tháng rất to, với bà mẫu anh, một người mẹ đảm, đã một tay tậu nổi mấy tòa nhà lộng lẫy, mà không để cho anh được tự do tiêu, phá chăng? Vì ý trung nhân của anh, một cô gái tân thời óc chứa đầy những tình cảm đã phụ anh chăng? Hay vì mảnh bằng tốt nghiệp của trường cao đẳng thương mại chưa cho phép anh được chiếm một ghế trong công sở? Lạ! Con một nhà giàu lại sẽ là chồng một mỹ nhân, địa vị như thế, tại sao anh Vân lại chán đời? Cái buồn của anh chàng này chắc có chứa sự bí mật gì đây...

*

* *

Chiều hôm ấy, anh Vân ghé vào tai tôi:

– Tôi đã đỡ được nỗi chán đời vì đã tìm ra được cách mở két của ông cụ. Tôi mới có được một *mẻng* rất đáng yêu cả tinh thần lẫn xác thịt nhưng phải cái hơi đáng giận là có cái đức lớn trong sự tiêu tiền.

Tôi rất lấy làm phàn nàn về điều đó, nhưng biết làm thế nào? Phụ nữ bây giờ hầu hết thế cả! Tình thế này ép tôi phải tính... Đáng lẽ tôi cũng không dùng đến kế này, vì nó bất... lịch sự quá, nhưng anh tính: ông cụ đưa tiền cho mình tiêu thì tỏ ý xót xa mà đến khi ngồi vào đám bạc, hết trăm này đến chục khác chẳng lấy làm tiếc, anh bảo thế thì còn gì ức cho mình hơn?

Nói tới đó, anh ngắt câu chuyện, đưa ra cho tôi một lá thư còn ngỏ. Ngoài bì đề.

Monsieur Ấm B...

N°... Ruelle des poissons, Hanoi [1]

---

1. Ông Ấm B. Số ... phố Hàng Cá, Hà Nội.

Còn trong thư:

Bắc Ninh, le 26 Février 1933 [1]

Thưa ngài.

Cùng nhau gắn bó đã bao nhiêu lần, tôi vẫn để ý mãi, nay thật đến lúc phải phiền ngài rồi đây. Mong ngài xếp cho một người có vẻ ông Tham, ông Phán, đúng chiều thứ bảy sang bên tôi có hàng. Chính ông thân tôi là ***mòng****, chắc chắn lắm! Còn nhiều két khác nữa, nhưng tôi chưa dám cam đoan vội, vì chưa xếp xong. Chỉ cần người chơi tổ tôm, tài bàn giỏi thôi, không dùng đến bát, đĩa gì cả. Đáng lẽ tôi phải "thân hành" sang cầu cứu song bận thu xếp, phải dùng chữ thay người, có điều đường đột, ngài cũng xá đi cho. Và xin báo trước bằng thơ, nói rõ hình dạng người mà ngài phái sang, để chúng tôi ra ga đón cho tiện.*

Xin nhớ: chúng tôi ở phố Tiền An, số nhà...

Kính thư

Vân

Xem xong, bốn mắt gặp nhau, tôi cố nhịn cười:

– Anh gọi bịp về *bắt* ông cụ đấy à? Gớm! Có hiếu nhỉ?

Anh Vân chỉ mỉm cười một cách khoái chí rồi lấy hồ dán kín phong thư.

*
* *

Hai hôm sau. Trên con đường chạy ra ga Bắc Ninh với hai dãy cây um tùm đứng giàn hai bên, một chiếc xe ô tô hàng đứng chờ... mấy cái xe cao su lượn nghênh ngang, lùng khách. Anh Vân rảo bước đi bên tôi, cầm lá thư như lẩm nhẩm: "đúng 6 giờ chiều, ở ga xuống, người nào mặc ta, cầm máy ảnh, mặc cả xe đến phố Tiền An là đích đấy..."

Đúng 6 giờ. Một hồi còi... Mười toa tàu lù lù tiến đến sân ga, nhả ra độ mười hành khách. Có người gọi vợ, gọi con, mặc cả xe om xòm, có người bị phu xe túm bâu lấy mà chỉ biết kêu rối rít: "không, không!...". Bỗng có một giọng dõng dạc, to hơn hết, nổi lên trong đám khách ồn ào.

1. Bắc Ninh, ngày 26 tháng 2 năm 1933.

– Chúng mày, thằng nào biết, mau kéo tao đến phố Tiền An, nhà cụ...

– Đây rồi!...

– Phải, đích người này rồi, áo gấm trong, áo sa tanh ngoài, giầy ban, tay có cầm máy ảnh. Răng vàng hé lộ mỗi khi cười lệch miệng, kính đồi mồi nằm trên sống mũi dọc dừa nghiêm trang. Mặt láu lỉnh, ra phết, ăn người.

Ba chúng tôi bắt tay nhau. Anh Vân pha trò mà giới thiệu:

– Đây là chú nó... còn ngài này... "ân nhân" của tôi!

Ông *ân nhân của tôi* ấy là ông đến *giết* bố nó để *cứu* con, mấy phút sau, được anh Vân rước về nhà kêu rầm lên: "Thưa thầy, thưa đẻ có bác Tham Ngọc vốn là bạn cũ sang chơi với con" thì được cả nhà đón chào mừng rỡ. Nhất là lại được ông cụ già đạo mạo tiếp đãi ân cần, tự đem thân ra đóng cái vai con chim *mòng* đậu vừa đúng tầm súng cho kẻ đi săn.

Cuộc gặp gỡ của chủ với khách bắt đầu gắn bó bằng một bữa cơm bừa bộn những thịnh soạn.

Trong bữa tiệc kéo luôn hai tiếng đồng hồ, người ta nói đến những chuyện giời nắng, giời mưa, nạn khủng hoảng [1], cuộc chiến tranh Trung– Nhật, việc nhà nước thi hành chính sách tiết kiệm: rút lương, thải bớt người làm. Ông "Tham Ngọc" của anh Vân ăn nói ôn tồn, đóng vai kịch của mình một cách thạo lắm. Ông hết bàn luận về đạo nghị định ngày 6 Octobre 1931 [2] lại làm ra mặt học rộng, đả động đến bộ "mặt trái" của hội Quốc Liên [3]. Có khi ông tự giới thiệu: chỉ ham đọc sách và gặp dịp nhàn thì chỉ du ngoạn những phong cảnh đẹp chớ ít khi để ý đến sự chơi bời.

Thấy con người giỏi mà nết na như vậy, cụ Phán khâm phục ông ra mặt, ngợi khen mãi ông là người hữu ích chẳng lêu lổng như em Vân. Rồi cụ cười khà khà.

– Dù bác không chơi bời gì thì tổ tôm, tài bàn cũng phải biết chứ?

Nụ cười vẫn giữ trên môi, ông "Tham Ngọc" thong thả đáp lại:

---

1. Kinh tế khủng hoảng (nói tắt).

2. Mồng 6 tháng 10 năm 1931.

3. Hội liên hiệp các nước trên thế giới, lập năm 1920, đến năm 1946 thay bằng Liên hiệp quốc.

– Bẩm vâng! Ngoài sự đọc sách với chơi ảnh ra, con cũng chẳng còn cách gì giải trí nữa. Đi hát ả đào hay rượu chè, hút sách thì tai họa, mà giai gái thì bẩm.. chúng con đã quá tuổi rồi! Vả lại tổ tôm, tài bàn là cái chơi thanh nhã, khác nào như cuộc đấu trí. Con cho đó là một cách giải trí thực sự mà người thượng lưu cần phải biết.

Thiết tưởng một phạm nhân can tội giết người mà được trạng sư cãi cho trắng án cũng vị tất đã có lòng kính phục, ngưỡng mộ, nhớ ơn ông thầy cãi của mình như cụ Phán của tôi kính phục, ngưỡng mộ, nhớ ơn ông "trạng sư của tài bàn, tổ tôm" lúc ấy. Đánh trúng vào chỗ yếu của ông cụ rồi, tay bịp già đã thèm nhận những lời ân cần mời mọc vào cuộc tài bàn ngay cho đâu!

– Bẩm con định sang hầu cụ với thăm anh Vân con rồi nhân tiện đi chụp ít ảnh vì cảnh đồi Lim đẹp đã có tiếng... chứ không nghĩ đến sự sang đây lại được cụ ép đánh tài bàn!

Cụ Phán cố phân trần cho ra lẽ:

– Nhưng còn cả ngày mai thì bác ngại gì? Tôi chỉ sợ bác chả đem nổi vài vạn tấm kính sang mà chụp cho xuể thôi.

Thế là thành cuộc. Bốn vai trò: Ông "Tham Ngọc" *người đi săn*, anh Vân *Người hướng dạo*, ông thân sinh ra anh, *chim mòng*, với tôi, một người tò mò, đi xem. Tôi rất lấy làm lạ vì cứ thấy hai con chim mòng thắng trận, ù tràn di mà nhà đi săn kia đã phí gần hai mươi *viên đạn*. Chính anh Vân cũng hơi tái mặt, chỉ sợ người mình lôi về chưa hẳn là thiện xạ, có bao nhiêu lại đến chui hết cả vào két của cụ thì...

Làm ra bộ thua cay, nóng tiết đang đánh một hai, ba đồng, ông "Tham Ngọc" rủ đánh gấp đôi.

– Thưa cụ, đánh nhỏ con lại hay thua, có đánh to mới cao được.

Gặp hồi đỏ, ông cụ hăng hái như đang say rượu nhận lời liền! Thế là từ lúc đánh hai, bốn, sáu đồng, ông cụ năm thì mười họa mới được một ván ù xuông: Ù tài bàn, sửu bàn.[1] chỉ riêng về ông "Tham Ngọc".

Thấy số bạc trước mặt, trong túi của mình cứ lần lượt chui ra rồi bay đi với gió, moi ví mãi nóng tiết, ông già thỉnh thoảng lại làm ván ké một "rồng xanh" [2] . Nhưng bao nhiêu cũng đều "giá vũ đằng vân" đi đâu mất cả!

1. Ù tài bàn là một ván bài to nhất, sửu bàn là to thứ hai.
2. Giấy bạc hai mươi đồng.

Cái ví lép kẹp của ông già giục cả làng *tan chầu*, đứng lên.

– Thôi, mời bác lên gác nghỉ với em. Bác đỏ và đánh cao quá, thật số bác hôm nay phát tài. Tôi thua dễ đến hơn sáu chục...!

Ông cụ "tuy không ăn ớt mà cay" nhưng vẫn vui vẻ như thường, vẫn thản nhiên lộ cái vẻ yêu con người đã lịch thiệp lại có biệt tài, đánh tài bàn cao.

Còn tôi, tuy tò mò ngồi để ý mất cả buổi tối, cũng không sao khám phá nổi những ngón bịp! Vậy "mặt mũi" những ngón bịp thế nào?

*

* *

Trên gác riêng của anh Vân, giữa lúc chia tiền.

– Vốn tôi đem sang: mười lăm đồng, vốn bác: năm đồng, mà đây tám mươi ba tất cả, thế là cụ bị mất đứt: 63 đồng. Đáng lẽ ta chia ba, ông Ấm B... ở Hà Nội – với tôi hai, còn bác một. Nghĩa là cả ba *đạo binh* cùng hưởng: đoàn hướng đạo, đoàn quân thắng trận với bộ tham mưu. Nhưng *mòng* là cụ nhà thì bác cứ cầm bốn mươi *của*. Anh em chúng tôi chỉ dùng 23 *hòn đạn* là đủ rồi.

Trước thái độ nhã nhặn và biết điều này, anh Vân đáp bằng cái gật đầu, chìa tay ra nhận và nói:

– Để lần sau bác sang, tôi gọi cho mấy via [1] nữa đến, rồi ra sẽ có dịp được chia hương hỏa với nhau. Nhưng tôi muốn bác cho xem qua các *ngón* để sau này mà tránh...

Nhà đi săn cười. Một cuộc phấn đấu chốc lát trong óc anh chàng: bí mật nhà nghề, có nên? hay không?

Sau một lúc lưỡng lự, "ông Tham" có ý lấy chúng tôi làm chỗ đồng chí, cũng chẳng phải ngại gì. Chúng tôi ngồi nghe như hai cậu học trò trước một vị giáo sư dạy khoa quỉ thuật.

– Có ba lối bịp tài bàn. Thứ nhất: lối đánh *kiệu* hay là *nhị cập nhất,* hai người thông lưng nhau hại một người bằng những luật nhất định như để tay vào đùi, đầu gối, ống chân, bàn chân tùy theo quân chờ về hàng *văn,* hàng *sách*, hàng *vạn* v.v... Muốn ăn quân gì hoặc chờ quân gì, cứ việc ra hiệu để bên kia để ý đánh cho mà ăn hoặc hạ

1. *Vieux* tiếng Pháp nghĩa là ông già.

ù. Nhưng đó chỉ là phương pháp của các bịp non, dễ *lộ tẩy*, nếu người ta nghi hoặc, khám bài thấy rõ sự đánh tầm bậy, gian lận thì nguy. Lối ấy không xứng đáng tôi không thèm dùng.

Thứ nhì: hụt nọc. Lối chơi này cần mỹ thuật lắm, người đánh phải có cả tài lẫn gan. Bắt cái xong, mình phải cầm lấy bài *nọc* vờ *chang* đi mấy lớp. Thế là vài ba quân đã theo cái chang chui lọt, nằm gọn trong tay áo mình rồi. Đến lúc lên bài, phải xoay đi cho *phu* nào *phu* ấy, *lưng* nào vào *lưng* ấy. Thừa quân thì dễ ù lắm. Nếu ù... hạ bài xong, cứ để mặc làng khám cho kỹ. Xong đâu đấy, gạt cả ra một góc chiếu cho người chia bài... là mấy quân bài "trốn thẻ" trong tay áo đã thừa cơ lọt ra, theo cái lúc "hỗn quân hỗn quan", hợp với bọn lính thắng trận về cổng khải hoàn! Muốn đề phòng sự làng nghi ngờ, thấy mình ù nhiều mà điểm lại bài nọc, bài rìa, thì có hai cách *cản*. Một là thấy mình hạ ù xong ông "bạn đồng chí" cầm ngay lấy phần nọc vờ tìm quân ông ta đang chờ, phàn nàn rầm lên, "gọi chó" rầm lên, ồ ạt xóa đi cho người kia không kịp điểm nữa. Hai là *rút ở nọc* lên mà ù. Quân bài chờ ấy lẽ tất nhiên là quân mình thụt được *ở nọc* từ trước đã dấu sẵn trong tay. Lúc xoa tay xuống nọc vờ rút nó lên thì trong lòng bàn tay phải có sẵn cả những quân mình đã hụt, trả vào nọc, chỉ "xách cổ" lên một quân chờ ù. Đến thế thì ván nào mình ù, làng có điểm bài thì không ngại gì nữa.

Lắm khi chơi với bọn thạo, không hụt nổi ở nọc thì mình phải dùng đến chước thứ ba, nghĩa là hụt vào cửa ông "bạn đồng chí" với mình. Bắt *cái* xong, cầm phần bài mình trong tay *rồi*, mình lại phải vớ lấy "phần bài tòng phạm" liệng trả ông bạn. Trong cái liệng rất ý tứ mà ít ai để ý ấy, ngón tay cái với ngón tay trỏ của mình đã "họp đảng" với nhau: giữ lại vài quân, trập phắt vào phần mình. Thế là ông bạn cầm phần bài thiếu phải đánh bậy bạ cho qua cuộc, cốt sao "che mắt thế gian".

Ấy chỉ có thế thôi bịp tài bàn cũng vậy hay tổ tôm cũng vậy. Cốt nhất phải có bộ mặt tài tử đóng kịch, nghiễm nhiên, bệ vệ, cũng cốt nhất là ngồi vào một chỗ không ai *ám* nổi, tránh cho xa những bác *chầu rìa*.

Trong cuộc giảng bài này, ông "Tham" cho chúng tôi rõ cả phần thực hành lẫn phần lý thuyết. Nhanh như chớp, ông giở ngón có bảo trước cho biết mà chúng tôi chịu, không sao vỡ được cái "thiên biến vạn hóa" của nhà quỉ thuật đại tài.

Bữa tiệc nào cũng phải có đồ nước nên nhà bạc bịp thuật thêm một câu chuyện ngắn nữa để làm món détxe [1].

– Một lần, ngồi vào cuộc với hai ông khách lạ mà tôi tưởng là *quých*, tôi vờ chang bài nọc, hụt xong, để xuống đĩa thì bỗng phải giật mình lo sợ vì chỉ cuỗm có bốn quân mà sao phần nọc có lẽ thiếu nhiều? Đang phải ngẫm nghĩ thì một ông khách lạ nắm chặt lấy tay tôi. Cuống quá, đã tái cả mặt nhưng nhanh trí khôn, tôi cũng vội liều nắm chặt cổ tay ông ta làm cái "trả miếng". Rồi chúng tôi cùng buông nhau ra để cười sằng sặc, gập đôi người lại mà cười. Tôi hụt bốn quân bài thì ông khách ấy cũng hụt ba quân cộng với một quân. Ông ta đã chia thừa cho phần bài của ông mà tôi thì hụt nọc! Chúng tôi gọi buổi ấy là ngày "anh hùng tương ngộ", cùng là "bịp lũa" cả mà bên nọ còn tưởng bên kia là *mòng*.

Trước mặt anh chàng đắt khách lấy hồ hòng chuyện nọ kia, mặt tiu nghỉu như chó bị thiến, chúng tôi vỗ vai nhau, bắt tay nhau một cách ân cần, gọi nhau là "tri kỷ".

II

ÔNG QUÂN SƯ CỦA BẠC BỊP

– Ông nên biết rằng: quá nửa đời người, tôi đã sống bằng nghề cờ bạc. Muốn sống về nghề cờ bạc, phải có cách trừ khử những cái đáng nơm nớp lo ngại là cái *đỏ* cái *đen*... Hiện nay anh em tôn tôi là trùm đảng bạc bịp. Trước khi lên được địa vị này, tôi cũng đã lắm phen phải đóng những vai trò *mòng* với *quýnh* cho một lũ bạc bịp tiền bối họ móc xé ruột gan đấy, ông ạ. Những lúc thất cơ lỡ vận trước là *vốn* buôn cho tôi được hưởng cái *lãi* là cái địa vị... bây giờ.

Người đang kể tiểu sử của mình ra cho tôi với anh Vân nghe chính là ông Ấm B... ở ngõ Hàng Cá. Trong gian phòng gác mà cách bầy biện đủ tỏ rằng chủ nhân cũng là hạng người thiệp đời, lịch sự, chúng tôi đã được ông trùm tiếp một cách nhã nhặn, mà lại được cả bịp góp nhặt tài liệu cho cuộc phỏng vấn ngẫu nhiên đây.

---

1. Détxe (tiếng Pháp dessert): món ăn tráng miệng.

Những người chỉ nghe danh mà không biết mặt ắt phải tưởng tượng rằng đến hạng người đáo để này thì từ nét mặt, giọng nói, dáng đi cho đến tà áo, gấu quần, tất nhiên cái gì cũng phải có vẻ bịp cả! Trái lại, ông ta người trông đẫy đà, bệ vệ như một ông hậu bổ [1] hoặc một viên tri châu [2] nào. Hai con mắt rất sắc sảo, có đủ vẻ đối địch với đời, tiểu nhân cũng được mà quân tử cũng được. Miệng nói có duyên một cách lạ, thường hay mỉm cười để "giá trị" cho câu chuyện: nhất là những lúc gọi đến thằng nhỏ thì tiếng đồng sang sảng, thật là có giọng quan!

Chúng tôi họp mặt nhau mới độ một giờ mà trong câu chuyện đã thấy ngay cái không khí nồng nàn tri kỷ. Được dễ thân như thế là vì có anh Vân, người cũng đi với tôi đến thăm ông Ấm, trước nay đã làm "chim mồi" cho ông để săn các bạn già cụ Phán bên tỉnh Bắc cùng những tín đồ của "đổ bác giáo" bao nhiêu lần rồi.

Vì vậy, ông Ấm mới chẳng ngại kể lể tâm sự và nói rõ cả những bí mật nhà nghề đáng giấu kín cho chúng tôi nghe. Nhưng trước khi cho biết những gì *"vành ngoài, vành trong"*, ông hãy làm trạng sư cho ông, cho địa vị xã hội của ông, và cho cái nghề không có môn bài của ông đã.

– Tại sao tôi, giòng dõi gia thế, lại làm đến cái nghề... bất nhã này? Thưa ông, nếu tôi có thật không ra gì cái đó cũng chẳng phải lỗi tự tôi, tôi đã bị hại về hoàn cảnh xấu xa của xã hội. Nhưng tôi chỉ tự trách mình và vẫn nén sự trách xã hội. Sống ở các xã hội cờ bạc, tôi chỉ biết rằng tôi đã là kẻ rong chơi bài bạc tự lúc thiếu thời. Tôi đã thua vì đỏ đen, tôi lại còn thua vì bị bịp nữa! Tôi đã phải xa gia đình vì đã phá tan cơ nghiệp, tôi đã khốn khổ ê trệ – ê trệ nhiều phen lắm, hai ông ạ – cho nên chính ngày nay là ngày tôi đang trả thù cái bọn đã làm tôi hư hỏng, đã ngăn rào mọi đường công danh tiến thủ của tôi. Đó có là công lý không? Tôi tưởng: làm việc thiện để đền ơn việc thiện, lấy việc ác để *trả nghĩa* việc ác, thế mới là biết sống ở đời... Nói cho cùng, tôi cũng vui vì đã làm, đang làm, sau này nữa cũng vẫn cứ làm, cái nghề bất lương này, cái nghề tôi cho là phải. Tôi chỉ buồn có một nỗi: không theo đuổi nổi sự nghiệp của ông cụ nhà tôi...

---

1. Hậu bổ: chức quan sắp được bổ làm tri huyện.
2. Tri châu là quan cai trị một châu ở miền núi, tương đương một huyện ở miền xuôi.

Đến đây, ông Ấm ngừng lại, có vẻ buồn rầu. Ông có ý chờ một câu phê phán. Tôi vội phải lộ sự hiểu ý một cách kín đáo là đưa mắt lên nhìn cái ảnh lớn trong một khung vàng chói lọi có một ông cụ đi hia, mặc áo rồng, đội mũ cánh chuồn từ một chỗ trịnh trọng giữa bàn thờ nhìn một cách nghiêm khắc xuống lũ chúng tôi. Cử chỉ ấy có lẽ khiến ông Ấm được một vài phút tự kiêu, nên lại vui lòng:

– Vậy các ông coi bọn cờ bạc là hạng thế nào? Tâm lý họ ra sao? Họ khôn hay họ dại đấy?... Hai chữ khôn với dại trong sự bài bạc không có nghĩa nhất định. Nếu ông thua để vợ con phải nheo nhóc, thiên hạ sẽ đua nhau chê ông là dại thật đấy, nhưng nếu ông được tiền nghìn bạc vạn để tậu nhà tậu ruộng, thiên hạ họ lại xô nhau lại vỗ tay, ca tụng ông là khôn! Những anh cờ bạc toàn là những anh – xin lỗi các ông – những anh ... "khôn sặc máu mồm" ra cả đấy, chứ các ông bảo họ dại cái nỗi gì? Tôi đây, tôi đã là một thằng *dại* mãi rồi mà tôi lại cứ muốn cầu cái *khôn* trong cái *dại*, nên mới phải tìm một cách "bảo hiểm" cho sự khôn!

Ông Ấm cả cười, chúng tôi cũng cười. Sau ông tiếp nốt (từ đây trở đi, tài hùng biện của ông mỗi lúc một tăng):

– Thế các ông coi cái nghề của tôi bằng con mắt thản nhiên hay bằng con mắt khinh bỉ? Các ông nên biết: tuy là bịp, tôi vẫn không làm một việc nhỏ mọn gì là bất nghĩa cả. Trong đám bạc, người đời dã chỉ những muốn ăn thịt lẫn nhau cả, thì dù có bất nghĩa, tôi cũng chỉ bất nghĩa với một bọn bất nghĩa, chớ những người hiền lành không tham lam, không muốn ăn thịt ai cả, có khi nào đến nỗi bị chúng tôi hại đâu?

Xem ý anh Vân lại được hài lòng vui sướng hơn cả ông Ấm B... vì "bài cãi" ấy. Rồi anh nối lời thuyết mãi, thuyết mãi... về cái nghĩa chính danh của sự bất nghĩa ở thời buổi vật chất, kim tiền này.

Buổi chuyện kéo dài đến lượt hò đun nước thứ ba. Chúng tôi phải đứng lên, xin cáo từ. Lời nói cuối cùng của ông Ấm B... là một câu phàn nàn về nạn kinh tế, về nỗi *mòng*, *két* mỗi ngày một hiếm, không được *mùa săn*. Ông ta dặn chúng tôi nên rất để ý vào sự tìm *đất* để *làm tiền*.

Lời dặn ấy làm cho tôi phải nghĩ ngợi mãi:

Vì sao? Vì nếu đối với ông ta, tôi không có *mòng*, sẽ bị coi là đồ vô tích sự, vậ sẽ mất dịp đi lại với ông về sau. Thành thử ở vào

trường hợp ấy, tôi rất thèm thuồng ham muốn địa vị của anh Vân. Anh Vân tuy chưa có gan dắt bịp đến *bắt* các anh em bạn thân, song anh ta cũng còn may vì có được một ông thân sinh ham mê tiền bạc. Và mấy ông tóc bạc, bạn của ông cụ ấy nữa. Chỗ để đào tiền đã có sẵn, anh ta lại sẵn cả chỗ ném tiền đi: những *mẻng*! Còn tôi, tuy có nhiều bạn thân ham mê bài bạc thật, nhưng không nỡ dắt bịp đến bắt, lại không có nổi lấy một ông bố máu mê ấy nên không biết liệu phải đối phó với ông Ấm B... bằng cách nào.

Tưởng chỉ còn cái kế cuối cùng là sự hẹn lần vậy. Có khi mình hẹn lần vì bất đắc dĩ mà người ta lại nhầm mình là hạng người cẩn thận, kín đáo, chắc chắn cũng không biết chừng. Vả lại, trước khi dúng tay vào một việc có thể phạm tới danh dự của mình một chút ít, dễ thường cứ bắt người ta nhắm mắt mà làm liều, không cho có ngày được rõ diện mạo, tính tình nhân cách và mọi cử chỉ của từng viên chức một trong "bộ tham mưu" ư?

Cái ngày mà tôi được rõ mọi việc cũng không xa. May quá, nó đến trước khi tôi phải hẹn lần.

*

* *

Cái lịch trên tường phô ra hai con số: 30. Gian phòng gác ở phố Hàng Cá, vào những ngày cuối tháng như ngày này, có vẻ nhộn nhịp của một tòa tham mưu giữa lúc hai bên quân đương giao chiến với nhau thật kịch liệt.

Vừa phần vì lẽ "năng tới coi thường", vừa phần hai bên đã coi nhau là thân mật, ông Ấm để mặc chúng tôi mỗi anh ngồi chầu một chén nước nóng còn mình thì, một tay đỡ lấy trán, tay kia bấm đốt, tính lẩm nhẩm như một thầy bói lấy số tử vi: ".. Hai đám xì, một đám bất, một đám xóc đĩa và một đám tổ tôm. Đám xì ở Hàng Kèn đã có Ba Mỹ Ký với Bập đánh *giác*... đám xì đường Cột Cờ đã có tay Bỉnh, tay Sinh đánh đòn *Vân Nam*. Còn đám bất phố Hàng Bông đã có lão Cường hoặc đánh *lớp*, hoặc đánh *mẫu tử*. Xong dứt ba đám... Còn đám tổ tôm không biết nên tính thế nào! Chỗ chơi là chỗ đài các phong lưu mà phái Cửu Sẩn đi thì sợ lộ!... Ác quá, có *cụ* Ngọc là người trông có mẽ một chút thì lại mắc xuống Nam. Cẩu thật!... Còn mấy anh lái nâu động mả, giữa lúc trời đất này cũng về khua xóc đĩa

nữa, đã nằm chờ sẵn như lợn cả kia thì biết cắt ai đi chọc tiết bây giờ?... Chỉ có mình mình là tay khả dĩ đối thủ được với chúng thôi, thì mình lại phải cái tội đã *lõa lồ* quá...

Mấy tiếng gót giầy khẽ nện vào bậc thang gác báo trước cho một người còn trẻ tuổi, ăn mặc ra một tay trong phái bồi, bếp, rón rén bước lên. Thấy chúng tôi lạ mặt, người ấy có vẻ ngần ngại, chỉ đưa mắt hỏi ông Ấm chứ không nói gì. Ông này làm ngay một câu:

– Thế nào?... Được, cứ tự nhiên, chỗ anh em cả.

Người trẻ tuổi kia lộ ngay cái vẻ sung sướng ra như đang có một gánh nặng trên vai mà đến lúc vừa hạ được nó xuống đất. Nhưng đôi lông mày vẫn cau:

– Hỏng mất cụ ạ!...

– Thế nào mà đến nỗi hỏng? Thu xếp thế mà lại hỏng thì hỏng thế nào?

– Tôi đã dò lão ta rất kỹ lưỡng. Thằng cha ấy nó biết rõ lối đánh *giác* từ bao giờ ấy mất rồi. Tôi gợi chuyện thì nó đã nói toạc móng heo ra cả những là nó biết hết tất cả các lối *giác mùi* hay *giác bóng* cũng vậy, và chỉ có những đồ mù thì mới không biết cách khám thấy dấu chứ cứ để nghiêng quân bài dưới ánh sáng đèn một tí thì anh nào đến thong manh dở cũng biết ngay! Lại còn nỗi khó khăn này: muốn bắt lão ta, phải đến tận nhà thằng cháu lão ta, chứ lão nhất định không đi chơi chỗ nào lạ. Tôi phải tìm cách "bỏ nhỏ" với thằng cháu lão và việc ấy cũng ổn rồi. Vậy thì cụ thu xếp cho một người *cản* nữa để tôi đánh *Vân Nam* vậy.

Ông Ấm ngần ngại:

– Khốn nỗi anh mà đánh đòn *Vân Nam* thì tôi không lấy gì làm chắc lắm. Có được anh Ba Mỹ Ký thì lại trót hẹn mất với đám ở Hàng Kèn rồi. Hay là tối hôm nay, ta hãy đánh *siệng, láng* soàng độ năm hào một cho qua buổi để mơn lão ấy đến trưa mai hoặc tối mai, tôi cho gọi Ba Mỹ Ký đi với anh đến thì thật là cứ "cứ nhét đất thó vào lỗ mũi nó mà lấy tiền"!...

– Không được! Lão ấy nó đang cao hứng, nếu để đến tận trưa mai hoặc tối mai thì từ buổi sáng sớm nó đã có thể dậy để đi cân sâm cho con nó rồi, mình còn hòng *bắt nó* lấy cái gì nữa?

– Thế đích xác là nó độ bao nhiêu?

– Độ chừng sáu *công* [1] tất cả. Cụ phải tính ngay cho chứ mà...

– Thôi được, cứ về đi rồi độ 6 giờ chiều lại đây lấy nốt người *cản*. Để tôi có thời giờ, nghĩ thật kỹ xem sao.

Người trẻ tuổi ấy trước khi quay gót bước xuống thang còn liếc mắt nhìn trộm chúng tôi lần cuối cùng, dáng dấp vẫn lộ vẻ ngượng. Đến bây giờ, ông Ấm mới giới thiệu:

– Đấy một đàn em của tôi đấy. Trước làm thầy ký cho hiệu buôn lớn, chữ nghĩa kể cũng khá, sau vì kinh tế nên bị loại, nay phải tạm sinh nhai về nghề này. Vì phải giao thiệp với bọn *trếch* để săn mòng, két trong đám bồi, bếp nên tôi bắt anh ta ăn mặc đúng lối *trếch*. Nếu hắn diện âu phục vào thì các ông phải biết!... Nói tiếng Tây nhanh lầu lầu. Chỉ trông mặt mà bắt hình dong thì nhầm to.

Anh Vân khen:

– Phải... Gớm mưu trí của ngài kể cũng đáng sợ thật. Mà thế thì ra đàn em của ông toàn là những tay đáo để, ra phết cả, "chơi được" cả...

– Thì đã hẳn!... Vào nghề này mà hiền lành thì làm ăn ra sao? Hai ông nên biết rằng không kể một số khá đông người, nửa là đồng nghiệp, nửa là đàn em của tôi, tôi còn dưới quyền sai phái độ mươi tay nữa, vào hạng nào cũng có, mỗi người ít ra cũng sở trường về một vài ngón bịp và anh nào cũng có đặc sắc riêng. Nhất là về những cách thay hình đổi dạng của chúng tôi... tôi cam đoan rằng chúng tôi không thua những nhân viên của sở Liêm phóng [2]. Thí dụ: ông là *quýnh* chẳng hạn. Ông là một nhà buôn, ông sẽ gặp một người trông thật là chủ hiệu *ngồi hầu* bài. Ông là một công tử nhà giàu, tôi sẽ để ông ngồi với một chàng trông thật ra lối con nhà phá của... và chưa chắc đã không có một vài cô gái mới *ngồi cản* đâu! Còn nếu ông là một viên chánh tổng, lý trưởng nào, tôi sẽ dắt cho một thầy ngăm ngăm da trâu, trông rõ "Đình Dù đặc". Hoặc nếu ông là một chú *trếch* sộp, tất nhiên phải có một bác tài răng vàng, đội cái cát két hay một ông còn nguyên búi tóc lại mặc áo cánh cổ cứng *ngồi hầu* ông chứ... biết làm thế nào?

Ba chúng tôi vừa bật cười ầm lên bỗng phải hãm ngay luồng điện khoái lạc ấy lập tức. Lại một hồi gót giầy nện rõ mạnh vào thang.

---

1. Tờ bạc năm đồng in hình một con công.
2. Sở mật thám.

Chỉ nghe tiếng động mạnh gớm mạnh ghê như thế, ai cũng đoán người sắp lên ấy sẽ là một người Pháp. Nhưng không phải, chỉ là một người Nhật, vì người đang tiến đến chúng tôi để giơ hai tay ra bắt rất ân cần ấy, đã có cả cái thân thể một ông khổng lồ lẫn bộ quần áo Tây phương lại đeo thêm bộ mặt một dân Nhật Bản! Giá ông ta thay cái mũ *cát két* da hổ ấy đi để chụp vào đầu một cái mũ lưỡi trai có vài vòng lon kim tuyến chẳng hạn thì, sẵn cái áo tơi bằng da màu cánh gián đã ngắn cộc lại thêm đai nịt rõ chặt chẽ ấy, đi nghênh ngang ngoài đường, ông ta có thể bắt nhiều người nhầm mình là một phi hành gia. Nước da còn hồng hào với một ít râu để lối Hoa Kỳ của ông tỏ ra rằng ông chưa quá 40 tuổi.

Sau khi chủ, khách đã phân vị đâu đấy cả, ông Ấm B... quay lại nói ngay:

– Xin giới thiệu để hai ông được biết: ông này quý danh là ông Cả Ủn, người giữ két lớn nhất cho *làng b*... chúng ta.

Ông Ủn cả cười và thêm:

– Nhưng phải cái két thủng đáy, hai ông ạ.

Lời giới thiệu sỗ sàng của ông Ấm B... đã đánh tan mọi sự giữ gìn của những người mới gặp nhau lần thứ nhất.

Cho nên mới có những câu hỏi, đáp tự do dưới đây:

– Ngọc đi bao giờ mới về?

– Chưa biết đích xác được.

– Có phải chính bác sai hắn đến lấy *thiếc* đằng tôi không?

– Phải... nhưng tôi chỉ mới bảo hắn đến lần này là đầu.

– Thế mà hắn đến lần này đã là lần thứ hai!

– Lần thứ hai?

– Phảaaii!... Hay lần trước là hắn bịa chuyện ra chứ không do bác bảo?

– Thế lấy bao nhiêu?

– Bốn chục.

– Trả chưa?

– Rồi.

– Thế là hắn lấy để đi "ăn mảnh" đấy chứ không phải do tôi bảo đâu. Thế hôm vừa rồi đưa hắn bao nhiêu bác thử nói xem có đúng số tiền mà tôi bảo hắn đến chạy đằng bác không nào...

– Hình như nhà tôi đưa hắn 50 *của* thì phải. Lần sau trở đi, chính bác nên thân hành lại mà lấy hoặc không tiện đến, bác cho mấy chữ lại vậy... chứ tôi không tin các "ông tướng" ấy đâu. Thế có phải đúng bác bảo hắn đến lấy 50 *của* để đi Nam không?

– Phải rồi... Được, lần sau có cái chữ tôi gửi lại bác hãy đưa tiền. Và dặn cả bác gái như thế hộ tôi một thể.

III

ĐỐ ANH NÀO BỊT ĐƯỢC MẮT TÔI

Trên tường bên kia, cái bàn thờ Thổ công có một chiếc cốc pha lê đã rạn thay làm bát nhang với hai cái đài mà nước sơn đã lở làm bằng mảnh ván choèn choèn kê lên hai cái *xích đông* gỗ tạp. Dưới bàn thờ là một bức tranh về xứ Pháp phô hình một viên tướng cưỡi ngựa bạch trên một chỏm núi cầm viễn kính chiếu xuống đồng bằng, một cảnh đồng bằng có hàng bao nhiêu binh mã, như một đàn kiến lửa chen chúc nhau trong những lúc tranh nhau đi tha mồi. Bức tranh lồng trong một cái khung sơn kim nhũ trông đã hơi cổ và đã có chỗ bị sứt, để lộ cả thứ gỗ. Giáp ngay với bàn thờ, có một bó chừng sáu sóc tôm khô treo ngay bên cạnh một bộ quần áo *bi da ma* kiểu cuối cùng của hãng Lafayette. Lại cách bức tranh và bàn thờ, có thể lấy tay với ngay được, lù lù một tấm ghế ngựa mà dưới gầm có một đôi giầy da láng mũi liền, kiểu Richelieu [1], rộng như hai chiếc thuyền thúng bỏ quăng bên cạnh một chiếc chổi sể cùn!

Gian phòng tuy chật hẹp màních đầy đồ đạc, cái sang hèn lẫn lộn một cách chướng mắt vô cùng này là gian phòng của một người trong làng *trếch*.

– Xin mời ông xơi tạm chén nước.

– Vâng, xin phép ông.

Người trân trọng lấy hai tay bưng chén nước mời tôi uống, bác bồi An, chủ nhân gian phòng có cái bài trí kỳ lạ kể trên, thân thể tuy trông đẫy đà nhưng không đến nỗi thô cho lắm vì được ẩn trong

1. Giầy gót thấp, có dây buộc

bộ quần áo là bảnh bao. Đôi lông mày rất rậm nằm trên cặp mắt như hai chiếc đòn khiêng. Hai hàm răng trắng nõn như ngà. Bác đã cung kính trao cho tôi cái chén Nhật Bản to bằng cái bát cơm, đầy nước chè Tầu mà tôi chỉ cầm lên, đặt xuống. Cái chén ấy hầu như chưa được ông chủ tấm cho lần nào, dễ đến mấy tháng nay...

– Kìa, mời ông xơi kẻo nước nguội.

Câu mời thứ hai này chẳng đủ phá nổi cái im lặng rất khó chịu, vì ngoài sự chào hỏi ra, chúng tôi chẳng còn biết nói với nhau chuyện gì. Rõ ngộ!

Tôi sở dĩ gặp cảnh này là vì đã nể lời ông Ấm B... khi ông còn nhờ tôi đi hộ vệ *đòn Vân Nam* cho đàn em của ông, tại phố Hàng Giò.

Độc giả chắc còn nhớ đến người trẻ tuổi ăn mặc ra phái bồi bếp đến tòa nhà ở phố Hàng Cá xin "quân sư" phái cho một người *cản*, mới trưa hôm nay. Người ấy định *bắt mòng* trong một canh xì bằng lối *đánh giác* nhưng vì *mòng* của anh ta chưa đến nỗi *quých* lắm, đã biết cả lối *giác mùi* lẫn *giác bóng* nên anh ta mới phải cầu cứu đến cái *đòn Vân Nam* là kế cuối cùng.

Dưới quyền ông Ấm B... không còn một tay sai nào nghỉ việc vào ngày 30 tháng ấy. Anh Ba Mỹ Ký đã được phái đi đánh ở phố Hàng Kèn, ông quân sư mới phải cho phép kẻ đàn em hãy còn "non tay" của ông giở đến ngón *đòn* hiểm độc hơn cả. Thiếu người ngồi cản nhưng may lại vớ được chúng tôi sẵn đấy, sau khi ông Cả Ủn đi rồi, ông Ấm bèn tiện việc, ngỏ ý tức khắc muốn nhờ một người, hoặc tôi hoặc anh Vân. Anh Vân vì có buổi hẹn với *mẻng* của anh đúng 6 giờ chiều hôm ấy, đã từ chối, tôi mới phải nhận lời. Vì một sự tình cờ, bắt đầu từ hôm nay, tôi đã thành một tay thợ tập sự trong một xưởng máy của nền "kỹ nghệ bạc bịp"!

Xin thuật lại những câu hỏi, đáp, dặn bảo nó đã ngẫu nhiên khiến ông Ấm B... vô tình giảng ngay cho tôi bài học thứ nhất, quên hẳn nền nếp của pho "Bịp Kinh", chưa kịp: *Dạy rằng con lạy mẹ đây* mà đã vội *Này con thuộc lấy làm lòng*...

– Thế có thật là ông biết đánh xì không?

– Nếu không thì đời nào dám nhận lời giúp cụ?

– Thế thì may lắm, ông đi hộ vệ hắn giúp tôi là tôi được vững tâm rồi. Trông ông có vẻ thực thà và sang trọng thế này, không còn ai dám ngờ vực gì nữa. Ông sẽ đi với nhà cậu đến xin người cản lúc

nãy, tên hắn là Vũ, để hắn đánh *đòn Vân Nam*. Nguyên chả con *mòng* kia đã biết các lối *giác* mất rồi thì ta phải đánh đến cái "miếng ngoại quốc" cho nó mất đỡ... Đánh *giác* nghĩa là đánh tráo bài có dấu. Còn đánh *đòn Vân Nam* là đánh tráo bài. Nói thế ông đừng tưởng là lại tráo một cỗ bài có dấu sẵn khác vào bàn đâu. Vũ hắn sẽ có một vài cỗ bài đã xếp sẵn cho *thành nước* để trong túi, không có một tí ti dấu vết gì cả. Ngồi vào cuộc, ông nên nghe hắn đưa mắt bảo nên ngồi đâu để cản trở cho dễ, cái đó còn tùy... Mới đầu vào hãy cứ *đánh siệng*, nghĩa là đánh thật thà đã. Ông rất nên chú ý vào lúc hắn khịt mũi hoặc uống ngụm nước súc miệng là lúc sắp đánh tráo bài. Hắn tuy vẫn ngồi xếp bằng tròn, nhưng bàn chân gấp vào dưới đầu gối vẫn có mấy ngón cặp lấy cỗ bài đã chuồn ở trong túi từ lúc nào không biết, phục sẵn... chờ khi khịt mũi xong, tay cầm cỗ bài ở đĩa lên chang đi chang lại thật kỹ rồi, hắn uốn mình chống cái tay có cỗ bài ra đằng sau đùi để khạc, nhổ một cái rồi ngồi quay ngay lại để chia cho làng là ông phải tìm cách vơ ngay cỗ bài dưới đầu gối hắn cho nhanh để giấu vào địa phận của ông vì... hắn đã đánh tráo bài rồi đấy!... Nhưng khi hắn chưa kịp tráo nghĩa là giữa lúc hắn quay lại đằng sau định khạc nhổ thì muốn cho cả làng không ai để ý, không ai trông thấy, ông phải bổ nhoài ra trước mặt hắn để với lấy bao diêm, hoặc cái điếu ở bên kia đĩa, phía trước mặt ông. Thế là hắn đã đánh xong cái *đòn Vân Nam* mà ông trọn bổn phận tên lính *cản*. Đây này, tôi ra hiệu cho ông thấy rõ... thế ông đã hiểu chưa?

– Vâng hiểu lắm rồi.

– Phải, có gì mà chả hiểu!... Đây, ông cầm lấy *thiếc*, ấy chết, khỉ quá!... tôi cứ nhầm ông là "bịp lửa" rồi.

– Thế "thiếc" là cái gì.

Ông Ấm móc ví đưa ra cho tôi ba cái giấy bạc năm đồng, cười mà rằng:

– Thiếc là cái này!

– Sao gọi là thiếc?

– Vì nó là cái *"mô táchních"* [1] của *làng b*... Thế tôi thử hỏi ông: người thợ có sẵn lò, sẵn mỏ hàn, sẵn a xít đấy nhưng không có nổi mẩu thiếc thì còn hàn nổi đồ đạc gì cho ai?

1. Mottechnique: từ chuyên môn, thuật ngữ.

"Thiếc", chữ ấy ngoài những nghĩa đã có của nó, còn là tiền lưng vốn của bọn cờ bạc bịp – tôi xin các nhà học giả nước ta để ý đến chữ ấy để chua thêm nghĩa cho nó, trong bộ Việt Nam tự điển sẽ xuất bản đủ bộ sau này.

– Xin mời ngài xơi thuốc.

Tôi đã ngồi cùng xe với bác ký Vũ – hay là bác bồi Vũ – đến tòa nhà tây ở phố Hàng Giò, rón rén bước qua cái sân rộng rồi lên vào ngồi trong căn phòng của người bồi ông chủ tòa nhà ấy.

Bác ký Vũ đã giới thiệu tôi là quan tham với bác bồi An, chủ cái phòng này, trước mặt một ông đã đứng tuổi, nửa tỉnh nửa quê, chú họ bác bồi An, rồi tôi lôi ngay con *mòng* ấy đi xe lên tận Hàng Ngang mua một cỗ xì mới.

Lúc tôi để chân vào căn phòng này, cái đồng hồ trên bàn phô ra đôi kim kéo một vạch thẳng từ trên giời xuống đất. Đến lúc bác bồi An mời tôi xơi thuốc, trước sau đã được nửa giờ. Trong nửa giờ, ngoài sự mời thuốc, mời nước, chúng tôi chỉ mong vào tiếng tí tích của cái đồng hồ phá hộ cái không khí im lặng, khó chịu, nặng nề mà không thấy ăn thua.

Vả lại, ích gì mà chuyện? Đã "biết rõ" nhau như chúng tôi rồi, tưởng chẳng cần nói gì hơn. Tôi đến đây, ngoài việc đánh bạc còn có việc gì, bác bồi An đã thừa biết. Mà sao tình của bác đối với ông chú họ bác nó ra sao, nhờ ký Vũ, tôi cũng đã rõ cả rồi. "Tri kỷ" gặp nhau, không cần nói cũng đủ hiểu nhau...

Kim đồng hồ cứ việc chạy với thời gian.

Sau cùng, đó là bác An phải tự phá cái vẻ ngượng kín đáo, im lặng giữa hai chúng tôi:

– Gớm! Từ đây lên phố Hàng Ngang mà các ông ấy đi lâu thế! Thưa ông, thế chốc nữa ngồi vào cuộc, hai ông sẽ làm ăn như thế nào?

– Thế ông Vũ chưa dặn ông ư?

– Mới dặn qua loa thôi! Dặn rằng tôi cứ việc ngồi đánh như thường đừng có tò mò để ý đến bác ta quá mà ông cụ biết thì lộ. Với lại xem ý lúc nào bác Vũ *khai chiến* nặng dùi với ông cụ thì tôi nên bỏ dở, mặc cho hai người họ tố với nhau.

– Thế là đủ rồi.

– Tôi không cần... thi thố gì nữa?

– Cái thi thố, ông cứ để mặc về phần chúng tôi. Nhưng ông cụ ấy đã là tay thạo trong làng chơi chưa thì ông cho tôi biết rõ.

– Cái thạo thì chắc cũng có thạo vì ông cụ ấy đã... bán mất ngót chục mẫu ruộng vì đánh bạc rồi. Ông cụ ấy là một chú họ tôi, trước kia được nhờ vả thầy tôi nhiều lắm, từ khi khá giả lại vô ơn, đã không cưu mang lại còn rỉa cả đến cháu thì... ông ấy đã muốn chết cho ông ấy chết chứ... tôi cần gì?

– Thế ông cụ có *sộp* không?

– Trong lưng giất đến ba, bốn chục bạc từ Phủ Lý ra đây định cân sâm cho con giai đang ốm thập tử nhất sinh đấy... Đi cân thuốc cho con mà thế đấy!... Nằm chờ ăn chực đã ba hôm ở đây để đợi đánh xì! Ông bảo thế mà không thịt thì có dại không? Mình không *xơi* thì cũng đến lượt chán vạn thằng khác chúng nó cũng *xơi*!...

Chỉ nghe cái giọng ấy, tôi đủ lượng nỗi lòng bác An căm tức ông chú họ đến thế nào rồi.

Nếu những lời bác An vừa nói mà đúng sự thật thì lòng căm hờn kia cũng chính đáng lắm. Chúng tôi gặp được bác An ở gian phòng này cũng như là những đạo binh của Nhật Hoàng sang Mãn Châu mà gặp được phế đế Phổ Nghi [1] . Có "nội công", hẳn là chúng tôi dễ thành việc.

*

*   *

Đây là cỗ bài mới do chúng tôi vừa mới đi mua ở phố Hàng Ngang về. Bài mới nguyên, các ngài không sợ dấu vết gì nữa!

Người nói câu ấy không là con chim mồi Vũ, nhưng lại chính là con *mòng*, ông chú họ bác An.

Ông nói xong liền xé lần giấy bóng bọc cỗ bài, để cỗ bài vào đĩa. Ông cầm đĩa giơ vào giữa mặt mọi người phân bua một lần nữa, rồi, chẳng nén nổi những sự thâu lượm được trong khi lăn lóc ở trường đổ bác, ông lại còn dạy chúng tôi, "làm phúc" cho chúng tôi được rõ những lối đánh xì gian lận *giác bóng* và *giác mùi*!

---

1. Hoàng đế cuối cùng của nhà Mãn Thanh bị lật đổ trong cách mạng Tân Hợi, sau trở thành vua bù nhìn Mãn Châu quốc do Nhật dựng lên.

– Đây này, các ông trông những đường hoa xanh thẫm in trên lưng quân bài màu xanh nhợt. Những tay cờ bạc bịp, muốn đánh dấu bài, họ sẽ dùng một cái bút chì xanh tô cho những đường hoa đậm nét thêm một ít, tùy theo những quân: *tây, đầm, trếch* hoặc *sập, cẩu, bạt, thất, xì*... Mỗi hàng có dấu riêng, hoặc một góc quân bài, hoặc vào giữa, hoặc xê xế vào một bên, hoặc một vết dài dọc, hoặc một vết ngắn ngang, hoặc *đám rêu vuông* hoặc *đám rêu hình mặt giăng lưỡi liềm!* Tô chì xong, họ lại lấy phấn trắng xoa lên trên quân bài cho dấu nhạt đi để khỏi có người nhận thấy. Họ làm như thế nghĩa là *giác mùi*. Còn lối *giác bóng* nữa, lối này mới thật nguy hiểm hơn. Đáng lẽ dùng bút chì, họ lại dùng lòng trắng trứng gà pha với phèn chua kia! Họ lấy bút ta mới, chấm vào thứ nước... hóa học ấy rồi tô vào lưng quân bài. Dưới ánh sáng đèn, lưng quân bài sẽ để ta hơi thấy những chấm sáng bóng. Ác nhất là khi tay bịp rút thì chỉ tay bịp mới thấy bóng, chứ xoay đĩa đi thì làng đố người nào nhận được ra. Muốn khám phá cho ra, phải để nghiêng quân bài, chứ để thẳng vào mắt mình cũng không biết được. Nhưng đối với tôi... thì đừng ông nào giở ngón này nọ... tôi đã thạo quá đi mất rồi! *Đố anh nào bịt mắt được tôi!*

Ông nửa quê nửa tỉnh ấy nói đến đây, vênh vênh cái mặt, ra vẻ khinh đời. ký Vũ, bồi An với tôi, cả ba đã phải đóng những vai kịch dớ dẩn.

Rồi chúng tôi ngồi vào cuộc, nào *láng*, nào *tố*, nào *cắn tố* đánh với cái vẻ "ngậm miệng ăn tiền" của bồi An, đánh với cái "thực thà ngạt mũi" của ký Vũ, đánh với cái "thực thà sang trọng" của tôi, đánh với cái "thạo ra phết" của con *mòng*. Trong một giờ đồng hồ thua, thua, được, được, bất phân thắng bại, tôi mong mãi đến lúc ký Vũ uống nước, chống tay quay ra sau lưng súc miệng, nhổ xuống thềm, tôi thong thả bò nhoài ra:

– Bác An, đưa giùm tôi cái... điếu.

Rồi tôi vơ lấy cỗ bài đã thấy ở sau đùi ký Vũ, tay cầm sẵn gói thuốc, làm như bỏ nó vào túi, khoan thai quệt diêm kéo điếu thuốc lào. Cỗ bài đã trang thật kỹ trước khi mình nhổ nước rồi, quay lại, ký Vũ chỉ việc chia tự nhiên. Lớp đầu, tôi được quân *trếch,* bồi An, quân *đầm*, ký Vũ, quân *tây* với ông "thạo", quân *xì*! Đến quân sau lớp *tẩy*, tôi với bác An bỏ dở, mặc cho hai bên *cắn tố* với nhau.

Trống ngực tôi thấy rung lên thình thình.

Mòng có bao nhiêu tiền đã quăng ra *tố* hết!

Lát đến quân *tẩy,* ông kia được *ba xì,* nhưng ký Vũ được những *bốn tẩy*! Ký Vũ ung dung vơ đống giấy bạc tới ngót bốn mươi đồng.

Lần nầy thì đến lượt bác bồi An ngẫu nhiên bò nhoài ra:

– "Ông Tham", ném dùm tôi cái điếu.

*

* *

Buổi sáng hôm sau, qua phố Hàng Lọng, tôi gặp bác An tiễn chân ông chú của bác... ra tàu. Ông chú bác An rũ rợi người ra như con chim bị đạn.

Tôi đi bên này đường nên không ai nhìn thấy; chờ đến khi bác ta đã từ ga trở xuống, tôi mới lại gần...

– Kìa, ông Tham!

– Vâng, tôi đang tìm ông đưa ông chỗ này cho phải đạo.

Tôi đưa ra chục bạc. Bác An mừng cuống quýt, vồ lấy tập giấy bạc mà rằng:

– Rõ khổ! Sáng hôm nay tôi chạy long cả tóc gáy mới vay nổi đồng bạc cho ông lão về tàu. Xin cảm ơn ông.

– Ông lão sau có nói gì không?

– Chả nói gì cả. Ông ấy gặp những canh cay như thế là sự rất thường!

– Thế còn con giai ông ta?

– "Ốm no thì bò dậy" vậy... Thôi, chẳng qua là số nó chết, nó có vô phúc thì mới sinh vào làm con lão ta!...

Một hồi còi tàu rúc lên vang giời, xen lẫn với những tiếng bánh xe nghiến trên đường sắt tưởng như lay chuyển cả phố Hàng Cỏ.

Tôi bắt tay bác An rồi gọi xe quay đi.

Nhân dịp này, tôi tình cờ được chục bạc "bổng".

Nhưng khi nghĩ đến người con giai ốm kia phải có sâm mới mong qua khỏi, khi nghĩ đến ông bố vô lương tâm đang ngồi ở một toa trong chuyến tàu vừa mở máy ấy, tôi không khỏi thấy trong mình khó chịu, hình như cũng bốc hỏa lên vậy, dù chẳng giống với toa xe phun khói lúc rời sân ga...

*
* *

Vào thời ấy, Ba Sống, Hai Tôm là hai nhân vật quan trọng của xã hội. Ngoài việc làm cho "đồng tiền được lưu động trong xứ", họ còn làm cho bọn tổng lý "đánh mất" tiền thuế bị cách, đám viên chức thụt két bị tù... Ấy là chưa kể rằng những việc của những người trên này còn đẻ sinh đôi, sinh ba ra bao nhiêu công việc cho nhiều người khác nữa.

Một ông trùm trong hai ông trên này cũng đã có dưới quyền sai phái đến non trăm tên "tạ" với hai ba bác tài. Bác tài nghĩa là... bác tài. Còn tạ là những anh đầu trâu, mặt ngựa, chuyên môn đi đón khách cho sòng, hạng người hai, ba lá mặt, đang mời chào ân cần đấy mà có thể giở giọng thô bỉ ngay đấy, vừa đóng những vai đầy tớ dễ bảo lại vừa là du côn. Chúng vẫn cúi đầu mở cửa xe hơi cho bọn khách cờ bạc mà chủ chúng đã đi lôi kéo ở các tỉnh xa về Hà thành hoặc vẫn vây quanh lấy những xe tay đón mọi người vào trong "lưới nhện" của chúng.

Có đứa chỉ dắt khách để cho khách gỡ lấy cái chết rồi bằng vào số tiền khách thua mà ăn phần; cũng có đứa ăn lương ngày, ăn lương tháng nữa. Chúng đã giúp hai ông trùm để làm cho xã hội "có việc" nghĩa là giúp trùm ngày ngày phá đổ một tòa nhà này để xây dựng tòa nhà kia.

Trong bọn tạ của Ba Sống, Hai Tôm có một chú Tầu lai trông người rất phúc hậu. Vì lấy vợ An Nam và không bao giờ nói nửa câu tiếng Tầu, đồng bào ta tưởng chú cũng là đồng bào. Có một mụ hàng cơm ở xế cửa nhà chú vẫn gọi tâng chú là ông Phán. "Ông Phán" này cả ngày chỉ ngồi đếm ô mai cho vợ trong một cửa hiệu bán đồ vặt rộng không hơn cái lỗ mũi ở phố Cầu Gỗ chứ không từng sớm vác ô đi, tối vác về bao giờ. Nếu mụ hàng cơm thấy trong đám khách vào nhà mình có kẻ nào có máu mặt một tý là mụ đem ngay mồi đỏ đen ra dử, bảo khách: "Các ông tiêu khiển một lúc cho qua thì giờ" và bảo thằng nhỏ: "Mày sang trước cửa mời "ông Phán" sang chơi". Từ cuộc cò con đến cuộc đi gỡ sòng, đối với hạng khéo mơn, không có gì là khó.

Hai người chỉ có việc thế mà tháng tháng nhận được hàng cọc tiền lớn của Ba Sống và Hai Tôm.

Hai năm sau, chú Tầu lại có một nóc nhà. Năm sau nữa, chú có hai nóc nhà. Bây giờ, con trai chú vẫn cưỡi xe đạp "luých" sơn màu cánh gián đi học "Lítxê". Vợ chú thì đậm đà ra, trông như một bà lớn mà chú cũng thành một ông phú hộ Việt Nam.

Tên chú là Cả Ủn.

Lúc "người giữ cái két lớn nhất của làng b..." còn là một anh *tạ*, có một cậu Ấm sống sót bằng sự đã tìm nổi cách trừ khử những "cái đáng nơm nớp lo ngại là cái đỏ, cái đen trong sự bạc bài". Cậu Ấm vẫn tìm một con đường tự lập mà mãi không xong vì chẳng mấy khi có *thiếc*. Vì thế, cậu phải chạy đến nhà Cả Ủn vay lãi hoặc đem *mòng* đến đó bắt cho tiện. Nhưng cậu tuy mất công xông pha trên trận tiền mà thường thường chỉ được nhận có một phần tư số tiền của bọn *quých* thua. Vì Cả Ủn ngồi vào *cản,* đỡ mất một phần, vợ hắn mở tủ bạc lấy *thiếc* ra làm vốn cũng chia một phần, rồi lại con hắn đứng hầu quanh đám bạc, rót nước, chia bài lại cũng hưởng một phần thứ ba nữa. Công lao của cậu Ấm kia thực là công cốc!...

Cậu Ấm tuy có cái tật tiêu tiền như phá nhưng cũng có đức khác, thấy trong bọn anh em có ai túng bấn là lôi ngay vào bàn làm *tạ* để có một cớ giúp anh em. Trong sự đánh bạc, vì mải để người khác hưởng, cậu chẳng ăn thua gì, dù vẫn nổi danh là tay "thanh". Nổi danh là gì thì đáng mừng chứ nổi danh là cờ bạc bịp thì chỉ có chết, cậu Ấm đến lúc lên cái địa vị có người gọi là ông hoặc là cụ, thành thử phải ngồi bó tay một chỗ, đành giữ cái chức cố vấn, nhường cho bọn đồ đệ ra chiến trường. Sau nửa đời người hết cách xoay, đến nay, vẫn chỉ xơ như nhộng.

Cậu Ấm đó bây giờ là ông Ấm B...

Cả Ủn với Ấm B... hai người "cầm cân nảy mực" cho đảng bạc bịp ở Hà thành, đối với người ngoại cuộc tuy được coi như hai cánh tay cùng một thân thể thật, nhưng một kẻ trở nên giàu, một anh vẫn kiết xác, thì chỉ một lẽ xưa kia hai bên đã cùng nhau chia bùi xẻ ngọt, lăn lóc trong một nghề, chẳng đủ lấp nổi cái hố giữa hai bên.

Chung qui, hai ngọn núi cao vẫn cách bức nhau bằng một vực thẳm.

*

* *

– Con ơi, con cắt thêm cho đẻ mấy miếng cao.

Lời bà cụ vừa truyền ra, anh Vũ cũng vừa xong câu chuyện. Anh đã thuật chuyện người khác, thế đối với tôi đã là đủ, anh chẳng cần phải nói thêm về chuyện anh.

Hôm nay, tôi được biết ba người. Ba người có thể tiêu biểu cho cái tinh thần của làng bịp.

Tôi rất vui lòng khi thấy anh Vũ cầm một đĩa cao đầy dâng mẹ, nhưng cũng không khỏi ngẫm nghĩ đến nỗi không có thuốc của người con giai lão già thua bạc ở nhà bồi An. Muốn dò đến tận đáy lòng một người tri kỷ mai sau của tôi, tôi đánh bạo hỏi Vũ câu này:

– Anh có hối hận vì chúng mình đã cướp tiền thuốc của con giai người, đem về tiêu pha xa xỉ và săn sóc cho người nhà mình không?

Thì ra anh Vũ đã hiểu được tôi rồi. Vì anh không tỏ ý giận chút nào, chỉ thản nhiên vặn lại tôi:

– Thế ngộ chúng mình đã thua nó?...

VII

XƯỞNG CHẾ TẠO KHÍ GIỚI

(...)

Ba Mỹ Ký vốn là một người thợ mạ đồ vàng giả cho một hiệu. Có lẽ không muốn lục đến tên tục, người ta lấy ngay tên cửa hiệu do bác làm công, gán cho bác.

Lúc cửa hiệu được cực kỳ thịnh vượng, bác làm ăn rất phát tài. Sẵn tiền trong tay, bác phải tìm cách giải trí. *Giải* mãi *trí* vào cái khóe kiếm tiền một cách rất dễ, trí bác dần dần chán nản trong mọi việc nặng nhọc của tay, chân. Đâm ra biếng lười, bác ta bị ông chủ mời về vườn để tha hồ mà giải trí.

Sau khi tìm được vài ngón bịp tài bàn, tổ tôm, bác vẫn sống ung dung bằng cách *thịt* những người lao động, sau cùng bác phải xin vào làm môn đồ ông Ấm B...

Xem ý ra, trong đám "học trò", chỉ có bác này là được ông Ấm có lòng thương hơn cả. Bệnh ho sù sụ của bác mà bác tưởng là sẽ thành

kinh niên ấy, bác phải giữ nó trong phổi, trong cuống họng là vì một trận đòn gây nên. Hồi ấy, nạn khủng hoảng chưa đến tác họa tại xứ này.

Ngày đầu tháng, tòa nhà gác ở ngõ Hàng Cá với vẻ rộn rịp của một bộ tham mưu giữa lúc chiến tranh, đã khiến cho quân sư Ấm B... vì nhiều việc quá, phái nhầm ngay "đồ đệ trông lộ tẩy" của mình vào một nơi hang hùm nọc rắn.

Kể đòn của bác Ba Mỹ Ký trông cũng khá *đẹp* nhưng bác *sa hố* là vì bác không có lấy một "nước sơn". Bọn quých kia chỉ quých ở sự đánh bài và không quých ở sự "thượng cẳng tay, hạ cẳng chân" nên đã cho bác một bài học khá ác nghiệt.

Bác vì thế, mắc chứng ho.

Nghĩ thương hại cho một kẻ lâm nạn vì cái vô ý của mình, ông Ấm phải đem bao nhiêu lối "chế tạo khí giới" của ông ra truyền cho bác Ba để bác làm sinh kế. Cũng đôi khi, bác được phái đi đánh chác, nhưng vẫn không kiếm đủ tiền chữa bệnh ho.

Ông Ấm đã phải thu xếp cho bác cái việc nhàn hạ là ngồi một chỗ làm *hàng*. Ông lại bảo anh em làng b... nên đến mua cho bác.

Bài *mẫu tử,* bài *giác mùi, giác bóng*, xúc xắc *thủy ngân*, xúc xắc *lưỡng diện*, *tiền nhựa,* những thứ ấy bác bán gấp đôi, ba những bài thường.

Thành thử búa, giũa, ve của bác xưa kia dùng để chế tạo mọi đồ nữ trang, nay bác chỉ dùng vào việc đục xúc xắc. Thằng em họ bác mà người nhà bác gửi bác cho nó học nghề mạ, bác chỉ cho "chế tạo khí giới" rồi nói dối với cả họ là vẫn cho em học làm thợ ngà!

Ông Ấm thuật chuyện rồi bùi ngùi nói một cách cảm động:

– Rõ thương hại nó quá. Dễ thường nó ho lao!...

Sống về nghề thì chết về nghề, sự này không lạ. Có điều lạ là ông Ấm, một con mọt của xã hội, hạng người nguy hiểm đáng cho đời đổ lỗi tất cả các tính xấu của Trái Đất, té ra lại là một người có đủ thủy chung...

Một sự chẳng ngờ.

VIII

NHỮNG THỦ ĐOẠN NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH B...

"Mặc áo này mà *đánh ống* thì nhậy hơn cả! Này, thế ông thử xem xét kỹ lưỡng cái áo này xem có gì là lạ không. Thử xem ông có tinh ý không nào?"

Tôi đỡ lấy cái áo trắng dài do ông Ấm trao cho để "xem xét kỹ lưỡng". Nó có gì là lạ, một cái áo năm thân đủ tà, đủ gấu, đủ giải, đủ khuy, một cái áo mới may còn cứng nước hồ? Tôi lần từng sợi một, mãi không thấy cái "lạ" mà ông Ấm bảo cố tìm cho ra; sau tưởng ông nói đùa phải trao lại trả.

Ông Ấm mặc áo vào, ngồi xuống ghế, để chống hai tay vào giường, lại hỏi:

– Thế bây giờ thì ông nhận ra chưa?

Ngắm qua, tôi vội đáp:

– Thấy rồi! Nó chỉ hơi lạ là... khí dài hai tay

Ông Ấm gật đầu một cách rất hài lòng y như người đã bắt một cậu bé rất bướng bỉnh dạ được một cái vậy.

Ông tiếp:

– Ông thử nắn hai cổ tay xem.

Tôi theo ý, nắn hai tay xong rồi đáp:

– Hai cổ tay, vải cũng... dầy.

Ông Ấm:

– Thì đã hẳn!... vì những ba lần vải kia. Phải thửa mới được đấy. Cổ tay dầy thì mới hụt bài để giấu vào trong được, chứ nếu áo tôi mặc cũng như áo ông mặc thì hụt bài vào cẩn thận rồi, có khi nó lại cứ cố chui ra! Hai cổ tay này cũng thuộc về việc làm của "xưởng chế tạo khí giới" nhưng nó không phải là việc của Ba Mỹ Ký mà chỉ là việc của một bác thợ may xoàng. Ông cứ nghiệm mà xem, phàm đã là dân b... ai cũng mặc cái áo có hai cánh tay dài như áo lễ sinh, bịp hay không, mình chỉ thoáng liếc mắt nhìn qua hai cánh tay là đủ rõ.

Chơi lối đánh ống thì mặc thứ áo này... Nhưng không phải ai cũng cần áo ấy. Vũ ấy, hắn còn có tài đến nỗi hắn có thể ra, vào nhanh như chớp được mà chỉ vận áo *sơ mi*!

– Thế thì anh nào thạo đến đâu cũng bị mất...

– Phải, có lần, tôi bắt một con *mòng* đã vào tay chơi thạo, trong cuộc đó có Vũ; anh kia cứ "lên râu" mãi, cứ cắt nghĩa mãi rằng mình chỉ nhìn qua tay áo các ông là biết ngay là bịp hay không bịp thế rồi ngồi vào *húc* tài bàn với tôi, với Vũ, mà bị *lột* trần!

– Cứ như ý tôi thì mặc thứ áo riêng này như của ông ta, vào được cũng đã đủ khó. Lại còn mặc *sơ mi* mà cũng ra, vào được thì không biết. Vũ hắn làm ăn ra thế nào...

– Đó là cái tài riêng của anh ta. Mà nói đến cái tài thì thôi, không ai cắt nghĩa được!

Chúng tôi đang nhỏ to câu chuyện kín đến đây, bỗng thấy một hồi gót giầy nện mạnh vào thang, làm chuyển cả sàn, rồi anh Vân tơi tả bước lên với cái bộ mặt một người bị nạn cháy nhà đang định kêu: "Ai cứu tôi với..." vậy.

Anh Vân giơ hai tay ra bắt tay chúng tôi một cách thõng thẹo, ném vật cái mũ xuống giường, ngồi xuống ghế để thở hồng hộc, gãi đầu một cái, cào cổ một cái, rồi rút lỏng cái *cà vạt* ra. Những cử chỉ lạ thường ấy, anh chưa kịp cắt nghĩa mà chúng tôi cũng gan, cứ ngồi lặng im ngắm nghía chứ không ai hỏi anh một câu nào.

Sau cùng, anh vừa thở vừa dọa một câu chẳng ăn thua đâu vào đâu:

– Thôi...! Phen này tôi đến nhẩy xuống sông Cái mất!

Rồi anh lắc đầu, lắc đầu. Tôi nhìn ông Ấm, ông Ấm nhìn tôi, rồi không thể nào nhịn được trước cái dáng điệu khôi hài của anh, chúng tôi bật cười rũ rợi.

Anh Vân ngước mắt nhìn tôi ra ý kêu nài rằng "không nên thế..." đoạn nói tiếp:

– Tôi vừa mới thua ba chục!

Chúng tôi lại cười già hơn trước vì rằng anh thua ba chục rồi sẽ nhảy xuống sông Cái hay không nhảy xuống sông Cái thì đó là việc riêng của anh chứ có can thiệp chi đến chúng tôi mà anh dọa...?

Anh Vân lại buông soẳn một câu nữa:

– Đánh xì...

Đã hết cơn muốn đem sự im lặng ra trêu mãi một con "chim mồi" có giá của mình, ông Ấm nghiêm bộ mặt lại rồi hỏi:

– Thế thua xì ở đâu?

– Ở một nhà ở phố Khâm Thiên.

– Nhà ai thế?

– Nhà một người không biết có phải tên là Sinh không?

– Sinh à? Người ngợm thế nào?

– Răng vàng... mặt trông chơi bời lắm.

Nghe đến đây, ông Ấm ngẩn người ra một phút và lẩm bẩm: "Thôi không khéo thì..."

Anh Vân lấy làm ngạc nhiên, giương tròn hai con mắt...

Ông Ấm lại hỏi nữa:

– Chính thật tên là Sinh có răng vàng à?

– Phải.

– Thế ai dắt mà lại đến chơi nhà ấy?

– Một người quen của tôi.

– Thì ai chứ?

– Một... *mẻng* của tôi.

– Một *mẻng* à? Thị nào thế? Có phải... Dung không?

Đến lượt anh Vân ngẩn người ra:

– Sao cụ lại biết rõ thế?

– Chứ gì! Vì tôi biết độn Gia Cát!

Anh Vân hỏi theo một cách ngớ ngẩn và có vẻ kính phục:

– Thế kia à!...

Ông Ấm cười rộ một hồi dài nữa, vỗ vai anh ta rồi nói:

– Khỉ ơi là khỉ!!!... Bị vào *xiếc* rồi.

Anh Vân tái mặt:

– Thế nào? Vào xiếc... nghĩa là bị bịp ấy à?

– Bẩm vâng ạ...

Có ai trông thấy anh Vân lúc này thì mới thấy cái sự khôi hài của anh ta, vì anh ta so vai một cái, gân ngay cổ lên cãi:

– Tôi bị bịp?... Thôi đi!...

Ông Ấm lườm anh Vân xong, quay mặt nhìn ra chỗ khác làm bộ rỗi.

Anh Vân kể lể:

– Đến tôi mà còn bị bịp thì cụ bảo tôi tin ngay thế nào được?...Bao nhiêu ngón cụ đã chỉ rõ cho như thế, tôi còn lạ gì. *Giác mùi, giác bóng, bài mẫu tử, đòn Vân Nam* tôi còn nhớ rõ mồn một. Tôi chắc là tôi đen đấy chứ chẳng phải bị bịp đâu.

– Ừ, thế ông kể rành mạch lúc đánh chác cho tôi nghe xem thế nào nào.

– Lúc ngồi vào, bắt đầu tôi chọn từng cây bài ngắm nghía xem có *giác mùi, giác bóng* hoặc có quân nào bị gọt sườn như nghĩa mẹ con, *mẫu tử* gì không đã. Quả thật là một cỗ bài mới, tôi mới đánh và chỉ những được là được. Tuy được nhưng chưa đến nỗi *ngốt*, tôi vẫn để ý xem có ai định *cản*, bò nhoài ra xin cái điếu hay gói thuốc gì đấy để một người khác giở *đòn Vân Nam* không. Cũng không nốt! Thế rồi tôi thua!... Có hai lẽ rằng tôi không bị bịp. Lẽ thứ nhất là tôi cũng chẳng phải một thằng hớ, với lẽ thứ hai: nhân tình của tôi dắt tôi đến nhà một người quen để *dậy hóa*, chỉ những muốn cho tôi được để hòng tôi sắm cho cái này, cái khác mà lại bảo là để dắt tôi đến một chỗ cho người ta bắt tôi vào *xiếc* thì có lý nào?

– Này ông phải biết: Sinh là một ông chủ cô đầu và là... đồng chí của tôi. Còn con Dung là một con mấy lần lại vào ở cô đầu sau mấy lần đã bước ra ngoài vòng cô đầu, là một tay săn *mòng* của Sinh.

Nghe câu này, anh Vân tái mặt đi.

Ông Ấm lại hỏi:

– Thế ông thử nhớ kỹ lại xem trước khi ông thua bọn kia có những cử chỉ gì lạ không đã.

Anh Vân cau mày nghĩ ngợi một lúc lâu rồi đáp:

– Chỉ có trước khi tôi thua thì Sinh ra một cái bàn, mở ngăn lấy thêm tiền bỏ túi rồi lại vào bàn, cầm bài chia ngay.

– Lúc cầm bài thì hắn đứng, mà lúc chia cho ông thì hắn đã vén áo ngồi lên giường một cách chễm chệ rồi chứ?

– ... Có lẽ thế thì phải.

Ông Ấm nói một cách sung sướng:

– Thôi thế thì đích rồi!

– Đích rồi à? Có ai... bò nhoài ra đâu?

– Cứ gì phải có người bò nhoài ra mới là đánh *đòn Vân Nam* được! Đây, tôi diễn lại kịch ấy là hai ông hiểu ngay.

Nói thế, ông Ấm lấy ra hai cỗ bài xì cho chúng tôi nhận rõ là mới nguyên cả. Đoạn ông để một cỗ vào đĩa, quay ra một góc phòng rồi lại quay lại, vừa cười vừa hỏi: "*trang* kỹ chưa? Đến lượt tôi chứ?". Rồi ông đến đứng cạnh giường, cầm cỗ bài ở đĩa vào tay, vén tà áo cho gọn, bước lên ngồi giường. Ông lại trang một thôi một hồi rồi chia ngay. Đoạn ông nâng vạt áo ở trước mặt lên: một cỗ bài đã nằm gọn trong lòng ông từ bao giờ ấy!

Xem chừng anh Vân vẫn chưa hiểu, ông Ấm lại phải cắt nghĩa rằng:

– Đó cũng là cách tráo bài *lối Vân Nam* nhưng táo bạo hơn nhiều lối có người bò nhoài ra *cản*. Khi người ta cầm cỗ bài xong mới vén áo bước lên ngồi giường thì người ta đã *tráo* giữa cái lúc vén áo vậy. Mình thấy người ta, trước khi chia còn *trang* lại thật kỹ mà tưởng thế là thật là nhầm. Đó chỉ là lối *trang* bài "che mắt thế gian" vì cỗ ấy, người ta *xếp lớp* sẵn rồi, thì *trang* nghĩa là chỉ vỗ đồm độp phần trên bài vào phần dưới chứ có *trang* thực sự đâu! Rồi người ta chia, nhốt mình... vào xiếc là thế!

Anh Vân gật gù:

– Tôi hiểu rồi... có lẽ đã vào xiếc thật.

Ông Ấm cười:

– Thôi, chiều ta lại xuống chơi dưới ấy, rồi tôi bảo Sinh hắn trả lại. Không phải nhảy xuống sông Cái đâu!

Anh Vân cười, nhưng cái cười giấu vẻ căm giận.

Việc ông Ấm sẽ đòi hộ tiền chẳng đủ "chiêu hồn" cho anh.

Ngồi trầm ngâm với bộ mặt một người đi đưa đám ma, anh chỉ gượng nói, gượng cười. Có lẽ anh đang nghĩ đến mẻng của anh chẳng ngờ lại là một "chim mồi" của một người bạn của ông Ấm B... là Sinh.

Thấy vậy, tôi tìm lời khuyên giải:

– Đó cũng là do cái luật thừa trừ của Tạo vật. Anh còn nỡ *thịt* cả ông cụ để lấy tiền nuôi gái thì nó rất có thể *thịt* anh là nhân tình để lấy tiền nuôi thân...

Sự xảy ra này đã khiến ông Ấm B... chốc chốc lại nhìn trộm anh Vân để mỉm cười. Muốn đánh tan cái đau đớn của một anh chàng bị gái lừa, ông lại thuật hai chuyện thú vị hơn.

– Cái đòn của Sinh đấy cũng là một cách quyền biến khôn ngoan lắm. Kể ra, những thủ đoạn trong những lúc "chấp kinh tòng quyền" không có nói sẵn trong chương trình b... còn nhiều lắm. Xin kể hai trường hợp đặc biệt để các ông nghe.

*

* *

Một bữa kia, không ai nhớ được rõ ngày tháng. "Tham Ngọc" với hai đồng chí nữa, rủ nhau săn một con *mòng*. Con *mòng* này không quých một tí nào cả. Thua, nó không cay, được nó chẳng ngốt; hai mắt nó lúc nào cũng như mắt rắn ráo khiến cho cả ba anh không ai giở được ngón gì.

Thói thường, những ông bịp mà không giở được ngón cứ phải ngồi đánh *siệng* là chỉ có một thua thôi. Theo bộ từ điển của làng b... định bịp mà không giở được ngón để đến nỗi thua, thế gọi là *sa hố*.

Vậy thì, Ngọc và hai đồng chí, trong những cuộc săn con *mòng* hắc búa kia, tối đầu *sa hố*. Ba người đã bàn nhau định giở đến một ngón đòn đặc biệt, khốn thay! Lại sa hố nốt cả tối thứ nhì.

Đến tối thứ ba...

Ta nên biết rằng đến ba người đi chinh phục *đất* để thịt có một người, nếu không thành công thì cả ba còn mặt mũi nào về tạ lỗi với... quân sư nữa? Vả chăng, lẽ thứ hai lại càng khó xử: quân sư đã phải vay "binh khí" tận bên... Trung Quốc (ông Cả Ủn) thì những số *thiếc* mà mình đánh mất, chẳng lẽ lại để riêng quân sư è cổ ra đền! Cho nên trước khi ngồi vào bàn, cả ba sẵn rắp mưu một cách quỉ quyệt...

Con *mòng* được nước, cứ việc vơ giấy bạc bừa bừa. Hốt nhiên, đến ván ấy, một ông kêu thiếu bài. Hai ông kia hưởng ứng ngay: xin khám. Phải rồi, thiếu bài là khám, lẽ ấy rất cố nhiên.

– Nào thế các ông đứng dậy hộ một tị.

Ba người đứng phắt dậy, còn *mòng*, vô tình, cũng vững tâm đứng ngay lên.

– Cái gì thế kia? Hở?

– Chơi lối thế à???

– Có thật muốn giở ngón cờ gian bạc lận ra với chúng ông không?

Mòng bị cả ba anh sừng sộ tái mặt lại, run đây đẩy, nhìn xuống chỗ chiếu mình ngồi. Giời hỡi! Đất hỡi! Có ông thánh nào thiêng. Có ông thần nào linh, xin chứng giám cho nỗi oan này!... Mê ngủ hay vẫn thức? *Mòng* bàng hoàng dụi mắt nhìn, vẫn chưa tin, lại dụi mắt lần nữa. Lạ thật! Quái thật! Kỳ thật! Vô phúc thật! Nào mình có giở ngón cờ gian bạc lận ra bao giờ, cớ sao bài lại thiếu, mà cớ sao ở chiếu chỗ mình ngồi lại có một... hai quân bài nằm lù lù thế kia?

– Có thật anh chơi lối thế không???

– Anh phải biết, hả!...

Đã hai người xắn tay áo, sừng sộ, chực choang rồi. Còn một người, nhân từ hơn (cái nhân từ của người này, *mòng* sẽ chịu ơn đến chết!) gạt hai người quá nóng kia:

– Thôi các ông, tôi xin. Việc này xảy ra thật đáng tiếc nhưng nếu vì thế mà phải đánh đập người ta, ầm ĩ hàng phố lên, kể cũng phiền, để tôi thu xếp...

Rồi người ấy quay lại bảo *mòng*:

– Đấy nhé, tôi đã can các ông ấy rồi, vậy ông xử thế nào cho phải thì xử đi...

– Ô hay, nào tôi...

Mòng chưa kịp mở mồm, một người kia đã vội:

– Này, đừng chực già họng nhé! Ông lại *giã* cho lìa phụ mẫu bây giờ... Chứng cớ lù lù ra kia, còn chực cãi cái *thá* gì nữa???

Người khác:

– Biết điều thì được bao nhiêu tiền phải trả cả chúng ông đi.

– Vâng, vâng, rõ thật chẳng may cho tôi, đây tôi xin trả lại cho các ngài vậy.

Rồi *mòng* lôi cả đống giấy bạc trong túi ra:

– Thưa đây ạ: tối hôm thứ nhất, tôi được của các ông tất cả 50 đồng; tối thứ hai tất cả 42 đồng... còn tối hôm nay, để tôi xin trừ cái vốn của tôi là đúng 8 chục thì các ông thua bao nhiêu sẽ rõ.

– Anh nói cái gì thế?

– Tôi cứ biết là tôi, tôi mất đã 8 chục...

– Tôi cũng hơn 7 chục...

– Còn tôi hơn 4 chục nhưng cứ cho là 4 chục.

Mòng cãi bằng giọng ngọt:

– Có đâu quá thế!...

– Cái gì mà quá?

– Thì tôi được bao vẫn còn nguyên đây tất cả...

– Thôi đi, anh nói khó nghe lắm. Anh được thì ít ra anh cũng phải chén, phải đưa về cho vợ, phải trang trải mọi công nợ chứ có đời thủa nào một thằng được bạc lại vẫn đem nguyên cả số tiền được ấy đi đánh, để nhỡ rồi thua mẹ nó cả đi!

– Cả chỗ ấy cũng chưa đủ số tiền chúng tôi đã thua, anh nghe ra chưa?...

– Tôi xin thề là nếu tôi đã tiêu hơn hai đồng vào đây thì tôi cứ làm giống chó!

– Ấy đấy! Rõ tiền hậu bất nhất chưa... Trước bảo chưa tiêu, sau lại thú đã tiêu hai đồng!

– Biết điều thì để cả lại trả các bố!

Đứng trước cái sừng sộ ba người chực đánh một, kém thế, *mòng* đành lui. Thế là *mòng* bỏ vào túi cái ví da lép kẹp rồi đỏ mặt bước ra, mất cả tiền lưng lẫn tiền được.

Mòng không bao giờ nghĩ được ra rằng trong canh bạc, chính giữa lúc nhoài ra với lấy một bao diêm, một ông trong ba ông kia đã thừa cơ nhét hai quân dưới đũng quần mình.

*

* *

Lại một lần khác.

Ông Ấm đang ngồi tính việc phái tay này đi phố này, tay kia đi phố khác, thì một bà cô ruột, một bà cụ đã ngót 70 tuổi, đến mếu máo:

– Anh làm thế nào chớ con tôi nó giết tôi rồi, hỡi trời cao đất dày ôi!

Ông Ấm cuống:

– Cái gì thế bà? Cái gì thế bà?

Bà cụ:

– Ông em anh đã đem số tiền ba trăm bạc tôi sắp chồng họ cho người ta đi nướng hết ở sòng Hai Ve rồi...! Ối giời đất cha mẹ ơi!!...

Ông Ấm sa sầm nét mặt:

– Cái thằng mặt chó! Thế bây giờ nó ở đâu?

– Nó đang nằm ăn vạ ở nhà ấy.

Bà về bảo nó lại ngay đây, tôi dắt nó đi gỡ...

– Gỡ gì? Gỡ lấy cái chết nữa ấy à? Hu! Hu!

– Khổ lắm, thì bà biết gì nào? Bà có về bảo nó lại ngay đây cho tôi hay không thì bảo...

Bà cụ lại mếu máo khóc rồi, như một cái máy, lại quay về.

Ông Ấm vứt ra hào bạc, sai con giai:

– Đi mua cho tao một cái "toe toe"!

Rồi ông bảo con sen:

– Bắt lên đây cho tao con vịt...

Con giai ông mua bong bóng về. Con đòi cũng đã bắt vịt lên. Ông vắt nửa quả chanh vào bát chọc tiết vịt. Vừa xong thì một cậu trẻ tuổi, mặt xanh nhợt cũng vừa bước vào, ông Ấm liền bảo:

– Rõ ràng mặt mẹt chửa! Lại gần đây!!!

Cậu kia để tay lên má sẵn, rón rén lại gần.

– Nhanh lên! Ai đánh mày mà sợ.

Rồi ông nói thầm hồi lâu với cậu. Cậu mỉm cười.

Ông dặn một câu to:

– Phải khéo lắm đấy!

Đoạn ông cởi trần ra, lấy miếng sắt tây để vào ngực. Ông đưa dây gai để cậu kia buộc rõ chặt nó lại, đoạn đổ bát tiết vịt vào cái bong bóng "toe toe". Ông buộc bong bóng ngoài miếng sắt tây xong lại vận áo. Rồi ông mở tủ, đưa cho cậu kia một con dao dài gần một tấc và bảo: "Đi trước đi!" Sau cùng, ông xỏ chân vào đôi giầy Tầu và với lấy một cái *cát két*. Rồi ông cũng đi nốt; người nhà đầy tớ chẳng ai đoán nổi ông đi đâu thế và việc mổ vịt kia, ông định để tiếp khách nào.

Đến cảnh bài trí khác: sòng xóc đĩa. Nửa trăm người rì rào một cách khó chịu vì người này cũng chẳng nói khẽ mà cứ mắng người kia nói to, bác *hồ lỳ* thỉnh thoảng lại kêu:

– Tôi lạy các ngài, các ngài khẽ cho một tý...

Một tên *tạ* dắt một cậu trẻ tuổi vào, 15 phút sau, tên *tạ* khác lại dắt một người đi giầy Tầu, đội *cát két*, đã có tuổi vào...

Người xóc cái hô:

– *Bán chẵn* bốn chục!

Cậu trẻ tuổi với người già cùng giơ tay:

– Tôi...! Tôi...!

– Không, tôi kia!

– Thôi, hãy để tôi lần này...

Mở bát, người xóc cái reo: *chẵn*! Cậu trẻ xô lại thì bị người già đẩy ra một cái. Cậu trẻ tuổi sừng sộ: "Có thật mày ăn chặn không?" Tức thì một mũi dao, tuốt ra, phóng ngay vào ngực người già. Người già loạng choạng, ôm ngực ngã vật xuống chiếu. Cả làng cướp tiền nhau tán loạn; cậu trẻ thừa lúc hỗn độn, đã chuồn được ngay. Người ta nhao nhao lên: "Bắt lấy nó! Nó đấy!" mà chỉ người này vồ nhầm người khác. Rồi cãi nhau, chửi nhau, xô nhau. Rồi ông chủ sòng, mặt tái mét, chạy lên, đỡ người già dậy. Trên chiếu bạc, một vũng máu. Người già ôm chịt lấy ngực, hổn hển nói:

– Tôi không chết đâu nhưng bị chúng nó cướp cả bốn trăm bạc rồi.

Ông chủ hấp tấp lấy ra năm *cái đình:* [1]

– Thôi đây, xin đền ngài và biếu ngài một trăm. Lạy ngài, ngài chữa ở nhà, đừng vào nhà thương mà chúng tôi khốn mất!

Rồi hai tên tạ vội xốc nách người già ấy ra cửa sau thuê xe bảo phu kéo về nhà. Ông chủ bảo một người tạ khác:

– Mau đem cái chiếu này xuống cọ sạch, tức khắc đi!...

IX

MỘT CUỘC VẬN ĐỘNG TỰ TRỊ

(...)

Hà Nội 1910.

Ngày mồng hai, Tết Nguyên Đán.

Tại một phố kia, nhà một ông Phán.

1. Giấy bạc một trăm đồng có in cái đình là giấy bạc giá cao nhất thời ấy.

Ngày mồng hai Tết, vợ con về quê vắng cả, khách khứa cũng ít đến, ông Phán cũng đâm buồn, ngứa ngáy, phải nghĩ đến cách chơi xuân. Tết là những ngày mà người đời biết yêu nhau, hoặc thật, hoặc vờ, nhưng dù sao cũng sống với nhau một cách bớt đểu cáng. Suốt năm, dù ghét nhau đến có thể giết nhau được, ngày Tết đến, người ta lại nhà nhau mừng tuổi rối rít hay thì thụp quì lạy trước những bàn thờ ông vải mà những ngày trước ngày ấy, dễ thường người ta đã từng có lần réo đến tên tuổi để "đào ngoáy xoáy xỏa" lẫn nhau. Ngày Tết, ngày của đạo Trung thứ [1].

Vậy thì, vào cái ngày mà mọi người dù thù hằn nhau cũng tha thứ cho nhau, dù không yêu nhau cũng thành ra cao hứng chốc lát mà yêu nhau, không ai phân giai cấp sang hèn chia rẽ nhau, một thằng nhỏ của nhà ông Phán kể trên được chủ gọi lên tiêu khiển xuân nhật với thầy.

Tên nó là Xuân, mặt mũi nó không ai nỡ bảo là mặt mũi một thằng nhỏ. Mặc cái quần giặt là, cái áo giặt là, thắt cái thắt lưng lụa mộc, lại phủ ngoài một cái áo *ma ga* [2] tóc mới, đội khăn lượt chỉnh tề, ngồi cùng giường rút bất với chủ, nó có thể khiến những khách lạ bước vào phải nhầm mà: "Năm mới, mừng tuổi hai... Ông!"

Cái cảnh khan xu, đương giữa Tết mà hai thầy trò ngồi một xó rút bất cò con với nhau kể cũng buồn mà cũng có thi vị. Chỉ bực một nỗi cho ông Phán là cứ thua hoài. Buổi sáng thua, buổi chiều thua, đến buổi tối cũng lại thua, chủ phải để ý xem đầy tớ có những ngón gì. Thì ra thằng Xuân *đánh láp*! Nó cứ xếp những quân: *cửu sừng, ông cụ, tam văn, thất vạn* cách những quân... tam đại rồi *trang* cả cỗ bài theo lối "che mắt thế gian".

Chủ nó biết rõ thế nhưng không nỡ bắt quả tang nó để nó phải sa hố, chỉ vờ như không biết để xem nó giở ngón ra sao. Đã không tức mình, sau cùng, thầy lại còn phục tớ nữa.

Dễ thường có khối óc triết lý khác người ông thày ít có này, sau cùng, cho cả đầy tớ những quần áo cũ, cấp cho nó một cái vốn lớn là hai chục bạc rồi mở rộng hai cánh cửa, giải phóng cho nó đi "chu du thiên hạ". Có bộ mã kể cũng sang trọng, thoạt đầu thằng Xuân – độ

---

1. Theo Khổng giáo trung là hết lòng, thật tình với người khác, thứ là cứ lòng mình suy ra mà hiểu lòng người.

2. Thứ vải dày dệt bằng lông các con alpaga và lama ở Nam Mỹ, vừa đẹp vừa bền.

ấy mới 15 tuổi – khi đội lốt học trò, khi đội lốt cậu *Ngẩu* nhà quê, đã lăn lộn trong những đám *vã*, đám *trếch* (valetaille) [1] trước khi được đụng chạm với phái thợ, phái thầy.

Trước kia người ta gọi nó là *thằng*, sau người ta lên chức cho nó là *bác*. Sau nữa đến *thầy*, sau cùng, đến *ông*. Vốn là kẻ tinh khôn, anh chàng Xuân coi đời là một lớp học. Sự lịch thiệp tìm ở cái giao thiệp, sự kiến thức góp nhặt được trong báo chí, anh chàng Xuân càng sống càng biết đóng đủ mọi vai kịch trên sân khấu cuộc đời.

Ta chẳng nên lấy gì làm lạ khi thấy con người ấy đội lốt một ông Tham Ngọc nào đó, đến những chỗ sang trọng, trí thức, có thể đã động được cả đến cái bộ mặt trái của Hội Quốc Liên!

*

* *

– Ấy kìa bác!

– Phải, tôi vẫn chờ bác từ nãy đến giờ đây. Ngồi làm gì mà lâu thế? Hắn Ấm B... đã làm bản cáo trạng buộc tội tôi cho bác nghe chán chê mê mỏi ra rồi...

Tôi gạt cái ý nghĩ nghi hoặc "của Tham Ngọc":

– Không, có quái gì đâu!...

Giời mưa phùn, chúng tôi cũng cứ dấn bước đi luôn mấy phố. Anh Xuân gọi xe, mời tôi cùng lên rồi bảo phu kéo.

– Đến Hàng Buồm...

Tôi nghĩ đến tôi mà buồn cười. Tự nhiên vào *làng b*... chẳng có *đất* nào cả mà hưởng đã vô số! Rồi lại được nghe ông này kể lể tâm sự vì bực mình với ông kia.

Chúng tôi vào một cửa hiệu. Cầm đến đũa bát, câu hỏi thứ nhất của tôi với "Tham Ngọc" là muốn biết anh ta đã thịt ông chú họ tôi mấy chục chuyến rồi.

– Bác biết Mr Đ... làm ở phủ Toàn Quyền chứ!

– A! Có! Thằng cha thích *húc* trạc xếch!

---

1. Tiếng Pháp nghĩa là dân bồi bếp đi ở với Tây, *trếch* là tiếng lóng gọi đám người ấy.

– Thịt lão ấy mấy chuyến rồi?

– Không nhớ nữa, nhiều lắm!

– Người ấy là một ông chú họ tôi!

– Chú họ bác?

– Phải.

Anh Xuân cười:

– Mặc! Chú Giời cũng không tha.

– Ông ta chơi lõi lắm mà cũng vẫn vào xiếc nhỉ?

– Cứ lõi bằng trăm lão, tôi cũng nhét đất thó lỗ mũi lấy tiền.

– Này, nếu không bắt lão làm *mòng* nữa, mình có thể "đổi ngôi, thay bực" cho lão, rồi lão lại là người giữ két của *làng b* ...

– Thế à??? Thế thì rất hay! Chiều mai, tôi với bác sẽ lại ông ta nói chuyện nhé?

Anh Xuân ngồi cầm đũa mà nhìn, có vẻ ngẫm nghĩ. Rồi anh ta nói, tầm mắt vẫn buông đi đâu...

– Ông Ấm không hiểu tôi. Rồi một ngày kia ông sẽ hiểu. Việc gì ở đời, nếu đã là Chân lý tất rồi có người biết đến. Tôi phó mặc cho thời giờ. Hiện nay, tôi đang góp vốn làm cái sòng Chợ Chu. Mỗi tháng phải góp ngót nghìn bạc cho con giai chú Lương Tam Kỳ, một người xưa kia vẫn được Chính phủ ngơ cho mà xưng hùng ở vùng Bắc Cạn. Nay Lương chết, thanh thế giảm, con giai chỉ còn được hưởng quyền thế một sòng bạc ở Chợ Chu...

Khả ố thay cái nạn kinh tế! Chúng tôi kiếm không bằng một thằng khách bán phá xa. Bác thử tưởng tượng xem... Một tên khách ở Chợ Chu quay một chục con vịt, mỗi con đáng độ một hào. Nó bầy lên một cái bàn quay, có 18 số. Mỗi số ta phải đặt hai xu. Trúng vào đâu, ta sẽ được con vịt. Mất một con vịt một hào, hắn lấy về ba hào sáu, lãi những hai hào sáu xu. Dân làm mỏ Chợ Chu, thích ăn thịt vịt, đã bỏ *lửng* sòng...!

(...)

XII

NẠN KINH TẾ, SỞ LIÊM PHÓNG, VỚI ÔNG ẤM B...

Hai ống quần của tôi, lúc này nếu đem gột tạm thì mấy gáo nước giội vào nó tất thành một thứ nước có phù sa; đôi giầy tôi dận có đến mấy lớp bùn bao bọc quánh lại, trông không thấy giầy đâu nữa, thật là hai chân một bác thợ cầy. Cái áo tơi của tôi hầu như đã ngấm lâu vào nước và cái mũ thì thật là hai cái ống máng lúc giời mưa to. Ấy tôi ăn mặc như thế, đang đi *tìm một người.*

Nếu tôi đã có thêm được cái đèn và cái thùng thì tôi đã thành ông Diogène [1] "cả xương lẫn thịt".

– Mời ông ngồi chờ một lát, *ba* con cũng sắp về rồi, chỉ độ 15 phút nữa thôi.

Đó là lời cậu con giai ông Ấm B... một đứa trẻ kể vào hạng thường ra thì chưa biết gì, nhưng sinh vào cửa con một người như ông này, đã thành ra rất tinh khôn, ăn nói lễ phép, xem ra ý có được giáo dục một cách chu đáo lắm. Tôi kéo ghế ngồi, vẫn nóng ruột lắm, nhưng cũng dễ chịu: sống lưng được dịp đỡ mỏi, hai ống chân đỡ nhức.

Ngoài giời, như một đứa trẻ tinh nghịch, sau mỗi lúc ngớt được dăm phút lại tuôn nước xuống rào rào. Đã sang hè rồi, không ngờ còn có trận mưa ít có ấy: suốt từ sáng đến trưa! Suốt từ sáng đến trưa, tôi đã đội giời mưa đi lùng gần khắp Hà thành, thoạt đầu đến gõ cửa nhà ông Ấm này, vì chủ nhân vắng nhà, tôi lại chạy lại đằng ký Vũ, ký Vũ bảo xuống tận ô tìm nhà lão Sinh, lão Sinh lại mách tôi nhà của Tham Ngọc ở gần ô Yên Phụ để cho, sau cùng Tham Ngọc lại *tống* tôi bò về đằng ông Ấm B...! Mang trong lòng cái bực tức, trong hai chân ngót mười cây số, đã đến lúc không sao được nữa, tôi vẫn chưa xong cái phận sự: *tìm một người*!

Một vị quốc sĩ nào mà quốc dân giao tôi cái phận sự đi cầu chăng? Hay đó là con ông Hoàng, bà Chúa nào lạc mà tôi, một kẻ gia

1. Triết gia Cổ Hy Lạp (413 - 323 tr.CN) khinh thường mọi thứ ở đời, giữa trưa đi giữa thành phố, tay xách đèn nói: "Ta tìm một con người".

nhân, tôi có bổn phận đi tìm? Hay là... hay là... Ông cụ nhà tôi sống lại đấy?

Thưa không ạ! Người tôi phải đi tìm chỉ là một người thường như chúng ta cả, hoặc khác chúng ta là hiện lúc ấy không biết là bịp hay là *mòng* đang đóng cái vai "Càn Long du Giang Nam", ông anh Tham quí hóa của tôi, ông Vân đấy.

Sau khi ra giây thép mua ngân phiếu gửi sang cho ông con chục bạc rồi, ông bố với bà mẹ ở nhà đêm ngày chờ tin. Một tờ lịch bóc, hai tờ lịch bóc, ba... mười, mười hai, mười sáu tờ lịch bóc, không thấy tăm hơi gì, ông cụ Phán, bà cụ Phán đến phải hoảng cả lên như có đứa con lên năm vừa lạc đâu mất vậy.

Nhà giàu, con một, sau khi cho cả ông thân sinh ra mình vào xiếc rồi, anh Vân đã về Hà Nội, rồi gây cho cha mẹ cái cảnh "bụi hồng khuất nẻo đứt đường cá chim" kia. Do đó, việc tôi phải về tìm... Tìm một người đã bước xuống Âm cung để dỗ dành cho quay về Dương thế vậy.

– Thầy không có nhà à? Hở em?

Tôi quay lại xem ai cất giọng thì thào to nhỏ ra vẻ bí mật ấy. Thì ông Mỹ Bối!... Ông ta nhìn tôi, khẽ gật đầu một cái rồi mỉm cười. Tôi phải cố nhịn cười vì trước mắt mình thật là một vai commich [1] đặc biệt, đại đặc biệt.

– Ông cứ ngồi chờ ông Ấm thế chắc ông ta cũng sắp về thì phải.

– Vâng... Rước ông cứ lên.

Ông khệ nệ lên rồi kéo ghế, ngồi đánh xình một cái. Nghĩ bụng: mời ông ta bằng câu "rước ông" cũng phải.

– Thế nào, Hà thành độ này có gì lạ không ông?

– Chẳng có gì lạ... Vẫn săn *mòng*, két như thường.

– Ông phát tài?

– Phát tài phải gió!

– Sao ông bảo vẫn săn *mòng*, két như thường?

– Đã đành thế rồi, *mòng*, *két* vẫn có đấy nhưng ít con có lườn lắm, mà *tạ* mỗi ngày một đông tấy lên, chia năm xẻ bảy đi, còn ăn thua gì nữa!

---

1. Comique: khôi hài

– Số *tạ* đông lắm à? Hiện ông biết thì độ bao nhiêu?

Ông Mỹ Bối lắc đầu:

– Không đếm được!... Bằng *cáttóduydê*!... [1]

– Gớm, đông đến thế kia? Thế thì nguy cho bọn *mòng* lắm nhỉ?

– Nào có nguy chi cho *mòng*! Nó lại nguy cho b... mới cực cho chứ!... Ông nghĩ kỹ sẽ hiểu: bọn "sộp" xưa là *mòng* nhưng nay đã thành b... cả thì nguy cho b... hay cho *mòng*?

Tôi tìm câu kết cho lời nói chí lý ấy:

– Nói cho cùng, chỉ tại kinh tế thôi.

Ông Mỹ Bối thở dài:

– Tại nhiều ông ạ. Tại nạn kinh tế khủng hoảng, tại ông Ấm, tại ông, tại tôi!... Chính chúng ta đã quá tay, đã quên mất công cuộc gây *mòng*. Không nuôi mà cứ giết tất phải hết, không giồng mà cứ nhổ tất phải diệt. Rồi Thần Đỏ Đen sẽ phải bôngdua xứ này mà đi. Bảo đó sẽ là một việc đáng đốt pháo mừng cũng được hoặc phải ngẩn ngơ tiếc, tùy ý... Nhưng tôi hãy hỏi ông đã nhé: nếu hết nạn cờ bạc, chiến công bội tinh hạng nhất đáng về phần ai?

– Đáng về cả ba thì mới phải.

– Không được, ông nói thế, ông nhầm. Người ta dù xo rụi về kinh tế thế nào mặc lòng cũng vẫn có thằng đánh bạc. Sở Liêm phóng [2] vẫn hết sức tầm nã nhưng thế nào cũng không thể bắt giam hết được những quân cờ bạc. Ông có biết những quân gá chứa bây giờ có những thủ đoạn gì không? Việc đóng cửa cài then cho kỹ lưỡng đã đành họ phải cẩn thận rồi, nhưng bây giờ họ thường làm vài mâm cỗ nữa. Bàn thờ có đèn hương cẩn thận, bọn "con công đệ tử" cứ việc tha hồ ngồi *chầu Tổ* nhỡ ra có *cớm* thì... bài họ vứt vào hỏa lò, trong khi một thằng nhỏ ra mở cửa, con sen ở trong đã bưng mâm cỗ xuống chiếu bạc rồi.

Sở Liêm phóng vào?... Thì người ta ăn uống về việc hiếu, hỉ! Nếu đầu chạy đuôi lọt thì, canh bạc tan rồi, người ta cũng... chén! Cái lối vừa gá bạc vừa bán cao lâu ấy lại càng lợi thêm cho chủ gá vì nó có tính cách *rình* người. Sở Liêm phóng chẳng thể độc lực trừ nổi nạn

---

1. Quatorze Juillet: ngày mười bốn tháng bảy tức là ngày Quốc khánh Pháp.
2. Sở mật thám.

cờ bạc, dù có nhiều người chỉ vì đánh chắn cũng bị tòa phạt 16 quan tiền tây. Nhưng ông cũng là *b*... tôi cũng là *b*... ai cũng là đồ đệ hoặc chim mồi của ông Ấm B... thì... hỡi ơi thương thay...! Làm sao cho cứ có *mòng* mãi mãi được!

– Ông nói cũng có lý lắm.

Thật đấy, chính tôi đã biết những anh xưa kia vẫn bán giời không văn tự cả, nay cũng tu chí, cũng hóa ra bụt cả rồi. Đã cờ bạc thì phải ngồi với người lạ thì mới *húc* được chứ trong anh em thân nhau, còn thịt nhau lấy cái gì? Mà ngồi với người lạ thì tất là bị bịp!... Có anh sợ bịp quá, sợ quá đi mất, đến nỗi đánh với anh em rất thân, đen rồi thua mà ngỡ cả cho anh em có *ngón*! Thôi, chẳng qua là ông Ấm đến lúc xấu số vì ông *pôpule* [1] quá rồi... Danh vọng tôn sư đến lúc về chiều, chúng mình cũng liệu mà... *hưu* đi thôi!

Ông Mỹ Bối nói câu này rồi rung rinh hai vai, trông khôi hài một cách lạ. Tôi gợi ý:

– Ông nghĩ thế nào chứ tôi thì tôi đã bắt đầu chán nghề *b*... Không *nước* gì, suông lắm.

Ông ta:

– Vẫn hay rằng suông nhưng tôi thấy nó có lắm cái *hay hay* thì tôi chưa thể... ly dị nó được. Ở đời này, bao nhiêu sự ám muội tôi cũng muốn dúng tay vào hết, chỉ cốt để được từng trải mà thôi. Ông tưởng tôi sống được về nghề này à? Tôi chỉ lợi được về sự: biết cuộc đời đối với tôi mới thật là cuốn sách có giá trị.

– Nghề gì ám muội ông cũng muốn dúng tay vào?

– Chính thế. Mà dúng được vào thì khoái lắm. Những việc ấy tuy có hại cho người nhưng không có hại cho tôi. Anh em phố Hàng Bạc đã *cột* tôi là "người mà khối óc là một tủ sách chứa những ý nghĩ tinh ma" thật cũng không *oan* gì. Cái lối xử thế của tôi bây giờ? Tôi mang trong đời cái "nhân nghĩa" của một anh thầy cò và những lời "cam đoan" của một thầy lang chữa thuốc lậu!

Những ý nghĩ này, phát lộ ra bằng một giọng ngạo mạn chứa chan những vẻ căm hờn, khiến tôi: phải tưởng đến những cảnh ba đào dồn dập về cuộc đời của con người nói nó ra. Tôi đánh bạo một câu:

– Muốn chừng ông cũng đã... cũng đã... từng trải lắm.

---

1. Nổi tiếng.

Ông Mỹ Bối nhìn xuống chiếu:

– Đã nhiều phen lắm!... *Xuống chó* nhiều quá mà *lên voi* chỉ được một hồi. Hiền lành tử tế vào thời buổi này không sống được, ông ạ. Thời buổi này là thời buổi... Bá đạo, ông có nhận ra không?

Tôi đứng lên, bắt tay ông Mỹ Bối một cách chặt chẽ, nồng nàn. Ông đã mục tôi vào hàng tri kỷ nên mới..., tâm sự đến bậc ấy, dù chúng tôi hãy còn trong thời kỳ sơ giao. Từ đây, ông Mỹ Bối chỉ đăm đăm nhìn xuống chiếu, không nói thêm gì. Tôi để ông ta mặc thích ngồi trầm ngâm, – giữa chúng tôi là một không khí im lặng.

Tôi nghĩ đến cái lòng căm hờn của người ta có hai bậc. Tôi nghĩ đến những kẻ "đắc vị" rửa hờn: Tần Thủy Hoàng lúc đốt sách, Robespierre trước ngày Thermidor, Mussolini, Hitler vân vân... Rồi tôi nghĩ đến ông Mỹ Bối, hạng người "không đắc vị nhưng khối óc cứ đi đôi với thời gian, cố nghĩ đủ mọi phương tiện để trả thù"...

Nhưng, cái đúng là bao nhiêu ở xã hội mình, những người cùng tâm thuật với ông Mỹ Bối?

*

* *

– Kìa, ông sang bao giờ thế?

Hai chúng tôi đứng cả dậy, ông Ấm đã về. Tôi đáp:

– Tôi sang tối hôm qua.

– Sang chơi hay có việc gì?

– Sang tìm anh Vân.. Anh ấy đi lâu quá! Tôi tìm khắp cả mà không thấy, không biết ông ấy có còn ở Hà thành này không hay đã đem *thiếc* sang Tân Thế Giới rồi!

Ông Ấm cười:

– Ông nói đúng đấy! Tân Thế Giới thực! Mà Tân Thế Giới ở phố Đường Thành kia!

Ông Ấm cởi áo ra, bỏ kính, lên ngồi giường, rồi tiếp:

– Ông Vân hiện giờ đang đóng một vai *mòng* giúp tôi.

Chúng tôi ngẩn người ra, không hiểu. *Làng b...,* xưa nay chỉ thấy nói đến vai thiện xạ, vai hướng đạo (chim mồi) chứ có thấy nói đến việc *đóng vai mòng* bao giờ đâu! Mà ông Ấm, chơi ác, cứ bắt chúng

tôi đấu trí mãi, cứ ngồi yên ngắm chúng tôi chớ nhất định không nói năng gì. Sau cùng, thấy chúng tôi chịu cả, ông mới xé "cẩm nang":

– Các ông chịu là phải lắm. Xưa nay không ai lại đóng vai *mòng*. Nhưng bây giờ tôi mới nghĩ ra được ngón đòn *trá hàng* thì việc kia phải có. Tôi có một Thị Mẹt ở phố Đường Thành, vốn là người "quen thuộc" tôi, Thị có một nhân tình làm thầu khoán, đánh bạc thạo, dễ thường về xì cũng biết được lối đánh *giác*, nhờ Thị tìm hộ con *mòng*. Hôm qua, Thị lại *tâu* thế với tôi. Nghĩ bụng, mới nho nhoe ra đời đã đòi ăn thịt người thì cho chết; tôi mới rỉ tai cho Thị biết cái *ngón trá hàng*. Tôi bày trận thế này này: Vẫn vờ là *mòng* mà Thị tìm cho anh kia. Ngồi vào đánh, anh kia chắc yên chí là người yêu sẽ *cản trở* cho mình, nhưng té ra Thị lại *cản trở* cho Vân để Vân *vào Vân Nam*, giấu biến đi cỗ bài giác của nó. *Sa hố*, nó tất thua to. Đến lần *vào Vân Nam* thứ hai của Vân thì nó... phải chết. Các ông nên biết, người cản đã là một Thị Mẹt lúc bò nhoài ra với lấy bao diêm lại đè ngực lên đùi ông thầu khoán cho đùi ông thầu khoán "làm quen" với hai "quả dừa" thì... ối thôi!...

Ông Mỹ Bối sướng quá, cười sằng sặc, vội hỏi:

– Thế cụ đã "xếp cảnh" đâu đấy chưa?

– *Kịch đang diễn* rồi. Bây giờ thì dễ thường đã *hạ màn* ấy!

Tôi tháo giày, ông Ấm vứt mấy cái gối ra giữa giường; ba chúng tôi nằm dài ra một lượt.

Ông Mỹ Bối tán:

– Giời mưa thế này mà nằm *tán dóc* thế này còn gì khoái hơn!

Ông Ấm lại kể với ông Mỹ Bối:

– À này, thằng Năm Kèn, em lão chủ báo Tam Dân ấy mà... có đến van lạy tôi để lại cho hắn cỗ trạc xếch lưỡng diện.

– Thế à? Nhưng nó định *bắt* ai kia chứ?

– Thì Hàng Bạc có mấy tay sộp nhất là nó muốn thịt cả đấy. Nguyên sau khi thấy mấy anh chàng kia phải nhờ đến mình trong cái "Việt Hoa chiến kỷ" để thịt vợ chồng thằng Cấm, Năm Kèn tưởng mấy tay kia bây giờ bử lắm...

– Nhưng họ đã gỡ đủ số tiền thua thằng Cấm đâu?

– Thì đã đành. *Đòn Vân Nam* của mình địch thế nào lại với cái đòn... đòn ăn *non* của thằng Cấm được! Đã đành phải nhờ đến b... là

mình, mấy "quan hàn" chỉ tổ mang tiếng mà chung qui, thua vẫn hoàn thua. Nhưng nào thằng Năm Kèn nó có nghĩ thế! Nó tưởng bọn kia phát tài lắm, cũng có thể sắp đi đấu xảo ngoại quốc rồi. Cho nên nó mới muốn *tậu* khí giới của mình, ý ông nghĩ sao?

– Nhưng nó trả bao nhiêu chứ?

– Nó trả tới hai chục rồi, nhưng tôi còn muốn bóp nữa.

– Thôi, cứ để quách cho nó đi. Hai chục bạc vào lúc kinh tế này, cũng là một số tiền đấy.

– Nhưng cỗ trạc sếch lưỡng diện đối với nó lúc này cũng là... *ken cờsôi*! [1]

– Có đồ nó ngu! Bắt thế nào được họ? Có họa nó về cất mả lại. Thấy người ăn cũng gắp... bỏ bị... cụ cứ để quách cho nó đi!

– Để cho nó là làm ơn cho nó và cũng là giết nó. Chắc rồi nó cũng đến *sa hố* mất.

– Cái thằng anh nó cũng đã có lần bị vào *xiếc* đấy. Trăm sáu mươi ba đồng bạc một canh tài bàn. Ông chủ báo mê gái, ông chủ báo híp mắt lại, ông chủ báo vào cam. Mà bịp là thằng nhãi con, thằng Vũ chứ đâu cần phải thánh, thần như ai!

Ông Mỹ Bối kết luận:

– Trò đời thế thì lắm cái tuyệt thật!

Giời xem chừng đã tạnh mưa. Phố xá đã có chỗ thấy rọi sáng những tia lửa rơi qua cái "sàng" mây dưới mặt giời...

*

* *

– Tôi đứng đây chờ chứ vào làm gì? Nhỡ ra "thằng nhân tình" còn đấy, mà nhỡ ra xưa kia đã có lần mình cho nó vào cạm, nay nó nhận ra mặt mình thì khốn. Hai ông vào đi, lượn qua nhà không thấy người nào lạ mặt thì ra hiệu cho tôi...

Nghe lời dặn, tôi với ông Mỹ Bối tránh những vũng nước, tìm lối vào một cái ngõ trong Đường Thành. Khi nhận thấy số nhà rồi, tôi liếc mắt nhìn vào trong.

---

1. *Quelque chose:* ít nhiều gì.

Một người đàn bà đang ngồi chống nẹ ở giường nói nói, cười cười với một người nữa, vận âu phục, ngồi quay mặt vào phía trong. Giữa bàn là một tập giấy bạc.

Thấy chúng tôi, người đàn bà ngẩng lên nhìn khiến người đàn ông cũng quay đầu ra nốt. Tôi quay lại vẫy ông Ấm. Người đàn ông là anh Vân!

Rồi ba chúng tôi kéo ùa vào nhà. Ông Ấm trách:

– Mãi không báo tin cho người ta biết! Làm người ta cứ sợ không khéo *sa hố* mất rồi.

Anh Vân nhe răng ra cười:

– Người cản là... bà đầm này thì *sa hố* thế nào được?

Mỹ nhân đỏ mặt, nhìn trộm tôi vì lúc nãy vừa bị đôi mắt thóc mách tôi bắt được quả tang cái vẻ lả lơi trước mặt anh Vân một cách thái quá.

Tôi bấm anh Vân ra ngoài:

– Thế nào? Ông cụ, bà cụ bắt tôi đi tìm ông đây. Thế ông định về cho hay không thì bảo?

Anh Vân thản nhiên:

– Dăm hôm nữa, chúng ta sẽ cùng về.

Tôi lộn cả ruột:

– Không thể thế được đâu!

– Làm gì mà không được? Hay là chú cứ về trước đi vậy.

Tôi tìm một câu thật đau đớn:

– Tôi lấy làm tiếc cho cái công trình ăn học của anh. Tôi tiếc thay, thương thay cho cả cái bằng Cao đẳng Thương mại...

Anh Vân cau mặt, cố can đảm nói xưng xưng:

– Chú nói dốt lắm! Thế nghề *b*... không phải là Thương mại thì là gì?

XIII

CÁI "LƯỚI NHỆN"

Từ gian nhà ở ngõ trong Đường Thành ra đi, bốn chúng tôi cùng mỗi người có một vẻ mặt khác nhau như bốn thế giới, ông Ấm vẫn thản nhiên như người vô công rồi nghề đi dạo chơi phố xá, thản nhiên theo cái lối viên tướng võ lão thành, đã từng được bách chiến, bách thắng, đến nỗi một cuộc khải hoàn cũng chẳng đủ làm cho say sưa. Ông Mỹ Bối, thì bao nhiêu cái vui, cái sướng của loài người hình như lúc này đổ dồn cả lên mặt ông vậy. Ông là cậu bé đương được mặc cái áo đẹp, ông là bác nghiện đương lúc không có thuốc mà có kẻ vừa đến cho một hào. Ông nói nói, cười cười, theo lối mụ Tú Bà trông thấy Thúc Sinh. Anh Vân thì vẻ mặt vừa vui vừa buồn. Vui vì được bạc, sắp được chia tiền, mà buồn thì, lẽ thứ nhất là vừa phải chia tay với mỹ nhân và lẽ thứ nhì là cứ phải đi bên cạnh tôi, cái "trát hiện thành người" của cụ Phán ông, cụ Phán bà bên Bắc. Còn tôi, tôi cũng không giấu nổi mọi sự tức bực, khó chịu... dù tôi vẫn phải gượng làm vui.

Ông Mỹ Bối bảo ông Ấm B:

– Này, ta làm *cuốc* xe đi thôi chứ?

Ông Ấm lừ mắt:

– Ờ ờ!... Rõ voi có khác, đã mỏi chân rồi à?

– Không mỏi nhưng mà muốn về cho nó nhanh.

– Thì việc gì mà vội nào? Cứ đi cho ung dung!

Trông thẳng trước mặt có hàng nước chanh, ông Ấm bảo anh em:

– Ta vào nghỉ chân đây kia một lát đã!

Chúng tôi không ai nói gì nhưng sáu cái chân bước đều hàng đã đủ đáp lời ông. Ngay lúc này, một chiếc xe nhà sơn đồi mồi do một tên phu quần áo hồ lơ xanh biếc chạy ngang mặt chúng tôi, bên trên có một ông ngồi đã có tuổi, y phục sang nhưng vẻ người không sang, lông mày sâu róm, mắt lim dim như lúc nào cũng chói nắng mặt trời, cúi đầu với ông Ấm B... một cái. Ông Ấm cũng vội đáp lễ. Thế là ông kia bảo ngay phu hãm đà chân lại, xuống xe. Lời ông Ấm:

– Độ này, người anh em hẳn phát tài?

– Có gì! Xềnh xoàng đủ ăn... Quan anh hôm nay quá bộ lại tôi, tôi nhờ một việc cần nhé?

– Vâng. Nhưng ở phố nào?

Ở phố Nguyễn Trãi, số nhà... Tối hôm nay, quan anh đến chơi có được không?

– Được, tối tôi xin đến.

Đoạn hai người lại chào nhau. Ông kia lên xe, chúng tôi cũng vừa đến chỗ hàng nước chanh, nước đá. Kéo ghế ngồi, ông Ấm phì cười:

– Rõ khỉ! Cái thằng... nó lại gọi mình là quan!... Cái xã hội tinh những quan như mình thì thôi, "có phúc" chán!

Ông Mỹ Bối hỏi:

– Ông ấy là ông nào?

Ông Ấm có ý ngạc nhiên về câu hỏi ấy lắm. Ông đùa nhả:

– Ô hay! Thế cũng không biết à? Lão Thượng Ký đấy chứ ai! Rõ bị thịt có khác, chả được bộ gì cả. Vào làng đỏ đen từ bao lâu nay, lại vào cả làng b... nữa, mà đến nỗi thấy lão Thượng Ký còn hỏi là "Ông nào"!...

– Thì nào ai biết!

Ông Ấm quay nhìn tôi với anh Vân:

– Đồng nghiệp của tôi và địch thủ của tôi đấy. Tôi dùng chữ địch thủ cũng chưa được đúng, phải dùng chữ... kẻ thù mới đúng. Vì rằng, trò đời nó thế, đồng nghiệp với nhau chính là kẻ thù của nhau. Không gì ghét nhau bằng bọn người cùng một nghề nghiệp. Nghĩa là chúng tôi không có... cơ quan để công nhiên chửi nhau như những ông nhà báo nên thiên hạ mới không biết cái tình đồng nghiệp của chúng tôi nó thế nào chứ, nói thực ra, nó cũng chặt chẽ khăng khít lắm. Chặt chẽ khăng khít đến nỗi có khi vì một con *mòng*, cũng đủ đâm lòi ruột nhau!

Chúng tôi đang trố mắt nghe, ông Ấm lại ngừng. Ông vỗ túi đoạn lấy ví ra rồi.

– Chuyện ấy cũng lắm cái thú nhưng "nghe chuyện" này đã, còn lắm cái thú hơn. Anh em chưa ai rõ "số mệnh" của mình thế nào thì, xin lỗi anh em, tai dù nghe nhưng ruột vẫn nóng lắm. Ấy bản tính tôi thực thà, ăn nói có điều lỗ mãng, anh em cũng xá đi cho...

Thì ra "nghe chuyện này đã" nghĩa là: hãy chia tiền cho dứt khoát đi đã. Ông Ấm thật cũng hiểu cái tâm lý con người ta lắm nên

mới có ngay cái cử chỉ này. Ông lấy ra cái giấy hai chục, để trên bàn, về phía anh Vân, rồi xoa tay:

– Bẩm gọi là có chút... vi thiềng, ngài làm ơn nhận cho.

Anh Vân cười, cầm lấy giấy bạc. Ông Ấm quay lại nhìn ông Mỹ Bối đoạn đưa ra cái giấy năm đồng:

– Có cần tiêu không? Hay là voi, thì không biết...

Ông Mỹ Bối:

– Voi thì cũng phải thích tiền. Cụ hỏi thế thì nhầm lắm. Tưởng loài người đã đến lúc chê tiền đấy ư?

Ông Ấm:

– Thế thì đúng đấy. Nếu chê, sao có là người. À, nhưng mà, này! Ông Vân, có lẽ hôm nay nếu ông là thằng thầu khoán, dễ thường ông khoái hơn là được chia tiền đấy nhỉ?

Anh Vân ngơ ngẩn:

– Thế nào?

– Lại còn thế nào! Nếu ông là thằng thầu khoán thì dù thua, ông cũng được một phút sung sướng... Chúng mình tuy chia tiền thế này cũng thú thật nhưng nào có biết những... quả dừa to nhỏ thế nào đâu!

Anh Vân hiểu ra:

– Gớm, cụ già rồi, mà còn đa tình thế!...

– Ấy nói cho nó sướng... nói để dối già một tý...

– Con ấy nó trơ tráo quá! Nó bò nhoài ra, vờ với bao diêm mãi, làm thằng cha kia mặt đỏ ửng lên như quả hồng. Đánh *dòn Vân Nam* mà lấy dừa ra cản thì tuyệt! Những lúc ấy thì mình cũng muốn làm *mòng* hơn làm *b*...

Cả bọn cười ồ lên khiến cô hàng nước chanh, không hiểu tại sao, lại tưởng khách hàng trêu mình, cứ ngồi cắm mặt xuống.

Ông Ấm đến đây nghiêm nét mặt, lấy khăn tay lau cái cười:

– Nào, ta quay về ông Thượng Ký!...

*
*   *

Người ấy mới thật là người đáng được nhận chiến công bội tinh hạng nhất, nếu *giặc* đen đỏ sẽ phải bỏ xứ này mà đi.

Hiện nay, người ấy chỉ mới *đếm* qua một cuộc đời vừa đủ vẻ trưởng giả thôi nhưng đến mai sau, đến cái ngày mà Thánh cho ăn lộc, theo sách tiền định thì nhằm vận "Đại chu nhập hải" mà theo số Tử vi thì hạn đáo "Sát, Phá, Liêm tham" hoặc lại thêm được "Khốc, Hư tý, ngọ" chẳng hạn thì, thôi còn phải kể những kẻ đến ôm chân con người ấy, đến xu phụng con người ấy để hòng chút "ơn mưa móc", tất sẽ làm cho thiên hạ mục .con người ấy như ông Thánh sống của đời.

Biết đâu sẽ chẳng có nhà văn sĩ viết tiểu sử con người ấy bằng ngọn bút lãng mạn chứa chan thi vị mơ màng, đại để như sau này:

"Lúc thiếu thời, ngài thật là một người biết thờ đạo Trung dung của Đức Khổng. Ngài thấy dân gian phải lầm than trăm đường nghìn nỗi về Thần Đổ Bác, cái giống ma quỉ rất ác hại ấy nó luôn luôn cám dỗ những kẻ yếu linh hồn, xem chừng không còn sách chân lý nào cứu rỗi nổi nữa, ngài mới dùng đến phương sách... cực đoan! Mà sự tìm nổi phương sách cực đoan ấy, đối với những kẻ thản nhiên thế sự, linh hồn chưa từng được rung động bởi những tiếng gọi linh thiêng bí mật, cố nhiên chẳng phải việc dễ nào. Sau khi tắm gội và ngồi tĩnh tọa trong bốn mươi chín ngày, ngài thấy rằng cũng như những bác sỹ Thái Tây phải lấy vi trùng, muốn trừ nạn đen đỏ, phải cần đến cái Tham Lam. Thành ra, ngài đã dùng cái lòng tham để trừ nạn đổ bác vậy. Cái phương sách cao kiến vô cùng, thiêng liêng vô cùng, mầu nhiệm vô cùng của ngài, khốn nạn thay, bị cái ngu dại của nhân dân đặt tên cho là Bịp! Mà cũng theo cái bộ từ điển ngu dại của bọn chúng sinh ấy, phương sách ấy còn có cái tên tất chẳng đẹp gì cho lắm nữa là b...

Muốn khảo cứu đến cái triết học của nghề b...

Ôi! Phiếm thay! Những kết quả đây kia đã đủ cắt nghĩa rõ. Bọn bịp được tiền đã có lợi là đã thực hành bá đạo để chống với cái luật thiên nhiên bất dịch là cái luật đào thải luân hồi. Bọn *mòng* dù có thua, dù để cha, mẹ, vợ, con phải nheo nhóc thì cũng có sự lợi là được dịp "mở mắt ra", mà ngăn ngừa bớt cái lòng tham vô lý đi, sau cùng, sẽ ly dị cờ bạc! Mà nếu bọn bịp, những kẻ thừa hành trung thành cái chủ nghĩa của ngài, mà nhỡ ra có sa hố thì lại càng là một sự may mắn cho chúng sinh lắm, vì nhờ đó, phương sách của ngài được dịp chúng sinh biết đến rồi quảng cáo hộ, mà rồi thực hành luôn thể nữa,

biết đâu! Một người là bịp, trong thiên hạ có *mòng*. Hai người là bịp, trong thiên hạ vẫn có *mòng*. Nhưng ai ai cũng là bịp cả, hoặc ít ra ai ai cũng một đôi khi là *mòng* hoặc một đôi khi *sa hố* thì bấy giờ sẽ là một cuộc văn minh tiến hóa lớn của nhân loại, vì lúc ấy ai cũng được cứu rỗi linh hồn rồi, không còn ai cờ bạc nữa, lúc ấy là lúc Thần Đổ Bác sẽ nhăn mặt, phải trông đến những tinh cầu khác, phải bỏ trái đất của chúng ta!

Bên trên là khái luận về cái chủ nghĩa của ngài. Công đức sự nghiệp chưa hiểu thế nào nhưng có được cái lòng thương đời như ngài, có được cái trí sáng kiến như ngài thì, một người thế, há chẳng đáng ghi chép để lại nghìn thu lắm ru?

Chủ nghĩa là cực đoan, là lấy bịp để trừ nạn đen đỏ, điều đó đã nói rồi, nhưng còn cách thức? Ấy đó mới là một điều đáng cho ta chú ý lắm nữa vì cách thức lại tỏ thêm rằng: Người là người có đại tài về khoa học.

Ngài một mình sáng kiến ra đến ba lối bịp (thôi, đành đau lòng phải dùng cái chữ ấy cho nó phổ thông vậy) riêng về môn xóc đĩa. Nào là *đòn bàn nhé*, nào là *đòn bát lò xo,* nào là *đòn Nam châm,* nào là *đòn thùy châu* thôi thì đủ thiên hình vạn trạng, thôi thì rõ thiên biến vạn hóa, sức người không thể nào tưởng tượng đến được, không tôi nào nghĩ nổi, những sự ấy là việc của những bậc Thần Thánh bất khả xâm phạm chớ không phải việc của người trần.

Đòn bàn nhé? Đó là những danh từ chuyên môn. Bàn đây là đĩa, cái đĩa bằng gỗ vậy. Nhé nghĩa là có lưỡi dao của bác thợ tiện đưa vào cho thành một đường vòng lõm, rộng hơn miệng bát có một ly thôi, chỉ đủ để kẻ xóc cái nhòm bài... Thật là một công trình của toán học vì bọn *mòng*, dù quỵch hay không, mặc! – có những con mắt yêu tinh quỷ quái đến thế nào cũng đố có thể nhận ra. Đánh xóc đĩa mà người xóc cái lại nhìn rõ được cả bốn đồng tiền giấy hoặc đỏ hoặc xanh thì việc: bán chẵn, bán lẻ, chẵn về, lẻ về, không cần ai phải dậy nữa.

Đòn bát lò xo? Ấy đó mới lại là một công trình về khoa học! Bát lò xo chỉ là thứ bát thường nhưng cái chỗ không thường là người ta biết dùng ve, dùng đục, dùng dũa, sau khi cạo nó, đục nó, khoét nó, người ta lại còn biết cách lắp vào lòng bát một miếng sứ tròn nhẵn nhụi lên trên một cái lò xo nhỏ, mà thần tình hơn nữa, có bấm nó mới "làm việc" chớ không thì miếng sứ tròn cứ cắn chặt vào lòng bát,

trong không thấy tí chút vết rạn, sờ không thấy tí chút gợn tay, cứ nhẵn lì lì. Nhẵn như cằm một người vừa cạo râu lúc nãy vậy! Trong cuộc đỏ đen, người ta có ai ngờ rằng tiền trong đĩa vẫn kêu đấy nhưng chính ra bị lò xo chặn cho không *dậy* được nữa, chỉ một mặt *rền* là *rền*. Các ngài, trong đám bạc, có *khát nước* bao giờ không?

Đòn Nam châm? Cái này mới nghe không có gì là đặc sắc vì nó chỉ ngụ cái ý đĩa thì có bắt điện nam châm vào, còn đồng tiền thì trong có vài cái giây phanh xe đạp. Việc tuy thường nhưng chỗ phi thường là người ta đã có thể nghĩ được ra nó. Ông Kha Luân Bố đập trứng cho trứng đứng lừng lững trên mặt bàn, khách cùng trong bàn tiệc không ai phục đấy, nhưng nào có ai đã nghĩ đến sự đập trôn quả trứng cho bằng phẳng đâu[1] . Lợi dụng khoa học tuy là đáng khen nhưng lợi dụng được cả những sự rất thường, lại càng đáng khen hơn nữa vậy.

Bây giờ thì đến *đòn thùy châu*. Nghe hát ả đào, có tiếng trống thùy châu thì đánh xóc đĩa cũng có ngón thùy châu. Tiếng *trống thùy châu* bắt người hình dung đến cái bàn tay ngà từ từ để rơi những hạt ngọc, nhưng *ngón thùy châu* trong sự mở bát chỉ là việc cầm một quân bài tổ tôm mà dưới là đồng tiền hai mặt một màu, không sấp ngửa gì cả. Mở bát lên, trong đĩa chính ra chỉ có ba quân bài. Nhưng người ta làm như là vẫn có cả bốn quân mà tiền chập lại với nhau vậy. Do lẽ đó, người ta mới cầm quân tổ tôm vờ xỉa cho nó rời nhau ra để có cớ vào cái đồng tiền một mặt kẹp sẵn ở dưới quân bài. Kéo tay ra, cả làng tưởng thế là xỉa bài, đố ai dám ngờ đó là *đòn thùy châu*. Có cách vào bài mầu nhiệm dường này, muốn cho nó chẵn hay muốn cho nó lẻ là quyền ở cái ông cầm quân tổ tôm xỉa bài chứ còn đâu là quyền của Thần Đỏ Đen nữa!

Ấy đó, những cách thức ngài dùng đến để triệt Thần Đỏ Đen. Đã biết thế rồi, ta chỉ còn cần khảo cứu đến cái số người thừa hành những cách thức đó là bao nhiêu là ta trọn cái phận sự ghi công ngài.

Con số là bao nhiêu? Mà người thì thuộc về những hạng nào? Ôi, kẻ viết bài này, cầm bút đến đây không khỏi run tay vì cảm động.

---

1. Colomb người đã tìm ra Châu Mỹ năm 1492 trong một bữa tiệc bị người ta cho là chẳng có gì tài giỏi, liền thách mọi người để quả trứng luộc đứng thẳng lên, không ai làm được, ông bèn đập trôn quả trứng cho bằng và để đứng được, khách ăn tiệc cho là chẳng có gì là lạ, ông liền trả lời: "Thế tại sao các ngài không làm trước tôi đi?".

Thôi thì đủ, vào giai cấp nào cũng thấy vô số đại biểu. Ngài có một ông chủ sòng giúp việc cần mẫn nhất, quí hiệu là Hai Ve. Ngài không bắt *mòng* ngay ở sòng nhưng tìm những nơi kín đáo, đánh chắc chỉ dăm ba người, những tay chơi bạc nghìn, bạc vạn cả!

Những con *mòng* quí hóa ấy, đã có hai ba cái *limundin*[1] thượng hạng đi rước ở tận vùng Đông, vùng Nam, vùng Bắc, nói tóm là đủ tứ phương, rước lên xe hơi như rước những ông quan lớn phóng về Hà Nội cho ngài.

Vào lúc sở Liêm phóng chưa để ý mấy, ngài được mặc lòng làm tròn cái thiên chức của mình là việc cứu vớt chúng sinh. Nhưng tiếc rằng sở Liêm phóng lại cứ hiểu nhầm, không biết rằng đó là ngài cũng đã trừ nạn đổ bác đấy nhưng dùng phương sách "lấy vi trùng trừ vi trùng" nên công cuộc kia phải mất nhiều thời kỳ gián đoạn.

Nhưng, không vì thế mà thoái chí, bọn thừa hành mà cái ngu dại của chúng sinh đặt tên là Tạ, vẫn được ngài truyền lệnh cho cứ việc... như thường.

Đó là những người mà ai cũng cứ nhầm, cứ ngoa ngôn kêu là "đầu trâu mặt ngựa", vẫn đứng ở đầu khắp các phố của Hà Nội, thấy ai qua lại cũng ghé đến gần để *tiểu chú*: "Này, có đi *gỡ* không?" Nếu người kia gật đầu, thế là được dắt vào một cái nhà, thường là một nhà mà bên ngoài dọn hàng cơm để... gỡ! Rồi *đòn lò xo* hay *đòn thùy châu*, cái đó, tùy... Bọn *tạ* săn đón khắp các cửa ô của Hà thành, bao bọc Hà thành vào trong một cái "lưới nhện" ghê gớm.

Có nói rõ đến cách tổ chức của ngài mới biết là người xuất chúng. Vì rằng Sở Liêm phóng tuy làm việc một cách giỏi không ai địch nổi là có thể khám phá nổi cả những hội kín, thế mà bọn tạ kia hành động công nhiên cũng không thấy mật thám nào biết đến, cái đó mới thật đáng chép trong cuốn sách "Những sự chẳng ngờ" vậy.

Kết luận bài này, chúng ta nên biết rằng chúng ta đã khảo cứu xong đời một người mà tài, một người mà công đức, một người mà, đối với người ấy..."

---

1. *Limousine:* ôtô hòm hạng sang.

XIX

KẺ Ở VỚI NGƯỜI VỀ

Gian phòng gác của ông Mỹ Bối tại một "tòa nhà" ở phố Hàng Bạc, tuy rộng hơn cái lỗ mũi đấy, nhưng hôm nay đã nghiễm nhiên bày rõ ra một cái quang cảnh của nơi nghị trường nhằm ngày các ông Dân biểu họp.

Sáu giờ sáng, sau khi theo đúng lời dặn ân cần của ông Ấm rằng lại chờ tại nhà này có một việc tối quan hệ, lúc tôi cùng anh Vân vừa để chân lên sàn gác, đã thấy đủ một nửa tá các ông tuổi từ hai đến bốn mươi, âu phục có, quốc phục có, "lai phục" nữa cũng có, – ông nào cũng chải chuốt tề chỉnh lắm, đang kẻ nước, kẻ thuốc lào, kẻ thuốc lá: nói chuyện bô bô như bọn dân quê gào, thét, mổ bò.

Tôi đưa mắt hỏi thì ông Mỹ Bối ghé vào tai tôi:

– Đủ mặt nhân vật của làng *b*... đấy nhé! Trông đã... sung sướng chưa? Cái ông đã già, ăn mặc nhũn nhặn đây kia là ông Cửu Sần, dáng người trông có vẻ dân... Đình Dù ấy. Còn hai người ngồi cạnh, cũng áo sa, giầy ban thì người có tuổi là Tư Cường mà người trẻ hơn, trông mặt hao hao giống kép Phẩm của Cải lương Hí viện là hai Yêm. Ngồi đối diện anh chàng giầy ta, mũ tây là Quế con và anh chàng khăn lược, giầy đơculơ [1] là Khương Sinh từ. Cậu trẻ nhất, mặt ngây ngô như chúa Tầu nghe kèn kia là Bập. Còn người trông mặt bịp nhất, cầm can bịt bạc kia là Bỉnh...! Ông trông có phải họ người nào cũng ra vẻ... thật thà cả không! Thật thà cả đấy chứ?

Vừa lúc này có tiếng giầy nện trên bậc thang. Ông Ấm bước lên, bắt tay một lượt rồi quay lại hỏi anh Vũ:

– Thế nào? Thằng cha Sinh đâu?

– Lão ấy không có nhà. Tối hôm qua đến thì vợ lão mặt sưng mày sỉa lên kêu rằng chồng mình hôm qua phát tài, có lẽ lại đâm sang hát bên Gia Quất.

Ông Ấm thở dài:

---

1. *Deux couleurs:* là giày đóng hai màu da khác nhau.

– Thế thì ra nó vẫn cứ điên mãi thế ư? Rõ bụt nhà chùa không thiêng có khác? Làm chủ một nhà ả đào mà chỉ cờ gian bạc lận để rồi lại đem đi phụng dưỡng các "mẹ nuôi" ả đào khác!

Vũ thêm:

– Nhưng tôi cũng đã dặn vợ lão rằng lão về thì bảo đến sáng hôm nay lại đây để ông Ấm bảo có việc can hệ.

Ông Ấm:

- Được lắm... Mà tôi sở dĩ mời anh em lại đây họp đông thế này, không phải có việc tối can hệ gì, chỉ là việc đi đưa ma... Ba Mỹ Ký chết!

Bao nhiêu người sửng sốt hỏi một lúc:

– Ba Mỹ Ký chết rồi à? Chết bao giờ?

– Chết vào lúc 10 giờ đêm hôm kia. Vì anh em xưa nay vẫn khinh nó, vẫn ghét nó vì chúng hay *hụt* hay *bồng* nên sợ bảo thật thì ít ai đã chịu đi đưa, tôi mới phải nói dối là có việc can hệ. Thôi, dù sao hắn đối với chúng mình cũng có chút tình đồng nghiệp, mà xưa nay anh em đi chinh phục thiên hạ vẫn phải dùng đến khí giới của hắn, nghĩa tử là nghĩa tận, anh em cũng nên chịu khó đi đưa một buổi cho phải đạo và cho..., thiên hạ trông vào. Mình nên ăn ở với nhau cho có nghĩa.

– Tưởng gì? Thế mà cụ làm tôi bỏ mất một con *mòng* rất sộp hôm nay! – Nó ở với tôi như thế còn tình nghĩa gì mà bảo tôi đưa nó? – Tôi với bác ấy chỉ quen nhau loàng xoàng.

Đối lại những lời bất mãn này, ông Ấm chỉ lấy câu:

– Thôi, nghĩa tử là nghĩa tận...

Tôi đến gần ông Ấm:

– Tôi chỉ đến thăm "xưởng chế tạo khí giới" có một lần mà bây giờ cụ cũng bắt đền bằng một buổi đưa đám ư? Nghĩ kỹ ra, sự tôi đi đưa không có nghĩa gì cả.

Ông Ấm lôi tôi ra một xó gác:

– Kể thì ông nói rất phải. Thôi, ông chịu vậy thì tôi có ý muốn đám ma long trọng để chữa cho cái cảnh khổ của Ba Mỹ Ký là cái nghèo. Không nên để một linh hồn phải chịu tủi nhục. Vả lại, đối với người chết thì thế nào cũng được nhưng còn đối với cả người sống? Tôi muốn gia đình và họ hàng anh Ba Mỹ Ký biết đến cái nghĩa của *làng b*... Tôi thật bất bình về thái độ của mấy thằng cha kia. Chúng

nó có gan, trong đám bạc dám đánh *đòn ống, đòn kìm, đòn Vân Nam*, sao chúng lại đến nỗi đê hèn là không có gan đi đưa một người anh em trong làng bịp? Chúng nó mà còn sợ xấu hổ nữa à?...

Ông Ấm im một lúc cho qua cơn giận rồi lại tiếp:

– Mà tôi, hôm nay cũng có một ông Châu ở Hòa Bình về gọi đi có việc. Trên ấy mở hội, ông định mở bát, nhân tiện về Hà thành có tạt vào gọi tôi. Đáng lẽ bây giờ tôi đang phải sửa soạn hành trang và mọi đồ... khí giới thì mới kịp. Nhưng, còn cái đám ma ấy, biết làm thế nào? Tôi lại không biết chỉ nghĩ đến cái lợi cho tôi thôi ư? Còn ông, ông cất công đi đưa, tôi xin thay vong hồn người chết mà tạ ơn ông, mà tôi cũng xin chịu ơn cái lòng quí hóa của ông như ông..., như ông đưa đám tôi vậy!

Lúc này thấy anh Vũ reo lớn:

– Đây rồi! Bố Sinh đã đến kia!

Một người mà hai mí mắt còn nặng trĩu cái buồn ngủ, mũ dạ xám, áo trắng, quần lụa, giầy băngtúp [1] với bít tất vẩy tê tê, lò dò bước vào rồi hỏi:

– Làm gì mà đông thế này? Việc gì tối can hệ thế?

Tham Ngọc đón lời:

– Ba Mỹ Ký chết rồi. Anh em rủ bác đi đưa ma...

Lão Sinh quay lại hỏi ông Ấm...

– Ba Mỹ Ký chết rồi à? Gọi tôi đi đưa à?

– Phải.

– Thế thì bố giết con thật!... Bố đi bố nói là việc tối can hệ, làm con bốn giờ đêm về thấy nó nói, không dám cởi quần áo nữa, cứ thế này ngả lưng chợp mắt một lúc thấy đánh 5 giờ đã choàng dậy, thuê hai hào xe đi ngay đây!... Rõ bố giết con thật!...

Ông Ấm cười:

– Thì anh cũng giết tôi nốt! Anh đi đưa ma mà ăn mặc thế này có khác gì anh chửi xỏ cả người chết lẫn người sống không?

Đến lượt Sinh ngắm lại bộ mã *lộ tẩy* của mình xong, nhe răng vàng ra cười trừ.

---

1. *Bantoufe:* giày vải đi trong nhà.

Vẳng thấy tiếng kèn, tiếng trống nổi lên ở phía ngõ Trung Yên, chúng tôi vội vàng kéo nhau xuống gác.

*

* *

Một cành phan, một cái kèn, một cái nhà táng sơ sài bé nhỏ, sáu người vận tang phục, mười hai người áo quần cũng khá sang trọng, chỉ có thế, đám ma qua phố Bờ Hồ.

Xếp hàng ba một, bọn người đưa đám, theo đà chân của bốn bác phu đòn, đủng đỉnh giẫm bẹp những thoi vàng mà đi. Hàng đầu có ông Ấm B... Hàng sau cùng là tôi với ông Mỹ Bối. Ít cảm tình với người chết, chúng tôi không đi gần những người có tang phục và dùng những cái phút này để nói chuyện về nghề *b*... Ông Mỹ Bối cho tôi rõ một thủ đoạn của ông Cửu Sần:

– Lão ta nhờ được cái vẻ mặt trông rất Đình Dù nên dễ phất nhất. Tuy cũng *đánh ống, đánh lớp, đánh mẫu tử, đánh giác* đủ ngón đấy nhưng lão còn một ngón rất đặc biệt nữa, ngón mà sử sách đã từng biên chép là ngón *đòn Ba Giai*. Trước khi ngồi vào đám tổ tôm hay tài bàn nào, nếu người đánh toàn là anh em thì lão ta đã *tiểu chú* với cả hai hay bốn người kia rằng nếu mình hạ ù, dù có thiếu *lưng* hay thiếu *phu* thì cứ ngơ đi cho rồi lão sẽ chia tiền cho, sau khi tan cuộc. Thành thử lúc đánh, thấy lão hạ ù, ông nào cũng có nhìn bài đấy nhưng ai cũng làm ra lối quân tử, chỉ qua loa theo lối che mắt thế gian. Bốn người cùng nhìn nhưng không ai nói gì, ông nọ sung sướng ngang với ông kia, ông nọ cho ông kia là mù và quỵch. Đứng lên, sau cùng thì lão không chia cho ông nào cả; mà sự ức ấy, tuy nó là cái ức chung của cả bốn nhưng không ai dám thổ lộ với ai thành thử nó chỉ là cái ức của một người thôi. Lối bịp này chép của Ba Giai, con người ngang tàng ở đời vua Tự Đức! – Còn lối bịp khôn khéo nữa, có thể đặt tên là *đòn nội phản* thì của Tư Cường. Thí dụ *mòng* là người không biết đánh, chỉ biết ké thôi. Thì *mòng* thò ké cửa người nào là người ấy thua, hoặc quên ăn, quên phỗng, bỏ ù cho người khác được. *Ké* đến ba cửa mà không một ván nào được cả, khôn ra thì còn khá chứ lại *nóng húc*, chỉ có mà *trần*!

Rồi ông Mỹ Bối lại kể một cách *làm tiền* riêng của ông. La cà vào chơi nhà nào có đám bạc, mà trong đám bạc lại có một ngài bịp,

ông chỉ chờ tan cuộc là làm một câu: "Hôm nay phát tài thế, trả cho chỗ ba *của* giựt tạm hôm nọ đi thôi" là bịp kia đủ hiểu ý rồi. Rồi ngài bịp kia sẽ ra một chỗ rút tiền cho ông, vì câu nói trên chính là một câu hăm dọa vậy.

Tôi đang ngẫm nghĩ về những điều kỳ lạ một cách ra ngoài sự tưởng tượng ấy, chợt thấy Vũ với Vân đi trước mặt tôi rũ rượi người ra vì cố nhịn cười. Trong tay Vân có một mảnh giấy. Tôi giựt lấy giấy, cùng ông Mỹ Bối đọc xem. Thì ra một bài văn tế khôi hài viếng anh Ba Mỹ Ký!

Ngày 10 tháng 6 năm Quý Dậu

Ngu đệ là bịp Vũ, đứng trước bài vị vong huynh Ba Mỹ Ký vỗ ngực đôm đốp kêu to rằng:

Thần Đổ Bát nghiến răng cau mặt, xót xa thương môn hạ trung thành.

Quỉ Đỏ Đen múa lộn cả cười, hí hởn thoát kẻ thù tai hại.

Than khôn nguôi mà khóc cũng khôn nguôi.

Im cũng phải mà nói ra cũng phải.

Nhớ bạn xưa:

Ngực lép quân bài.

Mặt trông lộ tẩy.

Gây thú bạc bài cho đám trếch, *sự nghiệp này thôi tiếng để nghìn thu.*

Trừ vạ đen đỏ giúp làng b... công đức ấy hẳn thơm còn vạn đại.

Tận lực săn mòng, *lần mò xuôi ngược.*

Lăn lưng kiếm đất, chinh phục đông tây.

Bắt bọn quých *vài mươi ngón bịp, nào* đánh ống, *nào* hụt mọc; *nào* xếp lớp, *mới hay gan quỉ thuật ma tài.*

Giúp làng b... dăm bảy thứ hàng, nào mẫu tử, *nào* giác bóng, *nào* giác mùi, *thật rõ công chuyên khoa quỉ quái.*

Ra xã hội đã khôn ngoan cản trở, đóng kịch chim mồi.

Ở gia đình còn nhẫn nại điểm tô, chế chuyên "khí giới".

Long đong thay! Thân thể lên voi xuống chó bao lần.

Lật đật bấy! Cuộc đời từ tạ đến b... mấy hội.

Hơn mấy chục năm lăn lóc, nào dĩa kìm *nào* bát nhé, *đổi bàn này, thay chiếu khác, bịp vung tàn tán, than ôi cay vẫn hoàn cay!*

Gần ba vạn cuộc miệt mài, nào ngón hụt, *nào* đòn bông, *phịa chuyện nọ, đặt cớ kia, gian lận như ranh, ngán nỗi tấy không thấy tấy!*

Than ôi!

Một nghề đen, đỏ, – tôi ở, anh về.

Hai chữ được, thua, – kẻ nhường người lấy.

Cay đắng bồ hòn xoa mắt tớ.

Gắt gao muối ớt xát lòng ai.

Vừa ngày nào; ta đây bạn đó, người bò nhoài thì kẻ giở Vân Nam.

Mà bây giờ: kẻ khuất người còn, ta tố bừa thì nháy ai tháo cáy!?

Thôi chẳng may mỏng phận ngắn đời.

Xong nay đã kèn đây, trống dấy.

Ngu hữu dám xin tỏ chút tâm thành:

Nước mắt ba dòng, điếu văn một cái

Quỳch mòng *chẳng một,* – tạ, bịp, *hàng giây.*

Bạn khôn thiêng chăng?

Xin... ngồi nhổm dậy.

Ô hô!... Ai tai!...

Cái ông Mỹ Bối sao mà vô ý tứ! Ông quên bẵng ngay mất rằng mình đang đi đưa ma mà sằng sặc lên cười. Ông tự do như đang ngồi trong rạp hát vậy. Tuy đi tận trên hàng đầu, ông Ấm B... cũng nghe thấy. Ông Ấm quay lại nhìn, sa sầm nét mặt dừng chân lại, chờ cho hàng cuối cùng lên tới chỗ ông đứng rồi nghiêm nghị:

– Lúc này là lúc các ông cười đùa đấy ư?

Ông Mỹ Bối đưa ra mảnh giấy, trỏ Vũ mà rằng:

– Chỉ tại cái thằng ông mãnh kia!

Ông Ấm cầm bài văn tế, liếc mắt nhìn qua rồi thụi ngầm ký Vũ một cái:

– Anh muốn để thiên hạ người ta chửi cho cả lũ đấy à?

Vũ cũng khôn, cứ vừa đi nghiêm trang vừa ngẩn mặt ra, làm như không hiểu chuyện gì cả.

Còn thái độ anh Vân thì thật khó hiểu, vì anh cứ thơ thẩn người ra như kẻ bị ma bắt mất hồn. Tôi khích cánh tay, bỏ nhỏ với ông Mỹ Bối:

– Kìa, trông "người anh em"! Hay không

Lập tức ông ta cắt nghĩa ngay cho tôi cái thái độ ấy.

Đó là người anh em thất vọng đấy. Mà để người anh em bơ phờ ra thế là lỗi tại tôi. Hôm qua, Vân lại chơi tôi, có cả động đến mỹ nhân ở Đường Thành. Buột mồm, tôi lại đi tôi nói phắt ngay ra rằng mỹ nhân đã có lần lại lấy của tôi thuốc tim la với thuốc lậu...

– Gớm nhỉ?... Mỹ nhân lại mắc lậu và ông lại còn là thầy lang chữa bệnh lậu nữa đấy à?

Lúc này tình cờ có hai thầy lính cảnh sát đi qua làm cho ông Mỹ Bối được dịp pha trò bằng câu thì thào:

– Ấy chết, khẽ chứ. Tôi không có môn bài mà ông cứ nói bô bô lên thế thì thật bằng ông giết tôi!...

Tôi cười và bắt tay ông ta:

– Xin đa tạ ông lắm. Cái vô ý của ông tuy có lỗi là làm cho Vân thất vọng nhưng đối với tôi nó lại quý hóa vô cùng. Nếu không, dễ không bao giờ tôi cầu được khúc hát "Qui khứ lai từ" [1] của Vân...

– Thế nhưng tôi đã vô tình phá mất cái kế mỹ nhân của ông Ấm!... Ông không hiểu ư? Vân là chim mồi có giá trị, lắm *đất,* mà Vân lại hiếu sắc... thì ông Ấm cho Vân lên *cản* ở Đường Thành!

*

* *

Đám ma đến quá cửa ô Bạch Mai phải đứng dừng. Trước mặt là một xe gạch đổ tung tóe ra giữa đường, bên phải lù lù mấy toa xe điện đỗ ở chỗ tàu tránh nhau, mà đằng xa thì tiếng còi ô tô rúc lên như mấy trăm con lợn bị chọc tiết trong một lúc.

Người dừng bước, kèn cũng im hơi.

Một, hai cái, bốn, sáu cái xe hơi xình xịch dẫn qua đã làm cho người ta phải tưởng là không bao giờ hết... thì cái thứ bảy lại sừng sững hãm máy, đỗ ngay bên cạnh sườn chúng tôi. Trên ô tô bước xuống một ông có tuổi, đẫy đà. Do y phục mà suy, phi một ông quan tất một ông trọc phú. Người ấy lật đật chạy lại vỗ vai ông Ấm B...

---

1. Đào Tiềm, nhà thơ lớn đời Tấn ở Trung Quốc nhiều lần ra làm quan cứ từ chức về cày cấy mà ăn, sau cùng làm Huyện lệnh Bành Trạch có tám mươi ngày rồi viết bài "Qui khứ lai từ" (năm 406) tỏ rõ quyết tâm trở về quê cày cấy, trồng trọt mà sống cho đến hết đời.

Hai người lôi nhau ra một chỗ, nói với nhau những gì khiến cho anh em *làng b...* phải trô trố nhìn không chớp mắt. Rồi thấy ông Ấm ra hiệu gọi tôi, ông Mỹ Bối và anh Vân...

– Trong ba ông, ông mô đi được Hòa Bình với tôi nào?

Đã đành là tôi không đáp lời, mà đến anh Vân cũng không đáp nốt. Anh đưa mắt cho ông Mỹ Bối mà rằng:

– Ông đi thì hơn. Trông ông được cái... bệ vệ.

Ông Mỹ Bối nhất mực chối từ. Trong mười phút cứ người nọ đùn cho người kia, mà ông Ấm thì nèo cả ba, sau cùng đến anh Vân phải nhận! Ông Ấm nói với chúng tôi:

– Xin giới thiệu: quan Châu... thuộc Hòa Bình.

Chúng tôi khẽ nghiêng đầu, con mắt tinh quái liếc nhìn ông Châu. Ông ta vẫn thản nhiên lắm! Ông Ấm có ý phàn nàn:

– Tôi đã hẹn quan anh đến 11 giờ trưa vì tôi đang bận đưa đám thì quan anh lại cứ ép đi ngay!

Ông kia rút cái bót thuốc lá dài hơn một gang tay ở miệng ra:

– Thôi, quan anh bằng lòng vậy, tôi còn nhiều việc lắm mà thời giờ thì kíp quá rồi. Quan anh lên xe, rồi ta về nhà lấy hành lý.

Thế là ông mở nhanh cửa xe có ý thúc giục. Ông Ấm quay lại:

– Ông nào có việc cần lắm hãy về, còn nếu có thời giờ thì cứ đi đến huyệt cho chu tất hộ tôi nhé, anh em nhé! Thôi, tôi xin tạm biệt các anh em...

Ba người bước lên xe, xe chạy đi, để lại ít khói xanh và ít bụi. Lúc này là lúc anh em *làng b...* kháo nhau ồn ào.

Ông Mỹ Bối, một cách chán nản:

– Mình cũng về đi thôi.

Ông gọi xe, chúng tôi bước lên. Tôi hỏi:

– Sao ông lại cứ nhường cho anh Vân? Để tôi lại không lôi nổi anh ta về Bắc! Đang khi ông bị lúc kinh tế quẫn bách mà lại bỏ mất một dịp phát tài?

Ông ta, lạnh lùng:

– Thôi, lăn lộn trong *làng b*... thế là đủ rồi, cần gì phải lõa lồ quá nữa? Đám ma anh Ba Mỹ Ký đã khiến tôi có những cảm tưởng lạ lùng và lấy làm chán chường về cuộc "đời theo bịp" của tôi.

Câu ấy khiến tôi quay cổ lại nhìn. Anh em làng bịp, vắng ông Ấm, như quân vô tướng, hổ vô đầu, bỏ mặc kệ đám, lên xe điện tìm đường chuồn cả. Sau cái nhà táng, chỉ thấy còn có sáu người vận quần áo tang.

Phố xá vẫn giữ cái rộn rịp, hoạt động của ban ngày.

Người phu cắm cổ kéo chúng tôi trở về, lại theo con đường rải rác có những thoi vàng hồ, con đường đi về chỗ ở cuối cùng của một người mà cái ban ngày của cuộc đời không xóa nhòa vết tích...

Đăng trên *Nhật Tân,* 1933;
Đời nay xuất bản, Hà Nội, 1935.

KỸ NGHỆ LẤY TÂY

(Phóng sự)

I

ĐẦU VÀ TAI

Nhà bà bán hàng nước ấy đã bắt đầu run...

Trước một cơn thịnh nộ vô nghĩa lý của một kẻ sức lực hơn mình, tôi vội phải đứng ngay lên và lùi mấy bước để giữ thế thủ. Giữ một cách kể cũng hèn, vì cái thế mình đúng là mình không dám để lộ, mình vẫn cứ phải làm như chỉ nhượng bộ, và sợ sệt, và khuất phục nữa, vì sợ cái thế thủ của mình cũng đủ khiêu khích cho bên địch lại càng khởi thế công!

Những lời dọa nạt vẫn không thôi hắt vào mặt tôi như một cơn mưa nặng hạt:

– Phải! Một trăm thằng thì đều lấy cớ là đến du lịch cả trăm. Nhưng bọn chúng ta không còn ai lạ gì! Cái đất Thị Cầu này vẫn là chỗ để cho bọn trẻ tuổi nhàn cư đến ăn trộm ái tình hoặc giở giói những thủ đoạn hèn mạt khác, bọn người bản xứ khốn nạn ấy thường cũng có những bộ dạng khả nghi y như anh! [1]

Kẻ gây sự như thế với tôi vừa la xong thì hai bàn tay hộ pháp của va đã nắm tròn. Cái mặt va khiến tôi phải nhớ đến một vài vai trò trong phim Big House. Mép, cằm và quai hàm của va tua tủa những sợi râu mới đâm ra vài hôm làm cho va có cái vẻ ngang tàng của Jean Valjean khi mới vượt ngục.

Chừng như nước mặt của va chỉ có đến thế, và chỉ còn cách nhổ xuống đất một cái tỏ ý khinh bỉ, và dồn cả sự căm hờn vào đôi mắt

1. Nếu độc giả thấy câu văn ấy là ngây ngô thì xin nhớ cho rằng tôi cố dịch những lời nói tiếng Pháp đúng từng chữ một để khỏi sai lạc tinh thần những người nói. (Chú thích của tác giả. Mọi chú thích trong phóng sự này đều của tác giả - NBS).

đe nạt tôi. Trước mặt tôi là một con hổ đang muốn gầm. Nhưng trước mặt con hổ lại có sự thản nhiên bình tĩnh của tôi, – lớp rào sắt ngăn nó vậy. Tôi đợi va căm tức tôi chán chê đi rồi mới đáp:

– Tôi đây không thuộc vào hạng người mà các ông chồng ghen tuông phải gặp mặt thì mới xong đâu! Anh đừng vội nhầm.

Sau cùng, va lầu nhầu:

– Tôi rất hy vọng thế đó. Và tôi xin báo trước anh rằng, nếu tôi sẽ bắt được quả tang anh làm một chuyện bất lịch sự gì thì mặc lòng là thiệt hại cho tôi hoặc chỉ thiệt hại cho ông bạn đồng ngũ của tôi ở đây, tôi cũng sẵn lòng "hầu hạ" anh ngay!

Tôi đáp gọn:

– Xin vâng. Và cảm tạ.

Thế xong va mới chịu quay đi, lộp cộp in xuống mặt đường lầy bùn dấu giầy đầy những vết đanh khuy to tướng.

Đó là một dân nước nào bên Tây phương? Người Đức hay người Nga? Người Ý hay người Bỉ? Hay một người Ba Lan?

Tôi không biết và có lẽ cũng không cần biết rõ đến thế. Điều tôi cầm chắc là bác lính lê dương ấy, thấy một người trẻ tuổi lạ mặt ở giang sơn mình mà đã nổi nóng, tất nhiên có phen bị vợ, hạng phụ nữ Việt Nam đi lấy Tây lừa dối hẳn hoi rồi. Nghĩ kỹ ra người ta cũng có quyền nghi ngờ mình và sinh sự với mình. Lẽ thứ nhất là vì người Âu ở Đông Dương có cái thói quen hễ cứ thấy một người bản xứ làm báo thì nghi cho là làm hội kín cũng như thấy một người vận âu phục lại gần nhà mình là chỉ một nghề đi chim vợ Tây!

Và lẽ thứ hai là vì ở cái... "Kỹ nghệ lấy Tây" nữa.

Những cuộc phối hợp của một số đông phụ nữ nước nhà với những người Tây phương liệu có đáng là những cuộc nhân duyên hẳn hoi không? Hay đó chỉ là, chỉ như... chỉ hao hao giống... chỉ phảng phất... đáng gọi là một thứ "kỹ nghệ"?

Trước khi nêu lên đây những việc có thể đáp lời cho câu hỏi ấy, tôi hãy xin kể qua mấy cảnh mà, nhờ đó, tôi thấy ra trong óc cái câu hỏi kỳ lạ trên kia.

Trước nhà thờ chính, Hà Nội...

Buổi sáng, tiếng chuông đương khua động cả kinh thành.

Bốn chục chiếc xe hơi từ thềm nhà thờ nối nhau một hàng dài vắt ra phố Lagisquet như một con rắn bể kỳ quái nằm vươn mình: một đám cưới Tây. Mặt trời tươi tỉnh rọi ánh sáng để điểm thêm cho những bộ áo của những ngày đại tiệc. Hàng đám người ta đón chào vồn vã nhau, ồ ạt kéo nhau vào nhà thờ. Tại một góc thềm nọ, hai nhà, một gia đình Pháp trăm phần trăm và một gia... đình Pháp – Việt đương tưng bừng trò chuyện với nhau. Cái gia đình Pháp chỉ có hai người: bà vợ trẻ và rất đẹp, còn ông chồng đã già, tóc đã bạc phơ, tinh thần trông oai nghiêm sang trọng như một ông công sứ nào vậy. Còn cái gia đình Pháp – Việt thì có bốn người: ông chồng Pháp, bà vợ Nam, với hai con (tất nhiên là lai) trai và gái. Cặp vợ chồng quý phái người Pháp trăm phần trăm kia đã bắt tay bà "đầm ta" một cách kính cẩn không ngờ. Bà này cứ khanh khách cả cười, tiếng Pháp làu bàu, tiếp chuyện đã tự nhiên, mà bệ vệ, mà sang trọng!

Một cảnh như thế khiến ta có cái cảm tưởng dễ chịu khi thấy một người đàn bà là dân một nước còn "dã man", lấy chồng người bảo hộ mình hẳn hoi mà cũng không lép vế. Lấy Tây như thế hẳn không là làm một kỹ nghệ.

Một cảnh khác nữa...

Một cái nhà Tây nhỏ ở vùng Châu Thành.

Ngoài sân.

Dân quê qua đường thường phải ngạc nhiên mà dừng chậm đà chân mỗi khi thấy một ông Tây chân đi guốc mộc quai cao su lúi húi cầm bồ cào san một luống rau giữa lúc vợ ông ngồi chễm chệ trên ghế mây ở dưới hiên, đan một cái áo len và tặng cho mấy đứa con lai nghịch ngợm những tiếng nói cả Pháp lẫn Nam, thứ thì để chỉ tên súc vật, với thứ nữa, chuyên chỉ để réo đến năm đời, mười đời. Đó tưởng cũng là một bức tranh về hạnh phúc gia đình, mặc lòng có những lời nguyền rủa tục tằn của người đàn bà An Nam. Người chồng vốn là cựu chiến binh, có lẽ đã quen tai với những tiếng súng đại bác ở Verdun, nên cũng không chấp chi ngôn ngữ mọi rợ của một mụ đàn bà mọi rợ.

Nếu chỉ thấy toàn những cảnh như thế, tôi đã chẳng dám nghĩ đến sự viết một thiên phóng sự với cái nhan đề *Kỹ nghệ lấy Tây*.

Nhưng, một buổi sáng kia, một me Tây trước vành móng ngựa tòa trừng trị đã nói một câu khiến cho công chúng quên khuấy ngay

mình đương ở chỗ trang nghiêm, tưởng dễ lúc đó đương xem hát bội mà thích chí cười ồ.

Viên thông ngôn, vừa dứt tiếng gọi. Một thị khua rộn gót giầy mang cá đỏng đảnh dẫn xác lên. Cử chỉ tuy vô lễ, khả ố, song cái mặt trông lại khả ái.

– Tên là gì?

– Nguyễn Thị Ba.

– Bao nhiêu tuổi?

– Hăm nhăm.

– Làm nghề gì?

– Trước lấy một ông phó đoan, sau lại lấy một ông...

– Im! Nghề gì chứ ai hỏi chồng!

– Sau lấy một ông *cậpten.*

Viên thông ngôn cáu kỉnh làm luôn:

– Không có nghề phải không? Vô nghề nghiệp (quay lên quan tòa) *Sans profession.*

– Việc gì mà vô nghề nghiệp?

– Thế làm nghề gì?

– Làm nghề gì? Làm nghề... làm nghề lấy Tây!

Công chúng cười ồ. Viên mõ tòa đứng lên suỵt suỵt hoài mà ở cuối tòa vẫn có tiếng cười khúc khích. Đáp một câu hỏi của quan biện lý, viên thông ngôn bực mình cứ việc:

– *Elle déclare exercer le métier d'épouser les Européens!* [1]

Ông biện lý ngẩn người ra nhìn ông chánh án. Ông chánh án cũng ngẩn người ra nhìn ông biện lý. Rồi hai ông mỉm cười.

Lời khai nọ cũng đã ngộ nghĩnh, cũng đã táo tợn thay. Nhưng sao thị kia dám khai sưng sưng như thế? Hay là có nghề lấy Tây thật? Mà sao hai ông quan tòa lại chỉ mỉm cười? Chỉ tha thứ, hay là hai Ngài đã hiểu lời khai ấy không sai với sự thực đó chăng?

Tôi muốn hiểu sự mỉm cười tha thứ của hai ông quan tòa.

Cho nên buổi sáng mưa phùn gió bấc, tôi đã đội vào đầu một cái cát két, ôm dưới nách một cái cặp nhỏ, đáp chuyến xe hơi thứ nhất đi Thị Cầu.

---

1. Thị báo thị làm nghề lấy Tây!

Các me đã chia chồng Tây ra làm ba hạng: Xi vin, cô lô nhần và lê dương.

Tôi muốn đến chỗ có thứ hàng hạ giá nhất đã.

Trước khi thẳng tiến trên con đường vào làng Cổ Mễ nó dắt tôi qua xóm các me, tôi mới kịp ngồi tránh mưa tại một hàng nước có một bà "nguyên vợ Tây" ngồi bán, thì thình lình bác lính nọ đến gây sự với tôi.

Một anh làm báo trẻ tuổi, và yếu ớt, lại lăn lóc ở chỗ có những ông chồng cả ghen người Âu châu thì cũng là một sự nguy hiểm đấy.

Khốn nỗi, tôi chỉ muốn hiểu nghĩa lý cái mỉm cười của hai ông quan tòa.

*
* *

Bóng người lính lê dương ấy đã khuất sau bức tường của Nhà Ngựa, bà hàng nước mới bết tái mặt hộ người khác (là tôi) và hỏi:

– Anh chàng cà cái gì thế ông?

– Có gì đâu: họ ghen tôi đấy. Sao bà lại cười?

Bà hàng nước vẫn cười, cười mãi, rồi mới nói:

– Biết mà! Anh chàng ghen là phải. Vừa mới chủ nhật tuần trước, anh chàng bắt được quả tang vợ đi chơi với giai.

– Thế à!

Bà hàng tiếp:

– Hôm ấy chẳng may hắn lại săngtynền nên không làm gì được vợ. Về sau chị vợ chối mà bảo đấy là đi với em họ sang có việc nhà. Phúc làm sao nó chỉ cho có mấy cái tát.

Bị mấy cái tát mà lại còn là có phúc! Độc giả nên cố hiểu đi, chứ người nói thế không hóa dại một tý nào. Nếu mình đi tưởng rằng ấy là câu pha trò thì lại là không tri kỷ với bà ta.

– Thế ông ở đâu đến đây làm gì?

– Nguyên tôi làm nghề nhật trình, đi chơi lang thang, có gì hay thì viết.

– Thôi chết tôi rồi. Còn trách gì bác lính kia?

Bà hàng cứ gật gù cười một cách tinh quái làm sao! Bà ta cũng nghi tôi nốt!

Vội vàng tôi phải nói một cách rất đứng đắn cho bà ta nghe là tôi không có nhân tình nhân ngãi với ai ở đây, và hỏi bà ta những điều cần hỏi. Nhờ cuộc trò chuyện, tôi mới biết đại khái đồn Thị Cầu.

Trời vẫn rả rích mưa to, nhưng vũ vô kiềm tỏa... Cho nên bà hàng nước cũng buồn, chẳng còn cách gì khác là kể hết, kể hết cho tôi.

Tuy chỉ có vài ngọn đồi, một nhà ga với vài trại lính, Thị Cầu cũng đáng gọi là một tỉnh "quốc tế", cũng như Chùa Thông, Tuyên Quang, hay Việt Trì. Bề ngoài thì nó còn có gì tỏ ra cái tính cách quốc tế được! Nhưng ta thử ngắm về cái tinh thần nó xem! Ba trăm lính lê dương đóng đồn tại đó thì biết bao nhiêu thứ người các nước bên Tây phương? Trong các hàng ngũ một người Đức đứng cạnh một người Nga, một người Lỗ đứng cạnh một người Bồ Đào, nhưng ai cũng đều bập bẹ nói tiếng Pháp cả. Trong 300 người, mỗi khối óc là một cái thế giới riêng. Ba trăm cái tiểu sử hoặc lâm ly hoặc bi hùng trộn lẫn nhau tại đó. Muốn tưởng tượng ra được những cuộc đời của họ, ta cần phải đã có xem chiếu những phim: Le grand jeu, Je suis un évadé, Le passger v.v... Người này có lẽ đã chọc một mũi dao nhọn vào cái cổ trắng nõn như ngà của một người đàn bà đã phụ bạc... Kẻ kia có lẽ bắn súng lục vào ngực một người mẹ đã cho bố mình mọc sừng. Một kẻ khác nữa có lẽ đã đâm chết vài thằng phản đảng một đảng quá khích.

Rồi thì họ đăng lính, đến đây để tìm sự sống còn hay tìm cái Quên.

Dù xưa kia là (...) một kẻ sát nhân xoàng, một người lê dương thì ít ra cũng đã là một ông cọp. Họ thường có những lá gan, quả mật to phi thường. Nếu họ phải lấy một người vợ đất Nam Việt thì đó là hùm thiêng khi đã sa cơ.

Mà 300 lính ít ra cũng phải chế tạo được 350 me Tây và vì bao giờ cũng phải có một số các me nghỉ việc. Thí dụ cứ cho là 50 me "thất nghiệp" thôi, ta cũng đã có thể đoán trước được những sự cạnh tranh hèn hạ, phỗng tay trên nhau, phá giá nhau. Một người chồng không mỗi lúc đã trở mặt hóa ngay ra được một bạc tình lang thang, nếu luật cung không quá luật cầu.

Trước, tôi chỉ muốn hỏi: lấy Tây có thể gọi được là một kỹ nghệ không thì sau khi trò chuyện với bà hàng, tôi thấy rằng kỹ nghệ ấy đã đến hồi suy đốn nữa!

Vì rằng bà ấy đã nói:

– Tuần lễ trước có cả mấy cô thiếu nữ Hà thành cũng sang đây để kiếm chồng! Có chồng rồi, vì không biết nèo cho được đồng lương cao, thành ra không đủ tiền mua rượu, thuốc lá, đồ hộp cho chúng nó. Thiếu thốn, bị chồng vặc, chưa chi đã sợ, ấy thế là bảo nhau tìm đường chuồn. Thành thử lấy chồng lỗ vốn! Rõ khốn nạn! Tài có, sắc có, chữ nghĩa cũng có mà thế đấy! Bảo vía như tôi chẳng hạn thì đã đành. Nghe đâu bây giờ một cô ả trong bọn ấy sang một tiệm nhảy ở Đáp Cầu xin làm cavalie.

Nào cô Nguyễn Thị Kiêm đâu?

Đó, một tài liệu cho cô để diễn thuyết về vấn đề chức nghiệp của phụ nữ!

Tự nhiên bà hàng lại mách:

– Lại còn điều này mới chua chát: bây giờ vô số anh không chịu lấy vợ, chỉ rượu và quây quần nhau lại một chỗ để bẹp tai.

Sẵn dịp, tôi liền hỏi:

– Bà có biết anh nào hiện không vợ và dễ dãi, thích nói chuyện, có thể nhận lời mời của tôi không?

Bà ta:

– Có! Tôi quen thì nhiều.

– Không cần nhiều. Chỉ cần một người, nhưng mà dễ dãi.

– À, thế thì có lão cai Đimitốp.

– Làm cách nào bén chuyện làm quen được?

– Đến chiều, hết giờ lagát thì thế nào anh chàng cũng đi qua đây.

– Thì bà mách cho tôi nhé?

– Được. Khó gì điều ấy? Lão ta lấy đã nhiều vợ lắm, mà gặp phải những đứa không ra gì cả nên lão bây giờ lử đử lù đù như người chán đời, chỉ thích trô. Ông muốn lão cởi hết ruột gan ra thì cứ việc nói xấu người đàn bà nước ông cho nó rõ nhiều vào! Nhiều vào! Và mời lão đi cát cút [1] hay là đi chén rượu ty với phở tái cũng được cả.

Tôi hẹn giờ quay lại rồi đứng lên cáo từ.

Bà hàng thế mà là người tốt, mặc lòng tôi thường thấy rợn cả tóc gáy mỗi khi bà ta cả cười mà để lộ hai hàm răng trắng nhởn ra.

---

1. *Cát cút* theo chữ casse-croutte, nghĩa là bóp vỡ cùi bánh, nghĩa là ăn bánh với các thức ăn nguội.

II

CỰ MÔN THÊ THIẾP

Vì rằng ông bạn mới quen nhưng đã tri kỷ của tôi đã có hai hơi một chai "bố", nên nay ông nói chuyện nhiều nhiều. Rượu làm nóng máu, máu nóng bắt người ta nghĩ đến ái tình, và ái tình bao giờ cũng khiến người ta phải đau thương. Trước mắt tôi, nằm dài cạnh khay đèn một cách cũng xoàng xĩnh như tôi là một vị "anh hùng" của chính phủ Kerenski. Ông đã cao tuổi, kêu chỉ ao ước một chế độ trọng sự tự do cá nhân như chính thể Cộng hòa của nước Pháp thôi, nên ông phải bỏ nước xa nhà. Sang Paris, Đimitốp đã làm đầu bếp một khách sạn lớn. Việc bắt mất tích nguyên soái Koutiepoff khiến ông ta rùng mình rồi đăng vào đội binh lê dương. Ngày nay... than ôi! Ngày nay Đimitốp chỉ còn là một người đội lê dương, và rồi có khi đến... bẹp tai nữa.

– Tôi đã sang Bắc Kỳ lần này là hai lần, mỗi lần hai năm sáu tháng, nghĩa là 5 năm. Trong 5 năm mới gặp ông là phái viên một nhà báo, lần này là đầu. Ồ, tôi sẽ nói hết các chuyện cho ông hiểu tại sao một người đàn ông như tôi mà một đời lấy đến mười bốn người vợ. Mà người đàn bà Bắc Kỳ, trời ơi! Thật là những "đứa trẻ ốm yếu và mười hai lần nhơ bẩn" theo lời thi sĩ nhà binh Pháp Da Vigny! Xin lỗi ông, ông có giận tôi vì lại nói xấu người đàn bà xứ sở ông không? Chắc không, vì ông cần biết những sự thực. Còn nếu ông không bằng lòng thì, tôi xin lỗi ông!

– Không, không! Việc gì ông lại phải xin lỗi?

Tôi "đỡ lời" như vậy mà thấy khoái chí vô cùng. Cái gì nhỉ? Một vị anh hùng muốn nói xấu một người đàn bà mà lại cần phải xin phép tôi ư? Phái viên một nhà báo, dễ thường Đimitốp cũng tưởng tôi oai như một ông Pierre Seize hay một ông Louis Roubaud nào chắc!

Rồi tôi nghĩ đến lúc bà hàng nước huyên thuyên chỉ chờ nói những câu tiếng Tây khó hiểu để giới thiệu tôi với ông ta. Lại lúc mời ông ta mọi "châu" phở thì sao mà khó vô cùng! Bây giờ mọi sự đã thay đổi hẳn. Cái gian nhà gỗ ở bên đường sau Nhà Ngựa này đã

tình cờ giấu kín dưới mái bao lời tâm sự của một viên tướng võ mà những sự nghiệp "anh hùng" nay cũng không còn dấu vết ở Nga la tư.

Bên ngoài, trời vẫn mưa. Mưa đã một tuần lễ rồi, nhưng vào lúc này, trời mưa đối với tôi lại có thi vị.

Tiếng cửa kẹt, bác chủ "tiệm" đã mua thuốc về. Chúng tôi chỉ còn nằm lại để nhường chỗ cho người nằm tiêm.

*

* *

Trong sách Tử Vi có câu: "Cự Môn thê thiếp, đa bất mãn hoài". Dám chắc Đimitốp có cái số ấy. Ông tạ đã khoe lấy đến mười bốn người vợ tất cả, nhưng trong số chỉ 9 người là đàn bà Bắc Kỳ mà thôi.

– Từ nay trở đi, tôi đã có ý không bao giờ lấy vợ nữa. Tôi đã tự cầm dao đâm vào quả tim tôi, cái quả tim chịu đau thương, đúng 14 lần! Tất cả 14 đứa đều đã lừa tôi, mỗi đứa một cách, vào một trường hợp...

– Ông cho biết những sự lừa đảo của 9 người đàn bà ở đây.

– Con mụ thứ nhất, béo chứ không đẹp, trước khi lấy tôi đã lấy biết bao nhiêu là đời chồng. Vì rằng ngoài sự có hai hàm răng trắng kiểu Tây phương, nó lại có nhiều cử chỉ thạo đời làm cho tôi sung sướng và làm cho tôi đau khổ. Sung sướng vì được hầu hạ vừa ý, mà đau khổ vì phải nghĩ đến những thằng đã nằm cùng giường với nó trước tôi.

Đến đây, Đimitốp ngừng đau khổ... sung sướng hưởng điếu thuốc thứ nhất là điếu thuốc "danh dự". Kéo xong, ông ta lại ngồi nhỏm lên mà rằng:

– Vậy thì, dù sao đi nữa, tôi cũng không sướng hản. Tôi, tôi là kẻ có can đảm, đeo 60 kilô vào người, để đi mỗi ngày 30 cây số, tôi không có sức nói với nó lấy một điều ái ân. Ngày nào cũng thường cãi cọ nhau: nó mắng tôi là khốn nạn vì ghen tuông, tôi mắng nó là khốn nạn vì đĩ thõa. Một buổi, đáng lẽ dọn rượu vang ra bàn, thì nó đi dọn hai chai rượu bản xứ, đúng cái thứ ta uống với nhau vừa rồi. Sinh nghi tôi hỏi thì nó bảo rượu vang đắt mà không bổ, rượu bản xứ rẻ tiền mà khỏe hơn. Thế là... tôi uống cả hai chai. Rồi sau ra sao, ông có biết không? Ông không biết, tôi cũng không biết! Chỉ biết một vài giờ sau, bốn tên lính tuần phòng tóm cổ tôi ngoài phố ga, bắt về

trại. Hôm sau, tỉnh rượu, tôi mới biết là tờ biên bản kể rằng tôi đã đập phá nhà một hiệu xe đạp ngoài ga. Một người đàn bà đã bị tôi đánh cho chảy máu trán. Mười lăm ngày tù. Mất lương. Hết hạn nhà pha, lại được tha ra, thì vợ tôi đã lấy người khác! Mà người chồng ấy, sau tôi mới nhớ rõ, chính là một người trong bốn người lính tuần phòng đã bắt tôi! Hay là chúng nó đã đồng mưu với nhau đổ rượu cho tôi? Tức quá, tôi muốn thưa vợ. Tôi đi hỏi mấy anh em. Chao ôi! Họ chỉ nhìn tôi mà rũ người ra cười. Lúc ấy, vì mới sang đây nên tôi chưa hiểu phong tục. Rõ những phong tục mới đẹp và kỳ làm sao? Ở đây, tình nghĩa vợ chồng phải đi theo đồng tiền. Tôi bị nhà pha, không có tiền lương đưa cho vợ tôi, thế cũng như là ở phương Tây, tòa đã cho cặp vợ chồng ly dị! Đó không phải là điều luật, đó là một điều lệ mà thôi! Cái con vợ tôi bỏ tôi, không được phép trách nó! Ông thử nghĩ xem: loài người với nhau mà thế à? Tiền bạc có thế lực làm suy vong quả tim của người ta đến thế à?

Đimitốp vừa nói vừa đập vào ngực mình thình lình sừng sộ như muốn cà khịa với tôi.

Nhưng ông ta cũng không quên nằm ngay xuống để đón dọc tẩu mà người chủ tiệm tuy đã tiêm thuốc xong nhưng chưa chìa ngay ra.

Phải, Đimitốp đương đau đớn mà lị!...

Người thứ hai không có gì lạ – Đimitốp nói tiếp cả đến người thứ ba cũng vậy. Hai người ấy bị tôi bỏ vì không hiểu được tiếng Tây. Hai nữa, cả hai đều xấu quá. Ông Trời của tôi! Xấu mà lại ngu, thật là những cái kỷ lục của sự ngu. Khi ông bảo chúng nó đánh cái mũ, nó đi lau ngay cho ông đôi giầy. Khi bảo chúng nó mua thuốc lá chưa quấn thì nó lấy về thuốc 20 điếu! Chẳng lẽ tôi lại có tiền thuê một người thông ngôn. Mà mặt mũi chúng nó xấu đâu xấu đến thế! Chúng tôi mỗi tuần chỉ được phép không ngủ trong trại có ba đêm thôi. Thế mà khi về nhà, nằm xuống giường nhìn đến mặt vợ...

Đimitốp so vai không nói nữa. Tôi bàn:

– Nhưng mà có vợ xấu thì mình mới yên tâm. Vợ đẹp lắm tôi tưởng là sự nguy hiểm. Người dân ở đây nghĩ thế cả, không biết dân phương Tây nghĩ thế nào...

– Nếu ông nói thế thì ra có vợ xấu nghĩa là có hạnh phúc?

– Có lẽ. Mà người ta ỏe họe lắm thì có sướng bao giờ đâu?

– Vẫn hay thế, nhưng mà ông nói ngược đời lắm. Có vợ đẹp mà lại có thể tin được rằng vợ không bao giờ phản mình, thì sướng đến đâu! Phải, có khi nằm nhắm mắt bên cạnh một người đàn bà không có nhan sắc, mình có thể lấy làm tự hào rằng được người đàn bà ấy yêu, không hề nghĩ đến chuyện ngủ với kẻ khác. Rồi mình sung sướng đi. Rồi mình nhắm mắt khoái chí đi. Nhưng mà nếu lại mở mắt nhìn đến vợ mà xem, chao ôi! Mình lại có món triết lý khác: Mình sẽ nghĩ rằng... thà rằng...

– Thà rằng...?

– Thà rằng có vợ đẹp vẫn đi ngủ trộm với kẻ khác!

Nói xong, Đimitốp mỉm môi cười! Điếu thuốc thứ sáu của ông ta mà là thứ chín của người nằm tiêm. Trời vẫn mưa lại thêm gió thổi mạnh.

– Đến người thứ tư...

– À, người thứ tư! Chỉ có người ấy là tôi bỏ rồi tôi phải hối hận. Đành rằng nó không nói một câu tiếng Pháp nhưng tôi cũng yêu. Chúng tôi hợp nhau. Không phải hợp nhau về tinh thần, đã không cùng một thứ lưỡi thì hiểu nhau làm sao được...? Nhưng nó hợp tôi về... xác thịt. Bây giờ bỏ rồi, tôi lại tiếc. Không thể nào lại còn tìm được một người đàn bà thứ hai có thân thể bốc lửa ngùn ngụt đến thế nữa. Dễ nó đi Tông mất rồi.

Thằng cha này hoặc lẩn thẩn, hoặc có khối óc phê phán xuất chúng.

Hết thuốc, say, Đimitốp nằm chập chờn. Người tiêm thuốc sang cái chõng nằm, để chúng tôi được thảnh thơi hơn.

*

* *

– Ông đừng hỏi tôi đến người vợ thứ năm nhé?

– Sao vậy?

– Nhắc đến nó, tôi buồn rầu.

– Thế nói những người về sau vậy.

– Tôi còn phải kể chuyện bốn người nữa. Bốn con đàn bà này cũng chẳng ra gì. Lỗi ở chúng cả – tôi không phải hạng người đổi vợ như thay áo lót mình như ai. Vả lại đó là bọn đàn bà mà tôi lấy khi đang sang Bắc Kỳ đây lần thứ hai, nên xảy ra điều gì, tôi cũng không

bực tức nữa. Tôi biết rõ: họ chỉ vì tiền. Tôi yên chí họ không thể hiểu được chúng tôi. Thành thử sang đây lần thứ hai là tôi gọi ai tôi cũng coi như thuê gái trong một hạn dài vậy. Không con bao giờ tưởng nhầm đến cái nghĩa cả: vợ chồng. Con đàn bà thứ sáu, một đêm bất kỳ ở trại ra, về nhà không thấy đâu, tức thì tôi bỏ. Con thứ bảy bị tôi bắt được đi chơi với một người nhân tình An nam. Con thứ tám bỏ tôi vì không bắt được tôi trả nhiều tiền. Nó làm ăn hoang toàng vụng về quá, mỗi tháng 18 đồng bạc mà đến nỗi lỗ vốn. Nó bỏ tôi đi lấy người khác, đó không phải lỗi ở tôi. Còn con thứ chín. Nó nhà quê mà tinh khôn làm sao! Đẹp đẽ, nó khiến tôi lại muốn coi nó là vợ. Ở với nhau hai tháng, một hôm về nhà, tôi gặp một người đàn ông nhà quê. Nó nhận là anh nó... Hôm sau, tự nhiên có giấy gọi tôi ra sở cẩm. Rồi tôi thấy viên cẩm chỏ ông "anh vợ" tôi ấy mà bảo tôi rằng không nên quyến rũ vợ "người ta". Nếu tôi không buông tha, sở cẩm sẽ nhờ quan binh xử hộ!

Một hồi kèn gọi từ trại vang ra.

Đimitốp ngồi lên, cài khuy, thắt lưng, đi giầy. Sau cùng bắt tay tôi, hẹn hôm sau lại đến. Nhưng, chưa ra khỏi, đã thấy có tiếng đàn bà...

– Đimitốp! Vén s...

Ông ta rảo cẳng ra.

Tôi đưa mắt hỏi, người có khay đèn lắc đầu chán nản, ra vẻ không hiểu nổi bao nhiêu chuyện tình rắc rối của lính lê dương...

*
* *

III

MÀY KHÔNG MUỐN NHẬN TAO LÀ CHỒNG?

Trời thì tối mà đường thì bẩn, đó là... phong cảnh con đường sau Nhà Ngựa lúc 10 giờ đêm. Tôi đi như một người phiêu lưu, mạo hiểm, mắt nhiều khi chỉ thấy tối mịt, giầy cứ thỉnh thoảng lại "hụp" xuống một vũng nước đánh bõm một cái, tai nghe thấy tiếng ngựa hí với đập móng xuống thềm lộp cộp mà thèm thuồng, mà cảm thấy có cái

tư tương phi thường là mình cũng được yên nghỉ như một con vật nào bên trong bức tường ấy thì cuộc đời há lại chẳng tốt đẹp lắm sao!

Đây rồi, một ngọn đèn. Một ngọn đèn điện như vươn cổ soi hộ đường cho mình mà sáng cũng chẳng được mấy. Mà mắt thấy ánh sáng thì đôi giầy vô tội lại sắp chịu một cái khổ hình khác, quãng đường sáng lại lầy nhầy những bùn mới đọng nước hơn những quãng tối tăm. Trước mắt tôi, những vết bánh xe đã hiện thành hình những con rắn bạc nằm ngổn ngang khắp mặt đất. Người ta giàu trí tưởng tượng cũng nguy hiểm thật, vì tôi rùng mình nghĩ đến con đường nhỏ giữa cánh đồng có nhiều bãi tha ma mộ địa nhờ nó tôi sẽ về nhà bạn ở làng Cổ Mễ. Rõ khổ!

Nhớ đến câu: "Đã khuya, ông cứ nghỉ tạm đây với tôi" của bác "chủ tiệm", tôi bỗng hối hận vô cùng. Song không lẽ lại khóc để hòng vòi ai? Rồi thì... những bức hàng rào với tường đắp bằng đất đỏ nó là đặc tính của những nhà ở Cổ Mễ, mới ban ngày khiến tôi ca tụng mãi là có vẻ thần bí như nhà ở Tây Tạng, thì bây giờ đã khiến tôi rùng mình phát sợ, sợ vì đã hiểu nghĩa chữ thần bí.

Chợt thấy từ cách chỗ ấy vài mươi thước đưa ra những tiếng gào thét và gắt gỏng với nhau.

– *Toa ba mỏ nhá cút xê ăng co xê moa! Toa kích tê moa săng bảy dề, a lò phi ní phăm, phi ní ma ghi. A lò, kích!* [1]

Một vài phút thấy im. Sau lại có tiếng gắt, mà vẫn tiếng người đàn bà.

- *No, se phi ni! Vắt tăng* [2]

Tôi định thần nhìn... Hai mươi thước trước mặt tôi, trong một gian nhà gỗ lợp lá kia, dưới ánh sáng yếu ớt một ngọn đèn dầu, tôi thấy bóng dáng một người lính hai tay gãi sườn, chân giang rộng, đứng nghênh ngang lấp cả cái cửa mà nhìn vào để cho một người đàn bà áo trắng quần trắng, cũng to nhớn chẳng kém, tóc đã sổ, sừng sộ xỉa xói vào mặt rồi ân ái tặng mình những câu văn chương kia.

Người lính – chồng hay khách hàng? – vẫn cứ đứng im, hình như hãy thử dùng cái im xem bên kia có sợ không đã... Người đàn bà, nóng tiết, chỉ tay ra đường:

---

1. Mày không có quyền về ngủ nhà này nữa. Mày bỏ tao đi mà không trả tiền, thế thì hết vợ, hết chồng. Thế thì... đi đi!

2. Không! Thế là hết! Đi, đi

– *Vă tăng! Ê tút suýt!* [1]

Bây giờ ông chồng bị đuổi mới hỏi, mà giọng vẫn bình tĩnh:

– *Rê pét ơ cơ tuy viêng đờ đia* [2]

Tức thì, rõ rẹo vào mặt chồng, người đàn bà lại:

– *Moa ba bơ toa! Si toa phe két sốt, moa điếc com măng đăng phe toa xếp linh ê toa pát sê công sây đờ ghe!* [3]

Bốp một cái, cái tát đã vội chấm câu cho những câu mắng nhiếc với đe dọa "lăng loàn". Người vợ lùi lại đằng sau hai bước, tay bưng lấy mặt và cúi đầu đứng im. Nhưng, than ôi! Anh chồng bây giờ lại muốn cho vợ nói nữa, nói nhiều hơn trước, nói tệ hơn trước. Vì rằng lúc ấy nó mới xông vào, hai bàn tay nắm lại mà tặng vợ những cái "quai hàm" hình như trên sân đánh bốc nó muốn cho kẻ địch một miếng "nốc ao" để mình chiếm giải vậy! Tức thì tiếng mấy đứa trẻ con òa khóc lên như ri. Nhanh như chớp, một thằng bé độ 10 tuổi từ trong nhà chạy vụt ra. Nó sang nhà bên cạnh đấm cửa. Rồi thì, từ hai nhà bên cạnh đều thấy tiếng cửa mở và có hai bác lính lê dương khác, quần áo ngủ, đi guốc ta, vừa chạy sang cái nhà "khổ chủ" ở giữa, vừa lầu nhầu... Sau ba phút, phố Nhà Ngựa hết vắng vẻ, vì đã đầy những đàn bà con trẻ chạy ra xem.

Mải nhìn người đổ ra xem, tôi quay lại nhìn đến cặp vợ chồng kia thì không hiểu bởi duyên cớ vì đâu, cuộc chiến tranh đã bày ra một cục diện khác hẳn. Ông hàng xóm đang bị cái "ông chồng bị vợ đuổi" đấm đá cho một trận không tiếc tay. Một phút sau, ông hàng xóm khác nhảy vào đấm đá anh chồng bạo ngược. Sau cùng thì bị một người giữ hai tay, bị một người bóp cổ, bác lê dương khiêu khích trước nhất lả oằn người đi như một sợi tóc hơ trên một ngọn lửa rồi ngã xuống thềm nhà.

Bấy giờ tôi đã dám chạy đến tận nơi.

Lạ chưa! Phái phụ nữ với bọn trẻ con tò mò nhìn tôi mà những ngài lê dương lúc ấy không ai để ý đến tôi cả. Vậy cứ bảo họ đa nghi thì hiểu sao được!

---

1. Bước ngay tức khắc!
2. Mày thử nói lại những lời vừa nói tao nghe!
3. Tao không sợ mày. Nếu mày làm gì, tao trình quan tư bỏ nhà pha mày và lôi mày ra tòa án binh!

Người vợ lúc này ngồi thở hồng hộc, xoa mặt xoa lưng rồi nói một cách tự nhiên như chung quanh đấy, ai cũng là đầy tớ mình vậy.

– *Phe vơ nia ba tui!* [1]

Chợt một bác lê dương khác vỗ vai sừng sộ hỏi tôi những câu bất nhã thế này:

– Thằng này! Mày đứng làm gì ở đây?

Tôi nghiêm mặt nhưng vẫn giữ lễ độ:

– Không phải chuyện mày tao! Tôi là một người viết báo đến lấy tin.

Anh ta dịu giọng:

– Lấy tin về nỗi gì? Đó chỉ là chuyện vợ chồng người ta đánh nhau!

– Thế ngộ đã xảy ra một vụ án mạng?

Chợt một người thứ hai, mặt mũi sáng sủa, trông có vẻ học thức hơn, mỉm cười hỏi tôi rất nhã nhặn:

– Đấy, một việc như thế, ông sẽ bình phẩm người lính lê dương hay người vợ người lính lê dương như thế nào, tôi có thể biết trước không?

Nguy rồi. Một anh lễ phép bao giờ cũng đáng sợ hơn một kẻ thô tục. Người thô tục thực thà nên sự nóng nảy ấy không đáng lo. Đằng này họ lịch sự tươi cười với mình, nếu họ trị mình là họ trị cho rõ đâu ra đấy. Tôi phải nghĩ rồi mới đáp:

– Một chuyện vợ chồng đánh nhau thì ở nước tôi là sự thường, có gì mà bình phẩm? Có lẽ tôi cũng chả viết nổi một cái tin vặt nữa. Tôi chỉ lấy làm kính phục các ông mà thôi. Các ông đã dám gác tình anh em đồng ngũ ra để che chở một người đàn bà. Đã chắc đâu người đàn bà ấy không có lỗi?

Thế là người lính lê dương lịch sự ấy được vui lòng. Vì chỉ so vai khẽ nói với tôi:

– Chính thế. Chúng tôi, dân Tây phương không ai nỡ dùng đến một cái hoa để đánh một người đàn bà. Anh chàng kia đã đánh một người đàn bà, thế là không tốt, là làm một việc tổn danh dự cho chúng tôi. Chúng ta là phái khỏe thì dù người đàn bà không ra gì nữa chúng ta cũng chỉ nên chịu nhường nhịn.

Bốn ông lính lê dương đi tuần đã rầm rộ kéo đến. Mãi đến bây giờ, hai ông hàng xóm quý hóa mới thôi đè, và bóp cổ rúi dưới thềm nhà ông bạn cô thế kia.

---

1. Đi gọi lính tuần phòng!

Người lính bị giải đi rồi thì lân bang cũng kéo về ngủ cả. Tôi ngạc nhiên ở chỗ lân bang coi một chuyện to như vậy chỉ là sự thường.

Rồi không bao giờ có thể quên được cái cười gằn, cái cười nhạt, cái cười nghiến rít hai hàm răng lại, của người chồng bị hất hủi, một cái cười nó hứa một cuộc đổ máu, của người chồng tặng lại cho vợ khi bị bốn ông "ba tui" giải đi.

Trước khi bước vào gian nhà ấy, vẳng từ xa thấy còn đưa đến tai tôi một câu:

– Đã bị "công sây đờ ghe" rồi mà lần này lại thế, bà cho gọi là đi đứt!

*

*   *

Bà này tên ở khai sinh là gì không rõ; cái xã hội các me ở Thị Cầu cứ gọi là bà Kiểm lâm thì tôi cũng đành cứ gọi là bà Kiểm lâm.

Bà ta đã sẵn lòng kéo ghế mời tôi mặc dầu lúc ấy đã quá 11 giờ. Tại sao người làm báo xưa nay vẫn bị người ta chê là kẻ đi bới móc để tống tiền, mà khi nghe xong chức nghiệp với mục đích của tôi, bà Kiểm lâm đã không nghi ngại gì cả?

Ngồi ở giường, hai tay thấm bông vào một bát dấm rồi đập vào cổ, má, trán, mũi, bà cứ kể lể các chuyện của bà một cách dễ dàng và thực thà khiến tôi cảm động rồi kính phục một người có can đảm nói những cái cũng chẳng sang trọng gì mà chẳng sợ ai khinh.

Hạng người chúng tôi là hạng bỏ đi, ông ạ. Dù xã hội không khinh chăng nữa, chúng tôi cũng đã tự biết phận mình. Bây giờ nghèo hèn, tôi cũng chẳng còn sợ ai cười, chỉ cố chí làm giàu để sau này có thể ở ác được lại với những kẻ đã khinh tôi mà thôi. Nhưng mà cứ phú quý giật lùi ông ạ. Xuất thân lấy chồng xivin hẳn hoi. Sau chồng về Tây, phải giang hồ lưu lạc, lâm đến cảnh đi lấy côlô nhần. Bây giờ thì đến với các anh lính lê dương cũng không xong. Xưa kia, giữa lúc đương xuân, nào có phải đâu tôi không lấy nổi một tấm chồng ta danh giá!

Hỡi bạn độc giả! Con đường "công danh" của những thợ đàn bà trọng kỹ nghệ lấy Tây này thật là gập ghềnh, khuất khúc lầy lội và quanh co. Phái đàn ông ta, không ai lại có thể đỗ cử nhân trước, rồi đỗ Thành chung sau, rồi đỗ Sơ học sau cùng. Nhưng cái công danh của một

người đàn bà đi lấy Tây có thể ví như thế được đấy. Vì mỗi một người chồng – nói đúng ra, mỗi một đời chồng – cũng có giá trị như một cái giấy chứng chỉ để tiện việc kiếm chồng, nghĩa là sinh nhai.

Bà Kiểm lâm đã lâu không dám về thăm bố mẹ giàu ở làng. Phải, cứ thế, trước kia làm gì chẳng lấy được người chồng hẳn hoi. Con gái một nhà quyền thế vì lắm của, lại đẹp, như thế ai dám bảo ế chồng. Ngay bây giờ cái mặt phong trần của bà cũng vẫn còn phảng phất những nét đẹp hồi xuân xưa. Bà ta có thể hưởng một cuộc đời bình tĩnh.

Khốn nỗi sự đau khổ của loài người đã muốn rằng bà ta lại đa tình, đã có một quả tim đáng quý vì biết thổn thức trước một sự đáng yêu. Trong lúc đương xuân và còn hưởng mọi sự giàu sang, cô gái trẻ đã yêu một người. Gia cảnh đôi bên không cân nhau, việc dạm hỏi không thành, người đàn bà đã đau khổ. Thế rồi... một buổi chiều...

Một bức thư tuyệt mệnh!

– Không, tôi đã nghĩ: chẳng tội gì mà quyên sinh! Chỉ cốt để bố mẹ tưởng là mình chết rồi thì thôi, có muốn thương cũng không được nữa. Thế rồi thì là cái đời giang hồ.

Bà Kiểm lâm gục đầu xuống bàn một lúc lâu. Tôi tưởng bà ta khóc. Nhưng khi bà ta ngẩng lên, nét mặt chỉ thoáng thấy mấy nét bơ thờ... Một người đáng thương làm sao! Cái quả tim đã già cằn rồi, bây giờ không còn thổn thức được nữa. Cô thiếu nữ đa cảm khi xưa nay đã đến nỗi hóa ra một "con quái vật" trên đời!

Vì rằng một người đàn bà hết nước mắt có thể gọi là một con quái vật được.

– Thế câu chuyện xảy ra vừa rồi thì nguyên do bởi đâu?

– À, tại nó chứ không phải tại tôi chút nào cả. Vẫn hay chúng tôi lấy họ là vì tiền chứ không bao giờ vì tình. Nhưng họ cũng nhiều khi quá lắm. Có khi sẵn tiền, họ tìm đến bọn trẻ hơn mình mà chơi kia. Hết tiền lại đòi quay về, làm thế nào mình có thể ừ được?

– Không có lẽ người lính lê dương nào cũng lại thế cả!

– Phải, cũng có nhiều anh trung hậu lắm chứ. Nhưng cái số tôi nó thế, chỉ gặp những đồ không ra gì mà thôi. Làm thế nào? Anh chàng vừa rồi là một người Đức đấy. Mà ở nước anh ta, anh ta là quân giết người rồi bỏ xứ sở ra đi. Chao ôi! Ông bảo chúng tôi có gan không? Ngủ với cả những quân đã giết người! Mặt nó đẹp đẽ thế mà linh hồn nó rất xấu.

Giọng nói của bà Kiểm lâm khẽ dần... Bà hầu như châu đầu vào tôi.

Một đêm kia, bác lính lê dương đã khêu to ngọn đèn cúi xuống nhìn kỹ vợ và hỏi:

– Tao đẹp lắm phải không?

– Đẹp thật.

– Thế mà tao xưa kia đã giết một người!

– Đừng nói dối!

– Nói dối à? Mày có muốn biết rõ cái độc ác của tao không?

Thế là bác lính lê dương nghiến răng, cau mặt lại nhìn vợ trừng trừng. Cái mặt đẹp trai bỗng chốc hóa ra mặt một kẻ đầu trâu mặt ngựa, trông rất ghê gớm. Bà Kiểm lâm đã sợ hãi, rú lên một tiếng rồi quay đi.

– Ông có đời nào tin được rằng một người đẹp đẽ, có thể khiến mình say mê mà bỗng chốc làm mình phải sợ hãi được không? Tôi, tôi đã thấy một cái mặt... một cái mặt... hai mặt như thế đấy!

Đến đây, bà chỏ ba đứa con ngồi ở giường ngây ra nghe chuyện từ nãy mà rằng:

– Từ lần ấy, tôi cứ nơm nớp sợ rằng có một ngày, nổi ghen lên, anh ta sẽ giết chết ba đứa con của ba chồng cũ của tôi. Tội gì bây giờ sẵn có cớ bỏ, tôi lại không cự tuyệt!

12 giờ. Gió thổi mạnh nhưng mà may không mưa. Tôi đứng lên, xin một lần sau sẽ đến. Tiễn tôi ra khỏi cửa, bà Kiểm lâm lại thêm rằng:

– Ông chớ tưởng tôi cạn tàu ráo máng với người ta quá. Dẫu rằng để cho mình bị đánh đập, tôi cũng là người khôn. Nếu cứ nhận, có phen họ giết mình. Vì rằng lấy chồng là vì tiền, như thế họ tha thứ mình được. Nếu tôi nhận, họ có thể cho tôi là đĩ, mà vợ đã đĩ thì có thể họ vắng nhà, vợ ngủ với những thằng đẹp hơn. Lúc nãy ấy à? Nếu tôi ừ thì biết đâu họ chẳng giết tôi chứ không phải chỉ có đánh!

Mới hay có thể có những kẻ nghĩ sâu xa khác thường!

*

* *

IV

LÁ GIÓ CÀNH CHIM

Sở dĩ gọi được là nhà "bên cạnh" cũng vì gian nhà gỗ ấy ngăn đôi ra không phải bằng tường không phải bằng vách, cũng không bằng cót hẳn, nhưng một nửa cái hàng rào thì là bằng cót, còn nửa nữa chỉ là cái mành mành mà muốn khỏi để thông thống, bà chủ nhà đã treo vào mành mấy bức tranh Hàng Bồ với hai đôi câu đối... không có chữ, thế là xong.

Cho nên cứ từ bên này để ý tò mò, tôi cũng có thể biết được mọi sự xảy ra ở gian bên cạnh.

Bà Ách lúc này còn lúi húi dưới bếp làm cà phê cho tôi. Không hiểu bà Kiểm lâm đã tiến cử tôi bằng những câu khôn khéo thế nào mà bạn bà ta, tiếp đãi tôi một cách cảm động. Cũng may là hiện nay bà ta nghỉ việc – chết, quên! Nghỉ chồng – mà cái tuổi trẻ của tôi chỉ vào hạng con bà nên bà không sợ ai nghi. Chứ gì? Những thị nào dù có ngọn lưỡi rắn độc đến đâu chăng nữa, dễ đã dám nghi một kẻ như tôi lại đi lôi thôi với một bà già. Nhất là Suzanne, cô con gái bà, tuy đương độ phơi phới 17 cái xuân, song lúc tôi có đây, may sao lại đi Hà Nội.

Không phải tự nhiên tôi có cái tính xấu: tò mò. Nếu khi bà Ách dọn giường cho tôi nghỉ tạm mà chẳng thì thào: "Này, bên cạnh cũng có mấy đám đang tìm chồng đấy!" thì tôi đã chẳng phải nhịn thở mạnh, vén bức câu đối để nhòm sang...

Có hai me. Một me nằm đắp chăn uể oải đọc một tờ báo cũ. Còn me kia ngồi thừ trên ghế, khoanh tay co ro, cái quần trắng cái áo len xanh, đôi bít tất hoa đào cũng không thể bài trí nổi cho mặt có được lấy một vài nét... me. Cũng răng trắng cẩn thận đấy, song nó vẫn quê kệch thế nào! Chỉ được cái bình tĩnh là đáng phục! Ôi! Lã Vọng! Cụ thử sống lại mà xem vẻ mặt một người đàn bà khi ngồi bó tay chờ... công danh mà thản nhiên đến thế, rồi cụ nghĩ lại những lúc có cái tâm thần thư thái lúc ngồi câu, xem cụ có phải kính phục cái "triết học" của me ấy không!

Một tiếng cùi rìa chạm cốc đánh keng một cái khiến tôi quay lại.

Bà Ách đã bầy lên bàn mẩu bánh, cốc cà phê sữa và gật đầu gọi tôi. Tôi ra ngồi bàn. Bà Ách nháy mắt một cái, đoạn khẽ hỏi:

– Bên ấy có mấy người ở nhà?

– Hai.

– Hai thôi à? Thế thì họ đi đâu vắng mất hai đấy. Mới có hai ả nhảy đầm ở Hà thành sang vài hôm nay.

– Sang đây nhảy đầm hay tìm chồng?

– Chắc là để kiếm chồng đấy chứ nhảy với nhót gì! Thế ông có thấy bà già nào cũng độ tuổi tôi ngồi đấy không?

Tôi lắc đầu. Bà Năm cau mày một lát rồi:

– Bà ấy là bà Cẩm, nghĩa là hồi ở Chùa Thông đã lấy một ông Cẩm. Con cái chả có, nay trở về già đành phải làm cái nghề bà Nguyệt rồi lấy hỏa hồng để độ thân. Nghĩa là cũng như bà Hai Yểng bên này. Song bị khốn đốn hơn bà Hai Yểng nhiều, vì không có vốn. Phải lắm, đến bà Hai Yểng là người sống đã thâm căn cố đế bên này, cửa hàng cát cút (casse croute) đắt, cửa hàng xe đạp chạy, mà chỉ bao số chị em bị *chạy làng* cũng đến lệch nghiệp nữa là trần như bà ta. Đã ít xu lại cờ bạc thì tất phải chết!

Vừa lúc ấy có tiếng guốc ở ngoài vào. Rồi thấy những câu hỏi, đáp:

– Thế nào me, được hay chưa?

– Được ba hào! Tao đói lắm mà có hàng miến ngon quá cũng không dám ăn, sợ không có tiền tiêu vặt. Mày xem trong bípphê còn gì không? Hình như còn cái bánh hai đấy. Lấy ra đây, cả hộp bơ nữa, mau! Con Duyên kia, đứng lên!

Vậy thì ra bà Cẩm của tôi đã là người quen thân mất nết đi rồi! Vào cái cảnh ngộ ấy, giá biết điều thì bà nên hỏi cơm nắm hay cơm nguội với niêu dừa kho. Song le... thói quen! Bơ với phó mát đã vượt trùng dương qua đây, đã chinh phục được nhiều kẻ ở đủ các giai cấp.

Chợt thấy tiếng bà Cẩm gắt:

– Làm gì mà lâu thế? Lúi húi mãi thế? Có thấy mẩu bánh không?

Đến cái giọng thản nhiên không run sợ đáp lại:

– Thưa cô, có bánh, nhưng hộp bơ đặc cả kiến rồi...

– Cái gì? Kiến vào bơ à? Tiên nhân mẹ nhà mày nữa! Làm với ăn! Chỉ được cái bộ ngồi lỳ ra như mẹ người ta ấy, chứ không còn biết trông đến một cái gì cả!

Một... nàng tên Duyên đã đến nỗi bị chửi như thế, việc ấy khiến động lòng... trắc ẩn của tôi. Tôi chỉ muốn can thiệp. Chưa thể can thiệp được ngay, tôi hãy chạy ra chỗ cái mành mà nhòm. Thế cũng đủ tỏ lòng săn sóc rồi: tôi đã bỏ cốc cà phê.

Lúc này cô ả nằm đắp chăn cũng bỏ tờ báo cũ, xướng họa:

– Chị Duyên cứ lơ đễnh như thế thì không thể lấy thằng nào bền được. Chị phải biết lo mới được chứ! Đến như tôi cũng còn khốn đốn đây nữa là...

Rõ thật lửa đã cháy lại có kẻ tưới thêm dầu. Bà Cẩm làm một hồi nữa:

– Sao không ở làng mà lấy thằng cổ cầy vai bừa nào thì lấy có được không? Thân phận đã thế lại còn chê chồng! Không biết bố mẹ mày ăn uống gì mà đẻ ra mày như thế chứ? Sào một xanh rau thì bắc lên hai con đỉa! Một tháng chưa tắm, rận chấy lúc nào cũng như sung! Ngồi ăn cơm, ho một cái bắn vung cơm ở mồm ra như mưa ấy! Chồng nó đã không chê thì thôi chứ lại còn chê chồng! Tưởng ta... vàng... ngọc lắm đấy!

Duyên chỉ đứng im cúi đầu. Không cãi là nhận lỗi.

– Ấy một người như thế mà người ta nuôi để chỉ chờ đến lúc là... quăng cho Tây phương.

Tôi đã quay về bàn với cốc cà phê của tôi để nghĩ đến các ông lính lê dương, những vị hoặc anh hùng, hoặc có khối óc ngang tàng, đã ở một đảng cướp hay một đảng vô chính phủ, đã nậy đường sắt để làm đổ một chuyến tàu hỏa xa trên có một ông Tổng trưởng Ngoại giao, hoặc đã ra lệnh cho mấy chục phát súng lục cùng nổ tại một ngân hàng, đã vượt ngục, đã tránh thoát viên đạn trượt ngang tai tại một biên thùy, để rồi lạc loài đến Thị Cầu này, ôm lấy một người có giá trị đến như thế mà nỉ non, rền rĩ: "Tôi yêu mình lắm, mỹ nhân ơi!"

Tôi không được mục kích thấy Duyên chê chồng. Tôi cũng không được biết lúc Duyên bị ba ông chồng lính lê dương chê.

Nhưng mà... đôi bít tất hoa đào, cái vẻ mặt thản nhiên vì ngu đần của Duyên. Với những câu kê khai tam đại Duyên của bà Cẩm.

Vậy thì tôi thử cứ phác họa cái đoạn đời của Duyên từ khi Duyên còn là cô gái quê...

Một buổi chiều...

Hỡi anh đi đường cái quan...
Dừng chân đứng lại em than một lời!

Đương bó lúa với mấy chị em. Duyên thấy một chàng quần lụa, áo xa hoa, giầy đế kếp, đội nón dứa, tay xách cái va ly tre, bước thoăn thoắt trên đường Duyên đã cất giọng oanh hát ghẹo. "Anh đi đường cái quan" đi ba bước rồi dừng lại, nhìn... Dưới ruộng chiêm, tiếng mấy người đàn bà cười khúc khích. Chợt khách bộ hành cũng hát:

Nếu không duyên số thì thôi,
Xin đừng chuốc tiếng là người lẳng lơ!
Dù anh đã có con thơ,
Nếu còn đú đởn anh cũng vơ lên lòng!
Hay em là gái chưa chồng?
Lên đây, anh sẽ cho bồng... cho mang!

Mấy chị em bạn càng cười già hơn, riêng Duyên chỉ đứng cúi mặt. Duyên đã có chồng rồi. Người khác, không có ý gì thì mới bông lơn được. Sự im lặng này đã tố cáo một tội của Duyên: không yêu chồng!

"Anh đi đường cái quan" đáo để ấy mỉm cười đắc chí rồi đi.

Đêm, về nhà, nằm cạnh anh chồng đi ngủ không rửa chân. Duyên thấy chán. Trời! Con người bẩn tiện, ngồi ăn thì đầu gối quá tai, chán làm sao, trời ơi, buồn làm sao! Nói thì giọng nhát gừng, chỉ những ấy với lại nhà mày ơi, có phải không nhẩy! Đã thế, có việc ra đình lại ngôn bất xuất khẩu, trên, các cụ ghét dưới bọn đàn em khinh.

Chán ơi là chán!

Một tháng ấy, Duyên đã dùng thời giờ để chê chồng.

Tháng thứ ba, Duyên về ở nhờ chị: hai bên cũng bỏ lửng.

Trốn chúa lộn chồng thì còn ai lấy. Duyên đã ra Hà thành. Một hôm, tại kinh đô, Duyên may sao đã gặp một người trông y như "anh đi đường cái quan" vậy. Người ấy đã nói với Duyên những câu ngọt ngào làm sao, bùi tai làm sao. Người ấy mời Duyên vào nhà kia "trò chuyện" một đêm, Duyên đã gật đầu. Sáng hôm sau người ấy không biết bảnh mắt đã đi đâu, làm cho Duyên phải tháo đôi khuyên bạc.

Thế rồi thì... những ngày sống vất vưởng tại kinh thành.

Không chịu nổi nữa, Duyên đã... bỏ lên Chùa Thông tìm cô là bà Cẩm.

– Lạy cô cháu đã dại dột, cô thương cho.

Duyên tuy thú tội dại dột, song vẫn không hối hận, phải, không hối hận một tí nào cả! Bà Cẩm chép miệng:

– Rõ đồ voi dày! Tiên nhân mẹ nhà mày nữa! Thôi được! Cứ ở đây hầu hạ bà rồi tiện dịp thì bà gả cho Tây cho xong!

Hôm sau, bà Cẩm tống con sen đi vì nó hay ngủ gật.

Rồi bà Cẩm dạy cô cháu đánh phấn, bôi môi, kẻ lông mày. Bà thương cháu bà lắm: cái coóc xê lụa cũ còn dùng được mà bà cũng cởi ra cho. Bà chỉ dặn là lúc thổi cơm, rửa bát thì đừng có mặc đến. Xóm các me ở Chùa Thông mới ít lâu đã đồn nhau biết cô Duyên là gái quê đi kiếm chồng.

Hôm ấy, me sừ Giăng đến chơi...

– Ki e xen là? [1]

– Ma ni ét. Bay dan, đơn, bố cu tốt! Toa vù lòa ê pu dê? [2]

– Bay dan? Vre? Đăng noa? Phét vơ!. [3]

Bà Cẩm quay lại bảo cháu:

– Mày nhìn nó mà cười tình đi tao xem!

Duyên liếc mắt một cái rồi cười. Me sừ Giăng gật gù.

– Xa và xa và. Giơ viêng đê ô voa com me. [4]

– Chiêng! Giăng! Phô mơ đồ nê vanh biết cẩm bua bòa! Xăng qua ba lạp ben rơ vơ nia! Hánh? [5]

Me sừ Giăng lại gật gù một hồi mới ra đi. Thế là xong. Bao nhiêu tin đi mối lại của hai bên nhà gái nhà trai, trầu cau, chạm ngõ, sêu tết, bánh chưng bánh giày, đại lễ, dẫn cưới, chỉ là mấy câu tiếng tây giả cầy ấy. Ba hôm sau, Duyên đã thành: Madame Jean. Bà Cẩm có hai chục bạc bỏ hòm... Chả lỗ vốn...

Tôi tính đến chuyện đi tìm bà Hai Yểng, tìm bà Đội Tứ là người chôn các me, với bà Ách Nhoáng xem độ này còn hùng hổ như hồi ở Việt Trì không. Tôi đã đứng lên, toan đi:

– Chào ông!

---

1. Thị kia là ai?
2. Cháu tôi đấy. Nhà quê, trẻ, tốt lắm. Có muốn lấy không?
3. Nhà quê thật? Răng đen à? Xem nào!
4. Được lắm, được lắm. Tôi sẽ quay lại. Chào mụ thôi.
5. [illegible], phải biếu tôi hai chục bac hoa hồng. Nếu không đừng lại nữa. Thế chứ?

– Không dám, chào cô.

Suzanne đã về. Cô ăn mặc ta. Chao ôi! Đẹp đâu có đẹp! Thế thì tôi đi làm sao?

*
*   *

V

SUZANNE MUỐN... VÀ KHÔNG MUỐN

Tại sao bà Ách không những cho phép mà lại còn muốn tôi với Suzanne cùng sóng đôi nhau thăm thú Thị Cầu và Đáp Cầu? Hay đó là một cuộc xếp cảnh? Hay đó chứng nhận lòng tin.

Không bao giờ tôi biết rõ được và tưởng cũng chẳng cần biết rõ. Các ngài cứ hiểu cho rằng sau vài tiếng đồng hồ trò chuyện thì, trước mắt Suzanne, tôi đã tỏ ra là một kẻ biết điều phải trái, đại lượng, đáng yêu, không khinh người.

Cho nên trong khi đi đường, tôi hỏi thật Suzanne rằng:

– Cô đi chơi với tôi thế này mà không ngại điều tiếng gì hay sao? Thì Suzanne cúi đầu đáp:

– Tôi tưởng chính tôi đã coi ông như một người anh thì ai muốn bảo sao cũng mặc họ chứ? Cứ biết, chính tôi, tôi không nghi tôi, thế là đủ rồi.

Nghe thấy thế tôi vừa vui, vừa buồn. Vui vì được người tin và không vui vì... chỉ được tin thôi, phải đâu đó là sự đáng cho mình tự đại!

Đã quá huyện Võ Giàng. Trên đường về Bắc Ninh, chúng tôi lộn bước; Tiết trời hơi lạnh, lại vừa tạnh mưa, nên đi chơi Đông chúng tôi cũng có cái cảm tưởng như đi chơi Xuân.

Những me...

Những me...

Lại những me!...

Nào hai chúng tôi có thể là một đám rước đâu mà các me chạy ra xem đông đến thế? Quần trắng lồm lộp răng cũng trắng với những

cái áo len hoặc áo di lê, các me khiến tôi muốn hỏi: "Nhàn hạ thế, không họp nhau đánh chắn đi à?" Dù đẹp dù xấu các me đều có những nét mặt khó tả cả. Thập thò bên trong cánh cửa hay sau cái mành mành, các me khiến tôi muốn đổi lại câu thơ của Ôn Như Hầu:

Bóng gương lấp ló trong mành.
Cỏ cây cũng... sợ nổi tình mây mưa!

Tôi hỏi Suzanne:

– Tại sao phần nhiều các me Tây vẫn già, vẫn xấu, mà vẫn đắt chồng?

– A, cái điều ấy tôi biết rõ lắm. Tây họ có con mắt nhận sự đẹp khác xa ta. Ông trông thấy một người đàn bà đẫy đà, mặt đầy đặn, hoặc béo núc béo ních chẳng hạn... Thế thì ông đủ ghê sợ, cho là thô phải không? Ấy đại khái thế, người Tây họ lại cho là đẹp. Ông có biết mặt bà Bé Tý không? Ấy chính tại tôi đã được nghe một ông Tây khen bà ta có cái sắc đẹp hoàn toàn: người đàn bà đẹp nhất nước Nam! Còn khi ông thấy một người yêu kiều, thướt tha như liễu, rồi ông say mê... Người Tây thì lại cho thế là cái đẹp đáng sợ. Lấy người mảnh dẻ, sinh đẻ vài chuyến thì nguy to ngay chứ còn gì? Hai nữa, cái đẹp mảnh dẻ là cái đẹp không bền có phải thế không?

Tôi cười và hỏi thêm:

– Thế thì người Tây phương ưa mua những đồ dùng có thể giữ được lâu bền?

Suzanne khẽ cho tôi một khuỷu tay vào mạng mỡ.

– Ông, thí dụ ông sắm bộ đồ gỗ hay may bộ quần, áo, liệu ông có thích cho những cái ông sắm chóng cũ, chóng nát, chóng hỏng đi không?

Những sự đó đã đủ cắt nghĩa tại sao dân Âu châu ham mê thể thao và đã chế tạo ra vật gì thì vật ấy phải bền, không những kể đẹp. Chỉ có Đông phương, thí dụ như nước Nhật, là ưa cái đẹp mảnh dẻ chóng hỏng mà thôi.

Song le lời cắt nghĩa của Suzanne chỉ mới cho tôi rõ hai quan niệm về vẻ đẹp. Tôi còn muốn biết tại sao người xấu như ma cũng vẫn lấy được chồng. Mà xấu thì bà Ách kể đã là xấu! Vậy thì... ăn làm sao nói làm sao bây giờ? Tôi bèn xa xôi:

– Có lẽ không phải họ chỉ thích đẹp mà thôi đâu. Chắc cũng có nhiều người trọng nết, muốn vợ là người đức phụ. Phải thế những người không có nhan sắc mới không đến nỗi ế chồng.

Chính tôi, tôi đã không thật thà, để cho Suzanne tỏ ra là hơn tôi đã thật thà... Vì rằng Suzanne nói:

– Ông tưởng thế chứ tiếng đức phụ không bao giờ nên để tặng cho một người đã đi lấy Tây. Tại làm sao xấu họ cũng lấy, già họ cũng lấy? Những người Tây ấy là những người chán đời. Nuôi đầy tớ sợ nó ăn cắp, thà lấy một người vợ, vừa được sai bảo vừa được... việc khác nữa. Đã không cùng nói một thứ tiếng, người vợ lại chỉ coi ông chồng là cái tủ bạc thì người chồng dễ mỗi lúc đã đem tấm thân ái tình ra tặng vợ hay sao? Vả lại, một người Tây đã sang đây thì ai biết rõ đoạn đời về trước của người ấy là thế nào? Khối óc họ không nhẽ chỉ để làm việc cho ái tình! Hai người đều có địa vị, cùng chí hướng, cảnh ngộ cần nhau, mà yêu nhau, đó mới là yêu. Muốn có ái tình thì hai bên không ai có thể khinh được ai. Chứ còn yêu để mà "một trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng" thì đó là yêu vì thương chứ còn đâu là yêu vì yêu nữa?

Thật vậy, Suzanne còn trẻ mà đã hiểu sự đời biết bao! Nhưng cái đó cũng chẳng hay gì. Người nào hiểu sự đời lắm thì không mấy khi sướng cả. Sung sướng là cái phần của ai không hiểu biết sự gì mới được hưởng mà thôi.

Mới chuyện có một lúc mà đi đã được khối đường đất rồi. Trái đồi có nhà thương đã qua, phố ga qua, bây giờ trước mặt chúng tôi là cầu và sông, bên trái là đường hỏa xa, bên phải là ngọn đồi có trại binh pháo thủ.

– Hay là chúng ta lên đồi?

Suzanne gật đầu, chúng tôi vòng nhà máy Gạch, qua những dãy nhà đằng sau chợ Đáp Cầu thủng thỉnh bước lên. Những nhà ở đây có thi vị lạ. Tôi bỗng có cái cảm tưởng như đi du lịch một nơi xa lạ nào. Những gian nhà nhũn nhặn đắp bằng đất đỏ chen chúc nhau mái thấp, mái cao hoặc cách biệt nhau bằng những lối đi quanh co như vết rắn, do những tảng đá xanh và xám nối nhau, bắc bậc thang như những cái thang ở một hòn giả sơn nào. Đẹp quá đi mất!

Bây giờ đã đến lúc để tôi tìm mọi cách khám phá cho ra những ý nghĩ âm thầm của một cô đầm lai trẻ trung, xinh đẹp, xem cô đã biết phác họa lấy một cái chương trình về cuộc đời hay chưa.

Những chuyện tâm sự chỉ có thể dò được giữa một cảnh nên thơ...

Ngọn đồi này... với cái miếu nhỏ chung quanh có mấy cây ổi điểm tô cho, mà dưới chân là một vùng nhà với trại binh, mà gần sườn là một khúc sông, kể cũng đã nên thơ lắm.

*

* *

– Phải, tuy tôi có làng Tây nhưng mà tôi không hy vọng lấy chồng Tây. Hoặc lấy Tây là bần cùng. Vì rằng từ bé đến nhớn, má tôi lấy bốn đời chồng sau khi ba tôi về Pháp, thì cả cái chân tướng cuộc đời ra sao, tôi đã nhiều lần nom thấy rõ. Cảnh ngộ tôi thật khó nghĩ. Lấy Tây ngộ nhỡ phải theo chồng về bên... mẫu quốc thì để rồi mẹ già chết đói bên này hay sao?

– Lấy một người chồng An Nam...

– Cũng khó lắm. Hạng người dám có gan hỏi tôi chẳng hạn thì không chắc chắn đã được gia đình công nhận hẳn cho cái việc người ta làm. Nếu còn bị điều nọ tiếng kia thì khó chịu lắm. Vả lại chỉ say mê cái sắc đẹp một lúc, có khi rồi họ bỏ mình. Ấy là nói những người gan nhất thì như thế. Còn những người sống theo cuộc đời nền nếp thì làm gì có can đảm hỏi một người lai? Là một người lai là một cái khổ. Người Tây đã không hẳn quý trọng mình, mà ở người Nam cũng không yêu thương hẳn mình. Ở cái xã hội quý phái Âu Tây, một ít máu An Nam trong huyết quản là một cái nhục. Ở cái xã hội quý phái người Nam, một ít máu Pháp trong huyết quản cũng chẳng là sự vinh. Giời ơi! Thì ra tôi không có Tổ quốc!

Suzanne cúi đầu, bất giác nức nở...

Tôi chỉ còn kịp kéo tay cô ta về mình, và muốn tỏ sự cảm xúc bằng một cái hôn. Song le, nghĩ rồi lại thôi. Không nên chơi với lửa.

Suzanne lại nói một cách chua chát:

– *Oui, je suis sans patrie!* [1]

Tôi khẽ nói:

– Lấy một người chồng lai...

Nén cơn đau, Suzanne lại bình tĩnh thêm rằng:

– Ông nói phải lắm. Tôi đã nghĩ thế. Một người chồng lai, cũng có Pháp tịch, mà không thể nào khinh được tôi. Nếu chồng phong

1. Vâng, tôi không có Tổ quốc! (NBS)

lưu, tôi sẽ ăn mặc đầm. Nếu chồng nghèo, chỉ là lính tráng chẳng hạn, thì tôi sẽ chỉ cứ ăn mặc ta. Tôi đã học hành mãi ở trường trẻ con lai vô thừa nhận. Giá như ai, không nghĩ đến mẹ, tôi đã sang Pháp năm ngoái rồi. Mà giá muốn lấy chồng xivin như ai, tôi cứ ở Hà Nội, tìm một chân bán hàng mỗi tháng kiếm vài chục bạc may mặc, có lẽ tôi cũng đã có một vị hôn phu rồi. Nhưng mà thà về với một người mẹ khổ sở, cùng mẹ ăn cơm ngô, cơm khoai.

Thế là Suzanne hết đau đớn. Lòng hiếu đã làm cho cô ta trở nên... anh hùng! Vì rằng Suzanne kể thêm:

– Ừ, mà tội gì lại phải đau xót vì không có Tổ quốc nhỉ?

Nói xong cô ta đứng lên quay ra bốn phương, nhìn...

Suzanne không muốn lấy chồng Pháp, Suzanne chẳng đau khổ vì không có Tổ quốc mà thờ. Suzanne cũng chẳng muốn lấy chồng An Nam. Ồ, nếu thế thì còn thú gì nữa! Có thể như thế được chăng?

Tôi làm ra lẩn thẩn:

– Theo ý tôi, dù sao nữa, lấy một người chồng An Nam vẫn hơn...

Suzanne lườm tôi mỉm cười. Trong cái lườm ấy, trách là trách yêu.

– Ấy má tôi vẫn nghĩ như thế. Vẫn bảo tôi đại khái rằng: tao chỉ muốn có một người chàng rể An Nam để sau này chôn cất cho tao. Bao giờ cũng thế, má tôi chỉ lo chết hơn lo sống.

May quá! Tôi chẳng để lỡ một cơ hội tốt:

– Chứ gì! Bà cụ lo thế là phải lắm chứ. Suzanne nên lấy chồng ta, xem người nào xoàng xĩnh, quân tử, có óc mới... không chịu lụy về những cái thành kiến cổ hủ, chỉ biết có ái tình.

Suzanne nhoẻn cười:

– Như ông có phải không? Rõ khéo chỉ được cái giọng kẻ Bưởi!

Tôi cũng cả cười. Nhưng Suzanne đã lại nghiêm nét mặt:

– Không! Không thể được. Bao giờ lúc đầu người ta cũng mơ màng sự đời là tốt đẹp lắm. Cái khốn nạn nó không đi ngay với cái tốt đẹp bao giờ. Nó chỉ chùn lại để đi sau mà thôi. Thí dụ như ông chàng rể bà Đồng Đền ở Phủ Lạng!

Chuyện này cũng thuộc về cái đề "kỹ nghệ lấy Tây" song... người thợ lại thuộc về giống đực.

Anh đàn ông coi cô vợ đầm lai như cái mỏ vàng.

Suzanne thuật chuyện trong ba phút, nhưng tôi phải viết đến vài ba mươi dòng mới đủ nghe.

Cách đây độ tám năm, một viên giáo học bị cữu, kết duyên loan phụng với cô đầm lai, con một bà Đồng Đền. Cả tỉnh ồn ào chê anh chàng tham của. Bà Đồng này có tới bạc vạn và đã hết lòng sửa lại cái điện thờ ở chợ Bắc Môn.

– Không biết đã làm gì mà giầu?

– Hay đã buôn thuốc phiện lậu?

– Không phải, của mấy ông chồng để lại cho đấy!

– Nói khoác, xấu như ma lại đòi làm giàu về nghề lấy Tây!

– Cứ gì xấu hay đẹp... ở đời này có số chứ!

Đó là những điều "ngồi lê đôi mách" của các me, mỗi khi muốn ghen với cái lá số của bà Đồng Đền.

Mà cái lịch sử ly kỳ của bà kể cũng đáng làm rỏ dãi các me...

Khi còn cái tên Tư Bạc, nghĩa là giữa lúc "mơn mởn đào tơ" thì bà ta vì cái nhan sắc mẫu dạ xoa, chỉ thèm làm bạn.. dăm năm với một ngài săng đá, một người quan niệm về mỹ thuật chưa phát triển mạnh.

Do đó, đẻ được mụn con gái... Rồi thì, một hôm bà Tư Bạc ngán ngẩm cuộc đời mà than rằng: "Mặt sông nước chảy lờ đờ, ông về bên ấy bao giờ ông sang!" Một vài năm qua...

Sự túng thiếu... sự khổ nhục.

Hết các kế, bà ta phải lấy bốn chữ "lá gió cành chim" ra làm một nghề.

Một đêm, một quan tư thầy thuốc sai bồi đi gọi bà ta. Tháng sau, bà ta thành vợ quan tư thầy thuốc! Sự thương hại hay ái tình? Nào ai hiểu nổi sự rộng lượng của người đàn ông. Cứ cho là tại duyên số.

Sau vài năm, ông quan tư ấy về rồi không sang.

Năm sau lại một ông quan tư khác đến kế chân ấy. Rồi được ít lâu, ông cũng về.

Ông nào về cũng để lại cho vợ nào nhà gạch đầy giấy, nào bạc đầy rương.

Giàu có rồi, bà Tư lần này đành... thủ tiết. Chỉ có một con gái, bà Tư muốn được một quý tế An Nam mai sau chôn cất cho mình. Viên giáo học ấy đã đến nói với con bà: "Tôi lấy mình vì tình chứ

chẳng vì tiền đâu". Được dăm năm, chàng rể quý ngày đêm cứ cầu trời khấn Phật vật chết mẹ vợ!

Duyly – tên người vợ – đã cau mặt:

– Đồ khốn nạn, mày chỉ vì tiền mà thôi!

Thì ông chồng cười gằn:

– Mang trên trán cái nhục là chồng mày, là con rể một kẻ như mẹ mày, mà không nói đến chuyện tiền thì thiên hạ nó cũng chửi!

Những câu ấy chẳng phải không đến tai bà Đồng Đền. Nhưng mà bà cần gì! Đêm ngày bà ta cứ "tấu lạy Vua mẫu" xin ban ơn cho nhân gian, múa vung khói nhang mà hé hé hé hé!

– Không! Dù nghèo hay giàu tôi cũng chẳng lấy chồng An Nam!

Suzanne đã thở dài mà nói thế. Tôi, tôi cũng đã thở dài.

*

* *

– Vâng, tôi cũng phải đi ngay. Bà Kiểm lâm gọi tôi có việc cần.

– Nhưng trước khi về Hà Nội, ông có quay lại đây nữa không?

– Không biết thế nào mà dám nói trước. Xin kính chào bà và cô.

Nói xong tôi vớ lấy mũ ra đi. Suzanne chạy theo tôi mười bước.

– Này ông.

–?...

– Thế chuỗi hạt này ngụ những ý gì?

Suzanne hỏi tôi một cách đứng đắn lắm. Chuỗi hạt pha lê ấy, khi từ đồi về đi qua phố Chính, tôi đã vào một hiệu khách mua nó và chờ về đến nhà mới rón rén đeo vào cổ Suzanne. Bà Ách nghèo nhưng trong khi tiếp đãi tôi, đã chịu thiệt. Lúc ấy tôi đã phải nói liều:

– Để làm một kỷ vật đau đớn.

Những dòng này, tôi mong sẽ có ngày ở dưới mắt Suzanne.

*

* *

VI

MẤY BỨC THƯ TÌNH

Bà Kiểm lâm đã giới thiệu cho tôi quen bà cai Bu Dích nhưng bà này không mời tôi về nhà mà mời lại chơi nhà người "bạn đồng nghiệp". Theo dòng chữ bút chì nguệch ngoạc trên mảnh giấy xé ở sổ thợ giật ra, tôi cứ việc thấy cái sân có rào găng ở một ngõ lách thuộc phố Nhà Ngựa là vào.

Mới để chân trước cổng đã thấy một giọng lanh lảnh hát:

Bạc đồng me sừ chớ có mà phát xê...

At tăng moa rắc công tê tú sà! [1]

Nàng Thơ ở đây, dù sao cũng đã "dung Âu hợp Á" thành ra văn minh hơn mình, hơn Nàng Thơ của cái "kêu đường giới" ở những chỗ tránh xe điện.

Đương đứng lắng tai muốn nghe thêm nữa thì đã thấy tiếng guốc từ nhà ra sân.

– Ông cứ vào, chị em tôi đương đợi mãi.

Đó là bà Cai. Tôi ngả mũ rồi vào. Đây là một gian... vừa là phòng khách, phòng ăn, và phòng ngủ. Có thể gọi là nhà thờ cũng được, vì bên cạnh cái giường tây gỗ, có thấy đóng một cái xích đông bên trên bầy đồ thờ, thờ một cái tranh con hổ. Chẳng biết Sơn quân ngài có biết sơi bơ không? Ai đã chơi khăm, để ngay ở đây một hộp như muốn cúng ngài thế?

Trên giường có hai me ngồi, ngồi chầu một cỗ tổ tôm. Nếu phân tích kỹ lưỡng ra, cái giường ấy lý tất nhiên đã là cái sòng, đã chứng kiến cho bao nhiêu tối tân hôn, và biết đâu lại không là vật tòng phạm của bao nhiêu cuộc ngoại tình nữa! Cái giường của một me Tây cũng như cái dùi khui của một thầy cảnh sát, cũng như cái búa của bác thợ rèn, cũng như cái cổ của một ông nghị viên Việt Nam. Trong cái kỹ nghệ lấy Tây, thợ chỉ làm việc trên giường.

---

1. Xin lỗi mình, đừng giận vội...
Để rồi tôi kể hết cho nghe!

Thấy tôi vào, hai bà khép nép thu bớt những bộ đùi quần trắng lồm lộp lại, ngồi cả vào một chỗ, mời tôi ngồi ngay bên. Một bà hỏi bà cai Bu Dích:

– Ông ấy đấy à?

– Phải.

Bà kia lại mỉm cười:

– Thế ông định viết báo nói xấu chị em chúng tôi những gì thế ông?

Tôi đáp:

– Không, tôi không muốn nói xấu ai, tôi chỉ muốn rõ sự thực.

Bà cai Bu Dích cũng đỡ lời một cách quyền hành:

– Nỡm lắm! Cứ bông lơn làm gì thế? Người ta đến đây để nói đùa hay sao?

Tôi lại phải lựa lời:

– Hai bà nên rõ cho rằng chúng tôi chỉ muốn rõ những cuộc phối hợp của đàn bà ta với người Tây phương có may, có rủi thế nào? Chúng tôi để ý nhất là những trẻ con lai. Số này đông lắm nên vấn đề trẻ con lai sau này tất làm bận lòng các nhà cầm quyền lắm. Xưa nay hình như ta có cái thành kiến: nếu ai lấy Tây chỉ là vì tiền. Thế thì có bao giờ bà nào lấy Tây vì ái tình không?

Nào ai ngờ mới nói qua loa thế thôi mà hai me kia đã hầu như nổi trận lôi đình. Cả hai đều xô xô lên rằng:

– Chứ không ư? Việc gì mà lại chẳng vì tiền? Ông tính chúng tôi với họ thì còn có thể nào vì tình vì nghĩa gì được nữa? Vả lại họ lấy chúng tôi cũng chẳng phải vì tình. Đối với họ, chúng tôi chỉ là những cái đồ chơi trong một hạn kha khá dài mà thôi.

Nói đại khái thế rồi, cả hai me ra vẻ lấy làm hả lắm.

Tôi thật không ngờ.

Dễ thường nếu mình ra ý phỉnh nịnh, đã nói trước rằng họ lấy nhau là vì tình chẳng hạn, có lẽ các bà này coi mình như đã... mai mỉa các bà cũng nên.

Song, từ xưa đến nay, mấy nghìn mấy vạn bà vợ Tây, phải chăng bà nào cũng cùng một quan niệm như thế?

Chợt một bà vội dặn:

– Nếu ông có viết vào nhật trình thì cứ viết phăng rằng chúng tôi lấy họ là vì tiền, thế thôi! Mà hạng đàn bà chúng tôi là hạng bỏ đi, xã hội không cần kể đến nữa.

Ấy chết! Nếu vậy thì trong những công cuộc Đông Tây hợp tác "Âu Á đề huề" do quan Phó Nam vương khởi xướng, các me là những kẻ hy sinh đầu tiên để tìm sự từng trải, chẳng lẽ lại không đáng được kỷ công, gọi là có chút đền bù?

Tôi lại lựa lời:

– Nếu những cuộc nhân duyên của các bà có thể chép vào thanh sử được thì trong cuốn sử ấy, từ khi người Tây sang đất này tưởng cũng đã có nhiều đoạn oanh liệt và vẻ vang.

Thế là bà Cai nói ngay:

– Người đàn bà Bắc Kỳ thứ nhất lấy Tây là bà Đội Chóp. Bà này chính là... chính là *tổ sư* nghề lấy Tây. Ông Đội chết rồi, bà ta cũng chẳng nghèo, chẳng giàu. Con cái chẳng có, bà Đội về già thì để tâm tư vào một việc, một việc ta cho là từ thiện: cái việc khóc ma mướn.

– Ớ ai ơi là ai ơi: Trăm đường nghìn nỗi, ai ơi... Ai đi đâu bỏ cửa bỏ nhà, bỏ anh em cha mẹ, họ hàng, ai ơi...

Bốn mươi năm trước đây, người Việt Nam, ngoài sự lo tưới nước luộc lợn vào xác người chết, lại còn muốn người chết phải cảm động bởi những câu khóc lóc khéo của kẻ sống ở sau cái quan tài! Nhà nào sợ vì lẽ gì tang gia bối rối mà không đủ lời lẽ thảm thiết thì mời bà Đội Chóp giúp hộ một miệng. Bà Đội Chóp, một người có lòng từ thiện, đã vui vẻ mà khóc, tươi cười mà khóc, khóc một cách chu đáo, mà lại không tính tiền, nghĩa là khóc *gatuýt* vậy.

– Ớ ai ơi là ai ơi!...

Nhưng thôi, chúng ta để bà Cai kể nốt:

– Nước ta có số vạn trẻ con lai vô thừa nhận với số vạn nữa, thiếu niên, thiếu nữ lai có Pháp tịch, được hiển đạt, tội ấy và công ấy ở cả bà Đội Chóp mà ra. Bà ta đã có can đảm đánh trống ra lệnh cho chị em hậu sinh chúng tôi không nơm nớp sợ những ông khổng lồ tóc đỏ mắt xanh, nói thì oang oang như gắt, chân tay hay giơ lên như sự sừng sộ... Phải, mỗi khi người đàn bà bỡ ngỡ nghĩ đến sự trao xương gửi thịt cho những người xa lạ ấy mà nơm nớp lo sợ, mà trù trừ do dắn, thì hầu như có linh hồn của tổ sư hiện lên an ủi rằng: "Không sợ! Người Tây văn minh ra phết, họ không ăn thịt mình, cứ lấy bừa đi!".

Bọn chúng tôi không ai nhịn được cười. Ấy là bà Cai mấy hôm nay vừa bị ông Cai *chạy làng* cho một vố, nghĩa là bị chồng bỏ, nghĩa là bà vừa trải qua một trận phong ba, mà còn có gan bông lơn như thế. Đủ biết quả tim kia không rung động nữa rồi. Lấy chồng hay bỏ chồng, bà này chỉ thấy là tậu được một cái chén, hoặc nhỡ tay đánh vỡ mất mà thôi!

Lúc này, một lũ trẻ con bà Cai dắt díu nhau lúc nhúc kéo sang. Đứa nào trông cũng hay hay, tinh khôn nhanh nhẹn lạ. Nhất là đứa bé ba năm trông y như trẻ quảng cáo của hiệu sữa "con chim" vậy.

Tôi buồn rầu vì chợt nghĩ đến bố mẹ chúng. Bọn trẻ ấy sau này sẽ có cái tương lai ra sao?

Thế là những lời tâm sự của Suzanne lại vẳng thấy bên tai tôi, khó chịu như những câu oán trách.

– Má ơi, má trông thằng Gioong nó đeo vào yếm rãi nó cái mỏ neo nó nhặt được đây này!

Con chị rầm rộ chạy vào, giơ thằng em ra khoe.

– Bước ngay! Bà đang có khách, đừng có đến ám quẻ bà nhé!

Quát rồi, bà Cai Bu Dích nhặt cái guốc giơ rõ cao. Mấy chị em hãi hùng, dắt díu ẵm bế nhau cút mất!

Không, một người đàn bà, dù là quái vật đi nữa, khi đã thành một người mẹ rồi thì chẳng khi nào lại nỡ cứ quái vật với cả lũ con mình rứt ruột đẻ ra. Vậy thì sao trước lũ trẻ đang hôn hít nâng niu kia, mẹ chúng lại có cái cử chỉ của cai ngục đối với tù nhân thế?

Tôi đã muốn bất bình...

May sao, tôi nghĩ ra ngay.

Trong khi người đàn bà chỉ nghĩ đến tiền, người đàn ông chỉ nghĩ đến nhục dục, giữa hai bên hầu như có bức tường ghê gớm mà sự thành thực không thể nhảy qua được, chưa chi người ta đã nghi ngờ rồi. Những lời ân ái tự đáy lòng thốt ra đều đã bị coi là giả dối cả!

Khốn nỗi, không phải ai cũng có gan dùng đến cách đề phòng sự sinh dục cả. Từ những cuộc... cẩu hợp đó có những kết quả là bọn trẻ kia. Có con là sự quý báu đối với ai, chứ đối với hạng vợ chồng này, có con là một cái họa. Người đàn bà hầu như chửa đẻ để rồi mà hối hận. Anh đàn ông, nếu không hối là đã điên có khi cũng bán tín bán nghi đánh mấy cái dấu hỏi: có phải chính đó là lũ con cùng máu với mình?

Sự nghi hoặc đã sinh ra lòng căm hờn, mà bao nhiêu lẽ công phạt của lòng căm hờn đều chỉ trút lên đầu những đứa bé ngây thơ và vô tội!

Những đứa trẻ kia rất đáng yêu thương.

Song le, hoặc con người, hoặc con ta, bà Cai có cần... "đếch" gì?

Bà cũng y như nhà nước! [1]

Vì rằng bà lại thản nhiên cho tôi nghe thêm mấy chuyện:

– Bà Đội Chóp chỉ được tiếng là tiên phong thôi chứ cũng chẳng vẻ vang gì. Một người đã khóc ma mướn cho qua ngày đoạn tháng thì còn hay hớm gì nữa! Cứ kể cho đúng, trong bọn chúng tôi mà oanh liệt nhất thì có một số rất ít. Xin kể: bà Tây Cú, bà Chánh Tý, bà La Oa, bà Đuy Kiềng. Ngoài ra còn nhiều bà lấy được những ông xivin sang trọng, quan cai trị, tây buôn. Thế mà, những bà hiển đạt liệu có vì ái tình không? Chắc ông chẳng dám phán đoán. Thôi, ông cứ yên tâm... Một người lấy Tây, cả họ được nhờ!

Đương giở chuyện, có hai me nữa bước vào. Me đi giầy đầm và khoác áo tơi nói oang oang:

– Gớm! Con mẹ Bôn bây giờ *đắt lựa*, hợm hĩnh tệ!

Me thứ hai vứt ô trên bàn đánh sình một cái:

– Bà cho bị *chạy làng* một vố thì lại hiện nguyên hình! Chị em còn nhớ chuyện me cai Phăng Xoa không?

Thế rồi đến những chuỗi cười rúc rích. Bà Cai bảo một me vẫn ngồi im từ nãy:

– Muốn nhờ ông ấy làm đơn cho thì nhờ đi. Tôi xin phép ông nhé?

Rồi thì... đám chắn tay tư.

Một me không đánh, kéo tôi ra chỗ cái bàn.

*

* *

Trong cái hộp Nhật Bản mà tôi tưởng là hộp trầu, có năm cái ảnh và một đống thư. Trong năm cái ảnh, hai cái là con gái nay mới

1. Từ khi có nạn kinh tế, nhà nước cũng không cứu giúp một cách cho đầy đủ một số đông trẻ con lai vô thừa nhận như trước nữa.

lên tám của me ấy, với ba cái của ba ông chồng. Lại có cả quyển sổ tay bìa xanh.

– Thưa ông, chỉ có tôi là dám tự phụ rằng trong bọn chị em làm nghề này, tôi lấy ít chồng nhất. Bao nhiêu năm trời mà số chồng chỉ mới có là ba. Hai nữa, tôi là người kể cũng nhiều chữ nghĩa cơ đấy. Nhưng đến việc can hệ nhờ ông vẫn hơn. *Ba sí ba tú* quá sợ quan trên người ta chê cười.

Me này, vì muốn "bước thêm một bước" nữa nên định tống cái cô con gái cho hội trẻ con lai.

– Mai sau khi 16 tuổi, thì người ta kiếm việc cho nó ở đây hoặc mang nó về Pháp. Con gái chả ích gì mà nuôi. Nếu nó có dân Tây, bảo tôi cũng có lẽ nuôi con mãi. Khốn nỗi lúc tôi đẻ nó tôi nói với cả hai anh chồng. Trước pháp luật biết để anh nào nhận anh nào không? Thôi chả chơi dại. Nhỡ ra chúng giết tôi thì làm thế nào?

Tôi đã rút cái bút máy để trên bàn, vui lòng thảo đơn. Nhưng người đàn bà tinh quái này đương lúc cao hứng còn muốn tôi hãy nghe mấy cái "tuých" dùng để lừa hai bác lê dương đã lần lượt kế chân làm chồng mình đã.

– Đây, ảnh người chồng thứ nhì, mà đây, người thứ ba. Anh thứ nhì tuy có hàm râu Trương Phi song bụng rất tốt. Còn anh chàng đẹp trai này, mặt mũi đầy đặn thế mà là trùm sỏ lá, đại *ma lanh*! Nhưng mà cũng chưa đọ với óc tôi đây, tôi có ngu gì... Thì ra biết chữ nghĩa cũng có lợi, ông ạ. Cứ gãi về mặt cảm tình là các cậu bị ngay. Nếu tôi ngày xưa học quá được lớp êlêmăng te thì bây giờ nhiều anh chết nữa!

Nói xong, me ấy đưa ra tập thư với quyển sổ bìa xanh.

– Quyển sổ này là thế nào?

– Việc gì phải chép bút chì chữ lại như thư nhà buôn thế?

– Việc gì à? Lại còn việc gì! Ăn gian nói dối như quỷ mà không tìm cách nhớ những lời đã nói, ngộ nhầm mà râu ông nọ cắm cằm bà kia, để đến nỗi tiền hậu bất nhất thì sao.

– Thế hiện giờ, hai người này không có ở đây?

– Lão già hiện giờ đã vào ngạch cô lô nhần hiện hàng ngũ ở Mạc Sây. Ở đây quan thầy thuốc bảo không hợp. Còn anh chàng trai trẻ này thì phải đổi về nước Tây đen dẹp loạn đã hơn năm nay rồi. Thế mà... Thế mà cả hai người vẫn gửi tiền về nuôi con tôi!

Tôi giở thư của ông chồng già. Trong một lá, có một đoạn đại ý:

"Mình là người tôi yêu quý nhất đời. Tôi thật đau khổ vì cái chứng bệnh này khiến tôi phải rời bỏ mình mà về đây. Cái ảnh của Jeannette đẹp lắm, tôi thích lắm. Bố con xa cách thế này, tôi buồn bã quá. Độ này tôi uống rượu nhiều, vì chán đời lắm. Nên năng viết tin tức cho tôi. Đây có kèm ngân phiếu 100 quan. Tôi hôn con một trăm cái, hôn mình một nghìn cái".

Tôi lại xem đến một lá thư của anh chồng trẻ, từ Phi châu:

"Cái xứ này nóng quá, đàn bà lại xấu quá. Bọn giặc cộng sản là tôi bắn không tiếc tay: Lắm lúc lo nhỡ bị chúng đâm trộm một nhát thì còn hy vọng gì sang Bắc Kỳ với mình và Jeannette nữa? Chao ôi! Cái đời tôi không biết sống chết lúc nào. Vậy thì cứ lấy chồng đi thôi. Nên tìm người nào sẵn lòng nhận khai sinh cho con gái chúng ta đừng phải là con vô thừa nhận... vân vân..."

Thế mà cái thơ "nàng" gửi cho lão già:

"Je suis mort de faim mais je ne pense pas d'épouser un autre mari les autres personnes dangereux. Moi et c'est pas qui! Pas possible quelqu'un honnête comme vous, mon vieux cher. Alors, Jeannette reste sans papa, mais je mens fout, n'est ce pas? Envoyer, moi de tant en tant d'argents et votre fille serons heureuse" [1]

Thế mà cái thơ "nàng" viết cho anh chồng trẻ:

"Jeannette ne voudrait suivre son papa. Elle pleure toujours, Je l'ai fait voir photo de vous. A Tonkin, c'est la crise d'argents. Ces habits sont mauvais état. Je veux dire vraiement: si vous êtes impossible à m'envoyer beaucoup d'argent, Je pense épouser encore un mari...

Votre femme Thị B... très chérie" [2]

Dù sao, tôi cũng chỉ muốn cười. Điều khả ố là me ta gần nhẩy lên mà reo:

---

1. Tôi chết đói nhưng không nghĩ đến lấy chồng khác nữa. Những người khác nguy hiểm. Tôi đây chứ không phải là ai đâu. Không ai lương thiện được như mình đâu ông già của tôi ạ. Thế là Jeannette không có bố nhưng tôi không cần, có phải thế không?

Thỉnh thoảng gửi tiền cho tôi đi, thì con gái chúng ta sung sướng.

2. Jeannette nó không muốn theo bố. Nó khóc luôn. Tôi đã cho nó xem ảnh của mình. Ở Bắc Kỳ, kinh tế khủng hoảng. Quần áo nó rách. Tôi nói thật: nếu mình không gửi [illegible] cho tôi nhiều nữa, thì tôi sẽ lấy chồng khác. Người vợ Thị B... yêu quý của mình

– Đã biết tay đàn bà *ma bùn* chúng tôi chưa, ông? Đừng có tưởng nhầm chúng tôi lấy họ vì tình nữa nhé!

Ô hay! Rõ lạ thật! Làm gì mà phải đe nhau?

Tôi đã cầm bút thảo đơn, không buồn, cũng không thèm cười.

Chỉ tiếc không có sẵn cái máy ảnh.

*

* *

VII

AI MUỐN HÓA RA SƯ TỬ

Trước mắt Thế Lữ, con hổ già ở chuồng trong vườn Bách Thảo đã muốn gầm: "Than ôi, thời oanh liệt nay còn đâu!".

Tuy đã là hổ – hoặc sư tử – mà nay về già rồi, bà Đội Tứ của tôi cũng không bao giờ muốn than như vậy. Nếu bà đã hết oanh liệt thì những cái khác làm nên oanh liệt bà còn có thể đem ra dạy dỗ bọn đàn em ngây thơ. Các me ở Thị Cầu, mỗi khi nhắc nhỏm đến bà đều ra vẻ kính cẩn mà rằng: "Chị Đội Tứ của chúng tôi là người đáo để ít ai bì kịp, thằng chồng nào đầu trâu mặt ngựa đến đâu cũng phải e sợ". Và ngay cả Đimitốp nữa, khi trông thấy bà ta, cũng đã nháy mắt bảo tôi: "Mụ này là mụ đáng sợ nhất trần đời!".

Những lời tiến cử như vậy khiến tôi chẳng dám coi thường một bà già trạc 60 tuổi, tóc mun đã pha màu bạc, một mắt hỏng, cái mũi dọc dừa tô điểm cho bộ mặt có cái vẻ Tây phương, răng lại nhuộm đen, ngồi thản nhiên nhai trầu bỏm bẻm ngắm nghía cuộc "hội kiến" của Đimitốp với Ái và Tích. Cái vẻ thản nhiên của bà Đội Tứ lúc này thế mà đáng sợ, vì Đimitốp cứ vừa nói với Ái vừa nhìn trộm bà ta. Đimitốp có dáng diều hâu bay cao lăm le nhìn bọn gà con, song cũng nơm nớp sợ mỏ và cánh của con gà mẹ. Đo đắn chán chê xong lão mới nói thêm thế này:

– Bạn tôi chẳng phải kẻ không ra gì. Chính là một người đứng đắn và tử tế. Khốn nỗi, cái tính rượu chè quá chén thì người lính nào chả có. Mà bạn tôi đã cam đoan rằng xin chừa. Nếu cô bằng lòng tha

thứ, hắn sẽ phải nghĩ cách chuộc tội. Tôi mong cô đừng đi đâu vội, nán lại mười ngày nữa, chờ kỳ lương sau...

Ái nhìn bà Đội và hỏi:

– Bà bảo con nên giả lời thế nào? Nó chỉ chi có 18 đồng thôi, con muốn...

– Thế nó có hay ghen không?

– Con không biết... Dễ thường không ghen lắm, như người khác đấy thôi.

Nghe xong, bà Đội bảo Đimitốp:

– A lo điếc lúy vơ nia đô nê xanh biệt! La bơ tít đoa bảy dề pho băng xương ăng co đít dua. Xăng qua en đoa bờ lắc kê bua Hanoi buit cơ y a cẩm soóc giăng đờ măng đê xa manh. [1]

Đimitốp cau mày, cắn môi không nói gì cả. Sau cùng ông ta bắt tay một lượt, vẫn không nói gì cả, chỉ cắm đầu ra. Bà Đội nhìn theo nói thêm: "Cần đến thì phải có tiền. Bất đợi mười ngày thì phải mất năm đồng... mà nếu tiếc năm đồng thì cứ việc chạy đủ cả một tháng! Bao giờ mình lại chịu nước lép!"

Thì ra cái gian nhà ở Suối Hoa này đã nghiễm nhiên thành một nơi quan trọng để cho một ông dân Nga lấy tư cách thuyết khách đến nối lại cuộc giao hảo (do một "điều ước trăm năm" giàng buộc, nhưng lại bị cái vấn đề khô và ẩm làm gián đoạn) giữa nước Nam Việt ký kết với một nước bên Âu châu!

– Tích! Làm sao đến nỗi có mấy ngày mà đã bỏ nhau?

Cô Tích bẽn lẽn mãi không đáp. Cái dáng người còn măng sữa với cái áo the kép, chiếc khăn nhung, đôi giầy nhung ấy tôi phải kinh ngạc, muốn than như quan Thống lĩnh Doumer lúc bị đạn: "Có thể đến thế được chăng?" Vì rằng Tích chưa đủ dầy dạn phong trần, còn thiếu tư cách...

Tôi đã thừa hiểu như vậy, song bà Đội lại còn cắt nghĩa thêm:

– Ông tính có ai lại ngu dại như thế không? Bán nhẫn đi ứng tiền thuê nhà cho nó, rồi để nó ăn ở với mấy ngày, bây giờ không thành chuyện gì cả! Mất không cái nhẫn!

---

1. Thế thì bảo nó đến đưa năm đồng. Con bé còn phải trả tiền trọ mười ngày chờ đợi nữa. Nếu không nó phải đi Hà Nội vì hiện giờ có một người đội muốn lấy nó.

Tích rụt rè:

– Khốn nạn nào con có ngờ đến nỗi thế đâu!

– Thế mày bỏ nó hay nó bỏ mày?

– Nó chẳng bỏ con thì con cũng đến bỏ nó.

Nào bà có biết đâu...

Bà Đội ngắt lời:

– Úi chao ôi! Gái già này lại còn cái gì mà chẳng biết. Nghĩ đến các cô mà sốt ruột! Ấy là đã đi học, có chữ nghĩa hẳn hoi mà còn thế!

Tiện dịp, tôi vội hỏi đến đoạn đời về trước khi Ái và Tích chưa đến nỗi trôi giạt sang đây! Rồi từ chuyện nọ đến chuyện kia, lại nhờ cái vẻ ngạo mạn khinh đời của bà Đội, cái gì cũng không thèm giấu giếm cả, nên trong ít lâu tôi đã có thể phác họa nổi hai cảnh ba đào.

Ái và Tích là một cặp bạn thân. Cái nghèo khổ chung đã khiến hai cô yêu nhau như ruột thịt. Xưa kia không rõ đã đi học với nhau ở những trường tư nào. Chỉ biết không theo học được nữa thì hai người vào làm cho một hiệu mũ áo ở Hà Nội do một bà đầm chủ trương. Mỗi ngày làm 10 giờ, lương tháng có 6 đồng bạc!

Cả hai cam còng lưng chịu khổ, song vẫn lấy thế làm bằng lòng, nếu không có sự xảy ra. Phải, ở đời bao giờ cũng vẫn có cái "sự gì" nó xảy ra, để người ta đương sướng phải hóa ra khổ, hoặc đã khổ lại phải khổ hơn nữa.

Tích ít chữ nghĩa cứ ngày ngày càng bị bà chủ đem tên những súc vật mà tặng cho.

Thông minh, không bị cái nạn ấy, lại đẹp hơn bạn. Ái được bà chủ yêu, yêu vô cùng. Bà chủ yêu thì ông chủ lại yêu hơn. Tai họa ở đấy.

Một hôm, bà chủ đi vắng, ông chủ nắm tay Ái, lôi Ái vào buồng.

Hôm sau Ái bị đuổi ra.

Tích cũng ra theo nốt!

– Tấm thân đã như hòn ngọc có vết rồi, không bao giờ tôi dám nghĩ đến việc lấy một người chồng tử tế nữa. Khi một người đã sa ngã, hoặc tự mình, hoặc do người khác xô đẩy cũng vậy, đã ngã một lần là rồi cứ ngã mãi, có phải thế không, ông? Đã như tôi rồi mà lại lấy chồng An Nam, sao nên! Lấy người tử tế thì nhục cho người ta, mà lấy người không ra gì thì tôi không muốn. Nghĩ thế rồi hai chị em cùng sang đây.

Tôi chưa hiểu hẳn lời tâm sự của Ái. Nếu Ái đã nghĩ cho Ái như thế, kể cũng đã cao kiến, song còn Tích? Cô này đã đến nỗi gì mà cũng nhắm mắt hủy hoại một cuộc đời có thể tốt đẹp của mình đi? Tôi hỏi:

– Thế cô Tích cũng đã lỡ dở về tơ duyên rồi à?

Ái đưa mắt ra ý bảo để Tích tự mình đáp lấy.

Tôi cũng phải dùng luồng nhỡn tuyến có ngụ ý cảm thương ra yêu cầu... Chỉ trù trừ ít lâu, Tích đáp, song đáp tôi một cách gián tiếp mà thôi, vì cô ta nói với bà Đội:

– Bà cứ bảo con dại dột, chính ra không phải đâu... Nhân tiện bây giờ con cũng thưa chuyện bà rõ không có bà cứ tiếc mãi. Ở bên Hà Nội, đã hai năm nay, con vẫn có một người nhân tình.

– A à!

Bà Đội reo rồi nghe Ái đỡ lời cho Tích:

– Hai người yêu nhau lắm, thật là một cái ái tình (!) cao thượng, ông ạ. Đó là một người cũng làm nhà buôn. Thế nhưng mà bác ta có vợ con rồi! Trước, tôi vẫn bảo chị tôi không nên vấn vương như thế. Chị ấy đã nghe, đã bẵng đi một dạo... Thế mà không hiểu sao rồi lại quấn quít lấy nhau! Rồi một hôm thấy chị Tích kêu định lấy lẽ bác ta... Ấy trong tình trường, người ta vẫn vô nghĩa lý như thế đó. Rồi mấy hôm sau lại thấy kêu công việc không thành, vì vợ chồng bác ta cãi nhau đánh nhau làm sao ấy! Thế mới biết mắc vào lưới tình là chết... Giữa hồi ấy, xảy ra việc không may cho tôi. Chị ấy thôi, chúng tôi tìm việc làm mãi, không được mà gánh gia đình cũng nặng, lại nghe lời mấy me Tây ở phố Cửa Đông thành thử mới sang đây đấy chứ. Chị Tích hơn tôi nhiều, ông ạ. Không bao giờ chị ấy còn phải hối hận! Trước khi bước vào con đường này, chị ấy đã làm theo câu Kiều:

Nhị đào thà bẻ cho người tình chung!

Tích tuy đỏ bừng mặt nhưng cũng hỏi tôi:

– Có phải không ông? Cái gì bằng yêu nhau? Tôi tưởng việc tôi đáng khen nữa.

Tôi cũng muốn kiếm lời khen ngợi, song bà Đội nói trước mất:

– Có thế chứ lị... Mỗi khi nghĩ rằng mày để cho nó phá tân mày, rồi nó lại quịt mày thì bà lại cứ thấy như lộn cả mấy khúc ruột lên.

Bà Đội nghiến răng nói pha trò, rồi cầm cái lõi dễ đập xuống giường đánh thình một cái để chấm câu, thần tình như tiếng trống chầu xinh vậy. Bốn chúng tôi không ai nhịn được cười. Bà Đội lại nói:

– Bây giờ thì: *mầu hồ đã mất đi rồi, thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma,* có tiếc cũng chả được nữa, chứ ví thử Tích nó hãy còn tân xem! Còn tân mà lại đến tay tôi dựng vợ gả chồng cho xem! Cái gì chứ vài ba chục bạc tiền hoa hồng thì dễ như bỡn! Một anh lính lê dương mà lấy được vợ còn tân nó sẽ quý hơn vàng. Mà bao giờ vợ chồng ở với nhau cũng dễ lâu bền, trừ phi con vợ giở chứng giở quẻ hay thằng chồng mãn hạn phải đi nơi khác thì không kể.

Ái và Tích cùng phàn nàn:

– Cái kiếp lấy Tây ngán lắm, bà ạ. Nó cứ hay rượu chè, hay sừng sộ, lắm lúc tưởng có thể mình chỉ bị một cái thụi cũng bỏ đời. Bà bảo liệu có tay nào tàn ác đến giết chết mình không?

Bà Đội Tứ đã sắp hóa điên... Phải, ai bảo khêu gợi trong lòng một bà già tính chất một con sư tử khi còn trẻ? Bà quát rầm cả nhà:

– Việc gì mà sợ? Có đánh chết cái ba vạn! Bọn họ toàn một tính mềm nắn rắn buông mà thôi. Trừ phi bắt được quả tang ngủ với giai hãy chịu, chứ đường đường chính chính ra, mình phải mà họ trái, thì... chửi thì chửi trả, đánh cũng đánh trả! Các cô có biết gái này thế nào không? Đã có lần bị đấm một cái mà tát lại được ba cái đấy. Giơ dao lên dọa, gái này cũng tốc phăng ngay cái *coóc xê* lên! Anh nào cũng phải gờm!

Quay lại tôi, bà dịu giọng:

– Vả lại họ được cái khá là ít khi đánh đập đàn bà. Đánh là đánh dọa đấy thôi, chứ người họ như thế, sức vóc như thế, tưởng cứ một cái đấm mình cũng đủ bỏ mạng!

Bà ngắt lời một lúc, đoạn mỉm cười và thêm:

– Phải khôn mới được, nhất là khi gặp họ đi chơi gái, mình càng nên ra oai. Bắt gặp là không cần cắt nghĩa gì nữa, cứ việc túm lấy tóc mà cấu, mà cắn mà tát! Ông tưởng tôi nói đùa đấy à? Đời nào nó nỡ đánh lại mình mà sợ. Mỗi khi được một trận đòn ghen như thế là anh chồng sung sướng có thể hóa dại được ấy chứ ly... Vì tưởng được vợ yêu, biết chửa? Ấy lắm khi mình cù chúng thôi, có ai hơi đâu ghen tuông mà làm gì!

Đimitốp có lẽ cũng sắp quay lại đây với bạn.

Muốn tránh sự nghi ngờ của người chồng của Ái, bà Đội yêu cầu tôi ra đi.

Tôi đã được dịp nghe con sư tử cái dạy học trò.

Khi ra đi, trong bụng rất phân vân chẳng biết rồi Ái và Tích liệu có thụ nghiệp nổi?

*

*   *

VIII

SƠN TINH VÀ THỦY TINH

Than ôi! Bà Kiểm lâm nào phải đâu còn là người mà *"mê nàng bao nhiêu người làm thơ!"* như Mỵ Nương của ông Nguyễn Nhược Pháp nữa mà Hiếc Tôn (xin nhớ: tên ấy cũng nêu lên đây theo hình – thanh) với bạn đồng ngũ, người đồng thời lại là tình địch của anh ta, nỡ đem danh dự của nhau ra mà bôi nhọ đi, nỡ đem đặt tên nhau bằng tên những giống chẳng phải là giống người!

Ngồi khoanh tay một cách rất lễ phép ở tận một góc phòng, tôi may sao không đến nỗi là cái đinh trước mắt ngài nào cả. Lẽ đời tất nhiên phải như thế mới được. Hai ngài ấy còn phải tranh nhau làm sao được là chồng của Mỵ Nương đã chứ chưa cần nghi ngờ rằng tôi có phải là nhân tình của bà Kiểm lâm không.

Vả lại không phải Hiếc Tôn gặp tôi bữa nay mới là bữa đầu.

Lần thứ nhất, cũng dưới mái gianh này, khi anh ta đem trái tim vàng đến đặt dưới chân bà Kiểm lâm thì tôi đã được dịp trò chuyện ngay với anh ta một cách niềm nở.

Khi biết tôi là phóng viên một tờ tuần báo bản xứ rồi, Hiếc Tôn đã trả lại tôi cái các nhà báo một cách rất đỗi lễ phép và vội vàng hỏi ngay đến rằng vụ hành thích ông Barthou và vua Alexandre III ở Mạc Xây vừa rồi đã gây ra những cái phản động lực về phần chính phủ Pháp ra làm sao. Tôi đã theo điện tín hãng A. P. I. P, tóm thuật

cho anh ta nghe rồi để yên anh ta với người yêu tâm sự với nhau hàng giờ đồng hồ. Vì rằng sau khi thấy nói đến một cuộc điều tra về số phận đáng phàn nàn của một số đông trẻ con Tây lai thì anh chàng đã vội hoan nghênh tôi ngay, và đã hưởng ứng với tôi bằng cách cũng lập luận để kết án sự vô tình của số đông lính lê dương một cách khá kịch liệt. Nhất là chưa có vợ con nên lời buộc tội của anh ta lại càng thật thà. Lần đầu tôi đã thoát bị nghi rồi nên lần này, sự tôi có mặt tại nhà bà Kiểm lâm là không đáng lo ngại cho tôi chút nào cả. Nếu còn phải giữ gìn thì tôi chỉ còn cần giữ gìn với người tình địch của Hiếc Tôn.

Nhưng hai bên cứ tự do cãi lộn nhau, cũng không để ý gì đến tôi nữa.

Trong cuộc cãi lộn cả hai bên đều dùng thứ tiếng Pháp sai mẹo. Nghe mãi, tôi phải ngạc nhiên mà nhận ra rằng cái chức lang quân lại chính là bà Kiểm lâm đã tặng cho người tình địch của Hiếc Tôn, một ông lính lê dương đã có tuổi mà Hiếc Tôn cứ gọi một cách khinh bỉ là: con lạc đà. Mà con lạc đà thắng trận ấy lại là một thằng Do Thái bẩn thỉu *(sale juif)* nữa.

Trước sự tranh giành của Thần Sông và Thần Núi, Mỵ Nương cứ giữ một vẻ bình tĩnh khó tả, ra đều "măng phú tú", và chỉ biết tiền trao cháo múc, y như là vua Hùng Vương.

Hiếc Tôn thoạt tiên cũng còn giữ được lễ độ:

– Mày cứ cho phép tao lấy làm lạ rằng tao đến đây trò chuyện với người đàn bà trước mày đã một tuần lễ. Mà người đàn bà này, phải chính người đàn bà này, cũng đã hứa với tao. Thế mà bây giờ lại hóa ra thế này!

Ông lính lê dương có tuổi kia nhăn mặt lại để cố gượng cười. Các ngài độc giả hẳn đã đôi khi trông thấy một bộ mặt như tôi muốn tả: một cái mặt lởm chởm những râu và ria với lùng bùng những túi thịt dưới hai con mắt, với cặp môi không màu, trắng bệch, và hai hàm răng sâu, một cái mặt buồn khi người ta vô tư lự và cáu kỉnh nhăn nhở khi người ta muốn cười vậy.

– Không! Không! Cách đây chỉ có năm ngày thôi, tao đến đây thì chính người đàn bà này cũng đã bảo là bằng lòng lấy tao. Mà những khi tao đến nói chuyện thì tao chỉ thấy một mình tao thôi, chứ tao chẳng gặp mày lần nào cả! Nói thế cho mày biết rằng mày nên đi đi là hơn.Tao cứ biết rằng người đàn bà này vừa mới nhận của tao một chục đồng bạc.

Quay lại bà Kiểm lâm, Hiếc Tôn cười một cách đau đớn và hỏi:

– Thế cô cho lời hứa của cô là những lời gì?

Bà Kiểm lâm đáp bằng những câu văn rất khôi hài:

– Xê ba ma phôt, nét si bá? Uầy, moa bơ rô mét a vu tú dơ, mê lúy viêng a văng vu ê a lô xe mông ma ghi! Vút dết dơn ê bố cu gia lu, moa ba ú lòa! [1]

Nghe xong, Hiếc Tôn nhổ xuống đất một cái, rất khinh bỉ. Đoạn anh ta lấy một điếu thuốc lá khác ra hút rồi quay lại với kẻ địch:

– Nếu mày tranh nó của tao thì mày thật là đồ lạc đà!

Nhưng "con lạc đà" khôn ngoan này chỉ gượng cười mà vặn lại:

– Bây giờ tao mới gặp mày là lần đầu thì tao có tranh cướp gì của mày bao giờ đâu? Mày còn trẻ người, còn non dạ lắm.

Cáu lắm, Hiếc Tôn lại dùng giọng mỉa mai hơn trước:

– Chính thế. Tao còn trẻ con lắm, chưa trải đời được như mày! Nhất là tao lại không được là dân nước Áo, chưa từng được biết phong vị của Kinh Đô Ái Tình (Ville d'Amour) cho nên lần này là lần đầu mà tao biết ghen.

Đến đây thì con lạc đà không còn kiên tâm nổi nữa.

– Đồ khốn nạn! Mày tưởng xưa kia tao ở xứ sở thì tao đã là một thằng chồng mọc sừng nên sang đây, gặp người đàn bà nào tao cũng phải bám chặt lấy chắc? Mày nhầm! Tao lấy vợ cũng như nuôi đầy tớ chứ thằng này chẳng phải là người để cho đàn bà làm khổ được đâu.

Ấy cái ông lính già nói đã thế mà chẳng sợ mếch lòng bà Kiểm.

Không nói gì được nữa, Hiếc Tôn lấy ví, rút một lá giấy bạc để trên bàn. Anh ta nói cho cả hai:

– Thôi được! Mời vợ chồng ông bà ra tính tiền tôi đến đây mấy lần, lần nào cũng được ông bà mời uống cà phê. Vậy tôi cứ xin trả một đồng bạc.

Nói đoạn, anh ta cầm mũ đứng lên, ra...

Đi mà không nhớ bắt tay ai... Đã thế, ra đến cổng còn quay đầu nói với lại:

– Chúc anh hưởng hạnh phúc nhé! Và tiện dịp tôi xin giới thiệu với anh rằng cái ông trẻ tuổi người An Nam ngồi đấy là một tay làm

---

1. Không phải lỗi ở tôi, có phải không? Phải, tôi đã hứa với hai anh, song người ta đến trước anh thì là chồng tôi rồi đấy. Anh trẻ tuổi và hay ghen lắm, tôi không thích.

báo đấy. Thế nào ông ấy cũng viết lên nhật trình ca tụng cái cuộc ái tình tốt đẹp của vợ chồng nhà anh cho mà xem!

Tôi đã định tâm cáo từ đã lâu mà rồi phải cứ ngồi lại.

*

*   *

Ông lính già chả biết có để ý đến những lời đâm bị thóc chọc bị gạo kia không mà đã xin phép tôi cởi bỏ áo nhà binh khi trò chuyện, thì hãy "bẻ vài miếng cùi bánh" đã. Câu nói xỏ lá của Hiếc Tôn bắt tôi phải tức khắc nhận lời. Nếu lão già này có mượn chén đưa lời thì tôi sẽ tùy cơ ứng biến sau.

Sai một đứa con đi mua bánh rồi, bà Kiểm lâm bèn đốt đèn cồn, lấy hộp bơ và mấy quả trứng, mấy khúc xúc xích để cả trên bàn, sửa soạn thức ăn.

Câu chuyện của ba chúng tôi từ đây mà đi là rất nồng nàn, vì có mùi thơm tho của mấy món ăn và rượu ướp cho khỏi... vô vị.

– Vì đưa tiền trước nên lấy được vợ, ông thấy một cuộc nhân duyên như thế có giống với sự buôn bán không?

Tôi đã uốn lưỡi bảy lần rồi mới đáp:

– Nếu ông nói thế thì ra nước tôi, từ xưa đến nay, cuộc nhân duyên nào cũng là buôn bán cả. Chắc ông đã biết là ở nước tôi thì cái đại đa số là theo văn hóa cũ nên không mấy ai được lấy nhau vì ái tình. Ở xã hội tôi không bao giờ một đôi trẻ, sau khi hỏi nhau rồi, lại được cùng nhau công nhiên trò chuyện để xét đoán tính tình nhau như ở Tây phương. Vậy nhận lễ vật của người đàn ông như thế còn khác gì buôn bán? Mười đồng bạc của ông vừa rồi, tôi cứ lấy phương diện của người xứ tôi mà bình phẩm thì đó là lễ vật của bên nhà giai. Có thế thôi, việc đời giản dị lắm, ông đừng sợ tôi cười. Nếu muốn cười được ông, tôi phải chê bai cả nước tôi trước đã.

Có thế thôi, ông lính già cũng đã đủ khoái trí! Cái đầu tóc bạc phơ ấy cứ gật gù hoài. Cái cổ một ngài săng đá chẳng ngờ mà lại được hân hạnh đóng vai cái cổ một ông nghị An Nam.

Tôi, lúc ấy, xin thú thật rằng cũng đã... bịp lắm. Tôi lại nói thêm rằng:

– Về sự loài người lấy nhau, tôi đã có đọc ít nhiều, cảm tưởng rất chua chát nhưng rất đúng sự thực của một nhà triết học bên Tây phương. Tiếc quá, tên nhà triết học ấy tôi lại không nhớ, *(thì bịa chứ thật đâu mà nhớ!)* Ông ta đã viết đại khái thế này: "Bọn làm đĩ, nào có gì là đáng khinh? Tại sao bất cứ ở xã hội nào, bọn làm đĩ cũng bị kết án?".

"Ngẫm mà xem: lấy được những thiếu nữ đài các, quý phái, bọn đàn ông chúng ta phải tốn bạc trăm bạc nghìn. Họ để ta phải chi ra một số bạc lớn rồi thì cố nhiên là họ phải ăn đời ở kiếp với ta. Muốn tính một cuộc trăm năm ta phải mất một số tiền nhiều. Còn khi ta chơi đĩ, đĩ chỉ làm vợ ta một đêm, thì ta chỉ mất một số tiền nhỏ. Ngẫm cho cùng, làm vợ một đêm hay làm vợ suốt cả một đời thì người đàn bà cũng chỉ là làm đĩ cả mà thôi. Ấy vậy mà bọn đĩ một đời cứ tự đại rằng mình làm đĩ nhiều mà cho rằng mình có quyền khinh bỉ bọn đĩ một đêm thì còn nghĩa lý gì nữa?" Ông đã thấy đấy chứ? Nếu cả nhân loại đều xấu như vậy, ở Đông cũng như Tây, ở nước văn minh cũng như ở nước dã man, ông cũng như tôi, tôi cũng như ông, thì việc gì ta còn phải quan tâm đến lời khen chê gì nữa?

Chết! Ông lính già này đến hóa điên mất! Ông ta vồ ngay bàn tay của tôi mà giật lấy giật để, khiến tôi sái cả một bên vai đi.

Lúc này, bà vợ đã làm xong các món ăn. Đứa bé con riêng bà ta cũng đã đem bánh về. Chúng tôi ngồi vào bàn một cách nghiêm chỉnh lắm.

Mà xin quý độc giả đọc những dòng này cũng chớ nên ngờ vực rằng những lời tôi vừa bịa đặt là để nịnh ăn đâu.

Tôi chỉ đã khôn ngoan ở thuận lẽ trời.

Tôi đã không để cho Hiếc Tôn có thể xỏ được chúng tôi một vố!

Người chồng – tân lang! – bây giờ mới lộ sự sung sướng:

– Ông ạ, tôi thích nhất vì vợ tôi đây là người có thể tin cậy được. Trong hai người muốn lấy nó, một người già yếu với một người trẻ tuổi và đẹp đẽ, thì nó đã chọn người già, là tôi. Một việc ấy đủ tôi vững tâm được vợ trung thành.

Câu nói này khiến tôi chợt nhớ đến lúc bà Kiểm chê Hiếc Tôn là ghen tuông. Hỏi thì thấy đáp:

– Lần đầu mà nó gặp ông ở nhà này, nó trò chuyện đậm đà ngay với ông, có phải không? Thế mà lần thứ nhì đến với tôi, nó lại lấy

ông ra để căn vặn tôi mãi! Tôi đã phải cắt nghĩa rất kỹ càng... Tôi đã phải bảo rằng một người như tôi rồi thì chẳng còn khi nào bắt nhân tình được với một người còn trẻ tuổi như ông... Chính nó, nó cũng đã nói: "Phải, chắc một người có học thức, ở cái giai cấp thượng lưu (?) cẩn thận thì chẳng khi nào lại đến một nơi như thế này, lại tìm hạng phụ nữ bỏ đi như hạng này..." Như thế tưởng là nó đã nghe ra. Vậy mà lần sau nó lại bắt tôi phải khai rằng ông còn ở đây hay đã về Hà Nội! Sau cùng, không chịu được nữa, tôi phải nói thẳng với nó rằng: "Này, anh muốn lấy tôi thì anh đến chứ không phải tôi lạy anh để anh hỏi tôi đâu. Anh đừng có chưa chi đã ghen vô lý!"

– Làm thế nào mà bà dám nhận lời với cả hai?

Bà ta cười rồi hỏi lại tôi một cách ngây thơ:

– Thì sao? Việc quái gì?

Một sự không ngờ! Trong cái kỹ nghệ lấy Tây này, người ta không buồn nghĩ đến cách phủ lên những sự thật nhơ bẩn một nước sơn bóng nhoáng nữa. Người ta không thèm "cứu vớt" lấy cái bề ngoài nữa.

Thật là: Bánh đúc bầy sàng.

Thuận thiếp, thiếp *bán,* thuận chàng, chàng *mua.*

Bà ta lại nói thêm:

– Những khi nó lại đây để mặc cả thì tôi đã nói nếu không có ai đem tiền lại cho tôi trước thì tôi mới sẽ lấy nó cơ mà!

*
*   *

Đến đoạn này, cuộc đời của bà Kiểm lâm đã có thể gọi là tốt đẹp được. Trong khi bà rửa bát đĩa, làm cái chức nội tướng, thì đức lang quân của bà gọi ba đứa con của hai đời chồng trước của bà đến quấn quýt lấy mình rồi nhấc đứa bé nhất lên lòng mà hôn một cách thân yêu.

Vậy lúc ấy, bà Kiểm có sung sướng không?

Tôi không hiểu được. Cái mặt thản nhiên ấy đến nỗi tôi thấy nó cứ trơ như đá, vững như đồng. Nhất là mặt một người đàn bà vào buổi tối tân hôn, nghĩa là mặt một tân giai nhân mà không thấy biểu lộ một chút cảm tưởng nào, cứ "gan lì tướng quân" như mặt Từ Hải lúc chết đứng thì trông đáng ghét lạ!

Tôi chợt thấy trong trí nhớ lại hiện ra cái cảnh tượng bà Kiểm lâm bị anh chồng Đức đánh đập: cái mặt bữa ấy với cái mặt của bà bây giờ cũng thản nhiên như vậy mà thôi. Phía Tây, không có gì lạ!

Tôi đứng lên bắt tay người chồng rồi tôi nói với người vợ:

– Thôi, tôi xin phép bà. Chúc cô dâu chú rể được bách niên giai lão nhé!

Bà ta vừa nói vừa cười:

– Có thuận hòa được với nhau thì giỏi nhất cũng chỉ được đến ba năm. Hết ba năm, hết hạn mà anh ta phải đổi đi, thì tôi lại sẽ bước thêm một bước nữa!

*

* *

IX

TƯ TƯỞNG ĐỘC QUYỀN

Ngót bốn hôm lang thang ở đây, những tài liệu thu thập kể cũng đã gần đủ, nên tôi muốn quay về Hà thành, để rồi đi Chùa Thông.

Tôi đã được trông thấy hẳn hoi một cuộc "ly dị" chồng với một buổi cưới chồng của bà Kiểm Lâm, đã được rõ cái tâm sự phân vân của Suzanne, đã được nghe một đoạn đời lấy chín người vợ của Đimitốp. Tôi đã được mục kích bà Đội Tứ, người chôn các me, con sư tử mất ngôi, dạy dỗ con em ấy cái "tuých" cho khỏi bị chạy làng... Tôi chỉ còn ao ước được bà Ách Nhoáng tiếp nữa là đã có thể lượm lặt được gần đủ những "mẫu hàng" trong cái kỹ nghệ lấy Tây.

Chẳng may lúc bà hàng nước, người đã cho tôi được dịp kết bạn với Đimitốp chỉ cho tôi rõ bà Ách Nhoáng thì bà này đương có điều gì bực mình với chị hàng rau nên mặt bà hầm hầm y như quan Khâm sai Lê Hoan muốn triệt hạ cả một làng vì tuần đinh làng ấy không cấm được ếch nhái kêu ở dưới ao để đến nỗi làm khó chịu hai cái lỗ tai quý hóa của Ngài vậy. Giữa chợ, không tiện lúc, tôi chỉ đành thở dài mà quay về làng Cổ Mễ chào bạn rồi lại ra ga. Thôi thì dù sao cũng ghi được ít nhiều cảm giác về "bà hoàng hậu mất ngôi ấy" xưa

kia đã hét ra lửa ở Việt Trì thì nay, theo luật thừa trừ, chỉ còn là một người đàn bà nghèo kiết, mới bõ những thời oanh liệt thuở xưa...

Ấy thế mà...

Có lẽ được "quỷ thần phù hộ" chăng, nên khi đã ra tới trước cửa rạp chớp bóng A Lăm Ba, đương phân vân không rõ còn chuyến xe ca nào đi Hà Nội không thì tôi gặp Hiếc Tôn, nghĩa là... Thủy Tinh, người lính lê dương mà độc giả hẳn chưa quên một đoạn đời tình... thảm đạm. Anh ta hớn hở vặn sái tay tôi rồi khoe đã... dạm hỏi một nơi khác thú vị hơn nữa, vì rằng "vị hôn thê" của anh ta là một người đẫm lai, đẹp hơn cái bà Kiểm lâm rất đáng ghét kia nhiều.

Hiếc Tôn lại nói: Nếu tôi muốn xem mặt thì cứ việc đi theo anh ta.

Cố nhiên, tôi chẳng chối từ.

Thế là, nhờ có "quỷ thần phù hộ" cho mà tôi đã phải trông thấy một cảnh ghê gớm vô cùng, một cảnh tượng khiến cho tôi phải rùng mình hồi hộp lo như đương sống vào một thời đại nghìn xưa, thời đại mà mạng người ta cũng như mạng một con giun, mà một ông quan cũng tàn bạo như ông vua Ngọa Triều!

Cảnh tượng ấy, đến bây giờ ngồi trước đèn, chỉ có việc thuật lại, mà tôi cũng thấy sự bất bình làm sôi nổi máu trong tim.

*

* *

Khi đến nhà "vị hôn thê" của Hiếc Tôn thì trời đã tối hẳn, mà cách dăm bước nữa mới tới cái cánh cửa thì chúng tôi đã thấy hình như trong nhà có tiếng khóc lóc rền rĩ. Tiếng khóc lóc lại chẳng phải tiếng của trẻ con nên chúng tôi ngạc nhiên quá chừng. Chen lẫn vào tiếng khóc có tiếng vun vút của một cái roi mây.

Hiếc Tôn cùng tôi kiễng chân rón rén đến để mũi sát vào khe cửa... Trên chiếc giường Tây mà lại giải chiếu ngũ sắc, có cái... có cái thân thể đẹp đẽ, trắng nõn và hoàn toàn trần truồng của một người đàn bà nằm sấp mặt vào gối, đôi gò bồng đảo quằn quại dưới những "giọt thùy châu" của một cái phất trần do chính bà Ách Nhoáng cầm để thỉnh thoảng giơ cao tay vụt xuống một cái cũng khá tàn ác nhưng mà thong thả, từ tốn như một viên quan già tờ mờ điểm những tiếng trống chầu xinh.

Thì ra đó là bà Ách Nhoáng giáo huấn cô con gái một của bà!

Vì rằng sau khi thấy cái thân thể ngà ngọc kia quằn quại tới ba lần rồi thì Hiếc Tôn giơ chân đạp cửa đánh thình một cái. Anh ta đút hai tay vào túi quần lừ mắt nhìn vào phía trong...

– Giời ơi! Hỏng rồi! Người ta đến!

Không biết trong cái phút ấy, Hiếc Tôn đau khổ hay chán đời ra làm sao mà anh ta cứ mím môi, đăm đăm nhìn vào. Còn về phần trong nhà thì... hết tiếng vụt, hết tiếng khóc, mà có tiếng guốc khua rộn lên một lúc.

Hiếc Tôn hất hàm ra hiệu cho tôi bước vào.

Trước cái ngả mũ chào của tôi, bà Ách chỉ thản nhiên dặn cô con gái:

– Không biết biến báo ra mà bảo là bà có máu điên, có điều gì thì đừng có bán sới!

Nói thế xong, bà ta vứt cái phất trần vào một góc nhà và ra một cái chõng ngồi, chẳng buồn chào hỏi gì tới tôi và Hiếc Tôn. Chỉ ngồi thừ người ra mà nghĩ ngợi.

Thế thì ra bà này là một người khôn điên hay là một người điên khôn? Và những cử chỉ ấy khiến riêng tôi phải nghĩ phân vân: hay sự đánh đập tàn nhẫn kia chẳng qua là một cuộc bày trò. Biết đâu bà Ách lại chẳng muốn con gái bà được thương hoặc có một dịp... phô trương những bộ phận kín đáo rất đáng ngắm trông của cái thân thể ngọc ngà?

Đương mải nghĩ thế thì cô con gái bà Ách từ gian phòng bên cạnh bước ra. Cái "tòa thiên nhiên dầy dầy sẵn đúc" đã bị những mảnh lượt là phủ kín. Cặp mắt quầng đen cũng đã ráo hẳn lệ rồi. Khi cô con ngượng nghịu nhìn tôi, Hiếc Tôn đã vội nói:

– Đây, một người tôi mới quen, làm nghề viết báo đấy. Tôi dám chắc rằng sự nhẫn tâm của mẹ cô vừa rồi thì, chẳng cứ là nhà báo, ai cũng phải bảo là dã man!

Đoạn, quay lại với tôi:

– Tôi thật không ngờ rằng lại có người đồng chủng với ông còn độc ác như giống mọi ở Phi Châu được.

Nhanh nhẹn, nàng (sao lại không nên gọi là nàng?) kéo ghế cho tôi và tình quân ngồi và nói:

– Thưa ông xin ông đừng cười. Nguyên má tôi có máu điên nên mới đánh đập tôi một cách lạ lùng thế. Nếu tôi không chịu thì má tôi

sẽ đập phá đồ đạc! Ông bảo tiền đâu sẵn có để cứ sắm rồi chờ lúc nào điên thì lại đập đi?

Đoạn nàng dùng tiếng Pháp cắt nghĩa cho "vị hôn phu" đại khái thế, và nói cũng không đến nỗi quá ngập ngừng. Còn chàng?... Lòng trắc ẩn của chàng đã rung động, chàng cảm thấy đời chàng chỉ có nghĩa lý, nếu chàng có thể là người bạn suốt đời che chở cho tấm thân bồ liễu bị dưới quyền sự điên rồ của bà mẹ đáng sợ kia. Và Hiếc Tôn kéo tay người yêu về lòng âu yếm:

– Ôi! Tôi yêu mình và thương mình bao nhiêu!

Sau cùng, Hiếc Tôn phải cái ngu dại là ôm hẳn người yêu vào lòng mà cứ công nhiên hôn chùn chụt mãi.

Tôi dám bảo anh ta ngu dại chẳng phải vì không biết giữ lễ độ trước mặt một khách lạ, nhưng bởi lẽ tôi cũng như Hiếc Tôn, tôi, tôi đã là khán giả, khi người yêu anh ta đóng một vai trò khỏa thân... Nhất là hình ảnh tấn kịch ấy vẫn chưa nhạt trong óc tôi thì, các độc giả dám bảo sự ân ái, sự vỗ về kia lại không ngang giá trị với một cái ảnh khiêu dâm à? Nếu, trong một phút, tôi đã có những tư tưởng bất chính, độc giả chắc cũng thể tất rằng đó chẳng phải lỗi tự tôi...

Song lẽ đời nào tôi dại gì lại để cho thiên hạ công nhiên trao tặng nhau ái tình trước mặt tôi, giữa khi tôi, không biết đêm nay, tôi sẽ ngủ tại đâu, và ngủ với ai, như thế...

Bà Ách Nhoáng đã lủi đi đâu mất rồi, nhưng con gái bà hẳn là phải biết rõ tại sao mẹ mình thỉnh thoảng lại phát điên.

– Thưa ông, mẹ tôi xấu số lắm. Thuở trẻ khá giả bao nhiêu, về già lại càng nghèo túng bấy nhiêu. Mẹ tôi điên chính bởi cái nghèo. Mà mẹ tôi, sở dĩ ác nghiệt với tôi cũng chỉ tại trông thấy một số đông con lai ăn ở không ra làm sao với mẹ. Họ không ra gì mà đến nỗi tôi bị chết lây!

– Tôi muốn rõ tại sao bà cụ xưa kia hồi còn ở Việt Trì lại có cái tư tưởng kỳ lạ như giữ độc quyền vậy. Theo lời nhiều người kể lại thì hồi ấy không một me nào ở nơi khác lên đây mà lại kiếm được chồng.

Nàng sốt sắng cắt nghĩa:

– Chính đó là cái ý kiến hay đấy ông ạ. Không phải mẹ tôi hợm mình và rởm đời như họ tưởng đâu. Nguyên do về cái nghề lấy Tây (than ôi! Lại cái nghề) này có lắm điều khả bỉ lắm. Có một số đông

không có nhân cách gì cả, không biết giữ danh giá cho người đã xuất thân đi lấy Tây.

Thế nào họ cũng lấy, cho bao nhiêu tiền họ cũng không suy bì cao hạ. Rồi chị nọ dèm pha chị kia. Phỗng tay trên nhau, phá giá nhau. Thí dụ ở một nơi này, một người đang giữ một cái giá cao như thế này, bỗng nhiên có một người lạ không biết từ đâu đến nhảy vào giữa mà treo cái bảng đại giảm giá chẳng hạn thì ông bảo có tức không?

Tôi chỉ mỉm cười. Khoái trí nàng nói thêm:

– Ấy thế mà người đời họ tồi lạ! Hiện bây giờ còn nhiều kẻ cho mẹ tôi xưa kia ác nên bây giờ nghèo thì mai mỉa cho bõ đấy. Nghĩ thật chán đời.

Nàng ôi! Nàng đã nói dối tôi nhé! Trong khi phục nàng là có hiếu với mẹ, tôi chẳng dám quên rằng bà Ách Nhoáng vì muốn "chấn hưng kỹ nghệ" chỉ có một phần nhưng mà vì muốn "hối lộ" những mười phần kia.

Cách đây 8 năm me nào lên Việt Trì kiếm chồng mà không chút chè lá cho bà thì đố ở được. Cả đến những me theo chồng lên đây rồi, không vào chịu lệnh bà thì cũng đố có đậu được lâu.

Không ai rõ bà Ách đã có những cái "tuých" như thế nào...

Nhưng mà... còn có cái luật thừa trừ.

Lần ấy, bà Nhoáng gặp me cai Phăng Xoa theo chồng lên.

– Này, là bà cai thôi chứ giá là bà đội, bà ách, hay bà quản nữa cũng mặc! Lên đến đây là phải biết gái này...

Bà Ách vừa đỏng đảnh xong, me cai Phăng Xoa thưa ngay:

– Em vẫn biết tiếng bà chị lắm đấy chứ. Nghĩa là em mới lên, chưa thuê xong cửa nhà nên chưa lại lạy chào bà chị được, bà chị cũng đánh chữ đại xá cho.

Bà Ách cũng hơi hơi hài lòng. Nhưng chỉ hơi hơi thôi, vì me cai lại tay không, mà hai tay lại chắp sau đít một cách vô lễ. Không thấy cái "vi thiềng", bà Ách quát:

– Ừ lại lạy chào thì cứ lại, ai bảo đừng? Nhưng mà cũng biết cái lẽ thường là thế nào chứ? Cũng phải biết ơn con này là con nào mới được chứ? Muốn ở hay đi?

– Này! Bà bảo thật: bà chỉ muốn đi thôi!

Tức thì me cai Phăng Xoa xông vào, giơ cao một cái búa đanh khá lớn...

Ngai vàng vì nhát búa ấy, đổ sụp.

Mà từ đó bà Ách Nhoáng đã hóa ra bà hoàng hậu mất ngôi.

Tôi chợt nhớ tới một bà to lớn, mặt to như cái nắp cháp, ngồi bên một cái cháp trầu đầy hoa thơm nức, đã ra lệnh cho các me ở Việt Trì.

Bây giờ tôi chỉ còn thấy một bà, giấu cái cây thịt trong chiếc áo cánh bông tàng chỉ còn hùng hổ ở những lúc lột trần truồng con ra đánh đòn.

*

*   *

– Anh đã sung sướng chưa?

Hiếc Tôn ngẩn mặt nhìn tôi hỏi lại:

– Sung sướng nghĩa là thế nào?

– Thương được người khác nghĩa là sung sướng. Nhất là cái thương ấy lại đẻ ra cái yêu. Khi anh yêu ai mà lại được người ta yêu lại, thế là sung sướng chứ gì.

Hiếc Tôn đứng lên bắt tay tôi rồi nghiêm trang:

– Nếu hạnh phúc là thế thôi thì tôi sung sướng lắm. Tôi lại xin báo anh biết rằng vị hôn thê tôi bây giờ đã là vợ tôi. Mà đêm nay lại là đêm giăng mật của chúng tôi nữa.

Tôi sửng sốt hỏi:

– Chóng thế kia à? Sao lại tài thế?

– Vì rằng từ khi thấy nó có một người mẹ ác như thế thì tôi đem lòng thương nó ngay. Tôi nhất định cưới nó làm vợ.

Tôi đã gần cảm động. Tôi sung sướng hộ người đàn bà khốn khổ có một mảnh hồn u uất và một trái tim đau thương kia, nay đã có bạn tri âm rồi. Tôi kính phục một người lính mà có một quả tim biết thổn thức trước một cảnh thương tâm.

Tôi đang mơ màng... Người đàn bà kia không phải vì tiền, mà Hiếc Tôn cũng chẳng phải chỉ đã bỏ tiền ra hòng mua nhục dục. Vào

trường hợp này, trong cuộc điều tra này, dễ thường chỉ có một cặp này lấy nhau vì hai chữ yêu thương.

– Vả lại, hôm nay là ngày lĩnh lương của tôi.

Đó là một câu nói cuối cùng của Hiếc Tôn.

Than ôi! Hiếc Tôn đã "đập vỡ" ảo tưởng của tôi. Hiếc Tôn quả thật đã là đồ ngu dại, một nghìn lần ngu dại!

*

*   *

X

KẾT LUẬN

Thoạt đầu, tôi đã hứa với độc giả là sẽ nói tới những me lấy *cô lô nhần* [1] và những me lấy chồng *xivin*. Sau khi đi Thị Cầu rồi, nghĩa là những bài nói về hạng chồng *lê dương* cũng đã đủ khiến độc giả hiểu được nhiều trường hợp có đặc tính trong cái kỹ nghệ lấy Tây rồi, tôi còn phải đi tìm những me sang trọng hơn nữa...

Lời khuyến khích của các bạn đồng nghiệp khiến tôi rất sung sướng.

Nhưng không phải thiên phóng sự này được hết thẩy mọi người ưa thích.

Có ba lá thư ở xa gửi về... ông chủ nhiệm Đỗ Văn đã phải bóp trán nghĩ trong một phút.

Trong ba lá thư, một lá là của một me Tây vô danh nào, gửi đến chỉ cốt để hưởng ứng và hứa mách thêm nhiều chuyện "hay". Cái đó không đáng kể.

Lá thứ hai là của một người Pháp. Thư hết sức khuyến khích cho tác giả mau đi tìm những me Tây có thế lực, nghĩa là vợ những quan cai trị và Tây buôn, vân vân. Giọng khuyến khích đáng nghi ngờ như một sự xui dại vậy.

Đến lá thứ ba, cũng của một người Pháp, thì toàn là một giọng ôn tồn khuyên ngăn. Người viết lá thư đó báo trước cho nhà báo

---

1. Côlônhần nghĩa là thuộc đạo binh thuộc địa (de l'Arméc coloníale) vậy.

những sự kiện cáo mà nhà báo sẽ trải qua, nếu cứ tiếp đăng thiên phóng sự này... Tôi không được dẫn chứng cho cái thuyết người Tây phương không kết hợp được về tinh thần với người Đông phương. Tôi không nên gieo một mối hoài nghi cho người Tây phương. Tôi lại không được phép phá hoại bao nhiêu vẻ đẹp đẽ của những gia đình Pháp Việt hiện có ngày nay bằng cách bảo rằng vợ người ta lấy người ta vì một lẽ buôn bán... Người ta sẽ không cho phép tôi cứ tự do khinh thế ngạo vật (?) hoài.

Cái đó cũng có lẽ...

Song, cái mỉm cười của hai ông quan tòa còn kia!

Sợ là hèn, nhưng cũng nhiều khi sợ không là hèn. Vả lại, nói nhiều mà làm gì? Sự thật bao giờ lại không là sự thật?

Nhưng sức nặng từ trên cao, sẽ rơi xuống, nếu tôi cứ muốn nói nhiều...

Thì thôi!

Tháng 12 - 1934

Đăng báo *Nhật Tân,* 1934;
Phương Đông xuất bản, Hà Nội, 1936
(In theo bản in này).

CƠM THẦY CƠM CÔ

(Phóng sự)

I

MỞ ĐẦU

Thưa các ngài, xưa nay tôi vẫn để tóc rẽ bên.

Vậy mà tháng trước đây, tôi đã phải nuôi tóc cho rõ dài cho sau đỉnh đầu tôi, tóc chấm xuống gáy... Rồi thì là hai bên tai tôi cũng có hai nắm tóc mắc lên trên như hai cái đuôi gà.

Thế nghĩa là tôi đã trang điểm cái đầu tôi cho nó theo mốt, cái mốt mà những người không biết gì vẫn gọi một cách mơ hồ là mốt Philudốp! Muốn nói cho người thượng lưu cũng hiểu nổi thì phải cắt nghĩa rằng: tôi đã có cái đầu "cơm thầy cơm cô".

Áo tôi là một cái áo mua có hào rưỡi ở hiệu bán vải Tây đen nhưng trông oai vô cùng. Mầu hoa đào cụt tay. Quần tôi cũng là quần đen, nhưng mà bằng lĩnh cẩn thận.

Trong một thời gian khá dài, lúc nào tôi cũng đeo kính. Sáng sớm kính đen, giữa trưa kính đen, tối sẫm cũng kính đen. Tôi chỉ thiếu cái ngực hoặc hai cổ tay có trổ mặt hổ phù là bọn cơm thầy cơm cô phải suy tôn tôi lên bậc "anh chị".

Ấy thế là tôi cứ việc "dong chơi tuyết nguyệt" các hàng cơm, các đầu hè, các cửa rạp hát, các máy nước, đến nửa tháng trời. Tôi đã bờm xơm với ba bốn con nhãi, tôi đã bắt nhân tình với một vú em. Tôi đã kết bạn thân với mấy bác quít, gọi cái mụ vú già bây giờ làm nghề đưa người là mẹ nuôi, nhận mình là con của mụ nữa.

Rồi thì một mợ phán định nuôi tôi mỗi tháng 8 hào nhưng mà tôi không bằng lòng. Rồi thì một tiểu thư tân thời đã ngã giá với tôi mỗi năm 12 đồng, hai áo quần, một thất lưng về sau lại thôi bởi chưng tôi có vẻ cấc lấc, không mánh khóe và lại hơi du côn.

Thế là con đường công danh của tôi, than ôi nó trắc trở quá! Thế nghĩa là sau nửa tháng đi tìm việc tôi lại hiện "nguyên hình" là thằng tôi. Thật vậy, tôi không có số đi ở.

Một thiên phóng sự về nghề cơm thầy cơm cô...

Sao lại không! Maryse Choisy mới năm ngoái đây cũng đã khoác áo con đòi. Mà thiên phóng sự "Carnet d'une femme de chambre 1933" không phải là không có giá trị trước mắt nhà xã hội học.

II

ĐÊM ẤY, TẠI HÀNG CƠM

Tôi không cần nói rõ hàng cơm nào, ở phố nào làm gì. Các ngài chỉ cần biết rằng một hàng cơm cũng như nghìn vạn hàng cơm khác, nghĩa là khi ta mới bước chân vào thì bổn phận ta là thấy lập tức buồn nôn buồn ọe. Nó là mùi cá mè, mùi thịt trâu, thịt lợn thiu, mùi lòng lợn, lòng bò, mùi me chua, mùi dưa khú... Thôi thì đủ một trăm nghìn thứ mùi khó chịu mà lạ nhất là nó không hề bận đến hai lỗ mũi của bà chủ luôn luôn nắm trong tay cái quạt nan, cởi trần trùng trục và thỉnh thoảng lại cao hứng vén quần lên đến tận bẹn mà gãi sồn sột, tự nhiên như đàn ông.

Lúc ấy đã khuya lắm rồi.

Một mụ già làm nghề đưa người đưa tôi đến chỗ này mà bảo bà chủ: "Bà cho anh ấy ngủ đây vài tối, bao giờ anh ấy có việc làm, tôi xin đưa tiền trọ". Thì bà chủ chẳng buồn nhìn tôi nữa, đập một con muỗi ở cổ đến bốp một cái, gãi vung lên một hồi nữa rồi mới chọc chọc cái quạt về phía sau lưng, ra ý bảo tôi cứ việc vào trong kia mà nằm. Trước khi ra đi, mụ già lại dặn tôi:

– Ngày mai nhớ ra ngã ba cho sớm đấy!

– Vâng ạ.

Tôi đáp xong, rón rén lần vào phía trong. Thật vậy chân tôi chưa bao giờ phải dẫm lên trên một lớp bùn quánh và nhớp nháp đến như thế. Đến chỗ mấy cái giường cách nhau mỗi giường một manh cót thì tôi không biết nên đặt lưng vào giường nào, vì giường nào cũng đã thấy đầy những người là người, nằm ngổn nằm ngang... Tôi đương bỡ ngỡ thì thấy bà chủ hàng cơm quát:

– Thằng Hai đâu! Bảo nó lên sân gác, chỗ những đứa ở ấy mà nằm!

Rồi thì một anh chàng chạy ra dắt tôi qua một cái sân, đến một cái thang tre mà bảo:

– Lên đây.

Tôi theo lời, leo thang. Lên đến nơi thì đó là một gian gác cũng khá rộng. Trên mặt sàn chỉ có mấy chiếc chiếu mà tường thì vàng ệch những khói ám, từ cái bếp gần ngay đó đưa ra.

Bọn cơm thầy cơm cô nằm ngổn ngang như lợn cả, bọn đực nằm phía bên kia, bọn cái nằm phía bên này. Bốn thằng nhỏ bằng chạc tuổi tôi với ba con sen, một con độ lên mười, một con 15, còn một con nữa trông đã đứng tuổi. Trong khi hai đứa trẻ tuổi nằm hớ hênh vô ý thì con đứng tuổi khép nép vào một xó tường, khẽ nâng cái quạt nhìn tôi.

Tôi bèn lần đến phía tụi con trai, ngồi xuống một góc chiếu. Tôi nom trước, nom sau không có người của hàng cơm mới mạn phép khêu to ngọn đèn hoa kỳ. Rồi tôi lấy cái ống diêm ra dắt thuốc lào vào cái lỗ thủng, để lên miệng...

Chợt có đứa nói:

– Tội gì mà hút thế cho nóng! Với lấy cái điếu cầy ở kia kìa.

Tôi quay cổ lại nhìn thì thằng vừa nói đã ngồi nhỏm lên chạy ra tìm điếu. Sau điếu thuốc lào tôi cho nó hút che tàn thì chúng tôi đã là quen thuộc nhau hẳn hoi. Nó hỏi tôi:

– Trông đằng ấy có vẻ thạo lắm. Chắc đã ở tỉnh lâu rồi.

Tôi ngửa cổ ra sau lưng lấy oai mà nạt rằng:

– À, cái đó thì đã hẳn!

Chỉ một câu nói đó khiến nó đủ sợ tôi. Vì rằng từ đó trở đi nó luôn luôn gọi tôi là anh để cho tôi cứ tự nhiên mà gọi nó là mày.

– Còn mày thì bỡ ngỡ lắm. Mày mới ở quê ra phải không?

– Vâng.

– Mày đã đi làm lần nào chưa?

– Đã ngót một tháng ở một nhà phố B... rồi không ở được phải xin ra. Chủ ác quá.

– Làm sao?

– Nó chửi suốt ngày.

– Mày thì chưa đủ tư cách nếm cơm đâu! Đừng đứng núi này trông núi nọ mà ông cho có phen chết dã họng!

Mãi đến lúc ấy vẫn còn thấy tiếng người làm chạy ra chạy vào rộn rịp cả hàng cơm. Bên ngoài người ta đã kỳ cạch lên cửa, vậy mà bên trong hình như lúc ấy người ta mới bắt đầu xào xáo... Tiếng bát đũa chạm nhau lạch cạch, tiếng nước giội xuống sân ào ào, tiếng mỡ nhẩy trong xanh ran cả tai. Có lẽ những gia nhân của hàng cơm không biết phân biệt đêm ngày. Một thằng hát vang lên cho cả bọn nói bông nói đùa nhau khỏi buồn ngủ.

Tôi lại bảo cái thằng ấy:

– Cứ việc bịt tai lại, chủ nó chửi thì chủ nó nghe, biết không? Cốt sao giữ lấy việc làm khỏi chết đói là phúc!

Nó chớp mắt sợ hãi rồi sẽ cãi:

– Bốn hào một tháng mà cấm bữa nào được ăn no anh bảo làm như thế thì "nước mẹ" gì?

Nhưng mà tôi, tôi cần gì lời cãi của nó. Tôi hãy nói khoác cho nó sợ tôi đã.

– Bao giờ như anh mày đây này, lúc đó hãy đứng núi này trông núi kia biết chưa?

Nó họa theo:

– Phải, như anh thì tất nhiên đã thạo lắm.

– Chứ lại còn bàn, ra máy chỉ hét một cái là lấy được hai thùng nước.

Mà món ăn nào nấu cũng thạo, cả món ăn ta món ăn tây...

– Thế sao anh cũng mất việc?

Tôi trừng mắt lườm nó mà rằng:

– Mất việc à? Hai đồng rưỡi lương tháng rồi, ông đòi thêm năm hào nữa mà không thêm thì ông bỏ đấy!

Nó lè lưỡi tỏ ý kính phục tôi lắm. Mà ngần ấy điều chỉ cốt để con bé nằm nhìn trộm tôi phải cho tôi là một kiện tướng trong bọn cơm thầy cơm cô. Tôi đã có cơ thành công trong cuộc "giương vây" vì từ lúc này trở đi, con bé cứ mải nhìn tôi, ngắm nghía tôi, "đánh giá" tôi chứ không ngủ.

Nói khoác mãi cũng thất sách tôi bèn hỏi:

– Thế đàng ấy thích làm cho những nhà thế nào?

Nó đáp:

– Khốn nạn, nào tôi có tài giỏi gì mà còn dám nếm cơm ai! Tôi chỉ cần vào một cửa đãi mình cho vừa phải, đừng bắt mình làm quá sức, đừng đánh mình, chửi mình mà cái nhà tôi vừa bỏ đi thì, khốn nạn, nó năm cha ba mẹ quá, ai cũng đánh chửi được mình! Người này sai chưa làm xong việc này, người khác đã lại ới. Thành ra mình là cái thân ba vạ.

Nó kêu chưa bao giờ nó thấy một nhà nào lại tồi tệ như thế cả. Thật vậy, đến nó là kẻ phải đem thân đi ở mà mỗi khi nghĩ đến chủ nhà là thấy phải khinh. Nó chỉ là con nhà bố cu mẹ đĩ thôi cũng không đến nỗi khốn nạn bao giờ. Thật vậy, nếu những lời nó nói là thật.

Sau khi nghe chuyện, tôi phải xếp đặt lại một cảnh gia đình không ai tưởng tượng là có được, ở giữa đất văn vật ngàn năm...

Nhà có sáu người, ông bố với bà mẹ già, người con giai cả đi làm tùy phái cho một công sở, với vợ, cộng thêm hai cô con gái...

Sáu người cùng chung máu mủ hoặc là vợ chồng mà mỗi bữa mỗi người đều vào bếp thổi một niêu cơm. Lúc ăn người ta tuy cùng ngồi với nhau, song ai cũng có thức ăn riêng của người ấy. Đại khái ông bố đã có đĩa chả, bà mẹ đĩa đậu rán, con trai với con dâu: một đĩa xào, các con gái: bát dưa, bát canh... Người ta tuy cùng ngồi ăn một mâm chung nếu ai bị sự cám dỗ mà đưa đũa xâm phạm đến món ăn của người khác thì tức khắc sẽ có cái lườm đến đổ trời.

Ấy là cái cảnh của nhà ấy bằng vài nét vẽ phác.

Vậy thì một bữa, khi nàng dâu để phần chồng một đĩa chả rươi, chẳng may ông bố chồng ăn trước đã đụng đũa vào.

Đi làm về, ông con trai mở lồng bàn thấy món mỹ vị đã bị thất tiết, bèn quát rầm lên:

– Đứa nào ăn của ông đây? Ông đi làm khó nhọc mà ông chưa ăn, đứa nào ăn trước ông, mau mau khai ra!

Ông bố chạy lại dịu giọng đáp:

– Thưa cậu tôi đấy ạ. Tôi tưởng chị ấy có rươi mới thì làm cho tôi nên tôi nhầm, chót nhỡ ăn phải mấy miếng...

Thế thì các ngài có đoán được là ông con nói lại thế nào không? Muốn để các ngài đoán dễ hơn, tôi xin thưa thằng nhỏ kia đã nói với tôi, ông bố thuê gác trong, ông con thuê gác ngoài.

Thôi các ngài đoán chẳng ra đâu, vì Victor Hugo cũng chưa hề tưởng tượng được ra một kẻ khốn nạn đến như thế.

Ông con đã nói cho ông bố nghe một câu thâm thúy như thế này:

– Nhầm... Thằng thuê gác trong, thằng thuê gác ngoài mà vợ người ta để phần cơm người ta, mà lại nhầm! Nhầm kể cũng lạ!

Rồi thằng nhỏ khí khái kết luận rằng:

– Tớ nghĩ đi ở mà được chủ hay cũng đẹp mặt, còn đi ở phải những chủ như thế nhục lắm!

Tôi gật gù đồng ý với nó rồi lại mất thêm cho nó một điếu thuốc, một que diêm, nhưng lãi ở chỗ được cái cười ròn của con bé nằm ở góc tường. Cái cười kia xui tôi có gan cầm đèn soi vào tận mặt nó.

III

MUỐN BÁN MƯỜI SÁU NGƯỜI!

Nếu có những chữ này kẻ thật đẹp vào một cái bảng để trước chỗ chúng tôi ngồi có lẽ những người đi đường mới thèm để ý và chúng tôi mới thoát khỏi nạn ngồi giơ mặt cho ruồi bâu. Theo lời mụ làm nghề đưa người ở, tôi đã ra góc phố Amiral Courbet từ 7 giờ. Thoạt đầu chỉ có bọn bảy đứa chúng tôi ở hàng cơm ra. Về sau, cứ mỗi lúc lại thấy một vài đứa nữa, không biết từ đâu chui ra, dễ ở trên cao rơi xuống cũng chưa biết chừng, cũng đến họp ở ngã tư này, như ruồi thấy mùi mật vậy. Vì chúng tôi không cần có việc nên tôi thản nhiên được mà nhìn bọn người đến tranh cơm cướp áo nhau trong bọn họ. Còn cái thằng quít đã thức suốt đêm với tôi hôm qua ở hàng cơm thì mỗi lúc thấy một ai, bất cứ đực hay cái, đến giữ chỗ, là lại càu nhàu:

– Giời ơi, lại cứ thêm thêm mãi thì bao giờ cho tôi mới có việc đây!

Thật vậy, bất cứ ở bực thang nào trong xã hội, một kẻ đồng nghiệp cũng là một kẻ đáng ghét. Một vú già cũng cấm cẩu chửi một câu bâng quơ:

– Tiên nhân nhà nó ra! Cứ ùn mãi người lên thế này này!

Cả đám người ấy ngồi tản mạn thành từng tốp nho nhỏ. Trẻ với trẻ, già với già, đàn bà với đàn bà, con trai với con trai. Mà mụ đưa người thì không ngồi, chỉ đi đi lại lại, nhìn người này, nhìn người nọ như một viên võ quan lúc điểm binh và mấp máy cái mồm, không

hiểu là đếm hay là đánh giá những kẻ chịu lụy mụ. Người ta nói chuyện rầm rì huyên thuyên lên, cái đó đã cố nhiên, Người ta lại chửi nhau cho vui, và bắt chấy cho nhau cắn đỡ đói.

Tôi thấy mụ trùm ế hàng mà tôi lo cho bọn khốn nạn kia. Còn chính mụ, mụ lại ra ý sung sướng, tôi chưa hiểu vì lẽ gì. Rồi tôi nghĩ đến bọn thất nghiệp ở Cảng hẹn nhau một chỗ nhất định, họp đông hơn đám biểu tình. Đằng này, Hà thành không có sự tổ chức, đám dân hạ lưu chia nhau ra khắp các phố thành thử những người lịch sự tưởng Hà thành lịch sự, mà các nhà xã hội học – cũng tưởng là Hà thành không có chuyện bi thương.

Chính ra, nó rất là thương tâm...

Nó đã cất tiếng gọi dân quê bỏ những nơi đồng khô cỏ héo đến đây để chết đói một lần thứ hai sau khi bỏ cửa bỏ nhà. Nó đã làm cho giá con người phải ngang hàng với giá loài vật; nó đã làm cho một bọn trẻ đực vào nhà hỏa lò và một bọn trẻ cái làm nghề mãi dâm!

Muốn bán mười sáu người!

Cả buổi sáng hôm nay không có một khách hàng nào muốn mua.

Vậy 16 kẻ kia đáng giá như thế nào? Đó là tại bán đắt nên ế hàng hay bán rẻ mà cũng vẫn ế?

IV

CÁI GIÁ TRỊ LÀM NGƯỜI

... Nghĩa là có khi không bằng giá súc vật. Thật vậy, tôi thấy một vài con chó còn được chủ mua thịt bò cho ăn. Có khi, con chó mỗi tháng khiến chủ tốn kém hơn một đứa tôi tớ trong nhà.

Mười sáu người đủ hạng lớn bé, trẻ già này, mỗi người chỉ cầu như một con chó, nhiều khi kém một con chó, mà lại còn đem chân tay ra làm nhiều việc có ích, rất nặng nhọc, mà vẫn không kiếm được việc.

Tôi chỉ bọn trẻ, trai và gái chưa qua 12 tuổi và hỏi mụ già:

– Cái bọn này thì bà định kiếm cho chúng mỗi tháng độ bao nhiêu công?

Mụ già khinh khỉnh nhìn tôi từ đầu đến chân rồi quay đi chỗ khác. Mãi mới đáp:

– Thời buổi này, bọn nhãi nhép ấy cứ được người ta mượn cơm không thôi đã là phúc!

– Thế thì tiền quà của bà chắc chả mấy...

– Cái đó đã hẳn! Nhưng mà được năm xu một hào, thì cũng đủ. Bởi rẻ còn hơn ngồi không...

Tôi chỉ cái bọn thằng nhỏ cùng loạt tuổi tôi mà hỏi:

– Thế bọn này?

– Đứa năm hào, đứa ba hào...

– Thế mấy bà lão định ở vú già, đương ngồi ăn ngô gốc cây kia kìa?

– Cũng quanh quẩn đâu vào cái giá ấy.

Tôi chỉ vào một người đàn bà đi ở vú mà hỏi:

– Thế cô vú em kia?

Mụ ấy đổi giọng đáp:

– A, cái con mẹ ấy thì phải tìm cho nó chỗ ít nhất cũng hai đồng bạc công mới được! Mà tiền quà thì ít nhất cũng phải đòi một đồng! Nó sạch sẽ lắm! Sữa tốt hạng nhất đấy.

Lúc này, mụ ngó ra phía xa rồi về hè ngồi. Một lát sau thấy một bà già đã đứng tuổi, áo the trắng, hoa tai to, đến vẫy mụ.

– Này u! Con vú tháng trước xin phép ra rồi!

Mụ già đưa người như bị cái lò so nào đẩy lên kêu:

– Chết chửa! Làm sao thế ạ?

– Chồng nó chết, nó xin về 15 hôm. Tôi phải cho nó thôi hẳn.

– May quá, con tưởng hay lại có điều tiếng gì.

Thế là, trước cái tin buồn một người chết mụ đã thở dài một cái ra ý được nhẹ mình nên sung sướng lắm, bà kia hỏi tiếp:

– Mợ Ký nó nhà tôi còn mệt lắm, u có người nào ngay bây giờ không?

Mụ già làm ra vẻ nghĩ ngợi mãi mới đáp:

– Thưa cụ đây, có u này đây...

Nhưng mà con đã chót hẹn với cụ Lý con ở dưới kia... Không biết có nên để cho nó về ngay với cụ không hay là để nó chờ...

Bà kia hớ hênh nói ngay:

– Thôi, xem có mướn được thì để ngay nó cho tôi. Mợ Ký nó nhà tôi mệt chưa khỏi.

– Bẩm con nể cụ quá.

– Ôi chà! Bây giờ khối người ra, chả khó như ngày xưa. Rồi u tìm cho cụ Lý nhà u một người khác cũng được.

– Đứng lên, ra đây mau lên chứ ngồi ngẩn mặt ra thế à?

Bà kia nhìn người vú từ đầu đến chân đoạn gật gù cái đầu mà rằng:

– Ừ, trông cũng sạch sẽ đấy, cho xem sữa nào?

Mụ già vội nói ngay:

– Bẩm cụ, ấy ở nhà quê, chị ta là vợ một ông Phó lý kia đấy. Xưa nay chẳng phải chân lấm tay bùn bao giờ!

Vú em vạch yếm để hở cái ngực trắng nõn, vắt sữa vào lòng một bên bàn tay. Bà kia xem qua loa kêu:

– Tạm được.

Tức thì mụ già giẫy nẩy người lên mà rằng:

– Cha mẹ ơi! Sữa như thế mà mẹ lại còn bảo là "tạm được". Tốt vào hạng nhất rồi đấy mẹ ạ.

Bà kia bĩu môi:

– Phải, hạng nhất đấy!

– Chứ gì? Chị ấy mới đẻ con so, xưa nay lại không phải chân lấm tay bùn bao giờ, lại là vợ ông Phó lý chả phải khổ sở như người khác thì làm gì sữa chả tốt?

– Thế là bao nhiêu?

Người vú em chưa kịp đáp, mụ già đã nói trước:

– Xin cụ cho cũng như cụ Lý con dặn nó...

– Thế là bao nhiêu?

– Ấy cụ Lý con bảo tìm hộ một chị sữa tốt sạch sẽ, mỗi tháng độ chừng ba đồng. Ấy con còn bận một tí, nên chưa đưa chị ấy lại cụ Lý con đấy.

Bà đi mướn vú bĩu mồm mà rằng:

– Thôi tôi cũng trả công cho như con vú trước, nghĩa là hai đồng.

Tức thì mụ già chắp hai tay vái lấy vái để như đứng trước một cửa điện nào vậy, rồi quay mặt đi chỗ khác, không đáp.

– Thế nào?

– Lạy mẹ, mẹ cứ trả nó hai đồng chín hào chín xu xem nó bằng lòng được không?

Phát khùng lên rồi, bà kia phải gắt:

– Thì việc gì đến u đấy nào? U cứ biết cái phận u cứ nhận tiền quà thôi có được không, sao lại cứ chõ vào công xá của người ta thế?

Người vú em lấm lét nhìn mụ già đoạn khẽ thưa rằng:

– Lạy cụ, cụ có mướn thì xin cụ cũng cho công như cụ Lý con dưới kia, thì con sai hẹn mới bõ.

Bà kia đứng thừ người ra hồi lâu rồi quay gót. Tôi hỏi mụ già:

– Này u, lúc nãy tôi thấy u nói chỉ cần hai đồng một tháng...

– Ấy thế nhưng mà cái món này bóp được hơn. Rồi anh xem thế nào chốc nữa lại chả ra ngay đây bây giờ.

Độ nửa giờ sau, quả nhiên lại thấy bà kia ra, nói:

– Thôi thì tôi cũng bằng lòng trả cho chị ấy ba đồng một tháng vậy, còn về phần u lúc nào rỗi thì lại mà lấy tiền quà.

Một cách rất khả ố, mụ già gãi đầu một hồi, rồi cau có nét mặt mà phàn nàn rằng:

– Lạy mẹ, thật nể mẹ quá đi mất! Bây giờ con lại phải tìm ngay một con vú khác cho cụ Lý con dưới kia đây... Mẹ cứ cho con xin một nửa trước vậy.

Vì nhận được của bà kia năm hào rồi, mụ già bảo người vú em kia:

– Thôi cứ theo cụ về nhà, rồi chiều hôm nay tôi lại lấy nốt tiền quà thì tôi tạt về nhà đem cho cái thúng quần áo... Này, cụ là người phúc đức, cậu Ký, mợ Ký cũng là người biết thương người thì u cũng ăn ở cho có lễ phép, cho nó nên ơn nên nghĩa, phải ngoan ngoãn mà trông nom em, biết chưa?

Họ chia tay nhau... mụ đưa người đã thành công trong việc "bóp cổ" người. Cái giá trị làm người, đối với bọn cơm thầy cơm cô không phải ở cái sức làm việc của con người, nhưng mà treo trên đầu lưỡi của con mẹ nặc nô mềm nắn rắn buông và suốt đời không bao giờ biết nói thật.

Một buổi sáng qua như thế cho mãi đến chiều. Mụ già chỉ "tiêu thụ" được có một chị vú em thôi, nhưng mụ đã được đồng bạc. Còn 15 người nữa đói thì mụ cần gì, vì chính mụ, mụ có phải đói hộ người

khác đâu. Bọn kia cứ việc, bầy hàng đầy giãy ở đầu hè, duỗi dài chân ra, hoặc là xoạc cẳng ra, quần vén lên đến đùi để mà "khảo cứu" về lông chân loài người, hoặc để ngủ gật.

Vậy thì tôi phải hỏi đến con sen mà tôi đã hỏi chuyện đêm qua tại hàng cơm. Đứng lên tìm quanh, tôi thấy nó chúi vào một xó hè, ngốn một mẹt bún chả tướng. Tôi hỏi:

– Gớm phong lưu lắm nhỉ?

Nó cười một cách ngây thơ và đáp:

– Phép quà anh! Anh tính mới thôi việc có dăm ngày làm gì đến nỗi lại chả có thể ăn được 3 xu quà!

– Này, cái nhà tớ vừa bỏ ấy mà, nó cần người mà chưa mướn được ai cả đấy. Đằng ấy có muốn làm thì tớ mách cho.

Nó nhạt nhẽo đáp suông một câu:

– Giã ơn cái bụng tốt của anh lắm.

– Có bằng lòng không thì nói ngay đi, tớ không nói đùa mà.

Nó vẫn lãnh đạm:

– Chủ nhà có tử tế không?

– Sao lại không?

Nó cười nhạt:

– Tử tế đến nỗi anh phải bỏ việc, tử tế lắm nhỉ?

Tôi cãi rằng:

– Không, tôi bỏ việc vì một lẽ riêng, chứ không phải tại chủ đểu.

– Thế à?

Nó hỏi một câu cho mình đỡ ngượng rồi lại điềm nhiên gục đầu xuống ăn. Thì ra con bé, dầu đương lúc thất nghiệp, cũng không cần có việc làm! Nó cứ thờ ơ thế thôi!

Tôi quay ra tán với mụ trùm nó:

– Này u, cái chỗ tôi bỏ đi ấy mà, họ đang cần một con sen đấy. U dắt con bé kia lại nhé? Bằng lòng không thì tôi chỉ chỗ cho. Chắc nó sẽ được người ta bằng lòng.

Mụ già này cũng thờ ơ:

– Thật hay bỡn?

– Thật, chứ sao bỡn?

– Người ta cần thì người ta ra đây!

– Nhưng mà dắt nó đến cho nó có việc sớm ngày nào lợi ngày ấy có hơn không? Chả hơn để nó chết đói mà chờ việc à?

Mụ bĩu ngay cái mồm cho rõ dài:

– Nó đương chết đói ngay đấy!

– Thế nó có cần đi làm không?

– Anh hỏi nó xem?

– Nếu nó cần thì chỗ ấy là tốt nhất!

Mụ gắt lên mà rằng:

– Khỉ lắm, đừng nói nữa, anh thử hỏi nó xem nó có cần làm không?

Ồ! Lạ! Một đứa đi ở, khi mất việc, lại không muốn có việc làm! Thế là nghĩa lý gì? Tôi phải biết tường tận mới được.

V

CUỐN TIỂU THUYẾT CỦA CON SEN ĐŨI

Trong khi ngồi trước đèn để thuật lại câu chuyện này, tôi cũng muốn cho mơ màng để cái cuộc giãi bày tâm sự của con sen có được một chút thi vị. Khốn nạn thay, tên nó lại xấu xí như thế mà những lời tâm sự lại giãi bày trong một phong cảnh chẳng được đẹp mắt, đại để những bãi bể Đồ Sơn hay con đường Cổ Ngư. Than ôi chúng tôi chẳng may lại không được là Đạm Thủy và Tố Tâm, Mộng Hà với Lệ Anh. Thưa các ngài cái cuộc ve nhau của chúng tôi lại xảy ra ở một vỉa hè, gần một đống rác, trước sự tấp nập của Hà thành về một buổi chiều, nghĩa là trước sự ngựa xe như nước, áo quần như nêm... Cái xã hội thượng lưu chẳng bao giờ thèm nhìn đến bọn hạ lưu, nên những việc mà cái xã hội thượng lưu làm trong sự tối tăm thì bọn cơm thầy cơm cô chúng tôi dám phơi ngay ra dưới ánh sáng.

Và cặp uyên ương chúng tôi không biết kiểu cách vì trong khi nói chuyện, chúng tôi quên khuấy đi mất không biết cả hai đã cứ để ống quần vén lên đến đùi! Bởi thế cho nên lời thú tội của cái Đũi, tôi có thể tin được là thành thực, mặc dầu sự thú tội ấy không nói ra trong

một gian nhà thờ uy nghi và thần bí, trước cái vẻ mặt của một ông cố đạo cay nghiệt mà mỗi cử chỉ đều như biểu hiện một vẻ thiêng liêng... Người "rửa tội"... tôi, chỉ có cái mặt một thằng nhỏ thất nghiệp.

Cái Đũi sợ đem thân đi ở là vì những cái hủ bại ở chốn hương thôn. Năm lên 10 tuổi bố nó là một bác Nhiêu gai ngạnh trong làng. Năm lên 12 tuổi, cái Đũi là con một ông Lý trưởng cứng cổ ra phết. Thế rồi từ khi ông Lý là ông Lý, thì cũng như từ khi loài người là loài người, của cải của ông Lý cứ việc từ trong nhà "đội nón ra đi". Ruộng cả, ao liền của ông Lý bán hết... sạch sành sanh, cái Đũi phải ra tỉnh đi ở!

– U tôi vẫn đi cầy cấy thuê ở làng, còn thầy tôi hiện giờ thì kéo xe! Thật là thân làm tội đời, được cái tiếng hão thì mất nghiệp, làm khổ con, làm khổ vợ. Ngày nay đi kéo xe, có khi thiếu thuế bị cai nó đá cho đến lệch mạng mỡ nhưng mà tôi chả thương, vì có thế mới biết thân, mới đáng đời.

Cái Đũi nói như thế một cách mát ruột lắm. Tôi hỏi:

– Thế người làng còn ai gọi là ông Lý nữa không?

Nó chép miệng mà rằng:

– Ấy mấy người làng không ai biết là lên đây kéo xe, nên mỗi khi thầy tôi về làng, bọn người làng vẫn gọi là ông Lý cựu kia đấy!

– Đằng ấy nói cho tớ biết lần đầu mà đằng ấy đi ở thì gặp một nhà chủ như thế nào, và đằng ấy đã nghĩ ngợi ra làm sao...

– Ui chao! Khổ tuyệt trần đời anh ạ. Tôi tưởng lúc ấy tôi chết ngay được!

Bước thứ nhất, cái Đũi vớ ngay phải một mẹ chủ là một me Tây, hết duyên, về già. Cái Đũi đã phải ăn đói, làm no và mỗi ngày giặt độ ba chậu quần, trong thơm nức những mùi ô uế. Mỗi ngày độ ba trăm lần, mụ chủ cái Đũi khi hỏi đến đầy tớ là phải gọi cả "tiên sư cha" đầy tớ ra, lấy oai. Mấy hôm đầu cái Đũi nghĩ đến mẹ, oán giận bố, rồi muốn tự tử...

Nói đến đây, cái Đũi chợt bật cười mà rằng:

– Thế mà chiều nào tôi cũng được đi chơi mát ở vườn hoa ông Bônbe! Con mẹ chủ tôi thì ăn mặc trông đến nực cười. Chân thì đi giầy đầm, đầu thì để tóc đuôi gà mà quần áo thì là áo khách! Trông thấy anh Tây đen là con mẹ chủ tôi liếc mắt đưa tình, giở trò gạ gẫm

ngay thôi. Nó cứ bắt tôi lẽo đẽo theo sau y như là muốn bắt tôi học nghề làm đĩ ấy. Mà cái má nó đã răn reo, nó lại trát phấn bự khắp cả, thành thử trông như mặt ngáo ộp, thế mà cũng có anh bất nhân ngãi với nó thì còn ai hiểu lính Tây là hạng người thế nào? Ấy thế rồi, cha tiên nhân năm đời mười đời nhà nó! Chính nó làm cho tôi mất tân! Anh ơi, tôi lúc ấy mới có 13 tuổi đầu mà nó nhét giẻ vào mồm tôi, giữ hai chân tôi cho thằng oẳn cứ việc hiếp lấy hiếp để!

Tôi nhìn kỹ cái Đũi thì mới biết là trông nó cũng đẹp, cũng có mẽ con người. Trước sự thuật lại một việc bất bình đã xa lắc xa lơ, tôi cũng thấy nóng cả mặt mày lên như đương trông thấy sự bất bình ấy vậy. Tôi vội hỏi:

– Thế mà không đi kiện à?

– Nhưng mà về sau nó hết sức dỗ dành tôi, hết sức dọa nạt tôi, rồi cho tôi hai đồng bạc...

– Đồ khốn nạn chưa! Vì hai đồng bạc mà đến nỗi...

Cái Đũi xua tay ngăn tôi mà rằng:

– Không, không, không!... Anh đừng vội chửi tôi như thế. Sau khi bị thì tôi nằm liệt như sắp chết mất đến nửa ngày, mà giữa lúc tôi bị, anh tính cả cái khăn bông tấm nó tọng vào mồm mình thì mình còn kêu vào đâu? Thành thử sau khi không chịu nhận tiền đền, tôi ra phố kể lể, khóc mếu với một ông đội xếp... Chưa kịp nói rõ đầu đuôi, nó đã chạy ra án ngữ trước mặt mình rồi nó nói tiếng tây với ông đội xếp không biết những gì mà thấy ông ấy đổi giọng mắng tôi những là đừng có vu oan giá họa, chứng cớ không có mà đi kiện láo thì rồi tù mọt gông! Thế là tôi đâm ra sợ, không dám nghĩ đến chuyện lên bót nữa, đành phải nhận hai đồng bạc tiền đền. Ba hôm sau tôi ra, vì nó quen mùi, lại bắt tôi tiếp khách nữa. Tiên sư bố nó, thật là giời quả báo xui nên nó bị xe ô tô đâm phải, gẫy mẹ nó ngay một cẳng... Anh ạ, tôi cho có giời có ta lắm.

Cái Đũi còn nói mãi về con mẹ chủ khốn nạn ấy để khen giời là có mắt đấy chứ không mù... Nó kể xấu chủ cũ nó nhiều đến nỗi khiến tôi mất cả thương hại nó và rồi thấy chối cả tai. Tôi phải yêu cầu nó ngắt chuyện ấy đi và thuật nốt cho tôi nghe những chuyện công ăn việc làm với bọn chủ về sau của nó.

Thì ra, sau khi bị cái tai họa của chú oẳn, con bé lại được lợi

trông thấy vì hiểu biết "sự đời" đến nỗi một cô gái quê hiền lành mà trở nên một ả thiện nghệ trong việc khiêu dâm và mãi dâm. Than ôi! Ta đi hiếp dâm người ta là một tội ác đấy ư? Thưa không ạ! Ta hiếp dâm người... ấy thế mà có khi đã dạy được cho người một bài học về "thực nghiệp" rất hữu ích và rất chóng có kết quả nữa.

– Về sau, anh ạ, tôi được vào làm con sen ở một nhà giàu, tôi đã mừng thầm, tưởng rằng vào được cửa một nhà giàu thì hẳn được người ta đãi mình tử tế. Úi, chao ơi, càng những quân giàu có lại càng keo bẩn, chó đểu không ra loài người.

Thoạt đầu, khi đứng thập thò sau lưng một mụ đưa người, cái Đũi cứ trông những tủ chè khảm, câu đối sơn son thiếp vàng, lộ bộ, đôn sứ với chậu sứ, tủ gương với đỉnh đồng mà có lẽ cũng ù cả tai! Bà chủ dõng dạc kêu cho công mỗi tháng năm hào. Cái Đũi vào làm, lòng mừng khấp khởi...

Một ngày đầu, may không có chuyện gì. Tối hôm sau vì ăn cơm khuya thức ăn lại không đủ dùng nên cái Đũi liền khoắng vào cái liễn trong gác măng dê, lấy ra ba miếng thịt vịt. Không ngờ bảnh mắt sáng hôm sau nữa, bà chủ lôi sềnh sệch cái Đũi ra "nơi xảy ra án mạng ấy", cốc cho cái Đũi đến ba cái bươu đầu và nói lịch sự thế này: Tiên nhân cha con ranh con, chưa chi đã giở ngay những thói trộm cắp! Liễn thịt của bà, mười hai miếng mà dám thọc ngay đũa ăn vụng mất ba miếng! Bà đã đếm cả rồi bà mới cất đi, dễ mày tưởng bà không biết đấy à!

Từ giờ trở đi thì bà chủ cứ được thể lục tiên nhân cha con sen ra, bất cứ vì tội gì... Một hôm kia, sau khi cái Đũi đi mua một hào thịt quay về để lên mâm cơm ông chủ thì... Ấy thế là giữa ông chủ với bà chủ đã xảy ra một cuộc khẩu chiến đại kịch liệt. Ông gọi bà bằng tên những giống vật, và bà lấy những chỗ hiểm trong thân thể người đàn bà ra đặt danh từ (nom) và trạng từ (odjectif) lại cho cái mặt phúc hậu của ông. Ông cự bà sao lại không dặn con sen đi mua một hào thịt quay thì phải mua hai lần, một lần một gói năm xu để cho nhà hàng phải thêm, thì mua được rẻ. Bữa ấy giận cá chém thớt ông chủ cũng cứ gọi con sen ra tặng cho mười hai cái bạt tai, mặc dầu nó chẳng đáng tội tình gì.

Tôi ngắt chuyện nó mà rằng:

– Thế mà đằng ấy không xin ra ngay?

Nó nhìn tôi hồi lâu, ra ý chế nhạo rồi đáp:

– Thoạt đầu, tôi cũng muốn xin ra ngay. Thế nhưng mà về sau, nghĩ rằng mình cần báo thù, có báo thù được thì mới hả dạ nên tôi cứ nhẫn nhục ở lại làm anh ạ. Rồi thì là...

Rồi thì là nó trả được thù một cách độc ác đáng kính. Bà chủ có cô con gái dậy thì, mới 13 tuổi nhưng mà lửa tình sớm bốc, lúc nào cũng lồng lộn lên như đồ đĩ rạc. Hay ngồi lê kể chuyện nhảm dưới bếp, tiểu thư cứ bị những chuyện tiếu lâm của con nhãi kích thích cho đến phải đi lùng lấy giai. Trong ít lâu tiểu thư đã có dăm bảy cậu tình nhân do con sen tin đi mối lại. Thư đi từ lại, cứ mỗi lá thư, cái Đũi lại được một hào ăn quà mỏi cả răng mà vẫn không tiêu hết xu.

Chưa phải chỉ có thế thôi...

Bà chủ còn cậu con trai tuổi mới 12 mà trong cặp sách đi nhà trường, lúc nào cũng đầy những ảnh dâm dục. Biết thế, cái Đũi cứ rình những lúc đêm khuya, cậu mà cầm đèn vào nhà sau thì trên tấm chõng tre, hai cái đùi non trắng hếu của con sen, lại phô ra như đấu xảo! Từ đêm ấy trở đi có đêm cậu đi tiểu đến tám mươi nhăm lần. Đến lần thứ tám mươi sáu, cậu vừa nhịn thở, rón rén để tay vào một cái đùi non thì con sen ngồi nhổm ngay dậy, tỉnh ngủ một cách bất ngờ. Cậu bịt miệng nó bằng một đồng bạc. Sau khi trả tiền rồi mặt cậu như điên rồi nằm xuống chõng, ôm ghì lấy con sen. Cứ thế mãi! Thế mãi!

Đến đây, cái Đũi hôn tôi một cách rất tình mà cười, và:

– Đằng ấy ạ! Chả nước mẹ gì cả đâu nhé. Tớ cứ việc khoét xu, mới nửa tháng đã lấy được đến chín đồng. Vậy mà tớ chỉ cho cu cậu cái bề ngoài mà thôi!

– Thế thì sao lại không ở mãn kiếp ở cái nhà ấy?

– À, vì tôi chả giấu gì anh nữa, tôi muốn làm cô đầu.

– Cô đầu?

– Phải, chứ cứ đi ở thì rồi suốt đời tôi chỉ làm một con sen.

Ôi! Cái sức ám thị của một cuộc hiếp dâm! Sau này, nếu cái Đũi sẽ nên bà, dễ thường rồi tôi phải đi cảm ơn cái thằng oẳn đã hiếp nó!

VI

SỰ CÁM DỖ VỚI MẢNH HỒN NGÂY THƠ

Đến bữa cơm chiều, cái Đũi và tôi cùng đứng lên từ giã cái vỉa hè đường Amiral Courbet rồi chia tay nhau. Vì chưng một con sen thất nghiệp không nhà muốn làm ả đào là tức khắc thành ngay ả đào, tôi đồ chừng là nó còn đủ thì giờ để nóng lòng sốt ruột chờ đợi cái ngày mà mụ già làm nghề đưa người tìm thấy một bạn đồng nghiệp của mụ ở phố Mới để mụ này sẽ giao cái Đũi cho một chủ hát ở Khâm Thiên, hoặc Ngã Tư Sở, hoặc Gia Quất, hoặc phủ Từ Sơn. Thế thì trong những ngày nó ăn chực nằm chờ, thà nó để thời giờ mà tâm sự hoặc "tri kỷ" với tôi còn vui hơn là ra ngồi lê ngã ba ngã bảy... Tôi đã nói như thế. Cái Đũi đã mỉm cười gật đầu. Tôi đã hẹn nó ở vườn hoa con Cóc, vắng vẻ, mát mẻ và tối tăm...

Cho nên tối hôm nay, tôi chưa phải ngồi chờ quá năm phút thì cái Đũi đã đến. Tôi đương ngồi bó gối trên thành bể cạn nhìn vào đám tối đen sì nước róc rách chảy xuôi chảy ngược, mà nhờ ánh sáng một cây đèn điện ở mãi góc phố lách qua đám lá cây rậm rạp chiếu mờ tỏ, mấy con cóc đồng với mấy con rồng rêu bám sù sì đầy mình mẩy hiện thành hình những con quái vật không tên... Chợt bốp một cái vào vai, tôi giật mình quay lại thì... cái Đũi. Thấy "người yêu" đã đến, tôi nắm chặt lấy tay mà véo một cái rõ đau vào người yêu. Nó chỉ xuýt xoa thôi chứ không phàn nàn gì. Rồi ngồi ngay vào lòng tôi. Đám cơm thầy, cơm cô chúng tôi có những cái "tay bắt, mặt mừng" nhã nhặn với nhau là thế, ấy là kể vào những khi yêu nhau.

Thật vậy, kể đàn bà mà như thế là hư thân, song sự hư thân của cái Đũi không khiến tôi mếch lòng. Trái lại, và vì lẽ không thấy tội lỗi nào khác, cái Đũi cứ việc giữ chỗ cho chặt, gần bằng một vị quan lớn giữ chỗ lúc nghe tin người này, người khác về hưu. Không nói gì cả, tôi chỉ khẽ hát một cách rất phong tình:

Lấy ai thì cũng một chồng
Lấy ta ta bế ta bồng trên tay.

Cái Đũi ngửa cổ ra cười một hồi. Về sau vòng hai cánh tay níu lấy cổ tôi, nó khẽ hát đáp:

Cần câu bằng trúc, lưỡi câu bằng vàng.
Anh giắt mồi ngọc ném sang câu rồng.
Người ta câu bể câu sông
Tôi nay câu lấy con ông cháu bà.

– Thôi đi, cút đi! Tôi không phải là con ông cháu bà thì ngồi vào lòng tôi làm gì!

Cái Đũi cứ ngồi yên lại hát:

Ai ơi chơi lấy kẻo già
Măng mọc có lứa người ta có thì
Chơi xuân kẻo nữa xuân đi
Cái già xồng xộc nó thì theo sau.

Rồi nó cười "cục, cục" một hồi như một con gà mái ghẹ! Cười xong, nó giẫy giụa đánh lúc la lúc lắc hai ống chân và cắn rõ mạnh một cái vào bên vai tôi. Thật là một đứa con gái mà tạo hóa sinh ra để cho làm ả đào. Chưa là ả đào, nó đã thạo nghề lẳng lơ đến bậc ấy.

Cái lúc ấy bắt tôi phải chợt nhớ tới những khi nó khiêu dâm cậu bé con ông chủ nhà. Nói cho đúng ra, hình như tôi thấy hiện rõ rệt trước mắt tôi cái cảnh tượng thảm hại một cậu bé mới 12 tuổi mà đã hứng tình trước hai cái đùi trắng nõn của một con sen vờ nằm ngủ say. Tôi nghĩ ra rằng cậu học trò kia mai sau tất rồi hư thân, mà nếu có hư, chính là chỉ vì bố mẹ cậu ta đã ở ác với một con sen tinh ma quỷ quái. Một thiếu niên đang tuổi học hành, sau này biết đâu chả là nhân tài của xã hội, vậy mà cái Đũi đã đẩy cho đến nỗi chúi mũi chúi tai vào cái vực dâm bôn! Thật vậy, dạy con cho con không hư là bổn phận của cha mẹ, song biết trông nom con cái thế nào cho cùng? Người ta biết đâu mà đề phòng nếu con ở trong nhà người ta là cái Đũi? Vả lại tôi cũng như ông, ông cũng như bao nhiêu người khác, có lẽ chúng ta cũng đã thay đổi hàng trăm đứa đầy tớ, những đứa đã sống cạnh nách chúng ta, được ta chửi mắng thì nhiều và được ta thương thì rất ít, mỗi đứa là một cái thế giới riêng, bởi lẽ ta không để ý ngắm nghía kỹ bọn ấy bao giờ! Cho nên chúng muốn làm gì thì làm...

Ngay trong nhà mình?

Ý tôi đã nói thế với các ông!

Nhưng mà còn xa tôi mới làm thầy kiện cãi không công cho hạng người giàu có mà bắt đứa ở đi mua một hào thịt quay phải mua làm hai bận. Còn xa tôi mới "làm án" cho một con sen bị đánh gần bỏ

mạng vì không mua bằng hai lần một hào thịt quay cho chủ nhà khi chủ nhà không dặn kỹ nó, và, do thế báo thù cho chủ nhà bằng cách dạy đứa con chủ nhà vào cái vực dâm bôn. Tôi chỉ nghĩ một việc xảy ra. Nhân thể thì tôi muốn người ta đề phòng, đừng để cho việc như thế xảy ra lần nữa.

Điều cần nhất của tôi là muốn cho cái Đũi trở lại với những tính tình trong sạch của cô gái quê ngây thơ. Công toi! Cô gái quê đã phải làm con sen thì cô gái quê sẽ cứ làm cô đào. Cô gái quê đã bị một chú oẳn làm cho nhị rữa hoa tàn thì rồi cái hôi tanh nó là một cái thang để cho cô gái quê trèo lên cao.

Vì rằng cái Đũi rên rỉ nói:

– Anh phải biết cho tôi mới được chứ! Thân tôi đến nỗi thế này có phải tại tôi đâu? Bố tôi không làm lý trưởng thì đời nào tôi phải đi ăn ở với người ta! Tôi không phải đem thân ra làm tôi đòi thì đời nào đến nỗi tôi bị một thằng oẳn nó hiếp! Mà cái thân tôi đã đến nước này thì tôi còn giữ gìn làm gì mà chả đâm vào cái nghề hoa nguyệt cho nó bõ dây oan một phen!

Lúc ấy là lúc đứng đắn, và cảm động. Dùng đến cái giọng cảm động rồi thì cái Đũi từ giã hai đầu gối của tôi. Trong khoảng tối tăm, tôi không biết có phải cái Đũi khóc hay không nhưng thấy nó xỉ mũi vào tay áo nhiều bận lắm.

Cố nhiên lúc ấy, không muốn làm ngắt đoạn sự xúc cảm buồn rầu nhưng rất nên có của cái Đũi, tôi cũng phải thêu dệt ra cái tiểu thuyết bi đát của tôi...

Bố tôi xưa kia cũng là một ông có của trong làng. Một đám cướp xảy ra, quan trên muốn ăn tiền, đã bắt một tên đầu đảng khai man cho bố tôi. Rồi bố tôi bị đẩy đi tù để cho tôi đương ăn học mà phải bơ vơ. Cuối cùng tôi phải vào làng cơm thầy cơm cô mặc dầu về Hán tự, tôi biết cũng khá nhiều.

Rồi tôi cầm lấy hai tay cái Đũi:

– Mình à, chúng ta cũng là con nhà tử tế cả, sa cơ lỡ bước mới nên nông nỗi này. Thế thì đã gặp nhau, đã biết nhau, đã xem chừng cũng có cơ hợp nhau, sao ta lại không tính cuộc vuông tròn với nhau? Bây giờ chúng ta hứa với nhau đi, rồi mình đi làm đường mình, tôi cứ việc tôi, bao giờ để dành được một số tiền thì ta đem góp lại làm một, về làng tậu vài sào đất giồng rau, ta cùng sống với nhau no đủ,

chẳng phải mãn kiếp đi ở thế này. Tôi là người có ít chữ nghĩa, về làng làm ăn quyết chẳng để ai khinh đâu.

Tôi chưa nói hết, nó đã lấp liếm:

– Thôi anh ạ, ta đừng nói nữa mà tôi đau lòng lắm.

– Làm sao?

– Vì tôi không còn là người con gái nguyên vẹn nữa, chả đáng làm vợ anh.

– Không tôi không cho cái ấy vào đâu cả. Miễn có bụng dạ với nhau thì thôi. Mình không còn nguyên vẹn là vì bị hiếp chứ có phải vì hư thân mất nết gì.

Cái Đũi thở dài mà rằng:

– Trước khi biết anh, tôi cũng biết một người giàu sang ở một hiệu cao lâu... tôi tin người ta, ngủ với người ta, rồi thì không tài nào làm cho người ta lại tin như trước rằng tôi bị hiếp nữa. Cái việc vợ chồng ở đời, khó lắm anh ạ.

Tôi không nói nữa, biết là nó bịa đặt cho có một cái cớ để từ chối mà thôi. Tôi làm ra ý ngu ngốc nói:

– Thế không lấy tớ thì bắt nhân ngãi với tớ làm gì?

Nó cười, nhìn tôi một cách ái ngại mà rằng:

– Thế mới biết anh thật thà! Anh tưởng hễ cứ bắt nhân ngãi với nhau là phải lấy nhau hay sao? Quých thế!

Tôi lặng yên năm phút để nếm cái "quých" của mình. Sau tôi hỏi nó:

– Sao đằng ấy thích đi làm nhà trò như thế?

Nó đáp bằng một hồi rõ dài:

– Giời đất cha mẹ ơi, sao lại không thích! Đang phải hầu hạ người ta mà nhảy tót lên ngang hàng với người ta! Làm nhà trò thời mới mong có phen lên bà phán, bà ký, chỉ là con sen thì tôi khổ lắm anh ạ. Tôi muốn chúng nó phải mê tôi, yêu tôi, bắt nhân tình với tôi, chiều chuộng tôi kia. Rồi anh xem, con này mà lên làm nhà tơ thì rồi nhiều thằng khổ.

– Tại sao đằng ấy biết được rằng làm ả đào thì oai như thế?

– Tôi lại còn lạ, cái lần ấy lão chủ cũ tôi ăn khao, có mời cô đầu về nhà, tôi thấy những đứa cũng chả đẹp gì mấy mà cũng được những ông nọ, ông kia đánh giá ra phết, ẵm vào lòng, bá cổ, quàng vai. Mặt mũi tôi như thế này tưởng cũng là sạch nước cản lắm.

Mấy câu đáp ấy tưởng cũng đủ cắt nghĩa rõ cho những ông đạo đức vẫn kêu "ôi phong hóa suy đồi" hiểu được rằng vì lẽ gì con gái bây giờ đua nhau mà hư.

Tôi muốn tìm trong cái Đũi những dấu vết cũ của một cô con gái nhà quê, ngoan ngoãn, hay làm, có những cái mơ màng bình dị (mặc dầu là sát mặt đất), nhưng mà là trong sạch, suốt đời không dám nghĩ đến cái bả vật chất, những vẻ phồn hoa của đời, nhẫn nhục mà sống với một người chồng cục mịch và chỉ biết có việc chịu khó làm ăn.

Tôi đã thất bại. Hoàn toàn thất bại.

Từ một cô gái quê sa cơ mà bị hãm hiếp, tôi chỉ thấy một đứa hư hỏng giả dối, rất nguy hiểm cho đời.

Ấy thế mà, nếu cái Đũi sau này thành một chị em, chắc rồi bao nhiêu khách mày râu sẽ đến trước mặt nó mà quỳ, mà dâng trái tim cho nó. Rồi thì nó sẽ khóc xì xụt qua cái khăn mặt hoa đào, thảm thiết kêu cứu mọi người cho thoát khỏi trầm luân khổ ải... cho mà xem!

Sương bắt đầu sa, vườn hoa con Cóc như có một tấm màn "tuyn" mỏng bao phủ...

Tôi hỏi cái Đũi:

– Về chứ?

Nó đáp:

– Ừ, ta về!

– Bây giờ mà quay về cái gác hàng cơm ấy thì chán chết!

– Nếu thế thì đi thuê một cái buồng mà trò chuyện với nhau!

Cái Đũi đã đi nhanh hơn tôi. Tôi nói ý:

– Nhưng mà tôi không đủ tiền.

Thì nó đáp ngay:

– Thế thì tôi có đủ đây, anh ạ. Thôi ta đi thôi.

Từ đây trở đi, việc chúng tôi làm không thuộc về bổn phận của một thằng nhỏ hay một con sen. Tôi không cần phải tường thuật.

Nhưng do đó, tôi phải nói là tôi đã hiểu cái tâm lý của những chị nhà thổ bòn xu của khách làng chơi để có tiền riêng dúi cho nhân tình!

VII

ÁNH SÁNG CỦA KINH THÀNH

Đêm hôm sau tôi lại đến hàng cơm.

Lần này đáng lẽ bảo lên cái gác mà tôi đã nằm một đêm, thì họ quát tháo ầm lên rằng tôi là kẻ mở đường cho điếm, rằng mụ già đưa người đã quên không lại đưa trả hai xu tiền trọ hộ tôi, rằng hôm nay họ thí cho tôi cái phúc là vào ngủ ở "đằng sau" để rồi phải bảo cái mụ già kia lại cho bằng được.

Tôi không cãi lấy nửa lời.

Mà cứ việc như không nghe thấy gì cả, cắm đầu rảo bước qua cái bếp rồi đến cái sân rộng rãi mà họ gọi là "đằng sau". May sao tôi không phải chỉ có một mình. Hơn một chục người đã có mặt tại đó. Dưới ánh sáng trăng vằng vặc, họ nằm hoặc ngồi trên những manh chiếu nát giải lên trên đống gỗ lim vuông. Thì ra cái sân nhà hàng cơm này lại ăn thông với một xưởng gỗ nào nữa.

Phong cảnh chốn này không có gì là đẹp. Chung quanh chỉ có những bức tường cao ngất ngưởng, bẩn thỉu vào bậc nhất với những mái nhà đen sì sì. Bên tay phải chỗ chúng tôi nằm là một cái chuồng gà, trước mặt là một cái cống nước đen, dọng hầu như kinh niên, và bên tay trái là cái chỗ cho người tứ xứ trút ra ngoài những cái thừa trong bụng. Tôi lấy làm tiếc cả những ánh sáng mặt trăng.

Lẫn lộn trong đám hơn chục người này, tôi thấy ba đứa trẻ đã cùng ngủ với tôi trên gác đêm kia, trên những cái mặt ngây thơ, không lộ vẻ lo buồn gì cả. Còn những kẻ khác thì thật là những kẻ mà người ngợm và quần áo đã đủ tiêu biểu cho bao nỗi thống khổ của loài người, từ khi cuộc đời là cuộc đời.

Một anh chàng đầu trọc lốc, mặt xanh nhớt nhưng mà thân thể béo tốt hẳn hoi, áng chừng vừa ở nhà thương hoặc nhà hỏa lò ra, đương ngồi lia lưỡi trên một mảnh giấy có cái gì đen sì sì, thoạt đầu tôi không hiểu nhưng sau tôi đoán ra ngay là sái thuốc phiện. Một anh chàng khác cái cổ cao ngỏng dán đến ba bốn lá thuốc cao, đương ngồi ngửa cổ xem thiên văn trên trời. Một thằng bé thứ ba nữa, thì cứ gãi sồn sột, nằm xuống lại ngồi lên để ho, khạc và nhổ tung tóe

đờm rãi ra chung quanh. Rồi một mụ già ăn mặc sạch sẽ gọn gàng, nét mặt bần thần, trông vô nghĩa lý, cứ ngồi cầm quạt nan phẩy cho người này vài cái, người khác vài cái, hình như hơn chục người này đều là con cái của mụ vậy. Còn sáu đứa nữa, con trai cả, cũng quần nâu, áo nâu thì đều ngủ li bì.

Khi tôi nhảy lên đống chiếu thì cả bọn không ai thèm nhìn đến tôi. Tôi dám chắc không một người nào có trong túi lấy một xu cho nên họ mới dám nằm đây, và chắc dạ dày của họ cũng rỗng không như túi họ. Vậy mà họ cũng được người ta chứa chấp ở đây. Không phải bọn chủ hàng cơm là phúc đức gì. Song chứa chấp thì bọn khố rách áo ôm này có đi xoay xở hoặc hành khất được xu nào ắt là về cũng phải mua cơm của họ. Nếu lại đi trộm cắp được đồ vật gì ắt là bọn chủ hàng sẵn lòng tiêu thụ cho ngay. Chả phải bỗng đâu bọn chủ hàng cơm cho để trong nhà mình có một nơi giống như viện tế bần.

Mười ba người này, căn cứ vào thần thái họ và quần áo họ thì không phải là bọn người vốn đẻ tại chốn đế đô. Họ đến là vì tại những nơi thôn quê họ không làm gì cho có đủ mỗi ngày hai bữa. Kinh thành đã cất tiếng gọi họ, cám dỗ họ. Khi ra đi, chắc họ cũng không ngờ đến nông nỗi này. Họ chắc mẩm trong bụng họ là sẽ có việc làm vẻ vang... Có lẽ họ đã phơi nắng, phơi mưa xin từng đồng trinh, từng bát cơm, cùng đường rồi mới đến được Hà Nội.

Các ngài cứ tưởng tượng hộ Hà thành. Những phố và những phố, cái nọ tiếp cái kia. Rồi các ngài tưởng tượng ra một người nhà quê một trăm phần trăm, rất bỡ ngỡ, bị bỏ lạc giữa một phố. Phố nào cũng có nhà cửa, vỉa hè, lề đường, nghĩa là phố nào cũng giống phố nào cho nên đường hình như cứ mỗi lúc một dài mãi ra. Người nhà quê đã đi, đã đi, và đã đi... Rồi người nhà quê thấy nhọc. Nhưng vì lẽ gì người nhà quê lại dừng bước? Nếu nghỉ chân tất phải ăn uống cái gì. Không đủ tiền. Thành ra người nhà quê có muốn nằm nghỉ cũng không được, vì người ta phải trả tiền cả sự nghỉ ngơi nữa.

Đi đã mỏi, vẫn phải đi. Người nhà quê lâu dần không thể đi được nữa. Khốn nỗi trong một kinh thành, người ta không được phép "không thể" cho nên người ta cứ đi... Lang thang hết phố nọ đến phố kia... có khi đi vòng trở lại mà không biết. Đến ngã ba kia thấy một đám đông người. Trong đám đông người ấy, người nhà quê thấy phần nhiều đó cũng vốn là những người nhà quê. Cho nên người nhà quê đứng lại. Một bà già mặt trông sắc sảo, hai tai lại nặng trĩu một đôi

khuyên vàng, trông ra vẻ có "thế lực" lắm, thõng thẹo cái tay vẫy người nhà quê lại mà nói oang oang như thế này này:

– Này, đi đâu mà ngơ ngác thế? Có muốn kiếm công ăn việc làm không? Lại đây mau lên tôi bảo!

Người nhà quê sung sướng lắm, vì đó là lần đầu mà người nhà quê thấy một người tỉnh thèm nói với mình. Mà nói gì? Nói những lời nhân đức những là kiếm công ăn việc làm cho...! Thế rồi ngày một, ngày hai, ăn chực nằm chờ, hoặc sân hàng cơm, hoặc hè nhà hát. Cái tiểu thuyết của họ là như vậy hoặc đại khái như vậy cả. Hà thành có bao nhiêu ngã ba và ngã tư? Có bao nhiêu chỗ cho bọn cùng dân đăng vào nghề cơm thầy cơm cô? Hàng ngày Hà thành đã đếm được bao nhiêu tấn kịch tương tự như thế?

Mười ba người tại đây, sở dĩ trôi dạt đến đây, là bởi cũng đã như con thiêu thân, bay vào đống lửa, cho nên mới bị quáng mắt về những ánh sáng của kinh thành.

Mụ chủ hàng cơm đã chứa chấp họ trong những xó sân. Ban ngày họ ra ngồi bầy hàng ở ngã ba, ngã bảy. Trong khi chờ cho có việc họ có mấy đồng xu cứ ăn hết dần. Đến cái ngày mà túi cạn mà việc chưa có, mà không ai thí cho đồng trinh hay bát cháo, tất là họ phải sinh ra liều mạng, có những lá gan to. Đàn bà sẽ đi đến Dục tình. Đàn ông sẽ đi đến Hình phạt. Trước khi đi đến cái ấy, hiện giờ thì họ bình tĩnh mà nằm chờ cái sóng gió là ngày mai.

Và nếu họ mãi mãi không có việc làm thì đó không phải là lỗi tại trời, không phải tại ông hay tại tôi, mà không phải lỗi tại ai tất cả! Không lẽ ai ai cũng bắt buộc phải có một đứa tôi tớ trong nhà.

Ánh sáng của kinh thành.

Có lẽ vào những đêm không trăng, không sao người nhà quê vùng Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hòa Bình mỗi khi ra sân, quay về một phía trời, đã thấy có một vùng hào quang sáng rực. Đó là Hà Nội nơi nghìn năm văn vật, dân giàu tiền nhiều của lắm dễ kiếm sinh nhai... Người nhà quê cứ việc bỏ làng mà đi! Một ngày kia rồi sẽ được nằm trong một xó sân ngửi mùi nước cống, mùi cứt gà và cứt người, nhịn đói nằm co mà nhìn trời, như đêm nay, có cả ánh sáng trăng vằng vặc.

VIII

BI HÀI KỊCH

Trong khi tôi đương liên miên nghĩ ngợi về những người dân quê dại dột như thế, bỗng lại thấy hai con sen nữa cũng tiến đến. Một đứa mặc váy, cắp một cái thúng nhỏ, tóc còn ngắn, tỏa một cách hỗn loạn xuống trán và gáy, dáng đi lạch bạch như một con vịt bầu. Còn đứa kia, mặt mũi tuy sạch sẽ hơn, lại mặc quần hẳn hoi, song tinh thần ngây ngô dại dột vô cùng, trông cũng không có một chút nào là vẻ đã ở tỉnh thành cả.

Cả hai đứa loay hoay không biết kiếm một chỗ nào ngồi chứ đừng nói đến nằm. Tôi bảo bà lão già:

– Bà ngồi dẹp vào cho người ta nằm với.

Bà lão vâng lời, dẹp chỗ rồi lại phe phẩy quạt cho hai đứa mới đến ấy bằng cái tinh thần một người mẹ già nuông con.

Tôi đứng hai tay gãi sườn ngắm nghía cái đống vô nghĩa lý ấy rồi tự hỏi: Ta sẽ làm gì cái bọn này? Tôi không phải đến chỗ này để nhìn cái cảnh ấy mà thôi. Phải làm thế nào cho bọn ấy nói chuyện với mình, tin mình, phục mình, mến mình, đừng buồn ngủ nữa, đừng đau khổ nữa, đừng đói khát nữa...

Tự nhiên tôi thọc tay, mân mê mấy hào chỉ trong túi. Một rá xôi bán ở nhà ngoài, ấy đó, một cách chiếm lòng yêu của kẻ khác, trong thế gian! Khốn thay, nếu như thế sợ "thiên hạ" đồn rầm lên, mà rồi tôi sẽ bị mụ chủ hàng cơm nghi hoặc thì rồi đến mất đi lại. May sao tôi chợt nghĩ đến nhà trinh thám đại tài trong chuyện Mephisto. Khi vào đến hang hùm tổ rắn của bọn gian phi là một hàng cơm, muốn khỏi bị nghi ngờ, muốn được yêu mến nữa, nhà trinh thám chỉ việc ép lòng làm một nhà tài tử bê tha và lãng mạn.

Một bài Nam Ai hay một bài Văn Thiên Tường thì phí của quá mà không hợp, tôi dùng đến mấy điệu hát chèo là lối thịnh hành vùng quê.

Tôi vừa làm điệu bộ vừa hát:

Mừng bề trên trường trị, xã tắc muôn năm trường thọ!
Mừng làng ta đất gồm văn võ,

Đức anh linh ủng hộ muôn nhà
Nhớ Tống triều niên hiệu Kiến Quang
Đâu đâu đấy đấy giàu sang
Trăm họ nơi nơi no đủ.
Xem trong tích cũ:
Có một chàng tên gọi Trương Viên
Cha mất rồi còn mẹ cao niên...
Chàng dốc chí chuyên nghề kinh sử!
Nhà hàn sĩ nghèo nàn cơ khổ
Mà được quan thừa tướng gả con cho!

Chỉ có thế, cả bọn "khán giả" ấy cũng đủ bị tôi thôi miên. Anh chàng đầu trọc và mặt bủng da chì ngửa cổ hề hề cười như một chú khách lòi rốn. Thằng cha có cái cổ dầy những lá thuốc cao hết trầm tư mặc tưởng với trăng sao trên trời quay lại đăm đăm nhìn tôi. Thằng bé con ho lao hết ho sù sụ như một ông cụ. Bà lão già cũng ngây người ra như một pho tượng sống, hết cả phe phẩy quạt cho những kẻ chung quanh.

Tôi nhìn cả bọn ấy một cách đắc chí rồi đổi sang giọng nồi niêu:

Trách bởi vì đâu ta học dốt như bò
Bút lông mèo tình chung mà ta ngậm ý y
Để cho ho một đời!
Bỏ bút lông, ta thử ngậm bút sắt ta chơi!
Ta thử ngậm bút sắt ta chơi
Bút sắt ta chơi!
Lỗ kia tình chung dù dứt ý y mấy ta thời...
Ta thời đóng đanh.
Chớ cái cuộc văn chương hồ dễ đã tan tành!
Hồ dễ đã tan tành!!!

Đến đây xong thì năm sáu đứa trẻ lần lượt ngồi nhỏm dậy. Đứa đã dậy rồi lấy chân đạp vào mạng mỡ để đánh thức đứa khác còn ngủ say, như là khi còn ở nhà với mẹ cha, chúng rủ nhau đi xem chèo vậy. Hai con sen kia cùng đứng phắt lên, cái con mặc quần đứng sau lưng ôm cổ con bé mặc váy, y như ở đình làng. Tôi không thấy ngượng nữa, không biết tự mình là dơ dáng dạng hình nữa. Tôi chỉ thấy tôi oai vệ, sung sướng, đang kiêu ngạo như một thằng cơm thầy cơm cô một trăm phần trăm.

Tôi bèn cúi khom lưng xuống y như một ông già mà lại gù, mà đi vòng tròn cái sân, lại hát:

Lão tuy già lụ khụ, nhờ giời cho vẫn khỏe khòe khoe
Vẫn khỏe khòe khoe!!!
Kia như cái gậy gục, cái gậy gạc
Nó có chà, nó có ngạc
Lão bê vác, hục hà hục hạc
Quệch quà quệch quạc
Hạt mưa sa lác đa lác đác
Lão vẫn khoác kè kè cái áo bông!
Đầu tóc lão dù trắng xóa như bông...
Kìa thấy các cô con gái má hồng
Lão vẫn, lão vẫn! Vẫn còn ừ say!
Say, say, say chổng cò quay!!!

Tôi ngã phệt xuống đất rồi ngồi xếp bằng tròn gọn một cái. "Cử tọa" rồ lên cười.

Hai con sen cười to hơn cả, cười như những đồ đĩ dại, cười như đĩa kèn Fou Rire.

Rồi một con, cái con mặt mũi sạch sẽ mà mặc quần – ồ lạ – cái con sen ngây ngô ấy – ồ lạ – buông hai cánh tay ôm cổ con bạn nó ra, ngã ngửa người xuống bằng bị giời đánh.

Thưa các ngài, ấy là nó "cảm" tôi.

Nếu tôi nói một cách có khoa học, một cách có văn chương, thì trong ái tình, cơn xúc động mạnh ấy, sự phải lòng giai ghê gớm ấy, người ta gọi là "cái tiếng sét", "le coup de foudre" vậy.

Một người mê ông đến nỗi ngã lăn đùng ra lại không đủ khiến ông sung sướng và, nếu ông có vợ, thì khiến ông về nhà thấy vợ ông là xấu xí lắm hay sao?

Tôi đứng lên khoan khoái...

Tôi chờ cho con sen ấy gượng ngồi dậy, để rồi đỏ mặt mà xấu hổ.

Những người khác cũng thế.

Nhưng con sen ấy ngã xong là nằm cứng đờ...

Như chết!

Một vài người chạy đến xem sao... Tôi cũng chạy đến. Than ôi thì ra nó bị động kinh! Hai mắt nó trợn ngược lên, chỉ còn trông thấy

lòng trắng. Chân tay nó run lật bật lên. Rớt rãi của nó ứa ra trắng xóa cả mồm. Sự cười rộ đã thương tổn đến bộ thần kinh của nó.

Lúc ấy, tôi cũng thấy hoảng hốt, lo sợ. Chung quanh tôi người ta nói đến những câu: phải gió, ngộ độc, chết, tim đau. Bà lão già sắp sửa khóc nữa. Tôi cố cắt nghĩa cho họ hiểu, bảo họ cứ yên tâm. Tôi đuổi mấy thằng nhỏ ít tuổi xuống khỏi đống ván để lấy chỗ cho con sen động kinh nằm.

– Không việc gì, rồi chốc nữa nó khỏi!

Rồi tôi cũng ngồi xuống cạnh nó, nghĩ ngợi phân vân.

Cái con sen mặc váy, cắt nghĩa.

– Chị ấy từ hôm bị điện giật đến giờ thỉnh thoảng lại thế.

– Bị điện giật từ bao giờ?

– Độ bốn năm tháng nay.

– Sao mày biết?

– Tôi có họ với chị ấy.

– Thế nó bị điện giật như thế nào?

– Chị ấy phơi quần áo trên bao lan.

– Thế nào?

– Phơi ngay áo ướt vào cái dây điện trước cửa.

Nghe đến đây, tóc gáy tôi dựng đứng lên. Tôi lại vội hỏi:

– Sao nó lại dại dột thế?

– Chị ấy ở nhà quê mới ra thì biết gì!

– Sao những đứa chủ nó không dặn nó cẩn thận?

– Nào ai biết?

– Thế lúc bị điện giật như thế nào?

Con sen ấy lè lưỡi ra rõ dài một hồi lâu rồi mới đáp:

– Dây điện hút hai tay chị ấy vào, một nửa người bị lôi ra ngoài bao lan, còn một nửa thì lủng lẳng ở bên trong. Mãi người ta mới gỡ được chị ấy ra.

Trong lòng tôi bỗng thấy một mối thương tâm vô hạn. Tôi quay xuống nhìn mặt con bé khốn nạn ấy rồi thở dài, rồi tôi hỏi:

– Bị bệnh động kinh rồi lại bị chủ thải ra có phải không?

– Tất nhiên.

– Thế là nó nghỉ việc từ độ ấy đến giờ?

– Không, về sau đến làm cho một nhà khác rồi mới thôi việc có hai hôm nay.

– Sao lại thôi?

– Chị ấy bưng một cái lọ quý rồi bị động kinh, ngã đánh vỡ lọ chủ bắt đền, chị ấy sợ mà bỏ trốn.

– Đồ ngu dại, nếu chủ nó bắt đền thì rồi nó trừ tiền công chứ gì? Bỏ trốn thế, nó lại đi thưa thì lại rũ tù.

– Cái lọ đáng giá hơn trăm bạc, có làm mọt xương cũng chả bù nổi. Vả lại nếu làm không công thì không có tiền gửi về quê.

Tôi ngán ngẩm rồi nói bâng quơ:

– Tiên sư cái kiếp đi ở! Thân phận tôi đòi khổ thật!

Anh chàng đầu trọc nói:

– À cái ấy thì đã đành!

– Cái nhà bác này! Có phải trong làng cơm thầy cơm cô chúng ta với nhau không?

– Chính thị!

– Ở tù ra, hay ở mạn ngược ốm về mà trọc lốc thế?

– Ở "hàng xứ" ra.

– Sao mà phải tù?

– Chủ nó sai mang thuốc phiện lậu, rồi bị ông Tây bắt, rồi chủ nó không nhận.

– Ai bảo đi ở?!

– Vỡ đê, trôi cả nhà cửa, trâu bò. Vợ nó ra đi ở vú em rồi không về. Ra tìm mãi không thấy, phải đi xin kéo xe. Gặp vợ rồi thì chẳng may phải tù.

Đến anh chàng cổ dán thuốc cao:

– À tôi đi ở là vì nhà nghèo.

Thằng bé ho lao đáp:

– Tôi cũng đi ở đã bốn năm nay rồi. Bố chết, mẹ đi lấy chồng, ở với cô ruột bị chửi nhiều quá, thà đi kiếm lấy mà ăn. Cô tôi giàu có hẳn hoi, có ba bốn cái nhà gạch. Nhưng mà đây không cần. Tử tế thì nhờ, không thì thôi.

– Thế bà lão này có đứa nào là cháu ở đây không?

Bà lão chỏ ba đứa trẻ ngồi cạnh mình mà rằng:

– Ba đứa cháu nội tôi đấy. Dắt cháu ra tìm bố nó, cũng đi kéo xe nhà. Thấy nói bố nó ở Hà Nội ra tìm mãi không thấy. Lên Quan Thánh lại bảo xuống Hàng Bồ, lại Hàng Bồ hỏi lại bảo xuống Bạch Mai...

– Thế bà có bao nhiêu tiền trong mình?

– Còn được sáu xu.

Bà lão thản nhiên nói thế, một cách không lo sợ gì cả. Mà có lẽ họ thế mới sống. Chỉ người khác là mới biết lo sợ cho họ, thấy họ là khổ sở đáng thương mà thôi.

Tôi hỏi một thằng bé khác:

– Thằng này, sao mày cũng đi ở?

– Dạ, u tôi bắt thế.

– Còn thằng nhãi ranh này, ai mướn mà cũng đi ở?

– Úi chao! Tôi mới đi ở có ba tháng thôi mà nếm cơm có đến tám chín nhà chủ rồi.

– Còn thằng này nữa, mày cũng nghèo à?

– Tôi không biết.

– Bố mày đâu?

– Tôi không biết.

– Mẹ mày đâu?

– Tôi không biết.

– Làng mày ở đâu?

– Tôi có làng bao giờ!

Nó chẳng biết gì cả. Nó chỉ mới độ lên 8 tuổi là cùng mà thôi.

– Thế mày đã đi ở lần nào chưa?

– Một lần rồi, chủ nhà chê là nhãi con, mướn năm hôm rồi lại cho ra.

– Thế bao giờ mày đi làm?

– Nào biết, trông ở cụ.

– Cụ nào?

– Cụ đưa người, vẫn ngồi ngã tư.

Đến đây, con sen động kinh đã tỉnh. Nó gượng ngồi lên khạc nhổ nốt những chỗ nước rãi đọng trong mồm. Rồi nó lại nằm xuống về mệt nhọc lắm...

Một hồi gót giầy khua lên... mỗi lúc một to.

Một người lính mật thám, áo the, mũ dạ, giầy tây, ống quần có cặp xe đạp thoăn thoắt bước vào, một cô tân thời, cổ tay đầy những vàng đi theo sau.

Người lính kia vào đến chỗ chúng tôi thì bật đèn to lên, soi rõ vào mặt từng người một. Rồi thấy cô tân thời rú lên.

– Chính nó đây rồi.

Người lính kia hỏi:

– Đứa nào?

– Con bé mặc quần ấy.

Con sen cũng khóc:

– Lạy cô, con trót dại, cô tha cho con.

Người lính quát:

– Đứng lên đi theo tao lập tức.

Cô ả tân thời càu nhàu:

– Hai ba trăm bạc của người ta chứ ít à?

Người lính hỏi:

– Sao cô khai có vài ba đồng.

– Đấy là nó ăn cắp, ngoài ra nó còn đánh vỡ cái lọ cổ nữa.

Con sen ấy kêu khóc:

– Lạy cô, quả là con không ăn cắp một xu nào ạ!

– Im! Câm ngay! Không ăn cắp sao lại đi trốn?

Thế là người lính kia xích tay nó lại. Cô ả tân thời nói:

– Ông khám cái thúng này xem.

– Không, đây là thúng của tôi.

– Cứ khám!

Lúc ấy tôi đứng dậy, nét mặt chắc đầy những vẻ bất bình. Người lính kín hỏi tôi:

– Đưa tao xem thẻ.

Tôi ngần ngừ, rồi phải đưa. Người lính xem thẻ xong (cũng may sở phát thẻ Hà Nội có cái thuật chụp ảnh cho người nào cũng như mặt tù) ngẩn người ra, đứng cúi đầu nghĩ như muốn nhớ lại một điều gì rồi mới trả thẻ, sau khi nhìn tôi hai ba lượt.

Không bao giờ tôi quên được cái lúc con sen động kinh bị xích và một cái tát vào gáy nó của cô ả tân thời.

Khi con sen bị lôi ra thì bọn người nhà hàng cơm chạy vào xem rồi chạy ra theo.

Tôi ngoảnh lại nhìn bọn cơm thầy cơm cô đằng sau tôi thì mặt ai cũng tái đi, sợ đến chết khiếp.

IX

ĐẦY TỚ NÓI XẤU CHỦ NHÀ

Việc một con sen ngu đần bị điện giật, rồi bị động kinh, rồi đánh vỡ lọ, rồi bị vu cho là ăn cắp, rồi bị bắt nữa, đã đánh mạnh vào bộ óc suy nghĩ của chúng tôi.

Lúc ấy, có lẽ là những phút độc nhất vô nhị mà cái hạng con ong cái kiến không thấy nản chí trong sự đi kêu oan, nếu thấy bị oan, mà một kẻ đi hưởng cơm thừa, canh cặn thấy rằng mình cũng là một người, mà một thằng nhỏ vừa bị chủ đánh bỏ mẹ đi thôi, lúc ra máy nước không còn ước mơ, không còn tưởng bở mà tự nhiên đập đôi thùng đánh xoảng một cái xuống đường rồi giơ tay ra mà nói "nghĩa là..." một cách kệch cỡm nữa.

Và lúc ấy là những lúc đầy tớ nói xấu chủ nhà.

Đấng sinh ra muôn loài cũng không bảo nổi những ông lang băm đừng nói khoác, những kẻ mắc bệnh hoa liễu đừng kêu rên, anh bồi săm đừng khinh người như rác, ông sư chớ mơ màng thịt chó, và đầy tớ nhịn nói xấu chủ nhà.

Thằng bé ho lao tả cảnh:

– Lần đầu tôi đi ở đã gặp bước không may. Lúc mặc cả công, con mẹ chủ đã bằng lòng trả cho tôi mỗi tháng năm hào. Tôi phải gánh đầy ba bể nước, bổ hết hai mươi tạ củi. Nước gánh về đầy bể rồi, củi chất chật bếp rồi là bà chủ kiếm chuyện chửi mắng suốt ngày cho mình không ở được nữa mà phải xin thôi. Lúc xin thôi nó kêu rằng "tự nhiên không có chuyện gì" mà giở quẻ xin thôi thế là quân đi nếm cơm có vạn kiếp cũng không khá được! Cố nhiên nó không trả tiền công. Các bác ạ, các hạng chủ nhà đều như thế đấy. Lúc cần thì

nó tìm người, lúc hết việc thì nó kiếm chuyện đuổi ra. Mà nó quịt tiền công hết thảy!

Tôi hỏi nó xem trong cái đời đi ở của nó, nó có những ngày sung sướng nào không.

– Chỉ có một lần. Năm ngoái tôi ở với một nhà vợ chồng trẻ tuổi. Chồng là ông Tham, không đêm nào là chịu về nhà ngủ trước 3 giờ đêm. Mỗi lần đi chơi khuya về, cậu ấy dặn tôi mở cửa xong là thế nào cũng phải đánh vỡ hoặc một cái chén, hoặc một cái đĩa. Cậu ấy sai tôi phải làm để tôi có cớ đánh vỡ. Hễ nghe thấy tôi làm đánh xoảng một cái là cậu ấy quát tháo ầm nhà lên. Ra oai thế để chặn họng vợ. Bà vợ cuối tháng mà trừ lương thì ông chồng dúi tiền cho bù vào. Về sau bà vợ cũng đâm ra cờ bạc, cũng đi suốt ngày, gần đến lúc chồng đi làm về, dúi tiền cho tôi đi mua cơm, mua canh và các món xào ở hiệu Cao lâu. Gặp những hôm có giỗ cũng thế sai đi mua các món ăn ở hiệu, mua cả xôi, mua cả chè. Thành thử mình chỉ ngủ suốt ngày, chả bận bịu gì cả. Thật làm với hạng chủ như thế mới sướng.

Anh chàng đầu trọc lốc vội cướp lời:

– Thế kể cũng sướng nhưng chưa bằng tôi. Khi ra tỉnh lần đầu, tôi đã được vào làm nhà một lão thầu khoán. Lúc mới mặc cả thì là kéo xe, nhưng mà về sau, xe cũng chả phải kéo mấy nữa. Chỉ có việc dắt chó đi dong chơi ngoài đường. Lão mua ba con chó Nhật Bản, mỗi con đáng giá trăm bạc cả, cho ăn toàn là những thịt bò với súp. Tôi chỉ suốt ngày tắm rửa cho chó mà thôi. Chỉ khổ một nỗi là thằng chủ có tính gàn, bắt mình lấy giấy bản chùi đít cho chó.

Thằng nhỏ ho lao hỏi vặn:

– Như thế thì đã nước gì mà sướng?

Anh ta để cho chúng tôi lấy làm lạ một lúc rồi tiếp:

– Vì ông chủ nuôi chó thì tử tế như thế mà nuôi bố thì lại không tử tế. Ông cụ già thì ăn mặc quần áo nâu cũng như tôi, mà phải còm cõi làm thợ vườn suốt ngày. Một lần ông già tai ác ấy chửi tớ, đánh tớ. Tức quá, tớ nghĩ được một cách: đem cứt chó để lên đầu cái phản dưới bếp là chỗ của ông cụ ngủ. Thế là lão già trúng kế, tìm ngay xe điếu vụt cả ba con chó. Tớ lên mách chủ thì lão chủ tớ chửi tiên sư ông cụ, nghĩa là chửi bố. Từ độ ấy mà đi thì chính tớ cũng không cần đếm xỉa đến bố ông chủ là gì nữa. Các bác bảo như thế lại không sung sướng à?

Tôi hỏi:

– Thế sao không ở cái nhà ấy cho đến mãn kiếp?

Anh đầu trọc đáp:

– Kìa, tôi đã nói là lão chủ sai tôi mang thuốc phiện lậu rồi không may bị bắt...

– Rồi thì chủ nó không nhận nên phải tù chứ gì?

– Phải, nếu nó nhận thì nó cũng chết. Chẳng may cũng là cái số tôi không ra gì, chứ lão chủ ấy thật tử tế với mình quá.

Thằng có cái cổ dầy những thuốc cao góp chuyện:

– Ừ, bác như thế cũng đã sướng thật, nhưng chưa bằng tôi. Bây giờ tôi bị bệnh tật nên trông mới xấu xí như thế này, chứ hồi mới đi ở, còn đẹp giai thì còn sướng bằng vạn các bác. Thầy bói nào cũng bảo tôi có số đào hoa, thực đúng quá. Tôi sướng hơn các bác ở chỗ thỉnh thoảng lại được bà chủ yêu, hoặc con gái bà chủ...

Rồi nó kể những cái... may mắn của nó một cách rất tỉ mỉ, bằng một giọng thành thực vô cùng.

.....

Trước lúc ấy vài giờ đồng hồ, tôi đã phải đứng tần ngần mà tự hỏi: “Ta sẽ làm gì cái bọn này?”

Bây giờ tôi lại phải tần ngần tự hỏi “Ta sẽ làm gì những câu chuyện ấy?”

Thật vậy, những câu chuyện ấy thật là lạ lùng, thật là không ai dám tưởng là có thật được, thật là nhơ bẩn, thật là chướng tai.

Một thằng nhỏ không biết thêu dệt như một nhà văn thì chuyện của một thằng nhỏ kể có thể tin được là đúng chín mươi phần trăm sự thực.

Mà đứng trước những sự thực không đáng viết lên mặt giấy, ta phải hãi hùng kinh ngạc về loài người.

Tiểu thuyết kể những điều mà loài người bảo là không có thật.

Sự đời, trái lại, lại có những điều mà tiểu thuyết không dám tin.

Ấy thế rồi tôi đâm ra khinh hết cả loài người, vì tôi tin rằng không một ai trong bọn chúng ta lại trông rõ được thực trạng cuộc đời.

Thật vậy, bao nhiêu sách vở của loài người, cốt để dạy cho nhau biết mà thôi, vậy mà vẫn công toi cả. Những điều người ta dạy bảo nhau bằng sách? Đó là những điều mơ hồ, những điều lầm lẫn, những sự văn chương. Văn chương là một sự, sự đời là một sự khác.

Rồi tôi cảm thấy rằng muốn làm một nhà xã hội học, một nhà tâm lý học, một nhà triết học, thì trước hết hãy đăng vào nghề cơm thầy cơm cô! Người phu xe biết hết mọi sự độc ác của loài người hơn là một nhà học giả. Người bồi săm biết hết mọi sự dâm đãng của loài người hơn là một nhà giải phẫu học. Và một kẻ đi ở thì cũng biết rõ tính tình của loài người hơn là một nhà văn sĩ tả chân.

Nếu ai muốn chửi tôi về những ý nghĩ nói trên thì tôi xin thưa rằng Jean Jacques Rousseau, trước khi thành ra một nhà đại gia tư tưởng, một bậc đại văn hào, một bậc vĩ nhân, thì đã sống cái đời "cơm thầy cơm cô".

Biết đâu chẳng phải vì thế?

X

TÔI LÀ TÔI

Thưa các ngài, bây giờ thì tôi lại là tôi.

Bỏ cái áo cánh màu hoa đào và cụt tay, bỏ cái quần lĩnh thâm, cái kính đen, đôi mái tóc gài tai, tôi đã dùng đến những quần áo của tôi và nay tôi có thể trò chuyện với các ngài bằng một người... tử tế.

Bây giờ tôi đã có thể đứng về địa vị chủ nhà xét bọn cơm thầy cơm cô.

Tôi đã có thể bịa những chuyện mà các ngài có thể tin là thật hoặc tôi nói chuyện thật mà các ngài cứ tưởng là bịa.

Tôi có thể nói chuyện về vú già nhà tôi, một người hay mách tôi, hay đánh tôi lại hay dọa ma, nhưng mà may sao đã chết từ... tám đời kia rồi.

Tôi có thể nói chuyện về một thằng nhỏ mà tôi đã nuôi trong một phút thích khôi hài, và để mỗi khi bạn hữu đến chơi nhà thì lại gọi nó ra hỏi chỉ vì nó có cái tính nói gọn thon lỏn...

– Mày không có anh chị em à?

– Mỗi!

– Mày còn thầy u chú bác hay không?

– Tiệt!

– Trước khi chết sao thầy u mày không lấy vợ cho mày?

– Nào có lấy?

Rồi bạn hữu tôi, anh nào cũng gập đôi người lại mà cười như phim Charlot.

Tôi có thể công kích nó ở chỗ mới ra tỉnh thì ngẩn ngẩn ngơ ngơ mà ở được vài tháng thì ăn cắp như ranh, ăn bớt như quỷ, lại đi thông lưng với người gánh nước vo để bữa nào cũng thổi thừa cơm rồi đổ cơm nguội vào nồi nước gạo.

Tôi có thể đưa cho các ngài đủ những mẫu hạng về giới cơm thầy cơm cô.

Có những đứa đầy tớ bị chủ nhà đánh chết.

Có những con sen được ông chủ quý hơn vợ.

Có những thằng nhỏ bỏ thuốc độc định giết cả nhà chủ nhà.

Có những anh bếp nhổ đờm vào nồi cá kho.

Có những vú già quyền hành như mẹ "cậu mợ".

Có những thằng nhỏ được kỳ lưng cho các tiểu thư.

Có những thằng xe được ngủ giường Hồng Kông với bà chủ.

Có những đứa ở lúc chủ chết khóc như khóc bố mẹ.

Có những đứa liều mạng cứu chủ.

Có những quân đốt nhà của chủ.

Hoặc dắt cướp vào nhà.

Hoặc thư đi thư lại, làm nghề ma cô.

Có những thằng nhỏ hiếp con gái ông phán.

Có những con sen bị ông tham hiếp dâm.

Có nhiều!

Anh Lê Tràng Kiều, sau khi xem nốt tập giấy dầy, đã nhăn mặt lại.

Anh ấy bảo tôi:

– Nếu cứ đi mãi như anh thì sẽ lạc đường.

Tôi hỏi:

– Lạc đường?

Anh ta:

– Phải, đây là một thứ "mặt trái đời" của thời Hoàng Tích Chu.

– ...

– Chỉ khác ở chỗ bằng một hình thể mới. Mà những điều anh tố cáo trong này thì là những sự thực nên kiêng.

– Tuy vậy, chúng ta đã hứa với độc giả là sẽ...

– Lời hứa ấy cũng đã đem thực hành rồi. Đăng tiếp sẽ làm quá lời hứa. Vả lại khi người ta tự nhận là một nhà văn tá chân thì nghĩa là người ta đã hứa nhiều điều lắm. Nhưng mà không cứ chỉ trong một thiên phóng sự mới giữ được lời hứa.

Thế rồi, chúng tôi cứ trù trừ mãi về những đoạn có sự thực mà không biết là có nên kể ra hay không.

May sao, chúng tôi đã gặp ông Nguyễn Công Hoan.

Ông ta nói chuyện về văn chương. Ông ta đã động đến thiên phóng sự "Cơm thầy cơm cô" này.

Ông ta nói đến những quân chủ nhà đểu cáng, những đứa đầy tớ mất dậy.

Trong lúc trò chuyện, tôi nói:

– Kể ra làm một thiên phóng sự về chủ nhà với đầy tớ thì dễ có nhiều tài liệu lắm. Nhất là về chỗ chủ nhà độc ác với đầy tớ.

Tôi chưa nói hết, ông Nguyễn Công Hoan đã cười một cách tinh quái mà nói:

– Mình cứ việc điều tra ngay ở chính mình!

Lúc ấy tôi không biết nói gì nữa với ông Hoan.

Nhưng bây giờ tôi có thể nói với hết thẩy (các ngài nhớ cho là hết thẩy) các độc giả yêu quý của tôi rằng xin các ngài cứ điều tra ngay các ngài.

Nếu tôi còn bỏ quên thì xin các ngài làm lấy phóng sự mà đọc...

Đăng trên *Hanoi báo* từ số 12
(ra ngày 26 - 3 - 1936) đến
số 18 (ra ngày 3 - 6 - 1936); in thành sách
(chung với Lục sì)
Minh Phương xuất bản, Hà Nội, 4 - 1938.

MỘT HUYỆN ĂN TẾT

(Phóng sự)

Câu chuyện tôi tường thuật đây là căn cứ vào những sự tai nghe mắt thấy của tôi trong một cuộc phiếm du, một cuộc điều tra tình cờ một chuyện huyện nọ vào tháng Chạp năm ngoái, nhưng cái đó có hề gì? Nó có thể cứ vẫn là câu chuyện tết năm nay, lại còn có thể sẽ là câu chuyện tết sang năm nữa. Ở cái nước Đại Cồ Việt của chúng ta đây, đến chính những cái đã thay đổi rồi, thí dụ như bao nhiêu điều cải cách canh tân của chính phủ chẳng hạn, mà té ra cũng lại là chẳng thay đổi gì cả, thì hỏi rằng vì lẽ gì những ngón xoay tiền giữa một xã hội đã mang nặng trên lưng cuốn quốc sử của nó những hai nghìn năm cái tính chất gà què ăn quẩn, mà lại còn chưa là một vấn đề bất chấp cả thời gian?

Vậy thì, vào hồi năm cùng tháng tận năm Đinh Sửu, tại Huyện... ấy chết, tôi chẳng nên nói rõ cả ra đây cái tên huyện ấy, dẫu rằng bất cứ ở chỗ nào, sự đời cũng đến vậy cả! Tôi đã được dịp ngắm nghía những cử chỉ, và thu thập những ngôn ngữ để đủ phỏng đoán ra được những hành vi của cả một huyện ăn tết ra làm sao, từ trên xuống dưới... "Ăn Tết" nói đây không phải chỉ có cái nghĩa hẹp hòi của nó, vì nếu chỉ có thế thì biết kể chuyện gì, còn biết tường thuật cái gì? Thịt mỡ, dưa hành, bánh chưng xanh, câu đối đỏ, thủy tiên, pháo, cây nêu, rượu mùi, sự chật vật chạy tiền của người lớn, cái thích được mặc áo đẹp của trẻ con, những trận chửi bới đòi tiền chiều hôm ba mươi, những câu chúc tụng ngày mùng một, ngần ấy cái chỉ có thể làm cho ta hóa điên khi phải viết một bài gì cho một số báo Tết, mặc dầu những cái nhàm ấy lại là cái cốt yếu của Tết. Cho nên không đả động đến những cái ấy nữa, tôi chỉ trình bày những phương tiện mà thiên hạ đã ứng dụng để đi tới cái mục đích được hưởng những cái nhàm ấy mà thôi.

Nếu đứng giữa, ta nhìn được khắp xung quanh, đó là một câu phương ngôn của cổ nhân Âu Tây. Tôi xin nói ngay rằng không phải tôi đã đứng giữa huyện đường mà biết được một huyện ăn tết. Ấy chỉ là vì tôi đã năng được nằm bên khay đèn của một ông Lục sự già. Ông Lục sự già ấy, ấy đó, cái gì ở giữa quan và dân là đây, và cái khay đèn thuốc phiện, ấy đấy, cũng là trung tâm điểm của nhà ông

Lục sự. Được nằm ở đấy, và chỉ ở một chỗ ấy thôi, ta có thể "nhìn khắp xung quanh" một huyện được rồi.

Kể từ ngày hai mươi trở đi, cái Tết vui vẻ và quý hóa đã báo trước được sự tái ngộ của nó, người nào người nấy đều đã có những bộ mặt đi đưa đám ma, tuy rằng năm cũ nó không bắt ta mua áo quan để đem chôn nó đi! Cả một huyện đều nhăn nhó gãi đầu gãi tai, và dễ thường chỉ có độc một quan là giữ được cái vẻ đường bệ và thư nhàn bình nhật. Chỗ này chỗ kia, trong các chỗ hội họp, hoặc ở đầu ghế hàng cơm, hoặc xung quanh đèn dầu lạc, hoặc tại cửa huyện, ở đâu đâu ta cũng thấy cái câu thúc giục bất hủ: "Chết, năm hết Tết đến rồi còn gì!".

Nhất là bọn lính cơ...

Ông Lục sự già đã gần bỏ cả hai buổi làm việc quan rồi, vậy mà những lúc đã tan hầu, họ cũng vẫn phải chạy đến tìm ông "sôi lên sùng sục" đến nỗi ông đi một việc tối cần cũng không được yên.

– Bẩm cụ, năm hết tết đến, cụ thương cho chúng cháu nhờ...

Ông Lục sự già của tôi phải gắt:

– Thì cũng phải chờ lệnh quan có báo mới được chứ? Ai lại một ngày sục sạo tam tứ phen, như đi bắt nợ, thế là cái quái gì?

Người Cai cơ gãi đầu gãi tai – cái đó cố nhiên vì cử chỉ ấy là một thứ cổ truyền của dân Việt Nam bảo thủ của chúng ta – cười cái cười cầu lợi và khẽ thưa lên:

– Lạy cụ, cụ tha tội cho, hôm nay hai mươi rồi, mà anh em chúng cháu phải đi tuần hơn trăm xã... Vẫn biết sự gì cũng phải ở quan cả, nhưng mà nhỡ quan bận, thì cụ làm ơn nhắc nhở cho, kẻo quan quên...

Ông Lục sự chưa đáp thì đã thấy một người lính cơ bưng vào một cái khay, trên có mấy chục quả cam và hai cân đường.

– Bẩm, anh em chúng con... của ít lòng nhiều, gọi là có chút lễ mọn, cụ vui lòng nhận cho.

Ông Lục sự đương cau mặt nghĩ ngợi cũng phải pha trò:

– Gớm chưa kìa! Thế thì làm thiên hạ sốt ruột lắm đấy nhé! Mới hai mươi tháng Chạp, sao đã vội vàng thế...

Tôi vô ý hỏi người Cai cơ:

– Các ông sắp phải đi tuần à?

Tôi được người ấy trù trừ rồi đáp gọn:

– Dạ... vâng.

Sau khi kéo mồi thuốc lào, ông Lục sự nói:

– Thôi được, việc của các bác thì thế nào cũng chỉ nay mai thôi... Để tôi trình quan, rồi quan bảo thảo nốt, thì là các bác đi... Còn cái chỗ ấy thì xin đem về. Chỗ tôi với các bác, làm gì mà phải vẽ vời phiền phức thế? Thôi, đem về để chỗ nào cần hơn thì đem tới chỗ ấy. Tôi tình thật đấy chứ không phải chê ít đâu. Từ năm ngoái tôi đã giao hẹn đã nói không nhận thì bằng trăm thế tôi cũng không nhận.

Cả người Cai và người lính cũng thưa:

– Bẩm lạy cụ, xin cụ chứng giám cho, không thì các anh em phiền lòng lắm.

Ông Lục sự phải to tiếng:

– Ấy tôi đã bảo là tôi không nhận đâu đấy!

Người lính vái rạp rồi ra thẳng, người Cai cũng bắt chước thế và ra theo; cả hai cùng chạy trốn. Ông Lục sự gọi giật lại:

– Này bác Cai! Bác Cai!

Cố nhiên người Cai lại phải quay vào. Ông Lục sự thở dài mà rằng:

– Tôi đã bảo thế mà! Phiền phức vô ích, tốn kém cho các ông ra mà thôi. Tôi muốn phá cái lệ ấy đi, nên từ năm ngoái tôi đã nhất định không dám nhận. Sao bây giờ lại còn bày vẽ thế? Này, tôi bảo thật, nếu các ông không nghe thì tôi sẽ tìm cách trì hoãn công việc của các ông lại cho mà xem, chứ chẳng phải nói đùa đâu!

Bây giờ thấy người Cai cơ cười một cái cười hể hả thật sự, lại gãi đầu gãi tai:

– Bẩm cụ, cụ không nhận thì chúng con đành... ép lòng thu về.

– Thế thì tốt! Có thế mới là tri kỷ.

– Bẩm lạy cụ.

– Không dám! Tôi xin đa tạ các ông và xin cứ yên tâm.

Sau khi người Cai cơ bưng khay cam đi, ông Lục nằm xuống bên ngọn đèn phù dung, thở dài một cái như vừa cất được xuống đất một gánh nặng vẫn đè trên vai. Cái sung sướng ấy là thành thực lắm. Tôi rất ngạc nhiên về sự từ chối ấy. Cũng như tôi lấy làm lạ rằng *Đi tuần* là một phận sự khó nhọc vậy mà người ta lại ham mê bổn phận đến bậc phải đút lót để gánh vác lấy sự vất vả vào thân xác cho chóng.

Và ông Lục sự già, trong khi tiêm thuốc, đã phải cắt nghĩa cho tôi:

– Nếu nhận của họ bốn chục cam, hai cân đường ta, thì lại phải chạy cái bữa rượu tất niên cho họ, ít nhất là một con gà, hai cái chân giò, không thì cả một con chó. Chi bằng cứ chối phăng đi là hơn. Trò

đời có đi có lại mới toại lòng nhau, vậy ai dại gì mà nhận cái lễ vật chưa đáng đồng bạc để phải mất bữa rượu hai đồng bạc? Mà lại khổ vợ con, đầy tớ mình hầu các bố ấy nữa chứ?

– Như vậy thì chí lý lắm, còn gì! Nhưng mà, cụ nhỉ, sao họ lại sốt sắng nghĩa vụ đến bậc chạy lễ để được làm việc bổn phận cho sớm như thế? Cái chỗ ấy thì thật văn minh hơn Tây.

Ông Lục sự thoạt đầu đáp bằng cái tặc lưỡi và cái cười nhạt đã. Tuy rằng nếu cần thì ông cũng "biết đục khoét thành thánh" thật đấy. Nhưng ông rất công bình, đối với cả ông. Ấy ở đời, vẫn có vô số hạng người như thế: biết việc mình làm là bậy nhưng cứ làm, cứ làm mà vẫn cứ có gan nói ra cho ai nấy đều biết chứ không thèm che đậy gì cả. Vả lại, vốn đã có cái thành kiến rằng đã làm việc cho quan mà không ăn hối lộ thì không xong, cho nên ông mới có can đảm để tự do cho ai nấy phê bình việc làm của cả cái giới trong đó có ông. Cái chỗ hơn đời của ông có lẽ là ở đây. "Ta xấu, nhưng nhiều kẻ khác cũng như ta, vậy thì ai cũng xấu hoặc là chẳng ai xấu cả!". Đó là câu ông hay nói với tôi. Ta nên buồn rằng nạn hối lộ nó là một cái tai họa chung cho cả xã hội ta, vậy mà lại có những nguyên cớ mạnh mẽ bênh vực nó, làm cho nó trở nên một sự không có không được, đến bực chính kẻ ăn tiền cũng không thấy mình là xấu nữa. Ta chẳng từng thấy những ông quan hối lộ nức danh công kích nạn những lạm, nạn đút lót, mà lại một cách rất thành thực nữa. Đó là gì? Ở đây, sự mâu thuẫn quái gở ấy thành ra là sự tự nhiên mà thôi. Và ông Lục sự già đã cắt nghĩa:

– Tay nhà báo mà còn phải hỏi như bác, thế thì chậm hiểu lắm. Năm hết Tết đến, tháng củ mật là tháng rất nguy hiểm cho sự an cư lạc nghiệp của lương dân, chỗ nào cũng có thể xảy ra được trộm cướp lung tung, nếu công việc canh phòng của bọn tuần tráng các làng sơ xuất, cẩu thả... Vậy thì, nhà cầm quyền siêng năng ắt phải lo cho dân điều ấy hơn bọn tổng lý chứ? Vậy thì phải cho lính cơ đi thanh tra một lượt tất cả các làng để xem xét những cái điếm có ra hồn cái điếm không, những cái trống có thủng không, những cái tù và có kêu không, những cái dáo mác, côn, gậy, dao, mộc có ra hồn những cái dáo mác, côn gậy không, có đủ đối địch với trộm cướp không chứ?

Tôi sốt sắng nói ngay:

– Như vậy thì là có ích và cần dùng lắm.

Ông Lục sự bật cười:

– Nào ai bảo không? Nếu không viện được những chứng cớ ấy, thì quan làm thế nào mà ký giấy cho lính đi làm tiền tiêu cái Tết được?

– Thế rồi sao nữa?

– Thế rồi lính tráng vác súng ra đi, giấy má đúng mười một luật hẳn hoi.

Họ sẽ vào các làng, tìm viên lý trưởng hạch bữa rượu rồi đến đóng đô tại nhà viên phó lý – viên này phải chịu trách nhiệm sự canh phòng – hạch bữa thuốc phiện... Làng nào trù phú thì năm đồng, làng nào xơ xác thì ba đồng, phó lý cứ việc trích tiền công quỹ ra đưa lên, rồi liệu bịa đặt mà khai láo vào sổ chi tiêu. Không có số tiền ấy, tức thì cái điếm sẽ chẳng ra hồn cái điếm, cái trống sẽ chẳng ra hồn cái trống, cái mác sẽ chẳng ra hồn cái mác, lính cơ cứ việc lập biên bản trình huyện, rồi thì lý trưởng bị giấy khiển trách, bị dọa cách, hoặc là nếu bướng mà chống cự lại, thì ấy mới to chuyện!... Có khi cả hương lý lẫn tuần tráng bị trói giải lên huyện về tội hành hung người nhà nước khi thừa hành chức vụ nữa.

– Nếu người giữ đúng luật, mà bọn lính cơ không thể bới lông tìm vết được?

– Chẳng khi nào! Lưỡi không xương, nó xoay thế nào mà chẳng được. Cái dáo mà tuần giơ ra, dầu có nhọn có sắc, nhưng lính cơ cứ kêu đại khái: "Dáo để thế này thì đánh chó à?" thì lấy gì làm bằng? Ai ra đấy mà cãi nổi? Trò đời nó thế, lý thuyết nói trong giấy và luật lệ thì hay, nhưng thực hành thì bao giờ cũng dở. Ừ, thế đấy thì đã làm gì nhau?

– Thế quan huyện ắt phải biết cái tệ nhũng lạm ấy, vậy sao còn cho phép?

– Khốn nạn, đối với lính cơ, quanh năm chỉ có ngày Tết là có được một dịp kiếm chác to thôi, thì phải cho họ thế để họ may cho vợ con họ cái áo mới, và mua bánh pháo đốt chơi cho vui chứ?

– Thế thì quan công sứ chẳng hạn có thể rõ được bộ mặt trái của một việc như thế để mà cấm không?

– Một việc phi pháp như thế, người Tây phải cho là chí hợp pháp. Chết nỗi, lính đi khám xét cách tổ chức trị an và khí giới của các làng, quan sứ nào mà lại dám cấm? Phần nhiều thì quan trên không biết, mà giá có biết chắc cũng nhắm mắt làm ngơ mà đi thôi, nếu cấm, ở đâu có cướp, xảy ra tuần tráng hoặc hương lý chết, khí giới tỏ ra tồi, thì ai cấm, ắt là người ấy ít nhất cũng phải gián tiếp chịu trách nhiệm.

– Được rồi, thế mỗi lần đi "thanh tra" như thế, lính họ phát tài độ bao nhiêu?

– Cái đó tùy... Huyện to có khi dăm sáu trăm, huyện nhỏ cũng phải một vài trăm.

Tôi lè lưỡi toan phát biểu một vài ý kiến, nhưng ông Lục sự vội cắt nghĩa kỹ:

– Nhưng nào họ có được chia tay nhau cả số tiền ấy! Họ phải trích ra một nửa để đem lên tỉnh nộp ông quản cơ. Thường ra, số tiền ấy là đã thành lệ, như một điều trong sổ dự toán. Ông quản cơ tỉnh sẽ nhân danh cả giới lính cơ dùng cái số tiền kia mua lễ vật biếu các quan trên, cụ Bố, cụ Thượng, ông Đồn. Sự thăng chức nhanh hay chậm của cá nhân hoặc cả đoàn thể ảnh hưởng ở cái lễ to hay nhỏ. Cụ Bố, cụ Thượng có thể cho nốt xấu hay tốt, vì lính cơ nguyên xưa là của Nam triều. Ông Đồn khố xanh tuy là của chính phủ Bảo Hộ kia, nhưng ông này, đối với cái đoàn thể lính cơ cũng có quyền thanh tra, kiểm tra và hạch xách, y như lính cơ đối với tuần tráng các xã.

Nghe thế thôi, tôi đủ hiểu cả rồi, thì ra cách tổ chức xã hội kim thời, thật vậy, kể đã là chu đáo đến tột bậc. Xã hội thì như một bộ máy tinh tế, mà cá nhân là những bánh xe, nếu một cái quay, thì bao nhiêu những cái khác cũng phải quay theo, nếu một cái hỏng thì toàn bộ cũng phải ngừng lại. Chẳng một ai lại có thể đứng ngoài công lệ: cá lớn nuốt cá bé, vì cái phận sự nộp của đút, hoạt động từ dưới lên trên, có thế thôi.

Đến buổi chiều hôm hai mươi ba, giữa lúc chỗ này, chỗ kia, người ta lác đác bắt đầu giồng cây nêu, giữa lúc trong cơn gào thét của gió đông ở những bụi tre xao xác có lẫn những tiếng lung tung của những chùm khánh và cá bằng đất nung, toán lính cơ ra đứng xếp hàng oai nghiêm trước huyện, theo câu hô oai vệ "ăng na văng mác!" [1] của bác Cai cơ, gươm sáng uy nghi, trịnh trọng lên đường.

Tôi đã trông thấy bảy người quần áo vải vàng ấy thoạt đầu đi rất đúng hàng ngũ, và khi xa huyện lắm mới dám bước những bước tự do, hỗn loạn của thường dân.

Ai dám ngờ rằng ấy là họ đi ăn cướp có giấy phép.

*

* *

Kể từ ngày ông Táo cưỡi cá lên chầu trời, chốn công môn cũng bắt đầu thấy bớt rộn rịp... Cụ Thừa, cụ Lục, cụ Đồ, những thầy Nho,

---

1. Đằng trước, tiến! (tiếng Pháp).

có đến phòng giấy cũng chỉ là để làm những việc cần kíp đã trót để chậm trễ quá mà thôi. Những lính lệ cũng khảng tảng kéo nhau ra chuyện vãn ở đầu ghế hàng nước, và còn giải trí bằng đánh đố quít nữa. Hình như vào lúc năm cùng tháng tận, sự khấu thiệt, óc ngôi thứ, óc xôi thịt, cái tính bướng bỉnh cổ truyền của dân quê, bao nhiêu cái nó làm hoạt động nha môn như thế, thì nay đã biết tháo lui đi, để nhường chỗ cho cái lòng lo sự thành kính tổ tiên. Cái đó cũng dễ hiểu lắm, có vô phúc mới đáo tụng đình, vậy mà lại đáo tụng đình vào giữa lúc từ quan đến cụ Lục cho đến bác lính lệ, ai cũng là đương cần tiền một cách ghê gớm cả, thì có họa người ta đã hóa điên lên mới dám liều như thế. Ai cũng sẽ đẩy cổ ông ra ngoài, nếu ông đến tay không. Người ta sẽ cau mặt, gắt mắng ông om lên, kêu rằng năm hết tết đến còn sinh sự lôi thôi, phiền nhiễu mọi người, thôi thì cút về đi, có muốn gây chuyện hãy đến sang năm mới đã. Phải, nha lại chán ông một cách thành thực, nếu không có xơ múi gì. Và, có lẽ trong cả một năm, chỉ có vào những ngày cuối cùng ấy là quan nha mới làm được cái gì quả thực là có ích cho sự an lạc của xã hội dân quê, vì họ không bới lông tìm vết, không đòn sóc hai đầu, đành hòa giải những sự xung đột, vì ai nấy đều muốn ăn cái tết cho yên ổn, vì cái tết làm cho kẻ ác cũng trở nên nhân đức trong chốc lát.

Và, bởi vì những cớ như trên đã nói, những thầy nho già và trẻ, đều đã gấp quần áo cũ, xếp những đồ dùng lặt vặt vào va ly, để sửa soạn ra về. Đáng lẽ vào hầu quan mỗi ngày hai buổi, họ đi ngao du các nhà thân thuộc tại huyện lỵ, trả một món nợ, đòi một món, hay khất một món khác. Họ nghỉ việc ăn Tết sớm nhất.

Các ngài có biết rõ những thầy nho? Đó là những người hoặc thông Hán tự, hoặc Pháp tự, có khi biết đánh máy chữ nữa, mỗi ngày đến huyện làm việc hai buổi, rất đúng giờ, rất thạo việc, rất chạy việc nữa, y như những viên chức Nhà nước cẩn thận, và chỉ khác các viên chức là làm việc không lương thôi!

Huyện nào, phủ nào cũng có tám người, mười người như thế. Họ phải làm những việc mà quan, cụ Thừa, cụ Lục giao xuống cho họ, ngoài những việc thảo đơn từ, giấy má cho những tổng lý, khi hữu sự vào cửa công. Mỗi huyện ít nhất cũng mười người!

Thì các ngài phải tưởng tượng ra cái số tiền mà họ phải kiếm chác được, để trả tiền cơm trọ, tiền quần áo, diêm thuốc, xa phí và tiền gửi về sinh quán cho bố mẹ, vợ con... Thì các ngài đủ ước lượng

nổi cái số những công việc bề bộn nó từ tứ phương dẫn đến huyện lỵ, nếu ta đánh giá rằng một việc thường thì người tổng lý dốt nát phải thuê một thầy nho ba hào, mà một việc hệ trọng thì năm hào. Chính phủ Pháp thừa biết rõ cái đoàn thể ấy, nhưng phải nhắm mắt làm ngơ, vì thiếu họ, công việc giấy má hồ sơ của quan không thể nào chạy được. Và nếu phải thuê người, Nhà nước sẽ không lấy tiền đâu mà thuê được. Vậy thì tụi dân ngu phải nuôi sống các ông ấy, và thật vô phúc cho kẻ nào hữu sự phải dính dáng tới nha lại, nếu luật pháp không thông, chữ nghĩa không thông... Mà kể đến dân, thì từ tổng lý cho đến bạch đinh, phần nhiều thì cái gì cũng bất thông cả.

Tôi được biết thầy nho Kh... ở đây, một thầy nho kiêm cả chức thi sĩ nữa. May sao, nhà thi sĩ là của xã hội cổ thời, chỉ còn thầy nho là của xã hội kim thời. Hình như thầy là con một ông phó tổng giàu có lắm, ở tỉnh khác (nếu sinh quán ở đấy thì không bóp nặn được dễ dãi) đã đỗ bằng Sơ học Pháp Việt, và trước khi học chữ Pháp, cũng đã võ vẽ chữ Nho. Có lẽ thầy làm cái nghề này theo ý bố, muốn cho con cũng giỏi việc quan trước đi, để sau này cũng tranh cử chánh phó tổng chi đó.

Đối với tôi, thầy tỏ vẻ hơi hổ thẹn về cái nghề của thầy. Cái đó cũng dễ hiểu vì thầy nho Kh... đã đọc cả truyện Miếng da lừa thì hẳn chẳng phải là một người chỉ biết có sự đục khoét mà thôi. Thấy tôi tuyên ngôn là rất ác cảm với phái thơ mới, thầy Kh... yêu tôi ngay, và đã đọc luôn cho tôi nghe đến năm bài thơ Đường luật chửi bới cái công danh, phú quý mà thầy cầu mãi không được nên thầy chán ghét. Sau cuộc ngâm thơ, thầy mới chịu để lộ ra trước mặt tôi những ngón xoay tiền. Nhưng ta phải chịu khó nghe thầy kể lể với ông Lục sự già dưới đây:

– Tết nhất rõ chán phèo! Mọi năm còn thấy cái thú ngâm vịnh, sáng mùng một Tết ít nhất cũng phải minh niên khai bút lấy một bài cổ thể thất ngôn, nhưng bây giờ thì nản lắm, khó lòng mà nảy ra được một chữ. Thế mới biết mỗi tuổi mỗi khác thật, cái đời người cứ đoản bớt đi, mà những gánh nặng cứ nặng thêm...

Ngạc nhiên, ông Lục sự già hỏi:

– Sao bỗng dưng chán đời thế? Tôi tưởng như thầy thì phải vui vẻ nhất, vì ai cũng bảo là thầy phát tài nhất cơ mà!

– Anh em họ cứ nói thế, chứ...

– Gặp lão Chánh Cờ chưa?

– Thấy nói hôm nay lão cũng lên Tết quan, chờ mãi... Cả Bá Hồ nữa, nhưng có lẽ với anh này thì mình phải đến nhà nó mới xong.

– Phải, hai chỗ ấy thôi cũng đủ có chục bạc tiêu tết rồi còn gì. Ân tình lắm đấy chứ?

– Nhịa.

– Thế đã có gì vào quan chưa?

– Dạ? Bẩm anh em cũng bàn nhau, năm nay thì một bức thêu. Như thế còn kỷ niệm mãi, nhỏ mà hóa ra to, chứ cứ *chè đen* đưa lên, thì to cũng hóa nhỏ, mà chẳng để lại được dấu tích gì cả. Bẩm, cụ dạy thế nào? Ấy cụ Đồ còn giữ tiền, vì thu chưa đủ.

– Thế nào cũng được cả. Chính quan thì thích vật gì kỷ niệm cơ đấy... Nhưng còn cụ Cố, thì cụ Cố không thích bày vẽ lôi thôi.

Sau đấy một lát, bỗng thầy nho Kh... khẽ hỏi:

– Bẩm cụ, thế còn chỗ kia, cụ thư thả cho đến sang Giêng liệu có được không?

Mặt cụ Lục của tôi hình như tự nhiên buồn thỉu ngay lại. Cụ hút thuốc lào, và hãm bằng một hớp chè mạn ướp hoa ngâu... nghĩ ngợi mãi, cụ mới đáp:

– Tưởng nếu có thể thì chạy cho đi, không cả thì nửa vậy, chứ không thì Tết này tôi bấn quá.

Cái điều đáng chú ý là những câu đối đáp của cả hai người, tôi cũng không đoán nổi là cụ Lục đòi nợ hay hỏi vay thầy nho Kh. Bị đòi nợ hay là bị hỏi vay, có lẽ thầy nho cũng sợ hãi đến vậy cả. Tức thì thầy đương nằm bỗng vùng ngay dậy, hớt hải nói:

– Bẩm xin phép cụ, con đi kiếm ngay lão Chánh Cờ. Phải lùng nó mới được, kẻo đợi mãi, trễ hết mọi việc.

– Phải đấy, cả lão Bá Hồ nữa, Những việc như thế, mỗi đứa chúng nó không đãi nổi thầy chục bạc thì chúng là đồ vô ơn, mà thầy thì sẽ là hạng cắn hột cơm không vỡ. Phải liệu ra oai thế nào, kẻo họ khinh cho. Bạc là dân, bất nhân là lính, thầy đừng có quên câu ấy, mà dân ngu là hay thói được đằng chân lân đằng đầu lắm đó.

– Nhịa.

Khi thầy nho Kh... đi rồi, cụ Lục mới bảo cho tôi biết rằng bắt đầu từ chiều hôm nay, mười thầy nho của huyện đều đã khăn áo chỉnh tề để sửa soạn cuộc "chu du thiên hạ" cho nên nhiều người muốn đi lên tỉnh không có xe mà đi. Mỗi thầy ít ra cũng có dăm bảy ông bạn tốt trong đám vài trăm tổng lý rải rác các xã. Những người kia mỗi khi lên hầu quan, đều phải nhờ vả đến cái học lực của một trong mười thầy, thì bây giờ, sau

một năm tròn đụng chạm nhau, các thầy này cũng biết cái "nhã nhặn" kiếm ít nhiều buồng cau đến chơi nhà những ông kia.

– Ấy kìa, chào cụ Bá! Thôi thì năm hết Tết đến rồi, cả năm bận rộn không lúc nào rảnh việc quan, bây giờ mới có thể đến hầu cụ được, cụ cũng thứ lỗi cho... Sớm mai thì tôi cũng phải về cố quán ăn Tết cho sớm sủa vì quê nhà xa lắm.

Những lời tử tế, ngon ngọt ấy thật chẳng khác những tiếng sét đánh ngang tai cụ Bá. Trong khi tự nghĩ: "Bỏ mẹ. Nó đã đến tống tiền mình rồi" thì cụ Bá vẫn cứ phải nặn ra vẻ mặt sung sướng để mà xoa bàn tay niềm nở đáp:

– Nhịa, lạy ông, rõ quý hóa quá, xin đa tạ ông, rước ông vào chơi! Ô hay, chúng bay đâu cả mà không đuổi con Bông vào cũi đi thế? Rước ông lên đây, ta kéo vài điếu chơi...

Thế rồi thì cụ Bá sẽ đánh giá những công việc mà thầy nho đã giúp cụ trong năm đáng là bao nhiêu, và liệu xem sau này có phải cần đến thầy nữa hay không, để mà liệu đưa ra số ngân. Thầy nho cũng tùy cái lòng thảo của chủ nhà mà tỏ rõ cái thái độ hài lòng hay đe dọa của mình, bằng những cách hoặc ở lại chén bữa rượu nữa hay chỉ đánh vài điếu thuốc phiện thôi là vác ô đi tức khắc.

Cho đến buổi chiều hôm sau, tôi lại thấy Kh... quay về huyện rồi. Trước mặt tôi, thầy vui vẻ để vào khay đèn của cụ Lục mười cái giấy bạc nhỏ. Cụ Lục cảm ơn qua loa, rồi hỏi hôm nào thầy trở về đô quán thì thầy Kh... đáp:

– Bẩm, con còn ở đây đến hăm sáu. Còn thằng phó tổng Hưởng, và lão cửu Trác nữa, xa quá, không muốn đi, chờ cho chúng đến đây.

Cụ Lục của tôi ngơ ngác nói ngay:

– Ô hay! Không biết đứa nào nói với tôi rằng sáng sớm hôm nay, thằng phó tổng Hưởng đã vào lễ tết quan rồi mà?

Thì thầy nho Kh... cũng xám mặt lại vì giận:

– Hay nó về mất rồi! Sao nó không chờ con? Mẹ kiếp được rồi, sang năm thì rồi mày xem ông! Ông ăn cơm mới rồi mới nói chuyện cũ!

*

* *

Tại huyện lỵ, cuộc đời buồn tẻ hàng ngày bỗng thấy hoạt động tấp nập một cách đặc biệt. Tối hôm 25, ông chủ ty rượu, ngoài những "rượu mùi" bán Tết không kể, phải đi lĩnh thêm 120 chai *phôngten*. Thuốc phiện, ông bán được thêm tám hộp nhỏ trong một tối. Bác chủ hàng cơm cũng giết tới ba con chó trong một ngày... Ngoài số những tổng lý đến huyện lễ tết quan, người ta còn ước lượng một số rất đông đàn bà, già, trẻ, nạ giòng. Đó là thân nhân của lính cơ, lính lệ, đến huyện tìm chồng để hỏi tiền tết. Và, để làm vui cho những cuộc đánh đố quít ở hàng nước, tự nhiên thấy có hai đám hát xẩm không biết thình lình ở đâu mọc ra.

Cả một phố đã được biết cái gì là cái vui vẻ, tuy rằng cũng bắt đầu thấy có mấy đám chửi nhau vì công nợ.

Và rồi, sáng hôm sau nữa, tôi thấy cụ Lục của tôi gọi bác Cai lệ vào đến chỗ khay đèn, giao cho một mảnh giấy công văn, làm cho người Cai lệ sướng rú lên. Thì ra đó cũng lại là một cái *nốt* thứ hai, để cho phép một cuộc "tuần tiễu" thứ hai, nhưng mà lần này thì bọn người thanh tra chẳng phải là lính cơ, nhưng mà là lính lệ!

Than ôi! Có thể như thế được không? Tôi dụi mắt bàng hoàng cả người. Chính tôi cũng không còn dám tin tôi. May sao, bác Cai lệ, sướng quá hóa hỗn, dám ngồi ghé ngay vào sập để tự thưởng cho mình một mồi thuốc lào, tuy chẳng được cụ Lục cho ngồi. Tôi bèn giật lấy ở tay bác ta mảnh giấy trắng có cái thế lực vạn năng... Thì quả nhiên có chữ ký của quan, có ấn của triều đình hẳn hoi và có cả chữ của cụ Lục người thảo ra giấy ấy nữa. Trong giấy không nói hùng, không dùng những danh từ kêu to, nhưng cũng đại ý quy về trị an giữa tháng củ mật, lính lệ phải đi dò la các điếm vì bọn tuần tráng có thể sơ phòng, ngủ hoặc bỏ điếm để đi lo việc riêng. Lính cơ thì khám cả sự tổ chức trị an, còn lính lệ chỉ khám có các điếm!

Kết quả rất hữu ích cho xã hội của sự thanh tra ấy, chỉ hai hôm sau là tôi được mục kích. Lúc ấy vào năm giờ chiều, nhưng trời mùa đông, gà đã lên chuồng từ lâu. Người ta tưởng chừng đã tối lắm, vì trời rét có thể gọi là như cắt ruột được. Và ai cũng cảm thấy một sự gì rất hệ trọng sẽ xảy ra, thí dụ như ngồi trong rạp hát gặp lúc chuông đã báo mở màn, thí dụ đi xem đón vua mà nghe thấy nhà binh đã hô câu "Présentez armes" [1] vì cái Tết đã đến với ta gần lắm; nó đã đứng ngoài ngõ kia...

---

1. Bồng súng, chào.

Thế mà thình lình ta còn phải trông thấy một cảnh thương tâm! Hai người bị trói vào làm một, bị bọn lính lệ giải vào huyện cho lính cơ tạm giam vào lô cốt. Trong bọn lính lệ, có hai anh khiêng một cái trống, và bên cạnh trống thấy có treo tay thước, tù và. Trong hai người bị trói, thì một người quần chùng áo dài, còn một người áo tây vải vàng đã rách; cả hai rét quá, vừa đi vừa co ro hai vai, và suýt soa như bị đòn đau...

Tôi hoảng hồn, về báo tin cho cụ Lục...

– Ôi chà! Lại bướng bỉnh, không chịu cho chúng nó tiền, hay cãi vã chửi bới lại chúng đấy chứ gì!

Tôi hỏi:

– Thế còn cái trống?

Cụ Lục đáp:

– Cái trống! Thì lại ngủ quên, để nó ăn trộm mà không biết, chứ sao! Rõ cái dân ngu nó khổ sở thật.

Quan vừa ngự xe hơi lên tỉnh, cai lệ phải vào trình cụ Lục. Cụ này rất lấy thế làm phiền, vì cụ muốn nằm yên. Bọn lính lệ, có anh còn sặc sụa hơi men cũng gân cổ lên nói:

– Bẩm lạy cụ, chúng nó lại dám chửi lại cả chúng con, thật không còn thể thống gì nữa, không bắt thì cũng tội... Chúng say rượu cả, sấp hành hung...

Đến bây giờ, tôi mới vỡ lẽ mọi sự: hai người bị trói giải huyện là trương tuần và phó lý một làng, can tội hành hung với nhà chức sự giữa lúc thừa hành pháp luật, còn cái trống thì lại là của làng khác, vì tuần tráng không biết ngủ mê đến thế nào, mà lính lệ về làng khám điếm, ăn trộm mất cả trống lẫn tù và cùng tay thước mà vẫn ngủ!

Cụ Lục mắng bọn lệ:

– Các anh ngu lắm! Người ta đương say rượu thì nói với người ta làm gì, để đến nỗi cãi nhau, rồi bắt bớ nhau! Thì cứ sang nhà thằng lý trưởng mà nằm, chờ chúng nó tỉnh rượu xem nó có phải lạy mình như tế sao không, bóp bao nhiêu mà không phải lòi ra? Năm hết Tết đến còn sinh sự lôi thôi, rõ làm việc quan quá nửa đời người rồi mà còn dốt đến thế!

Cai lệ gãi đầu thưa:

– Lạy cụ, bắt chúng nó cũng là bần cùng... lúc ấy chúng hăng lắm, nếu không hét trói ngay, chúng đánh cả lính.

– Thôi được, biết vậy. Cứ để chúng đây, mà cũng đừng có hành hạ người ta làm gì. Đêm nay thì cho chúng nó manh chiếu, kẻo tội

nghiệp, rét mướt thế này... Mai thì thế nào thân nhân nhà người ta cũng lên trang trải, thì phạt vi cảnh qua loa rồi cũng tha.

Trước khi tháo lui, bọn lệ đồng thanh nói:

– Bẩm lạy cụ, chúng nó hỗn láo quá lắm, chứ nào phải anh em con ác tâm, mà muốn chúng không được ăn Tết!

Bọn kia đi khỏi, cụ Lục phân bua với tôi:

– Đấy ông xem, có khiếp không? Mặt thằng nào cũng còn đỏ như vang, mà còn cứ há mãi mồm ra buộc tội kẻ khác say rượu. Thế này là hai anh kia không chạy nổi mỗi đứa chục bạc thì là nguội ăn Tết đấy! Lại còn bọn tuần mất trộm trống nữa! Thì cũng phải biện ít nhất là ngũ nguyên... Không kháng cự người Nhà nước nhưng tuần phòng mà ngủ đến nỗi mất cả trống lẫn tù và thì cũng đủ bỏ mẹ!

Sáng hôm sau, vì từ giã cụ Lục ngay, tôi không biết rõ số phận của hai bác bị bắt giải huyện kia, với số phận cái trống đã thủng như thế nào!

*

* *

Pháo đã nổ ran khắp tứ bề; lòng ta man mác những cảm tưởng cùng những cảm giác mà không văn tài nào lại tả cho rõ được. Tất niên đã đem tới hy vọng không cùng và luôn thay đổi của ta biết bao nhiêu là hứa hẹn trong hương trầm, trên xác pháo, ở mưa phùn, trong gió xuân... Xưa nay tôi vẫn hoan nghênh cái tết. Từ lúc giao thừa, tôi đã biết ngồi trịnh trọng trước bàn thờ ông vải để trầm tư mặc tưởng, để thỉnh thoảng đứng dậy bỏ vào đỉnh thêm vài cánh trầm, hay sửa lại cây hương cho nó đứng thật thẳng trong bát nhang.

Nhưng từ khi được biết rõ cái cảnh tượng một huyện ăn Tết ra sao, lòng tôi đã bị ám ảnh bởi một nỗi buồn, buồn cho cái xã hội gà què ăn quẩn cối xay, và ước rằng người ta, bất cứ ai, lúc đứng trước bàn thờ tổ tiên vào lúc tiếng pháo giục lễ tống cựu nghênh tân, cũng nên thực thà mà khấn với tổ tiên, đại để:

– Ấy đấy, các cụ đã thấy chưa? Con cháu có đủ làm rạng rỡ tổ tiên chưa, vì trong năm vừa qua, con cháu đã cướp bóc được như thế.

Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* các số
246 (ra ngày 18 - 2 - 1939)
và 247 (ra ngày 25 - 2 - 1939)

GIÔNG TỐ
(Tiểu thuyết)

I

Mặt trăng rất to và rất tròn, chiếu vằng vặc... cánh đồng lúa chín như một tấm thảm vàng. Con đường quan lộ rải nhựa, như một con rắn bóng nhễ nhại, nằm uốn khúc trên tấm thảm ấy. Những làng mạc xa xa, hiện ra những nét vẽ thẳng đen sì.

Đó là vào tháng mười, năm 1932.

Giữa lúc đêm khuya tịch mịch ấy, trên con đường quan lộ, mà thỉnh thoảng mới có một vài cây xoan không lá khẳng khiu và tiều tụy như thứ cây trong những bức họa về "cảnh chết", một chiếc xe hòm phăng phăng chạy hết tốc lực, thân xe chỉ là một cái chấm đen bóng, còn hai ngọn đèn sáng quắc chiếu dài hàng nửa cây số thì như hai cái tên vun vút bay dưới ánh trăng...

Xe đương phăng phăng chạy thì đến gần một chỗ ngoặt mà bên đường có một lớp quán gạch và một cây đa cổ thụ, bỗng dần dần chậm lại, rồi đứng hẳn.

Khi xe đã đứng dừng lại lâu rồi, người ta còn thấy sự cố sức của người tài xế mở máy sình sịch mấy lần nữa mà xe vẫn không nhúc nhích được một ly. Rồi thì từ xe bước xuống, hai người tài xế hấp tấp ra mũi xe, lật miếng sắt che máy ra, loay hoay kiểm điểm bộ máy. Trong khi hai người chưa tìm được cỗ xe chết vì lẽ gì, thì từ trong hòm kính thấy đưa ra một câu hỏi gắt rất ngắn, nhưng cũng đủ làm cho cả hai run lập cập.

– Thế nào?

Vài phút im lặng, rồi người tài xế chính ấp úng đáp:

– Bẩm quan, con đã thấy rồi. Cái ống cao su dẫn ét xăng có một đoạn nát nhủn, đến nỗi xăng chảy cả ra ngoài nhưng mà xuống không thoát.

– ...! Sao không liệu mà thay vào cái chuyến chữa hôm nọ đi!...

Rứt lời "chửi", "quan" bước xuống xe và sập cửa xe rất mạnh để tỏ ý giận dữ. Đó là một người gần 50, thân thể vạm vỡ, hơi lùn, trước mặt có một cặp kính trắng gọng vàng, trên môi có một ít râu lún phún kiểu tây, cái mũ dạ đen hình quả dưa, cái áo đen bóng một khuy, cái quần đen, rọc trắng, đôi giày láng mũi nhọn và bóng lộn, làm cho lão có cái vẻ sang trọng mà quê kệch, cái vẻ rất khó tả của những anh trọc phú học làm người văn minh...

Tài xế chính và phụ, cả hai đều sợ hãi lắm, cứ việc châu đầu vào cái hòm máy, lúc đánh diêm soi, lúc sờ soạng như xẩm tìm gậy, chứ không dám quay lại nhìn đến ông chủ, lúc ấy đứng giạng háng giữa đường, hai tay khoanh trước ngực, đầu hơi cúi xuống phía trước mặt, cặp mắt gườm gườm hứa một sự trừng trị đáng sợ. Bị chủ mắng, tài xế chính khẽ quát người phụ:

– Cầm lấy cái mùi xoa này, buộc nối vào hai đầu dây cao su! Mau lên! Mà quấn rõ chặt cho nó thật kín chứ!

Rồi người tài xế chính lại lên ngồi mở máy thử. Cái xe kêu sình sịch một lúc lâu rồi lại thôi. Mấy bận đều thế cả, hai người càng hấp tấp bao nhiêu, càng gia công vất vả bao nhiêu thì cái xe càng bướng bỉnh, càng ỳ ra bấy nhiêu. Lão chủ cười nhạt mà rằng:

– Tội chúng mày đáng chết cả đó, các con ạ!

Hai anh làm công đưa mắt nhìn nhau lo sợ, chứ không dám nói gì. Lão chủ lại tiếp:

– Chúng mày để ông ngủ đường thì khốn cả đó!

– Lạy quan, chẳng may như thế này, quan thương cho.

Tài xế chính van lơn như vậy rồi lại ra hiệu ngầm cho người phụ mình cứ việc vờ vịt loay hoay chữa một cách vô hiệu cái bộ máy hầu như không thể chữa được ấy.

Lão chủ hỏi:

– Thế còn bao nhiêu cây nữa đến Hà Nội?

Anh phụ lái nhanh nhảu thưa:

– Bẩm chỉ còn độ bốn mươi cây.

– Hừ!

Lão chủ hừ một cái đi đi lại lại trên đường bực tức cực điểm.

Nguyên lão ta là một ông đồn điền giàu có đã khét tiếng miền Trung thổ, bữa nay đương đêm khuya về thủ đô, là vì muốn để sáng sớm hôm sau có đủ thời giờ đến một cửa hiệu kim hoàn, mua một thứ hàng quý giá, để mừng một ông tổng đốc được Đệ Nhị đẳng Bắc đẩu bội tinh. Cho nên khi thấy xe bị liệt máy như thế ở giữa đường, đương đêm khuya, không còn biết cầu cứu vào đâu nữa thì lão băn khoăn và bực tức, băn khoăn về nỗi sợ đến mừng chậm hơn những người khác thì mất vẻ long trọng, và bực tức về nỗi từ khi lão ta giàu có đến phú gia địch quốc, từ một anh cai phu mỏ lên đến bậc nhân dân đại biểu, thì chưa hề có một sự gì trái lão mà lão lại phải chịu. Lần này là lần đầu, lão phải chịu thua cái máy xe hơi.

Lão đi đi lại lại như cuồng chân, như con hổ trong cũi sắt, nghĩ đến những cái má hồng mơn mởn, những cánh tay trắng như ngà như ngọc của mấy cô đào ở Hà Nội... nếu tài xế của lão đã biết lo liệu từ trước cho cái xe lúc nào cũng lành lặn hoàn toàn. Vậy mà bây giờ lão phải thơ thẩn giữa nơi đồng không mông quạnh ngắm trăng suông, nhìn sương tỏa, nghe giun kêu, dế khóc, bên cạnh những tiếng búa gõ vào sắt cành cạch, những tiếng sình sịch của một cái xe hơi khó tính cứ muốn chạy lại thôi...

– Tao cho chúng mày nửa giờ nữa đấy!

Nói rồi, lão nhằm phía cây đa mà đi thẳng trên một con đường nhỏ, qua cánh đồng, đi dạo chơi cho tiêu diệt thì giờ, cũng không có mục đích gì khác...

Mặt trăng lúc này bị mảng mây to lướt qua che đi, thành thử trời đất tối xầm hẳn lại, sương xuống dầy quá, làm ướt cả áo của lão. Giữa cánh đồng thấy tản mạn những cục lửa xanh, lửa đỏ trên mặt đất lúc cháy lúc tắt, như ma trơi. Tiếng côn trùng tỉ tê, ri rỉ, làm cho lão ta bắt đầu cảm thấy sự im lặng, hiểu rõ được ý nghĩa sự vắng tanh và thôi cũng không nện mạnh gót giầy xuống đường lộp cộp nữa. Hai tay đút túi quần, lão cúi đầu xuống mà đi, có vẻ ngẫm nghĩ như một nhà triết học... Chợt thấy về phía trước mặt có tiếng cười khúc khích... Lão ngẩng lên, thấy bốn năm đống rạ lù lù tiến đến... Thì ra một bọn thợ cấy đi gánh rạ đêm. Ngần ấy người cười nói chuyện trò vui vẻ lắm.

Lão đứng tránh ra một bên.

Những đống rạ cũng lù lù tiến đến.

Đám mây to đã buông tha mặt trăng ra rồi. Trời đất lại sáng quang vì cái ánh trăng lạnh lẽo.

Bọn thợ cấy thấy có một người ăn mặc tây đứng đấy thì thôi không chuyện trò gì với nhau nữa, chỉ len lén rón rén đi qua. Bà lão già đi đầu khẽ thưa:

– Quan lớn làm ơn nánh cho chúng con đi một thị.

Lão bèn làm ra cái bộ thương người mà hỏi cả lũ:

– Các người đi làm đồng khuya nhỉ? Mùa màng có khá không?

Một người trong bọn đáp một câu oán hận:

– Bẩm quan, lúa bị sâu cắn ráo cả, không đủ tiền thuế ạ.

Bà lão già đi đầu qua rồi thì đến một mụ trông bẩn thỉu. Mụ thứ ba trông cũng xấu xí. Người gánh cái gánh rạ thứ tư là một ông lão râu đã bạc, cái đầu trọc quấn trong miếng vải nâu trông như một cái mõ nhà chùa, gánh thứ năm thì do một cô ả mà quần áo trông gọn ghẽ hơn hết thảy.

Lão trố mắt nhìn... Cô ả gánh rạ hơi cúi nghiêng mặt để đưa mắt nhìn trộm. Ánh sáng trăng tuy leo lét, song cũng đủ khiến cho hai con mắt rất tinh tường của nhà điền chủ nom thấy rõ hai cái má phúng phính, một cặp môi nhỏ và dầy, cái cằm tròn trĩnh và hơi lẹm trong cái vành khăn mỏ quạ bằng láng thâm. Khi cô ả gánh rạ đi qua, nghĩa là cái mặt đã khuất sau đống rạ tròn, nhà điền chủ lại trông theo cái váy nâu cũn cỡn, do một đường lạt khíu giữa, cho nó chẽn đến nửa đùi, một bộ đùi phốp pháp trắng nõn, trông rất đáng yêu, mặc lòng từ bụng đến bàn chân đều có một lớp bùn trắng, mỏng, khô, đông lại, đã nứt ra thành từng miếng nhỏ, sắp rơi xuống...

Nhà tư bản đứng trông cái bộ đùi thôn nữ ấy một cách tần ngần trong đến vài phút, đoạn, như định thần lại, thoăn thoắt bước theo mà nói bằng một giọng rất ân cần:

– Này chị gánh cái gánh lại chỗ xe ô tô kia, tôi mua một ít cho.

Thấy lời nói lạ tai ấy, chị nhà quê đứng lại, nửa tin, nửa ngờ.

Lão này nhanh nhẩu dùng đến cái giọng hách dịch:

– Xe nổ lốp, người ta phải mua rạ để nhồi vào bánh, mà có sẵn rạ lại không bán hay sao? A lê, mau lên gánh lại, quan lớn trả cho tiền một nửa gánh! Còn các bà già kia có muốn chờ thì cứ đi đủng đỉnh lại một tí, chị ấy đem lại chỗ xe đây kia thôi.

Nói xong, lão khôn ngoan bước nhanh về chỗ cái xe. Bọn thợ gặt cũng đủng đỉnh lên đến đường cái quan thì đặt gánh, ngồi phệt xuống đất, cẳng xoạc ra và hai tay bó làm một. Còn chị nhà quê ngây thơ thì thoăn thoắt gánh gánh rạ thẳng tiến đến cái xe hơi, trong đó quan đã chễm chệ lên ngồi và bật đèn sáng quắc lên rồi.

Hai anh tài xế quay lại, ngừng tay, nhìn ông chủ như có ý đợi lệnh gì thì lão chủ quát:

– Chúng mày ngẩn người ra làm gì thế? Chúng mày định để ông ngủ đêm trên xe này phải không?

Thế là cả hai lại quay đầu vào bộ máy. Một anh vẫn còn có gan khẽ nói:

– Bẩm quan, con đã cắt được một đoạn dây ở chỗ khác để thay vào đây rồi. Chậm lắm thì cũng nửa giờ nữa là xe chạy được.

Lời ông chủ:

– Ông cho chúng mày một giờ nữa!

Nói xong, lão chủ quay lại sau lưng, nhìn qua miếng kính hậu ở hòm xe thì thấy bọn thợ gặt đặt gánh ngồi chờ ở chỗ cách xa ô tô những ba mươi thước, còn cô bán rạ thì đã đến đứng bên cửa xe.

– Thưa quan, quan dùng hết cả gánh, hay độ bao nhiêu con tháo...

– À, con bán cho quan lớn một bên nhé! Tháo đi rồi quan cho tiền.

Trong lúc cô ả lúi húi tháo một bên quang thì nhà điền chủ ló đầu ra, đôi mắt phong tình ngắm nghía không chớp...

– Bẩm con gạt rạ ở bên đường đó ạ.

– Ừ, để rồi quan cho tiền.

Vờ tìm ví da trong túi áo, nhà điền chủ mắt vẫn lẳng lơ nhìn chị nhà quê mãi đến khi cầm trong tay cái ví rồi mà vẫn không lấy tiền ra vội, lại hỏi:

– Con tính bao nhiêu?

– Bẩm quan chả mấy tí, quan cho mấy xu cũng được ạ.

– Được lắm! Con ngoan ngoãn lắm, để thưởng cho nhiều tiền! Con hãy lên xe này để quan đóng cửa không rét quan... Ta đang đếm tiền đây.

Chị nhà quê nhìn đến những đệm da đẹp đẽ, những chỗ kền mạ bóng nhoáng, con *búp bê* nhật hay hay, treo ở bên miếng kính, ngọn

đèn nhỏ sáng chói lọi trên nóc xe, thấy nó sạch sẽ quá, sang trọng quá, không dám bước lên. Nhưng mà quan đã với ra định đóng cửa xe, chị đành liều mà bước lên vậy. Quan đóng cửa đánh sập một cái rồi lại hỏi:

– Thế con làm vất vả như thế thì mỗi ngày được bao nhiêu?

– Bẩm chỉ được mỗi ngày sáu xu và hai bát gạo.

– Khổ nhỉ! Thế để quan cho năm đồng con may áo mặc tết nhé! Đây này, năm cái giấy bạc một đồng đấy, con đem về mà mua nhiêu, mua xã cho chồng.

– Con xin quan lớn, cảm ơn quan lớn.

– À, nhưng mà con đã có chồng rồi hay là chưa?

Chị nhà quê cúi mặt không đáp, buộc tiền vào thắt lưng xong đứng lên:

– Thôi lạy quan, quan cho con xuống kẻo họ đợi.

– Ấy khoan đã! Mặt con tái đi thế kia, khéo không thì trúng phong rồi đó, để quan lấy cho một tị dầu trong này mà bôi rồi về thì về.

Nhà điền chủ nói xong lấy ở áo ra một lọ gì nhỏ, để đầu ngón tay vào miệng lọ lắc một cái, rồi quờ tay vào trán chị nhà quê. Chị này cứ để yên và co ro khép đôi đùi lại, kéo cái váy xuống.

.....

– Giời ơi! Con lạy ông, ông buông con ra!

Giọng quan vẫn ngọt ngào:

– Con im, không được cưỡng...

– Giời ơi, lạy ông! Ông đừng làm hại một đời tôi!

– Im ngay! Quan sẽ cho nhiều tiền...

– Bỏ ra! Ái!

– Im cho ngoan nào...

– Ối giời đất ơi! Ối làng nước...

.....

Hai anh tài xế khôn ngoan và trung thành muốn át những tiếng ấy, cứ việc gõ búa thình thình vào một bộ phận nào đó trong động cơ.

.....

Mãi đến lúc ông điền chủ ngồi lên bật đèn, chị nhà quê vẫn nằm đờ trong xe, hai tay bưng mặt, ngất đi. Lão này cúi xuống, hôn một

cái hôn cuối cùng, lôi cái váy xuống, nhấc chị nhà quê ngồi dậy, mở cửa xe mà đẩy người ta xuống...

– Thôi, con về với họ mau lên không họ chờ.

Chị nhà quê bị đun ra thì ngồi phịch xuống đất, vẫn rũ người ra khóc: "Ối cha mẹ ơi! Ối cha mẹ..." Lão này thản nhiên đóng sập cửa lại.

Rồi quát hỏi:

– Xong chưa?

Hai anh tài xế cuống quít gõ một hồi nữa rồi anh phụ trèo lên mở thử máy. Chợt có tiếng ghê gớm của một lũ người cùng kêu một lượt:

– Ối làng nước ơi! Ối làng nước ơi! Người ta giết người!!!

Nhà điền chủ quay lại nhìn thì đó là mấy người đàn bà đứng cách xa xe, nhưng mà chỉ kêu choáng lên thôi chứ không dám bén mảng đến. Còn chị nhà quê vừa mất tân tiết thì vẫn ngồi sệt dưới đất, bên cạnh đống rạ, mà kêu, mà rên...

Động cơ xe hơi nổ xình xình.

Đằng xa thấy một hồi tù và rúc lên.

Cánh cửa sập một cái, anh ét lên nốt xe...

Ở sau có tiếng lào xào: – "Ta hay Tây? Ta hay Tây?" Nhà điền chủ quay lại lần nữa thì đó là một bọn người có tay thước, áo tơi, quần xắn gọn, ý chừng là bọn tuần.

Xe bắt đầu từ từ chạy...

Trước hai vệt ánh sáng của đèn pha thấy hiện ra một người áo tây cộc, mũ khách bịt kín tai, giầy trắng đế cao su, đứng giữa đường giơ hai tay ra chắn xe, ra hiệu bắt đứng lại.

Anh tài xế ngừng đà xe, quay nhìn chủ.

Lão này điềm nhiên phán:

– Cứ mở hết máy, tội vạ đâu tao chịu!

Thế là chiếc xe hơi cứ nhắm cái bóng người đứng dang tay mà đâm thẳng, theo cái tốc lực sáu mươi cây số một giờ.

II

Trong cái nhà gianh ba gian của ông đồ Uẩn, hôm ấy có đông nghịt những khách khứa. Ngoài số thân bằng cố hữu đến hỏi thăm cô

Mịch bị nạn đêm trước, lại có cả bọn Chánh dịch trong làng đến thúc giục ông Đồ thảo đơn kiện lên trình quan trên. Bà Đồ phải nghỉ việc đồng áng để ở nhà bếp nước thết khách. Mấy bà già, mấy cô con gái ở hàng xóm cũng sang làm giúp, y như nhà có giỗ tổ vậy. Còn cô Mịch thì nằm ốm liệt giường, song bọn con giai trong làng cứ há hồm ra mà cười, sau khi đồn đại nhau rằng ấy là con bé ấy làm ra thế cho đỡ ngượng đó mà thôi. Bà đồ Uẩn đặt lên chiếu một mâm đầy những thịt cá rồi thì ông Đồ xoa tay nói: "Bẩm các cụ thương tôi lại hỏi thăm cháu và lo việc cho thế này, thật cảm kích quá, vậy xin mời các cụ dùng cơm ngay đây cho tiện để còn lên quan kẻo cụ nào cũng lại phải về nhà thì lích kích quá". Chữ "các cụ" đây là chỉ ông Chánh hội, ông Phó hội, ông Lý trưởng, ông Phó lý, nghĩa là mấy ông tuổi mới độ 40 cả mà thôi, chứ không ai già nua tuổi tác gì, song ông đồ Uẩn dùng lối xưng hô ấy là bởi cái tập quán ở chốn hương thôn. Bốn ông này đã ngồi chễm chệ bốn góc giường, nhưng chưa muốn cầm đũa vội, còn ra ý đợi ông Phó tuần, một người anh em đồng tông với... khổ chủ, lúc ấy lên huyện trình quan, ông Đồ nài:

– Mời bốn cụ Chánh Phó cứ việc cho, rồi chú cháu thì về ăn với tôi cũng được.

Bốn ông kia còn dùng dằng, may sao đã thấy một giọng oang oác từ ngoài cổng tre:

– Thôi, cứ việc kiện đi là được!

Đó là ông Trương tuần đã về. Mọi người xúm lại hỏi han, ồn ào đến nỗi không còn ai nghe hiểu ai muốn nói gì nữa.

Ông Trương tuần lên họp cỗ, rồi sau một hồi mời mọc nhau lào xào, mới kịp nói rành rọt cho cả nhà nghe:

– Tôi vào hầu cụ Lại, kể hết đầu đuôi thì cụ vội thưa lên quan, và quan bảo bây giờ bác Đồ tôi có thể đệ đơn kiện kẻ vô danh, mà riêng tôi thì thay mặt cho cả làng mà rất có thể kiện cái ông chủ nào đó, ở chỗ chiếc ô tô ấy, sao thấy hiệu lại không dừng. Quan bảo cứ làm đơn cho rành mạch thì có thể vịn vào cớ xuýt nữa xe đè phải người mà buộc chủ xe vào tội mưu sát được. Quan huyện là người tân học, xem ra ý sốt sắng về việc này lắm, chắc thế nào quan cũng xét xử rất công minh.

Ông Chánh hội vỗ đùi rất mạnh, múa tay nói:

– Cái kiện này thế nào cũng phải được! Vì rằng điều can hệ là biết số xe thì nom thấy rồi, có phải không, ông Trương?

Ông Trương ngần ngừ mà rằng:

– Nhớ thoang thoáng thôi ạ. Lúc ấy tôi cũng hốt hoảng lắm, không biết là số xe thì: hai vạn bốn nghìn tám trăm bảy mươi nhăm, hay là hai vạn bốn nghìn tám trăm mười lăm.

Ông Lý trưởng trầm tĩnh làm ra mình hiểu pháp luật:

– Mình có nhớ đích xác thì hãy khai số xe. Bằng mơ hồ thì thà kiện kẻ vô danh còn hơn, kẻo không nhỡ trùng số xe của một người nào khác thì rồi khốn cả đấy.

Nhưng ông Phó hội tức khắc nổi giận mà rằng:

– Việc gì mà khốn cả? Ông bảo việc gì mà khốn cả? Tôi thì tôi tưởng nếu ông Trương đã nhìn thấy như thế thì cứ việc khai trong đơn cả hai số xe, mà không rõ đích xác là số nào! Có phải thế không, hở các cụ? Ta chỉ nhầm mà không rõ là con 7 hay con số 1 mà thôi! Ta cứ việc khai như thế, để nhà chức trách tiện điều tra chứ việc gì mà sợ!

Ông Phó lý ngăn lại:

– Thôi đi, ngộ nhỡ quan trên khiển trách ông Trương, làm sao đi tuần mà gặp việc như thế, có một hàng số xe cũng không nhớ, thì có phải khổ cả không? Cái điều ấy ta phải suy nghĩ lắm mới được.

Nói rồi thì ông này từ tốn rót đầy năm cốc rượu. Năm ông mời nhau, ngửa cổ nốc một hơi cạn đoạn ông Chánh hội xắn tay áo, giơ một quả đấm lên trần nhà hăng hái nói:

– Thôi các ông không phải bàn ra tán vào! Nói lắm chỉ nát chuyện! ông Trương lúc ấy mà không nhanh chân chạy né sang một bên đường thì tất mất mạng rồi, tất nhiên đến quan Thống sứ đi nữa cũng không nỡ nào bắt ông ta phải nhớ kỹ số xe... Vậy thì ta cứ kiện! Mà thằng Chánh này xin thề với cả làng này, nếu thằng Chánh này không kiện nổi cái thằng cha dâm ác nào đó, thì thằng Chánh này đem mẹ nó triện đồng mà lên trả lại quan trên.

Mấy chục người quây quần nhau trong gian nhà, ai cũng tái mặt đi vì kính phục, không ai dám nói gì nữa. Ông Chánh đứng lên, cao lênh khênh giữa giường, lại múa tay mà rằng:

– Không thì nhục lắm, xấu hổ lắm! Mà nhục cả làng! Nhục cho cả cái làng này, các cụ đã biết chưa?

Cử chỉ ấy làm cho ông đồ Uẩn cũng đâm ra sợ xanh mặt. Ông Đồ ngăn một cách vô nghĩa lý thế này:

– Thôi, cụ Chánh! Xin cụ đừng nóng nảy quá thế. Việc đã xảy ra rồi, ta cứ bình tĩnh mà nghĩ đến việc thảo đơn kiện rồi sửa soạn vào quan.

Một người hỏi:

– À, thế nhưng mà quan truyền thế nào? Quan có bảo gì ông Trương đấy không?

Ông Trương hớn hở đáp một cách sung sướng:

– Có lắm chứ! Quan bảo tôi rằng: muốn kiện hay không thì tùy, nhưng mà cứ bảo thằng Chánh hội với thằng Lý trưởng lên đây tao bảo. Quan lại bảo thêm phải giữ cẩn thận 5 cái giấy bạc một đồng mà lão chủ xe ấy đưa cho con Mịch thì mới có tang chứng được. À, bác Đồ thế cái số tiền ấy đâu? Đừng có tiêu đi mất đấy nhé!

– Không, tuy nhà tôi lúc nào cũng túng thật nhưng mà ai lại tiêu như thế?

Giữa lúc ấy, bà đồ Uẩn ở phòng con gái ra, sưng mặt lên mà cự ông Trương tuần:

– Nào, tôi xin ông! Ông khinh bỉ nhà tôi vừa vừa chứ! Tôi nghèo thực đấy, nhưng không khi nào lại khốn nạn đến như thế đâu! Tôi chưa đến lúc phải cho con gái tôi đi làm đĩ? Dù sao đi nữa thì con giai tôi cũng vẫn gửi cho tôi mỗi tháng một số tiền...

Ông Đồ nhảy trên mặt đất, như giẫm phải đống kiến lửa, tru tréo:

– Thôi đi, tôi xin con gái già! Con gái già đừng có thêm điều đẻ chuyện, không có mà tôi điên tiết lên bây giờ đấy.

Từ buồng bên cạnh cũng thấy giọng của cô Mịch:

– Khổ lắm u ơi! Còn sung sướng gì mà u còn phải lắm nhời, lắm điều như thế nữa!

Ấy thế là ồn ào lên một hồi. Mỗi người vào một lời, thành thử nhà như là có cuộc loạn đả. Sau nửa giờ vỡ chợ, kẻ khuyên can lại to tiếng hơn kẻ gây sự, hàng chục cái mồm đàn ông và đàn bà, già và trẻ, phân bè kéo đảng nhau mà nói kháy nhau, chọc tức nhau. Ông Chánh hội phải vớ lấy một cái gậy mà rằng:

– Thôi cả đấy nhé! Cấm không ai được nói nửa nhời đấy, kẻo không có mà thằng này phang cả cho một lượt chứ chẳng từ ai đâu! Lại không biết người ta bận? Lại không biết người ta chỉ chốc nữa là phải lên quan à? Cút cả đi cho các cụ làm việc!

Sau câu hét oai quyền ấy, lại nghe thấy tiếng "lên quan", thì không một ai dám nói gì nữa. Quá nửa người làng rủ nhau len lét ra

về. Bà Đồ vào phòng con gái, lặng im. Sáu người kia dọn giường dọn bàn rồi ông Đồ nằm bò ra thảo đơn kiện.

Ông Lý trưởng nói:

– Cái kiện này to lắm! Tôi không được mục kích nên không dám chắc nhưng mà cứ theo như lời bác Trương nói thì dễ thường chủ xe là lão Nghị Hách ở tỉnh miền trên ấy chứ chẳng phải xa lạ đâu!

– Thằng cha có hai chục con vợ lẽ trong đồn điền ấy à?

– Phải.

– Cái thằng cha bỏ bã rượu vào ruộng lương dân rồi báo nhà đoan và chỉ bởi một thủ đoạn ấy đã tậu được ba trăm mẫu ruộng rất rẻ tiền ấy à?

– Chính thế.

– Cái thằng cha độc ác đánh chết người làm rồi vứt xác người ta xuống giếng, mà khai người ta tự tử ấy à?

– Nó đấy?

– Thế sao? Thế thì phải kiện cho nó bỏ mẹ nó đi chứ?

Ông Lý bình tĩnh đáp ông Chánh:

– Nào biết là rồi nó bỏ mẹ hay chúng mình bỏ mẹ!

Ông Đồ vứt bút xuống chiếu, ngồi lên mà rằng:

– Ông nói đến chó cũng không nghe được.

Ông Lý vẫn bình tĩnh một cách khả ố:

– Chó không nghe được nhưng mà tôi nghe được! Đây nhé: lão Nghị ấy có năm trăm mẫu đồn điền trên tỉnh này, một cái mỏ than ở Quảng Yên này, ba chục nóc nhà tây ở Hà Nội, bốn chục nóc nhà nữa ở Hải Phòng này, bạc nhà nó cứ gọi gà ăn không hết, vậy ông có đủ tiền chọi nhau với nó không? Vô phúc thời đáo tụng đình ông ạ.

Ông Phó hội cự ông Lý:

– Chả nhẽ nó hiếp con gái làng mà không kiện à? Sao ông cứ bàn ngang thế?

– Tôi không bàn ngang mà cũng không ngăn trở gì ai hết. Ai có tiền có sức cứ việc theo kiện. Nhưng tôi mong rằng cứ để ông Đồ kiện về con gái ông ấy bị hiếp mà thôi.

Ông Chánh ngồi lên ngay ngắn mà rằng:

– À, thế mà lúc nãy ông cứ tự do ngồi vào đánh chén! Ông tưởng cụ Đồ làm bữa rượu ấy để cho ông ăn không đấy à? Ông phải biết nghĩa lý cái mâm rượu ấy mới được chứ!

– Thôi, ông say rồi, tôi không dám nói nữa.

– Ông bảo ai say? Ông bảo ai say?

– Kìa, chết chửa kìa! Sao lại thế, hai ông?

– Tôi chỉ muốn bảo một mình ông Đồ kiện thôi cũng đủ, chứ không việc gì mà phải có cả lá đơn của làng cũng đứng kiện. Trương tuần không chết chẹt thì không việc gì đến làng, mà cả làng phải đứng kiện. Tự nhiên trêu người ta để rồi người ta thù cho cả lũ ấy à?

– Thế ông có biết quan truyền ra sao không?

– Mặc! Tôi quyết không ký vào đơn.

– Ông mặc thì kệ ông? Đây có bốn người ký rồi. Chánh hội, Phó hội, Phó lý, Trương tuần, ký cả rồi. Còn ông là Lý trưởng mà không ký thì cũng không ai cần. Ông là đồ hèn nhát! Ông không muốn lên quan thì ông về đi!

Tuy thế, ông Lý trưởng cũng không về. Ông cứ ngồi nguyên chỗ, chờ cho đến nửa giờ, sau khi hai lá đơn kiện thảo xong rồi thì ông cũng ký. Mọi người đều được bằng lòng thì lại đến lượt bà đồ Uẩn ra ngăn:

– Thôi, các cụ ạ! Nào biết rồi có ăn thua gì không mà kiện với tụng, rồi nay quan gọi, mai quan gọi, chỉ tổ mất cả công việc làm ăn. Phương ngôn đã có câu: vô phúc đáo tụng đình.

Ông Đồ phải làm ầm ĩ lên một hồi nữa rồi người ta mới quyết định kéo nhau lên quan.

Làng Quỳnh Thôn cách xa huyện ly chừng mười cây số. Bà đồ Uẩn phải mở cái hòm khóa chuông lấy nốt ba đồng bạc chinh ra trao ông Đồ. Đó là cả vốn liếng của một cái gia đình của một thày Đồ có dưới cái roi mây của mình, đúng sáu đứa trẻ thuộc hạng nửa người, nửa ngợm, và nửa đười ươi. Tiền xe pháo mà thừa thì chẳng kể, chứ nếu lại ăn hết vào chỗ ấy thì rồi người ta không biết trông vào đâu mà ăn cho đến tết Nguyên Đán.

Thị Mịch đã phải gắng gượng ngồi dậy...

Đến lúc thấy mẹ thúc giục, cô bé phải mặc đến cái áo bông, cái quần thâm là những cái để dành riêng cho ngày đình đám. Cô Mịch

tuy nghe thấy bảo lên để quan khám, nhưng chưa hiểu khám là thế nào. Cho nên cô cứ việc theo mẹ ra đi.

Cả bọn lôi thôi, lốc thốc, kéo nhau ra khỏi làng. Trước những cặp mắt toét mà còn tò mò của bọn giai làng, trước những cái mồm cười rất khả ố, cô Mịch cúi gầm mặt xuống đất, vịn vào tay mẹ mà đi. Còn bà Đồ thì coi bộ đăm đăm, chiêu chiêu của một tín đồ đạo Gia tô, đi vào cái hàng sẽ dẫn đến cây thập tự, hoặc sẽ bị chết chém ở thời vua Minh Mệnh vậy.

Qua một cánh đồng ngót hai cây số mới thấy đường cái quan. Lên chỗ một cái quán mái gianh rồi, ông Chánh hội mời cả bọn nghỉ chân để cho một anh phu xe đi gọi thêm mấy cái xe khác nữa đến cho đủ.

Tám người còn ngồi chờ thì thấy từ xa tiến đến một thiếu niên áo sa tanh, giầy ban, khăn lượt, áo dạ khoác ngoài, trông sang trọng lắm. Thiếu niên tiến đến chỗ tám người, nghiêng đầu chào cả lũ mà rằng:

– Tôi hỏi thăm các ông có phải làng có ông đồ Uẩn dạy học thì chính là cái rặng tre đây kia rồi, có phải không ạ?

– Phải đấy. Nhưng mà ngài tìm ai trong làng?

Lời ông Đồ hỏi .

– Tôi muốn tìm chính ông Đồ.

– Để có việc gì thế ạ?

– Nguyên tôi là phóng viên một nhà báo...

– Bẩm thế sao nữa ạ?

– Tôi thấy đồn đêm qua, hình như có một việc chẳng may xảy ra cho con gái ông Đồ.

– Thế ngài ở báo nào vậy?

– Tôi giúp việc cho một tờ báo tên là *Lưỡng kỳ*, nghĩa là một tờ báo hằng ngày to nhất Đông Dương.

Ông Chánh hội sốt ruột nói phăng ngay:

– Các ông nhà báo hỏi chuyện để lấy tin chứ còn làm gì nữa! Ông nhận quách đi cho có được không! Chính ông đồ Uẩn đấy ngài ạ. Chúng tôi là Lý dịch trong làng cùng ông ấy đi lên quan đây.

Thiếu niên, nghiêm giọng:

– Nếu việc là đích xác thì chúng tôi xin hết sức công kích kẻ làm bậy, mà bênh vực người yếu thế, mặc lòng kẻ làm bậy là người quyền thế như thế nào.

Giữa lúc ấy, anh phu xe đã đi gọi thêm được hai chiếc xe.

Ông đồ Uẩn hỏi thiếu niên:

– Thế ngài là người ở Hà Nội về hay là người vùng này?

– Tôi là con chủ ty rượu ở ngay huyện.

– Ồ thế thì hay lắm, mời ngài lên xe về huyện, chúng ta có thể chuyện trò ở dọc đường.

Tất cả có ba cái xe mà những chín người. Anh phu kêu chỉ gọi về được có thế thôi, cả bọn đành phải ngồi ba người một xe. Cái xe cuối cùng kéo ông Đồ, bà Đồ và cô Mịch.

Cái đám rước ngoạn mục ấy bắt đầu khởi hành. Ba anh phu xe cắm cổ kéo... Cùng đường, người ta thấy ông Chánh hội và nhà viết báo là hai người có những giọng hùng hồn, hết lòng vì nước vì dân. Sau một giờ đồng hồ thì đến huyện.

Huyện Cúc Lâm ở vào chốn ấy quang cảnh cũng như trăm nghìn huyện khác. Ở một phố kéo dài hai bên đường quan lộ, huyện có nhà bưu điện, nhà thương, nhà đoan và một nhà lô cốt. Phố xá lơ thơ một ít nhà gạch hai tầng giữa những cái nhà gianh.

Đến cửa huyện, bốn tay Lý dịch trong làng nói gì với bác lính khố xanh, để cho bác này chạy vào một lúc, rồi chạy ra bảo:

– Quan cho vào cả!

Quan huyện còn trẻ lắm, trông chỉ mới ngoài hai mươi tuổi thôi, đương ngồi cặm cụi viết.

Bốn ông Lý dịch vừa phủ phục dưới đất, quan đã giơ tay ngăn:

– Thôi, ta tha cho!

Viên đề lại rón rén để hai lá đơn trên bàn. Quan cúi xuống đọc đơn. Sự im lặng trong huyện đường khiến cho quan càng oai vệ lắm. Bỗng quan ngừng lại, hất hàm bảo một tên lính lệ:

– Dắt hai người đàn bà kia sang nhà thương để quan đốc khám nghiệm!

Tên lính lệ ra hiệu cho bà Đồ và cô Mịch lại quay ra để theo gót mình.

Quan xem đơn một lúc rồi ngẩng đầu lên hỏi:

– Thế các thày Lý dịch phải gọi ba bà già với ông cụ gánh rạ ấy lên đây ký vào đơn làm chứng nhé? Chiều ngày mai thì lên cả đây, hiểu chưa?

Bọn Lý dịch giạm dạ vang huyện đường. Vừa lúc này thấy viên Cai lệ từ ngoài nhanh nhẹn lẻn đi vào, để lên bàn giấy quan một tấm danh thiếp:

Tạ Đình Hách

Bắc kỳ Nhân dân đại biểu

Quan trầm ngâm một lát, hỏi:

– Trong bọn này ai là Trương tuần Quỳnh Thôn?

Bác Trương xích ra, kêu:

– Bẩm con.

Quan khẽ bảo:

– Thử vờ ra xem có phải chính cái ô tô ấy không rồi lại vào đây.

Bác Trương ra cửa huyện đường một lát rồi quay vào, kêu lên:

– Bẩm quan lớn, chính đấy ạ.

Quan phán:

– Lệ đâu! Dắt bọn này ra cửa sau huyện mà cho về. Lý dịch thì rồi chiều mai phải viện đủ chứng tá đến. Còn anh Cai thì ra bảo rằng quan tôi cho vào.

Ba phút sau, khi bọn ông đồ Uẩn đã tháo ra rồi thì quan huyện chỉ thấy một người đàn bà, một mỹ nhân nữa, quần áo tân thời, sang trọng bệ vệ, bước vào, cười nói rất tự nhiên mà rằng:

– Lạy quan lớn ạ! Chúng tôi phải dùng thiếp của ông Nghị tôi thì chắc quan mới cho vào ngay. Vậy xin lỗi quan lớn nhé! Tôi thay mặt ông Nghị Hách tôi, đến thưa với quan lớn một chuyện riêng... Thế ngài có bằng lòng tiếp tôi không nào?

III

Cái ấp của nhà triệu phú Tạ Đình Hách thật là đồ sộ nhất tỉnh, đến dinh quan Công sứ cũng không to tát bằng. Ấp ở cách tỉnh lỵ năm cây số, làm trên một ngọn đồi cao một trăm thước, diện tích ước độ mười mẫu ta. Chung quanh ấp, nghĩa là sườn đồi, thì giồng toàn

một giống cà phê, khiến cho khách bộ hành từ đàng xa đã thấy một quả núi nhỏ xanh đen mà trên ngọn là ba tòa nhà tây, tòa giữa thì ba tầng, hai tòa bên thì hai tầng, trông kiên cố và oai nghiêm như một trại binh vậy. Điểm lơ thơ bên cạnh những tòa nhà ấy, là những cây gạo, cây muỗm cổ thụ, những cây ngô đồng và những cây thông. Chung quanh ba tòa nhà có vườn hoa thì là một vòng tròn rào găng, cao tới hai đầu người và dầy độ hai thước. Cổng chính của ấp, xây bằng xi măng cốt sắt, là một cái thể môn kiểu Nhật Bản trên có đề bốn chữ nó tỏ rõ cái linh hồn ông chủ: Tiểu vạn trường thành. Từ cổng ấp, nghĩa là từ lưng chừng đồi mà xuống đến đường quan lộ, thì có một con đường nhỏ cũng rải đá và đổ nhựa kỹ càng như đường thuộc địa.

Trong ấp cái gì cũng ngăn nắp lắm. Trước cái tòa nhà ba tầng mà người ta phải leo lên bằng mười sáu bực thềm đá là cái sân rộng rải cuội, có những luống hoa hoặc cỏ tóc tiên, có một cái bể tròn xây nền xi măng, sâu ba thước, mà chung quanh là một đường lan can gỗ chạm và sơn son thiếp vàng. Trong bể thả sen, vì bể lúc nào cũng nhiều nước. Ba đường máng kẽm bắt chung quanh mái ba tòa nhà rồi ăn ngầm dưới lớp cuội ở sân dẫn nước mưa vào bể. Chung quanh bể là một lượt liễu yểu điệu như những thiếu nữ đứng xõa tóc châu đầu nhìn xuống mặt nước. Cách ba gốc liễu một, lại có một cái ghế đá như ở những công viên. Cách năm gốc một, lại có một chuồng chim, đầy những con vành khuyên, ri ca, bay ở trên để cho một đôi trĩ, lông đuôi dài lê thê từ tốn đi lại ở dưới. Những luống hoa đều đắp theo những hình vẽ kỷ hà học: tròn, bán nguyệt, lục lăng. Những cây hoa tây, ta, và tàu, trong những luống hoa, đều giồng thành những hình chữ hỉ, chữ thọ, hoặc những chữ T.Đ.H là những chữ đầu về tên họ nhà đại phú. Những cái đôn sứ hình trống, hình voi phục, bày rải rác trong cái sân trước, cũng đã vào số hai trăm.

Sau tòa nhà ba tầng là sân cỏ có loáng thoáng những cây cau và thông. Giữa sân là một cái nhà giống như nhà kèn các tỉnh, mái bằng đá đen trên tám cột hình bát giác, trên nóc có ba chữ Hán: *Nghinh phong đình*... Trong *Nghinh phong đình* sẵn có bàn ghế để chủ nhân giải khát với khách khứa, vào những ngày hè nóng nực.

Từ cái sân này đi mãi vào năm trăm thước nữa, đến một khu bốn gian nhà gạch một tầng, xây bên cạnh một cái sân tròn, rào bằng lưới thép, bên trong inh ỏi những tiếng gà Nhật Bản, gà tây... Bốn

gian nhà ấy là chỗ nuôi lợn, bò, dê, thỏ và là chỗ ở của những anh bếp, thợ vườn. Từ khu này lại đi hai trăm thước nữa thì đến một nơi cây cối um tùm phảng phất như lăng. Giữa đám lá xanh rậm rạp ấy, nhoi lên một cái sinh phần bằng cẩm thạch, lối bài trí và kiến trúc theo kiểu Xiêm La, để mai sau chủ nhân gửi nắm xương tàn.

Xem lối ăn ở như vậy thì thật là đế vương. Là vì riêng cái tòa nhà ba tầng ở giữa ấp thì tầng dưới là phòng khách, tầng gác nhì là phòng ăn, mà gác ba mới là chỗ làm việc và phòng nghỉ của nhà tư bản. Còn hai tòa nhà hai tầng ở hai bên thì một là để cho gia đình họ mạc, hoặc các bạn thân đến ăn ở, và một nữa là nhà thờ, những phòng ngủ đồ đạc rất sang trọng nhưng mà chỉ để phòng xa... Thành thử bọn gia nhân gồm có quản gia, tài xế, bồi, thư ký ấp v.v... đều được mặc sức tung hoành như những người nhà của ông chủ.

Tóm lại một câu thì ấp Tiểu vạn trường thành là một tòa lâu đài hẳn hoi, vì cách ăn ở của chủ nhân khiến ta phải tưởng tượng đến cách ăn ở của những vị công hầu, khanh tướng, trong những tiểu thuyết Tàu vậy.

Buổi sáng hôm ấy, mười một cô nàng hầu của nhà triệu phú, không phải đi coi đồn điền. Bốn hôm trước, Tạ Đình Hách, trước khi ra đi, vào lúc đêm khuya, có nói với mấy người rằng sẽ không có mặt ở ấp, độ một tuần lễ, vì sau khi về Hà Nội mừng ông bạn Tổng đốc thì sẽ xuống Hải Phòng có việc với bà cả, rồi tiện đường đi thăm mỏ ở Quảng Yên. Vậy mà mới sáng hôm nay lại có một bức điện tín đánh về rằng nội chiều nay thì "quan" về, nên chỉ mười một cô ả kia lại được ở nhà sửa soạn hầu hạ một ông chồng mà họ khiếp sợ như một vị bạo chúa. Vì chưng mỗi người đều có một cái tiểu sử về nhân duyên kỳ lạ và đặc biệt cả, nên ai cũng hiểu rõ cái địa vị mình. thật chả khác địa vị của một cung phi, mặc lòng họ không là cung phi. Thôi thì ai cũng hết sức tự tô lục chuốt hồng, chiều chuộng nịnh hót đức lang quân, ngõ hầu được vời luôn thì đã đủ là hân hạnh. Ngày thì họ là những quản gia đồn điền của ông chủ. Đêm đến họ là vợ... Mà những ngày chẳng may mà bà cả ở Cảng về thăm thì họ chỉ là những người đi hái chè, đi giồng cà phê, lương mỗi ngày mỗi người được 15 xu. Cách cư xử và ăn ở của họ trong ấp, thật giống với cái đời của những cô ả đào.

Trong số mười một cô ấy, có tám cô là gái quê một trăm phần trăm, và ba cô là gái giang hồ lượm lặt, sau mấy cuộc dạ yến ở Hà

Nội, Nam Định, hoặc Hải Phòng của nhà tư bản. Có mười cô được ông chủ đặt tên cho là: Phú, Quí, Thọ, Khang, Ninh, Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Còn một mụ, trạc độ 40 tuổi, giám đốc bọn ấy và giữ chìa khóa két trong nhà, chi lương cho thợ gặt và gia nhân, nghĩa là người được ông điền chủ tin cậy nhất, thì vẫn giữ nguyên tên cũ là cô Kiểm. Nguyên xưa cô này đã lấy một ông tây Kiểm lâm. Một đêm, ông Nghị Hách xuống Cảng, trong một lúc rỗi việc, đã đến một khách sạn nọ thuê buồng. Thằng bồi săm gọi đến Kiểm lâm phu nhân. Thế rồi thì... Ít lâu về sau, cô Kiểm về làm cô nàng hầu cả của quan Nghị.

– Gớm chửa kìa! Các bà lớn còn ườn xác ra mãi thế! Dậy đi thôi chứ! Quan cũng sắp về rồi đấy!

Tay cầm một chùm chìa khóa, tóc vấn trần, chân đi dép dừa quai nhung, co ro trong một cái áo len rất đẹp, cô Kiểm nói đỏng như vậy, rồi đứng sừng sững trước cửa phòng, một cái phòng rộng rãi có kê tám cái giường tây gỗ, chăn màn đủ cả như trong một cái phòng hộ sinh. Lúc ấy cũng chỉ còn có vài ba cô nằm ngủ li bì thôi, song cái tính nói chùm nói lớp là thói quen của cô Kiểm. Tức thì cô Tín vùng dậy, sang cái giường bên cạnh đập vào những đống chăn bông bồm bộp mà rằng:

– Các chị ơi, quá ngọ rồi mà quan cũng sắp về rồi, dậy đi, mau lên!

Lúc ấy cô Quý, cô Ninh, cô Nhân đã ngồi trước bàn, kẻ chải đầu, kẻ đánh phấn. Còn cô Phú, cô Thọ, cô Trí thì vẫn uể oải trong chăn với mấy tờ báo, mấy cuốn truyện ngôn tình. Riêng có cô Lễ, một cô mặt trông ngây thơ có cái vẻ đẹp nâu sồng thì ngồi riêng biệt một cái bàn và đương học: e o eo, ê u êu, i u iu...

Thấy có người gọi, cô Khang và cô Nghĩa tung chăn ngồi lên ngáp dài mà rằng: "Hôm nay có phải làm lụng gì đâu mà phải dậy sớm?"

Cô Kiểm lạnh lùng:

– Thưa hai bà lớn, cũng không sớm là mấy nữa đâu ạ.

Nghe thấy vậy, hai cô ngồi nhỏm lên. Mười lăm phút sau, cảnh tượng trong phòng đổi hẳn. Đó là những cái quần trắng, áo di lê, áo len, khăn nhung, thắt lưng hoa đào, và những dép quai nhung hoạt động trong phòng, trước những cái tủ áo, bàn rửa mặt, – không khí một nhà ả đào, lúc đã đến giờ trang điểm, đợi khách làng chơi. Nếu chủ nhân mà ở nhà thì dù sao cũng phải sẵn có đàn bà để chủ nhân ông sai bảo việc vặt, hoặc ngứa mồm thì hôn một cái, ngứa tay thì sờ soạng một cái, cấu véo một cái...

Cô Kiểm lại đứng bên cạnh cô Lễ, khẽ hỏi:

– Thế nào, mấy hôm nay em có được sạch sẽ không?

Cô Lễ len lét thưa:

– Dạ, sạch sẽ lắm ạ.

– Thế có nhớ đến hộp táo tàu đấy hay là không?

....

Chợt có tiếng động cơ xe hơi, trước còn văng vẳng, sau thấy mỗi phút một rõ dần. Một hồi còi điện, như tiếng lợn hét, rúc vang lên. Cả phòng nhao nhao:

– Quan về! Xe quan đã về thật.

Một số đông các cô, những cô quần trùng áo dài rồi, xô nhau chạy ra hành lang, nhìn xuống sân. Một cô kêu:

– Không phải xe ông! À, à! Xe cậu cả! Cậu Tú lên chơi, chúng mày ạ.

Một cô khác reo:

– Cậu lên chơi đấy à? Thế có ông ở trong xe không? Ồ! Cậu Tú lên chơi! Chúng ta ra đón đi, các chị ơi!

Nói rồi thì, trừ cô Lễ là chưa hiểu phong tục trong nhà nên ngồi lại, cả lũ kéo nhau xuống. Cô Kiểm, trong tay vẫn có chùm chìa khóa, đi đầu. Cô đến ngay bên xe, và trước khi người thiếu niên xuống xe, đã kính cẩn vái dài một cái:

– Lạy cậu ạ! Cậu mới lên chơi.

– Không dám, chào các cô. Ông hiện ở nhà nào bây giờ?

– Bẩm cậu, quan ông chưa về. Nhưng mà cũng sắp về rồi đấy ạ. Đã có tê lê gam báo là trưa hôm nay thì quan ông về.

Thiếu niên bước xuống xe. Đó là một người nhỏ nhắn, trắng trẻo, rất đẹp giai nhưng chỉ tiếc nỗi lại hơi có vẻ đàn bà. Quần áo tây lịch sự. Nét mặt như đương có sự gì không vui.

Cô Kiểm đon đả:

– Xin mời cậu Tú sang bên tòa nhà trái này kia ạ.

Thiếu niên lừ lừ theo. Đến phòng khách quay lại nói với cô Kiểm:

– Cô để tôi ngồi một mình. Không ai phải tiếp tôi cả.

– Bẩm để liệu mời cậu xơi cơm trưa với quan ông chứ? Thế...

Một câu đáp gắt gỏng cắt lời đon đả ấy:

– Vâng!

Cô Kiểm và cả bọn bẽn lẽn kéo nhau vào một phòng còn thiếu niên vào ngồi ở phòng khách, lấy ở túi áo một tờ báo *Lưỡng kỳ* ra, cắm mặt xuống xem, không biết lượt này đã là lượt thứ mấy.

THỜI SỰ CÁC TỈNH

Phải chăng là một vụ cưỡng dâm?

Cúc Lâm tin điện thoại – Quan huyện Cúc Lâm mới đây có chấp một lá đơn của một ông Đồ ở làng Quỳnh Thôn, kiện một nhà tai to mặt lớn kia, về tội cưỡng dâm con gái ông ta. Theo cuộc điều tra của đặc phái viên bản báo thì Thị M. con gái ông Đồ, đêm ấy đi gặt rạ cùng với mấy người làng, đã bị nhà tai to mặt lớn (?) kia gọi đến chỗ xe hơi hòm của ông, rồi Thị bị cưỡng dâm. Sau cuộc cẩu hợp, con dê già kia vứt cho cô bé đáng thương năm cái giấy bạc một đồng, ý chừng đền bù cho cả một cuộc đời bị làm hại. Cô bé lúc ấy vì ngộ phải gió độc nên đã ốm trầm trọng. Tuần tráng nghe thấy tiếng kêu rên, chạy ra toan bắt, song con dê già phóng xe đi thẳng! Thật là một việc rất dã man. Nghe đâu con dê già kia sẽ chẳng bao lâu bị truy tố trước pháp luật, vì tuần tráng có trông thấy số xe. Bản báo chờ cuộc điều tra của nhà chức trách rồi sẽ nêu lên đây cái tên tuổi đáng lưu truyền sử xanh của con dê già ấy. Hiện giờ cô bé bị hiếp đã được điều dưỡng tại nhà thương. Và được tin gì bản báo sẽ đăng tiếp.

Đọc xong, thiếu niên lấy khăn tay ra lau mấy giọt mồ hôi trên trán. Vừa lúc ấy, lại thấy tiếng còi xe hơi vang động lên. Thiếu niên vội cất tờ báo vào túi áo, đứng lên chắp tay sau lưng. Lão Tạ Đình Hách xuống xe bước vào nhà...

– Ồ, Anh đấy à? Anh ơi, thày mong nhớ mày quá! Mày lên đây chơi thì ở cho lâu nhé! Thế nào, cái trường tư của mày có đông học trò không? Độ này mày có nhận được thư của đẻ mày không? Mày có xuống Hải Phòng đấy không? Giời ơi, tao sướng quá! Tao vừa đi Hà Nội, và có lại tìm mày mấy lượt đều không gặp. Thế mày ở đây nghỉ vài hôm nhé!

– Không! Thưa ông, tôi không phải lên đây để chơi.

Cha thấy con lãnh đạm như vậy thì đứng tưng hửng. Mãi một lúc mới hỏi:

– Thế mày lên có việc gì?

Con rút tờ báo, lạnh lùng giơ cho cha:

– Xin ông hãy đọc xem người ta nói gì ông đây!

Lão Hách chỉ đọc ba phút đã vứt tờ báo xuống đất, ra ý giận dữ:

– Những thằng làm báo là những thằng nói láo! Mày mà cũng đi tin...

Nhưng người con lão giơ tay ngăn và bình tĩnh nói một cách đáng sợ:

– Không, thưa ông! Người ta đã nói thật! Là vì ngoài cuộc điều tra của nhà báo, còn có cuộc điều tra của tôi, thằng con ông! Sau cái việc bậy bạ ấy, ông còn phái con đào Lan về, toan hối lộ lão huyện, nhưng mà ông đã thất bại. Ông có biết rằng nhiều người thù oán ông lắm rồi không? Ông muốn từ tôi thì xin cứ từ, nhưng mà để cho tôi nói vài lời đã! Tôi đã đến lúc không nín được rồi.

– Không! Tao chẳng hiếp ai, cưỡng ai. Lúc xe ăngban [1] tao buồn, gọi nó lại... Tao đã trả nó 5 đồng....

-... Thưa ông, nó đã được giấy nhận thực bị ông làm mất tân.

– Thật quả tao không ngờ nó lại là con gái tân...

– Thưa ông, ông là cha tôi, điều đó lúc nào tôi cũng nhớ lắm. Tôi chịu ơn ông đã nhiều lắm, nhưng mà ông đã làm nhiều điều bỉ ổi lắm. Ông đẻ ra tôi thì ông có quyền cho tôi sống hoặc bắt tôi chết... Thưa ông, xin ông cho tôi chết. Ông giết tôi đi!

Nhà đại phú cúi đầu hổ thẹn hồi lâu... Sau cùng ngẩng lên, cái mặt vẫn trân trân...

– Ô hay! Sao mày dở hơi thế? Thì tao mua con bé ấy làm hầu là cùng chứ gì?

IV

Người bồi chạy lên gác một lúc, rồi xuống bảo với ông Nghị Hách: "Cụ lớn cho phép quan cứ lên". Khi lão này vào thì quan Công sứ đương ngồi làm việc ở bàn giấy, bên cạnh một cái lò sưởi đầy những củi và đỏ rực những lửa.

---

1. Xe bị hỏng.

Quan là một người cao tuổi, ở thuộc địa đã trên ba mươi năm, đã được lòng dân không phải vì một chính sách giả dối, không phải vì những bài diễn văn kêu vang và rỗng tuếch, không phải vì đã đem những giọt nước mắt cá sấu ra huyễn hoặc, lừa dối dân ngu, nhưng chính bởi quan là một bậc hiền nhân quân tử, rất ít có ở đời. Ngoài những giờ bận việc cai trị, quan thường đọc sách, viết văn. Vì rất giỏi chữ Hán, quan đã xuất bản được một quyển sách khảo cứu về cách dùng binh của Trần Hưng Đạo. Do lẽ đó, quan Công sứ nói tiếng An Nam cũng thạo và cũng dễ nghe.

Cái lòng nhân từ của quan thì hầu như thành một câu cách ngôn đã truyền tụng. Những người trí thức, cả những nhà viết báo rất hoài nghi, cũng phải nhận ngài là người hiếm có, sống ở thuộc địa đã nửa đời người, mà vẫn giữ được những quan niệm về sự tự do cá nhân rất rộng rãi, vẫn biểu lộ được cái tinh thần đáng trọng của hạng trí thức nước Pháp, chứ không nhiễm phải tính nết của phái thực dân bằng dùi khui.

Một buổi kia, có việc ra nhà giây thép, quan cứ cuốc bộ mà lử khử đi như những người tây thường. Qua một phố nọ, có một trường tư thục, một lũ trẻ em đùa nghịch đá bóng, làm cho quả bóng trúng đánh bốp một cái vào ngực quan. Một vệt bùn to tướng in ngay vào ve áo, chỗ có cái cuống mề đay Bắc đẩu. Quan vào trường, Viên đốc học trường tư sợ tái mặt như mọi người phải lo sợ vào một trường hợp như thế. Nhưng mà quan Công sứ cứ khoan thai cầm khăn mặt bông phủi áo, rửa tay vào chậu nước rồi ôn tồn bảo Viên đốc: "Ông phải bảo học trò của ông, ra cái bãi cỏ ở cạnh chợ mà đá bóng, chứ thể thao ở giữa phố như thế thì rồi có những tai nạn xe cộ xảy ra". Thế rồi quan lại ra đi, nét mặt vẫn hiền hậu, như không có việc gì xảy ra cả.

Một lần khác, xe hơi của quan vừa ở thủ đô về, người tài xế đương lái vòng để vào sân tòa sứ, thì có một mụ nhà quê tay cầm một lá đơn đến quỳ ngay trước xe. Mấy anh lính khố xanh toan giơ cao cái roi mây thì quan Công sứ ra hiệu ngăn lại, hỏi: ... "Đơn kêu của bà có rõ ràng không?" Người đàn bà kêu lải nhải một hồi thì quan truyền: "Thôi, cứ về rồi quan sẽ xét xử". Nguyên do đó là một mụ đi mò cua bắt ốc, bị làng bắt vạ vì chưa hết tang chồng mà đã có mang. Theo như trong đơn, thì mụ đã bị một bọn bô lão trong làng, lôi những hủ tục ra để hành hạ mụ, chứ thật ra, mụ đã hết tang từ

vài tháng trước khi có mang. Ấy thế là quan viết thư trả lời cái mụ mò cua ấy rằng: "Thưa bà, bản chức đã xét đơn của bà rồi. Nếu bà còn có tang ông ấy thì theo luật Gia Long, có chửa như vậy là có lỗi. Còn nếu bà đã đoạn tang rồi thì không ai được phép bắt vạ bà, nếu bà viện được đủ chứng cớ là đã hết tang thì cứ lên tòa mà trình bày, bản chức sẽ trị tội những kẻ nhũng lạm". Một bức thư của một vị quan đầu tỉnh mà lại có cái luận điệu lễ phép với một mụ mò cua đến bực ấy, đã làm cho các quan Tổng đốc, Bố chánh, Tri phủ phải nhăn mặt lại. Rồi bọn bô lão trong làng sợ hãi đến hết vía mà đền lại cái vạ. Hai chuyện này đủ là chứng cớ rằng quan Công sứ tỉnh có Nghị Hách hồi ấy, là người dễ dàng biết bao nhiêu.

Đêm nay, ngồi làm việc, hai chân quan đi giầy dạ đen, cổ quan quấn một cái khăn quàng dầy sụ, lông chiên tua tủa bịt đến cả cằm. Bộ râu bạc ba chòm và cái trán hói đến bóng lộn của quan, khiến ngài có vẻ đường bệ oai nghiêm lắm.

Nghị Hách, mặc lòng mặc bộ áo trào vào ngày đại tiệc, cũng chắp tay vái dài lưng cúi thật khom, mà rằng:

– Bẩm lạy cụ lớn ạ.

Quan Công sứ đặt bút xuống bàn, giơ tay đón:

– Chào ông Nghị. Ông đến thăm tôi hay có việc gì can hệ? Ông Nghị ngồi đây... Tôi đương viết một bài triết lý về Đông Phương, cho một tờ báo ở Balê đây... Ông Nghị có rét không? Tôi bây giờ yếu lắm, không có sức chống rét nữa. Ông Nghị uống nước chè hay uống rượu mạnh nhé?

– Bẩm ông. Con xin phép hầu cụ lớn một cốc. Cảm ơn cụ lớn lắm.

– À, thế ông Nghị có việc gì cần tôi giúp đấy chứ?

– Bẩm cụ lớn, không ạ. Bẩm chúng con thấy cụ lớn cũng dễ dàng, lại hay tiếp người bản xứ, cho nên con sang thăm và hầu chuyện, và xem cụ lớn có điều gì chỉ bảo không, thế thôi ạ.

Quan Công sứ bấm cái chuông điện. Người bồi ló vào:

– Đem cho tôi khay rượu Anis [1] lên nhé. Bà lớn đi nghỉ chưa? Này bồi, hôm nay mày để con Toby cắn chết mất một con gà sống thiến, như thế là tôi không bằng lòng đâu. Nó là chó săn thì lúc nào

1. Đọc là Anít (rượu hồi).

cũng phải xích nó lại. Nếu mày cứ quên lời tôi bảo thì rồi tôi sẽ nói với bà lớn không thưởng cho mày nhiều tiền tiêu tết nữa!

Người bồi chịu quở rồi lẳng lặng quay ra. Năm phút sau đem một cái khay có một chai, hai cốc lặng lẽ để ở bàn. Chờ khi người bồi xuống rồi, Nghị Hách mới nói:

– Bẩm cụ lớn, thế cụ lớn bà độ này vẫn mạnh khỏe chứ ạ?

Quan Công sứ gật gù mà rằng:

– Ồ ồ! Vợ tôi yếu lắm, ông Nghị ạ! Vợ tôi cứ muốn đòi về nghỉ ở Nice [1]. Có lẽ ít lâu nữa thì tôi phải để vợ tôi về nghỉ một mình, sáu tháng, rồi lại sang.

– Bẩm cụ lớn, như vậy thì tốn kém nhiều tiền lắm.

– Chính thế đấy, ông Nghị ạ. Bây giờ ai cũng nên tiết kiệm. Phủ toàn quyền đã có tờ thông tư cho các quan phải dè dặt chi tiêu, theo chính sách tiết kiệm. Vì rằng cái nạn khủng hoảng kinh tế mỗi ngày một nặng thêm...

– Bẩm do đó mà mới có những việc như ở Hà Tĩnh, Nghệ An vừa rồi, chắc cụ lớn có để ý.

Quan Công sứ uống một hớp rượu rồi nói rằng:

– Phải, giữa lúc kinh tế này, cái nghề cai trị dân thật là khó khăn...

– Bẩm... như cụ lớn đã cai trị tỉnh nào thì quyết không bao giờ dân lại như thế. Cụ lớn thương dân lắm.

– Dân họ cũng hiểu cho tôi đấy chứ?

– Bẩm vâng. Lòng thương dân của cụ lớn thì không ai là không cảm phục. Nhưng mà còn những tay phiến loạn chúng xúi giục.

– Vừa rồi, xen đầm ở đây phải bắt bớ mấy vụ, là vì có mấy tay ở nơi khác lại, trốn tránh ở đây mà thôi. Chứ tôi tin rằng dưới quyền cai trị của tôi không một ai làm loạn cả.

– Bẩm cụ lớn, cái ấy thì đã đành. Nhưng mà có nhiều cái người ta không thể ngờ trước được.

Quan Công sứ gật gù hồi lâu mà rằng:

– Chính phủ bảo hộ lo thế nào cho dân khỏi đói thì không sợ gì nữa.

– Bẩm cụ lớn, chính thế đấy ạ. Nhưng bọn nghiệp chủ chúng con dạo này, thật lấy làm khổ sở vì cái phong trào Cộng sản. Trong cái

1. Đọc là Nixơ (tên một địa phương ở Pháp).

mỏ ở Quảng Yên của con, vừa rồi xuýt nữa thì có nạn phu đình công. Mà ngay ở đồn điền của con trên tỉnh này thì nông dân, ít lâu nay con thấy họ bắt đầu trở nên bướng bỉnh lắm.

– Tôi vẫn biết thế. Nhưng cái đó không hề gì. Nếu ông Nghị cũng biết đãi nông dân và tá điền cho phải chăng, thì không bao giờ phải lo ngại gì nữa. Tôi quyết rằng dân dưới quyền tôi, họ không đói khổ thì không khi nào họ lại làm xằng.

– Bẩm cụ lớn, vậy mà con thì con thấy rằng phong trào ấy đã bắt đầu lan đến tỉnh ta.

Quan Công sứ giật nẩy mình lên, trợn mắt hỏi:

– Đã lan đến tỉnh ta, ông bảo!

– Bẩm cụ lớn, hình như thế.

– Có cái gì là chứng cớ không?

– Bẩm, toàn dân tỉnh này đã bắt đầu nói xấu và vu oan cho con. Bẩm cụ lớn, chắc là họ chỉ nhắm mắt nghe theo bọn phiến loạn chúng mớm nhời mà thôi. Họ vu cho con là giết người, là hiếp tróc đàn bà con gái, là bóp hầu, bóp cổ bọn dân nghèo, thôi thì đủ những tội ác. Họ hết sức gieo cái mầm thù ghét người giàu có, cho lan rộng trong đám nông dân. Kể ngay bọn tá điền làm việc trong đồn điền của con thì chúng cũng đã bắt đầu đòi tăng lương, ấy là lương con phát cho chúng cũng đã cao lắm. Bẩm cụ lớn, con thấy rằng cái phong trào ấy sắp sửa lan đến tỉnh ta. Vậy con xin lấy tư cách một người dân biểu mà trình báo để cụ lớn tiện đường cai trị cho tỉnh yên ổn.

– Ông Nghị đã làm phải lắm, ông Nghị nhận đây những lời khen của tôi nhé! Để tôi phải thông báo cho ông giám binh. Ông Nghị cứ yên tâm, Chính phủ Bảo hộ bao giờ cũng có trách nhiệm giữ cuộc trị an, bảo toàn tính mệnh và tài sản cho dân, trừng trị kẻ phiến loạn.

– Bẩm lạy cụ lớn, con ngồi cũng đã lâu, vậy xin phép cáo từ để cụ lớn làm việc.

– Phải, chào ông Nghị! Chúc ông Nghị ngủ ngon.

– Bẩm lạy cụ lớn.

Giữa lúc ấy, đồng hồ đánh chín tiếng boong boong Nghị Hách bước xuống thang, còn nghe thấy quan Công sứ mắng người bồi: "Sao mày không chất củi vào? Tôi còn làm việc khuya, mày lười như thế, tôi không bằng lòng chút nào cả". Người phụ bồi tiễn Nghị Hách ra cửa

dinh một cách sợ hãi. Khi bước lên xe hơi, ông Nghị lại được bác lính khố xanh nghiêm nghị bồng súng lên đánh thích một cái để chào!

Xe hơi sình sịch chạy đi, nhà tư bản bảo người tài xế: "Đến dinh ông Tổng đốc". Năm phút sau, xe đã đỗ trước một cái tam quan. Lại một người lính bồng súng lên chào, cho xe hơi tiến thẳng qua sân vào tới bực đá. Nghị Hách chưa kịp nói gì thì một bác lính đã chạy tọt vào, rồi chạy ra: "Bẩm mời quan lớn vào, cụ lớn còn thức đấy ạ".

Lúc Nghị Hách vào đến phòng khách thì vừa thấy cụ lớn bà vội ngồi dậy, tay cầm một cái tráp mà chạy tọt vào nhà trong. Còn cụ lớn ông thì đương ngồi ở sập.

– Bẩm lạy cụ lớn ạ.

– Không dám, lạy quan lớn, quan lớn có việc gì cần mà đến chơi khuya thế?

– Bẩm cụ lớn, chúng tôi sang xem cụ lớn có thiếu chân tổ tôm nào.

– Quan lớn ngồi chơi. Độ này chẳng ai đánh chác gì cả. Quan bố thì khó ở, bà lục lộ thì thích đồng bóng, gọi họp rõ khó quá. Độ này quan lớn mạnh khỏe đấy chứ? Lính đâu! Pha trà đi mày!

Phòng bên cạnh có tiếng dạ giậm vang lên, Nghị Hách ngồi lên sập, kéo mình về cái điếu ống rồi nói nhỏ:

– Thế nào? Cụ lớn vừa rồi có gặp quan tuần Hà tôi lại nhà cụ Thượng đấy không? Cụ lớn có đả động gì việc ấy giúp tôi không?

– Có, có! Chú nó lấy làm vui lòng lắm.

– Thật vậy ư? Quan tuần Hà vui lòng nữa kia ư? Liệu cụ lớn xem rồi việc ấy có thành được không?

– Chết chửa, làm gì mà không thành? Quan lớn thông gia với chú tuần nó thì môn đăng hộ đối lắm, mà cậu Tú Anh với con cháu Nga nó kết bạn với nhau thì còn đôi nào đẹp bằng nữa?

– Bẩm thế trăm điều xin trông cậy cả vào cụ lớn.

Cụ Tổng đốc cười khà khà mà rằng:

– Chỗ tôi với quan lớn thì còn ngại gì? "Trăm điều hãy cứ trông vào một ta"!

– Ha ha ha! Vâng! Đa tạ cụ lớn vạn bội! Mà tôi muốn việc chóng xong.

– Được rồi. Muốn chóng xong thì sẽ chóng xong.

Từ đây trở đi, mặt Nghị Hách lộ một vẻ buồn khó tả. Đến một khắc, cứ trầm ngâm nghĩ ngợi, quên cả đáp lời ông Tổng đốc.

– Kìa, sao quan lớn như có điều gì buồn bực thế? Cái tin mừng như thế không đủ làm cho quan lớn vui lên một chút nhỉ?

Nghị Hách hoảng hốt cười chữa mà rằng:

– Xin lỗi cụ lớn, tôi đang nghĩ đến việc quan huyện Cúc Lâm muốn kiếm chuyện với tôi đấy ạ. Ông ta vẫn có hiềm khích gì với tôi không biết, mà mới đây đã xui dân đi kiện tôi. Xem ra quan huyện là người tân học, cho nên chính sách cai trị sai nhầm lắm.

– Ồ lạ! Thằng huyện Cúc Lâm gây sự với quan lớn? Để tôi bảo nó, được!

– Ông ta cậy mình đỗ Luật khoa Tiến sĩ, nên hợm hĩnh đến nỗi làm hỏng cả mọi trật tự của quan trường.

Cụ lớn Tổng đốc nghe đến đó rồi lại nghĩ đến cái bước làm quan tắt của mình thì sa sầm nét mặt xuống

– Cái thằng ấy láo thế à? Để rồi tôi trị cho nó một trận. Nó lại không biết là quan lớn sẽ thông gia với em ruột tôi hay sao?

– Vâng tôi chỉ mong ông huyện Cúc Lâm biết cho như thế.

– Được ạ!

– Thôi đã khuya...

– Ấy ngồi chơi đã!

– Bẩm để cụ lớn đi nghỉ... Bẩm lạy cụ lớn.

– Không dám, lạy quan lớn ạ.

Một hồi gót giầy, rồi tiếng nổ của động cơ xe hơi. Chiếc xe giật lùi vòng một vòng rồi từ dinh quan Tổng đốc chạy phăng ra, lại qua một bồng súng của bác lính khố xanh đứng gác.

Mười phút sau, cái xe ấy lên cái dốc cổng Tiểu vạn trường thành.

Trong ấp, gia nhân đã ngủ gần hết, trừ trên một tầng gác tòa nhà trái là còn tưng bừng ánh đèn măng sông. Nghị Hách cho tài xế đánh xe hơi vào nhà chứa xe, đoạn một mình cuốc bộ xuống khu nhà cạnh cái sân gà vịt. Đêm đã khuya, những cây đèn trong ấp đã cạn bấc, lụi dầu, nên hiện ra như những cục lửa đỏ ối, ở hai bên lối đi. Mặt trăng mới chênh chếch bắt đầu lên, nên trời đất còn tối mù mịt.

Gần đến gian nhà nhỏ thì ông chủ nện khẽ gót giầy... Một bóng người ló ra cửa thì ông chủ hỏi:

– Xong chưa?

Một giọng ồ ồ đáp lại:

– Bẩm xong đã lâu, rước quan vào xem.

– Chúng nó ngủ cả chưa?

– Bẩm không còn đứa nào biết trời đất là gì nữa. Con chờ quan mãi.

Ông chủ vào nhà. Cánh cửa bị đóng lại. Ngọn đèn dầu được vặn to lên. Ánh lửa bên trong thông phong được khêu to thì chiếu thẳng vào một cái mặt đáng sợ: đôi lông mày rậm mà chạy tuột xuống đuôi mắt, cái cằm to tướng dưới má nổi bành bạnh và một bên má có một cái sẹo dài chạy ngang qua. Người có cái mặt hung ác ấy cầm đèn từ bàn ra soi vào giường.

– Khô chưa?

– Khô đã lâu.

– Độ 2 giờ đêm hãy ra đi, mà nhớ những lời ta dặn đó...

- Bẩm vâng. Nhưng mà hiện thì con run lắm, sợ lắm.

– Có thế thôi mà run cái gì? Cố đi, ta sẽ có thưởng.

– Bẩm vâng.

– Một ít ở sau huyện, một ít ở phòng hội đồng làng Quỳnh Thôn.

– Bẩm vâng.

Ông chủ lẳng lặng ra khỏi gian nhà, đi qua cái vườn tối tăm, rồi về cái phòng gác có một mâm cỗ linh đình và mười một người đàn bà ngồi đợi.

V

Vì xây trên một ngọn đồi, ở vào cái địa thế rất lợi, nên những ô cửa sổ của nhà thương mở ra một vùng phong cảnh rất ngoạn mục. Người bệnh cứ trông những nóc nhà mái ngói, mái gianh, chen chúc nhau, ở hai lề đường, bên những vòm cây chi chít, hoặc là chỗ thì chợ, chỗ thì trường học, chỗ thì cửa huyện có một cái chòi cổ lỗ lúc nào cũng đội một lá cờ ba sắc bay phất phới; đây, một dãy nương khoai; kia, năm bảy ngọn xoan; lại thêm túm năm, tụm ba, những người gồng gánh họp chợ chỉ to bằng cái đầu tăm, nên chi họ cũng có lúc có những phút cao hứng quên khuấy bệnh trạng của mình, để

hưởng một sự họ mới khám phá ra được: ngắm cảnh thiên nhiên. Mấy phòng nhà thương cao ráo, sáng sủa đến nỗi những lúc trên trời có mây trắng thì nhà thương hiện ra trong cái tưng bừng, mà những khi mây trời ảm đạm mịt mù thì cũng không đến nỗi thiếu ánh sáng. Nằm ngồi trên những chiếc giường sắt sơn xanh, có nệm màn trắng xóa, mà nhìn qua khung cửa kính, lại thêm ngoài hiên lác đác bay là vài chiếc lá vàng, kẻ có bệnh cũng cảm thấy sự di dưỡng của tinh thần, quên những vết thương trong thân thể, có thể để hết khối óc vào mọi sự mơ màng, suy nghĩ, triết lý nữa, nghĩa là vào những thời khắc vốn chỉ để dành cho hạng thợ văn chương. Bệnh nhân hồi ấy đa số là vợ các ngài viên chức đến đẻ, đến chữa một cái răng sâu, một cái hạch, một cái mụn nhỏ trên đầu chẳng hạn, nên trong nhà thương, người ta chỉ thấy những bà quần áo sạch như cái đũa Nhật Bản, lẹp kẹp đôi guốc, nũng nịu vì những đôi bít tất bông tùm hụp trong những cái khăn vuông, hoặc ra cửa sổ ngắm cảnh chợ búa, làng mạc dưới đồi, hoặc nằm trong chăn để đọc một tờ báo, một cuốn tiểu thuyết. Những lúc ấy là những lúc quý hóa, để họ lục tìm trong ký ức, những kỷ niệm hoặc vui vẻ, hoặc đau đớn, rồi kiếm lấy những phương châm xử thế, là những lúc họ kiểm soát cuộc đời.

Cô Mịch cũng nằm dưỡng bệnh như họ, cũng suy nghĩ như họ.

Mười tám tuổi đầu, cô cũng vẫn ngây thơ, khờ dại như gái mười lăm. Cô không biết đời là gì cả. Cô thấy đời là sự nghèo khổ và sự nhẫn nhục của cha mẹ, là sự siêng năng làm ăn của cô mà thôi. Nhưng dẫu nghèo khổ thì cha cô cũng là một ông đồ. Mà trong một làng, mà cả người làng, chưa ai trông thấy một lọ nước hoa, chưa ai nghe thấy một cái máy hát thì ông Đồ cũng là một cái danh giá. Ông Đồ có sáu đứa học trò từ 8 đến 12 tuổi, đứa nào cũng để chỏm, vẫn hàng ngày đến nằm bò nhoài trên phản để nhai chữ, thường đem đến khoe thày và cho mực tàu, giấy bản, nhiều dử mắt hơn là nhiều sự thông minh. Còn bà Đồ thì lúc nào cũng phải gắt với ông Đồ, mặc lòng bà thức khuya dậy sớm, khâu thuê, cấy mướn để giữ vững gia đình cũng như hầu hết các bà đức phụ nhà quê.

Anh cô, một thiếu niên có một ít chữ tây, thì làm nghề vẽ truyền thần ở... những tỉnh Hà Nội! Cho nên cái số mỗi đứa học trò hai thúng gạo hoặc đỗ, với số tiền là 5 đồng bạc của con giai cả, mỗi tháng gửi về, khiến ông Đồ thấy quần áo chóng rách, thấy tóc trên đầu chóng bạc, mà cuộc đời thì chỉ là một chuỗi ngày liên tiếp rất

nặng nề, sờ vào túi thì ngày nào cũng túng tiền, sờ lên cằm, lên mép, thì thấy rất phong lưu những râu và ria.

Còn người chồng sắp cưới của cô Mịch?

Người này thì may được cái đối với cô, vốn không phải xa lạ. Đó là một người anh họ rất xa, về bên ngoại. Hai mươi nhăm tuổi, mặt mũi cũng nhẹ nhõm, cử chỉ ngôn ngữ cũng dễ thương. Anh ấy đã sang chơi ông chú họ vài ba lần. Những lần sang, cô Mịch đã phải nghỉ việc đồng áng để vặt lông gà, mổ cá chép, thái ngọn măng. Cô không ngờ anh họ lại yêu cô, nên khi thấy bố mẹ nói chuyện cho nghe, cô cũng lấy làm lạ. Cô lạ một lúc rồi cô gật đầu nhận lời. Vì rằng cô đã so sánh mình với người cùng mình muốn kết bạn trăm năm. Anh ấy, sánh với người làng, là người có học, lại được ở nhà gọi là anh Ký. Hình như anh ấy cũng đọc nhiều sách nữa, vì làm thày ký cho một trường tư thục ở kinh đô. Anh ấy không làm dáng, không khinh người, nói ít, lại hay đỏ mặt như đàn bà nữa. Số lương anh ấy tuy ít ỏi, song cũng đủ nuôi vợ con. Thế là Mịch bằng lòng. Rồi Mịch cũng đem lòng yêu nữa. Việc dạm hỏi do anh ruột Mịch nói hộ lên bề trên. Bà đồ Uẩn nói rõ to một câu: Ừ! Ông Đồ cũng gật đầu. Thế là một cuộc tình duyên được công nhận, một đôi trai gái được mãn nguyện.

Mịch nghĩ đến mình thì cũng thấy xứng lứa vừa đôi. Tuy nghèo, nhưng Mịch lại đẹp. Hai má lúc nào cũng đỏ ửng như say trầu, hàm răng đen lay láy hạt huyền hẳn hoi. Những khi soi bóng trong gương, Mịch thấy mặt mũi mình cũng nhẹ nhõm, mà đôi mắt mình thì là mắt con nhà lương thiện. Cái cặp mắt ấy người ngoài trông thấy thì ai cũng phải khen là ngây thơ, hay là dễ hư, hay là dễ bụng nghe, là lạc quan, là dễ tin đời. Mà quả thật như vậy. Vì rằng không bao giờ Mịch lại tưởng tượng rằng lại có thể có một người bằng tuổi bố mình, lại giàu có sang trọng nữa, mà lại lừa mình để làm một việc xấu hổ trong một cái xe tu bin. Lúc có người ở đằng trước, và người ở đằng sau xe nữa!

Mịch nghĩ đến lúc ấy thì mặt lại đỏ bừng lên, tự mình cũng đủ thẹn với mình. Cô nghĩ đến những câu chế nhạo của bọn giai làng vô giáo dục. Từ khi ấy, cô sợ nhất cái xe ô tô. Mỗi lần trông thấy một cái xe ô tô là lại giật mình đánh thót một cái. Rồi cô Mịch đau khổ, đau khổ lắm. Vì cô rất yêu chồng. Người chồng sắp cưới ấy, theo lời mẹ cô kể lại, sẽ lên tận nơi thăm cô! Cái tinh thần nhà nho của ông Đồ đã khiến ông Đồ báo cái tai họa ấy ngay cho chàng rể một cách quả quyết. Trời hại ông và con ông, chứ không phải ông hay là con

gái ông, gây ra. Ông sẽ cho hai đứa được trò chuyện với nhau, mặc lòng ông đã hiểu trước rằng cho con rể như thế thì con gái sẽ thẹn. Mà nếu anh chàng rể chưa thực thụ ấy có vin vào cớ tân tiết để bỏ Mịch, thì, thôi, ông cũng đành ở với Trời. Bao giờ ông cũng chỉ ở với Trời, mặc lòng Trời chẳng bao giờ tử tế gì với ông. Xa ra! Những cái dư luận khốn nạn của hạng người nông nổi. Việc ấy không là việc giấu giếm được. Có bổn phận thông báo, ông cứ việc làm...

Thị Mịch rùng mình nghĩ đến cái phút mà người chồng sắp cưới sẽ đến. Anh ấy sẽ đến! Mà chỉ nội trong hôm nay thôi!

Mịch bàng hoàng, run sợ, kéo cái chăn trắng trùm kín đầu. Cô nghĩ đến đêm ấy, lúc cô ngây thơ, dại dột mà bước vào để cho kẻ khốn nạn được thể khép gọn ngay cửa xe. Cô nghĩ đến lúc cô tham tiền, thấy nói đến số tiền năm đồng, nên cứ để cho kẻ khốn nạn dùng lọ dầu làm cớ để sờ vào trán cô, cổ cô, ngực cô. Rồi Mịch lại nghĩ đến lúc bị quan đốc tờ bắt... lên nằm dài tô hô trên cái bàn đá. Sự tò mò của khoa học đã vào hùa với sự dâm dục của loài người mà đập tan nát mất cả cái ý nhị thẹn thùng kín đáo của một cô gái quê ngây thơ. Để đến nỗi như thế, vì lẽ gì? Vì tham tiền, vì dại dột bước chân lên ô tô. Vì ngây thơ để cho con dê già bôi dầu vào trán, vào cổ.

"Trời đất ơi, thì ra vì mình dại dột và tham lam!". Mịch nói một mình trong chăn, qua hai hàng lệ ràn rụa. Mịch sụt sùi, Mịch khóc nức nở, Mịch hối hận lắm, không còn mặt mũi nào nữa mà trông thấy người yêu. Nếu anh ấy hiểu cho, thương cho, thì chẳng nói làm gì. Nhưng anh ấy do thế mà giảm lòng yêu, hoặc lại nỡ rẻ rúng mình thì còn gì nữa? Mà nếu bị coi rẻ thì đó chẳng phải lỗi tại mình, cái lỗi thấy tiền híp mắt lại mà ra đó ư? Trời ơi nhục!".

Thị Mịch thổn thức hàng giờ. Chung quanh, những bệnh nhân toàn là bà ký, bà thông, chẳng ai thèm hỏi đến Mịch. Có u thì u đã phải về, vì ở làng hình như lại vừa có chuyện gì xảy ra.

Nghĩ đến cái nghèo của bố mẹ, cái ý muốn bán gánh rạ để mẹ đỡ đầu tắt, mặt tối, nó gây ra việc bị hiếp... Mịch tủi thân, giận đời, chỉ muốn chết. Cô tưởng rằng ở đời, cứ việc ăn ở cho hiếu thuận, làm ăn cho chăm chỉ, thấy ai túng thiếu thì không dè dặt, cởi ngay hầu bao đưa cái đồng bạc đã để dành trong mười ngày, và không ngồi lê bất chấy, kháo chuyện nhà người, thế là đủ lắm. Bị hiếp! Chưa bao giờ Mịch ngờ lại có khi... Trong cơn đau khổ, cô thấy mình hồng nhan bạc mệnh, thấy đời là độc ác vô cùng, thấy chị em bạn gái trong làng

là tồi tệ, thấy bố mẹ không đủ sức chống chọi, thấy Trời và Phật là những đồ thông manh.

Mịch không còn hy vọng gì nữa, không còn tín ngưỡng gì nữa.

Thế là Mịch ngồi nhỏm dậy, dụi mãi cặp mắt đỏ hoe và bàng hoàng nhìn quanh... Thiên hạ kẻ nằm người ngồi, mỗi người đều là một thế giới riêng, khiến cho Mịch thấy mình lại càng cô độc, lại càng lẻ loi, lại càng trơ vơ, lại càng một thân một mình trong cái đông người ấy.

Lúc ấy đã quá trưa. Giờ yên nghỉ của kẻ bệnh. Giờ mà các cô, hoặc các thày khán hộ được ngủ tạm một giấc tại nhà mình. Giờ mà quan đốc không có mặt ở nhà thương vắng ngắt.

Mịch lẳng lặng xuống đất, giẫm chân không, ra hiên. Cô đưa mắt khắp vườn, tìm một cây nào có thể có một cành cao hơn đầu người được. Rõ khổ! Có cây ổi đấy nhưng mà hàng rào râm bụt thưa thớt quá, người ngoài có thể nom vào được. Mịch đứng thừ người. Rồi Mịch lại đi, đi thẳng vào gian nhà con là chỗ chuồng tiêu. Mịch mở cửa nhìn lên trần, thấy một góc tường có một ống máng bằng kẽm to như ống tre bương và chắc chắn lắm. Mịch lại quay về phòng, len lét nhìn quanh, rồi nhắc theo một cái ghế đẩu nhỏ, đem vào chuồng tiêu...

Cánh cửa bị khóa bên trong.

Hai con mối trên tường nom thấy người đàn bà trèo lên ghế đẩu, cởi cái thắt lưng đũi ra, thòng lọng hai đầu, quấn quanh cái ống kẽm...

– Lạy thày, lạy đẻ, con sống cũng không làm gì, thày đẻ tha thứ cho. Con đành cam tội bất hiếu.

Giữa lúc ấy, trong phòng vẫn là sự im lặng, sự uể oải của những bệnh nhân. Thốt nhiên có một hồi guốc lẹp kẹp vang lên, thày khán hộ đi trước để cho một thiếu niên y phục nhũn nhặn, vừa ngơ ngác theo sau, vừa nhận một tràng những câu làu nhàu gắt gỏng: "Cậu phải biết thế này là rộng rãi cho cậu lắm. Lẽ ra phải đợi chốc nữa, xin phép quan đốc mới được vào. Người ta đã cho vào lại không biết điều, cứ giục ồn lên như bố người ta vậy!".

Thiếu niên dịu dàng chối cãi:

– Bẩm, vì chúng tôi ở tại Hà Nội lên, chỉ được có ít thì giờ, phiền ông làm phúc hộ.

Người khán hộ đến bên giường cô Mịch, hỏi trống không một câu:

– Ồ hay! Cái cô nằm giường này đâu mất rồi?

Tuy lời hỏi là trống không, buông sõng, song cũng năm bảy cái mồm đàn bà nhanh nhẩu nói đón:

– Ấy, cô ta vừa đây mà! Hay là ra đằng sau chăng?

Một người khác cũng vu vơ thêm:

– Cô ta đi đâu dễ đến nửa giờ rồi... Ra đằng sau lại lâu thế!

Người khán hộ ra cửa sổ trông ra vườn, rồi lại quay trở lại hành lang nhìn trước nhìn sau. Quanh quẩn không thấy gì, lại quay vào bảo người thiếu niên:

– Cứ ngồi đấy mà đợi.

Nhưng một bà phán nói:

– Lúc nãy hình như cô ả có đem một cái ghế đẩu đi theo. Như vậy chắc là ra ngồi chơi mát ngoài vườn.

Người khán hộ rít lên:

– Ra vườn? Ra vườn rồi à? Ồ lạ! Ai cho cái con nỡm ấy ra vườn? Cái con nỡm ấy lại không nhớ lời dặn của quan đốc là phải kiêng gió máy hay sao?

Nói xong, người khán hộ tất tả chạy đi, làm một vòng quanh cả cái khu nhà thương rộng rãi. Thiếu niên ngồi xuống giường, ra ý mệt mỏi, chống tay lên trán, thừ người ra. Hai tai thiếu niên phải nghe đầy những câu của bọn bệnh nhân bình phẩm người yêu của mình, những là: nhà quê, đù đờ, ngẩn ngơ, dại dột, quê kệch, thôi thì đủ trăm thứ. Những người bình phẩm một cách vô tình ấy không ngờ rằng người lại thăm cô Mịch chính là chồng sắp cưới của cô Mịch, nên họ đã vô tình mà thành ra những người xấu bụng có tính gièm pha.

Chợt thấy người khán hộ tái mặt chạy vào rầm rộ kêu lên một câu:

“Bỏ mẹ! có chuyện chẳng lành rồi”, và vớ lấy một chiếc ghế đẩu, cắm đầu chạy ra. Hết thảy những người trong nhà thương hoảng cả lên, tung chăn ra, nhảy xuống đất. Có một bà thông, vì không thấy dép, cứ nguyên đôi bít tất lụa, giẫm phăng xuống đất, chạy theo người khán hộ. Rồi thì là những tiếng ghế đẩu phang vào cái cửa chuồng tiêu thình thình.

Cửa bật tung ra, hơn chục người đứng xem cùng một tiếng rú kinh khủng. Người khán hộ bắc cái ghế đẩu đã đổ lăn cạnh chỗ thị

Mịch thắt cổ, trèo lên đỡ người khốn nạn, một tay tháo chiếc thắt lưng... Rồi ẵm phăng cô Mịch vào phòng nhà thương, vừa đi vừa nói rõ to: "Cái nhà xí ấy có ma đấy mà! Năm ngoái cũng đã có một người thắt cổ chết, bà nào làm ơn réo ngay hộ tôi một cô khán hộ đi!". Giữa những câu nói đi, nói lại xôn xao, người khán hộ cứ thản nhiên cởi khuy áo, cởi cả dải yếm cổ, cởi cả dải rút quần cô Mịch. Vừa lúc ấy, cô khán hộ đã bưng một chậu nước lạnh có một cái khăn bông vào. Người ta đập cái khăn bông ướt vào mặt cô bé, lúc ấy, không biết sống hay chết.

Người ta lại để một ít bông trên mũi cô. Rồi cô khán hộ trèo lên giường, quì phía dưới chân cô gái quê, đẩy hai chân cô cho ruỗi thẳng ra, rồi lại co lại... Thày khán hộ thì lên ngồi cạnh đầu, lôi hai tay bệnh nhân cho thẳng lên trời, lại đặt xuống giường, lại lôi lên y như bắt tập thể thao.

Giữa cái lúc bi thương, cũng có vài người đàn bà cho cái trò ấy là lạ mắt, là ngộ nghĩnh, há hốc mồm ra cười.

Khi thấy dúm bông trên hai lỗ mũi cô Mịch như có bị lay động một chút, cả hai người khán hộ mới nhảy xuống đất cùng reo một câu: "May quá!". Người ta bôi một ít thuốc đỏ sẫm vào cổ cô bé nhà quê, cái cổ đã có một ngấn thắt lưng. Dần dần Mịch mở mắt ra, ngơ ngác nhìn mọi người. Hai con mắt dại như mắt trẻ mới đẻ vậy.

Thiếu niên từ nãy cứ ngồi dưới chân giường, bưng trán, bây giờ mới đứng dậy, dõng dạc nói với cả lũ ấy:

– Thưa các bà, cô bé này là vợ sắp cưới của tôi. Nó đã bị nạn ra sao, chắc các bà đã rõ. Tôi ở Hà Nội vừa lên thì thấy cơ sự dường này. Thật là những sự sét đánh ngang tai tôi. May mà nó sống sót. Vậy xin các bà làm ơn lui gót, cho vợ chồng chúng tôi có thể được cùng nhau trò chuyện riêng vài phút, và tôi xin rất cảm tạ sự săn sóc của các bà.

Thấy người chồng sắp cưới của cô gái quê ngu đần, dại dột, ngờ nghệch ấy, mà lại có giọng ăn nói cứng cỏi đến như thế, ai cũng lấy làm ngạc nhiên. Người ta bèn gật gù, rủ nhau sang phòng thày khán hộ, hỏi về cái chết của người đàn bà thắt cổ chết trước kia ra làm sao, cái nhà xí ấy có ma ra làm sao, để sợ hãi với nhau cho đỡ buồn.

Khi gian phòng chỉ còn có hai người, Mịch hổn hển khẽ nói:

– Anh Long ơi, tôi xin lỗi anh...

Long cúi xuống, ứa nước mắt hỏi:

– Mịch ơi, sao lại đến nông nỗi thế? Mịch không nghĩ đến công cha nghĩa mẹ nữa à? Mịch không nghĩ đến người chồng của Mịch rất yêu thương Mịch, có thể chết được, nếu Mịch chết à?

– Lạy anh, anh tha cho, tôi xấu hổ quá.

– Sao lại nghĩ lẩn thẩn thế?

– Thưa anh, tôi không dám nhìn mặt anh nữa.

– Thôi đi, đừng nói dở như vậy mà anh lại càng thêm buồn.

– Tôi chỉ sợ vì những sự bất hạnh của tôi mà anh đem lòng rẻ rúng tôi. Cho nên tôi tủi thân, tôi giận đời, tôi chỉ muốn chết quách đi cho xong.

– Có phải lỗi tại Mịch đâu mà anh rẻ rúng Mịch được?

– Xin anh cam đoan là sẽ thương hại tôi mãi mãi đi! Anh Long ơi, nếu bao giờ anh mất lòng thương tôi thì tôi sẽ lại phải chết mất, anh ạ. Tôi khổ sở lắm, chán đời lắm, anh ạ.

– Anh cam đoan vẫn yêu quí Mịch như trước, yêu quý mãi, yêu quí suốt đời. Anh lại cam đoan là sẽ rửa thù cho Mịch nữa, vì rằng cái nhục của Mịch tức là một vết nhọ trên trán anh. Rồi thì anh cũng phải làm thế nào rửa sạch vết nhọ ấy thì mới có thể trông thấy mọi người được. Thôi đi, đừng khóc nữa.

– Chúng ta nghèo hèn lắm, làm gì được?

– Nó dùng tiền bạc và thế lực, thì ta sẽ dùng mưu sâu. Anh đã nói Mịch sẽ được trả thù thì rồi thể nào Mịch cũng rửa được thù. Anh làm công cho con giai lão Nghị ấy, chuyện gì anh cũng có thể biết được. Mà con lão chỉ biết là chủ anh chớ không biết rằng người con gái mà thằng bố nó đã hiếp, lại là vợ chưa cưới của anh. Như vậy thì cũng không khó, Mịch ạ. Thế hôm nào thì hết hạn nhà thương, mà về được nhà?

– Hình như còn có ngày mai nữa thôi.

– Mịch nên xin về ngày hôm nay thì hơn.

– Vâng, để rồi tôi xin.

Hai người cầm tay nhau, nhìn nhau một cách rất đỗi yêu thương. Sự căm hờn chung làm cho cả hai đã lẳng lặng và sự lẳng lặng thề thốt với nhau, lại ý nhị hơn cả bằng lời nói nữa. Dẫu sao, họ cũng thấy một vẻ sung sướng riêng trong những cơn tai họa tầy đình.

Nhưng chẳng may bà đồ Uẩn phá tan ngay mất cái phút hiếm có ấy. Bà bước vào nói rầm lên rằng:

– Quái lạ thật! Một ít giấy in chữ tím với hai mảnh vải tây đỏ thì làm cái gì mà quan cũng về bắt khám xét cả làng là nghĩa làm sao? Sao lại gọi là đồ quốc cấm?

Long đứng lên kêu:

– Thôi chết rồi!

Mịch hỏi:

– Làm sao hở u? Làm sao hở anh Long?

Bà Đồ nói tiếp:

– Mấy trăm tờ giấy với hai miếng vải tây đỏ không biết đứa nào vất vào làng mà quan huyện cũng về khám lung tung cả lên.

– Có bắt ai đi không?

– Quan với ông đồn bảo ông Chánh hội với ông Lý trưởng lên xe tu bin về huyện.

Đáp xong, bà Đồ ngẩn người ra nhìn con rể, miệng tròn như một chữ o.

VI

Buổi chiều hôm ấy, nhân dân huyện Cúc Lâm nhôn nhao đồn đại nhau rằng có một vị quan to nào đã về thăm huyện. Người nói đó là quan Công sứ về hiểu dụ. Kẻ kêu đó là quan Thống sứ về kinh lý. Lại có kẻ cam đoan đó chỉ là quan Nghị người Nam. Người ta chỉ thoáng trông một chiếc xe hơi hòm, nghênh ngang tiến đến cửa huyện, rồi một người to nhớn, quần áo tây màu đen bước xuống, chạy tọt vào huyện. Lúc xuống xe, ông chủ xe đã được người tài xế, quần áo dạ tím, mũ lưỡi trai, xuống từ trước để mở cửa xe. Người ta chỉ trông thấy cái hình thức uy nghi ấy mà thôi, chứ không rõ mặt mũi ông chủ xe như thế nào. Cho nên có những lời đồn đại huyên thiên kể trên.

Chính thật ra, đó là Nghị Hách, vì ông tri huyện Cúc Lâm có giấy gọi. Công cuộc điều tra của một ông huyện sở tại hình như đã kết liễu. Nhưng mà giấy gọi chỉ dùng một giọng dè dặt, gọi kẻ bị nghi là can phạm lên huyện nói chuyện chứ không phải là trát bắt lên.

Chẳng thèm đợi lệnh, cũng không báo cho lính nữa, Nghị Hách cứ xồng xộc chạy thẳng vào huyện đường. Lúc ấy, trước bàn giấy quan Huyện, có hai người nhà quê, y phục ra lối Tổng lý. Ông Huyện phán:

– Các thày cứ về. Phải bảo tuần tráng canh phòng cho cẩn mật để chờ có trát nữa thì tức khắc phải lên ngay.

Hai người nhà quê dạ, lui ra. Ông Huyện truyền lính kéo ghế mời Nghị Hách ngồi.

– Bẩm quan lớn có giấy gọi chúng tôi về việc gì thế ạ?

– À, nguyên vừa rồi có hai lá đơn kiện ông chủ một chiếc xe hơi, có làm một việc nài hoa ép liễu. Tôi là quan sở tại, tôi có phận sự mở cuộc điều tra. Cho nên có giấy gọi ngài.

– Bẩm, chúng tôi xin chờ lệnh của quan lớn.

Quan Huyện quay tìm một tập bìa vàng trong đống giấy má lấy ra để trước mặt, giở từng tờ một và hỏi Nghị Hách:

– Hôm 16 ta vừa rồi, vào lúc đã khuya, hình như ngài có đáp xe hơi về Hà thành?

Nghị Hách để tay lên trán, làm ra vẻ nghĩ ngợi hồi lâu rồi đáp:

– Bẩm vâng.

– Xe hơi của ngài số hai vạn bốn nghìn tám trăm bảy mươi nhăm, có phải không?

– Bẩm không phải. Mươi lăm chứ không phải bảy mươi nhăm.

– Được ạ. Tôi đã cho hỏi người gác *ba đen* cầu Đọ, thì đêm hôm 16, có một chiếc xe hơi hòm số hai vạn bốn nghìn tám trăm mười lăm chạy qua.

– Bẩm thế sao nữa?

– Không có gì nữa . Cảm ơn ngài, ngài có thể về được rồi.

– Quan lớn cho chúng tôi về?

– Vâng.

– Thưa ngài, thế bên nguyên kiện tôi ra làm sao?

– Ấy, họ đại khái như ngài... đã biết.

Lạnh lùng, viên tri huyện đứng lên.

Nghị Hách cũng cười nhạt đứng lên cầm cái mũ quả dưa, mặt bẽn lẽn...

– Bẩm quan lớn, ngài muốn trị tôi thẳng tay đó hay sao?

Ông Huyện cười, cái cười xã giao, mà rằng:

– Trị ngài à? Tại sao lại thế nhỉ? Tôi tưởng tôi với ngài, chúng ta không có điều gì thù hằn thì phải.

– Bẩm, vậy mà cái thái độ của quan lớn lạnh lùng đến nỗi chúng tôi phải có cái ý nghĩ ấy.

– Đó là ngài nhầm!

– Thưa quan lớn, đến quan Tổng đốc và quan Công sứ tỉnh nhà cũng không nỡ xử với tôi như thế.

Ông Huyện trẻ tuổi giơ tay ngăn mà rằng:

– Bản chức đã biết! Ngài là một người giàu có, nhiều thế lực. Chỉ vì thế mà bản chức phải lãnh đạm...

– Bẩm quan lớn, hay ngài xử hòa cho chúng tôi?

– Việc này tôi cũng nghĩ thế đấy. Nhưng mà về sau, tôi lại nghĩ rằng để quan tỉnh xử hòa thì hơn. Là vì cái quyền hạn của chúng tôi hẹp hòi lắm. Có việc gì xảy ra, chúng tôi chỉ được mở cuộc điều tra, rồi bẩm lên quan trên mà thôi. Mà một vụ kiện hiếp dâm lại thuộc về luật hình.

Nghị Hách đỏ mặt, ấp úng:

– Thưa ngài, thế trong đơn họ kiện tôi là hiếp dâm?

– Tôi có làm biên bản đâu? Đấy ngài xem nếu có biên bản, tôi đã mời ngài phải ký một chữ chớ?

Hai người nói đến đây thì đứng cúi đầu trước cái bàn giấy, mỗi người bận về một ý nghĩ. Nghị Hách thì chưa biết nên nói ra sao cho khéo léo, còn ông Huyện thì cũng đứng im, muốn tống khứ Nghị Hách đi đi, vì ngài còn bận lên tỉnh. Hồi lâu, Nghị Hách nói:

– Thưa ngài, sự thực thì không như trong đơn kiện. Bên nguyên đơn đã vu cáo.

– Làm sao ạ?

– Bảo là hiếp dâm thì thật là vu oan. Thưa ngài, lúc ấy xe hơi của chúng tôi liệt máy, phải chữa trong hai ba tiếng đồng hồ. Giữa lúc tôi buồn, thình lình con bé ấy dẫn xác đến. Ngài cũng thừa biết cho là dẫu người tai to mặt nhớn đến thế nào đi nữa, thì cũng phải có lúc giăng gió một chút, cái ấy là trời sinh ra. Tôi hỏi con bé, nó đã bằng lòng... nó cũng như là một đứa giang hồ, mà cái việc xằng bậy của tôi thì cũng chỉ là của một người không hoàn toàn đứng đắn mà đi chơi bậy đêm mà thôi.

Ông Huyện lại quay về sau bàn giấy, giở cái bìa vàng ra mà rằng:

– Đây là giấy nhận thực của viên y sĩ, giấy nhận thực cho thị Mịch... là...

Nghị Hách cúi xuống xem rồi nói:

– Giấy này cũng không đủ buộc tội đâu. Quan lớn xem lại mà xem!... Nhận thấy rằng con bé ấy đã mất tân constate que la dite fille a perdu sa virginité... dòng chữ ấy vô nghĩa. Lúc khám thì viên y sĩ thấy rằng đã mất tân! Câu vu vơ ấy đủ cho thày kiện của chúng tôi cãi rằng có thể người con gái đã mất tân từ trước khi gặp tôi kia rồi. Bẩm quan lớn, nếu việc xảy ra to thì tôi sẽ chống án lên thượng thẩm, mà bên nguyên đơn thì không thể có tiền chạy thày kiện như tôi. Bẩm quan lớn, nén bạc đâm toạc tờ giấy, ngài nên bảo nguyên đơn giải hòa.

– Người ta chưa nói gì đến việc xin bồi thường, chỉ nói là xin trị kẻ có tội, để rửa nhục cho người con gái mà thôi.

– Bẩm quan lớn, chúng tôi xin nói thật rằng chúng tôi không thua cái kiện này đâu. Nghĩa là việc lên đến quan sứ, thì chúng tôi chỉ hơi phiền lòng mà thôi, chứ thua thì không có thể. Vậy mong quan lớn gọi nguyên đơn lên bảo là nên giải hòa.

– Bản chức cứ biết bẩm tỉnh đã.

Nghị Hách đứng thừ người ra hồi lâu rồi nói rằng:

– Thưa quan lớn, cách đây ít lâu, tôi có sai người nhà lên điều đình một việc với quan lớn...

– Cái đó tôi có biết. Người đàn bà ấy cũng đã khôn khéo lắm lắm, song tôi không thể làm vui lòng ngài được.

Rồi ông Huyện lảng chuyện bằng cách phán cho tên lính lệ:

– Bảo xà ích đánh cái xe ngựa ra để tao lên tỉnh đi mày!

Tên lính dạ một cái rồi thụt vào cửa sau. Nghị Hách lại nói:

– Quan lớn tiết kiệm quá nhỉ? Sao ngài lại chưa tậu ô tô?

– Tôi không có nhiều tiền như những ông quan khác.

– Bẩm quan lớn, ngài thử trông cái xe của tôi đấy kia xem.

Ông Huyện quay nhìn ra chỗ cái xe hòm, hỏi lại:

– Làm sao?

– Nếu chính quan lớn mua giúp cho thì tôi xin để lại bằng một giá rất rẻ.

– Nếu quan lớn dùng đến thì tôi chỉ xin lấy ngài hai trăm thôi. Lúc mới mua giá nó là ba nghìn tám đấy ạ. Một chiếc xe hiệu Avion Voisin...

– ...

– Nhưng mà trong giấy tờ thì cứ biên là quan lớn mua lại những hai nghìn.

– ...

– Bẩm quan lớn, hay là ngài đi thử một chốc? Để chúng tôi cầm hầu ngài lên tỉnh rồi xong việc quan, lại cầm hầu ngài về huyện? Nếu quan lớn muốn đi thử thì để tôi bảo xà ích thôi đừng gióng ngựa nữa.

Ông Huyện đứng nghĩ một lát rồi mỉm cười nói:

– Vì việc tôi cần lên tỉnh sớm, nên tôi bằng lòng đi xe hơi của ông, thế thôi. Còn tậu lại thì không, dù là ông chỉ để lại cho tôi bằng một đồng bạc. Nếu tôi định bụng kiếm chác gì ông, thì từ hôm nọ, tôi đã nhận lời với người đàn bà mà ông phái lên điều đình rồi còn gì!

Thế là ông Huyện để cho Nghị Hách bẽn lẽn mà dẫn mình ra xe. Cùng lên theo xe của Nghị Hách với ông Huyện có cả một bác lính cơ tay ôm cặp công văn dày một tấc nữa.

Xe chạy độ mười phút thì đã tới tỉnh ly.

Ông Huyện vào phòng giấy quan Tổng đốc, còn Nghị Hách thì đi đi lại lại ngoài sân tòa án. Lúc vào, vừa kịp khép cửa, ông Huyện đã thấy quan Tổng đốc hỏi:

– A, thày Huyện! Thế việc truyền đơn, cờ đỏ ở làng Quỳnh Thôn ra làm sao?

Ông Huyện khoan thai thưa lên:

– Bẩm cụ lớn, trong biên bản tôi đã có trình rõ ràng lắm.

– Thế vụ thuế tháng mười này thế nào.

– Bẩm, thu được đủ cả.

– Thày Huyện chỉ bẩm lên có thế?

– Bẩm, còn việc một thày Đồ với Lý dịch làng Quỳnh Thôn kiện một người về tội hiếp dâm.

– Hiếp dâm? Đầu đuôi như thế nào?

– Bẩm cụ lớn, biên bản tuy vắn tắt nhưng đủ rõ ràng lắm.

Quan Tổng đốc cúi xuống tập bìa vàng. Nét mặt quan luôn luôn thay đổi. Màu da lúc tái đi, lúc lại đỏ bừng lên. Sau nửa tiếng đồng hồ, quan ngẩng lên nhìn viên tri huyện, tiếng đồng sang sảng:

– Này, thày Huyện! Thày ở Ba Lê đã đỗ Luật khoa Tiến sĩ?...

Biết là có chuyện, ông Huyện ngẫm nghĩ một phút, rồi cứng cỏi đáp:

– Bẩm vâng, quả có thế thật!

– Ở bên tây, thày đã diễn thuyết và biểu tình với ông văn sĩ Romain Rolland [1] về việc chính trị phạm Đông Dương?

– Bẩm vâng!

– Cho nên thày không biết mở một cuộc điều tra, cho nên thày không đủ tư cách làm một viên tri huyện!

Quan Tổng đốc nói đến đấy thì đứng lên, tay khoanh trước ngực. Ông Huyện đỏ mặt lên. Nhưng vẫn khoan thai mà thưa rằng:

– Bẩm chúng tôi có lỗi gì ạ?

Quan Tổng đốc chân tay run lên bần bật, hai bên má như bị hai cái gân tai ác giật lấy giật để, làm một hồi dài:

– Cứ riêng về truyền đơn ở làng Quỳnh Thôn cũng đủ tỏ ra thày làm quan mà không biết luật. Dù là chưa tìm thấy kẻ làm việc ấy, thì thày cũng phải biết giam bọn Lý dịch cái làng ấy lại chứ? Thày không nhớ trong hình luật có khoản buộc Lý dịch mỗi làng phải chịu trách nhiệm về mỗi việc rối cuộc trị an xảy ra trong làng hay sao? Thày lấy cớ gì mà để yên cho chúng? Sao thày làm bậy bạ thế?

– Bẩm cụ lớn, chúng tôi đã xét kỹ rằng dân huyện tôi còn ngu dốt lắm, không thể làm những việc ấy được, mà làng Quỳnh Thôn thì lại là một làng còn ngu dốt hơn hết. Đó chỉ là kẻ nào ở xa đến làm việc ấy mà thôi. Đã biết mà còn bắt, sợ oan cho dân sự.

– Thày đừng nói là biết! Cái lão Đồ làng Quỳnh Thôn dám dạy 6 đứa trẻ mà không xin phép mở trường như vậy là sai Nghị định Nhà nước, là phải bắt tống giam, vậy mà thày không hiểu một tí gì cả! Ông đồn về khám, khi qua nhà lão Đồ, đếm được 6 đứa học trò, đã có phàn nàn việc ấy lên quan sứ rồi. Như vậy là thày sao nhãng!

– Bẩm lúc khám cả làng thì công việc ồ ạt, nếu vậy thì tôi trót sơ ý.

1. Đọc là Rômanh Rôlăng.

– Thày sơ ý như thế thì để dân nó nổi loạn à? Đã làm tri huyện thì nội trong huyện, nhà nào có mấy con gà là thày cũng phải biết mới được!

– Bẩm cụ lớn, tôi xin cam chịu lỗi.

– Lại còn cái việc bẩn thỉu, cái việc hiếp dâm này nữa. Thày phải biết rằng ngoài cái số thám tử của thày, lại còn có thám tử của tòa sứ nữa, dưới quyền của tôi, cũng mở cuộc điều tra! Cái dân dưới quyền thày vì nhiễm phải tư tưởng phản nghịch vì cái nhu nhược của thày, có lẽ vì cả những tư tưởng của thày có ở Ba Lê, mà thày đem theo về đây nữa, đã vào hùa nhau căm hờn những người giàu có, bảo người ta là tư bản thì là xấu xa lắm, rồi vu oan giá họa cho người ta! Thày làm quan như thế là ngu! Đây này, thị Mịch kèm theo cái số tiền 5 đồng trong đơn kiện là nghĩa lý gì? Người ta hiếp dâm nó mà nó lại nhận tiền à? Lý luật thày để đâu mà thày cai trị dân như thế? Thày phải bắt giam con bé ấy lại mà gửi về nhà lục sì Hà Nội chứ? Thày làm quan như vậy là làm loạn! Để tôi trình lên quan trên đổi thày đi Sơn La để cho thày biết thân mới được. Quan sứ cũng không bằng lòng thày!

Ông Huyện cúi đầu 15 phút rồi ngẩng lên cười nhạt, nói:

– Bẩm cụ lớn, tôi tưởng tôi ra làm quan được thì tôi làm được một việc ích quốc lợi dân! Bây giờ như thế này, tôi mới biết là tôi đã nhầm...

– À, thày Huyện! Thày dám kháng cự người bề trên như thế à?

– Cụ lớn cho tôi nói nốt. Vâng, quả là tôi có nhiều tư tưởng không hợp với chế độ cũ. Bẩm cụ lớn, nhưng mà không phải tự tôi đi chạy chọt cái tri huyện.

– Thày như vậy là hại dân, hại nước! Thày không chịu hòa giải một việc nhỏ mọn như thế, vậy thày thấy người ta có máu mặt nên thày xoay à?

– Bẩm cụ lớn, nhà nước không cần phải đổi tôi đi xa! Dù tôi không đi làm thì tôi cũng không chết đói ạ. Bẩm cụ lớn, chẳng phải nói khoe gì, quan thày của tôi trong Đảng xã hội, nay mai mà có sang nhận chức Toàn quyền, thì lúc ấy tôi lại sẽ làm quan cũng không muộn ạ. Mà nếu có phải làm quan, tôi sẽ cũng không làm quan huyện nữa... tôi xin cam đoan với cụ lớn trước như thế. Thế thì xin cụ lớn biết cho là ngay bây giờ, phải ngay bây giờ, tôi xin có lời trả lại cái tri huyện cho Nhà nước! Ngày mai thì sẽ có đơn từ chức của tôi hẳn hoi.

Quan Tổng đốc ngẩn người ra hồi lâu rồi dịu giọng:

– Thày nói thật đấy à?

– Bẩm cụ lớn, chúng tôi lại dám nói đùa thế à?

– Ở đời này, không nên ương ngạnh quá thế, tôi bảo thật.

– Bẩm, nào có phải là ương ngạnh! Chúng tôi hiểu rồi, vì đã làm tri huyện một năm rồi. Như cái việc hiếp dâm này là do tài xế của ông Nghị ấy về Hà thành, vào một tiệm thuốc phiện khảo chuyện, không may lại vớ phải một thằng con riêng của ông Nghị ấy. Thằng con ấy, một đứa vô lại muốn xoay tiền bố, đã đến nói với nhà báo để cho một tờ báo nọ cứ gào choáng mãi lên, kêu đòi thần công lý của quan sở tại, là tôi. Cho nên bây giờ, sau khi bị cụ lớn khiển trách thế này, thì tôi lấy làm xấu hổ cho cái thần công lý của tôi lắm.

– Nếu thế ra biên bản của thày là đúng?

– Thôi được, cụ lớn đã bảo là sai thì nó là sai. Tôi cũng không cần cãi nữa, vì tôi đã xin từ chức rồi. Để tôi mở một phòng luật sư và một cơ quan ngôn luận bằng chữ tây, lúc ấy rồi tôi xin đáp lại cụ lớn và cái chế độ quan trường hiện nay. Thưa cụ lớn, khi người ta không phải là kẻ vô học thì người ta muốn làm gì cũng được.

Quan Tổng đốc, ý chừng nghĩ đến cái bước làm quan tắt của mình, nên tái mặt đi, tức không nói được nữa.

Lúc ông Huyện ra tới sân thì thấy Nghị Hách đương nói với một thày phán: "Nó kình địch với tôi thì tôi sẽ làm nó mất cái tri huyện!".

Ông Huyện tuy vậy cũng làm như không nghe tiếng và cứ gọi rõ to:

– Kìa, quan lớn Nghị! Ngài không đánh xe trả tôi về huyện à?

VII

Đến trước bàn giấy ông Giám đốc Đại Việt học hiệu là Tú Anh, ông chủ rất trẻ tuổi của mình, Long mở quyển sổ lớn, cầm bút chì dò vào cột chữ số, vừa đọc, vừa nói:

– Thưa ông, tính đến mồng 10 này thì số tiền học phí thu được cũng đã khá lắm. Năm thứ tư, học sinh trả hết cả. Năm thứ ba, năm thứ hai và năm thứ nhất chỉ độ mươi học sinh tất cả, khất đến cuối tháng. Còn lớp nhất thì 25 học sinh thiếu tiền, lớp nhì 7 người, lớp ba 16 người. Còn lớp dự bị và lớp đồng ấu thì vì ông chưa ra lệnh giảm 10 hay 30 phần trăm, nên chưa thu.

– Mai thì thày thu một lượt đi. Hạ cho các cô các cậu ấy 30 phần trăm học phí. Còn cái bản thống kê của thư viện thì ra sao?

Long lại giở một tập giấy đánh máy, nhìn vào rồi đáp:

– Tháng này có hai trăm học sinh mượn sách của thư viện, trong số đó, thì sáu phần mười đọc tiểu thuyết tình, bốn phần đọc truyện trinh thám, mà chỉ có hai phần mượn sách học mà thôi.

– Thế số tiền học phí thu được bao nhiêu?

– Bẩm tổng cộng năm trăm sáu mươi tư đồng.

Ông Giám đốc thở dài một cái rồi bảo:

– Thôi được, thày lên mà ăn cơm.

Long cúi chào rồi quay ra được mươi bước, thì ông chủ trẻ tuổi lại gọi lại:

– À này! Hay thày hộ tôi một việc đã nhé?

– Vâng.

– Thày đừng ăn cơm nữa, lấy ở két một đồng bạc mà đi ăn hiệu. Nhưng mà trước khi đi ăn thì hãy lại cái tiệm thuốc phiện chú Sềnh ở Hàng Buồm hộ tôi một việc này đã.

– Bẩm vâng.

– Đây này, thôi thì chắc thày cũng chẳng lạ gì cái việc bậy bạ của ông cụ nhà tôi mà vừa rồi tờ báo *Lưỡng kỳ* nó đăng tin đã loạn cả lên...

Long làm bộ ngớ ngẩn mà rằng:

– Bẩm việc gì thế ạ? Thưa ông, quả độ này tôi không đọc báo.

Ông chủ ấp úng:

– Nguyên ông cụ nhà tôi... Ông cụ nhà tôi... vừa có làm một việc nài hoa ép liễu, kể cũng bậy bạ lắm. Thế rồi cái thằng con riêng của ông cụ, một thằng con mất dạy, mà ông cụ không nhận nữa, không biết làm thế nào lại rõ việc ấy... Chẳng biết nó là đứa trống mồm trống miệng, hay là vì nó thù ông cụ mà nó cứ rêu rao lên cho mọi người biết cái chuyện xấu hổ ấy. Hôm qua tôi có đến tiệm tìm nó thì lại không gặp, vậy bây giờ thày lại tìm nó giúp tôi. Tên nó là thằng Vạn, nhưng mà thiên hạ cứ quen gọi nó là thằng Vạn tóc mai. Thày tìm được nó rồi thì khẽ bảo với nó đại khái rằng: tôi, Tú Anh, con giai trưởng cụ Nghị Hách, nghĩa là anh em cùng cha khác mẹ với nó,

muốn mời nó lại chơi để bảo nó rằng: nó đừng rêu rao ông cụ nữa thì chính tôi, tôi sẽ xin với ông cụ cho nó được hẳn một ngôi nhà. Thày nói thế rồi kéo ngay nó về đây cho tôi.

– Vâng.

– Thày nên khôn khéo một chút nhé, thằng ấy vô nghĩa lắm.

– Vâng, thế thì tôi chợt nhớ ra chuyện ấy rồi. Chuyện xảy ra, hình như cũng đã quá nửa tháng. Mà nghe đâu như cụ Nghị nhà ta bỏ ra những năm trăm, đền cho bố mẹ cô gái quê vừa rồi cơ mà?

– Cái gì? Ai bảo thày thế?

– Thiên hạ đồn nhau thế thì phải.

Ông Giám đốc thở dài một cái, mình tự nhủ mình: "Không còn một ai là không biết nữa!". Rồi nói với người thư ký:

– Không, đấy là họ đồn nhảm. Ông Nghị nhà ta sẽ cưới cô bé ấy làm vợ lẽ thì mới là đền bù được cho cả một đời bị hại của người ta.

Long tái xanh mặt, vội quay nhìn ra phía khác, rồi cúi xuống đất nhặt một cái đanh ghim để giấu sự xúc động rất mạnh đã hiện ra cả thần thái. Hồi lâu, chàng hỏi chủ:

– Bẩm lấy làm vợ thì phải có phép cưới hẳn hoi.

– Phải.

– Mà lại có cả cụ Nghị bà ưng thuận?

– Cái đó đã hẳn. Lễ cưới sẽ rất trọng thể, rất linh đình.

– Bẩm, chính cụ Nghị ông muốn lấy người gái quê ngu đần ấy về làm thứ phòng, mà ông không phản đối?

– Sao tôi lại phản đối? Ấy là chính tôi, tôi bắt ép ông cụ nhà tôi phải xử sự như thế, cho bõ với cái lúc càn bậy, chứ có phải ông cụ tôi muốn thế đâu!

Long gượng cười mà rằng:

– Thưa ông, tôi tưởng chẳng cần phải thế. Cứ đền cho họ vài trăm bạc, họ muốn lấy ai thì lấy có được không!

Ông chủ trẻ tuổi so vai, nghiêm khắc mà rằng:

– Thày đừng nói càn! Cái tân tiết của một người con gái, dù là gái quê ngu đần, thì cũng là đáng quí lắm. Ông cụ ấy đã phá tân người ta, thì ông cụ phải lấy hẳn người ta. Mà lấy làm bà hai hẳn hoi chứ không phải là mua về làm hầu như những người khác.

Long xoa tay, lễ phép hỏi lại:

– Bẩm xin ông tha lỗi cho, thế ngộ người ta không bằng lòng thì sao?

– À, cái ấy có thể xảy ra được lắm, vì bố người ta cũng là một nhà nho hẳn hoi, mà một nhà nho thì vẫn khí khái lắm. Nhưng mà tôi tưởng việc ấy rồi thành được. Là vì cái kiện theo đuổi còn dở dang thì chẳng may cho ông Đồ lại bị quan đồn truy tố về tội không xin phép mà lại mở trường tư. Ông ta dạy sáu đứa trẻ con, nghĩa là sai Nghị định. Hiện giờ thì ông Đồ vẫn được tại ngoại hậu cứu, nhưng nay mai tòa án xét xử thì thế nào rồi cũng phải tù. Nếu phải tù thì tất cái gia đình ấy cần tiền, mà tôi bảo ông cụ nhà tôi đem nghìn bạc đến thì còn gì mà chả cưới được! Vừa lấy một người đã trót ngủ với mình, làm chồng, lại vừa có tiền chạy chọt cho bố, thì có phải là một việc nhất cử, lưỡng tiện không?

– Bẩm thế đã bị bắt chưa ạ?

– Chỉ thấy nói bị truy tố, chứ bị bắt chưa, thì không hiểu.

Nghe đến đó, Long cúi đầu xuống, lo sợ không thể giấu được nét mặt nữa. Chân và tay chàng đều run bần bật lên. May sao ông chủ của Long ngắt chuyện mà giục chàng:

– Ô hay, thày đi ngay đi chứ?

May quá, Long làm ra bộ hấp tấp bước ra ngoài Đại Việt học hiệu. Chàng gọi xe, bước lên, bảo phu kéo đến phố Hàng Buồm. Câu chuyện Tú Anh vừa hở cơ kể lại, khiến chàng như cái đồng hồ đứt mấy dây tóc. Nhưng chàng cứ phải cố giữ nét mặt điềm tĩnh cho khỏi hớ trong công cuộc dò la.

Xe đỗ trước một hiệu phở nhỏ. Một ngọn đèn bấc leo lét chiếu vào một con gà, một miếng thịt bò, vài dây ớt đỏ, với mấy cây rau cải làn, rau cần tây. Hiệu vắng vẻ như bãi sa mạc. Chủ hiệu, một chú khách ngồi ngủ gật, hút một cái điếu thuốc lá bào. Long nói:

– Xin phép chú, tôi lên trên chú Sềnh.

– Hẩu lớ!

Long thoăn thoắt bước qua bốn cái bàn, một cái bếp, thì đến một chỗ tối om. Trong tối, hiện ra, tỏ tỏ mờ mờ, một dẫy mười cái buồng, mỗi buồng có cái phản, mỗi phản có một cái màn xếp che, mỗi màn xếp có treo một xâu cá mắm mực. Buồng nào cũng cách nhau bằng

một lần cót, buồng nào cũng có một cái hỏa lò bốc khói xanh mù. Tiếng trẻ con khóc, tiếng mỡ nổ lanh tanh trong sanh đồng, tiếng chó con bú mẹ un ủn, cắt nghĩa rằng trong chỗ tối tăm ấy có mười gia đình hẳn hoi. Một thứ mùi tanh tanh rất khó tả, bảo rằng mười gia đình ấy là mười gia đình khách trú.

Long cứ giẫm bừa lên lớp bùn quánh giữa lối đi, không sợ bẩn đến gấu quần. Đến một cái thang gỗ nhỏ, chàng đứng lại, nhìn lên. Trên gác lụp xụp chỉ có một thứ ánh sáng héo hắt, thấy vang lên những tiếng ro ro, do những cái cổ họng anh hùng kéo thật khỏe.

Long, vì là lần đầu, nên rón rén lên thang. Vừa bước đến bậc nhất, đầu chàng đập phải cái giầm đánh bốp một cái. Cùng giữa lúc ấy có ngay một chuỗi cười vang lên. Tiếng cười lẫn lộn của cả ta, tây đen, khách, tây trắng. Long dừng lại, đỏ bừng mặt, nhưng không phải họ cười cái đụng đầu chàng. Vì rằng sau chuỗi cười kỳ lạ và hỗn độn ấy, tức khắc có một giọng khàn khàn nói rất to:

– Ồ, thật đấy mà! Cái thằng cha ấy nó đẻ ra moa, chính là vì một phút điên rồ của xác thịt đấy!

– Ha ha ha! Hà hà hà!... Hi hi hi hi!!!...

– Cũng vì thế mà lúy bỏ ma me, để ma me nghèo, chết, rồi bây giờ lúy lại chực từ nốt cả moa! Các đằng ấy bảo vì lẽ gì tớ lại không rửa thù? Lúy đẻ ra moa mà lúy chẳng bao giờ thèm nghĩ đến moa cả!...

.....

Cái tiếng dâm của Nghị Hách thì đã lừng lẫy cả mấy tỉnh!

Long nhìn vào thì người vừa nói những câu ấy là một thiếu niên mặt mũi võ vàng, hai bên tai có bộ tóc mai rất to, mặc áo gấm lam, ngoài phủ một cái áo dạ vai vuông, cái đầu tóc hung hung đỏ và quăn quăn kê lên trên mông một thiếu phụ mặt bự những phấn mà môi lại tái nhợt, tóc búi, cổ có đeo kiềng, quần áo lối mới, cổ áo bành bẻ, cũng có ba đờ suy đờ vin hẳn hoi. Trước mặt cặp ấy là hai thiếu niên áo quần cực kỳ sang trọng. Các phản khác đầy những nhân viên làng bẹp. Năm người Việt Nam, tám người khách trong số đó có hai ả sẩm, một lính tây trắng và ba lính tây đen, và mụ đầm gần già.

.....

Nói xong, thiếu niên hôn vào đùi thiếu nữ đánh chút một cái, vỗ về người yêu một hồi mà rằng:

– Bây giờ ở trên đời này, moa chỉ có ma Quỳ này là thân yêu! Ô hay! Trô [1] đi chứ các ngài? Tự tử bằng thuốc phiện là nhất, nhất nhất!

Long đến bên cạnh, lễ phép hỏi:

– Xin lỗi, ngài là ông Vạn có phải không?

Vạn tóc mai méo xệch cái mồm, cả cười mà rằng:

– Sao biết?

Rồi lại điềm nhiên bảo nhân tình:

– Mình cứ việc trô đi cho thật đủ, cho thỏa thích. Chốc nữa ta sẽ đi nhờn ở hiệu nem.

Hai người quần áo lịch sự cùng nằm quanh cái tĩnh ấy đã ngồi lên dẹp chỗ cho Long. Vạn tóc mai bấy giờ mới lại hỏi:

– Ừ, sao đằng ấy lại biết tên tớ? Đằng ấy muốn hỏi gì?

Long ngồi xuống giường, đáp:

– Tôi là người làm của trường Đại Việt, nghĩa là của ông Anh, ông ta sai tôi đến đây tìm ông, mời ông lại chơi có việc cần.

Cô ả nằm dưới đầu Vạn tóc mai đánh một câu:

– Làm chó gì có việc cần! Cái thằng cha ấy hưởng gần hết gia tài của chúng tôi, bây giờ gọi đến, chắc lại chỉ chuyện không tốt.

Biểu đồng tình với nhân ngãi ở chỗ ấy, Vạn tóc mai cũng tiếp:

– Có lẽ lắm. Nhất là mẹ nó xử với chúng mình thì càng tệ. Nghe đâu bà lớn với mấy cô Chiêu ở Hải Phòng, cũng đem cái của chiếm được của chúng mình, ra đồng bóng hết mà thôi.

Rồi Vạn tóc mai giới thiệu cho Long biết hai người quần áo lịch sự:

– Đây, tôi giới thiệu ông biết, hai ông này là hai tay nhà báo, một ông thì trợ bút cho báo *Lưỡng kỳ*, một ông thì là chủ bút của tờ báo *Cùng dân*. Hai ông thật là những người anh hùng nghĩa hiệp, hết sức bài bác những việc vô nhân đạo, hết sức công kích những kẻ cậy thế lực kim tiền mà xử đểu với người không có xu. Các ông ấy đều đã công kích kịch liệt cái việc hiếp dâm vừa rồi của mon père [2] ! Nhưng mà, đằng ấy ạ, đằng ấy ạ... đằng ấy chỉ là kẻ làm công cho Tú Anh thôi nên đằng ấy không biết, chứ tớ thì tớ biết nhiều điều đểu giả

---

1. Hút (tiếng lóng).
2. Cha tôi (tiếng Pháp).

của mon père lắm. Tớ sẽ nói hết tất cả những cái tội ác của lúy[1] ở ngoài mỏ, ở trong xưởng máy, ở đồn điền...

Ông chủ bút tờ *Cùng dân* đưa đón:

– Cứ kể như ông cụ Nghị ấy thì cũng quá thật. Có con mà lại không nhận con thì thật là phạm tội đại ác. Mà khi ông cụ ấy sợ phải nuôi con như thế thì sao lại còn cứ dâm đãng quá sức... Tôi chắc, ông cụ ấy rắc con trong thiên hạ cũng đã khá nhiều...

Vạn tóc mai ngồi nhỏm dậy, sốt sắng mà rằng:

– A, cái đó thì đã hẳn! Cái số con cái lúy rắc trong thiên hạ thì chắc là phải nhiều! Vì rằng lúc nào lúy cũng chỉ chăm chỉ cái việc bổ dưỡng thân thể bằng sâm, nhung, thuốc bổ, rượu sâm banh.

.....

Nói đến đấy, Vạn tóc mai lại méo xệch cái mồm ra mà cười. Những người nằm quanh những khay đèn, ở những giường cạnh đấy, cũng khúc khích cười thầm với nhau.

Chú Sềnh, ông chủ tiệm, tuy là người Tàu nhưng nói tiếng ta chẳng ngọng một tí nào cả, cũng từ xa nói với lại:

– Cứ kể những chuyện cậu Vạn nói mà đúng thì ra ông cụ ấy cũng đáng sợ lắm, mà ác bằng Tần Thủy Hoàng rồi đấy.

Vạn tóc mai lại hùng hồn tiếp:

Còn phải bàn!...

Cả gian gác lại vang động lên một chuỗi cười dài. Ả Quỳ cau mặt, cầm dọc tẩu chọc vào má Vạn tóc mai một cái mà rằng:

– Thôi hút đi đã! Khỉ lắm, chỉ có một cái chuyện khỉ gió ấy mà cứ lúc nào cũng giở ra nói mãi được. Hút đi rồi thử lại với ông ấy xem có chuyện gì không.

Long cũng nói ngay:

– Vâng, ông chủ tôi bảo tôi đến tìm ông Vạn để nói chuyện về gia tài gì đó.

Kéo xong điếu thuốc, Vạn tóc mai hấp tấp hãm một chén nước nóng, rồi bảo nhân ngãi:

– Thế thì toa cứ ở đây nhé, Quỳ nhé? Để moa đi ngay xem ra sao. Nếu anh Anh mà lại nói hộ cho chúng mình cứ mỗi tháng được

1. Hắn, ông ta (tiếng Pháp).

hưởng một số tiền nhà thì hả lắm, thì cuộc đời chúng ta cũng không ba đào nữa. Nếu thật thì từ nay trở đi chúng ta tẩy chay mẹ nó cái thứ xái "nạm thân" này đi!

– Ừ, thôi được, hãy cứ đi đi đã!

Hai tay làm báo cũng đưa mắt cho nhau đứng lên. Ả Quỳ nói:

– Hai ông cứ ngồi chơi, nhà tôi chỉ đi có chốc rồi về thôi mà. Nếu các ngài có muốn điều tra về đàn bà ăn cơm đen thì cứ nằm đây, tôi nói hết tâm sự của tôi sau khi trụy lạc cho mà nghe.

Vạn tóc mai cũng hưởng ứng:

– Phải đấy, các ngài cứ ở chơi! Chỉ chốc nữa là tôi về. Đêm nay chúng ta sẽ ở đây đến 2 giờ khuya. Rồi tôi sẽ kể hết sự tổ chức của Đảng Càn Long cho hai ngài nghe. Moa đã lật tẩy thì phải biết.

Hai tay làm báo lại nằm xuống giường. Vạn tóc mai cùng với Long xuống thang...

Khi về tới Đại Việt học hiệu, Long vào trước báo cho chủ. Tú Anh vội bật đèn điện cho phòng khách sáng trưng, rồi ra tận bậc cửa đứng đón rất trọng thể, không ngờ chưa chi đã phải nhăn mặt lại, vì ông em dùng áo gấm và ba đờ suy để đứng vén quần... tiểu tiện ngay ở gốc cây trước cửa trường.

Vào trong phòng khách, ai nấy an vị đâu đấy rồi Tú Anh nói trước:

– Tôi nhờ ông Long đây lại mời chú, về một việc cần lắm. Xưa nay chú cứ nghe những lời đồn ở ngoài, nghi tôi xui bậy ông cụ từ chú để chiếm hết gia tài, cái đó là chú nhầm, chứ không phải cái bụng dạ tôi khốn nạn đến thế đâu. Chứng cớ hiển nhiên là tôi đã có nói với ông cụ để lại ngay cho chú một cái nhà ở phố Mới, để chú có vốn mà sinh cơ lập nghiệp. Ông cụ đã hứa nay mai về thì sang tên cho chú.

Vạn tóc mai tươi cười đáp:

– Thưa bác, thế thì cám ơn bác lắm. Còn nghi bác xúc xiểm ông cụ thì quả là không bao giờ em nghi. Bác đừng nhầm mà oan em.

– Thôi được, nếu chú đã nghi tôi thì từ rày trở đi đừng có nghi nữa, còn nếu không nghi thì thôi. Mà chú cũng nên cải tà quy chính đi thì vừa, đừng nên ăn chơi lêu lổng mãi như thế nữa, đừng nên đi hết tiệm này đến tiệm khác nữa.

– Thưa bác, vì ba bốn tháng nay chúng tôi bị cắt lương, phải bán đồ đạc đi, bán quần áo đi mà ăn, rồi phải ngủ nhờ mọi chỗ, chứ có phải muốn lăn lóc thế làm gì?

– Chú với thím ấy, nếu có phải duyên kiếp với nhau, thì nên ăn ở với nhau cho nó ra vợ, ra chồng, đừng có tạm bợ như trước nữa. Nếu chưa có chỗ tạm trú thì để tôi xếp cho một cái buồng trong trường này rồi thì về đây mà ở, và cho thuê bớt đi, lấy tiền mà ăn. Nhưng mà chú phải cam đoan với tôi là đừng có trống mồm trống miệng như trước nữa, đừng có bạ cái gì cũng nói... Nhiều người nói đến tai tôi là chú cứ nói xấu ông cụ với những tay làm báo, như vậy là dại dột lắm.

Vạn tóc mai ngơ ngác cãi:

– Oan! Oan tôi quá! Nào tôi có nói xấu ông cụ bao giờ?

– Ở những tiệm mà chú vào hút, chú đều nói toang ra cả.

Vạn tóc mai nháy Long một cái mà rằng:

– Đây có ông Long làm chứng nhé! Vừa rồi ông có thấy tôi đả động gì đến ông cụ nhà tôi không? Họ chỉ nói láo!

Ra vẻ sốt ruột, Tú Anh nhăn mặt khó chịu, gạt đi mà rằng:

– Thôi, nếu chú không nói gì thì thôi! Nhưng mà chú lại đến tiệm hút cho đủ đi, rồi ngay đêm nay, hai vợ chồng phải đưa nhau về nhà này. Hoặc là chú bị ông cụ từ, hoặc là chú sẽ có một cái nhà và vâng lời tôi!

– Thưa bác, bác là anh tôi, lại thương tôi, tất nhiên là tôi phải vâng lời bác.

– Thôi, thế chú có thể quay về chỗ cũ để sửa soạn...

– Vâng. Lạy bác, em đi rồi chốc nữa em xin về đây.

Vạn tóc mai sung sướng ra đường, ném mình đánh phịch một cái lên một chiếc cao su, nằm thẳng cẳng ra... xe chạy.

Tú Anh bảo người thư ký:

– Ông Long, tôi lại nhờ ông một vài việc nữa. Trưa mai thì ông đã phải giao hết công việc cho người thư ký mới để rồi ông đi. Có lẽ ông lên tỉnh trên với cụ Nghị nhà tôi. Có lẽ ông sẽ đi điều đình với người nhà cô Mịch cho tôi nữa. Mà có lẽ rồi ông lại phải xuống Hải Phòng, điều đình với bà cụ tôi, để ông tôi được cưới người ta làm lẽ nữa. Nếu xem ý ông cụ tôi không có lòng muốn lấy người ta làm vợ thì ông sẽ nói là tôi cũng không bằng lòng lấy cô con quan Tổng đốc nào đó mà ông cụ đã hỏi cho tôi đâu. Ông cụ đã trót hỏi thì mặc kệ ông cụ. – Ông Long hãy ra đây. Mấy cái thư của tôi đây này...

Long cúi xuống đọc mấy cái thư.

– Thế ông có tận tâm giúp được tôi trong công cuộc này không? Ông nên biết tôi tin cậy ở ông lắm, và tôi hiểu cái lòng lương thiện của ông lắm.

Long đứng ngay ngắn lên mà rằng:

– Thưa ông, tôi cũng lấy làm vinh dự mà được làm công cho một người như ông. Tôi xin cố hết sức.

VIII

Từ khi xảy ra cái việc không may cho cô gái quê làng Quỳnh Thôn, tính đến hôm nay đã được 20 hôm. Trong khoảng hơn nửa tháng trời, cả làng, từ trẻ đến già, từ nhớn đến bé, đã sống qua những ngày giờ nặng trình trịch, rất hỗn loạn.

Ngoài gia đình ông đồ Uẩn, còn liên can tới vụ kiện đó mất năm ông Lý dịch, với một ông cụ già, và hai người đàn bà đã cùng cô Mịch đi gánh rạ đêm.

Hai lá đơn kiện đệ lên huyện đường, thế là trong cái làng chỉ có độ hai trăm người thì hơn 10 người, cứ nay bị trát quan gọi, mai bị trát quan gọi. Những việc như thế đã đủ làm cho cả làng nhộn nhạo lên. Người bàn ra, kẻ tán vào, người hăng hái, kẻ nhút nhát, mỗi người có một ý kiến mà những dư luận ấy tất nhiên là phải trái ngược nhau, nên chỉ người nọ vặc người kia, rồi sự đời cứ thêm điều, đẻ chuyện mãi ra, làm cho cả một làng, không còn một ai giữ được hòa khí với một ai nữa.

Người ta đã nhãng bỏ những việc tơ, tằm, đồng áng, để mà kháo chuyện nhau, chèn chế nhau, khích bác nhau, chửi bới nhau. Nửa tháng sau khi có cái tấn kịch cưỡng dâm kia, người ta đã đếm được trong làng có ba mươi nhăm vụ xung đột, trong số đó có một đám ăn vạ, hai đám có kẻ bươu trán, vỡ đầu. Sự im lặng, sự hòa bình, sự trật tự trong làng bị phá hoại, bị đảo lộn ngược cả. Bọn giai làng thì ùa nhau, cũng học ăn học nói, cũng bắt chước cái giọng phệnh phạo của bọn đàn anh; bọn đàn anh thì lý sự cùn giở ra chọi nhau, bắt chước các cụ già bét nhè và lẩm cẩm; và các cụ già thì đâm ra vô nghĩa lý y như bọn trẻ con. Trẻ đổi làm già, già hóa ra trẻ. Ngần ấy khối óc ngu dại, ngần ấy cái miệng hương ẩm đều chỉ cùng một ý nghĩ, cùng một

câu nói: "Vô phúc thì đáo tụng đình". Những người về phe ông Đồ cho cái kiện ấy là phải lẽ, cũng nói đi nói lại một cách vô nghĩa lý đại khái rằng: "Phen này thì có lẽ cả làng cứ tù đến mọt gông!".

Người ta đếm ra thì trung bình mỗi ngày có hai đám cãi nhau, hoặc chửi bới nhau vậy.

Đến hôm quan huyện và quan đồn về khám xét cả làng thì sự khủng bố lại càng hoàn toàn, lại càng đầy đủ. Bầu không khí hầu như không thở được nữa. Trẻ già lớn bé đều đã tái xanh mặt mũi khi thấy ông Chánh hội, ông Phó hội, ông Lý trưởng, ông Phó lý, người nào cũng run như cầy sấy ở trong phòng hội đồng của làng, trước một bộ râu vênh vểnh của ông quan đồn và bốn cái lưỡi kiếm sáng quắc ở miệng súng của bốn bác lính khố xanh. Ông đồn giơ miếng vải đỏ và những mẩu giấy trắng chữ tím ra, để mắng bọn lý dịch như tát nước vào mặt họ. Trẻ con người lớn đứng xem đen ngòm... Một người lính quát một tiếng, thế là cả cái đống người tò mò ấy tan tác ra như một đàn ruồi ở sau mông con bò, lúc bị cái đuôi bò đập một cái vậy. Tối mặt tối mũi lại, một đứa trẻ hoảng hốt cắm cổ chạy, thế nào ngã đánh bõm một cái xuống ngay ao. Tuy vậy mà bọn người lớn, sợ sệt quá, cũng không dám vớt. Khi quan huyện phải quát xuống vớt, mới có một anh chàng lực điền chắp tay vái mấy cái rồi cởi áo ra, nhảy xuống ao mò đứa bé con...

Rồi bọn lý dịch phải theo ông đồn và ông huyện ra xe hơi lên tỉnh. Hôm sau, họ được về thì lại đến lượt ông Đồ phải gọi lên tỉnh có việc quan. Rồi ông Đồ cũng về. Thế là cả bọn đều là những cái trứng để đầu đẳng.

Ngoài cái kiện đua hơi với ông Nghị giàu có, hách dịch nhất, chưa biết thua được thế nào, mấy người còn lo sốt vó về tội canh phòng bất cẩn, dung túng kẻ phản nghịch trong làng, hoặc ở ngoài đến tuyên truyền ở làng, và dạy học trò mà không có phép mở trường tư. Cả làng đều nằm mê thấy toàn những ngục tù, những hình phạt.

Lại đến hôm thấy cái tin ông Huyện cũ phải đi, để cho ông khác về thay, thì cả làng ai cũng tin chắc chắn, y như được ông Thành hoàng báo mộng cho vậy, là ông Đồ và bọn lý dịch đã ký vào đơn kiện thế nào rồi cũng vì một việc cô Mịch bị hiếp mà mất chức, mà ngồi tù!

Là vì dân làng không hiểu rõ là chính ông Huyện tự ý từ chức, nhưng nghe phong thanh rằng vì kình địch với bên bị mà phải đổi đi,

hoặc bị bắt buộc phải từ chức. Người ta lại đồn rằng ông Huyện già này ác lắm, chứ không được phụ mẫu như ông quan trẻ tuổi kia. Chỉ bởi một mối lo sợ ấy thôi, mà sự hoạt động của cả một làng ngừng trệ hẳn lại. Ông nhà giàu không bỏ tiền ra làm màu nữa. Bác thợ cày không ra đồng nữa. Cô gái chăn tằm cũng nghỉ vài buổi hái dâu.

Buổi chiều hôm ấy, các cụ họp việc ở làng. Người ta lo đối phó với cái kiện hiếp dâm. Người ta lo vì có một ít truyền đơn không biết kẻ nào bậy bạ và táo tợn rắc ra để cho dân làng phải lo sẽ bị triệt hạ. Vả lại những sự đó cũng đã đủ khiến cho một số đông người hèn nhát không bao giờ dám đương đầu với một việc gì nhưng gặp lúc tai biến thì lại là những người can trường nhất, bướng bỉnh nhất trong cái sự sợ hãi, và cái sự chửi bới những người đứng chung quanh!

Như ba tội nhân đứng trước máy chém, ông lão già và hai người đàn bà hậm hực khóc mà rằng:

– Thưa các cụ, thưa các quan, ngày mai thì xin các cụ các quan ai đi thì đi, chứ chúng con không lên huyện.

Ông Chánh hội đỏ mặt đập bàn, quát:

– Ông cụ Đô với hai bà này đã đi gánh rạ đêm vụ cô Mịch, đã trông thấy rõ cái tấn kịch ấy, mà đã có khai ở huyện rồi, mà lại bảo không đi là nghĩa lý thế nào?

Ông cụ già vẫn hậm hực:

– Thôi, lạy ông, tôi già cả, ngộ quan bỏ tù tôi thì tôi chết mất... Tôi không hề kiện ai cả, mà bây giờ ông khai thì mặc ông với quan.

Ông Lý trưởng, người xưa kia đã đâm ngang vào việc, lúc ấy lại được thể đâm ngang vào một lần nữa bằng một câu:

– Ấy đấy! Tôi đã bảo mà! Việc kiện cáo là lôi thôi lắm. Rồi thì còn là tai họa nữa ấy.

Ông Phó hội lườm dài ông Lý trưởng rồi đưa đón:

– Thôi đi, ông im ngay! Ông càng nói bao nhiêu thì lại càng hỏng việc bấy nhiêu. Cứ biết hôm nay lên huyện thì ông cụ Đô, bà cụ Nháy với bà đám Nhen đều đã khai chứng cớ và điểm chỉ vào lá đơn kiện của làng rồi. Ngày mai, nếu ông cụ Đô với hai bà này không theo như trát quan gọi mà cứ ở nhà thì rồi sẽ phải tù, cái khoản ấy đã kê rành rành trong trát. Tùy các người đấy. Việc quan đòi hỏi không phải chuyện chơi!

Ông Phó Lý cũng khề khà thêm:

– Phải! Đã trót thì ắt phải trét! Đã đâm lao thì phải theo lao! Mà dù có thua thì cũng phải theo kiện đến chỗ các quan lớn ba tòa! Dù có thua cũng chẳng đời nào tù mà sợ.

Ông Chánh hội nói:

– Cần nhất là những người làm chứng đã khai thế nào thì mai cứ thế mà nói! Tiền hậu bất nhất thì tù! Chẳng phải chuyện thường đâu!

Nghe đến đấy, ông lão và hai người đàn bà đứng ngẩn người ra như những người ngủ mê mà chợt tỉnh giấc. Cả ba người thẫn thờ ra ngồi ở vệ hè, vẻ thất vọng lộ ra đến nỗi hầu như không còn ai có xương sống nữa, cái đầu gục vào chỗ giữa hai đầu gối cứ trĩu hẳn xuống như bị có kẻ nào giúi xuống để ngồi lên trên.

Một ông cụ già trong bọn sáu ông, đầu râu tóc bạc, cũng ngồi ở "bàn trên", khoan thai nói:

– Phải, đã trót thì phải trét, ông Phó hội nói có lý lắm.

Tóm lấy câu tán thành ấy, ông Chánh hội lại hùng hồn:

– Có phải thế không các cụ? Người ta đã làm nhục mất một người trong làng kia mà! Những khi có những giai làng khác đến bờm xơm con gái làng thì tuần làng đã phải trói chúng nó vào cột đình... Bây giờ có kẻ cậy thế giàu có, hiếp con gái làng, không nhẽ mình lại ngơ đi được! Ngơ đi thì không còn thể thống gì nữa, rồi thiên hạ nó cũng chửi cho cả làng! Chúng tôi đứng lên kiện với ông Đồ, như thế là phải lắm, chứ còn trách móc cái gì nữa?

Một ông cụ họa theo:

– Như thế là phải.

Ông Chánh hội, mặt lầm lầm, nhìn một người ngồi ở chiếc chiếu gần đấy rồi đứng dậy, đập vào ngực thình thình một cách đáng sợ, lại nói:

– Thằng này đã đem công tâm ra để giữ thể diện cho làng, thằng này đã mất ăn mất ngủ vì nay quan đòi, mai quan hỏi, mà lại còn không biết cho, thế thì có thằng nào muốn bắt bẻ, muốn chê bai, muốn đâm ba chẻ bảy vào thì nói ngay đi! Nào có thằng nào muốn gây sự với thằng này thì cứ nói ngay đi! Nói ngay ở đây, ông xem cái gan của nó có to không nào!

Sau câu nói ấy, cả phòng hội đồng làng im phăng phắc, dễ thường có con muỗi bay người ta cũng thấy tiếng vo vo. Trong một lúc

lâu, bầu không khí hóa ra nặng nề. Các ông đàn anh đưa mắt nhìn ông Chánh hội rồi đưa mắt nhìn một người bị ám chỉ. Người thì lộ ra vẻ sung sướng, người thì lộ ra vẻ cay đắng xót xa. Một ông đứng dậy đón đỡ:

– Vâng, quan bác ra gánh vác việc công mà như thế là can trường lắm rồi, nào có ai dám nói ra, nói vào gì mà quan bác phải nổi cơn thịnh nộ thế! Nào chúng tôi ai là người phàn nàn việc của quan bác đâu?

– Vả lại tôi có vì bên bị quyền thế quá mà đến mất chánh hội thì cũng không hại gì đến đứa nào kia mà!

Một cụ cười mà rằng:

– Chính thế! Vả lại giai khôn đòn quan, gái ngoan đòn chồng. Người ta có gan chịu đòn quan cho cả làng rồi, không được ai nói gì vào đấy nữa!

Rồi, quay lại nhìn ông Đồ, ông cụ hỏi:

– Thế bây giờ ông Đồ nghĩ sao nữa đây?

Ông đồ Uẩn, từ nãy đến giờ vẫn ngồi co ro vào một xó, như muốn cho thiên hạ quên khuấy mình đi, lúc ấy đành phải đứng lên ra chỗ bục:

– Thưa các cụ và thưa các quan, thôi thì tôi cũng chỉ còn trông mong vào sự săn sóc của các ông gánh vác việc công của làng. Nếu may ra mà làng được người ta, thì chắc tôi cũng phải được người ta. Còn nếu quan trên xét ra bên bị là vô can, thì rồi mình có sao sẽ liệu sau vậy.

Lúc ấy có một ông ra vẻ thạo đời, từ chỗ ngồi nghểnh cổ nói lên:

– Dám chắc thế nào cũng xử hòa là cùng.

Tức thì cái bè đảng ông Chánh hội nhao nhao lên hỏi vặn cái người táo tợn ấy. Trước những câu hỏi vặn, người kia điềm nhiên cãi:

– Thì các cụ phải cho tôi nói mới được chứ! Ai cũng hỏi, cũng bắt trả lời một lúc, thì tôi còn biết trả lời ai và không trả lời ai? Tôi tin trước vụ kiện này, chỉ đến hòa là cùng, là vì tôi đã được biết ông Huyện, từ khi tôi còn bán kẹo ở huyện Lô. Một phần vì lẽ cái làng này vừa rồi bị cái họa truyền đơn cờ đỏ, nên lý dịch của làng đã có lỗi to với Nhà nước. Hai nữa là vì quan mới đến nhận huyện Lô mới có sáu tháng mà trong huyện có đến tám, chín nhà giàu bị cướp vu cho là tòng đảng, rồi thì quan tậu ngay xe ô tô.

Câu nói ấy khiến cho ngần ấy người nhao nhao lên. Vì chưng dân quê có cái chứng nói chuyện mà như cãi nhau, nên người ta tưởng đến vỡ mất phòng hội đồng làng.

Trong lúc ấy, ông đồ Uẩn đã quay về góc chiếu mình ngồi, tay bưng lấy trán.

Ông Đồ phân vân lo nghĩ, không phải vì sợ thua kiện, nhưng là vì trông thấy cuộc đời không còn có tương lai.

Sau hôm có giấy gọi của quan sứ, bố mẹ mấy đứa học trò của ông được tin ông báo cho, đã lập tức bắt con cháu phải thôi học. Có người kỹ lưỡng quá lại đem đốt ngay sách vở của một đứa bé đi, y như người ta đốt những quyển sách cấm trong lúc có những vụ bắt bớ về chính trị. Người ta không muốn trong nhà còn có chứng cớ gì khả dĩ buộc tội là đứa bé đã học ông Đồ. Người ta sợ cho con cháu đi học dăm ba chữ như thế cũng đủ phải tù!

Hốt nhiên, cả một gia đình đã mất sinh kế. Bấm đốt ngón tay, tính lại cuộc đời mình, ông Đồ chỉ thấy có: ba lần lều chõng cùng trượt cả, một ông con giai làm thợ vẽ truyền thần kiếm mỗi tháng được hơn chục bạc, thì phải thua tổ tôm hết một nửa lương, một cô gái ngoan sắp gả chồng thì bị hiếp... sáu đứa học trò thì lại bị một đạo Nghị định cay nghiệt bắt thôi học, một vụ kiện chưa biết thua được, một việc trái phép chưa biết mấy tháng tù.

Ông Đồ nhớ lại cái thái độ khoan hồng đại độ của quan Công sứ... Mặc lòng cái cơn thịnh nộ của quan Tổng đốc bữa ấy cũng đã đáng sợ lắm, quan Công sứ cũng vẫn ôn tồn nói bằng thứ tiếng của dân Bảo hộ, đại khái:

– Tôi rất thương các ông có chữ Hán như ông. Nhưng tôi phàn nàn rằng đã là người có học thức như ông mà lại cũng không hiểu những pháp luật hiện hành trong xứ. Vẫn biết không được vào quan trường như ông thì cũng chỉ còn nghề dạy học mà thôi. Nhưng sao các ông lại dạy một số học trò quá với số Nhà nước đã cho phép? Nếu ông chỉ dạy có năm đứa bé thôi, thì việc gì bị đòi hỏi như thế này?

Lúc ấy, ông Đồ đã phải khúm núm thưa lên:

Bẩm cụ lớn, thật quả chúng tôi không biết luật, nên mới trái phép như thế, dám mong cụ lớn soi xét khoan dung mà ban ơn cho chúng tôi.

Quan Công sứ đã gật gù ra vẻ hài lòng:

– Tôi biết! Tôi biết... Đáng lẽ ra thì phải bắt giam ông ngay. Nhưng mà Nhà nước cũng sẵn lòng tha thứ cho những người biết nhận lỗi và biết hối hận. Vậy thì nay tôi cứ ký giấy tạm tha cho ông. Ngay từ hôm nay, ông phải đuổi một đứa học trò thừa số đi, rồi liệu nay mai lên hầu tòa. Như thế cũng đủ là một cái đặc ân rồi đó. Nếu tôi là Chính phủ thì tôi không truy tố ông. Nhưng mà tôi cũng chỉ là một người thừa hành pháp luật, chứ không thể tự ý làm trái với cả một chế độ được.

Rồi quan sứ cho về. Khi về làng, cái lòng khí khái thẳng thắn của ông Đồ đã buộc ông Đồ đem hết sự thực nói chuyện cho cả làng nghe, ông cam đoan rằng ông vẫn có thể theo đuổi được nghề cũ, miễn là ông phải thôi không nhận dạy một đứa trẻ trong bọn sáu đứa trẻ ấy.

Nhưng khốn thay, cái lo về truyền đơn, cờ đỏ, cái lo cả làng sẽ bị triệt hạ nữa, đã khiến cho cha mẹ cả sáu đứa trẻ kia phải nhất loạt bắt con em thôi học, mà không cần báo cho thầy Đồ.

Giận đời, giận cả mình, lại giận cả thằng con giai vô hạnh ngồi cạnh đấy, ông Đồ gắt với nó:

– Mày thật là đứa bất hiếu! Gia đình gặp cơn tai biến như thế mà năm tin, mười tin, mày mới dẫn xác về, mà mày về rồi thì mày cũng cứ bằng chân như vại mà coi việc nhà như việc người khác ấy thôi! Mày chỉ được cái bộ ngồi ỳ mặt ra, chứ không còn trông cậy được việc gì cả!

Cả Phái – tên thằng con ấy – lúc ấy đương ngồi phịu mặt ra mà tiếc cái thì giờ đáng lẽ được dùng để đánh tổ tôm, tức khắc cũng phát cáu mà cự lại bố rằng:

– Thì tôi biết làm thế nào bây giờ? Đến thày cũng vậy, đến cả làng chả biết làm gì cả thì một tôi, tôi làm cái gì mới được chứ?

Ông đồ Uẩn lườm con rồi chán đời, ông tức đến nỗi không nói được một câu nào nữa.

Lúc ấy các cụ trong làng chỉ ngồi cắt lượt nhau hút thuốc lào cho hại thuốc, hại đóm, cho phòng hội đồng bẩn vì những đống đờm rãi, và cho khổ thằng mõ phải chạy quanh.

Bọn lý dịch và bọn đàn anh thì bàn tán huyên thuyên, chỉ nói rặt những chuyện không nên nói một tí nào cả.

Sốt ruột như điên như cuồng mà không biết làm sao được, ông Đồ lại nghiến con: "Mày là con tao mà mày như thế thì mày không sợ thằng em rể nó sẽ nhổ vào mặt mày à?".

Ngay lúc đó có một thằng bé len lét bước vào, đến bên ông Đồ, nói thầm vào tai ông:

– Cụ xin phép về ngay cho, có người của bên bị về chơi, nói gì về vụ kiện.

– Thật không? Khuya khoắt thế này mà họ còn về à?

– Vâng, cả cậu Long cũng về. Chính cậu Long bảo con ra đây nói nhỏ với cụ như thế. Sáng mai phải lên hầu quan rồi, thì bây giờ cụ phải về ngay cho.

IX

Ông Huyện đã gọi tên một lượt.

Ngần ấy người đều lo sợ vì cái lòng thiên lệch của quan đã lộ ra nét mặt, lời nói, và cả ở chỗ không thấy gọi bên bị lên công đường.

Cả bọn đương đứng nghe tim đập mạnh trong ngực mình, trông cái dáng trầm ngâm hiểm độc của quan... Quan vẫn cứ mải tìm cách uốn lưỡi trong tập biên bản... Bên ngoài công đường có tiếng xì xào làm cho ông Huyện chợt ngửng đầu lên. Rồi ông cau mặt, quát lính:

– Chúng bay! Bảo cái người ngoài ấy vào đây xem họ muốn hỏi gì.

Một anh lính gọi người kia vào.

– Mày muốn gì?

Thiếu niên đứng tưng hửng ra một lúc, rồi căm hờn đáp:

– Thưa quan lớn, xin lỗi quan lớn, ngài làm quan như vậy là không biết làm quan. Thưa ngài, ngài có nhớ phủ Toàn quyền vừa rồi có một tờ thông tư cho quan lại rằng không được dùng đến những chữ mày tao với dân sự chăng.

Ông Huyện, thâm gan tím ruột, cũng giật mình nữa, cười nhạt mà rằng:

– Thế anh muốn gì?

Thiếu niên cũng đổi giọng, khoan thai đáp:

– Bẩm quan, chúng tôi là phóng viên một tờ nhật báo, vào đây lấy tin.

– Báo nào vậy? Có giấy nhận thực không?

Thiếu niên đưa lên cái "các" nhà báo. Ông Huyện trầm ngâm một lúc rồi cự:

– Anh có muốn vào đây lấy tin thì anh cũng phải xin phép quan sở tại đã chứ? Sao anh dám tự tiện vào làm huyên náo cả công đường?

Phóng viên nhà báo lại khoan thai đáp:

– Thưa ngài chúng tôi đương hỏi lính xem có tiện vào xin phép ngài không, họ chưa biết bảo sao nên tôi chưa vào xin phép.

– Sao anh dám làm huyên náo công đường?

– Bẩm, ngài thử hỏi những người này xem? Chúng tôi phải thì thầm với nhau ở ngoài hiên thì có gì là huyên náo?

Ông Huyện ngừng bắt bẻ một lúc, rồi lại cất cao giọng:

– Anh phải biết rằng dù là anh làm báo thì cũng phải do tôi có cho phép anh thì anh mới vào đây được!

– Bẩm chính thế.

– Phải. Mà vì lẽ báo chí quốc ngữ, nhất là tờ báo *Lưỡng kỳ* của anh, chỉ là những thứ giẻ lau, giẻ rách, nên tôi khinh bỉ bọn làm báo các anh lắm!

– Bẩm quan lớn, đó là một ý kiến của ngài về báo chí quốc ngữ đó. Nếu câu ấy lên mặt báo, tôi xin ngài đừng có chối nhé? Được lắm, ngài không cho tôi lấy tin, nhưng mà tôi cũng đã phỏng vấn ngài về báo chí nước nhà rồi. Xin quan lớn nhớ kỹ cho như thế, và tôi rất cảm ơn!

Phóng viên nói xong thì nghiêng đầu cúi chào một cái rất ranh mãnh, rồi quay gót định cáo lui. Ông Huyện đập cái thước kẻ trên bàn giấy đánh chát một cái, làm cho thiếu niên lại quay lại. Ông Huyện đỏ mặt nói:

– Anh muốn gây sự với quan trường đấy phỏng?

– Thưa không, ấy là ngài muốn gây sự với báo giới.

Ông Huyện đứng lên, hầm hầm nét mặt, quát:

– Lính đâu?

Hai ba anh lính chạy vào. Quan phán:

– Đem giam thằng vô lễ này vào lô cốt lập tức!

Thiếu niên đứng ngẩn người ra một phút rồi cứng cỏi nói:

– À! À! Vâng! Quan lớn cứ việc bắt giam tôi đi, tôi cam đoan ngài sẽ phải trả đắt cái cuộc chơi ngông này lắm đấy. Thật đấy, ngài cứ việc bắt giam tôi đi mà xem!

Mấy anh lính lúc đó chưa dám bắt ngay, là vì họ nghĩ đến những lúc khi xưa, còn quan huyện cũ, lần nào ông nhà báo đến cũng được quan huyện bắt tay rất ân cần. Vì họ lấy làm lạ, nên trước lệnh của quan, họ còn phải ngơ ngác... Ông Huyện lại quát:

– Lôi cổ nó đi!

Lúc ấy, bọn người làng Quỳnh Thôn đã sợ sẵn, lại càng kinh hoảng hơn. Ông nhà báo đi theo hai người lính ra khỏi huyện đường rồi, quan gọi đến thị Mịch.

– Mày có nhận của người ta năm cái giấy bạc một đồng, có phải không?

– Bẩm quan lớn vâng.

– Thế lúc mày bị hiếp... thì đầu đuôi câu chuyện ra thế nào?

Cô Mịch thẹn đỏ mặt, cúi nhìn xuống đất, lôi cái vạt áo lên miệng nhai...

Ông đồ Uẩn giục:

– Con cứ sự thực mà khai với quan lớn.

Ông Huyện đập bàn một cái, giận dữ nói:

– Thế nào? Quan đùa với mày đấy à?

Cô Mịch run sợ, ấp úng kể:

– Bẩm lạy quan lớn... rồi người ấy bảo con đem rạ đến bán cho người ấy ở chỗ ô tô... rồi người ấy mua rạ thật, rồi người ấy bảo con lên xe, rồi người ấy...

– Xong rồi người ấy lấy 5 đồng cho mày, có phải không?

– Vâng... à bẩm không.

Lời quát của quan to và gọn như một tiếng sét:

Thế nào?

– Bẩm... Bẩm...

– Trước hay sau? Nói ngay!

– Bẩm trước... vì đó là tiền mua rạ.

– Mày nói láo! Người ta đi xe ô tô đến đấy thì người ta mua rạ của mày làm gì?

– Bẩm người ta bảo mua rạ để chữa xe.

Quan Huyện ngồi dựa vào ghế, ngửa cổ ra cười một hồi dài mà rằng:

– Mua rạ để chữa xe ô tô!... Mày nói có đến trẻ con nó cũng không tin được! Họ chữa xe bằng rạ của mày thế nào?

– Bẩm con không biết ạ.

– Mày không biết? Mày không biết? Mày không biết!!!

Ông đồ Uẩn thưa lên:

– Bẩm quan lớn, hình như ông ta kêu mua rạ nhồi vào lốp xe.

Quan dồn:

– Lúc ấy ông có đấy không? Ông có mặt chỗ xảy ra vụ... ấy không?

– Bẩm không.

– Thế sao ông biết tường tận thế?

– Bẩm khi về nhà, con bé nó nói chuyện lại.

– Thôi đi! Nếu nó nói chuyện thế với ông được thì nó đã đáp lời cho tòa rành mạch được. Lời khai của ông là khai man.

– Bẩm quan lớn, chúng tôi không dám khai man đâu ạ.

– Thôi được. Người làm chứng thứ nhất Nguyễn Văn Đô!

Ông cụ già 60 tuổi dạ một tiếng rồi ra trước bàn, thì thụp lạy như trước bàn thờ ông vải. Ông Huyện gắt:

– Thôi! Cho đứng lên! Đứng lên khai chứ ai bảo lạy?

Ông cụ già đứng lên rồi kêu:

– Bẩm lạy quan lớn đèn giời soi xét.

– Im! Câm cái mồm nghe tòa hỏi đã!

– Dạ.

– Hôm ấy ông trông thấy những gì?

– Bẩm quan lớn, con ngồi đằng xa cách xe độ 20 thước, thấy cô Mịch này bước lên xe rồi trong xe tắt đèn... rồi thì...

– Người ta đưa tiền trước hay sau?

– Bẩm con không biết.

– Thế người ta chữa xe thế nào?

– Bẩm con chỉ thấy tài xế đập búa thình thình vào máy.

– Họ có chữa đến bánh xe không?

– Con không biết.

– Hôm ấy có sáng giăng... Sao ông lại không biết?

– Bẩm hình như không phải chữa bánh xe.

Ông Huyện nhìn ông Đồ mà phân bua ngay:

– Ấy đấy, người ta không chữa bánh xe, nghĩa là không có dùng gì đến nửa gánh rạ của con gái ông đấy nhé! Đến hai người đàn bà.

– Dạ! Dạ!

– Hai mụ thấy những gì? Còn mụ nữa đâu?

– Bẩm có bà Lý nữa, nhưng chết hôm nọ rồi ạ.

– Thấy những gì! Nói ngay!

– Bẩm chúng con đã khai với quan huyện cũ.

– Khai lần nữa!

– Bẩm chúng con cũng quên rồi, vì đã lâu rồi. Lạy quan lớn đèn giời soi xét.

Ông Huyện nghĩ một lúc rồi điềm nhiên:

– Chứng cớ không đủ. Thôi được, đến Trương tuần Quỳnh Thôn!

Bác Trương tuần dạ một cái thật to y như trên sân khấu phường chèo, rồi ngoan ngoãn ra đứng trước bàn, mặt mày hí hửng lắm.

– Anh thấy gì?

– Bẩm quan lớn, lúc chúng con đi tuần ra đến gần đường quan lộ thì thấy có tiếng người kêu rên... Rồi ở trong xe có người bị đẩy ra ngã ngồi phệt dưới đất là thị Mịch này... Thị này kêu khóc rất thảm thiết vào lúc xe bắt đầu chạy... Biết là có chuyện không hay nên con ra đứng giữa đường giơ hai tay ra bắt xe đứng lại, sau khi rúc tù và lên. Bẩm không ngờ xe ô tô lại phăng phăng đâm thẳng vào mặt con... may mà con nhanh chân nhảy một cái sang bên đường chứ không thì chắc đã mất mạng...

– Sao nữa?

– Xe chạy mất rồi, con nhìn theo số xe rồi quay lại hỏi con bé này. Con phải khiêng nó về làng, đến nhà nó mới kể chuyện lại và cởi ruột tượng lấy 5 cái giấy bạc 1 đồng ấy ra trình lý dịch.

– Thế nghĩa là nó đã nhận tiền trước khi bị hiếp?

– Bẩm quan lớn, chắc là thế.

– Thị Mịch!

– Dạ!

Ông Trương tuần lại về chỗ đứng cũ, mặt mũi tươi cười như đã đóng xong một vai tuồng quan hệ mà được khán giả vỗ tay. Thị Mịch ra trước bàn giấy.

– Sao mày lại lấy tiền? Thế mày có bằng lòng ngủ với người ta không?

– Bẩm quan lớn, đó là tiền bán rạ.

– Tiền rạ? Tiền rạ? Lý trưởng Quỳnh Thôn đâu!

– Dạ!

– Chánh hội đâu?

– Dạ!

– Ruộng làng chúng mày mỗi năm cấy mấy mùa?

– Bẩm chỉ có một mùa chiêm.

– Mỗi sào được bao nhiêu tiền thóc một mùa?

Bẩm nhất đẳng điền cũng chỉ được độ 5 đồng một sào thóc.

– Chúng mày khai man!

– Bẩm quan lớn, quả thật như thế.

Quan Huyện lại ngồi dựa đầu vào ghế, cười nức nở một hồi rồi mới nói:

– Thế mà nó bán 5 đồng nửa gánh rạ!

Quan cười một hồi dài nữa làm cho lũ người ấy ngao ngán, chỉ còn biết đưa mắt nhìn nhau... Thị Mịch run lẩy bẩy, cố lấy can đảm ra cãi:

– Bẩm quan lớn, lúc đưa tiền thì người ấy bảo là thương hại con...

– Người ấy nói những thế nào?

– Bẩm, người ấy bảo là dân quê bị sâu cắn lúa thế thì nghèo khổ lắm, mà con như thế là đáng thương lắm, nên mua có nửa gánh rạ mà cũng cứ trả tiền cho cả 5 đồng.

– Mày có biết người ta thương là thế nào không?

– Dạ!

– Lúc ấy chắc mày bằng lòng người ta thương mày... Hẳn phải thế thì mày mới nhận tiền chứ?

– Bẩm vâng.

– Mày là đứa hư nhé! Một người lạ lại là đàn ông, đã không là ông mày, không là bố mày, không là chú, bác, anh, em họ hàng, thân thuộc nhà mày mà đi thương mày, thì chỉ là muốn ngủ với mày mà thôi. Thế mà mày đã nhận tiền! Mày như thế là hư lắm!

Thị Mịch ứa nước mắt. Ông Đồ cũng ứa nước mắt. Rồi thị Mịch khóc nức nở lên y như ở nhà. Hồi lâu thị nói:

– Bẩm quan lớn, con không ngờ như thế.

– Mày là con gái thì mày phải giữ. Mày dại thì mày chết. Tình mày ngay, nhưng lý mày gian! Tao làm quan tao cũng muốn cho ngọn đèn công lý soi thấy những nỗi thống khổ của cùng dân, nhưng mà cái lý của mày lúng túng như thế, các người làm chứng mơ hồ như thế, thì tao làm thế nào được!

Bên nguyên đơn đứng im phăng phắc.

Quan Huyện giở tập giấy má mất năm phút, xem lại mất năm phút nữa là mười. Rồi quan hỏi:

– Các người có muốn theo kiện đến kỳ cùng không?

Ông Chánh hội nhanh nhẩu thưa:

– Bẩm quan lớn, chúng con chờ lệnh quan lớn.

Ông Huyện đáp:

– Bên bị người ta đã có đơn lên quan sứ rồi. Người ta kêu không hiếp... ai cả, chỉ ngủ với con Mịch, thì chính nó, nó đã bằng lòng, vì nó đã lấy 5 đồng bạc của người ta. Quan sứ đã có xét việc này rồi. Ngài đã tự về đây, bảo tao khuyên chúng mày thôi đi là hơn. Nếu chúng mày cứ kiện thì quan sứ sẽ hòa giải. Nếu chúng mày chống án lên Hà Nội thì càng khó lòng mà được kiện, vì người ta là người giàu có lắm, chúng mày không bán nghiệp đi mà theo kiện được. Mà rồi còn lôi thôi nữa...

Ông Đồ uất ức thưa lên:

– Bẩm quan lớn, xin quan lớn soi xét cho, sự thực mà như thế thì ức cho gia đình con lắm.

Ông Chánh hội cũng thưa:

– Bẩm nếu thế thì cả làng chúng con nhục với hàng tổng.

Quan Huyện xung thiên chi nộ, đập bàn mà rằng:

– Con Mịch kia! Trước pháp luật, việc mày như thế là một việc làm đĩ không môn bài, vậy mày có muốn làm nhà thổ suốt đời

không? Bọn lý dịch! Chúng mày đi kiện láo như thế tức là phạm tội vu cáo, vậy chúng mày có muốn ngồi tù không? Chúng mày để trong làng có truyền đơn, cờ đỏ, tao đây chưa cách cổ chúng mày đó mà! À ra cái dân này bướng bỉnh nhỉ? Chúng mày muốn rút đơn ra hay chúng mày muốn ngồi tù nào? Ông đã thương hại, ông bảo thật cho lại còn cứng cổ! Nào, thế lão Đồ kia muốn xin bồi thường mấy trăm bạc thì để ông phê vào đây rồi ông đệ mẹ nó lên tỉnh cho chúng mày khốn khổ cả đi nào. Vô phúc thì đáo tụng đình đấy, các con ạ!

Hai ba người nhao nhao lên:

– Bẩm quan lớn, chúng con xin rút đơn kiện vậy.

Quan Huyện lườm cả cũ:

– Thôi, bước! Bước ngay cả lũ!

Cả bọn dồn quay ra thì quan lại gọi giật lại mà rằng:

– Còn cái thằng làm báo lúc nãy nữa! Nó có tên trong sổ đen đấy. Nó bị tòa sứ nghi là cách mệnh đấy. Chúng mày cứ chuyện trò giao thiệp với nó đi, ông bảo chúng mày liệu cái thần hồn.

Rồi quan xếp dọn giấy má và khẽ dặn một anh lính:

– Lát nữa tao về dinh đâu đấy rồi thì thả thằng làm báo ra, nó có muốn sinh sự gì thì cứ đẩy cổ nó đi, không cho nó được lai vãng đến cửa huyện.

X

Long đã đi qua những cảnh nguy nga choáng lộn trong ấp *Tiểu Vạn trường thành*. Chàng cũng có hồi hộp lo sợ về cái thế lực ghê gớm của kim tiền ấy, nó khiến cho chàng như thấy hiện ra trước mắt một bọn người nhỏ bằng cái đầu tăm là gia đình vợ chồng chàng, mà lại đương muốn khiêu khích với một ngọn núi hùng vĩ cao cả là Nghị Hách vậy. Trong cái trận kỳ lạ, mà sức của hai bên chênh lệch nhau đến vậy, Long thấy trong lòng băn khoăn... Cái sợ sệt, cái nhút nhát, với cái nản chí, đã hợp lực nhau đến lũng đoạn sự căm hờn, cái thù bất cộng đái thiên trong lòng chàng.

Long đã đi qua những dãy hành lang dài như không bao giờ hết, trèo những cái thang và cũng như trong một tòa khách sạn lớn ở bên Tây phương.

Một tên người nhà đã bảo Long ngồi chờ ở một căn phòng để báo trước cho ông chủ biết đã.

Giữa lúc ấy, Nghị Hách đương ngồi làm việc trong phòng giấy riêng. Một căn phòng rộng rãi thênh thang có những đồ đạc tối tân, một tủ sách to tát, y như phòng của một ông tổng trưởng.

Nghị Hách ngồi trên ghế tròn xoay, chân đi giầy da, mặc áo khoác dài, trên cổ có một cái khăn quàng lông chiên tua tủa. Thị Tín, một cô nàng hầu trẻ nhất và đẹp nhất của lão, thì nằm... trong lòng lão, hai cánh tay mềm mại vòng vào cổ lão, đôi chân ruỗi thẳng cẳng trên bàn...

Chợt một hồi chuông điện kêu ran lên... Nghị Hách cứ để nguyên như vậy, khoan thai cầm lấy ống điện thoại.

Allo! Allo! Phải! Chính ông chủ đây... À, thế nào nữa?... Được... Sao nữa?... Sở than Hòn Gay hạ giá than xuống dưới năm đồng? Được! Thế than nắm, nó bán bao nhiêu? Allo, được rồi! Phu goòng phải cho làm đêm, được. Thế cai thầu với hãng tàu biển Năm Sao ra làm sao?... Thế à! Thế thì ông phải cố mà tranh lấy bốn đồng rưỡi một tấn thôi vậy... phải, cứ hạ hẳn giá xuống... Nếu sợ lỗ thì hạ lương kíp phu ngày xuống hào hai... Không sợ! Allo allo! Thằng nào phản đối thì đổi nó vào kíp đêm... Không thì loại vợ con chúng nó ra... Ừ! Trên một nghìn nghỉ việc, được... Được đấy, thằng nào kỳ kèo thì đuổi hẳn... Sao nữa? Ừ, được rồi!... Bảo là đầu tháng sau ông chủ xuống... Thôi!

Nghị Hách bỏ ống điện thoại xuống quay về... mỹ nhân...

Hai mắt lão đỏ ngầu lên, vì lúc ấy con người đã tránh mặt đi, để cho con quỉ dâm dục xuất hiện.

Chợt có ba tiếng gõ khẽ vào cửa...

Nghị Hách bực mình ngửng lên hỏi:

– Cái gì?

Bên ngoài cánh cửa có tiếng nói vào:

– Bẩm quan lớn, ông Tú Anh có người lên hầu chuyện quan lớn đấy ạ.

– Đàn ông hay đàn bà?

– Bẩm một cậu con giai.

– Bảo ngồi ở phòng *Tĩnh tâm* mà đợi.

.....

Giữa lúc ấy, tên người nhà đưa Long vào một căn phòng rồi khép cửa lại. Trên tường, không biết bao nhiêu hoành phi, câu đối, màu son, màu vàng chói lọi. Những cái đĩa cổ rất quý giá, to, nhỏ, đủ thứ, làm cho bốn phía tường có cái vẻ chi chít những mắt kính như đầu một con sư tử Tầu của những dịp tết Trung Thu. Sừng hươu và sừng bò rừng, điểm vào những dẫy đĩa ấy làm chỗ để mũ, mắc áo.

Trên cái tủ chè có một dãy ngà voi. Trên sập gụ có một khay đèn. Hai bên khay đèn là hai cái da hổ mà đầu hổ là gối. Rồi thì... những tủ, ghế, kỷ con, kỷ lớn, yên gụ v.v... nghĩa là một trăm thứ đồ đạc kỳ lạ và sang trọng vô cùng.

Long ngồi chờ độ nửa giờ thì cánh cửa bị đẩy... Nghị Hách bước vào, có Thị Tín vừa đi vừa xếp lại vành tóc rối loạn trên đầu, theo sau...

– Lạy cụ ạ, chào bà ạ.

Nghị Hách không đáp lời chào chỉ hỏi:

– Anh là người làm công trường Đại Việt?

– Vâng.

– Anh lên có việc gì.

– Bẩm có nhiều việc, bẩm cụ xem thư đây.

Nghị Hách cầm lá thư, lại hỏi:

– Anh có biết tiêm thuốc phiện đấy chứ?

– Bẩm vâng.

– Thế anh cởi giầy ra, lên sập!

Nghị Hách nói xong nhìn Thị Tín một cái mà lắc đầu. Cô ả này ra khỏi gian phòng khép cửa lại. Mãi lúc ấy Nghị Hách mới nhìn xuống phong thư.

Hai người nằm đối diện nhau. Long thì tiêm thuốc mà Nghị Hách thì xem thư... Xem xong một lá, Nghị Hách vội hỏi:

– Tại sao thằng Vạn nó lại biết rõ chuyện như thế được?

– Chúng tôi cũng không rõ.

Đến đấy, Nghị Hách cau mày nghĩ ngợi, vỗ trán mấy cái rồi nói:

– À, phải! Đây là tại thằng tài Nhì vào tiệm hút kháo chuyện đây!

Rồi lão lại bóc nốt mấy lá thư sau. Xem xong, lão kéo điếu thuốc do Long mồi, rồi lại trầm ngâm nghĩ ngợi. Long hỏi:

– Bẩm thế bây giờ cụ định thế nào ạ?

Nghị Hách cười nhạt mà rằng:

– Tao thì tao chẳng bận tâm gì về việc ấy cả. Nghĩa là chủ mày cứ bắt tao phải lấy con bé ấy, chứ tao có thiết gì đâu!

Long rất lấy làm ức về cách xưng hô ấy, song chỉ tươi cười:

– Chúng tôi tưởng thế nào cũng là tùy ý cụ chứ...

Nghị Hách nói:

– Mày không biết rõ chủ mày. Ông ấy là một người đứng đắn lắm, tao có thể trông cậy vào ông ấy được nhiều điều lắm. Nếu trái ý ông ấy thì sẽ hại to nhiều việc về sau. Mà theo ông ấy thì khó lắm, vì bà Nghị dưới Cảng ghen lắm. Như mày bảo tao nên làm thế nào?

– Chúng tôi tưởng cụ cứ việc đền tiền cho người ta!

Nhưng mà chúng nó thua kiện rồi.

– Đã đành vậy. Nhưng mà đó là ông Anh muốn, chứ có phải tòa xử cho cụ thua kiện mà lấy người ta làm vợ đâu!

– Ừ nhỉ! Thế mà tao không nghĩ đến đấy. Kìa mày tiêm to nữa vào... Mấy điếu thuốc vừa rồi bé quá, không ăn thua gì cả. Thế mày bảo đền thì đền độ bao nhiêu?

– Cụ cứ cho người ta vài ba trăm bạc.

Nghị Hách ngồi nhỏm lên mà rằng:

– Chết! Vài trăm bạc! Mày điên! Mày có biết những nàng hầu của tao ở đây, đáng giá bao nhiêu mỗi thị không? Cái đứa đẹp nhất, tao cũng chỉ mua của bố mẹ nó có bảy chục. Còn phần nhiều không mất xu nào. Có bảy chục bạc còn phải về hầu hạ người ta suốt đời, huống chi... chỉ có một lần mà những vài trăm bạc!

– Cụ nên biết cho là cô gái quê ấy sắp lấy chồng. Cụ làm cho người ta mất tiết trước khi lấy chồng thì số tiền tưởng cũng chẳng là bao.

Nghị Hách cười ha hả một hồi, cứ vỗ mãi vào vai Long, cười như cười một điều gì thú vị lắm. Sau cùng lão mới vừa nấc nấc, vừa nói:

– Mày còn ngu lắm! Mày có biết ở những nơi phồn hoa đô hội như Hà Nội, Hải Phòng, người ta bán chữ trinh của người ta bao nhiêu không? Đến đây, lão xòe bàn tay ếch ra Năm đồng! Vợ một ông tham, vợ một ông phán thường thua bạc, phải kiếm xu thì đi ngủ săm với tao mà cũng chỉ lấy năm đồng là cao nhất rồi.

– Xin lỗi cụ, ông chủ con cho cái việc chơi ngông của cụ là đáng phải trả đắt lắm. Đấy cụ xem ông chủ con chả cứ buộc mãi cụ lấy người ta làm vợ đó là gì!

– Ông ấy hủ lậu thì ông ấy mới có những cái cẩn thận vô ích thế.

Làm như không nghe thấy câu ấy, Long cứ nói tiếp:

– Đằng này cụ đã hưởng cả cái chữ trinh của người ta như thế, thì hai trăm bạc với một lá thư cũng chẳng là bao. Còn hơn lấy về làm vợ lẽ, một là điều đình với người ta và với người nhà mình là sự rất khó, hai là ngộ sau này có con thì nào con vợ cả, con vợ lẽ, sẽ có mối đáng lo về phần gia tài. Cụ cứ viết một lá thư cắt nghĩa rõ như thế rồi tôi xin quay về nói khó với ông chủ tôi.

– Ừ! Mày nói nghe được! Thế hợp ý tao lắm. Hai trăm bạc...

– Với một lá thư...

– Lá thư như thế nào?

Long ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

– Nguyên ông chủ tôi lại để ý đến chỗ cô gái quê ấy sắp lấy chồng... Nếu viết cho họ một lá thư nói về việc nài hoa ép liễu, để cho người ta có chứng cớ với chồng người ta là không phải lỗi người ta hư, thì người ta không lo bị chồng ghen và hành hạ. Được vậy, vì chị vợ có hai trăm bạc đền thì anh chồng sẽ vì thấy của tối mắt mà không còn bực mình về chỗ vợ đã mất tân. Mà có lẽ còn sung sướng nữa.

– Ừ, mày nói nghe được đấy.

Nghị Hách dỡ dọc tẩu kéo điếu thuốc xong, nhắm nghiền mắt lại khoan khoái. Nhưng bỗng lại mở choàng mắt ra mà rằng:

– Ồ! Không được! Viết như thế ngộ nó kiện cho thì bỏ mẹ!

– Đời nào bọn ấy còn dám đi kiện.

– Phải, nhưng mà cái gì cũng đề phòng thì hơn.

– Nếu thế thì cụ chỉ còn cách lấy người ta thôi.

– Lấy thì nhiều lắm, tao không muốn.

– Mà không lấy, không được?

– Ừ, không lấy thì ông chủ nhà mày lại không bằng lòng!

– Phiền thật!

– Chó lắm!

Long nghe xong ngẫm nghĩ một lúc. Chàng chỉ nằm tiêm thuốc mà không bàn tính gì thêm. Rồi chàng lôi ở túi áo ra hai số báo *Lưỡng kỳ*.

– Đây này, việc của cụ làm cho dư luận Bắc Kỳ rất xôn xao. Cụ đừng tưởng là không hệ trọng và không ai bình phẩm về việc ấy đâu.

Nghị Hách vồ lấy hai tờ nhật trình. Khi xem xong cả hai số báo rồi, lão ta tái mặt, trên trán thấy toát mồ hôi ra như giữa lúc mùa nực vậy. Lão bấm cái chuông ở đầu giường.

Một lát, cô Kiểm mở cửa bước vào.

– Quan lớn đòi gì?

– Gọi thằng tài Nhì và thằng Xuân lên đây ngay.

Năm phút sau, tài Nhì và Xuân cùng kéo nhau vào. Nghị Hách ngồi lên, bảo:

– Thằng Xuân, mày lấy cái roi cá đuối lên đây.

Tài Nhì bỗng tái xanh cả mặt mũi. Anh ta run run hỏi:

– Bẩm quan lớn, thế con có tội gì ạ?

Nghị Hách lạnh lùng:

– Mày cứ chờ đây thì biết!

Đến lúc thằng Xuân xách cái roi cá đuối lên rồi, và đã đứng khoanh tay chờ lệnh rồi, Nghị Hách mới hỏi:

– Tài! Mày có biết rằng khi tao cho mày về làm với tao thì mày đã thề rằng mày sẽ không nói một chuyện gì của tao, mày không được tiết lộ một điều bí mật gì ở nhà này cho một người nào nghe, có thế không?

Tài Nhì run rẩy:

– Bẩm đã.

Nghị Hách hỏi Long:

– Thày có biết khi một ông quan để bại lộ việc nước thì nhà vua phải trị tội ông quan thế nào không?

Long muốn đáp... Nhưng Nghị Hách lại hỏi thằng Xuân ngay:

– Xuân! Mày có còn nhớ là khi xưa, mày đi theo rạp xiếc thì mày vẫn được quật roi điện vào sống lưng những loài hổ báo, và mày đã vì ăn cắp mà phải đuổi không? Mày có nhớ là nếu tao không thương mày thì mày phải tù rồi không?

Thằng Xuân cau đôi lông mày chổi sể, nhăn cái má có sẹo, làm một câu:

– Có ạ!

Tức thì Nghị Hách đứng lên, cầm lấy cái roi...

– Thằng Tài! Mày đã trót nhỡ nói chuyện tao cho thằng Vạn ở Hà Nội hôm xưa thì hôm nay mày chịu cái vạ miệng ấy. Muốn khỏi chết thì tức khắc ra đứng quay mặt vào tường!

Tài Nhì vâng lời ra đứng quay mặt vào tường rồi thì Nghị Hách giơ cao roi vụt thằng Xuân một cái vào ngang lưng. Tiếng roi đập xuống đánh đét một cái, nghe đến rùng mình. Thằng Xuân co quắp cả người, nhăn mặt chịu đau. Nghị Hách từ tốn đưa cho nó cái roi cá đuối rồi lên ngồi sập.

Lúc ấy, thằng Xuân cầm roi rồi. Nó mím môi lại, giơ cao tay... Từ đây trở đi, người ta chỉ thấy tiếng đen đét luôn hồi của cái roi. Người ta tưởng đương xem một đám đua ngựa.

Tài Nhì, đương cái cơn mưa roi vọt ấy, oằn mình đi như một sợi tóc bị hơ trên ngọn lửa. Long không dám nhìn, phải nhắm mắt lại. Vậy mà những tiếng đen đét vẫn không thôi giáng xuống lưng Tài Nhì như mưa...

Oai nghiêm trên sập, Nghị Hách vẫn chưa có lệnh cho ngừng.

XI

Đôi ống quần thâm ướt quá đầu gối, với một thúng bèo tấm đầy có ngọn trên đầu, trên con đường chật hẹp hai bên um tùm rào găng, chạy quanh co từ đình làng về nhà mình, thị Mịch uể oải như đếm từng bước một mà đi.

Người làng đã tấp nập đốn tre để giồng cây nêu, buộc những chùm khánh và cá bằng gạch nung vào ngọn cây tre, và quét vôi trắng xóa cả sân, vì ngày hôm sau đã là ngày tết ông Táo.

Trước sự tưng bừng của thiên hạ. Mịch nghĩ đến gia cảnh mà đâm buồn. Cô thấy loài người là ích kỷ, độc ác, không còn một ai là đáng yêu. Cô chợt nhớ tới những lúc mẹ cô, bà Đồ, nhăn nhó kêu với ông Đồ là nhà hết gạo, hết cả mắm muối, rồi ông Đồ lấy cái bàn tay

ẻo lả bưng trán mà không nói gì cả. Cô trông thấy bố trên đầu tóc đã bạc đến quá nửa, kể từ khi có cái tai họa xảy ra. Vậy mà đã đến nửa tháng rồi cô cũng không thấy tăm hơi người chồng sắp cưới của cô đâu cả.

Lúc ấy bên tai cô thấy vẳng từ xa đưa lại những câu gọi của người làng, của những người kệch cỡm đứng tận ngoài đầu ngõ tru tréo mời nhau đến chỗ mổ lợn chia thịt họ, là những phản thịt mỗi tháng mỗi người bỏ ra góp một hào, để có một ít thịt làm giò chả, nhân bánh, và đồ nấu vào dịp Tất niên. Việc ấy khiến Mịch nhớ lại những tết trước, lúc ông bố còn dạy học.

Những năm trước, vào quãng 25 tháng chạp thôi, phụ huynh của những học trò ông Đồ, đã phải lo tết cho thày, tấp nập tải đến, người thì thúng gạo nếp, một đôi gà, người thì một cân chè, một cân mứt, người thì cái thủ lợn, một thúng gạo, một buồng cau.

Vậy mà tết năm nay...

Ông Đồ ngồi co ro trong cái áo bông cũ mà nhìn trời mưa, thỉnh thoảng lại hút một hồi thuốc, ngán ngẩm trong những giọt mái gianh rơi xuống rãnh nước cho bong bóng phập phồng! Mịch bất giác thở dài vì thấy cả gia đình nhà mình không còn có tương lai nữa.

Chợt có tiếng nói:

– Chị Mịch đi hớt bèo về đấy à?

Ngoảnh lại nhìn, thì đó một bà cụ già đương đứng khom lưng chống gậy tre ở ngoài ngõ.

Bà già nói tiếp:

– Mau lên về mà xem! Ở nhà đương có cô thày bói hay lắm.

– Thế ạ? Vâng!

Đáp rồi, Mịch rảo cẳng bước đi. Được độ hai mươi bước, khi qua một cái tường bằng phên, Mịch phải dừng đà chân vì thoáng thấy có ai nhắc đến tên mình. Mịch bèn đứng hẳn lại lắng tai nghe, thì thấy một người nói:

– Cái con bé bây giờ hư lắm, không giữ gìn gì nữa. Chắc là từ hôm nó bị hiếp thì nó lăng nhăng bừa bãi với bọn con giai làng bên.

Một người khác nói:

– Chỉ có thế thôi à?

Người kia lại nói:

– Úi chao! Con gái voi giầy đến thế là cùng chứ bà lại còn muốn thế nào nữa?

Thị Mịch đỏ bừng mặt, đứng lặng người đi, lại cố lắng tai nghe thêm và trong khi ấy, cũng phải nghe tiếng quả tim đập thình thịch trong ngực.

Lại thấy nói:

– Thế thì bà chưa biết chuyện gì cả. Bà chỉ mới thấy người ta đồn con Mịch bờm xờm với tụi con giai làng Thượng thôi, chứ mà tôi thì tôi lại thấy con bé ấy chương ruột ra rồi.

– Ủa! Cô ả ễnh ruột ra rồi?

– Bẩm phải ạ! Bà cứ để ý đến cái bụng nó mà xem! Nhờ ơn vua mẫu, bụng nó đã gần bằng cái thúng rồi đấy.

– Thật à? Thật thế à?

– Phải! Mấy tháng nay con bé đã ốm nghén đấy! Lúc nào cũng ăn được rổ tướng những khế, một rá ụ những chanh! Lúc nào cũng lử đử lừ đừ chả buồn mó đến việc gì cả! Lúc nào cũng chỉ chúi dưới bếp mà ngủ thôi. Nó ăn rở của chua nên mới thế, chứ có phải đâu con bé vốn hư thân đốn đời!

– Chẹp! Chẹp!!... Rõ chém cha cái đời! Cho thế mới mát ruột con mẹ đồ Uẩn. Không thế thì không được hợm hĩnh những là giấy rách giữ lề, những là dòng dõi thế gia!

Thế rồi im.

Mịch nghe xong, rùng mình như thấy choáng váng đầu óc, tối tăm mặt mũi, bủn rủn chân tay, tóc gáy dựng đứng lên, xương đầu gối muốn long ra, không còn đứng vững được nữa.

Là vì ngoài những câu phê bình độc ác thì câu chuyện ngồi lê bất chấy ấy, chẳng phải là không có chút ít sự thực. Mịch hãi hùng mà nhớ lại là hai tháng nay rồi. Mịch thấy trong mình hình như có sự gì chuyển động, sự gì thay đổi, kinh nguyệt rất thất thường, lúc nào cũng thèm của chua. Mịch đã nhận thấy một cách rõ rệt rằng bụng mình quả nhiên cứ mỗi ngày một thêm to ra, cái dải rút cứ hình như ngắn lại. Mịch vẫn tưởng hay là mình béo ra, hoặc là hay ăn cơm quá no. Mịch nhận ra rằng xưa kia, cái thắt lưng xanh vẫn dài chấm đầu gối mà ngày nay tự nhiên lại cũn cỡn lòng thòng ở bên trên hai đầu

gối. Và hình như có lẽ đã một tháng nay, Mịch không thấy "bẩn mình" nữa rồi.

Nghĩ đến đấy, Mịch nhìn xuống bụng, rồi quay đầu nom quanh một lượt như có kẻ nào đã nom thấy cái cử chỉ ấy vậy. Rồi Mịch thoăn thoắt bước đi rõ nhanh, như người đi trốn, như sau lưng có một lũ trẻ chạy theo rêu rao mình, như vừa mới làm một sự gì rất đáng xấu hổ, mà bị có người bắt được quả tang. Mịch thấy rằng không còn thể ở được chỗ nào có người nữa, dễ phải đến lên rừng, lên núi, vì nếu sẽ thấy mặt bất cứ một ai, Mịch cũng sẽ xấu hổ vô cùng.

Không phải là lần đầu mà Mịch biết thế nào là ngượng thế nào là thẹn.

Từ sau cái buổi bị cưỡng bức trên chiếc xe hơi, Mịch cũng đã hiểu thế nào là sự đời rồi. Từ sau khi ấy, không bao giờ biết cái gì là tự nhiên, biết cái gì là ngây thơ.

Xưa kia, những lúc xuống ao vớt bèo, Mịch cứ việc xắn cao ống quần lên đến tận bẹn. Những khi giặt giũ quần áo ở ven sông, hoặc là một mình, hoặc là cùng với một đám đông đàn bà, không bao giờ Mịch lại thấy ngượng nghịu và phải đỏ mặt vì cách đấy mươi bước có một lũ đàn ông trần truồng lội, bơi, tắm, giặt, không bao giờ, thật vậy, không bao giờ Mịch phải e thẹn, vả chưa bao giờ Mịch lại có hề nghĩ đến chuyện bậy, vì cũng không biết rõ những sự bậy phải như thế nào. Xưa kia vẫn là người hoàn toàn ngây thơ.

Nhưng từ sau khi bị cưỡng bức thì không bao giờ Mịch còn có thể ngồi giặt giũ ở bờ sông khi có đàn ông tắm. Ngay đến lội xuống ao vớt bèo cho lợn Mịch cũng cứ phải để ống quần dài, mặc lòng người làng vẫn mai mỉa là đài các, là làm bộ, là ngông. Là vì hình như nếu để lộ đùi ra thì lại sẽ có người thừa cơ hãm hiếp nữa. Ngay cả đến những lúc trông thấy con gà sống nhảy lên lưng con gà mái, Mịch cũng phải vội quay đi không dám nhìn. Mịch lại thấy đỏ bừng mặt vào cả những lúc thấy hai con chuồn chuồn theo luật âm dương, cưỡi lên lưng nhau mà bay.

Ấy, đã giữ gìn thận trọng đến thế, mà còn có người thêu dệt ra là Mịch đã hóa nên hư thân mất nết! Không biết mai sau người ta còn bịa đặt ra những gì?

– Chẳng qua là giậu đổ bìm leo?

Còn đương tự nhủ như thế thì đã đến nhà rồi. Mịch đi đến chuồng lợn đặt thúng bèo xuống, nhìn đến ba con lợn mới to bằng ba

con chuột đồng, rồi lại nhìn xuống bụng. Mịch phân vân lo sợ đứng thừ người ra, quên khuấy ngay mất rằng bố mẹ đương xem bói ở nhà trên. Rồi, lẩn thẩn, Mịch cởi dải rút ra, nhìn xuống bụng, lấy một tay nắn bụng nữa. Sau cùng thì Mịch lại vội thắt dải rút lại, đỏ bừng mặt mà nhìn chung quanh mình. May sao lúc ấy không ai trông thấy cả.

Mịch hoảng hốt rảo cẳng lên nhà trên.

Chưa lên đến nơi, đã thấy một giọng đàn bà vừa như nói lại vừa như hát:

Quan Phù, Thái Thuế long đong,

Tháng ngày chờ đợi cửa công mỏi mòn!

Rón rén tiến dần vào nhà, nhẹ đưa tay lôi cái mành mành nhìn, Mịch thấy đó là cô thày bói. Bà đồ Uẩn nhăn nhó hỏi:

– Thày xem hộ rồi có làm sao không.

Cô thày bói bấm một lát rồi đáp:

– Không! Tuy thế mà trước dữ sau lành đấy. Vì may ở tam phương tứ chiếu có những sao Thiên quan quí nhân, Thiên phúc quí nhân thì may ra rồi cũng không việc gì. Tất rồi gặp được ông quan minh và có quí nhân phù trợ.

Ông Đồ hỏi một cách chán nản:

– Thày bảo con bé cháu nhà tôi nhất định sang năm thì lấy chồng à? Mà lại lấy chồng giàu nữa kia à?

Cô thày bói đáp:

– Nhất định, vì sang năm cô ta có Hồng Loan, Thiên Hỷ chiếu.

– Thôi thế thì sai lắm rồi. Không có thể thế được.

Bà Đồ bàn góp:

– Hay là sai giờ? Hay là giờ Thân chớ không phải giờ Dậu?

Ông Đồ cau mày:

– Lúc ấy gà mới lên chuồng thì là Dậu chứ chưa sang Thân.

Hình như không nghe ai nói, cô thày bói lại bình tĩnh tiếp:

– Nhất định thế. Số cô này giàu có lắm cơ. Nhưng mà chắc là phải lấy lẽ vì Nô cung thấy có Tả Phù, Hữu Bật. À à! Lại có điều này nữa kể cũng hơi lạ đây. Nhưng mà thôi, tôi chả đoán, sợ lại giận...

Ông Đồ nói:

– Cái gì nữa thế ạ? Thày cứ nói! Mười câu về tiền vận thì đã đúng đến tám rồi. Chỉ còn mấy câu hậu vận của con cháu là tôi không dám tin mà thôi. Nhưng xin cứ đoán.

Cô thày bói lại nói như hát:

Sao Thai mà ngộ Đào Hoa,
Tiền dâm hậu thú, mới ra vợ chồng!

Bà Đồ hấp tấp hỏi dồn:

– Thế là nghĩa thế nào? Thế là làm sao hở thày?

Nhưng ông Đồ gạt phăng ngay đi mà rằng:

– Thôi không hỏi nữa! Xem lắm chỉ thêm lo thôi.

Cô thày bói ra vẻ bất bình, cầm tiền xếp dọn đĩa cất vào tráp, rồi khoác cái tay nải đỏ lên vai. Ông Đồ tiễn thày ra cổng, thì vừa lúc Mịch đến trước mặt mẹ.

Bà Đồ nói một cách giận dỗi:

– Mãi chả về mà nghe! Thày bói đoán được nhiều điều đúng lắm.

Mịch nhìn theo bố một cách sợ hãi rồi lắp bắp:

– U ơi u! Tôi... giời ơi! Dễ thường tôi...

– Làm sao?

– ...

– Mày làm sao.

– ...

– Ô kìa, con bé lạ nhỉ? Thế mày làm sao?

Mịch run rẩy khẽ nói:

– U ạ, dễ thường tôi... dễ thường tôi chửa...

– Cái gì?

– ...

– Mày chửa làm gì? Mày chửa vớt bèo cho lợn ăn à?

– Không phải. Tôi chửa, tôi có chửa, tôi có mang!

Bà Đồ trợn ngược mắt lên, thất thanh hỏi:

– Mày có mang? Giời cao đất dày ơi! Mày có mang?

– Hình như thế thì phải.

– Tao xem nào?

Thị Mịch ưỡn bụng ra. Bà Đồ để tay vào bụng con gái, ngẩn người ra rồi lại thì thào hỏi:

– Thế dạo này có tội không?

– Dễ đến hơn tháng nay, không thấy gì cả.

– Mày vẫn thèm ăn chanh, ăn khế?

– Vẫn thèm.

Vừa lúc ấy, ông Đồ quay vào. Bà Đồ nói bằng cái giọng cua bệnh nhân hấp hối:

– Đây này ông ơi, ông vào mà xem, con Mịch nhà ta có mang!

– Cái gì? Cái gì thế?

– Có mang! Thụ thai! Chửa hoang! Giời ơi là giời!...

Rồi bà Đồ ngồi phệt xuống giường, sụt sịt khóc. Ông Đồ đứng ngây người ra như Từ Hải chết đứng. Chân tay run lên như điện giật, ông trợn mắt hỏi không ra tiếng:

– Mịch, thật đấy à?

Cô Mịch cúi mặt khẽ đáp:

– Thưa thày thật.

Ông Đồ lại đờ người ra hồi lâu. Rồi nói:

– Cái thằng khốn nạn!

Cô Mịch vẫn đứng cúi mặt. Bà Đồ vẫn sụt sịt khóc.

Ông Đồ lại nói:

– Sao mày dại dột thế? Đồ voi giày! Tao tưởng cái thằng ấy cũng khá.

Mịch cau mày, hỏi:

– Thế nào là khá?

– Tao tưởng mặt mũi nó thế! Mà nó dạm hỏi tử tế! Thảo nào lâu nay mất mặt!

Mịch hỏi:

– Thày nói anh Long đấy à?

– Thế mày chửa với ai?

Thị Mịch cáu kỉnh gắt:

– Lại còn chửa với ai nữa!

Ông Đồ tát con gái đánh bốp một cái. Mịch loạng choạng ngã ngồi xuống đất. Ông Đồ xỉa xói:

– Đồ đĩ dại! Đồ nhà thổ! Đồ chó!

Rồi vớ lấy cái chổi phất trần...

Thị Mịch vội đứng lên kêu...

– Thày hãy khoan! Không phải tôi chửa với anh Long.

– Giời ơi! Thế thì mày lại còn đi ngủ với thằng mõ nào? Giời ơi, tôi không đốt đình đốt chùa! Với thằng Long còn đỡ chứ với đứa khác thì càng xấu, càng nhục!...

Thế là ông vụt luôn bốn năm cái nữa.

Mịch tối tăm mặt mũi vừa chạy giật lùi, vừa kêu:

– Lạy thày! Đó là lão chủ ô tô.

– Lại còn thằng nào? Ông Đồ ngừng tay, hỏi bằng cái nghiến răng.

Thị Mịch vừa khóc nức nở vừa nói:

– Cái... thằng hiếp dâm tôi chứ còn đứa nào!

Ông Đồ trợn mắt, lại hỏi:

– Thật thế?

– Thày hỏi làm gì nữa, hãy cứ đánh chết tôi đi đã có được không?

Rồi thị Mịch lại khóc nức nở. Ông Đồ vứt roi đi, lom khom cúi xuống, ái ngại lôi tay con gái.

XII

Long để cái va ly xuống ghế rồi ngơ ngác nhìn quanh... Phòng ông Giám đốc Đại Việt học hiệu lúc ấy vắng tanh như một gian nhà bỏ hoang vậy. Chàng bèn ấn cái chuông ở bàn giấy. Mãi mới thấy anh gác trường chạy lên. Chàng hỏi:

– Ông chủ đi đâu rồi?

Người gác cổng dụi mắt đáp:

– Ông chủ đi nghe diễn thuyết ở trường Cao đẳng.

Long cự:

– Sao ông vào trong ấy mà lại không khóa cửa trường lại?

– Tôi định vào thì ra ngay đấy mà. Vả lại vừa rồi có cụ Nghị về chơi.

– Thế à? Cụ Nghị đã gặp ông chủ chưa?

– Chưa gặp. Vì ông chủ vừa đi một lúc thì cụ Nghị mới đỗ xe trước cửa.

– Thế à?

Long thẫn thờ nói thế rồi ngồi xuống ghế. Người gác trường hỏi:

– Thế ông ở trên cụ Nghị về đấy à?

– Không, tôi ở Hải Phòng về.

– Ở dưới ấy với cụ Nghị bà ấy à?

– Phải.

– Ông đi làm gì thế?

– Có việc riêng của ông chủ.

– Việc gì thế?

Long cau mày, gắt:

– Sao mà ông hỏi kỹ thế? Khi tôi đã nói việc riêng thì ông đừng hỏi thêm nữa chứ!

Người gác trường khua lộp cộp đôi guốc ra cổng với một cái xích sắt dài... Long gọi lại:

– Này! Thôi, đã có tôi ở đây thì ông không cần phải khóa vội. Cứ mở rộng cửa ra, ngộ nhỡ có khách hay có ai muốn hỏi gì chăng.

Người gác mở rộng cửa, buông rơi cái xích sắt, khiến nó va vào cửa đánh xoảng một cái, rồi lại lộp cộp đôi guốc đi thẳng vào nhà trong. Long vội gọi lại hỏi:

– Này ông gác!

– Gì nữa thế ạ?

– Cái nhà ông em ông chủ có còn ở trường này không?

– Ông nào?

– Ông này sao chóng quên thế! Ông em ông chủ tức là cái cậu lại đây ở tháng trước mà ông phải dọn phòng ấy mà! Cái cậu có cô vợ tân thời ấy mà!

– À, cái cậu nghiện ấy chứ gì?

– Phải đấy.

– Dọn lên ở trên phố Mới được tuần lễ rồi.

– À ra thế.

– Ông có hỏi gì nữa không thì cho tôi đi ngủ.

– Thôi được, ông cứ vào mà ngủ.

– Thế ông chờ ông chủ giúp tôi nhé! Đây, chìa khóa đây.

– Được, ông cứ để ở bàn.

Người gác trường vào nhà trong rồi, Long bèn cởi đôi giầy ở chân ra, đi vào dép, rồi đem cái điếu thuốc lào đến để ở bàn giấy. Chàng hút một mồi thuốc, ngả người trên ghế, nhìn làn khói xanh tản mạn bay.

Chàng ôn lại cái thời gian đã sống ở dưới cảng để điều đình cái cuộc trăm năm giữa người yêu của chàng với người thân sinh ra ông chủ Đại Việt học hiệu.

Khi còn ở trên ấp Tiểu Vạn trường thành, Long đã phải mất bao nhiêu công suy nghĩ mới đóng được cái vai trò đặc biệt của chàng. Chủ đã phó thác cho công việc nặng nề là thuyết lý làm sao cho người thân sinh của ông chủ sẽ vui lòng kết bạn trăm năm với cô gái quê, mà người ấy đã nài hoa ép liễu. Trong khi ấy, vì còn quá tin ở ngọn đèn trời, tin ở thần Công lý, ở lẽ phải, ở cái kiện, nên Long đã chẳng ngại ngùng gì cả, vội nhận lời với chủ ngay. Đến khi lên tới ấp Tiểu Vạn trường thành là khi thấy bên gia đình họ hàng vợ chàng đã thua kiện một cách rõ rệt rồi, thì Long lại phải thay đổi cử động. Đến khi Nghị Hách lại phó thác cho chàng cái việc thuyết khách, là việc nói làm sao cho người vợ cả của lão vui lòng để lão cưới vợ bé, thì Long lại phải đeo lên mặt một cái mặt nạ thứ ba.

Đứng trước một cái tai họa, mà ngay cả đến tạo vật cũng không thể cứu chữa được nữa, lại thêm ở cái tình thế khó xử là kẻ gây ra tai họa ấy lại là bố một người mà chàng có bổn phận coi trọng như một vị ân nhân, thì chủ ý của Long chỉ là hành động ra sao cho người vợ chưa cưới kia được đền lại bằng một số tiền. Ngoài ra, nếu muốn báo thù kẻ đã làm thương tổn đến hạnh phúc của mình, thì Long sẽ tự kiếm lấy cách rửa thù khác, chứ chàng cũng chẳng trông cậy gì vào nơi cửa công. Cho nên gặp những lúc ấy, Long đã nhận lời của cả hai bên, để có cơ dò xét tình thế của kẻ thù, rồi sẽ tùy cơ ứng biến.

Người thứ nhất chàng phải nghe, đã ân cần nhờ chàng làm cái việc ông tơ, bà nguyệt. Người thứ nhì lại cho chàng những hai điều kiện: hoặc người ta sẽ cưới thị Mịch làm vợ lẽ, nếu người vợ cả người

ta sẽ ưng ý, hoặc người ta sẽ đền tiền, nếu con giai người ta chịu nghe lời hùng biện của Long.

Thế rồi Long xách va ly xuống Cảng tìm bà Nghị.

Long như còn trông thấy rõ cảnh tượng một gia đình giàu có, sống về tiền cho thuê nhà, do một người đàn bà đồng bóng, ở riêng, đứng chủ trương.

Bà Nghị trạc ngoại tứ tuần rồi, song mặt mũi lúc nào cũng trát bự những phấn với son. Cách trang điểm còn trai lơ như đôi tám. Trong mỗi tháng, bà chỉ bận độ dăm ngày phải ngồi trên xe nhà, lần lượt đến chỗ có mấy chục nóc nhà mà bà là chủ cho thuê. Còn thì bà chỉ bận đi đánh tổ tôm, xóc đĩa, hoặc ngự xe hơi hòm đi hầu bóng các đền, các phủ ở khắp tỉnh. Nếu không đi xa lễ bái thì bà tổ chức cuộc đồng bóng ở tại nhà. Cái điện thờ quan lớn của bà Nghị ở Cảng đã được tiếng là uy nghi, to tát nhất nước Nam.

Thỉnh thoảng lại có một kỳ suốt ngày, suốt đêm trong nhà vang rộn tiếng tửng tưng của cái đàn nguyệt, tiếng hò khoan ê a của bọn cung văn, tiếng chiêng tiếng trống lung tung và những tiếng thét hé hé hé!!!...

Cũng vì thế nên hai cô con gái rất đẹp, rất tân thời của bà Nghị, được mặc lòng cắp sách đến nhà trường, hoặc tự do đi tìm ái tình một cách ngây thơ vui vẻ ở mồm những người đàn ông.

Long còn nhớ rõ cái ngày chàng mới đến mà thấy bà Nghị, giữa một đám đông đàn bà đương đứng ưỡn ẹo mặc thử những thứ khăn chầu áo ngự trước tủ gương... Một người đàn bà ngông nghênh ưa phỉnh, giữa một đám đàn bà thuộc phường buôn giấy bạc giả, thuộc phường cho vay lãi ở các sòng bạc, thuộc phường buôn người sang Tàu, hoặc thầu cơm tù cũng nên, nhưng cứ gọi nhau là những bà lớn cả. Sau khi xem lá thư của ông Nghị mà Long đưa ra, thì bà Nghị chỉ bỏ xõng một câu đại khái: "Được rồi, việc này can hệ lắm, cậu hãy theo thằng xe vào gác trong mà nghỉ rồi để đấy vài hôm tôi nghĩ xem sao". Thế rồi ngày một ngày hai, ăn chực nằm chờ, Long cứ thấy ngày giờ là dài dằng dặc, và, cái việc theo lời bà Nghị là "can hệ lắm" thì lại không là can hệ, vì người ta đã vô tâm quên khuấy ngay đi mất. Lúc nào Long cũng thấy bà Nghị có việc bận, hoặc có khách không tiện nói, hoặc vừa động đến thì bà Nghị đã ngăn đón: "Tôi biết, hãy để xem".

Trong thời gian ấy, Long tình cờ lại thành ra là thư ký của hai cô. Long đã phải chép hàng cuốn sách lớn những bài ca cải lương Nam Kỳ. Hai tiểu thư học chữ rất ít, chỉ học đàn, học hát là chăm chỉ lắm. Món thể thao của hai tiểu thư không là nhảy múa trước Thần và Thánh, Vua và Mẫu, nhưng là tập đi xe đạp, tập cầm lái xe hơi. Nói tóm một câu, trước mắt người cổ hủ, hai tiểu thư đã được khen là đủ tư cách để "trả nợ đời" cho bố, hay là trước mắt những người văn minh tân tiến, đó là những bậc nữ lưu gương mẫu, đáng "đánh dấu cho một thời đại".

Ba bốn ngày đầu, Long thấy quang cảnh ấy là khó chịu, là chướng mắt. Long cho vẻ trưởng giả của gia đình ấy là một câu nguyền rủa độc địa và ngạo mạn hắt vào mặt cái xã hội bình dân trong đó có Long. Nhưng sự trưởng giả tuy vậy cũng có nhiều thứ hào quang đủ làm lóa mắt người ta lắm. Dần dần, Long quên khuấy mất tâm sự riêng đi. Chàng thấy người ta đê chàng tự do, thân mật như người nhà.

Những công việc của Long bỗng hóa nên vui, hóa nên nhẹ nhàng như những trò đùa, khác hẳn công việc trong Đại Việt học hiệu. Và, một điều nguy hiểm hơn hết, làm cho người ta quên mất lý trí chóng nhất, là cái tự do của hai cô. Giữa cái sân rộng mà bốn bề là bốn bức tường kín mít như bưng, hai cô thỉnh thoảng lại bắt "cậu ký" giữ hộ xe đạp để tập.

Các ngài cứ tưởng tượng ra hộ hai cô con gái còn trẻ, rất đẹp, răng trắng như ngà, mình mẩy là những cái công trình của những đường cong bất hủ, tự nhiên y như đầm, và hay nói, và hay cười, và ngây thơ một cách lẳng lơ, hoặc là lẳng lơ một cách ngây thơ, ca cải lương não bậc nhất, mà lại bảo các ngài như ôm lấy người ta, một tay vòng trước ngực, một tay giữ chỗ dưới sống lưng, để giữ vững hộ những bộ phận của cái... xe đạp, cho người ta vừa tập đi xe và thỉnh thoảng lại ngã vào lòng mình một cách dễ chịu!

Lần đầu phải ra giữ xe đạp cho cô Tuyết – cô chị – Long đã đỏ bừng mặt lên. Cái thẹn thò ấy chính là lễ độ của người có giáo dục. Mà cái thẹn của người có giáo dục nó có một cái vẻ hay hay, lạ lạ, nên chi cô Tuyết lại xui cô Loan là cô em càng làm già. Qua một vài bận đầu, đến những lần sau, Long mất hết vẻ thẹn, chỉ còn thấy lòng dục bùng lên như lửa bén vào rơm. Sau cùng, Long thấy việc giữ xe đạp là có thú vị lắm. Cái mầm ham thích nhục dục ấy lại còn phát

sinh ra bởi lòng căm hờn, lòng phục thù, vì chính những lúc giữ xe đạp là những lúc Long lại tưởng tượng ra cái quang cảnh vợ chưa cưới của chàng bị cưỡng bức một cách xấu xa. Lòng căm hờn xưa nay vẫn mạnh hơn ái tình. Dục tình cũng lại mạnh hơn ái tình.

Cho nên những khi cô Tuyết cùng cô Loan ở nhà trường. Long thấy nhớ lắm. Cái dục tình trước hết chỉ dắt đến ý nghĩ báo thù, nhưng nếu người ta nghĩ mãi đến cách báo thù bằng nhục dục thì dục tình dắt người ta đến lòng yêu. Thoạt đầu, Long chỉ mơ màng rằng Tuyết và Loan sẽ là hai cái đồ chơi của mình cho đến nhị rữa hoa tàn, cho đến liễu chán hoa chê, cho đến mưa gió tơi bời, thì là thị Mịch sẽ được trả thù một cách đầy đủ. Nhưng dần dần Long lại thấy hai người ấy không đáng chịu thứ hình phạt ấy, và lại đáng yêu! Vả lại biết bao nhiêu cuộc ái ân của người đời lại không bắt đầu chỉ vì dục tình? Cho nên những khi tư tưởng yêu quí Tuyết và Loan đến chiếm quả tim của Long thì Long thoáng nghĩ rằng vợ chưa cưới của mình chỉ là một vật hôi tanh, một hòn ngọc có vết.

Trước hết, tư tưởng đê hèn của Long chỉ là muốn làm hại Loan hoặc Tuyết.

Về sau tư tưởng ấy đã đổi ra khác hẳn. Long chỉ còn cân nhắc trong sức tưởng tượng của Long xem ai là đáng yêu, trong hai người.

Sau cùng, hiện ra trong trí nghĩ của Long cái cảnh tượng một cặp vợ chồng xum họp nhau dưới một túp lều gianh, chồng đọc sách, vợ ngồi thêu, mà vợ là Tuyết hoặc Loan, còn chồng là Long, điều ấy không cần phải nói.

Đó là sự đắc thắng của sức cám dỗ, của sự mê muội của ái tình.

Trong những lúc ấy, Long đã tự nhủ: "Bố chúng nó tuy đểu, tuy hại mình, nhưng mà chúng nó thì có tội lỗi gì đâu? Sao mình lại định bắt hai đứa con phải đền cho tội ác của người bố?"

Sau những ý nghĩ ấy, Long lại thấy mình đê hèn, rồi lại tự nhủ: "Không! Mịch tuy vậy cũng đã được ta tha thứ. Nếu ta không yêu Mịch nữa, ta sẽ là bạc tình?"

Khốn thay, sự trưởng giả vẫn có nhiều thứ hào quang đủ làm người ta lóa mắt lắm.

Cho nên thỉnh thoảng, dù không muốn cũng không được, những cảnh ân ái với hoặc Loan hoặc Tuyết lại bất thần đến chiếm chỗ trong sự mơ màng của Long.

Đến hôm được bà Nghị trả lời cho chủ mình là "vui lòng cho phép con cưới vợ hai cho bố" nghĩa là hôm Long phải xách va ly quay về Hà thành, Long không những đã không nghĩ đến Mịch một cách buồn rầu, mà lại còn như hớn hở vì việc mình thành công, hớn hở vì chủ mình sẽ vui vẻ, mặc lòng sự thành công của Long là nhường vợ chưa cưới cho bố ông chủ!

Rồi Long hấp tấp vừa run vừa thở mà nói khẽ với Tuyết, ở một góc sân rằng: "Tôi yêu cô". Long cũng nói với Loan ở một góc sân khác rằng: "Tôi yêu cô". Và cả hai đã đỏ mặt lên sung sướng thôi, chứ không thấy nói gì.

Trước kia, Long căm hờn sự giàu có của ông Nghị bao nhiêu thì sau Long lại lấy làm tự kiêu ở sự giàu có ấy bấy nhiêu.

Cả hai đã im lặng một cách sung sướng. Sự im lặng như thế có cái nghĩa gật đầu. Hôn sự chắc khó thành, nhưng việc rủ nhau đi trốn chắc dễ thành. "Ta chỉ còn phải chọn hoặc cô chị, hoặc cô em".

Những ý nghĩ ấy nẩy nở ra trong óc Long không biết bao nhiêu bận.

Ngồi ở trong phòng giấy của Đại Việt học hiệu rồi, Long vẫn còn bị sức ám ảnh của cái ảo tưởng kia. Đã bao lần Long muốn xua đuổi mối ảo tưởng ấy cho nó không bao giờ còn bén mảng được tới trí nghĩ của chàng mà không xong. Long bất giác lại hồi hộp nhớ đến lúc chàng mới đem lòng yêu Mịch, nghĩ đến lúc Mịch thắt cổ... Cuộc ái tình thứ nhất của chàng.

Nước mắt Long bỗng đâu cứ ứa ra...

Long vùng đứng dậy ra đứng trước gương nhìn cái bộ mặt phụ bạc của mình rồi tự nhủ: "Không! Ông Tú Anh là người đáng yêu, đáng nhớ ơn. Ta không thể ỡm ờ như trước được. Nếu ta muốn báo thù thì ta cũng phải nói thẳng ra là ta sẽ báo thù thì mới xứng đáng là một kẻ nam nhi. Ta phải nói rõ là chính ta là chồng chưa cưới của người con gái bị hiếp dâm, và đừng ai mong ở một vụ cưỡng bức một cuộc nhân duyên ép uổng! Thái độ của ta không được mập mờ. Hoặc ta sẽ bỏ ơn, nhớ thù, hoặc bỏ thù, nhớ ơn. Ta cần phải nói rõ. Ta sẽ nói!".

Rồi Long ra đứng đợi chủ ở cửa trường.

XIII

Thưa ông,

"Tôi ở Hải Phòng về tối hôm qua, chờ ông mãi đến 12 giờ khuya không được, nên tôi đã quay về cái gian nhà trọ lạnh lùng của tôi. Giá tôi được gặp ngay ông hôm qua, thì tôi đã được một lúc sung sướng, vì ông sẽ tỏ lời ngợi khen tôi cũng như xưa nay ông vẫn bắt tay tôi một cách thân yêu cam động, mỗi khi tôi, người làm công cho ông, đã giúp được ông một việc mà ông cho là khó khăn. Tôi lại cần nói thêm rằng nếu tôi được hưởng cái phút sung sướng ấy, chắc tôi sẽ phải bối rối vì tôi có nhiều chuyện phải nói ngay với ông, và chắc những chuyện tôi sẽ nói dưới đây không thể khiến ông được vui lòng. Nghĩ thế, tôi đã không phàn nàn gì, về ngay nhà trọ để viết lá thư này là vì bần cùng. Xin ông đừng cho là kiểu cách.

Thưa ông, cái việc ông bảo tôi làm thì đã kết quả như ý ông muốn. Như vậy là đủ phận sự của một kẻ làm công. Bổn phận đủ rồi, vai trò đóng xong rồi, nay thì tôi xin rửa sạch những lớp phấn son trên mặt tôi đi, để nói chuyện với ông bằng một người, một người như mọi người thường vậy.

Hiện nay, tôi là một người khốn khổ, trong một tình thế rất khó xử. Tôi chỉ vụng dại trong một phút, nhỡ tay một cái, là tôi sẽ trở nên một kẻ vô ơn đối với ông, mặc lòng những ơn kia tôi vẫn canh cánh bên lòng. Muốn tỏ cái lòng nhớ ơn ấy tôi xin kể ra đây những điều tâm sự của tôi, một việc mà ngoài những người thân yêu nhất đời của tôi ra, chỉ có ông được rõ.

Tôi sinh ra đời dưới một ngôi sao xấu. Khi hãy còn ở cái tuổi mà những đứa trẻ khác được bố mẹ chiều chuộng, nâng niu, ẵm bế, riêng tôi là một đứa bé một mình phải chịu nhiều nỗi gian nan. Bố mẹ tôi qua đời từ trước khi tôi có đủ trí khôn để nhận thấy rằng không có bố mẹ là điều rất khổ. Đến khi tôi đã 12 tuổi rồi, tôi hãy còn sống sót vì hội Bảo anh, cái hội từ thiện mà xã hội lập ra để nuôi nấng những đứa trẻ không bố mẹ, trong số đó có tôi. Như thế, cả cái tuổi trẻ của tôi đã trôi bên những cái đầu xanh cùng một số phận như tôi, dưới sự săn sóc của những bà sơ giàu lòng từ thiện thật đấy, nhưng mà chỉ biết thương hại chúng tôi vì bổn phận, chớ không biết yêu chúng tôi theo lẽ tự nhiên, một điều rất quý mà một người không

cùng máu mủ thì không thể nào cầu được ở một người không cùng máu mủ.

Không bao giờ tôi quên được những buổi học êm ả một cách đáng chán, những bữa ăn kham khổ, những giờ đi ngủ theo tiếng trống, mà cả mấy trăm đứa chúng tôi lên giường, bắt tay ngang trán, không phải để yên nghỉ, không phải để ngủ, không phải để được hưởng những giấc mộng của tuổi trẻ, nhưng mà là để túi thân, để xót phận, để thèm thuồng khao khát cuộc đời của những đứa trẻ có bố có mẹ, được hiểu rõ nghĩa chữ: gia đình. Không bao giờ tôi quên được những cuộc vui làm phúc, những ngày tết Trung thu, tết Nguyên đán, mà một bà thống sứ hoặc một bà đốc lý đến với chúng tôi với những đồ chơi rẻ tiền, những hoa quả bánh trái rẻ tiền, tưởng là làm phúc, mà té ra chỉ bắt cho chúng tôi hiểu rõ một cách thấm thía cảnh đau khổ chung. Cũng không bao giờ tôi quên những buổi đi chơi hàng đàn, hàng lũ, đứa nào cũng ăn vận như đứa nào một cái áo vải thâm, chân giầm đất, đi hàng hai một, đứa bé nhất đi đầu, đứa to đầu nhất đi cuối cùng, chúng tôi diễu các phố xá để cho xã hội nhìn chúng tôi như nhìn những con vật kỳ lạ, hoặc là lấy làm tự hào rằng đã vê tròn được cái qua phúc cứu sống chúng tôi. Thôi, tôi cũng chẳng nên dài dòng làm chi cho lắm.

Năm 13 tuổi, tôi xin ra khỏi nhà trường. Tôi thấy rằng dù còn trẻ người, non dạ, thì tôi cũng đã đủ tư cách kiếm lấy mà ăn. Tôi nên biết tự trọng mà đừng có trông vào xã hội nữa. Người ta đã làm khó dễ trăm chiều rồi mới cho tôi thân tự lập thân.

Thế rồi tôi không lập được thân, không kiếm được việc làm như sự kiêu ngạo của tôi đã tưởng. Tuy vậy, cũng may cho tôi là trong sự thất bại kiếm được cái sống tự lập thì cũng kiếm nổi một sự quý hóa khác là lòng yêu của một ông cụ già. Ông cụ này làm nghề thợ chạm, nghĩa là thuộc hạng bình dân. Nhờ ông, tôi đã được người đời coi là một thiếu niên có gia đình cẩn thận. Từ khi sống với người bố hờ ấy, tôi thấy như đã rửa được cái nhục không cha không mẹ trên trán tôi. Bỗng đâu tôi thấy lòng tôi ấm áp, đầy những nghị lực để chống chọi với đời, và để có thể yêu được đời, nhất là yêu được đời. Ấy đó, thưa ông chủ rất kính mến, ông là người thứ nhất ở đời, và có lẽ cũng là người cuối cùng, mà cùng ai, tôi đã hé mở cho nom thấy rõ lấy một vài trong trăm nghìn phần bí mật của đời tôi.

Rồi tôi học nghề thợ chạm. Rồi tôi được sống với ông bố nuôi vài ba năm. Rồi tôi lại chìm nổi, vất vưởng mãi, cho đến khi cầm lá đơn đến xin việc trong cái trường tư có ông dạy học. Từ bữa ấy cho đến hôm nay, cuộc đời của tôi ra sao chắc ông cũng rõ rồi.

Sự tình cờ làm cho tôi biết được rằng tôi cũng có họ hàng, rồi gặp một người anh em họ ngoại rất xa. Do người này, tôi biết em gái người ta, một cô gái quê mà tôi dám khoe với ông rằng đẹp, rằng ngoan, rằng có đủ phép tiên ban cho một đàn ông lấy chút ít hạnh phúc ở đời.

Thời gian ấy là một chặng đường tốt đẹp nhất trong con đường gập ghềnh, khuất khúc của tôi. Tôi đã trông thấy người con gái quê mùa ấy làm lụng rất vất vả, vui lòng mà chịu đựng sự nghèo khổ, buổi sáng dậy từ lúc mặt trời mới hửng, rét như cắt ruột cũng đã lội xuống ao vớt bèo, hoặc tiếng trống canh khuya đã đổ hồi, vẫn còn ngồi thức để làm vàng, kiếm thêm mấy đồng xu. Người gái quê ấy, thưa ông, là người yêu quí nhất đời của tôi, là người tôi coi như một vị ân nhân vì đã có công to xóa sạch được hết những vết đau khổ nó khảm vào ký ức tôi từ lúc tôi chưa có cái trán ghi những nét phong trần. Người ân nhân ấy, thưa ông, tôi còn quí mến hơn ông nhiều vì người ta đã làm cho tôi thấy đời là đáng sống lắm, vì người ta cho tôi ái tình trong khi ông, ông chỉ cho tôi việc làm, sự kiến thức, trong khi ông mới chỉ cho tôi thấy rằng trong đời này vẫn có người tử tế mà thôi. Tôi đã coi ông là một vị ân nhân thì đối với ông, tôi phải thành thực lắm. Vì người gái quê ấy, tôi đã xây đắp biết bao nhiêu là mộng đẹp trong đầu.

Người gái quê ấy, thưa ông, một đêm khuya kia, đã bị người ta đè cổ xuống, mà lấy sự yêu quí nhất của đàn bà là sự tiết trinh. Tôi tưởng tôi không cần nói rõ người làm cái việc nài hoa ép liễu kia tên là gì nữa.

Thưa ông chủ, đọc lá thư của tôi đến đây chắc ông lấy làm sửng sốt lắm. Chắc ông sửng sốt trong năm phút, rồi ông không dám tin ngay. Ông tất nhiên không thể tin được rằng sự tình cờ lại dun dủi đến cho tôi, đến cho vợ chưa cưới của tôi, đến cho cụ Nghị, đến cho ông, một việc quái lạ đến như thế được. Nhất là thái độ khó hiểu của tôi. Tất ông lấy làm lạ rằng một việc xảy ra như thế, cớ sao tôi lại không phàn nàn, không oán giận, không khóc lóc, không gào thét, mà lại cứ bình tâm coi việc mình như của thiên hạ. Rồi ông lại nghĩ

rằng có lẽ vì tôi làm công việc cho ông nên tôi phải cắn răng... Sự thật thì chỉ tại cái lòng quân tử của ông mà thôi.

Khi ấy, tôi đã đau khổ lắm. Cái khổ của tôi, tôi không thể dùng lời mà tả được. Nếu ông muốn hiểu cái khổ của tôi là thế nào, thiết tưởng ông cứ đứng thử vào địa vị của tôi. Mà tôi tưởng cái đau khổ của tôi, ông cứ đọc lá thư đến đây thôi, ông cũng đủ đoán được ra rồi. Cả cái tiểu sử của tôi, ông vừa rõ đấy. Vậy mà người yêu của tôi bị như thế! Vậy mà cuộc tình ái trong sạch của chúng tôi bị thương tổn bằng cách ấy! Thế là hết, thật là hết, có thế không, thưa ông!

Vậy mà tôi đã im lặng. Mặc dầu chính ông, ông cũng không có dung thứ gì cái việc càn rỡ của ông cụ Nghị, tôi cũng nhân cơ hội ấy mà kêu gào rửa hờn, lẽ nhân đạo, sự cứu chữa, công lý, ở nơi ông.

Hồi ấy, mấy tờ nhật báo đã tranh nhau mà đăng tin. Tôi đọc cái tin sét đánh ấy ở báo rồi, tôi lại còn nhận được tin của gia đình nhà vợ tôi. Cái lòng căm hờn giận dữ của tôi cũng đã như của kẻ nào vào một trường hợp đại để như vậy. Nhưng mà tôi vẫn để trí, để xét ông, dò ông, rình mò ông từng cử chỉ một. Tôi đã thường đứng sau tấm bình phong, đứng sau một lỗ khóa để ngắm nghía ông, hưởng những cái nghiến răng, những cái bứt tóc, những cái thở dài của ông, trước một điều lầm lỗi không do ông gây ra. Và, nếu tôi không nhầm, thì hình như có một lần tôi thấy ông khóc nữa. Thì ra ông cũng đau đớn như tôi! Ông là con kẻ đã gây ra họa nhưng ông cũng đã đau khổ như tôi, hoặc vợ tôi, những kẻ chịu họa. Cũng như máu gọi máu, nước mắt cũng gọi nước mắt. Máu do một kẻ giết người tưới ra, vẫn gọi sự khát máu của thần công lý, thì nước mắt của người nghĩa sĩ cùng dễ hợp với nước mắt của kẻ chịu đau thương. Thế là tôi quí trọng ông, rất cảm xúc vì cử chỉ ấy, và, xin phép ông, tôi lại thương ông nữa.

Rồi, trước khi tôi kịp mở mồm thì ý muốn tìm phương cứu chữa, sự săn sóc rất chu đáo của ông làm cho tôi lại phải im đi. Đáng lẽ cứ thản nhiên lãnh đạm như trăm nghìn người khác, thì ông đã suy nghĩ mãi, bận tâm, bận trí mãi. Từ một cuộc cưỡng bức, ông muốn việc trở nên một cuộc kết hôn. Từ một cô gái quê mùa, ông muốn làm ra một người vợ của một bậc phú gia địch quốc. Ai mà lại còn không phục cái việc sâu xa ấy, cái cách xử sự tài tình, êm thấm ấy? Cho nên từ kẻ chịu thiệt hại, tôi đã phải giữ địa vị khách quan. Cái cử chỉ của ông nó quân tử quá, nó tha thiết quá, nó lịch sự quá, nên, dù sao đi nữa, tôi cũng không dám nghĩ đến cách ngăn trở. Rồi ông lại phái

ngay chính tôi đi lo hộ việc! Thật là oái oăm. Nhưng mà tôi cứ nhận lời. Vì lẽ lúc ấy, có nhận lời cũng không can hệ gì, vì tôi còn tin ở nơi cửa công, và dù sao, thì cũng còn do gia đình nhà vợ tôi nữa. Nói cho thật thì tôi chỉ muốn nhân cơ hội mà thôi. Thật vậy, tôi đã có lỗi lớn với ông, cái lỗi lợi dụng địa vị, manh tâm làm hại ông, đem sự xảo quyệt ra để đáp lại một việc nhân nghĩa.

Nhưng tôi tưởng là có thế mới lo tròn bổn phận được. Ý ông đã muốn, tôi không dám trái ý. Ông đương muốn nói, tôi hãy để ông nói nốt đã, rồi tôi sẽ xin nói sau ông. Bây giờ thì đến tôi vậy.

Hai lá thư kèm đây, một là lá của ông, một lá nữa của cụ. Ông cứ việc đọc xong rồi thấy những công trạng của tôi. Cuộc cờ như đã kết liễu rồi, ta xóa ván ấy đi để bày một cuộc cờ khác. Tôi nói đây không phải với tư cách kẻ dưới quyền ông, nhưng bằng địa vị một kẻ nam nhi.

Bây giờ thì ông đã rõ hết mọi sự.

Tôi xin lỗi ông, nếu ông thấy tôi là có lỗi.

Tôi đã được dịp tai nghe mắt thấy cái thế lực của ông cụ, cái ấp đồ sộ, những tòa nhà nguy nga, bề thế như những cung điện, với bọn nàng hầu như trong nhà vua, với hàng nghìn mẫu đồn điền, với hàng nghìn người làm công. Tôi đã trông thấy rõ những cử chỉ của phái tư bản mà ông cụ Nghị làm tiêu biểu, đã nghe thấy những phút chuông điện thoại gọi, do đó số phận hàng nghìn người bị định đoạt qua một cơn giận dữ. Những điều ấy, thưa ông, đã khiến tôi phải coi ông là kẻ thù, vì những kẻ khác mà thù, cũng như những điều nhân nghĩa của ông bắt tôi phải vì cả những người khác mà nhớ ơn ông.

Bây giờ, ông đã trông thấy rõ tôi rồi thì phải.

Vậy thì từ nay mà đi, có lẽ trên đường đời, ông sẽ không cùng tôi mà bước đi nữa. Tôi lại cảm ơn những điều tử tế ông đã thí cho tôi.

Người làm công của ông kính thư"

Long

Tú Anh đọc xong lá thư, mồ hôi toát ra đầy cả trán. Chàng bấm cái chuông ở bàn. Người gác trường chạy vào:

– Bẩm ông bảo gì?

– Bảo tài xế đánh ngay xe ra cửa chờ tôi.

– Bẩm tài xế đương ăn cơm trưa.

– Thì bảo ăn nhanh lên.

Trong khi chờ xe, Anh lại bóc nốt hai lá thư kia. Rồi chàng đứng lên, hai tay bỏ vào túi quần đi đi, lại lại, cái đầu cúi xuống. Một lúc lâu mới thấy tiếng động cơ xe hơi kêu lên sình sịch... Chàng đi theo xe ra khỏi trường, lên xe.

Đến nhà Long, Tú Anh bước vào, lên thẳng gác. Thấy cửa gác đóng chặt, Tú Anh đập mạnh mấy cái thì Long mở cửa ra.

– Ông làm gì thế?

– Không, tôi không bận gì cả.

– Tôi đã đọc hết cái thư của ông.

– Dạ...

– Tôi thật không ngờ sự tình lại như thế.

– Xưa kia, không bao giờ tôi lại ngờ sự tình như thế.

– Tôi buồn rầu lắm, ông Long ạ.

– Mời ông hãy vào trong này.

Hai người vào phòng, Long kéo ghế mời chủ ngồi, rót ra mấy chén nước, để hộp thuốc lá và bao diêm lại gần tay Tú Anh. Rồi cùng ngồi xuống, ôm đầu ủ rũ.

Tú Anh nói:

– Tôi thật lấy làm phục cái lòng thẳng của ông.

– Cái nhân phẩm của ông bắt tôi phải đối với ông như vậy.

– Thế bây giờ ông nghĩ thế nào?

Long ngơ ngác hồi lâu, đáp một cách uể oải:

– Tôi... tôi không nghĩ gì cả, vì có muốn nghĩ cũng không nổi.

– Như ông, thế thì đáng thương lắm. Tội nghiệp!

– Xin đa tạ.

– Vậy ông muốn gì?

– Có lẽ tôi không nên muốn gì. Tôi để ông định cho thì hơn. Vì ở cảnh ngộ như tôi là nguy hiểm lắm.

– Ông yêu cô gái quê ấy lắm?

Long gật đầu.

– Thật thế?

Long lại gật đầu

– Ông không thể lấy người khác được?

– Không thể được.

– Nếu vậy thì chỉ còn một cách...

Tú Anh nói đến đấy thì thôi. Long ngước lên hỏi:

– Cách gì ạ?

– Lấy người ta làm vợ...

– Cái ấy thì đã hẳn.

– Và quên cái thù kia đi.

– Tôi muốn thế lắm.

Tú Anh đứng lên, lại gần Long, vuốt ve Long, rồi tiếp:

– Phải đó, thù mà làm gì? Đó là những sự nhỏ nhen của người đời, ta nên cao hơn đời một chút. Ông hứa với tôi đi...

Long lắc đầu, buồn bã:

– Nào chắc đâu giữ được lời hứa?

– Người gái quê ấy.

Tú Anh nói đến đấy rồi lại thôi. Long nhìn lên hỏi thì Anh chỉ ngập ngừng... Sau cùng, Anh tiếp:

– Thật đáng tiếc! Tôi quí ông, muốn coi như người nhà...

– ?

– Thật thế, thấy ông là người ngay thẳng có một, lại nhiều tính tốt, nên tôi vẫn định bụng...

– Ô? Không!

– Vẫn định mai sau thì ông sẽ là người nhà tôi. Bây giờ cơ sự thế này, tôi không biết nghĩ ra sao nữa.

Thốt nhiên thấy Long gục mặt xuống tay. Rồi Long cứ dụi mãi tay áo vào mắt. Đến lúc Long ngửng lên cả tay áo thấy ướt mềm. Long khóc thật. Rồi Long bỗng đứng phắt lên, trỏ tay ra cửa:

– Ông đi đi! Ông đi ngay đi!

Tú Anh đứng lên ngơ ngác. Long lại gắt, nhưng trong câu gắt vẫn có giọng nể:

– Tôi đã bảo xin ông đi ngay đi cho mà!

XIV

Chuyến xe hỏa cuối cùng, chuyến tàu đi lên những nơi thâm sơn cùng cốc, bữa ấy, lúc mặt trăng đã lên đến lưng chừng trời, đã nhả một mình Long xuống thềm ga lạnh lẽo và vắng vẻ. Tàu đỗ lại độ hai phút, chỉ để đủ thời giờ cho một người của sở xe lửa chạy vội xuống mở khóa hòm thơ, lấy thơ rồi lại chạy lên. Đứng trên con đường lô nhô những đá, Long vừa kịp nhìn hai dãy rào găng lù lù và đen sịt, cái nhà ga bé nhỏ như một cái quán gạch ở cánh đồng, ngọn đèn dầu leo lét, cái đồng hồ hiện ra lờ mờ giữa cái sáng và cái tối, một mảnh trăng treo trên cành một cây xoan, ngọn đèn đỏ mà người xếp ga lắc đi, lắc lại, ở phía đầu tàu - cái phong cảnh khiến chàng càng thấy mình là cô độc, trơ vơ, trên con đường đời dài dằng dặc – thì bỗng một tiếng còi vang lên như một tiếng thét kỳ quái, với những tiếng hơi nước phụt ra phì phì và tiếng bánh xe sình sịch nghiến trên đường sắt, lại làm cho chàng giật mình và bàng hoàng run sợ như tiếng thét trên đầu chàng khi có nạn gì sắp xảy ra.

Long đứng ngây người ra nhìn theo chuyến tàu biến thẳng trước mặt mình, mãi đến lúc nó chỉ còn là một cái chấm đỏ, mãi đến lúc cái chấm đỏ – cái đèn ở toa cuối cùng – cũng trộn lẫn vào cái tối. Tàu khuất rồi, Long mới vào ga trả vé. Người coi ga, áo dạ cao cổ, mũ cát két bịt kín hai bên tai, ở cánh tay lòng thòng một chiếc gậy song, ở miệng lập lòe một mồi thuốc lá, sau khi nhận được vé, hất hàm hỏi Long:

– Về đâu khuya khoắt còn đi một mình thế?

Long bỏ cái mũ ở đầu ra rồi đáp:

– Thưa ngài, tôi về Quỳnh Thôn, thuộc huyện...

Nói được đến đấy thì Long ngập ngừng, vì quên khuấy mất. Người coi ga nói:

– Thuộc huyện Cúc Lâm.

– Vâng, chính thế.

Người kia so vai một cái mà rằng:

– Xa lắm. Mà bây giờ chẳng phu xe nào chịu kéo đâu.

– Nhưng mà sáng trăng thế này thì, thưa ông...

– Bảy tám cây số, xa lắm, mà lại phải qua một lần phà.

– Như vậy thì không thể được ạ, thưa ông?

– Nếu chịu khó đi đò thì nửa đêm cũng đến vì đi đò gần hơn.

– Ông làm ơn bảo giúp bến đò về phía nào thì may quá.

– Ra khỏi ga, thì về phía tay trái độ hai trăm thước, thì xuống bến.

– Cảm ơn ông.

Long theo lời chỉ bảo, đi một lúc đã đến bến đò. Tiếng chó sủa ran lên đón chàng. Trên một mũi thuyền, có một số đông mấy nhà chài lưới ngồi uống rượu, có lẽ thưởng xuân và thương trăng rằm tháng giêng. Sau khi gạn hỏi và ngã giá đâu đấy rồi, chỉ có một người đàn bà trên một chiếc thuyền nhỏ bằng lòng chở.

Tiếng chèo bì bõm đưa chiếc thuyền nhỏ ra tới giữa khúc sông rồi, Long mới kịp để ý đến người đàn bà kia. Đứng chon von ở sau thuyền, người đàn bà hai tay khiến hai mái chèo một cách uyển chuyển mềm mại. Dưới cái khăn vuông mỏ quạ đen là một cái mặt tròn trĩnh, rồi đến một cái ngực nở nang bên trong cái yếm trắng. Một cái váy cũn cỡn mà dưới là một đôi ống chân bầu bĩnh trắng trẻo chấm hết cho cái hình thể gọn gàng ấy. Long ngả lưng vào mạn thuyền, để đầu nhô ra một khe ở vỉa mui. Chàng tự nghĩ: "Ta mà là Nghị Hách thì người đàn bà này lại chết mất rồi!" Muốn xua đuổi những tư tưởng bất chính ngẫu nhiên đến lúc ấy, Long lại ngồi nhổm dậy, nhìn chung quanh, nhìn trời, mây, nước...

Mặt trăng như rung động lấp ló sau một ngọn đa. Những đám mây nhỏ bay về cả một chiều như một đàn bò bị dồn về ấp lúc đã hoàng hôn, hay là như một đám tàn quân bại trận. Hai bên bờ, trùng trùng điệp điệp những rặng cây hoặc cao hoặc thấp, những mẩu đường đê, những ngọn đồi con xoai xoải vươn mình như con vật khổng lồ triền miên về giấc ngủ đêm khuya. Thỉnh thoảng một ngọn đê hay một cây gạo nhô lên trên cái vạch đen sì những cây cối nhỏ, soi bóng xuống mặt nước. Tiếng mái chèo dịp dàng, khoan thai, khuấy nước bì bõm hợp với những tiếng của muôn nghìn thứ côn trùng ri rỉ dưới cỏ lại càng làm tăng sự tĩnh mịch của đêm trăng. Cảnh vật như trong mộng.

Cảnh ấy kích thích đến tâm hồn Long. Vì Long giàu tình cảm, tâm hồn chàng là một thứ tâm hồn hay suy nghĩ, hay triết lý của hạng người phong trần, nên chỉ đáng lẽ âm thầm chịu đau khổ như những kẻ ngu đần bình dị, thì Long đem từng nỗi khổ một ra phân

tích tỉ mỉ. Sức say sưa của mọi điều suy nghĩ nhắc Long từ địa vị chủ quan sang địa vị khách quan. Những cảm giác tê mê, những cảm tưởng bi phẫn, đã tháo lui để nhường chỗ cho sự tự kỷ phê bình. Rồi nhờ cái phong cảnh mơ mộng ở ngoài nó kích thích, Long tự thấy mình như một vai trò quan hệ trong một cuốn tiểu thuyết cho nên sự đau khổ của chàng không phải là không có thi vị. Cái khổ của chàng thuộc về thứ khổ sướng của những người tự trọng, những người không bao giờ làm một điều gì lầm lỗi đến nỗi phải hối hận, những người không bao giờ tự mình phải oán mình, trách mình, giận mình, những người có lương tâm.

Trong hai đường, một là nhận lời với Tú Anh, thì được trở nên em rể ông giám đốc Đại Việt học hiệu, qui tế một nhà phú gia địch quốc, chồng của Tuyết hoặc của Loan... Đường kia là tình nhân của Mịch, chồng của một người đã mất tân tiết, con rể một ông đồ nghèo, kẻ thù của một bậc phú gia địch quốc... Trong hai mặt trận, Long đã đứng về cái thế kém hơn. Một đường là sự giàu sang, sự thỏa mãn về vật chất, một đường là sự nghèo khổ, là sự chật vật về tinh thần. Do sự lựa chọn ấy, Long thấy mình cao thượng, đáng kiêu. Long đã đứng ở cái phương diện mà lòng tự ái của chàng được nưng niu... "Quân tử đa truân", phải chăng sự đời chỉ là thế? Long nghĩ vậy rồi cười nhạt, cái cười khoái chí của người hiểu đời và khinh đời.

"Tuy vậy, ta cũng là người có một tâm hồn vững lắm". Long nghĩ thế là vì sức liên tưởng đã khiến Long nhớ thế. Cái mặt ngẩn ngơ của Tú Anh, buổi sáng hôm nay... Khi thấy bị đuổi ra một cách bất ngờ, Tú Anh chỉ từ tốn xuống thang, không giận dữ, không hề gặng hỏi. Cử chỉ ấy bảo Long rằng chủ mình không những chỉ là người khoan hòa mà lại còn hiểu rõ đến đáy lòng mình, lại còn đi guốc trong bụng mình, vì đã đoán được rằng sự nổi nóng, cách cự tuyệt thô lỗ của mình chỉ là sự sợ hãi, chỉ là một cách từ chối sức cám dỗ của kẻ yếu hồn mà thôi, Long bất giác lại thở dài, vì thấy rằng đã trót có một cái xuẩn động.

Rồi Long thấy trong lòng nao nao sung sướng. Việc cự tuyệt sự giàu có, không vì những cái bả vật chất mà sa ngã, sự chung tình với Mịch, sự xông pha 80 cây số trong đêm khuya, trên xe lửa, trên thuyền, một mình liều với dặm trường, ngần ấy cái chỉ để qui về một mục đích: yêu Mịch – khiến cho Long thấy phấn khởi, thấy thỏa chí như đã làm được nhiều việc thiện, không còn thấy nông nổi là đáng ngại ngùng và đường là xa.

Hơi gió bấc lạnh lùng, cái thuyền lướt êm ả trên nước, ánh sáng le lói của mặt trăng, sự muôn hình vạn trạng của cỏ cây, ngần ấy cái bao bọc Long trong một giấc mộng dịu dàng..

Long ngủ.

Long ngủ một giấc say sưa, vì cả ngày hôm ấy tinh thần của Long cũng đã vất vả như xác thịt của Long.

Đến khi thuyền cập bến, người chở đò đánh thức khách dậy. Long hỏi thăm đường đất cẩn thận, thì biết ra rằng chỉ còn độ cây số đường tắt qua cánh đồng là đến Quỳnh Thôn, vì đi đường thủy gần hơn đi đường xe hơi Long đã đi mọi khi.

Vào tháng giêng, cánh đồng cũng tạm gọi được là khô, việc đi trên những bờ ruộng cũng không vất vả là mấy, vì không phải lội nước. Một tay giữ cổ áo dạ cho gió khỏi lùa vào ngực, tay kia vén cao hai ống quần cho khỏi lấm. Long cứ lần theo những bờ ruộng nhỏ, lúc rẽ sang hữu, lúc rẽ sang tả, nhiều khi lại vòng lộn lại, nhưng vẫn cắm đầu cắm cổ mạnh bạo mà đi.

Những thửa ruộng khoai lang mà hoa lá bò trên những luống đều đặn như những dòng hoa gấm, những sào ngô đã cao tới ngực, những luống mía um tùm lướt trên đầu người và giao nhau như những cửa động lần lượt kế tiếp nhau... Long cứ đi dăm bước lại thấy cào cào, châu chấu hoặc những sâu bọ có cánh khác rủ nhau đi trốn, bay trước mặt mình rào rào.

Tâm trạng của Long lúc bấy giờ thật là khó tả. Chàng thấy mình là khổ lắm, nhưng trong cái khổ không phải là không thấy cái mùi vị sung sướng sinh ra bởi sự thúc giục của bổn phận, của một người chung tình, cái bổn phận đáng gọi là thiêng liêng. Những lúc như thế, Long chỉ ao ước sao cho có một việc mầu nhiệm phi thường gì dun dủi cho Mịch yêu quý của chàng, ra giữa chốn này trông thấy chàng khổ sở, vất vả như thế, để chứng giám cho tấm lòng thủy chung của chàng. Chàng rất muốn đem lòng yêu ra để kể công với người yêu. Chàng tin rằng nếu Mịch lại trông thấy sự chung tình như thế của chàng thì những điều đau khổ của Mịch sẽ tiêu tan đi vì ái tình, nhất là một cái ái tình đằm thấm, nồng nàn, một cái ái tình ở trên mọi sự hy sinh, thì là một ông thày thuốc rất giỏi.

Nhưng có khi nào giữa đêm khuya, giữa cánh đồng, giữa lúc Long lận đận tận tụy vì lòng yêu mà lại có Mịch được! Nghĩ thế, Long lại

tự an ủi rằng đã có quỉ thần hai vai chứng kiến cho là đủ, và chàng cũng không cần gì phải kể công. Long sẽ ung dung bước vào túp lều gianh, đến trước mặt người yêu, không khoe khoang, không kể lể. Chỉ có sự im lặng là cao.

Rồi Long lại nghĩ một cách lẩn thẩn rằng nếu lúc ấy trời đất nổi lên một cơn giông tố để cho Long phải ướt lướt thướt, phải ngã lăn lộn ra đấy đã, rồi mới tới Quỳnh Thôn, thì giá trị tấm lòng yêu mới thật là vô cùng.

Nhưng mà trước mặt chàng, đã hiện ra một vết đen sì là những cây tre làng Quỳnh Thôn. Long không thấy mỏi mệt nữa, mỗi bước chân đi lại thấy một thêm nhanh nhẹn.

Thốt nhiên, đằng sau Long, thấy có một tiếng gọi thất thanh:

– Anh Long!

Chàng kinh ngạc hết sức, phải đứng hẳn lại. Chàng quay đầu lại, ngơ ngác nhìn chỉ thấy lù lù một dãy mía bên cạnh một dãy ngô. Hồi lâu vẫn thấy im... Sự ngạc nhiên của Long đã hóa ra sự sợ hãi. Long thấy rợn rợn người mà chợt nghĩ đến chuyện ma, quỷ, chuyện yêu tinh, hiện lên để trêu cợt những kẻ đi đêm. Long tưởng như bị ma dẫn lối quỉ đưa đường mà không còn dám tin trước mắt mình là làng Quỳnh Thôn! Long chính mình đã cũng không tin mình, phải dụi mắt hai ba lần, rồi mới biết là Long không mê ngủ. Thốt nhiên lại thấy:

– Anh Long đấy à?

Tiếng gọi từ ruộng mía vang ra. Mà nghe như tiếng gọi của Mịch! Long tuy thấy rợn lắm, song cũng cứng cỏi đáp với bụi mía:

– Phải, tôi là Long đây! Ai gọi tôi đấy? Ai?

Bụi ngô rung động một hồi, rồi một cái hình hiện dần ra.

– Em Mịch đây anh ạ.

Long trố mắt nhìn, vì lúc ấy Long lại cũng hồi hộp, tưởng chừng như đó là một con yêu thiêng nào hiện lên, làm Mịch chăng. Khi người ấy đến gần Long, thì Long vội nắm chặt lấy hai tay Mịch, vì đó là Mịch thật. Khi Long thấy hai bàn tay Mịch nóng hôi hổi, và hơi thở của Mịch hổn hển thì chàng lại càng lấy làm ngạc nhiên. Về phần Mịch, việc nắm tay ấy, khiến Mịch phải ngợ đó phải chăng là tại người yêu quá đỗi sỗ sàng. Sau Long hổn hển hỏi:

– Mịch thật?

Mịch cũng run rẩy đáp:

– Vâng chính em đây, sao anh lại đi đường đồng?

– Sao Mịch lại ở đây?

– Thế anh đi tàu hỏa, rồi đi đò đấy à?

– Phải.

– Nếu anh về sớm mà đi ô tô có hơn không? Hay lại có việc gì thế?

– Không... anh về là anh về. Tối rồi cũng về, vì anh nóng ruột.

– Chỉ vì thế thôi à, anh?

– Phải, thế Mịch làm cái gì một mình ở đây?

– Anh nói khẽ chứ. Đêm khuya, lại giữa cánh đồng mà nói thế là nó vang ra xa lắm đấy.

Long khẽ hỏi một lần nữa:

– Ừ, thế em ra đây làm gì? Mà sao lại có một mình?

Mịch cúi mặt lặng im một lúc rồi đáp, và chỉ đáp dưới cái mặt cúi:

– Em đi bới khoai, bẻ ngô.

Long nhìn Mịch trừng trừng. Sự nghi ngờ trong lòng bỗng nổi dậy lên. Chàng buông gọn:

– Vô lý!

– Vâng, em bẻ ngô, bới khoai thật... Nhưng mà...

Long gần như gào thét:

– Nhưng mà? Nhưng mà làm sao?

Mịch nhìn lên một cách hãi hùng rồi ấp úng một cách hổ thẹn:

– Nhưng mà là đi bới trộm, bẻ trộm, đi ăn trộm!

Long hỏi thất thanh:

– Ăn trộm? Mịch! Thật à?

– Vâng.

– Mịch ăn trộm?

Mịch nức nở, đáp qua dòng lệ:

– Vâng. Trời ơi! Nào anh có biết đâu những nỗi ở nhà!

Rồi Mịch khóc sụt sịt, thảm thiết.

– Chết chửa! Thế đầu đuôi ra sao?

– Chiều hôm qua u nhịn cơm, em phải nấu cám cho thày ăn. Cả ngày hôm nay, nhịn đói cả. Thừa khi làng vào đám, tuần tráng xem chèo ở đình, em mới phải liều ra đây.

– Trời ơi! Làm sao lại đến nỗi thế?

– Nhà có mấy sào ruộng màu thì đem bán hôm mồng bảy tết rồi, bây giờ còn đâu là của mình mà chả đi ăn trộm?

– Sao lại khổ đến thế được?

– Chứ anh tính! Khốn nạn, nào có gì! Thày u định bán nốt cái nhà và mấy con lợn rồi ra tỉnh với anh cả em. Ở làng mãi thì chết đói... Nhà có người gạn tậu rồi, vì cãi vã một trận om sòm, người ta lại thôi. Lợn thì cũng có người nhận mua rồi, nhưng mà mai người ta mới bắt. Anh tính bây giờ có ai còn đến học thày nữa đâu! Rồi thì cứ xảy ra cãi nhau luôn, nên u cũng không ai mượn đi làm đồng nữa. Đã chết dở, sống dở lại thêm nỗi cả làng mai mỉa mình, đay nghiến mình. Khổ lắm, anh ạ.

Long nghe xong cứ đứng đờ người ra. Rồi Long lôi Mịch về mình, ôm chặt lấy người yêu, in lên miệng Mịch một cái hôn đau thương, rỏ trên má Mịch mấy giọt lệ rất nóng. Ngây thơ, Mịch còn muốn gỡ ra...

Chợt Long đẩy Mịch ra, nhìn bụng nàng mãi... Mịch vội vòng tay trước bụng, hổ thẹn, đứng im.

– Mịch!

– ...

– Mịch!

– Dạ.

– Mịch! Có sự gì phải không?

– Dạ.

Long nghẹn ngào hỏi:

– Em ễnh ruột ra đây à?

Mịch đáp bằng giọng lạnh lùng:

– Thưa anh vâng.

Long hỏi lại.

– Thưa anh, vâng?

– Vâng... Thằng... Nghị... Hách.

– Thật thế?

Mịch cau mày đáp:

– Sao anh còn phải hỏi thế?

Long lại hỏi:

– Thật chỉ vì thằng Nghị Hách?

Mịch nhăn nhó mà rằng:

– Thôi, còn nói gì nữa! Đến cả anh cũng nỡ nghi em cơ mà!

Long đan tay lên để lại bỏ thõng xuống. Chàng nghiến răng lại, nhắc:

– Nghị Hách! Nghị Hách!

Rồi Long đứng thừ người ra, Mịch bảo:

– Thôi, ta về nhà. Anh đi trước đi, để em nhặt nốt mấy bắp ngô.

Long giơ tay ngăn mà rằng:

– Thôi! Vứt đấy, anh có nhiều tiền đây rồi.

– Anh về trước đi vậy.

– Sao lại không cùng đi với nhau?

– Người làng họ đàm tiếu. Hay để em về trước cho vậy. Rồi lâu lâu anh hãy về. Để em quay lại ruộng lấy con dao.

Long ngồi phệt xuống cỏ, cũng chẳng buồn nhìn đến người yêu nữa. Chàng thấy đầu gối như muốn long ra, không thể đứng lên được nữa.

Giữa lúc ấy, tiếng trống chèo vẳng đưa đến tai Long.

XV

Buổi sáng hôm ấy, một chiếc xe hơi hòm đỗ ngay bên cái quán gạch, chỗ con đường nhỏ của Quỳnh Thôn nối với đường thuộc địa. Sau khi hỏi thăm một bà cụ già bán hàng nước ở đấy, ông Giám đốc Đại Việt học hiệu quay lại bảo người tài xế.

– Ông ngồi trông lấy xe, để một mình tôi đi bộ vào làng.

– Bẩm để đánh xe vào làng kẻo trời mưa thế này, ông đi bộ thì bẩn hết mất. Cứ để đánh xe vào rồi chúng tôi liệu quay ra cũng xong...

– Không, không phải tôi sợ phiền ông hì hục lúc quay ra, nhưng mà đi xe vào tận làng thì e dân cư họ bàn tán ầm lên, như vậy thì không giữ kín được chuyện. Vậy thì ông cứ ở trông xe và chờ cho đến lúc tôi ra.

Đường lầm lội một cách đáng sợ. Đã hai ngày rồi trời cứ lún phún mưa xuân. Hạt mưa lúc mau lúc thưa, như có bão rớt.

Giữa lúc ấy, ông đồ Uẩn ngồi bó gối trên cái phản ở nhà. Ông thấy máy mắt dữ dội. Ông bâng khuâng không hiểu đó là điềm lành hay dữ gì sắp xảy ra. Ngồi bên cạnh một cái ấm tích để trong cái ủ đã rách tòi bông ra, với bộ chén trông có vẻ tang thương như cảnh ông, với cái điếu ống bẩn thỉu, thỉnh thoảng ông lại phải kéo một mồi thuốc lào. Vợ ông và con gái không biết lúc ấy lúi húi gì dưới bếp...

Mỗi một mồi thuốc lào tuy không làm cho trí suy xét của ông được thêm phần sáng suốt nhưng cũng có sức làm cho tư tưởng của ông khỏi rối loạn. Hiện ông đang ở cái cảnh bứt rứt khó chịu của một người thợ may vội việc, ngồi trước một cuốn chỉ rối, không biết lần đường nào mà gỡ cho ra. Mỗi khi thấy mình vụng tay đáng lẽ gỡ được mối chỉ thì lại làm cho nó rối thêm lên, thì ông lại phải cầu cứu đến khói thuốc lào. Vậy mà bên ngoài, những cơn mưa lúc lấm tấm, lúc rào rào, vẫn không thôi khiêu khích sự bực mình, sự chán nản, sự muốn tự tử, trong lòng ông. Thật là trời sầu đất thảm.

Hai hôm trước, giữa lúc đêm khuya, ông thấy con rể của ông tự nhiên về một cách thình lình. Ông đã phải nén lòng giơ tay ra cầm lấy của Long mấy đồng bạc. Sau khi ông đem hết sự tình ra kể lể, nào là con gái mình có mang với Nghị Hách, nào là nỗi nhà điêu đứng không còn kiếm nổi hột gạo mà ăn, nào là sự mỉa mai chèn chế của người làng, nào là sự thờ ơ lãnh đạm của họ mạc, nào là những trận cãi nhau, chửi nhau om xòm trong đó có bà đồ Uẩn, thì ông thấy con rể của ông cũng là người biết điều. Long đã nói: "Thưa thày, dù chẳng may cơ sự đến thế này, con cũng không có điều gì thay đổi. Trước kia con quí vợ con có mười phần thì bây giờ con lại thấy phải quí nó lên một trăm. Thày đừng lo ngại gì, vì người ta sẽ đền cho con ba trăm bạc, thì con sẽ lo cưới vợ. Rồi còn số tiền vốn ấy để thu xếp cho nhà ta ra tỉnh ở với anh cả con. Cái làng này bất nhân cả làng, thì ta cũng chẳng còn cần gì mà lại không bỏ làng!". Con rể ông đã nói với ông như thế. Về phần ông, ông cũng thấy thu xếp như vậy là ổn thỏa. Chính ông, từ nay mà đi, chắc là không đủ tư cách gì nữa, không có thế lực để khu xử một việc gì nữa, âu ông phó mặc mọi việc cho thiên địa quỉ thần: cũng như một người mù lòa đứng bên vệ đường giơ tay ra kêu gọi một người dắt làm phúc, người ta dắt, ông thì đành liều nhắm mắt đưa chân... Còn cái việc người ta sẽ đưa ông

đi đâu, ông chưa cần hỏi đến vội. Ông đã t ..
"Thày thấy anh nói được như vậy thì cũng mừng lắm. Thày rất lấy làm cảm kích... Tuy anh chưa là rể hẳn nhưng mà một lời đã nói thì từ khi anh hỏi mà thày nhận, con Mịch cũng đã như là vợ anh. Ngày nay chẳng may xảy ra những nông nỗi thế này mà anh lại còn có lòng thủy chung như nhất, lại khu xử cho như thế thì cũng là phúc cho thày lắm. Ở vào cảnh ngộ như thày thì thày đành phải để anh muốn xử lý ra sao cũng tùy lòng. Nếu cuộc đời là bằng phẳng, không có sự gì xảy ra, mà thày cứ coi anh như con ngay thì cũng không sao, thì đó mới là sự đáng quí... Còn như đã thất thế như thày, mà thày lại dám đi coi rằng con Mịch đã là vợ anh rồi, thì e cũng lạm quyền lắm, không thể lọt tai được. Vậy thì thày để anh nói trước là phải. Bây giờ anh đã nói rồi, mà anh đã nói những lời trung hậu quí hóa lắm, thì thày cũng chỉ còn biết nhớ cái ơn ấy mà thôi. Nhà này chẳng may gặp những tai nạn tầy đình ấy, tưởng cũng là vô phúc thiếu âm đức lắm, nhưng mà nay thấy anh như thế, thì thày cũng còn có chút hy vọng nhỏ rằng tuy vậy mà cũng chưa đến nỗi nào..." Thế rồi ông Đồ sụt sịt khóc... Trước cảnh ấy, Long lẻn ra, xuống bếp chuyện trò với Mịch, không biết những gì. Rồi hôm sau, lại thấy Long nói: "Người ta rất sẵn lòng cưới em nó một cách linh đình long trọng làm vợ lẽ hẳn hoi... Nhưng mà khi nào con lại để như thế được. Dù nó đã có mang, con cũng cứ lấy. Cái đứa con trong bụng ấy, rồi sẽ cho nó một số phận, cái đó tùy ở lòng con muốn hay là không báo thù. Bây giờ con về Hà Nội thu xếp công việc, vài hôm sẽ lên..." Thế rồi Long ra đi. Thế rồi, ông thấy con gái ông cứ rũ rượi người ra như sắp chết. Bực một nỗi là ông căn vặn làm sao, con gái cũng nhất định không nói. Ông muốn hỏi cho ra, nhưng sau ông lại thấy rằng con gái ông, không có những lời căn vặn của ông, thì cũng đã khổ tâm lắm, nên ông lại thôi. Vả lại việc tự tử của Mịch tại nhà thương bữa trước, đã đủ khiến ông không những động tâm thương xót con gái, mà lại phải e nó sẽ quá liều.

Nhưng mà liệu Long có cam lòng và vui lòng cưới con gái ông về làm vợ không? Liệu Long có chịu được rằng vợ nó lại có sẵn trong bụng một đứa con, không do huyết mạch của nó không? Nếu nó vẫn lấy như đã nói, nó sẽ để dành cho cái thai trong bụng kia, đứa con của kẻ tử thù với nó, một cái số phận như thế nào? Liệu nó có lấy thật không? Hay nó thay lòng đổi dạ? Giá nó không giữ được lời hứa – đó là quyền của nó – thì nó sẽ khu xử cho con Mịch gì nữa? Hay nó

sẽ không cưới con Mịch về nữa? Có hay không? Ai đã chắc rằng có? Ai dám bảo rằng không? Thế rồi sự thể sẽ xoay ra như thế nào?

Ngần ấy cái dấu hỏi vẫn không thôi kéo lần lượt nhau đến quấy rầy ông đồ Uẩn... Chính ông, ông đem những câu hỏi kia ra để tự bắt mình phải giải quyết, ác nghiệt như một ông quan chấm trường, đương có điều gì bực mình, nên trút cả sự tức tối trong lòng vào một thí sinh cũng lại là chính ông!

– Mịch ơi!

– ...

– Ơi Mịch!

– Dạ.

– Lên đây thày hỏi.

Mịch tần ngần bước vào, đầu tóc bù rối như mới ngủ dậy, mặt mũi hốc hác như vừa ốm khỏi, hai mắt đỏ ngầu lên như đau. Nhất là cái bụng! Cái bụng đã hơi to, trông rõ ai oán, rõ "báo chướng" vô cùng. Ông Đồ ngán ngẩm nhìn con gái rồi từ tốn nói:

– Con ngồi xuống đây, ngồi gần lại đây cho thày hỏi.

– Thày bảo gì ạ?

– Anh Long hôm vừa rồi đã nói những gì với con?

– Không ạ.

– Con cứ nói đi, nói hết cho thày biết. Thày cần biết lắm.

– Anh ấy không nói gì cả ạ.

– Sao mày lại giấu tao? Nó không nói gì mà mày lại khóc à?

– Không.

– Con bé này mới hay chứ?

– Thật thế đấy ạ.

Nghe đến đấy, ông Đồ thở dài một cái, rồi giơ một tay lên bưng trán. Mịch cũng đủ nhận thấy sự thất vọng của bố mình. Động lòng Mịch vội nói tiếp:

– Thưa thày, anh ấy ra ý nghi ngờ con.

– Nó bảo với tao là dù sao nữa nó cũng nhất định cưới mày...

Mịch mỉm cười một cách chua chát mà rằng:

– Chắc gì! Người ấy đã khinh bỉ con nhiều lắm, đã ngờ vực con nhiều lắm.

– Ô hay! Thế ra nó nói với mày một giọng, nói với tao lại một giọng khác hay sao?

– Con cũng chả biết. Con chỉ biết là sau khi anh ấy đã nỡ ăn nói đến như thế, thì chúng con chả còn hy vọng gì sum họp được với nhau.

– Thế anh ấy nói những gì?

– Anh ấy nỡ đi hỏi con rằng có thật là con chửa với lão Nghị ấy không, có thật con bị hãm hiếp không, với những là nếu muốn làm vợ bé lão Nghị thì anh ấy sẽ vui lòng bảo lão ấy đem mười chiếc ô tô về ăn hỏi.

Ông Đồ nghĩ ngợi một lúc rồi nói:

– Nó nói thế cũng phải. Người ta khổ đến như thế thì người ta phải tức, mà khi người ta nóng nảy, thì người ta cũng có quyền ăn nói quàng xiên.

Mịch rầu rĩ mà rằng:

– Vâng, thì nào con có dám oán trách gì người ta đâu!

– Đã biết nói thế thì còn việc gì mà để bụng? Phải chấp trách?

Mịch vùng vằng phẫn uất mà rằng:

– Ồ! Thưa thày, đã nỡ ăn nói với nhau đến như thế, thì tưởng chả bao giờ nên nhìn mặt nhau nữa!

Ông Đồ trợn mắt lên kinh hãi. Ông không thể hiểu nổi sự phẫn uất của con gái ông. Ông không biết rằng khi lòng tự ái đã bị thương, thì nó không còn cần gì biết đến thế nào là điều hay, lẽ phải nữa. Vì không là Mịch, nên ông không thể hiểu sự xót xa của Mịch được. Thế là ông trờn trợn, e con gái mình, trong một phút không biết nghĩ cho chín, lại quyên sinh một lần nữa chăng. Ông bèn dùng mẹo để dò xét bụng dạ con gái.

Ông nói một cách đau xót:

– Nếu cơ sự đến như thế nữa thì chán lắm, con ạ.

Nhưng ông chỉ thấy Mịch thản nhiên đáp có một tiếng:

– Vâng.

Sự thản nhiên của con gái ông lại càng làm cho ông phải lo sợ thêm. Vào trường hợp ấy, trước sự thử thách ấy, cái tiếng vâng ấy đủ rõ một cái tâm trạng của một người nhút nhát, đã đến lúc muốn liều mạng, của hạng con giun xéo lắm cũng quằn. Ông bố lại hỏi:

– Thế con định thế nào?

Cô con chỉ cười chua chát và đáp:

– Con chả định thế nào cả, thày ạ. Người ta muốn định liệu cho con thế nào con cũng xin vâng... Ha, ha, ha!... Vào cảnh ngộ như con mà lại còn có quyền định liệu việc gì nữa à? Con cũng đành liều nhắm mắt đưa chân thôi, thày ạ.

Ông bố nhăn nhó, nói bằng giọng kêu van:

– Mịch ơi! Thế ra con lại muốn tự tử như trước nữa đấy à? Giời ơi, chớ nên liều thân đến như thế con ạ. Con nên để cho thày chết đi đã, rồi con có muốn liều thân thì hãy liều. Con đừng để cho thày phải trông thấy cái cảnh đau lòng ấy, Mịch ạ.

Nói đến đấy, nước mắt ông Đồ ứa ra. Ông lấy tay áo gạt ngang một cái. Cử chỉ ấy giống với của một đứa bé lúc ăn vụng, sợ có người lớn biết, nên vội gạt tay chùi mồm.

Mịch nhìn bố một lúc, rồi đáp một cách thành thực:

– Không, thày đừng sợ, không bao giờ con lại muốn chết nữa. Người ta đã khinh con như thế, thì con chết mà làm gì? Con còn phải sống, con cần sống lắm, con còn muốn sống mãi mãi, sống cho nó đủ dày dạn, cho nó đủ khổ nhục, sống để xem cuộc đời xoay xở ra sao... Không, chẳng đời nào con lại muốn chết, nhất là từ nay mà đi, thì người ta đã không thương yêu con như xưa rồi. Xưa kia thì con muốn người ta phải yêu quí con, vì xưa kia con cũng yêu quí người ta. Bây giờ thế này, còn bắt người ta quí mình là vô lý rồi. Nhưng mà con, con tưởng con vẫn có thể kêu cầu người ta không yêu con, thì ít ra cũng còn thương xót con. Nhưng mà người ta lại đi khinh bỉ rẻ rúng con! Trời ơi, như thế thì việc gì con lại muốn chết?

Ông Đồ rất ngạc nhiên về cái luận điệu ấy. Ông ngạc nhiên vì ông tưởng con gái ông không khi nào nói được như thế, nghĩ được như thế, và nhất là vì ông vẫn chưa hiểu được tâm trạng của con ông. Ông thấy tư tưởng của con là mâu thuẫn. Trước kia chưa có sự gì xảy ra, chưa bị khinh bỉ, con ông đã tự tử, đã chết hụt, mà bây giờ con ông lại có những ý nghĩ trái ngược với trước như thế thì chính là con ông sẽ tự tử một lần nữa, nên lúc này nó phải nói dối ông. Cho hay muốn nói sự oái oăm thì phải kể đến lòng tự ái. Nhưng lòng tự ái của một người là một thế giới mà chỉ người ấy hiểu chứ người khác – dù là cha nữa – cũng không thể hiểu nổi. Cho nên ông Đồ vẫn ngờ con

mình điêu ngôn. Ông không biết rằng sự bi thương của lòng tự ái sinh lòng căm hờn. Ông không hiểu rằng chỉ có sự hối hận, sự tự mình giận mình, mới làm cho người ta phải tự tử. Trước kia Mịch tự tử là vì ái tình. Bây giờ Mịch không được yêu, thì Mịch chỉ trông thấy sự căm hờn mà thôi. Mà sự căm hờn chỉ nuôi, chứ không giết.

Ông Đồ gặng hỏi một cách ngây thơ, đáng cảm động:

– Con nghĩ thế nào thì con nói thế đấy, có phải không, con?

Mịch đáp:

– Thưa thày: con lừa dối thày mà làm gì? Trước kia, đã không phải chính con gây ra tai họa cho con, con cũng hối hận lắm, nên con cũng muốn chết. Bây giờ thì con không hối hận gì cả, thật thế, vì con tưởng đối với một người mà con yêu quí nhất đời, mà con cũng tưởng là yêu quí con nhất đời, vậy mà...

Ái tình bị thương đương kể lể.

Giữa lúc ấy, một thằng bé – tên nó là thằng Bôi – chạy xồng xộc vào giữa nhà vừa thở, vừa nói, như có ý khoe khoang:

– Cụ Đồ ạ, cụ có khách đấy! Một ông tây đi xe tubin về tận làng! Ông ấy đã đến ngõ rồi đấy!

Ông Đồ hốt hoảng đứng ngay lên. Mịch cũng vội đứng lên mới kịp chạy tọt vào gian buồng bên, thì khách đã lộp cộp vào đến giại nửa rồi.

Ông Đồ chạy ra thấy một người trẻ tuổi, mặt mũi, dáng điệu tỏ ra là người lịch sự lắm, thì không hiểu ra làm sao nữa, cứ đứng ngây ra nhìn, ấp úng muốn hỏi, mà lưỡi líu lại. Tú Anh hỏi:

– Kính chào cụ. Xin cụ tha lỗi, có phải chính cụ là cụ đồ Uẩn không?

– Vâng, chính tôi đây.

Đáp vậy, ông Đồ vẫn còn đứng ngây ra, mặt tái đi nữa. Tú Anh vội nói:

– Thưa cụ, xin cụ đừng sợ. Tôi đây không phải là người nhà nước, không phải là người mật thám của ông tuần, cũng không phải mật thám của ông huyện, về dò xét gì cụ, hay làng này đâu... Xin cụ cứ cho tôi vào nhà.

– Mời ngài vào.

– Xin phép cụ.

Không đợi mời, Tú Anh ngồi xuống phản, dang tay mời ông Đồ cùng ngồi, rồi khoan thai nói nữa:

– Thưa cụ, tôi xin nói ngay rằng tôi là chủ ông Long, người sắp làm rể cụ.

Ông Đồ bần thần nói:

– À, vâng.

- Tôi chính là con giai cụ Nghị Hách, về đây để...

Nói đến đây, Tú Anh ngừng lại... Ông Đồ nhìn khách một cách sợ hãi, lại nói:

– À, vâng.

Tú Anh tiếp:

– Vâng, chính tôi là con giai người ấy. Nhưng mà tôi không giống người ấy, tôi không bênh vực người ấy, mặc dầu người ấy là bố tôi. Chứng cớ hiển nhiên là tôi về tận đây để cứu chữa lại một điều lầm lỗi, do bố tôi đã gây ra. Bố tôi đã làm hại cụ, con cụ, cả vật chất, lẫn tinh thần. Tôi không muốn nhắc lại những điều đau khổ của cụ mà đau lòng cụ, đau lòng tôi. Ông Long đã nói với tôi rằng cô Mịch chửa. Như vậy thì... Tôi chỉ còn nghĩ được một cách... Vâng... Vả lại ông Long đã cho tôi được toàn quyền trong việc này... Chỉ có hai cách, một là đền cụ một số tiền lớn, hai là cụ sẽ là nhạc phụ của bố tôi. Vậy xin cụ cho biết ý cụ thế nào. Còn nếu cụ muốn viện cớ tôi về đây mà lại kiện tụng nữa thì tôi xin nói trước là không khi nào cụ được kiện. Vậy cụ muốn tôi phải thế nào, xin cụ cho biết.

Ông Đồ lúng túng đáp:

– Tôi cũng không biết tính thế nào cả.

– Thưa cụ, ông Long đã cho tôi toàn quyền. Nếu cụ không quyết định thì tôi sẽ quyết định, ông Long đã cho phép tôi như thế.

Mịch từ buồng bên mạnh bạo bước sang, và hỏi:

– Thưa ông, quả thật anh Long tôi bảo ông thế.

Anh nhìn Mịch một lúc rồi khoan thai tiếp:

– Vâng, đấy cô xem! Sự thể đã như thế thì chỉ còn một cách. Tôi sẽ phải gọi cô là dì. Dì chứ không phải chị, cô nhớ cho. Cô muốn rửa nhục cho cha mẹ, cho mình, rửa nhục với làng nước, thì chỉ có cách lấy lẽ bố tôi mà thôi. Ông Long đã cho tôi khu xử, vậy tôi khu xử như thế.

XVI

Lúc ấy đã 12 giờ đêm, Long còn đi lang thang ngoài đường như người không có chỗ trọ. Tiết trời lạnh ngắt, lại thêm lún phún mưa xuân.

Các phố xa đã vắng ngắt.

Thỉnh thoảng lại thấy một người ăn mày, như một cái bóng ủ rũ, ôm một manh chiếu, lờ đờ đi tìm một cái màn hiên rộng.

Bọn phu xe xếp xe hàng dài trước cửa những tiệm khiêu vũ, có những bóng điện lập lòe chiếu xanh đỏ. Từ bên trong những tiệm ấy đưa ra những điệu kèn réo rắt, bổng trầm. Bên ngoài, bọn phu xe, anh thì co ro đi lại như có vẻ trầm tư mặc tưởng, anh thì đập càng xe thình thình xuống đường, để dằn vật cái xe, và to tiếng chửi trời, chửi đất, chửi nạn kinh tế, thành ra cũng là một thứ âm nhạc có lẽ lại còn ai oán hơn, hoặc hùng dũng hơn thứ của những đĩa kèn hát. Không bao giờ Hà Nội lại phô bày những cảnh tượng trái ngược, những sự chơi bời cực kỳ xa xỉ, bên cạnh những sự khốn khổ, khốn nạn, như lúc ấy.

Long đi gần đến trước cửa một tiệm khiêu vũ thì có đến ba mươi cái mồm đều cùng một giọng "Mời thày lên xe! Thày đi xe!..." Không nghĩ gì đến những câu vật nài ấy, Long lắc lắc cái đầu. Một người phu xe nói sau lưng chàng một cách ai oán: "Toàn lắc cả thì có chết cha người ta không!" Một người phu xe khác kêu lên: "Mẹ kiếp! Từ trưa đến giờ, được hai chuyến sáu xu!"

Tự nhiên... Long dừng chân đứng lại... Cả bọn phu xe bấy giờ lại nhao nhao lên mời chào. Một ông phu xe già lụ khụ, khẩn khoản nói với Long bằng một giọng ăn mày: "Thày đi cho con vài xu, lạy thày, thày làm ơn". Long lẳng lặng bước lên ngồi xe. Ông già lật đật cài cái áo tơi cánh gà, đánh cái xe ra, rồi quay lại ra ý hỏi khách muốn đi về phía nào... Long buông xõng: "Ông muốn kéo tôi đi đâu thì kéo!"

Vì rằng lúc ấy Long cũng không có định kiến gì cả. Chỉ biết rằng Long đã đi lang thang được nhiều đường đất lắm, không còn để ý đến phố nào vào phố nào, dễ đã có trong hai ống chân đến mười cây số rồi, nên chàng ngồi lên xe chỉ biết là hãy được khoan khoái khỏi mỏi chân. Chàng đi đâu, để làm gì, những cái ấy Long không hề nghĩ đến. Lúc ấy là lúc đứng không yên ổn, ngồi không vững vàng, nên tuy Long đi đã mỏi, cũng đã muốn về nhà, nhưng vì chợt nghĩ rằng có

lẽ về với gian phòng lạnh lẽo trống rỗng, thì lại phải đến ra đi một lần nữa. Long cứ đi.

Tại sao Mịch lại cầm của Nghị Hách cái giấy bạc 5 đồng? Tại sao Mịch lại để cho lão dụ vào trong xe hơi? Có thật Nghị Hách hiếp... không? Có phải Mịch chửa chỉ vì Nghị Hách không? Ấy đó những câu hỏi cứ làm khổ mãi Long, đã mấy hôm nay vậy.

Xe chạy được vài phố, Long mới bảo người phu: "Ông kéo tôi đến một tiệm thuốc phiện! "Mười phút sau, chiếc xe đỗ trước một cái nhà tây hai tầng ở phố Mã Mây, Long xuống xe, đưa ông phu già một hào bạc. Ông già cảm ơn thành thực một cách đáng cảm động, làm cho Long phải hỏi:

– Cụ năm nay bao nhiêu tuổi?

– Bẩm, con đúng sáu chục rồi đấy ạ.

– Thế con cái cụ đâu?

– Bẩm, chả có mống nào cả.

Tức thì Long lại thò tay vào túi, khoắng nốt cả chỗ tiền lẻ, vừa hào vừa xu, không biết là bao nhiêu, cứ vốc cả nắm, giơ ra cho ông phu. Ông già vội đưa tay ra hứng lấy, rồi, sau khi thấy số tiền ấy là quá đáng, thì ngạc nhiên hết sức, không nhớ đến cảm ơn nữa, đứng ngây người ra không biết rằng mình thức hay ngủ mê và khách đi xe là điên hay say rượu.

Long không thèm nhìn lại, vênh vang bước vào nhà, lên thẳng gác.

Đêm hôm ấy, vì vào cuối tháng nên tiệm đông khách lắm. Hai mươi cái sập đều kín cả, đến nỗi Long không biết ngồi vào đâu. Người chủ tiệm phải thu xếp mãi mới được cái sập cho Long. Chàng tháo giầy, bỏ mũ rồi lên nằm dài trên khay đèn, không thèm nhìn chung quanh có những ai, y như một người nghiện đã thực thụ.

Gian phòng ấy người ta đã cố bài trí cho nó có vẻ một cái phòng Thổ Nhĩ Kỳ. Những bóng điện có chùm dua xanh, những cái sập thấp lè tè, bốn mặt tường đều có vẽ hình đen những mỹ nữ khỏa thân, trên sàn gác lại rải nệm khiến cho khách khứa đi lại, tuy như mắc cửi, mà phòng vẫn không vang tiếng giầy lộp cộp, vẫn như giẫm trên nhung.

Khách đến hút thuốc đủ hạng người: Ông chủ sòng mà sở Liêm phóng không thương hại, mấy cậu học trò vừa ra khỏi trường mà đã oán giận xã hội không trọng dụng nhân tài, cụ phán già không được cưới thêm vợ lẽ, ông nhà văn có sách mới bị cấm, tay chủ báo vừa

thua kiện về tội phỉ báng, tay phóng viên thiếu đầu đề, cô gái nhảy vừa đánh mất nhân tình, nhà tài tử cải lương Nam Kỳ không có người bao. Gian phòng lúc ấy là cả một cái xã hội thất vọng, trụy lạc, muốn làm cho những điều thất vọng phải tan ra khói. Trong cái không khí ấm cúng ấy, thiên hạ thấy coi nhau thân yêu như người nhà, cho nên những chuyện tâm sự, những điều đau khổ, những chuyện đê nhục tưởng phải giấu kín của họ, họ cũng đem ra nói rất to. Họ nói chuyện phong tục, chuyện xã hội, chuyện mỹ thuật, chuyện chính trị nữa. Người ta kháo nhau về nhà trọc phú kia vừa dựng tượng kỷ công mình, bà chủ hiệu vàng bạc nọ, hồi xuân đánh đĩ long trời, lở đất, mà vừa được "tiết hạnh khả phong", ông sư chùa này đi hát ả đào thì... và làm những trò như thế nào, vị tiểu thư khuê các kia bị bồi săm bóc lột ra làm sao... thôi thì đủ tất cả những chuyện rừng có mạch, vách có tai, mà những cái phù hoa hào nhoáng bề ngoài, thứ nước sơn trưởng giả của một cái xã hội đê tiện không thể che đậy cho kín được.

Long chưa hợp ngay được với bầu không khí ồn ào ấy, tai còn đương rộn lên vì tiếng cười rộ, những cái ho khạc, những tiếng nói bô bô, những điều văng tục ghê gớm, thì một anh bồi tiêm sà ngay xuống sập, hỏi Long cần dùng bao nhiêu. Đoạn anh bồi chạy ngay đi lấy thuốc và đem về chỗ cả một ấm nước nóng giẫy. Long đưa mắt nhìn... Cuối phòng, trên một cái sập, hai bác lính da đen nằm ôm hai chị đàn bà mặc quần áo tân thời, họ co quắp lấy nhau một cách ngạo mạn, hình như chung quanh đấy không còn ai nữa. Long lấy làm lạ không hiểu sao khách hút cũng cứ thản nhiên, không buồn nhìn đến cái cảnh tượng chướng mắt ấy. Long quay ra phía khác, thì ở đầu phòng đằng kia, một cô đầm lai, mặt mũi xanh xao nằm với một con chó tây xinh xinh, cứ vừa vỗ về con vật, như âu yếm đứa con mới đẻ, và vừa lẩm nhẩm nói một mình để khoe với mọi người những là: "Con nằm ngoan nhé, Toto nhé, con ngủ nhé... Tội nghiệp, mỗi ngày 5 hào khám bệnh, hai hào súp bò mà cứ quặt quẹo luôn..."

Anh bồi tiêm xong, giơ cho Long thì chàng vớ lấy xe mà kéo thật mạnh. Chàng ngạc nhiên về sự người đời bị nghiện đến không sao bỏ nổi, vậy mà khói thuốc phiện nhẹ một cách vô nghĩa lý như khói giấy bản, lại không có dư vị bằng một mồi thuốc lào.

Thốt nhiên ở sập bên cạnh của Long thấy đánh thịch một cái rồi một câu văng: "Mẹ kiếp!" nối liền ngay cái đập giường ấy. Long đưa

mắt nhìn... Quanh khay đèn bên ấy có một ông già vào trạc hơn thất tuần, một người độ bốn chục tuổi và hai thiếu niên âu phục cực kỳ sang. Người đứng tuổi vứt tờ báo xuống giường rồi cau mày nói:

– Mình không thể nào tưởng tượng được!

Ông già khoan thai hỏi:

– Cái gì thế?

Một người trong hai người trẻ tuổi vừa tiêm thuốc vừa cười khúc khích và hỏi:

– Ấy chết! Quan bác! Mấy điếu rồi? Còn việc gì khả dĩ làm cho bác xung thiên chi nộ đến như thế được!

Người kia đáp:

- Một thằng bốn mươi tuổi đầu rồi mà còn đi hiếp đứa bé lên tám thì có chó không! Mình không thể nào tưởng tượng được lại có hạng người dã man đến như thế được!

.....

.....

.....

Long như bị kim đâm vào ruột, Long nghĩ đến lúc nghị Hách hiếp Mịch trên xe hơi, Long nghĩ một cách xót xa đến cái mang trong bụng, tang chứng rành rành về sự khoái lạc nhục thể của Mịch, lúc Mịch bị hiếp... Long đã muốn ra về. Trước khi về, Long còn ủ rũ bó gối, chờ cho chén nước nguội đi đã.

Chợt một bàn tay để vào vai Long. Chàng ngảnh lại thì đó là Tú Anh!

– Ông đấy à? Ông Long thế này đấy à?

Long buồn rầu mà rằng:

– Vâng, thưa ông chính tôi thế này đây. Sao ông cũng lại tới đây?

– Tôi đi tìm ông đó mà?

– Sao ông lại biết tôi ở đây mà tìm?

– Khi một người đau khổ mà chưa đi tự tử, thì ắt là chỉ hút thuốc phiện.

Long đứng dậy:

– Thưa ông hay là tôi về?

Ông Giám đốc Đại Việt học hiệu giơ tay ngăn:

– Không, ông cứ nằm xuống, tôi cũng nằm đây, tôi cũng hút như ông cho khuây khỏa! Chúng ta cần giải quyết với nhau vài câu chuyện cho xong đi thôi.

XVII

Anh bồi tiêm đã bị mời đi chỗ khác một cách lễ phép.

Tú Anh tháo giầy, cởi bỏ cái khăn quàng cổ, cái áo dạ ngoài, rồi nằm dài xuống sập, cầm lấy tiêm...

Thoạt đầu Long cũng ngạc nhiên về chỗ chủ mình sao lại thạo sự chơi bời như thế. Nhưng sau thấy Tú Anh cứ để rỏ thuốc xuống đèn, hoặc là để thuốc dính be bét trên mặt tẩu, tiêm đã lóng ca lóng cóng mà lại cứ muốn ra vẻ thạo đời, thì Long vừa buồn cười vừa cảm động, cho rằng chính chỉ vì cái tâm sự riêng của mình, mà chủ mình mới có thái độ và những cử động thân mật kia.

Sau một lúc lâu mà cả hai bên đều im lặng, cả tiệm hút lúc ấy lại ồn ào lên vì những câu chuyện kỳ lạ, thú vị đặc biệt khác. Vì lẽ ai cũng chỉ nghĩ đến chuyện làm rầm rĩ lên, ai cũng tranh lấy nói mà không ai để tai nghe, thành thử giữa cái đống huyên náo, lang chạ ấy mà Long và Tú Anh lại thấy mình cũng như ở giữa một chỗ vắng vẻ, kín đáo, cứ nói cho khẽ thì chuyện can hệ đến đâu cũng không có một người thứ ba để ý đến.

Hồi lâu, Anh hỏi:

– Tại sao mấy bữa nay, ông không đến trường làm việc thế?

Long thú tội một cách thành thực:

– Thưa ông, chính là vì tôi muốn ông đuổi tôi ra.

– Ồ! Sao ông lại nghĩ ngộ nghĩnh như thế?

– Thưa ông, hiện nay tôi có một điều khổ tâm không thể tả được. Tôi khổ lắm, tôi giận thân, giận đời lắm, tôi muốn liều lĩnh làm một điều gì xằng bậy, một điều gì càn dỡ, chỉ cốt được hả giận mà thôi. Tôi muốn đập vỡ một cái gì, đánh đập một kẻ nào, giết một người nào, nếu không thì không thể chịu được. Vì lẽ tôi không thể làm được những việc ấy, để hại người khác, nếu tôi bần cùng mà tôi muốn làm hại tôi. Tôi nghĩ để cho ông phải đuổi tôi ra, thì tôi sẽ được điêu đứng, được khổ sở một thể.

– Tư tưởng phá hoại lạ!

– Vâng, chính thế. Tôi chỉ muốn được khổ sở cho nó bõ một thể.

– Ông Long, ông điên mất rồi.

– Thưa ông, chẳng phải tôi không biết như thế là điên đâu. Nhưng không hiểu vì sao tôi muốn điên lắm, không thì không chịu được nữa. Trời ơi, nếu ông có là tôi, thì ông mới hiểu được những nỗi đau đớn của tôi.

Tú Anh bùi ngùi mà rằng:

– Tôi biết lắm, tôi biết lắm, ông Long ạ. Nếu không, tôi lặn lội đi tìm ông ở một chỗ mà nếu tôi có đến thì có hại cho danh dự của tôi như thế này làm gì? Tôi dám tự phụ rằng ở trên đời này, tôi hiểu rõ ông hơn hết thảy mọi người khác, và ông cũng nên lấy làm tự kiêu rằng có tôi là người tri kỷ nhất đời của ông, nếu ông cho thế là đáng tự kiêu.

– Xin cảm tạ...

– Ở đời này, cứ tìm lấy được một người tri kỷ cũng đã là khó lắm, ông Long ạ.

– Vâng, tôi vẫn nghĩ thế.

– Chẳng phải nói nịnh gì ông, xưa nay tôi vẫn có bụng mến ông lắm. Tôi thấy ông, tuy nghèo, nhưng mà có chí, biết tự trọng, nhân cách vào bậc thượng lưu, lại có tư tưởng nữa, nên trong bụng vẫn có muốn rằng từ cái địa vị người chủ với người làm công, từ cái chỗ cần dùng nhau để làm việc đời, tôi muốn chúng ta sẽ trở nên thân nhau hơn nữa, cũng chỉ để làm việc đời! Ấy bản tâm tôi vẫn như thế thì chẳng may lại có những sự không ra gì nó xảy ra... Ta giận thân làm gì mà oán đời làm gì? Sự đời là như thế, bao giờ cũng có cái sự gì nó xảy ra, để cho chúng ta đương sướng phải hóa ra khổ, hoặc khổ rồi thì lại phải khổ hơn trước nữa... Ai cũng chịu đựng số phận như thế, chứ chẳng cứ gì một ta đâu, nên tôi muốn khuyên ông can đảm mà chống chọi với đời. Biết lục tìm những điều khổ sở lấy một chút hạnh phúc, ấy là cái đạo của người khôn ngoan, biết hy sinh đi, biết tha thứ cho hết thảy những kẻ có tội với mình, dù trong sự hy sinh có bị nhiều mùi vị chua cay, cũng phải cứ dằn lòng mà hy sinh đi, đừng bao giờ oán giận ai nữa, đừng nên coi sự đời là to, nếu nó thiệt hại cho mình, phải coi trọng sự đời, nếu nó thiệt hại đến kẻ khác, bao giờ cũng bình tĩnh, nên luôn luôn giữ sự im lặng, vì chỉ có sự im lặng mới

tỏ ra được cái khinh bỉ sự vật, vì chỉ có sự im lặng là thanh cao mà thôi, ấy mọi hành vi mà theo được một trật tự như thế thì đó là cái đạo của người quân tử...

Tú Anh đương nói một cách sốt sắng, một cách có vần vẻ, nói như một diễn giả trước một đám đông người, nói như theo thói quen, nghĩa là như một giáo sư giảng bài cho học trò – cái nghề của chàng – thì Long nhăn mặt lại, ngắt đoạn:

– Không phải tôi không hiểu được những điều nghĩa lý ấy. Không phải tôi không biết như thế là phải, là hay, khốn nhưng, thưa ông, hiện nay tôi đương là một người khổ sở trăm chiều! Tôi không muốn làm người quân tử! Tôi sợ ông càng nói thì chỉ càng phí mất những lời quí hóa ấy mà thôi. Ông vẫn nhầm tôi, chứ chính tôi là một kẻ tiểu nhân lắm, tôi xin thú thật với ông như thế mà không hổ thẹn. Tôi không thể nào có lòng hy sinh và trở nên một người quân tử theo ý ông được. Vả lại... hiện nay, tôi đương là người cực kỳ chán đời, cực kỳ khinh đời. Đã thế, tôi còn cần gì nữa?

Tú Anh cười nhạt mà rằng:

– Ông tưởng thế đấy, chứ ông không chán đời và khinh đời một chút nào đâu! Ông nhầm to! Người ta, khi đã biết sự đời đáng khinh, thì không thể còn can đảm nào mà lại sốt sắng tỏ sự phẫn uất ra như ông, vì một người đã khinh đời là một người thản nhiên lắm, không còn có một mối cảm giác gì nữa. Vậy mà ông kêu gào đến như thế được thì ông còn yêu đời lắm. Tôi xin can ông! Sao ông lại coi sự đời to như thế? Sự đời có đáng yêu đến thế đâu? Đáng thương hại cho ông thật!

Long ngẩn người ra vì không hiểu, rồi nhăn nhó lại nói:

– Vì chưng... tôi... tôi khổ quá.

– Ở đời này, ai mà không đau khổ? Ông tưởng dễ tôi đây, tôi sung sướng hơn ông đấy à?

– Ồ! Không! Ta không nên nhảy vào phạm vi triết học.

Tú Anh ngồi dậy, bất bình mà rằng:

– Tôi chỉ nói một cách thiết thực về những sự thực biểu hiện ra trước mắt ông đó mà thôi! Ông không có gia đình thì thôi, chứ nếu ông cũng có một gia đình như tôi, thì tôi xin nói thẳng rằng những cái dây liên lạc thiêng liêng nhất đời, đại khái như tình mẫu tử, tình phụ tử, tình huynh đệ chẳng hạn, cũng lắm khi chỉ đáng để xuống

đất mà dí dưới gót chân! Là vì trong suốt một đời người, thể nào rồi bố mình cũng có điều không tốt với mình, mẹ mình thì cũng phải có điều gì ăn ở không ra sao với mình, anh chị em mình thể nào cũng phải có điều gì khốn nạn đểu cáng với mình. Tôi xin nói thẳng cho ông biết rằng, đến những điều thiêng liêng như vậy, mà rồi cũng có khi chỉ là những chuyện khôi hài, thì ở đời này không còn có cái cóc gì là đáng quí nữa, mà sự đời thật là không có nghĩa gì cả!

Im lặng một cách sợ sệt, Long nghe những lời phẫn uất ấy. Sợ nhân đó là Tú Anh trạnh nghĩ thấm thía đến gia cảnh, Long vội tìm một đầu đề lảng chuyện ra. Rồi Long nói:

– Vâng, vì tôi không có gia đình nên tôi mới cầu cứu hạnh phúc ở ái tình, và cầu một cách khẩn khoản hơn ai... Tôi đương muốn tin cậy ở ái tình, vậy mà rồi tôi phải bán tín, bán nghi, không còn biết nghĩ sao nữa.

Tú Anh dịu mặt, lại nằm xuống cạnh khay đèn. Hồi lâu Anh nói:

– Ái tình cũng không thể cho ta hạnh phúc được!

– Ồ nếu như vậy thì loài người này hết đường trông cậy hay sao? Nếu vậy thì người ta chết cả, chứ còn ai sống được!

– Vậy mà chẳng ai chết cả! Họ đau khổ, họ không biết! Hoặc họ có biết, mà họ cứ sống. Ái tình chỉ làm khổ người ta mà thôi! Ông tưởng ái tình ban được cho ông hạnh phúc, ấy là vì ông không hiểu đời.

– Ông bi quan quá nhỉ? Sao lại thế được?

– Không, hoặc là có. Người ta đã trải cuộc đời thì phải hoài nghi, mà đã hoài nghi thì phải bi quan. Sở dĩ ông còn tin được ở ái tình, một là vì ông hãy còn trẻ tuổi, hai là vì bọn văn sĩ mê hoặc ông. Bọn văn sĩ chỉ đi mô tả những cuộc thảm tình, những cuộc tơ duyên lỡ dở, những câu chuyện khổ sở điêu đứng, hình như nếu họ mà lấy được nhau thì họ sung sướng hoàn toàn và quả đất này chỉ là những cảnh bồng lai! Nếu bọn văn sĩ bây giờ chịu viết những chuyện tình, rồi cho họ lấy nhau đi, rồi cho họ ghen nhau, giận nhau đi, thì mới chứng thực rằng ái tình chỉ làm cho con người ta khổ sở. Mà nào chỉ có thế! Lại còn cãi nhau, đánh nhau, phụ nhau, chồng ăn chả, vợ ăn nem, hoặc là sống chung với nhau để khinh bỉ thù hằn lẫn nhau. Nào có ông văn sĩ nào là tả đúng sự đời và bảo được cho mọi người rằng ái tình là một điều không bõ để ý!

– Nếu mải nghe ông, thôi thì không còn ai thiết gì đến sự đời nữa.

– Thì trước sau, tôi chỉ muốn cho ông không thiết gì đến sự đời! Mà tôi mong rằng ông đừng tin đàn bà! Hoặc là ông ngồi trong văn phòng, hoặc là ông ra ngoài phố, mắt ông, tai ông, lúc nào ông cũng chỉ thấy sự dâm đãng đội lốt văn chương mỹ thuật mà thôi. Văn chương sách vở khiêu dâm, phim ảnh khiêu dâm, nhà hát khiêu dâm, tranh ảnh khiêu dâm, phòng khiêu vũ, nhà săm, những quân phu xe bảo ông đi lấy sự trinh tiết của mọi hạng phụ nữ bằng năm đồng, ba đồng, âm nhạc cũng khiêu dâm, những mốt y phục lại càng ngày càng khiêu dâm, nói tóm lại thì bao nhiêu cái xô đẩy người ta vào vòng thương luân bại lý! Ông có thấy rằng chúng ta đang đắm đuối ngập lụt đến cổ vì vũng bùn lầy dâm đãng đó không? Ông vẫn còn tin được đàn bà và ái tình đó à?

Long trầm ngâm nghĩ ngợi, càng thấy những lý luận ấy là đúng sự thật. Nhưng chàng cũng nói:

– Trường hợp của tôi không dính dáng gì đến những điều ông vừa buộc tội.

– Đó là ông chưa nghĩ kỹ. Tình là dây oan, cổ nhân không nói sai đâu. Trong khi yêu, người ta chỉ nghĩ đến chữ chung tình. Vậy mà tôi, tôi có thể cam đoan với ông rằng, không một người đàn bà nào lại chung tình với một người đàn ông nào cả. Ông thử xét ngay chính ông mà xem! Khi có một người yêu rồi, và khi đã tâm tâm niệm niệm, quyết chung tình với ý trung nhân rồi, cũng đôi khi ông bị sức cao hứng của tâm hồn nó lôi cuốn đi, khiến ông quên bẵng người yêu mà mơ màng đến một người khác, tôi dám chắc như thế!

– ...

– Có thế không thì ông nhận đi!

– Vâng, cũng có thế thật.

– Ấy đấy, chính ông, chưa chi ông đã không chung tình rồi! Như vậy, ông cầu sao được lòng chung tình ở một người đàn bà? Người ta cũng giống ông, vì ở dưới này bọn phàm trần chúng ta, giống nhau hết. Tôi không nói rõ tên tuổi và chỗ ở một cặp giai gái kia, yêu nhau tưởng chết mà rồi người đàn bà bỏ người chồng, đi theo một kẻ tồi hơn chồng. Tôi cũng không vạch mặt chỉ tên một mỹ nhân đẹp tuyệt chung tình có một, chồng chết thì khóc chồng năm năm trời, tưởng chừng không sống được nữa, thế mà một buổi sáng kia, tươi cười hớn hở bước lên xe hòm cưới của một người chồng thứ hai... Tôi không đếm xỉa đến những hạng lẳng lơ dâm đãng có chồng con đi ngủ với

giai, hoặc là bọn gái tân thời có cái quan niệm mới lạ rằng yêu ai thì chỉ bắt nhân tình cho có vẻ sang trọng thôi, còn lấy hẳn ai thì là vì muốn trả thù người ấy... Tôi không muốn nói đến những hạng người ấy, e rằng mang tiếng cố ý dọa nạt ông. Nhưng mà tôi có thể lấy riêng ra một người đàn bà có học thức, có nhan sắc, có đức hạnh, một người đàn bà đáng làm gương mẫu cho đời, một buổi chiều thu kia, ngồi trên bao lơn đan áo rét cho chồng, trông ra cánh đồng và con đường um tùm vắng vẻ, tâm trạng nao nao lên, bao nhiêu thi tình, thi tứ, trong lòng như sóng cuốn, rồi chợt ở dưới đường có một chàng diện mạo thanh tao, y phục lịch sự, vừa đi vừa quay cổ nhìn lên, rồi người đàn bà cúi mặt xuống, để cho khách qua đường phải quay lại nhìn lần thứ hai, và bắt được quả tang là mỹ nhân trên bao lơn cũng có nhìn theo mình, rồi khách qua đường phải giữ vẻ con nhà giáo dục mà lững thững bước đi không dám nhìn lại nữa, và do thế, người đàn bà, trong một phút xúc động, đã thấy kẻ qua đường là hơn chồng mình, rồi chợt nghĩ đến những điều nhỏ nhen của chồng trong cuộc đời sống chung với chồng, rồi mơ màng, so sánh, oán giận, rồi lim dim nhắm mắt lại, trong một phút đã tưởng tượng một cảnh gia đình khác mà mình được người khách lạ nâng niu chiều chuộng hơn chồng, phải, dù chỉ là trong một phút mơ mộng nữa, dù là trong cả một đời chỉ có một phút như thế nữa, thì ấy là người vợ hiền ấy cũng đã phụ chồng rồi, là cuộc nhân duyên ấy cũng là bị vết tỳ làm hoen bẩn rồi, mà sự chung tình không còn có nghĩa! Ấy đó, bộ mặt thật của ái tình mà tôi đã hé mở cho ông xem...

Tú Anh nói xong thì thở dài một cái ra vẻ chán chường, mặt lộ ra sự đau đớn, sự buồn rầu, sự chán nản, sự khổ não, y như một người chồng bị vợ lừa, hay là người đã đau khổ vì tình vậy.

Những ngôn ngữ, cử chỉ ấy, Long hiểu một cách thấm thía. Chàng thấy không nên ghen Mịch, nghi ngờ nữa. Chàng bắt đầu cảm thấy đàn bà là khó tin, thì chàng thấy cuộc đời trống trải. Đương đau khổ... được thôi, không phải đau khổ nữa, như thế Long lại chẳng thấy sung sướng gì. Long bất giác lại lấy làm tiếc, giá Tú Anh đừng nói thế, cứ mặc chàng ngu ngốc để mà có thể đau khổ thì hơn... Long thấy không thể yêu được Mịch nữa, và nếu có phải lấy Mịch thì chỉ là bổn phận. "Ta không nên cần đến ái tình vì ta đã từng ngờ vực ái tình. Ấy là ta sẽ lấy vợ cũng như trăm nghìn người khác vậy". Nghĩ thế, Long muốn về, vì lẽ Tú Anh đi tìm mình ở đây. Long hỏi:

– Bây giờ đã mấy giờ đêm rồi, thưa ông?

– Cũng khuya lắm rồi. Để tôi nói xong mọi điều dự định của tôi, rồi chúng ta về đi nghỉ. Đây này, tôi xin nói thẳng ngay rằng xưa nay tôi vẫn muốn gả em tôi cho ông. Vì lẽ ấy, tôi đã để ông về ấp và xuống cảng, để ông biết rõ gia thế nhà tôi, ông nên biết như thế. Vậy tôi có hai con em đấy, tùy ông ưng đứa nào cũng được. Tôi thấy ông nghèo, chưa có tiền, nhưng nếu có, chắc cũng sẽ biết dùng tiền. Người ta đã có tiền, lại có bụng tốt, thì dễ trở nên hay... Rồi trong cuộc đời, thể nào chúng ta cũng còn bắt tay vào việc gì khác thường với nhau. Tôi xin nói trước là chưa chắc em tôi đã cho ông hưởng hạnh phúc đâu, vì tôi đã khuyên ông chớ nên hi vọng vào đàn bà. Ông chỉ biết rằng, ông lấy em tôi, thì ông có vợ, cũng như người khác có vợ, thế thôi. Còn việc cô Mịch, ông chớ nghĩ đến nữa...

Long nghe đến đấy bỗng thấy vui vẻ, mừng rỡ trong lòng. Nhưng chợt nghĩ đến Mịch, Long lại tự trách mình hèn hạ quá. Nhưng Long không đủ thời giờ vấn tâm, vì Tú Anh đã lại tiếp:

– Tôi đã về Quỳnh Thôn thu xếp xong chuyện rồi!

Long hãi hùng hỏi:

– Ông? Ông đã về...?

– Phải! Tôi đã trông thấy sự sa sút nhà cụ Đồ, sự đau khổ của cô Mịch, sự cả cái nhà ấy bị cả làng khinh miệt, lục tội, phỉ báng! Tôi căm giận hộ ông Đồ lắm! Cô Mịch cần phải lấy chồng giàu để mà rửa hờn! Người ta lấy ông, thì bị ông làm khổ, làm nhục mà thôi! Mà đứa bé trong bụng ấy, em tôi. Vậy thì số phận cô Mịch như thế, không vì lẽ gì đứa bé lại là con ông được!

Long rền rĩ:

– Trời ơi, không ngờ cơ sự lại xoay ra đến thế! Thật không ngờ!

Long nói rồi cúi mặt xuống. Tú Anh nhìn trộm Long, lại nói:

– Ông tiếc cái gì? Người ta yêu quí gì ông?

Long trợn mắt, thở hồng hộc mà hỏi:

– Sao? Ông nói gì? Họ không có tình với tôi nữa hay sao?

Anh gật đầu một cách vụng dại, làm cho Long nôn nao lên:

– Không! Không phải thế! Giời ơi, tôi van ông! Không phải thế, có phải thế không? Ồ! Không! Ông nói dối! Tôi van ông, xin ông nói thật cho! Tôi van ông! Không, có đời nào! Đời nào con Mịch lại ăn ở như thế với tôi được!

Nhưng Tú Anh bình tĩnh đáp:

– Tôi xin đem danh dự tôi ra mà thề.

XVIII

Buổi chiều hôm ấy, Mịch ngồi ủ rũ vá lại cái áo cánh rách ở giữa sân. Lúc ấy, ông Đồ đương họp việc làng ở đình. Bà Đồ cũng bận rộn về việc hầu hạ các cụ ngoài ấy.

Cái áo cánh rách càng khiến cho Mịch thấm thía nghĩ đến cảnh nghèo. Mịch bồi hồi nghĩ lại bữa ấy, đêm rằm tháng giêng, giữa lúc đi bới khoai trộm mà gặp Long. Mịch rất hối hận giận mình sao đã quá thật thà đến nỗi thú thật với Long là đi ăn trộm để cho bị Long khinh. Mịch yên trí rằng từ đó trở đi, Long hết lòng khinh rẻ Mịch, và có lẽ cả gia đình nhà Mịch nữa.

Nếu không thế, sao Long lại hỏi: "Tại sao lại cầm của nó cái giấy bạc năm đồng? Một bó rạ mà lại bán những năm đồng à?"

Ngay lúc ấy, không hiểu sao Mịch lại ắng cổ ra, không nói gì được nữa. Giá có nói rõ những lời lẽ thương xót dân nghèo của Nghị Hách bữa ấy, nó khiến cho Mịch tin và lập tức nhận tiền, thì Long ắt cũng chẳng chịu cho là lọt tai. Mịch giật mình hoảng sợ khi thấy Long cũng vặn mình y như quan huyện. Mịch hối hận vô cùng, đau khổ vô cùng về cái tội dại dột, cái dại dột tưởng không can chi, mà thực ra, đã làm hại cả một đời Mịch, và, hơn nữa, đã làm cho Mịch trong cảnh ngộ tình ngay lý gian. Được thể, Long còn nói nhiều, căn vặn nhiều, nói toàn những lời rất phạm đến lòng tự ái của Mịch. Thói thường, sau khi người ta chủ tâm phải tự mình giận mình nhiều quá, không còn biết làm sao nữa, thì người ta phải vô tâm mà giận đến kẻ khác, cho nó khuây khỏa sự hối hận đi. Do lẽ ấy, sức liên tưởng đưa Mịch lại cái thời gian mà Long đã có những hành vi, cử động khiếm nhã. Mịch thấy Long không hiểu mình, vô lý, tàn nhẫn, đáng giận! Vậy mà xưa kia, Mịch vẫn nhầm mãi Long! Thì ra chỉ vì Mịch nghèo nên mới tham tiền, nên mới mắc bẫy, nên mới bị hà hiếp, nên mới bị thua kiện, nên mới chịu oan. Chỉ vì nghèo! Nỗi oan thống khổ, không nói được với ai cả, vậy mà người chồng là người tri kỷ độc nhất vô nhị trong đời mình, không những đã không hiểu cho mình, lại còn đi khinh rẻ mình nữa!

Nghĩ như vậy, Mịch thấy đối với Long chỉ còn có căm hờn.

Rồi Mịch nghĩ đến ông chủ của Long... Một người lịch sự, tử tế, đứng đắn, ăn ở đâu ra đấy, có vẻ thận trọng sự đời lắm, có vẻ hiền nhân quân tử lắm, mặc dầu là con giai một lão già đểu giả, dâm đãng. Vậy mà người ấy đã tự liệt vào hàng con cái của Mịch, sẽ gọi Mịch là dì! Cái thai trong bụng Mịch, sau này sẽ là em ruột người ấy, sẽ hưởng mọi điều sang trọng, lịch sự, sẽ hấp thụ sự giáo dục của người ấy, thì hẳn là hơn phải làm một đứa con của Long. Không phải cùng máu mủ... lại còn như cái gai trước mắt một người bố không phải là bố mình, lại luôn luôn khêu gợi cái cuộc hiếp dâm đáng kinh tởm kia, hẳn rồi đứa hài nhi sẽ suốt đời bị Long đày đọa trong những cơn ngứa ghẻ hờn ghen.

Sau khi thấy nói rằng Long đã cho người ta toàn quyền khu xử mọi việc, ông Đồ đáp đại khái: "Vâng, nếu chính cậu Long cậu ấy đã chán con bé cháu thì hẳn là nó phải lấy người khác. Mà tất nhiên khi phải trong cảnh bó buộc lấy người khác, thì còn gì cho bằng con bé cháu nó về với cụ Nghị nhà! Nếu ông khu xử cho như thế, thì tôi cũng xin vâng. Con bé cháu như thế cũng là an phận, thôi thì tôi cũng cho rằng mọi việc trên đời này đều có tiền định cả, nhất là khi con bé cháu lại... lại... do thế mà có mang". Mịch cho bố mình đáp như vậy là rất phải. Khi người ta đã chán mình, mà lại không phải lỗi ở mình, thì việc gì mình phải cần đến người ta nữa? Nghĩ thế xong, Mịch lại nhớ đến những lời cô thày bói đoán cho Mịch về đường phu tử, những là lấy chồng giàu, những là tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng, vân vân... Từ đấy mà đi, tự trong thâm tâm của Mịch, Mịch tin rằng người ta có số mệnh, và cái số kiếp của Mịch đã như thế thì Mịch không thể cưỡng lại với trời được nữa.

Chỉ có bà Đồ là hơi đáng trách. Sau khi nhận được tin ấy, không kịp suy nghĩ trước sau gì cả, bà Đồ đã tấp tểnh mừng thầm. Sự vui mừng của bà hiện ra nét mặt, lời nói, dáng đi... Bà sung sướng vì tưởng Mịch đã bị hại một đời, mà hóa ra sung sướng một đời. Cái con người quyền thế giàu có nhất tỉnh, mà ai cũng phải sợ, mà ai cũng không kiện nổi, nay mai sẽ đem vài chục cái xe tu bin về giạm hỏi con bà hẳn hoi. Rồi thì cả làng sẽ ngậm miệng hến. Rồi thì sẽ vô phúc cho những đứa đã bảo con bà là vô phúc, đến nỗi con gái bà bị hiếp dâm. Rồi thì khổ cho những đứa chê bai, khinh bỉ, cho những đứa đã làm nhục bà. Tuy bà không biết biên sổ, nhưng bà cũng biên sổ ngay vào trong bụng: nào là con mẹ đám Nhen nói kháy bà ra sao,

nào là con mẹ đĩ Tốp nói xấu bà ra sao, vân vân... Con gái bà lấy chồng giàu! Những đứa ấy rồi thì nhục nhã với bà, rồi thì điêu đứng với bà. Nếu chúng có khốn khổ khốn nạn, mà đến vay bà thì bà cho vay ngay, để mà khinh bỉ lại chúng, bắt chúng phải luồn cúi, lạy lục, cho bõ... Nên dù khi ông đồ Uẩn mới kịp nói: "Này cái lão Nghị ấy muốn cưới con Mịch làm lẽ đấy..." thì bà Đồ hí hửng hỏi ngay: "Làm lẽ thứ mấy?" Rồi bà chỉ nói: "Thế là may lắm rồi còn gì! Thế mới biết thày bói đoán đúng quá nhỉ!" Tuyệt nhiên bà không còn nhớ gì đến Long. Mịch rất lấy làm bất mãn về chỗ ấy. Mịch thấy mẹ mình như hèn hạ quá, nhẫn tâm quá.

Nhưng đàn bà thường nhỏ nhen như vậy, phải đâu có học thức gì, mà đáng trách!

Chỉ có ông Đồ là chín chắn. Ông đã nói: "Chỉ hơi phiền một nỗi là người ta giàu có mà thôi. Chứ giá nếu họ nghèo khó hơn anh Long, thì việc tao nhận lời thật là hoàn hảo, và không sợ bị miệng tiếng". Mịch thấy rằng bố mình chỉ thận trọng nhất đến sự trinh tiết của mình. Vả lại chính Mịch, Mịch cũng thấy rằng đời người đàn bà chỉ cốt có ở sự nhỏ mọn ấy.

Trong một phút. Mịch thấy rằng không nên vì một lẽ gì mà buồn bã vẩn vơ.

Khốn nỗi cái lương tâm của con người ta không như người ta triết lý một cách ích kỷ như thế. Người ta không phải hễ nghĩ ra được những lý luận an ủi mình thì đã quả nhiên tìm được sự an ủi trong lòng. Người ta đã nghĩ ngợi thì phải có nghĩ đi và nghĩ lại. Mịch vẫn thấy đối với Long như thế là không nên... Không phải cô gái quê thấy mình, hay gia đình nhà mình đã xử tệ với Long. Không phải cô gái quê không biết Long đã khinh rẻ mình vô cùng. Nhưng mà cô gái quê còn nghĩ được ra rằng tất phải có nguyên cớ gì, người ta mới dám rẻ rúng mình, miệt thị mình đến như thế được. Nên dẫu thấy rằng việc nhận lời của bố là có lý lắm, là phải lắm, mà Mịch vẫn coi như là việc ấy hình như không tốt, nó thế nào ấy, nó làm sao ấy, khó nói lắm. Trăm nghìn ý nghĩ rối loạn, phấn khởi và phẫn uất, dịu dàng và tê tái, an ủi và liều lĩnh, thay lượt nhau mà giày vò cô gái quê. Mịch thấy rờn rợn như đêm khuya bị lạc đường ở một nơi có ma, có yêu, hay là đứng trên một cành cây cao chót vót, nhìn xuống mà thấy chóng mặt vậy.

Mịch không dám nghĩ ngợi gì nữa.

Vá xong cái áo. Mịch ngồi thừ người ra. Tự nhiên Mịch nhìn xuống bụng. Sự trông thấy cái kết quả ấy, khiến Mịch nhớ lại nguyên nhân. Mịch thấy hiện ra rõ ràng trong óc cái hình ảnh một lão Nghị Hách phũ phàng, nhưng mà nay mai lấy Mịch chắc phải ăn ở khác hẳn. Mịch chợt nhớ đến lúc từ con gái mà trở nên đàn bà, trên chiếc xe hơi. Cái lúc ấy thật là gớm ghiếc, thật là bẩn thỉu, thật là đau đớn, nhưng trong cơn đau đớn không phải là không có một thứ khoái lạc trong xác thịt nó làm cho đỡ thấy đau... Xưa kia, cũng đôi khi chợt Mịch hơi nhớ lúc ấy, song sự hổ thẹn xua đuổi ý nghĩ ấy đi ngay. Nhưng mà từ nay trở đi người kia sẽ là chồng của Mịch, thì Mịch hẳn là có quyền nhớ lại những phút có cái cảm giác mới lạ nhất đời mà không là phạm tội lỗi gì cả. Trong lúc này, con vật đã nổi dậy trong lòng cô gái quê mập mạp, trẻ trung, đương thì... Mịch nhớ lại lúc ấy một cách say sưa như người háu đói vậy.

Thốt nhiên sau lưng Mịch thấy có tiếng gót giầy. Mịch giật mình, nhìn lại thì đó là Long! Hai má của Mịch bỗng đâu đỏ bừng lên như những lúc thổi lửa, Mịch xấu hổ vô cùng. Long nhìn Mịch một cách đăm đăm, làm cho Mịch nghĩ rằng Long đoán nổi ý nghĩ bẩn thỉu của Mịch vậy. Thật là... quả tang! Mịch bưng mặt chạy tọt xuống bếp.

Long thấy cử chỉ ấy thật quái lạ. Chưa bao giờ trước mặt Long, Mịch có dáng điệu co quắp lúng túng như thế. Nhất là Long vốn là người đa nghi, nên càng thấy Mịch thật là quái lạ, thật là bất chính, thật là đốn mạt, thật là gở cho gia đình.

Long về là vì không tin hẳn lời cam đoan của Tú Anh. Long nhất quyết không thể chịu ngay rằng người ta lại thay lòng đổi dạ đến thế được. Muốn khỏi phải bán tín, bán nghi, thì chàng về, mong phán đoán cho đúng mọi sự, sau khi được tai nghe mắt thấy... Long hy vọng rằng Mịch sẽ khóc lóc với chàng thì chàng sẽ lại yêu thương Mịch như xưa...

Thì Long đã thấy như thế!

Mịch lui xuống bếp để Long đứng tưng hửng giữa sân. Thật là quái lạ! Trong óc Long, một nghìn mối nghi ngờ, căm hờn và ghen giận nổi sôi lên... Long thấy lộn ruột, lộn ruột lắm. Mà lúc ấy, nhà vắng vẻ chứ bảo Mịch phải sợ ai, nên thẹn thùng gì!

Điên ruột lên, Long lấy giọng quyền hành gọi:

– Mịch!

Không thấy đáp, Long chạy xộc xuống bếp, thì Mịch bước giật lùi, chạy vòng đằng sau chuồng lợn. Long muốn chạy rấn mấy bước nữa, để kéo Mịch lại, để tát cho Mịch mấy cái, nhưng chợt trông thấy một nồi nước tiểu nên Long lại thôi. Chàng đứng thừ ra, chóng mặt lắm, chỉ muốn ngã... Chàng thấy lời Tú Anh thuật lại là đáng tin cả trăm phần trăm rồi. Trước kia, chàng vẫn không tin, song bây giờ, làm thế nào mà lại vẫn không tin lời nói của Tú Anh cho được?

– Con khốn nạn! Mày có lên ngay đây không?

Đứng sau một cây chuối. Mịch ngẩn người ra, cũng ngạc nhiên về giọng sỗ sàng ấy hết sức.

Trong lúc tâm thần bất định. Mịch nói mà không nghĩ:

– Anh... anh muốn hỏi gì, thì thày còn ở ngoài đình.

Tức khắc Long quay ra, cắm đầu cắm cổ!... Long như người hóa điên. Chàng vấp phải một đứa bé. Đứa bé ngã, Long cũng không nâng nó dậy.

Một con chó xổ ra trước một cái cổng... tức thì, phốc một cái, mũi giầy tây của Long trúng mồm con vật làm cho con vật lặng đi. Long vấp luôn phải một bà già, cũng không xin lỗi. Một vài cành tre khô chìa ra ngõ làm cho chàng vướng má phải. Long không lau chỗ máu ở má, vì cũng không thấy đau. Trông thấy đình, Long lượn đi lối cổng sau, vì trước cửa đình bọn trẻ con xem chèo và đánh thò lò đông quá. Đến bên một cái cột lớn ở gian nhà hậu, Long rón rén, nhìn vào... Long có ý muốn xem ông Đồ ngồi ở đâu, rồi sẽ nhờ người khẽ mời hộ ông Đồ ra. Trong đình lúc ấy vang ầm lên những lời bàn cãi nhau. Giọng người nào cũng lè nhè những hơi rượu.

– Anh nào còn nói nữa thì ông đánh dập cổ xuống đấy!

– Thằng nào cấm ông, thì ông chẻ xác ra!

– Chỗ này là chỗ việc làng, chúng mày không được đem chuyện riêng nhà người ta ra mà bới móc!

– Thế thằng nào đả động đến trước?

– Chó khơi mào ra trước đây thì có!

Long lắng nghe chỉ thấy ồn ào lên. Chợt có một người nói to hơn cả:

– Ừ! Người ta có con thì người ta gả cho ai thì người ta gả, miễn sao là có đu tiền cheo thì thôi! Ừ! thì người ta gả cho ông Nghị đấy, gả cho người mà cả làng này kiện không nối đấy! Ừ, thì lão Nghị

Hách sẽ là rể làng này đấy thì làm sao? Các anh chõ mõm vào làm gì? Ông truyền đời cho chúng mày biết rằng chỉ làm rể làng độ ba hôm thì sẽ khối thằng lại không vác rá đến vay gạo nó, ông chớ kể! Đừng có kháy nhau mà mai sau hôi mồm!

Đến giọng ông đồ Uẩn, một giọng sợ sệt, khổ não:

– Thôi ông Chánh, tôi van ông! Ấy tôi là trước sau, tôi không có dám nói gì cả đấy! Xin ông cũng đừng bênh vực tôi, rồi lỡ ra lại thêm điều đẻ chuyện ra, thì phiền lắm.

– Ờ! Ờ! Thế ông đã nhận lời của Nghị Hách chưa?

– Bẩm tôi đã nhận ngay rồi.

– Vậy thì đừng có ai nói gì vào việc ấy nữa!

– Vâng, xin đừng ai nói gì vào việc ấy nữa.

Long nghe ba câu nói của ông Đồ xong, ngán ngẩm quay đi. Thật là chính mắt Long đã trông thấy, chính tai Long đã nghe thấy...

Chàng tự trách mình sao còn quá thật thà mà lại bỏ về Quỳnh Thôn. Nhưng chàng lại tự an ủi ngay, cho rằng có về một chuyến cuối cùng như thế thì mới khỏi áy náy, sau này có sự gì thì cũng không phải hối hận.

Long cắm cổ ra khỏi làng.

Chàng vừa đi vừa lẩm bẩm "Đồ khốn nạn! Đồ khốn nạn, con khốn nạn". Rồi Long tự chế riễu mình, cho mình là khôi hài khi chưa dám tin lời Tú Anh, chàng rắp tâm về kể lể mọi điều uất giận với Mịch và xin Mịch tha cho những điều càn dỡ khi xưa, Long thấy mình ngu ngốc lạ lùng.

Cái sự tham vàng phụ ngãi của cha con thị Mịch như vậy là hiển nhiên lắm rồi! Từ rày mà đi là Long không còn phải đau khổ gì nữa, không còn phải ân hận gì nữa, không còn phải nhớ nhung thương tiếc gì nữa. Long cũng có chút ít ngạc nhiên về sự thay lòng đổi dạ quá đỗi đột ngột của con người ta. Long bàng hoàng thấy rằng những sự bất ngờ, những điều không ai tưởng tượng là sẽ xảy ra được, thì vẫn cứ xảy ra luôn luôn, trái hẳn với ý nghĩ của thiên hạ.

Long cảm thấy Tú Anh là thâm trầm, là hiểu đời vô cùng. Chàng thấy đời là đáng chán lắm không còn tin ai được nữa.

Một chiếc xe ô tô ca chạy phăng phăng trên đường nhựa...

Như cái máy, Long ra hiệu cho cái máy ấy dừng lại. Lúc bước chân lên xe rồi, bụng chàng vẫn còn lẩn quẩn những ý nghĩ khinh bỉ lão đồ Quỳnh Thôn.

Cho nên hành khách trên xe hơi, khi thấy người thiếu niên vừa bước lên xe xong là lầm bầm: "Đồ khốn nạn! Một lũ khốn nạn!" rồi lại ngồi trầm ngâm khoanh tay; thì ai cũng ngẩn người ra như người ta phải lạ lùng, khi thấy một tên điên rồ như thế.

XIX

Mịch bàng hoàng, ngơ ngác nhìn quanh như vừa tỉnh một giấc mộng. Trong cuộc đời gái quê thanh bần của Mịch, quả nhiên một sự phi thường đã xảy ra Mịch chưa dám chắc đó là hạnh phúc hay chông gai, song cứ kể về phi thường thì quả thật những điều như thế đã phi thường lắm.

Mịch đã ù tai lên về tiếng máy xe hơi, tiếng pháo nổ ran, tiếng giầy nện vào thang gác như lúc rạp hát hạ lớp màn cuối cùng, tiếng cốc tách chạm nhau, tiếng cười nói bông lơn chưa hề nghe thấy. Mịch đã choáng mắt lên vì ánh sáng phản chiếu từ những miếng kền, miếng kính của hơn mười chiếc xe hơi, màu hoa đào của những gối chăn, màu xanh, đỏ, tím, vàng, lòe loẹt của những người đi đón dâu đẹp như tiên nga, màu hớn hở nghìn tía muôn hồng của những dây hoa xếp quanh cái hòm, mà Mịch đã bước lên, ngồi từ Quỳnh Thôn về đến Hà Nội. Khứu quan của Mịch đã bị kích động dữ dội về những mùi thơm ngào ngạt ở quần áo hai người đàn bà nhan sắc choáng lộn, quần áo kỳ lạ, ngồi kèm hai bên Mịch, tuy vẫn cười đùa với Mịch đấy, nhưng mà Mịch vẫn sợ hãi, kính trọng một cách băn khoăn.

Thật là một giấc mộng.

Bây giờ, tâm hồn đã thư thái, Mịch mới kịp nhìn kỹ gian phòng. Cái giường Mịch ngồi là một thứ giường lạ mắt lùn tìn tịt, ngồi vào y như là ngồi xuống đất, có chăn gối mới, có nệm rất êm. Sau lưng Mịch, một cái gương to bằng cả một cái giường, khiến cho thoạt đầu, lúc mới nhìn vào, Mịch phải tưởng là bên kia cũng có một gian phòng bày biện như thế. Một đôi ngà voi chổng ngược, trấn ngay bộ bàn ghế, cũng lùn tịt ngay ở cửa phòng vào... Trên một cái đàn, một con trĩ đuôi dài, trông như thật, không biết thật hay là giả, do ai làm

khéo đến như thế, cứ nhìn Mịch trừng trừng không thôi. Bốn bức tường thì nào là đĩa cổ, nào là sừng hươu, nào là con dao, cái kiếm... Lại có mấy bức vẽ đàn bà trần truồng trông đến lạ, không biết ai lại đi treo như thế, không biết treo như thế để làm gì.

Nhìn lại sau lưng, Mịch thấy một người đàn bà mặc áo vải rồng, quần lĩnh, đứng lễ phép như chờ Mịch sai bảo, trông giàu có chẳng kém cô con gái ông Chánh hội làng Quỳnh Thôn!

Mịch chợt giật mình, nhưng sau khi thấy ngay rằng áo cánh của mình cũng may bằng lụa, cái khăn chít trên đầu cũng bằng đoạn Vân Nam, cái áo dài lại bằng nhung đen, đôi giầy lại có thêu phượng múa, lại thêm tay có vòng, tai có hoa, cổ nặng trĩu những hạt vàng, nên Mịch yên tâm ngay.

Giữa hoàn cảnh ấy, trong sự trang sức ấy, Mịch không hiểu bỗng đâu nao nao lên sung sướng, hình như Mịch có một thế lực gì với đời rồi vậy.

Rồi Mịch chợt nghĩ đến những nghi lễ của cuộc hôn nhân.

Năm hôm trước đây, người ta đã về Quỳnh Thôn với ba chiếc xe hơi, với mấy nghìn cau, mấy trăm bánh và ba trăm bạc.

Ngày hôm ấy cả làng đã nhao lên rồi.

Hai hôm sau nữa thì trước sân nhà ông Đồ đã có một bọn giai làng ngồi chống rạp. Rồi sáu con lợn theo nhau mà chết để giữ mấy vạn con ruồi của làng Quỳnh Thôn. Dư luận của làng bỗng xoay đổi hẳn.

Những người đã chửi xỏ bà đồ Uẩn một cách hèn mạt nhất, thì lại là những người làm giúp một cách hăng hái nhất. Tuy nhiên cũng có vài ba gia đình mà sự căm hờn đã ngăn không cho đến để nốc rượu và thi hơi. Khốn thay, tuy không đến lấy lệ vậy thôi, chứ thực ra, họ đứng bên ngoài cái rào găng, mà chuyền tay nhau phỗng hàng rá thịt một.

Mịch nghĩ như vậy mà sung sướng, muốn kiêu căng vô cùng... Nhưng mà... hôm đón dâu, chính chàng rể không về, cái bàn thờ tổ tiên chỉ được có Mịch cúi đầu lễ mấy cái. Đám cưới thì long trọng lạ lùng, danh giá lạ lùng, duy có chỗ không thấy chàng rể là đáng bực mình một chút mà thôi. Hình như ông Đồ buồn vì điều ấy lắm. Hình như cả làng bàn tán về chỗ ấy dữ dội lắm... Chả biết có thật không? Trong lúc bối rối cuống quít, Mịch không hiểu gì cả. Để nay mai sẽ hỏi xem sự xảy ra là thế nào... Như vậy thì ra cũng chưa nên kiêu căng vội.

Đương phân vân nghĩ như thế, Mịch chợt thấy có tiếng gót giầy nện vào bậc thang. Đó là người con người vợ trước, tức là cậu cả, con bà cả vậy.

Tú Anh tươi cười đến bên cạnh giường mà rằng:

– Thưa dì, tôi xin kính chào dì.

Mịch đáp rất lễ phép:

– Không dám, lạy ông.

– Ấy chết, tôi đây chỉ là con bà cả, dì đừng gọi thế.

– Vâng.

Mịch đáp thế rồi không biết nên nói năng sao nữa.

Tú Anh lại nói:

– Cái nhà này, từ nay trở đi, là nhà riêng của dì.

– Vâng.

– Phố này là phố Quan Thánh ở Hà Nội.

– Dạ, vâng.

– Dì đừng lấy làm lạ nhé, ấy nhà tôi là như thế. Chồng một nơi, vợ một nơi, bố một nơi, con một nơi, nhưng mà đã có xe hơi thì xa mà cũng là gần.

– Vâng.

– Chờ khi dì mãn nguyệt khai hoa xong, có muốn về trại với thày tôi ở tỉnh trên, thì tùy ý.

– Vâng.

– Rồi ít lâu nữa, tôi sẽ mời ông cụ Đồ, bà cụ Đồ ra đây ở chơi với dì vài tháng cho vui.

– Vâng.

– Dì cứ nằm nghỉ một lát cho đỡ mệt.

– Vâng, được ạ.

Tú Anh đến đây, ngồi xuống một cái ghế, bảo người hầu:

– Con sen!

– Dạ!

– Sao mày không rót nước mời bà xơi?

– Vâng ạ.

– Mày hầu hạ bà phải cho ngoan ngoãn lễ phép.

– Vâng.

Tú Anh quay lại nói với Mịch:

– Nó sẽ làm cơm và hầu hạ dì. Còn tôi, thỉnh thoảng tôi cũng xin đến thăm dì luôn.

– Vâng.

– Tôi cũng xin nói trước cho dì biết tính nết thày tôi, để dì liệu mà chiều chồng. Thày tôi là người nóng nảy lắm, mà hay có tính lỗ mãng một chút.

– Vâng.

– Tuy vậy, thày tôi cũng là người tốt lắm.

– Vâng.

– Còn đối với mẹ tôi, cũng không khó khăn gì, vì mẹ tôi không ở đây, mà ở Hải Phòng, có khi nào gặp nhau dì cứ giữ trọn vẹn cái đạo làm đàn em, cũng đã đủ lắm. Thày tôi ở trên tỉnh đã về đây hôm qua, chắc cũng sắp đến rồi đấy. Hiện giờ có lẽ còn ở hội Khai trí tiến đức vì bận việc.

– Vâng.

– Dì đừng buồn rầu về phần lẽ mọn gì nhé! Nếu có sự gì thì đã có tôi. Tôi xin hết lòng săn sóc...

Vừa nói có đến đấy đã thấy một hồi gót giầy khua rộn lên... Tú Anh ngừng lại, Mịch nhìn ra... Cái ông đã hiếp mình khi xưa, bữa nay trông hình như lại to béo hơn xưa nữa. Mà lại ăn mặc tây! Như thế thì lễ tơ hồng thế nào?

Tú Anh đứng lên, bắt tay Nghị Hách, chìa tay về phía Mịch ra ý giới thiệu, đoạn khoanh tay sau lưng đứng dựa tường mà mỉm cười. Nghị Hách ra vẻ bực mình, gắt con giai bằng mấy câu tiếng tây. Tú Anh cũng đáp lại bằng tiếng tây khiến Mịch phải khó chịu vì không hiểu. Sau cùng Tú Anh bước xuống thang, sau khi bảo con sen cũng xuống theo.

Nghị Hách đứng nhìn Mịch, như một đứa trẻ con lần đầu đứng trước cái chuồng hổ. Lão gật gật cái đầu rồi đến ngồi cạnh Mịch...

Trên tường cái đồng hồ điểm 5 tiếng thánh thót, ngân nga... Lão Nghị đứng lên ra chỗ tường. Tự nhiên thấy tách một cái rồi sáng lóe lên Mịch vừa lạ vừa lóa mắt, lấy tay bưng lên mặt.

– Thẹn à? Vẽ!

Rồi lão lôi tay Mịch xuống. Một lát lại nói:

– Em ạ, thế là mày đã là vợ lẽ tao rồi!

Lão cười, rồi tiếp:

– Trò đời cũng hay thật đấy!

Không thấy vợ lẽ nói gì, Nghị Hách lại ngắm nghía đến trố mắt. Rồi lão đứng lên mà rằng:

– Ồ! Lạ thật!

Mãi đến bấy giờ Mịch mới nói:

– Bẩm làm sao?

Nghị Hách rằng:

– Trông mày hôm nay xấu lắm!

–?...

– Thật thế, cái tối hôm ấy, mày mặc cái váy nâu, chân mày đầy bùn, thế mà mày lại đẹp. Bây giờ mày diện đặc tiểu thư thế này, mà lại không bằng khi xưa? À, thôi phải rồi! Tại bữa ấy mày có khăn mỏ quạ!

Mịch nghe thế thì như thấy người điên lên. Cái lối xưng hô ấy làm cô không chịu được. Lần đầu tiên Mịch cảm thấy đủ mọi sự chua chát về phận lẽ mọn, nhất là lại lấy lẽ nhà giàu.

Nghị Hách lại nói:

– Mày thế mà tốt số đấy, em ạ. Xưa nay tao có định lấy vợ lẽ bao giờ đâu! Cũng may cho mày là con giai tao cứ muốn như thế. Em nên nhớ ơn cậu cả mới được.

– Vâng!

Mịch vâng bằng giọng gắt, để tỏ sự căm hờn... Nhưng chưa đủ thì giờ để Mịch căm hờn thì Nghị Hách đã lại nói:

– Em cứ chịu khó ngoan ngoãn, đừng hỗn láo với bà cả, đừng có ngoại tình, phải, nhất là đừng có ngoại tình, thì rồi ta cũng quí hóa, thì rồi cũng sướng thân. Lấy tao làm lẽ thứ mười cũng còn hơn làm chính thất người khác.

Đoạn lão tần mần lột những cúc áo của Mịch ra. Tự lão, lão cởi cho Mịch cái áo nhung dài, và bỏ vòng hoa, xuyến, hột. Lão ôm xổ lấy Mịch một cái, lại hôn đánh choét một cái. Mịch hãi hùng đẩy mặt lão ra mà rằng:

– Ấy chết! Thế không tế tơ hồng hay sao?

Lão Nghị trố mắt, hỏi:

– Cái gì?

– Bẩm, tế tơ hồng...

– Tế tơ hồng ấy à?

– Chứ gì!

Lão cười sằng sặc một hồi dài mà rằng:

– Tơ hồng! Tơ hồng... ha ha ha ha! Lại còn tế tơ hồng!

Vì quê mùa, cũng hơi kệch cỡm, Mịch lại nói:

– Phải thế cũng như mọi người chứ!

– Ôi chà! Vẽ! Cô dâu về nhà chồng bụng đã to bằng cái thúng, lại còn vẽ tế với lễ! Mày cũng lắm chuyện lắm.

Nói thế xong, lão lại mân mó vợ lẽ, làm đủ những trò của một người mới cưới vợ, vào buổi tối tân hôn.

Mịch giữ lấy tay lão mà rằng:

– Ấy chết, tôi đã có chửa đấy!

Lão Nghị vênh mặt lên mà rằng:

– Biết! Biết! Không có, thì ông cưới làm thèm vào!

Mịch cũng đến lúc nhờn, gắt:

– Ăn nói đến hay thôi!

– Chứ lạ gì! Ấy may mà mày lại có mang đấy. Thế là có phúc lắm đấy.

– Thôi đi! Nõm lắm nữa!

Nghị Hách cười một cách đa dâm mà rằng:

– Ông... ông lại... hiếp cho chuyến nữa bây giờ.

Rồi đứng lên, vươn vai, và sau khi ngáp dài một cái:

– Lạ thật! Hôm hiếp nó thì thế, mà bây giờ nó lấy mình thì thế!

Lão ra ngồi bàn, nhìn mình trong gương một lúc. Sau cùng, lại đến ngồi giường ôm lấy Mịch mà hôn hít một hồi vào khắp mọi chỗ, hai tay cũng thám hiểm khắp mọi chỗ. Trong lúc ấy Mịch nhắm nghiền mắt lại, tưởng tượng Nghị Hách là Long...

Nhưng lão ta vỗ vào bụng vợ bốp một cái, kêu to lên:

– Thế này thì còn nước mẹ gì nữa!

Thế là Nghị Hách, không ân cần được nửa lời, lại tất tả xuống thang. Vài phút sau, tiếng máy xe hơi nổ lên sình sình sình.

Đêm hôm ấy Mịch nằm một mình, nghĩ đến Long, hối hận.

XX

Hầu sáng bưng vào một cái liễn sắt đầy những măng tây, khói lên nghi ngút, mùi thơm đưa ra ngào ngạt... Tuyết õng ẹo hắt đống vỏ hạt dưa ở bàn cho rơi xuống sàn gác lách tách, và đài các phán cho hầu sáng:

– Cái Nị vặn quạt chạy nhanh lên một tí nữa nghe không!

Rồi âu yếm giục Long bằng một cái tát yêu:

– Ăn đi chứ, hở mình?

Long chờ hầu sáng ra hẳn và cửa quầy đã khép hẳn lại, mới ngồi ngay ngắn lên và mắng Tuyết:

– Tôi không bằng lòng cho Tuyết vô ý như thế! Khi có mặt một người thứ ba nữa thì Tuyết phải giữ gìn một chút mới được!

Tuyết cười khanh khách mà rằng:

– Anh ngượng với thằng hầu sáng đấy à? Anh gàn lắm. Những thằng ấy nó có để ý đến khách hàng làm trò gì với nhau bao giờ! Chúng nó cứ tính nhẩm những món ăn đem ra quầy nào, đáng là bao nhiêu, như thế cũng đủ nhọc.

Câu trả lời tự nhiên ấy gieo một mối ngờ vực vào Long. Chàng tự hỏi: "Thế thì con yêu tinh này đã lả lơi với ta là với người đàn ông thứ mấy rồi, để mà kinh nghiệm như thế được?". Rồi Long làm bộ thản nhiên hỏi Tuyết:

– Sao Tuyết dám tin chắc rằng họ không thể để ý đến mình?

Không để ý đến câu hỏi vặn sâu sắc ấy, Tuyết lại nhí nhảnh đáp:

– Suy ra thì biết chứ! Hơi đâu ai để ý đến kẻ khác làm gì, vì người nào có công việc của người ấy. Cũng như tôi chẳng hạn, trong khi tôi chỉ biết công việc tôi là âu yếm mình thì tôi có để ý đến cái thằng hầu sáng là thằng nào đâu!

Long gật gù nhưng vẫn nghi hoặc. Mặt chàng thờ thẫn ra... Trên từng gác thứ ba của hiệu cao lâu Thiên Châu, bữa ấy đông khách quá;

tiếng đàn sáo ở phòng âm nhạc, tiếng hò hét của hầu sáng, tiếng bài mạt chược chạm nhau loảng xoảng loạn xạ lên. Tuy ngồi với người yêu trong một cái quầy kín đáo rồi, mà Long vẫn phải bứt rứt khó chịu như chung quanh chàng có tiếng kêu cháy, kêu cướp gì vậy!

Nhưng Long không được khó chịu nữa, vì Tuyết đã ngoan ngoãn múc đầy măng vào bát của chàng, rồi lại đưa một thìa lên miệng chàng một cách đáng yêu. Môi dưới của Tuyết dẩu ra, mắt Tuyết đằm thắm nhìn Long, hai ngón tay ở bàn tay trái của Tuyết nhẹ nhàng đỡ lấy cằm của Long – nghĩa là Tuyết có những cử chỉ của một vú nuôi cho em bé ăn vậy. Long cứ thản nhiên hưởng sự nâng niu ấy, trong bụng không khỏi thấy buồn cười...

Tuyết xúc hai ba lần cho người yêu như thế rồi ngừng tay, cau mặt mà rằng:

– Ồ! Khỉ quá! Cái bàn này rộng quá! Mình sang đây đi, sang đây ngồi cạnh tôi cho chúng ta được gần gụi nhau một chút nữa!

Long nghe theo, đến ngồi cái ghế bên cạnh Tuyết thì Tuyết quàng cổ chàng, rất sung sướng, lại nói:

– Ừ! Như thế này có phải hơn không?

Anh hầu sáng khách tự nhiên mở cửa quầy dẫn xác vào, tay bưng một đĩa con bột hạt cải trộn với tương ớt. Không chút e lệ, Tuyết vẫn giữ nguyên dáng điệu cũ, hỏi Long:

– Thế mình thích những món gì thì bảo ngay đi cho kịp.

Long uể oải đáp:

– Tùy đấy.

– Sao lại tùy!

– Tôi không thấy đói mấy.

– Vẫn biết thế! Vẫn biết chúng ta vào đây cốt nhất là chuyện trò với nhau mà thôi, chứ tôi, tôi cũng không đói. Nhưng mà ít ra cũng phải ăn uống cái gì cho nó xứng đáng, lúc đi ra cũng phải trả vài ba đồng bạc thì mới trông được.

– Mình gọi món gì thì gọi.

– Tôi gọi sợ không hợp ý mình chăng?

– Tuyết cứ việc gọi, vì món nào đã do Tuyết gọi, thì ắt là tôi ăn phải thấy ngon.

Tuyết phán mấy món cho hầu sáng. Cửa quầy sập lại rồi. Tuyết vội chùi mồm vào giấy bản và thưởng Long bằng một cái hôn rất kêu vào má. Rồi nói:

– Chao ôi! Mình nói có một câu mà làm tôi sướng quá đi mất!

Long nghiêm mặt nói, như người cực kỳ chán đời:

– Ái tình là như thế đó! Một cử chỉ rất nhỏ mọn, một cử chỉ vô nghĩa lý, cũng đủ gây nên ái tình. Những khi người ta yêu là vì người ta mù lòa, là vì người ta không tự hỏi vì lẽ gì mà yêu. Bởi thế cho nên một cử chỉ vô nghĩa lý lại cũng có thể phá tan được ái tình. Do thế mà ái tình là điều mỏng mảnh, chóng hỏng, dễ vỡ.

– Sao mình lại nói những câu chán đời như thế?

– Tôi nói thế là vì tôi nghĩ thế.

Long đáp vậy qua một cái chép miệng rồi không nói gì thêm. Chàng tự hỏi một cách chán nản: "Ô hay! Sao ta lại khổ đến thế này? Sao ta lại không còn đủ một chút tàn lực để yêu như xưa? Hay là ta đã yêu Mịch quá? Hay là lòng người nó dễ hiểu như những bậc triết nhân đã nói: "Khi người ta đã yêu một bận rồi thì đến lần thứ nhì, người ta không thể yêu như trước được"? Long nghĩ thế thì nhớ ngay đến Mịch. Sự thật thì đã mấy tháng nay rồi, chàng không còn tơ vương gì đến Mịch nữa, không lúc nào chàng buồn nghĩ đến Mịch nữa, quả thật như vậy! Thế mà lúc này Long vẫn buồn rầu thì tại làm sao?

Chàng quay lại ngắm nghía Tuyết, lúc ấy, ngồi khoanh tay thẫn thờ, chỉ vì một câu nói chán nản của Long mà cũng không buồn ăn uống gì nữa. Cái khuôn mặt trái xoan tuyệt phẩm ấy, cặp mắt viền lông mi rất dài mà lòng trắng thì xanh như da trời, và lòng đen như gỗ mun ấy, cái miệng xinh đẹp, rất tươi, mà môi trên như cánh vòng cung, mà môi dưới thuôn thuôn như một nét vẽ ấy, khiến cho Long ngạc nhiên như mới ngắm nghía Tuyết lần đầu! Chàng rất lạ lùng rằng sao bây giờ mới ngắm kỹ Tuyết, mãi đến bây giờ sao cái đẹp của Tuyết mới hiện ra một cách hoàn toàn, đầy đủ, choáng lộn như thế. Với mớ tóc trần vấn một cách khéo léo, với bộ y phục tân thời mà những đường khâu, đường viền tỏ ra vẻ kín đáo, sự sang trọng, với cái thân thể mảnh dẻ một cách khỏe mạnh, Tuyết hiện ra trước mắt chàng một trang tuyệt thế giai nhân... Người yêu của một tuyệt thế giai nhân! Sự nhũn nhặn của Long bắt chàng bình sinh không

dám mơ màng đến thế. Ngày nay sự ấy đã thực hiện, cái cuộc tình ái ấy có thể khiến cho bao nhiêu thiếu niên khác phải thèm rỏ rãi, vậy mà Long cũng không do đó mà sung sướng được, là nghĩa thế nào? Long thở dài một cái, chợt nghĩ đến một tư tưởng của Anatole France[1] : Hạnh phúc là một điều gì đó mà chúng ta không biết được.

Rồi Long ái ngại ngồi xuống cạnh Tuyết, khẽ để một cái hôn trên trán Tuyết mà rằng:

– Tôi yêu Tuyết lắm, lắm lắm! Tuyết ơi! Tuyết biết rõ sao được cái lòng tôi yêu Tuyết nó đến bực nào?

Hoài nghi, Tuyết đáp:

– Không biết tôi có nên tin lời nói ấy không?

– Ấy tôi cứ nói thế, còn tin hay không, cái đó tùy...

Long ngoài miệng tuy cứng cỏi như vậy song trong lòng cũng lấy làm hổ thẹn, vì những lời ân ái ấy chẳng phải tự đáy lòng thốt ra. Long đã nói vì muốn lấy lòng Tuyết, vì muốn Tuyết khỏi buồn, vì muốn bữa tiệc cứ vui vẻ. Chàng cho mình là khốn nạn, khi có Mịch thì lại màng tưởng đến Tuyết, mà khi đã mất Mịch và được Tuyết rồi, thì lại thờ ơ... Long lo lắng phân vân nghĩ không khéo dễ mà chàng chính là người tạo hóa sinh ra đời để mà suốt đời bạc tình, để mà đóng một vai hề ngốc dại, lúc lớp màn đầu mở lên thì thả mồi bắt bóng và lớp màn cuối cùng hạ xuống thì không tìm được hạnh phúc, hay là không tìm được cái nghĩa lý cho cuộc sống còn nữa. Nghĩ như vậy, sợ mình đã trái, Long bất giác lại muốn yêu Tuyết vô cùng. Nhưng ngay lúc ấy, chẳng may Tuyết lại đi kể lể:

– Thôi, chẳng qua là tôi yêu anh quá, nên anh coi thường tôi, rẻ rúng tôi. Anh nên biết rằng nếu tôi muốn sung sướng vì một người chồng thì không phải tôi không lấy được chồng, hoặc là nếu tôi muốn sung sướng vì tình thì tôi cũng chẳng thiếu người yêu. Cứ như gia thế nhà tôi, sao tôi không lấy được người chồng làm đốc tờ, đỗ cử nhân, làm giáo sư, làm thày kiện? Thế mà tôi đi yêu anh! Tại sao? Vì anh bảo là anh yêu tôi! Thế rồi tôi không giữ gìn gì nữa! Nhất là anh lại bảo anh cả tôi, cũng muốn cho anh làm em rể anh ấy! Bây giờ, anh nói vài câu với tôi cũng đã rõ cái bụng dạ của anh đối với tôi ra sao rồi! Anh kêu chưa yêu ai cả, là nói dối. Chắc anh đã thất vọng vì tình rồi, thì mới nói như thế. Thì ra tôi bị mắc lừa!

---

1. Đọc là Anatôn Phơrăngxơ.

Long tuy cũng lộn ruột về sự suy bì gia thế, cũng cố nén giận, vỗ vào lưng Tuyết mấy cái rồi nói:

– Tuyết ơi, việc đời và lòng người không giản dị như em đoán đâu, Tuyết ạ. Nhưng thôi, nghĩ ngợi làm gì cho phiền! Ta nên nhắm mắt lại mà yêu nhau.

– Tôi hiểu rồi, vì chính tôi, tôi đi tìm anh nhiều quá, cho nên anh nghi tôi, có phải thế không?

– Có lẽ...

– Em xin thú thật với anh rằng tuy em tự do thật đấy, nhưng em chưa yêu ai bao giờ cả. Anh là người thứ nhất...

Long cười nhạt:

– Đây này, nếu việc trăm năm của chúng ta mà không thành, mai sau em có người yêu nào khác, thì em lại nói với người ta như bây giờ em nói với anh! Người ấy sẽ cũng vẫn còn là người yêu thứ nhất của em! Không hơn không kém...

– Trừ khi đã trải đời lắm rồi, thì mới đa nghi như anh.

– Có lẽ...

– Sự thật thế nào tôi nói thế, còn tin hay không là quyền anh.

– Tôi phải tin chứ! Nếu tôi không tin mình thì tôi khổ lắm. Sự hoài nghi chỉ làm cho ta khốn khổ chứ có đẻ ra hạnh phúc bao giờ! Tôi yêu Tuyết lắm, tôi tin Tuyết lắm. Thế mình bằng lòng chưa?

– Thôi đi, ăn đi!

Long đứng lên, đi đi lại lại, cầm tăm xỉa răng, và đứng dừng trước gương. Chàng ngắm bộ âu phục chải chuốt của mình mà thấy khôi hài vô cùng. Cả một đoạn đời niên thiếu của Long lại hiện ra trong trí nhớ: nhà hội Bảo anh, những cuộc đi chơi hàng lũ, một ông bố hờ, cô Mịch, ông Nghị Hách, những cuộc ghen giận, những nỗi đau thương...

Bốn tháng qua...

Bây giờ đã là mùa hè, mùa hè với hoa xoan tây đỏ ửng, với tiếng tu hú kêu gay gắt, với giọng ve sầu dịp dàng nhặt khoan... Thị Mịch làm vợ Nghị Hách, Tuyết là vị hôn thê của chàng!

Sự đời y như một giấc mộng.

Đã thế thì, âu là chàng sẽ liều nhắm mắt đưa chân... Chàng sẽ

can đảm chịu những tai họa, vui vẻ, hưởng những cuộc hảo biến, không nghĩ ngợi gì nữa mặc cho con Tạo xoay vần...

Long quay về hôn hít ôm ấp Tuyết.

– Chiều nay Tuyết về Cảng?

– Chiều hay sáng mai cũng được.

– Thôi, về ngay chiều nay đi.

– Sao thế?

– Tôi chỉ sợ quyến luyến nhau quá, anh cả biết thì tôi mang tiếng.

– Mình nói phải đấy!

– Anh ấy biết thì em sẽ bị mắng mà tôi sẽ bị khinh.

– Thế nay mai, thế nào mình cũng xuống nhá!

– Ừ.

– Mình chậm xuống, thì ắt tôi phải đâm bổ lên tìm mình.

– Sao thế?

– Nhớ lắm...

Ngay lúc ấy có ba tiếng gõ vào cửa quầy. Long cũng giật mình, vội bước ra. Người gõ cửa là một ông già độ ngoài năm chục tuổi, vận âu phục, quần áo bằng vải vàng, đầu đội mũ dạ, chân đi giầy đen, trông có vẻ giang hồ khí phách, đáng trọng và cũng đáng đề phòng lắm. Râu ria không dài, không ngắn, hãy còn đen. Hai con mắt rất tinh tường, lưỡng quyền cao, địa các nở, một đường gân xanh chạy dọc qua trán, tinh thần hãy còn quắc thước, miệng cười tươi.

Long hỏi:

– Cụ muốn gì?

Ông già thủng thẳng đáp:

– Tôi muốn gặp cậu.

– Xin lỗi cụ, tôi không được biết cụ...

– Nhưng mà tôi biết cậu. Cậu là cậu Long, có phải không?

– Bẩm vâng, rước cụ vào trong này.

Long kéo ghế cho ông lão ngồi rồi đưa mắt cho Tuyết. Tuyết đứng lên chào lễ phép lắm. Ông già lại hỏi:

– Cô là em gái ông Tú Anh có phải không?

Long và Tuyết nhìn nhau, rất sợ hãi. Hầu sáng lúc ấy lễ mễ mang mấy bát thức ăn vào, Long mời ông già:

– Bẩm xin cụ góp với cháu vài chén rượu.

– Cảm ơn cậu, tôi không ăn... Tôi cần nói với cậu ba câu thôi, rồi tôi đi.

– Bẩm cụ, cháu trót quên mất, vậy cụ quí tính là gì?

– Cậu không thể biết tôi là ai được, vì lần này là lần đầu cậu gặp tôi...

Long ngạc nhiên hết sức, không biết ông già này là người thế nào, định giở những trò gì, hay lại là quân lừa đảo gì chăng... Chàng chưa kịp hoài nghi, ông già lại nói:

– Tôi biết bố mẹ cậu hiện giờ còn sống hay đã chết, cậu là con cái nhà ai nữa.

– Dạ...

– Trong ba tháng nữa thì cậu sẽ gặp mặt bố mẹ của cậu.

– Thật vậy? Giời ơi, thế ra bố mẹ tôi còn sống!

– Phải, còn sống, mà lại giàu có nữa!

– Giời ơi, thế thì sung sướng biết bao! Tuyết ơi!

– Tuy vậy, chưa chắc cậu đã sung sướng.

– Thưa cụ, thế cụ có làm thế nào cho tôi được gặp ngay không? Cụ sẽ làm cho bố mẹ tôi được gặp tôi?

– Phải, mà tôi sẽ giảng cho cậu những điều bí mật của cuộc đời cậu nữa. Nhưng mà cậu phải hứa với tôi hai điều...

– Xin cụ cứ dạy.

– Một là cậu sẽ trái lời cậu Tú Anh. Cậu Tú Anh có nhờ cậu làm một việc gì thì cậu đã rõ, vậy cậu phải chối từ đi. Đó là một. Còn điều nữa là: từ nay trở đi, dù gặp tôi ở đâu, cậu cũng không được hỏi gì tôi cả, cậu không được nói gì đến việc tôi làm cả, mãi cho đến lúc bố mẹ cậu gặp mặt cậu. Thôi, tôi đi đây. Chào cậu, chào cô.

Nói xong ông cụ đi ra. Long chạy theo:

– Cụ ơi cụ!

Ông già nghiêm mặt giơ ngón tay trỏ trước mũi Long mà rằng:

– Ngay từ bây giờ không được nói gì cả! Không được hỏi gì cả!

XXI

Sáng sớm hôm ấy, một ngày hè mây trời quang đãng, trong sân *Tiểu Vạn trường thành,* có tám chiếc xe hơi... Mỗi năm hai kỳ, ấp phải đón tiếp sự tấp nập, là vì mỗi năm hai kỳ, việc doanh thương của ông dân biểu Tạ Đình Hách được đem ra tính sổ.

Trong phòng khách đợi, lúc ấy có ngót hai chục người ngồi chờ được tiếp, bọn người mà bề ngoài đủ tỏ ra vẻ doanh nghiệp, vẻ sắc sảo, vẻ gian hùng, ở những cái mũ cát két, ở những đôi giầy ống, ở những cái kính cặp, ở những cái răng vàng, ở cái máy chữ xách được, ở cái cặp da to kếch sù, ở cái ống đựng nước giữ được nóng, lạnh trong 21 giờ v.v... Bọn này thuộc vào lớp người mà do ai, xã hội được hoạt động, trông vào đâu, cũng thấy danh lợi, sống lên trên những cuộc tai họa hoặc những sự may mắn của người đời. Trước mắt bậc triết nhân hiền giả, họ là bọn sài lang, mà đối với gia đình của họ, thì họ là những bậc can trường lỗi lạc.

Trong bọn ấy, có anh coi đời như canh bạc lớn, làm việc thiện là để quảng cáo cho mình, làm điều ác mà bắt mọi người phải nhớ ơn, đọc đủ các loại báo chí mà không biết gì về văn chương mỹ thuật, tủ sách đầy những tập kỷ yếu các hội ái hữu, nhưng kỳ chung thật không có ai là bạn trên đời, cầm đến tờ nhật trình chỉ xem tin thương trường, tin gọi thầu, các đạo Nghị định, tin xuất cảng, nhập cảng, đã từng chủ tọa những cuộc ban giải văn chương, mà chưa hề đọc hết một cuốn tiểu thuyết. Lại có anh vừa cổ động kịch liệt cho hội Phật giáo, lại vừa xây hàng dãy nhà săm, thấy tin ở đâu bị lụt là lập tức hô hào mở cuộc lạc quyên, để đi cân gạo, thấy tin ông Tổng trưởng thuộc địa qua chơi, là viết ngay một bài báo than phiền về nạn hiếu danh và lên kể công doanh thương với quan đầu tỉnh, coi đời là một sự vô nghĩa lý, nhưng đầy tớ đánh vỡ một cái bát cũng bắt đền năm xu, giữa đám đông người thì cả mồm chửi những người tàn ác buôn đồng loại, nhưng ngồi một mình thì lại ca tụng mình đã làm được một việc tàn ác một cách có mỹ thuật. Có anh nữa, đã bị cáo trước vành móng ngựa hàng chục lần, mà vẫn chưa biết ông biện lý ngồi ở chỗ nào, vào đâu cũng khoe mình giỏi pháp luật, khai ở sở Liêm phóng là vô nghề nghiệp nhưng, thực ra, không còn nghề gì là không làm, ban đêm đi tiêm thuốc phiện cho người quý quốc, ban ngày đi đòi tiền hộ các sở nặc nô, làm chủ đã ba bốn tiệm khiêu vũ,

mà đánh con gái đến hộc máu về tội ăn mặc tân thời, cho vay lãi mười lăm phân thì xót xa, vì đã quá hy sinh cho đời, mà đem vi thành quan trên bạc nghìn, vì đã được cái cửu phẩm còn sợ mình là bội bạc. Lại có anh vừa là chủ hiệu xe đám ma, vừa là chủ dược phòng, bán tem cho hội bài trừ bệnh lao, lại bán cả thuốc lào mốc, chiếm kỷ lục về sự vô học, nhưng lại gọi ông Quỳnh, ông Vĩnh là thằng, ấy vậy mà khóe làm tiền, những cách đầu cơ, những ngón lợi dụng, thì lại cừ hơn những kẻ có bằng thương mại chuyên môn... Nói tóm lại một câu, bọn người này là những mẫu hàng đặc biệt của công giới, và thương giới.

Bọn ấy đều hoặc là bạn hàng, hoặc là vây cánh, hoặc là tay sai của Nghị Hách cả. Người thì lên xin thầu một dãy nhà, kẻ mong điều đình xong một tờ giao kèo, anh thì muốn bán lại một cái mỏ, anh thì đến yêu cầu một sở đại lý độc quyền, anh thì đến bán một ít cổ phần của một công ty đương tổ chức lại, hoặc sắp tan...

Trong phòng giấy, nghiệp chủ Tạ Đình Hách, bảo người thư ký riêng:

– Anh ra xin lấy một lượt danh thiếp đã.

Rồi lại hỏi người loong toong:

– Chưa thấy ai ở Quảng Yên về à?

Người loong toong đáp:

– Bẩm chỉ mới có hai ông ở Hải Phòng và ở Hà Nội về trình sổ sách...

– Còn thì toàn là lạ mặt cả?

– Bẩm chỉ có một người có tuổi là lạ mặt, còn thì phần đông đều đã có lên đây một vài lần.

– Một người có tuổi?

– Vâng.

– Ai thế nhỉ?

– Bẩm, con không biết, vì chưa lên đây lần nào cả?

– Đi chiếc xe mác gì?

– Bẩm không có xe hơi.

– Quần áo thế nào?

– Quần áo tây vải vàng.

– Muốn hỏi gì?

– Bẩm muốn hỏi quan lớn.

Người thư ký mang vào một cái khay đầy những danh thiếp và nói:

– Bẩm lại có một ông Tây vừa lên bằng xe hơi, kêu muốn được tiếp trước cả.

Nghị Hách mân mê cái danh thiếp trong tay, nghĩ một lúc rồi bảo người loong toong:

– Anh ra thưa với các ông rằng đường sá xa xôi, ông chủ tôi có lưu các ông ở lại xơi bữa cơm trưa, xin các ông thuận cho.

Rồi quay lại người thư ký:

– Trong khi ấy, thì anh ra mời người Tây này vào trước.

Mấy phút sau, người Tây được dẫn vào. Người này, đã cao tuổi, nói tiếng Việt Nam rất thông, xem chừng đã ở thuộc địa này ít ra vài ba mươi năm.

– Tôi muốn ông Nghị nói cho hiểu rằng khóa này ông có ra tranh cử nữa không...

Nghị Hách nghĩ mãi mới đáp:

– Điều ấy tôi cũng chưa quyết định.

– Nếu ngài ra tranh cử, thì nên quyết định ngay đi vì chỉ còn hai tháng.

– Vâng, nhưng vì công việc doanh thương của tôi dạo này bận rộn lắm, có lẽ khóa này tôi thôi.

Người Tây trợn tròn hai mắt:

– Ngài thôi? Ngài nói?

– Phải, có lẽ tôi thôi.

– Ngài thôi vì công việc ngài đương tiến bộ?

– Vâng.

Người Tây cười nhạt một hồi rồi khẽ nói:

– Ngài nên nói vì ngài đầy túi rồi thì hơn.

Nghị Hách đứng lên nghiêm trang mà rằng:

– Tôi xin thề với ông rằng, tuy chính phủ có cho tôi hai trăm mẫu đồn điền thật, nhưng tôi mất theo vào cái ấy có đến sáu vạn bạc, mà vẫn chưa thu về một xu nào cả!

– Không phải vì thế mà ngài không thay mặt dân nữa.

– Vả lại, tôi cũng không giúp ích được dân điều gì.

Người Tây lại cười gằn một hồi lâu, rồi ghé vào tai Nghị Hách:

– Khi mình làm nghị viên thì người ta hãy nghĩ cách giúp ích cho mình trước đã.

Nghị Hách cũng cười trừ, và chìa tay ra bắt tay người Tây, sau khi nháy mắt mấy cái một cách ranh mãnh. Rồi tiếp:

– Tôi hỏi thật ông rằng: nếu tôi ra tranh cử nữa, thì có lợi hại gì cho ông không?

– Tôi cũng xin nói thật ngay rằng nếu ông tranh cử nữa, thì cả đôi ta sẽ cùng có lợi.

– Xin ông cắt nghĩa kỹ...

– Trước hết, tôi hãy nói cho ông biết rằng cách đây vài năm, tôi còn là một ông cai trị...

– Vâng.

– Tôi có cả Bắc đẩu bội tinh người ấy nói xong trỏ lên ve áo.

– Vâng, tôi đã rõ lắm...

– Thế nghĩa là tôi quen thuộc nhiều người quyền thế lắm. Trong khi tôi còn làm quan cai trị thì tôi đã để ý đến việc doanh thương rồi. Hiện giờ, tôi làm đại biểu cho một hội lý tài mới lập bên Pháp, vốn liếng có hai mươi triệu phật lăng, được hội cử đi tìm một việc gì có lợi. Tôi đã tìm ra được một cái độc quyền, là cái độc quyền nước mắm. Muốn đạt tới mục đích thì phải có vây cánh cho nên tôi muốn tìm ông.

– Vâng.

– Ông thử nghĩ xem? Một cái độc quyền nước mắm ở Bắc Kỳ và ở Trung Kỳ thì phải là một việc lợi lắm chứ?

– Phải, phải.

– Vậy thì năm trăm cổ phần để dành cho ông đó, nếu ông giúp tôi được việc.

– Tôi sẽ phải hành động thế nào?

– Ông sẽ tranh cử dân biểu, ông sẽ phải trúng cử cả ghế nghị trưởng nữa, để mà lên Đại hội nghị kinh tế.

Có tiếng gõ cửa. Nghị Hách quát

– Không vào được!

Rồi ngồi thừ ra ngẫm nghĩ. Hồi lâu mới nói:

– Chỉ sợ không đủ tài hùng biện...

– Đã có người khác hùng biện.

– Thế thì tôi phải làm gì?

– Ông sẽ bỏ phiếu tín nhiệm một ủy ban vệ sinh cử đi xét nước mắm. Và ông sẽ ngồi im, không nói gì cả, không cãi gì cả, khi nào có một hội viên Pháp đem vấn đề nước mắm ra chất vấn chính phủ tại hội nghị.

– Chỉ có thế?

– Phải, mà có thế cũng đã nhiều lắm.

– Tôi hỏi thẳng thế này nhé: thế trong cuộc tranh cử ghế nghị trưởng thì liệu hội ông có thể giúp đỡ gì được tôi không?

– Chúng tôi sẽ giúp đỡ ông về phương diện tinh thần.

– Còn tiền tranh cử thì tôi phải bỏ ra?

– Phải, ta nên giao hẹn nhau đích xác như thế.

Nghị Hách ngồi thừ ra một lúc lâu mới tiếp:

– Như vậy thì khó khăn lắm.

Nhưng người Tây đứng lên, nghiêm trang mà rằng:

– Việc đời không bao giờ dễ cả. Tôi xin nói thẳng ngay rằng mỗi một cổ phần giá là hai nghìn phật lăng. Vậy thì năm trăm cổ phần về tay ông là bao nhiêu! Mà cái số lãi đồng niên sẽ là bao nhiêu? Ông nghĩ kỹ mà xem! Lãi nước mắm, cả Trung Kỳ lẫn Bắc Kỳ!

– Ông nói có lý lắm.

Người Tây vỗ vai Nghị Hách, nói khẽ:

– Vả lại, cái ghế nghị trưởng cũng dắt đến cái mề đay Bắc đẩu...

– Tôi chỉ sợ không tranh nổi cái ghế nghị trưởng, sẽ có năm bảy tờ báo chửi tôi là vô học...

Người Tây có vẻ cáu kỉnh mà rằng:

– Những đứa nào chê ông là vô học thì ông sẽ lấy giấy bạc dán vào mồm nó cho nó câm đi! Còn báo chí thì sợ gì? Ông chỉ việc ký vài cái ngân phiếu cho mấy thằng chủ báo! Tôi sẽ đi điều đình với ông! Ngoài ra, tôi cũng có mấy cơ quan ngôn luận bằng Pháp văn,

sẵn sàng chửi cái anh nghị trưởng cũ là phản quốc, là tư bản, là bán đồng loại, rồi kia mà!

– Những cơ quan ấy sẽ ca tụng tôi?

Người Tây cả cười:

– Ông thật thà quá! Những cơ quan của tôi mua được vào dịp tranh cử sẽ không ca tụng ông, mà còn công kích ông kịch liệt! Tôi sẽ thảo cho ông một chương trình cải cách vĩ đại về xã hội. Ông sẽ đòi quyền cho hạng lao động, cho nông dân... Những tờ báo kia sẽ chửi ông là cách mệnh... là cộng sản... Rồi còn mấy tờ nhật báo đăng tin chó chết, sẽ trích đăng những bài mà mấy tờ báo Tây chửi ông! Với cái lối sinh động như thế thì chức nghị trưởng, ông lấy dễ như bỡn vậy.

– Nếu đúng được thế thì hay lắm.

– Vậy ông có bằng lòng ra tranh cử nữa không?

– Đã thế, thì tôi phải ra nữa.

– Với cái chức nghị trưởng, ông còn làm được nhiều việc lợi khác.

– Có lẽ lắm.

– Vậy hứa đi. Ta nên lấy danh dự mà thề với nhau đi...

Tôi xin thề.

– Thôi, thế tôi tạm biệt ông. Ta sẽ gặp nhau luôn. Tôi phải về Hội quán Hà Nội, chiêu tập một kỳ hội đồng bất thường để bàn cách làm việc.

– Vâng.

– Ông cũng nên nghĩ ngay mọi cách làm việc. Kính chào ông.

– Chào ông!

Người Tây ra, Nghị Hách cũng ra theo, tiễn chân đến cửa ấp. Chiếc xe hơi chạy rồi, Nghị Hách quay lại phòng khách đợi, tươi cười tay bắt mặt mừng, chào hỏi cả một lượt. Khi bắt tay đến một ông già là người được hỏi đến sau cùng, thì Nghị Hách có vẻ ngạc nhiên đứng ngẩn người ra ngẫm nghĩ rất lâu.

– Quái lạ! Trông ông này giống ai mà tôi không nhớ nữa!

Ông già cười ha hả, nói:

– Vâng, đã hai mươi nhăm năm nay rồi!

– Ông là ai nhỉ?

– Một người bạn cũ của quan lớn... đã quên đi mất.

Nghe đến đấy Nghị Hách chợt giật mình, cũng muốn cáu kỉnh lắm, vội phải len môi dưới vào hai hàm răng mà cắn chặt để nén sự bức tức. Một người bạn cũ mà đến với mình, khi mình đã giàu có, thì không khi nào là một điềm tốt, nên Nghị Hách hỏi một cách cũng hơi xẵng:

– Thế thì ông là ai?

– Bẩm tôi là bạn với ngài, từ lúc ngài còn hàn vi... Nói ra vị tất ngài đã nhớ được, mà nói thì phải dài dòng lắm.

Thấy ông "bạn cũ" thản nhiên như thế, nghị Hách cũng vội dịu giọng:

– Tôi vẫn chưa nhớ ra được bác là ai đấy!

– Vâng, hơn hai mươi năm nay rồi còn gì!

– Thế bác lên thăm tôi hay có công việc gì không?

– Vừa thăm, và vừa có việc nữa.

– Bác có vội không?

– Tôi không vội chút nào.

– Bác có thể ở đây lâu được?

– Có thể ở vài ba tháng cũng được.

Nghị Hách tuy ngạc nhiên, nhưng cũng gật gù:

– Thế thì may lắm.

– Vâng!

– Bác cho phép tôi hãy tiếp những ông này đã, vì phần nhiều là có việc vội cả.

– Được ạ.

– Thế thì phiền bác đợi tôi ít lâu nhé!

– Trong lúc ấy, tôi muốn bác cho một người nhà đưa tôi đi xem cái sinh phần. Tôi lên đây đã hai hôm. Cả buổi chiều hôm qua, tôi đã lên ngọn đồi bên kia ngắm nghía và xem mạch đất... Tôi thấy rằng cái ông thầy địa lý nào, đã tìm cho bác chỗ đất ấy, thì hoặc là muốn phản bác, hoặc là không hiểu tí gì về địa lý cả.

Nghị Hách bảo người loong toong:

– Anh tìm thằng Xuân, bảo nó đưa cụ đi xem sinh phần.

Rồi đứng nhìn người bạn cũ để cố nhớ xem, xưa kia đã quen thuộc ở đâu... Cái mắt quắc thước, hai con mắt tinh thần vô cùng, lưỡng quyền cao, địa các nở, một đường gân xanh to như cái đũa chạy dọc qua trán, lại thêm ba chòm râu... Một bộ quần áo vải vàng, dáng người thật khó đoán lạ, khó nhớ lạ!

Nghị Hách thở dài nói:

– Tôi vẫn chưa nhận ra được bác là ai đấy!

Ông già mỉm cười:

– Tôi giúp việc bác xong, rồi mới nói lại chuyện cũ, thì cũng không muộn.

Thằng Xuân chạy đến thì Nghị Hách bảo:

– Mày dẫn cụ đi xem vườn.

Rồi quay lại tiếp những người khác.

XXII

Mịch oán giận mẹ, căm tức bố, khinh bỉ anh, và nhớ Long.

Trong khi khâu vá, vì không để hết được trí vào việc nên Mịch đã để lỗi kim, lỗi chỉ, nhầm lẫn đủ thứ, đến nỗi có hai cái yếm rãi cũng phải khâu mất bốn ngày. Bây giờ đến cái áo thì Mịch lại viền lộn và cạp trái!...

Bực mình, ném cái vạch xuống sàn gác, vứt cả thúng khâu đấy, Mịch đứng lên, thừ người ra, Mịch ra bao lan nhìn xuống phố cho khuây khỏa.

Sáng hôm ấy, một buổi sáng chủ nhật, lại mát trời. Phố xá đầy người và xe tấp nập. Những cặp vợ chồng, những cặp giai gái diện những bộ áo lòe loẹt nhan nhản trong xe điện, trên xe cao su, trên vỉa hè, người nào cũng có bộ mặt hớn hở công nhận rằng đời là tốt đẹp, là đáng sống, là đầy những ánh sáng và hi vọng... Trông người, chạnh nghĩ đến niềm riêng, Mịch xót xa thấy rằng đối với mình, cuộc đời đến như thế là hết, thật là hết. Không bao giờ Mịch còn hi vọng có được lấy một ngày vui. Long, thời gian sắp sửa lấy Long, những câu ân ái buổi xưa, những điều mơ màng bình dị với Long, những sự ấy, ngày nay chỉ còn là những vết tích đã phôi pha của một giấc ác mộng... Tuy vẫn không quên là mình chưa hai mươi tuổi, Mịch cũng

thấy như mình đã già. Những sự yêu đương nhau của hạng vợ chồng trẻ là không khi nào Mịch còn được hưởng, vì rằng chồng của Mịch là một ông chồng già, vậy mà cũng chưa hề có quay lại lần thứ nhì, kể từ sau tối tân hôn. Mịch ngạc nhiên ở chỗ chính mình, mình cũng có thể vô tình đến nỗi coi chồng như chết mất rồi; coi mình như một quả phụ được hưởng cơ nghiệp của chồng để lại, và coi đứa con trong bụng là một đứa trẻ xấu số, đến nỗi mồ côi bố ngay từ lúc chỉ mới là một cái bào thai! Lắm khi đã bồn chồn tự hỏi: Ta cứ sống mãi như thế à? Lắm khi phải cố nhớ lại những phút đau thương ân ái đã sống chung với Long để mà có thể nhớ được Long, thương được Long, và căm giận được Long, rồi khóc một mình, ướt lã chã cả gối. Những khi thấy Long, là không thể yêu được nữa – dù là cái yêu âm thầm, dù là mối tình u ẩn tuyệt vọng trong đáy lòng – thì Mịch lại mơ mộng đến những người lạ mặt, những người qua đường, những người một bữa chủ nhật, hay một buổi mát trời, đã dun dủi cho lai vãng qua nhà Mịch để ngước cặp mắt lên bao lan nhìn Mịch trong hai phút và đã làm cho Mịch cũng phải nhìn xuống, quay đi, và nhìn trộm theo... Những hình ảnh thoáng qua ấy, có đủ sức huyễn hoặc kỳ khôi, làm cho Mịch phải tưởng đến, ôn lại, cố lục tìm trong trí nhớ, để chạy theo một cái ảo tưởng mà luân lý ngăn cấm, để ngoại tình bằng tinh thần, làm một việc khoái lạc, mà người ngoài không biết được.

Cái phương châm rất thông thường ấy, đã đến với Mịch cũng như đã đến với trăm nghìn người khác, những người cam bề lẽ mọn ngoài mặt, mà đầy những tư tưởng thương thân tủi phận cho đáy lòng, những người khát yêu. Mịch đã cho mình là phải, là cao thượng, là làm những việc chính đáng, những khi có tư tưởng bất chính. Cho nên một buổi chiều, chỉ cần có một người khách qua đường nhìn thấy Mịch, là đủ cho đêm ấy, Mịch được cái sung sướng, bài trí trong óc một cảnh hạnh phúc gia đình với khách qua đường ấy, một cảnh trong đó có đủ: những sự ôm ẵm, mơn trớn... nâng niu... Từ khi lấy chồng đến nay, đã ba bốn tháng, thì là đã luôn trong ba bốn tháng, Mịch đã ngoại tình bằng tinh thần, đã lừa chồng với hàng trăm nghìn người, những người qua đường... Sự phản phúc trong ấy thật đã là hoàn toàn, thật đã là đầy đủ, đủ cho một sự tình cờ nhỏ mọn cũng có thể gây ra một cuộc lừa dối rành rọt bằng xác thịt nữa. Mịch sẽ lừa dối chồng cả phần hồn và phần xác... Và như vậy thì là một sự rửa thù oanh liệt cho Mịch và Long!

Những cảm giác đê mê ở cuộc hãm hiếp, còn để sót lại tròng trí Mịch những phút hồi ức băn khoăn của một dục vọng chưa được thỏa mãn. Mịch đã phải tưởng tượng ra những cảnh dâm dục ghê gớm, hưởng với mọi kẻ đi đường. Trong những sự mơ màng càn rỡ ấy, mỗi một cái mặt đã nhìn thấy là một cái sức ám ảnh riêng, là một thế giới riêng, có những sự khiêu động không bao giờ giống nhau cả. Và lòng khao khát đến một điều thỏa mãn bằng cách tưởng tượng ấy, không những chẳng làm cho Mịch mãn nguyện, nhưng trái lại còn khiến cho Mịch càng như điên cuồng.

Sau những phút ghê tởm đáng kinh hoàng ấy, sau khi ma quỉ đã phải chạy xa, để cho thiên thần đến thắng trận trong lòng người như thế, Mịch không phải là không hối hận. Song le, đó không phải là Mịch hối hận với chồng! Mịch chỉ hối hận với Long mà thôi. Dù sao thì, ngoài Long ra, trên đời chưa có ai yêu Mịch cả. Mịch tự kết án là có tội với Long, chỉ với Long...

Ấy thế là hình ảnh Long lại bị lôi kéo và dục vọng của Mịch. Hình ảnh những kẻ qua đường có vẻ phải lòng Mịch, những khi ấy, phai nhạt hẳn đi, Mịch đã thường ôm gối chăn, nghĩ đến Long, bàng hoàng soi bói trên thớ vải trắng muốt của gối chăn, ngõ hầu nhìn thấy cái miệng cười gằn, cặp lông mày hay nhíu lại của Long, hoặc là đã lặng im, nhịn thở, để tai nghe qua những cái tích tắc của chiếc đồng hồ, ước mong được nghe lại một lời buông xõng, một câu gắt gỏng, một cái thở dài chán chường của Long, của người đã khinh Mịch, đã rẻ rúng Mịch, đã hứa là tha thứ Mịch, mà đã nuốt phăng lời hứa, đã phụ Mịch để lấy một thiếu nữ khác, đẹp hơn Mịch, có bố giàu hơn bố mẹ Mịch, nghĩa là một người đã làm khổ Mịch nhưng mà Mịch vẫn cứ vì người ấy mà xót xa, vì Mịch không thể nào quên được người ấy, không thể nào không yêu được người ấy!

Những khi đêm khuya chợt thức giấc, nhìn chung quanh mình chỉ thấy sự hiu quạnh và ánh sáng lãnh đạm của một bóng điện trong dua xanh, Mịch, trong thâm tâm, đã cảm thấy đủ hết mọi nỗi chán chường của người bị cảnh ngộ ép duyên, của một người bị để lạnh lùng, và đã ước ao một sự phi thường gì dun dủi cho Long có can đảm đương lúc đêm hôm, cũng trèo tường vượt rào, mà đến gõ cửa phòng Mịch, để rỏ xuống vài giọt lệ đau khổ thương xót rồi hai người sẽ ôm nhau mà khóc lướt mướt, mà cùng hối hận, mà cùng ganh nhau để xin tha thứ cho nhau, tranh nhau thỏ thẻ những lời ái ân nũng nịu,

rồi vào cuộc chung chăn chung gối, tha hồ mà nõn nường âu yếm cho đến mê đến mệt, đến mất lý trí, đến bay linh hồn, đến chán chê, đến lăn lóc, cho đến trơ ra như gỗ, như đá... Rồi thì chết! Chết cả đôi, ôm nhau mà chết, đem mối hận nghìn thu xuống suối vàng cho nó tiêu tán đi, sẽ yêu nhau dưới âm cung, nhưng lúc chết thì phải trên một giường... để cho Nghị Hách trông thấy cảnh tượng rùng rợn ấy, để cho lão biết rõ ràng rằng không phải hễ cứ lắm bạc, nhiều tiền là mua được cả linh hồn của người ta!

Mịch đã dám có những ý nghĩ bất thường, gan góc đến như thế. Những lúc ấy, Mịch muốn có Long để khoe khoang rằng mình đã nghĩ thế, để tỏ dạ trung thành với người yêu. Vì không làm sao được, Mịch đã phải kêu gọi đến quỷ thần hai vai chứng giám! Rồi thì sau đấy, Mịch cũng phải ngạc nhiên rằng mình thay đổi chóng quá, rằng mình không còn một tí gì là cô thôn nữ thuở trước nữa, vì mảnh hồn ngây thơ trong sạch đã bị cảnh ngộ giết chết mất rồi! Bây giờ, Mịch đã thuộc vào hạng người mà nền luân lý mù lòa, mà những dư luận bất cập và ấu trĩ sẽ kết án gay gắt... Đời người đầy dẫy những sự bất bình, những nỗi đau thương, song le không có một thứ ánh sáng nào soi thấu được đến những điều uẩn khúc ấy, thì Mịch cũng bất chấp lời khen tiếng chê của đời... Mịch có thể tự liệt vào phái người tha thiết bênh vực những đàn bà lừa chồng, những cặp gian phu dâm phụ, vì những người ấy mà có chính là vì trong đời có những người khổ như Mịch và Long, chỉ có thế thôi!

Mịch không nhớ tiếc tuổi ngây thơ xưa kia nữa. Do những ý nghĩ ấy, Mịch cũng không oán giận mẹ nữa, không căm tức bố nữa, không khinh bỉ anh ruột nữa. Người ta thay đổi là vì hoàn cảnh. Nếu ông Đồ và bà Đồ có đâm ra đê tiện, mất lòng tự trọng mà khúm núm trước Tú Anh, mà chịu ơn của Tú Anh, khi không đáng chịu ơn, mà đâm ra mặt bòn rút, thì âu cũng là sự thường. Nếu anh Mịch mà cứ hết nay đến mai đến xin tiền Mịch để cờ bạc, thì âu cũng là sự thường.

Tư tưởng tha thứ ấy lại đem đến sự thư thái cho lòng Mịch. Vô cớ, Mịch thấy như có điều gì vui vui. Mịch quay vào, thư thản khâu nốt cái áo. Rồi Mịch sẽ có con. Rồi Mịch có thể hy vọng được ở đứa con nó làm khuây khỏa những nỗi đau khổ đi. Có khi Mịch sẽ giữ được trinh tiết với cái thằng chồng khốn nạn ấy cũng chưa biết chừng! Sự đời, ai mà biết trước sự đời...?

Mịch lôi kim ở vành khăn xuống. Mịch giơ kim lên chỗ sáng xâu chỉ. Một hồi chuông kêu ran lên.

Chắc là Tú Anh đến chơi... Lại có một vài món quà gì đó... Con sen ra mở... Ô hay chuông lại kêu ran lên... Vậy thì con sen đâu?

Mịch buông kim chạy ra bao lan nhìn xuống cổng...

Giời ơi! Long! Long đến!

Mịch đứng trù trừ một lúc lâu. Trong khi chưa quyết nên tiếp hay không. Mịch chợt nhớ ra: đã sai con sen về Hà Đông mua một con mèo. Âu cũng là có trời trong cơ hội này đây, việc gì Mịch lại còn e sợ?

Nghĩ thế, Mịch thoăn thoắt xuống, mở cổng cho Long, bằng sự hấp tấp của một con dâm phụ, và mời hắn Long lên buồng riêng.

Lên đến phòng rồi, Long cứ đứng ỳ ra, đầu hơi cúi xuống ngực, hai bàn tay nắm lại, nhìn trừng trừng xuống thúng yếm rãi và áo trẻ con để ở ghế. Sau khi khép cửa phòng, Mịch quay vào, thấy thế cũng đâm sợ, vì Long có cái tinh thần một người phẫn uất cực điểm, một người lăm le muốn gây ra vụ án mạng, một người điên. Hãi hùng Mịch khẽ mời:

– Mời... anh ngồi chơi.

Như không nghe thấy gì cả. Long không nhúc nhích. Mịch lấy tách ra, rót một chén nước, để ở bàn. Long vẫn đứng nguyên như thế. Mịch phải cố giấu sự sợ hãi, gượng cười mời một lần nữa:

– Kìa, mời anh ngồi xuống chứ, sao lại cứ đứng thế!

Long thẫn thờ ngồi xuống ghế. Mịch hỏi, qua những cái cười dòn:

– Đương ngồi một mình buồn quá, may sao anh lại đến chơi...

Nghe đến đấy, Long mới đưa mắt lên nhìn Mịch. Chàng rất ngạc nhiên vì Mịch thay đổi chóng quá, không còn vẻ gì là cô gái quê khi xưa nữa. Trước mặt chàng, đó không phải là Mịch nữa mà là một thiếu phụ đẹp đẽ, dáng người đài các phong lưu, với cái bụng to nó tô điểm cho thêm vẻ bệ vệ. Hai cái má đỏ ửng vì cái thai lại càng tăng vẻ đa tình... Mịch hỏi:

– Anh Long ơi, tại sao anh lại còn đến đây? Cơ sự đã đến thế này, thì anh còn đến làm gì thế nhỉ?

Long căm tức đáp:

– Tôi muốn đến để hỏi rằng trong đời này, ai là người gây ra cái đau khổ của tôi!

Mịch đứng lặng người ra hồi lâu rồi mới thất thanh nói:

– Anh Long!... Anh Long!... anh phụ tôi đến như thế, mà anh còn dám vác mặt anh lại đây... hỏi tôi thế nữa à?

– Tôi? Tôi phụ cô?

Mịch cứng cỏi hỏi lại:

– Thế thì ai?

Long làm một thôi một hồi:

– Tôi? Tôi phụ cô? Tôi phụ cô mà tôi lại dằn lòng tha thứ cho cô, từ khi cô còn nằm ở nhà thương? Tôi phụ cô, mà tôi đã từ hôn một nơi giàu có, đương đêm khuya vượt mấy tỉnh về tìm cô? Tôi phụ cô, mà tôi lại khổ thế này? Mà cô lại sung sướng như thế ấy? Tôi, tôi phụ cô? Thật thế đấy à, hở giời?

Long vừa nói vừa nghiến răng, vừa đứng lên xông lại... Mịch giơ tay che mặt giật lùi.

Long nắm lấy tay Mịch, hai con mắt trợn ngược lên, mũi cứ như muốn bổ vào mặt Mịch, giọng nói thì gay gắt, dằn từng tiếng một, mỗi một câu nói sắc bén như một lưỡi dao:

– Thằng này phụ cô! Thằng này phụ tình mà thằng này đã mất ăn mất ngủ, lúc nào cũng bị dao đâm vào ruột, mà cô thì cô lại bình yên như thế này, mỗi ngày một béo, một đẹp ra như thế này? Ai phụ ai? Hở! Con khốn nạn! Đồ đĩ rạc!... Tao làm gì, Mịch, tao đã làm gì mày để mày phụ tao? Nói! Nói mau! Nói!

Hai bàn tay Long bóp cổ Mịch mà lắc, lắc như người ta xóc ống thẻ, xin thẻ trước điện thờ thánh. Mịch lả oằn người đi, như không còn xương sống, ngã ngồi xuống, làm Long cũng ngã theo, và do cái ấy, mới buông tay ra. Nước mắt ràn rụa. Mịch nức nở nói:

– Anh vẫn yêu tôi như thế này ư? Anh vẫn giận tôi đến thế này ư? Anh giết tôi đi! Tôi mà chết được vì anh thì hồn cũng mát đấy! Long ơi, quân giả dối, quân khốn nạn! Đừng mong đeo mặt nạ mà lừa tôi đâu!

Trước luận điệu bất ngờ ấy. Long đứng ngẩn mặt ra. Bây giờ đến lượt Mịch được cất cao giọng:

– Yêu người ta, thương người ta mà lại để Tú Anh về hỏi người ta! Mà lại cho nó toàn quyền khu xử mọi việc! Sao thế, hở đồ vô nhân bạc ngãi kia?

Long ngơ ngác hỏi:

– Bao giờ? Bao giờ? Ai cho Tú Anh toàn quyền? Ai xui...

– Lại còn bao giờ!

Chừng như thoáng nghĩ ra, chợt nhớ lại điều gì và nói ra thì hợp thời lắm, Long nghiến răng hỏi vặn:

– Thế còn cô? Thế tại sao lúc nó về hỏi thì cô vui mừng như bắt được của rồi nhận lời ngay tức khắc? Sao thế? Sao thế, hở đồ chó! Đứa nào tham của, thấy vàng phụ ngãi...?

– Bao giờ? Ô hay? Ai nhận lời ngay với Tú Anh bao giờ? Mà ai khấp khởi mừng như được của? Tú Anh còn sống đây kia, nào thử gọi ba mặt một lời xem!

Thấy giọng cứng cỏi thành thực, Long lại đứng ngây ra. Chàng đưa một tay lên bóp trán. Mịch hằn học nói:

– Hay chính anh tham vàng phụ ngãi? Hay tại cô Tuyết đẹp hơn con bé quê mùa này? Anh phụ tôi hay tôi phụ anh? Ai biết? Thật khó mà biết được ai phụ ai nhỉ?

Mịch ngửa cổ ra cười qua hàng lệ, cười một cách ghê gớm, như một người cười mà tự tử... Long ôm choàng lấy Mịch lôi Mịch ngồi xuống giường. Chàng khóc lóc rền rĩ:

– Giời ơi, chả lẽ chúng ta đều mắc lừa Tú Anh cả rồi hay sao!

– Mình ơi, có lẽ mình nói đúng.

– Giời ơi, thế thì sao ta lại không tin ta mà ta lại tin người khác như thế?

Mịch khóc nức nở lên. Long cũng nói nghẹn ngào:

– Tú Anh!... Giời ơi, một người như Tú Anh...

Từ đấy trở đi, hai người mới kể lể hết với nhau, mới rõ sự thực, mới khám phá ra mối hiểu lầm, mới tranh nhau mà hối hận, mà xin nhau tha thứ cho nhau...

Sáng chủ nhật hôm ấy, không lo ngại gì cả, cũng chẳng nghĩ đến cái thai trong bụng nữa, y như một con dâm phụ, Mịch đã cho Long ái tình.

XXIII

Chưa khuất hẳn sau dãy núi Tản Viên, mặt trời nhuộm cho những đám mây lơ lửng trên không gian có màu cá vàng. Ngọn đồi ở ấp Tiểu Vạn trường thành lúc ấy, sáng lấp lánh vì ánh nắng chiều còn tụ lại trên những ngọn lá cà phê. Hoa cà phê trắng xóa, từng nhành một, chen lẫn vào những vòm lá xanh thẫm như tuyết phủ... Chung quanh, trời đất mở ra một vùng phong cảnh ngoạn mục, nào đồi, nào làng mạc, nào ruộng nương, trùng trùng điệp điệp, kế tiếp nhau.

Thung dung tay chắp sau lưng, Nghị Hách đi cạnh bạn cũ. Cả hai dạo quanh cái sinh phần. Người bạn già có ý ngắm nghía phong cảnh, tìm kiếm mạch đất, còn Nghị Hách thì chỉ im lặng nghe ngóng một cách chăm chú thôi.

Sinh phần trên mẩu đồi là một công trình kiến trúc bằng cẩm thạch rất lạ mắt, mới trông từ xa thì như bao diêm đặt lên trên cái mu bàn tay, nhưng khi đến gần, ta mới hiểu rõ rằng cái công trình vuông vắn ấy, tuy đơn sơ là đơn sơ về đại thể, còn những bộ phận tỉ mỉ tô điểm cho sinh phần thì phải do những tay thợ đá lành nghề mới có thể chạm trổ, xếp đặt một cách công phu và tài tình đến như thế. Những đá đủ các vân, đủ các màu, không biết tìm được ở đâu ra... Có thứ trông như gỗ lát hoa, lại có thứ thoạt nhìn, ai cũng phải tưởng là gỗ lúp bên Ai Lao vậy. Bốn mặt tường sát nóc sinh phần, có những ô tròn và vuông. Hai đầu là hai cổng rất to, hình quả trám. Chung quanh sinh phần chi chít những cây thông, xoan, ngô đồng, phi lao, mọc hỗn loạn như ở một cái rừng con. Tuy vậy, sinh phần vẫn nhoi lên trên đám lá xanh rậm rạp ấy, nổi bật hẳn ra như một khối kim cương có trăm nghìn thứ ánh sáng, thật là đồ sộ, thật là cao cả, thật là vĩ đại.

Người bạn thở dài:

– Thì ra cái sinh phần này không phải chỉ là sinh phần.

Nghị Hách nhăn nhó kể lể:

– Phải, còn là mộ nữa, vì trong này cũng đã có cốt, nhưng vì khiêm tốn nên không gọi là lăng, và vì còn muốn chôn cất nữa. Kiểu này là kiểu Xiêm La đấy, quan anh ạ. Riêng tiền đá cũng có bảy tám chục nghìn rồi, ấy là chưa kể mấy tháng lương của hơn chục thợ, gọi từ bên Tàu sang, do ông Bang trưởng Hải Phong kiếm hộ cho.

– Thế cái anh thày địa lý Tàu ấy được bác hậu tạ bao nhiêu?

– Đúng một nghìn.

– Một nghìn?

– Vâng. Làm sao?

– Thế thì chả trách! Nó để sai huyệt thế này cũng là phải.

– Chết nỗi, quan anh bảo sao? Như vậy thì một nghìn là ít ỏi quá chăng? Có lẽ nào...

– Chính thế. Nếu nó để đúng huyệt cho thì quan bác đã phất đến có thể đem của riêng ra cũng tậu được cả xứ Lào rồi! Nhưng mà thôi, cũng chẳng nên phàn nàn, vì quân Tàu vốn khoảnh độc, bao nhiêu mạch đất phát vương hầu xưa nay, hễ thấy là đều yểm đi cả, vậy mà anh thày này còn để cho quan bác như thế này, thế đã là tử tế lắm rồi đấy. Đây tôi cắt nghĩa qua cho bác nhé...! À, nhưng mà dễ phải trèo lên nóc sinh phần thì bác trông bác mới hiểu ra được... Làm thế nào?

Nghị Hách quay nhìn hỏi bâng quơ như quát, sau một cái giẫm chân:

– Bây đâu? Có thằng nào đấy không?

Tức thì thằng Xuân, không biết từ bụi nào, thình lình nhô ra:

– Có tôi đây!

Nghị Hách phán:

– Kiếm tao cái thang dài đây! Mà cho mau!

– Dạ!

Thằng Xuân hấp tấp chạy. Ông già bảo Nghị Hách:

– Nên biết không mấy khi người ta tìm đất trên đồi, vì trên đồi mạch đất khô táo, không đủ *thủy,* nếu có phát thì chỉ hoạch phát, mà đã hoạch phát, thì lại hoạch tán, cái lẽ tạo hóa thừa trừ là như thế.

– Nếu bị hoạch tán thì cũng được độ mấy đời?

– Hoạch tán thì có khi không trọn vẹn được một đời.

Nghị Hách thở dài ngán ngẩm. Lúc ấy thằng Xuân đã khiêng thang đến. Nghị Hách bảo nó bắc vào sinh phần, rồi hai người lổm ngổm bò lên... Lên đến nóc rồi, ông bạn già để tay làm mái hiên trước mắt, quay nhìn bốn phía, rồi trở tay bảo Nghị Hách:

– Đây kia kìa, quan bác nhìn xem. Cái chỗ có một túm phi lao, cạnh cái cây ngô đồng cao ngất ngưởng kia kìa! Bác cố nhận kỹ xem,

cả cái đồng cỏ lau chạy xoai xoải ấy, có một miếng đất nhô cao lên trên, mà chạy vươn ra không?

– À phải... Thế sao à?

– Đấy là con *hỏa*, hình lưỡi kiếm hẳn hoi nhé!

– Vâng, vâng.

– Ấy đó, theo sách địa lý thì là ở chỗ *nga my tác án*, sự ấy đã rõ rệt lắm. Trước mặt có ngay con *Hỏa* hình lưỡi kiếm như thế thì sẽ phát nghịch, tử tôn thế nào cũng *bất đắc kỳ tử*, nghĩa là sẽ phải chết chém, hoặc chết vì tai nạn mất. Tuy cũng có phát phú thật, nhưng mà bõ bèn gì?

Chợt nghĩ ngay đến Tú Anh, Nghị Hách phải lấy khăn tay ra lau cái trán lấm tấm mồ hôi. Lão kêu lên:

– Giời ơi! Thì ra họ phản tôi hay sao?

– Không phải họ phản hẳn, có phát thì có sát, đừng nói thế mà phải tội. Nghĩa là họ chưa hết lòng... Vả lại, quan bác trông mà xem... Mạch đất *thìn tuất long* thế kia là còn *thô* lắm, chưa được *nhuyễn.*

Nghị Hách cứ thỉnh thoảng lại giậm chân, kêu lên một cách hèn hạ lạ lùng

– Giời ơi! Giời là giời ơi!...

Ông bạn già:

– Đặt sinh phần ngay chỗ này thì ra vượng tay *long* mà bại mất tay *hổ,* con giai thì ăn thua mà con gái thì trụy lạc, hoặc chết non. Chỗ này đẹp lắm, thiếu gì mạch tốt hơn, sao lão thày Tàu nó lại ngu đến thế không biết!

– Thưa quan bác, thế quanh đây, chỗ nào mới là chính huyệt?

– Bác ra đây với tôi!

Người bạn cũ kéo Nghị Hách ra phía kia sinh phần, rồi trỏ tay ra xa, chỗ nương khoai, cạnh một cái lạch...

– Bác ngắm cho kỹ nhé! Cái thửa ruộng khoai sọ ấy, chỗ lạch nước đấy... Bác nhìn đấy, rồi lần ra phía Đông Nam của thửa ruộng ấy có một sào ngô... Đất sào ngô ấy nhoi cao bật hẳn lên, có phải thế không? Đó là *chúng giê như ngã độc cao...*

– Bẩm vâng. Tôi đã nhận ra rồi.

– Ấy đó là một. Lại ngay trước mặt đấy có con *thổ* nữa tức là cái bãi cỏ vuông, bác nhận ra chưa?

– Vâng, vâng...

– Đất ấy mạch theo *kiền hợi, thủy* tụ nhiều, có bút ở phương *tốn*, lại có *thổ tác án*, nói theo sách là hợp *thủy loan bão*, kể đã là đất tốt lắm, vì sẽ phát đại thần.

– Thế à?

– Như quan bác là phú gia địch quốc rồi, tiền vứt xuống sông không hết, vậy thì chỉ còn phải cầu cái chữ *quý*.

– Vậy chỗ đất ấy phát có bền chăng?

– Được độ ba đời.

– Tay *long* tay *hổ* không chênh lệch nhau lắm?

– Đều đặn.

– Ba đời thì cũng chả bền mấy.

– Còn hơn chỗ cũ.

– Còn chỗ đất nào hơn nữa chăng?

– Thế bác quá bộ ra đây.

Nghị Hách lại đi theo bạn ra phía nóc sinh phần. Ông bạn già ngắm nghía một lúc, đoạn trỏ tay bảo:

– Cách chân đồi này chừng tám trăm thước, đây kia, chỗ có những thửa ruộng hình mỏng như cánh ve xếp lớp vào nhau, từ dưới lên trên có một chỗ huyệt nhầm cách *thiền dực xa* phát cả phú lẫn quý, lẫn thọ, mà lại bền hàng chục đời! Hạng biết lo xa như Trịnh Kiểm, Nguyễn Hoàng chẳng hạn, thì chỉ thích thứ đất ấy, mà thôi. Còn chọn như quan bác chọn cái sinh phần này chỉ có hạng thích cái đắc thế một thời, nghĩa là hạng Mạc Đăng Dung mà thôi! Như vậy là xuẩn.

Nghị Hách ngắm ra xa, gật gù một hồi. Rồi hai người xuống thang, lại thung dung quay về *Nghinh phong đình* là chỗ nhà hóng gió ở giữa ấp.

Trên bàn đã có sẵn mấy chai nước suối Viten. Hai người giải khát hồi lâu, Nghị Hách cau có, nói:

– Khổ thật!

Ông bạn già giơ tay ngăn:

– Quan bác chớ lo. Sự thật thì cũng chưa đến nỗi nào...

– Vậy tiên sinh định liệu cho đệ ra sao?

– Cải táng cái mả cụ Cố ra chỗ khác, thì mới mong cái nạn bất đắc kỳ tử cho con cháu được. Cứ ngắm nghía những ngọn cỏ trên nấm mồ, thì ít ra đã táng được bảy năm. Vậy nội trong năm nay phải bốc đi kẻo tôi ngờ cái nạn *nga my tác oán* sẽ xảy ra đến nơi rồi đấy.

Nghị Hách lại thở dài mà rằng:

– Không biết làm thế nào mà dọn cả cái sinh phần ra chỗ khác được. Lại phá vụn ra, lại xây nó lại một lần nữa, thì bao nhiêu là tiền!

– Việc gì phải thế?

– Thế không khiêng sinh phần ra đất mới hay sao?

Ông bạn già cười khanh khách một hồi như người điên, không sợ Nghị Hách phải ngượng đến đỏ mặt. Đoạn mới khẽ nói:

– Cứ để nguyên đấy, không việc gì phải động chạm đến sinh phần cả. Quan bác tuy vậy mà còn thật thà quá! Quan bác nên hiểu cho rằng những bậc vua chúa, những kẻ tai to mặt lớn, mà xây sinh phần, thì là để chôn mồ mả vào những chỗ không ở trong sinh phần, quan bác hiểu ra chưa?

Nghe đến đấy, Nghị Hách tươi tỉnh ngay lên. Rồi cười khà khà, bắt tay ông bạn cũ một cái, sau khi nói:

– Ồ, thế mà bây giờ đệ mới biết thế đấy!

– Cho nên tôi vẫn bảo trước là không ngại mà!

Nghị Hách đứng lên, chân thành nói:

– Tiên sinh ơi, đệ rất lấy làm mừng rỡ được gặp ông bạn cũ như tiên sinh, một người đặc biệt, một bậc kỳ tài, thượng thông thiên văn, hạ tri địa lý, trung tri nhân sự! Đệ phải thù tạc tiên sinh vào bậc thượng khách thì mới khỏi phụ tấm ơn tri ngộ của tiên sinh. Nhưng mà đệ còn băn khoăn ở một chỗ là chưa nhớ ra được tiên sinh là người nào, xưa kia quen thuộc nhau bao giờ, đã ăn ở với nhau ra sao... Xin tiên sinh xá cho đệ chỗ khiếm khuyết ấy, và nói rõ phương danh để đệ xưng hô cho tiện.

– Quan bác ạ, tôi ở đây với quan bác còn lâu... Để tôi lo xong việc cho quan bác đã. Hôm nào tôi được một số tiền hậu tạ và xách khăn gói lên đường, rồi sẽ nói quê quán tên tuổi, sẽ kể chuyện cũ, như thế tưởng cũng không muộn gì. Vả lại tôi đã thay tên đổi họ, xóa sạch trong trí nhớ cái cuộc đời vô nghĩa lý là cuộc đời cũ, để mà sống một cuộc đời giang hồ, phiêu lưu... là cuộc đời mới.

– Thật xưng hô khó quá.

– Tên tôi hiện giờ là Hải Vân, quan bác hãy biết thế thôi tưởng cũng đủ gọn lắm rồi.

– Vâng! Thế tiên sinh sống cuộc đời như thế thì có thú vị gì chăng?

– Mỗi người một thích... Tôi có năm bảy mươi nghề, nên không bao giờ chết đói, đâu cũng là nhà, gặp ai cũng là thân yêu. Tôi không thu chặt lòng yêu vào gia đình, chỉ biết có gia đình, nhưng mà là để muốn biết cả nhân loại, muốn biết cả xã hội. Trong cuộc phiếm du, chí bình sinh là đem tiền kiếm được của bậc phú quí ra san sẻ cho kẻ bần hàn, thế mà thôi. Tôi đã rắc khắp nơi sự yêu, sự nhớ, cũng như sự thù hằn oán ghét, vì tôi ngay thẳng và không hề ở đâu lâu cả.

– Cứ như ngu ý của đệ, thì đệ không thể nào tưởng tượng được ra rằng trong đời này lại có một người kỳ dị như tiên sinh đấy.

– Một vị tiết phụ không khi nào lại tưởng tượng trong đời có kẻ bán thân nuôi miệng... Một người trần tục thích ăn ngon, thích gái đẹp, không khi nào tin rằng xưa nay vẫn có những bậc chân tu, cam chịu suốt đời khổ hạnh. Quan bác đã có cái chí kinh thiên động địa rồi, thì khi nào tưởng được trong đời có kẻ sống một cách phiếm lãng như tôi? Sự ấy âu cũng là thường vậy.

– À quên, tiên sinh xem số tử vi cho đệ đi. Đệ tuổi Canh Dần, đẻ ngày 16 tháng tư, giờ ngọ. Xưa nay đệ xem đã nhiều, song chưa bao giờ gặp được thày hay.

Ông bạn già giơ bàn tay ra bấm một lát rồi nói lẩm bẩm:

– *Sát phá tham, kiếm không đắc địa, kình đà vượng địa, song lộc triều viên.* Quan bác nói đúng giờ lắm. Số quan bác là hung tính đắc địa theo cái lối số Lê Hoan, nghĩa là có thể đã làm những việc đại gian hùng, mà không ai làm gì được mình cả.

Nghị Hách còn hoài nghi, nói nửa thật nửa bỡn:

– Tiên sinh thử kể những tội ác nhất của đệ ra xem sao.

Ông bạn già nghiêm mặt:

– Nếu tôi nói, quan bác đừng chối, mà cũng đừng giận!

– Vâng! Xin cứ nói!

– Thật thế đấy nhé?

– Vâng, vâng!

– Thôi, tôi chả nói!

– Đệ lạy bác, xin bác cứ nói cho hết!

Ông già nhìn chòng chọc Nghị Hách, nói:

– Năm Tân Hợi tức là năm 1911, quan bác phạm tội thông dâm vợ người. Năm Quí Sửu, quan bác lừa người được số bạc trăm. Đến năm Kỷ Mùi, tức là năm 1919, năm quan bác đúng 30 tuổi thì quan bác đã giàu có rồi, đã bắt đầu hiếp... rồi, thật thế đấy, tôi xin nhắc lại, quan bác đã hiếp... rồi!... Lại cho đến năm Nhâm Tuất thì quan bác giết người mà không ai biết, vì quan bác gian hùng lắm. Hai mạng người đã chết vì quan bác. Lại đến hai năm sau nữa, tức là năm Giáp Tý 1924, thì quan bác lừa người được mấy chục vạn, và đồng thời, xuýt nữa quan bác chết hụt thì phải. Chút nữa thì hỏa thiêu.. Bẩm đoán qua loa có đúng chăng?

Nghị Hách ngẩn người ra, mồ hôi trán đầm đìa, lắp bắp:

– Giời ơi, nếu vậy thì ra người ta ở đời này có số thật!

– Người ta có số hay không thì quan bác biết đấy. Nếu không có số, tôi lại biết được những việc bí mật ghê gớm như thế mà quan bác đã làm hay sao?

Trong một lúc lâu, Nghị Hách ngồi trầm ngâm như một nhà triết học. Sau ngơ ngác hỏi:

– Ô hay! Thế thì ra tôi cũng không phải chịu trách nhiệm về những việc tôi đã làm hay sao?

– Chính thế. Cho nên không ai là đáng phục, không ai là đáng ghét, không ai là đáng yêu, không ai là đáng khinh. Số mệnh xui khiến cả.

– Như vậy thì ngài là bực thánh sống thật đấy! Những câu đoán ấy quả có đúng cả! Thưa tiên sinh, tiên sinh làm ơn xem hộ đệ năm nay ra sao.

– Năm nay sợ có sự đau đớn về tinh thần...

Mặt đã tái xanh, Nghị Hách hỏi dồn:

– Thế nghĩa là thế nào? Hở tiên sinh?

Ông bạn cười nhạt:

– Có thế mà cũng phải hỏi!

Rồi một lát, ông bạn già thêm:

– Ừ, mà xưa kia chưa bao giờ quan bác phải điều gì đau đớn lắm thì biết sao được!

– Đau đớn thế nào? Có tránh thoát được không?

– Phải cất mả lại... Để tôi xem, vì cưỡng lại số giời, cũng khó lắm.

Nghị Hách khẩn khoản kêu van:

– Xin tiên sinh cố giúp cho, bao nhiêu tiền đệ cũng không tiếc. Giời ơi, nếu đệ phải đau đớn về tinh thần thì chắc là khổ lắm, thì chết mất!

Ông bạn già giao hẹn:

– Nói lời thì giữ lấy lời nhé?

Nghị Hách đáp một câu anh hùng:

– Bẩm vâng!

– Thế mà không giữ lời hứa thì sao?

Nghị Hách phát cáu, đứng lên:

– Thế bác coi tôi là người hay là chó?

XXIV

Khi đi ngang qua chợ Đồng Xuân, Long đã thoáng nom thấy ông đồ Uẩn ngồi vắt vẻo trên chiếc xe nhà mà Tú Anh đã tậu cho Mịch. Trông mặt ông bố vợ hụt lúc ấy có vẻ dương dương tự đắc quá, có vẻ ngạo mạn quá, đến nỗi mối cảm tưởng thứ nhất của Long đối với ông Đồ chỉ là lòng khinh.

Long đã cười thầm.

Chàng chợt nhớ lời Tú Anh trong một buổi chuyện về các nhà nho, về ảnh hưởng của Nho học. Cái nền học thuật ấy vẫn chế tạo ra những hạng người cực đoan, hoặc hay thì hay vô cùng, hoặc dở thì cũng dở vô cùng. Cho nên cái tiết tháo của nhà nho, hoặc cái đê tiện của nhà nho đều cùng đứng về hai thái cực cả. Ông đồ Uẩn chính là hạng thuộc về cái thái cực thứ hai, bị hoàn cảnh lôi cuốn đến không giữ được nhân cách. Do thế mới có hạng nhà nho không chịu đem tài học ra phụng sự chế độ mới, cam tâm và vui lòng sống suốt đời thanh bần, không phàn nàn, không hối hận, với một hạng nho thứ hai nữa, đã thành thực đi theo đạo quân cần vương, cũng như đã thành thực

quay về kính thờ một ông công sứ, đến nỗi sì sụp bốn lễ, bốn vái, mà không thấy ngượng, có thể cho xích tay cả gia đình bạn đồng chí cũ đã cứu mình thoát chết, để tâng công mà không chút hối hận mảy may... Người cao khiết quá, giữ tiết tháo một cách nghiệt ngã quá, thì thành ra gàn dở, vô dụng cho đời, mà người trung dung quá thiên về chủ nghĩa gia đình quá, thì thường vì bốn chữ vinh thân phì gia mà mất hết lương tâm.

Càng nghĩ đến những lời nhận xét của Tú Anh, Long càng thấy đúng, mà đã càng thấy đúng, Long càng ngán ngẩm cho sự đời. Chao ôi! Ông đồ Uẩn! Một người xưa kia như thế mà bây giờ như thế! Hay là tại ông Đồ chưa phải hẳn người đã thấm nhuần đạo Nho? Hay tại đạo Nho chỉ kết quả nên hạng người như thế. Hay bởi lẽ mặc lòng được tiếng nhà nho, ông đồ Uẩn cũng vẫn vô học như thường? Phải đâu, ừ phải đâu mới là một thày đồ có một dúm chữ ê a dạy lũ trẻ ranh mà đã là có học! Vả chăng cái số thày đồ vô học mà tự phụ vẫn nhan nhản trong xã hội... Nếu đúng thế, Long đã nhầm, đã nhầm một cách khốn khổ, đã sung sướng một cách vô nghĩa lý, khi chàng hỏi được Mịch mà chàng tự đắc là sẽ được làm rể một bậc thượng lưu học thức, một người thanh bần nhưng có một tâm hồn vững chãi, có một căn bản tinh thần – một nơi dòng dõi thế gia.

Những ý nghĩ ấy dắt Long đến việc muốn giải phẫu cái tâm hồn khó hiểu của Mịch. Sự thay đổi tâm tính của Mịch khiến Long phải ngạc nhiên một cách kinh khủng mãi cho đến bây giờ, Mịch đã đi từ một cô thôn nữ ngây thơ, hiền lành, chất phác, đến một thiếu phụ gian dâm, lãng mạn, xảo quyệt, đáng sợ. Mỗi khi đem cái cảnh Mịch còn là cô gái quê lúi húi vớt bèo, mà so với cảnh Mịch đã là vợ lẽ một anh trọc phú, quần là áo lượt bệ vệ ngồi trên cái sập gụ khảm, mà cất cao giọng đài các xỉ vả đày tớ, thì Long không biết rằng cuộc đời có còn là cuộc đời không, hay là Long đã ngủ mê... Mỗi khi nhớ lại cái cảnh Mịch vừa tự tử hụt xong mà khóc sướt mướt với Long trong nhà thương, rồi đem cảnh ấy ra so với trận cuồng dâm mà Long đã bị Mịch lôi kéo vào, thì Long phải lẩm bẩm một cách kinh hoàng: Thật là không thể tưởng tượng được! Những sự khó hiểu, trái ngược nhau đến thế, trong cái thời gian chưa đầy nửa năm! Những nguyên nhân nào đã thay đổi lòng người đến thế?

Sau cùng, Long tìm ra được cái bả vật chất. Thật vậy, sự phù hoa giả dối của một xã hội chỉ trọng những cái bề ngoài, một nền luân lý

ích kỷ, sự tín ngưỡng thế lực hoàng kim, cuộc cạnh tranh dữ dội đến hình thức đã làm hại tâm thuật người đời. Do thế, lúc người ta bần thì người ta còn thanh, và đã nên phú rồi, nhiều khi người ta hóa ra trọc.

Thế rồi ngẫu nhiên Long nghĩ ngay đến mình. Nào phải tìm ai để mà khinh nữa, Long cứ việc đem ngay Long ra đã thừa đủ! Thì Long cũng thay đổi một cách đáng sợ, cũng chỉ trong vòng nửa năm nay mà thôi. Từ một anh hàn sĩ đầy lòng thương đời, ghét cay ghét độc những cái xa hoa vật chất, và căm hờn sự vô tình của bọn trưởng giả đối với nòi giống, Long đã trở nên một kẻ hư hỏng, có tư cách con nhà phá của, đem tuổi thanh xuân ra miệt mài những nơi oa lâu tửu quán, và quá nữa, lại đi thông dâm với vợ người! Cái tâm hồn trong sạch, cái chí khí cao cả, những tư tưởng hy sinh cho nòi giống đã đâu mất cả! Ngày nay, Long cũng đã hóa ra người ích kỷ, khốn nạn, người thuộc vào cái hạng mà chính Long đã rất khinh bỉ khi xưa kia! Mà vì lẽ gì, nào Long có hiểu... Long thấy mình không có điều gì trái đạo cả. Đời đã làm cho chàng đến nỗi thế. Danh từ của việc nghe đáng sợ lắm, tuy những việc của Long hình như là cố nhiên sẽ phải xảy ra, Long hình như không phải chịu trách nhiệm những cử chỉ của mình. Long đã bị hoàn toàn sai khiến.

Những phút nghĩ ngợi như thế là những phút mà cái linh trí bất thần đến với Long để giúp cho chàng suy mình ra mọi người, để định lấy một phương châm xử thế. Long thấy ông Đồ, Mịch và Long, chỉ là bọn người đáng thương hại mà thôi. Hầu như trong đời vẫn có một sức mạnh huyền bí gì đó, vẫn cầm quyền cuộc đời, đến nỗi không còn ai lại tự chủ nữa. Có một tâm hồn vững chãi... mấy ai mà có được? Mấy ai là chống chọi nổi với hoàn cảnh?

Long lại nhớ đến lời khuyên của Tú Anh... "Người đời không ai đáng yêu, không ai đáng trọng, không ai đáng khinh, vì ai cũng có điều thiện và điều ác, trong lòng người nào cũng có một thần thiện và một thần ác".

Quan niệm của Tú Anh là coi thường sự đời, là sự thản nhiên với những việc có hại cho mình, là sự thận trọng những điều lợi hại cho người ta. Lối xử thế của Tú Anh chỉ có chịu thiệt mà không hề .cầu lợi. Có lẽ vì chỉ muốn cứu vớt cả một đời Mịch, chỉ muốn gây dựng lại cái gia đình ông Đồ, vì chỉ muốn Long sẽ vui duyên mới mà quên chuyện cũ, chỉ muốn nhân sự đầy đủ vật chất, Long có thể luyện tập cái tinh thần cho vững chãi thêm lên, cho nên Tú Anh đã phải ép

lòng nói dối cả Long lẫn Mịch, để cho cả hai bên hiểu nhầm mà đoạn tuyệt nhau... Trong hành vi ấy, có kiến thiết mà không có phá hoại. Phải, phải, Tú Anh gả em gái cho mình thì nào có lợi lộc gì đâu? Mịch về làm vợ bé Nghị Hách thì có lợi lộc gì cho Tú Anh đâu?

Nghĩ đi nghĩ lại cho cùng, Long chỉ thấy Tú Anh là một người ngồi trên đống vàng đống bạc mà không hề bị ánh sáng hoàng kim chiếu lóa mắt, đương tuổi thanh xuân mà thản nhiên được trước ái tình, một người học thức cao, nhân phẩm cao, một người hữu ích rất hiếm có vậy. Long bất giác hối hận vì đã phản trắc Tú Anh. Long nguyện sẽ không bao giờ dám ngờ vực lòng tử tế của ận nhân mình nữa. Long quyết sẽ không cùng Mịch lừa dối Nghị Hách và phụ lòng tin cậy của Tú Anh nữa. Và, muốn thế được, Long phải cấm mình không được thậm thọt nhà Mịch nữa.

Còn đương nghĩ ngợi liên miên như thế thì Long đã đến Quan Thánh từ lúc nào không biết. Chỉ còn độ mươi bước nữa là đến nhà Mịch, Long tự hỏi: "Ta đã biết nghĩ như thế thì ta còn đến đây làm gì?". Tuy nghĩ thế chàng vẫn bước chân đi... Long đi qua nhà Mịch mà cứ đi mãi. Long không biết nên quyết thế nào... Rồi nhân cái sự trù trừ của mình, Long càng thấy Tú Anh là người hiểu đời một cách sâu xa, sau khi đã nói đến những câu: "Loài người không ai ác, không ai tồi, không ai đê tiện, không ai phụ bạc cả. Loài người chỉ là một lũ ngu dốt không biết phân biệt điều hay, điều dở, không biết ăn ở sao cho phải, luôn luôn bất cập, luôn luôn thái quá; loài người chỉ là một lũ nhầm lẫn đáng thương! Do thế mới có câu: than ôi, không ai bản tâm vốn ác, vậy mà người ta đã gây ra cho nhau biết bao nhiêu thảm kịch ở đời!".

Long quay bước trở lại. Chàng tự giao hẹn: "Ta vào lần này là lần cuối cùng". Rồi bấm chuông.

Đứa đầy tớ chạy ra mở cửa thì Long chững chạc đường hoàng vào ngồi đợi ở phòng khách. Một lát, Mịch ngó đầu nhìn ra... Thấy khách là Long, Mịch cứ áo ngắn quần trong, ra ngồi tiếp chuyện. Tuy vậy, Mịch cũng che mắt thế gian bằng cách dõng dạc sai đứa con đỏ:

– Pha nước và lấy gói thuốc ra đây, mày!

Rồi Mịch hỏi vờ Long trước mặt con sen:

– Này anh, anh Tú sao mà lại không đến thế?

– Thưa dì, anh tôi còn bận dạy học, có lẽ chốc nữa mới đến được.

– Tôi nóng gặp anh ấy để hỏi xem muốn chữa cái xe thì mất độ bao nhiêu tiền...

– Thưa dì, xe mới tậu mà đã phải chữa?

– Ừ, vì ngồi xóc lắm, cái đệm tay phải thay, díp xe cũng phải thay.

– Bẩm hình như cụ nhà có ra chơi?

Đứa ở, sau khi pha nước và để gói thuốc ở bàn, lui vào nhà trong, chẳng ngờ vực gì cả. Nó thấy Long đến lần này đã là lần thứ ba... nghe những câu như thế, nó cho Long là họ hàng gì đó. Sau khi nó vào rồi, chủ nó mới lả lơi cười cợt với Long mà rằng:

– Gớm, mất mặt! Độ này có gì lạ không?

Long lắc đầu, khẽ đáp:

– Còn có cái gì lạ được nữa.

– Tôi thấy anh như độ này chơi bời lắm, không nên thế, anh ạ.

– Nói bậy!

– À, thế câu chuyện ông già bí mật bây giờ ra sao?

– Từ độ ấy không gặp đâu nữa!

– Anh có đi tìm ông già ấy không?

– Biết người ta ở đâu mà tìm?

– Lạ lắm nhỉ?

– Thật thế, lạ lắm!

– Anh có tin được lời của ông già kỳ quái ấy không?

– Bảo tin thì tin sao được một người lạ mặt, kỳ quái, khó hiểu như thế? Mà không tin hẳn, cũng không xong, ấy thế mới khổ chứ!

Mịch thẫn mặt ra hồi lâu rồi tiếp:

– Sao cái ông lão ấy lại biết cô Tuyết? Sao lại biết rõ cậu Tú Anh có nhờ cậy anh giúp hộ một điều gì?

Long nhăn mặt nghĩ ngợi mãi mới nói:

– Chính tôi, tôi cũng đương tự hỏi sao ở đời này, lại có một người thứ hai nữa biết rõ cả những việc bí mật của tôi như thế? Nhất là chỗ tôi mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ mà đến Mịch cũng không biết được. Đã thế, làm thế nào để không tin hẳn ông già ấy? Cho nên hiện giờ tôi đương phân vân lắm. Lúc tôi phải nghĩ đến ông già thì tôi lại khổ sở vô cùng. Tôi lại còn có ý nghĩ này nữa là dễ thường ông

già ấy chẳng qua chỉ là một người nào đó, không muốn cho tôi lấy được Tuyết, muốn cho tôi từ hôn, từ hôn đi! Nghĩa là ông già chỉ là tay sai của một gia đình nào muốn làm thông gia với Nghị Hách, hoặc của một anh chàng nào say mê con Tuyết, đến bịa đặt ra câu chuyện tôi còn có bố mẹ giàu có, có thể làm cho tôi gặp bố mẹ tôi được, có thể bố mẹ tôi nhận tôi được, và, nếu muốn thế, thì tôi phải theo cái điều kiện trái ước với Tú Anh đi, thì là người ta đã thành công trong sự rẽ duyên chúng tôi! Thế cũng nên.

Mịch hấp tấp:

– Ừ, có lẽ mà thế đấy, điều ấy có lý lắm.

– Nếu không thế, thì ắt là tôi còn bố mẹ giàu thật.

– Hay là...

– Làm sao?

– Hay là chính ông già ấy là...

– Mịch muốn nói là bố tôi, có phải không?

– Vâng.

– Ấy, cũng có khi tôi đoán như vậy!

– Đoán thế không phải là không có lý đâu.

Long thở dài một cách nhọc mệt:

– Thôi thôi thôi! Nghĩ thế nào cũng là có lý cả! Càng nghĩ lắm chỉ càng nát óc, âu là chẳng việc cóc gì mà nghĩ ngợi cả lại xong. Mặc quách sự đời muốn ra sao thì ra, nghĩ cũng vô ích!

Nói xong, Long chạy đến chỗ Mịch, hôn Mịch một cái vào trán. Mịch hỏi:

– Mình có nói cho Tú Anh biết rõ câu chuyện quái lạ ấy không?

Long đáp:

– Anh ấy chỉ bảo tôi đừng để ý đến việc ấy, vì ông già ấy, có lẽ chẳng qua là một người nào đó biết gièm pha một cách quỉ quyệt đó mà thôi! Giời ơi! Sao mà tôi khổ thế này! Một năm nay, bao nhiêu là sự xảy ra, bao nhiêu là điều phải nghĩ ngợi!

Long quay về ngồi chỗ cũ, hồi lâu cười nhạt mà rằng:

– Chỉ có Mịch là sung sướng!

Mịch cau mày, giận dỗi nói:

– Anh đừng nên nói thế mà mất cả lòng tử tế của đôi ta với nhau. Nếu anh cho là tôi sướng, thì tôi cũng có thể buộc anh là sướng được.

– Chúng mình đã ăn ở với nhau thế này thì đừng nên nói đến sự tử tế với nhau nữa.

– Sao?

– Chúng ta đã trót hiểu nhầm nhau...

– Không những chỉ có thế mà thôi, anh ạ.

– Phải, hơn nữa, ta phụ nhau một cách rõ rệt, cả hai bên cùng phụ lẫn nhau...

– Anh muốn nói gì thế?

– Tôi muốn nói thẳng ngay rằng đã xử với nhau đến như chúng ta rồi, thì thế là hết phương cứu chữa, thì thà rằng cắt đứt những mối tơ vương đi, vì tử tế đãi hậu là vô bổ.

Mịch nói như mỉa mai:

– Thế à?

Long tiếp theo một cách hằn học:

– Thật đấy, Mịch ạ, thật thế đấy! Tôi đã bắt đầu thấy rằng cái cuộc ái ân vụng trộm này đã hạ tôi vào hạng những kẻ thất phu, vô học, những kẻ mất nhân cách, những kẻ vô lương tâm!

Mịch cúi đầu hổ thẹn một lúc lâu. Thói thường vào trường hợp như thế, bao giờ người ta cũng phải hãy hổ thẹn đã. Về sau cái tính tình ấy mới bị lòng tự ái đổi ra là sự căm tức. Trong năm phút, Mịch đã tìm thấy đủ mọi nghĩa lý để mà căm Long. Mịch thấy rằng Long xưa kia đã cố chí phụ mình, thì ngày nay mới không muốn theo đuổi cuộc trả thù Nghị Hách nữa, mới sợ hãi, muốn giữ gìn... Hai nữa, nói thế, có can đảm nói thế, nghĩa là hết yêu. Mịch cười gằn:

– Tôi nghĩ thì lại trái hẳn. Tôi chỉ thấy trả thù được thì là sướng.

Long phân trần:

– Mịch ơi! Mịch! Em nên nghĩ lại một chút. Mịch phải biết nghĩ mới được. Còn danh giá gia đình, còn công cha nghĩa mẹ, những sự ấy không nên mỗi chốc mà hy sinh đi. Vả lại, dẫu trả được thù đi nữa, thì nào có ích gì? Chúng ta kỳ chung vẫn khổ như trước. Nếu cứ thế này mãi, sợ rồi chỉ hại một đời Mịch mà thôi.

Không hiểu rõ bụng Long lúc ấy là thực thà, Mịch cho đó là sự giả dối, là sự xảo quyệt. Mịch cho là Long đã đem dùng sự đạo đức và sự cần thủ hiếu của Mịch để lôi cái lòng yêu về cho dễ. Ngẫu nhiên Mịch nhớ lại tất cả mọi chuyện cũ và ngờ vực ngay rằng chính Long đã phụ Mịch một cách hoàn toàn đầy đủ, và đã phải giả vờ hờn giận để buộc tội Mịch, thì là Long đã gỡ được những tội phụ bạc của Long! Mịch giận ứa nước mắt, khóc mà nói:

– Dù sao đi nữa thì cái đời tôi cũng đã bị hại rồi!

– Ừ, và đó không phải là một lẽ để làm hại nó thêm nữa.

– Tôi đã bị hại một đời, ngay từ khi anh về mà anh gắt mắng sỉ vả tôi rồi!

Rồi Mịch nức nở khóc to hơn trước, không lo rằng đứa ở có thể biết được. Long thấy Mịch đáng thương hại quá, bèn đứng lên... Chàng muốn hôn Mịch để an ủi Mịch mà không dám... Ngay lúc ấy thì còi ô tô rúc lên ở ngoài cổng.

Đứa ở chưa kịp chạy ra, Tú Anh đã thoăn thoắt bước vào. Trong lúc bối rối, Mịch chỉ biết đứng ngây mặt ra. Nhanh trí khôn hơn, Long lại ngồi xuống ghế ôm đầu ủ rũ, để chờ cho Tú Anh đã bước vào phòng khách rồi, mới ngước mắt thẫn thờ nhìn lên, làm như không hề có một chút cảm động.

Tú Anh thấy quang cảnh như thế, cũng đứng ngây ra. Chàng phải dùng đến cặp mắt của một viên chánh mật thám để nhìn thẳng vào hai mắt Mịch, để bắt nọn cái tinh thần khó hiểu ấy, Mịch tức thì mất hết cả can đảm, để lộ sự sợ hãi, chân tay run lên, mặt tái đi. Cái tinh thần của Mịch lúc ấy đã đủ tố cáo Mịch và đủ khiến Anh đoán nổi đến chín phần mười mọi sự rồi. Tú Anh so vai một cái, quay lại nhìn Long, thì Long đánh bài lảng bằng cách cứ nhìn xuống đất. Sau cùng, Tú Anh hỏi gắt Long bằng tiếng Pháp:

– Ông! Ồ, ông Long ở đây?

Long không buồn đáp, cũng không buồn nhìn lên. Tú Anh đã cáu lắm:

– Ông Long mà lại còn đến đây được à? Ô hay, nói đi chứ?

Long thản nhiên cũng đáp bằng tiếng Pháp:

– Cái đó không có gì là khó hiểu.

Đến đây thì Tú Anh không thể chịu nổi nữa. Vẫn dùng tiếng Pháp, Anh nói luôn một hồi:

– Ông thử trông lại cái sự ngạo mạn, cái giọng sống sượng, cái thái độ vô lễ của ông xem? Thế ông đã hứa với tôi thế nào? Thế ông đã nói với tôi những gì? Ông nhớ lại xem! Tôi ăn ở với ông thế nào, để bây giờ ông ăn ở với tôi như thế! Ông nên hổ thẹn với lương tâm, nếu ông còn có chút điểm lương tâm!

– Tôi làm gì mà phải hổ thẹn với lương tâm?

– Thế thì ông đến đây làm gì, nếu không để nhớ lại những chuyện cũ? Ông có biết như thế là ông làm hại một người đàn bà có chồng hay không? Ông có biết như thế là lừa dối tôi, và lừa dối vợ chưa cưới của ông không? Ông không phải là người đứng đắn.

Long xua tay một cách chán nản:

– Ông im đi! Ông im đi!

Tức vì bị khinh bỉ, Tú Anh không nhịn nữa:

– Thật đấy! Ông không đứng đắn! Nếu ông không nghe theo tôi thì việc gì tôi còn phải chịu trách nhiệm về sự đau khổ của ông! Tôi xin nói thẳng cho ông biết rằng cái nhân cách của ông ít lâu nay đã suy đốn lắm rồi. Tôi tin cậy ông, coi ông như chân tay, giao tủ bạc cho ông, thì ông chơi bời như một kẻ đãng tử. Bây giờ ông không còn một tí gì là người đáng kính trọng như ngày trước nữa! Ông thử tự vấn lương tâm xem! Tôi đã không muốn nói, bây giờ lại đến đây nữa à? Tôi đã nhầm ông, mà tôi lấy thế làm đau đớn lắm. Ông nên biết ông là người thế nào, mà tôi đây, tôi là người thế nào?

Long cầm mũ đứng lên, nói qua một cái so vai:

– Chỉ sự im lặng là đáng kể...

Rồi ra thẳng, bỏ mặc Mịch với Tú Anh.

Mịch vẫn ngây mặt ra, vì không hiểu hai bên nói với nhau những gì. Sau khi phải nhìn theo Long một cách căm tức. Tú Anh quay lại nhìn Mịch chòng chọc...

XXV

Đứa đầy tớ nhỏ đầu còn để chỏm vừa mới lễ mễ khiêng mâm cơm ra đến sân, Vạn tóc mai đã quát:

– Hãy để mâm cơm mà vào đây quét cái giường đi đã!

Chân tay run lẩy bẩy, mặt tái mét lại, đứa đày tớ để mâm cơm xuống, quay vào cầm lấy cái chổi lông, vừa lóng ca lóng cóng, đưa đi đưa lại, thì chủ nó lại vội vàng cốp vào đầu nó ba cái mà rằng:

– Thôi đưa đây cho bố! Rót mấy chén rượu mau lên!

Rồi Vạn tóc mai quay lại ông cụ già, phân bua:

– Ấy cái cung nô bộc của con thế đấy, bố ạ. Chỉ toàn những đồ ăn cắp, những đồ ăn hại thôi! Chẳng may nhà con nó lại đi Hải Phòng, tiếp đãi bố thế này, con thật lấy làm sơ xuất lắm, bố đại xá nhé! Khổ quá, có mấy món ăn thì mua trên hiệu, ăn xong, đồ nước nôi chả có, rõ bực thật... Vắng người đàn bà thế mà...

Ông già đưa đẩy:

– Chào ôi! Cậu cũng vẽ chuyện lắm. Tiếp đãi thế là hậu, là chu đáo, chứ còn thế nào nữa?

Vạn tóc mai lôi cái khay đèn ở trên xích đông xuống, trịnh trọng bày ra giường. Hắn đưa ra cái hộp sừng bảo đứa nhỏ:

– Đi lấy ba hào, mau lên!

Ông già hỏi:

– Này, định mua thuốc ty hay thuốc ngang thế?

Vạn tóc mai nháy mắt khẽ đáp:

– Ngang đấy.

– Chết! Đừng! Đừng! Năm nay cậu phải đề phòng không khéo lại có quan tụng thì khốn đấy. Năm nay là năm tuổi nhớ chưa?

– Thưa bố, ấy cũng là bần cùng...

Ông già nói ngay:

– Nếu thế thì đây, mua thuốc ty hơn.

Rồi lấy ví lôi ra cái giấy bạc một đồng cho thằng nhỏ. Vạn tóc mai tươi tỉnh ngay lên, tán tụng:

– Sao mà bố ăn tiêu rộng thế hở bố? Mua cả hộp một đồng nhé!

– Thì đã hẳn...

Nhưng Vạn tóc mai lại trù trừ mà rằng:

– Thôi bố ạ. Con chả dám thế. Ai lại thết được bố bữa cơm mà lại đi để bố trả tiền thuốc bao giờ!

– Cậu như vậy thì không được! Cậu muốn tôi còn lui tới nhà này nữa hay thôi? Chỗ tôi với cậu, cái nhỏ nhặt ấy kể làm gì?

Sau cùng Vạn tóc mai vẫn còn làm ra bộ bị nài ép:

– Thôi thì con xin chiều lòng bố vậy.

Nói xong, hắn nhìn ra bên, thấy có mấy tấm mía đường chèo thì vội reo lên:

– A à! Hay! Hay! Để con làm trò quỷ thuật cho bố xem nhé! Mời bố nằm xuống đây nghỉ tạm đi. ... Cầm tiền đi mua thuốc đi đã, rồi hãy rửa bát chứ! Để hộp sừng lại! Mau lên, mua một hộp một đồng... đến cờ bài ấy!

Thằng nhỏ cầm tiền cắm cổ chạy đi.

Ông già cởi áo ngoài ra, nằm xuống cạnh khay đèn. Vạn tóc mai cầm mấy tấm mía về khay đèn, ngồi xổm chồm chồm. Hắn vê một viên xái cho một đầu nhọn hoắt lại như đầu đanh. Hắn để cho đầu nhọn viên xái chổng ngược lên, méo xệch mồm ra cười mà nói rằng:

– Con đóng viên xái như đóng đanh vào tấm mía cho bố xem nhé.

– Thế kia à?

– Bố trông đây này!

Rồi Vạn tóc mai cầm tấm mía như người ta cầm roi chầu vụt xuống viên xái nhọn để trên mặt giường đánh sập một cái. Khi hắn giơ tấm mía lên mắt ông già, viên xái quả nhiên đâm vào tấm mía như đinh đóng vào cột. Ông già reo lên:

– Lạ nhỉ! Vỏ mía rắn thế mà sao viên xái lại đâm xuyên vào thế nhỉ?

– Thế mới quái! Chính con, con cũng không hiểu ra làm sao... Chắc hẳn hai cái ấy nó kỵ nhau đấy, bố ạ.

– Có lẽ thế. Thử làm nữa đi xem nào.

Vạn tóc mai nghe theo, lại làm lần nữa, và kết quả cũng như lần trước.

– Lạ thật!

Vạn tóc mai reo lên:

– Còn phải kể! Cha mẹ ơi! Giời cao đất giày ơi! Trô năm sáu năm nay rồi, mà sự nghiệp chỉ có phát minh được có thế đấy. Bố bảo lại không hao cơm tốn áo à?

– Thật là lần đầu tiên tôi trông thấy một sự lạ như thế.

– Ấy là vì điều ấy chỉ có con là phát minh ra được mà thôi! Đời nào bố lại thấy ai thí nghiệm như thế được! Con phải giấu cái sự lạ ấy như một môn thuốc gia truyền.

Rồi hắn lại ngửa cổ cả cười, cái mồm méo xệch. Hai người nằm trầm ngâm một lúc lâu. Ông già ra vẻ mệt mỏi, thiu thiu ngủ.

Lúc ấy gần sáu giờ chiều. Phố Mới tấp nập những người đi lại. Tiếng phu xe, phu khuân đồ, xếp khách bộ hành hoặc quát tháo lẫn nhau rầm rĩ... Tiếng đàn bà chửi nhau trước nhà Vạn Bảo đinh tai. Phố đã đông sẵn, lại thêm lúc chợ Đồng Xuân tan, nên càng náo động. Gió thổi vào những cây dâu gia dại làm cho những quả đỏ hỏn rơi rào rào xuống đường. Ở dưới nhà, đứa bé con chú khách ở thuê, ê a học như nhai chữ, nghe đến hay.

–... Cha thằng ranh con! Đi có thế mà lâu thế!

Ông già sắp ngủ thì bị lời chửi của Vạn tóc mai làm cho phải mở choàng mắt ra. Ông bèn ngồi nhỏm dậy, hút một mồi thuốc lào.

Thằng bé ở về, chưa kịp cãi đã bị mấy cái tát của chủ nó.

Rồi Vạn tóc mai nằm xuống ngoay ngoáy tiêm...

Ông già hỏi:

– Mợ ấy xuống Cảng làm gì mà lâu thế?

– Ấy nhà con đã về hôm kia, rồi lại đi ngay. Nhà con nó xuống xem họ có để lại cho cái tiệm khiêu vũ không, thì rồi chúng con xoay... Bố ạ, cuộc đời cứ mãi như thế này thì chán lắm. Bố ơi, bố bấm xem cho con năm nay thế nào...

– Tôi đã bảo năm nay cậu đại phát tài mà sao cậu cứ hỏi mãi thế!

– Con chả thấy gì là phát tài cả.

– Thử nhớ kỹ ra xem nào!

– Nhưng mà phát chưa?

– Rồi. Mà hàng bạc nghìn!

Vạn tóc mai vỗ đùi đánh bốp một cái, nói:

– À mà phải! Con vừa được cái nhà này thật!

– Thế chứ còn muốn gì nữa?

– Nhưng mà chán lắm, bố ạ. Mỗi tháng vài chục bạc tiền nhà, chả đủ ăn. Vả lại mang tiếng là con cụ Nghị Hách, tiếng giàu lừng lẫy cả nước, mà lại có mỗi một cái nhà, thế là nghĩa lý gì? Phần gia

tài con đáng được hưởng ít ra cũng phải trên chục nóc chứ? Thế bố lên trên ấy vừa rồi thì có gặp ông via nhà con không? Có nước non gì không? Mời bố xơi thuốc!

– Cậu cứ hút cho đủ đi. Tôi chơi bời tiêu khiển, một vài điếu, để chốc nữa... Tôi lên có gặp cụ, nhưng cụ vẫn không nhớ được ra tôi là ai... thì còn ăn thua quái gì?

– Con xin phép bố vậy nhé?

Vạn tóc mai lấy gân cổ kéo hơi thuốc, trong khi ông già nói tiếp:

– Cứ kể ông cụ đãi cậu như vậy cũng là không phải. Con nào chả là con? Sao lại con yêu, con ghét như thế?

Vạn tóc mai đặt phịch dọc tẩu xuống, ngồi nhỏm dậy hãm một chén nước nóng, nghẹn ngào nói bằng giọng đầy những căm hờn:

– Có phải thế không, hở bố? Ông via nhà con thì đáng giận ghê lắm, bố ạ. Bố thử nhìn thằng Tú Anh rồi nhìn đến con mà xem? Một đằng thì có học thức, danh giá tiền tiêu như rác. Một đằng thì nghiện hút, nghèo đói, chạy từng đồng xu! Sự đời đến thế thì chó thật, bố ạ.

– Cậu cứ yên tâm, tôi bảo số cậu cũng không đến nỗi nào mà...

– Tình cờ mà con gặp bố rõ quý hóa quá!

– Thật thế, nếu không đả động đến cụ Nghị Hách thì chắc hôm nay, đôi ta chưa thân với nhau thế này.

– Chính thế đấy, bố ạ. Bố ơi, cái bữa ở tiệm ấy, sao mà trông thấy bố mới lần đầu, mà bố chỉ hỏi con có một câu, thì con đem lòng kính trọng ngay thôi! Âu cũng là duyên nợ gì đấy, nhỉ bố nhỉ! Gớm, mấy hôm bố lên trên ấy vợ con nó cũng đi, con buồn quá, con nhớ bố quá đi mất! Con giới thiệu cho bố được nhiều người lắm đấy, bố nhé.

– Ấy chết! Làm gì thế?

– Con xin cam đoan với bố rằng nếu bố cứ chịu khó lấy độ năm đồng bạc một lá số tử vi thôi, thì chỉ trong một tuần lễ, bố cũng kiếm nổi trăm bạc.

– Đừng!

– Thật thế đấy, bố ạ. Con đi quảng cáo cho bố ở mấy tiệm, ai cũng phục lăn ra. Ai cũng khao khát muốn gặp bố lắm đấy! Nếu bây giờ bố chịu ở đây mở ngôi hàng xem số cho thiên hạ thì mấy anh thày Tàu, những anh Thần Cốc Tử, những anh Quỷ Cốc Tử chẳng hạn, là cứ chết nhăn răng ra...

– Tôi có làm nghề ấy hẳn đâu! Cậu nhầm lắm. Mở hàng xem số, hạ giá mình đi! Thỉnh thoảng xem cho một người thôi, nhưng đã xem thì phải lấy thật nhiều tiền, như thế một lần xem hai lá số cũng đủ chi dùng. Chả nói giấu gì cậu, vừa rồi tôi xem cho cụ Nghị, cậu có biết cụ tiễn tay tôi bao nhiêu không?

– Thế à? Hay! Bao nhiêu hở bố?

– Năm trăm đấy!

– Năm trăm! Ồ! Thế thì hả quá, hả quá bố ạ! Bất cứ ai, hễ mà làm tiền được ông via nhà con thì con cũng sướng.

– Không nên thế. Không nên coi ông cụ là tử thù như thế.

– Giời ơi, bố biết sao được? Bố có là con đâu? Phải vào địa vị con, thì mới có những nỗi uất ức như con. Bực lắm, bố ạ.

– Thấm vào đâu! Đến một thằng chàng rể cũng còn hưởng bằng vạn con kìa, bố ạ. Bố xem cái thằng Long đấy, cái thằng sắp lấy con Tuyết mà con đã chỉ cho bố ở hiệu cao lâu Thiều Châu đấy! Nó là con cái nhà ai, bố có cần con phải nhắc lại không? Nó là một đứa trẻ hoang! Một đứa không cha không mẹ! Nó sống vì hội trẻ con bồ côi dưới Hậu Giám đấy! Rồi nó xin được chân thư ký ở trường Đại Việt, bố đã nghe ra chưa? Thế rồi nhờ cái tài nịnh hót của nó, Tú Anh nhất định gả em gái cho nó đấy. Thằng Long là một thằng có óc đào mỏ, mà Tú Anh thì là thằng ưa phỉnh, rõ thế mới thảm hại cho thân đời con Tuyết chứ! Từ độ nó là vị hôn phu của con Tuyết rồi thì Tú Anh giao ngay tủ bạc cho nó, để cho nó chi những chầu hát hàng hai ba chục một, bố có biết không? Ấy chưa cưới mà hai đứa vẫn lẩn lút đem nhau đi chơi luôn. Không khéo đến ngày cưới thì cô ả ễnh ruột ra mất rồi! Con rất lấy làm lạ rằng một người như ông via nhà con, một người không sợ ai cả, mà lại cứ sợ con mình là thằng Tú Anh! Chính Tú Anh buộc ông cụ phải gả con gái cho thằng không cha không mẹ ấy đấy, chứ như ông via nhà con ít ra cũng phải gả cho con một ông tổng đốc nào chứ? Gả con cho đứa con hoang, không biết cha mẹ nó là những quân cha căng, chú kiết nào, thế là nghĩa lý gì?

– Cậu không nên buộc tội cậu Anh! Tôi hiểu việc ấy lắm. Ông cụ Nghị xưa kia xuất thân chỉ là cai phu mỏ, bây giờ mới giàu. Vả lại chẳng cần phải gả cô Tuyết cho con quan thì cụ Nghị đã thông gia với quan rồi...

– Sao thế ạ?

– Cụ Nghị đã hỏi con gái quan Tuần Hà cho cậu Tú Anh, cậu có biết không?

– À, vâng!

– Bởi thế cho nên cậu Tú Anh mà buộc cụ Nghị gả con cho cậu Long thì chỉ là vì muốn tránh cho cụ Nghị cái tiếng giàu lỏi học làm sang, chỉ là vì muốn cụ Nghị được tiếng là có óc bình dân, chứ không phải cứ muốn làm thông gia với nhà quan mà thôi, cậu hiểu chưa?

– Thế cũng có lý. Nhưng mà không nên vì thế mà chưa chi đã để cho thằng chàng rể phá của, để nó lôi em tôi đi đâu cũng đi.

– Tôi đã bảo số nó được thế, thì cậu cứ mặc nó mà lại... mình càng tức bao nhiêu, chỉ càng khổ cho mình.

– Nào phải chỉ có thế mà con tức, bố ơi! Ngay cả con vợ lẽ nữa, cũng hưởng ghê gớm lắm. Một cái biệt thự ở phố Quan Thánh! Xe nhà! Bố mẹ ra chơi, tiền tiền xe hàng mấy chục! Tức lắm, bố ạ.

– Nếu cậu đã tin rằng người ta ở đời có số cả thì cậu nên thản nhiên sự đời đi thì mới phải. Học lý số chỉ lợi được có một điều ấy.

– Bao giờ cụ via chia thêm cho con mấy cái nhà nữa, cho con cũng góp mặt được với đời như mọi người, thì con mới nguôi cái tức giận. Bố ơi, bố xem số cho con, hai mươi điều về dĩ vãng đều đúng cả hai mươi, con chỉ phân vân về những điều hậu vận. Xem chừng bố không chịu để ý kỹ, không bấm kỹ... Sao thế, hở bố? Liệu mai sau con có thể giàu có, danh giá được hay không? Thật quả chỉ có đối với bố, là con mới ngỏ cái tâm sự khốn khổ của con ra đây. Con nghĩ đến cô vợ lẽ cụ via được nưng như trứng, hứng như hứng hoa như thế, rồi con nghĩ đến cái cách cụ via cư xử với mẹ con, thì lắm lúc con chỉ muốn đâm chết cụ via mà thôi! Còn về bà cả dưới Hải Phòng thì con chả tức làm gì, vì người ta là vợ cả.

– Bà vợ cả ở dưới ấy độ này ra sao?

– Đồng bóng chứ còn ra sao nữa? Vứt đi hàng trăm, hàng nghìn vào các cửa đền cửa phủ, chứ còn sao nữa? Nhất là con Tuyết, con Loan, hai đứa thật là phá gia chi tử! Mỗi khi có một gánh hát Nam Kỳ ra đây thể nào chúng nó cũng tốn kém vài trăm bạc để mời các ông tướng tài tử đi hút, đi ăn. Chúng nó phá của ghê lắm, tự do ghê lắm... Lạy Giời lạy Phật cho chúng nó đi lấy chồng mà ngày nhị hỉ, lợn quay đem về thì cụt tai, để xem cái mặt hợm đời của bà cả vác lên ra làm sao!

Vạn tóc mai ngừng lại nhìn ông già, khi thấy ông vẫn thản nhiên như không, lại nói:

– Này bố ạ, bố đã xem số cho cụ via thì hẳn bố phải biết...

– Cái gì thế?

– Bố bảo rằng cứ một lá số tử vi, bố cũng có thể đoán ra nổi là nhà nào có chuyện loạn luân không, có phải thế không?

– Có thể lắm.

– Thế bố xem lá số của cụ via thì sao?

– Nhiều chuyện lạ lắm, nhưng không thể nói ra được.

– Bố có biết về bà vợ cả cụ via ra sao không?

Ông già ngồi lên, điềm tĩnh đáp:

– Bà vợ cả là người hư chứ gì!

Vạn tóc mai vỗ đùi:

– Chính đấy!

Một lát lại nói một cách rất bí mật:

– Này, bố này, con nói điều này thì bố phải giữ kín, sống để dạ chết mang đi, nhé? Bố phải nhớ rằng một người thứ ba nữa mà biết thì con sẽ mất mạng nhé! Mà nếu con mất mạng thì tại bố hại con đấy nhé! Bố nghe ra chưa?

– Cứ nói đi mà... Ai là trẻ con?

– Hiện giờ, bà vợ cả vẫn đi ngủ lang với một thằng cung văn! Thằng cha bòn rút ghê lắm. Hiện đã làm nhà cho nó rồi đấy.

– Thế à?

– Trong lúc ấy thì cụ Nghị Hách nhà ta vẫn tưởng vợ giữ vững lề thói nhà lương thiện, vẫn cứ hiếp... thiên hạ văng tê đi thôi! Con cho Giời cũng có mắt lắm, bố ạ.

– Chắc không? Sao cái gì cậu cũng biết thế?

Vạn tóc mai lại méo xệch mồm, đắc chí cười mà rằng:

– Còn cái gì mà con không biết? Con, con là sở mật thám đấy, bố ạ. Đó là cái kỳ tài của làng bẹp! Nói đấy, chứ việc ấy sở dĩ mà con biết được là vì nhà con nó đi Hải Phòng vừa về.

– Cậu có dám quả quyết việc ấy là đúng sự thực không?

– Chắc lắm. Nhà con nó tinh lắm, không bao giờ nhầm. Nó mà đã điều tra thì còn phải kể... Nó làm báo cũng được kia đấy, chứ bỡn!

Ông già trầm ngâm một lúc lâu. Từ đây trở đi, ông có vẻ mặt buồn rầu. Ông hút luôn năm sáu điếu thuốc phiện khiến cho Vạn tóc mai phải lấy làm lạ. Sau cùng, ông nói:

– Cậu Vạn, cậu có muốn được vài cái nhà nữa không?

– Bố ơi, sao bố lại hỏi xỏ con như thế hở bố?

– Đấy, cậu đã có khí giới trong tay rồi đấy. Nếu cậu thông minh một chút thì cậu sẽ thành công...

– Làm sao? Bố muốn bắt con từ nay nịnh hót lão già hay sao? Thôi đi, bố ạ. Dù con muốn nịnh cũng không xong, vì những khi lão già về đây, con muốn vào chào mà không lần nào là lão không cấm cửa, chỉ thoái thác bằng đủ các cớ.

– Không! Không phải thế!

– Thế thì làm cách nào?

– Cậu thử cố nghĩ ra xem!

– Con chịu.

– Cố nghĩ đi.

– Bố ơi, thế thì làm sao bố lại ác thế?

– Làm cách nào cho cụ phải đau khổ về tinh thần...

– Đau khổ về tinh thần?... Có lẽ được. Nhưng mà, bố ạ, con chắc cái con người ấy thì không bao giờ đau khổ cả!... Lừa lọc mọi người, cầm nhà bắt nợ mọi người, giết người, hiếp... người, những việc như thế không phải người thường làm nổi. Con chắc cụ via nhà con có một quả tim bọc sắt, hoặc là không có quả tim!... Đã thế, còn việc gì khả dĩ làm ông già đau khổ được?

– Cậu nhầm! Cụ Nghị xưa nay tham lam, tàn ác làm hại mọi người, mà không sợ ai đau khổ, mà không thương ai, ấy chỉ vì là tại cụ Nghị chưa đau khổ bao giờ đó thôi. Một người chưa hề đau khổ thì vẫn ích kỷ. Bây giờ phải làm thế nào cho ông cụ thật đau đớn, đau đớn đến chán đời! Nếu ông cụ phải chán đời, thì còn bo bo giữ của làm gì nữa? Thì còn nghĩ gì mà chả cho thêm cậu vài cái nhà? Cậu cứ làm đi, thiên hạ, có khi cũng sẽ nhờ cậu mà đỡ khổ sở.

– Bố ơi! Bố nói thật chí lý lắm! Mà việc ấy phải hành động như thế nào, bố chả cần dặn bảo con cũng hiểu ngay! Con xin bái phục bố đấy! Con nghĩ ra rồi.

Vạn tóc mai reo xong, nháy mắt mấy cái. Hai người im lặng nhìn nhau, bốn con mắt đầy một thứ ánh sáng sung sướng vì hiểu nhau.

Vén quần lên đến bẹn, Vạn tóc mai vỗ đùi đánh bốp một cái, đoạn vớ lấy ấm nước nóng, ngửa cổ tu một hơi cực dài.

XXVI

Chuyến xe lửa tốc hành từ Nam Kỳ ra chỉ đỗ tại ga Văn Điển có ba phút, rồi một tiếng còi, xe lại rầm rộ chạy. Chưa hiểu đầu đuôi gì cả, Long cứ mở cửa toa hạng nhì, đi thẳng vào. Cả toa chỉ có một người đàn bà mặc áo xanh da trời đương ngồi xem một tờ báo, mà tờ báo thì che lấp mất cả mặt người ấy. Long đi nữa, rồi phải quay gót lại, vì trừ hành khách ấy ra, trong cả toa không còn thấy một ai... Chàng đứng ngẩn ngừ hồi lâu, lôi ở túi ra mẩu giấy điện tín mới nhận được hai tiếng đồng hồ trước "Mau đi đón tôi từ ga Văn Điển, trên toa hạng nhì". Mẩu điện tín chỉ báo có dòng chữ ấy, lại không ký tên. Vậy người mà Long phải đón là ai? Hay là sở Bưu điện đã gửi nhầm? Long lật mẩu giấy... quả nhiên điện tín gửi cho Long ở trường Đại Việt, rõ ràng rành mạch lắm... Trong lúc phân vân Long muốn hỏi thăm nữ lang đọc báo xem có còn ai là hành khách nữa không, khốn nỗi tờ báo che kín cả mặt nữ lang như thế thì chàng không biết nên cứ mạn phép hỏi hay là đừng làm phiền người ta? Mà biết xưng hô như thế nào? Người đàn bà ấy già hay trẻ? Thưa bà hay thưa cô? Hay là sỗ sàng lôi tờ báo xuống để rõ mặt người ta rồi sẽ liệu gọi?

Long đương quay một vòng tròn, với bộ mặt tần ngần, thì một chuỗi cười ròn rã làm chàng phải sửng sốt, người khách ngồi đọc báo chính là Tuyết chứ nào phải ai? Sau khi vất tờ báo xuống bên, Tuyết cứ ngửa cổ cười rũ rượi...

– Rõ nợ lắm! Thế mà cứ để người ta phải bối rối mãi!

Nói xong, Long đến ngồi bên cạnh, hôn vợ chưa cưới bằng một cái hôn rất dài. Tuyết... vẫn cứ vừa cười, vừa nói:

– Ngộ quá nhỉ mình nhỉ? Chắc mình ngạc nhiên lắm. Tôi nhìn trộm thấy cái bộ mặt tần ngần của mình, mà tôi buồn cười quá đi mất! Biết thế để cho anh chàng lúng túng mười phút nữa lại hóa hay!

– Đi đâu mà lại có một mình, mà lại bắt người ta đón rước thế này?

– À, em đi Sầm Sơn về. Em đi với Loan, nhưng mà nó hơi mệt, nên bà Hán còn lưu nó lại, để em về thẳng Hải Phòng, nhưng mà em lại nghĩ rằng về trước để gần mình một hôm rồi mai mới về nhà cũng không sao. Mai, cũng giờ này, em về nhà, rồi em sẽ nói dối mẹ là từ Thanh Hóa về thẳng. Anh em vẫn mạnh đấy chứ?

– Vẫn như thường. Hình như cũng nội trong năm nay, anh ấy cưới vợ...

– Chính thế đấy.

– Định vào tháng nào, Tuyết có biết không?

– Nhà đã định em lấy chồng xong, thì đến lượt anh Tú đấy.

Nói đến đấy, Tuyết ngừng lại, mỉm cười sung sướng hồi lâu rồi mới tiếp:

– Hôm nọ, anh ấy xuống Hải Phòng với mẹ, nói chuyện nhiều lắm. Anh Tú có trách em hư lắm, nhưng mà trách qua loa thôi.

– Những khi ta đi với nhau thế này, hẳn anh ấy cũng biết?

– Dễ thế đấy, mình ạ. Nếu không, sao anh Tú em lại dặn em thế này này: "Mày phải cẩn thận đấy. Người ta sẽ là chồng mày chứ không phải nhân tình của mày suốt đời. Nếu mày dễ dãi quá, thì người ta khinh đi cho. Vì nghĩ rằng lấy nhau thì cần phải hiểu tính nết của nhau nên tao cũng phải dằn lòng theo tây mà ngơ cho chúng mày chứ thỉnh thoảng được gần gũi nhau, chứ ngăn cấm hẳn thì cũng mang tiếng là cổ hủ... Nhưng mà mày phải cẩn thận mới được!" Em chỉ cúi đầu vâng chịu một cách vui vẻ chứ cũng không dám cãi lại gì.

– Anh ấy đã bảo thế mà chúng ta cứ thế này thì thật không phải quá.

Tuyết giương to cặp mắt đen láy, ngơ ngác, nói:

– Sao? Miễn đôi ta đừng có điều gì bậy thì thôi chứ gì? Anh lại không có quyền yêu em rồi đó hay sao? Em lại không được phép yêu anh rồi đó hay sao?

Long không đáp. Xe lửa chạy qua một cái cầu sắt nhỏ. Bị nghiến dưới những bánh sắt nặng hàng nghìn tấn, cái cầu sắt rên lên sầm sầm. Long cầm lấy tờ báo, lướt mắt đọc qua những hàng tít rồi chán nản bỏ rơi xuống. Cả hai người trầm ngâm nhìn qua, cứ theo đà chuyến xe tốc hành mà lắc la lắc lư. Chợt Long quay lại:

– Thế bây giờ về Hà Nội thì làm thế nào? Với anh Tú, chắc là không được rồi...

– Em đã nghĩ rồi, mình ạ. Ta thuê buồng ở một khách sạn tây thì không còn ai biết được nữa. Buổi chiều chúng ta sẽ ăn cơm tây với nhau. Rồi đêm nay anh lại chuyện trò với em cho đến mai thì em về Hải Phòng.

– Cũng được.

– À, nhưng mà hôm nay anh có bận gì không?

– Bận đấy, nhưng kiếm cớ với anh Tú xin nghỉ hoặc cáo ốm cũng dễ.

Long đáp xong liên miên suy nghĩ. Chàng rất ngạc nhiên về cái tự do táo tợn của vị hôn thê. Tuy vậy, Long phải giữ nét mặt điềm đạm như coi ý định của Tuyết cũng không vượt quá lẽ thường. Thật vậy, Tuyết đã đi nhanh hơn cả Long nữa. Chàng tự nghĩ: "Phải đã hỏng lắm lắm thì một người con gái mới táo tợn đến như thế được". Bao nhiêu tư tưởng đen tối của sự ghen hờn lại sôi nổi lên trong óc Long.

Xe lửa đến Hà Nội.

Long và Tuyết đến Hotel de la Gare, cả hai tự nhiên như một cặp vợ chồng. Trong khi đi mấy bước đường, Long xách cái va ly nhỏ của Tuyết.

Thuê được phòng rồi, Tuyết cứ nguyên áo dài, cũng không cởi giày, nằm vật xuống cái giường tây.

– Giời ơi, mệt quá! Anh ngồi xuống đây với em đi anh... khép cửa lại đã, anh ạ.

Như một cái máy, Long khép cửa rồi quay về ngồi bên Tuyết, mặt thẫn thờ, Tuyết hỏi:

– Sao lúc nào trông anh cũng buồn rầu thế?

– Không! Anh có buồn gì đâu?

Long tuy chối cãi, xong cũng chẳng nghĩ gì đến lời mình chối cãi. Vẻ tự nhiên bạo dạn của Tuyết lúc mới vào khách sạn, giọng phán bảo của Tuyết xuống cho bọn bồi, làm cho Long thấy Tuyết là thạo đời lắm. Long nghĩ thầm: "Giời ơi, một thiếu nữ mà thạo đời! Mà lại thạo đời trong những lúc vào khách sạn thuê buồng!" Bất giác Long lại nhớ đến cử chỉ của Tuyết từ lúc mới gặp Tuyết. Tự nhiên Long thấy việc được Tú Anh gọi gả em cho là khả nghi, là có một ủy khúc gì mà chàng không khám phá ra nổi. Long trờn trợn thấy rằng Long sẽ là hạng người lấy vợ thừa mà rồi phải câm miệng hến, vì nếu Long có muốn kêu gào thì người ta sẽ đem những giấy bạc và ngân

phiếu ra để dán vào mồm Long. Chàng tự xét không có cái tài đức gì đáng hưởng sự tử tế của Tú Anh, nếu những sự tử tế ấy không là giả dối. Phải, phải, tất nhiên Tuyết đã nhị rữa hoa tàn rồi thì người ta mới phải gả cho một kẻ của hội nuôi trẻ mồ côi! Mà nếu không thì ít ra Tuyết cũng đã hư hỏng theo cái lối bọn phụ nữ lẳng lơ tột bậc, có hàng chục bạn trai và nhân tình, rất lẳng lơ nhưng rất khôn ngoan, không giữ gìn cho tuyết sạch giá trong mà tựu trung vẫn giữ được tuyết sạch giá trong, đã lần lượt cho nhân ngãi làm đủ mọi trò ô trọc nhưng chưa cho ai hưởng cái "ân huệ cuối cùng". Trước khi có chồng, thì phải hấp tấp hưởng mọi lạc thú của tuổi xuân, mà đến khi lấy chồng, vào buổi tối tân hôn, vẫn còn đủ điều kiện để thỏ thẻ với anh chồng khù khờ: "Này mình ơi, em chưa hề yêu ai cả!". Long bất giác nghĩ đến cuốn truyện Les demi-vierges [1] của Marcel Prévost. [2]

Sức liên tưởng làm cho Long nhớ lại một bữa cơm ở cao lâu Thiên Châu trong lúc ấy Tuyết đã bắc bậc kiêu kỳ mà nói với Long những là: "... đáng lẽ ra, tôi phải lấy một người chồng làm đốc tờ, làm thày kiện, làm giáo sư...". Thế thì sao nó lại lấy mình? Sao nó lại yêu mình? Long tự hỏi như vậy thì thấy bao nhiêu động lực của sự hoài nghi, của sự giận dỗi, của lòng tự ái bị thương, làm cho quả tim trong ngực chàng phải khám phá cho ra mới được!

Ý đã quyết, Long quay lại dịu dàng:

– Sao Tuyết không cởi áo ra cho mát?

Ngây thơ, Tuyết:

– Cho em nằm tạm một chốc đã.

Trông thấy Tuyết vẫn cứ ngây thơ như thế, Long lại càng yên trí Tuyết chính là hạng gái ngây thơ, vui vẻ mà đi đến tội lỗi, chính là hạng gái hư hỏng một cách khôn ngoan, dâm đãng một cách nhu mì, lẳng lơ một cách ngây thơ! Cái bề ngoài, cái bề ngoài khốn kiếp mà bọn phụ nữ hiểm độc vẫn dùng thay phấn sáp để đến nỗi bọn nam nhi, từ thượng cổ đến nay, đã biết bao thằng mù lòa đi lấy vợ thừa, kể về đủ mọi phương diện, và biết bao nhiêu thằng ngu xuẩn để cho vợ lừa chầm chập mà không hề nghi ngờ gì cả. Phải nghĩ như thế, Long thấy một mối đau khổ nó làm tê tái nao nao cả cõi lòng. Tuy nhiên chàng vẫn tươi, nói:

---

1. Những bán xử nữ.
2. Mácxen Pơrêvốts.

– Em đi tàu như thế tất phải mệt lắm... À, thế nào, đã ăn cơm sớm chưa?

– Chưa ăn cơm nhưng em đã ăn tạm một cốc sữa và một mẩu bánh, bây giờ cũng chưa thấy đói. Còn anh?

– Đã, anh ăn rồi mới đi xe hơi xuống Văn Điển đón Tuyết đấy.

– Anh tốt lắm.

Long bỏ áo ngoài, cởi giầy tây... Thốt nhiên Tuyết ngồi lên, kêu:

– Giời ơi, nóng quá!

Rồi Tuyết đứng lên cởi bỏ áo ngoài... Tuyết cười khanh khách, thêm:

– Lúc ra ga, sợ nhỡ tàu, em vội quá thành thử phải mặc quần áo ra ngoài áo tắm đấy, anh ạ.

– Thế mà lại không ướt áo ngoài?

– Buổi sáng hôm nay em chỉ lững thững dạo chơi bờ bể chứ có tắm đâu?

Câu đáp ấy khiến Long phải nghĩ ngay đến những bọn con giai ăn chơi vì vô nghề nghiệp, vẫn kéo nhau đến bãi biển để nói chuyện nhảm, những thằng đã cầm máy ảnh chạy theo Tuyết như một đàn ruồi, những thằng có số đào hoa được bọn phụ nữ chim chuột qua loa chốc lát cho khỏi phí thì giờ, những thằng có lẽ được hưởng những cái cười khả ố, hoặc khả ái của Tuyết...

– Tuyết mặc áo tắm trông hẳn phải đẹp lắm đấy nhỉ?

– Chị em của em vẫn khen cái thân thể của em có vẻ đầm lắm đấy, anh ạ.

– Cho anh xem với nào!

– Ừ nhé!

Vẫn ngây thơ, Tuyết cởi áo dài... Rồi áo ngắn... Đến khi cái quần nhiễu trắng của Tuyết rơi xuống đất thành một vòng tròn thì Tuyết hiện ra như một nàng tiên trong một giấc mộng hãn hữu của Long. Màu đen nháy của cái áo tắm làm cho nước da của mỹ nhân trắng nõn trắng nà. Một cái ngực nở nang như của đàn bà tây phương. Hai cái đùi khỏe mạnh, đầy đặn, phốp pháp, Long chạy đến ôm choàng lấy Tuyết.

– Giời ơi! Em đẹp quá! Đẹp quá đi mất!

Tuyết mỉm cười không đáp, nhắm mắt lại, ngửa cổ ra.

Long vừa nói vừa thở:

– Tuyết ơi! Tuyết ơi! Tuyết yêu quý của anh ơi!...

Chàng bế bổng cái kỳ công ấy lên tay, đem đến giường. Cái quạt trần chạy vù vù. Hàng nghìn con ve sầu ca hát ngoài sân. Ánh nắng bị lọc qua lần diềm ở cửa kính làm cho gian phòng có cái không khí mát mẻ dễ chịu.

– Mình ơi, mình có yêu em không?

– Không yêu mà lại như thế này à?

– Mình không bao giờ được phụ em đấy nhé?

– Còn phải nhắc lại cái câu ấy đến một nghìn lần thì bực lắm.

Long phủ kín cả mình mẩy Tuyết bằng những cái hôn nồng nàn, yêu đương. Sự hoài nghi, sự tò mò, lòng căm hờn, làm cho Long hóa ra rất đáng yêu... Khi Long thấy trên nệm có mấy giọt máu đỏ thì chàng mới được sung sướng như những người chồng đã được chứng cớ là vợ còn nguyên vẹn, vào tối tân hôn. Long bất giác hối hận, thấy mình đối xử với Tú Anh như vậy, thật là chó đểu. Nhưng chàng vội xua đuổi ngay sự hối hận quá muộn ấy bằng cách tự nhủ: "Tuy nhiên cũng chả hề gì. Thà biết rõ để mà phải hối còn hơn cứ hoài nghi". Còn Tuyết thì nằm sấp mặt, tỉ tê bắt đầu khóc...

Trước cảnh ấy, Long bồn chồn cảm động, thấy Tuyết đáng thương vô cùng. Chàng thấy một cách sâu xa rằng từ đây mà đi là chàng có trách nhiệm rất nặng nề về hạnh phúc cả một đời Tuyết.

Long lại bắt đầu yêu... Long yêu một cách xót xa nồng mặn, hằn học, yêu như mới yêu lần đầu, yêu như chưa bao giờ yêu đến thế. Chàng gục đầu vào mặt người vợ chưa cưới:

– Tuyết ơi! Tuyết yêu quí nhất đời của anh ơi, anh xin lỗi Tuyết. Đừng việc gì mà buồn, đó là chúng ta yêu nhau chứ có sao đâu? Từ đây mà đi, anh xin thề với Tuyết là sẽ yêu em trọn đời, sẽ trung thành với Tuyết như một con chó, mà nếu không được ăn ở với Tuyết suốt đời thì anh sẽ tự tử, mặc lòng là tại Tuyết hay tại ai cũng vậy.

– Nói nhời xin giữ lấy nhời!

– Chúng ta chẳng lấy nhau đến nơi rồi hay sao? Việc gì mà khóc?

Tuyết vòng hai cánh tay ngà ngọc chung quanh lưng của Long. Hai người lại sống những phút bàng hoàng: vừa lo sợ, vừa sung sướng. Nhưng chợt ba tiếng chuông đủng đỉnh trong một cái đồng hồ

trên tường đã vội làm cho Long giật mình, phải tự tháo gỡ ra ngoài sự ôm ấp của Tuyết.

– Cho anh về xin phép anh Tú đã nhé? Cứ ở yên đây nhé? Mười phút nữa anh quay lại nhé? Ừ không?

– Ừ! Mau lên! Anh nói dối cho khéo vào đấy.

Long vội vã ra đường, gọi xe về trường Đại Việt. Đến cửa trường, Long bực mình vì thấy một chiếc xe hòm mới sơn, nước kền còn bóng ngáng, đỗ nghênh ngang... Nếu Tú Anh bận tiếp khách thì Long không vào xin phép ngay được, vì Tú Anh nghiêm lắm, đến các giáo sư cũng vẫn phải theo cái lệ ấy. Long vờ đến phòng mình thì người gác trường nói một câu như nói vu vơ:

– Văn minh tây, tàu có khác!

Long hỏi:

– Làm sao? Cái gì?

Người gác lại đủng đỉnh:

– Chưa lấy nhau mà đã...

Chột dạ, Long hỏi gắt:

– Ông muốn nói gì, tôi không hiểu đấy!

Người gác ghé vào tai Long, thì thầm:

– Ông đốc bận tiếp vợ chưa cưới, con quan Tuần. Cô ta đến tận nơi tìm ông đốc đấy. Thật là tây đầm, cậu ạ. Tôi nghe trộm họ nói...

Long nghiêm mặt, cắt đứt:

– Ông tò mò như thế là vô lễ! Nếu ông không muốn thất nghiệp, thì ông liệu cái thần xác ông đấy!

Người gác tái mặt lại. Long bỏ đấy, rón rén lên thang. Chàng đứng ngoài phòng, và cũng như người gác đã bị mắng, lắng tai nghe thì thấy trong phòng giấy họ nói:

– Ông cho phép tôi gọi ông là anh nhé? Xưa kia ở Litxê, chúng ta chả coi nhau như anh em rồi là gì?

– Được thế thì sung sướng lắm.

– Anh ạ, nếu việc đôi ta mà thành thì hay lắm. Tôi không hề dám nghĩ đến thế đấy.

– Chắc hẳn có duyên giời...

– Tôi chỉ còn hơi bất mãn là việc chúng ta lại do cụ Nghị chứ không do anh mà nên. Như vậy chúng ta lấy nhau không phải vì ái tình mà vì bổn phận...

– Thì cũng phải có do ý muốn của tôi thì mới xong chứ?

– Người ta đồn là cụ Nghị phải ép anh, anh mới nghe. Tôi cứ phải nghĩ đến điều ấy thì tôi bực lắm.

– Nếu tôi yêu cô thì cô biết à? Một người như tôi có yêu ai thì cũng yêu cho kín đáo chứ?

– Tôi muốn rõ điều ấy lắm mà không biết được! Tôi muốn lấy chồng vì ái tình chứ không muốn lấy chồng vì bổn phận! Tôi muốn rằng anh lấy tôi thì ít cũng phải vì... yêu.

– Nói dở lắm, không yêu thì ai lại lấy!

– Tôi ước rằng ông cụ nhà tôi gả tôi cho anh, không vì tham sang. Tôi ước rằng trong việc này chỉ có lòng yêu của anh, và của tôi, của đôi ta... là đáng kể. Như thế mới có hạnh phúc được.

Long rón rén quay xuống tự nghĩ: "Chẳng qua thì họ cũng đương làm cái việc như của mình". Chàng bảo người gác:

– Rồi ông nói với ông đốc là tôi xin nghỉ buổi chiều, vì phải về Hà Đông đưa đám một nhà bạn thân. Biết chưa?

– Vâng.

Rồi Long ra, gọi xe, bảo kéo đến khách sạn.

XXVII

Cái đồng hồ to bằng cả một cái áo quan để dựng đứng ở một góc phòng, ngân nga buông mười tiếng chuông thong thả, dài dằng dặc những dư âm, làm cho ta phải tưởng là quanh quẩn đâu đây có chuông nhà thờ vẫn báo cho đêm khuya sự sinh tồn của nhân loại. Cả vòm trời bị mây đen phủ kín, như muốn chụp xuống mặt đất, đến nỗi đêm tối mù mịt lại như đêm tất niên. Sắp mưa, tiết trời càng thêm oi ả khó chịu.

Trong phòng Tĩnh tâm, lúc ấy, chỉ có tiếng thuốc phiện rầm rộ chui vào nhĩ tẩu. Mùi thơm của thứ thuốc Ấn Độ hộp đen, một thứ thơm ngát, tỏa ra không khí thiêng liêng như một thứ hương vị có cái năng lực tẩy trần... Nghị Hách nằm gối đầu vào bụng thị Tín, cô

nàng hầu được yêu nhất. Sau lưng cặp này, thị Lễ nằm khẽ phe phẩy cái quạt lông vào gáy quan. Đối diện ở bên kia khay đèn, cô Cẩm ngoay ngoáy nằm tiêm, rất ngoan ngoãn. Cô đưa dọc ra, khẽ nhắc:

– Bẩm quan, điếu này là điếu thứ năm rồi đấy ạ.

Nghị Hách vồ lấy dọc kéo một hơi. Sau mới lim dim cặp mắt, nói:

– Ông có nghiện nữa thì cũng trót đời rồi! Cứ tiêm đi, ông đương buồn bỏ mẹ ra đây!

Thị Tín ngây thơ hỏi:

– Quái nhỉ? Cậu mà cũng còn buồn kia à? Thế thì ở đời này ai sung sướng?

– Chả ai sướng cả. Đã giàu lại muốn giàu hơn, đã danh giá, lại muốn danh giá hơn! Chứ như tao đây, lại không sướng hơn vua rồi ấy? Thế mà kỳ chung tao cũng vẫn khổ.

Ngừng lại hồi lâu, lão lại nói:

– Lạ thật cho cái ông lão! Bỏ đi Hà Nội tìm mấy cuốn sách Tàu độ một hai hôm, mà đến bây giờ chưa về!

Tiện dịp, cô Kiểm đưa đón:

– Bẩm ông cụ xem số giỏi lắm?

– Thánh sống đấy!

Ba cái mồm đàn bà cùng tán tỉnh một lúc, đại khái:

– Xin phép quan để chúng con nhờ ông cụ bấm hộ thì hay quá...

– Ấy chớ đấy!

– Bẩm, làm sao ạ?

– Ông cụ mà biết được tràng biên của chúng mày, thì ấy là chúng mày chết! Ông cụ có thể nói ngay vào mặt những là xưa kia bố mẹ mày làm nghề gì, họ hàng nhà mày có ai loạn luân không, trước khi lấy chồng mày có bắt nhân tình với ai không, hoặc là mả ông ngũ đại nhà mày để chỗ đất như thế nào, hoặc là hôm nay mày ăn thức gì, nói dối ra làm sao, có tấm gội không, có làm sự gì thất đức không...

– Chết! Chết! Lại đoán trúng đến cả những việc nhỏ nhặt thế nữa!

– Chứ mày tưởng! Khi mày nói giờ sinh tháng đẻ ra, ấy là tính mệnh mày, người ta cũng nắm trong tay người ta rồi! Đối với người ta đời mày không còn gì là bí mật nữa! Hiện tao đương nhờ ông cụ lấy cho tao một quyển những điều tỉ mỉ trong một năm với lại một

quyển nữa, những cái đại thể trong cả một đời... Chúng mày liệu cái thần hồn! Đối với cụ phải kính cẩn lắm mới được. Đừng coi cụ cũng như những anh thày số ở bờ hè phố Hàng Ngang, Hàng Đào, biết chưa? Cụ là bạn cũ của tao, lại là quân sư của tao nữa đấy, đừng láo!

– Nếu thế thì em chả dám nhờ cụ nữa.

– Chúng mày thì xem làm gì? Đừng có phản phúc, cứ việc ăn ở trung thành với tao thì cũng đủ suốt đời sung sướng chứ còn gì nữa? Ông có khổ thì chúng mày mới đến nỗi khổ được.

– Chúng em chỉ còn phân vân về đường con cái mà thôi.

Nghị Hách gạt phắt đi mà rằng:

– Dù có nhờ bấm hộ thì chắc cụ cũng chả nói thật!

Có ba tiếng gõ cửa. Cô Kiểm ngồi lên đài các hỏi:

– Ai?

Tiếng thằng Xuân bên ngoài nói vào:

– Con.

– Cái gì?

– Bẩm, cụ về.

Nghị Hách ngồi nhỏm lên, đưa mắt ra hiệu cho mấy cô nàng hầu. Cả ba lấy áo dài mặc vào, đứng hầu quanh sập như sửa soạn nghênh tiếp... Nghị Hách phán ra:

– Mày mời cụ cứ vào!

Cánh cửa bị đẩy, ông già uể oải vào một tay có một gói bọc nhật trình. Cô Kiểm nhanh nhẩu ra đỡ mũ và gói cho ông cụ trong khi Nghị Hách nhảy xuống đôi giày dạ.

– Bác về khuya thế! Lấy cái đèn măng xông buồng bên mang sang đây đi, em! Thế nào, bác có lùng được sách không thế?

Ông già ngồi xuống ghế, vui vẻ đáp:

– Gớm, dò hỏi mãi mới tìm thấy nhà lão khách già.

– Nếu vậy thì may nhỉ! Ta chỉ còn việc khởi công mà thôi. À, huynh ông đã chén bữa chiều chưa? Để bảo...

– Đã. Thôi, chả cần.

– Không! Đêm nay đôi ta phải say mới được. Chị Kiểm!

– Dạ!

Nghị Hách phán như những khi vào cao lâu:

– Dạ yến nhé! Hai người thôi. Đừng có bầy nhiều đến nỗi những trông mà không muốn ăn nữa.

– Bẩm để trình quan thế này xem có được không...

– Cứ nói!

– Yến... Tái dê và tiết dê... Cháo hươu bao tử và một đĩa tam xà đại hội để nhắm rượu,

– Được đấy. Rượu Mai quế lộ có còn không?

– Bẩm còn nhiều. Còn những hai vò đầy.

– Rắn cũng còn?

– Còn những tám con.

– Được. Sau cùng thì phải có hoa quả cho đủ. Hai chai sâm banh nữa. Lấy sẵn cả hộp xì gà.

– Vâng.

– Trong khi phải đợi thì hãy cho vài hộp Bénarès [1] nữa lên đây, mau!

– Vâng.

– À này!

Nghị Hách quay lại ông bạn:

– Quan anh có tắm không? Tắm nước suối, mát lắm, khỏe lắm – Dọn buồng tắm đi nhé! Để ở buồng một cái ky mô nô để cụ thay... Mở bốn chục chai nước suối viten đổ vào thùng rồi pha nửa chai côlôn[2] để cụ giội lại... Thôi cho các chị lui cả.

– Dạ.

Ba người đàn bà cúi đầu cáo lui... Cô Kiểm lại bị gọi giật lại.

– Này chị Kiểm... Lại gần đây.

– Dạ.

– Đêm nay thì phải thức với tôi đấy. Dọn cái buồng Thổ Nhĩ Kỳ ở gác thượng để chớp bóng đấy nhé! Liệu là dọn tĩnh [3] lên. Rượu sâm banh cũng đem lên. Đánh ngay têlêphôn về Hà Nội cho thằng

---

1. Thuốc phiện trắng.
2. Một loại nước hoa hảo hạng.
3. Bàn đèn thuốc phiện (tiếng lóng).

Lộc đen, chủ cái tiệm khiêu vũ gì ở đường bờ sông đó, bảo nó thuê ngay ô tô cho hai đứa trẻ nhất, đẹp nhất, lên trên này! Nếu nó không sẵn thì bắt nó đi tìm cho được! Nếu khách nhà nó đông quá thì bảo nó đóng cửa hiệu lại một tối! Nó lên đây thì giả cho nó bốn chục, nó kỳ kèo thì thêm cho nó mười đồng! Xong!

– Bẩm vâng.

Cô Kiểm ra hẳn. Nghị Hách quay lại bạn, cười khà khà:

– Huynh ơi, huynh mà là khách nhà này thì ấy là huynh là thượng khách của quan tỉnh trưởng Hồ Nam! Chẳng gì thì huynh cũng là bạn cũ của một nhà triệu phú... xin huynh chớ cho đệ là vẽ vời, kiểu cách, để lung lạc huynh đâu... Giàu đổi bạn, sang đổi vợ là thói đời, nhưng mà thằng Tạ Đình Hách này thì vốn không có cái thói ấy. Nếu đệ không xử đầy đủ với huynh, thiên hạ nó sẽ chửi là đệ không tiếp đãi bạn nghèo.

– Quan bác xử riêng với tôi như thế, kể thật đã là chí tình... Tôi chỉ biết cứ việc tọa hưởng chứ cũng không có lời lẽ văn hoa gì mà cảm tạ cho xứng nữa.

– Huynh ơi, đệ làm cách nào thì cũng không chuộc nổi lỗi xưa với quan bác... Đệ nói thẳng ngay...

Giữa lúc ấy cô Kiểm lặng lẽ mở cửa và, làm cho Nghị Hách ngừng lại. Cô Kiểm đến để ở khay đèn hai hộp thuốc cống, rồi lặng lẽ quay ra. Ông già cười nhạt và hỏi:

– Bây giờ thì quan bác đã nhận ra được tôi là ai rồi?

– Vâng, mà tôi cũng lấy làm hối hận lắm. Bác ơi, xưa kia tôi đã trót làm hại bác, làm cho bác tan nát gia đình. Cái tội nặng ấy, bây giờ tôi muốn chuộc lại... Bác còn giận tôi cũng xin chịu, bác bảo gì tôi, tôi cũng xin vâng.

Nói xong, Nghị Hách ngước mắt lên, đăm đăm nhìn bạn. Ông già thở dài một cái rồi cúi đầu. Hai người yên lặng hồi lâu, trí não cùng quay về với quá khứ...

Hai mươi sáu năm về trước, khi Nghị Hách mới 22 tuổi, khi mới xuất thân làm cai thợ nề, thì người bạn cũ, hơn Nghị Hách có một tuổi, làm thợ kẻ trần nhà, thợ quét vôi... Người ấy giỏi Hán tự, vốn người làng Cổ Am, nghe đâu như dòng dõi cụ Trạng Trình. Thời buổi nhố nhăng, bọn bồi và tụi du côn lên làm quan, chữ nho bị rẻ rúng, những người có chân khoa cử mà giữ tiết tháo thì đành xoay nghề

khác để kiếm sống. Người ấy vốn tên Hiền, lại đỗ khóa sinh, nên cái xã hội thuyền thợ, cái xã hội hạ lưu, vẫn gọi bác là khóa Hiền. Năm ấy là Tân Hợi, 1911.

Khóa Hiền và cai Hách cùng thuê một gian nhà lá ở chung với nhau, trên bờ sông Cửa Cấm, lúc ấy chưa lấp – tức là đường Bonnal ở Hải Phòng bây giờ... Bác cai và chú thợ là đôi bạn thân, bà cai và mợ khóa cũng nên tri kỷ. Hai nhà góp gạo thổi cơm chung, rau cháu no đói có nhau, thân hơn người nhà.

Lửa gần rơm, cai Hách lâu lâu bỗng có cái dã tâm muốn cướp vợ của khóa Hiền... Thế là một hôm, mợ khóa thấy mật thám đến nhà, khám trong hòm mình có một chục quả đấm vặn cửa bằng đồng rồi xích tay lôi cổ khóa Hiền đi... Một tháng sau, người đàn bà khốn nạn ra tòa nghe chồng bị quan trên tuyên án một năm tù về tội ăn cắp của chủ.

Trong cảnh lầm than, cảm động vì lòng tử tế nham hiểm của cai Hách, người đàn bà nhẹ dạ đã ăn ở với cai Hách bằng cái tình non vợ chồng mà già nhân ngãi. Bà cai Hách không dám hé răng nửa lời, vì cai Hách là kẻ phàm phu, chỉ biết có thượng cẳng chân, hạ cẳng tay...

Năm sau, mãn hạn tù, khóa Hiền ra, quay về chỗ ở cũ, thì: nhìn xem phong cảnh nay đà khác xưa. Trong gian nhà lá chỉ có bà cai Hách và mợ khóa, vì lão cai đã sang Lào mà cũng không gửi tiền về... Cái dã tâm của cai Hách bị chính vợ hắn tố cáo. Chán đời, khóa Hiền ở đấy kiếm việc chẳng nổi, được vài tháng cũng phải bỏ ra đi tha phương cầu thực... Năm sau nữa thì Nghị Hách từ Lào về, đã có vốn liếng. Từ đấy hai người cách biệt nhau.

Sau hai mươi sáu năm trời, bây giờ họ lại gặp nhau. Bây giờ, thằng phản bạn, thằng cướp vợ bạn, đã ngồi trước mặt người bạn hồi ấy đã trung thành và khờ dại.

Nghị Hách chau mày phân bua:

– Đầu năm 1913, tôi ở Lào về, thì vợ tôi kêu chị ấy đã hậu sản mà chết, cả mẹ lẫn con cùng chết.

– Có thế. Tôi ở tù ra có được trông thấy vợ tôi chết... tại nhà bác.

– Vâng, chẳng may bác phải tai nạn, còn trơ trọi bác gái sống một mình, thành ra tôi đem lòng thương. Từ cái thương đến cái yêu tất không xa, xin bác hiểu cho cái chỗ hèn yếu của lòng người.

– Ấy bác đi Lào thì ra ở nhà bác gái lại ở cữ.

– Vâng, ấy tức là thằng Tú Anh, hiện giờ mở trường Đại Việt ở Hà Nội đấy. Độ ấy may có cháu nên tôi cũng đỡ buồn.

– Mời bác lên sập nằm nghỉ kéo vài điếu cho khỏe... Rồi lát nữa tắm xong thì ta chén...

Ông già cởi cái áo tây vải vàng, lên nằm sập. Nghị Hách mở tủ chè khảm:

– Chắc đi về thế, bác cũng mệt, vậy xin mời bác xơi cốc rượu sâm đây.

Ông già nghển cổ, vớ một lọ thuốc viên, giơ ra trước mắt xem. Ông mở nút, lấy ra một viên để vào mũi ngửi, rồi nói:

– Thứ thuốc này lạ nhỉ!

– Bác có đoán số thì mới hiểu nó là thuốc gì...

Ông già gật gù mỉm cười hồi lâu ung dung nói:

– Có vị kinh phấn, có vị thủy ngân... tôi đoán số nhé?

– Ấy chết, huynh nói khẽ chứ!

Ông già ghé vào tai Nghị Hách thì thầm:

– Thuốc này nói rõ tại sao mười một cô nàng hầu từ xưa đến nay mà lại không chửa đẻ gì!

Nghị Hách ngẩn người ra mà rằng:

– Từ rầy tôi không dám giấu bác điều gì nữa đấy!

– Như thế là biết điều lắm.

– Thế huynh biết cả y lý nữa đấy à?

Ông cụ già cười khà khà:

– Một chút thôi... Chả giấu gì ông anh, cái học thức của đệ tuy kém uyên thâm, nhưng được bề tham bác. Đệ không biết gì cả, nhưng mà cái gì cũng... qua loa. Và lại còn thuật số nữa.

– Xưa kia, khi ta còn ở cạnh nách nhau, đệ không thấy ông anh biết xem số kia mà?

– Vào tù mới học được. Bị giam cùng với một lão khách già, trong một năm tròn, đã được ông lão đem cái bí mật về số tử vi ra dạy cho.

– Thế thì ông khách già ấy chắc giỏi lắm.

– Thày học của đệ kia mà!

– Sao lại còn phải tù? Đã biết số, sao lại không tránh được?

– Nói thế là không hiểu nghĩa của số mệnh. Đã là số thì tránh sao được? Đã tránh được thì sao còn gọi là số?

– Nếu vậy thì ra biết cũng vô ích.

– Ích được một điều là: biết trước. Còn điều nữa là: thản nhiên sự đời! Không buồn khổ, không giận giữ, không có kẻ thù, không có người yêu. Như vậy cũng gần như là diệt được thất tình, mà không phải theo đạo Phật.

– Bác ơi, thế cái khổ về tinh thần của tôi năm nay là cái khổ thế nào? Có thể tránh được không? Xin bác bấm hộ cho kỹ...

– Để tôi phải thư thái mới tính được. Ngay bây giờ thì tôi hãy xin nói qua rằng năm nay bác bị hạn Khốc, Hư, Tang, Bạch, nếu không buồn rầu đau khổ thì e có thương. Xin để mai kia tôi đoán, vì đoán tương lai phải kỹ lắm.

– Huynh ơi, thế liệu năm nay đệ có khá về danh giá được không?

– Được. Danh giá đấy, nhưng mà hao tài tốn của một chút.

– Thôi, huynh nói thế đệ cũng yên lòng. Còn điều này nữa làm cho đệ rất băn khoăn, là không biết huynh có còn nhớ chuyện xưa mà giận đệ không...

Ông già cười cái cười vui vẻ:

– Đã biết người ta ai cũng có số mệnh thì giận ai mà làm gì nữa? Số tôi hồi ấy phải thế, bác không làm hại tôi, thì có người khác làm hại tôi. Ngay từ khi ở tù ra, tôi cũng đã không giận bác nữa. Biết số đã 25 năm nay là trong 25 năm, tôi diệt được thất tình. Nếu tôi còn thù bác thì tôi còn đến đây để giúp ích cho bác thế này hay sao? Nếu bây giờ bác làm ơn cho tôi thì cũng là do số tôi đến hồi khá, chứ tôi cũng không ơn gì bác! Mà tôi có làm ích cho bác nhiều điều, thì cũng là số bác được thế, chứ tôi cũng không cần bác phải nhớ ơn gì tôi.

– Môn triết lý học của bác cao siêu lạ!

– Đây này: tôi xin kiếm đất lại cho bác, làm cho bác lên được ghế nghị trưởng, và được Bắc đẩu bội tinh năm nay, tôi cam đoan...

Nghị Hách lim dim mắt, gật gù sung sướng, vì thấy lời lẽ ấy có thể đúng sự thực cả. Tuy nhiên lão cũng giật mình mà rằng:

– Ấy chết, phải hỏi ngay quân sư điều này mới được! Bác ơi tôi đã được tin rằng thằng huyện Liên mới đệ đơn tranh cử với tôi. Nó đương sửa soạn ra một tờ báo chữ tây để chửi tôi, và khi cai trị huyện Cúc Lâm thì nó được lòng dân lắm. Một ông luật khoa tiến sĩ, treo ấn từ quan để phản đối nhà nước, lại được quốc dân coi là có óc bình dân, thì cũng không nên coi thường. Tôi lo lắm...

– Xin cứ yên tâm, tôi sẽ làm thế nào cho bác được lòng dân hơn nó thì thôi.

– Huynh ơi, huynh cũng cao tuổi rồi đấy, cũng nên nghĩ đến lập gia đình cho yên nghiệp đi thôi. Huynh đừng nên nghĩ đến cái đời giang hồ nữa. Như ý đệ thì huynh nên tậu một cái ấp nhỏ để sống bằng hoa lợi, rồi lấy một con vợ trẻ cho nó về đấm bóp để vui tuổi già.

– Muốn lắm nhưng không có tiền.

– Đệ bây giờ cũng là thừa thãi rồi, đệ xin giúp, nếu huynh sẵn lòng cho.

– Có vạn bạc thì mới xong những chuyện ấy được. Mà bạc vạn thì bác giúp em sao được?

– Sao huynh ông khinh đệ thế? Một vạn bạc thì đã đủ chuộc cái tội của đệ khi xưa và đền cái ơn của huynh ngày nay sao? Nếu huynh thuận nhận lời ngay thì đệ sung sướng lắm.

– Để hôm nào trên ve áo bác có cái cuống mề đay Bắc đẩu thì tôi nhận cũng chưa muộn.

Ông già ngừng lại, cười rồi thêm:

– Mà chắc tôi sẽ nhận được.

Đến đây, cô Kiểm đẩy cửa vào... Cô mang bàn đèn đi, thì thằng Xuân để mâm rượu xuống sập. Hai người chè chén khề khà, chuyện nở hơn ngô rang. Tiệc xong, Nghị Hách mời bạn đi tắm và lên gác trước.

Sau khi tắm, ông già mặc cái áo Nhật Bản hoa gấm, tay rộng lùng thùng theo cô Kiểm lên cái phòng Thổ Nhĩ Kỳ ở gác trên.

Khi vào đến phòng, ông già đã thấy Nghị Hách nằm với hai thiếu nữ trẻ tuổi, cực đẹp, quần áo mỏng dính đến nỗi trông như lõa lồ... Mùi thuốc phiện bạch cống đưa ra thơm phức... Phòng không có đồ đạc gì cả, ngoài những tấm thảm dầy phủ kín chung quanh xếp hàng mấy chục cái gối thêu. Hai bên khay đèn là hai miếng da hổ, mà đầu hổ thì là hai cái gối. Bộ đồ sâm banh thì để trên một kỷ con.

Gần tường đằng kia là một khung vải nhỏ, tức là màn ảnh. Sau cái kỷ là một cái máy quay phim hiệu Pathé baby. Cô Kiểm ngồi trên một chiếc gối sau máy chiếu bóng.

Nghị Hách ra hiệu cho cô Kiểm mở sâm banh bôm bốp, rồi nhăn nhở bảo ông bạn già:

– Bác ơi, hôm nay là ngày vui nhất đời của tôi, vậy xin bác vui lòng đóng một vai trò hôn quân, để cho thằng Hách này được làm một bạo chúa nhá! Xin chúc mừng bạn cũ!

Lão nâng cốc lên, chờ bạn, rồi uống, rồi đặt cốc và bấm một tiếng chuông. Thằng Xuân chạy vào mang hai chiếc đèn măng xông ra, đẩy cửa lại. Nghị Hách chụp lên ngọn đèn dầu lạc một cái khung nhung đen. Máy quay phim lách tách chạy do cô Kiểm quay...

Một chuyện khiêu dâm...

Nhan đề: Les 32 caresses.

XXVIII

Lúc ấy là 10 giờ đêm.

Trong phòng giám đốc Đại Việt học hiệu, Tú Anh với Long kiếm những câu văn mầu nhiệm cổ động cho ngày khai trường. Người gác gõ cửa, chờ lệnh, rồi vào với một đống báo chí. Tú Anh bảo Long:

– Ông thử xem báo giới Nam Kỳ đã có tin tức gì về việc ấy chưa?

"MỘT NGHĨA CỬ HIẾM CÓ

Nhà triệu phú Tạ Đình Hách
ở Bắc Kỳ phát chẩn cho bần dân.

Mấy bạn đồng nghiệp Bắc đều đăng tin rằng hôm 13 vừa rồi, nhà triệu phú Tạ Đình Hách đã bỏ ra 250 tạ gạo và một nghìn đồng bạc, phát chẩn cho dân tỉnh ông, và tỉnh ông mất mùa, bao nhiêu ruộng nương đều bị hạn hán, hoặc sâu cắn lúa. Nạn khủng hoảng kinh tế càng thêm trầm trọng, dân gian đói khổ, đâm ra hành khất hoặc trộm cướp tứ tung. Chẳng thể không trạnh lòng trước sự khổ sở của đồng bào, nhà triệu phú Tạ Đình Hách đã lấy danh một ông nhân dân đại biểu bỏ ra bạc ngàn phát chẩn.

Thật là một tấm gương sáng cho bọn trọc phú ích kỷ, không bao giờ hề nghĩ đến quốc gia xã hội.

Mấy ông triệu phú Nam Kỳ há chẳng nên lấy đó làm gương?

Nghe đâu dân tỉnh ông Tạ Đình Hách đã lại bầu ông làm nghị viên để giúp ích cho đồng bào và như vậy thật là xứng đáng.

Bản báo chẳng biết lấy lời gì ca tụng công đức nhà triệu phú có óc bình dân, và xin chúc ngài cùng quý quyến mạnh giỏi".

Đọc xong, Long nói thêm:

– Có cả ảnh cụ nhà nữa.

– Dễ họ chụp lại của nhật trình ngoài Bắc...

– Vâng, cho nên ảnh đã hơi mờ...

Tú Anh tủm tỉm, nghĩ ngợi hồi lâu rồi bình luận:

– Ở xã hội này, muốn được vinh quang, cũng không khó mấy nhỉ?

– Chính thế! – Vậy mà nhiều nhà giàu không thiết gì đến điều ấy, chạy bạc nghìn lấy cái cửu phẩm thì được, nhưng ai biết, báo nào khen!

Hốt nhiên, chuông điện thoại báo ran lên. Tú Anh vứt điếu thuốc lá, bắt lấy ống:

– Alo! Alo!... Phải... trường Đại Việt... vâng... ngài ở Hải Phòng? Vâng... Allo... Allo... Làm sao ạ? Chết nỗi. Mẫu thân tôi? Vâng... mẫu thân tôi bị bắt cóc? Mà lại một bọn cộng sản? Allo! Họ giam tại đâu? Số nhà?... Vâng... phố Cát Cụt? Vâng... vâng, tôi xuống ngay!... Vâng, xin không trình báo gì cả... Vâng, tôi biết, tôi hiểu... vậy ngài là ai? Ở đâu? Allo... Cô là ai?... Allo!

Tú Anh tái mặt, đặt mạnh ống nói nhìn Long nghẹn ngào kêu:

– Ông đã nghe đấy chứ?... Mau lên, ông xuống gọi tài xế lấy cái xe mới của tôi, mà ông có muốn đi thì mau khoác áo vào.

Nói xong, cả hai như một dây lò xo đẩy lên. Anh vào buồng mặc quần áo, còn Long chạy từng ba bực thang một, xuống đến nhà dưới. Ba phút sau, một chiếc xe hơi đã từ sân trường tiến ra: Lúc mở hòm xe, Tú Anh cứ kêu lên: "Giời ơi! Giời ơi là giời ơi!...".

Rồi xe bắt đầu phóng nước đại. Lên đến đầu cầu sông Cái, xe rúc còi vang ầm và bọn phu xe cứ bị Tú Anh văng bẩn vào mặt như mưa rào. Trong phút cuống cuồng, một người nhã nhặn lịch thiệp nhất đời

đã xử sự như một người kém giáo dục. Từ Gia Lâm trở đi xe bắt đầu phóng theo đà một giờ trăm hai mươi cây.

Cùng trong một lúc ấy, tại đường Cát Cụt dưới Hải Phòng, một chiếc xe hòm vừa đỗ... Nghị Hách và Hải Vân – tức là khóa Hiền – bước xuống xe, lặng lẽ đi tìm số nhà. Những cây cao um tùm ngăn ánh sáng điện không chiếu vào được dẫy nhà tây. Hai người đi như ở chỗ tối mịt. Đến trước một tòa nhà tây hai tầng thì cùng dừng chân...

Giọng nói run run của Nghị Hách:

– Bác ơi, tôi run quá, dễ không khéo không khiến được súng lục!

Đến giọng bạo dạn của Hải Vân:

– Tôi quen lắm, bác cứ đưa đây và lấy cái đèn ló này.

Hai người lại rón rén đi, qua một cái ngõ hẻm tối tăm, ông bạn già của Nghị Hách thoáng nhìn thấy hình như Vạn tóc mai đứng nép vào một xó. Nhưng ông đi rấn vào, một tay lôi Nghị Hách sợ lão kia trông thấy chăng... Sau khi bấm đèn ló soi lên số nhà, Nghị Hách đứng tần ngần không biết tiến thoái ra sao... Hải Vân tay cầm súng lục, tay trái khẽ gõ mấy cái vào cửa. Đợi ít lâu, cánh cửa từ từ mở thì Hải Vân xô vào. Ngọn đèn ló chiếu vào mặt một con sen nhà quê ngẩn ngơ. Hải Vân giơ súng vào mặt nó, nghiến răng khẽ phán:

– Im! Mày kêu thì ông bắn chết ngay.

Con bé run đây đẩy, chắp tay kêu van:

– Bẩm lạy hai quan lớn!

Hải Vân khẽ quát:

– Câm ngay! Bọn chủ nhà mày họp nhau buồng nào?

– Bẩm lạy quan... ở trên gác... đương ngủ...

Hải Vân rút chiếc khăn mùi xoa ở túi ra cầm tay, vo tròn lại, lại nói:

– Há rộng mồm ra, không ông bắn chết!

Cái miệng đứa con nhài vừa há thì bị cái mùi xoa tọng vào thật chặt. Rồi Hải Vân phán:

– Mày đi trước, đi rất khẽ, dắt chúng ông lên chỗ có chủ chúng mày!

Rồi Hải Vân đẩy nó đi... Nghị Hách lạch bạch rón gót theo sau, bấm ngọn đèn ló lấp loáng.

Khi lên đến trên gác, hai người bỏ mặc đứa con đòi đứng lại dưới thang, vì trông vào trong thấy có đèn sáng ở buồng. Hải Vân rón rén

đến bên cửa kính ghé mắt nhòm vào lỗ khóa rồi quay lại nhìn Nghị Hách bằng một vẻ ngơ ngác vì hơi ngạc nhiên... Đến lượt Nghị Hách nhìn vào lỗ khóa, rồi mắm môi khẽ thử vặn cái quả đấm. Lạ thay! Cái cửa nhượng bộ theo sức ấy, không chống cự một chút nào. Trước mặt hai người ấy, một cảnh tượng kỳ lạ hiện ra...

Trên chiếc giường tây, một người đàn ông trần truồng nằm ôm một người đàn bà tuy mặc coóc sê nhưng hạ thể cũng lõa lồ. Cả hai đương ngủ say mê mệt. Sau khi đứng lặng người ra để nhận mặt người đàn bà đã rõ, Nghị Hách ấp úng, nghẹn ngào, hậm hực, nuốt nước bọt mãi mới nói được:

– Bác ơi...! Vợ tôi! Giời ơi! Bà Nghị Hách bị bắt cóc thế kia!

Rồi lão ôm ngực như bị đạn giữa quả tim.

Trong năm phút, Hải Vân phải nhìn Nghị Hách một cách ái ngại lạ lùng.

Ông lão buông xuôi tay, khẩu súng lục chỉ miệng xuống đất cũng có vẻ chán nản.

Nghị Hách bỗng rú lên:

– Há! Há! Há!

Rồi chạy xộc đến, muốn vồ lấy khẩu súng lục. Nhưng Hải Vân chặt tay một cái làm cho lão tưng hửng. Hai con mắt lão đỏ ngầu lên như của kẻ đau mắt rất nặng... mồm lão sùi bọt mép như mồm kẻ động kinh. Tuy nhiên, trên giường, cặp gian phu dâm phụ vẫn say sưa, mê mệt, li bì...

Lão nhảy xổ đến toan giật súng một lần nữa, nhưng lần này bị ông già quắc thước đẩy mạnh một cái. Lão choạng vạng về đằng sau; cái lưng chạm phải đống đồ trên lò sưởi, rồi một chiếc đồng hồ rơi xuống sàn gác đánh xoàng một cái, sau khi leng keng...

Mãi đến lúc này, cặp gian phu dâm phụ mới choàng trở dậy! Họ còn dụi mắt ngơ ngác, thì Nghị Hách đã đến trước giường cúi nhìn vào mặt họ:

– Bà Nghị Hách! Giời ơi!... Vợ chồng đầu gối tay ấp... đã có ba mặt con! Ba mươi năm trung thành, bây giờ mới đổ đốn! Ngủ lang!... Ngoại tình!... Hoang dâm!

Rồi quay lại nhìn Hải Vân như hỏi cách xử sự. Ông này ôn tồn nói:

– Bác coi chừng! Số giời đã định, tôi đã bảo năm nay bác khổ về tinh thần, thế thì đã đúng chưa?

Lúc này, cặp gian phu dâm phụ đã hấp tấp mặc được quần áo vào rồi, Nghị Hách nghiến vợ:

– Thằng nào đấy, hở? Hở con voi giày kia?

Bà Nghị Hách thản nhiên đáp một cách đáng lạ:

– Thằng cung văn của tao đấy!

Nghị Hách toan chạy vòng quanh giường, xông đến chỗ vợ, thì bị Hải Vân giơ tay ra hiệu ngăn:

– Không! Không thế được! Nghị Hách! Báo chí Đông Dương vừa ca tụng cái tiếng tăm lừng lẫy của bác xong. Ngày kia thì bác được Long bội tinh! Một tháng nữa, bác sẽ lên chức Nghị trưởng! Ba tháng nữa có lẽ được Bắc đẩu bội tinh cũng chưa biết chừng... Nghị Hách! Bác có muốn bịt chuyện xấu đi không? Bác có muốn báo chí ba kỳ rầm rộ đăng tin nhà triệu phú Tạ Đình Hách vợ có ngoại tình không?

Nghị Hách ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi cười sằng sặc:

– Bà Nghị ạ, đây là ông khóa Hiền, người mà bà vẫn kính mến về nhân phẩm, học thức, và sợ nhất bị người ta khinh đấy! Bà vác cái mặt bà ra đây để cho người ta nhổ vào mặt, đi! Đồ chó cái!

Bà Nghị ngơ ngác nhìn Hải Vân một cách kinh hãi... Ba người lần lượt ngơ ngác nhìn nhau rồi, trong một lúc lâu, cả ba cùng cúi mặt, ai cũng ngượng như nhau. Anh cung văn thừa cơ chạy đến náu sau một cái bình phong. Giữa lúc ấy thì Tú Anh và Long hớt hải đến đứng ở cửa mà ló đầu nhìn vào, Nghị Hách khóc mếu gọi:

– Con ơi con!... Con ơi!... Con!... Co...on!!! Con vào đây mà bắt quả tang mẹ con ngủ hoang với cung văn.

Tú Anh ngẩn người ra, nấc lên mấy cái phải tựa lưng vào tường cho khỏi ngã... Long đứng ngây ra, mặt cũng tái mét vì cái không khí bi kịch. Nghị Hách lại gọi:

– Rể ơi rể! Con vào mà xem nhạc mẫu con ngủ với cung văn!

Không ai dám ngờ rằng sự tình đã thế mà bà Nghị lại có can đảm làm một hồi dài:

– Ừ đấy! Bà thế đấy!... Nó là cung văn thật đấy, nhưng mà bụng dạ nó tốt, nó ăn ở có nhân có nghĩa... Nó còn hơn cái mặt mày! Đồ lường đảo! Quân giết người! Đồ lường thày phản bạn! Quân hiếp dâm!... Ừ, mày cứ ly dị bà đi, rồi bà tố cáo tội lường gạt, tội giết người của mày trước pháp luật cho mà xem! Mày về mày hỏi mười

một con vợ lẽ của mày, xem có phải mày đã hiếp chúng không? Có phải mày đã bỏ bã rượu vào nhà bố mẹ chúng, để bố mẹ chúng phải bán rẻ cho mày không! Cái tội của bà đã to thế kia à? Không bao giờ bà yêu thương gì mày! Bà ăn ở với mày ba chục năm nay là vì bần cùng! Xưa nay bà cũng vẫn lừa mày bây giờ mày mới biết thì mày cứ việc mà biết!

Nghị Hách quanh quẩn chạy như hổ trong cũi thì Hải Vân nói:

– Bác Hách! Cứ bình tâm! Cương sao nổi số giời! Trong việc này dễ có Hoàng thiên dúng tay vào, dễ thường có luật quả báo!... Bác nên nhớ lại lúc bác bỏ một chục quả đấm bằng đồng vào hòm tôi, để chiếm đoạt vợ tôi!

Nghị Hách rên lên:

– Bác! Bác thù mãi chuyện xưa đấy à! Tôi đã thế này, bác còn thù thế đấy à?

Hải Vân khoan thai:

– Không! Không phải thù!... Tiện dịp thì tôi trả lại bác một đứa con!...

Rồi ông già chỉ Long cho Nghị Hách. Long và Nghị Hách còn ngẩn mặt nhìn nhau chưa hiểu ra sao, thì Hải Vân phải cắt nghĩa ngay:

– Thằng này, lúc mẹ nó chết, thì bố nó là cai Hách đã ở Lào... Tôi đã nuôi nó hai tháng, lúc nó còn đỏ hỏn!... Rồi chính tôi đem nó đến giao cho một bà sơ của hội Bảo anh... Chứng cớ... Này đây chứng cớ!

Rồi hỏi Long:

– Từ lúc mày nhớn, tao chưa nhìn rõ mặt mày lúc nào, có phải không? Đây này, bên vai hữu của mày có ba cái nốt ruồi liền nhau!

Hải Vân túm lấy vai Long, xé toạc ngay cái áo sơ mi của Long ra, đẩy lưng của Long đến trước mặt Nghị Hách rồi tiếp:

– Mày là... vợ tao đẻ ra mày, nhưng mà mày chính là máu mủ của cai Hách!

Long gào thét như hóa điên:

Tôi? Tôi mà lại là con ông Nghị Hách! Ồ! Thế thì quá lắm! Thế thì quá lắm! Thế thì ra bố hiếp vợ của con, con thông dâm vợ của bố... rồi thì anh em ruột... anh em ruột...

Long không nói được hết, bưng mặt, cũng tựa vào tường. Nghị Hách lắng tai nghe, muốn hiểu nữa mà không được. Bây giờ thấy Tú Anh rền rĩ, khặc khừ:

– Giời ơi! Bố ơi là bố ơi!... Mẹ ơi là mẹ ơi!...

Bà Nghị đến ngồi thụp dưới chân Hải Vân ngước mắt lên như kêu van, rồi the thé nói:

– Tôi xin lỗi ông! Tôi xin lỗi ông!... Suốt một đời tôi, tôi chỉ kính yêu một mình ông mà thôi!... Nhưng hơn hai chục năm nay, ông biệt tăm biệt tích. Ông xá cho tôi cái tội nhục nhã này!... Xin ông nói nốt! Ông đã nói thì nói nốt cho cai Hách nó nghe!...

Nghị Hách còn đương trố mắt ngạc nhiên thì bỗng Tú Anh ngã lăn đánh huỵch xuống sàn gác. Cả bọn quay lại... Trên miệng Tú Anh thấy ứa ra một chén máu. Người ta không kịp để ý xét xem Tú Anh uất mà thổ huyết hay cắn lưỡi tự tử... Nghị Hách chạy lại đỡ lấy Tú Anh dậy, thất thanh kêu:

– Con ơi!... Ối con ơi!...

Nhưng bà Nghị cong cớn:

– Con mày? Thôi đi!... Mày đừng có nhầm! (Ngửa mặt lên trời) Con nó! (Kêu với Hải Vân) Ông ơi, van ông, xin ông nhân dịp nói nốt ra, cho xong đi!... Hải Vân dang tay ra, dõng dạc:

– Không phải! Chính nó là con tôi!...

Nghị Hách ngơ ngác nhìn lên thì bà Nghị lại reo:

– Ừ, ấy thế!

Hải Vân khoan thai nói tiếp:

– Phải, Tú Anh là con tôi... Bác đi Lào, tôi ở nhà tù ra, tôi cũng thương yêu vợ bác y như bác thương yêu vợ tôi lúc tôi ở tù vậy! Xin bác soi xét cho cái chỗ hèn yếu của lòng người...

Nghị Hách bỏ Tú Anh, đứng lên nhìn Hải Vân chòng chọc nghiến răng:

– À, đồ khốn nạn! Đồ chó má!

– Xin khoan! Hai mươi nhăm năm trước, bác đã làm khổ tôi rồi. Bây giờ sự tình cờ nó mới làm khổ bác. Bác cho vợ tôi một đứa con, tôi cho vợ bác một đứa con... Bác vẫn còn hối hận, tôi cũng vẫn còn hối hận. Nhưng mà bác thiệt gì? Tôi trả lại con cho bác, tôi lại cho cả bác đứa con tôi! Đừng tưởng trước pháp luật Tú Anh là con bác rồi thì tôi hết kế... Tôi chỉ bảo nó một lời, tức thì nó bỏ bác mà đi theo tôi! Nhưng mà không. Nó sẽ ở với bác... Tôi đã hứa cho bác một ngôi mộ tốt, bác đã hứa cho tôi một vạn đồng! Bây giờ tôi xin bác thêm thằng Tú anh nữa đấy!

Rồi Hải Vân chạy đến ôm lấy Tú Anh. Nghị Hách toan nhảy xổ đến nhưng ông lão giơ súng lục ra, tay kia ông vẫn âu yếm vỗ lưng con... Tú Anh đã hồi tỉnh... Sau cùng thì Nghị Hách đứng ngẩn ra. Hải Vân nói thêm:

– Thôi, chớ đau khổ vô ích. Thượng sách của chúng mình là sự quên.. Trong việc này, không có Hoàng Thiên thì không có những sự tình cờ này được.

Rồi Hải Vân bỏ Tú Anh ra.

Sau cùng, ông lão đưa trả Nghị Hách cái súng lục rồi giơ hai tay ngang mặt Nghị Hách, hách dịch nói như truyền một cái lệnh... Hai con mắt ông già bỗng sáng chói lên... Ông vừa trợn mắt thôi miên, vừa phán:

– Nghị Hách! Ngươi sẽ bỏ túi cái súng! Ngươi không giết người! Ngươi không phàn nàn! Ngươi không đau khổ! Ngươi sẽ giàu hơn nữa, ngươi sẽ khổ nạn bất đắc kỳ tử, ngươi sẽ có Bắc đẩu bội tinh, ngươi lại phát chẩn bần!

Nghị Hách lúc ấy chỉ như một con cua trước miệng một con ếch... Lão cất súng vào túi một cách ngoan ngoãn, lại có vẻ mặt thản nhiên như không. Từ đây trở đi, lão chỉ còn là một thứ đồ chơi trong tay lão bạn già.

Hải Vân lại phán:

– Trừ gian phu dâm phụ, cả bọn xuống đường! Gian phòng này sẽ lại êm ả như chỉ có một cặp vợ chồng người ta nằm với nhau... Cả phố này sẽ im lặng như không có một chuyện gì xảy ra cả! Bà con hàng phố sẽ cứ ngủ yên! Thôi xuống đường.

Hải Vân nói xong ra đi, có Tú Anh, Nghị Hách và Long, lúc nhúc theo sau.

Anh cung văn bỏ cái bình phong ngó đầu nhìn theo tưởng mình mê ngủ.

Khi cả bọn xuống đến thềm thì Vạn tóc mai chạy đến làm bộ hốt hoảng vừa thở vừa hỏi:

– Ba ơi, có điện thoại gọi xuống, mẹ con...

Nhưng Hải Vân giơ tay ngăn:

– Không! Không có sự gì cả! Thôi, anh đi về!

Rồi cả bọn chia nhau hai tốp lên hai chiếc xe hơi. Vạn tóc mai làm bộ không hiểu đầu đuôi câu chuyện ra sao, cứ ngơ ngác bước lên chiếc xe có Long, Tú Anh, và tài xế ngồi, do ông già Hải Vân cầm lái.

– Lạ thật! Thế này thì lạ thật!

Đó là lời của Vạn tóc mai, khi cái xe trong có hắn ngồi vượt cái xe trong có Nghị Hách.

Tiếng động cơ xe bắt đầu kêu to...

XXIX

Bốn nghìn người!

Phải, dễ đến tất cả bốn nghìn người, già và trẻ, lớn và bé, nam và phụ. Những người quanh vùng thì từ nhà ra đi từ lúc mờ mờ sáng còn những kẻ ở xa nữa, phải đi từ đêm hôm qua. Cái tin cụ Nghị phát chẩn một lần nữa cho dân, từ miệng người này sang miệng người kia, chỉ trong ba hôm đã lan ra khắp tỉnh.

Sáng sớm hôm ấy, trông vào cái đê dốc trước ấp Tiểu Vạn trường thành, ai cũng phải tưởng là một ngày đại hội, hoặc đó là dân đi hộ đê. Trên một quãng dài một cây số, đen kịt những người là người. Cách hai trăm thước một lại có một cột cờ, vì ngày hôm ấy còn có một buổi lễ gắn huy chương rất trọng thể.

Giờ phát chẩn đã nhất định là 8 giờ sáng, nhưng theo lệnh của quan sở tại, một toán lính khố xanh đã phải đến giữ trật tự từ lúc mặt trời mới lên. Dân lĩnh chẩn phải đợi tại một chỗ, để sẽ lần lượt đến trước cửa ấy lĩnh gạo và tiền, rồi giải tán bằng nẻo dốc bên kia. Trong khi chờ đợi, họ nằm ngồi hỗn độn, cãi nhau, chửi nhau, đánh nhau, ỉa đái tung tóe cả ra quanh đấy, và để cho lính đánh đập. Bọn có máu mặt mà đi lĩnh chẩn thì cũng đem những bộ quần áo rách ra mặc y như đám cùng dân vô sản, còn bọn vô sản mà bẩn thỉu rách rưới, cái đó đã cố nhiên đi rồi.

Trông vào đám người vô nghĩa lý ấy, người ngu nhất đời cũng hiểu rõ cái trình độ sinh hoạt của dân quê. Thốt nhiên người ta muốn kêu lên một tiếng cho dài hoặc muốn cả miệng chửi rủa những cái danh từ điêu ngoa như: văn minh, thái bình, tiến bộ... Cảnh tượng ấy đủ tiêu biểu cho hết thảy mọi sự thống khổ của loài người.

Nào là những ông già, bà già đầu đã trắng xóa như tuyết lụ khụ vừa còng lưng chống gậy vừa lần từng bước để mà ho khạc, quần áo thì bươm như xơ nhộng, nón thì nở hoa như nón bù nhìn, hoặc chột, hoặc què, hoặc thong manh dở, hoặc mù tịt cả hai mắt, có vẻ lử khử như nhọc mệt cuộc đời lắm rồi, mà đi 20 cây số để lấy một rá gạo và một vài hào chỉ, thì dẻo dai gân cốt lắm. Nào là những đàn bà gầy còm, bẩn thỉu, vì khoai, củ chuối, mưa, nắng những cảnh bùn lầy nước đọng, vì đẻ như lợn sề, lưng cõng tay dắt những đứa trẻ xanh xao, toét mắt, bụng ỏng vì giun sán, đi cạnh những ông chồng ngực lép đét lại vì trùng ho lao, mặt mũi hốc hác vì sưu thuế, nạn tổng lý, nạn hối lộ, nạn trộm cướp, nạn bã rượu lậu... Cái đám hàng nghìn người mà ai cũng là bất thành nhân dạng ấy, lôi thôi lốc thốc kéo nhau đến đấy đã từ bao giờ không biết, để tranh giành cướp bóc của nhau những cái thúng mủng, rổ rá, tay nải rồi chửi bới nhau vì thế. Bọn lính giữ trật tự được một dịp roi vọt sướng tay.

Ngay trước cổng chính Tiểu Vạn trường thành người ta đã kê bục với bàn cao như để cho ai sắp đăng đàn diễn thuyết. Một đống lù lù những bao gạo chất thành một cái núi nhỏ. Ba cái hòm lớn những tiền trinh và xu đồng, buộc lại thành từng hào một – một nghìn rưởi bạc bằng tiền lẻ vậy. Người ta đồn rằng những kẻ được ông Nghị giao phó cho việc buộc tiền, cứ bớt xén mỗi hào độ nửa xu hay một vài trinh Bảo Đại, cũng đủ phát tài to. Trên một chục gia nhân của ông Nghị đã họp nhau trên bục, sửa soạn việc phát chẩn.

Đúng 8 giờ, cuộc phát chẩn mở đầu bằng những cái roi vọt của lính, những tiếng kêu khóc của dân. Là vì ai cũng muốn chen chân lĩnh trước, thành ra xô đẩy nhau, hỗn độn lạ thường. Viên quan đồn trước đã quát mắng không cho lính đánh đập mà sau lại phải ra lệnh cứ đánh, nếu không e sẽ loạn mất.

Đến hai giờ chiều, số người lĩnh chẩn còn độ vài ba trăm, thì phường nhạc binh với những bộ kèn đồng choáng lộn bước đến tề tựu trong sân ấp, lúc này, đã có thể môn bằng lá dừa, có treo đèn kết hoa, có hai bàn hương án mà những đồ vàng son trông thật uy nghi rực rỡ. Những lá cờ tam tài và cờ hai bên vàng giữa đỏ, hớn hở bay lượn trước gió như biểu lộ sự mừng vui. Đám dân nghèo đã ra về gần hết, song cũng vẫn để lại dốc đê độ vài vạn con ruồi và nhặng xanh bay vo vo trong uế khí... Rồi mấy chục chiếc xe hơi hòm trong có đủ mặt các quan chức hàng tỉnh và các vị thân hào, cứ xuyên qua cái

đám sương mù ruồi nhặng ấy lên đỗ trước cửa "thành" để dự lễ gắn huy chương.

Thoạt đầu, lúc mới xuống xe, quan Công sứ, vận lễ phục và đeo gươm trông như quan binh, còn đứng lại chỗ bục cao xem dân lĩnh chẩn. Ngài có vẻ rất hài lòng...

Ba bốn cái máy ảnh của phái viên các báo xông đến trước mặt ngài rồi mới trõ ống kính xuống đám cùng dân, thành thử bọn người lĩnh chẩn sau cùng lại được may, vì có mặt quan trên, lính không dám đánh, và vì tiền thừa, gạo cũng thừa, họ được lĩnh gấp đôi, ba những kẻ lĩnh trước.

Khi quan Công sứ tiến vào sân Tiểu Vạn trường thành thì, một tiếng hô, một dây lính bồng súng đánh hích một cái để cho dãy lính kèn đứng đối diện cử bài La Marseillaise [1]. Các quan chức đi theo quan đầu tỉnh cũng dừng chân ngả mũ chào bài Quốc ca như ngài. Ông nghị Tạ Đình Hách, bảnh bao trong áo gấm, ngực cũng đã lơ thơ điểm huy chương rồi, khúm núm vái một cái dài, bắt tay quan sứ và các quan... Bài Quốc ca cử xong, các quan chức khác đứng lui về sau quan đầu tỉnh để ngài đọc chúc từ. Cách năm bước, trước mặt, Nghị Hách lúc đó đứng chắp tay cúi đầu nghe, kính cẩn và ngoan ngoãn.

Quan Công sứ nói đại khái rằng ngài rất vui lòng được đại diện cho chính phủ Bảo hộ, chính phủ Nam triều, gắn huy chương cho một người công dân rất xứng đáng ở tỉnh ngài trọng nhậm. Vì ông nghị Tạ Đình Hách là một bậc doanh nghiệp hiển hách ít có, mà lòng nhân từ bác ái thì lại đáng treo gương cho dân bảo hộ soi chung... Rồi ngài cài một chiếc Long bội tinh vào ngực nhà triệu phú theo như nghi lễ. Tạ Đình Hách, cảm động hết sức, lắp bắp mấy câu cảm tạ, rồi thì một tràng pháo dài nổ ran lên... Về sau, quan sứ chạy lại nói mấy câu với các quan chức cùng các vị thân hào, thì một bài kèn tiễn nổi lên, quan sứ ra lên xe hơi, về phủ. Các quan chức xúm nhau lại chúc mừng ông Nghị rồi cũng dần dần kéo nhau ra về. Lễ gắn huy chương thế là cử hành xong.

Buổi tối hôm ấy, gian phòng rộng rãi thênh thang, ở tòa nhà chính trong Tiểu Vạn trường thành, đã biến ra một nơi như thị sảnh bên Âu châu để đón tiếp các sứ thần vậy. Tiệc bày trên những bàn phủ vải thêu, xếp thành hình một cái móng lừa. Những chậu hoa

---

1. La Mácxâyedơ, Quốc ca Pháp.

khổng lồ ở các góc phòng, những lọ hoa đồ sộ trên bàn tiệc, bốn cây đèn nến mỗi cây có 100 ngọn bạch lạp, làm cho quan khách phải tưởng mình đến dự một bữa tiệc của một bậc vương giả, vào thời Trung cổ, bên Tây phương. Đồ dùng thì toàn bằng bạc, vàng, ngà, pha lê, bồi hầu bàn thì mượn của khách sạn lớn ở Hà Nội.

Potage aux pâtes d'Italie

Poisson à la Mussolini

Pain Printanier sauce Béchamel

Oies rôties

Pommes soufflées

Bombes glacées

Fruits

Café

Cái thực đơn ấy in vào giấy Nhật Bản nổi hình rồng ấy, các quan khách xem qua cũng đã đủ thấy ngon. Các quan chức Pháp thì có quan Phó sứ cùng phu nhân, ông kỹ sư công chính, ông thanh tra kiểm lâm cùng phu nhân, ông xếp đạc điền, một ông đại tá cùng phu nhân, ông thanh tra học chính, ông chánh đoan cùng phu nhân, vân vân... Các quan chức Nam thì có quan tổng đốc cùng phu nhân, quan bố chánh cùng lệnh ái, quan án sát, quan kiểm học cùng phu nhân và lệnh ái, quan huyện sở tại cùng phu nhân và lệnh ái... Ngoài ra, có ba tay phái viên các báo, trong số đó có ông chủ báo "Lưỡng Kỳ", và cả ông phóng viên ở huyện Cúc Lâm của báo ấy, vài ba ông đại phú cũng Bắc Kỳ nhân dân đại biểu và hai bà sơ coi hội Bảo anh ở Hà Nội. Nói tóm lại thì đó là cả cái xã hội thượng lưu, trí thức, trưởng giả, quí phái vân vân... Người ta xì xào những là quan Chánh sứ cáo bệnh thì đã có quan Phó sứ thay mặt, với lại hai bà sơ thì không hiểu có liên lạc với chủ nhân ra làm sao...

Ở bên cạnh gian phòng ăn lúc ấy có đủ cả bà Nghị, Tú Anh, Long, Tuyết, Loan, ông già Hải Vân, cũng lên ăn khao nhưng lúc ấy thì trông nom sai bảo người nhà về bàn tiệc, xem các quý khách chè chén. Theo lời phán của Nghị Hách, Long phải bỏ bộ âu phục đắt tiền chàng vẫn thường dùng và mặc cái áo vải thâm dài, cái quần ta, đôi giày da lộn đanh tre, cái khăn lượt ta. Long ngồi ủ rũ và Tuyết cũng ủ rũ như Long vì ít lâu nay không hiểu bởi lẽ gì, Tuyết thấy vị hôn phu ra chiều lãnh đạm.

Đến chín giờ đêm, tiệc mới tàn. Các quan khách đã bắt đầu cười to. Nhiều ông quên rằng ngực mình đã điểm huy chương, quên cả rằng dự tiệc có cả phụ nữ Nam và Pháp.

Đến lúc đem đồ nước và hoa quả ra thì quan Phó sứ đứng lên. Những người khác cũng đứng lên. Quan Phó sứ ôn tồn nói đại khái rằng ngài rất hân hạnh được thay mặt quan Chánh sứ để khen ngợi ông Nghị Hách, để cảm tạ bữa tiệc, và chúc mừng ông Nghị Hách cùng gia quyến được khang ninh. Ngài nâng cốc sâm banh lên thì cả bàn tiệc cũng nâng cốc họa theo lời chúc tụng. Nghị Hách đỏ mặt vì cảm động, cũng đáp lại mấy câu rất văn chương. Quan Phó sứ lại nói thêm rằng xin lấy tư cách cá nhân mà nói trước cho ông Nghị biết rằng quan Chánh sứ đã có nói với ngài là quan Chánh sứ, trong một buổi hầu với quan Thủ hiến Bắc Kỳ, thấy quan Thủ hiến nhắc nhỏm đến ông dân biểu Tạ Đình Hách luôn, và kêu đã có thảo giấy gửi sang Pháp đình xin quan Tổng trưởng thuộc địa ban huy chương loại Bắc đẩu cho ông Hách nữa.

Giữa lúc ấy, một tiếng nổ bùng, một làn ánh sáng dữ dội lóe ra như một luồng chớp nhoáng, rồi lại một góc phòng, khói bốc um lên. Trong đám các quan khách ai không quen biết đều phải bàng hoàng nhìn... ấy là một phái viên, đốt magnésium chụp ảnh để đăng lên một tờ nhật báo ở Hà Nội.

Rồi đến quan Tổng đốc thay mặt quan lại hàng tỉnh chúc mừng chủ nhân. Sau cùng đến lượt Nghị Hách có lời cảm tạ quan khách. Đối với quý quan người Pháp, nhà triệu phú nhìn vào một mảnh giấy như đọc diễn văn... Đến lúc nói với quý quan người đồng bào thì Nghị Hách nói một cách hùng hồn không ngờ.

"Thưa các bà.

Thưa các cô.

Thưa các ngài.

Sự cảm động của tôi, làm cho tôi không biết tìm lời lẽ gì cho văn hoa để cảm tạ tấm thịnh tình của các bà, các cô, các ngài, đã để thời giờ lại tệ xá chúc mừng cho tôi. Sự khen ngợi của hai chính phủ, và của các quý khách đây là rất cần cho tôi, cho đường tiến thủ của tôi, không phải tiến thủ về mặt doanh nghiệp mà thôi, nhưng mà là về mặt luân lý đạo đức, nghĩa là về những điều cần phải làm cho những người nào có học cái đạo làm người hữu ích, làm người quân tử vậy.

Tôi vốn xuất thân hàn vi, vâng chính thế, và tôi lại là dòng dõi bình dân, mà cái điều ấy làm cho tôi tự kiêu lắm. Tôi xuất thân làm thuyền thợ nay mới được thế này. Cái thành kiến hủ bại của xã hội mình buộc rằng ai cũng phải là con dòng cháu dõi thì mới đáng hưởng thụ phú quý, chứ không bao giờ lại công nhận những công lao của những người tay trắng làm nên. Do thế, có một số người trong xã hội vẫn phao ngôn vu cho tôi đủ mọi sự gian ác, dâm tà... Họ rêu rao tôi mộ phu, buôn ngô, rằng tôi đã lường gạt thiên hạ. Sự thật đâu có thế! Tôi giàu từ khi Tân Đảo gọi nhân công, và nước Hòa Lan cần đong ngô. Âu cũng là cái lòng đố kỵ thường tình của thiên hạ. Tôi là người thiện ác thế nào, riêng có lương tâm tôi biết. Những việc tôi đã làm, và sẽ làm mai đây, sẽ cải chính những lời vu cáo kia! Chao ôi! Dư luận! Ác hại thay là dư luận của một xã hội bán khai, của một dân tộc còn ấu trĩ...

Tôi muốn đem tài trí ra làm việc công ích nên tôi tranh cử nghị viên. Họ cho tôi là hiếu danh! Tôi muốn tranh cử ghế nghị trưởng để làm việc ích lợi hơn cho đồng bào, họ công kích tôi là tham lam, là vô lương tâm, và còn gì nữa? Tôi thấy đồng bào lầm than đau khổ, tôi phát chẩn, cũng lại có một tờ báo tiếng Pháp kia kêu tôi là nịnh dân, là mê hoặc dân, là buôn dân.

Dư luận áp chế người ta như thế nữa thì ai biết làm thế nào?

Thực ra, lòng tôi rất chân thành mà phát chẩn. Tôi đã đi thăm khắp các vùng quê, tôi đã thấy nạn khủng hoảng, những tai trời ách đất, hạn hán, hạn sâu cắn hại mùa màng... Tôi đã thấy dân quê đào củ chuối mà ăn, giết nhau vì một đồng xu, một người cha bán một đứa con lên ba tuổi lấy tám hào để đóng thuế và để con không đến nỗi chết đói... Tôi đã thấy những cảnh lầm than, những cảnh ai oán, những cảnh não lòng! Tôi... tôi cũng là người, tôi không thể... không thể... không sao..."

Đến đây, Nghị Hách nghẹn ngào, hậm hực, tay đưa lên cổ, không nói được nữa. Mấy tay phóng viên vội lấy sổ tay và bút máy ra bàn, dùng chữ tốc ký mà ghi những câu thương nòi xót giống ấy! Cử tọa, Nam cũng như Pháp, đều một cách kính cẩn, nhịn thở mà giữ sự lặng im...

Nghị Hách để hai tay chống bàn, cúi mặt xuống. Trong óc lão hiện ra cái cảnh vợ lõa lồ thân thể nằm ôm thằng cung văn. Lão nghĩ đến Long là con lão, đến Tú Anh là con riêng của vợ lão, đến

những câu nói ghê gớm của khóa Hiền... Bất giác nước mắt lão ở đâu ứa ra lã chã...

Nghị Hách lắc đầu một cái, không lau nước mắt, ngẩng cao mặt lên. Các quan khách sụt sùi cảm động, đánh trống ngực mà nghe lão nói tiếp:

"Thật vậy, tôi thương xót đồng bào tôi quá, tôi thấy tôi không hy sinh một ít tài sản nào thì là có tội to! Do thế có hai buổi phát chẩn vừa rồi. Do thế một tờ báo xưa nay vẫn hô đòi kiểm soát nước mắm để định chiếm độc quyền, cứ công kích tôi là buôn dân, là làm cộng sản, là ăn tiền của nước Nga! Ha ha ha!..."

Nghị Hách thở dài, cười nhạt rất to, lại nói:

"Nhưng tôi bỏ mặc ngoài tai dư luận. Tôi đã có lương tâm tôi xét xử tôi. Đẻ ra là bình dân, tôi xin giữ lòng trung thành với bình dân cho đến chết!"

Rồi ngừng hẳn. Các quan khách vỗ tay kêu ran. Nghị Hách quay lại, ra hiệu cho tên người nhà sau lưng mình.

Long sợ sệt bước vào, đến đứng gần Nghị Hách. Hai bà sơ chạy đến vuốt ve Long. Nghị Hách lại nói :

"Thiếu niên này là một kẻ mà hội Bảo anh gây dựng nên. Hạng thiếu niên vô thừa nhận như thế này thường là con của hạng cùng dân nghèo khổ, cái kết quả của nạn hoang thai, của nạn mãi dâm, nghĩa là của những vết thương của một xã hội tổ chức chưa được hoàn hảo! Hạng này là máu mủ những nhà cùng đinh, những kẻ bần dân! Những kẻ... cái giai cấp trong đó có tôi, phải, trong đó có tôi!... Đối với hạng dân nghèo, tôi muốn có một cử chỉ đặc biệt.

Cử chỉ của tôi sẽ có giá trị của một cái biểu tượng! Muốn tỏ lòng căm hờn cái xã hội trưởng giả ích kỷ, cái chế độ cũ, thưa các bà, thưa các cô, tôi đã nhất định gả con gái lớn nhất của tôi cho thiếu niên này!..."

Cử tọa kinh hoàng lên vì ngạc nhiên, vì sợ sệt. Hai bà sơ cảm tạ Nghị Hách mãi không thôi. Nghị Hách lại nói :

"Vâng, chính thế. Tôi muốn kết liên, chỉ muốn làm thông gia với cái giai cấp hạ lưu, nghĩa là bọn người khổ sở xấu số. Và, muốn tỏ rõ chứng cớ hơn nữa, tôi xin quyên cho hội Bảo anh một số tiền mọn là một nghìn đồng!"

Nói xong, Nghị Hách lấy ngân phiếu ra biên luôn rồi đưa ngay cho hai bà sơ. Hai bà này láu táu cảm tạ Nghị Hách trước công

chúng, sướng đến rơi lệ. Nghị Hách lại quay lại ra hiệu cho một tên người nhà thì Tuyết, trong bộ trang phục cực kỳ choáng lộn e lệ ra mắt khách quan. Nghị Hách lôi con gái cho đến đứng gần Long, quay lại đám khách khứa:

"Thưa các bà, các cô, các ngài, đây là con gái tôi, không lấy chồng quan, nó không lấy trạng sư, bác sĩ. Nó lấy một người chồng nhũn nhặn, một hột máu của giai cấp lao khổ, một đại biểu của bình dân, là trẻ vô thừa nhận này!"

Một hồi vỗ tay ran lên.

Quan Phó sứ lại bắt tay và chúc mừng Long và Tuyết, Những người khác rầm rộ đẩy ghế đứng dậy bắt chước quan Phó sứ.

XXX

Qua tỉnh lỵ Quảng Yên chừng 20 cây số, xe bắt đầu chạy chậm lại, và cứ thẳng tiến trên con đường thuộc huyện Tiên Yên. Những luồng gió mạnh mẽ nặng nề và những hạt mưa to ào ào hắt vào bốn bề cửa kính. Lắm lúc qua một chặng đường úng thủy bánh xe lại tung lên những cây nước cao ba thước ra hai bên vệ đường, giông tố phũ phàng, bẻ những cành cây mục rồi rơi xuống dưới mặt đường ngổn ngang. Cả trời đất ủng thũng trắng xóa những nước là nước...

Ngồi bên trong cái xe hơi hòm vun vút nuốt đường, một ông già kỳ quặc mà mỗi hành vi ngôn ngữ biểu hiện cho một sự bí mật, lại đã có chứng cớ hiển nhiên là bố mình. Tú Anh thấy mình đương bàng hoàng sống một giấc mộng say sưa.

Chàng đương ngồi ôm đầu trong phòng giấy nghe tiếng mưa gào gió thét của cảnh trời sầu đất thảm mà ôn lại tấn bi kịch ghê gớm dưới Hải Phòng mà tự đặt ra bao nhiêu dấu hỏi về người bố đột ngột ấy, thì có ba tiếng gõ cửa. Rồi ông già vào với bộ mặt thản nhiên khó hiểu mà bảo chàng: "Con ơi, cha đi đây! Con có muốn tiễn biệt cha thì xuống đánh xe đi với cha..."

Ấy thế rồi... cuộc hành trình. Ông già ngồi vào cầm lái xe, và lành nghề như một người đã sống vì nghề lái ôtô hàng vài chục năm nay rồi vậy. Trong quãng đường dài từ Hà Nội qua Hải Phòng, rồi thẳng đi về mạn Móng Cáy, đà xe cứ thay từ 60 đến 100 cây mỗi giờ, hai bố con tịnh chưa nói được câu nào với nhau. Đã nhiều lần Tú Anh

muốn hỏi, song động cơ nổ ầm ầm, lại thêm mưa gào gió thét quanh xe, nếu có trò chuyện cũng khó nghe cho hiểu.

Trước mặt có một vệt đen sì... Nhoi lên trên vệt ấy là một cái chòi cao... Đồn! Xe dừng chậm ông già thay đèn pha [1] ra đèn cốt [2] để ung dung lẳng lặng qua đồn một cách nghiêm trang bệ vệ, ý chừng sợ bọn lính gác nghi hoặc gì chăng... Khỏi địa phận của đồn, xe lại phóng nước đại. Độ mười phút sau thì trời đất mở ra một vòm bao la, bát ngát, bên trái là đồng ruộng và làng mạc, bên phải là bể, bể với những hàng dãy núi đá và những cồn cát chập chùng. Những cái bóng đen sì có hình thể của những cái roi tiên cắm ngược là những cây phi lao. Dù là giữa đêm khuya, nhờ có ánh sáng của nước mưa, người ta cũng nhìn rõ được mọi vật ở ngoài cái vòng ánh sáng của nước mưa, người ta cũng nhìn rõ được mọi vật ở ngoài cái vòng ánh sáng của đèn xe. Thì ra đã qua khu vực của vịnh Hạ Long nhiều đường đất lắm!

Tú Anh chưa dám hỏi ấy là ông bố định dắt mình đi đến đầu trời cuối đất nào, thì ông già hãm xe. Cách ba thước trước mặt một dẫy nhà trong đó có một tòa nhà gạch lối cổ, còn thì là những mái gianh xiêu vẹo. Trông ra xa nữa, một con đường nhỏ dắt đến một dẫy cồn đá, có một cây đa um tùm nhoi lên trên. Dưới cồn đá là bến thuyền có vài chiếc thuyền nhỏ của dân chài lưới. Chung quanh cây đa có vài quán chợ, ý chừng là chợ tôm cá của dân miền Duyên Hải.

Ông già cho xe quay mũi lại, để lọt hẳn vào vệ đường, rồi bảo Anh bước xuống, đến đấm cửa tòa nhà gạch. Một người đàn ông vặn to đèn lên, ra mở cửa, rồi ba người cùng vào. Đối với ông già, chủ nhân có vẻ kính cẩn đến nỗi sợ hãi. Anh thấy trên giá áo có bộ quần áo và mũ lính sen đầm thì cũng hơi ngạc nhiên. Đã đến lúc chàng phải hỏi:

– Thưa cha, bố con ta biệt nhau ở đây?

Ông già gật:

– Phải! Phải! Một giờ đồng hồ nữa thì cha xuống thuyền! Hai giờ đồng hồ nữa thì cha đã lênh đênh giữa mặt biển. Bố con mình chỉ có một lúc trò chuyện mà thôi. Mà có lẽ không bao giờ... không bao giờ cha con ta lại gặp nhau nữa!

---

1. Phare.
2. Code.

Nói đến đấy, ông già ngừng lại, nét mặt rầu rĩ, cố giữ hai giọt lệ khỏi chảy xuống má. Lặng lẽ, người chủ nhà lấy ở túi áo ra, đem lại để trên bàn một bộ quần áo khách, với một gói giấy nhật trình. Gói nhỏ ấy va vào mặt bàn làm một tiếng cạch nặng nề, và khiến ông phải ngẩng mặt lên. Ông đứng dậy, cởi bộ quần áo vải vàng, lấy bộ quần áo Trung Quốc mặc vào, thì trông đã ra vẻ một ông già Tàu ngay. Ông vừa thay hình đổi dạng vừa nói:

– Cha đã muốn về ở với con một hôm, song sợ nguy hiểm đành phải để đến phút cuối cùng mới lại tìm con và mượn xe của con đi cho đúng giờ hẹn. Sở dĩ thế là bần cùng... Sáu giờ sáng mai thì cha đã lên một cù lao nhỏ thuộc Hải Nam. Rồi cha sẽ lên một chiếc tàu nhỏ chở than và đá bọt của khách để đến Hương Cảng. Từ Hương Cảng, cha sẽ được đường hoàng lên tàu tây mà về Thượng Hải rồi đi Lữ Thuận, thì không còn lo sợ gì nữa. Con là người hay đọc các báo chí sách vở cực tả, hẳn nghe thế con cũng đủ hiểu cha làm những công việc gì rồi.

Ngoan ngoãn và kính cẩn, sự kiêu căng được có người bố ấy lộ ra nét mặt, Tú Anh khẽ đáp:

– Vâng.

Ông già ra mở cửa sổ, nhìn mưa gió năm phút, rồi đóng cửa quay vào hỏi trống không:

– Không biết bọn ấy đã từ Hòn Vẹo ở Cát Bà về đây đón ta chưa?

Người chủ nhà khẽ nói:

– Chắc phải theo đúng lệnh nhưng vì bão nên đến cũng phải chậm.

– Cứ theo chiều gió này, mưa này, thì ta đoán có bão to giữa biển Trung Hoa, cách Hải Phòng độ chừng 180 hải lý. Đến nửa đêm có lẽ gió đổi, sẽ thổi ở vĩ tuyến Bắc 19 độ, và kinh tuyến Đông 113 độ, ngang qua cù lao Hải Nam rồi tiến về phương Tây Bắc Tây. Làm thế nào biết cho đích xác?

Người chủ nhà thưa:

– Bẩm để tôi ra đồn xem thiên văn đài Phủ Liễn đã báo chưa...

– Ừ, có thì biên vào giấy đem về đây cho tôi mau lên.

Người chủ nhà vội lấy cái áo đi mưa khoác vào rồi đi ngay. Khi gian phòng chỉ còn hai người, Tú Anh khẽ hỏi:

– Người lính sen đầm này mà lại cũng là...?

Ông già gật và thêm:

– Phải, anh ta chịu trách nhiệm về trình độ tiến hóa của anh em phu mỏ. Từ nay trở đi, cái đảng ấy sẽ kín hơn ngày xưa. Từ nay trở đi sẽ không có những vụ bạo động vô ích.

– Cha về từ bao giờ?

– Đã hai tháng. Công việc của cha là hòa giải hai đảng, điều đình cho Đảng Quốc gia cũ hợp nhất với Đảng Quốc tế mới... vì phái quốc gia cũ lấy tiền của Đức và của Nhật, như vậy sẽ dại dột lắm, dân tộc mình mà thoát vòng này sẽ vào tay Đức với Nhật là hai đế quốc, như vậy thì là sẽ diễn cái trò hề diệt chủng tái nô mà thôi!

... Ông già ngừng lại bóc gói giấy nhỏ thì đó là một khẩu... súng lục. Ông mở ổ đạn, xem xét máy móc, lại đậy lại, bỏ túi, rồi hỏi:

– Con có một khối óc không? Con có một quả tim không?

Anh đáp:

– Con cũng may mà cũng lại là một người biết nghĩ, cũng có một Lý tưởng...

– Quốc gia hay Quốc tế?

– Bẩm... Quốc gia.

Ông bố trừng mắt mắng:

– Đồ ngu!

Tú Anh cúi đầu chịu quở, không đáp. Ông bố tiếp:

– Ta không được coi nước Pháp là kẻ thù mà để cho bàn tay bí mật của phái quân nhân Nhật nó thực hiện cái chương trình liên Á bằng những khẩu hiệu như "Á đông về tay người Á đông"! Cái chế độ của nó làm khổ dân ta là chính sách của mấy nhà tư bản vua dầu hỏa, vua mỏ, vua ô tô, vua nhà băng, nhưng đó không phải là toàn thể nước Pháp! Ta có thể hy vọng vào cái nước Pháp bình dân của Rousseau, Đanton, Robespierre, Blum, Moutet! Rồi những người ấy sẽ có thế lực làm cho ta đỡ khổ! Mặc dầu bây giờ họ chưa có địa vị gì cả. Ta sẽ không được coi nước Pháp là kẻ thù riêng, trái lại, ta có cả kẻ thù chung trong bọn đồng chủng của ta, cái phái tọa hưởng kì thành vẫn bóc lột cái phái lao động, thí dụ thằng Nghị Hách là một. Nhưng tư tưởng quốc gia của con vừa hẹp hòi, vừa bất đạt. Phân biệt biên thùy với nòi giống là đồ ngu xuẩn, con nên đổi quan niệm đi và nên coi những người Pháp nghèo khổ là bạn thân, và bọn trọc phú An Nam là kẻ tử thù...

....

Ngay lúc ấy nhà trong có tiếng đàn bà khẽ ru con. Tú Anh đưa mắt cho bố, ông già cười, nói:

– Họ hiểu quái gì nữa mà sợ...

Người lính sen đầm vừa lúc ấy, đẩy cửa vào, đưa ra một mảnh giấy. Ông già xem xong nói một cách đắc chí:

– Ta đoán quả không sai... kinh tuyến 113 vĩ tuyến 19 thật! Thôi xong, như thế là ta có thể yên tâm xuống thuyền. Bão có to lắm thì cũng chỉ thổi thuyền dạt vào Hải Nam là cùng mà thôi.

– Thưa cha đây chỉ là bão rớt mà sóng đánh còn ầm ầm thế này, con sợ lắm... Hay cha chờ bao giờ bão ngớt đã...

Ông già mỉm cười:

– Con tưởng công việc của cha cũng như trò trẻ? Có thể sai hẹn được đấy à? Nếu không có bão thì ven biển này đặc những thuyền nhà đoan, những tàu Hải Phòng, ta đi thoát làm sao? Vả lại cuộc hội nghị đỏ Viễn Đông có đủ đại biểu của Phi Luật Tân, Úc châu, Chà Và, Đài Loan, ta đến chậm nửa giờ cũng không được.

– Đương cơn giông tố này, con sợ lắm.

Ông già nghĩ một lát rồi thản nhiên nói một cách láu lỉnh như để dò ý tứ:

– Ta chưa chết mà sợ. Mà số ta chưa đến ngày tận, con sợ cơn giông tố ngoài bể, thế ra con không sợ cơn giông... tố ngay trong lòng con bây giờ đó sao?

Tú Anh ngồi xuống ghế, bưng mặt khóc sì sụt. Người chu nhà hỏi ông già:

– Bẩm... mọi việc thế là xong cả?

– Xong. Việc ta phải quyên tiền cho quỹ đảng cũng xong! Anh có biết bao nhiêu không? Một vạn đồng! Tống tiền như thế mới bõ...

Rồi ông già lôi ở trong cái áo lót mình ra một tệp giấy bạc một trăm buộc dây gai đỏ, vứt xuống mặt bàn đánh thịch một cái. Tú Anh nhìn lên thì ông già nói:

– Cái giá trị của con đấy! Một vạn đồng đấy, con ạ. Cha đã bán con cho lão Nghị rồi. Trong lúc nó còn trù trừ, cha phải dọa nó là nó có muốn mất tiền, hay thấy con nó bán hết gia tài đã chia cho con nó, rồi đi biệt tăm biệt tích, thì muốn... Thế nó mới chịu nghe theo. Lấy tiền rồi là cha phải ra đi ngay, sợ nó hối hận mà báo sở Liêm phóng... Bây giờ thì không lo ngại gì nữa rồi. Thế là ta được dịp về thăm cả Tổ quốc, và nhận cả con ta, công tư cùng trọn vẹn.

Người lính trố mắt vì kính phục. Ông già lại cất tiền vào ngực mình. Tú Anh rền rĩ nói:

– Cha ơi... con... muốn đi theo cha lắm. Con không thể sống ở cái đất này nữa... Khi cha làm cho con hiểu cả cái bí mật đời con là khác máu tanh lòng với lão Nghị, thì con thấy đỡ nhục nhã, nhưng mà giời ơi, còn mẹ con! Con đau khổ... không thể...

Tú Anh lại khóc. Ông già nghiêm nghị ưỡn ngực lên mắng:

– Nam nhi gì mà khóc lóc như đàn bà ấy thế? Phải có can đảm, nên để tâm trí vào Lý tưởng của mình, thì cái khổ ấy mấy lúc mà quên? Cha đã lấy danh dự ra cam đoan với Nghị Hách rằng con sẽ ăn ở với lão như trước, lẽ nào con lại bán rẻ cái danh dự của cha đi thế! Vả lại xã hội cũng cần có những người như con. Đã có học thức, nhân phẩm, lại có một Lý tưởng mà thờ, con sẽ cố gắng làm những việc hữu ích cho dân chúng trong vòng pháp luật, thì làm gì không trở nên được người hữu ích? Con nên quay về sống ở xã hội cũ, coi như trong đời con không có sự gì xảy ra cả. Như thế là cha bằng lòng lắm rồi. Nếu con cũng như trăm nghìn kẻ khác, có tim, có óc, mà ích kỷ, mà tham sinh úy tử, mà rồi cứu cánh là một cuộc đời trưởng giả, sống như chó, như lợn, vì kim tiền, vì ái tình, vì vật chất, vì hư danh, thì mới đáng lo cho giống nòi.

– Con xin chôn vào ruột những lời phán bảo của cha.

– Một vài năm nữa, nếu có lệnh cử cha về điều tra nước nhà lần nữa, thì cha sẽ lại đi kiếm con. Mà nếu không thì ắt sẽ là người khác. Người ấy sẽ đến tìm con, nói ba câu về cha, thì con sẽ sẵn lòng hy sinh một chút tài sản của Nghị Hách đi, thế là được rồi, thế là cũng theo đuổi cái chí hướng của cha rồi.

– Bao giờ con lại quên được điều ấy!

– Tốt lắm! Cha vất vả lắm con ạ. Nửa đời người tù tội rồi. Một năm tù ở nước nhà, vì Nghị Hách, ba năm tù ở Phúc Kiến, năm năm tù ở Mãn Châu. Chín năm giời trốn tránh, gối đất nằm sương...

....

Ngoài đường hình như có tiếng người đi đến. Chủ nhà thổi ngọn đèn tắt phụt, ba người cùng mở cửa, nhìn ra... Một chú khách cắm đầu chạy lại. Người chủ nhà reo:

– Thuyền đến đón rồi!

Ông già ra thềm đứng, chú khách trông thấy nhờ một cái chớp nhoáng thì vội đứng dừng lại chào kiểu nhà binh. Ông già giới thiệu cho con:

– Anh em đồng chí thuộc chi bộ Phúc Kiến...

Rồi ông già đội mũ, khoác cái áo cao su đen lên vai. Người lính và Anh cũng mặc áo tơi vào, vì giờ xuống thuyền đã đến. Đoạn ba người theo người khác đi thẳng ra chỗ cồn đá có cây đa.

Một chiếc hải thuyền khổng lồ có hai cánh buồm nâu, bên trên có sáu người khách nữa, đã đỗ chỗ có những mỏm đá nhỏ. Thấy bọn này, những thủy thủ lẳng lặng chào theo kiểu nhà binh. Ông già dừng chân hỏi lại bằng tiếng Tàu, thì bọn thủy thủ líu lo đáp lại...

Ông già quay lại, giơ tay ra bắt tay con.

Tú Anh quên cả vũng nước dưới chân, quỳ xuống hôn hai tay bố, gục đầu vào hai bàn tay...

Khi thấy tay mình có vài giọt lệ nóng thì Hải Vân lôi Tú Anh đứng lên, hôn hai bên má. Sau cùng Hải Vân vỗ hai vai con nói gọn:

– Thôi, ở lại, và sống cho can đảm!

Rồi quay đi, nhảy trên những mỏm đá mà xuống chiếc hải thuyền.

Tú Anh đứng ngây ra trông, mũ cụp xuống mắt, cổ áo tơi che kín cả gáy, có người lính sen đầm kỳ quặc đứng sau lưng trong bộ quần áo thường dân.

Mũi thuyền quay ra khơi... Những làn sóng vỗ vào cồn đá ầm ầm, tiếng vang như núi đổ... Mưa như trút nước... Chiếc hải thuyền nổi lên, chìm xuống bập bềnh. Trời và bể trắng xóa như tấm vải trắng mà chiếc thuyền là một chấm đen...

Những luồng điện ngùng ngoằng chốc chốc lại hiện trên vòm trời đánh nhoáng một cái.

Tú Anh vẫn đứng. Nước mưa chui vào cổ chàng, chảy vào lưng chàng. Hai chiếc giầy của chàng đã sũng những nước. Nhưng Tú Anh vẫn đứng nhìn...

Chàng định nhìn cho bao giờ không trông thấy rõ chiếc thuyền ngoài bể mới thôi.

Người lính nói:

– Bọn thủy thủ khách là những tay lành nghề, ông cứ yên tâm.

Tú Anh tuy vậy không khỏi lo lắng phân vân, mặc lòng đã thấy người ấy có một vẻ tín ngưỡng mà người thường không có.

ĐOẠN KẾT

Một buổi tối mùa hạ năm sau, tức năm 1933, tại nhà một ả danh ca ở xóm Khâm Thiên, có một chầu hát long trọng, quan khách có đến ba chục ngài, do Long làm... khổ chủ. Bọn quan viên này toàn là những thiếu niên trí thức, cử nhân, tú tài, giáo sư của Đại Việt học hiệu, bạn thân hoặc sơ, hoặc cánh hẩu rỉ của Long.

Tùy theo sở thích từng bọn một, họ chia nhau ra làm ba tốp, chiếm cứ cả nhà dưới, gác trong, gác ngoài. Thành thử bữa ấy, nhà hát như có ba bọn khách. Bọn thích gái tân thời và cái nhục dục nửa đời nửa đoạn, nửa nạc nửa mỡ, nửa khép nửa mở, thì ôm nhau khiêu vũ ở nhà dưới. Bọn muốn thưởng thức cung đàn dịp phách và cưỡi phi cơ, thì đóng đại bản doanh ở gác ngoài. Còn gác trong là chỗ hẹn hò của những cuộc ái ân khổ não, của những câu vật nài lè nhè, của những lời hứa ỡm ờ nhí nhảnh, của sự ghen tuông giả dối, của sự đau đớn thành thực, và của thần lưu linh.

Phòng này có năm bảy cái giường đủ chăn, mền, nệm, gối, bình phong, và những bóng điện bị giam hãm trong những khung dua dầy dặn, không ra ánh sáng cũng không ra tối, thật là tiện lợi cho những cặp nhân tình...

Đó là một cuộc cuồng dâm dữ dội, một bữa dạ yến long trời lở đất đáng chép vào cuốn sử của khách làng chơi.

Bốn chiếc xe hơi hòm đỗ ngoài bờ hè đã đủ cam đoan với thiên hạ rằng bọn quan viên này là những tay sộp cả. Khi khách khứa kéo nhau vào độ ba phút, mụ chủ biết chính Long là chủ tịch rồi, thì là lập tức sai người đi đến một hiệu rượu tây, rồi, một lúc nữa, một chiếc xe hơi đi giao hàng đã đỗ lù lù trước thềm, khuân vào nhà một hòm sâm banh. Cái tiếng chơi bời của chàng rể ông Nghị Hách, trong ít lâu, đã lừng lẫy khắp đất nghìn năm văn vật.

Long cứ từ gác ngoài vào trong, lại từ đấy xuống nhà dưới, để giữ đủ bổn phận người lịch thiệp, đốc thúc bọn ả đào phải chiêu đãi bạn hữu của mình cho ai cũng được hể hả, cho chầu hát phải vui vẻ hoàn toàn. Chàng rỉ tai cho mụ chủ những là thế này... thế này, khẽ dặn

bọn chị em phải tiếp anh này ra làm sao... anh kia ra làm sao. Chàng muốn rằng không một người bạn nào của chàng lại phải sự gì phật ý. Mụ chủ cứ nửa đùa nửa thật mà cố gán cho Long một cô đào non, vào hạng chanh cốm, có cái tên xinh đẹp là Minh Châu, mà mụ cam đoan là hãy còn tân cả trăm phần trăm. Vì còn bận rộn tấp nập, Long cũng chưa để ý đến những câu tiến cử ngọt ngào.

Cảnh phố xá dần dần vắng vẻ, vừa báo đêm khuya thì trong cảnh bồng lai, dâm thần đã điểm cái giờ khai chiến. Lúc ấy trên gác ngoài, anh kép đã phải đổi cái đàn dây ra đàn nguyệt, mà cô danh ca cũng đã thôi những bài hát nói, gửi thư, để ca mấy câu nam ai, lẩy mấy câu Kiều. Khói thuốc phiện bốc lên trần nhà đã xanh lè, những ông trí thức đạo mạo nhất bọn cũng đã cho về những cái đứng đắn, để lôi những mỹ nhân vào lòng mà xin ái tình bằng tay và môi.

– Khổ chủ ơi khổ chủ! Vài ken cờ [1] nữa đi!

– Thôi, xin phép... Tôi hút đã khản cả cổ rồi!

– Thì một điếu nữa thôi mà? Đã nghiện ngay đâu mà sợ!

Vốn nể bạn, Long toan quay vào nằm bên khay đèn nhưng bị Minh Châu níu áo lại:

– Thôi đừng hút nữa, em lạy mình!

– Bỏ ra nào... người ta mời như thế...

– Không!

Rồi Minh Châu lôi tuột Long ra ngoài gác sân. Cổ Long bị hai cánh tay ngà ngọc kéo xuống, má Long được nhận cái hôn kêu đánh choét một tiếng.

– Đêm nay anh ngủ lại nhé? Ngủ với em nhé? Ừ không?

– Ừ! Chứ ai sợ gì?

– Thế thì thích quá! Em nhớ mình quá. Khỉ ở đâu ấy. Mấy bận trước người ta muốn giữ lại thì cứ dẫy ra, cứ nằng nặc đòi về! Mình không yêu em hay sao?

Long thờ thẫn đáp:

– Yêu mê đi chứ lại không!

Rồi dìu Minh Châu xuống nhà dưới. Lúc này cả gian phòng đương nhào lộn quay cuồng cùng một dịp cuồng khấu. Những cô vũ nữ có

---

1. Hút vài điếu

những cái thân thể mũm mĩm đầy những mỹ thuật cứ việc ngả người trong cánh tay bọn kỵ binh, lắc lư những gò bồng đảo mà lia lịa bàn chân trên mặt sàn gỗ lim trơn bóng, uốn éo theo điệu một thứ âm nhạc lúc khoan lúc nhặt, lúc tỉ tê, lúc lại rầm rộ, cứ luôn luôn thay đổi: vàng đỏ, đỏ nhạt, xanh thẫm, xanh lơ... Nào là bài *blue* sang qua sang lại, nào là bài *slow fox* uyển chuyển nhẹ nhàng, rồi đến bài *tango* huyền ảo mơ mộng rồi thì điệu *java* vũ phu, vô nghĩa lý, sầm sầm như một chuyến xe lửa tốc hành, rồi thì nhịp *valse* tít mù tấp như những ngọn gió lốc, rồi thì bài *rumba*, dã man, ghê gớm, quỉ quái...

Bọn người ngồi nghỉ, vì mệt hay không biết nhảy, gào thét như bọn hóa dại: "Một cốc *Witsky*! Cho một *Martel*!... Mau lên, lấy đây một cốc *Rhum* sao đỏ... Trông chán lắm! Thay đĩa kèn! Hết điệu này thì thay đĩa kèn! *Boston! Jazz!* Hay là *Symphonie Hawaixenne*!". Người ta gào thét inh ỏi xôn xao, ai cũng muốn nói to hơn người bên cạnh, nhưng không ai cần cho ai nghe rõ cả. Một thiếu niên ngồi tại một xó thỉnh thoảng lại reo lên "*Satan conduit le bal*!..." một cách vô duyên, dù không cười.

Long gật mụ chủ lại, dặn:

– Hết đĩa này thì bảo hộ các ông ấy là ở gác trên các ông chờ để mở sâm banh.

– Vâng.

– Bảo họ lên trô đã rồi lại xuống nhảy cho dẻo!

Dặn xong, Long lại dìu Minh Châu quay ra. Cả hai đủng đỉnh bước lên thang rồi toan vào gác trong, nhưng mới đến cửa đã phải đứng lại để khúc khích cười. Trong phòng lúc ấy có những chuyện không bút nào tả được.

Những giọng lạy van nhục nhã, những câu hắt hủi đây đẩy, tiếng cười hoặc rầm rộ hoặc khúc khích, tiếng khóc sụt sịt, tỉ tê, thôi thì đủ cả: hỉ, nộ, ai, lạc, ái, ố, dục. Người ta nói những câu ngọt như mía, hay như thơ. Người ta đay nghiến nhau đau như dâm, rức như nện... Giai gái đương mua dâm của nhau, hay là đã bán dâm cho nhau rồi, hay là đương mặc cả... Người nào tốt số thì mua được rẻ, được chóng vánh. Kẻ nào vô phúc thì đi rều rệu khắp chợ chẳng được, nói mỏi cả mồm. Thậm chí có kẻ mặc cả không được thì giằng lấy, cướp giật cho kỳ được. Thành thử gian phòng ấy là một thị trường hỗn loạn có đủ các cảnh ngộ, đủ các trạng huống của bọn nô lệ dục tình, từ cao đẳng

đến hạ đẳng, giao hợp từ nam nữ thích độ cho đến nam nữ quá độ, nào là tảo hôn, nào là vãn hôn... Cũng có một vài vụ hãm hiếp... nữa đấy, song tòa đại hình không phải xử đến.

... Tiếng cười, tiếng nói, lời tán thành, lời phản đối, giọng công phẫn, thật là oanh yến xôn xao, Long phải nói như thét:

– Thằng nào không ra ngay... hết sâm banh thì mặc kệ.

Đoạn Long với Minh Châu ôm nhau đi ra gác ngoài. Bàn rượu đã bày xong. Trên tấm khăn rải trắng muốt, ba chục cái cốc pha lê để quanh rìa bàn. Sáu đĩa bích quy, sáu chai rượu để trong xô kẽm hẳn hoi. Ba lọ hoa hồng tô điểm cho quang cảnh ấy. Mụ chủ rối rít thúc con em đi mời các quan viên lên cho đủ mặt. Long đứng ôm Minh Châu ở một đầu bàn, chờ... Chợt tay Minh Châu nắn chỗ túi áo ở ngực Long.

– Lọ gì đây, anh? Cái gì thế anh?

– Không được mó vào đấy!

– À! Nước hoa anh mua cho em phỏng? Xem nào?

Minh Châu vừa toan móc ra thì Long vứt tay nó xuống trừng mắt quát:

– Im! Đã bảo không được mó đến mà!

Giọng gắt ấy có vẻ dữ tợn đến nỗi Minh Châu tái mặt đi, phụng phịu có ý giận. Bọn anh em lẻ tẻ đến bàn. Nhiều người quần áo xốc xếch, hoặc ca vát lỏng lẻo, đa số diện âu phục cả mà đến nỗi hoặc có áo mà không có quần, hay có quần mà không có áo, hoặc quên không cài khuy quần, hoặc không có giầy, mà phải dùng đến dép và giầy cao gót của chị em. Khi đủ mặt đứng quanh bàn rồi, Long mở một cái chai, rót ra năm cốc gần nhất. Mụ chủ và mấy ả nữa mở những chai khác, sau Long. Bốp! Bốp! Bốp! Những nút chai bắn thẳng lên trần nhà.

Tay trái chống bàn, tay phải nâng cao cốc, Long trầm tư mặc tưởng trong ba phút, rồi lầm lầm nét mặt, nghiêm nghị nói to:

– A la santé de tous [1].

Hai mươi chín người nâng cốc nhắc lại câu ấy, hai mươi chín cái cổ ngửa, hai mươi chín cốc sâm banh ráo hoảnh. Người ta lại rót rượu một lượt nữa. Bây giờ đến một quan viên khác nâng cao cốc, nói:

– Bọn anh hùng hảo hán chúng ta cạn chén chúc vạn tuế cho phái phụ nữ!

---

1. Chúc sức khỏe tất cả.

Từ đây trở đi, người nào cũng nhao nhao lên:

– Phụ nữ vạn tuế!

– Đồ ngu! Ái tình vạn tuế!

– Vạn tuế cho những anh chồng mọc sừng! Vive les cocus!

....

....

– Hay, hay! Bravo!

– Bis! Bis! Một lần nữa!

– Phải lắm, tuyệt! Nó ở đảng ố phụ!

Người ta vỗ tay hoặc cười lăn cười lộn. Nút chai lại bôm bốp phụt lên trần nhà. Người ta nói một cách huyên thuyên hỗn loạn.

....

....

– Satan conduit le bat!

– Nàng có một vẻ đẹp tiêu hồn!

– Thế mới biết lòng thành khẩn đạo... Chúa công ôi!

– Mọc sừng vạn tuế!...

– Rót đầy cốc cho trẫm!

– Ái khanh ơi! Nó chết.

....

....

– Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ. Người yêu của ta ơi!

– Ngủ lại sợ muỗi đốt. Ông mắc bệnh sốt rét rừng!

– Muỗi nó lây trùng giang mai của mày thì có!

– Nàng ghen tao! Phải đầu độc nó!

Ấy đại khái sự huyên náo là ở những lời nói, những câu hát lảm nhảm, những sự gào thét đầu Ngô mình Sở như thế cả. Thật là hỗn loạn, rầm rĩ!...

Long cứ lẳng lặng rót lại uống, cạn lại rót, uống đầy năm cốc và ép Minh Châu cũng cạn đúng năm cốc như thế. Người ta bắt đầu có những cái mặt đỏ bừng, lảo đảo muốn ngã, hoặc không nói được nữa hoặc văng tục nói đểu bằng vạn trước. Long hỏi cả bọn:

– Còn ai muốn uống nữa không?

Mụ chủ thưa:

– Còn những hai chai nữa.

Bọn kia nhao nhao:

– Thôi thôi!

– Con lạy bố cả nón!

– Tửu rồi thì phải sắc!

– ... buồn nôn!... nôn đây!

– Ken cờ thì khỏi!

Long hô mụ chủ:

– Dọn bàn!

Mụ chủ chưa kịp chạy đến. Long đã thu một góc khăn bàn vào tay. Choàng ôm Minh Châu một tay, tay kia lôi mạnh cái khăn bàn một cái. Một tiếng loảng xoảng dữ dội: cốc pha lê, đĩa pha lê, lọ hoa, cùng nhào xuống sàn gác vỡ tan hoang. Cả mọi người quay lại nhìn Long, sợ hãi. Long ôn tồn:

– Không, tôi chưa say đâu mà.

Rồi lấy ở túi áo ngoài như ta rút mùi xoa ra, một tờ giấy bạc rộng khổ, giơ vào mặt mụ chủ, buông xõng:

– Này, đây đền!

Mụ chủ còn tần ngần nhìn tờ giấy bạc, sung sướng đến nỗi không nói gì được nữa, thì Long lại tiện thể tay rút luôn vài ba giấy bạc rộng khổ nữa ở túi ra, giúi luôn vào tay mụ mà rằng:

– Này, đây thì chi tiền hát một thể!

Chị em ngơ ngác nhìn nhau. Bọn bạn hữu của Long cũng rất đỗi kinh ngạc. Mụ chủ tưởng mình đương ngủ mê. Long phán:

– Chị làm thế nào giữ được cả ba mươi ông bạn tôi thì giữ. Mỗi một người về là trừ mười đồng! Thiếu gì đi gọi thêm người! Không một ông nào phải "bồ côi bồ cút" hiểu chưa?

– Vâng, vâng.

– Thôi, xin các ngài cho tùy thích! Ai tửu nữa cứ tửu, ai sắc nữa cứ sắc, ai yêu nữa cứ yêu! Xin phép các ngài!

Nói đoạn Long ẵm bổng Minh Châu lên gọn trọng hai cánh tay, đi... Giày chàng nghiến ken két trên những mảnh pha lê tung tóe dưới

sàn. Long qua sân, đem Minh Châu vào một phòng xép riêng, khép cửa. Lúc ấy là lúc các bạn thân ở bên ngoài được giờ nói xấu Long.

– Rõ thực vô phúc cho Nghị Hách.

– Ấy là một vị anh hùng trong nghiệp phá sản!

– Ờ, ờ các bác nói thế, hỏng! Những thằng có địa vị phá của phải để cho chúng nó phá của! Có thế đồng tiền mới được lưu thông, thương mại kỹ nghệ mới được nhờ. Những thằng giàu mà không phá của là bọn sát nhân! Phải bỏ tù chúng nó!

– Chỉ thương thay cho ông đốc nhà tôi thôi! Giữ gìn để cho thằng em rể nó phá.

– Dễ thường bây giờ Tú Anh cũng vẫn còn thức đọc sách!

– Đã hẳn! Hôm nào chả thức đến 3 giờ đêm! Mà lạ! Người đâu nhu nhược đến thế, để thằng em rể phá của như thế mà không nói gì cả!

– Thằng Long nó có vẻ giám đốc hơn Tú Anh nhiều.

– Vợ nó đẹp thế mà nó vẫn chơi bời thế!

– Đày tớ nó kêu không bao giờ nó nhìn nhận đến vợ nó cả! Thế có quái lạ không, anh em?

– Con Tuyết đẻ non, ốm như thế, mà thằng chồng đêm nào cũng đi như thế, con Tuyết chết mất! Tiền oan nghiệp chướng gì đây!

– Sự thường! Một đứa sinh trưởng ở nơi bần hàn, không cha, không mẹ, mà lại đào được mỏ thì chỉ còn cách chơi bời lêu lổng. Các anh có rõ thằng Long là con nuôi của hội trẻ con vô thừa nhận hay không?

– Thế à! Thế à! Bây giờ tao mới biết đấy! Sao nó lại lấy được con Nghị Hách?

– Thế mới kỳ! Nghị Hách có thế mới leo lên được ghế nghị trưởng chứ? Các báo ba kỳ độ ấy chẳng khen ngậu sị lên là Nghị Hách có óc bình dân, có tư tưởng xã hội, đó sao?

Họ còn nói nhiều... Quanh hai cái khay đèn, giai gái, từng cặp một, nằm co quắp... Người nào muốn cái khác thì đều lôi một cô vào gác trong, hoặc xuống nhà dưới.

Trong phòng riêng, Long đứng nhìn Minh Châu. Con bé say quá, nằm lịm đi như chết. Long nhìn nó một lúc rồi ra khỏi phòng, khép cửa lại.

Chàng lảo đảo xuống nhà, ra đường. Mụ chủ hỏi:

– Mình để mặc khách ở đấy mà về đấy ư?

– Không, tôi đi đằng này, nửa giờ sau sẽ quay lại.

Đoạn Long lên một chiếc xe cao su. Khi xe đến giữa phố Hàng Cỏ, Long bảo đỗ. Chàng hơi ngạc nhiên khi thấy trong nhà, đèn còn sáng, và ngoài vệ hè lại có hai cái xe gácđê. Chàng khẽ đẩy cửa rón rén không lên bậc đá mà đi thẳng vào lối nhà chứa xe hơi. Đến chỗ cửa sổ khẽ đẩy một cánh cửa, nhìn vào.

Tuyết nằm rên hừ hử. Ông đồ Uẩn ngồi ghế gần đầu giường mài một miếng quế. Bà Đồ, cái váy lụa lòe xòe, ngồi thổi lò than có siêu thuốc... Trên giường bên kia, Mịch nằm nguyên cả áo dài, với đứa con gối đầu tay. Thì họ đến chơi vừa lúc gặp Tuyết nổi bệnh nên không dám về nữa. Tuyết nằm trong chăn đơn để lộ cái mặt vêu vao trông chỉ còn da bọc xương.

– Giời ơi là giời! Chồng ơi là chồng! Con ơi là con!

Ông Đồ nói:

– Mài năm phút nữa thì được rồi đấy!

Bà Đồ xui:

– Mợ chả hoài hơi nghĩ con người tệ bạc!

Tuyết nhăn nhó, oằn oại, giở mình rồi lại rên lên:

– Tôi chết mất! Tôi chết mất! Con đẻ thì chết như thế! Chồng thì đi suốt đêm suốt ngày! Không bao giờ nhìn nhận đến vợ! Anh tôi giết tôi mà gả tôi cho cái quân vô loài ấy! Giời ơi là giời!

Ông Đồ ôn tồn:

– Để mai phải bảo cậu Tú Anh mới được!

Tuyết lại rền rĩ:

– Khốn nỗi, anh tôi đã giao hẹn là xưa kia đã bằng lòng rồi thì đừng bao giờ đem chuyện chồng con ra làm phiền anh tôi nữa. Tôi trách ai làm gì! Tôi chỉ trách tôi mà thôi! Đời thuở nhà ai lại có thứ chồng gì mà tối hôm lấy nhau thì trò chuyện được một lúc rồi là lạnh nhạt hẳn! Ăn cơm xong với nhau nó cũng vội vàng để nó lấy mũ nó ra đi! Không bao giờ nó ngồi với tôi được lấy năm phút!

Đứng ngoài cửa sổ, Long ứa nước mắt. Chàng lẳng lặng nhìn Tuyết hồi lâu tự nhiên thấy hậm hực rồi phải tức khắc rón rén quay ra.

Long lại lên xe, bảo kéo xuống xóm.

Vào phòng Minh Châu, lần này, Long khóa trái cửa.

Chàng lấy hộp thuốc phiện và lọ giấm thanh giấu ở túi áo trong ra để ở bàn. Chàng đứng lên tìm tòi, hối hận không giắt con dao con. Khi lục lọi ở ngăn kéo, may sao Long thấy có một con dao cạo.

Long thản nhiên mở hộp thuốc rót vào một cái chén rồi để lọ giấm thanh, hòa... Xong đâu đấy, Long đứng lên nhưng chẳng may vướng áo, chén thuốc độc đổ té xuống sàn gác. Long đứng nhìn thở dài... Hồi lâu lặng đi như ngây như dại thì tầm mắt chàng lại đặt vào con dao. Chàng mỉm cười, hai mắt quắc lên những ánh sáng.

Long ra bàn giấy, lấy bút máy, xé một tờ giấy ở sổ tay ra, cắm đầu viết:

"Tôi tự tử vì tôi sung sướng quá, đến nỗi không thấy sinh thú nữa, và có lẽ tại tôi không tìm nổi cái nghĩa đời người.

Nguyện vọng cuối cùng của tôi là mong ông Tạ Kim Anh, Giám đốc Đại Việt học hiệu, tha thứ cho những tội lỗi đã phạm phải, đối với ông ta. Tôi mong ông sẽ cứu sống vợ tôi nữa, nên ông có thể...

LONG"

Long chặn bút lên mảnh giấy ấy, cầm dao, quay về giường. Chàng nhìn vào mặt Minh Châu lay chân con bé... Nó vẫn ngủ như chết.

Long ngồi ôm đầu một lúc, rồi như sực tỉnh dậy, ôm choàng lấy Minh Châu. Chàng lột hết y phục của con bé ra, xong đâu đấy bỗng phải ngồi hẳn lên, bưng mặt sợ hãi.

Trước mặt Long, đấy là Tuyết chứ không phải là Minh Châu. Thật vậy, chính Tuyết! Cái thân thể đẹp đẽ, trắng nõn, chính là của Tuyết vì cái gì cũng giống hệt, từ sống mũi cho đến cặp môi...! Tuyết ở ngày mà chàng đã âu yếm trong một căn phòng Hotel de la gare. Tuyết ở ngày mà chàng đã không ngăn nổi dục tình, không nghe lời Tú Anh mà đến chỗ loạn luân lần thứ nhì – vào buổi tối tân hôn. Long dụi mắt hai ba lần rồi lại nhìn... không, không phải Minh Châu, đó là Tuyết thật.

Long nhìn ra tủ gương, thấy cái mặt mình đáng ghê tởm lắm. Chàng nhắm nghiền mắt lại nhưng hai màng mi mắt vẫn là một thứ màn ảnh huyền vi ghê gớm trên đó cứ thấy chiếu ra cái phim Long ăn nằm với Tuyết. Trên cái màn ảnh ấy cảnh đời của Long lần lượt diễn ra từng miếng một rồi kế tiếp nhau quay và cùng quay tít như cảnh một cái cối xay, nhà Bảo Anh, Thị Mịch, Nghị Hách, ông già âu

phục vải vàng, tấn kịch gian phu dâm phụ, Tuyết, cuộc sống cuồng dâm, Tú Anh... hình ảnh Tú Anh hiện ra trên màn ảnh rồi không thay đổi nữa – Tú Anh, phải Tú Anh với cái mặt khinh người, lúc bắt được quả tang Mịch cứ để quần áo ngủ mà tiếp Long, sau khi quan Phó sứ đến bắt tay chúc mừng cho Long giữa hai bà sơ. Long cố định thần, lại mở choàng mắt ra. Chàng kêu trong lòng: "Ừ! Tuyết thì Tuyết!"... rồi chàng cúi xuống ôm ghì lấy Minh Châu hôn vào giữa miệng nó nhưng cái hư ảnh đã biến đi rồi. Bây giờ thì đó lại là Minh Châu với cái vẻ mặt rầy rạn của mọi gái giang hồ mà thôi.

Long thở dài một cái. Chàng vớ lấy con dao cạo, nằm gối đầu lên cái thân thể trần truồng ấy. Lôi tay áo lót mình lên giơ ra ngoài thành giường. Chỗ cổ tay trắng trẻo của Long có hai đường gân và một mạch máu nổi lên như một con giun xanh. Long để lưỡi dao cạo vào cổ tay, nghĩ đến những lúc phải bạo tay cắt tiết gà, nhắm mắt lại, nghiến răng, tay phải mạnh mẽ khía một nhát... Một tia máu phun tóe lên chiếc tủ gương.

Long oằn oại, rãy rụa, kêu ú ớ trong cổ họng nằm xuống, vật mình xuống giường thình thình!

Giời đã hưng hửng sáng.

Ngoài phố thằng bé mồ côi rao bánh rán nóng, bà lão già rao bánh tây, người phu lục lộ đã rụi mắt đứng lên với cái chổi quét đường. Bọn thợ máy, nhà ga lũ lượt đi làm nện guốc xuống mặt đường lốp cốp.

Septembre 1936

Đăng trên *Hanoi* báo từ số 1 (2-1-1936)
đến số 11 (18-3-1936) thì dừng lại;
đến số 18 (6-5-1936) đăng tiếp với tên *Thị Mịch*.
Nhà xuất bản Văn Thanh in thành sách, 1937.
Ở đây in theo *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*, tập 1,
Nhà xuất bản văn học, Hà Nội, 1987.

SỐ ĐỎ

(Tiểu thuyết)

I

SỐ ĐÀO HOA CỦA XUÂN TÓC ĐỎ
MINH + VĂN = VĂN MINH
LÒNG THƯƠNG NGƯỜI CỦA BÀ PHÓ ĐOAN

Lúc ấy vào độ 3 giờ chiều, một ngày thứ năm.

Trong khu sân quần mà bên ngoài là những hàng ruối kín mít, chỉ có một sân hữu là được hai người Pháp dùng đến. Hai đứa trẻ uể oải đi nhặt những quả bóng để ném cho hai người Tây. Mồ hôi ướt đầm áo, hai người này cũng chơi uể oải như những nhà thể thao bất đắc dĩ khác.

– Xanh ca! [1]

– Xanh xit! [2]

Những câu hô như vậy chen lẫn những tiếng bồm bộp của những quả banh bị đánh đi, như giữ nhịp cho khúc âm nhạc của mấy vạn con ve sầu.

Ngoài đường ở vệ hè, một người bán nước chanh, ngồi chồm chỗm trên càng xe, đương nói chuyện với một bạn đồng nghiệp.

– Quái, thứ năm gì mà vắng thế!

– Chốc nữa họ mới lại chứ? Bây giờ mới hơn ba giờ. Từ hôm nay trở đi, họ tập gấp, chắc ngày nào cũng phải luyện chứ chả cứ thứ năm, thứ bảy hay chủ nhật...

– Thế à? Sao biết?

1. Năm đều (cách tính điểm của môn quần vợt).

2. Năm – sáu.

– Mê đi! Ba bốn tháng nữa, đức vua ra đây, lại còn gì! Chuyến này sẽ có cúp oai ghê. Các anh các chị gọi là tập mửa mật!

Trên hè, dưới bóng cây gạo, một ông thầy số đã có tuổi ngồi bình tĩnh nhìn cái tráp, nghiên mực, miếng son, ống bút, với mấy lá số tử vi mẫu, thỉnh thoảng lại ngáp một cái như một nhà triết học chân chính. Cách đấy mười bước, Xuân Tóc Đỏ ngồi tri kỷ với một chị hàng mía. Thương mại? Không! Ấy là một cuộc tình duyên, với, hơn nữa – theo lối gọi của những ông làm báo – một cuộc tình duyên của Bình dân (chữ B hoa).

Là vì Xuân Tóc Đỏ cứ sấn sổ đưa tay ra toan cướp giật ái tình...

– ... Cứ ỡm ờ mãi!

– Xin một tị! Một tị tỉ tì ti thôi!

– Khỉ lắm nữa!

– Lẳng lơ thì cũng chẳng mòn...

– Thật đấy. *Chính chuyên cũng chẳng sơn son để dành?* Nhưng này! *Duyên kia ai đợi mà chờ? Tình kia ai tưởng mà mơ tưởng tình?* Hàng đã ế bỏ mẹ ra thế này, mua chẳng mua giúp lại chỉ được cái bộ ếm...

Xuân Tóc Đỏ đứng phăng lên, anh hùng mà nói rỗi:

– Đây không cần!

Chị hàng mía lườm dài một cái, cong cớn:

– Không cần thì cút vào trong ấy có được không?

Xuân Tóc Đỏ lại cười hí hí như ngựa rồi ngồi xuống...

– Nói đùa đấy, chứ đây mà chả cần đấy thì đấy cần đếch gì đây? Thôi đi, làm bộ vừa vừa chứ... Bán một xu nào.

– Ừ! Ừ! Đưa tiền ngay ra đây xem!

Rút ở túi quần sau cái mùi xoa, cởi một nút buộc như một cái tai lợn, Xuân Tóc Đỏ đập đồng hào ván xuống thềm gạch xi măng đánh keng một cái, rất oanh liệt. Trong khi chị hàng mía cầm một tấm để dóc vỏ thì Xuân lải nhải tự cổ động cho mình:

– Năm hào còn hai đấy! Tối hôm qua mất ba hào. Thết bạn cẩn thận... hai hào vé đi tuần trong Hý viện rồi lại bát phở tái năm. Chơi thế mới *chánh* chứ? Công tử bột thì cũng *chúa* đến thế là cùng... Ấy ăn tiêu rộng như thế mới chết! Đây bảo đấy về cho đây phải lo thì khỏi ăn chơi, thì đấy mãi chả nghe!

Chị hàng mía làm thinh. Xuân nhồm nhoàm nhai mía, lấy bã ném vào một cái cột đèn. Sau cùng, hắn chùi tay vào quần, đứng lên vươn vai... Chị hàng mía đưa trả hào chín tiền thừa thì hắn khoanh tay sau lưng không nhận.

– Bỏ hộ vào túi quần... Thọc tay vào!

Bực mình, chị hàng để tiền dưới đất thì hắn cúi xuống nhặt lấy vậy.

– Chả nước mẹ gì cả! Than ôi cái cảnh đêm thu tịch mịch càng làm như gợi khách đa sầu!

Vừa hát mấy câu cải lương Nam Kỳ, hắn vừa đỏng đảnh tiến đến chỗ ông thầy số. Hắn đứng nhìn ông già hồi lâu như một anh dân quê lần đầu đứng trước cái chuồng khỉ của bà Bé Tý, rồi nói lớn:

– Xem một quẻ đây!

Ông chủ tỉnh cơn ngủ gật tức khắc, lôi ngay cái bút lông gài ở tai xuống, nhanh nhẹn chẳng kém những thầy cảnh sát lúc biên phạt.

– Hai hào! Hai hào một lá, có bằng lòng thì...

– Một hào đấy! Bói rẻ còn hơn ngồi không.

– Ừ, thì đặt tiền đi vậy...

– Thì đặt! Đây không cần!

Hắn ngồi xuống chiếu, để trên nắp tráp hào chỉ. Ông thầy lấy giấy bản, loay hoay mài mực, nhổ ba bãi nước bọt vào nghiên mực, rồi cầm bút hỏi:

– Ngày sinh tháng đẻ, nói ra!

– Hai mươi năm tuổi đấy bố ạ! Tháng mười, ngày rằm, giờ gà lên chuồng.

Ông thầy bò nhoài trên chiếu, trước khi viết lên giấy còn lẩm nhẩm đọc trong mồm và bấm trên ngón tay. Xuân Tóc Đỏ khoanh tay quanh hai gối, để cằm tì lên một cổ tay. Ông thầy vừa viết vừa nói:

– Tuần triệt đương đầu kiếp thông thân mệnh...
Âm dương tuần triệt lại tiền
Mẹ cha ắt hẳn chơi tiên thủa nào.

Nếu nói đúng giờ thì số này phải mồ côi sớm.

– Đúng đấy! Đúng!

– Lúc thiếu thời thì cậu vất lắm.

– Khá!

– À, mà số này cũng không xấu lắm đâu.

Khốc Hư tý ngọ cư quan,
Tiếng tăm rậy khắp giang sơn một thời.

Sau này danh phận cũng to cơ đấy!

– Được! Thế bao giờ?

– Từ năm nay trở đi đã mở vận đấy.

– Chưa thấy gì cả.

– Cuối năm sẽ thấy.

– Từ đầu năm đến giờ thì đã phát những gì?

– Đầu năm đến giờ chỉ phát sao *đào hoa* thôi...!

– Thế là thế nào?

– Nghĩa là những chuyện trai gái thì dễ ăn thua lắm.

Xuân Tóc Đỏ vỗ tay đôm đốp như những khi nó thấy bọn quần vợt đánh được một miếng hay. Rồi nó nói ngậu sị:

– Đúng ghê! Đúng ghê! Hôm qua, lúc tan hát, đi qua ngõ Sầm Công thì có ba bốn chị chạy ùa ra, vây xung quanh, kéo tay, níu áo, tình bỏ mẹ ra ấy! Xin chịu thầy.

Rồi quay lại dọa chị hàng mía:

– Phải biết!

Rồi khẽ nói với ông thầy:

– Ngay như con bé bán mía này thì cũng "nước nôi" đến nơi chứ có không đâu! Cụ đoán đáng đồng tiền lắm.

Lúc ấy có một chiếc xe hơi hòm đầu nhọn, đuôi nhọn, đỗ ngay trước sân quần. Cửa xe mở, một bà trạc ngoại tứ tuần mà y phục còn trai lơ hơn của các thiếu nữ, mặt bự ra những son và phấn, tóc đen lay láy nhưng mà quăn quăn, cả người nặng ít ra cũng bẩy mươi cân, nhưng cái khăn vành giây đúng mốt hết sức thì lại nhỏ xíu và ngắn ngủn có một mẩu, một tay cầm một cái dù thật tí hon và một cái ví da khổng lồ, tay kia ôm một con chó bé trông kỳ dị như một con kỳ lân, bước xuống đất một cách nặng nề vất vả. Rồi đến một chàng thiếu niên cao ngẳng, gầy đét, lộ hầu, hai mắt như ốc nhồi, tóc cũng uốn quăn, Âu phục lối du lịch, chui ở xe ra đưa tay cho một thiếu nữ mặc quần đùi trắng, tóc búi, giầy cao su, tay cắp hai cái vợt, chui ra sau cùng. Cả ba đủng đỉnh vào sân.

Mải nghe đoán số, Xuân Tóc Đỏ không trông thấy những người ấy. Hắn cứ việc cắt nghĩa mãi cái số *đào hoa* và hỏi dồn ông thầy:

– Sau này có giầu không? Hay chỉ có danh giá hão?

– Giầu thì chả giầu gì nhưng cũng phong lưu.

Câu đoán ấy khiến Xuân ta nghĩ ngợi, mơ mộng.

Lúc mới 9 tuổi, nó đã phải ở nhờ nhà một người bác họ, họ thúc bá. Bác nó nuôi nó thay đầy tớ và được cả họ khen là nuôi cháu bồ côi. Nhưng một hôm nó bị đánh một trận và bị đuổi đi. Bác gái nó tắm, nó đã khoét một chỗ phên nứa để nhìn! Từ đấy, thằng Xuân lấy đầu hè xó cửa làm nhà, lấy sấu ở các phố, cá hồ Hoàn Kiếm làm cơm. Nó đã bán phá xa, bán nhật trình, làm chạy hiệu rạp hát, bán cao đan, hoàn tán trên xe lửa, và vài ba nghề tiểu xảo khác nữa. Ánh nắng mặt trời làm cho tóc nó đỏ như tóc Tây. Cảnh ngộ đó tạo nó nên một đứa hoàn toàn vô giáo dục, tuy nó tinh quái lắm, thạo đời lắm. Nó mới xin được chân nhặt bóng trong sân quần độ trong vòng một năm nay mà thôi. Nhưng nó đánh quần chóng hay lắm nên được hội viên Pháp và Nam có lòng yêu, được trọng đãi một chút. Mộng tưởng của nó là sẽ có ngày được oai như Chim, Giao,[1] nếu hạnh phúc dắt đến cho nó một ông Bầu. Bây giờ thì nó cam tâm yên phận là một thằng nhặt bóng. Tuy nhiên nó cũng mừng là đã tìm được nghề ấy, cái nghề tuy hèn nhưng còn có thể hy vọng được chút danh thơm. Bán lạc, trèo sấu, câu cá, làm lính chạy cờ hiệu, những nghiệp ấy chỉ dẫn đến một chỗ tắc tị. Phong trào thể thao, phong trào bình dân, khiến nó lắm lúc tự kiêu tự đắc lạ lùng.

– Cụ trông mặt tôi mai sau có phất được không?

Ông thầy ngắm nghía cái đầu tóc đỏ, cái trán lép, cái quai hàm to, cái nhân trung dài, hai cái tai đầy đặn ấy, rồi gật gù:

– Khá lắm! Hậu vận khá lắm! Chỉ tiếc cái tóc không được đen.

– Mẹ kiếp! Chứ xưa nay có mua mũ bao giờ mà tóc chả đỏ!

Chợt từ sân quần có một đứa bé chạy ra gọi rầm nó lên mà rằng:

– Kìa anh Xuân! Không vào đi! Tiểu thư đã đến đấy! Không có người, anh không vào đi à?

Xuân Tóc Đỏ hỏi:

---

1. Tên những vận động viên quần vợt nổi tiếng khi đó.

– Tiểu thư à?

– Phải! Con Văn Minh có cái thằng chồng ta đặt tên là Cà Kếu ấy mà! Cả con mẹ Phó Đoan cũng đến xem, lại đòi chơi nữa!

Xuân Tóc Đỏ đứng lên, dặn ông thầy:

– Cứ viết đi, rồi chiều hay mai tôi lấy, cụ nhé! Nhớ hộ là tiền rồi, Nào! Vào *ken cờ ban* [1] với mỹ nhân cho nó *hoa đào* một thể!

Đi qua chị hàng mía, thằng Xuân cười tình, nháy một cái.

– *Ô voa* [2] nhé! Mai nhé!

Rồi nó chạy vào sân bên tả là chỗ ba người đợi.

– Lạy cụ lớn ạ! Lạy ông! Lạy bà!

Cặp vợ chồng Văn Minh khẽ cúi đầu đáp, nhưng bà Phó Đoan nguẩy một cái. Thiếu phụ cười, đưa mắt cho chồng. Người này bảo Xuân:

– Bà tôi không thích kiểu cách thế.

Bà Phó Đoan mắng luôn Xuân Tóc Đỏ:

– Anh ngu lắm! Cụ gì? Tôi chỉ mới đáng tuổi mẹ anh thôi. Cụ thì ra đẻ được ra mẹ anh nữa kia, mà mẹ anh thì...

– Lạy bà lớn ạ, cháu lỡ lời, bà lớn tha cho.

Sau khi cái cơn thịnh nộ của một me Tây chân chính nguội đi rồi, Xuân cầm cái vợt chạy ra phía sân kia. Bộp bộp, ban bay đi bay lại... Bộ đùi trắng nõn của cô Văn Minh làm cho Xuân đánh lỗi mấy quả đầu, và làm cho cô này có cái ảo tưởng là mình chơi cừ hơn xưa.

Vẫn còn hầm hầm, bà Phó Đoan lầu nhầu:

– Cái dân An Nam ngu thật!

Thiếu niên đáp:

– Dì chấp cái hạng ấy làm quái gì!

– Dễ tôi cũng phải tập thể thao mới được, không chả mấy chốc mà già.

– Ồ! Nếu thế thì Văn Minh tôi xin ký cả hai tay. Thật không hở dì? Dì thích tập thể thao? Một cuộc đại thắng của thể thao! Một cuộc tiến bộ của nước Việt Nam! Sự cường thịnh của nòi giống!

Ông ấy nói thế một cách sốt sắng chẳng kém những người gầy gò ốm yếu không hề tập thể thao bao giờ và chỉ xui giục kẻ khác.

---

1. Quelques balle: chơi dạo một vài quả.

2. Au revoir: tạm biệt.

Nguyên do ông ấy là một học sinh. Ông đã sang Pháp học sáu, bảy năm, và sau khi về nước thì đâm ra ghét văn bằng như những học sinh quay về Tổ quốc mà không có một mảnh văn bằng nào cả.

Hình như ở bên Pháp, ông là bạn thân của những nhà chính trị đã từng làm thứ trưởng, thượng thư, văn hào, vân vân, những vị có danh tiếng mà báo chí Việt Nam cũng nhắc nhỏm tới. Sở Liêm phóng Sécurité đã cắt hai viên thám tử đi dò ông. Sau ba tháng ròng rã, hai viên thám tử chỉ thấy những hành tung bí mật của ông là: hút thuốc lá *camel*. Về sau ông lấy vợ giàu. Có vợ rồi, ông đặt là Văn Minh. Sở Liêm phóng Sécurité lại phải một phen lo sợ. Dò mãi mới biết ra rằng tên của vợ ông là Văn, của ông là Minh thì ông đặt ngay là Văn Minh, tên vợ ông ở trên tên ông, tên ông đội dưới, cho nó có vẻ nịnh đầm. Thế thôi, chứ ông chẳng phản đối, cũng chẳng cải cách, quốc gia, quốc tế chi chi, cũng không cả.

Từ độ được nhiều người gọi là Văn Minh, ông ta thấy cần phải chủ trương cuộc *Âu hóa* thì cái tên mới khỏi vô nghĩa. *Một cái linh hồn khỏe trong một cái xác thịt khỏe!* Phát minh được chân lý ấy rồi, đi đâu ông cũng hăng hái cổ động cho thể thao. Vợ ông trước nhất, rồi đến người khác. Ông không thể thao, thể dục cũng không, vì không có thì giờ. Cái chương trình *Âu hóa* của ông ta làm cho ông lúc nào cũng phải trầm tư mặc tưởng.

Còn lai lịch bà Phó Đoan, thì kể ra nghe cũng hay hay. Hồi đương xuân, bà đã bị một người lính Tây hiếp, lúc bà mới ở nhà quê ra tỉnh xem hội Đình Chiến. Sau cuộc hiếp trái phép đến ngay cuộc hiếp đúng luật, nghĩa là cuộc làm phép cưới. Người lính ấy sau thành một ông Phó Đoan. Ăn ở với nhau độ 10 năm, ông Phó Đoan chết, chết trung thành với nhà nước, chết chung tình với vợ, chết như những người yêu vợ quá sức. Rồi bà lấy một ông phán trẻ được hai năm thì ông chồng nội hóa cũng lăn cổ ra chết. Vì lẽ chưa ai thấy bà có nhân tình, nên những ngọn lưỡi rắn độc phao rằng những ngọn lửa tình do những kẻ chim bà không được đã khêu lên, bà bắt ông phán phải rập tất cả. Bà chính chuyên đến nỗi chồng bà kiệt lực, cạn sức, phải trốn xuống suối vàng.

Hai thiếu nữ Pháp và một thiếu nữ Nam vào sân.

Xuân Tóc Đỏ nhường vợt cho đám hội viên.

Một cô đầm đi vào buồng thay quần áo thì Xuân cũng biến mất.

Sân quần ầm ĩ những tiếng chào hỏi cười nói. Rồi những quả quần bay đi bay lại như đàn dơi bắt muỗi trên không gian...

Một lát sau, tự nhiên thấy một người Pháp nắm lấy tóc Xuân, lôi nó sềnh sệch ra sân mà tát, mà sỉ vả... Mọi người xúm lại hỏi. Thì ra nó bị bắt quả tang nhìn trộm một cô đầm lúc cô này thay váy để mặc quần đùi! Hội nhất định đuổi nó, và không trả lương tháng ấy nữa.

Lúc ấy bà Phó Đoan mới nhận ra rằng dân Việt Nam không những ngu mà còn đáng thương. Bà thở dài, ngậm ngùi bảo cháu rể bà:

– Trẻ trung ai chả có khi dại dột? Tha thứ là phải, chấp làm gì thiếu niên? Rõ khổ, rõ tội nghiệp! Đuổi người ta như thế mà đành lòng!

II

QUAN PHỦ VÀ THÁI TUẾ
THAN ÔI DÂN TA! VĂN MINH, HẠI CHƯA!
CẨM VÀ CẨM, CẨM PHẠT

Sau khi đi qua một cái sân vắng ngắt, người lính cảnh sát dẫn Xuân Tóc Đỏ và ông lão thầy số đến một cái buồng nhỏ vặn một vòng khóa, rồi mỉa mai ngọt ngào bảo:

– Mời hai ông vào!

Trong phòng lúc ấy có một lão ăn mày và vợ con hắn, một thằng ma cà bông, và một người đàn bà bán hàng rong có một gánh bún chả ế. Người này ngồi dựa tường, hai tay bó gối, giữa hai thúng quà, vẻ mặt đa tư lự, trong khi thằng ma cà bông nằm dài dưới gạch ngáy như kéo gỗ, và ba người của cái gia đình hành khất thì bắt chấy bắt rận cho nhau một cách nên thơ. Cánh cửa bị đánh sập một cái, tiếng ổ khóa bị xoáy lách tách, tiếng giầy viên đội xếp mỗi lúc một xa... Một ngọn đèn đỏ vì yếu, chiếu một thứ sáng tối tăm cho gian phòng.

Lão thầy số để tráp, chiếu, ô xuống đất rồi ngồi lên tráp để thở hổn hển.

Xuân Tóc Đỏ thì còn đứng, hai tay gãi sườn nhìn mọi người một cách trịch thượng, nhìn phòng giam một cách thản nhiên. Nó bĩu mồm nói:

– Nước mẹ gì! Bóp với chả bóp! Phòng giam thì bằng cái lỗ mũi! Rõ chả biết xấu!

Lão thầy số giương to hai con mắt:

– Có xấu cái đếch ông đây này!

Xuân Tóc Đỏ phân bua ngay với mọi người:

– Ê! Ê! Rõ thối chửa! Người ta bảo mình đâu nào! Người ta bảo nhà nước chứ!

Nó nói vậy là có ý khinh bỉ cái nhà giam. Ty cảnh sát này là một ty sép thuộc bộ thứ 18 của thành phố mà nhà nước mới đặt thêm ra ít lâu nay thôi. Tất cả nhân viên trong sở cẩm chỉ có bẩy người: một ông Cẩm Tây, một ông thông ngôn ta, một ông quản cảnh sát, và bốn người lính. Khu vực mà sở cẩm có nhiệm vụ trông coi gồm có 16 phố, toàn là phố Tây, có phố dài hàng năm cây số, phố nào cũng có vẻ thái bình. Thành thử mỗi khi bắt phạt được một vụ nhân viên sở Cẩm sướng như trúng số độc đắc. Bốn thầy lính cảnh sát phải thay tua nhau đạp xe khắp cả 16 phố như thế, mới trong nửa năm đã trở nên bốn cua rơ đại tài. Có thầy đã giật giải Hà Nội – Hải Phòng, có thầy được giải ba giải tư trong những cuộc đua Hà Nội – Sơn Tây, Hà Nội – Bắc Ninh, vòng quanh Hà Nội v.v... Trong 16 phố ấy chẳng may có khi xảy ra một sự gì phạm vào trật tự thì phần nhiều lại không thấy bóng vía các thầy cảnh sát đâu cả! Hàng rong, bồi, bếp, phu xe, ăn mày, những người ấy chỉ sau khi thầy cảnh sát đã cắm đầu đạp xe đạp khỏi phố thì mới đái đường, thì mới đánh nhau, chửi nhau... Vì lẽ tất cả có bốn thầy lính thôi, nên lúc nào ở sở cẩm cũng phải có hai thầy, chỉ còn hai thầy đi tuần ở ngoài đường. Mười sáu phố cho hai người, việc tuần phòng thành ra gần như là việc tập đua xe đạp!

Năm ấy vì kinh tế khủng hoảng, ngân sách hao hụt, Đông Dương đại hội kinh tế và tài chính chuẩn y bản dự luật buộc sở cảnh sát phạt dân thành phố 4 vạn đồng. Sở cảnh sát Trung ương chia cho Ty cảnh sát chi nhánh này phải phạt dân là 5 nghìn, nghĩa là một phần tám số tiền tổng cộng vậy.

Ông Cẩm đã vò bù cả đầu, đã rứt soăn cả râu. An Nam hay bị cẩm phạt phần nhiều chỉ một ít bồi, bếp, phu xe, hàng rong, còn thì toàn người Pháp cả, làm thế nào phạt cho đủ 5 nghìn bạc? Ông Cẩm, sau cùng, gọi nhân viên trong sở họp một phiên bí mật. Sau cuộc hội họp, ai nấy rất kính phục cái phương kế nhiệm mầu. Người bắt đầu

cho gia đình dọn cả về khu 16 phố ấy. Thế rồi thì... trước nhất, chính ông Cẩm Tây bị phạt vì tội để chó sổng ra đường, hay là vì bà Cẩm quên bảo bồi quét nhà cho đúng phép vệ sinh. Lần lượt đến người nhà ông thông ngôn, ông quản, bốn thầy lính, người loong toong, người phu lục lộ trông coi cái vườn hoa của sở cẩm. Nào là tội đái đường, tội cãi nhau, tội đi xe đạp không đèn, tội để nhà cửa mất vệ sinh, vân vân... Thành thử nhân viên sở cẩm cứ phạt lẫn nhau văng tê đi thôi, phạt nhau hình như có thâm thù với nhau vậy.

Bữa ấy, ông Cẩm Tây đang ngồi đánh máy chữ về một tờ biên bản quan trọng thì có một người lính cảnh sát hấp tấp chạy vào báo một vụ trộm ở nhà một người Tây. Vụ trộm xẩy ra từ đêm trước, song đến lúc ấy sự chủ mới biết. Ông Cẩm Tây chán nản nói bằng tiếng Pháp rằng:

– Trộm thì lại phải giao ra tòa, còn phạt gì nữa?

Rồi ông quay vào bảo viên quản thay quyền ông trong lúc ông ra đi với người thông ngôn...

Ngồi lại một mình ở phòng giấy, viên quản ngáp như một nhà buôn gặp hồi kinh tế khủng hoảng. Một người đi qua, ông gọi lại chán nản mà rằng:

– Này, thầy *min đơ* [1] thầy có buồn không?

Thầy này gật gù như một nhà nho say rượu chán đời:

– Buồn lắm ạ! Buồn lắm, chỉ muốn chết quách!

Ông quản than thở một cách rền rĩ:

– Chúng ta bị phạt nhiều quá.

Thầy *min đơ* nhắc lại, âu sầu:

– Thật vậy, chúng ta bị nhiều quá.

– Cái sổ dự toán của công quỹ cần tiền...

– Mà 16 phố của ta cần nhiều dân An Nam ta.

– Thầy có tiếc cái thời buổi ngày xưa, cách đây mười năm không?

– Tiếc lắm! Mười năm trước đây, dân ta còn ngu.

– Ngày nay dân ta văn minh mất rồi, rõ thảm hại! Thầy phải biết xưa kia, xã hội tinh những du côn và nặc nô, tinh những người

---

1. 1002: số hiệu của viên cảnh sát, dùng để gọi thay tên thật.

bất lịch sự, chỗ nào cũng phóng uế, cũng đánh nhau. Hồi ấy có khi bốn người cũng ngồi một xe! Họ chửi nhau hàng nửa giờ, đánh nhau vỡ đầu, nhà cửa của họ thì rác rưởi, nước cống, nước rãnh tung tóe, ngập lụt... chó của họ cũng chạy ra ngoài đường nhông nhông... Xe đi đèn, hay không đèn là nhan nhản. Bây giờ mọi sự đã thay đổi cả. Cái thời tốt đẹp của các cụ nhà ta không còn nữa! Thật là tai hại! Than ôi!

– Cụ tính! Bây giờ đến cả thằng phu xe cũng biết luật! Chả bao giờ chúng quên đèn! Chả mấy khi chúng đứng giữa đường nghênh ngang! Chả còn mấy người réo năm đời mười đời nhau ra như ngày xưa nữa! Bao nhiêu nền nếp của xã hội này thế là hết nhẵn nhụi! Ngay cả đến trẻ con chúng nó cũng không bậy bạ như xưa! Đứa nào cũng quần áo bảnh bao, đứng đắn lắm, văn minh lắm. Trèo me, trèo sấu, đá bóng giữa đường, những cái ấy là thôi cả.

– Sinh ra ngay cái báo chí, thật là nhảm quá.

– Chính vậy. Dân chúng chỉ vì báo chí mà đâm ra văn minh, không còn cẩm phạt nhiều như trước nữa.

– Té ra chúng ta, chúng ta lại thành ra cẩm phạt!

– Ô! Ô! Thế thì thật là một sự trái ngược không thể tha thứ được! Chúng ta là... chúng ta là lính cảnh sát!

– Tôi, tôi là một viên quản nữa kia, thưa thày! *Sapristi*! [1] ! Thật thế, nếu thỉnh thoảng ta không dự vào một cuộc đua xe đạp thì có thể nói là cuộc đời như thế là từ từ hạ màn mất rồi!

– Mà báo chí thỉnh thoảng không đăng tên, đăng ảnh chúng ta lên trang nhất thì thật là không thể nào tha thứ được cho báo chí!

– Thế nào? Chủ nhật sau, thầy có dự cuộc đua Hà Nội – Hà Đông không?

– Có chớ! Cụ tính mỗi ngày bốn lượt đạp 16 phố mà cấm gặp sự gì đáng biên phạt để mà nghỉ chân như thế quá tập trên vòng đua rồi còn gì! Chả dự cuộc cũng uổng!...

Nhưng mà, cụ quản ạ, nếu dân ta tiến bộ đó không phải là một lẽ để chúng ta cứ nhè người nhà của nhau mà biên phạt lẫn nhau!... Cái khoản 5 nghìn đồng trong sổ dự toán là vô nghĩa lý... tôi... tôi phản đối!

---

1. Tiếng văng tục, lời rủa.

Viên quản sợ hãi đứng lên, xua tay:

– Chết! Chết! Khéo không mà thầy bị bất tuân thượng lệnh bây giờ! Thầy thử hỏi ngay bà đầm với ông Cẩm xem! Bà vui vẻ kêu tháng trước bị ngót hai chục bạc, không phàn nàn gì cả.

Thầy lính vẫn hậm hực:

– Thôi, thế thì tôi chỉ còn cách ly dị vợ tôi mất thôi!

– Chết nỗi! Tại sao thế?

– Tôi đã dặn nó thỉnh thoảng phải bảo trẻ nhỏ ra ném sấu ngoài phố, không thì để nhà cửa cho rõ bẩn thỉu, cống rãnh cho ngập lụt, cho thầy *min toa* [1] thỉnh thoảng biên phạt, thì tôi mới có dịp phạt lại vợ thầy ấy, thế mà nó cứ để con cái tôi ngoan như bụt, nhà cửa sạch như lau, như chùi! Con khốn nạn, con ác phụ!...

Trước một cảnh ngộ khó xử, viên quản không dám phê bình gì nữa. Muốn lảng chuyện, ông ta bảo người lính xuống nhà giam tạm, lôi bọn người bị bắt lên lấy cung.

Thầy *min đơ* mở cửa phòng giam giữ lúc Xuân Tóc Đỏ khẩu chiến với ông thầy số.

– Ừ! Gai ngạnh lắm thì chết! Cho mà bị bắt! Tôi chả cần, vì số tôi tháng này *Quan Phù Thái Tuế long đong, tháng ngày chờ đợi cửa công mỏi mòn!* Bị bắt thế này là nhẹ, rồi nó cũng qua mà thôi!

– Đây không cần! Không phải nói phét, chứ từ thủa trời đất sinh ra làm người, đây bị bắt về bóp ít ra cũng đã là bận thứ mười lăm.

– Đánh người già cả là hành hung, rồi thì tù!

Không nghe, Xuân Tóc Đỏ cứ nói liến thoắng:

– Mà trước kia bị bắt về bóp chính cơ! Một sở cẩm to, oai, trông rợn tóc gáy, có bẩy tám ông cẩm ria mép to tướng, ngực đặc những *mền đay* [2], ông nào cũng đeo súng lục! Lại có hàng trăm đội xếp dùi khui sơn trắng, cầm những xích to tướng, mà nhà *đề bô* [3] thì cửa gióng sắt như chuồng hổ, tinh những muỗi với rệp, giam được hàng vài trăm người! Chứ bị bắt vào cái bóp nhỏ này, phòng giam như cái lỗ mũi giam được có vài người thế này thì... nước mẹ gì!

---

1. 1003 số hiệu người lính cảnh sát, dùng gọi thay tên thật.
2. Huân chương
3. Phòng giam.

Người lính quát:

– Ra cả! Ra cả! Ra lấy cung mau! Im mồm, cãi nhau mãi gì!

Trừ thằng lính ma cà bông vẫn nằm ngáy o o như sấm, cả bọn đứng lên cả. Người lính phải lấy chân lay nó thì nó nói lảm nhảm:

– Im để người ta ngủ nào!

– Có dậy không? Ông lại xách cổ lên bây giờ!

Thằng ma cà bông ngồi lên ngơ ngác:

– Dạ?

– Đi ra!

Nó đứng lên lầu nhầu:

– Đương ngủ ngoài đường thì bắt vào bóp, đương ngủ ở bóp thì gọi dậy bảo ra đi! Rõ lắm chuyện.

Bọn người ấy ra khỏi phòng giam, qua sân bước vào phòng giấy. Viên quản thấy Xuân Tóc Đỏ ăn mặc hơn cả (cái quần Tây, đôi giầy cao su, cái áo lót cụt tay) thì hỏi nó trước tiên:

– Anh này! Tội gì?

Ông thầy số nói ngay:

– Bẩm quan lớn, nó đánh con.

Xuân Tóc Đỏ cãi:

– Không phải đánh, tôi chỉ định bóp cổ lão!

– Nó thụi con hai cái đau quá rồi mới bóp cổ...

– Con chưa thụ, mà cũng chưa kịp bóp cổ thì lão đã kêu nhặng lên!

Viên quản đập bàn:

– Im! Im ngay! Để bản chức hỏi đã. Ai phải, ai trái? Đầu đuôi ra sao? Anh này, đánh người vì lẽ gì? Khai ra?

– Bẩm lão ăn không ăn hỏng, đánh lừa của con một hào. Lão đoán số sai cả, đòi tiền lại không trả! Con muốn đè lão để lấy lại, chứ không có ý đánh.

– Có xem số không? Có nhận một hào không?

– Bẩm quan lớn, lá số con đã lấy rẻ có một hào, đoán câu nào cũng trúng cả mà nó còn muốn đòi tiền lại.

– Sai bét cả, bẩm quan lớn! Lão kêu tương lai con khá lắm, thế mà vừa đoán xong thì con mất việc.

Viên quan lừ mắt nhìn ông thầy số:

– Đoán thế mà đòi lấy tiền!

– Bẩm tương lai là mai sau, chứ có phải ngay lúc ấy đâu? Con nghiên cứu mười năm lý số, đoán như Thánh như Thần, có khi nào lại sai! Mà con được xem hầu quan lớn bữa nào đâu mà quan lớn đã quở con đoán sai!

Viên quản lừ mắt nhìn Xuân Tóc Đỏ:

– Người ta nói phải đấy chứ?

Thầy số nói luôn:

– Như tướng quan lớn đủ biết! Cung *quan lộc* tốt, hét ra lửa, mi trường quá mục, nhiều anh em, tai có thùy châu, hậu vận sẽ giầu lớn!

Viên quản lườm Xuân Tóc Đỏ lần nữa:

– Người ta đoán hay đấy chứ? *A lê!* Phạt anh! Anh can tội đánh người, mà lại người già cả! Phạt một đồng tám!

Tha ngay cho ông thầy số này ra! Còn người kia đưa thẻ xem.

Ngoài đường có tiếng xe hơi đỗ. Bà Phó Đoan bước vào, tủm tỉm chào hai người thay mặt nhà nước. Cả hai người này vồn vã như nhà buôn tiếp khách sộp. Là vì bà Phó Đoan hay để chó sổng ra đường nhiều hay bị phạt, kể trong cả 16 phố. Thành thử sở cẩm nhờ ơn bà chẳng kém một hiệu buôn ế ẩm đối với một bà khách quen. Viên quản hỏi:

– Bà muốn gì, chúng tôi sẵn lòng...

– À, tôi đến nộp phạt cho một người nhà. Nó đây rồi, xin cụ tha cho.

Viên quản xoa tay. Thầy lính *min đơ* nói:

– Vâng, bà nộp tiền ngay cho.

– Bao nhiêu thế ạ?

– Một đồng tám.

Thầy *min đơ* vào ngồi bàn giấy viết biên lai. Xuân Tóc Đỏ ngẩn người ra, không hiểu... Nó kính cẩn hỏi:

– Bẩm bà lớn, sao bà lớn lại thương con như thế?

– À, rồi biết! Chúng tôi cần dùng đến anh. Anh cứ về nhà rồi sẽ hiểu. Anh có việc làm rồi!

Lão thầy số phân bua:

– Đấy nhé? Bảo sai nữa đi!

Xuân Tóc Đỏ quay lại:

– Đúng thật! Cụ là Thánh sống! Con xin lỗi cụ vậy!

Bà Phó Đoan hỏi:

– Cái gì?

Bẩm bà, thầy số hay lắm!

– Thế à? Thế thì cũng lên xe về xem cho tôi, đi!

Giấy biên lai đã xong. Bà Phó Đoan trả tiền. Ông thầy quay vào phòng giam lấy khí cụ rồi ra, theo Xuân và bà Phó lên xe. Viên quản tiễn ra tận cổng, nói:

– Xin cảm tạ! Lần sau xin quý khách chiếu cố.

Nói xong ông ta mới tưng hửng chợt nhớ ra đây là sở cẩm, chớ không phải hiệu bánh tây của bà quản, ở nhà.

III

CON GIỜI, CON PHẬT QUỶ CỐC TỬ PHỤC SINH MỘT CÁI NGHI ÁN

Sau mấy tiếng còi un un dữ dội nghe như tiếng gầm của một thứ lợn rừng kỳ quái, chiếc xe chờ ba phút thì có một tên gia nhân chạy ra mở toang hai cánh cửa sắt, đón xe từ từ vào sân. Những cây liễu, cây phù dung, cây xương rồng Lào, cỏ tóc tiên, những đôn sứ, những luống hoa lạ, hiện mập mờ dưới ánh đèn điện ở ngoài phố chiếu vào vườn của cái nhà Tây đồ sộ kiểu biệt thự... Ngần ấy thứ kích thích rất mạnh vào tâm trí Xuân. Lần đầu! Nó cảm thấy đời nó từ nay mà đi dễ thường đã vào một kỷ nguyên mới. Còn lão thầy số thì cứ thỉnh thoảng là lườm nó một cách đắc chí và trợ lực cho sự lườm nguýt của ông bằng cách lấy khuỷu tay thích vào mạng mỡ Xuân Tóc Đỏ đánh hự một cái. Ngồi cạnh người tài xế trầm ngâm, Xuân không dám phản đối lại bằng cách gì.

Xe đỗ trước mười hai thềm xi măng. Người tài xế xuống mở cửa xe. Bà Phó Đoan dù Nhật, ví da, và chó, bước xuống. Ông lão thầy số

cũng ôm lấy tráp, ô và chiếu... Xuân xuống sau cùng... thì chiếc xe quay vào nhà chứa xe. Một người đàn bà mà y phục tỏ ra là gia nhân, vội chạy xuống đỡ những cái đồ cồng kềnh cho bà chủ. Bà này hỏi:

– Cậu đâu? Cậu làm gì?

– Bẩm... cậu tắm.

– Cậu tắm à? Thế cậu xơi cơm chưa?

Rồi không đợi trả lời bà quay lại sau, bảo:

– Chị Ba! Sao chị lại để cậu tắm ở đây thế này? Ai lại sềnh sềnh ra thế!

– Bẩm... cậu vòi thế, không chiều cậu thì lại khóc!

Trong một cái chậu khổng lồ, một cậu bé to tướng béo mũm mĩm, mặt trông ngẩn ngơ, giá đứng lên thì ít ra cũng cao lớn hơn một thước tây, ngồi vầy nước như một đứa trẻ lên ba. Chung quanh cái chậu thau có vô số đồ chơi bầy la liệt... Nào là con chó bông, con búp bê, cái ô tô, cái tàu bay, cái kèn... Bà chủ vừa đặt con chó xuống vừa nhanh nhẩu nói:

– À cậu tắm! Cậu của me ngoan. Me đi vắng, nhà có đứa nào đánh cậu không? Loulou! Huýt! Huýt...

Bà Phó vừa huýt hai tiếng còi thì con chó đã giơ hai chân trước lên, run run hai chân sau, cố đứng lưỡi le dài, ra ý chào cậu bé ngồi tắm. Cậu này đang bẩn thần vầy nước cho bắn tung tóe ra chung quanh chậu, thấy thế thì cau mặt, nguẩy đầu một cái mà rằng:

– Em chã!

– Thôi thế me xin lỗi cậu vậy. Me thơm cậu nhé!

– Em chã!

Bà Phó đứng tần ngần hồi lâu, lại hỏi:

– Thôi thế cậu cứ tắm cho ngoan vào ăn cơm với me nhé?

– Em chã!

– Ờ, thế thôi vậy. Thế cậu yêu me thì cậu thơm me đi nào.

Tức thì cậu đứng lên... Chao ôi! Cậu bé nhưng mà cậu đã nhớn lắm. Trần truồng, nồng nỗng, cậu đứng lên cao tồng ngồng mà hôn mẹ. Cảnh tượng ấy nếu không có giá trị quái gở, ít ra cũng hay ho chẳng kém một tấm ảnh khiêu dâm! Cậu con bà Phó, theo lời bọn gia nhân kém giáo dục, thì đã "đủ tư cách" lắm rồi. Muốn xóa sự ngạc nhiên trên mặt Xuân và ông thầy số, bà này quay lại hợm hĩnh phân bua:

– Con Giời con Phật đấy!

Thầy số hiểu ngay đó là một ông con cầu tự, chỉ có Xuân là hãy còn ngẩn mặt ra. Bà Phó quay vào nhà. Chưa chi lại thấy tiếng khóc tru tréo sướt mướt của cậu bé. Bà quát:

– Chị Ba đâu!

Cậu bé gào thét:

– Cậu vào mí cơ! Cậu vào mí!

– Chị Ba! Mau lên, lau cho cậu rồi cõng cậu.

Trên lưng người đàn bà, cậu bé khổng lồ ấy còn ngây ngô rún rẩy bắt chước người cưỡi ngựa, miệng kêu: "Nhong! Nhong! Nhong!"

Thấy chướng mắt quá thể, Xuân không thể chịu được. Nó lẩm bẩm trong cổ họng: "Mẹ kiếp! Chứ con với chả cái!" Đến cửa phòng khách, bà Phó chỉ tay:

– Các người ngồi đây chờ tôi.

Rồi bà vào một buồng khác.

Trong khi chờ đợi, hai người này cứ thấy cậu bé nhớn tướng ấy, mặc áo nhưng không mặc quần, ngẩn ngơ ló đầu vào cười, rồi lại giấu mặt đi, rồi lại ló mặt vào, rồi lại cười... Cái áo lá bằng lụa mỡ gà, trước ngực có dấu ấn son đỏ to tướng, sau lưng cũng thế. Chung quanh cổ, một cái vòng vàng đeo nặng trĩu một chiếc khánh vàng với một cái gối quạ. Thấy tiếng chị Ba nói như van lơn:

– Cậu Phước mặc quần áo vào, đi.

– Em chã!

– Mặc quần vào, không ông ấy cười cho, đi!

– Thế bắt ông ấy cho em chơi nhé?

– Ừ, mặc quần đi thì tôi bắt cho mà chơi!

– Em chã!

Thầy số đá chân Xuân mà rằng:

– Đích con cầu tự thật!

Đến bây giờ Xuân mới hiểu ra, gật gù:

– A, à!

– Này, quái nhỉ! Trông bà chủ có vẻ vợ Tây lắm!

Xuân để tay lên mồm làm một cái suỵt rồi khẽ đáp:

– Chính đấy.

Ông thầy số thì thào:

– Thế sao lại có con cầu tự An Nam?

Chưa kịp đáp, Xuân đã nghe thấy giọng bà Phó:

– Cậu ơi! Cậu yêu quý của me ơi, cậu mặc quần áo vào, chóng ngoan...

Rồi bà vào. Lần này thì bà đã bỏ cái áo dài, cái khăn vành giây. Cái áo lụa mỏng dính bên trong lại không có coóc sê, cái quần lụa mỏng dính, làm cho bà chẳng khác gì một tín đồ chủ nghĩa khỏa thân và làm cho thằng Xuân cảm thấy mình là một đứa con nhà vô giáo dục. Ông thầy số đứng lên để thủ lễ một chút. Bà Phó hỏi:

– Thầy xem số hay xem tướng?

– Bẩm... cả hai thứ ạ.

– Đằng nào đúng?

– Xem số thì đúng hơn.

– Xem cho tôi một quẻ đi!

– Bẩm bà lớn cho biết ngày sinh tháng đẻ...

– À, thế thì tôi quên, không nhớ rõ.

– Bẩm thế để xem tướng vậy, nhưng sợ không được kỹ lắm bằng xem số.

– Ừ! Được! Cứ việc...

– Bẩm tướng bà lớn tốt lắm, mười hai cung chỉ đáng phàn nàn một cung. Bẩm ấy là cung phối hợp, nghĩa là cung chồng. Gò má hơi cao.

Bà Phó cau mày một lúc rồi nói có ý gắt:

– Sao? Phàn nàn cái nỗi gì? Ông Đoan nhà tôi xưa kia tử tế với tôi lắm. Mà ông Phán nhà tôi cũng thế, cũng trung hậu lắm. Lúc ông Phán nhà tôi chết cũng còn kêu là yêu thương tôi. Ở đời này, mấy ai đã hai đời chồng được như thế?

– Bẩm vâng... Nhưng mà theo lối cổ thì thế là lưỡng độ, mà đã phải bước đến hai bước thì là đáng phàn nàn.

– À, có thế chứ! Nhưng mà theo lối kim thì mấy đời chồng cũng được, miễn tử tế thì thôi. Cụ đoán đúng đấy!

– Tính nết bà lớn thì nhân đức, hay thương người.

– Cụ đoán hay lắm!

– Cung tài bạch tốt, cung điền trạch càng tốt, mà cung mồ mả tổ tiên, thì bẩm... nhờ phúc âm... dễ thường được đất.

– Thế đường tử tức thì ra sao?

– Cũng tốt lắm, nhưng mà hơi hiếm.

Bà Phó lại ra ý không bằng lòng mà rằng:

– Sao lại hiếm? Chả gì tôi cũng có hai đứa rồi. Cô *Jannetle* nhà tôi hiện đã đi học, sắp thi tú tài, mà cậu Phước đây thì hay ăn chóng nhớn, ba tháng nữa thì đúng mười một tuổi. Hai đứa con, sao lại là hiếm?

– Bẩm *nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô...* Bao nhiêu con gái thì, theo lời thánh dạy, cũng chẳng đáng kể. Còn con giai mà có một cậu thôi, theo lời thánh dạy, thế cũng là hiếm.

– À, ra có một con giai thôi thì cũng là hiếm.

– Bẩm bà lớn, liệu bà lớn có còn muốn đi bước nữa?

– Thôi! Tôi đã nhất định... nói có vong hồn ông Đoan với ông Phán nhà tôi chứng giám cho, tôi nhất định thủ tiết với hai ông! Là vì tôi tuy còn trẻ măng thật, nhưng cũng mang tiếng là già rồi. Chỉ còn nên ở vậy nuôi con thôi.

– Bẩm cung tử tức do thế mà là hiếm.

– Cụ đoán hay đấy. Thế số cậu Phước thế nào? Ấy các đức Phật chùa Hương cho cậu xuống với tôi đã hơn mười năm. Tôi chỉ lo...

– Bẩm tốt nhất! Số cậu là số hưởng thụ, suốt đời nhàn hạ mà hưởng cả phú lẫn quý, lẫn khang, lẫn ninh.

Bà Phó cúi đầu một cách kính cẩn, khẽ nói:

– Tôi, tôi cứ sợ mình người trần mắt thịt, không biết chiều ý cậu thì cậu lại đòi về.

Thầy số sốt sắng cãi:

– Chả lo! Trông qua tướng mạo đủ biết! Tướng cậu thọ lắm, mà bà lớn nhờ có cậu nên sự thịnh vượng lại càng bền vững.

– Hay! Hay! Cụ đoán số thế thì tuyệt nhất trần đời!

– Bẩm nếu bà lớn nói rõ ngày sinh tháng đẻ thì tôi sẽ lấy lá số Tử Vi, thì có thể biết những sự xẩy ra hàng năm, hàng tháng, hàng ngày...

– Thế nữa kia ư?

– Bẩm vâng. Xem số thì kỹ hơn xem tướng.

– Thôi, thế cụ về kẻo khuya, nay mai cụ lại chơi giúp cái việc ấy cho tôi nhé! Chị Ba đâu? Tiễn cụ một đồng bạc xe cho tôi để cụ về! Thế nào cụ cũng lại hộ cho tôi đấy!

– Vâng, vâng. Bẩm lạy bà lớn, nay mai chúng tôi sẽ đúng hẹn.

Ông thầy số cắp ô, chiếu, tráp đi khỏi, thì bà Phó hỏi Xuân:

– Anh này, anh có biết tôi đã làm gì cho anh không?

Hốt hoảng lúng túng mất vài phút, Xuân mới nói:

– Dạ, bẩm bà lớn, nếu không có bà lớn thì chúng tôi phải giam tại bóp.

– Ừ, anh cũng biết ơn đấy.

– Bẩm, cái ơn ấy thì chả đời nào con quên được.

– Anh đừng xưng con với tôi! Tôi là người văn minh, không phân biệt giai cấp, không chia rẽ sang hèn...

– Bẩm vâng.

– Thế anh còn bố mẹ không?

– Bẩm, tôi bồ côi cả bố lẫn mẹ từ sớm.

– Tội nghiệp! Thế là tốt lắm! Bây giờ thì thời buổi khó khăn, cũng không nên vợ con làm gì vội. Thế anh có biết tôi gọi anh đến đây làm gì không?

– Bẩm chưa ạ. Chúng tôi chờ xem bà lớn phán bảo những gì.

– Tôi thì vốn người nhân đức, hay thương người. Mà anh thì cũng đáng thương, đương làm ăn mà bỗng mất việc thế ắt là khổ. Sao anh dại thế? Vẫn biết vào tuổi trẻ trung thì bình thường tinh nghịch như anh, nhưng mà phải xem người ta có ưng thuận thì hãy... Thế chứ?

Xuân ngẩn ngơ rằng:

– Bẩm, con có hiểu gì đâu? Tự nhiên người ta đánh con, người ta đuổi con, người ta áp chế...

– Thôi đi, anh đừng chối!

– Con... tôi có chối cãi gì đâu?

– Thế anh bị đuổi vì lẽ gì?

– Tôi đang sửa soạn khăn bông, thùng tắm cho các hội viên, đương lúi húi làm lụng, thì ông Tây ấy vào lôi ra đánh mắng...

– Chứ không phải anh đương...?

Một cách ngây thơ thành thực nhất đời. Xuân đáp:

– Tôi đương bịt một cái lỗ ống rỉ trong buồng tắm của hội quán!

– Ồ! Ơ! Thế ông Tây ông ấy bảo anh có phạm một tội, sao anh không cãi?

Xuân đỏ mặt hồi lâu rồi ấp úng:

– Bẩm... bẩm ông ấy buộc những tội gì thì nào tôi có biết tiếng Tây đâu?

Bà Phó Đoan đứng ngẩn người ra, nuốt sự thất vọng đánh ực một cái.

Bà nhớ lại cả mấy cái tên, cái lầm từ xưa kia... Từ khi bị hiếp, những cảm giác tê mê hiếm có rất khó tả, rất kỳ quái, cứ theo mãi bà như bóng theo người, lâu dần, việc ấy thành một sự ám ảnh. Bà vẫn ao ước được – bị hiếp nữa mà không bao giờ cái dịp hiếm có ấy lại tái hiện. Thành thử bà chỉ có hiếp chồng chứ quả thật – nói có quỷ thần hai vai chứng giám – bà chẳng được – bị chồng hiếp cho lần nào.

Sau khi đọc bộ *Kim Anh lệ sử*, thấy nói ở cái chùa tỉnh ấy, sư mô cứ vờ là Phật để xuống bán con cho những đàn bà cầu tự, bà đã tức khắc dò hỏi, rồi đi... Bà đã bị tên! Lúc về nhà ông Phán ban con cho bà, chứ chẳng có sư mô quái nào.

....

Đến lần này.

Trước cái vẻ mặt thật thà của Xuân, bà hơi buồn nghĩ dễ thường nó bị đuổi oan... Bà đã hơi cáu... Nhưng một ý nghĩ thoáng chạy qua óc bà.

– Anh lên gác này chờ tôi tắm một lát rồi tôi sẽ nói chuyện tại sao tôi bảo anh về đây.

Xuân nghe theo... Hai người lên thang. Đến một cái phòng khách nữa, bà Phó bảo:

– Anh ngồi đây, xem quyển *an bom* này mà chờ tôi.

Rồi bà vào buồng tắm, cách chỗ Xuân ngồi chờ có vài bước. Bà cởi quần áo, đội cái mũ cao su bịt kín tóc, vặn máy nước... Từ cái bông hoa sen kẽm, nước trút xuống ào ào! Bà Phó thỉnh thoảng lại vỗ vào bụng, vào đùi, bì bạch. Rồi bà, than ôi! Trái ngược – bà nhòm qua lỗ khóa xem bên ngoài động tĩnh ra sao... Thì ra, chăm chú vào quyển sách ảnh, thằng Xuân cứ ngồi nguyên chỗ.

Như thường!

Tắm xong, bà ra, phán một cách uể oải:

– Thôi cho anh về! Tôi định đến mai thì sẽ mượn anh. Ngày mai anh sẽ đến hiệu *Âu hóa* tìm cô Văn Minh thì tôi sẽ nói giúp. Thế nào thì rồi anh cũng sẽ khỏi thất nghiệp.

– Bẩm...

– Thôi, anh không phải là người thông minh! Anh về đi! Mai sẽ biết. Phải nhớ: Hiệu *Âu hóa* tiệm may phụ nữ.

Xuân Tóc Đỏ ra đi, với mối hy vọng chan chứa trong lòng, không hiểu rằng mình đã bị khinh bỉ như một nhà đạo đức chân chính đã bị khinh bỉ.

IV

MỘT KHI HOẠN THƯ ĐÃ NỔI GIẬN
NGHỆ THUẬT VỊ NHÂN SINH
NHỮNG SỰ CHẾ TẠO CỦA CUỘC *ÂU HÓA*

Theo lời dặn của bà Phó tám giờ sáng hôm ấy, Xuân Tóc Đỏ lảng vảng mãi trước một tiệm thợ may phụ nữ tân thời mà không dám vào hỏi, vì không dám chắc đấy có phải là hiệu *Âu hóa* của bà Văn Minh không. Cái học thức của Xuân Tóc Đỏ chỉ đủ cho hắn biên được sổ thợ giặt chứ chưa đủ để hắn đọc được những chữ khó đọc như những kiểu chữ tân thời mà những nhà nghệ sĩ chế kiểu hình như để cho không ai đọc được nữa. Lúc ấy, người ta đương đóng những chữ tên hiệu. Năm miếng gỗ vuông kỳ quái màu đỏ, mới sơn khô, còn bị vứt ở thềm hè. Một người thợ loay hoay dựng thang. Một thiếu niên xắn tay áo lên một cách rất nghiêm trọng đứng đấy sai bảo người thợ, thỉnh thoảng lại gắt mắng người này một cách cũng nghiêm trọng chẳng kém.

Hiệu may này thật là choáng lộn đặc biệt. Ở tủ kính ngoài cùng có ba "hình nhân" tạc bằng gỗ, chính là của Tây phương gửi sang, giống hệt mỹ nhân Tây phương, song bị nhà chủ khéo đặt lên đầu những mẩu khăn vành giây hoặc búi tóc đen cho có vẻ là phụ nữ Việt

Nam. Mỗi chiếc *ma nơ canh* ấy phô trương một kiểu áo. Nào là áo cổ bành bẻ cổ tay đuôi tôm để các bà cô diện phố xá. Nào là kiểu đi tắm để các bà các cô khoe cái mỹ thuật về xác thịt tại bờ biển. Nào là kiểu quần áo trong phòng ngủ để phụ nữ có những thế lực nhắc nhỏm cho chồng hoặc nhân tình đừng có sao nhãng cái nghĩa vụ tối thiêng liêng của những bậc nam nhi.

Xuân rón rén lại gần chỗ có mấy chữ gỗ. Nó cố nghĩ cũng không sao hiểu nổi năm miếng gỗ ấy là những chữ gì. Có một miếng gỗ tròn thủng một lỗ và một miếng vuông thủng hai lỗ tròn ở giữa. Còn ba miếng nữa lại thuộc hình tam giác, mà lại cũng có lỗ tròn ở giữa nữa, cái đó mới quái lạ cho chớ! Theo cái trí não hạ lưu của nó, Xuân Tóc Đỏ, từ lúc lên sáu tuổi, đã biết rằng cái thẹo mà giữa có một chấm thì chỉ là biểu tượng của một cái vật xấu xa, thế mà thôi. Nó đương tủm tỉm cười một cách vô ý nghĩa thì chợt thiếu niên mắng người thợ:

– Đầu tiên là cái này! Không, cái tam giác cơ, khỉ lắm!

Người thợ ngơ ngác hỏi:

– Bẩm tam giác là cái gì ạ?

Thiếu niên lại gắt mắng rầm rĩ:

– Con khỉ, tam giác là... là cái thẹo! Mà cái thẹo là chữ A.

Người thợ lại cãi:

– Thưa ông lúc nẫy ông bảo cái thẹo là chữ U.

– Im đi, đồ ngu! Cái thẹo lộn xuôi thì mới là chữ U, còn cái thẹo chổng ngược thì chính là chữ A. Thợ thuyền gì mà không hiểu một tý mỹ thuật gì cả! Nghe đây này: Trước nhất anh đóng cho tôi cái thẹo lộn ngược rồi đến cái thẹo lộn xuôi. Thế là A, U tức là *Âu*. Rồi thì đến miếng gỗ vuông có hai lỗ thủng là chữ H, rồi đến miếng gỗ tròn thủng giữa là chữ O, rồi đến cái thẹo lộn ngược là chữ A, tức là *hóa*, nghĩa là cửa hiệu *Âu hóa*! Có thế thôi mà phải dặn đi dặn lại mãi, thợ với thuyền, ngu như lợn!

Xuân Tóc Đỏ vừa sung sướng vì tìm thấy chỗ hẹn vừa bất bình ở chỗ bị mắng gián tiếp là đồ ngu! Nó lẩm bẩm: "mẹ kiếp, chứ lại chữ với chả nghĩa!"Nhưng nó lại phải để ý ngay đến một thiếu niên khác, Âu phục kiểu đi trèo núi, vừa đến chào thiếu niên trông nom việc đặt bảng hiệu kia. Hai người bắt tay nhau, tiếng Tây ngậu sị cả phố.

– Trời ơi, cái óc mỹ thuật của bình dân Việt Nam là thảm hại!

– Nói chuyện mỹ thuật với bình dân thì thật phí lời!

– Không! Không! Ngài là nhà báo, ngài phải nâng bình dân lên cái nghĩa vụ hiểu biết mỹ thuật mới được. Tôi, tôi là một nhà mỹ thuật, tôi đã hy sinh cả một cuộc đời của tôi rồi!

– Thiết tưởng ảnh hưởng của ngài trong dân gian cũng đã phổ cập đấy chứ!

– Chưa đủ. Còn phải làm việc nữa, dân ta là một dân tộc lười biếng, không chịu suy xét, không muốn tìm mà hiểu những cái khó hiểu của mỹ thuật, cho nên sức hoạt động của tôi chỉ bành trướng được có chừng. Vậy mà mỹ thuật càng khó hiểu bao nhiêu thì càng có giá trị bấy nhiêu. Thí dụ như ở Ý Đại Lợi và Đức Y Chí, những nhà danh họa được tôn lên làm thần thánh chỉ vì có những tranh nguệch ngoạc khó hiểu, những bức họa mà công chúng không hiểu gì là đẹp cả nhưng mà công chúng cứ công nhận là những kỳ công kiệt tác, đến nỗi Mussolini và Hitler cũng phải ghen ghét, lúc lên ngôi độc tài thì việc thứ nhất là đem bỏ tù tác giả những kỳ công ấy mãi cho đến lúc bao giờ hai ngài hiểu được mỹ thuật thì thôi. Đấy, ngài xem! Bao giờ dân ta đến trình độ ấy? Bao giờ bọn nghệ sĩ chúng tôi được – bị bỏ tù như thế?

Người kia gật gù:

– Quả vậy!

Người này lại sốt sắng nói tiếp:

– Chỉ vì trình độ thấp kém của xã hội mà anh em nghệ sĩ chúng tôi phải quay về làm cái việc cải cách y phục nữ là món mỹ thuật dễ hiểu nhất. Bao giờ cả xã hội này biết thưởng thức cái đẹp... bộ đùi của người đàn bà thì mới hiểu giá trị của những bức vẽ khỏa thân và do thế, mới hiểu nổi những mỹ thuật tối cao.

Ồ! Ồ! Cái đó đúng sự thực quá chứ?

– À, thế mấy chữ tối tân này, ngài bảo sao? Sự phát minh cuối cùng đấy! Trông lạ lắm chứ? Ấy bình dân chưa hiểu nổi, cao quý ở chỗ ấy, ta hãy cứ biết thế đã, bao giờ những chữ kiểu tối tân của tôi mà làm cho đến phái trí thức nữa cũng không đọc nổi, thì lúc ấy mới là sự đắc thắng hoàn toàn của nghệ thuật.

Mới nghe đến đây, Xuân đã chợt thấy bóng bà Văn Minh thấp thoáng ở nhà trong. Nó bèn rón rén vào thì hai người này cũng theo nó, vừa chuyện trò vừa vào trong cửa hàng.

– Lậy bà ạ.

Bà Văn Minh gật đầu đáp lại Xuân và bắt tay hai người kia.

– Ông ngồi chơi. Ông lại có việc gì thế? Dạo này báo lên hay xuống?

– Tôi lại có việc hệ trọng lắm. Báo lên được 50 số.

– Thế anh này, anh hỏi gì?

Xuân lúng túng, xoa tay:

– Bẩm... bẩm... bà lớn Phó Đoan, hôm qua...

Văn Minh cắt ngay:

– Im! Anh phải gọi là bà Phán, không thì bà không bằng lòng.

– Vâng! Bà Phán dặn tôi lại đây... nói hộ... với bà...

– Được, thế anh ngồi đấy mà đợi.

Rồi bà Văn Minh ra hiệu mời ông nhà báo vào bộ sa lông ở tận bên trong cửa hàng. Xuân ngồi xuống một cái ghế sắt bọc vải ở gần cửa. Tuy nó cũng hơi nóng ruột, song được dịp hưởng bằng mắt một bữa tiệc rất hiếm, nghĩa là ngắm nghía những bộ phận kín đáo của phái đẹp mà chỉ có cuộc *Âu hóa* là dám phô ra. Nào là những cái ngực khiêu khích đeo những coóc sê lụa viền đăng ten, nào là những bắp đùi lồng trong những cái bít tất lụa, nào là những áo lót mình, những quần đùi, tóm lại thì là đủ cả những cái có thể gợi xuân tình trong lòng một ông cụ già đã ăn khao bẩy mươi. Những súc lụa trơn và hoa nghìn tía muôn hồng làm cho cửa hiệu có một vẻ vui tươi đặc biệt. Trong cùng thì là cái phòng thử áo bằng ba bề nhung căng, rồi đến xưởng thợ có mấy chiếc máy khâu và một lũ những đàn ông và đàn bà thợ may đi lại làm việc rộn rịp như trong một cái tổ ong...

Một người đàn bà nạ giòng, phấn sáp bôi rất vụng, đứng xem ngoài cửa kính ba phút, rồi vào. Bà chủ hiệu chạy ra đon đả:

– Thưa bà, bà muốn mua hàng hay may áo...

Bà khách nghĩ một lúc rất lâu, đoạn dè dặt nói:

– Tôi muốn... may một bộ áo kiểu mới.

Bà Văn Minh liến thoắng tán:

– Vâng, chính thế, bây giờ ai cũng phải cải cách y phục cho hợp thời trang. Cái lối trang điểm cổ làm cho người ta chóng già, ta phải thay đi mới được. Thưa bà, nếu bà không biết những thuật để giữ gìn sắc đẹp, thì khó lòng mà giữ được hạnh phúc gia đình, vì các cô thiếu nữ ngày nay ăn mặc lối mới cả, thật là một sự cạnh tranh ghê gớm...

Bà khách trợn mắt lên sung sướng vì thấy hợp ý, nghĩ ba phút rồi đáp:

– Chao ôi! Ối chao ôi! Bà nói đúng quá! Các thiếu nữ bây giờ ăn mặc tợn hơn các me Tây khi xưa! Thật là tân thời, thật là đĩ thõa! Chao ôi! Họ cướp mất hạnh phúc của tôi, họ đẹp hơn tôi, họ quyến rũ ông Hàn nhà tôi, bây giờ tôi biết làm thế nào?

Bà tru tréo như sắp cãi nhau với ai, khiến Văn Minh phải xua tay:

– Ấy chết! Bà đừng nóng nảy thế!

– Ông Hàn nhà tôi đêm nào cũng đi theo bọn gái mới thì tôi biết làm thế nào kia chứ, hở Giời!

– Thưa bà, cái đó rất dễ... Bà chỉ việc... ăn vận như họ.

– Phải! Phải! Âu là tôi cũng ăn mặc tân thời! Mặc cho thiên hạ sẽ gọi tôi là con đĩ già! Chỉ tại bà, các bà, chủ hiệu thợ may, các bà đầu têu ra mà thôi!

Bà Văn Minh so vai mà rằng:

– Thưa bà, chúng tôi chỉ tiến theo luật tiến hóa chung của xã hội. Giữa buổi canh tân này, cái gì là bảo thủ thì bị đào thải đi! Bà có biết rằng từ khi chúng tôi mở cửa hiệu này ra thì đã bao nhiêu người vợ được cứu vớt, tìm thấy lòng yêu của chồng, lại được hưởng hạnh phúc gia đình rồi đó không?

– Thưa bà, thế thì tôi xin may ngay một bộ, bộ nào tân thời nhất! Mà xin bà đừng tính cao giá quá.

– Vâng! Vâng! Mời bà đi xem các kiểu áo...

Bà chủ đưa bà khách đi điểm binh các *ma nơ canh* một lượt.

– Đây... đây... Tiệm may chúng tôi có rất nhiều kiểu, toàn do những sinh viên mỹ thuật có danh tiếng chế tạo ra cả. Đây, bà cứ xem những biển đề ở tượng, là rõ nghĩa lý của từng bộ y phục một. Đây là bộ *Lời hứa*, nghĩa là để cho thiếu nữ nào mặc bộ ấy có thể như hứa với bạn lòng một cuộc hẹn hò vậy. Đây là bộ *Chiếm lòng*. Mặc bộ ấy thì ta đã nắm vận mệnh bọn nam nhi trong tay ta. Đây là bộ *Ngây thơ*, đây là bộ *Dậy thì*, toàn cho gái mới nhớn. Từ đây vào là của các bà thiếu phụ, các bậc nội tướng rồi... Thưa bà, đây là bộ *Nữ quyền*, của người đàn bà lúc nào cũng được chồng khiếp sợ. Còn đây là bộ *Kiên trinh*, cho những bà quả phụ nhất quyết ở vậy thờ chồng, và đây là bộ *Lưỡng lự*, cho những đàn bà góa chồng, mà không biết

nên thủ tiết hay là thôi. Còn đây, bộ y phục tân thời nhất, vừa chế tạo ra được mấy hôm nay thôi, chúng tôi chưa kịp kẻ bảng nhưng đã nhất định đặt là *Chinh phục*, nghĩa là có bộ y phục này, thì ai cũng phải say mê bà, dù là cả đến chồng bà!

Hai người đứng trước một bộ áo quần táo tợn vì may bằng thứ sa tanh mỏng dính màu đen. Bên trong cái quần và cái áo chỉ có cái coóc sê và cái quần đùi đen thôi, nên chi cái người đàn bà gỗ tuyệt đẹp ấy để lộ cả một nửa bộ ngực trên, cả hai cánh tay, và từ hai bên bẹn trở xuống trông cũng rõ mồn một.

Trong khi Văn Minh lộ vẻ đắc chí thì bà khách bĩu môi đứng lặng im, hồi lâu mới nói:

– Mặc bộ này thì... khó coi lắm!

Lúc ấy nhà mỹ thuật và nhà làm báo cũng đến nghe ngóng. Ông nhà báo nói ngay:

– Dễ coi lắm, thưa bà! Nếu bà mặc bộ này thì không còn một người đàn ông nào lại không chạy theo bà như chạy theo những cô gái ngây thơ!

Nhà mỹ thuật thêm:

– *Chinh phục*! Tôi đã phải đặt tên là *Chinh phục!*

Bà khách lại nói:

– Quần với áo mà đến thế thì chả còn... che đậy gì được mấy tí.

Nhà mỹ thuật lại cãi:

– Thưa bà, những nguyên tắc về y phục đã thay đổi. Chúng tôi mà có chế ra kiểu này cũng là vì theo cái quan niệm y phục các nhà thợ may lớn ở Tây phương. Quần áo để tô điểm, để làm tăng sắc đẹp, chứ không phải để che đậy. Bao giờ... bao giờ mà y phục tiến bộ đến cực điểm, đi đến chỗ tận thiện, tận mỹ, thì nghĩa là y phục phải không còn... che đậy cái gì của đàn bà nữa!

Trước sự hoài nghi của bà khách, bà chủ tán thêm:

– Nếu bà có sợ mới quá thì bà cứ việc chờ những lúc ông Hàn nhà ta sắp đi chơi là bà mặc nó vào rồi đứng soi gương trong nhà thì cũng đủ cho ông Hàn nhà ta phải mê tơi.

Bà khách gật gù:

– Phải! Phải đấy! Dễ phải đến thế thì mới có công hiệu.

Văn Minh lại nói:

– Thưa bà, hạnh phúc của gia đình có gì là khác, nếu nó không là hạnh phúc của vợ chồng? Nếu ái tình đến thời kỳ phai nhạt thì làm thế nào cho vợ chồng có hạnh phúc?

– Phải lắm!

– Bởi thế cho nên chúng tôi phải chế thêm cả những kiểu mới và những thứ quần áo lót mình ở bên trong chứ không phải chỉ *cải cách bề ngoài* như lời công kích của bọn đạo đức hủ lậu đâu. Nếu bà lại dùng cả những áo lót mình của hiệu chúng tôi thì ấy là bà đã biết những bí thuật giữ chồng rất mầu nhiệm.

– Đâu? Xin bà cho chúng tôi xem, chúng tôi may một thể vậy.

Văn Minh dẫn bà khách quay lại cái tủ kính ở phía sau lưng và giở ra một đống quần đùi, *coóc sê*, áo lót dài, áo lót mình ngắn, băng buộc vú, vân vân...

– Đây là cái áo ỡm ờ..., Đây là cái quần *Hãy chờ một phút*,... Đây là cái áo lót *Hạnh phúc*, Đây là cái *coóc sê Ngừng tay*. Bà xem! Ngoài cửa hàng *Âu hóa* chúng tôi, làm gì có hiệu nào săn sóc đến hạnh phúc của phái đẹp một cách chu đáo?

Bà khách gật đầu lia lịa mà rằng:

– Vâng, tôi xin vâng! Tôi xin *Âu hóa* theo văn minh, ăn vận theo tiến bộ! Xin gọi phó may lên và cho tôi vào buồng thử!

Văn Minh chỉ nhà mỹ thuật:

– Bẩm đây, phó may đấy! Một nhà tài tử nguyên sinh viên trường Mỹ thuật Đông Dương để hầu hạ cho cái sắc đẹp của các bà!

Nhà mỹ thuật cúi đầu rất thấp mà rằng:

– Xin mời bà đi theo tôi, tôi rất được hân hạnh.

Rồi hai người vào cái buồng kín che bằng nhung.

Để cho Xuân cứ ngồi ngáp dài, Văn Minh còn cãi nhau với ông nhà báo đã.

– Thưa ông, nếu ông tăng tiền quảng cáo thì quá lắm.

– Thưa bà, ấy là bà nhầm. Báo của tôi mỗi ngày một tăng độc giả, cái danh giá của chúng tôi mỗi ngày bị bọn bảo thủ làm cho tiêu đi mất một tị [illegible] Vả lại [illegible] theo mới cứ tăng...

– Thưa ông, đó là sự tự nhiên, mà có lợi thì lợi cho các ông chứ cho gì riêng tôi mà ông lại...

– Không! Lợi nhất cho bà và những ai cùng nghề với bà!

– Ông hô hào đổi mới, người ta mới thì lợi cho các ông đã chứ?

– Không! Lợi nhất cho bà, tôi đã nói thế.

– Ông tưởng thế, chứ báo của ông đã ảnh hưởng gì? Chắc đâu...

Nhà viết báo đến đây, sùi bọt mép ra vì tức giận:

– Không có ảnh hưởng, bà bảo? Thế bà xem xã hội bây giờ tiến hóa đến đâu? Bà có đọc báo hàng ngày đó không? Bao nhiêu vụ ly dị! Bao nhiêu cuộc ngoại tình? Con gái theo giai đùng đùng, đàn ông chê vợ hàng lũ, lại vừa có cả một ông huyện treo ấn từ quan để theo một cô gái tân thời, như thế, tôi tưởng là báo chúng tôi có ảnh hưởng quá nữa! Ngày nào cũng có một tiệm khiêu vũ mới mở...

Đến đây thì bà Phó Đoan vừa lúc bước vào. Xuân Tóc Đỏ vùng đứng lên. Văn Minh cũng mặc ông nhà báo đứng đấy với mọi cái ảnh hưởng của tờ báo.

– Cháu! Cháu...

– Lạy dì... À, dì vào đây cho cháu khẽ hỏi cái này!

Bà dì và cô cháu đem nhau ra một góc tận đằng xa... Ông nhà báo cầm mũ ra thẳng với sự giận dữ và sự nhận chân ra cái chân lý: nghề viết báo là một bạc nghệ. Xuân Tóc Đỏ đi đi lại lại có vẻ đợi chờ...

– Dì dặn cái thằng ấy đến đây làm gì thế?

– À, thế thì dì đã bảo là để cháu nhận nó giúp việc thì dì cho xây cái sân quần ở nhà để dì cháu ta tập mà lại?

– Vâng, nhưng mà xây sân quần thì cũng phải ít lâu nữa chứ? Ai mượn ngay nó làm gì cho tốn cơm tốn tiền?

Bà Phó Đoan ngẩn người ra mà rằng:

– Ừ nhỉ? Nhưng mà bắt đợi chờ thì nó chết đói mất!

Hồi lâu, bà mừng rỡ thì thào vào tai cháu:

– Hay là thế này... Trước khi có sân quần, ta hãy... như thế, như thế, thì không sợ cơm toi. Cháu nghĩ sao?

Ấy thế là Xuân Tóc Đỏ bắt đầu dự vào cuộc cải cách xã hội.

V

BÀI HỌC TIẾN BỘ CỦA XUÂN TÓC ĐỎ
HAI QUAN ĐIỂM VỀ GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI
VÂNG, TÔI, TÔI LÀ NGƯỜI CHỒNG MỌC SỪNG!

Ông chủ, bà chủ đã cùng với mấy bà tân thời và mấy ông du học sinh lên một chiếc xe hơi đi lên hiệu khách ăn cơm.

Bọn thợ may, các cô khâu, đã lũ lượt kéo nhau ra về.

Đồng hồ đánh 12 tiếng.

Ngoài phố, trên các cây sấu, những con ve sầu nhất định phá giấc ngủ trưa của các quý quan.

Xuân Tóc Đỏ tự hỏi: "Thế này thì nước mẹ gì?" Nó đi đi lại lại, ôn những lời dặn bảo của chủ nó.

– Trước khi có thể giúp chúng tôi về thể thao, anh hãy cố sức giúp xã hội trong cuộc *Âu hóa*. Anh phải nhớ kỹ rằng hôm nay trở đi thì anh đã dự một phần vào cuộc cải cách xã hội rồi. Từ đây mà đi xã hội văn minh hay dã man là trách nhiệm ở anh! Vậy anh nên làm ăn chăm chỉ, phải trông nom hết tất cả mọi việc, và nhất là phải hiểu các công việc mình làm.

Ông chủ thời nói một cách cầu kỳ đại khái thế. Giản dị hơn nữa, bà chủ chỉ bảo Xuân:

– Thế nghĩa là lúc nào rỗi thì cầm cái chổi này (bà đưa luôn ngay ra một phất trần) mà phủi bụi những xúc lụa, những quần áo ở *ma nơ canh* [1]. Phải biết cái gì là vệ sinh, đừng để cửa hiệu rác rưởi, bụi bậm.

– Vâng ạ.

Nhà mỹ thuật lại dặn:

– Cần hơn nữa là anh phải biết tên các đồ hàng, các mốt y phục, để cho khách vào hàng thì có thể chỉ bảo cho khách có một cái *gu* [2]!

– Bẩm cái *gu* là cái gì ạ?

---

1. Manơcanh: (tiếng Pháp: manequin) người mẫu bằng gỗ trong các hiệu may.
2. Gu: (tiếng Pháp; gout) thị hiếu.

Nhà thẩm mỹ đã ấp úng, phải vỗ vào trán mấy cái, rồi mới nói:

– Nghĩa là... nghĩa là cái thích, cái sở thích, cái quan niệm về mỹ thuật.

– Bẩm, tôi vẫn chưa hiểu.

– Anh không hiểu thì phải cố mà hiểu! Thế là thế này: Anh phải thoáng trông thấy một bộ quần áo là nhớ ngay đến tên của nó, để mà có thể tán cho khách nghe vui tai. Anh phải biết cái phận sự của người *văng đơ,* nghĩa là người bán hàng! Mỗi khi có một người bằng lòng may một bộ tân thời, thế là nước nhà lại có thêm một người tiến bộ.

– Bẩm, như thế thì ra tôi lại phải biết cả các mặt hàng tơ lụa hay là bà này nên may mặc ra làm sao, cô kia nên may mặc ra làm sao?

Nhà mỹ thuật trợn mắt, so vai, trỏ mặt Xuân:

– Lạm quyền! Lạm quyền! Đấy là công việc của *tay ơ,* [1] là của tôi! Là của một mình tôi! Một mình tôi mà thôi! Đây này... anh ra đây.

Xuân bị lôi đến trước một chiếc *ma nơ canh*. Nhà mỹ thuật nói:

– Hở cánh tay và hở cổ là *Dậy thì*! Anh đọc thật to lên!

Xuân nhắc lại như một con vẹt học một bài học thuộc lòng:

– Hở cánh tay và hở cổ là *Dậy thì*! Hở cánh tay và hở cổ là *Dậy thì*!

Nhà mỹ thuật gật gù hài lòng và lôi Xuân ra một cái *ma nơ canh* khác:

– Hở đến nách và hở nửa vú là *Ngây thơ*! Đọc cho quen mồm đi!

Xuân Tóc Đỏ lại đọc theo:

– Hở đến nách và hở nửa vú là *Ngây thơ*! Hở đến nách và hở nửa vú là *Ngây thơ*!

– Tốt lắm! Anh cứ chịu khó học như thế vài lượt là thuộc mặt chữ, à quên, không! Là đã thuộc lấy kiểu mới mà nghệ thuật đã chế tạo đó. Từ đây mà đi thì cuộc *Âu hóa* trông cậy vào cái óc thông minh riêng của anh. Đây này, bộ này là bộ *Kiên trinh*, cho những vị quả phụ nào nhất định không bước đi bước nữa, cho nên quần áo kín đáo trông nghiêm nghị, cổ áo lá sen lòe xòe che kín cả hai đường hằn của đôi vú. Bên cạnh thì bộ *Lưỡng lự* cho nên cổ áo kiểu khăn san thì

1. Tay ơ (tiếng Pháp: tailleur) thợ may.

che kín thân áo về một bên vú mà để hở hẳn thân áo về một bên. À quên, anh đọc nổi những chữ kẻ ở bảng này đấy chứ?

– Bẩm vâng, chữ này kiểu cũ, tôi đọc được.

– Thôi, thế tôi để nguyên một mình anh với anh!

Trước khi ra đi, bà Văn Minh còn dặn:

– Anh lấy cái bảng có chữ *Đóng cửa buổi trưa* mà treo ra tủ kính rồi anh ngồi trông hàng. Có ai vào thì tiếp, ai hỏi thì nhớ lấy rồi bảo tôi.

Thế rồi... cả bọn ra đi.

Xuân Tóc Đỏ đã hiểu rõ cái địa vị mình rằng trong cuộc *Âu hóa*, trong việc cải cách xã hội, nó chỉ là một anh loong toong. Nó không bất mãn ở chỗ ấy nhưng ở chỗ người ta không nhớ rằng nó cũng cần phải nghỉ ngơi cơm nước như mọi người khác. Nó thấy đói lắm. Nó rất muốn trông thấy bà Phó Đoan, nhưng bà đã lên xe hơi với con chó yêu quý của bà từ bao giờ... rồi.

Nó đi đi lại lại trong cái cửa hàng vắng tanh êm ả, miệng nó lầm bẩm mấy lần: "Chả nước mẹ gì cả!" Rồi nó cầm cái chổi phất trần, lần lượt phủi bụi cho những chiếc *ma nơ canh*. Nó học thật to, lại lai nhai giọng hò như giọng ê a của trẻ con học bài thuộc lòng chữ Hán vậy. Có điều đáng lạ là bài nó học chính tự nó đặt ra.

– Mẹ kiếp! Quần với chả áo! – Cái này là cái gì? À *Lời hứa*!... thắt đáy, nở ngực, nở đít... phải phải! Thắt đáy nở ngực, nở đít là *Lời hứa*! Hở ngực, hở tay, hở đùi là *Chinh phục*! Hở ngực, hở đùi là *Chinh phục*! Hở đến nách và hở nửa vú là *Ngây thơ*!

Cái chổi vướng cái đinh rơi xuống đất. Nó cúi nhặt, mồm vẫn đọc thật to:

– Hở đến nách và hở nửa vú là *Ngây thơ*! Hở... hở là... *Ngây thơ!*

Giữa lúc ấy có một thiếu phụ còn trẻ lắm, đẩy cửa sầm sầm bước vào hàng. Hai người nhìn nhau kinh ngạc một lúc, rồi thiếu phụ cất cao giọng hỏi:

– Ông... Ông là ai?

Xuân Tóc Đỏ ưỡn ngực lên giấu cái chổi lông gà sau lưng, nghiêm trang:

– Tôi?... Là... là... một người dự một phần trong việc *Âu hóa*.

– À!

– Một người cải cách xã hội... có trách nhiệm quốc dân văn minh hay là dã man.

– À, thế thì tốt lắm!

– Thế cô muốn gì? Cái quần *Hãy chờ đợi một phút nhé?*

– Tôi có chồng rồi! Tôi không chờ được phút nào cả.

– Vậy bà muốn gì, thưa bà?

– Chồng tôi! Cải cách! *Âu hóa*! Chồng tôi đâu?

– Bẩm thế là ai?

– Ông Típ... fff... ạ!

– Ông gì ạ?

– Ông Típ Phờ Nờ!

Xuân Tóc Đỏ ngẩn mặt ra như người bằng gỗ đến năm phút rồi hỏi lại:

– Bẩm ông... ông... Típ Phờ Nờ?!

– Phải! Chính thế. Ông ấy đâu?

– À, đây không có ai tên là Típ Phờ Nờ ạ!

– Có lắm. Chính là ông mỹ thuật Đông Dương, ông cai thợ may, cái ông vẫn ký tên ở các báo mục phụ nữ TYPN, nghĩa là: *Tôi yêu phụ nữ*! Ông cải cách xã hội mà lại còn không biết? Thế ông cải cách từ bao giờ?

– À, bẩm thế thì có. Nhưng mà ông ấy vừa đi đâu...

– Thế thì tôi chờ.

– Vâng, xin bà cứ tự nhiên, cái đó vô hại.

– Ông trông hộ xem quần áo tôi may thế này đã có gì là tân thời chưa?

Xuân Tóc Đỏ nhìn qua cái áo dài giản dị, cổ áo không thuộc mốt lá sen, cũng như không thuộc mốt bành bẻ, cái quần trắng giản dị kín đáo, đôi giầy đen không cầu kỳ gì mấy, thì chỉ thấy nó có vẻ đứng đắn thôi. Vì trong óc nó có sẵn cái thành kiến là cái gì nhố nhăng thì mới là tân thời, nó bèn đáp:

– Bẩm, trông bà chỉ có vẻ lương thiện đứng đắn thôi chứ không tân thời mấy ạ.

– Có phải thế không, hở ông?

Xuân gật đầu lia lịa:

– Vâng ạ! Vâng ạ! Thế thì cổ lắm, chưa được *Âu hóa* mấy! Bà là vợ ông Típ Phờ Nờ mà ăn vận thế, e còn là hủ lậu đấy. Thế bà chưa biết rằng ông nhà đã chế ra nhiều kiểu rất tân tiến hay sao? Nào là *Ngây thơ, Chinh phục, Lưỡng lự, Chờ một phút, Ỡm ờ, Ngừng tay,* nhiều kiểu lịch sự lắm, bà ạ.

Thiếu phụ nghiến rít hai hàm răng lại mà nói:

– Chồng tôi áp chế tôi lắm! Tôi không chịu nổi nữa!

– Thưa bà, thế là một sự trở ngại trên đường tiến hóa! Mà muốn phản đối lại việc ấy, bà chỉ còn có một cách là chiếu cố đến bản hiệu mà may ngay một bộ quần áo gọi là *Nữ quyền*! Mặc nó và, người vợ sẽ được người chồng khiếp sợ... Văn Minh đã bảo thế!

– Ông là người có học thức lắm. Ông nói văn vẻ y như viết văn Tây! Vậy thì xin ông hết sức che chở cho tôi trong cuộc *Âu hóa* nhé?

Xuân Tóc Đỏ cúi xuống rất thấp:

– Chúng tôi rất được hân hạnh.

Thiếu phụ sung sướng cả cười:

– Chà! Ông phong nhã quá đi mất!

– Thưa bà, hạnh phúc có gì là khác, nếu nó không là hạnh phúc của vợ chồng? Nếu ái tình đến thời kỳ phai nhạt thì làm thế nào cho vợ chồng có hạnh phúc?

– Ấy chính thế đấy! Nếu ông TYPN cứ cấm đoán mãi tôi, thì chắc không thể yêu được mãi ông ấy như ngày mới cưới nữa.

– Thưa bà, chúng tôi không phải chỉ *cải cách bề ngoài* như lời dèm pha của phái đạo đức hủ lậu đâu. Vả lại... thưa bà... tiến theo luật tiến hóa chung của xã hội... giữa buổi canh tân này, cái gì là bảo thủ thì bị đào thải đi... Quần áo để làm tăng vẻ đẹp, không cốt che đậy...

Xuân Tóc Đỏ đương mở máy nói như một cái kèn hát thì cánh cửa kính bị đẩy tung ra. Nhà mỹ thuật sầm sầm chạy vào, có nhà viết báo đi theo.

Nhà mỹ thuật giơ tay lên trời mà than dài:

– Ôi! Phong hóa suy đồi!

Đoạn quay về sau lưng giơ hai tay lặng lẽ phân bua với nhà viết báo. Ông này cho đó là cơn ghen đích đáng của những nhà nghệ sĩ

chân chính (những nhà nghệ sĩ là hay cả ghen lắm) liền phịu mặt, khẽ nói:

– Thật không thể tha thứ được!

Nhưng nhà mỹ thuật lại hiểu câu ấy theo ý riêng chứ không phải do lòng ghen tuông. Ông vồ lấy câu ấy mà nói:

– Có phải thế không, anh? Vợ tôi? Chính vợ tôi? Chính vợ tôi mà lại ăn mặc tân thời như thế này? Hở Giời? Quần trắng nữa ư? Hở Giời? Đường ngôi lệch, bôi môi hình quả tim ư, hở Giời? Đồ đĩ! Đồ khốn nạn! Đồ...

Xuân Tóc Đỏ giơ tay ngăn:

– Thưa ngài, tôi xin che chở phái đẹp trong cuộc *Âu hóa*!

Bà vợ nhà mỹ thuật lúc ấy tức giận như vợ những nhà mỹ thuật mà rằng:

– Thôi đi, anh là đồ ngu! Anh hô hào đổi mới, *Âu hóa*, anh cổ động phái nữ phải cải cách y phục theo mốt của anh, phải đánh phấn bôi môi theo cách thức của anh, thì tôi, tôi cũng là một phụ nữ mặc dầu tôi chỉ là vợ anh! Tôi là người đàn bà! Khắp bàn dân thiên hạ này ai cũng có thể làm chứng cho tôi rằng tôi là phụ nữ, chính tôi cung là phụ nữ! Ai bảo không? Ừ, có ai dám chối không? Tôi thách ai dám bảo tôi không là đàn bà đấy!

Nhà mỹ thuật xua tay:

– Biết rồi! Biết rồi... Câm đi! Thối chưa!

– Tôi không câm có được không?

– Câm đi, đồ ngu! Khi người ta cổ động đàn bà thì phải biết là cũng có năm bảy thứ đàn bà! Khi người ta nói phụ nữ... là nói vợ con chị em người khác, chứ không phải vợ con chị em của ta! Mợ đã hiểu chưa? Người khác thì được, mà mợ, mợ là vợ tôi, thì mợ không thể tân thời như người khác được!

Bà Typn cãi:

– Thế thì tôi không hiểu nữa đấy! Vô lý!

Nhà mỹ thuật quay sang cầu cứu nhà viết báo. Ông này cắt nghĩa:

– Thưa bác, ta không nên chia gia đình với xã hội ra làm hai.

– Thế sao bác cũng chủ trương cải cách trong báo của bác?

– Là vì tôi cũng như bác giai. Phụ nữ nghĩa là vợ con chị em người khác, chứ không phải vợ con chị em của tôi. Gia đình tôi thì cứ

phải theo cổ, không được có hạng đàn bà ăn mặc tân thời nay khiêu vũ, mai chợ phiên, rồi về nhà chửi lại mẹ chồng bằng những lý thuyết bình quyền với giải phóng!

Ông nhà báo nói một cách quả quyết như những nhà văn sĩ cấp tiến làm cho nhà mỹ thuật cũng hăng hái nói tiếp:

– Đối với tôi ấy à?... Đàn bà cứ nhốt trong buồng. Mợ đã hiểu ra chưa?

Vợ nhà mỹ thuật thất thanh kêu.

- Giời ơi! Có thể như thế được chăng?

Nhà viết báo giơ hai tay lên không khí, ra vẻ sốt ruột:

- Giời ơi! Thì chỉ có thế mà mãi không hiểu?

Nhà mỹ thuật lại tấm tức nói tiếp:

– Rõ đồ khốn! Tưởng bở! Đòi nay mốt này, mai mốt khác để làm túi cơm giá áo à? Đã ăn hại chồng mà lại bắt chồng nay sắm cái này, mai sắm cái khác để lam cho chồng phải khổ sở rồi không kiếm ra tiền để diện thì "đi khách" lấy tiền! Đừng có học đòi! Đừng có lãng mạn!

Rồi nhà mỹ thuật quay lại chỉ vào mặt Xuân:

– Tôi đã bắt được quả tang anh dùng những văn chương bóng bẩy ra mê hoặc vợ tôi, định làm vợ tôi trụy lạc, định làm tan nát gia đình nhà tôi đấy nhé! Anh cứ liệu cái thần hồn!

Sau cùng thì ông lôi tay vợ ông, kéo sềnh sệch ra cửa, hầm hầm gắt mắng:

– Mau! Đi về ngay! Về cởi cái quần trắng ra ngay! Không có mà không vợ, không chồng gì nữa đâu!

Nhà viết báo cắp cặp chạy theo cặp vợ chồng ấy nốt.

Còn lại một mình trong phòng, Xuân Tóc Đỏ ôm "đầu" nghĩ ngợi, băn khoăn không hiểu nghĩa lý gì cái việc cải cách của ông cai thợ may ra làm sao. Nó đương lo điên người lên ở chỗ ông ta thù thì không biết có mất việc không, thì thấy người đứng tuổi, quần áo nho nhã ra vẻ một thầy ký kiết, rón rén đẩy cửa vào, khẽ nói ra vẻ bí mật:

– Kính chào ngài! Thưa ngài, tôi, tôi là một người mọc sừng!

Tưởng mình ngủ mê, Xuâu Tóc Đỏ dụi mắt mấy cái. Người kia lại nói một cách thân mật:

– Vâng, chính thế, tôi là một người chồng mọc sừng.

Xuân hoảng hốt:

– Ngài mọc sừng?

– Bẩm đích thị như thế thật đấy ạ.

Xuân Tóc Đỏ sờ lên đỉnh đầu người ấy rồi ngơ ngác:

– Ờ ờ! Ngài chỉ nói đùa chứ ngài có mọc sừng đâu!

Người lạ mặt để tay lên mồm làm một cái suyt. Rồi thì thào!

– Xin ngài hiểu cho rằng nói thế là nói bóng gió. Còn muốn nói cho dễ hiểu thì nghĩa là: vợ tôi đi ngủ với giai.

– Ủa!

– Vâng. Người Pháp bảo những người chồng có vợ ngủ với giai là những người mọc sừng. Thưa ngài, vợ tôi hư hỏng lắm, dễ tôi đến phải tự tử mất.

– Ấy chết!

– Nhưng trước khi tôi tự tử thì tôi phải làm được việc gì oanh liệt đã. Muốn thế, tôi phải nhờ ngài giúp cho một tay.

– Thưa ngài, thế ngài là ai?

– Tôi là một ông Phán giây thép, ngài cứ biết thế. Tôi lại có họ với ông Văn Minh. Tôi được bà Phó Đoan mách rằng ngài là một người thông minh, có học thức, bụng dạ lại hào hiệp, nên trước khi đến sở, tôi vội tạt vào đây, mong ngài giúp cho...

– Việc gì thế ạ?

– Bẩm một việc rất dễ ạ. Bẩm hễ ngài cứ trông thấy tôi ở đâu (mà tôi còn gặp ngài) là ngài cũng chỉ cần trỏ vào mặt tôi mà nói rằng: "Thưa ngài, ngài là một người mọc sừng". Có thế thôi.

– Chết nỗi, tôi chả dám. Cần gì phải bị mọc sừng một cách rầm rĩ thế?

– Tôi lạy ngài, ngài cứ thế cho. Tôi xin thuê ngài một chục bạc! Đây, tôi xin đưa trước năm đồng.

Nói xong, người ấy tức khắc để vào tay Xuân một tờ giấy bạc con công.

Xuân Tóc Đỏ còn ngẩn người ra thì ông Phán giây thép ấy đã cắm cổ tháo lui một cách bí mật cũng như những người mọc sừng khác.

VI

LẠI CHUYỆN SÂN QUẦN TRONG MỘT GIA ĐÌNH VĂN MINH XUÂN TÓC ĐỎ NHẢY VÀO KHOA HỌC

Ba người cùng đứng ở cửa sổ nhìn xuống sân.

Bà Phó Đoan chỉ tay huyên thuyên nói:

– Đấy, anh chị xem! Ba công thợ rồi đấy. Mà chỉ mới được có thế! Không biết đến đời nào mới xong một cái sân quần!

Văn Minh chồng nói:

– Dì đừng nóng ruột, vì xây một cái sân quần không phải là việc chốc lát.

Văn Minh vợ cũng họa theo:

– Vả lại dì cháu ta có vội gì đâu! Bao giờ xong thì tập, ấy chỉ có thế.

Cái sân mới hơi thành hình, vì người ta mới đổ nền bằng gạch đập vụn và tưới một vài nước *bích toong* [1]. Chung quanh khu vuông ấy, những cây chanh, những cây hồng, và cỏ, đều bị phạt đi, bị cuốc lên, nằm ngổn ngang bừa bộn như trong một cảnh tàn phá. Bà Phó Đoan đã phá khu vườn hoa để xây cái sân quần ấy chẳng bởi tự lòng hâm mộ thể thao mà thôi. Nhưng mà còn vì lẽ gì, cái đó có đấng thượng đế biết rõ. Tuy vậy, bà cũng nói:

– Ngót tám trăm bạc một cái sân, chả biết thế là rẻ hay đắt!

Văn Minh vợ vội nói ngay:

– Không đắt đâu, dì ạ. Dì cứ nhớ lại những lúc các hội thể thao hết diễn kịch lại quyên tiền mà có mấy cái sân quần mãi cũng chẳng xây xong... Thế mà dì cho xây cái này chưa đến tám trăm tưởng cũng là rẻ.

Cho rằng bà Phó Đoan làm việc ấy chỉ là vì lòng hâm mộ thể thao và yêu chuộng cô cháu nghĩa là vợ mình, ông Văn Minh thấy cần nói những câu ân nghĩa để đối phó với một sự nhờ vả. Ông uốn lưỡi bảy lần trong miệng rồi mới tán:

---

1. Bê tông.

– Vả lại dẫu có đắt nữa thì cũng không nên phàn nàn. Biết đâu rằng sau khi nhà này có sân quần thì cuộc đời của dì lại không bắt đầu một kỷ nguyên mới? Rồi nhà này sẽ biến thành một nơi tựa như một câu lạc bộ, một chỗ họp mặt, một chỗ hẹn hò của những kẻ thượng lưu trí thức trong nước để làm việc cho xã hội một ngày một tốt đẹp văn minh thêm lên! Dì làm những việc ấy không những có lợi cho thanh danh của dì, nhưng mà cũng còn là săn sóc đến cái tương lai của em Phước nữa. Theo ý tôi thì trẻ con thời buổi này cần được hưởng tất cả mọi sự giáo dục mới mẻ của văn minh, được giáo huấn về xác thịt cũng như về tinh thần. Xưa các cụ chỉ nghĩ đến khối óc mà thôi, đó là một sự sai lầm rất tai hại.

Ông ta nói thế một cách liến thoắng trôi chảy như nước suối, sốt sắng như những người không thành thực chút nào cả, đến nỗi bà Phó Đoan nghe xong, tuy chẳng hiểu quái gì, nhưng cũng thấy êm tai, và nhất là sung sướng, vì cả hai bên cùng làm khác với ý nghĩ mà lại có vẻ như hiểu rõ bụng tử tế của nhau lắm. Việc xây sân quần mà lại để cho cả xã hội văn minh thì bà có cần gì?

Ba người quay vào buồng khách, ai cũng hài lòng như ai.

Tự nhiên bà Phó Đoan hỏi:

– Này cái anh chàng Xuân xem chừng cũng được việc đấy chứ?

Cô cháu đáp:

– Hắn thông minh lắm! Mới vào làm có vài ngày mà khách khứa xem ý ai cũng mến.

Bà Phó Đoan sung sướng mà rằng:

– Số anh ta tốt lắm đấy! Ở đâu là vui vẻ đấy, thịnh vượng đấy.

– Thế à! Có lẽ đúng thật! Từ hôm có hắn thì quả nhiên khách may mặc cũng có đông hơn lên.

Ông cháu rể ôn tồn:

– Được cái mồm miệng hắn cũng nhanh nhẩu.

Bà Phó thêm:

– Có người đi đến đâu chết trâu đến đấy, anh ta thì đi đến đâu cũng vui vẻ đến đấy, âu cũng là tại số. Chỉ thương hại về nỗi bồ côi sớm, chứ không thì, nếu được ăn học, tất cũng nên người như ai.

Ông Văn Minh sửng sốt phản đối:

– Thì sao? Dì bảo sao? Việc gì mà phàn nàn? Làm nghề nhặt ban hay giúp việc cho hiệu may thì cũng đều giúp cho xã hội tiến bộ cả! Hắn có bồ côi như thế thì sau này có được một chút danh vọng gì mới càng đáng quý. Còn những ông con quan, những ông con nhà giàu, mà sau được hiển vinh, thì còn có gì là lạ? Hắn có thể tự hào là Bình dân! Bây giờ mà nói đến quí phái, trưởng giả là cổ hủ, là không đúng mốt nữa! Khắp thế giới, đâu người ta cũng chỉ coi trọng Bình dân thôi! Để chỗ cho Bình dân! Bình dân vạn tuế!

Nghe những câu hỏi ấy, bà Phó Đoan cũng thấy ông cháu rể là văn minh, tân tiến, rất xứng đáng với chức du học sinh, tuy là không có văn bằng. Bà ôm lấy con *Loulou* vào lòng một cách thân yêu như ôm một người tình nhân, ngáp dài một cái, rồi nói:

– Bảo lại mà sao mãi không thấy.

Ông Văn Minh ngửa đầu tựa thành ghế, lấy điếu thuốc lá Ăng lê thứ mười tám ra để lên miệng, oai vệ quẹt diêm. Vợ ông ta để cả hai chân lên bàn – cái bàn lùn tìn tịt – đài các như những phụ nữ tân tiến khác, và hỏi:

– Quái, sao buổi chiều nay chả thấy ai đến chơi thế nhỉ?

– Chắc lát nữa thế nào có vài người bạn tôi đến chơi đây.

– Ai? Những ai hở mình?

Bà Phó Đoan cũng hỏi:

– Ai? Phái mới hay phái cũ?

Văn Minh đáp:

– Anh đốc Trực Ngôn với lại Joseph Thiết, với lại một vài người bạn nữa.

– À!

– Những người đã được tôi giới thiệu cho dì và muốn lại đây đáp lễ...

– Hay lắm!

Reo thế rồi, bà Phó với tay lên cái quả điện để bấm chuông. Khi người bếp chạy lên, bà ra một cái lệnh:

– Đi mua nước đá và sửa soạn đồ nước! Mở rộng cái cửa chính ra! Xích cổ mấy con chó vào một chỗ, mau lên!

Cái quạt trên trần nhà quay tít làm cho những thớ lụa ở những thứ quần áo mỏng gần bằng giấy hút thuốc lá cứ mấp máy nhảy như

sóng gợn một cách rất mỹ thuật trên da thịt trắng trẻo của hai phụ nữ cùng tân tiến như nhau, mặc lòng tuy có khác xa nhau. Tiếng quả lắc đồng hồ tăng thêm sự tĩnh mịch của gian phòng. Với con chó Tây trong cánh tay, với hai con mắt mơ màng nhìn lên chiếc quạt, bà Phó Đoan có vẻ là linh hồn nước Việt Nam trên đường tiến hóa và giải phóng. Minh và Văn thì cứ uể oải nhọc mệt như những kẻ không bao giờ phải nhúng tay vào một việc gì nặng nhọc, mặc dầu đã bao lâu nay rồi, cả hai người vẫn phải làm những công việc của tứ khoái một cách rất có văn minh và vẫn cổ động suông cho chủ nghĩa bình dân.

Một tiếng chuông dài kêu ran lên ngoài giàn thiên lý làm cho bà chủ ngồi nhỏm dậy. Mấy phút sau, một ông già lò dò bước vào, hai vợ chồng Minh và Văn đứng lên thì bà Phó đon đả:

– Lạy cụ! Thật không ngờ hôm nay cụ Hồng lại đến chơi với em!

Cụ Hồng chưa kịp đáp đã giữ lấy ngực để họ sù sụ lên một hồi dài ghê gớm như sặc thuốc lào. Tuy giữa mùa hè, cụ cũng mặc áo bông và đi giầy da. Cụ vào thì một bầu không khí sặc lên những mùi dầu bạc hà cũng theo cụ mà vào phòng. Trên ngực cụ có mấy cái cuống huy chương.

Cặp vợ chồng Văn Minh đưa mắt nhìn nhau rất chán nản, vì cụ Hồng chính là ông bố. Xưa kia, cụ là một ông Phán. Sau khi hưu trí, nghiệm rằng cụ đã giúp nước phò vua trong 30 năm tròn, Nhà nước bèn ân thưởng cho cụ cái *Hồng lô tự thiếu khanh* [1]. Cụ đã là một người dân bảo hộ trung thành, một viên chức gương mẫu, một người cha nhân từ vì sợ sệt và vâng lời con cái như một người nô lệ. Cụ lại còn nghiện thuốc phiện nữa, điều ấy mới thật tỏ ra cụ hoàn toàn là người Việt Nam.

Chí bình sinh của cụ Hồng chỉ là được làm một cụ cố. Cho nên chưa 50 tuổi, cụ cũng đã làm ra vẻ già cả sắp chết: ra phố là cụ phải mặc áo bông, chưa đến mùa rét cụ đã khoác áo *ba đờ xuy* dầy sù: trước khi trả tiền phu xe, cụ phải ôm ngực ho rũ rượi hàng năm phút và đếm nhầm một xu để phu xe tưởng cụ đã lẫn lộn: nằm dài bên khay đèn thuốc phiện, nghe ai nói chuyện, cụ cũng nhắm nghiền mắt lại, nhăn mặt khẽ gắt: "Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!..." mặc dầu cụ chưa hiểu đầu đuôi câu chuyện ra làm sao, mặc dầu cụ vẫn vui lòng lắng tai nghe. Cũng như nhiều người phú quý có tiền cho con sang

1. Một trong các tước hiệu do triều đình ban tặng.

Tây "học một cái chơi", cụ Hồng kính phục con cụ lắm. Sau những buổi cơm, cụ thường đem chuyện con giai cụ ra làm món *détse*, mặc dầu con giai cụ chỉ là ông Văn Minh. Cụ cũng tiu nghỉu ở chỗ con cụ không kiếm nổi mảnh văn bằng nào, nhưng khi nghe con cụ cãi rằng: "Học thức không ở văn bằng. Những người như Phạm Quỳnh hay Nguyễn Văn Vĩnh, mà khảo đến bằng, thì thành ra vô học hay sao?" thì cụ lại được yên tâm. Ngoài ra cụ lại còn kính thờ con cụ ở chỗ con cụ là một nhà cách mệnh trong vòng pháp luật vì làm như Văn Minh đương làm, chính là cải cách xã hội một cách tha thiết mà có công hiệu, mà lại không sợ tù tội hay mất đầu như những nhà cách mạng, những người ngu dại mưu hạnh phúc cho đồng bào mà chẳng làm cho đồng bào được biết cái gì là nhảy đầm, cái gì là y phục tối tân. Ngần ấy điều kiện đã đủ khiến cụ Hồng trung thành với ông con đã Pháp du của cụ cũng như trung thành với nước Đại Pháp, và nhắm mắt tin theo văn minh chẳng kém những người hủ lậu và ngu dốt khác, những kẻ chẳng hiểu văn minh là cái quái gì. Cụ đã xưng toa moa với con, hết sức hoan nghênh đủ mọi việc và đủ cử chỉ Tây Tàu của con cụ.

Bà Phó Đoan giơ tay cho cụ Hồng vịn mà đi vào. Sau khi rón rén ngồi xuống ghế một cách lật đật như một cụ cố chính hiệu – có thứ cố chính hiệu cũng như có thứ giả hiệu – cụ bèn hỏi:

– Thế *toa* đến đây từ bao giờ thế hở *toa*?

Con giai cụ đáp trống không:

– Lúc nãy.

– *Moa* đi tìm *toa* có việc cần. Cụ *via* nhà ta dễ sắp... về. Bây giờ tưởng đã đến lúc tìm một vị y khoa bác sĩ để trước khi cụ *via* chết, cụ *via* cũng được hưởng một chút khoa học Thái Tây...

Bà Phó Đoan sửng sốt hỏi:

– Thưa cụ, cụ tổ nhà đau ra sao?

Cụ Hồng lại ho khạc một hồi dài, rồi mới thủng thỉnh đáp:

– Nặng lắm! Bà tính: đã hơn tám mươi tuổi mà còn cứ sống mãi.

Vợ Văn Minh dẩu mỏ nói:

– Sống như vậy thật là trái lẽ tạo hóa.

Cụ Hồng phân trần:

– Nên tôi mong cho cụ tôi về đi, là vì cụ tôi chết sớm ngày nào hay ngày ấy chứ sống mà ăn không được, ngủ không được, lúc nào

cũng kêu rên, nằm đâu thì phóng uế ra đấy, thì sống mà làm gì! Vả lại nếu ngộ nhỡ tôi lại chết trước cụ tôi thì có phải nhà sẽ mắc phải tiếng vô phúc không? Nếu cụ tôi chết trước, thì mới có người trông nom cho, thiên hạ mới vì tôi mà đi đưa đông, thì đám ma mới được linh đình trọng thể.

Bà Phó Đoan cười như trong rạp hát mà rằng:

– Như vậy thì còn mời đốc tờ làm gì?

– À, phải mời chứ? Thà cụ tôi chết vì đốc tờ còn hơn không thuốc men mà chết. Mời đốc tờ thì cũng chỉ để cho bệnh nhân chết, chứ có để chữa bệnh nhân sống đâu mà lo.

Văn Minh dõng dạc nói:

– Như vậy thì không cần những vị bác sĩ có danh tiếng cho lắm.

Ông bố thêm:

– Chính thế. Ta chỉ cần một ông đốc tờ lang băm mà thôi. *Toa* thử xem trong đám bạn hữu cũ có anh nào mèng nhất, ít khách nhất không?

Ông con ngồi xuống ghế ôm đầu nghĩ ngợi một cách nghiêm trọng như khi người ta chủ trương một cuộc mưu sát bằng khoa học, rồi nói:

– *Moa* có một thằng bạn hiện đã mở phòng khám bệnh độ hai năm nay, cũng về nước cùng một chuyến tàu với *moa*. Số người chết vì hắn cũng khá nhiều. Một anh chàng lên đinh râu phải chữa bằng thuốc Mán cẩn thận. Thật là một ông lang băm có danh vọng.

Vợ Văn Minh hỏi:

– Cái anh chàng đã toan làm hại đời một nữ bệnh nhân ấy à?

Văn Minh gật đầu:

– Phải đấy.

Bà Phó Đoan trợn trừng hỏi dồn:

– Ai? Ai? Ai thế?

Nhưng cụ Hồng gạt phắt đi mà rằng.

– Ta chỉ cần một ông thầy thuốc làm bộ, hay cho đơn thuốc mạnh, hoặc hay khệnh khạng, là đủ giết nổi cụ *via* nhà ta rồi.

Bà Phó Đoan bàn:

– Cụ tổ nhà ta đã 80 tuổi, bây giờ ta đi mời một ông đốc tờ chuyên môn chữa những chứng bệnh cho trẻ con, thế là thượng sách...

Hoặc là cụ đau dạ dày thì mời bác sĩ chuyên chữa bệnh đau mắt, hoặc cụ ho suyễn thì ta mời một ông chuyên chữa bệnh giang mai...

Bà ngừng một lát rồi tiếp:

– Phải! Một ông cụ già 80 tuổi mà ốm thì kể cũng chẳng cần gì mà phải mời đến một ông đốc tờ thích hiếp dâm.

Cụ Hồng nhăn mặt mà rằng:

– Ác một nỗi cụ tôi không đau ốm bệnh gì!

Vợ Văn Minh lễ phép thưa lên:

– Thưa ba, nếu vậy thì rất đáng lo. Nhỡ ra cụ đau tim thật mà ta lại mời nhầm một ông chuyên chữa bệnh tim, hay cụ đau dạ dày mà ta lại mời đúng một ông chuyên các bệnh về dạ dầy, thì chí nguy!

Vào lúc ấy, Xuân Tóc Đỏ khép nép bước vào chào mọi người thì ai cũng gật đầu qua loa, ai cũng có vẻ nghĩ ngợi. Nó ngồi né xuống một cái ghế và soi gương ngắm nghía bộ Âu phục mới may, do số tiền năm đồng của ông phán giây thép mà nó coi là cái bổng tự nhiên. Nó vui vẻ nghĩ thầm: "Vạn tuế những người chồng mọc sừng! Ước gì ai cũng mọc sừng!" Lúc ấy bà Phó Đoan lại hỏi cụ Hồng:

– Thế cụ nhà đau như thế nào?

– Nhiều chứng bệnh lắm! Ho khạc rên, suốt ngày đêm! Thế mà hỏi thì lại bảo là đau dạ dày mới quái chứ!

Xuân Tóc Đỏ nhanh nhảu hỏi:

– Bẩm cụ, thế bệnh nhân có khó thở, có mắc đờm không?

Cụ Hồng đáp:

– Dễ có.

– Bẩm thế là suyễn. Thuốc nào có long diên hương thì khỏi.

– Nhưng mà lại đau cả dạ dầy kia mà!

Xuân Tóc Đỏ lại nhanh nhảu nói như một nhà lang chính tông:

– Bẩm thế dễ bệnh nhân mắc cả hai thứ bệnh, chắc là đã có tuổi lắm. Thưa cụ, đau dạ dầy là vì khí huyết tích trệ, nên ăn uống không tiêu. Hoặc có khi vì mắc phạm phòng làm cho khí bế đầy hơi, có người đau dữ dội, có người đau âm ỉ như giả cách, có khi đau từ bụng xuyên ra sau lưng. Bẩm cụ, thế bệnh nhân hay đau sau bữa cơm hay trước bữa cơm?

– Hình như sau khi ăn cơm.

– Thế thì trong dạ dầy thiếu nước chua, vì thiếu nước chua thì hay đau lúc no, mà thừa chất chua thì hay đau lúc đói.

Sau khi Xuân Tóc Đỏ nói như một cái máy như thế, bà Phó Đoan và vợ chồng Văn Minh đều kinh hoàng cả lên, không còn hiểu nguyên cớ vì đâu.

Thật là kỳ quái, không thể tưởng tượng được nữa vậy.

Cụ Hồng kính cẩn hỏi Xuân:

– Bẩm ngài, ngài làm gì mà giỏi về y lý như vậy thế ạ?

Xuân chưa kịp đáp thì Văn Minh đã vội đứng lên đỡ lời:

– Một sinh viên trường thuốc, bạn con, con quên chưa giới thiệu với ba.

Xuân Tóc Đỏ không ngờ rằng khi xưa, lúc nó ngồi đọc quảng cáo cho một hiệu thuốc vào phóng thanh, và ngồi trên mũi ô tô với một bộ quần áo Charlot và cái mặt nạ thổi loa khắp phố phường cho một "ông vua thuốc lậu" Nam Kỳ, thì chính là nó đã tập đi đến khoa học và do thế đến sự phú quý.

VII

CÁI CHÚC THƯ CỦA NGƯỜI CÒN SỐNG CUỘC KHẨU CHIẾN CỦA MẤY NHÀ KHOA HỌC ÁI TÌNH MÀY CÒN ĐỢI GÌ?

Cụ Hồng lúc ấy đã nhắm nghiền mắt lại. Trên cái sập gụ khảm mà giữa là cái khay đèn, cụ nằm một bên, thằng xe một bên, cụ bà thì ngồi phía dưới chân. Thằng xe lúc ấy đã rửa sạch hai cái chân ngựa người để gánh vác trách nhiệm nặng nề của người bồi tiêm thuốc phiện.

Cụ bà nói:

– Ông ạ, tuy vậy tôi cũng cứ cho mời cụ lang...

Cụ Hồng lại nhăn mặt lần thứ mười mà khẽ gắt cũng lần thứ mười rằng:

– Biết rồi! Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!

Đã hiểu cái tính ấy, cụ bà cứ thản nhiên nói tiếp:

– Ấy thế rồi, ta cứ lo toan trước việc ma chay đi mà thôi.

– Biết rồi! Khổ lắm! Nói mãi!

– Tôi thì tôi nghĩ nên theo cả lối cổ và lối mới, nghĩa là cứ minh tinh, nhà táng, kèn tàu, kiệu bát cống và rõ nhiều câu đối. Nếu chúng nó muốn thì chúng nó cứ đi thuê kèn *bú rích* Tây đi, càng hay. Nhưng mà không thể vì cái thích của chúng mà bỏ cái thích của tôi được.

– Biết rồi! Khổ lắm... nói mãi!

Đến đây thì cụ bà không nói gì nữa, ngồi trầm ngâm nghĩ ngợi, làm cho cụ ông phải hỏi ngay:

– Thế sao nữa, hở bà?

Thằng xe đã quen những cái ấy lắm nên cũng không lấy gì làm buồn cười nữa. Cụ bà lải nhải kể lể những mớ lễ nghi phức tạp nó làm cho một gia đình thành ra muốn pha trò, mỗi khi gia đình ấy sắp được hân hạnh là tang gia.

Cách cái lộ bộ, ở phòng khách bên ngoài, lúc ấy khách khứa đông lắm. Ngoài số những người họ hàng lại có bạn hữu của vợ chồng Văn Minh. Người nào cũng đã lên gác chỗ có giường cụ cố tổ, vén màn nhìn vào rồi rón rén lui ra chạy ù xuống nhà dưới, cho thế là xong cái bổn phận đi thăm một người ốm nặng. Họ xúm nhau lại uống nước, hút thuốc, chuyện trò vui vẻ lắm, vì bệnh nhân mà chết thì thực là đáng mừng cho họ. Do thế, người ta bàn soạn y như trong nhà đã có người chết rồi, chứ không phải chỉ có người ốm.

Ông Typn đã được mời ngay đến để nghĩ cách chế tạo một vài kiểu quần áo tang tối tân. Ông nhà báo đã được sự chủ khẩn khoản yêu cầu viết bài cáo phó, bài tường thuật, và sửa soạn chụp ảnh đăng báo.

Văn Minh vợ mơ màng một cách sung sướng rằng chỉ nay mai là sẽ được ăn vận toàn trắng, một điều bà vẫn ao ước bấy lâu nay. Văn Minh chồng ngồi hút thuốc lá *Ănglê*, cũng mơ màng đến phần tài sản mà ông ta sẽ được hưởng, nếu ông nội ông ta chết.

Đã hơn một năm nay, ông cụ già cay nghiệt đã đến tìm một ông Chưởng lý văn khế để giao hẹn với pháp luật rằng mình có chết thì phần lợi tức của mấy chục nóc nhà mới được đem ra cho con cháu chia nhau... Ông cụ già không biết rằng nếu cái chết của mình lại có lợi cho con cháu đến như thế thì con cháu không khi nào lại muốn cụ

sống như thế mãi, dù là một ngày, dù là một giờ. Xưa kia, cụ đã tay trắng làm nên giầu, âu cũng là sinh ư nghệ, tử ư nghệ, hoặc là một cách chết vì nghĩa vụ!

Cậu Tân, mà ai cũng gọi là Tú Tân, không phải vì đã đỗ Tú Tài, nhưng mà vì đã ba lần thi trượt cái phần thứ nhất bằng Tú Tài, lúc ấy loay hoay hai ba cái máy ảnh, cân nhắc xem hôm đi đám nên dùng đến cái nào thì hơn.

Bà Phó Đoan ngồi ẵm cậu con cầu tự của bà như một hiền mẫu.

Ông Joseph Thiết – một bạn thân của Văn Minh – thì ngồi trầm tư mặc tưởng với cái ý định mở một tờ báo bảo hoàng, không phải làm việc cho triều đình Huế, nhưng cho giòng họ Orléans bên Pháp, và cho Léon Daudet.

Nhân dịp sắp có đám ma, ông cổ động cho ông:

– Khi ông Bainville chết, lúc tôi còn là một đảng viên *Thập tự lửa* mà đi đưa đám, thì một nửa dân thành phố Paris, gồm các chính đảng ở cực hữu...

Song ông nói không ai nghe, vì người ta còn mải nghe ông Typn đương bàn:

– Quần áo nhất định bằng nhiễu Thượng Hải trắng, mà viền đen! Cổ áo sẽ có hoa thị, cánh trắng cũng viền đen! Mũ mấn cũng thế! Trắng viền đen nổi hơn đen viền trắng.

Bà Phó Đoan khen:

– Thế thì nhất! Thế thì ai cũng muốn có trở!

Cậu Phước nguẩy đầu một cái:

– Em chã.

Bà Văn Minh ẻo lả hai bàn tay ngọc khẽ vỗ vào nhau:

– Được lắm! *Dernières créations!* [1]

Duy có ông Phán mọc sừng là ngồi im với hai con mắt đầy những căm hờn. Ông buồn bực vì không thấy vợ ông có mặt tại đây. Ông muốn tìm Xuân cũng không gặp. Ông bèn hỏi ông Văn Minh:

– Này bác, thế ông Xuân đâu?

– Ông ấy đi lấy thuốc, cũng sắp về.

---

1. Những sáng tạo mới nhất.

Rồi người ta cãi nhau ỏm tỏi một cách chính đáng về vấn đề chức nghiệp in trong cáo phó.

Giữa lúc ấy, cô Tuyết bước vào. Cô này là con gái út cụ Hồng, mới 18 tuổi đúng, rất có nhan sắc, lại cũng sắp lãng mạn theo cái lối tân tiến rởm...

Cô nói:

– Tôi đến nhà cả hai cụ lang, tôi chẳng gặp cụ nào cả, tôi bèn dặn cả hai cụ cùng đến.

Cụ bà ở trong nhà thét lên:

– Chết! Sao mày dại thế hở con? Thế thì hai cụ lại giận nhà này đến chết mà thôi!

Văn Minh đứng lên sừng sộ:

– Cái gì? Việc gì phải mời đến những hai ông lang? Người ta đã bảo chờ ông Xuân xin thuốc Thánh ở đền Bia về...

Bạn ông là Joseph Thiết cắt nghĩa ngay:

– Ồ! *Toa* mà lại chịu được thuốc đền Bia! Thế thì *toa* điên thật!

– Không! Chữa bệnh cốt ở lòng tin thuốc, *toa* phải hiểu thế nào là tự kỷ ám thị mới được! Hễ tin là khỏi, mà ông cụ nhà *moa* tin thuốc Thánh đền Bia lắm.

– Sao đã bảo có một ông Xuân nào là sinh viên trường thuốc chữa chạy cho cụ kia mà.

Ông văn Minh cắt nghĩa ngay:

– Chính thế! Ông Xuân đã ngồi trò chuyện với ông cụ và đã được kính phục lắm. Thế là một mối tin nhé? Rồi ông Xuân cũng lại công nhận thuốc đền Bia, thì làm gì *toa* bảo ông cụ nhà *moa* lại không khỏi? Hai mối tín ngưỡng đủ khiến một ông lang băm cũng trở nên có tài!

Ông Joseph Thiết vì không hiểu cái ẩn tình, cái ý riêng của bạn, liền biểu đồng tình:

– Nói thế kể cũng có lý.

Được thể, Văn Minh lại mắng cô em:

– Thế thì ai bảo cô mời những hai ông lang? Hở cô ả?

Tuyết cãi:

– Đẻ bảo tôi thế thì tôi cứ thế, chứ tôi biết đâu đấy?

Văn Minh chạy vào phía trong tìm mẹ:

– Ồ! Phiền quá đi mất! Phiền quá đi mất! Rồi thì chết vì thuốc mất! Nhiều thầy thối ma, đẻ lại không biết câu phương ngôn ấy hay sao?

Cụ bà chép miệng rồi nói chữa:

– Thôi thì để hai cụ cắt vài thang thuốc bổ thôi vậy.

Cụ ông lại nhắm nghiền mắt lại, gắt:

– Biết rồi! Khổ lắm! Nói mãi!...

– Thế người ta giận thì nhà này có người ốm thì ai đến chữa cho nữa.

Giữa lúc cuống quít, lúng túng ấy, Xuân Tóc Đỏ bước vào, một cái chai nước rất bẩn thỉu cắp ở nách, một gói lá kỳ dị ở tay. Nó trông thấy ông Phán dây thép, chợt nhớ đến bộ Âu phục mới may của nó thì hiểu ngay ra cái nghĩa chữ tín ở đời. Nó bèn dõng dạc khoai thai:

– Thưa ngài, ngài là một người...

Nhưng ông Phán mọc sừng vội nháy mắt xua tay ra hiệu kín thì nó lại thôi. Người ta xúm quanh Xuân hỏi han nó về cuộc hành trình, về tin tức đền Bia. Ai cũng có vẻ vồ vập nó như nó là một vị hoàng tử. Nhất là Tuyết, sau khi thấy anh ruột tiến cử vắng mặt Xuân là sinh viên trường thuốc, thì cứ đứng đờ ra mà nhìn Xuân bằng cặp mắt rất ngây thơ. Văn Minh trợn hai con mắt ốc nhồi, ưỡn cái cổ lộ hầu, vuốt mảng tóc uốn quăn một cách trịnh trọng, rồi nói:

– Mời các ngài lên xem chữa thuốc Thánh!

Cả bọn đứng lên toan theo Văn Minh lên gác là chỗ có người bệnh...

Song le cụ lang Tỳ và cụ lang Phế đã cùng bước vào nhà một lúc, để cho phu xe phải đòi tiền nhặng lên theo cái lối các bậc danh y đi xe. Cô Tuyết ra trả tiền. Trong lúc bối rối, không biết xử trí ra sao, cụ Hồng đã bất đắc dĩ ngồi nhổm lên, mời tất cả mọi người lên gác vậy.

Lúc ấy trên gác chỉ có ông Hai và cô Nga là con gái ông ta. Ông Hai tuy là em ruột cụ Hồng, song vì an cư lạc nghiệp nơi thôn quê nên bị coi rẻ. Mỗi một cử chỉ của anh ông, cháu giai cháu dâu ông, đều làm ông kinh ngạc như người tiên giới bị rơi xuống trần gian... Yên trí mình nhà quê hủ lậu, ông không hề dám có một dư luận gì về những điều mà ông thấy hình như là kỳ quặc. Ngay đến con gái ông, ông cũng không dám dạy bảo gì, mỗi khi cô Nga ra tỉnh mà tải về làng một ít ngôn ngữ hoặc cử chỉ của cuộc văn minh tiến bộ ở xứ ta.

Khi thấy tin cụ tổ mệt nặng, ông Hai vội vã ra tỉnh ngay và đã ngồi suốt đêm ngày ở đầu giường bố để nâng bố dậy, để đỡ bố nằm xuống, để đưa cái ống nhổ... để xúc một thìa cháo... Ông không ghen tị vì cụ Hồng cứ an vị mà hút thuốc phiện, vì các cháu không săn sóc đến ông cụ già. Ông thấy chỉ một mình ông vất vả thì lòng hiếu đễ càng tăng.

Người ta rón rén lên, người nào cũng tự kiếm cho mình một chỗ, không ai phải mời mọc ai cả. Văn Minh để cụ lang Tỳ, cụ lang Phế ngồi cạnh bệnh nhân, rồi giơ gói lá và lọ thuốc Thánh ra.

– Đây, thuốc Thánh chúng tôi xin ở đền Bia cho cụ chúng tôi đây. Thưa hai cụ, khoa học của người trần dù tiến bộ đến bậc nào thì cũng chẳng mầu nhiệm bằng sự cứu vớt chúng sinh của đức Thánh được.

Cụ lang Tỳ giở gói lá, xem xét một lúc rồi nói:

– Ồ! Rau thài lài! Rau sam! Chỉ có thế này thôi ư?

Cụ lang Phế cầm lọ nước, soi lên bóng đèn điện mà rằng:

– Ơ kìa! Nước quỷ gì thế này? Nước ao à?

Văn Minh đưa mắt nhìn Xuân Tóc Đỏ. Anh chàng này nói ngay:

– Vâng, chỉ có thế, nhưng mà chữa khỏi, vì là thuốc Thánh. Tôi đã xin âm dương, tôi đã được Thánh ban lộc cho, tôi đã thấy hàng nghìn người khỏi bằng những thứ này rồi.

Cụ lang Tỳ ra vẻ giận dỗi mà rằng:

– Thuốc men mà thế này thì công tôi bao lâu nay cũng toi! Đã cắt ba thang, đã đỡ, ấy thế mà...

Cụ lang Phế cũng nói ra ý bóng gió:

– Thưa cụ, không phải tôi đến tranh công của cụ. Nếu thuốc của cụ mà hay thì hẳn là người ta không phải đi xin thuốc Thánh đền Bia!

Cụ lang Tỳ giật phắt lấy lọ nước trong tay cụ lang Phế, nói:

– Để tôi xem! Nước này mà là nước ao! Nước này chính là nước ruộng! Uống nước này thì khỏi hết bệnh, không còn bệnh mà chữa nữa!

Cụ lang Phế cự lại:

– Cụ vặc ra với ai thế? Cụ giật lấy để làm gì thế. Đơn tôi kê đấy à?

Nhưng cụ lang Tỳ đã không chịu nhận lỗi lại còn phát bẳn:

– Phải! Không là đơn của cụ nhưng mà nó là nước ở ruộng chứ không phải là nước ao! Làm thuốc thì phải biết phân biệt nước ao, nước ruộng.

Cụ Phế đứng phắt dậy:

– Thôi, chịu ông rồi! Cả nước này chỉ có ông là biết nghề thuốc!

– Biết hay không mặc xác tôi!

Hai vị danh sư lúc ấy đứng trước mặt nhau, sấn sổ nhìn nhau. Sự nóng nẩy của hai vị cũng như nhau, không thể ai can mà được nữa.

– Này đừng khoe mẽ! Đám ma cụ Tuần Vi mới ngày hôm kia chứ đâu!

– A! A! Nhưng cụ Tuần Vi cũng thọ hơn sáu chục tuổi rồi! Anh muốn đổ cho tôi phỏng? Thôi đi, sao anh không nhắc đến cái con bé Chắt nhà ông tham Vĩnh mà ông bốc có hai thang mà nó đã lăn đùng ra chết.

Cụ Phế giơ hai tay phân bua mọi người:

– Ai bảo? Ai bảo là hai thang? Sao nó sốt nó lại ăn mận? Không thì việc gì! Hai thang à? Thế anh có nhớ đứa nào chỉ có hai xu thuốc đau bụng mà cậu ký Đạt suýt nữa mất mạng đấy. Thế mà đòi là lang? Lang thế, mấy lúc mà tù mọt gông? Lang băm ấy à?

Nhưng cụ Tỳ thản nhiên ngồi xuống ghế, đủng đỉnh nói:

– Lang băm? Có lẽ!... Nhưng không làm đọa thai người nào thì thôi.

Cụ Phế ngẫu nhiên có hai mắt to như ốc nhồi:

– À! Anh to gan nhỉ? Nói nữa? Nói nữa đi xem nào?

– Chứ lại sợ à? Nói tại sở Liêm phóng cho mà xem!

– Này không phải dọa! Chưa chắc đâu! Hỏi cái đứa nào đánh mộng mà đến nỗi lòi con ngươi người ta ra, nó đây kia! Nó đây kia!

– Số nó mù thì anh bảo sao? Anh muốn tôi lục đến cái thằng bé sài suyễn mà anh chữa bằng lá ổ nhĩ mãi không?

– Sao không nói đến bệnh trẩn kinh của bà Phó Đoan mà anh cứ kêu là có chửa?

Bà Phó Đoan đương cười khúc khích, bỗng phải hổ thẹn, vội chạy tọt ra gác sân.

– Anh là thằng khốn nạn nhé! Thế cô Nga đây kia hôi nách mà anh chữa bằng dầu bạc hà trong sáu tháng giời không khỏi thì sao?

– Sáu tháng? Thế trong ba năm giời sao anh không cho sạch mấy nốt ghẻ ở mình cô Tuyết kia đi?

Cô Nga và cô Tuyết cùng đương bưng miệng cười bỗng đỏ mặt, ngẩn người ra như gỗ, rồi lôi nhau cắm cổ chạy mất! Văn Minh lôi cụ Tỳ xuống thang, ông Hai lôi cụ Phế ra một nơi. Cụ Hồng thì cứ:

– Biết rồi! Khổ lắm! Nói mãi!

Những người khác hoặc rũ rượi ra cười hoặc xúm quanh cụ Phán bà mà khuyên giải, vì cụ bà đã mếu máo khi người ta nói rõ ghẻ ruồi của con gái út ra cho ai cũng hay. Trận đấu khẩu của hai vị danh sư làm cho ông lão 80 tuổi đương nằm rên mà tỉnh hẳn người ra như không ốm đau gì cả. Cụ ngơ ngác hỏi:

– Ơ hay? Cái gì mà cười nói vui vẻ thế này? Tôi thức hay tôi ngủ mê thế này?

Văn Minh lúc ấy đã tống khứ hai vị danh sư khỏi nhà rồi, liền ngồi xuống bên giường mà rằng:

– Thưa ông, ấy là con cháu vui mừng vì ông khỏi bệnh đấy ạ!

– Tôi khỏi rồi ư? Tôi chưa chết ư? Lạy giời!

– Thưa ông, nhờ có ông đốc tờ Xuân đây mà ông khỏi đấy ạ.

– Đâu? Thế thuốc Thánh đền Bia đâu?

Bẩm ông đã uống một nửa rồi nên mới tỉnh táo thế.

– Thế à!

– Vâng.

Nói xong, Văn Minh nháy mắt ra hiệu cho Xuân nói:

– Thưa cụ con đã xin âm dương... Thánh troàn rằng một ông đốc tờ mà chịu ơn Thánh thì Thánh sẵn lòng giúp lắm. Chứ mà ông lang ta thì không đời nào Thánh giúp.

Ông cụ già vui mừng hỏi:

– Đâu, còn thuốc cho tôi uống nốt.

Xuân Tóc Đỏ đưa lọ nước ruộng và mấy cái lá thài lài ra. Ông cụ già lại nói:

– Nghe người ta nói thì thuốc Thánh ban cho phải là nước ao, thật bẩn thỉu, thật hôi tanh, ô uế, thì mới khỏi được bệnh kia đấy. Đừng ai đánh lừa già đấy nhé!

Người ta cho bệnh nhân ăn mấy lá rau xam, rau thài lài, và uống mấy chén nước ruộng ấy. Thật là thuốc Thánh! Bệnh nhân độ nửa giờ đã tỉnh táo khác thường, ngồi dậy một mình được, đã ăn được nửa bát cháo.

Đêm ấy, khi mọi người đi ngủ thì trong phòng người ốm chỉ có Xuân Tóc Đỏ và cô Tuyết săn sóc mọi việc mà thôi. Đến chính ông

Hai cũng ngủ mê mệt ở một cái trường kỷ gần đấy, vì ông đã hơi yên tâm là cụ tổ sẽ được mạnh khỏe đến nơi rồi. Tuyết đã lấy chữ hiếu ra làm cớ để cùng thức với Xuân. Hai bên tuy không nói chuyện với nhau song bốn con mắt đã đủ nói giỏi hơn hai cái mồm.

Bệnh nhân ngủ yên, hết ho khạc, hết cả rên, cựa cậy cũng ít.

Mặt trăng soi qua cửa kính...

Hồi lâu, Tuyết đánh bạo nói:

– Thưa ngài, cụ lang vu oan, chứ tôi... tôi... tôi khỏi mấy nốt ghẻ đã từ lâu rồi.

Xuân Tóc Đỏ lúng túng ngồi câm làm cho Tuyết phải nghĩ thầm: "À, dễ người ta làm bộ vì người ta là sinh viên trường thuốc". Rồi Tuyết ôm mối hận mà về phòng riêng.

VIII

MẤY NGUYÊN NHÂN ĐẮC THẮNG CỦA BÌNH DÂN TRONG XƯỞNG *ÂU HÓA* MỘT CUỘC ÂM MƯU VỀ TÀI CHÍNH MỘT CUỘC ÂM MƯU VỀ TÌNH

Đã hai tuần lễ nay, phong trào Bình dân toàn thắng.

Là vì sự tình cờ đã xô đẩy Xuân Tóc Đỏ, đã hai tuần lễ vào cái gia đình trưởng giả của Văn Minh. Thanh thế nó mỗi ngày một to tướng mãi ra. Ảnh hưởng của nó cũng vậy. Nó cứ tự nhiên tham dự vào những việc rất can hệ cho xã hội mà nó không biết. Sự ngu độn của nó được người ta cho là nhũn nhặn, là sự khiêm tốn, nên nó lại càng được yêu mến hơn... Nó chỉ còn chờ... Nó biết rõ điều ấy lắm. Nó chờ số phận lôi nó lên cao chót vót.

Ông thầy số, những khi lai vãng nhà bà Phó Đoan để khen bà ta là trinh tiết, và cậu con cầu tự (*em chã!*) thật là con Giời con Phật, không bao giờ quên cổ động cho Xuân Tóc Đỏ là có một tương lai rực rỡ, lừng lẫy tiếng tăm có phen... Bà Phó Đoan lại cổ động cho Xuân là có học thức, với ông Phán mọc sừng. Ông này lại luôn khen ngợi

trước mặt cụ Hồng (*Biết rồi! Khổ lắm! Nói mãi!...)* rằng Xuân là một người đứng đắn, mặc lòng hãy còn trẻ trung.

Cụ cố Hồng đã công kênh Xuân Tóc Đỏ là sinh viên trường thuốc, trước mặt cụ cố tổ và cụ bà... Những người này vô tình nhắc lại những lời ấy cho nhiều người khác cùng biết. Đổi lại kết quả bất ngờ ấy, Xuân Tóc Đỏ chỉ việc cổ động cho ông thầy số là Quỷ Cốc Tử tái thế, ấy chỉ có vậy thôi.

Chỉ có cặp vợ chồng Văn Minh là biết rõ sự thực, nhưng mà ở vào trường hợp há miệng mắc quai. Tuyên bố rằng Xuân vốn con nhà hạ lưu, làm nghề nhặt banh sân quần, vì một trò dâm dục bỉ ổi mà phải đuổi?

Chao ôi! Thế thì còn gì là tiệm may *Âu hóa* nữa!

Thế thì còn đâu là những cái thích của bọn khách hàng phụ nữ vốn ưa cái nhanh mồm nhẹ miệng và những cử chỉ ngộ nghĩnh của Xuân Tóc Đỏ nữa?

Vợ nghĩ thế, còn chồng thì, vì lẽ đã bịp cả ông bố hiếu danh rằng Xuân vốn là sinh viên trường thuốc, "ông đốc" cẩn thận, bây giờ biết ăn làm sao, nói làm sao? Cho nên dù Văn Minh rất oán hận Xuân ở chỗ nó đã chẳng may cứu sống được ông nội mình bằng thuốc Thánh đền Bia – một sự ông ta không thể tha thứ được – ông ta khoanh tay chịu nhịn vậy. Riêng về phần cụ Hồng (*Biết rồi! Khổ lắm*) thì tuy cũng có cụt hứng vì bố mình lại không chết vì chai nước ruộng và mấy cái lá thài lài, cụ cũng không dám tỏ lòng bất bình ra với Xuân. Con giai cụ đã kêu đó là sinh viên trường thuốc và con rể cụ – Ông Phán mọc sừng – vẫn luôn luôn nhắc cho cụ khỏi quên rằng đó là một người đáng kính trọng, vì có học thức lắm, và đứng đắn hết mực.

Thành thử Xuân cứ nghiễm nhiên tọa hưởng kỳ thành, im lặng mà mỉm cười những khi cụ Phán bà, ông Hai, cô Nga, cô Tuyết, ông Joseph Thiết, gọi nó là quan Đốc, và làm cái bộ mặt thờ ơ lãnh đạm mỗi khi bà Phó Đoan nhìn trộm nó mà mỉm cười toe toét một cách rất đa dâm.

Sau khi cụ cố tổ đã bình phục hẳn, muốn trả ơn thầy, cụ bà đã mời Xuân Tóc Đỏ dự một bữa tiệc rất trọng thể linh đình. Việc ấy mở đầu cho một kỷ nguyên mới để thành ra một thói quen... Từ đấy mà đi, Xuân luôn luôn dự tiệc với bà Phó Đoan, với vợ chồng Văn Minh, bằng các lý tưởng tự do, bình đẳng. Sau cùng thì, mỗi khi ai mời

Xuân một bữa cơm, là được một cái hân hạnh nữa rồi! Đã có người mến nó, kính sợ nó. Đã có người ghen ghét nó nữa, nhưng cái đó không hề gì. Lại có người phải lòng phải mặt nó nữa, điều ấy là đáng quan tâm.

Lâu lâu, sống mãi trong bầu không khí hỗn loạn những sự kính trọng, sợ sệt, mơn trớn của kẻ chung quanh, Xuân Tóc Đỏ đâm ra khinh người. Vì lẽ theo thói thường những kẻ nhũn nhặn hay bị coi khinh, nên Xuân Tóc Đỏ càng kiêu ngạo, càng làm bộ tịch bao nhiêu, lại được thiên hạ càng kính trọng. Một cái lặng im của nó cũng có giá trị của một cái đặc ân. Bọn thợ may và thợ khâu cho nó là có thế lực đối với ông chủ, bà chủ. Cô Tuyết kính thờ nó vì Xuân dược cụ bà... kính thờ. Ông Typn, ông Joseph Thiết, cả ông đốc Trực Ngôn nữa, cả cậu Tú Tân là em ruột ông Văn Minh nữa, cũng ra vẻ nịnh hót nó để lấy lòng nó, vì ai cũng tưởng cụ cố Hồng (*Biết rồi! Khổ lắm!*) đương chủ trương những tư tưởng cổ điển bí mật là gả cô Tuyết, cô con gái rượu, gái yêu quý, cho *Me xừ* Xuân? Hoặc tự mình lừa dối mình, hoặc bị vô số kẻ khác lừa dối, ai cũng ở cảnh bó buộc không sợ hãi hoặc không kính trọng Xuân thì không được.

Như vậy thật là sự đắc thắng của Bình dân vậy thay!

Hai giờ sáng hôm ấy, bà Phó Đoan đánh xe hơi lên Hồ Tây xem một cái hội ghê gớm là *Ngày hội của các gái nhảy ở Hà Nội* (La journée des cavalières Hanoiennes) có các vị tai to mặt lớn trong chính giới chủ tọa. Khi thấy chỉ có Xuân Tóc Đỏ thôi bà Phó ngơ ngác mà rằng:

– Ông Xuân nhỉ? Sao lại không nghỉ hẳn một buổi?

Xuân thản nhiên đáp trống không:

– Việc gì phải nghỉ hẳn? Họ đi thì đã có tôi ở nhà thay quyền!

Bà Phó Đoan nghĩ ngợi hồi lâu rồi khoe:

– Ông Xuân đã biết chưa? Hở ông?

– Cái gì?

Trước lời hỏi sổ gọn như một câu gắt, bà Phó Đoan vội:

– Bẩm... bẩm cái sân quần... sắp xong.

Xuân lại làm một câu gọn thon lỏn:

– Được lắm!

Bà Phó tuy cũng hơi kinh ngạc về những ngôn ngữ khác thường ấy, nhưng mà chưa chi bà đã vội đem cái ngu dốt của bà ra tra khảo

đã. Ắt hẳn nếu không có cái "vì một lẽ gì" mà bà chưa hiểu được, thì Xuân Tóc Đỏ hắn không dám nói sỗ sàng với bà dường kia. Nghĩ rằng như thế mà đi ra ngay thì trơ, bà lại hỏi:

– Thưa ông, thế ông không đi xem hội.

– Việc *Âu hóa* không có tôi một ngày cũng không được!

– Bẩm thế thợ khâu.. thợ may đâu cả ạ?

– Có mấy cô khâu thì đã phải vận cả mấy bộ y phục đại tang và tiểu cờ, do ông Typn vừa chế tạo, mà người nhà này chưa ai mặc đến, vì cụ tổ đã được tôi cứu cho khỏi chết... Mấy cô khâu mặc những quần áo ấy và ăn tiền công của *ma nơ canh*, bà đã hiểu chưa? Quần áo trót may thì phải *lăng xê* để quảng cáo chứ? Mấy ông thợ cũng được đi xem hội để phát giấy chiêu hàng.

– Tôi có ý muốn lại cùng đi chơi với vợ chồng Văn Minh và rủ ông nữa.

– Ấy họ đã đi cả.

Xuân Tóc Đỏ cứ đáp lửng khửng đủng đỉnh như thế, tay vẫn mân mê bộ vú bằng cao su mà Tây phương mới gởi sang cho công cuộc *Âu hóa* ở bên Đại Cồ Việt này. Những khí cụ của nhan sắc ấy được để trong cái hộp rất đẹp, lót năm bẩy lần giấy thủy tinh lóng lánh. Bà Phó Đoan nhìn những của quái ấy bằng hai con mắt thèm thuồng, lại nhận thấy Xuân lúc ấy chỉ có một mình trong gian hàng rộng – sự ấy thật hãn hữu – nên bà không muốn bỏ một cơ hội tốt. Bà còn trù trừ đứng tìm một câu gì để đả động đến những cái vú cao su ấy thì chẳng may cậu Phước ngồi ở xe hơi đỗ bên ngoài cứ *em chã, em chã* mãi, và khóc thét lên. Bà đau lòng phải bắt tay Xuân và ra thẳng.

Xuân đứng cười thầm một mình, bà Phó Đoan tuy gái già nhưng còn hư hơn thiếu nữ ngây thơ nhiều, điều ấy nó biết lắm. Nó chỉ gật đầu một cái là ăn thua ngay! Nhưng mà già như thế thì còn... nước mẹ gì! Họa chăng có các tiền! Nó nghĩ thế, rồi càng phục ông thầy số là tài, khi ông bảo nó năm nay gặp vận đào hoa. Rồi nó mơ màng những cách làm tiền, nếu bà Phó Đoan biết cho tâm sự của nó. Thành thử vô tình, Xuân Tóc Đỏ đã thực hành một phương châm mà những nhà triết học đã sống đến bạc đầu mới tìm ra được: ấy là phải lên mặt với ái tình thì cuộc chinh phục mới dễ dàng và bền chặt.

Nó đương sung sướng bỗng phải cụt hứng vì ông Phán mọc sừng. Ông này tập tễnh bước vào, mặt lầm lầm, không nói gì cả, giơ tay ra bắt... Xuân Tóc Đỏ bắt tay xong, ưỡn ngực lên cất giọng lanh lảnh nói to:

– Thưa ngài, ngài là một người chồng mọc sừng!

– Hay lắm! Xin đa tạ... Cảm ơn vạn bội.

Ông Phán mọc sừng cảm ơn tha thiết như ông ta, lần này là lần đầu, được có người đến mách cái tin sét đánh là vợ ông ngủ với giai. Nhưng đó là tại ông quen mồm đi mà thôi, chứ không phải là ông cảm động, vì ông kéo ngay ghế ngồi trước mặt Xuân, và nói:

– Ấy lần sau quan bác cứ dõng dạc thế cho. Tôi nói lần sau nghĩa là lần nào bác thấy cả mặt tôi lẫn vợ tôi, nhất là trước mặt cụ Hồng hay cụ Tổ thì càng hay lắm!

Xuân ngẫm nghĩ rồi nói:

– Ai lại nói thế trước mặt bác gái hay cụ Hồng hay cụ Tổ!

– Phải thế chứ! Không thì tôi thuê quan bác chục bạc làm gì?

Xuân lo lắng hồi lâu, lại hỏi:

– Hay là rồi tôi trả quan bác số tiền ấy vậy nhé?

Ông Phán đứng phắt dậy như bị một cái lò xo đẩy lên, kêu thất thanh:

– Giời ơi! Thế thì tôi chết mất! Thế thì tôi đến phải tự tử...

Xuân cũng cảm động mà rằng:

– Chết nỗi! Nhưng sao quan bác lại cần tôi phải... công kích quan bác về tội mọc sừng?

Nhưng ông Phán không những không cắt nghĩa rõ mà lại nói rằng:

-Không! Không thế được! Quan bác đã hứa rồi. Chỉ có những người giữ lời hứa là đáng quý. Hai nữa, quan bác có biết rằng địa vị quan bác trong cái nhà này đã lung lay lắm rồi không?

– Lung lay? Xuân Tóc Đỏ hỏi thế một cách lo sợ.

– Phải! Tôi xin làm phúc mà mách với quan bác rằng ông Typn hiện giờ đương ghen tức bác vì bác đã làm vợ ông ta hư hỏng là một, tiếp khách khéo hơn ông ta là hai, lại đã biết đo các phụ nữ may áo là ba, làm giảm thế lực của các ông ấy là bốn. Bà Phó Đoan cũng có vẻ hằn học với bác lắm, vì lẽ gì tôi chưa rõ. Còn chính vợ chồng ông chủ thì không những ghét ngầm hờn mát bác mà thôi, mà còn coi bác là kẻ tử thù. Tại sao? Bác có biết không? Tại bác đã làm cho cụ tổ khỏi hẳn bệnh là một, và làm cho cô Tuyết nó hối hôn với một đám đã sêu tết là hai, vậy quan bác phải coi chừng đó! Tôi xin lấy tình thân mà bảo rõ cho bác biết để bác liệu... Thế thì, tôi đối với bác đã như vậy, mà bác lại không chịu giúp tôi cái việc ấy hay sao?

– Thế bây giờ phải làm thế nào?

– Phải làm như tôi đã dặn. Làm như thế là nhất cử lưỡng tiện.

– Làm sao?

– Làm như thế bác chuộc lại cái lỗi xưa, những người thù bác sẽ trở lại yêu bác.

– Tôi mà bị thù à? Bị thù vì chữa khỏi bệnh cho cụ cố à?

– Chính thế. Chỉ có cụ Phán bà là hâm mộ bác vì việc ấy. Nhưng cụ bà có thế lực gì đâu? Bác phải trông ở cụ Hồng, ở vợ chồng Văn Minh...

– Thế nghĩa là phải bảo bác mọc sừng trước mặt cả vợ bác lẫn cụ tổ?

– Bẩm chính thế ạ! Nếu vậy tất cụ tổ phải chết tức khắc... Mà do thế, ai cũng có tiền tiêu. Cả tôi nữa, tôi cũng sẽ có tiền tiêu...

– Thật không?

– Rồi bác sẽ biết, vì nếu tôi có tiền thì bác cũng.. được tiêu.

Nhưng Xuân lưỡng lự rồi nguẩy đầu:

– Tôi chả thế. Thế là giết người! Tôi không muốn làm một kẻ sát nhân! Một tội ác! Không thể thế được!

– Ồ! Nếu bác giết một người, trái lại, bác cũng làm cho số đông người khác được sung sướng. Nên lắm, bác ạ. Nếu không, chẳng chóng thì chầy, bác sẽ... mất việc.

Xuân Tóc Đỏ giơ tay ra cho ông Phán mọc sừng:

– Vậy thì tôi xin hứa một lần nữa... danh dự... cam đoan.

Ông Phán sung sướng bắt tay Xuân rất chặt, nói rối rít:

– Thôi, tôi vào sở, cám ơn bác trước nhé!

Ông Phán vừa đi khỏi thì một mỹ nhân tọt vào, Xuân tưởng lại là một phụ nữ tân tiến muốn may mặc gì, lòng đã mừng thầm, nhưng đó chỉ là Tuyết. Cô này hổn hển nói:

– Anh Phán, liệu anh ấy có trông thấy tôi không, hở ông?

Xuân đáp liền:

– Không, ông ấy có quay lại nhìn sau lưng đâu?

– Thế thì tốt lắm. Nhà đi vắng cả?

– Vâng. Sao cô không lên Hồ Tây xem hội?

– Không thích chứ sao! Trên ấy... trên ấy đầy những cô đầu với gái nhảy họ ăn mặc lại tân thời hơn mình hoặc y như mình! Tôi, tôi là con nhà danh giá, tôi không muốn bị thiên hạ nhầm là gái nhảy.

– Cô nói phải lắm.

– Nhưng mà đừng tưởng là tôi không biết khiêu vũ đấy nhé?

– À... vâng.

– Ông có biết nhảy không? Ta làm thử một bài *tanggo* xem nào!

Xuân sợ hãi lắc đầu:

– Để khi khác... vả lại, phải có âm nhạc chứ? Nếu quý nương muốn thì hôm nào ta đi *ban* chơi hơn.

– Thật không? Y hẹn rồi đấy nhé? Ông sinh viên trường thuốc làm bộ nhé?

Xuân chối cãi:

– Chết nỗi! Quý nương cứ nói thế chứ... Tôi ít nói ai cũng tưởng nhầm tôi là khinh người. Vả lại khinh ai chứ khinh sao được quý nương mà dám khinh! Cô không khinh tôi là phúc.

Lần này là lần đầu Xuân dám tán tỉnh – và cũng có cơ hội – nên Tuyết rất lấy làm cảm động. Muốn dấu sự xúc động, cô chỉ đống vú cao su hỏi:

– Những cái gì thế ông?

– À, những vú cao su đấy... Để cho phụ nữ tân tiến văn minh *Âu hóa*.

– Thế à! Để tôi mách chị em bạn tôi mới được. Tôi có nhiều bạn gái mới lắm. Như thế là đắt khách cho hiệu *Âu hóa* của ông đấy nhé?

Xuân nói nửa nạc nửa mỡ:

– Chứ còn cô thì không cần dùng.

Tuyết bĩu môi và ưỡn ngực ra:

– Cần gì nữa? Vú tôi thế này lại không nở nang chán ra hay sao? Mấy cô gái mới chả có cái ngực như tôi được! Mà thật đấy chứ không bằng cao su đâu nhé?

Chừng như sợ mình chỉ nói thế chưa đủ là văn minh tân tiến, Tuyết lại bảo:

– Tôi cho phép ông khám mà xem!

Tinh quái, Xuân Tóc Đỏ còn khoanh tay sau lưng:

– Thời buổi này, biết sao được! Giả dối hết thẩy! Yêu cũng yêu giả dối, tân thời cũng tân thời giả dối, hủ lậu cũng hủ lậu giả dối!

Tuyết phải cáu một cách rất chính đáng mà rằng:

– Thì ông cứ thử khám xem tôi có... giả dối không nào!

Xuân nhìn ra phía ngoài thấy không có ai, liền phóng tay lên ngực Tuyết, nắn tay xem của thật hay của giả... Sau khi không còn ngờ gì nữa, nó cảm ơn bằng cách tiện thể hôn luôn tay Tuyết mà rằng:

– Chỉ có một mình quý nương là không giả dối như đời mà thôi.

Tuyết thở dài, cảm động. Sau cùng khẽ nói:

– Ông... anh, tôi muốn anh giúp tôi một việc, em rất cảm tạ.

– Chúng tôi rất được hân hạnh!

– Tôi không muốn lấy cái người ấy, vì nếu tôi lấy hắn, chắc hắn sẽ mọc sừng. Thí dụ một người như ông mà hỏi tôi thì còn gì! Đằng này hắn lại nhà quê, không biết yêu vợ như những người văn minh. Buồn lắm, anh ạ.

– Tôi phải làm gì?

– Phải giả vờ chim tôi..., chúng ta giả vờ chim nhau, mê nhau... Cho hắn bỏ tôi, mình hiểu chưa? Ta giả vờ với nhau thôi mà! Tôi cần mang tiếng hư hỏng lắm mới được.

– Thế sao nữa ạ?

– Anh thì anh cũng phải mang tiếng là làm hại một đời tôi mới xong!

– Nếu em hứa là sau này đừng làm anh mang tiếng là làm anh mọc sừng là anh xin làm hại một đời em thật sự, chứ không còn "mang tiếng" gì nữa.

– Anh đốc, anh nói thật đấy chứ?

– Xin lấy danh dự ra mà làm hại một đời em!

– Cảm ơn! Yêu lắm! Quý lắm! À, thế nhưng mà anh cần xin nghỉ việc mới được. Thế muốn làm hại một đời người con gái tử tế đứng đắn thì mất mấy ngày? Hở mình?

Từ đấy trở đi, Tuyết và Xuân còn nói nhiều, một bên thì lấy tư cách bình dân, bên kia thì lấy tư cách phụ nữ tân tiến.

IX

CẢNH BỒNG LAI TRÊN CÕI THẾ
MÔN TRIẾT LÝ CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ NGOẠI TÌNH
GƯƠNG "BÁN SỬ NỮ"

Về phía Tây thành Hà Nội có một cái hồ mà người ta chịu khó ngăn đôi ra thành một con đường cho nó thành ra hai cái hồ. Con đường ấy là con đường Cổ Ngư, nổi tiếng khắp xứ, trong hai mươi triệu đồng bào không ai không biết, vì những thiếu nữ hoặc khuê các hoặc không, cùng những ông sinh viên trường cao đẳng hoặc trường luật học, hoặc sinh viên không trường nào cả, thường đêm đêm đem nhau ra đó để làm nũng với nhau, để mạt sát những chế độ gia đình của nhau, độ vài tháng, để rồi sau cùng, thì rủ nhau nhảy xuống hai cái hồ ở đấy.

Thoạt đầu, người ta hay nhảy xuống hồ Tây, nhưng vì hồ Tây sâu lắm, những kẻ tự tử chẳng may phần nhiều không mấy ai thoát chết cả, thành thử người ta bảo nhau nhảy xuống cái bên cạnh là hồ Trúc Bạch nông hơn. Vì lẽ Nhà nước cũng khôn, đã cho trồng mấy cái bảng lớn *"Cấm ngặt đổ rác xuống hồ Tây"* nên hồ Trúc Bạch lại càng đắt khách, những kẻ trai tráng biết bơi mà thất nghiệp, thường lên chờ ở đấy để hễ nghe có tiếng kêu thảm thương ai oán: "Ai cứu tôi với!..." là nhẩy ùm xuống, là vớt ngay được một tiểu thư đẹp nõn lên, rồi đến bóp Hàng Đậu lĩnh tiền thưởng, và sau cùng, thấy ảnh mình đăng trên báo, kèm với những cuộc phỏng vấn ồm tỏi. Vì những lẽ ấy, hồ Trúc Bạch chẳng bao lâu mà trở nên một cách oanh liệt, là một sân khấu của tất cả những tấn đại thảm kịch của những cảnh địa ngục giữa Hà Thành, là những gia đình Việt Nam, những trở lực tai hại cho những cuộc tự do kết hôn, tự do ly hôn, tự do cải giá, tự do tục huyền. Hồ Trúc Bạch cứ là một thứ hàn thử biểu, thời khắc biểu về những tấn bi kịch mới cũ xung đột, cá nhân, gia đình, hy sinh, giác ngộ, áp chế, giải phóng mãi mãi, mãi mãi, nếu không có một nhà thương nòi yêu giống xây ngay trên bờ hồ ấy một khách sạn mà Tây phương có lẽ cũng thèm muốn, là khách sạn *Bồng Lai*.

Muốn cho làn không khí trên hồ trở lại trong sạch như ngày xưa, ngày khánh thành khách sạn *Bồng Lai,* chính phủ Bảo hộ đã ra lệnh cho tất cả các trường nữ học dạy nữ học sinh nhảy múa để làm tiên giáng thế, để giải thoát cho một vài linh hồn chẳng may chết vì tự tử.

Thành thử khách sạn *Bồng Lai* cũng được nổi tiếng y như đường Cổ Ngư và hồ Trúc Bạch. Những người Việt Nam hoàn toàn, những người Việt Nam biết tự trọng thì phải có bổn phận là khách hàng của khách sạn ấy ít ra là một lần, nếu không muốn bị những bậc trí thức tân tiến khinh bỉ là dân vong bản, vong quốc vân vân...

Bởi vậy, hôm nay Tuyết và Xuân rủ nhau lên đây, cô thì vì tư tưởng giải phóng muốn bị mang tiếng là hư hỏng, cậu thì vì cái trách nhiệm nặng nề muốn làm hại đời một tiểu thư khuê các. Khi vượt qua cái cổng xi măng xây theo lối Nhật, Tuyết bảo Xuân:

– Chúng ta sẽ thuê chung một gian phòng! Chúng ta sẽ ăn uống với nhau! Khiêu vũ với nhau, đánh ping poong với nhau, chèo thuyền với nhau. Tôi cần phải làm tất cả mọi người được trông thấy là đi với mình, mình ạ.

Xuân muốn tìm một câu văn hoa để đáp, nhưng chỉ nhớ được thói quen của ông Typn lúc tiếp khách hàng phụ nữ, bèn nói:

– Chúng tôi rất được hân hạnh.

Vẻ mặt ngây ngô của Xuân khiến Tuyết tưởng thế là một lối pha trò tài tình! Cô ả cứ cười rầm rĩ như những phụ nữ tự nhiên tân tiến và ngặt nghẽo nói:

– Giời ơi! Anh đốc có duyên quá đi mất!

Hai người lững thững đi qua vườn hoa, tự nhiên như một cặp tình nhân chân chính đương thực hành một cuộc tình duyên vụng trộm. Thốt nhiên, Tuyết lại nói:

– Ta hãy ngoạn du khắp cảnh *Bồng Lai* rồi hãy thuê phòng!

Khách sạn *Bồng Lai*, thật vậy, là một tòa lâu đài đồ sộ trong đó có đủ các bộ phận có thể ban hạnh phúc cho tất cả những người Việt Nam nào thừa xu tiêu! Một tốp kiến trúc sư đã góp sức đấu trí để xây dựng tòa nhà phi thường ấy một nửa trên mặt đất, một nửa trên mặt nước, có bao lan ngồi trên mặt hồ để quý khách ngồi xem bơi thuyền, xem bơi lội... Trong vườn hoa thì nào là sân quần, sân ping poong, bể bơi... Trong khách sạn có phòng khiêu vũ, máy vô tuyến điện. Cơm

cho khách thì cơm Tây, cơm Tầu, nem, chả, đủ! Ai cũng có thể cứ ở trong khu vực ấy thôi là đủ hưởng hết mọi thi vị của cuộc tân sinh hoạt, mọi cái phong lưu lịch sự của đất đế đô văn vật, miễn là người ấy có xu... Thật vậy không có khách sạn *Bồng Lai* thì thật là một cái quốc sỉ cho người Việt Nam, đối với con mắt của người ngoại quốc. Những bọn trưởng giả vô công rồi nghề phải hẹn hò với nhau ở đấy thì mới không thấy đời là đáng buồn. Ngoài số sáu chục gian phòng ngủ, khách sạn còn có đến hơn chục thiếu nữ đi bán ái tình, những con gà mái thượng hạng xa xỉ, theo hệ thống các khách sạn ở những nước văn minh.

Bữa ấy, tuy cũng nhằm ngày chủ nhật, nhưng mới có tám giờ sáng, nên khách khứa chưa đến đông. Một vài người đánh quần. Một vài người đánh ping poong. Độ chừng năm sáu giai thanh gái lịch ngồi giải khát trên bao lan nhìn ra hồ. Ba con gà mái thượng lưu của khách sạn ăn mặc trá hình ra tiểu thư khuê các để rủ bọn mày râu đi tắm... Tuyết và Xuân lên thềm giữa lúc mọi người nói bông nói đùa với nhau. Một cô gái mới đứng lên bắt tay Tuyết và Xuân, rồi giới thiệu cho cả bọn:

– Xin giới thiệu các ngài, đây, ông Xuân, quản lý tiệm may *Âu hóa*, một nhà nghệ sĩ, đo đấn khéo, chế nhiều kiểu áo rất đẹp, chị em chúng tôi được hưởng cái tài trí của ông đã nhiều lắm.

Một thiếu niên kính cẩn hỏi:

– Thưa ngài, vậy ra ngài là đồng sự của ông Típ Phờ Nờ?

– Vâng!

Giữa lúc ấy, ông chủ khách sạn, với bộ quần áo đại tiệc chạy ra. Xuân Tóc Đỏ tái mặt, chỉ muốn chạy trốn. Tuyết giới thiệu:

– Anh đốc Xuân, bạn giai của tôi... Ông Victor Ban, chủ nhân *Bồng Lai*...

Ông Victor Ban kinh hãi cúi đầu rất thấp, bắt tay, Xuân Tóc Đỏ thì đứng ngây mặt ra như người bằng gỗ. Thật vậy, chính sự nghiệp của ông, cũng đã là kỳ lạ, từ khi ông làm Vua Thuốc Lậu và chủ tiệm *Bồng Lai*... Vậy mà người ta bây giờ là đốc tờ thì thật không thể tưởng tượng được.

Sau khi làm nghề cưỡi ngựa thi mà không phất, ông Victor Ban, nhận thấy sóng văn minh tràn sang xứ ta bằng những vi trùng giang mai và lậu, bèn đổi nghề. Ông ta tìm một ít ban miêu, một ít dầu

bạch đàn, một ít đất thó nữa, chế tạo ra được một môn thuốc lậu rất hiệu nghiệm. Vì lẽ cũng như các ông Vua Thuốc Lậu biết tự trọng khác, nghĩa là không bao giờ chữa cho các bệnh nhân khỏi như lời cam đoan, ông mới hai năm, đã trở nên đại phú. Có tiền rồi, ông xây ngay một cái nhà săm vĩ đại ở ngoài chân thành Hà Nội chứa được chục gái giang hồ. Những thiếu niên tráng kiện lành mạnh đến đấy rồi thì lại được bọn gái giang hồ gửi trả lại hiệu thuốc của ông Victor Ban. Khỏi rồi thì họ lại đến với bọn gái giang hồ, thành thử họ làm những cái thoi đưa từ nhà săm đến phòng khám bệnh... Và như thế thì ông Victor Ban càng giàu chứ sao? Ông đặt đại lý ở khắp các tỉnh của ba kỳ. Xe hơi của hiệu thuốc ông chạy khắp các phố phường, máy phóng thanh của ông luôn luôn nhắc cho đồng bào biết rằng ai cũng di tinh, lãnh tinh, mộng tinh, mắc thiên trụy, mắc bạch đái, tim la, lậu kén, lậu nhiệt, hoặc vỡ phổi, thủng dạ dày, rách tim, đau mắt, thối tai, vân vân... Mải nghe quảng cáo của ông, những người vô bệnh cũng tưởng mình sắp chết, và mua thuốc và cảm ơn ông ở chỗ ông cứu nhân độ thế, thương yêu chủng tộc. Thành thử, ông được đủ 20 triệu đồng bào biết đến tên tuổi.

....

Thế rồi, muốn ban cho cái dải đất đầy những vi trùng hoa liễu này một cảnh bồng lai, cho chúng sinh quên bớt những sự đau đớn, rức buốt những vết thương... Ông mới mở ra khách sạn *Bồng Lai*.

Mới cách đây vài năm, thằng Xuân kia, cái ông đốc Xuân kia, chỉ là một thằng ma cà bông, mà ông đã thuê hai hào một ngày để ngồi trên mũi ô tô mà thổi loa, mà gào thét những chữ: di tinh, mộng tinh... vào máy phóng thanh, mà bây giờ đã là một bạn giai của một cô con gái út của cụ cố Hồng, mà lại là ông đốc! Thật quá sức tưởng tượng.

Hai bên đương lấm lét nhìn trộm nhau, may sao cho Xuân là cô gái mới lại hỏi:

– Cửa hàng của ngài độ này có đông khách không?

Tuyết đỡ lời:

– Đông nhất! Vì thế, anh ấy thôi học, vì người ta dạy mình có ra gì, mà cái trường thuốc ở đây có ra gì, mà bảo học! Bây giờ anh ấy chỉ tiêu khiển bằng *tennit*.

Một thiếu niên nhìn mãi cái đầu tóc đỏ ấy rồi lễ phép hỏi:

– Thưa ngài, tóc ngài nhuộm bằng thứ thuốc hóa học nào đấy thế ạ? Bẩm đẹp lắm, thật là hợp thời trang! Chúng tôi cũng muốn nhuộm tóc mà không biết thuốc... Giá lại hơi uốn quăn nữa thì tuyệt đẹp.

Xuân đáp:

– Nếu ngài lại tiệm *Âu hóa* của tôi thì tôi sẽ mách dùm cho.

Cô gái mới nhìn Tuyết phê bình nịnh:

– Rõ khéo cái anh này! Ông ấy chủ trương cái hợp thời, những mốt lịch sự, thì hẳn tóc ông ấy phải đẹp, lại còn khen phò mã tốt áo!

Ông Victor Ban hỏi Tuyết:

– Quý nương lên chơi chốc lát hay cả ngày?

Tuyết thích khuỷu tay vào mạng mỡ Xuân hỏi:

– Nào! Ông bạn giai định ở cả ngày hay vui chơi đây vài ngày nào?

Xuân ngẫm nghĩ, không biết muốn làm hại đời một người con gái tử tế thì mất mấy ngày hay chỉ độ nửa giờ thôi cũng đủ, liền đáp:

– Để chốc nữa ăn cơm trưa rồi sẽ liệu!

Ông Victor Ban quay đi thì một thanh niên lịch sự khác đứng lên:

– Thưa ngài, tôi rất được hân hạnh nếu ngài cho tôi hầu ngài vài séc.

Thế là cả bọn kéo nhau ra chỗ sân quần. Trong một tiếng đồng hồ, Xuân Tóc Đỏ đã hạ nổi thiếu niên. Những tiếng vỗ tay luôn luôn tăng thanh thế cho nó trước mặt Tuyết. Những cách nắm ban, vợt ban, một lối cầm vợt kiểu cách, một cử chỉ làm bộ, đã đủ khiến Xuân có dáng điệu của một phong lưu công tử. Ít ra cũng là con một ông tổng đốc như những tài tử quần vợt khác. Lúc ông Victor Ban chạy ra ngó một phút thì những lời khen ngợi Xuân của khán giả bắt ông ta ngờ ngợ dễ thường mình đã nhầm, rằng ông đốc Xuân này không có một mảy may dính dáng gì đến cái thằng Xuân Tóc Đỏ thổi loa của mình mấy năm xưa.

Xong cuộc, những tay bại trận đều tỏ ra kính phục Xuân và ước ao sẽ được có ngày tái ngộ. Tuyết thấy rằng Xuân không những đáng là bạn giai mình mà thôi, nhưng giá có làm hại cả một đời Tuyết một cách thật sự thì cũng xứng đáng lắm.

Khi hai người vào cái phòng riêng thì Xuân nằm đơ ra, vì mệt. Thấy thái độ lễ phép không thể tha thứ được như thế Tuyết ngồi lên tay ghế buồn rầu. Tự nhiên thấy ở phòng bên cạnh có tiếng đàn bà hát vang lên:

– Dè... đờ... đá... múa...!

Mông pế y ề Pa rí!... [1]

Tuyết đang lắng tai nghe kinh ngạc thì Xuân rền rĩ gọi:

– Em ơi, em!... Tuyết ơi, Tuyết!

– Im đi! Hình như là... như là... Giời ơi... chị tôi! Hoàng Hôn!

Câu ấy nói làm cho Xuân ngồi nhổm lên, sợ hãi hỏi:

– Chết! Ai! Bà Văn Minh ấy à?

– Không! Khẽ chứ! Ấy là chị tôi, chị Phán giây thép ấy mà!

– Thế à? Thế có ông Phán mọc sừng đấy không?

Tuyết ngơ ngác hỏi:

– Sao anh biết rõ thế? Hở? Hở anh? Sao anh lại biết Hoàng Hôn có hai mối tình?

– Sao lại không biết!

Sự thực, lúc ấy có Hoàng Hôn, vợ ông Phán mọc sừng đương bù khú với nhân tình ở phòng bên cạnh, thật không ngờ rằng Xuân và Tuyết ở bên này lắng tai nghe...

Người nhân tình nói:

– Mình ạ, tôi không muốn tình thế này cứ kéo dài ra mãi, nguy hiểm lắm.

Cô Hoàng Hôn hỏi vặn một cách căm tức:

– Thế anh muốn gì nữa nào?

– Tôi muốn mình... chúng ta lấy hẳn nhau!

– Nghĩa là tôi xin ly dị chồng tôi?

– Chứ gì nữa!

– Không, thưa ông ạ. Tôi chỉ muốn mình là người yêu của tôi thôi! Mình là chồng tôi nữa? Mình là chồng tôi? Thế thì mình lại mọc sừng mất! Chẳng thà cứ để hắn mọc sừng hộ mình có hơn không?

– Chết, chết! Đàn bà gì lại có thứ đàn bà có những tư tưởng đến thế!

– Sao? Làm sao? Chỉ có đàn ông là không bao giờ có những tư tưởng đến thế mà thôi! Chứ đàn bà, đời bây giờ, ai cũng nghĩ như thế

---

1. Một bài hát Pháp khá phổ biến đương thời: *Tôi có hai mối tình. Tổ quốc tôi và Pari...*

cả! Có chồng thôi mà không có nhân tình? Thế là hèn, là xấu, là không có đức hạnh gì cả, không có thông minh nhan sắc gì cả, nên chẳng ma nào nó thèm chim! Nếu tôi không có nhân tình thì bạn hữu tôi sẽ khinh bỉ tôi, tôi còn sống với đời sao được? Có ăn có trọi mới gọi là trâu chứ? Thế mà tôi cũng giữ trinh tiết với mình, không có ai là nhân tình thứ hai nữa, thì mình nên cho là hạnh phúc rồi.

– Thì sao mình không kêu là giữ trinh tiết cả với chồng mình có được không?

– Chứ sao lại không! Giữ trinh tiết với cả hai người! Chồng và nhân tình! Nếu không thế được thì là cái giống gì ấy chứ còn là đàn bà sao được nữa!

– Chỉ sợ có phen nó biết...

– Chả đời nào! Tạo hóa sinh ra nó mọc sừng thì sao nó lại biết được. Nếu cú có biết thân cú hôi thì cú đã chả hôi!... *De đờ dà múa! Mồng á măng, mồng mà rrrí!*

Thế rồi người đàn bà ngoại tình cứ hát cái *bài Tôi có hai cái tình* một cách véo véo, von von...

Ở bên này, Xuân nói thầm vào tai Tuyết:

– Thật là một người đàn bà đức hạnh! Xứng đáng! Tân tiến!

Thấy Xuân khen chị mình, Tuyết hóa ra ghen mà rằng:

– Còn tôi dễ thường...

Xuân hôn Tuyết một cái rất kêu, rồi khẽ nói:

– Tuyết cũng đáng quý trọng như thế!

Được thế, Tuyết lên mặt, bĩu môi nói:

– Nhà tôi là một nhà sang trọng, văn minh, mấy chị em phải giống nhau như đúc, nếu không thì còn ra cái thể thống gì nữa?

Xuân lại phóng tay lên ngực Tuyết, nhưng lần này lại bị cự tuyệt:

– Một lần thôi chứ? Đã biết không là bằng cao su rồi thì thôi chứ?

Xuân Tóc Đỏ còn đùa nhả bằng nhiều cách khác nữa thì Tuyết lại dẫn chứng rằng bụng dạ đàn bà là khó hiểu, vì cứ im.

Hai bên cứ vừa đùa nghịch nhau, chốc chốc lại nói một cách thành thực đáng khen:

– Chúng ta yêu nhau như một tấm ái tình cao thượng...

– Đôi ta yêu nhau bằng thứ linh hồn trong sạch...

Mãi cho đến khi Xuân Tóc Đỏ muốn xin cái "ân huệ cuối cùng" thì Tuyết đứng lên giận dữ:

– Im! Để yên! Không bao giờ tôi cho mình cái ân huệ cuối cùng! Mình không phải là người lịch sự! Tôi không dại dột như những cô gái ngây thơ đâu! Ít ra tôi cũng đã là một trang bán sử nữ!

Xuân Tóc Đỏ ngây người ra, không hiểu. Tuyết nói nốt:

– Nghĩa là *demi vierge*! Nghĩa còn tân một nửa!

Xuân ngây ngô hỏi lại:

– Còn một nửa cái tân thôi? Còn một nửa chữ trinh thôi?

Tuyết đài các đáp:

– Chứ lại gì! Chứ khi nào lại mất tân hẳn được! Chứ khi nào lại để cho ngày nhị hỉ thấy lợn cắt tai được!

Từ đây trở đi, Xuân ngoan ngoãn đứng đắn khác trước. Nó đã hiểu Tuyết là một bán sử nữ hoàn toàn đáng mặt đàn bà nước Nam vào thế kỷ hai mươi, chứ không phải sự thường.

X

XUÂN TÓC ĐỎ THI SĨ
MỘT CUỘC TRANH NHAU MỌC SỪNG
TƯ TƯỞNG BẢO THỦ CỦA BÀ PHÓ ĐOAN

Sau khi ra phòng ăn để tiêu thụ bữa cơm Tây rất sang trọng y như những người Việt Nam thượng lưu khác, Tuyết lại rủ Xuân đi bách bộ trong hoa viên của khách sạn *Bồng Lai* cho tiêu cơm. Sợ gặp ông Victor Ban, Xuân thoái thác là mệt... Tuyết giận dỗi nói:

– Ồ! Mình nói lạ nhỉ! Khi người đến *Bồng Lai* thì không phải để người ta mệt, nhưng mà để người ta chơi! Thời buổi này là thời buổi của khoa học, của gân cốt, của thể thao, thì một thanh niên tráng kiện như mình không được nhọc mệt, nhất là mình lại là ông đốc! Vả lại, thế là mình lừa dối tôi đấy nhé? Như thế mà tự nhận là quý đàn bà như người Tây phương! Không biết nếu mình đã làm hại cả một đời tôi rồi thì đến thế nào!

Trước những lý luận chính đáng ấy, Xuân lại phải ngồi nhỏm lên mà rằng:

– Chúng tôi rất được hân hạnh.

Xuân toan ra ngay, nhưng bị Tuyết ngăn lại:

– Hãy khoan!

Rồi Tuyết bấm đầu ngón tay, lẩm bẩm tính:

– Một bạn gái, hai bạn giai, ông Victor Ban, tất cả là bốn người.

Hí hửng nhìn Xuân, Tuyết nói một cách ngây thơ:

– Những bốn người, mình ạ! Những bốn người đã phải nghi ngờ tôi là hư hỏng, thế có sung sướng không? Chỉ nay mai là có người đồn đến tai thầy đẻ tôi mà thôi! Hoặc không thì ít ra cũng đến cái tai thằng vị hôn phu của tôi! Thế cho bõ ghét.

Xuân ngây ngô nói:

– Thì ra làm cái nghề chồng mọc sừng đã khổ mà làm vị hôn phu như thế cũng không sướng.

Tuyết cười khanh khách:

– Mình nói thâm thúy lắm! Thật rõ là ngôn ngữ của một người thế kỷ hai mươi chúng ta. Nhưng mà chưa chắc tôi đã cho mình mọc sừng đâu mà phải sợ.

Ngừng một lúc, Tuyết lại nói:

– À, thế ông via và bà cụ ở nhà thế nào?

Ngơ ngác mất vài phút để đủ thì giờ hiểu, Xuân mới nói một cách buồn rầu:

– Anh chẳng may bồ côi sớm.

– Cụ ông chết, cụ bà còn hay cụ bà chết, cụ ông còn?

– Cả hai đều đã mất cả.

Tuyết chớp hai con mắt lúc đó lóe những ánh sáng hạnh phúc, nói:

– Cứ một điều ấy cũng đủ cho anh đáng mặt lấy tôi làm vợ đấy! Tôi lấy anh thì là tôi không có mẹ chồng! Sướng chưa? Bồ côi sớm như anh thế là tốt số lắm!

Xuân còn ngẫm nghĩ chưa biết nên đáp thế nào thì Tuyết lại tiếp:

– Anh đừng phân vân nữa, anh đốc ạ. Nếu hư hỏng dại dột như số đông thì ngay lúc nãy tôi đã dại dột với anh rồi còn gì! Đằng này tôi biết giữ gìn lắm, bao giờ cũng thế.

Xuân cười nhạt, nói bông:

– Đằng nào thì cũng phải một lần...

Nhưng Tuyết cãi lại một cách rắn rỏi:

– Thôi đi! Để đến hôm tân hôn, anh lại cắt tai lợn ấy à?

Lời lẽ khôn ngoan sắc sảo ấy khiến Xuân Tóc Đỏ sung sướng lắm, vì nó tin rằng mai sau nó lấy Tuyết cũng không sợ mọc sừng nữa.

Hai người kề vai nhau ra khỏi gian phòng, đi về phía vườn hoa. Những cây hoa kèn, hoa mõm chó, nở sặc sỡ ở trên các luống nghìn tía muôn hồng, rõ ra cảnh *Bồng Lai* thật sự. Thỉnh thoảng, trên lớp đá cuội, một vài chiếc hoa héo, rụng xuống tả tơi...

Một thiếu niên bé nhỏ, mặt hốc hác như mặt những nhà thi sĩ có tên tuổi, đôi mắt lờ đờ, cái thân thể ốm o lẩn trong bộ âu phục quần chân voi, cứ đăm đăm chiêu chiêu nhìn Tuyết. Cô này khẽ bảo bạn:

– Đây, xin giới thiệu anh một người muốn chiếm trái tim của tôi.

Mới nghe thế, Xuân cũng thấy máu ghen chạy lên đỏ cả mặt. Nó quay lại nhìn. Thiếu niên hình như chỉ trông thấy có một Tuyết, nên cứ thoăn thoắt vung đôi quần chân voi đi theo sau. Tuyết khẽ nói:

– Mặc kệ người ta, anh! Một nhà thi sĩ kia đấy! Người ấy không hại ai cả.

Nói xong, sung sướng như những cô gái được có người muốn bắt chim, Tuyết cứ nhẩy tung tăng để giẫm lên những đóa hoa rụng trên đường cuội. Nhà thi sĩ vẫn đi theo Tuyết thoăn thoắt... Xuân Tóc Đỏ muốn quay lại cự cho anh chàng vô lễ ấy một vố, thì chợt anh chàng ngâm nga rất to:

Nàng tiên rảo gót trên đường cuội,
Hoa thẹn!– Đầy đường rụng tả tơi,
Cái đẹp vẫn thường ghen cái đẹp
Mỹ nhân giẫm nát những hoa – Hoài.

Xuân nghe thế, sắp sửa đổi lòng căm tức ra lòng kính trọng, thì Tuyết cười khúc khích. Nét mặt vẫn thản nhiên như những nhà thi sĩ can đảm chịu đựng nỗi đắng cay, thiếu niên lại ngâm:

Chẳng được như hoa vướng gót ai
Lòng ta man mác tả tơi thay!
Vội vàng nhặt lấy bông hoa nát
Để áp cho lòng nỗi đắm say!...

Rồi nhà thi sĩ cúi xuống nhặt bông hoa lên, dừng chân đứng yên, ấp cái hoa vào lòng bằng hai cánh tay vòng tròn y như ôm một người tình nhân tưởng tượng.

Không thấy tiếng giầy lạo xạo trên cuội theo mình nữa, Tuyết dừng chân quay lại nhìn sau lưng... Cử chỉ của nhà thi sĩ khiến Tuyết phải nói:

– Thế có cảm không hở anh? Ấy anh chàng theo đuổi tôi đã mấy tháng nay rồi đấy. Anh chàng thì cảm quá rồi mà mình lại không cảm kia chứ!

Xuân Tóc Đỏ nghiến răng nói dồn:

– Có thực nó cảm không?

– Thì lại còn thế nào mới là cảm nữa?

Trong óc Xuân lúc ấy có một luồng tư tưởng văn chương chạy qua. Nó tự thấy đáng hổ thẹn, nếu không đọc thơ như kẻ tình địch. Mà muốn ngâm thơ thì nào có khó gì? Nó nhớ ngay đến những bài thơ nó đã đọc làu làu mấy năm xưa, những khi nó còn làm nghề bán nói trước máy phóng thanh cho những nhà bán thuốc. Nó bèn bảo Tuyết:

– Em muốn anh ứng khẩu bài thơ cho gã ấy không?

Tuyết vỗ tay reo:

– Nếu được thế thì còn danh giá nào bằng!

Xuân Tóc Đỏ bèn chắp tay sau lưng, tiến đến nhà thi sĩ ngâm nga rất dõng dạc:

Dù già cả, dù ấu nhi
Sương hàn nắng gió bất kỳ – biết đâu?
Sinh ra cảm, sốt, nhức đầu,
Da khô, mình nóng, âu sầu, ủ ê...
Đêm ngày nói sảng, nói mê...
Chân tay mệt mỏi khó bề yên vui.
Vậy xin mách bảo đôi lời:
"Nhức đầu giải cảm" liệu đời dùng ngay!

Xuân Tóc Đỏ còn muốn đọc làu làu nữa, nhưng thiếu niên vội xoa tay chịu hàng:

– Xin lỗi ngài! Thế thôi cũng đủ là một bài học cho bỉ nhân... thán phục! Vậy để rồi bỉ nhân luyện lối trào phúng thì mới mong đối đáp ngài được!

Nói xong, nhà thi sĩ ấy cúi đầu kính cẩn chào Xuân rồi chuồn mất với cái mặt đỏ những hổ thẹn. Xuân đến gần Tuyết, được khen:

– Giời ơi, anh là một bậc kỳ tài! Thật là xuất khẩu thành chương. Mà thơ như thế thì thật trào phúng lắm, không kém gì Tú Mỡ. Nhưng mà thơ của anh sao có nhiều mùi thuốc thế?

Không biết cắt nghĩa ra sao, Xuân bèn đố lại:

– Đố biết đấy!

Tuyết lại tự trả lời cho câu của mình:

– À, phải rồi! Tại anh đã học trường thuốc nên thơ của anh cũng có mùi khoa học chứ gì! Thật là văn chương đốc tờ đấy.

Cùng vui sướng, cả hai lại sánh vai nhau đi lững thững ra phía bể bơi... Chợt Tuyết sợ hãi, rối rít khẽ nói:

– Chết! Anh Phán! Thôi, chốc nữa, mình tìm tôi quanh trong này nhé!

Nói xong, Tuyết lẩn sau một cây nọ rồi trốn mất.

Trước mặt Xuân Tóc Đỏ, lúc ấy hiện ra ông Phán mọc sừng, cùng đi với một người đàn bà.

Hôm nay ông Phán mày râu nhẵn nhụi, áo quần nho nhã bảnh bao, trông rõ ra vẻ một người mọc sừng vô tâm, thấy cuộc đời là vui vẻ... Người đàn bà thì ăn mặc lối nửa tân, nửa cựu, trông có vẻ vừa ham muốn cái hư hỏng của phụ nữ giải phóng lại vừa nhớ tiếc cái đức hạnh gánh vác của phụ nữ cổ hủ, muốn rõ là hạng người nào trong xã hội cũng khó lắm thay!

Xuân Tóc Đỏ không biết đấy có phải ông Phán đi với vợ không, vì nếu không thì cũng là sự lạ khác. Mặc kệ, cứ biết bổn phận phải nói thì cứ nói, nó bèn kính cẩn chào cả hai người rồi đứng ưỡn ngực ra, dùng cái giọng thổi loa xưa kia mà rằng:

– Thưa ngài! Ngài là một người chồng mọc sừng!

Ông Phán kinh hãi đến tái mặt, ấp úng giới thiệu:

– Đây, đây là... người yêu của tôi, mà thôi!

Vì ngu dại, Xuân hốt hoảng mách:

– Thế à! Nếu vậy thì may cho ngài quá! Thế thì hiện ngay bây giờ vợ ngài có lẽ đương làm cho ngài mọc sừng ở trong kia!

Quan Phán lại tái mặt hơn nữa, thất thanh hỏi:

– Sao? Ngay trong cảnh *Bồng Lai* này ấy à?

Xuân Tóc Đỏ giậm chân xuống đất, chán đời:

– Những việc như thế không ở cảnh *Bồng Lai* thì còn ở đâu nữa!

– Chết! Chết quan bác mau dẫn đệ đến đấy ngay mới được! Đi!

Xuân Tóc Đỏ rảo cẳng đi ngay. Hai người lạch bạch chạy theo, rối rít như những ai muốn được mục kích những cảnh ái tình của người khác. Đến cái cửa buồng ấy thì Xuân dừng lại, đưa mắt cho ông Phán mọc sừng. Ông này vừa thở vừa gõ cửa, 15 phút, cánh cửa hé mở ra. Rồi bên trong có tiếng đàn bà the thé rít lên: "Giời ơi! Chồng tôi!". Rồi ông Phán hục hặc:

– Đồ khốn nạn! Đồ chó đểu!

Xuân Tóc Đỏ và người đàn bà kia thì thập thò đứng bên ngoài. May sao lúc ấy thiên hạ mải bơi, lội, tắm ở hồ cả. Ấy là vì ông Phán thấp cổ bé họng nên tiếng than không thấu đến trời vậy!

Người tình nhân lúc ấy đã mặc được quần áo, khôn ngoan mà hỏi dịu:

– Kính chào ngài! Bẩm thế ra ngài là người chồng.

Ông Phán phát bẳn mà rằng:

– Tôi không là người chồng thì tôi còn là con chó gì nữa?

Người tình nhân lại cúi đầu kính cẩn có ý công kích ông Phán về mục xã giao:

– Chúng tôi rất hân hạnh. Bẩm ngài, ngài là người thượng lưu, trước sau tôi vẫn giữ lễ độ với ngài, thưa ngài!

Ông Phán hổ thẹn cãi lại:

– Thưa ngài, dù tôi là người mọc sừng thì tôi cũng vẫn là thượng lưu trí thức chứ?

– Vâng, ấy ngài cứ dịu dàng thế cho! Vì nếu mọc sừng thì không phải lần này là lần đầu, vậy ngài nổi nóng cũng vô ích, chỉ tổ thiên hạ cười cả đôi chúng ta mà thôi. Thưa ngài, quả thật hôm nay tôi vẫn kính trọng vợ ngài!

Từ ấy trở đi, hai bên đều hết sức lễ phép với nhau để tỏ cho nhau biết cùng là thượng lưu nhân vật. Tuy nhiên ông Phán cũng trỏ vợ và nói:

– Thưa ngài, dù là vợ tôi đây kia đã mặc được quần áo vào như thế kia rồi, thì tôi cũng không dám chắc. Là vì cổ nhân đã dạy: *Nam đáo nữ phòng nam tất đãng, nữ đáo nam phòng nữ tất dâm.*

Biết rằng trước lý luận cứng cỏi đến như thế thì chối cái tội gian phu của mình cũng khó lắm, người tình nhân bèn cãi lại:

– Thưa ngài, mọc sừng không phải là cái xấu, nhưng chỉ là cái chẳng may, một cái tai nạn vậy. Như Nã Phá Luân đánh Đông dẹp Bắc như thế, lại đẹp giai như thế, mà cũng mọc sừng thì ngài bảo sao?

Thấy mình được bắc lên ngang hàng với Nã Phá Luân, ông Phán mọc sừng cũng có hả dạ đôi chút. Tuy nhiên ông cũng nói:

– Bẩm ngài, dù là xấu, dù là chẳng may, thì mọc sừng cũng là chịu thiệt hại. Vậy ngài định đền bù tôi ra làm sao? Hay tôi phải nhờ đến pháp luật?

Nghĩ ngay đến sở Cẩm, tin đăng trên các báo, người tình nhân vội chữa:

– Bẩm ngài, chính tôi mới là người mọc sừng!

Ông Phán sửng sốt:

– Ồ! Ồ! Có thể như thế được chăng?

– Bẩm chính thế! Vợ ngài bảo với tôi là chưa có chồng và vẫn nhận tôi là chồng! Bây giờ tôi mới được cái tin sét đánh đau đớn là người đàn bà ấy đã có chồng – Thật quả nhiên ngài lại đây định bắt quả tang chúng tôi ngài đừng có chối! Nghĩa là vợ ngài có hai chồng! Bây giờ tôi mới biết tôi cũng là một người chồng mọc sừng, thì ngài bảo sao? Ai phải đền ai? Ai thiệt hại?

Sợ quá, ông Phán giẫy đây đẩy:

– Tôi không biết! Tôi không lôi thôi đâu! Ông Xuân, xin ông làm chứng cho tôi rằng tôi là người chồng mọc sừng...

Xuân cúi đầu đáp nhã nhặn:

– Chúng tôi rất được hân hạnh.

Thấy cơ nguy, người tình nhân dọa già:

– Bẩm, thế này thì chưa biết tôi hay ngài bị thiệt hại... Vậy thì có lẽ tôi phải đi hỏi luật sư mới được. Thưa ngài, đã là viên chức thì phải hiểu luật, phải trọng pháp luật hơn người khác.

Nghe thấy nói đến thầy kiện, lại sợ mình trái luật thì ắt không còn là một viên chức gương mẫu trung thành nữa, lại không hiểu mình có trái luật không, lại sợ người ta bắt quả tang mình muốn bắt quả tang người ta, ông Phán bèn nháy mắt cho người yêu, bắt tay tình nhân vợ ông, lễ phép nói:

– Thôi, kính chào ngài, rất mong có phen tái ngộ...

Rồi ông rảo cẳng ra khỏi cảnh *Bồng Lai* như người đi trốn, có người tình nhân của ông lẽo đẽo theo sau. Riêng về phần Xuân, thấy nói đến luật sư cũng đâm hoảng, sợ lôi thôi đến mình, thì đầu chẳng phải lại phải tai, nó cũng cắm cổ đi nốt.

Tìm thấy Tuyết rồi, nó hốt hoảng nói:

– Đi, ta đi ngay không thì lôi thôi to bây giờ!

Tuy chưa hiểu rõ, Tuyết cũng kinh hoàng mà chạy theo Xuân. Cả hai ra đến cái cổng Nhật Bản thì lại thấy ngay cái xe ô tô của bà Phó Đoan đứng sừng sững.

Bà này nhảy xuống, gọi Tuyết, nói to:

– À, cô này đã có người sêu tết rồi, thế là không có phép!

Tuyết bĩu môi, chỉ Xuân:

– Người này chỉ là một bạn trai của tôi, thế thôi! Không hơn không kém.

Rồi Tuyết nhẩy lên một cái xe cao su, mặc kệ Xuân với bà Phó Đoan...

Bà này bảo Xuân:

– Như ý tôi ấy à? Con gái bây giờ hư lắm, chỉ ăn chơi thôi! Đàn bà thì phải biết tòng nhất nhi chung, thế nào là tam tòng tứ đức, thế nào là trinh tiết đức hạnh?

Thấy Xuân câm miệng hến, bà liều mà nói:

– Còn ông, thì ông phải đứng đắn, đừng có tìm cách hại một đời người ta. Đã có người sêu tết người ta, thế là người ta đã có chồng rồi. Phương ngôn có câu: "Giai tân gái hóa thì chơi, đừng nơi có vợ, đừng nơi có chồng!"

Nghe đến đây, chợt nhớ đến mọi sự lôi thôi lúc nãy, lại chợt nhớ đến bà Phó Đoan đương góa chồng, Xuân Tóc Đỏ ấp úng nói:

– Thưa bà, bà tha phép cho, nếu bà không trinh tiết với hai ông chồng như thế thì... bẩm tôi cũng mạn phép mà... phải lòng bà rồi!

Bà Phó Đoan tủm tỉm cười mắng:

– Ê! Ê! Rõ đồ ê trệ chửa?

Rồi bà lên xe, bảo tài xế phóng nước đại.

Bà đi trốn ái tình.

Xuân Tóc Đỏ phải từ giã cảnh *Bồng Lai*, cuốc bộ về hiệu *Âu hóa*.

XI

CUỘC KHÁNH THÀNH SÂN QUẦN XUÂN TÓC ĐỎ DIỄN GIẢ VIỆC SỬA SOẠN MỘT CUỘC HÔN NHÂN

Buổi khánh thành cái sân quần riêng của bà Phó Đoan trong vườn hoa nhà bà thật là một ngày đáng ghi vào lịch sử thể thao của nước Việt Nam. Theo như những cuộc khánh thành khác, cũng có tiệc trà, có rượu sâm banh, lại có cả "chúc từ" nữa.

Họp mặt tại bữa tiệc, có từ ông Típ Phờ Nờ cho đến bà vợ ông ta, từ Tuyết cho đến anh ruột cô ta là cậu Tú và chị ruột cậu này là bà Phán vợ ông mọc sừng – nguyên là cô Hoàng Hôn – và cả nhà chính trị bảo hoàng Joseph Thiết nữa.

Ông này coi cả bọn chung quanh ông chỉ là dân chúng, còn mình là một nhà lãnh tụ, một nhà chính trị và một nhà chính trị thật sự bao giờ cũng nghĩ đến quyền lợi của quốc gia mà khinh bỉ những cái thị hiếu và lòng ham vui thú của dân chúng. Giữa lúc mọi người cười nói ồn ào, ông Joseph Thiết giở một tờ báo Pháp ra, sung sướng hưởng cái khoan khoái của việc ông Léon Blum bị môn đồ của một nhà bảo hoàng Maurras đánh cho chảy máu ở hai bên thái dương. Nhưng, những người chung quanh ông cũng chẳng ai để ý xem ông đang làm gì.

Đổi lại, ông Joseph Thiết cũng coi như lúc ấy không có những người khác nữa, cũng như những người khác coi như lúc ấy không có

ông. Bữa tiệc ấy chỉ còn thiếu mặt cậu Phước (Em chã) thì là đủ các nhân vật thượng lưu trong xã hội.

Khi hơi men đã ngà ngà, khi đám người thượng lưu ấy đã hơi hơi không được thượng lưu mấy tí, thì ông Văn Minh nâng cốc đứng lên... với cái thân hình ốm yếu:

– Thưa các bà,

Thưa các cô,

Thưa các ngài,

Ấy thế là ông Văn Minh đã nói nhai nhải gần một giờ đồng hồ về lịch sử thể thao của nước cổ Hy Lạp, phong trào thể thao ở xứ ta, vận mệnh của nòi giống nếu không thể thao và nếu có thể thao, bà Phán (xin hiểu ngầm là bà Phó Đoan) tiểu sử của bà, những tư tưởng tân tiến của bà, cử chỉ đáng làm gương của bà trong khi làm cho sân quần để phụng sự một công cuộc thể thao gia đình, trào lưu thể thao của phụ nữ từ khi có "tiểu thư đi bộ" vân vân... Giữa bài "chúc từ" có đoạn ông Văn Minh công kích kịch liệt những người thừa tiền mà làm đình, xây chùa, tô tượng, đúc chuông, những kẻ hủ lậu vậy.

Ông kêu đồng bóng cũng là một lối thể thao, nhưng lối ấy đã bất hợp thời trang.

Trong lúc ấy, ông nhà báo cấp tiến với xã hội và bảo thủ với gia đình vội vàng lấy bút máy và sổ tay ra ghi chép, coi những lời lẽ quý hóa ấy tựa hồ như bật ở miệng một vĩ nhân mà ra.

Rồi ông Văn Minh lại khái luận về những bổn phận của người đàn bà lý tưởng có những gì khiến bà Phó Đoan phải yên chí rằng mình là một người đàn bà lý tưởng. Sau cùng, đoạn "chúc từ" kết luận bằng sự diễn giả giới thiệu với mọi người: Xuân Tóc Đỏ, một thanh niên gương mẫu, một giáo sư ten nít với tất cả những danh dự mà cái chức ấy được nhận. Nói tóm lại bài "chúc từ" ấy có đủ điều kiện là một bài của một nhà đại văn học, đại chính trị, vì trong đó có đủ mọi điều, thêu dệt, bịa đặt, phóng đại, huyễn hoặc, giả dối bằng những danh từ điêu trá của văn chương. Mọi người vỗ tay thật là đích đáng.

Nói xong, ông cháu rể ngồi xuống một cách nghiêm trang, nhã nhặn ngầm như đa số diễn giả khác để bà dì đứng lên đáp lời. Bà Phó Đoan cảm ơn diễn giả và các cô, các bà, các ngài đã vui lòng đến chứng kiến bữa tiệc khánh thành cái sân quần của bà mà bà ước rằng lúc nào cũng đông.

Mọi người lại vỗ tay...

Vì lần ấy là lần đầu ở một bữa tiệc có những nghi lễ như thế, được hưởng những cái danh dự mà chính nó nó cũng không biết, Xuân Tóc Đỏ tưởng mình không phải đáp lời gì ai nữa, cứ việc vỗ tay thật kêu. Rồi uống luôn một hơi sâm banh một cách tự nhiên nhất đời, không để ý rằng ai cũng đương ngồi nhìn mình chòng chọc. Sau cùng, nó khoanh tay ngồi im.

Thái độ tọa hưởng kỳ thành ấy làm cho một số ít người bất mãn. Bà vợ ông Phán mọc sừng đứng lên nói một cách ranh mãnh.

– Bây giờ hình như đến lượt ông Xuân, nhà giáo sư quần vợt.

Ông Típ Phờ Nờ cũng được dịp trả cái thù riêng của ông bằng mấy câu:

– Điều ấy tất nhiên! Khánh thành sân quần thì tất nhiên bao nhiêu danh dự vào giáo sư quần vợt cả! Vậy thì xin ngài đừng nhũn nhặn quá mà cứ cho chúng tôi được nghe qua một đôi câu văn rất văn hoa của ngài!

Ngồi bên cạnh Xuân, Tuyết cũng vô tình thúc giục:

– Nói đi, anh đốc! Nói rất văn hoa vào cho thiên hạ họ biết tay!

Không biết thế nào là phải, như một cái máy có người vặn, Xuân Tóc Đỏ đành đứng lên, cốc rượu vẫn nâng trên tay... Nói? Thì nó vẫn nói to lắm, mà lại không bao giờ sợ khản cổ, nhất là không bao giờ thẹn, một điều kiện cốt yếu của nhà hùng biện. Nghiệm như xưa kia, lúc bán phá xa, làm lính cờ chạy hiệu rạp hát, làm nghề thổi loa cho ông Vua Thuốc Lậu Nam Kỳ, nó đã quen cái mồm đàn áp, chinh phục, và làm rung động công chúng hơn ai...

Nhưng đấy không phải là điều cốt yếu... Phải, đành là phải nói, nhưng phải biết nói gì mới được...

Sau ba phút trầm tư mặc tưởng, vốn thông minh tính bẩm, Xuân Tóc Đỏ nhớ ngay đến những ngôn ngữ và cử chỉ mà ông Văn Minh và ông Típ Phờ Nờ vẫn dùng đến, mà nó đã nghe quen tai ngay từ hôm nó nhẩy vào gánh vác trách nhiệm *Âu hóa*, xã hội. Nó bèn từ tốn nói, vừa nói vừa nghĩ:

– Thưa các bạn gái,

Thưa các bạn giai...

Xuân Tóc Đỏ nói như thế vì óc nó đầy những tiếng ấy từ khi nó vào cảnh *Bồng Lai* để làm tròn cái bổn phận hại một đời con gái

đứng đắn và tử tế, chẳng ngờ tình cờ lối nhập đề ấy lại có kết quả tốt: chưa ai thấy một diễn giả gọi các thính giả thân mật đến thế, từ khi nhân loại có chúc từ. Ai cũng kính cẩn lắng tai nghe. Xuân lại lắp bắp:

– ... Tôi, từ hôm nay mà đi, là đã dự một phần vào cuộc cải cách xã hội rồi... Vậy tôi phải chăm chỉ và nhất là phải hiểu những việc tôi làm... Chưa được *Âu hóa* mấy!... Một sự trở ngại trên đường tiến hóa. Thể thao... Nòi giống... Hạnh phúc là cái gì khác nếu không là sức khỏe của vợ chồng? Gắng sức anh em luyện tập, không phải là cải cách bề ngoài như lối cổ hủ... giữa buổi canh tân này, cái gì hủ lậu ta đào thải đi!... Chúng tôi rất được hân hạnh.

Nói đến đây, chợt nhớ đến những cầu tướng thắng trận lúc nhận cúp ở tay một quan toàn quyền, hoặc một quan thống sứ, thường reo lên những khẩu hiệu thể thao, Xuân Tóc Đỏ bèn, để kết thúc bài diễn văn:

– Líp líp lơ...! Hua rra!

Giữa lúc ấy, vừa thấy tờ báo đăng rằng nhà bảo hoàng Maurras xui người đánh ông Blum xong thì lại viết luôn mấy bài báo hăng hái đòi lấy đầu nhà lãnh tụ xã hội một lần thứ nhì nữa, ông nguyên đảng viên *Thập Tự Lửa* Joseph Thiết vỗ đùi kêu to lên:

– Hay! Hay! Bravo!

Thế là cả gian phòng vỗ tay ran lên họa theo ông ta. Bà Phó Đoan *Líp líp lơ* một cách xứng đáng. Một vài kẻ hoài nghi thì cũng vỗ tay khen vì lẽ chúc từ của Xuân Tóc Đỏ không phải là đĩa kèn nói, và những nhà thể thao chính hiệu bất kỳ ứng khẩu thế đã là cừ, chứ không cầu được hơn.

Người ta chạm cốc sâm banh khen ngợi chúc tụng lẫn nhau theo lối các vị thượng thư, đoạn rủ nhau xuống sân quần.

Khi xuống đến sân thì ai cũng phải cảm động... Ôi! Thật là một triệu chứng tốt cho thể thao nước nhà, cho tương lai phụ nữ: trên rặng lưới của cái sân quần còn mới nguyên như một cô gái còn tân, người ta thấy một... hai... ba... bốn... cái quần, quần đùi, quần ngủ, quần ra phố, quần ở nhà, cái nào cũng bằng lụa, hoặc trơn, hoặc thêu đăng ten, những cái có thể khiến những ông cụ già trông thấy cũng phải lai láng lòng xuân, mà chính lại là của bà Phó Đoan!

Điên người, lộn ruột lên, bà Phó Đoan đã gọi ngay người vú già ra mắng cho một trận kịch liệt, thì vú già cổ hủ và bảo thủ cứ lầu nhầu:

– Ai biết đâu đấy! Gọi là sân quần thì ai chả tưởng để phơi quần!

Mấy cái quần đã bị cất ra chỗ khác rồi, sân quần lại hiện ra quang cảnh vui vẻ khác. Thoạt đầu, Xuân đánh với bà Văn Minh. Rồi đánh với ông đốc tờ Trực Ngôn. Sau cùng Xuân đứng với ông Trực Ngôn để đánh với bà Văn Minh và một bà vợ Tây khác, bạn cũ của bà Phó Đoan, mới đến...

Giữa lúc chưa biết phụ nữ thắng hay nam nhi thắng như thế thì ở nhà cụ cố Hồng, người ta nhao lên về cái tin cô Tuyết đi chơi với ông Xuân. Cụ bà rít lên như những bà mẹ hủ lậu khả ố mà rằng:

– Ông đã biết chưa. Ông nuông con ông nữa đi! Bao giờ bụng nó bằng cái thúng thì ông mới biết thế nào là nữ quyền, là văn minh, là tối tân, là giải phóng! Phương ngôn có câu nói: Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà! Ông làm hại nó, ông làm hư hỏng, để cho tôi, tôi phải nghe lời thiên hạ chửi rủa... nhiếc móc!

Trước những lý luận bảo thủ rất trở ngại cho cuộc giải phóng phụ nữ của nước nhà như thế, cụ ông chỉ nhắm nghiền mắt lại, đáp:

– Biết rồi! Biết rồi! Khổ lắm, nói mãi!

Nhưng dù "biết rồi" mặc lòng, cụ bà cũng đuổi thằng bồi tiệm xuống bếp ngay... Vì đã công nhận nữ quyền như một người văn minh thật sự, cụ cố Hồng cũng không phản đối lại việc huyền chức tạm thời ấy. Cụ chỉ nằm ngáp dài bên khay đèn mà thôi. Cụ bà lại nhai nhải nói như châo rách:

– Ông có biết không? Nó với thằng Xuân rủ nhau vào một ô ten thuê buồng! Chết thật chứ không ngờ rằng...

– Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!

– Không ngờ rằng một người như ông Xuân, tưởng là đứng đắn tử tế, ai ngờ lại có bụng dạ tồi thế!

– Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!

– Đến đây, cụ bà chợt tưởng tượng đến cái khó lòng tránh khỏi của những cặp giai gái mỗi khi rủ nhau vào ô ten, bèn bưng mặt sụt sịt khóc như là một người mẹ hủ lậu. Không thấy nói gì nữa, cụ ông hé mở đôi mắt nhỏ tí ra hỏi:

– Thế sao nữa, hở bà?

Cụ bà khóc to hơn trước một hồi, rồi đau đớn kể lể:

– Làm sao, lại còn làm sao!

– Bà hủ lậu lắm, không nói chuyện được!

– Thế nào là hủ lậu? Ừ, tôi xin phép ông tôi hỏi ông: thế nào là hủ lậu?

– Thời buổi bây giờ không có cái lối nam nữ bất tương thân như đời các cụ nhà ta đâu! Bây giờ giai gái được tự do kết bạn với nhau, đi chơi với nhau như Tây! Họ có bạn giai cũng như họ có bạn gái, thế không có gì là lạ!

– Ai bảo ông thế?

Con giai tôi bảo tôi đấy!

– Ông đã chắc thế là hay hớm chưa?

– *Lúy* đã bảo thế thì chắc thế, không hay hớm thì cũng chẳng sao cả!

– À! À! Con giai ông! Thì được cái bộ tịch gì! Đi mở ngay cái hiệu thợ may phải gió ấy, rồi giở ra rõ đến lắm trò khỉ! Chướng lắm! Tôi không chịu nổi nữa, đừng tưởng tôi không nói gì là hay lắm đâu!

– Chướng hay không mặc, cứ biết là cái cửa hàng *Âu hóa* của nó cũng cho nó mỗi tháng kiếm được vài trăm bạc lãi đã!

– Này, tôi bảo thật! Thế cũng chưa bõ! Để cho nàng dâu cứ mặc quần đùi đứng trước mặt mẹ chồng! Còn là lãi nữa! Con gái ông mà chửa hoang thì còn là lãi nữa!

– Việc gì mà chửa hoang? Dễ thế cơ!

– Ông có biết chúng nó làm gì với nhau không? Nào tắm, nào bơi, nào nhẩy đầm! Lại còn thuê chung một phòng trong cả một ngày nữa!

Từ nẫy đến giờ đã được nửa giờ, ông cụ bèn ngáp dài một cái, nước mắt nước mũi chảy ra như những người nghiện thuốc phiện đứng đắn và hút có phương pháp. Cụ bèn nhắm nghiền mắt lại:

– Biết rồi! Khổ lắm, nói mãi.

– Người ta biết rõ là hai đứa đóng cửa phòng lại, ngủ trưa với nhau rồi, ông đã biết chưa?

– Sao? Sao nữa?

Cụ bà cười nhạt đau đớn:

– Lại còn sao nữa?

– Thế ai bảo mà bà biết rõ thế?

– Chị ruột nó chứ còn ai nữa!

– Cái con Hoàng Hôn cũng lên *Bồng Lai* hôm ấy làm gì?

– Vì hôm đó chồng nó cũng lên đấy chứ sao?

– Mau gọi nó ra tiêm thuốc cho tôi đây! Việc có thế thôi, không phải ỏm tỏi lên vội!

Chẳng những đã không biết giá trị của những phút quý hóa và quyền lợi thiêng liêng bất khả xâm phạm của những người nghiện chân chính, cụ bà lại còn nói nữa chứ không gọi ngay thằng bồi tiêm lên.

– Để bao giờ bụng nó bằng cái thúng thì mới ỏm tỏi phỏng? Ông có nghĩ rằng đã có ai sêu tết con Tuyết rồi đấy không? Cái thằng Xuân như thế là đồ xỏ lá, đồ ba que, mặt chó chứ không phải mặt người nữa! Để rồi xem! Tôi bắt con Văn với thằng Minh đuổi cổ nó đi cho mà xem! Lại còn con mẹ Phó Đoan, cái con đĩ già dơ đời ấy nữa! Sân quần à? Rõ đĩ già mà không biết rởm! Rồi tôi cấm cửa thằng Xuân cho mà xem!

– Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!

– Thật đấy, tôi thì đánh tan xác con Tuyết ra! Tôi thì chửi con mẹ Phó Đoan cho một trận cho mà xem!... Tôi thì phú con Văn về với mẹ nó cho mà xem! Chứ thế à? Văn Minh tiến bộ thế à?

Cụ Hồng giẫy hai bàn chân, nhăn nhó kêu:

– Khổ lắm, nói mãi, gọi bồi nó lên tiêm cho người ta đi! Khỉ ơi là khỉ!

Cáu tiết, cụ bà đập xuống bàn đánh thình một cái, gắt:

– Tôi không gọi! Ông hãy nhịn đi một chốc! Hút vào để cái gì cũng biết rồi, biết rồi, ấy à?

Tức thì ông cụ ngồi nhổm dậy cả quyết:

– À, giỏi nhé? Được lắm! Rồi mà xem! Để đấy tôi hối hôn đám kia cho mà xem! Tôi sẽ gả con Tuyết cho thằng Xuân, tôi xin cam đoan như thế với bà! Chả gì nó cũng đã được học trường thuốc, đã được có người gọi là ông đốc, mà về quần vợt thì nay mai nó chiếm giải quán quân! Này tôi bảo thật: Con Tuyết mà chửa với thằng Xuân thì thật là phúc bảy mươi đời cho nhà này! Bà câm đi, bà ngu lắm!

Cụ Hồng đã nói như một người nghiện đứng đắn trong một cơn thịnh nộ đúng giờ và đúng bữa.

XII

KIM CỔ KỲ... NGÔN
BÀ "CHÚA PHẢI GIAI"
SỰ MỈA MAI CỦA SỐ PHẬN

Buổi sáng hôm ấy, lúc chuông đồng hồ báo thức theo hai cái kim chỉ 8 giờ mà kêu ran lên, thì ông Văn Minh tung chăn vùng ngồi nhỏm dậy. Nhìn sang bên tay phải không thấy bà vợ yêu quý đâu cả, lại trông lên cái lịch trên tường, ông mới nhớ ra rằng vợ ộng đã đến sân quần vợt vì hôm ấy vào ngày thứ năm.

Ông rửa mặt, thay quần áo xong bèn bấm một tiếng chuông. Trong khi ông ngồi trước bàn trang điểm của vợ ông, thì chợt người bồi mang vào một khay những vị như bánh sữa, bơ tươi, cà phê, súc cù là, nghĩa là các thức ăn để dành riêng cho bậc thượng lưu trí thức. Chải đầu xong, ông ăn vội vã những thức ấy rồi trang điểm cái mặt. Ông rũa móng tay, bôi đỏ mười đầu ngón tay. Rồi xoa một lượt kem lên mặt, rồi trát một lượt phấn lên trên, rồi lấy một cái khăn bông khô lau đi, rồi lại bôi một lần phấn mỏng nữa, y như một người lẩn thẩn... Với mớ tóc đen và quăn quăn từ đầu cuồn cuộn xuống gáy, cái cổ cao ngẳng và lộ hầu, đôi mắt ốc nhồi, lại thêm cái mặt loang lổ những vòng tròn trắng, lúc ấy trông xứng đáng là một bậc son phấn mày râu...

...

Mấy tiếng giầy lẹp kẹp tiến đến cửa phòng. Ông phải lắng tai nghe... Rồi tự nhiên cửa phòng mở toang ra, làm cho ông phải nổi giận đùng đùng vì cái tính cẩu thả của dân An Nam không biết gõ cửa. Nhưng ông không được quát mắng như vào dịp khác, mà lại phải nặn ra cái vẻ mặt tươi cười nữa, vì người vào không gõ cửa chính là cụ Phán bà, mẹ ông... Ông vừa đưa tay xoa bộ mặt tân tiến của ông vừa gượng hỏi:

– Me có việc gì mà đến sớm thế?

Cụ bà đứng khoanh tay sau lưng, nghiễm nhiên nhìn con và khắp gian phòng một lượt chứ không đáp, điếu thuốc lá sâu kèn dính lệch bên góc môi. Sau, cụ đến ngồi ở giường, hỏi:

– Chị ấy đâu rồi?

– Nhà con nó đi đánh quần.

Cụ bà gật gù cái đầu hồi lâu như những người không bằng lòng một việc gì mà không nói. Một lát lại hỏi:

– Chị ấy đi từ bao giờ thế?

– Chắc hẳn phải đi từ bảy giờ sáng.

– Gớm! Vợ chồng nhà anh độ này nhiều cái văn minh quá!

Biết rằng lại sắp có chuyện như mọi bữa, vấn đề bất hủ nó chia rẽ làm hai phái trong một nhà là vấn đề mới cũ xung đột. Văn Minh bèn chọc tức mẹ bằng cách hỏi lại:

– Có phải thế không hở me?

Bà cụ cũng đã gần quá điên, song le cũng cố nhịn, chỉ trách:

– Thế mà đến bây giờ anh cũng chưa xuống hàng! Buôn bán mà chểnh mảng thế thì mấy lúc mà vỡ cửa hiệu? Phải trông nom người làm ăn trong nhà chứ, vợ đi thế, mà chồng thì ngủ thế, họ lại không moi ruột đi cho hay sao?

Ván Minh vẫn ngồi nguyên chỗ để đánh phấn nốt cái mặt, chỉ đủng đỉnh:

– Ấy bẩm, có anh Típ Phờ Nờ trông nom.

Tuy không hiểu con nói gì, bà cụ cũng không cần nói lại. Đó không là điều cốt yếu. Điều cần nhất cho cụ là kiếm cách nhập đề để có thể đả động được đến ông Xuân Tóc Đỏ của chúng ta đó thôi. Rồi cụ lại hỏi:

– Thế cái ông đốc Xuân ấy đâu?

– À, ông ấy là giáo sư quần vợt, chắc bây giờ, ông ấy phải ở sân quần.

Trong khi nói thế, ông Văn Minh cũng không biết cứ lừa dối mãi người khác thì cuối cùng mình lừa dối đến cả mình mà không biết. Một cách vô tâm nhất đời, ông đã làm cho một thằng Xuân Tóc Đỏ nhặt quần, nhẩy một bước lên một ông giáo sư. Phải, phải một người *đã có chức như: nguyên sinh viên trường thuốc, có học thức, có óc mới, tất nhiên không thể* quay về nhặt quần cho quý hội viên được.

Cụ bà hỏi:

– Nghe đâu anh sắp cho con Tuyết học đánh quần thì phải...

Ông còn ngơ ngác hồi lâu rồi đáp:

– Chả biết nó có muốn học không? Nếu muốn thì tôi cũng bằng lòng. Đánh quần thì khỏe người ra thôi chứ không hại gì cả.

– Này, hình như ông Xuân cũng đứng đắn và tử tế lắm thì phải?

Không biết đấy là bà mẹ đương giương một cái cạm, ông con liền đáp:

– Cái ấy thì đã đành! Đấy me xem! Nếu không có ông ta chữa chạy cho thì có phải ông nhà chết rồi không? Việc ấy mình phải coi là một cái ơn to thì mới là người lịch sự. Vả lại nhờ có ông ấy trông nom giúp mà cái cửa hiệu thợ may được thịnh vượng thế đấy, me ạ.

– Nhưng con thử xem ông Xuân có thực đứng đắn tử tế không?

– Điều ấy thì như hai với hai là bốn rồi, còn phải dò xét gì nữa!

Cụ bà ngẫm nghĩ một lúc rồi khẽ hỏi:

– Này anh cả nhỉ, thí dụ gả con Tuyết cho ông ta thì có nên không, và liệu ông ấy có thuận không?

Nghe đến đấy, Văn Minh cau mày, giận hết sức. Nhưng cũng phải dè dặt nói:

– Nhưng mà tự ai mà có cái tư tưởng ấy thế?

Cụ bà chép miệng mà rằng:

– Có con gái lớn thì tất nhiên phải nghĩ đến có rể, bổn phận cha mẹ là lo sao cho giai có vợ, gái có chồng chứ anh sao lại ngạc nhiên?

Văn Minh lắc cái đầu:

– Việc ấy chắc khó lòng mà thành được...

– Chết nỗi! Sao thế?

Rất ngạc nhiên về sự thất vọng của mẹ, Văn Minh nói như một người hủ lậu:

– Không được môn đăng hộ đối! Mà chưa chắc ông Xuân đã ưng con Tuyết...

– Chỉ sợ người ta không thuận mà mình gả thì ngượng lắm, chứ không môn đăng hộ đối cũng chả lo... Thấy anh nói cái gì như là... bình dân ấy.

Ông con cau mày, hỏi gắt:

– Nhưng sao me lại thiết tha vào việc ấy đến thế chứ?

– Là vì thấy ông Xuân đứng đắn, tử tế...

– Thế chưa đủ! Tất có nguyên do gì!

Bà mẹ đứng lên tiến đến sỉa sói vào mặt ông con:

– Là vì ông Xuân đã ngủ với em mày rồi, mày biết chưa, thằng khốn nạn!

Rít lên xong, bà cụ dựa vào thành một cái ghế, hai tay sờ soạng lật bật xoa vào tường như sợ ngã vì chóng mặt, Văn Minh cũng đứng lên, chết điếng người. Bà mẹ rền rĩ kể lể:

– Mày nuôi ong tay áo, mày vẽ ra lắm trò, mày làm hại một đời em mày, mày bôi do trát trấu vào cái thanh danh nhà tao! Rồi còn vợ mày nữa đấy! Rồi còn nhiều chuyện hoang dâm nữa!

Những câu nói như thế có một hiệu lực làm cho ông Văn Minh ở cấp tiến mà muốn quay hẳn về bảo thủ. Thấy mẹ nói đến vợ mình, lòng ghen của ông nhóm lên. Ông sợ nhất cái xấu mọc sừng, và thấy mình ở trong một cảnh ngộ khó xử, vì mọc sừng là một cái xấu của cấp tiến chứ không phải của bảo thủ. Đàn bà tân thời mà đứng đắn thì thôi không nói. Đàn bà tân thời mà đa tình, cái đó càng có lợi cho bạn nam như vẫn coi phụ nữ là đồ chơi... Nhưng nếu những cái đồ chơi mà lại là em gái ông hoặc vợ ông nữa, thì... Không! Không thể được!

Tuy nhiên, ông Văn Minh cũng hỏi lại mẹ:

– Có chắc thế không? Ai trông thấy thế?

– Con Phán chị nó trông thấy hai đứa ngủ trưa trong một buồng ở khách sạn *Bồng Lai*, mà lại còn không chắc nữa à?

– Ồ lạ! Sao nó không ngăn cấm em nó? Sao nó không mách tôi?

– Nó bảo, nó thấy thế nó thẹn ê cả mặt mũi thì nó còn nói gì được nữa!

– Lại có những thứ thẹn vô lý thế nữa!

– Chứ không ư? Vả lại nếu nó nói gì nó lại sợ con Tuyết nó thù nó, chị em đâm mất lòng nhau. Mày cũng đừng cho con Tuyết biết là chị nó mách nó...

Văn Minh đứng ngẫm nghĩ hồi lâu rồi thưa với mẹ:

– Để tôi điều tra việc này cho đích xác đã. Rồi có thế nào sẽ liệu sau vậy, me cứ yên tâm. Dù sao thì việc cũng xảy ra rồi. Cuống cuồng lên là thất sách.

Nói đoạn, Văn Minh bơm nước hoa vào đầu, vớ lấy cái mũ nhung, xuống thang... Ông ta đi tìm Xuân Tóc Đỏ vậy.

Lúc ấy, tại sân quần chỉ có bà Văn Minh và Xuân Tóc Đỏ luyện tập lẫn cho nhau thôi chứ không có một nhà thể thao nào khác. Cô Jannette con gái bà Phó Đoan, vì là ngày thứ năm, nên cũng ở trường ra chơi với mẹ cô. Cô ngồi trên ghế, có một quyển sách giở sẵn ở đầu gối, chốc lại nhìn lên xem đánh quần, chốc lại cúi xuống xem tranh ảnh ở sách. Hai đứa bé chừng 10, 12 tuổi, quần áo rách rưới, làm nghề nhặt ban cho Xuân Tóc Đỏ bảnh bao trong cái quần tây, áo sơ mi cụt tay, giầy vải trắng, đứng làm nhà giáo sư.

Bà Phó Đoan ở nhà trên chứ không xuống sân với cái quần đùi để luyện tập như mấy bữa trước. Công cuộc thể thao của bà đã bị một bổn phận thiêng liêng khác ngăn trở, bổn phận của một bậc hiền mẫu. Là vì cậu Phước, đã hai bữa nay không hiểu vì lẽ gì, mà ăn mỗi bữa lại kém một bát cơm. Cậu hay ngồi lỳ lỳ trầm tư mặc tưởng như một nhà triết học, không hay quấy đến thiu thịt vú em nữa, lại cả đến "em chã, em chã" cũng không nữa. Thật là một hiện tượng cho cậu bé thuộc hạng con Giời con Phật... Chiều hôm qua, cậu Phước hắt hơi ba lần... Đến tối, sau khi uống nước, cậu lại nấc. Đêm đến cậu chỉ đái dầm có một bận chứ không phải hai bận như mọi đêm. Sáng sớm hôm nay, cậu lại ho ba tiếng. Thật là một điềm gở, bà Phó Đoan thấy rõ như thế lắm, mặc dầu bà không nói thế ra miệng. Bà đã lo âu như là, vào trong trường hợp ấy, bất cứ một vị hiền mẫu nào khác cũng phải lo âu...

Hay là cậu Phước sắp "đòi về?"

Hay là đức Phật chùa Hương thương con – mà chả hiểu đức Phật chùa Hương có con không? – nên đã đến lúc không muốn "đọa đầy" con ngài dưới trần nữa rồi chăng?

Ông thầy số đã kêu số cậu Phước thọ lắm, hay là thầy số đoán nhầm?

Ấy đó là những câu hỏi làm rối loạn cả khối óc bà mẹ, khiến bà ta đau khổ, lo nghĩ. Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ. Nhất là lại có nuôi con cầu tự nữa mới biết lòng cha mẹ. Như bà Phó Đoan nuôi con kể đã cũng đã là cùng. Bà đã kiêng khem đủ thứ, và tránh những tiếng "quở quang" rất kỹ lưỡng cho cậu Phước, nào bán khoán, nào đội bát nhang, nào cúng, nào sớ tấu; thôi thì chẳng thiếu thứ gì nữa.

Vậy mà bây giờ thốt nhiên cậu lại "thế" thì là bởi đâu? Đi cầu cứu sư cụ Tăng Phú chăng? Hay là mời ông đốc Trực Ngôn? Bà lo lắng nhìn cậu Phước ngồi tần ngần trên một cái bàn ở giữa nhà, rồi bà ra cửa sổ... Một cách căm tức, bà nhìn xuống bọn đánh quần. Bà quý trọng họ thế, mà họ chẳng biết đến nỗi lo sợ của bà thì họ là đồ vô lịch sự. Nhưng chợt bà nguôi ngay, vì sự thật thì bà chưa nói gì cho ai biết... Đến cả gia nhân của bà tuy vậy, mà cũng chưa đứa nào biết, vì bà sợ nói ra cho có người biết thì lại là có điều gì "quở quang" chăng?!... Ấy thế mới rầy rà!

Giữa lúc ấy, Văn Minh đẩy cửa vào sân. Ông thấy cô Jannette đấy thì ngả mũ chào, bắt tay và hỏi chuyện qua loa. Ông quay ra nhìn thấy cái quần đùi của vợ ông ngắn quá, cứ để phô ra trước mắt một hạng người đáng nghi như Xuân Tóc Đỏ, một bộ đùi nở nang và trắng nõn thì ông cũng thấy nản chí trong việc cải cách xã hội, không còn muốn cấp tiến nữa, và muốn cái quần đùi của vợ ông cũng nên bảo thủ đi thì có lẽ hơn. Nhưng vì thấy Xuân chỉ để hết tâm trí vào quả quần, ông lại hơi vững tâm một chút.

– Thôi! Hãy nghỉ tay một chút đã!

Nói thế xong, ông ra gần vợ bảo:

– Này mình! Hãy ra đây tôi bảo điều này một lát đã.

Vợ ông gõ vợt xuống sân ba cái ra hiệu hãy ngừng cuộc, rồi đến với ông. Muốn khỏi bất nhã, ông Văn Minh lại nói to với Xuân:

– Xin lỗi nhé?

Xuân Tóc Đỏ vừa thở vừa đáp:

– Vâng. Xin cứ tự nhiên, cái đó vô hại.

Hai vợ chồng lững thững quay ra phía cổng, vì phía ấy không có người. Người chồng hỏi:

– Mình đã biết sự gì xẩy ra chưa?

Vợ trợn tròn đôi mắt, sợ hãi hỏi:

– Cái gì thế? Chết! Cái gì?

Chồng lắc đầu thất vọng thở dài:

– Chúng ta không thể nào dung được cái thằng Xuân ấy ở nhà chúng ta một phút nào nữa! Thật là khốn nạn.

– Sao đến nỗi thế? Hàng họ đương được khách lại là của *lúy*. Vả lại như vậy thì mất lòng *lúy*, ai luyện tập với tôi nữa. Ngày vua ra thì làm thế nào? Nhưng mà vì lẽ gì đã chứ?

– Nó với con Tuyết nhà ta hình như lôi thôi với nhau.

– Thế ư? À có lẽ đúng, tôi cũng có lúc đã phải ngờ như thế đấy!

– Theo như tin tức tôi mới nhận được, thì hình như chúng ngủ với nhau rồi.

– Chết nỗi! Thế kia ư? Có chắc không?

– Tôi, tôi chỉ muốn vào băm cái mặt thằng chó ngay bây giờ mà thôi! Vì rằng em mình nó hư nhưng vợ chồng mình mang tiếng. Bà lão già cứ đổ tại chúng ta tiến bộ, *Âu hóa* nên con Tuyết nó hư như thế, có khổ không?

– Lại đến tai me nữa rồi à? Thế me bảo sao?

– Thầy me lại muốn gả con Tuyết cho cái thằng khốn ấy mới nhục chứ?

– Ồ! Vội quá! Phải biết đích xác mới được.

– Làm thế nào mà biết? Chả nhẽ bắt em mình đi khám đốc tờ? Mà hỏi thì tất nhiên không đời nào nó dám nói thật, hoặc có dám thì nó cũng không nói.

– Thật đấy! Anh chị như thế là đã say mê nhau, nghĩa là muốn lấy nhau. Nếu họ biết thóp là bần cùng thì thầy me cho họ lấy nhau, hẳn là chưa hư với nhau thật sự thì họ cũng cứ bảo là đã hư với nhau rồi cho có lợi.

– Có khi lại vì thế mà chưa ngủ với nhau, chúng nó cũng hấp tấp vội vàng mà đi ngủ với nhau cũng nên.

Vợ liền cự chồng:

– Như thế là cậu định băm mặt thằng Xuân ra!

– Lúc nóng này, còn ai nghĩ! Bây giờ còn một cách:

Trước khi biết rõ rằng thằng Xuân đã làm hại một đời con bé chưa, thì ta hãy cứ tìm cách không cho chúng nó gặp nhau nữa, thế thôi. Nếu khi điều tra được kỹ lưỡng rồi thì ta sẽ liệu, hoặc gá con bé cho nó hoặc xích em mình lại một chỗ, nếu chưa hư hỏng.

– Thế thì chỉ còn cách tống quách thằng Xuân đi, không bao giờ cho nó lai vãng đến cửa hiệu này nữa. Đành là hy sinh một người giúp việc đắc lực vậy.

– Như thế là mình hy sinh cho cái gia đình hủ lậu một tay cải cách xã hội đấy.

– Chứ sao! Chỉ có sự hy sinh là đáng kể.

– Mà như thế thì nói với dì Phán bắt hắn ở luôn đây lại xong.

– Ồ! Kế ấy hay đấy! Mình khéo nói là được.

Hai vợ chồng sung sướng quay vào thì vừa gặp lúc trên cái cửa sổ tầng gác thứ nhì, cái mặt nhăn nhó của bà vợ Tây ló ra với những cái vẫy tay cầu cứu thất vọng...

Năm người cùng hoảng hốt chạy lên, tưởng chừng có sự gì ghê gớm xảy ra.

Đến nơi mới biết kỳ thủy chỉ có cái sự lạ là cậu Phước hắt hơi luôn những bốn cái một lúc!

Sau khi an ủi bà dì bằng mọi lẽ sinh lý học rất vu vơ, ông Văn Minh bèn ngồi trầm ngâm nghĩ cách tống Xuân Tóc Đỏ cho bà dì cho xong cái của nợ ấy.

Thế là việc làm cho đời một người con gái tử tế bị mang tiếng của Xuân đã được kết quả hoàn toàn rực rỡ.

Nó chỉ còn phải gánh vác cái trách nhiệm nặng nề là làm hại nốt một vị quả phụ đã thủ tiết luôn với hai đời chồng nữa mà thôi.

XIII

MỘT CUỘC ĐIỀU TRA BẰNG SINH LÝ HỌC NGÔN NGỮ CỦA MỘT VỊ CHÂN TU XUÂN TÓC ĐỎ CẢI CÁCH PHẬT GIÁO

Khi ông đốc tờ Trực Ngôn đã lên gác trên thăm bệnh cho cậu Phước thì Xuân còn lảng vảng ở nhà dưới với bọn gia nhân. Bọn này đả động đến cậu con Giời con Phật ấy. Sở dĩ họ dám xử thân với Xuân là bởi tuy không rõ Xuân là hạng gì trong xã hội nhưng được bà chủ trọng đãi như thế, thì họ cũng phải kính trọng Xuân, và tuy Xuân ở địa vị cao hơn họ, song những tiếng rất bình dân mà Xuân hay điểm vào câu chuyện: “Mẹ kiếp!... Chẳng nước mẹ gì cả!” vân vân... đã khiến họ thấy Xuân dễ dãi, không khinh người, nhất là không khinh người!

Cũng như bọn gia nhân biết tự trọng khác, nghĩa là những lúc nhàn rỗi thì phải nói xấu chủ cho khỏi phí thì giờ, bọn này quây quần nhau lại nói đến cái chuyện "bà chúa phải gai". Người tài xế kêu:

– Rõ lắm của có khác! Động tí thì nhặng lên! Làm như sắp chết ấy! Sự thật thì thằng bé chẳng sao cả! Chỉ vẽ chuyện! Có thế cũng cuống quýt lên mời đốc tờ! Chả biết rồi làm nên vương nên tướng gì cho bõ!

Người vú nuôi của cậu Phước cũng nghĩ vu vơ ngay đến cuộc chiến tranh giai cấp bằng cách phê phán:

– Chả bù với con nhà nghèo! Đến ăn cũng không có thì ra chẳng bao giờ ốm, mà có ốm thì cũng ốm no bò dậy!

Nhưng người bếp lại ác khẩu hơn. Người này nhất quyết chủ trương cái thuyết dù là con Giời con Phật mặc lòng, cậu Phước cũng chỉ là một người, mà lại là một cậu bé đến tuổi dậy thì, đã được những cao lương mỹ vị tẩm bổ khí huyết cho phương cường thì lại càng gớm hơn, càng có vẻ con Trời, con Phật! Muốn dẫn những chứng cớ đích xác, người bếp lại nói:

– Đấy cứ để ý mà xem thì biết! Những lúc nó cứ "em chã" rồi vạch yếm vú em ra mà sờ vú, rồi lại giả vờ bú ấy! Thế là dâm đến nơi cũng như mẹ nó chứ không thì còn là cái cóc khô gì! Nhất là những lúc nó bắt vú em cõng nó rồi nó nhong nhong cưỡi ngựa đủ biết! Rau nào sâu ấy, phương ngôn đã có câu...

Xuân Tóc Đỏ hai tay đút túi quần, một chân gác lên bệ đá, làm ngay một câu như một nhà đạo đức cay nghiệt:

– Mẹ kiếp, con Giời với lại chả con Phật!

Nhưng người vú nuôi chữa thẹn cho mình bằng cách cãi cho Phước thế này:

– Cứ nói nhảm thế, chứ cậu ấy còn bé dại thế, đã biết quái gì!

Người tài xế hỏi:

– Tôi biết chán, vì tôi để ý đến trẻ con lắm. Trẻ con bây giờ là hư thân mất nết sớm lắm chứ không như thời các cụ nhà ta đâu!... Ranh con nứt mắt ra đã khác tính rồi, đã rủ nhau đi săm rồi! Cậu cả nhà này tuy chưa biết gì thật nhưng mà cứ như thế thì đã đến lúc cần lấy vợ đấy! Cứ như cái thói dâm dật của bà mẹ thì con nào mà không hư? Những lúc cậu cả cứ ngồi lỳ cái mặt ra thì chỉ nghĩ đến cái

dâm thôi chứ chẳng phải sắp "đòi về" gì, mà cũng chẳng thần thánh nào lôi thôi gì...

Nghe đến đây thôi, Xuân Tóc Đỏ quay lên, sau khi thấy rằng bọn ấy nói thế mà đúng. Nó lên xem ông đốc tờ Trực Ngôn có tìm ra căn bệnh của cậu con cầu tự ấy không...

Lúc ấy quan bác sĩ đứng tần ngần trước mặt cái cậu bé đã cởi trần ra thì không muốn mặc quần áo vào nữa, và trước cái mặt đầy lo âu của bà mẹ hiền của cậu ấy. Ông rất lấy làm phân vân. Ông thấy cậu bé hình như không có bệnh gì cả, vậy mà bà mẹ cậu cứ bảo cậu mới mắc bệnh thì tất nhiên cậu phải có bệnh... Ông chưa tìm ra bệnh thì vừa lúc Xuân Tóc Đỏ bước vào xem... Ông Văn Minh cũng nói:

– Tôi tưởng cậu Phước chả ốm đau gì cả.

Bà Phó Đoan chưa kịp giận câu nói quở quang ấy, ông đốc Trực Ngôn cũng đã nói:

– Thật thế! Dễ thường cậu đến tuổi dậy thì cho nên nhiều khi cậu ngồi ngẩn mặt ra đấy thôi. Nếu lấy vợ sớm cho cậu thì...

Xuân Tóc Đỏ nói ngay:

– Thưa ngài, ngài nói rất đúng! Tôi đã có dịp để ý đến con trẻ, tôi biết con trẻ lắm, nhất là vào thời buổi như thời buổi này.

Ông đốc tờ Trực Ngôn rất lấy làm hân hạnh mà giơ tay ra bắt tay ông Xuân như gặp người tri kỷ. Rồi ông nói một thôi dài như những nhà khoa học không biết kiêng những sự không nên nói...

– Thật vậy đó! Thưa bạn đồng nghiệp, vậy thì có phải bạn đồng nghiệp cũng đã công nhận những lý thuyết của *Freud* [1] đó không? Cái triệu chứng nào của thần kinh hệ cũng là do quả thận, quả cật mà có, lắm khi thiên biến vạn hóa rất là kỳ kỳ quái quái...

Vẫn hay bác sĩ Trực Ngôn nói thế là đúng, song cái việc kỳ kỳ quái quái hơn nữa, là Xuân Tóc Đỏ cứ đứng vênh váo ưỡn ngực ra nhận cái chức đồng nghiệp với ông đốc tờ. Nó lại gật gù mà rằng:

– Chỗ anh em mình với nhau cần gì còn phải giảng giải.

Bà Phó Đoan tuy chỉ hiểu lỗ mỗ, cũng muốn nổi giận lắm – con bà là con Giời, con Phật, có lẽ nào thế – nhưng khi thấy cả mấy

1. Signund Freud (1856-1939): bác sĩ thần kinh và nhà tâm lí học người Áo. Phân tâm học của Freud cho bản năng tính dục con người có sức mạnh rất đặc biệt, có ảnh hưởng chi phối tâm lí con người và thường xung đột với cõi ý thức.

người cùng một luận điệu thì bà lại phải lặng thinh. Xuân Tóc Đỏ vỗ vai rất thân mật ông đốc tờ Trực Ngôn, nháy ông ra cửa sổ để thì thào?

– Tuy tôi không được mời đến khám bệnh như ngài, nhưng tôi biết rõ cậu bé lắm. Này ngài, chỗ anh em mình với nhau, thì tôi xin mách ngài rõ ràng rằng quả là cậu ấy đến tuổi dậy thì đấy mà thôi. Lắm lúc cậu cứ vòi vĩnh bắt vú nuôi cậu vạch vú ra bú giả vờ như trẻ con lên ba, thế không là dâm thì còn là gì?

Ông đốc tờ Trực Ngôn để tay lên miệng, khẽ đáp:

– Tôi xin cảm tạ ngài lắm! Ngài đã đi đến khoa học sinh lý học. Sự thật là thế thì ta nói thế chứ sao ta lại kiêng? Một lần nữa, ngài đã cho thấy rằng *Freud,* ông thầy của chúng ta, đã tìm ra chân lý. Cậu bé đã có những triệu chứng về cái tuổi dậy thì vì tại ăn ngon, mặc đẹp lắm, vật chất đầy đủ quá, cái xác thịt được nâng niu phỉnh nịnh quá, thì người tất nhiên cái dâm dục cũng tăng... Vả lại hoàn cảnh... ngài có đồng ý với tôi về vấn đề hoàn cảnh không?

Thằng Xuân đã nhìn ra cửa sổ, hai lỗ tai đã chán những lời nói mà nó không hiểu nên không để ý đến nữa. Vừa lúc ấy, ở ngoài vườn, mấy giống cầm thú cũng đương làm cái việc hoan lạc của tình dục. Trên một mái kẽm thì một đôi chim bồ câu... Dưới sân thì hai con chó Nhật Bản xinh xắn đương vờn nhau. Trong vườn nhà thì con gà trống trên lưng con gà mái... Tình cờ cùng một lúc, mấy thứ cầm thú ấy cắt nghĩa rõ cái lẽ âm dương của tạo hóa nhiệm màu. Thằng Xuân đương tần ngần nhìn sự ấy thì vừa lúc ông đốc tờ hỏi lại nó:

– Ừ, có phải kể đến hoàn cảnh không?

Nó choáng người lên, ngẩn mặt ra, vô tâm hỏi lại:

– Hoàn cảnh ấy à? Hoàn cảnh là gì?

Rồi nó trỏ tay ra ngoài cửa sổ. Ông đốc tờ Trực Ngôn quay ra nhìn, thấy cảnh cầm thú yêu nhau rồi, lại rối rít lên bắt tay nó, vỗ vai nó. Lần này ông lại nói to:

– Chà! Ông bạn thân của tôi! Ngài đã để ý đến những điều rất nhỏ nhặt nó ảnh hưởng rất sâu xa đến loài người. Thật là những chứng cứ đích xác của thực tế chứ không phải là thuyết viển vông gì nữa. Trẻ con đương tuổi dậy thì mà cứ trước mắt những cái ấy là rất nguy hiểm.

Xuân Tóc Đỏ nói luôn:

– Phải thay hoàn cảnh đi mới được!

Ông đốc tờ quay lại, dõng dạc nói với cả mấy người bằng một giọng ngạnh sỗ sàng như cái tên hiệu của ông ta đã nói rõ cái tính nết của ông:

– Chính thế! Tôi cũng không biết nói gì khác nữa! Ấy ông bạn tôi đã kết luận giúp tôi rồi đó. Thưa các ngài, loài người chỉ lôi thôi vì một cái dâm mà thôi! Đứa trẻ mới đẻ miệng bú mẹ, một tay mân mê cái vú ấy cũng là dâm rồi! Vậy thì một cậu bé trên mười tuổi, đương tuổi dậy thì...

Xuân Tóc Đỏ nói len vào:

– Dù là con Giời con Phật thì cũng có thể dâm như mọi người, có khi lại hơn mọi người!

– Tôi không phải chữa bệnh, vì cậu bé không có bệnh gì cả! Cậu chỉ cần lấy vợ. Nếu sợ là tảo hôn thì phải giáo dục cho cậu, thế thôi. Việc giáo dục ấy rất là tỉ mỉ, khó khăn, nhưng mà một người như ông bạn tôi đây đã đủ tư cách cáng đáng việc ấy lắm.

Bà Văn Minh nói ngay:

– Thưa dì, vậy thì nên nhờ ông Xuân ở luôn ngay đây trông nom em Phước, giáo dục em Phước và tránh hoàn cảnh không tốt cho em Phước.

Bà Phó Đoan đáp:

– Nếu một khi quan bác sĩ đã bảo gì thì tất chúng tôi phải chịu lệnh. Để tôi cho dọn một cái phòng riêng cho ông Xuân.

Thế là vợ chồng Văn Minh cùng ông đốc tờ Trực Ngôn ra về. Ông đốc tờ Xuân Tóc Đỏ ở lại, điều ấy không cần phải nói... Không lo lắng nữa, bà Phó Đoan về phòng riêng để ra mọi lệnh cho gia nhân. Xuân Tóc Đỏ còn đương đi lại, vẻ mặt tư lự thì có người nói sau lưng:

– Có nhà không thế này? A Di Đà Phật! Kính chào ngài!

Xuân Tóc Đỏ quay lại thì đó là một ông sư. Ông này cũng tân thời *Âu hóa* theo văn minh vì ông có ba cái răng vàng trong mồm, cái áo lụa Thượng Hải nhuộm nâu, đi đôi dép láng đế cao su, và nhất là đẹp giai lắm, trông phong tình lắm.

Xuân Tóc Đỏ hất hàm hỏi:

– Ông hỏi gì? Mời ông ngồi!

– Bần tăng xin phép... Thưa ngài, bần tăng đã cam chịu khổ hạnh, vất vả đến nỗi bần tăng lại còn làm chủ nhiệm một tờ báo nữa, tờ báo *Gõ mõ*... A Di Đà Phật!

Xuân Tóc Đỏ ngồi xuống, hỏi đùa:

– Báo *Gõ mõ* à? Sao không dạy người ta đi hát cô đầu có được không?

Sư ông đỏ mặt, ấp úng:

– Bẩm ngài đi hát cô đầu cũng chỉ là di dưỡng tinh thần, vì đó là thuộc kinh nhạc trong Tứ thư Ngũ kinh của đức Khổng. Tăng ni chúng tôi mà có đi hát thì cũng không bao giờ phạm đến sắc giới vì chúng tôi chỉ hát chay thôi chứ không khi nào ngủ lại cả đêm ở nhà chị em. Vả lại... đến pháp luật của chính phủ bảo hộ cũng bênh vực cho sự đi hát nữa là! Đấy ngài xem, anh chủ cái báo gì ấy dám công kích sư đi hát mà bần tăng kiện tại tòa cho phải thua hộc máu mồm ra đấy!

– À, à! Thế kia à? Ghê nhỉ?

– Ấy nói thế để ngài rõ bần tăng có nhiều thế lực. Những quan đại thần như các vị toàn quyền, thống sứ, đốc lý cũng là ân nhân báo *Gõ mõ*... của bần tăng. Ở tòa báo có đầy những chân dung to tướng của các vị... Ồ, Phật giáo là cao thâm huyền bí lắm.

Xuân Tóc Đỏ bèn hỏi một điều khó khăn của đạo Phật:

– Thế thì sao đã đi tu mà lại còn mở báo cạnh tranh với ai làm gì nữa?

– Bẩm đó không phải vô duyên cớ ạ. Duyên do xứ ta mới có Hội Phật giáo mới lập, cũng mở báo cạnh tranh... Sợ tổn hại đến quyền lợi nhà chùa, bần cùng mà bần tăng phải cho ra đời tờ *Gõ mõ*...

Hiểu nổi một điều thần bí của đạo Phật rồi, Xuân Tóc Đỏ liền phê bình:

– Gớm, các nhà sư quảng cáo cạnh tranh nhau như thế thì cũng gần bằng "Vua Thuốc Lậu" cạnh tranh nhau!

Vị chân tu ấy sốt sắng cắt nghĩa:

– A Di Đà Phật! Ở trong bộ biên tập *Gõ mõ* cũng có một ông vua thuốc lậu! Cho nên việc quảng cáo của nhà chùa cũng do đó mà lan rộng đến chúng sinh. Mà thưa ngài, ngài đừng tưởng rằng sư mà làm báo thì không hiểu gì về nghề báo, gì là bút chiến đâu nhé? Những

ông làm báo trần tục thì chỉ đến công kích nhau là dốt nát, là vô học thức, là bất tài, nhưng mà bọn tín đồ nhà Phật chúng tôi thì lại bút chiến nguyền rủa nhau là ghẻ, ghẻ ruồi, ghẻ Tàu, ghẻ Lào, hắc lào, hóa hủi, cụt chân, cụt tay, thế cơ!

– Như thế thì chắc đắt hàng lắm?

– Bẩm, chính thế đấy ạ. Từ độ bần tăng cho ra đời báo *Gõ mõ* thì số thiện nam tín nữ cũng có tăng, số đặt đàn chay, đội bát nhang, đốt mã, cúng vái, gửi quan tài hoặc đem con đến bán khoán cửa Phật cũng lên gấp bội phần. Bẩm phải như thế mới là đầy đủ bổn phận của kẻ chân tu giốc lòng mộ đạo... Chắc đức Phật Tổ cũng chứng minh được những điều ấy cho bần tăng lắm, cho nên mặc lòng hội Phật giáo gây nên sự hầm hè đến thế nào thì bần tăng cũng... *tăng phú!* [1]

Đến đây Xuân Tóc Đỏ bèn đứng dậy, dõng dạc hỏi:

– Ồ, thế nhưng mà sư ông đến đây làm gì? Định hỏi cái gì? Nếu để mời mua báo *Gõ mõ* thì tôi không mua đâu, vì tôi chỉ thích đập trống. Nhất là khi nào được làm một chầu chay cùng các vị chân tu thì hay lắm.

Sư ông nháy mắt cho Xuân Tóc Đỏ mà rằng:

– Dễ lắm! Nếu ngài sẵn lòng cổ động cho bần tăng, cho báo *Gõ mõ* của bần tăng, nghĩa là cho đạo Phật... Chẳng nói giấu gì ngài, bần tăng đến đây là vì cậu Phước, cậu con đức Phật chùa Hương...

– Thì sư ông định làm gì cậu ấy?

– Bần tăng săn sóc đến cái linh hồn của cậu ấy... A Di Đà Phật!

Xuân ưỡn ngực lên, dõng dạc nói:

– Còn tôi, thì tôi đang giáo dục cái xác thịt cho cậu ấy, và cả bà mẹ cậu ấy!

Sư ông lấm lét nhìn trộm Xuân rồi gãi tai như một sư ông hợp thời trang:

– Bẩm... Xin lỗi ngài, vậy nếu ngài cho biết quý danh và chức nghiệp?

Xuân Tóc Đỏ bèn lên giọng trịch thượng:

– Me xừ Xuân, nguyên sinh viên trường thuốc, giáo sư quần vợt, giám đốc hiệu *Âu hóa*, phụ nữ tân thời!

---

1. Bất chấp.

– Bẩm thế chắc ngài giao thiệp rộng lắm?

– Còn phải ngôn!

– Bẩm thế thì xin ngài giúp cho bần tăng... Nếu chùa của bần tăng mà đông khách thì cứ xin mời ngài cứ hưởng ba mươi phần trăm đúng! Chúng tôi buôn bán đứng đắn chứ không thèm giở những thói cạnh tranh bất chính như Hội phật giáo ạ. Nếu ngài cổ động cho báo, hoặc thiện nam tín nữ đến đông...

Xuân Tóc Đỏ nghĩ ngợi hồi lâu rồi phán:

– Cái việc tu hành của sư ông xem ra còn khuyết điểm cần phải cải cách... Nếu không thì, sẽ không hợp thời, mà không hợp thời thì ắt bị thải! Thời buổi tối tân này, Phật mà không biết tiến hóa theo văn minh thì cũng chết nhăn răng ra.

– Ấy bẩm chính thế đấy ạ. Nếu ngài đã học hỏi thạo đời như thế thì nên giúp bần tăng một tay... Thí dụ việc bà Phán đây với cậu Phước thì ngài tán thành vào cho bần tăng vẽ ra chuyện gì thì họ cũng gật cả!

– Ấy, cái ấy thì đã đành! Cái đảng của ông xoàng lắm! Ấy ông cứ xem như cái đảng Phật giáo thì biết mỗi một đám ma thì lại có dăm bảy ông sư và số đông hội viên đi đưa thì có phải họ làm tiền giỏi lắm không? Nếu tôi giúp một tay thì tôi cải cách hết mọi sự cổ lỗ!

– Bẩm thế thì tiền đồ đạo Phật trông cậy cả vào ngài! A Di Đà Phật!

– Nhưng mà phải trả cho tôi mỗi việc năm mươi phần trăm.

– Ấy ngài đừng tính đắt với Phật mà phải tội.

Xuân Tóc Đỏ đập tay xuống bàn mà rằng:

– Không thì tôi bỏ tiền ra, tôi chỉ mượn tiếng báo *Gõ mõ* thôi, tôi nhận hết mọi việc và để cho sư ông hưởng 20 phần trăm.

Sư ông lại xoa hai bàn tay:

– Ấy ngài chớ giả rẻ nhà chùa mà phải tội.

Hai bên còn đương cò kè bớt một thêm hai, thì bà Phó Đoan đã vận được cái áo dài lối cổ để tiếp sư ông...

– A Di Đà Phật!... Lạy thầy ạ! Cậu Phước chắp tay chào thầy đi, me xem có ngoan không nào!

Từ đây trở đi, Xuân Tóc Đỏ ngồi im cho nhà sư vẽ những chuyện tốn tiền cho bà vợ Tây để cúng bái cho cậu Phước, bằng những lý luận hùng hồn của vị sư tân thời và chân tu.

XIV

ÔI, NHÂN TÌNH THẾ THÁI
NGƯỜI BẠN GÁI TRUNG THÀNH
CHẾT, QUAN ĐỐC XUÂN NỔI GIẬN

Tại hiệu may *Âu hóa* cũng như tại nhà cụ cố Hồng, người ta bàn ra tán vào rất nhiều về việc ông Xuân Tóc Đỏ của chúng ta... Ngẫu nhiên đã có hai phái tán thành và phản đối rất rõ rệt. Phái phản đối gồm có cậu Tú Tân, bà vợ ông Phán mọc sừng, do ông Typn làm lãnh tụ. Phái tán thành có ông Phán mọc sừng, cô Tuyết, bà vợ ông Típ Phờ Nờ, mấy cô khâu và gần tất cả mấy bác thợ may. Như vậy, chẳng cần phải nói, ai cũng biết Xuân Tóc Đỏ được đại đa số. Còn về phần cụ Hồng, cụ bà, cặp vợ chồng Văn Minh, thì ở vào trường hợp có thể chê trách được là: không có một thái độ rõ rệt. Những người ấy có thể xem mạnh bên nào thì ngả về bên ấy, thế thôi. Ở vào một tình thế chưa phân hắc bạch, rõ ràng, thì những người ấy phân vân là phải.

Phái phản đối có ông mỹ thuật Typn đứng đầu đã xoa tay sung sướng cho việc Xuân về ở hẳn nhà bà Phó Đoan như vậy thì tiệm may *Âu hóa* tránh được cái nạn có một người nhơ bẩn. Nhưng phái tán thành thì lại rất tiếc việc xảy ra ấy coi như vậy sẽ thiệt hại cho thương mại, sẽ ế hàng.

Và không hiểu vì lẽ gì, cái tin cô Tuyết sắp lấy Xuân cứ lan truyền từ mồm người nọ đến mồm người kia.

Chẳng biết cụ Hồng có theo cái lối cổ điển của Chính phủ là phao việc ra để dò dư luận của công chúng trước khi quyết định một việc gì hay không, nhưng kể về muốn biết dư luận thì đã thất bại, vì dư luận xôn xao lắm, có khi trái ngược nhau nữa. Người chê Xuân hạ lưu, người lại ca tụng Xuân dòng dõi bình dân. Vì lẽ bình dân và hạ lưu cũng khó phân biệt, vì hai cái ấy rất giống nhau, nếu phái này bảo phái kia nhầm lẫn và trái lại...

Người chê Xuân vô học, người lại quả quyết rằng về học thức của Xuân thì mấy ai đã bằng! Người muốn phá cuộc nhân duyên ấy nói:

– Chính tôi đã được lão Victor Ban mách rằng xưa kia, Xuân Tóc Đỏ chỉ là một thằng ma cà bông.

Nhưng người muốn tán thành cho cuộc ấy đã đáp:

– Ông có biết rằng ngay cả bác sĩ Trực Ngôn cũng kính trọng ông Xuân lắm, vẫn coi ông Xuân như là bạn thân hay không?

Trước dư luận như thế, cụ Hồng mặc dầu chưa biết xử trí ra sao, chỉ việc gắt: "Biết rồi... khổ lắm, nói... mãi...".

Trước những dư luận như thế, cụ bà chỉ đành ngán ngẩm thở dài mà rằng:

– Để dò xem con bé đã hư hỏng chưa rồi sẽ định liệu.

Và, trước những lời căn vặn của bố mẹ, cô Tuyết nhất quyết giữ thái độ của một thiếu nữ đã giải phóng bằng cách chỉ điềm nhiên trả lời: "Ông Xuân, đối với tôi, chỉ là một người bạn giai mà thôi".

Sau cùng thì, trước lời khai của cô em, ông Văn Minh cũng không thể kết luận thế nào cho được. Giai gái tự do giao thiệp với nhau, như thế là dấu hiệu của tiến bộ, của *Âu hóa*. Nếu ông nghi ngờ gì thì sẽ có hại cho danh dự của ông, một người chủ trương *Âu hóa*. Cho nên dẫu không bênh em ra mặt, ông cũng không dám kết tội em ông đã hư hỏng rồi! Ông thường than thầm một cách chính đáng rằng: "Ôi, giữ cái trách nhiệm rắc hạt giống văn minh cũng khó khăn nặng nhọc lắm thay!"

Trong khi ấy Xuân cứ điềm nhiên giữ luôn mấy chức giáo sư quần vợt, giáo dục một cậu con cầu tự cho khỏi hoàn cảnh xấu, cố vấn của sư cụ Tăng Phú trong việc chấn hưng đạo Phật. Chỉ thỉnh thoảng có thì giờ nhàn rỗi nó mới tạt qua hiệu may *Âu hóa* độ mười phút. Những khi ấy, trước mặt một số đông người, nó đã khôn khéo công kích và chỉ bảo cho bà chủ cũ một vài lối *lốp, si mát, dờ ray* để lấy oai chơi. Hoặc nó sửa chữa một kiểu áo, bắt bẻ một người thợ, tán tỉnh một vài cô khách tân thời, trước đôi mắt đỏ ngầu những căm hờn của nhà mỹ thuật Typn. Hay là bất thần nó hỏi một câu đại khái "Anh đốc Trực Ngôn có lại đây không? – Anh Joseph Thiết muốn hỏi tôi một việc gì, bảo tôi đến đây kia mà!" Hễ gặp Tuyết thì nó giữ một thái độ lạnh lùng, nghiêm trang làm cho Tuyết phải tủi thân, và làm cho kẻ khác phải tin hai bên có tình với nhau, sắp lấy nhau vân vân... Trò đời cái gì bàn lắm là nát, tranh luận lắm lại càng xa chân lý. Sau cùng thì không còn một ai biết rõ cái giá trị của Xuân là đáng

khinh trọng thế nào nữa. Người ta cãi nhau lắm, đâm ra thâm thù với nhau, thế thôi. Trong phái bênh vực Xuân, tựu chung vẫn có người vì nhớ cái ơn được che chở, chỉ muốn có một cử chỉ gì đền lại Xuân. Ấy là bà Típ Phờ Nờ vậy.

Buổi chiều hôm ấy, vừa ở nhà báo *Gõ mõ* ra, sau khi đã chén một bữa thịt chó hầm rựa mận như một thượng khách của những vị sư chân tu khác, mồm còn sặc những hơi men, mặt đỏ gay đỏ gắt, chân nọ đá phải chân kia, Xuân Tóc Đỏ đương đi về, tình cờ gặp bà vợ ông Typn cũng đương đi một mình với bộ y phục cổ lỗ, với mặt khổ sở của một thiếu nữ xấu số lấy phải một ông hăng hái cải cách xã hội và bảo thủ nghiệt ngã gia đình.

Bị ma men ám ảnh, Xuân Tóc Đỏ liền chớt nhả mà rằng:

– Ô kìa! *A mi* ơi! Đi đâu một mình vậy, bạn ơi!

Nhưng bà Typn thì rất hài lòng về thái độ bình dân và mới mẻ chưa thấy ai dám có như thế! Bà trông trước nhìn sau, thấy rõ ràng là phố vắng người rồi, mới dám bạo dạn đưa tay ra như một tân nữ lưu tập sự mà bắt tay Xuân Tóc Đỏ. Bà nhanh nhẩu nói:

– May quá, đương muốn tìm ông thì lại gặp ông ngay ở đây. Sao đã lâu nay ít khi thấy mặt ông ở tiệm may *Âu hóa* thế.

Vẫn một giọng khuếch khoác không đứng đắn như của một tân nhân vật thật sự, Xuân ề à kể lể:

– Bạn không biết rằng tôi độ này nhiều công kia việc nọ lắm hay sao? Nào là dạy họ đánh quần, nào là công việc thể thao, lại thêm cái anh Trực Ngôn chẳng ra gì ấy nhờ mình săn sóc đến cái giáo dục cho cậu con bà Phó, lại thêm lão sư cụ chùa Bà Đanh cứ khẩn khoản nhờ mình giúp tòa soạn tờ báo *Gõ mõ*, vậy thì bạn bảo từ chối sao được? Xưa nay ai cũng cho tôi là khinh người rồi! Cho nên thôi thì công việc cải cách xã hội bằng y phục để cho anh Típ Phờ Nờ chịu khó gánh vác lấy một mình cũng xong. Bạn ơi, có hiểu cho tôi chăng, hở *ami*?

Nghe nói đến đó, bà Typn cũng bạo dạn dùng đến lối xưng hô thân mật:

– Tôi vẫn hiểu rõ bụng dạ của bạn lắm.

Hai người bắt đầu lững thững đi như một bạn gái với một bạn trai hẳn hoi. Rồi bà Typn nói tiếp:

– Nhưng mà hình như không phải vì mấy lẽ ấy mà bạn không năng đến hiệu *Âu hóa*, có phải thế không? Với ai kia chứ với tôi, bạn rất nên nói thật. Tôi hỏi thế này có khi không phải nhé? Có phải vì cô Tuyết không?

Xuân Tóc Đỏ liền chối cãi một cách ngu dại để thú nhận một cách gián tiếp:

– Sao thiên hạ cứ hay nói nhảm thế? Tôi với Tuyết cũng chỉ giao thiệp cao thượng như tôi với bạn đây thôi chứ nào có tình ý gì!

– Ấy thế mà ai cũng bảo thế kia chứ?

– Sao nữa?

– Người ta lại đồn rằng cụ Hồng muốn gả Tuyết cho bạn nữa!

Xuân Tóc Đỏ sung sướng hết sức. Đó là lần đầu tiên nó được báo tin như thế. Tuy nhiên nó cũng vờ thở dài mà rằng:

– Cái ấy mà thật thì chí nguy! Không biết rồi từ chối thế nào cho được lịch sự đấy!

Bà Typn sửng sốt mà rằng:

– Ồ, thế ra bạn chưa ưng kia à? Tôi tưởng một người như Tuyết, đẹp, con nhà giàu, lại tân thời như vậy, mà bạn lấy được thì tưởng thanh niên trí thức nước Nam ai cũng ca tụng bạn về cái tài đào mỏ! Mà bạn lấy Tuyết thì còn cặp uyên ương nào xứng đôi hơn nữa!

Nghe nói, Xuân thấy cũng vui tai lắm. Nhưng nó chợt nhớ đến những cử chỉ bán sử nữ mà Tuyết đã giảng rõ ở khách sạn *Bồng Lai* thì nó bỗng buồn rầu lắm. Nó không thích một nửa chữ trinh, mặc dầu người ấy khôn ngoan đến bực không đời nào nhẹ dạ đánh mất cả chữ trinh.

Nghĩ thế, Xuân bèn thở dài:

– Rõ thật đa nhân duyên, nhiều phiền, lắm não!

Bà Typn lại nói:

– Gớm, bạn kỹ tính thật! Kén vợ đến thế thì...

Xuân lại làm luôn một câu:

– Nhưng mà tôi sợ nhất cái mọc sừng. Lấy Tuyết thì có phen người ta có thể đem tôi ra nấu thành cao ban long.

Bà Typn phì cười về câu mỉa mai cay chua ấy. Bà cho thế là cái ghen bóng ghen gió thường tình của tất cả đàn ông mà thôi, nên lại

nói một cách rất sốt sắng để tỏ dạ nhớ ơn, cái ơn được che chở lúc muốn ăn vận tân thời:

– Nếu vậy thì ra bạn cũng chẳng màng gì đến cuộc trăm năm ấy nhỉ? Vậy mà đã bao nhiêu người gièm pha bạn, vu oan bạn, nói xấu bạn...

– Ai thế? Những ai?

– Tôi chả nói, thêm thù thêm oán, mang tiếng đôi co mách lẻo. Bạn chỉ cần biết có thế.

Xuân Tóc Đỏ hỏi gặng đến mười bận nữa cũng chỉ được trả lời có thế, và bà Typn là một người rất đứng đắn, một người thuộc hạng không chịu nhận mình là đôi co mách lẻo. Bà lại tiếp:

– Bổn phận tôi phải bảo bạn biết là bạn bị gièm pha, nói xấu thì bạn nên biết thế thôi. Họ kêu bạn những là con nhà hạ lưu, vô học thức, làm nghề nhặt quần, ngày xưa đã thổi loa quảng cáo thuốc lậu, và còn nhiều điều xấu lắm, ê trệ lắm nữa.

Ngẫm nghĩ một lát, Xuân Tóc Đỏ cười nhạt rằng:

– Ghê nhỉ! Ấy là tôi mà họ dám nói thế, còn những kẻ khác thì không biết bị đến thế nào nữa? Tôi là ai, đã có anh Văn Minh, bà Phó Đoan, ông Phán giây thép, anh đốc tờ Trực Ngôn, và bạn nữa, hiểu rõ cái học thức của tôi. Mà những nhời nói xấu vu oan ấy chả của cái thằng Victor Ban ấy thì còn của ai nữa! Nhưng mà Tuyết đã rõ tôi là hạng người nào rồi.

Bà Typn hỏi ngay:

– Ồ! Sao biết thế? Hình như Ban thì đúng đấy! Mà Victor Ban đã bảo cho vị hôn phu của Tuyết biết, rồi người ấy lại viết chuyện ấy vào thư để sỉ nhục cụ Hồng!

– Có biết sao Victor Ban thù tôi không? Xưa kia, khi còn học trường thuốc, tôi có giúp nó mọi cách để mở hiệu thuốc. Sau biết rõ nó làm thuốc lậu bằng đất thó thì tôi thôi, rồi do thế nó thù tôi. Nhưng mà thù thế là ngu dại, tôi chả sợ...

Sau khi yên chí ở địa vị và học thức của Xuân rồi, bà Typn thấy đã đến lúc cần nói một điều hệ trọng đến danh dự to tát của Xuân:

– Này bạn ạ, tôi xin mách điều này thì bạn giữ kín nhé? Cụ Hồng bà kêu rằng nếu gặp mặt bạn bất cứ ở đâu thì cũng phải nhổ vào mặt bạn, tát vào mặt bạn đấy.

Xuân đứng dừng lại, kinh ngạc hỏi dồn:

– Tôi? Phỉ nhổ vào mặt tôi? Tát tôi? Tôi là một người đã cứu sống lão già to nhất nhà ấy, đã làm cho hiệu *Âu hóa* thịnh vượng như thế? Người ta đền ơn tôi·như thế? Sự đời thế thì... nói bạn bỏ lỗi, chứ... mẹ kiếp thật!

Bà Typn cuống quýt:

– Ấy chết! Xin bạn đừng nóng nảy thế!

– Thế thì tôi phải lại ngay nhà bà ấy để bà ấy nhổ vào mặt tôi mới được!

Bà Typn lại càng sợ hãi đến hóa điên, hóa dại, cứ giẫy nẩy lên:

– Chết! Tôi lạy ông! Ông đừng bảo tôi nói.

Lúc ấy Xuân quên hẳn mình. Nó đã bất tự trị. Nó chỉ còn thấy có lòng tự ái của kẻ vô học liều lĩnh... Vào những lúc liều lĩnh như lúc ấy, người ta có thể đùa giả mà đánh nhau đến chết người thật, vì bà Typn càng sợ hãi thì Xuân lại càng làm già. Nó gọi luôn hai cái xe:

– Cao su! Cao su! Mau lên hai cái!

Bà Typn càng lạy van, nó càng thản nhiên. Nhưng xe đến rồi thì làm thế nào?

Nó dỗ bà Typn:

– Bà cứ đến với tôi xem sao. Tôi không nói là bạn bảo thế đâu. Vả lại chưa chắc bà ấy đã dám nhổ vào mặt tôi mà bạn sợ lôi thôi mọi chuyện.

Bà Typn lên xe với tất cả mọi sự lo ngại trên đời. Nửa giờ sau, hai xe cùng đỗ. Hai người vào nhà.

Lúc ấy tình cờ nhà cụ Hồng lại có đủ mặt. Cụ tổ ngồi trong mâm ăn một bát cháo yến. Cụ Hồng đương nằm hút thuốc phiện trước mặt thằng bồi tiêm. Cụ bà, vợ chồng Văn Minh, cô Tuyết, cậu Tú Tân, thì được ngồi ở phòng khách. Xuân chào một lượt, mặt lầm lầm. Nó đến bên giường cụ tổ, hỏi to:

– Bẩm cụ vẫn mạnh khỏe? Bẩm sau khi tôi chữa cho cụ thì cụ không đau yếu gì nữa, không phải mời thầy chạy thuốc gì nữa đấy chứ?

Cụ già ngừng thìa, trọ trẹ đáp:

– Cảm ơn quan đốc lắm. Từ độ quan đốc chữa cho thì già vẫn khỏe mạnh, mà chưa biết lấy gì tạ ơn quan đốc đấy!

– Được ạ, có gì mà phải nhớ ơn!

Xuân vênh váo ra ngoài, hất hàm hỏi Văn Minh:

– Từ độ tôi không lại giúp được thì cửa hàng vẫn đông khách chứ?

Bà vợ Văn Minh đỡ lời:

– Vâng. Ấy có nhiều bà, nhiều cô hỏi thăm quan anh luôn.

Vẫn vênh váo, Xuân đút tay vào túi quần, nói dỗi:

– Hỏi thì làm gì? Tôi thì danh giá quái gì! Hạ lưu! Ma cà bông! Nhặt ban quần, không đứng đắn, chỉ đáng nhổ vào mặt!

Cụ bà lấm lét nhìn Xuân một cách rất sợ hãi, rồi đỡ đòn:

– Ấy chết! Ai lại dám nói thế! Sao quan đốc lại nói thế? Có điều gì mà quan đốc có vẻ không vui thế? Hay nhà này có ai sơ suất điều gì?

Thấy mẹ đấu dịu, Tuyết sung sướng, yên chí rằng người sêu tết cô đã nói nhảm. Victor Ban đã vu oan. Cô thì thào với Typn về chuyện ấy.

Xuân vẫn đi đi lại lại, hậm hực nói:

– Tôi chỉ muốn được có người nhổ vào mặt, tát vào mặt!

Lúc ấy hai vợ chồng Văn Minh đã lộn ruột lắm, đã muốn lột mặt nạ của Xuân lắm. Nhưng có vợ chồng ông Typn ở đấy, thằng bồi tiêm đấy, làm tan hoang thì hại danh dự một đời cô em. Hai người nhìn nhau, khó chịu. Còn về phần cụ bà thì, thấy dâu con như thế, cụ cũng đâm hoảng. Cái giận dữ cứng cỏi của Xuân, cái ơn to cứu khỏi cụ tổ, việc Tuyết, con gái mình phải lòng người ta, cái thư của người vị hôn phu, ngần ấy cứ khiến cụ luống cuống không còn phân biệt được hay, dở phải trái. Không biết ra làm sao, cụ đành dịu giọng:

– Mời quan đốc ngồi chơi. Nào nhà này có ai sơ suất lỡ lời gì đâu?

Xuân vẫn đi đi, lại lại, giận dữ nói:

– Tôi mà đã nổi giận thì có người chết! Tôi xấu thì cũng chả ai đẹp!

Mọi người đều im lặng. Ai cũng sợ hãi không dám nói gì cả. Xuân cứ lầm lầm cái mặt, đi đi lại lại độ 10 phút nữa; chỉ có tiếng góy giầy của nó là phá tan cái không khí im lặng của gian phòng. Nó sắp nguôi giận, đắc chí thì vợ chồng ông Phán mọc sừng dắt nhau vào làm cho nó chợt nghĩ đến số tiền năm đồng mà nó có thể dùng để trả nợ sư ông Tăng Phú một chầu chay... nay mai... Nó bèn ưỡn ngực nói:

– Thưa ngài, ngài là một người chồng mọc sừng!

Tất cả mọi người đều như là điện giật. Ông Phán giây thép ôm lấy ngực ngã khuỵu xuống đất, khặc khừ kể lể:

– Cha mẹ ôi! Đã đẹp mặt tôi chưa? Vợ tôi ngủ với giai mà đến ai cũng biết, cả bàn dân thiên hạ đều rõ! Rõ đau đớn, khổ nhục chưa!

Xuân Tóc Đỏ chưa kịp hoảng hốt về cái trò đùa ấy mà lại xoay ra bi kịch như thế, thì trong màn, ông cụ già cũng nấc một cái to, ngã xuống giường.

Cả nhà nhao lên, chia làm hai tốp, một thì đỡ cụ tổ, một thì đỡ ông Phán đứng dậy. Cụ bà cuống cuồng kêu van với Xuân:

– Xin quan lớn rủ lòng thương chạy chữa ngay cho cụ tôi...

Cụ tổ rền rĩ nói như sắp tắt nghỉ:

– Không cần! Để ta chết! Sống cũng nhục! Có chạy chữa thì chạy chữa cho cái thanh danh nhà tao, mà bọn chúng mày đã trót bôi nhọ! Thế!

Rồi cụ nấc nấc. Rồi cụ bà ứa nước mắt van lạy Xuân. Nhiều người nói giúp cụ bà nữa. Xuân Tóc Đỏ thấy những bi kịch như thế, liền thú tội, nói một cách thành thực rất nên tin:

– Thưa cụ, quả con vô học, xưa nay nhặt ban quần, hạ lưu, không biết thuốc ạ!

Rồi nó ra cửa, chạy thẳng một mạch như thằng ăn cắp.

Cụ bà rất hối hận. Những người khác chê Xuân vì thù riêng mà quên mất lương tâm nhà nghề, thế là một ông đốc tờ không xứng đáng, vân vân...

XV

HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA VĂN MINH NỮA CŨNG NÓI VÀO MỘT ĐÁM MA GƯƠNG MẪU

Ba hôm sau, ông cụ già chết thật.

Cả gia đình ấy đã nhao lên mỗi người một cách, đi gọi từ ông lang băm Tây cho đến ông lang băm Đông, già và trẻ, để thực hành đúng cái lý thuyết "nhiều thầy thối ma". Ông cụ già chết, danh dự của Xuân lại càng to thêm, vì cái lẽ rất chính đáng là luôn ba hôm nó

đã trốn một chỗ nào không ai biết, đến nỗi cụ bà cho người đi tìm đâu cũng không thấy. Thiếu ông đốc tờ Xuân là thiếu tất cả, những ông thầy thuốc chính hiệu đã thất bại hoàn toàn. Về phần ông đốc tờ Trực Ngôn, thấy bạn đồng nghiệp Xuân của ông không chữa, cho đó là một bệnh nặng, nên cũng không dám nhận. Đó là một bài học cho những kẻ nào dám bảo một người như Xuân là con nhà hạ lưu, ma cà bông, vô học, vô lại, nhặt ban quần, vân vân... Người ta lại đi mời cả cụ lang Tỳ lẫn cụ lang Phế, nhưng vì đã quá giận, hai cụ đã từ chối chạy chữa cũng như những vị danh y biết tự trọng. Người ta đã nghĩ cả đến thuốc Thánh đền Bia vừa mới chữa một người ho lao và một người cảm thương hàn bằng bùn đen và cứt trâu, công hiệu đến nỗi họ mất mạng, và quan trên lại điều tra ra rằng có một tụi cường hào tổ chức ra Thánh, mà tụi cường hào ấy lại ăn cắp tiền quỹ nữa, nên tự nhiên cũng hết thiêng liêng... Những việc trắc trở như thế đã làm cho ông già hơn tám mươi tuổi phải chết một cách bình tĩnh. Trong lúc gia đình nhốn nháo, thằng bồi tiêm đã đếm được đúng một nghìn tám trăm bảy mươi hai câu gắt: "Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!" của cụ cố Hồng.

Cái chết kia đã làm cho nhiều người sung sướng lắm. Ông Phán mọc sừng đã được cụ Hồng nói nhỏ vào tai rằng sẽ chia cho con gái và rể thêm một số tiền là vài nghìn đồng. Chính ông ta cũng không ngờ rằng giá trị đôi sừng hươu vô hình trên đầu ông ta mà lại to đến như thế. Ông cho rằng Xuân có tài quảng cáo lắm, nói một lời là có vài nghìn bạc, nên sau khi được lời hứa quý hóa của ông bố vợ, ông trù tính ngay với Xuân một công cuộc doanh thương... "Thưa ngài, ngài là một người chồng mọc sừng!" Ông Xuân chỉ nói có thế mà làm cho ông thêm được vài ba nghìn bạc thì khi ông Xuân nói đại khái: "Thưa ngài, thứ hàng này tốt nhất, buôn ở Tây phương" chắc phải có giá trị hơn nữa. Ông muốn gặp ngay Xuân để trả nốt năm đồng, trước khi buôn bán cũng phải giữ chữ tín làm đầu.

Cụ cố Hồng đã nhắm nghiền mắt lại để mơ màng đến cái lúc cụ mặc đồ xô gai, lụ khụ chống gậy, vừa ho khạc, vừa khóc mếu, để cho thiên hạ phải chỉ trỏ: "Úi kìa, con giai nhớn đã già đến thế kia kìa!" Cụ chắc cả mười phần rằng ai cũng phải ngợi khen một cái đám ma như thế, một cái gậy như thế...

Điều băn khoăn của con cụ, ông Văn Minh, chỉ là mời luật sư đến chứng kiến cái chết của ông nội mà thôi. Thế là từ nay mà đi, cái

chúc thư kia sẽ vào thời kỳ thực hành chứ không còn là lý thuyết viển vông nữa. Ông chỉ phiền một nỗi không biết xử trí với Xuân Tóc Đỏ ra sao cho phải... Xuân tuy phạm tội quyến rũ một em gái ông, tố cáo cái tội trạng hoang dâm của một em gái khác nữa của ông, nhưng tình cờ đã gây nên cái chết của cụ già đáng chết. Hai cái tội nhỏ, một cái ơn to... Làm thế nào? Ông phân vân, vò đầu rứt tóc, lúc nào mặt cũng đăm đăm chiêu chiêu, thành thử lại thành ra hợp thời trang, vì mặt ông thật đúng cái mặt một người lúc gia đình đương là tang gia bối rối.

Mà bối rối thật. Người chết, sau khi được quan trên khám qua loa, đã được khâm liệm đến gần một ngày rồi, vậy mà chưa thấy cụ Hồng ra lệnh phát phục, mặc dầu mọi công việc cử hành tang lễ đã quyết định xong xuôi. Phái trẻ, nghĩa là bọn dâu con, đã bắt đầu la ó lên rằng phái già chậm chạp. Cậu Tú Tân thì cứ điên người lên vì cậu đã sẵn sàng mấy cái máy ảnh mà mãi cậu không được dùng đến. Bà Văn Minh thì sốt cả ruột vì mãi không được mặc những đồ xô gai tân thời, cái mũ mấn trắng viền đen – Dernières créations! – Những cái rất ăn với nhau mà tiệm *Âu hóa* một khi đã *lăng xê* ra thì có thể ban cho những ai có tang đương đau đớn vì kẻ chết cũng được hưởng chút ít hạnh phúc ở đời. Ông Typn rất bực mình vì mãi không được thấy những sự chế tạo của mình ra mắt công chúng để xem các báo chí phê bình ra sao. Người ta đổ lỗi cho ông Văn Minh không khéo can thiệp, để mọi việc phải trì hoãn, cụ Hồng cứ nhắm mắt lại kêu khổ lắm, cụ bà hay lề lối, vẽ chuyện lôi thôi. Kỳ thủy sở dĩ chưa phát phục chỉ vì chuyện Tuyết, hay việc Xuân Tóc Đỏ đã gây ra cho Tuyết vậy.

Khi cụ Phán bà ở nhà người vị hôn phu của Tuyết ra về đến nhà mình, thì, trước những cặp mắt ngơ ngác của một bầy con cháu chí hiếu chỉ nóng ruột đem chôn cho chóng cái xác chết của cụ tổ, cụ bà đã lẳng lặng ra hiệu cho Văn Minh theo mình lên gác với cụ ông. Lúc này, cụ ông đã hút xong điếu thuốc thứ sáu mươi nên thằng bồi tiêm đã lui đi chỗ khác để mặc cụ hưởng những dư vị mà thuốc phiện còn để lại trong phổi. Trông thấy cụ bà, cụ ông ngồi nhỏm dậy hỏi dồn:

– Thế nào hở bà? Chuyện trò ra làm sao? Người ta có hối hôn không?

Cụ bà lẳng lặng ngồi xuống cạnh, Văn Minh cũng kéo ghế đến gần sập. Nghe ngóng mãi, cụ bà mới thở dài mà rằng:

– Thật khó nghĩ quá. Người ta không hối hôn, mà cũng không ra làm sao, mà người ta sắp đến phúng nữa, thế mới lạ chứ!

– Ô hay! Thế sao bà không bảo người ta cưới chạy tang đi có được không?

– Người ta cũng không muốn cưới chạy tang thì ông bảo tôi làm thế nào?

– Ô hay! Thế muốn bỏ hay muốn theo đuổi? Nhất định có cưới con Tuyết hay đã chê nó hư hỏng? Ít ra, họ cũng phải có một thái độ rõ rệt chứ?

Cụ bà lại hỏi cụ ông:

– Như thế thì ông thử đoán xem bụng dạ người ta nghĩ ra làm sao?

Cụ ông nhăn mặt lại, gắt:

– Mình đã tranh lấy mà đi, rồi lại về hỏi vặn người nằm xó nhà!

Từ đấy trở đi, cụ ông cụ bà cãi cọ nhau theo lối những cặp vợ chồng già, cổ điển của những gia đình nền nếp... những gia đình có những cặp vợ chồng không bao giờ ôn tồn với nhau trong mười lăm phút trò chuyện, bất cứ về vấn đề gì.

– Tôi ấy à? Tôi thì tôi cho là người ta chưa dám tin đích xác là con Tuyết đã hư hỏng.

– Tôi ấy à? Tôi thì tôi cho là người ta đã muốn hối hôn rồi. Bà đừng bênh con!

– Sao người ta còn định phúng viếng? Sao ông nói dốt thế?

– Ấy thế họ mới xỏ! Họ không hối hôn nhưng mà họ cứ để thế, để cho không ma nào dám hỏi con Tuyết nữa, rồi con gái bà sẽ chết già!

– Chưa chắc! Dễ họ cũng phân vân như mình, vì đến chính ngay mình, mình cũng không biết rõ con gái mình có hư hay là không! Cho nên khi tôi kêu rằng nên xin cưới chạy tang đỡ tốn kém, khỏi phải chờ đợi những ba năm, thì họ đáp rằng con giai họ cũng còn ít tuổi, lại đương ăn học, cũng chả vội gì mà phải cưới sớm, dù ba năm, chứ đến năm năm thì đợi cũng được.

– Thế bây giờ định thế nào? Như ý tôi thì hỏi ngay ông đốc Xuân xem ông ta có ưng không thì bảo ông ta cưới chạy tang cho xong chuyện đi.

Cụ bà cắn môi nghĩ ngợi. Cụ còn nhớ rõ lúc Xuân nói: "Tôi mà xấu thì cũng chẳng ai đẹp được!" rồi sau khi ấy, bảo ngay vào mặt ông Phán con rể cụ là mọc sừng cho con gái cụ phải ê trệ một phen.

Xuân nóng nẩy như thế thật đáng sợ, giá cụ trông thấy Xuân, cụ vẫn phải xấu hổ. Có một ông rể quý như Xuân kể cũng danh giá thực, nhưng cũng đáng sợ lắm. Không biết quyết đoán ra sao cả, cụ quay về, bảo ông con giai:

– Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà, phương ngôn nói thế. Mày làm con Tuyết phải hư hỏng, mày làm xấu mặt tao, bây giờ tao xin nhờ mày.

Cụ ông cũng gật gù mà rằng:

– Ừ! Thế thì *toa* nghĩ nên thế nào, hở *toa*? Con gái nhớn thì nguy như chứa bom ở trong nhà, có phải thế không? *Toa* nên nghĩ cách nào tống khứ nốt con bé thì nhà này không lo điều gì nữa.

Văn Minh ôm đầu ngẫm nghĩ hồi lâu đáp:

– Thế cũng không được. Người ta đang nghi nó phải lòng anh Xuân, bây giờ mình cũng gả chạy tang cho anh Xuân, như thế có khác gì thú nhận với người ta là con gái mình đã hư hỏng với anh Xuân? Chỉ còn cách là mặc kệ đấy, cứ việc ma chay cho xong chuyện đi rồi sau người ta xin cưới thì mình gả, bằng không thì hãy gả cho anh Xuân cũng chưa muộn.

Bà mẹ hỏi ngay:

– Dễ thế kia à? Sao hôm nọ, anh kêu chưa chắc người ta ưng thuận con bé.

Văn Minh đành phải chống chế:

– Nếu tôi nói thì chắc người ta cũng bằng lòng...

Về phần cụ Hồng, rất thích được có chàng rể như ông đốc tờ Xuân, thấy con giai nói thế thì cũng bằng lòng vậy, mặc dầu giá xong việc ngay thì cụ sung sướng hơn nữa. Còn Văn Minh, trước tình hình nghiêm trọng ấy, đành phải bóp trán nghĩ những cách nay mai gột rửa bằng xà phòng thơm cho cái quá khứ của Xuân Tóc Đỏ để, nếu cần, thì gả em cho một người như thế, ông cũng không đến nỗi xấu mặt. Trước kia ông bực mình về nỗi thiên hạ cứ nhầm mãi Xuân bao nhiêu, thì bây giờ ông lại mừng thầm cũng về một điều ấy bấy nhiêu. Cũng như một kẻ tân tiến khác, sau khi gây ra một việc bậy thì xấu hổ lắm, không có gan nhận lỗi nữa, ông đành ép lòng tìm những cái gì còn cứu chữa được. Ông đứng lên hùng hồn mà rằng:

– Thôi được, me cứ yên tâm, ba cứ yên tâm. Tôi sẽ làm thế nào cho con Tuyết lấy được chồng một cách danh giá thì thôi. Bây giờ xin cho phát phục, kẻo đã quá muộn.

Cả ba người yên lòng, xuống dưới nhà cất đặt mọi việc. Bọn con

cháu vô tâm ai cũng sung sướng thỏa thích... Người ta tưng bừng vui vẻ đi đưa giấy cáo phó, gọi phường kèn, thuê xe đám ma, vân vân... Tối hôm ấy, khách khứa đến hỏi thăm, phúng viếng, chia buồn tấp nập.

Sáng hôm sau, đúng 7 giờ thì cất đám. Hai viên cảnh sát thuộc bộ thứ 18 là *Min Đơ* và *Min Toa* đã được thuê giữ trật tự cho đám ma. Giữa lúc không có ai đáng phạt mà phạt, đương buồn rầu như những nhà buôn sắp vỡ nợ, mấy ông cảnh binh này được có đám thuê thì sung sướng cực điểm, đã trông nom rất hết lòng. Thành thử tang gia ai cũng vui vẻ cả, trừ một Tuyết. Tại sao Xuân lại không đến phúng viếng gì cả? Tại sao Xuân lại không đi đưa? Hay là Xuân khinh mình? Những câu hỏi ấy đã khiến Tuyết đau khổ một cách rất chính đáng, có thể muốn tự tử được. Tìm kiếm khắp mặt trong bọn người đi đưa đám ma cũng không thấy "bạn giai" đâu cả, Tuyết như bị kim châm vào lòng.

Hôm nay Tuyết mặc bộ y phục *Ngây thơ* – cái áo dài voan mỏng, trong có *coóc xê*, trông như hở cả nách và nửa vú – nhưng mà viền đen, và đội một cái mũ mấn xinh xinh. Thấy rằng thiên hạ đồn mình hư hỏng nhiều quá Tuyết bèn mặc bộ *Ngây thơ* để cho thiên hạ phải biết rằng mình chưa đánh mất cả chữ trinh. Với cái tráp trầu cau và thuốc lá, Tuyết mời các quan khách rất nhanh nhẹn, trên mặt lại hơi có một vẻ buồn lãng mạn rất đúng mốt một nhà có đám. Những ông bạn thân của cụ cố Hồng, ngực đầy những huy chương như: Bắc đẩu bội tinh, Long bội tinh, Cao Mên bội tinh, Vạn tượng bội tinh, vân vân... trên mép và cằm đều đủ râu ria, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc đen hoặc hung hung, hoặc lún phún hay rầm rậm, loăn quăn, những ông tai to mặt lớn thì sát ngay với linh cữu, khi trông thấy làn da trắng thập thò trong làn áo voan trên cánh tay và ngực Tuyết, ai nấy đều cảm động hơn những khi nghe tiếng kèn Xuân nữ ai oán, não nùng.

Với một đám ma theo cả lối Ta, Tầu, Tây, có kiệu bát cống, lợn quay đi lọng, cho đến lốc bốc soảng và *bú dích*, và vòng hoa, có đến ba trăm câu đối, vài ba trăm người đi đưa, lại có cậu Tú Tân chỉ huy, những nhà tài tử chụp ảnh đã thi nhau như ở hội chợ. Thật là một đám ma to tát có thể làm cho người chết nằm trong quan tài cũng phải mỉm cười sung sướng, nếu không gật gù cái đầu...!

Khi đi được bốn phố, giữa lúc Typn và bà vợ, bà Phó Đoan và ông Joseph Thiết, và mấy người nữa đương lào xào phê bình thái độ của Xuân thì thấy cả đám phải đứng dừng lại như hàng đầu gặp phải

một nạn xe cộ vậy. Giữa lúc ấy, sáu chiếc xe, trên có sư chùa Bà Banh, xe nào cũng che hai lọng, từ một ngả len vào chiếm chỗ sau năm lá cờ đen. Hai vòng hoa đồ sộ, một của báo *Gõ mõ*, một của Xuân, cũng len vào hàng đầu. Cậu Tú Tân vội chạy lên bấm máy ảnh lách tách rồi xuống thưa với mẹ. Cụ bà hớt hải chạy lên, rồi cảm động hết sức, vì nó là phần của ông Xuân, ông Xuân đốc tờ, và ông Xuân, cố vấn báo *Gõ mõ*, nên mới có sự long trọng như thế thêm cho đám ma. Cụ sung sướng kêu: "Ấy giá không có món ấy thì là hiếu chưa được to, may mà ông Xuân đã nghĩ ra hộ tôi!" Sư cụ Tăng Phú thì sung sướng và vênh váo ngồi trên một chiếc xe, vì sư cụ chắc rằng trong số thiên hạ đứng xem ở các phố, thế nào cũng có người nhận ra rằng sư cụ đã đánh đổ được Hội Phật giáo, và như thế thì là một cuộc đắc thắng đầu tiên của báo *Gõ mõ* vậy.

Xuân Tóc Đỏ cắt đặt đâu vào đấy rồi mới xuống chỗ những người đi đưa. Tuyết đã liếc mắt đưa tình cho nó để tỏ ý cảm ơn. Mọi người đã ngợi khen nó hoặc ghen ghét nó...

Đám ma đưa đến đâu làm huyên náo đến đấy. Cả một thành phố đã nhốn nháo lên khen đám ma to, đúng với ý muốn của cụ cố Hồng. Thiên hạ chú ý đặc biệt vào những kiểu quần áo tang của tiệm may *Âu hóa* như ý ông Typn và bà Văn Minh. Cụ bà sung sướng vì ông Đốc Xuân đã không giận mà lại giúp đáp, phúng viếng đến thế, mà đám ma như kể đã là danh giá nhất tất cả.

Đám cứ đi...

Kèn Ta, kèn Tây, kèn Tàu, lần lượt thay nhau mà rộn lên. Ai cũng làm ra bộ mặt nghiêm chỉnh, song le sự thật thì vẫn thì thầm với nhau chuyện trò về vợ con, về nhà cửa, về một cái tủ mới sắm, một cái áo mới may. Trong mấy trăm người đi đưa thì một nửa là phụ nữ, phần nhiều tân thời, bạn của cô Tuyết, bà Văn Minh, cô Hoàng Hôn, bà Phó Đoan, vân vân... Thật là đủ giai thanh gái lịch, nên họ chim nhau, cười tình với nhau, bình phẩm nhau, chê bai nhau, ghen tuông nhau, hẹn hò nhau, bằng những vẻ mặt buồn rầu của những người đi đưa ma.

Chen lẫn những tiếng khóc lóc, mỉa mai nhau của những người trong tang gia, người ta thấy những câu thì thào như sau này:

– Con bé nhà ai kháu thế? – Con bé bên cạnh đẹp hơn nữa! – Ừ, ừ, cái thằng ấy bạc tình bỏ mẹ! – Xưa kia vợ nó bỏ nó chớ? – Hai đời

chồng rồi! – Còn xuân chán! – Gớm cái ngực, đẫm quá đi mất! – Làm mối cho tớ nhé? – Mỏ vàng hay mỏ chì? – Không, không hẹn hò gì cả. – Vợ béo thế, chồng gầy thế, thì mọc sừng mất! vân vân... Và còn nhiều câu nói vui vẻ, ý nhị khác nữa, rất xứng đáng với những người đi đưa đám ma.

Đám cứ đi...

Đến huyệt, lúc hạ quan tài, cậu Tú Tân luộm thuộm trong chiếc áo thụng trắng đã bắt bẻ từng người một, hoặc chống gậy, hoặc gục đầu, hoặc cong lưng, hoặc lau mắt như thế này, như thế nọ..., để cậu chụp ảnh kỷ niệm lúc hạ huyệt. Bạn hữu của cậu rầm rộ nhảy lên những ngôi mả khác mà chụp để cho ảnh khỏi giống nhau.

Xuân Tóc Đỏ cầm mũ nghiêm trang một chỗ, bên cạnh ông Phán mọc sừng. Lúc cụ Hồng ho khạc mếu máo và ngất đi, thì ông này cũng khóc to "Hứt!... Hứt!... Hứt!..."

Ai cũng để ý đến ông cháu rể quý hóa ấy.

Ông ta khóc quá, muốn lặng đi thì may có Xuân đỡ khỏi ngã. Nó chật vật mãi cũng không làm cho ông đứng hẳn lên được. Dưới cái khăn trắng to tướng, cái áo thụng trắng lòe xòe, ông Phán cứ oặt người đi, khóc mãi không thôi.

– Hứt!... Hứt!... Hứt!...

Xuân Tóc Đỏ muốn bỏ quách ra thì chợt thấy ông Phán dúi vào tay nó một cái giấy bạc năm đồng gấp tư... Nó nắm tay cho khỏi có người nom thấy, rồi đi tìm sư cụ Tăng Phú lạc trong đám ba trăm người đương buồn rầu và đau đớn về những điều sơ suất của khổ chủ.

XVI

VỤ HIỂU LẦM SUNG SƯỚNG VINH QUANG! XUÂN TÓC ĐỎ CHINH PHỤC CẢNH SÁT GIỚI

Trông thấy Xuân rồi, Văn Minh nghĩ thầm: "Ừ, cái mặt thằng này thế mà cũng đỡ ma cà bông rồi đấy! Ăn mặc sung sướng cũng có khác! Bây giờ ta nói thế nào? Cắt nghĩa thế nào cho trôi việc đem nó

đến khai tên ở Tổng Cục? Chả lẽ nói ngay là định gả em gái cho nó nên phải nhắc nó lên từ một thằng nhặt ban lên địa vị một nhà tài tử? Có nên nói ngay hay không?" Ông đương bối rối thì Xuân đã mở cổng, giơ tay ra...

– Thế nào, bà Phán vừa đem cậu Phước đến chùa Bà Banh xin sớ.

– Có gì bận không?

– Tôi bây giờ rỗi lắm. À, bà đầm dạo này tấn tới lắm đấy nhé!

Hai người đương đi, bỗng nhiên ông chủ tiệm Âu hóa dừng hẳn lại. Ông vờ như không biết Xuân đã khen vợ ông, lảng chuyện ấy mà rằng:

– Anh nên lên gác thay quần áo cho trịnh trọng vào để mà đi theo tôi ngay bây giờ đây. Có việc rất quan hệ!

– Việc gì thế ạ?

– Đừng hỏi, cứ mặc quần áo đi đã!

Văn Minh chờ độ 10 phút thì Xuân đã xuống quần áo chỉnh tề. Nó chưa hiểu sắp đi đâu thì thấy chủ cũ nó gọi hai xe cao su, rồi nói:

– Này đầu đuôi làm sao mà em tôi mang tiếng rầm rĩ lên là hư hỏng với anh thế. Bây giờ anh đi theo tôi, vì tôi muốn cứu chữa lại tình thế nguy nan ấy ngay bây giờ...

Xuân Tóc Đỏ sợ lắm, nghĩ ngay đến sở Cẩm, sở Mật thám, Tòa án mà chủ cũ nó có thể nhờ Nhà nước tra tấn kìm cặp nó về tội quyến rũ con gái nhà tử tế. Nó đứng lại ngẫm nghĩ, không bước lên xe. Văn Minh phải nghĩ thầm: "Hay là thằng này nó không muốn lấy em mình? Hay chúng nó chưa có điều gì với nhau mà chỉ bị thiên hạ đồn nhảm mà thôi?" Ông đương phân vân thì Xuân đáp:

– Thưa ông, tôi có lỗi lắm, tôi xin lỗi ông. Tuyết yêu tôi, tôi cũng yêu Tuyết, nếu bây giờ ông chia rẽ chúng tôi thì là ông giết chúng tôi, vì chúng tôi đã trót với nhau rồi.

Nghe thấy thế, Văn Minh lặng người ra như gỗ. Thôi thế là xong! Em gái ông đã hư thật rồi, điều ấy không còn nghi ngờ gì nữa! Tuyết mà không lấy Xuân thì cũng không còn lấy được ai! Sự tình đã như thế, bây giờ chỉ nên nói ngọt cho đỡ ngượng mặt! Ông bèn quả quyết:

– Cái đó không hề gì! Tôi cứu chữa, nghĩa là tôi muốn cho anh danh giá. Tôi bảo anh đi là đi khai tên ở Tổng cục làm tài tử quần vợt để nay mai anh tranh đấu lấy cái quán quân Bắc Kỳ với những nhân vật thượng lưu khác. Tôi muốn nếu em gái tôi mà lấy anh thì là

lấy một nhà thể thao, chứ anh không nên chỉ là một thằng nhặt ban quần.

– Thế ra bây giờ tôi đi với ông đến Tổng cục thể thao?

– Phải! Anh xem, tôi là người tân tiến, óc tôi khác, không có phân giai cấp! Vì có tâm huyết với thể thao, lại nhận thấy anh có tương lai cho thể thao nước nhà, cho nên hôm anh phải đuổi, tôi đã nghĩ đến cách cứu giúp anh ngay, có phải thế không? Đấy anh xem, từ khi anh về giúp việc cho chúng tôi là địa vị anh cứ dần dần thay đổi, cho đến bây giờ thì anh đã nghiễm nhiên là một người khác. Thế rồi anh say mê em gái tôi! Âu cũng là duyên kiếp chi đó, vì nếu hai bên không yêu nhau thì tôi cũng vẫn định gả em gái tôi cho anh, vì cái ý ấy, tôi đã có từ lâu nay, nên bây giờ anh mới thế này được.

Trong những lời đáng cảm động như thế, lại lạ lùng đến như thế – sở Cẩm, sở Mật thám và Tòa án thì khác hẳn với Tổng cục thể thao – Xuân Tóc Đỏ ta nghĩ đến cái quá khứ xấu xa của mình. Nó tự thấy không xứng đáng làm chồng Tuyết, và phải từ chối đi thì hơn. Nó buồn rầu mà rằng:

– Thưa ông, cái hôm ông gọi đùa tôi là sinh viên trường thuốc trước mặt cụ cố thì ông đã làm cho Tuyết phải đem lòng yêu tôi. Nếu Tuyết lấy tôi thì Tuyết nhầm vô cùng, và tôi mà lấy Tuyết thì tôi lại đánh lừa một người con gái tử tế!

Những lời lẽ ấy làm cho ông Văn Minh rất hổ thẹn. Ông thấy tội ông to lắm. Ông thật không ngờ đến sự xẩy ra của một phút bông đùa. Ông bèn chữa thẹn:

– Cái đó không hề gì! Nghĩa là tôi biết anh hiểu y lý thì nói thế, quý hồ được việc, vì cái xã hội hủ lậu này vẫn coi trọng cái bằng cấp. Chứ anh là sinh viên trường thuốc hay không nữa thì tôi vẫn muốn gả em tôi cho anh.

Trước sự cam đoan nghiêm trọng ấy, Xuân lại rầu rĩ nói:

– Thưa ông, ông có lòng với con như thế thì thật tử tế quá! Nhưng ông xét lại có nên không! Tuyết, con gái nhà giàu đẹp đẽ, con nhà quý phái tân thời, còn con thì, như ông đã biết đấy, không cha không mẹ, lêu lổng từ bé, nhặt ban quần, bán phá sa, đã làm nhiều nghề hèn. Con nghĩ con không xứng đáng chút nào cả.

Văn Minh cau có nghĩ thầm: "Quái cho cái thằng này! Cần gì nó phải xoay ngay mình như thế. Phần gia tài của em mình như thế thì

nó chẳng phải vội cũng đã đủ là đào được mỏ chứ sao? Nó lại muốn bắt mình phải cam đoan điều ấy nữa thì đểu cáng thật!" Ông bèn đưa đón bằng giọng nằn nì:

– Cái đó thì việc quái gì! Làm gì có nghề hèn, chỉ có người hèn thôi. Tôi có óc bình dân, tôi rất ao ước có một người em rể bình dân như anh. Vả lại Tuyết nó cũng có vốn riêng đấy, lấy nó thì không lo sinh kế vất vả nữa, chỉ chuyên tâm về vấn đề thể thao cho nước nhà suốt đời mà thôi.

Xuân vẫn chối đây đẩy:

– Thôi, con chả dám nhận. Xin ông nghĩ lại cho con nhờ.

Văn Minh cáu tiết cực điểm, phải lên giọng dọa nạt:

– Thưa ông, đó là một vấn đề lương tâm! Ông đã làm cho một con nhà tử tế phải mang tiếng hư hỏng, tôi xin cứu chữa lại cái điều ấy. Nếu không thì không xong với tôi cho mà xem!

Xuân sợ hãi vội nói:

– Vâng, thì ông định đoạt cho tôi thế nào tôi cũng xin vui lòng.

Đến đây, Văn Minh thở dài sung sướng như những người thành công trong sự ép duyên khác. Không phải lo nỗi thất bại trong việc gả bán ấy nữa, có thể tự phụ được với mẹ, ông khoái chí trỏ cái xe cho Xuân Tóc Đỏ bước lên.

Đến "Tổng cục thể thao hội quán", Xuân Tóc Đỏ cảm thấy cuộc đời đã mở rộng con đường công danh cho nó. Những cái xe hơi đẹp đẽ, những người quần áo sang trọng tấp nập ra vào, nào Ta nào Tây, nào đầm, nào phụ nữ tân thời, ai ai cũng có vẻ sang trọng đã bảo cho nó rõ rằng từ đây mà đi thì nó đã có một địa vị to tát trong đám những bậc thượng lưu! Ôi! Thể thao! Cái gì mà mày không làm được, hở thể thao? Líp líp lơ!

Óc nó đương có những tư tưởng văn chương và hữu ích cho nòi giống như thế, thì Văn Minh đã đưa nó vào một căn phòng rộng rãi uy nghi như một nơi công sở, có những bức vẽ về *ten nít*, về đánh *bốc*, về múa gươm, về bơi lội, về nhẩy sào, về thi xe đạp, thi xe ô tô, đá banh tròn, đá banh méo, vân vân... Rất nhiều người bắt tay Văn Minh và nhân đó bắt tay Xuân Tóc Đỏ nữa. Trong khi họ hỏi thăm , trò chuyện với nhau ầm ĩ bằng tiếng Tây thì Xuân làm ra mặt khinh khỉnh, bộ mặt khó chịu, trọng tiếng mẹ đẻ mà khinh bỉ những kẻ cứ

giao dịch bằng tiếng Pháp những khi không cần phải thế. Bọn người kia cũng đã khó chịu về thái độ ấy. Văn Minh giới thiệu ngay:

– Thưa các ngài, đây, bạn tôi, Xuân, một giáo sư quần vợt, hôm nay đến để yết danh vào bảng các tài tử, mối hy vọng của Bắc Kỳ vậy.

Một nhà trí thức vội vàng sủa một tràng tiếng Tây vào mặt Xuân làm cho nó bĩu môi mà rằng:

– Xin ngài nói tiếng Ta cũng đủ!

Người ấy bẽn lẽn biết cái tội khinh tiếng mẹ đẻ, bèn chữa:

– Vâng, ấy tôi cứ quen mồm, ngài tha lỗi! Thưa ngài, được nghe đại danh đã lâu, nay mới gặp ngài tôi lấy làm thích lắm.

Xuân nghiêng đầu:

– Chúng tôi rất được hân hạnh!

– Cảm tạ ngài! Tôi đã được xem ngài thử tài với nhiều bạn, thật kính phục lắm. Ngài có tương lai lắm. Trong làng thể thao ta, ai cũng lo sợ không có người đọ sức với mấy cây quần vợt Trung Kỳ, Nam Kỳ, vậy mà bây giờ chính ngài ra đời, thì chúng tôi có phần trông cậy lắm. Chắc rồi đức Kim Thượng sẽ được thỏa ý, nếu ngài đánh đổ mấy cây quần vợt của Trung Kỳ, Nam Kỳ, rồi đại biểu cho Đông Dương để đi Xiêm.

– Chúng tôi rất mong được như thế.

Rồi lại đến cuộc bắt tay trịnh trọng để họ cáo biệt nhau... Hết người ấy đến vô số người khác, vì ông chánh tổng cục chưa đến đây, ai cũng muốn làm quen với người khác để khỏi phí thì giờ. Thành thử, bữa ấy, Xuân Tóc Đỏ được việc làm quen với mấy nhà tài tử quần vợt khác, con những ông tuần phủ, tổng đốc, những người rất “hân hạnh” mà thử sức với Xuân để lấy giải chung kết nay mai. Những lời khen ngợi rót vào tai nó không ngớt nữa, vì những ông cầm chắc sẽ thắng nó thì cũng ăn nói lịch sự với nó, và những ông kém cỏi, biết mình sẽ bại, thì nhũn nhặn với nó là lẽ cố nhiên vậy.

Có ba phóng viên thể thao của ba tờ nhật báo đã tranh nhau phỏng vấn nó, một vị giáo sư quần vợt, nghĩa là nhà nghề, mà lại khai tên ở bảng các tài tử, thì các việc ấy nêu lên một vấn đề rất quan hệ đến thể thao giới. Đó là một cách láu lỉnh ghê gớm của Văn Minh trong việc quảng cáo cái tên Xuân ra mắt quốc dân. Ông đã phải luôn luôn đứng bên cạnh Xuân như một con chó trung thành với

chủ, sợ Xuân sơ suất thì tiêu danh dự. Tự nhiên nó quá đứng đắn, rất có ý tứ, lại có bộ mặt khinh người của bậc thượng lưu nhân vật cẩn thận. Mỗi khi gặp một câu hỏi khó đáp, nó chép miệng hoặc tặc lưỡi một cái, chỉ vào Văn Minh bên cạnh mà rằng:

– Muốn biết điều gì, ngài cứ hỏi ông bầu của tôi đây.

Thành ra Văn Minh cũng được thơm lây, vì mỗi khi phóng viên chụp ảnh Xuân để báo tin một "hy vọng của Bắc Kỳ" cho độc giả, thì lại yêu cầu ông bầu đứng bên cạnh nữa.

Sau cùng, thì cũng như những kẻ tài trí tự tin vững ở mình, Xuân Tóc Đỏ thỉnh thoảng lại vỗ vai Văn Minh một cách thân mật mà rằng:

– Rồi tôi cũng cất nhắc anh lên đường công danh như Chim, Giao cất nhắc ông bầu Yên! Tôi quyết rằng vì tôi, anh sẽ được thiên hạ biết đến tên tuổi.

Những câu ấy làm cho Văn Minh sung sướng lắm, vì sự thế thật, mặc dầu nhờ có Văn Minh thì Xuân Tóc Đỏ mới ra hồn người.

Sau khi ký đơn trước mặt ông Tây, chánh hội, trị sự, và được các ông bắt tay thân mật, hai người vênh váo đi ra... Đến một chỗ rẽ, cả hai đều đâm sầm phải hai thầy cảnh sát như xe ô tô không trông thấy nhau nên húc phải nhau vậy. Xuân Tóc Đỏ mới thoáng nhìn đã nhớ ngay ra đó là thầy *Min Đơ và Min Toa*, ở bóp bộ thứ mười tám. Một thầy giở sổ và bút chì định biên phạt và nói:

– Chúng tôi vào bên phải, các ngài đi trái đường, vậy xin cho biên tên!

Văn Minh cãi:

– Vô lý! Không có luật nào như thế. Đây trong nhà chứ không phải ngoài đường mà phạt!

– Mặc kệ! Các ngài đã có lỗi vấp phải người Nhà nước, làm ngăn trở người Nhà nước trong lúc thừa hành chức vụ...

Xuân Tóc Đỏ ưỡn ngực ra mà rằng:

– *Me sừ* Xuân, giáo sư quần vợt, cái hy vọng của Bắc Kỳ!

Hai thầy nhìn nhau sợ hãi... Một thầy cũng ưỡn ngực vênh váo nói:

– *Me sừ Min Đơ*! Lính cảnh sát hạng tư, chiến công bội tinh, giải nhất Hà Nội – Hà Đông, giải nhì Hà Nội – Đồ Sơn, một cái tương lai của cảnh sát giới.

Thầy kia cũng theo gương bạn, vênh váo nói:

– *Me sừ Min Toa*, cảnh binh hạng năm, giải nhất vòng quanh Hà Nội, Hà Nội – Nam Định, cúp *Boy Landry*, cúp *Mélia Jaune*, một vẻ vang của sở Cẩm Hà Nội, một cái hy vọng của Đông Dương!

Sau khi khoe khoang những điều kiện cần thiết cho sự giữ trật tự của thành phố là như thế, hai thầy cảnh binh cứ đứng vênh mặt lên, quên cả sự biên phạt... Văn Minh nói bóng gió:

– Ấy đó, muốn làm người cảnh binh tốt thì phải như thế.

Một thầy họa theo:

– Chúng tôi cóc cần những tay *cua rơ* khác. Chúng tôi có 18 phố để cưỡi xe đạp suốt ngày đêm thì dẫu chăm tập như Bổng, Cổng, chúng tôi cũng *măng phú*!

Thầy kia nói thêm:

– Mà lại xe thường, mà lại *ru líp*, mà lại những phố đông, đường trường thì nhất. Vì lẽ không mấy khi được biên phạt, chúng tôi chỉ tập đua xe đạp cho đỡ buồn! Thể thao vạn tuế! Cảnh binh vạn tuế!

Xuân gật gù mà rằng:

– Té ra chúng mình là bạn đồng chí!

Hai thầy cùng đáp:

– Phải lắm! Phải lắm! Nhưng cũng có thể cứ phạt như thường!

Xuân lại nói:

– Chúng ta cùng làm việc cho tương lai thể thao, nòi giống vẻ vang!

– Còn phải nói! Cái ấy không hề gì cả.

– Thế thì vấp phải nhau vừa rồi chỉ là một tai nạn thể thao mà thôi. Ai lại còn phạt những người gặp tai nạn?

Hai thầy cảnh sát ngẩn người ra nhìn nhau, không hiểu kẻ kia nói vậy có là nói đúng luật không... Nhưng Xuân lại còn nói:

– Thôi đi, rồi chúng ta sẽ ngồi cạnh nhau, nếu nhà vua có yến đãi các nhà thể thao quán quân... Ai nỡ phạt nhau thế!

Văn Minh kêu lên:

– Không lôi thôi! Biên phạt thế là trái luật, không có luật nào phạt thế!

Thầy *Min Toa* xua tay mà rằng:

– Chúng tôi là cảnh binh thì cốt phạt chứ không cốt đúng luật hay trái luật! Người dân thường mới sợ, chứ người Nhà nước thì không sợ trái luật! Nếu ngài bảo tôi trái luật, thế là ngăn trở người Nhà nước trong khi làm phận sự!

Xuân Tóc Đỏ giảng hòa:

– Ngài nói có lý lắm! Nhưng thôi! Có phải ngài vào đây ghi tên không!

– Phải! Cúp *Sa Majesté* Hà Nội – Tourane!

– Thôi thì chúng ta cùng là trong làng thể thao vinh dự nòi giống. Phạt nhau thì hóa thù, vậy kết bạn với nhau hơn là thù. Từ đây chúng ta giúp ích lẫn nhau, quảng cáo cho nhau.

– Thế nào?

– Đại khái ngài phải nói rằng tôi là một tay quần vợt tài giỏi hy vọng của Đông Dương...

Hai thầy cảnh sát cùng hỏi dồn:

– Thế còn chúng tôi?

Xuân Tóc Đỏ lè nhè:

– Các ngài ấy à? Mỗi khi tôi trông thấy hai ngài đi tuần, thì chúng tôi bảo với mọi người rằng đó là hai ông cua rơ giỏi nhất, thuộc hàng cảnh binh chăm chỉ phận sự, hết lòng giữ trật tự cho thành phố, sẽ giật giải Hà Nội – Sài Gòn, đáng được quan chánh Cẩm thăng chức... phải không?

Hai thầy cảnh binh gật gù, bắt tay hai người, và không biên phạt nữa, và, do thế, té ra đã làm tròn bổn phận của những người cảnh binh đúng luật.

XVII

NGƯỜI VỊ HÔN PHU
MỘT VỤ CƯỠNG BỨC
CUỘC ĐIỀU TRA CỦA NHÀ CHUYÊN TRÁCH

Rất cảm động, Tuyết nói như một phụ nữ lãng mạn chân chính:

– Anh ơi. Thế thì em sung sướng cực điểm rồi! Có ai dám tưởng rằng việc trăm năm của chúng ta lại có thể thành sự thực được một

cách dễ dàng như thế không? Em sung sướng quá đi mất! Em muốn chết anh ạ! Em muốn tự tử!

Không hiểu những lời lẽ lãng mạn đầy thi vị ấy, Xuân cau mày hỏi:

– Tự tử! Trông chừng lấy được nhau đến nơi mà lại tự tử!

Tuyết trỏ tay ra mặt hồ Trúc Bạch cắt nghĩa:

– Nếu hai chúng ta cùng nhẩy xuống những lớp sóng bạc kia mà chết thì có phải cả nước sẽ bàn tán mãi về cuộc tình duyên ghê gớm của chúng ta không? Nhưng mà thôi, ấy là em nói đùa để làm nũng mình đấy. Khi thấy mình lo sợ như vậy, em đã đủ hài lòng lắm rồi, vì mình quả thật yêu em.

Xuân gắt như một người chồng đáng yêu:

– Gớm, mợ khó tính lắm, còn ai chiều được nữa!

Cả hai lại thung dung rảo gót đi. Lúc ấy mới 8 giờ sáng. Mặt trời chưa kịp xuyên qua những tầng mây bạc, hình như sợ phiền cho cuộc tình duyên tốt đẹp kia. Gió thổi hây hây như nịnh hót cặp uyên ương ấy. Xuân và Tuyết đã hẹn nhau đi chơi một cách rất cổ điển, nghĩa là con đường Cổ Ngư. Xuân đã nói hết cả đầu đuôi về việc Văn Minh đã dùng cái ngôn ngữ như thế nào để nó phải lấy Tuyết. Do thế, lòng tự ái của Tuyết hơi bị thương, tuy rằng cô đã lấy làm sung sướng lắm. Thấy Xuân bị bó buộc phải lấy mình, Tuyết nói đến tự tử là chính đáng lắm vậy. Nhưng sự thực, cả hai, lúc ấy, cũng đã mãn nguyện lắm rồi. Xuân hỏi:

– Tuyết ơi, em có biết vì đâu anh đem lòng yêu em không?

– Em thực thà cho nên anh yêu chứ gì?

– Là vì em dại dột lắm, lại định nhờ anh làm cái việc làm hại một người con gái con nhà tử tế. Sao em quá tin anh đến thế?

Tuyết so vai, đáp:

– Tại em thực thà! Đấy anh xem, có phải em đã cho anh khám để mà biết rằng em đây không giả dối, không thèm dùng vú cao su!

– Ừ, nhỉ! Ra vì đôi vú cao su mà thành ra chúng mình hiểu rõ cái bụng dạ thực thà của nhau! Nếu chúng ta sung sướng, ấy cũng chỉ vì đôi vú cao su của cuộc cải cách xã hội... vậy.

Tuyết reo:

– Âu hóa vạn tuế! Vú cao su vạn tuế!

Đương nhí nhảnh, Tuyết chợt nhìn thẳng ra phía trước mặt để phải cau khóe hạnh, nét ngài... Từ xa xa có một thiếu niên vận quốc phục, cái khăn lượt, cái áo the dài, đôi giầy hủ lậu, hình như đương rảo gót phăm phăm chạy đến. Tuyết đứng dừng, chán nản bảo Xuân:

– Đây kia là người vị hôn phu của em, mà em đã hối hôn để lấy anh. Dám chắc hắn chỉ muốn gây sự với em mà thôi! Em không muốn gặp mặt hắn, để anh đối phó. Anh nên cho hắn một bài học nhé? Thôi, em về chờ anh ở nhà bà Phó Đoan. Bây giờ hẳn ta có thể công nhiên trò chuyện với nhau ở nhà.

Nói xong, quay lại sau lưng thấy có xe tay, Tuyết vẫy tay rồi trèo lên. Xuân gật đầu chào rồi khoanh tay chờ đợi một cuộc sinh sự.

Thiếu niên kia khi đến gần Xuân, liền vòng tay vái chào như những nhà thâm nho. Xuân Tóc Đỏ gạt phăng đi rằng:

– Hủ lậu! Chưa tiến hóa mấy! Thể thao! Cải cách xã hội!

Thiếu niên cố nén cái tức, và cũng sợ nữa, bèn ấp úng:

– Bẩm... Tôi xin giới thiệu tôi... Chính tôi là người chồng chưa cưới của cô Tuyết vừa bỏ chạy đây kia!

Xuân Tóc đỏ cúi đầu:

– Chúng tôi rất được hân hạnh...

Rồi ưỡn ngực mà tiếp:

– Me sừ Xuân, giáo sư quần vợt, cái hy vọng của Bắc Kỳ!

Thiếu niên từ đây trở đi đã có vẻ một kẻ chiến bại:

– Hân hạnh lắm! Tôi xin lỗi ngài làm phiền ngài. Dầu rằng ngài tài giỏi lắm, nhưng xin ngài cũng chớ làm những việc có hại cho kẻ khác. Nếu tôi không nhầm thì hiện ngài đương chiếm đoạt vợ con người ta. Nhất là tôi đây, không có danh tiếng, không có tài cán, thì ngài được tôi cũng chẳng vẻ vang gì cho lắm!

Xuân Tóc Đỏ thấy ngay cái cần diễn thuyết cho người ấy một hồi dài bằng cách nói lại những điều đã học lỏm được từ xưa tới nay.

– Ông... không hợp thời trang, cổ hủ! Ông không biết điều! Còn tôi, tôi là người dự một phần trong việc Âu hóa, có trách nhiệm quốc dân văn minh hay dã man! Chúng tôi không phải chỉ cải cách bề ngoài như lời công kích của phái hủ lậu! Tiến theo luật chung của xã hội, giữa buổi canh tân này, cái bảo thủ là bị đào thải! Ông chưa được Âu hóa mấy! Một sự trở ngại đường tiến hóa! Thể thao... nòi giống... sức khỏe! Hạnh phúc là cái gì khác nếu không là sức khỏe của vợ chồng?

Người kia, sau một hồi ngẫm nghĩ, bèn đáp:

– Tuy nhiên... Tuy nhiên tôi cũng là con nhà tử tế... Về học thức, tôi cũng đã có bằng Thành chung. Về giòng giống, tôi là con một ông Phán, cháu nội một ông Huyện... Tuyết mà lấy tôi thì cũng xứng đáng lắm, việc gì phải giở mặt như thế?

Xuân Tóc Đỏ điên tiết lên mà rằng:

– Thế ông, ông có là con nhà bình dân không? Ừ, tôi xin hỏi: Ông có phải dòng dõi nhà bình dân không? Ông lạ lắm! Ông không đúng mốt! Phải biết cái gì là hợp thời trang chứ?

Người kia ra vẻ hổ thẹn lắm! Quần áo đã hủ lậu mà lại đến cả cái giòng giống cũng lại là con nhà tử tế không hợp thời trang! Thật là hỏng bét cả. Người ấy toan cãi thì Xuân đã giơ tay lên, hùng hổ tiếp:

– Còn tôi, tôi chỉ là con nhà hạ lưu mà thôi! Ngày xưa bán phá sa, bán dầu trên xe điện, làm lính chạy hiệu rạp hát! Chỉ có thế mà lấy được cháu gái cụ Hồng đấy! Ông muốn làm gì thì làm!

Người vị hôn phu bị hối hôn kia khiếp đảm vì câu nói mỉa mai ấy lắm! Anh ta nghĩ hẳn cái giòng giống của Xuân là danh giá cực kỳ và hẳn Victor Ban đã nói nhảm thì Xuân mới nhắc lại lời nói nhảm kia một cách ngạo mạn đến thế. Như con giun xéo lắm cũng quằn, bèn nổi nóng:

– Thưa ông, nếu ông đã nhất định như thế thì thôi! Nhưng mà tôi có bổn phận của một người lịch sự báo cho ông biết rằng trong cuộc tranh giành này, từ đây mà đi, chúng ta là hai kẻ thù sinh tử. Xin ông biết cho như vậy!

Nói xong, người ấy lại cúi chào lễ phép rồi quay đi ngay. Xuân Tóc Đỏ đứng ngây ra, ngẫm nghĩ mãi về lời dọa nạt ấy. Sau cùng, nó cũng lên xe để về với người yêu lúc ấy đợi ở nhà. Nó thấy hả dạ lắm, đã cho gã kia một bài học. Còn về cái thù sinh tử nó chẳng đủ sợ, bởi lẽ ở đời này, mỗi lúc mà ai giết được ai?

Khi về đến nhà, Xuân thấy Tuyết vẫn đợi ở phòng khách bằng cách xem cuốn sách ảnh. Lúc ấy 10 giờ. Nghĩa là lúc bà Phó Đoan chưa dậy, cũng như cậu Phước còn ngủ. Xuân sung sướng được tự do, dẫu là trong nửa giờ. Tha hồ chuyện với người yêu chẳng sợ ai ám quẻ.

– Anh ơi, anh cho hắn một bài học ra làm sao hở anh?

– À, tôi cũng có nói vài điều nghĩa lý cho gã ấy biết để gã thôi đi, đừng có hy vọng gì nữa. Nó mà địch với tôi thì lại làm sao được!

Nhưng hắn cũng là người biết điều. Sau khi nghe mình giảng giải, lại hoan nghênh lắm, và chúc chúng ta bách niên giai lão nữa!

– Lại chúc nữa cơ!

– Phải! Hắn nói: như vậy, Tuyết lấy ông là hơn lấy tôi... Tôi yêu Tuyết tất nhiên tôi phải được trông thấy Tuyết hạnh phúc.

Tuyết bèn nhẩy lên ôm lấy cổ Xuân:

– Thế thì đáng hôn anh một nghìn cái để thưởng mới được!

Xuân Tóc Đỏ nhận những cái hôn rất chính đáng ấy rồi thì thầm vào tai người yêu:

– Anh... bây giờ... chỉ muốn làm hại đời em một cách thật sự mà thôi!

Tuyết bĩu môi nói một cách luân lý học không thể nào ai công kích được nữa:

– Ê! Ê! Thôi đốt anh đi! Bây giờ thì việc gì đi nữa cũng chỉ làm lợi cho đời một người con gái đứng đắn và tử tế, là em mà thôi! Anh biết cho rằng em lãng mạn lắm.

Chợt Tuyết đuổi Xuân ra, khẽ nói:

– Khéo không mà có ai biết thì chết!

Xuân lắc đầu, khẽ đáp:

– Mẹ con bà Phó Đoan còn ngủ cả.

– Thế còn bọn gia nhân!

– Chúng nó ở cả dưới nhà kia mà! Để yên, anh yêu, chóng ngoan...

Sự rằng không vâng lời thì lại chẳng là một thiếu nữ ngoan ngoãn, Tuyết vui lòng để cho Xuân tự do mặc thích... Hai người dìu nhau ra ngồi ở ghế *đi văng*. Tuyết thì nhắm mắt lại để cho có vẻ một thiếu nữ mơ mộng chân chính sung sướng về sự thành công của cuộc hối hôn, của cuộc... cách mệnh cái gia đình hủ lậu và khốn nạn để tự do đi đến hạnh phúc cá nhân. Lúc ấy, cô muốn viết ngay một cuốn tiểu thuyết về đời mình, để làm gương cho những phụ nữ muốn giải phóng.

Nhưng chợt cánh cửa bị đẩy mạnh, bà Phó Đoan sừng sộ chạy vào? Cặp uyên ương hoảng hốt buông nhau ra. Bà này dậy lúc nào thế? Rõ nguy quá đi mất, bà vẫn cứ để quần áo ngủ mà xỉa xói vào mặt Tuyết như một người vợ ghen:

– Nhà tôi là nhà săm đấy à! Cô có biết cô làm ô uế nhà tôi ra hay không? Cô có biết thế là đĩ thõa lắm không? Mau mau ra khỏi cửa nhà này lập tức không mà xấu hổ với tôi bây giờ!

Tuyết hổ thẹn một cách xứng đáng, nguây nguẩy ra đi lập tức.

Bà Phó quay lại Xuân:

– Sao ông làm cái sự càn rỡ ấy? Ông có biết thế là khốn nạn lắm không? Ông làm hại một đời người con gái tử tế như thế à?

Xuân so vai, bực mình:

– Ấy là tôi làm lợi cho một đời người con gái tử tế!

– Làm lợi?

– Phải, Tuyết bây giờ đã làm vợ chưa cưới của tôi! Hôm qua, ông Văn Minh đã bắt ép tôi phải lấy Tuyết! Chính là bà làm hại danh giá chúng tôi, bà có biết không?

Bà Phó Đoan ngẩn người ra như người bằng gỗ. Lúc ấy, vì vừa ngủ dậy, bà chỉ có mặc quần áo ngủ mỏng manh, nó có thế lực làm cho thân thể bà lại lộ ra hơn là chủ nghĩa khỏa thân. Đương lúc rạo rực, đương cáu đến cực điểm, lại thấy trước mặt mình cái cảnh tượng khêu gợi ấy, Xuân Tóc Đỏ chẳng nghĩ ngợi gì nữa, bèn bắt đền cái sự thiệt hại cho mình bằng cách ôm xốc lấy vị tiết phụ đáng kính trọng ấy!

Rất tiếc cho cái công thủ tiết với hai đời chồng của mình, bị lôi kéo đến cái *đi văng*, bà Phó Đoan cứ phản đối một cách rất cương quyết bằng cách khẽ kêu:

– Ơ kìa! Hay chửa kìa! Ơ hay! Ơ hay!

Nhưng thằng Xuân Tóc Đỏ của chúng ta thì nào còn biết gì là nghĩa lý, là đạo đức nữa! Bưng tai giả điếc, nó cứ nhất định bắt đền. Từ đây trở đi, bà kia cứ khẽ kêu như một tiết phụ xứng đáng trong lúc bị xúc phạm:

– Ôi giời ơi! Người ta giết tôi! Người ta cưỡng bức tôi!

Bên ngoài, lúc ấy có tiếng kêu: "Em chã! Em chã!" rồi thấy hình như cậu Phước chạy huỳnh huỵch xuống thang. Bà Phó Đoan ngừng kêu để nói:

– Cậu ấy xuống tìm vú em để vòi đấy chứ quái gì!

Rồi bà lại kêu tiếp cho sự chống cự quyết liệt khỏi gián đoạn:

– Người ta giết tôi! Ối làng nước ơi! Thế này có khổ tôi không? Ai cứu tôi với!

Năm phút sau nó ngắn ngủi như một cái tích tắc đồng hồ, chợt thấy có tiếng gõ cửa. Hai người này vội chỉnh đốn y phục, chạy xa

nhau, mỗi người ngồi một ghế ở hai góc phòng, rồi bà Phó Đoan dõng dạc bảo:

– Cứ vào!

Đó là hai thầy cảnh binh *Min Đơ* và *Min Toa*! Theo sau thầy, có vú em của cậu Phước và người bếp. Một thầy cảnh sát nói:

– Thưa bà, chúng tôi được người nhà này gọi vào để cứu bà!

– Cái gì? Đứa nào gọi đội xếp vào nhà? Tôi làm sao mà phải ai đến cứu? Con vú hay thằng bếp láo như thế?

Tên bếp tái mặt, ấp úng:

– Bẩm con, thấy cậu Phước bảo con chạy lên, con nghe hình như có tiếng kêu rên, con hoảng hốt sợ quá.

Thầy lính *Min Toa* cắt nghĩa:

– Chúng tôi đương đứng ngoài đường thì nó mời chúng tôi vào!

Nhanh trí, bà Phó Đoan nói:

– Kêu rên? A à! Thì tôi đương đọc một đoạn truyện trinh thám cho thầy giáo đây nghe, chứ có gì đâu?

Thầy *Min Đơ* cười ồ ồ và thực thà nói:

– Rõ khéo! Thế mà nó kêu với tôi là vụ hiếp dâm nữa!

Bà chủ mắng người ở:

– Mày nhầm thế thì có phen bà chém cổ mẹ mày đi! Đồ con lợn!

Xuân Tóc Đỏ cũng làm một câu:

– Mẹ kiếp! Đồ láo!

Từ đây trở đi, ngần này người trơ mắt ra nhìn nhau. Muốn phá bầu không khí khó chịu, Xuân Tóc Đỏ lần lượt "giới thiệu" hai thầy cảnh sát cho bà chủ nhà chưa mất danh giá:

– Đây là thầy *Min Đơ*, cảnh binh hạng tư, chiến công bội tinh, giải nhất Hà Nội – Đồ Sơn, giải nhì Hà Nội – Hà Đông, một cái tương lai của cảnh sát giới!... Còn đây, ông *Min Toa* cúp *Boy Landry*, *Mélia Jaune*, sự vẻ vang của sở Cẩm Hà Nội, cái hy vọng của Đông Dương!

Hai thầy cảnh binh lại cùng "giới thiệu" Xuân với bà Phó:

– Đây me sừ Xuân, giáo sư *ten nít*, cái hy vọng của Bắc Kỳ!

Thấy không "giới thiệu" bà Phó nữa thì hỏng, Xuân lại nói:

– Đây là bà Phán, một phụ nữ đã thủ tiết với hai đời chồng, một bậc mẹ hiền, có công với làng thể thao!

Mấy người đều sung sướng lắm, những cái chăm lo phận sự của hai thầy cảnh binh làm cho hai thầy vẫn có điều chưa thỏa. Một thầy nói:

– Tự nhiên đi gọi chúng tôi, kêu là hiếp dâm! Chúng tôi đã mở cuộc điều tra rồi, thì ra lại không có. Đối với người Nhà nước, không phải chuyện đùa. Không phải tự nhiên chúng tôi đến đây để mà không trông thấy gì cả!

Thầy kia ngăn sự nóng nảy của bạn đồng nghiệp, lại tươi cười cắt nghĩa:

– Bà hiểu cho phận sự chúng tôi. Chúng tôi cũng muốn "dĩ hòa vi quý" lắm...

– Vậy thì, khi đã để chúng tôi mất công toi chạy lên thế này, thì âu là phải có biên phạt, vì người ta không phải mỗi lúc trêu ghẹo người Nhà nước mà là yên được. Vậy thì, đã không có hiếp dâm cho người Nhà nước trừng trị, âu là bà bằng lòng để chúng tôi biên phạt đại khái về tội thả rông chó ra đường.

Muốn xong chuyện đi cho rảnh, bà Phó gật đầu:

– Vâng, thì tùy ông.

Sự hòa giải khôn khéo về quyền lợi xung đột ấy làm cho người nào cũng được hưởng hạnh phúc. Bà Phó Đoan khỏi mang tiếng thất tiết với hai đời chồng cũ của bà. Xuân Tóc Đỏ khỏi bị mấy năm tù. Mà sở cảnh sát chi điếm bộ thứ 18 cũng đỡ phải điều tra rất lôi thôi.

XVIII

MỘT VỤ ÂM MƯU
XUÂN TÓC ĐỎ DÒ XÉT SỞ LIÊM PHÓNG
LỜI HỨA CỦA ĐỐC TỜ

Xuân Tóc Đỏ ở sân quần bước ra. Chỉ còn một tuần lễ nữa là nhà Vua ngự giá Bắc Tuần, cho nên nó phải tập riết với bà Văn Minh, vì bà này cũng chỉ chờ có dịp là tranh cái *cúp phụ nữ.* Lúc ấy đã sẩm tối, gần 7 giờ, Xuân không nhận lời mời đi ăn cơm của ông bầu –

phải, ông bầu – Văn Minh. Nói chối từ, vì đương có một điều phải nghĩ ngợi...

Thật là rầy rà! Mới trưa hôm nay, bà Phó Đoan đã mếu máo một cách rất thi vị mà kêu nó mau mau cứu chữa cho cái danh dự quả phụ trinh tiết của bà ta. Cuộc tình duyên vụng trộm ấy – nếu ta có thể nói được thế – không hiểu vì đâu đã vỡ lở tung tóe. Thiên hạ đã đồn đại cho nhau biết, bàn tán huyên thiên. Bà này đã nói thảm thiết: "Anh ơi, anh có biết là anh đã làm hại cả một đời danh tiết của em rồi đó không?" Vốn là người cũng có lương tâm, nó nhận thấy rằng quả nó đã làm hại người đàn bà đức hạnh ấy thật. Nó hối hận lắm, mà chưa nghĩ được cách cứu chữa làm sao? Rõ thật tai vách mạch rừng!

Nó đương hai tay đút túi quần, cái vợt cắp ở nách lững thững đi như một nhà triết học, thì bỗng trông thấy ông thầy số. Ông này đi co ro, cái ô đeo trên vai, đôi giày cũ cầm ở tay, với cái dáng điệu của một người phong trần. Ông này chỉ chào nó chứ không dám hỏi. Động tâm nghĩ đến cái công danh của mình, sở dĩ có cũng là một bữa chén long trọng, gọi là đáp ơn. Vì rằng sau khi kiếm được mấy đồng bạc ở nhà bà Phó Đoan thì thôi, ông thầy số cũng vẫn khổ sở như cũ.

– Thế ra cụ dạo này cũng không được phát tài?

– Dạ, bẩm, suông quá!

– Nhân tiện gặp cụ, tôi mời cụ đi chén, rồi ta sẽ nói nhiều chuyện.

Ông thầy số lập tức hoan nghênh. Xuân liền gọi xe, và nửa giờ sau, cả hai đã ngồi trong một quầy ở khách sạn Triều Châu, phố hàng Buồm.

Buổi tối hôm ấy, hiệu cao lâu đông khách ăn lắm, vì Hà thành đương nổi một cơn sốt rét trong cái sự sửa soạn tưng bừng để đón nhà Vua. Chính phủ định mở đại hội năm ngày trong đó có nhiều trò vui mới lạ. Người ta đồn nhau rằng không những đức Vua nước nhà ra thăm xứ Bắc mà cả ông vua nước láng giềng cũng ghé qua chơi, cùng vào dịp ấy. Vua láng giềng không phải là Vua xứ Cao Miên hay Vua xứ Lào. Nhưng mà là Vua Xiêm. Nguyên do bị nước Đức và nước Nhật xui khôn xui dại chi đó, chính phủ Xiêm đã tuyên bố khôi phục lại những đất đai cũ bằng cách xuất bản một bức địa đồ trong đó bờ cõi nước Xiêm cũ tràn lấn sang đến dãy núi Hoành Sơn. Muốn cứu vớt hòa bình ở Viễn Đông, chính phủ Đông Pháp bèn dùng những cách khôn khéo về mặt ngoại giao. Nhờ báo giới ba Kỳ hàng ngày

kêu gào rằng dân Xiêm hãy còn dã man, dân Việt Nam là con rồng cháu tiên đã mấy nghìn năm văn hiến thì không sợ gì dân Xiêm, nếu đánh thì ta đánh liền, chính phủ bảo hộ cũng được phấn khởi, và mời Vua Xiêm qua du lịch Đông Pháp, nhất là nước Việt Nam, trước là để giữ cái tình giao hảo của hai nước, sau là để Vua Xiêm biết rõ cái văn minh của con rồng cháu tiên, mà đừng có... làm bộ. Do thế, cái tấp nập của Hà thành trong sự tổ chức, sửa soạn, cắt đặt những việc để cùng đón một lúc những hai Nhà Vua. Cho nên hiệu cao lâu Triều Châu bữa nay đầy những thầu khoán, mật thám, nhà buôn, gái nhẩy, tài tử, những nhà thể thao, nghĩa là những người hoặc có quyền hoặc có phận sự phải góp sức vào cuộc đón tiếp vậy.

Sau khi phán mấy món để nhắm rượu, đã toan đem chuyện bà Phó Đoan, tương lai, vợ con, công danh, để hỏi ông thầy số mà nó đã tin là Quỷ Cốc phục sinh và Gia Cát tân thời, thì chợt Xuân Tóc Đỏ nghe thấy sau lưng mình cách một lần vách gỗ, có người nói đến tên. Tức khắc nó bèn nháy ông thầy số để cùng lắng tai nghe.

Ở quầy bên cạnh, có tiếng hai người xì xào bàn tán:

– Bác bảo tên nó là Xuân Tóc Đỏ? Thế mặt mũi nó thế nào?

– Để chiều mai tôi dẫn bác đến chỗ sân quần, rồi tôi cho bác nhận mặt để rồi đúng hôm Vua ra thì hành động...

Đến đấy thấy im một lúc, Xuân cau mặt nhìn ông thầy, vì ông này đã ngửa cổ ra toan uống cốc rượu, tuy những món đồ nhắm thì hầu sáng chưa đem lên. Bên kia thấy có tiếng nói tiếp:

– Tôi tưởng cứ diệt cho nó một trận ngay nay mai!...

– Không! Tôi muốn nó vào tù cơ! Nó làm cho tôi khổ suốt đời, tôi lại là người có học thức, thì tôi phải cho nó ít ra là 5 năm tù, 10 năm biệt xứ! Tôi đã có cách, bác cứ hứa là giúp tôi đi.

– Tôi xin hứa, nhưng bác định hành sự như thế nào? Phải cho chắc chắn mới được.

– Chắc chắn lắm! Không những kẻ tình địch của tôi sẽ vào tù, mà cả dự cuộc thi quần vợt ắt nó cũng không dự được nốt! Đã làm thì ra làm, bằng không thì thà thôi. Tôi sẽ in thạch một ít giấy có khẩu hiệu, nghĩa là một ít truyền đơn hô đả đảo Vua Xiêm! Đợi lúc đón tiếp nhà vua, tôi sẽ đứng sau lưng nó, còn bác thì đứng bên cạnh nó!

– Tôi sẽ phải làm gì?

– Bác sẽ cầm lấy một tí truyền đơn in thạch, kiếm cách nhét vào túi quần hay túi áo nó!

– Thế còn bác?

– Tôi? Tôi sẽ hành động khác, anh hùng hơn bác nữa! Tôi sẽ hét lên thế này: Chính phủ bình dân vạn tuế! Nước Pháp dân chủ vạn tuế! Như vậy sen đầm, cảnh binh, mật thám sẽ ập lại bắt cả bọn chúng ta...

– Ấy chết!

– Nhưng mà thằng nào có truyền đơn trong túi thì lòi ngay ra, hai chúng ta sẽ làm chứng là chính nó kêu, nghĩa là chỉ có một nó sẽ bị bắt.

– Được lắm! Nhưng tôi chưa hiểu tại sao bác chỉ nói: "Chính phủ vạn tuế! Nước Pháp dân chủ vạn tuế!" mà cảnh binh, mật thám, sen đầm lại ập đến được?

– Thế mà rất dễ hiểu đấy! Nước Pháp cai trị chúng ta tuy là dân chủ, nhưng mà vua nước ta thì là... quân chủ. Vua Xiêm cũng là quân chủ! Đón tiếp vua mà hô khẩu hiệu ủng hộ dân chủ, tức là có ngụ ý khuynh đảo Nhà Vua! Chính phủ bảo hộ ở đây là công minh và sắc mắc lắm. Tôi dám chắc nếu hô "Nước Pháp dân chủ vạn tuế" thì thế nào cái bọn người đứng ở chỗ chúng ta cũng đều sẽ được bị bắt!

– Hay! Hay! Diệu kế! Nhưng mà, ấy chết, bác phải khẽ cái mồm chứ mới được.

– Bác cũng phải reo to vừa vừa chứ mới được!

– Vâng! Tôi xin hết lòng! Bác gọi hộ một chai bố nữa lên đây!

Xuân Tóc Đỏ bèn đứng lên, lom khom nhìn qua chỗ hở ở trấn phong... Nó thấy ở quầy bên kia rõ ràng có người chồng chưa cưới hụt của Tuyết đương chén tạc chén thù với một người khác, quần áo ngắn, có búi tóc và đội mũ cát két, chân đi giầy tàu. Tuy người ấy trông cũng có vẻ du côn vào bực "anh chị" nhưng đó là một ông du côn đã bất hợp thời trang. Sau khi nhận mặt thật kỹ người ấy, nó điềm nhiên quay về uống rượu với ông thầy số.

Hầu sáng lúc ấy đã lần lượt bưng vào những món cao lương mỹ vị. Vừa ăn uống nhồm nhoàm, ông thầy số vừa tán:

– Bấm số tháng này tôi thấy cậu bị sao *Phục Binh*!

– Nghĩa là?

– Có người thù hằn cậu, đương muốn làm hại cậu, phải cẩn thận lắm đấy! Nhưng mà không hề gì, sẽ có phúc tinh phù trợ, vì tôi lại thấy có cả vị *Thiên phúc quý nhân*!

Nói xong, ông thầy số gắp một miếng chim sẻ rán bỏ gọn lỏn vào mồm y như điểm cái dấu chấm cho câu nói một cách mỹ thuật vậy. Xuân Tóc Đỏ chưa kịp hỏi gì ông Gia Cát tái thế ấy, thì trông ra ngoài, qua những lỗ hổng ở cửa quầy, nó chợt thấy hai người mà bề ngoài đủ tỏ ra là mật thám hẳn hoi. Bốn ống quần đều có cặp xe đạp, đủ tỏ rằng tuy là ăn mặc trá hình, hai người ấy vẫn không quên phô với người đời một cách kín đáo rằng mình là mật thám. Hai ngài này tình cờ lại cùng ngồi ngay vào trong một quầy bên cạnh cái của Xuân.

Tức khắc Xuân Tóc Đỏ cũng bỏ chỗ cũ, quay sang ngồi ở ghế bên kia. Nó cố ý nghe ngóng... Vài phút sau, ngẫu nhiên nó dò la sở Liêm Phóng thật, vì nó thoảng nghe thấy hai người rì rầm với nhau bằng những mẩu chuyện sau đây:

– Thầy đội, hôm nay ông Cẩm đã có lệnh hẳn hoi rồi! Vận mệnh cái xã hội này là ở tay chúng ta. Điều này là một sự bí mật ghê gớm phải giữ kín!

– Thưa cụ quản, xin cụ cứ dạy bảo.

– Cái chính sách của Nhà nước bây giờ là không mập mờ gì nữa. Từ nay đến hôm Vua ra, thầy phải tận tâm dò la và theo dõi những hạng người nào vờ cổ động chính sách Pháp Việt đề huề, Pháp Nam thân thiện, trực trị, nghĩa là những kẻ ngồi đâu cũng kêu “Chính phủ Bình Dân vạn tuế! Đả đảo phát xít!...” và những kẻ nào cũng bắt chước người Tây ở bên Tây, nghĩa là chào bằng cách giơ tay như muốn đấm!

– Bẩm... Bẩm Pháp Việt đề huề, Pháp Nam thân thiện, trực trị, mà cũng... dò xét?

– Chính thế! Bọn ấy mới thực là nguy hiểm cho trị an! Lúc khác thì không sao, nhưng lúc đức Vua ra đây thì bọn trực trị là đáng đề phòng lắm, vì họ muốn xén bớt quyền thế thiên hành đạo của nhà Vua.

– Bẩm thế còn bọn cộng sản?

– Cho ăn kẹo bọn ấy cũng không dám giở trò gì, vì xưa nay họ vẫn biết họ có tội. Nhưng bọn dân chủ thì lại khác, vì Chính phủ xưa nay vẫn ngơ đi cho họ, hay là đã có khi trót để cho họ tự do nữa, cho nên bây giờ chỉ lo họ thừa cơ... Dân chủ tức là xung đột với quân chủ.

Nếu có kẻ hô hào "đả đảo phát xít" thì lại càng nguy hiểm lắm vì thế là bất kính với Vua Xiêm bên láng giềng.

– Thế còn bọn quốc gia?

– Không sợ lắm, vì quốc gia không xung đột với quân chủ.

– Như vậy thì ngoài bọn cộng sản và quốc gia thì thôi, còn cứ việc... bắt ráo cả!

– Bắt ráo! Cần nhất là phải bắt những kẻ kêu: "Nước Pháp dân chủ vạn tuế!" và "Chính phủ Bình dân vạn tuế!" Về hai khẩu hiệu ấy xem chừng là xung đột với Vua Xiêm cả.

– Thế còn đối với những kẻ kêu "Quân chủ vạn tuế!" hay là "Nước Xiêm vạn tuế!" thì có bắt hay không?

– Ấy thế mới chết đấy! Điều ấy tôi lại chưa hỏi kỹ ông Cẩm... À, nhưng mà cần gì phải hỏi quan trên? Mình cứ việc bắt chứ, vì quân chủ vạn tuế thì lại xung đột với nước Pháp dân chủ, nước Xiêm phát xít được vạn tuế thì lại cũng nguy hiểm cho nước Pháp có chính phủ bình dân...

– Thưa cụ quản, âu là ta làm thế này: đối với những kẻ nào đi đón hai nhà Vua mà đứng ngây mặt ra như tượng thì thôi, ta tha bắt cho, còn kẻ nào ra ý vui mừng mà hô khẩu hiệu, hoặc vạn tuế nước Pháp, hoặc vạn tuế nhà Vua, thì ra cứ việc bắt giam cả một lượt!

– Chẳng biết có nên thế không?

– Nghĩ cho cùng kỳ lý ra, đằng nào thì họ cũng đều có tội cả cơ mà?

– Thầy nói chí lý lắm. Ta sẽ cứ thế để trị an. Nhưng thôi, ta đừng nói nữa, hay là nói khẽ chứ, vì đó là những... điều bí mật của Chính phủ mà ta phải giữ cho thật kín.

Xuân Tóc Đỏ chỉ nghe lỏm được có thế. Ở quầy bên cạnh, từ đấy trở đi chỉ còn thấy tiếng đũa bát lạch cạch, vì hai người thám tử đã nhất định giữ kín những bí mật đã hở. Tuy không biết thêm gì nữa, Xuân cũng cho là đủ rồi. Nó quay lại thì ra ông thầy số cứ cắm đầu ăn uống chứ không như nó, đã lắng tai nghe. Trông thấy không còn mấy thức ăn ở bàn, nó khoanh tay ngồi nhìn ông lão...

Khi ông này đã ăn hết nhẵn, nó mới đứng lên. Trong bụng nó lúc ấy cũng không có sự giận dỗi ông thầy bất nhã nữa, vì nó đã nghĩ được cách đối phó với sự âm mưu của kẻ tình địch. Như một kẻ thượng lưu biết khinh người, nó ra hiệu cho ông thầy đi theo...

Ra gần đến két, lúc nó sắp trả tiền, nó gặp ông đốc tờ Trực Ngôn cùng đi với hai thiếu niên, Âu phục bảnh chọe lắm. Bác sĩ bắt tay nó rất vui vẻ rồi giới thiệu:

– Đây, giáo sư Xuân, một nhà quần vợt... Đây ông Hải, một tay quần vợt đại tài, quán quân Bắc Kỳ năm 1936, và đây, ông Thụ, quán quân quần vợt Trung Bắc lưỡng kỳ năm 1935!

Xuân Tóc Đỏ bắt tay một lượt xong, cúi đầu rất thấp:

– Chúng tôi rất được hân hạnh.

Giới thiệu xong, bác sĩ Trực Ngôn vui vẻ nói:

– Thật là kỳ phùng địch thủ, anh hùng tương ngộ, vì thế nào ba ngài nay mai cũng phải chạm trán nhau trên sân quần, vào dịp đón Vua.

Đương lúc bất mãn vì chỉ được giới thiệu xoàng quá, may sao Xuân Tóc Đỏ trông ngay thấy ông cảnh binh *Min Đơ* và *Min Toa.* Hai ông này hôm nay nghỉ việc vì ở bộ quần áo cảnh sát thấy thiếu cái thắt lưng da và cái roi trắng. Nó toan sửa soạn một cái chào long trọng thì hai thầy cảnh sát đều đã đứng dừng lại ở bực thang, để tay lên chào nó theo kiểu nhà binh, và cùng nói:

– *Bông dua me sừ* Xuân, nhà quần vợt đại tài, cái hy vọng của Đông Dương!

Xuân mỉm cười bắt tay, lần lượt giới thiệu:

– Thưa các ngài, đây, ông *Min Đơ*, lính cảnh sát hạng tư, chiến công bội tinh, *cua rơ* hạng nhất, nhất Hà Nội – Hà Đông, nhì Hà Nội – Đồ Sơn, cái tương lai của cảnh sát giới!... Còn đây, ông *Min Toa*, nhất vòng quanh Hà Nội, nhất Hà Nội – Nam Định, cúp *Boy Landry*, cúp *Mélia Jaune*, một sự vẻ vang của sở Cẩm!

Ngần ấy người lại bắt tay nhau. Được giới thiệu xong hai thầy cảnh binh lại đứng "*gác đa vu*" mà chào Xuân rất trịnh trọng rồi mới đi vào chỗ bàn khách khứa.

Hai nhà quán quân quần vợt Bắc Kỳ 1935 và 1936, thấy Xuân nổi tiếng quá thế, cả đến cảnh sát giới cũng biết, thì lấy làm lo lắm. Cái khiếp đảm ấy lộ ra cả mặt.

Lúc ấy, Xuân đã hài lòng rồi. Nhân nghĩ đến một cái mưu mẹo riêng, nó bèn xin hẹn sẽ họp mặt với hai ngài để bàn một chuyện. Hai ông kia nhận lời ngay, cho thế là hân hạnh lắm. Sau cùng, Xuân

Tóc Đỏ bèn xin lỗi để mời bác sĩ Trực Ngôn theo nó đứng xa ra để nó được nói thầm. Nó bèn nhăn nhó nói:

– Thưa bác sĩ, ngài là một nhà học rộng, tài cao, xin ngài cứu chữa ngay cho một người đau đớn... có lẽ đến mất đức hạnh.

Bác sĩ Trực Ngôn nói ngay:

– Khoa học của tôi chỉ chữa được cái đau đớn thể chất thôi. Còn đau đớn tinh thần thì... chịu!

Xuân Tóc Đỏ lại kè nhè:

– Xin ngài chữa cho cái trinh tiết của một người góa chồng! Nếu không... thiên hạ chê cười.

Thấy câu nói quái gở, ông đốc tờ bèn khẽ gạn kỹ lưỡng. Xuân Tóc Đỏ chẳng ngần ngại kể lể cuộc tình duyên vụng trộm của nó với bà Phó Đoan. Vì đã có dịp thấy Xuân rất tri kỷ với mình, bác sĩ Trực Ngôn, sau khi ngẫm nghĩ hồi lâu, bèn hứa một cách nhũn nhặn y như những nhà bác học kiêu ngạo một cách kín đáo:

– Thôi được, bạn ạ. Để tôi dùng khoa học mà cố công cứu chữa cái đau vật chất ấy bằng thuốc tinh thần.

Sau khi từ giã ba người, Xuân Tóc Đỏ vui vẻ trả tiền bữa tiệc ở két, và không thấy ông thầy số đâu nữa.

XIX

NGỰ GIÁ BẮC TUẦN VÀ ĐÔNG TUẦN CÁI TỘI TUNG HÔ VẠN TUẾ THUỐC CHỮA LẲNG LƠ

Hai giờ chiều hôm ấy, dân Hà thành và dân Bắc Kỳ đứng chật ních hai bên hè những phố từ ga lên phủ Toàn Quyền, theo cái hành trình thường lệ, mỗi khi có một cuộc đón tiếp long trọng xưa nay. Binh lính canh gác rất uy nghi tề chỉnh. Quả cũng như người đồn, vua Xiêm cũng có ngự giá sang nước Nam. Từ trước khi được trông thấy mặt ông vua bên nước láng giềng, thiên hạ cũng đã rõ, bằng cách nhìn ảnh trên báo chí, rằng vua Xiêm còn trẻ tuổi lắm. Trên những

tờ nhật báo, người ta thấy những dòng chữ tít to tướng chạy dài cả bảy cột đại khái rằng: *Nước Việt Nam trong lúc hồi xuân – Một chỗ rẽ ngoặt trong lịch sử: Việt-Xiêm thân thiện – Ngự giá Bắc tuần và ngự giá Đông tuần*... (Bắc tuần là ý nói đức vua nước nhà từ Trung Kỳ ra đây. Đông tuần là nói vua nước Xiêm). Có tờ sốt sắng viết: *Hai vua tại một nước*!

Và có điều đáng để ý là báo nào cũng gọi việc vua Xiêm sang đây là một chỗ "rẽ ngoặt". Những tờ báo bảo hoàng thì đăng: Một cái hân hạnh đặc biệt cho bình dân Việt Nam: Cả vua Xiêm, nhân dịp, thân hành sang chơi với ta! Hai nước Xiêm-Việt từ nay bắt tay nhau trên đường tiến bộ! Duy có một tờ báo phản đối thì in lên trang nhất những câu xa xôi như thế này: *Tốt khoe ra, xấu xa đậy lại! Chớ để bị khinh!*

Bởi thế cho nên công chúng đi đón rước đã có quần áo rất diện, đến bậc đàn ông cũng nhiều người đánh phấn bôi môi. Hiệu Âu hóa cũng được cái dịp may đặc biệt chế tạo cho phụ nữ một bộ gọi là *Nghênh giá*. Tuyết cùng bà Văn Minh bữa ấy cũng mặc mốt ấy để *lăng xê* cho đám thượng lưu Hà thành.

Xuân Tóc Đỏ đứng với hai nhà thể thao ở một chỗ góc phố Hàng Cỏ. Nguyên do từ khi nghe lỏm được câu chuyện âm mưu của kẻ tình địch và cái bí mật đã hở của hai người thám tử, nó bèn có ý làm cho tình địch nó trước nhất phải thất bại là một, sau nữa phải nhân cái hành vi ấy mà làm lợi cho nó là hai. Cho nên nó đã cổ động với hai nhà quán quân quần vợt 1935 và 1936 (mà nó rất sợ bị hai người ấy đánh cho đại bại) ăn mặc một thứ y phục giống với nó. Ai cũng phải mặc quần trắng, đi giầy kép trắng, áo sơ mi cụt tay, với cái mũ cát két trắng trên đầu...

Vì vô tình, Hải và Thụ nhận lời ngay.

Vả lại, Xuân đã nói: "Chỉ có ba ta thôi? Ba ta ăn mặc khác đời! Phải tỏ mình là những nhà thể thao chứ đừng diện như bọn công tử bột!" cho nên làm gì mà hai nhà quán quân khờ dại kia lại không mắc bẫy! Hai người có hiểu đâu rằng chủ ý của nó chỉ cốt là để đánh lừa kẻ thù của nó và nhân mượn cái hành động của kẻ thù nó để hại hai người kia! Vua ra hôm trước thì hôm sau trong chương trình nghênh giá, có ngay ngày hội thể thao, mà tài nghệ của Xuân cố nhiên phải kém xa hai nhà vô địch cũ kỹ ấy. Thế, thật là có tài mà cậy chi tài...

Xe nhà Vua mãi chưa đến. Bách tính xem ý đã nóng ruột lắm. Hải và Thụ lúc ấy đương đứng khoanh tay cho bắp thịt nổi lên, và chỉ trông thẳng ra trước mặt như những bậc hiền nhân quân tử "mục bất tà thị" vì ở lề đường bên kia có mấy cô gái đẹp. Xuân Tóc Đỏ bèn đứng len vào giữa hai ngài. Nó thục tay vào túi quần ở phía sau của cả hai người để mượn khăn mùi soa một cách thân mật. Rồi nó hỏi một cách ngớ ngẩn:

– Thế nào ta tung hô ra sao? Thánh cung vạn tuế nhé?

Hai nhà quán quân mỉm cười chế nhạo và không đáp, Xuân Tóc Đỏ nhìn lại đằng sau luôn luôn Lúc trông thấy người tay sai của kẻ tình địch (cái mũ cát két ngoài cái búi tóc, đôi giầy Tầu, vân vân...) nó bèn khoanh tay đứng im... Đến lúc người ấy quả thật có lén bỏ cái gì vào túi quần nó, nó cũng tảng lờ như không biết. Khi người ấy sau cái việc bất chính, bỏ chạy ngay ra chỗ khác, nó từ tốn cho tay về phía sau, móc túi quần, lôi cái tập giấy mà nó chẳng buồn nhìn nữa, chia ra làm hai nắm mà nhét vào hai túi quần của hai bạn nó như người ta trả lại mùi soa. Vô tình, lại còn mải nghếch mắt nhìn những bông hoa biết nói ở bên kia vệ hè, hai nhà quán quân Hải và Thụ chẳng ngờ gì cả.

Xuân Tóc Đỏ lại liếc nhìn trong đám đông chung quanh xem người chồng hụt của Tuyết đâu. Mãi nó mới thấy. Anh chàng ấy hôm nay lại vận Âu phục, và đeo kính râm! Rõ là một kẻ định tâm hành động một việc ám muội. Anh ta đứng cách nó chừng năm người.

Tiếng lào xào, nô nức của công chúng đã từ xa dồn lại. Xe vua sắp đến. Người ta đã thấy tiếng móng ngựa của những lính kỵ mã khua vang lên. Xuân liếc nhìn sang hai bên cạnh thì đã thấy cả ông đau đớn vì tình lẫn ông du côn bất hợp thời trang đứng ở hai bên mình, chỉ cách có vài người, sửa soạn sẵn sàng để giở tay trong cái việc thảm khốc. Xuân Tóc Đỏ lại hỏi vờ hai bạn:

– Thánh cung vạn tuế hay thánh thọ vô cương?

Hải và Thụ vênh mặt khinh bỉ cái ý kiến hủ lậu, rồi bảo:

– *Toa* cứ việc làm như chúng *moa*!

Xe ô tô của hai đức vua chỉ còn cách dăm thước là đến chỗ ấy... Trong khi thiên hạ xô đẩy nhau hoặc chỉ trỏ nhau mà xì xào thì nhanh như một con cuốc lủi, Xuân Tóc Đỏ đã thừa cơ thụt lùi rồi rảo bước đi ngược xe vua. Đi đến chỗ cách trước hai mươi thước nó mới đứng lại. Bỗng thấy nhà quán quân Hải reo lên rất to:

– *Vive la France!* [1]

Rồi lại thấy mấy tiếng tung hô kế tiếp:

– *Vive la Front – Populaire! Vive la République Francaise!* [2]

Trong bọn công chúng, những người nào đứng ở vỉa hè đều trông thấy rằng từ quan Toàn Quyền, quan Thống Sứ, Đức Vua Nước Nhà, Vua Xiêm, đều có những bộ mặt sửng sốt, kinh ngạc. Đoàn xe hộ giá đi khỏi rồi, công chúng chưa được lệnh xuống đường, các binh lính cũng chưa được cất trật tự, thì có một đám đông cảnh binh, mật thám và sen đầm chạy đến vây bắt tốp người đứng ở chỗ có lời tung hô đưa ra.

Các nhà đương cục tức thời phải theo như thường lệ, nghĩa là khám túi những người bị vây, xem ai có trong mình những thứ nguy hiểm như bom, súng lục hay không. Khi thấy ở túi quần hai nhà quán quân quả nhiên có truyền đơn in thạch phản đối đế quốc Xiêm La, sở mật thám bèn mời hai ngài lên một chiếc xe hơi riêng giải về sở.

Vì ngày hôm ấy, các báo thông tin của thủ phủ Đông Dương đã xuất bản buổi sáng cả, nên vì không được rõ đầu đuôi manh mối, dân Hà thành tối hôm ấy xôn xao bàn rằng Chính phủ vừa bắt được hai tay quá khích nguy hiểm thuộc đảng "sơ mi trắng cụt tay". Cả đến Tổng cục Thể thao cũng không biết rằng đó là hai nhà quán quân quần vợt sáng hôm sau phải trổ tài trước hai đức Kim Thượng.

Cùng với công chúng tản mát hỗn loạn, Xuân Tóc Đỏ ra về. Gặp Tuyết và vợ chồng Văn Minh ở giữa đường, nó cam đoan ngay rằng cái giải vô địch quần vợt Đông Dương chỉ ngày mai thôi là phải về tay nó. Nhưng ông Văn Minh, bằng cái cách một ông bầu hoàn toàn, vội tâng công:

– Này, vua Xiêm cũng có đem một tay quán quân quần vợt sang đây, vì vua Xiêm cũng là một người hâm mộ thể thao. Sau cuộc tranh giải quán quân, thế nào nhà vô địch Xiêm cũng sẽ trổ tài trước công chúng Pháp Việt đấy! Nếu anh đã nắm chắc cái thắng, cũng nên sửa soạn cuộc tỉ thí với Xiêm La nữa thì vừa. Nếu anh lại được nốt thì thật vẻ vang cho xứ Bắc Kỳ, cho nước Việt Nam, cho Đông Dương!

Xuân Tóc Đỏ tắc lưỡi nói một cách thản nhiên:

– Còn phải nhờ ở số mệnh nữa mới được.

---

1. Nước Pháp vạn tuế!
2. Mặt trận Bình dân vạn tuế! Nước Cộng hòa Pháp vạn tuế!

Đương đi, cả lũ bỗng thấy ông đốc tờ Trực Ngôn tất tả chạy đến... Mọi người đều hoảng sợ, tưởng chừng có sự tai biến gì xẩy ra. Nhưng không, bác sĩ chỉ nói:

– Bà Phán mời tất cả anh em quen biết bữa nay lại dùng cơm chiều ở đàng ấy để ăn mừng cậu Phước của bà đã hết bệnh hắt sì hơi... Tôi được nhờ cái việc rủ anh em, chị em cùng đến.

Tuyết nói ngay:

– Ai đến thì đến, chứ tôi không đến!

Bác sĩ Trực Ngôn vội hỏi:

– Sao? Hay đã lại có chuyện gì?

Xuân Tóc Đỏ vội nắm tay bác sĩ, khẽ nói:

– Đừng hỏi nữa! Tuyết chính là vợ chưa cưới của tôi.

Bác sĩ Trực Ngôn ngẩn người ra, rồi khen Xuân:

– Bạn tốt số lắm. Tôi xin có lời mừng đấy!

Rồi thì người ta bắt tay chia biệt nhau, hẹn nhau đến chiều.

Có một sự đáng lạ là, ngày hôm ấy, bà Phó Đoan không đi đón vua, cả đến đi xem thiên hạ đón vua cũng không. Xuân cũng có ngạc nhiên về chỗ đó. Cho nên lúc nó về nhà, sau khi hỏi học trò Phước, mà học trò đáp lời rất thông thái rằng: "Em chã! Em chã!" nó được yên trí rằng cái trình độ trí thức ấy cũng đã tấn tới khá cao, nên hỏi đến bà mẹ. Không đáp lời, bà Đoan chỉ bưng mặt khóc, khiến Xuân Tóc Đỏ phải giậm chân quát thét:

– Gớm! Vừa vừa chứ! Mợ làm nũng thế thì không ai chịu được nữa! Ấy chỉ có bắt nhân tình với mợ còn khổ thế, giá định lấy mợ, không biết thế nào!

Bà Phó Đoan liền phân trần ngay cái làm nũng của mình bằng cách đưa ra hai tờ tuần báo *Con vẹt* mà rằng:

– Đấy, mình đọc hai cái đoản thiên tiểu thuyết của cái báo chí phải gió ấy mà xem! Tôi chỉ muốn đi kiện cho nó một mẻ...

Xuân Tóc Đỏ đọc thấy nhan đề một truyện "Bà chủ nhà" và truyện kia, nhan đề là "Vụ án mạng của bác Phắc tơ". Dưới bài ấy đề: dịch truyện *La Patronne* của G. de Maupassant, dịch truyện *Le crime au père Boniface* của G. de Maupassant. Nó vứt cả hai tờ *Con vẹt* xuống bàn một cách chán nản, thì nhân ngãi nó lại nói:

– Ô hay, sao không đọc? Họ viết truyện họ giễu chúng mình đấy mà!

– Thôi đi đừng bịa! Họ dịch của Tây, xem làm thèm vào!

Bà Phó Đoan mở to cặp mắt, sung sướng nói:

– Ớ! Thế mà sao lại y như họ nói anh và tôi! Xấu hổ lắm đấy, anh đừng tưởng bỡn!

Bất đắc dĩ Xuân phải ngồi xuống ghế, khoan thai đọc cả hai cái bài mà người ta bảo là nói xấu nó. Nhưng cảm tưởng của nó lại chẳng giống của bà Phó Đoan:

– Nghĩa là mình cũng phải có thế nào mới được người ta nói xấu chứ? Mợ chớ lo, ở đời này, càng những người danh giá càng hay bị báo nói xấu, và chỉ những kẻ không ai thèm biết tên tuổi là được ở yên thân trong xó tối mà thôi.

Nghe lời lẽ có lý, bà Phó Đoan cũng nguôi nguôi, thưởng cho Xuân Tóc Đỏ mấy cái hôn mà rằng:

– Cậu nói chí lý lắm! Cậu ngoan lắm!

Đã đến lúc nhọc mệt vì sự mơn trớn nạ dòng đấy, Xuân Tóc Đỏ đẩy cái mặt bự phấn ấy ra nhăn nhó kêu lên:

– Gớm nữa!

Thái độ ấy làm cho vị quả phụ thủ tiết ấy tức khắc nổi trận lôi đình! Thật thế, ai mà lại không phải tức, khi lòng tự ái bị thương! Bà Phó Đoan làm một hồi trầm trập:

– À! Đồ khốn nạn. Đồ sở khanh! Đồ bạc tình lang! Làm hại cả một đời người ta rồi thì bây giờ giở mặt phỏng? Này, con này chẳng phải tay vừa đâu! Liệu thần xác!

Xuân Tóc Đỏ đứng phắt lên, xua tay một cách chán nản:

– Thôi, tôi xin bà! Thế là tử tế lắm rồi! Bụng dạ bà tốt lắm! Tôi đã làm hại cả một đời bà ấy à? Cái đó cũng có lẽ, cũng có thể!... Nhưng mà vâng lời bà, tôi đã tìm cách cứu chữa rồi. Tôi đã đi mời cho bà một ông đốc tờ cẩn thận chứ đây không thèm gọi bọn lang băm.

– Ấy chết!

– Bẩm thật thế đấy! Chỉ nội tối hôm nay là có đốc tờ đến chạy chữa cái trinh tiết của bà.

Bà Phó Đoan sợ hãi quá, kêu thất thanh:

– Tôi không biết! Mặc kệ! Tôi không có gì mà phải chữa!

Xuân Tóc Đỏ:

– Bà tưởng đó là chuyện trẻ con đấy hẳn? Tôi với bà, như thế, dễ là chuyện đùa! Ai dám bảo bà đã buộc tội tôi, là làm hại một đời danh tiết của bà! Ai bảo bà bắt tôi cứu chữa?

– Mặc kệ! Tôi không lôi thôi!

Xuân Tóc Đỏ giơ tay lên thề một cách cực kỳ hệ trọng:

– Tôi mà nói đùa thì cả nhà cả họ nhà tôi bị trời tru đất diệt! Tôi cam đoan với bà là đã có ông đốc tờ Trực Ngôn cứu chữa cho bà! Mà ông ấy đến bây giờ đây!

Bà Phó Đoan lại kêu:

– Giời ơi! Ông đốc Ngôn! Thế thì tôi chết! Tôi phải chết.

Nhưng bà ta không được phép vật mình vật mẩy, hay giậm chân chan chát nữa, vì ở ngoài cổng, tiếng còi ô tô đã rúc lên inh tai. Bà vội nhìn lên đồng hồ, thì ra đã 7 giờ rồi, khách khứa đã đến dự tiệc bữa tối để mừng cậu Phước khỏi... Ngúng nguẩy (nói kiêng).

Họp mặt bữa ấy, trừ một Tuyết, còn thì có tất cả những người thượng lưu xã hội và bình dân chính tông, xưa nay hoặc giao thiệp với bà Phó Đoan, hoặc đi lại cửa hiệu *Âu hóa*. Cậu Phước ngồi ở ghế danh dự của bàn tiệc, cái đó đã cố nhiên. Sau một tiếng đồng hồ các quý khách chuyện trò rất thân mật và ăn uống một cách không giả dối, bỗng thấy bác sĩ Trực Ngôn đứng lên nói:

– Thưa các bà, các cô, các ông... Nhân tiện hôm nay có đông đủ mọi người trong chỗ thân mật giao tình, tôi có ý muốn diễn thuyết về một vấn đề xã hội và luân lý mà thiên hạ chưa có một quan niệm chính đáng. Trước khi lên diễn đàn, tôi muốn thử diễn thuyết ngay ở đây trước đã, để xem có nghe được không?...

Một vài người vỗ tay:

– Hay lắm! Trực Ngôn vạn tuế!...

Xuân Tóc Đỏ reo lên:

– *Líp líp lơ!*

Nhưng có một người hỏi:

– Khoan đã! Thế bác sĩ muốn diễn về vấn đề gì?

– Vấn đề đàn bà nạ dòng! Người đàn bà trên bốn mươi tuổi tại sao lại hay khát tình yêu? Xã hội có nên chê cười những người ấy không, đó là điều ai cũng nên biết!...

Một tràng vỗ tay đôm đốp hoan nghênh bác sĩ, (những bạn thân của bà Phó Đoan yên chí ngay là bác sĩ định nói sỏ bà). Cho nên bà Phó Đoan càng lo sợ, cái xanh xám hiện ra ngoài mặt. Bác sĩ Trực Ngôn bèn đứng lên, đọc ở một tập giấy:

– "Thưa quý thính giả, buổi tối hôm nay, tôi muốn đem chút ít sở học để nói đến "mùa thu ái tình", nghĩa là những mối dục vọng, những sự khao khát thiên nhiên của hạng người về già, mà người đời vẫn cho là không đáng có nữa. Xã hội ta xưa nay vẫn sống với những thành kiến hẹp hòi, ấy là vì khoa học chưa dẫn ánh sáng đến điều ấy. Thí dụ ta thấy một ông lão năm mươi tuổi còn mua hầu non, cưới vợ lẽ, ta chế giễu ngay là "Già chơi trống bỏi" ta khó coi (*vỗ tay*). Nếu là một người đàn bà mà dây dưa đến ái tình thì lại càng nhục nhã. Thôi thì thiên hạ chẳng còn ngại ngùng đem những lời độc ác mà chửi rủa, chê bai... Sự thực, công kích như thế là chính đáng không? Phải chăng về già, hay sắp về già, người đời hết giấy phép thỏa mãn tình dục? Không! Không! Vì điều ấy thuộc quyền tạo vật chứ không còn thuộc cái ý chí của bọn phàm trần chúng ta! (*vỗ tay*).

Trong một đời, người ta có hai thời kỳ khủng hoảng về tình dục, ấy là tuổi dậy thì và lúc sắp về già. Tạo hóa đã an bài ra thế, chứ loài người ít ai cưỡng được! Cái tuổi dậy thì nó gây ra sự khủng hoảng tinh thần cho thiếu niên bao nhiêu thì cái mùa thu của ái tình cũng gây cho lũ "lão gả an chi" sự bối rối bấy nhiêu. Các ông già thì cưới vợ lẽ, (*vỗ tay*) rồi bị thiên hạ chê cười. Các bà già rồi hay sắp già thì cũng lăn lưng vào vòng hoa nguyệt (*vỗ tay*). Hôm nay, diễn giả không cốt phô bầy ra đây những cái xấu ấy, nhưng mà là cắt nghĩa tại sao có những cái xấu ấy...

Bàn về sự khủng hoảng tình dục của đám phụ nữ nạ dòng (*bà Phó Đoan hắt hơi*), bác sĩ Vachet đã có những kinh nghiệm rất đúng thật. Tôi xin đơn cử ra đây vài đoạn để tỏ ra rằng những danh từ hoặc nông nổi hoặc vô nghĩa như phong hóa, suy đồi, ngứa nghề, lẳng lơ, già chơi trống bỏi, gái năm con chưa hết lòng chồng, vân vân... đều có thể đem cắt nghĩa bằng khoa học được lắm. Bác sĩ Vachet đã nói: sự khủng hoảng tình dục ở người đàn bà lúc trở về già, thường khi bầy ra những triệu chứng bất ngờ, quái gở. Do cái ảnh hưởng của sự rối loạn về kinh nguyệt, và tính khí, người đàn bà phải chịu một cuộc tai biến về sinh lý và tinh thần có ngụ cái ý khao khát tình dục rất rầy rà, lôi thôi. Có điều đáng buồn cho hạng phụ nữ bất kỳ động

cỡn ấy, là sự ấy nó chỉ nẩy ra vào lúc người chồng cũng già rồi, nghĩa là đã liệt dương, vậy thì còn biết làm thế nào? Muốn có một cậu nhân tình yêu mình cho tha thiết thì không còn được nữa, vì cái má đã răn reo (*vỗ tay*). Vả lại không phải bỗng chốc người đàn bà nào cũng cả gan bỏ cái thái độ cũ, mặc kệ hết thảy, bất cần dư luận, đem vứt đi một đời danh tiết... Khốn thay, dục tình vẫn ám ảnh, vẫn làm cho đỏ mặt và đập rộn lên cái trái tim...

Bởi thế cho nên, than ôi! Có rất nhiều bà tuy đã hết sức kiềm chế mình mà vẫn không biết rằng tính nết mình thay đổi nhiều lắm: hay giận dữ, nóng nẩy, hay gắt, chán đời hay ghen ghét, có khi ghen đức ông chồng về một chuyện từ ngày xửa ngày xưa, hay là bỗng trở nên thần bí về một lý tưởng tôn giáo, hoặc đồng cốt quàng xiên, mê tín...

Nếu người chồng còn tráng kiện, thì vợ như thế, là béo bở cho mình lắm. Than ôi, nhiều khi đức ông lại không đủ sức lực nữa, vả lại, ông còn bận rộn lắm công kia việc nọ để lo sự no ấm cho gia đình (*vỗ tay*). Nhiều khi người chồng đã chết mất rồi, cho nên phần nhiều các bà bị cái khủng hoảng kia là những đàn bà góa (*vỗ tay*). Khi số người ấy không tái giá, hay không nghĩ đến sự đi bước nữa, đã đành là các bà phải có tình nhân (*vỗ tay*). Kể ra thì có nhiều sự đáng tức cười, song le chỉ tại một nguyên cớ sinh lý, vì rằng cái thời kỳ khủng hoảng kia, than ôi, không mấy ai tránh khỏi, và may sao nó chỉ có hạn. Ta nên nhớ kỹ rằng đó là vì trong cơ quan sinh dục, những noãn sào thiếu máu, tử cung kết kinh, gây ra một cuộc hỗn loạn sinh lý vào cái lúc mà phụ nữ Việt Nam gọi là "hết tội" rồi về sau, qua một thời kỳ, những bộ phận khác sẽ tiết cho buồng trứng thứ nước cần thiết, người đàn bà hết bị khủng hoảng, lại có cái linh hồn lành mạnh như xưa!..."

Mọi người lại vỗ tay kêu ran!

Riêng về bà Phó Đoan, thì khi thấy ông đốc tờ đã ngồi xuống, bà mới được hoàn hồn. Không những sự cứu chữa mà Xuân đe dọa kia chẳng những không hại đến địa vị quả phụ của bà, mà dẫu rằng xưa kia đã có tai vách mạch rừng chi nữa thì cũng không sao, vì bà đã lẳng lơ theo đúng nghĩa lý sách vở của thánh hiền, nghĩa là bà được mừng thầm rằng mình đã trót hư hỏng một cách có tính chất khoa học.

XX

XUÂN TÓC ĐỎ CỨU QUỐC
XUÂN TÓC ĐỎ VĨ NHÂN
NỖI BUỒN CỦA ÔNG BỐ VỢ KHÔNG BỊ ĐẤM

Tuy giá vé vào cửa là ba đồng hạng bét, số công chúng sáng hôm ấy, cũng trên ba nghìn. Sân quần *Rollandes Varreau* của Hà thành bữa ấy thật đã ghi được một chỗ rẽ ngoặt cho lịch sử thể thao. Người ta đồn rằng có nhiều người hâm mộ vì đến chậm, không mua được vé, bèn hóa ra phẫn uất và chết một cách rất thể thao, nghĩa là tự tử dần bằng thuốc phiện không có dấm thanh, hút vào phổi.

Cụ cố Hồng, ông Văn Minh, bà Phó Đoan, ông Typn và nhiều người khác, đều đã chán nản lắm, vì bà Văn Minh đã đại bại về giải quần vợt phụ nữ bản xứ. Tuyết cố làm cho ông bố đỡ buồn, kêu rằng cái phần danh dự của gia đình cũng còn có cơ cứu chữa được, vì mọi người còn hy vọng vào Xuân.

Lúc ấy, trên sân quần có hai cô đầm đương tranh cái giải vô địch phụ nữ Pháp nên những người của hiệu *Âu hóa* đứng xem cũng không sốt sắng mấy.

Trên khán đài, ngồi giữa những vị quan chức văn võ cao cấp của ba chính phủ, công chúng thấy rõ, từ trái sang phải: quan Toàn quyền, quan Thống sứ, Đức Vua nước nhà, S.M. Prajadophick vua Xiêm. Tuy vận Âu phục, vua Xiêm cũng đội cái mũ bản xứ bằng kim ngân châu bảo, trông như một cái tháp cao, vì nó có đến chín từng gác, cứ lên cao thì lại nhỏ lại, một thứ biểu tượng của cái nước một triệu con voi. Đằng sau nhà vua, một viên quan hầu Đức và một viên quan hầu Nhật tỏ rằng nước Xiêm đương tiến bộ mạnh mẽ trên đường tự lập. Việc nhà tài tử Luang Brabahol cũng ngồi sau đấy (quán quân quần vợt Xiêm La) tỏ rằng đấng thiếu quân của đất nước triệu tượng cũng sẵn lòng khuyến miễn thể thao. Lại nữa, nếu ai tinh ý, thì cũng thấy rằng mấy ông trị sự Tổng cục thể thao Bắc Kỳ lúc ấy đương lo sốt vó, đương hóa điên hóa cuồng, vì giờ tranh đấu cái giải chung kết đã sắp đến rồi, mà vẫn chưa thấy mặt hai nhà quán quân cũ, Hải và Thụ, ở sân!

Làm thế nào bây giờ?

Tổng cục đã phái rất nhiều người sạo sục khắp bốn phương trời, để họ phải lục lọi cho ra hai cái ông quán quân bí mật ấy, nhưng vô hiệu quả! Chính gia đình của hai ông cũng kêu không biết hai ông đi đâu từ đêm hôm trước. Làng thể thao nhốn nháo lên, kẻ ngạc nhiên sửng sốt, người lo sợ kinh hoàng. Không ai biết rằng lúc ấy, hai ngài vẫn còn nằm trên cái sàn lim có nhiều rệp ở căn phòng đề bô của nhà Sécurité. Chính sở Mật thám mà cũng lại không biết nốt, vì có bao nhiêu nhân viên đều chia nhau đi hộ giá ngoài phố cả, người ta chưa có người và chưa đủ thì giờ xét căn cước và hỏi cung hai kẻ bị bắt kia nữa! Và Tổng cục kết luận rằng đó chính là một sự phá hoẳng, một cuộc phản trắc, một vố chơi sỏ lại Tổng cục, cũng như cái thói, cái thông bệnh của những nhà thể thao có danh tiếng xưa nay. Sau cùng Tổng cục đành phải cứu chữa sự sai hẹn của mình trước công chúng, bằng cách mời nhà quán quân quần vợt Xiêm La ra thử tài với Xuân Tóc Đỏ.

Tiếng loa vừa vang lên xong, công chúng vỗ tay hoan nghênh tức khắc. Vì rằng tài nghệ của Hải, Thụ và Xuân, thì người ta đã nhiều lần được mục kích rồi. Nhưng thiên hạ chưa ai được biết cái tài năng của Luang Prabahol, nhà quán quân Xiêm La! Công chúng Pháp Nam lại còn được rất hài lòng vì cho rằng Tổng cục không đề cử Hải và Thụ mà chỉ bắt Xuân là một người chưa chiếm quán quân năm nào, thì đó chính là một cử động kiêu ngạo rất kín đáo vậy. Cho nên ta không cần phải xét đến cái sung sướng của Văn Minh, ông bầu, khi ông này được ban trị sự Tổng cục nói rằng người của ông được đại diện cho Hà thành để giữ cái danh dự cho Tổ quốc, trước nhà vô địch Xiêm.

Công chúng luôn luôn vỗ tay hoan hô Xuân, còn trên khán đài, đức vua Xiêm đã lộ ra mặt rồng tất cả sự thịnh nộ của vị thiên tử thế thiên hành đạo ở cái nước có hằng triệu con voi. Thật là một tiếng sét, vì sự thua kém của tài tử Vọng Các là rõ rệt quá, và ở *séc* đầu, Xuân Hà thành được 6 – 1. Đức vua nước nhà, quan Toàn quyền và Thống sứ đều băn khoăn lắm, vì nếu Đông Pháp nhân đó mà mượn danh tiếng về mặt thể thao thì, đối lại, về mặt ngoại giao có thể rầy rà, lôi thôi. Than ôi! Đó là cái lợi thiên nhiên, đích đáng của mọi sự trên cái thế gian này! Đến *séc* thứ nhì, công chúng thấy Xuân đánh uể oải hình như chấp bên địch. Ông bầu Văn Minh rất lấy làm lo. Kết quả: 5 – 7. Những người không nông nổi đều hiểu ngay đó là Xuân để dành sức.

Mấy *giơ* đầu ở *séc* thứ ba tỏ rằng hai bên cùng gắng hết sức. Tuy Luang Prababol đã trổ ra hết tài năng mà cũng không lấn át được Xuân. Đến lúc trọng tài hô 15 – 30, trông tài tử của mình đã nắm phần thua, vua Xiêm tức thì lôi trong túi áo bào ra cái bản đồ Ấn Độ Chi Na đã do chính phủ Xiêm vẽ lại, tức là bản đồ nước Xiêm cũ có bờ cõi ở núi Hoành Sơn. Ngài ngắm nghía cái bản đồ mà không nhìn ra cuộc đấu nữa. Viên quan hầu Đức và viên quan hầu Nhật đều cùng ghé tâu một cách thì thào *"La guerre! La guerre!"*. [1]

Dưới sân, đám công chúng Pháp Nam ngây thơ, vô lo vô lự, vẫn vỗ tay rầm rộ để ủng hộ Xuân. Viên trọng tài luôn miệng hô;

– *Ca răng! Ca răng ta! A văng ta sê vít! A văng ta đờ o!* [2]

Sự hồi hộp của mọi người là không thể tả được. Cho nên đám bách tính quần dân kia không biết rằng giữa lúc ấy Đức vua nước nhà, quan Toàn quyền và quan Thống sứ đã đưa mắt nhìn nhau... Rồi ông Giám đốc chính trị Đông Dương sau khi tai nghe một hiệu lệnh của quan Toàn quyền, tức thì bỏ khán đài, chạy xuống sân đi tìm ông bầu của Xuân Tóc Đỏ. Văn Minh rất cảm động khi thấy vị thượng quan ấy của Chính phủ mời mình ra một chỗ vắng hấp tấp rỉ tai đại khái như thế này:

– Chính phủ Bảo hộ và Chính phủ Nam triều cử bản chức tới nhờ ngài một việc tối hệ trọng, có quan hệ mật thiết đến vận mệnh của đất nước. Nghĩa là bản chức yêu cầu ngài bảo tài tử của ngài phải nhường, phải thua nhà vô địch Xiêm ngay đi! Tuy mất cái danh dự thắng cuộc, các ngài sẽ được Chính phủ bù cho bằng những cái khác một cách rất hậu hỹ!

Ông bầu Văn Minh còn đương ngạc nhiên há hốc mồm ra, thì vị quan to lại tiếp luôn:

– Ngài cứ biết nghe đi đã! Cái việc này là rất khẩn cấp, cái thời giờ là rất ngắn ngủi! Nếu An Nam mà được Xiêm La về quần vợt thì thế nào cũng có nạn chiến tranh! Chính phủ Pháp chủ trương Hòa bình, các ngài phải trông gương đó mà tránh cho bách tính lương dân cái nạn núi xương, sông máu! Thôi, chốc nữa ta sẽ nói chuyện nhiều.

Bởi thế, giữa lúc công chúng reo ô reo a huyên náo cả một góc trời, giữa lúc viên trọng tài kêu *Ca răng, ca răng ta, đờ o, séc vít* thì

---

1. Chiến tranh! Chiến tranh!
2. Bốn mươi. Bốn mươi đều. Giao bóng - Ra ngoài!

thừa lúc Xuân Tóc Đỏ quay về với đứa trẻ nhặt bóng, ông bầu Văn Minh liền thất thanh khẽ bảo nó:

– Thua đi! Nhường đi! Được thì chết! Chiến tranh!

Công chúng đương hồi hộp vì 7 – 7, 7 – 8, đương mong giữ cho Hà thành thì sự không ngờ, quả cuối cùng mà Xuân *lốp* một cái sang bên địch, lại bắn bổng lên không khí rồi rơi vào hàng rào găng! Kết quả thảm khốc 7 – 9 ấy làm cho mấy nghìn con người la ó rầm rĩ để tỏ sự thất vọng công cộng. Nhưng... một hồi kèn La Marseillaise đã nổi lên mừng nhà vô địch Xiêm La, và kết liễu cuộc vui, và để các đức vua và các quý quan của ba chính phủ về sở Toàn quyền. .

Khi đoàn xe hơi có cờ lần lượt đi rồi, công chúng còn đứng lại, đông nghìn nghịt, tốp này định chia buồn với Xuân, tốp kia định trách cứ Xuân. Lại có người hô đả đảo Xuân Tóc Đỏ nữa. Cụ Hồng, Tuyết, bà Phó Đoan, bà Văn Minh lúc ấy thất vọng vô cùng. Những nhà chụp ảnh vây quanh Xuân để chụp ảnh. Những ông phóng viên các báo định họp nhau chất vấn cái thái độ của Xuân, vì mọi người rất lấy làm ngờ vực cái *giơ* cuối cùng. Quả ban ấy có phải là để nhường nhịn không? Sao tài tử Xuân, giáo sư quần vợt, mà lại đến nỗi... quốc sỉ như thế? Chỗ này, chỗ kia, thấy những lời hò hét vang lên:

– Quốc sỉ! Về nhà bò! Đi về nhà bò!

Có một vài người Pháp cũng kêu to:

– *À bas Xuân! À bas Xuân! Des explications!* [1]

Thấy ở tình thế hiểm nghèo, ông bầu Văn Minh bèn cùng Xuân Tóc Đỏ trèo lên nóc cái xe hơi của bà Phó Đoan, rồi Xuân Tóc Đỏ cứ việc lắng nghe ông bầu của nó nhắc mà diễn thuyết trước cái đám công chúng mấy nghìn người hung hăng ấy. Nhưng ông bầu lúc ấy đã say sưa về cái việc hệ trọng của mình lắm, bèn nói trước đã:

– Xuân thua không phải bởi vô tài! Chắc thiên hạ đã mục kích rất rõ. Vậy xin thiên hạ hãy bình tĩnh nghe tại sao người của tôi lại phải thua.

Nói xong, ông lại càng thấy mình và Xuân là to. Cho nên công chúng thấy Xuân Tóc Đỏ có cái giọng trịch thượng của một bậc vĩ nhân như thế này:

---

1. Đá đảo Xuân! Đá đảo Xuân! Yêu cầu giải thích!

– Hỡi công chúng! Mi chưa hiểu rõ những lẽ cực kỳ to tát nó khiến ta phải đành nhường giải cho nhà vô địch Xiêm La! Quần chúng nông nổi ơi! Mi đã biết đâu cái lòng hy sinh cao thượng vô cùng, (nó vỗ vào ngực) nó khiến ta phải chối từ danh vọng riêng của ta đi, để góp một phần vào việc tiến bộ trong trật tự và hòa bình của Tổ quốc! Giữa cái giờ rất nghiêm trọng này, điều cốt yếu của người xả thân cứu nước không phải chỉ là chỉ nghĩ đến mình, nghĩa là không phải là cốt được một ván đánh quần, nhưng mà là cốt giữ cái mối thiện cảm của một nước lân bang (nó đấm tay xuống không khí)! Chính phủ Pháp cũng như toàn thể quốc dân Pháp, đã bao nhiêu năm nay, vẫn chủ trương và cố duy trì nền hòa bình cho thế giới! Nếu vô tình mà gây hấn, nếu thí dụ có cuộc Việt Xiêm xung đột, thì cái phần thắng hay bại tuy chưa ai biết, nhưng mà điều chắc chắn, là nó sẽ lôi cuốn cái thế giới vào nạn can qua! Cho nên ngày hôm nay, ta tỉ thí không phải để tranh nhau cái thua, được ở một quả quần. Ta chỉ phụng sự công cuộc ngoại giao của Chính phủ mà thôi! Ta (nó giơ cao tay lên) không muốn cho hàng vạn mạng người làm mồi cho binh đao, mắc lừa bọn buôn súng! (Nó đập tay xuống). Hỡi quần chúng! Mi không hiểu gì, mi oán ta! Ta vẫn yêu quý mi mặc lòng mi chẳng rõ lòng ta!... Thôi giải tán đi, và cứ việc an cư lạc nghiệp trong hòa bình và trật tự! Ta không dám tự phụ là bậc anh hùng cứu quốc, nhưng ta đã tránh cho mi nạn chiến tranh rồi! Hòa bình vạn tuế! Hội Quốc liên vạn tuế!

Với cái hùng biện của người đã thổi loa cho những hiệu thuốc lậu, với cái tự nhiên của một anh lính cờ chạy hiệu rạp hát, lại được ông Văn Minh vặn đĩa kèn, Xuân Tóc Đỏ đã chinh phục quần chúng như một nhà chính trị đại tài của Tây phương. Mấy nghìn người bị gọi là mi, không những đã chẳng tức giận chút nào, lại còn vô cùng cảm phục, cho rằng người ta "phải thế nào" người ta mới dám ngôn luận tự do như thế! Cho nên Xuân Tóc Đỏ diễn thuyết vừa xong, tiếng vỗ tay của nhân dân ran lên như mưa rào! Một lần nữa, cái đạo binh các ông thợ ảnh lại xông đến gần nó... Thế rồi, ở chỗ này, thiên hạ sốt sắng hoan hô:

– Xuân Tóc Đỏ vạn tuế! Sự đại bại vạn tuế!

Như một bậc vĩ nhân nhũn nhặn, nó giơ quả đấm chào loài người, nhẩy xuống đất, lên xe hơi. Rồi mấy chiếc xe của các bạn thân của nó mở máy chạy, để lại cái đám công chúng mấy nghìn người bùi ngùi và cảm động.

Khi bước vào nhà, thấy cụ bà đương ngồi bổ cau như một người ngu si không biết rằng trong xã hội vừa có một sự can hệ đáng chép vào lịch sử, cụ cố Hồng quên cả ho khạc, sấn sổ hỏi vặn bà vợ hủ lậu:

– Bà đã biết chưa? Bà đã biết chàng rể út của tôi chưa? Tôi chỉ còn lo rằng xưa kia, con Tuyết chưa bậy bạ cho đủ dùng với nó?

Cụ bà vẫn còn ngây thơ hỏi như một người không hợp thời chính hiệu.

– Thế nàng dâu ông được hay thua? Thằng con rể út ông được hay là thua?

Cụ cố Hồng bĩu môi mà rằng:

– Thua! Nhưng mà có năm bảy thứ thua! Nó đã thua một cách đắc thắng! Một cách vinh hiển! Thưa bà, xin bà làm ơn mắng tôi nữa đi! Con rể út của bà, bà có hiểu không, bây giờ nghiễm nhiên là bậc vĩ nhân, một vị anh hùng cứu quốc!

Cụ bà không được hỏi thêm gì nữa. Cả bọn đi xem đã kéo nhau về nhà. Tuyết bắt đầu nhìn mọi người bằng cặp mắt khinh bỉ! Bà Phó Đoan cứ nhún nhẩy như một con choi choi! Ông Typn ngồi ngay xuống để thay giày cho Xuân Tóc Đỏ một cách nịnh thần và nô lệ. Cậu Phước không em chã nữa. Bác sĩ Trực Ngôn chúc mừng ngay cụ bà:

– Thưa cụ, tôi xin có lời trân trọng chúc mừng cụ và cặp uyên ương.

Ông bầu Văn Minh đỡ lời ngay:

– Vâng, việc ấy dự định đã lâu lắm.

Riêng về cụ Hồng, thì cụ nằm gọn ngay giữa sập để hỏi đến cái bổn phận phải làm của thằng bồi tiêm. Trong khi cụ rất hăng hái, rất có vẻ cũng thể thao, cụ nghĩ đến vỡ đầu về câu *bố vợ phải đấm* mà cổ nhân đã nói một cách bí hiểm để cho không ai hiểu được sự tích... Thật vậy, ở địa vị cụ bây giờ, tất phải vênh váo cái mặt thì mới khỏi mang tiếng là bất hợp thời trang. Nhưng muốn vênh mặt tất nhiên phải bị đấm đã. Ai? Cụ băng khuâng tự hỏi: "Phải, ai đấm vào mặt mình bây giờ?" Cụ đánh ba cái dấu hỏi vào đấy. Thật là một vấn đề mà thời gian và tương lai mới có thể giải quyết được. Cho nên cụ bực dọc vô cùng. Đã toan nhắm nghiền mắt lại.

Nhưng cụ lại phải mở to hai mắt, vì ngoài cửa thấy tiếng xe hơi đỗ rồi tiếng giầy lộp cộp vang lên. Mọi người nhìn ra và hoảng hốt nữa, vì người bước vào là một ông Tây ăn mặc lễ phục rất uy nghi,

kiểu nhà binh, có lon ở tay và có gươm đeo ở thắt lưng kim tuyến. Ông Tây ấy, nói tiếng Ta như Tây lai, lễ phép chào cả nhà rồi hỏi:

– Thưa các bà, thưa các ông, bản chức muốn được nói chuyện với nhà tài tử quần vợt Xuân, và ông bầu...

Văn Minh chạy ra cúi chào và ra hiệu cho Xuân đứng lên. Ông Tây dõng dạc nói:

– Thưa hai ngài, bản chức là quan hầu của quan Toàn quyền, vâng mệnh ngài đến quý xá đây nói cho hai ngài biết rằng vì cái lòng hy sinh cao quý của các ngài, đã thua nhà vô địch nước Xiêm, cho nên Chính phủ đã đặc biệt ân thưởng cho hai ngài hai cái đệ ngũ đẳng Bắc Đẩu bội tinh!

Cụ cố Hồng ngồi nhỏm ngay lên, trịnh trọng gọi gia nhân:

– Bay đâu! Bày hương án!

Vị quan to giơ tay ngăn:

– Xin lỗi! Đó mới là một tin chắc chắn của Nhà nước nhưng Chính phủ chưa kịp thảo nghị định thì chưa cần có hương án. Hãy xin hai ngài hãy chờ đợi hai hôm nữa. Bản chức lại có bổn phận thông báo bằng miệng với hai ngài rằng ân huệ của Chính phủ chẳng phải chỉ có thế thôi. Triều đình Huế và Chính phủ Vọng Các lại có cái mỹ ý dành cho hai ngài hai thứ huy chương để hai ngài, nếu muốn có thể xin được ngay cho thân nhân. Ấy là một cái Long bội tinh và một cái Tiết hạnh Khả phong Xiêm La. Lại nữa, quan Giám đốc chính trị Đông Pháp có ý mời hai ngài đến tối hôm nay lên xơi cơm với ngài vì ngài cho rằng nếu được chuyện trò thân mật với hai ngài thì ngài sẽ vui vẻ lắm.

Xuân Tóc Đỏ cúi đầu rất thấp:

– Chúng tôi rất được hân hạnh.

Văn Minh cúi đầu nói:

– Bẩm quan lớn, hai chúng tôi đội ơn Chính phủ vô cùng!

Ông quan hầu lại dặn:

– Vậy đến tối thế nào cũng mời hai ngài lên xơi cơm thân mật với quan Giám đốc chính trị để nhận Bắc Đẩu bội tinh và xin những vinh quang cho người nhà. Hai ngài sửa soạn ngay cho để Chính phủ Pháp chuyển sang Nam triều và Xiêm triều. Bản chức xin có lời mừng hai ngài và xin tạm biệt để về soái phủ.

Ông bầu và nhà tài tử tiễn ông quan to ấy ra đến chỗ xe. Khi chiếc ô tô đồ sộ có cờ tam tài chạy rồi, Xuân và Văn Minh quay về sung sướng đến không nói được nữa. Cụ Hồng đứng lên, cao lênh khênh giữa sập, tuyên bố:

– Thưa các bà, các ông, ngày hôm nay vui vẻ, tôi xin có lời trân trọng nói để các quý vị biết rằng vợ chồng tôi đã nhận lời gả con gái út chúng tôi là Tuyết cho ông Xuân!

Trừ bà Phó Đoan, ai cũng vỗ tay một cách thành thực, Văn Minh đến bắt tay ông bố một cách thân mật mà rằng:

– *Toa* tốt lắm. Để tối hôm nay, lên ăn cơm trên quan Giám đốc, *moa* sẽ xin Chính phủ cho *toa* cái Long bội tinh.

Cụ cố Hồng bèn bá cổ ông con để hôn, rồi đáp:

– Cảm ơn vô cùng! Hân hạnh đặc biệt! *Toa* ăn ở đến thế với *moa* thì quý hóa lắm.

Nhìn thấy mặt bà Phó Đoan sưng sỉa như một vị quả phụ thủ tiết bị bạc tình, Xuân Tóc Đỏ cũng nói với mọi người:

– Còn tôi thì, vì lẽ thấy bà bạn gái của tôi đây kia là người đức hạnh, lại có công xây ra sân quần vợt để hâm mộ thể thao, và nhất là có cảm tình với chúng tôi, lại đã bấm bụng thủ tiết với hai đời chồng, nên tôi xin nói trước rằng tôi sẽ xin Chính phủ Xiêm cho bà cái bảng Tiết hạnh Khả phong Xiêm la.

Nói xong nó hỏi nhạc phụ nó:

– Thưa ba, con định như thế liệu có phải không?

Không những cụ Hồng mà thôi, ngần ấy người đều vỗ tay reo lên:

– Được lắm! Đích đáng lắm!

Bà Phó Đoan cảm động đến nỗi đỏ bừng cả mặt hình như xấu hổ. Bà chỉ muốn nhẩy ngay lên hôn người tình nhân đáng yêu và bí mật ấy, nhưng vì đã được tiết hạnh khả phong rồi, nên không dám, ý hẳn phải từ đây lập tức bắt đầu treo gương sáng cho các bạn gái soi chung. Tuyết đã bất đắc dĩ chạy vào ngồi ẩn sau một tấm bình phong để làm ra vẻ hổ thẹn về sự hôn nhân một cách thành thực. Cụ Phán bà ngồi dưới chân cụ ông, tuy vậy cũng cứ cắm mặt xuống, hối hận về cái tội tầy đình đã trót mắng mỏ con trai, chê trách con gái, và khinh bỉ ông Xuân bội tình. Còn cụ ông thì cụ đã nằm xuống kéo điếu thuốc phiện thứ chín mươi sáu, và nghĩ cách để bị đấm nữa thì mới thật là mãn nguyện.

Những người ngồi đấy chưa ai kịp chúc mừng câu nào thì đã lại thấy một chuỗi người nữa bước vào, ai cũng vui vẻ lắm. Đó là hai thầy cảnh sát *Min Đơ* và *Min Toa*, ông Victor Ban, sư cụ Tăng Phú chùa Bà Banh, ông thầy số, cậu Tú Tân, ông Phán mọc sừng, bà Typn. Rồi thấy những câu văn hoa, mạnh mẽ, lấy những tư cách sẽ nói dưới đây để chúc mừng...

– Tôi xin thay mặt các ông chủ khách sạn đến chúc mừng...

– Chúng tôi đại diện cảnh sát giới, đến có lời chia vui...

– Bần tăng xin nhân danh đức Phật Tổ đến ban phúc thọ cho...

– Chúng tôi mạn phép thay mặt cho chị em phụ nữ...

Duy có ông Phán giây thép là chúc mừng một cách có đặc sắc nhất, tuy rằng ông thì thào vào tai Xuân:

– Tôi xin thay mặt các người chồng mọc sừng, chúc cho ông có được vợ trinh tiết.

Sự chúc tụng tuy có vui tai thật, nhưng quá đà thì cũng quá nhàm. Cho nên cụ cố Hồng tuy cứ nằm một cách lão giả an chi mà cũng phải điếc cả tai, sốt cả ruột. Nào cụ còn thiết gì đến chúc mừng với ca tụng nữa! Giá ai đấm cho cụ một cái thì cụ được sung sướng biết bao! Cụ đến lúc ấy rồi mà không được vênh váo thì giận thật.

Thế mà nào đã hết cho đâu! Than ôi, đây kia lại một vị quý khách! Ông này bận quốc phục, ngực tinh những kim khánh và mề đay... Lạ mắt lắm, ai thế không biết? Nhưng mà sao, ông ta vừa bước vào là tự giới thiệu ngay:

– Kính chào các bà và các ông. Tôi là một hội viên Khai trí Tiến đức, lại đây với cái nguyện vọng được yết kiến quan tài tử Xuân, bậc vĩ nhân của xã hội...

Xuân Tóc Đỏ nhăn mặt khó chịu, đứng lên:

– Tôi đây, ngài hỏi gì?

Ông kia chắp hai tay vái chào:

– Bẩm lạy quan lớn ạ!

Xuân làm gọn:

– Không dám! Thế ngài hỏi cái gì?

– Bẩm quan lớn, bản hội có lời mừng quan lớn vừa mang ân Chính phủ được Bắc Đẩu bội tinh. Thật là một sự vẻ vang cho đám

thượng lưu trí thức. Bẩm quan lớn, chúng tôi được hội cử đi mời ngài vào hội, thì thật là một sự khai trí tiến đức cho quốc dân, rất xứng đáng của người quý phái.

Xuân Tóc Đỏ gắt cấm cảu:

– Tôi không phải quý phái! Tôi chỉ là bình dân mà thôi!

Ông kia cũng vẫn cứ nhũn như con chi chi:

– Bẩm quan lớn, tuy bản hội cũng vẫn quý phái xưa nay thật, nhưng tôn chỉ, bẩm vẫn khuynh hướng về bình dân mà chứng cớ đích xác là bấy lâu nay vẫn có cả tổ tôm một cách bình dân y như bọn chủ sòng đấy ạ.

Thấy lời tán tỉnh vô nghĩa lý, không chịu được nữa, Xuân lại vặn:

– Thế thì nước mẹ gì cơ chứ?

Ông kia lại dịu dàng:

– Bẩm cảm ơn quan lớn lắm ạ. Xin quan lớn biết cho rằng tôi lại còn là một biên tập viên trong ban soạn tự vị nữa ạ. Bản hội được thiên hạ đồn rằng quan lớn hay nói theo ngôn ngữ bình dân lắm, đại khái như mẹ kiếp, nước mẹ gì, vân vân... Cho nên ngoài việc lại mời quan lớn vào hội, tôi phải xin phỏng vấn quan lớn để xin phép quan lớn ưng thuận cho những tiếng như thế được ghi vào bộ tự điển đương soạn nữa đấy ạ.

Bất đắc dĩ Xuân Tóc Đỏ gật đầu lia lịa:

– Thôi được, tôi xin cho phép và xin vào hội để xin vui lòng ngài.

– Bẩm lạy quan lớn ạ, cảm ơn quan lớn lắm, thật là sự may mắn vô cùng cho bậc thượng lưu trí thức của xã hội Việt Nam. Bẩm lạy quan lớn, tôi xin cáo ạ!

Sau khi chắp tay vái Xuân, vị hội viên ấy khẽ nghiêng đầu chào mọi người một cách khinh khỉnh trước khi tháo lui.

Bây giờ đến lượt thầy số. Ông hậm hực lắm, vì từ nãy đến giờ, ông cứ phải chờ mãi mọi người mà chưa được nói gì cả. Bây giờ ông nhất định đến ngồi gần cụ cố Hồng. Ông vừa ấp úng, vừa gãi đầu gãi tai:

– Bẩm cụ cố, chúng tôi xin thay mặt các nhà nho chủ trương thuyết lý số chúc mừng cụ tăng phúc, tăng thọ, chúc cô dâu, chú rể giai lão bách niên. Bẩm số mệnh thì tôi đoán thông thạo lắm. Bẩm như số ông Xuân chúng tôi thì cách đây năm tháng, chúng tôi đoán trước, cũng rất đúng những sự như bây giờ. Thật là con người tài cao, chí cả, dưới gầm giời danh tiếng xa...

Cụ Hồng khẽ gắt:

– Rõ cái ông này mới vô duyên! Lại còn khen phò mã tốt áo!

Động lòng thương ông thầy nghèo, Xuân Tóc Đỏ đỡ hộ:

– Thưa ba, chính thế đấy ạ. Ông thầy đoán trước đúng lắm.

Nhưng cụ cố Hồng còn cần gì cậy thầy xem số nữa? Cũng như người đời, cụ thấy sung sướng đầy đủ thì thôi chứ? Hai nữa cụ đương bực một nỗi chưa có ai đấm vào mặt mình.

– Bẩm cụ, số con rể cụ, ông Xuân tôi thật là số anh hùng, số vĩ nhân. Ấy chính là khoa quyền lộc cung, vua biết mặt, chúa biết tên; lại vợ cũng đẹp, con cái cũng lắm... Ông Xuân nhà ta tức cũng như...

Thấy ông thầy số vô duyên cứ nói lè nhè, chỉ những muốn đấm vào mặt ông ấy vì cái tức không được ông ấy đấm vào mặt mình cụ Hồng nhắm mắt lại, ho lụ sụ lên một cách cổ điển, ôm ngực mà khặc khừ.

– Biết rồi! Biết rồi, khổ lắm!... nói mãi!!!

Đăng *Hà Nội* báo từ số 40 (7-10-1936);
Lê Cường xuất bản, Hà Nội, 1938.
In theo *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng,* tập III,
Nhà xuất bản Văn học, H, 1987.

VỠ ĐÊ

(Tiểu thuyết)

PHẦN THỨ NHẤT

CHƯƠNG I

Phú uống vội bát nước vối nóng, cầm cái tăm bỏ miệng, rồi xách cái ghế mây ra sân, để chỗ dưới gốc lựu. Chàng đứng tần ngần như lãng quên một điều gì mà chưa nhớ ngay ra được, rồi lại đi vào nhà cầm một tờ nhật báo ra. Chàng ngồi xuống ghế, chân bắt chữ ngũ, cổ ngửa trên thành ghế, rộng mở tờ báo...

Cái tin một Ủy ban đã làm việc suốt ngày đêm để có thể kịp gửi những hồ sơ của chính trị phạm về cho quan Tổng trưởng thuộc địa khiến Phú sung sướng mỉm cười một mình, cái tăm rơi xuống đất mà không biết. Chàng ngồi ngay ngắn lên, nhìn vào bếp gọi:

– Đẻ ơi đẻ! Sướng quá, đẻ ạ!

Bà Cử lúc ấy đương ngồi đun sanh cám lợn, thấy con gọi thì ngơ ngác quay ra đáp bằng một giọng hơi gắt:

– Cái gì thế?

Giọng chua chát của mẹ làm cho Phú hơi cụt hứng và hơi giận mẹ. Nhưng chợt nghĩ đến cảnh bần hàn bảy năm nay nó làm cho mẹ chàng hóa cấm cảu, khó chịu, thì Phú lại động lòng thương. Chàng chạy xuống bếp, nói:

– Đẻ ạ, con chắc anh con sắp được tha!

Bà Cử ngơ ngác, trước thì còn hoài nghi, mà sau thì không tin nữa. Bà lại quay mặt nhìn vào sanh cám, hời hợt đáp:

– Mày chỉ được cái chuyện nhảm.

Phú vẫn cười, cố làm cho mẹ tin:

– Báo đăng rồi đấy mà! Hiện quan trên đương xét hồ sơ những người cách mệnh, để bên ấy xét rồi tha cho. Bây giờ ở bên Tây có sự thay đổi, đảng Xã hội và đảng Cộng sản...

Phú nói đến đấy thì bà mẹ cắt đứt:

– Thôi tao không chuyện rườm!

Bực mình, Phú lại ra ngồi ghế mây ngoài sân. Chàng không biết tìm cách nào làm cho mẹ chàng hiểu nổi. Rồi chàng thấy rằng một người đã chịu đau khổ đến như mẹ chàng đến nỗi không còn tin gì nữa, không còn dám hy vọng gì nữa, thì cũng không lạ gì. Phú ngẫu nhiên ôn lại quãng đời xưa...

Từ khi Phú còn nhỏ lắm, phụ thân của chàng, ông Cử, đã bị bắt và bị đầy đi Côn Đảo. Từ đấy, mẹ chàng vẫn can đảm sống bằng nghề quay tơ mà nuôi nổi ba con: Minh, anh Phú, Tuất, chị Phú và Phú. Rồi anh Minh được bổ đi dạy học, rồi chị Tuất đi lấy chồng, rồi Phú vào trường trung học. Cuộc đời đã tưởng tốt đẹp. Công khó nhọc của bà Cử tưởng đã được đền bù... nào ngờ chưa được hai năm nhàn hạ thì Minh bị bắt, vào năm 1930 là năm Việt Nam Quốc dân đảng vỡ lở. Năm sau nữa Tuất góa chồng, quay về ở với mẹ với một đứa con thơ... Phú học đến năm thứ ba trường trung học thì cảnh túng thiếu khiến chàng phải bỏ đèn sách. Bà Cử cứ mỗi ngày một nhiều nợ thêm lên, già đi, hóa ra khó chịu thêm... Phú không kiếm được việc làm, không biết học nghề gì cả, đành về quê nhà đóng cái vai trí thức thất nghiệp trong hương thôn. Bà Cử từ đấy tuyệt vọng, lấy sống làm vui, cả đến sự no ấm cũng không dám ao ước nữa.

Một phiên tòa Đề hình đã kết án giáo Minh 15 năm tội đồ. Bà Cử không dám hy vọng đến cái thời xa lắc xa lơ kia mà coi con mình như đã chết hoặc trước khi con mãn hạn tù, thì bà cũng đã chết.

Ngày nay...

Thốt nhiên Phú kêu anh mình sắp được tha! Như vậy kể cũng khó tin thật. Phú chỉ còn cách cắt nghĩa cho kỹ nhưng không bao giờ bà Cử lại chịu để cho Phú cắt nghĩa. Mỗi khi nghe thấy Phú nói đến: "Đảng Cộng sản bên Pháp" thì bà Cử lại giật nẩy mình lên đánh thót một cái và không cho Phú được nói tiếp. Bà sợ con bà sẽ bị vạ miệng. Bà cho con bà sắp hóa dại, hoặc nói chuyện làm quà.

Nghĩ thế, Phú tức lắm. Phú lại muốn vào bếp nói kỹ càng cho mẹ hiểu, để mẹ có hy vọng, để mẹ đỡ khổ, để mẹ được một chút vui mừng. Nhưng chợt một tư tưởng thoáng qua làm cho Phú vừa đứng lên lại ngồi xuống ghế. Liệu Minh có được tha về nay mai không hay là người ta sẽ giảm hạn tù từ 15 năm xuống độ 10 năm mà thôi? Nếu

vậy, có nên nói với mẹ không? Phú sợ ngộ cái ảo tưởng của Phú sẽ làm cho Phú nói rõ thì mẹ chàng sẽ vì đó mà lại càng buồn bã hơn xưa. Chàng nghĩ thầm: "Âu là chờ bao giờ có đích xác vậy".

Gió hây hây thổi, đã có cái vẻ heo may. Nắng chiều dọi qua rặng tre ở góc sân in lên vách nhà hình bóng một cành tre đẹp như trong những tranh thủy mạc Tầu, lại còn rung rinh hoạt động nữa. Những mẩu lá tre úa rụng lả tả xuống sân, trước khi rơi xuống đất cứ quay tít theo chiều một chiếc ngư lôi vừa bị bắn ra khỏi miệng súng. Một cành lựu bị gió đẩy thỉnh thoảng lại chạm vào tai Phú, tinh quái như một người nhân tình.

Phú nhìn lên trời, nhìn những đám mây thiên hình vạn trạng, nhìn kỹ cả những hình tròn tròn hiện trên da trời – phản ảnh của con người mà tầm mục quan chỉ đến được đấy thì hắt trở lại. Một cái diều vo vo những tiếng sáo như bị treo lưng chừng mây, trông như một vầng trăng đen, khiến Phú ngẫu nhiên có những cảm tưởng man mác buồn. Chàng bỗng tủi cho thân thế.

Phú đã 24 tuổi đầu mà còn cứ phải ăn hại mẹ, mà người mẹ khốn khổ, nghèo xơ nghèo xác! Chàng có một khối óc sáng suốt để suy nghĩ mà không biết để suy nghĩ vào việc gì cả. Chàng có hai cánh tay khỏe mạnh sẵn sàng làm việc mà xã hội không thèm mượn đến, không cắt cho một việc gì cả. Sự mầu nhiệm của tạo hóa, sự mang nặng đẻ đau của bà Cử, bao nhiêu công ăn học của Phú, ngần ấy cái chỉ kết quả nên Phú là một người thừa... Phú thấy rằng cái xã hội như vậy phải cải cách, không thể để thế được nữa. Cải cách? Chỉ còn có một đường là: không sợ chết, như những người đã hy sinh cả tính mệnh lẫn con khôn vợ đẹp. Hy sinh thì cũng không thể biết trước kết quả sẽ thế nào, song đã muốn thì phải hy sinh... Khốn nỗi Minh đã hy sinh mất rồi, đã để lại một cảnh gia đình tiều tụy, để lại một mẹ già chỉ còn có trông cậy ở Phú. Chàng thấy nếu không liều thì chỉ là người hèn nhát, mà liều thì sẽ phạm tội đại bất hiếu với mẹ – thật là tiến thoái lưỡng nan... Phú đã sống những ngày buồn bực, cực khổ.

Nhưng nay, thời cục đã làm cho Phú được phép lạc quan. Cũng như những người trí thức hiểu đời, Phú rất hy vọng vào Chính phủ Bình dân Pháp. Xưa kia Phú không bao giờ dám hy vọng đến cái hy vọng ấy, nên chi khi thấy nay hy vọng kia đã hiện ra sự thực, thì Phú cũng vẫn phải hơi lo sợ, hơi nghi ngờ, mặc lòng rằng không dám

tin vững thì chàng khổ sở lắm, và chàng không muốn phải nghi hoặc một phút bao giờ. Hằng ngày, những tin tức của Chính phủ Bình dân bên Pháp càng làm cho Phú chứa chan hy vọng. Chàng cảm thấy rằng cái "sự không hiểu nhau" của hai dân tộc thế là không còn nói nữa – người bị chinh phục đã có thể coi kẻ đến chinh phục như ân nhân của mình nếu mình không muốn bị một kẻ thù khác nữa, nếu mình không muốn bị diệt chủng hoặc bị tái nô. Cái việc có một không hai trong lịch sử nước Pháp là cuộc toàn thắng của thuyền thợ và nông dân, làm cho Phú được dịp nhận thấy rằng cái quan niệm quốc gia của chàng là hẹp hòi, là sai lầm, và có tội nặng nữa. Một nước Việt Nam độc lập trong đó có một ông vua độc lập hay một ông tổng thống Việt Nam, mà tựu trung vẫn không chắc giữ vững được bờ cõi, hoặc là vấn đề cho dân quê ngu dốt, đói khát lầm than thì quả nhiên không khi nào bằng một nước Việt Nam hộ thuộc của một nước Pháp trọng công lý hơn, của một nước Pháp nhân đạo hơn.

Một con gà mái vừa cục cục vừa dắt díu mười hai con gà con đến chỗ trước mặt Phú làm cho sự mơ màng của chàng phải gián đoạn.

Phú nhìn những con gà con mới nở xinh xinh, mỗi con trông như một cuộn nhung vàng ấy, mà thích chí quá, chỉ những muốn bắt để kề vào miệng, hôn... Chàng tự cười mình vì đã đi mượn mấy cuốn sách dạy nuôi gà hy vọng giúp đỡ mẹ bằng cách nuôi gà theo phương pháp mới. Chàng lại nghĩ đến cái vườn rau một sào do chính tay chàng trông nom tưới bón theo những phương pháp khoa học, cũng do cái kiêu ngạo muốn giúp mẹ mà bày ra hai tháng rưỡi rồi kết quả vẫn chẳng thấy đâu vào đâu... Phú nghĩ thầm: "Nay mai ta sẽ được gánh vác những bổn phận nặng nề hơn, ta sẽ được góp sức vào làm những công việc vĩ đại hơn". Phú nghĩ thế là vì cái hy vọng nếu ông toàn quyền mới mà sang nhậm chức thì nước nhà sẽ được hưởng những sự cải cách lớn, Phú sẽ góp sức vào cuộc nâng cao trình độ trí thức và nhân sinh của dân quê, đạp đổ những hủ tục, giáo hóa cho nông dân có quan niệm về chính trị, truyền bá khoa học cho lan rộng, tổ chức những chính đảng, những nghiệp đoàn... Phú nghĩ thế rồi lại phải thôi, e mình mơ mộng nhiều quá.

Cô Tuất về, với đống quần áo và đứa bé con trần truồng đeo sau lưng, Phú hỏi:

– Chị đã tắm cho cháu rồi? Bé ơi, ra đây với cậu.

Cô Tuất vừa đi vào nhà vừa nói

– Ấy, ông thủ, ông ấy nhắn rằng cậu đọc báo xong chưa thì cho ông ấy mượn đấy.

– Đã xong đâu, tôi vừa mượn được có một lát.

Phú lại tìm tòi trong trang báo và nét mặt lộ đầy những vẻ sung sướng khi thấy bài phỏng vấn quan tổng trưởng Moutet của bà André Viollis. Chàng miệt mài như người ta đọc thư của nhân tình. Bỗng ngoài ngõ có tiếng hỏi:

– Bác Phú ơi, nhật trình có gì lạ không?

Phú vẫn cúi xuống tờ báo mà đáp:

– Ông vào chơi! Thú vị lắm ông ạ, quan toàn quyền và quan thống sứ cũng định xin đại xá cho hết thẩy chính trị phạm. Thật là một tin mừng không ai ngờ.

Ông thủ quỹ, một người đứng tuổi, vẻ mặt tỏ ra là chỉ có nho học, tất tưởi bước nhanh vào, hỏi dồn:

– Đâu? Đâu?

Phú giơ tờ báo ra, nói:

– Đây này!

Ông thủ đọc ba phút rồi ngơ ngác như bị mất cắp:

– Lạ nhỉ! Tôi không ngờ đấy!

Phú đứng lên nhường ghế, nói một cách kiêu ngạo:

– Tôi vẫn bảo ông cứ nên tin vững ở nội các Bình dân kia mà.

– À, đây là ảnh quan tổng trưởng mới!

– Phải, từ khi đảng Xã hội còn kém thế, quan tổng trưởng lúc ấy chỉ mới là một ông nghị, cũng đã nhiều lần lên diễn đàn cãi cho Đông Dương. Chúng ta có hy vọng nhiều lắm.

– Bác đã thưa chuyện cho cụ Cử nhà rõ tin rằng...

– Chưa, để đích xác hơn đã. Tôi sợ anh tôi không được về hẳn, hoặc là chỉ được giảm hạn thì để tôi lại buồn thêm.

Ông thủ châu đầu xuống tờ báo, chăm chú đọc, Phú vào nhà lấy thêm cái ghế mây nữa ra sân. Giữa lúc ấy, ngoài ngõ có tiếng người:

– Thủ quỹ trong này đây phỏng?

– À, kìa ông lý! Ông lên quan về có việc gì lạ đấy không?

Ông lý vào, lắc đầu, thất vọng:

– Nguy lắm! Nước lên to lắm. Quan sở tại đòi riêng làng nhà phải có ít ra là năm chục phu đi tạp dịch.

Ông thủ nói:

– Năm chục thì đào đâu ra? Làng ta còn bao nhiêu bạch đinh? Chả nhẽ có chân tư văn cũng phải đi hộ đê.

Ông lý cau có:

– Thế mới rầy rà! Lại còn bao nhiêu người vắng mặt là khác! Quan bảo đứa nào đi vắng thì đã có vợ con chúng nó thay! Cậu Phú ạ, việc quan tôi cứ phép công tôi làm, âu là ai không có chân tư văn tôi bắt đi ráo cả một lượt vậy.

Phú cười khanh khách:

– Thôi thế thì tôi phải đi rồi!

– Chứ gì! Tôi chả nể ai cả, vì nếu thiên tư thì không xong.

CHƯƠNG II

Bình tĩnh và khoan hòa trên một ngọn xoan, mặt giăng soi sáng cái sân có sáu người, đem vào cho tâm hồn của sáu người sự vui vẻ, sự minh mẫn.

Ngồi nép ở ria chiếu, sau Phú, cô Tuất bóc những củ lạc luộc rồi thỉnh thoảng lại với tay lại sau lưng... Thằng cu Hiền đứng ôm lấy mẹ, há mồm đớp một cách vụng dại đáng yêu, mỗi khi đớp lại để chảy một sợi nước dãi vào cổ mẹ, và một khi được nhân lạc lại ôm chặt lấy cổ mẹ, run rẩy hai cái chân mũm mĩm dài bằng gang tay, miệng kêu "Ông! Ông! Ông!..." để bắt chước một ông lý cưỡi ngựa.

Trước mặt Phú là ông thủ quỹ, bác hộ lại, và anh hai Cò – một giai làng, một kẻ vô nghĩa lý mà chỗ nào người ta cũng thấy có mặt, mà có mặt ở chỗ nào thì người ta cũng chẳng biết là có mặt hay vắng mặt, một kẻ không được yêu, chẳng bị ghét, cả đến bị khinh bỉ nữa cũng không, một thứ người đần độn mà ở nhà nào có việc thì người ta cũng thấy ngồi thái thịt dưới bếp.

Ông thủ quỹ hỏi Phú về chuyện thế giới. Bác hộ lại kể chuyện quan trên ở phủ này sức cho dân phải uống rượu ra làm sao, ở huyện kia một con lợn bao nhiêu chai, một con bò bao nhiêu chai... Người ta phàn nàn cho ông lý đã lỗ mất hai trăm bạc vào vụ thuế tháng năm vừa rồi mà bây giờ lại bị dày vò bởi cái vấn đề đê điều có lắm chuyện

rắc rối. Cả hai người đều cùng một giọng than phiền về nạn khủng hoảng kinh tế, về những sự đau khổ của dân quê, cho nên khi thấy Phú cắt nghĩa cho nghe cái hy vọng ông toàn quyền mới sang nhận chức sẽ có nhiều điều cải cách hay, thì ai cũng phải tạm dẹp bớt những nỗi bất bình. Tuy nhiên bác hộ lại vẫn ra vẻ hoài nghi mà rằng:

– Bác Phú nói thế thì tôi cũng đành phải tin như thế. Đã bao nhiêu lần tôi thấy nói ông toàn quyền này sang với ông toàn quyền kia sang! Mỗi lần thay đổi một vị thủ hiến thì thấy ai cũng nói sẽ có sự thay đổi chính sách, sẽ có sự cải cách chế độ, dân gian lại hy vọng... Rồi thì đâu lại hoàn đấy cả.

Ông thủ quỹ họa theo:

– Ừ, mà quả thế đấy! Ừ nhỉ! Chính tôi đây chứ phải ai? – Tôi đã bao nhiêu phen thất vọng rồi, vậy mà tôi cũng vẫn cứ còn sức hy vọng mãi, như trăm nghìn kẻ khác đấy. Họ dứ mình y như là dứ trẻ con, mà mình thì lần nào mình cũng tin y như trẻ con!

Trước những luận điệu như thế, Phú cũng thấy sự tín ngưỡng của mình có bề lung lay, không dám cam đoan nữa. Chàng bình tĩnh nói:

– Phải tin chứ! Phải tin mới sống được chứ!

Bác hộ lại nói một cách hằn học:

– Những kẻ không tin thì đã đi Côn Đảo cả mất rồi còn gì!

Ông thủ quỹ nói:

– Ừ, mà người ta ai chả thế? Ai chả sống vì hy vọng?

Phú cố hòa giải:

– Không, lần này thì tôi tưởng chúng ta không đến nỗi mơ ước hão đâu. Xưa kia cũng đã có nhiều cuộc cải cách đấy, song chưa đến cùng dân được là vì...

– Bao nhiêu lần cải cách rồi mà dân quê vẫn chết đói một cách thỏa mãn lắm!

– Là vì xưa kia, bên Tây, quyền chính chưa vào tay phái Bình dân. Xưa kia bọn tư bản chủ trương mọi việc, tất nhiên thuộc địa đối với họ chỉ là chỗ để lấy lợi, mà đã thế, tất nhiên dân mình phải khổ. Bây giờ đảng Xã hội lên cầm quyền thì phải khác, vì chủ nghĩa xã hội có tính cách đại đồng, chủ trương hòa bình, không phân biệt màu da. Trong chương trình của đảng Xã hội có khoản giải phóng thuộc địa, cho những dân hậu tiến được hưởng công lý và tự do để có thể

cho tất cả các thuộc địa cùng với mẫu quốc hợp lại thành một khối bất khả ly tán, cùng một mối đồng tâm ghê gớm... Có được như vậy thì nước Pháp mới giữ mãi được cái địa vị cao trọng trong thế giới. Bằng không thì...

Ông thủ quỹ nói luôn:

– Bằng không thì ắt là có phen mất!

Ông hộ lại bàn:

– Cái đó có thể lắm. Vì nước Pháp được tiếng là có nhiều thuộc địa béo bở cho nên những cường quốc khác lăm le thèm muốn đã rõ rệt lắm. Nếu không giữ được lòng trung thành của dân tộc thuộc địa thì lấy gì mà chống lại với những sự ham muốn của các cường quốc kia? Một cuộc binh đao, một cuộc xâm chiếm... ai biết trước được sự thắng bại thế nào!

– Ừ! Ừ!... Mà hiện giờ thì nước Nhật...

– Ờ! Mà nếu vậy thì ra đảng Xã hội mà có giải phóng cho thuộc địa thì cũng là điều cần chứ chưa chắc đã phải là vì lòng nhân đạo muốn cho hậu tiến mau bước trên đường văn minh!

Tóm lấy những lời lẽ ấy, Phú vội kết luận:

– Ấy chính vì những lẽ ấy cho nên tôi mới dám hy vọng vào ông toàn quyền mới đấy mà! Ông này cũng có chân trong đảng Xã hội như ông Varenne năm xưa. Đảng Xã hội cho các lối áp chế thuộc địa của phái tư bản là thất sách, là có hại cho nước Pháp, vì những chính sách hà khắc sẽ dắt đến sự công phẫn và sự mất thuộc địa, nên họ muốn cho thuộc địa càng được hưởng nhiều sự cải cách thì dân đen, dân vàng càng yêu họ hơn, càng trung thành với nước Pháp hơn...

Ông thủ quỹ, bác hộ lại gật gù ra vẻ bằng lòng. Hai người đã được yên tâm về chỗ: nên hy vọng. Riêng Phú, chàng thấy rất đáng tự kiêu ở việc chàng bao lâu nay cứ ngấm ngầm mà giáo hóa được bọn đàn anh trong làng, làm cho họ có một quan niệm về quốc gia, có những tư tưởng xã hội và biết rõ cái guồng máy chính trị của xứ sở. Chàng nghĩ thầm: "Nếu người dân quê nào cũng biết sự đời được như ông thủ quỹ và bác hộ lại này thì tương lai nước nhà trông chừng cũng khả quan".

Sở dĩ có ý nghĩa ấy là vì mấy năm trước đây khi chàng mới về quê ở với mẹ, thì trình độ tri thức của mấy ông đàn anh trong làng thật là thảm hại. Trong cả một làng chỉ có độ hai chục người biết

chữ, cả quốc ngữ lẫn chữ nho, trong số ấy không có một người nào đọc mà lại hiểu nổi một tờ nhật trình hàng ngày cả làng chỉ có một người mua năm một tờ báo. Người ta tranh nhau đọc báo nhưng mà đọc cái gì? Trước nhất là đọc những tiểu thuyết hoang đường quái kiệt. Rồi đến những tin vặt, nạn xe cộ, trộm cướp, những vụ hiếp dâm. Không bao giờ họ hiểu thế giới là gì cả. Những chữ như: hội Quốc Liên, chính phủ Xô viết, đảng Xã hội, Nhật đế quốc, phát xít, Hitler, Cộng hòa v.v... đối với họ đều là những danh từ không có nghĩa. Cho nên gặp những khi thấy nhật trình đăng những tin đại khái như: Tưởng Giới Thạch đi tiễu trừ cộng sản... Thủ tướng Herriot chủ trương thuyết thân thiện với nước Nga... vụ cờ đỏ ở Cao Bằng, 30 người bị bắt... Nga – Pháp ký hiệp ước đồng minh v.v... thì họ ngạc nhiên, thì họ hãi hùng, thì họ kinh hoảng... Không ai cắt nghĩa cho họ hiểu cả. Ngạc nhiên, hãi hùng, kinh hoảng mãi cũng vô bổ, dần dần họ không thèm để ý đến những tin tức như đã kể trên. Vì lẽ ngoài những điều ấy, nhật báo cũng vẫn có những truyện lợn đẻ ra voi, rắn đẻ ra gà, nên chi họ vẫn tranh nhau đọc báo.

Cái chính sách ngu dân đã đắc thắng một cách hoàn toàn.

Bây giờ, sự vật đã thay đổi hẳn. Nhờ có Phú, ông thủ quỹ đã biết sung sướng khi đọc thấy những dòng: Đảng Cấp tiến, đảng Xã hội, đảng Cộng sản ở Pháp đã hợp nhất để lập một chiến tuyến Bình dân. Ông lý trưởng đã lo con giai cả của ông sẽ phải gọi ra lính khi thấy trên báo có tin: Nước Đức đem quân vào phi chiến khu... Bác hộ lại đã bất bình vô cùng khi thấy đăng: Nhật và Nga đã ký hiệp ước bất xâm phạm, vì cái chủ trương của bác ta lại chỉ là thế giới chiến tranh cho hết khủng hoảng kinh tế.

Người ta bắt đầu ham đọc những bài xã thuyết chính trị, kinh tế can hệ cho nước nhà hoặc việc của nước ngoài.

Người ta bắt đầu khinh bỉ những chuyện hoang đường, những chuyện quái đản, những tin chó chết, mục "Xuân thủ đàm ân"...

Người ta đã hơi hiểu những sự gì can hệ, những sự gì phù phiếm.

Sở dĩ có sự tiến bộ ấy là chỉ bởi một mình Phú nên Phú lấy chỗ ấy làm tự hào lắm, và cũng được đền bù lại vì cả làng đều coi Phú là một bậc trí thức.

Mối hoài bão gửi vào ông toàn quyền mới khiến ba người ngừng chuyện, mơ màng ngửa cổ nhìn lên cung trăng. Trên không ngẫu

nhiên có một đám mây có hình một cái đầu rồng đương vờn mặt trăng là một viên ngọc. Thằng cu Hiền kêu "ông, ông, ông" càng to hơn trước, hình như con ngựa tưởng tượng của nó đương phóng nước đại. Cô Tuất khoan thai vấn lại mớ tóc rối loạn trên đầu. Trong nhà, cụ Cử vẫn ngồi làm vàng, thoăn thoắt không ngừng. Phú tưởng đến sự vui của gia đình, nếu nay mai Minh được tha hẳn.

Chợt có tiếng giầy kêu ngoài ngõ. Mấy người nhìn ra... ông chánh Mận đi vào...

– Chào các quan! Bác Phú hẳn chưa đi ngủ! À, họp đây mà!

– Chào ông chánh! Ông ngồi chơi đây! Ngắm trăng suông tuy vậy cũng có một cái thú...

Cả bọn dọn chỗ cho ông chánh ngồi. Anh hai Cò bỏ hẳn chiếu, kều được cái mo cau sau lưng thì lổm ngổm lùi về đằng sau rồi ngồi lên. Cô Tuất chào qua khách một câu rồi ẵm con vào buồng với bà cụ Cử. Phú rót một chén nước, đẩy cái điếu về phía ông chánh Mận. Ông này nhìn vào nhà, cất cao giọng:

– Lạy cụ ạ! Cụ chưa đi nghỉ...

Không ngừng tay cuốn những thoi vàng, cụ Cử thản nhiên nói với ra:

– Không dám, chào ông, ông sang chơi.

Thế rồi bốn bề lặng im.

Sự ông chánh Mận có mặt tại đó làm cho mấy người cụt hứng.

Lại vì ông chánh là người giàu nhất làng. Ông đã mãn khóa rồi, nhưng ở xã hội ta, mỗi khi ai có được một chức gì thì sẽ giữ chức ấy được mãi cho đến lúc chết, cũng như những ông quan vì hối lộ mà mất quan, mà phải tù, thì cũng vẫn được gọi và vẫn cứ nhận mãi mãi là quan. Tính nết ông này thật khó hiểu. Độc ác không ra độc ác, hiền lành không ra hiền lành. Lắm lúc hoang ra phết, lắm lúc lại bẩn thỉu đáo để. Có khi sính làm quan, có khi rộng miệng cả tiếng mạt sát những kẻ thích quan.

Phú không ghét ông chánh Mận vì cái vô học của ông, song vì ông ta giàu. Thế mà mấy tháng trước đây, chàng đã phải ở vào một cảnh ngộ khó xử. Chị Tuất đã hỏi Phú rằng: "Ông Mận hỏi tôi làm vợ kế đấy thì cậu tính sao?". Phú không dám có một ý kiến gì cả, sợ cái trách nhiệm về sau, bảo chị cứ nghĩ cho chín rồi liệu mà quyết

định. Cụ Cử kêu con gái đến lúc đã rổ rá cạp lại thì cụ cũng chẳng nói gì vào đấy, cũng cho tùy lòng... Cụ chỉ kêu: "Chỉ bực nỗi người ta giàu có, khó nghĩ lắm". Một đường thì thủ tiết nuôi con mà ăn hại mẹ, một đường thì trả lại đứa con cho gia đình nhà chồng rồi đi cải giá, sẽ làm mẹ đứa bé khác... Tuất thấy đường nào cũng đầy rẫy chông gai nên đã để mấy tháng lưỡng lự. Mà ông chánh thì cứ giục điên, nay tin đi mai tin về...

Thoạt đầu Phú đâm ra ghét ngọt ông chánh. Nhưng khi nghĩ người ta giàu và hỏi chị mình, thế không đáng tội, thì chàng nguôi nguôi.

Thấy rằng nếu vồ vập ông chánh Mận là vô ý thức, lúc ấy Phú hết sức lãnh đạm. Sau, thấy thái độ ấy có lẽ quá đáng, chàng lại phải hời hợt mà rằng:

– Kìa nước đương nóng, ông xơi đi! Thuốc đây, điếu đây... ông không có chuyện gì lạ đấy chứ?

CHƯƠNG III

Cái sân gạch bát tràng là vật sở hữu hoàn toàn của chín con gà con và con gà mẹ. Với những tiếng kêu cục cục vừa hiền từ vừa nghiêm nghị như những câu ra lệnh cho kẻ dưới, với hai cánh buông sã xuống như là áo buộc thắt đáy của người đàn bà đảm đang lúc vội việc, con gà mẹ oai nghiêm đi tìm đường đời cho lũ con nhỏ ngây thơ, ríu rít, kêu chiêm chiếp theo sau. Bầu không khí mát mẻ dử một vài con châu chấu dại dột đã bỏ địa phận của chúng để từ nội cỏ tung tăng nhẩy vào du lịch sân gạch. Ấy thế là... con gà mẹ nghểnh cao cổ, lóng lánh hai mắt, quay cổ vài ba lần để soi mắt tìm quanh như những cây hải đăng tự động, rồi thì, sau khi rú lên mấy tiếng ương ước đầy những vẻ khát máu và tàn sát, nó văng mình đuổi theo con bọ, nhanh nhẹn tựa hồ một khối bị ném đi. Đàn gà con còn ngẩn ngơ đứng xúm với nhau thành một tốp, mãi cho đến khi con châu chấu đã bị hành hạ dưới mỏ con gà mẹ thì cái đống nhung nhúc ấy cũng lại bị văng đi như một khối khác nữa, hàng ngũ đều đặn như một đạo binh đã được thao luyện chỉnh tề. Cuối cùng thì một vài con nghểnh cổ hai ba lần vì nghẹn mồi, và những con khác chiêm chiếp kêu đòi công lý chung quanh, con gà mẹ lúng túng không biết xử trí ra sao...

Cây chuối in bóng vào cây rơm. Cây với bóng cao bằng nhau, vì mặt trời hình như mới mọc từ mặt đất.

Một con chào mào bay đến để điểm thêm, bằng cái đuôi đỏ, một chấm đỏ nữa cho cây lựu. Nó kêu lên như muốn nói: "thích tình nào!... thích tình nào!..." vì cây lựu là của nó, cái sân là của nó, – bốn bề là của sự im lặng.

Con gà mẹ chỉ lúng túng có một lát rồi lại nghểnh cổ đập cánh vài cái, y như bọn người quen lấy cái xoa tay khu xử những việc khó xử. Tức khắc sự khiếu nại của những con gà con không được gì thế là hóa ra sự quên. Mẹ dắt con đi chỗ khác bằng những lời hứa. Và những đứa con phải quên đi vì mối hy vọng mới, cho nên lại sống thuận hòa với nhau ngay.

Phú đã dậy, còn ngồi ở bậu cửa ngắm nghía cái xã hội loài vật ấy. Chàng nghiệm rằng nó là phản ánh của xã hội loài người, nhất là xã hội Việt Nam. Sự nhẫn nhục, những hy vọng luôn luôn kế tiếp nhau, sự chóng quên, sự cầu hòa, tính thủ phận: đó là những điều kiện gây nên hòa bình sau những khi có những sự bất công đáng bất bình. Chàng thấy phải hay công phẫn, hay phản đối, phải hiếu động như người Pháp thì mới nâng được quốc gia lên cái trình độ tiến bộ.

– Cậu Phú đã dậy chưa? Cậu Phú ơi cậu Phú?...

Tiếng gọi réo của ông lý trưởng làm tan hoang mất cả cái thú vị của buổi sáng. Con chim chào mào bay vụt đi. Đàn gà hãi hùng rủ nhau chạy trốn, Phú mất trầm mặc, vùng lên, ra đẩy cái cổng tre đón ông lý vào nhà. Đằng sau ông lý, bảy tám người lạ mặt trông có vẻ lực điền cả mà không vào theo ông lý, khiến Phú nhớ ra ngay cái việc trông đê.

Tuy nhiên chàng cũng cứ hỏi:

– Có việc gì mà ông sang sớm thế?

Ông lý đứng dừng lại vì ngạc nhiên. Ông quay lại đưa mắt cho Phú để ý đến những người đứng chờ ở ngoài hàng rào. Rồi ông hỏi:

– Thằng cháu tôi nó không bảo gì cậu?

Phú cười, vỗ lưng ông lý, nói:

– Ông hãy cứ vào trong này đã...

– Tôi vội lắm đấy. Còn phải đưa bọn phu này đi ngay cho kịp sáng hôm nay.

Phú cuốn chiếc mành lên, giải chiếc chiếu ra phản, đi kiếm điếu thuốc lào, ấm chén. Lúc ấy, cụ Cử cũng đã bị cái giọng gọi réo của ông lý đánh thức dậy rồi. Cụ còn ngồi lại ở giường vấn lại vành khăn.

– Tất cả làng có hơn một trăm đinh thì hơn một chục ông có chân tư văn, năm bảy người đi làm xa! Đào ngoáy xoay xỏa mãi cũng chưa được ba chục. Thật rõ lôi thôi quá... Tôi mà biết trước những nông nỗi thế này thì tôi không ra hứng lấy việc quan, việc dân... Rõ bực!

– Thế những người lạ mặt vừa rồi?

– Phu đấu làng bên cạnh đấy. Họ ở Hải Dương lên từ tháng trước đắp nền nhà mới cho cụ Án. Họ vừa nghỉ việc mấy hôm nay. Cũng may có họ, không, chả mượn người đâu được.

– À, ra những ai không đi thì thuê họ.

– Phải. Mỗi lượt, một đồng một người; năm ngày một lượt; hết lớp ấy tôi lại phải bắt lớp khác.

– Thế không đủ đinh thì ông làm thế nào?

– Tôi hãy cứ đem ba chục phu lên đã. Quan có quở thì tôi hãy cứ khai bướng là tư văn không đi. Rồi có sao sẽ liệu vậy. Thế còn phần cậu thì cậu định liệu thế nào?

– Tôi ấy à?

– Thằng cháu nó có bảo gì cậu không?

– Có. Nhưng mà tôi không có tiền...

– Chết! Cậu phải đi xoay chứ? Cậu phải cố cào cấu cho nó ra tiền chứ? Đi vay mượn chứ!

– Ông bảo vay thì vay ai? Một đồng bạc bây giờ bằng chục bạc lúc khác...

– Ông chánh Mận ấy!

– Chưa bao giờ tôi nghĩ đến vay tiền ông Mận.

– Cậu khái quá! Cả làng này vay ông ta chứ cứ gì một ai!

– Nhưng mà... tôi thì lại... khác.

Nghe đến đấy, ông lý buồn rũ người ra như thấy tin nhân ngãi chết. Chẳng buồn hút thuốc, uống nước, ông để tay chống cằm. Hồi lâu ông thở dài:

– Thế cậu định để chết cho tôi hay sao! Việc là việc hữu ích chung chứ phải tôi tư túi gì? Đấy, cậu xem, vụ thuế vừa rồi tôi đã sạt nghiệp vì cả làng đấy!



Phú cười khanh khách:

– Ông đừng lo! Tôi không để cái chết cho ông đâu.

Ông lý trưởng lại càng lộ vẻ sốt ruột, cáu kỉnh. Ông nói như gắt:

– Thế cậu định thế nào?

Ông lý đứng phắt lên tỏ ý giận dỗi vì không tin, Phú cũng đứng lên lôi hai tay ông ta. Chàng không dám cười nữa, phải nghiêm nghị nói:

– Thưa ông, tôi xin đi phu.

Ông lý hắt tay phú, nguây nguẩy:

– Tôi không nói đùa! Việc quan không phải chuyện đùa!

Phú làm ra bộ cáu kỉnh:

– Thưa ông, tôi, tôi cũng không nói đùa!

Đến đây, ông lý đứng lặng người ra, ngạc nhiên nhìn. Sau cùng ông cúi mặt, cậy mấy hạt dử mắt. Ông lầu nhầu:

– Quái thật! Quái thật!

Vừa lúc ấy, cụ Cử hầm hầm đi ra, xỉa xói mãi vào mặt Phú:

– Đã biết chưa, hở con? Đã biết chưa? Nhục! Nhục! Bây giờ thì mới biết cái chân tư văn là cần nhé! Xưa kia nói thì cang cảng gân cổ ra mà cãi mãi!

Phú nhớ lại lúc mẹ lấy được một bát họ năm chục bạc để định mua cho chàng cái tư văn, chàng đã phải hết sức phản đối, hết sức công kích... Trong hai mẹ con đã xảy ra một trận bất hòa kịch liệt, chỉ vì thương yêu nhau nhưng mà không hiểu nhau. Phú muốn dùng tiền ấy lợp lại cái nhà mục nát, trát lại mấy bức vách đã long lở, may cho mẹ và cho chị vài cái quần áo, trả những món nợ vặt, mua cho thằng cháu mồ côi một cái vòng bạc... những việc tối cần. Sau những trận cãi nhau khá kịch liệt mà chỉ kết cục bằng nước mắt, bằng sự hờn, giận, chàng đã phải hết sức cương quyết cho đến kỳ cùng mới chống lại được cái nạn tư văn. Cụ Cử đã phải tấm tức nghe theo để may quần cho mình, cho con gái, lợp lại nhà, trát lại vách – những việc cụ cho là không cần lắm.

Đến bây giờ...

Nước lên...

Phú định đi làm phu!

Cụ Cử lại xỉa xói hai ba lần nữa vào mặt con:

– Nhục! Giời ơi! Nhục ơi là nhục!...

Phú không kịp nghĩ đến sự thất hiếu với mẹ nữa. Chàng gắt:

– Ô hay! Đẻ làm gì thế! Đi phu thì đã làm sao?

– Nhục! Sức vóc học trò! Rồi ốm! Rồi chết!

Tuy mẹ nói thế nhưng ý nghĩ của con lại trái ngược hẳn. Phú cho việc mình đi hộ đê là một bổn phận phải gánh vác một cách sốt sắng. Dù là học trò, chàng cũng thấy mình đủ sức vóc làm những việc nặng nhọc. Chàng lại muốn dúng tay vào những việc chân lấm tay bùn của đồng bào dân quê để gánh vác đỡ một phần công lao tối tăm không biết đến của họ. Được gần với cái phần tử khốn khổ nhất của xã hội, Phú sẽ được dịp quan sát mọi điều, và mong sẽ nuôi được tấm lòng yêu nước; vì thế chàng đã mơ tưởng đến bao nhiêu cảnh lầm than nó kích thích mạnh vào tâm hồn chàng, nó làm cho chàng biết đến cái gì là cái hy sinh. Thành thử Phú chỉ thấy việc đi làm phu là chứa chan thi vị. Chàng cứng cỏi nói bằng giọng một cái chiến thư:

– Ý tôi đã quyết, đẻ đừng nói gì nữa. Tôi ngồi không ở nhà thì cũng chẳng ích gì.

Cụ Cử ngồi xuống bậu cửa khóc. Ông lý trưởng ngán ngẩm đứng lên:

– Thôi, cậu đi hay cậu vay tiền để thuê mướn thì tùy cậu đấy. Cứ biết là chốc nữa thì cậu phải có mặt tại điếm. Tôi còn sang làng bên giục nó thuê xe đánh tre đi. Xin cậu nhớ cho nếu có tiền thì là một đồng hai hào tiền người và tiền cây tre. Bằng không thì cậu chạy hộ một cây tre rồi đem ra điếm cho tôi. Thôi, xin phép cụ, chào cậu.

Nói rồi ông lý ra hẳn, Phú quay lại hỏi vặn mẹ:

– Đấy đẻ xem! Tôi không đi thì đẻ có chạy được một đồng hai hào cho tôi không? Đẻ lại khóc nữa thì vô lý quá.

Cụ Cử vẫn sì sụt khóc. Phú lấy con dao rựa ra bụi tre, vén tay áo bổ vào một gốc. Cô Tuất cũng ẵm con ra sân:

– Cậu nhất định đi phu thật đấy à?

Phú ngừng tay quay lại phân trần:

– Đấy chị xem! Dù có vay tiền được, tôi cũng không muốn đẻ lại mắc thêm một món nợ. Chứ đừng kể là chẳng ma nào cho mình vay tiền nữa. Mà đi phu thì đã mất danh giá gì? Việc quái gì? Mình là ông gì mà lại từ những việc bổn phận mình phải gánh vác? Chị cứ yên tâm.

– Sức vóc cậu làm thế nào những việc của phu phen được!

– Chị mặc kệ tôi.

– Hay là...

– Sao?

– Nói với ông chánh Mận...

Phú bất bình mà rằng:

– Thôi đi! Người ta hỏi chị, chị chưa nhận, tôi là ai mà lại đến đấy vay tiền? Dù người ta đã lấy chị rồi thì tôi cũng không nên nhờ mới phải.

Phú lại quay vào chặt gốc cây tre. Cô Tuất đứng tần ngần hồi lâu... Khiến em phải nghĩ đến việc ông Mận gạn hỏi. Ông Mận say mê cô Tuất ra mặt. Ông nói thế trước mặt cả làng. Phú vẫn sợ, lo rằng chị mình sẽ sa ngã, sẽ... phải lòng người ta chăng. Là vì ái tình nó hút ái tình như điện nam châm hút sắt. Đối với lòng yêu, cái gì lãnh đạm được? Cho nên Phú vẫn lo trước khi chị mình công nhiên nhận lời hoặc trước khi việc thành, Tuất sẽ nhẹ dạ, mà đi trò chuyện gì với người ta chăng. Nhưng không! Tuất là gái có một, trăm phần trăm. Trong hôn sự Tuất không thấy gì là ái tình. Bằng lòng thì sẽ lấy, không thì thôi, chứ Tuất không có cái tính thận trọng sợ người ta khổ vì yêu mình, và do thế, tự mua cho mình một mối tơ vương, nếu mình không lấy người ta vì những éo le khác. Không, những cái ấy chỉ bọn gái tân thời mới có mà thôi.

Tuất lại nói:

– Tôi thương cậu quá. Đi phu khổ lắm cậu chưa biết...

Phú quay lại nhìn thì thấy ở mắt chị có hai dòng lệ. Chàng bực mình mà rằng:

– Chị tưởng anh Minh ở Côn Đảo sướng lắm đấy hẳn? Tôi đi đắp đê cũng chưa khổ bằng anh ấy đi đập đá? Anh ấy khổ, tôi không cần ngồi khoanh tay sướng lấy một mình!

– Thôi thế để tôi đi thổi cơm rồi nắm cho cậu vậy!

– Phải. Ngày nào cũng thổi cho tôi hai nắm cơm và một ít muối vừng, thế thôi. Liệu mà gửi bà Đám từ sáng sớm, ngày nào cũng vậy.

PHẦN THỨ HAI

CHƯƠNG I

Ông huyện bỏ cái nón dứa, ngồi phịch xuống cái ghế gụ kiểu Tàu, thở hồng hộc. Ngọn đèn con dùng để châm đóm ăn thuốc lào chiếu một ít ánh sáng vàng vào mặt quan... Một cái mặt xương xẩu, lưỡng quyền rất cao với hai cánh râu thưa thớt vẽ ra hai vệt bóng đen vòng xuống. Một cái mặt sa sầm như giời trước một cơn mưa rào.

Lúc ấy, bà huyện đương ngồi ở sập, xắt một khoanh giò lụa. Cách đấy vài thước, tại một cái kỷ nhỏ kê sát vào tường, một chiếc đèn măng sông đương được Kim Dung tiểu thơ đốt cho mồi cồn thứ hai. Những làn lửa xanh lè phì lên, liếm quanh cái bấc hình búp đa một cách huyền ảo, kỳ quái...

– Sao mà lâu thế, con? Mau lên để cậu xơi cơm chứ?

– Thưa mẹ không biết sao mãi nó cứ không lên lửa?

– Đốt nữa đi! Nhanh lên!

– Vâng, con đương...

Vừa đến đây, lửa xanh bốc lên kín cả cái bấc sau một tiếng nổ ục, và ánh sáng đèn vấp phải ánh sáng ở hai hàm răng ngọc và ở hai đuôi mắt tuyệt đẹp của Kim Dung. Cả cái sắc đẹp lộng lẫy của thiếu nữ hiện ra với tất cả vẻ diễm lệ, vẻ huyền ảo của một cái hư ảnh. Con đường ngôi thẳng băng, hai mảnh tóc đen lay láy lòa xòa xuống cái trán nở nang... với đôi má đầy đặn có nhung tơ như của hai quả đào. Kim Dung mê man nhìn vào cái măng sông như chìm đắm trong những điều bí mật của khoa học.

Bà huyện nhìn ra ngoài hè thấy anh lính lệ đương khoanh tay dựa lưng vào cột mà nhìn giăng sao trên giời như một nhà thi sĩ thì bảo:

– Kìa, lệ không vào cởi giầy cho quan đi à?

– Dạ.

Quan vẫn ngồi thừ người ra, mắt lim dim... Cái áo tơi sau lưng, cái khăn trên đầu, đôi giầy ống bó dưới cẳng. Lính lệ quỳ xuống đất vừa toan tháo đôi ống ra thì quan chợt mở mắt, từ tốn giơ cánh tay

ra, xua... Lính lệ đứng lên, lại ra ngoài hè với cái cột. Bà huyện ngơ ngác nói:

– Để nó tháo giầy, ông đi xơi cơm chứ? Bẩy giờ rồi còn gì!

Vẫn không nói gì cả, quan đứng lên, ra sập để lại ở ghế cái áo tơi ủ rũ nó dần dần gục xuống như một người ngủ gật. Quan ngồi ghé ở sập nhìn vào mâm cơm. Con chim xào, đĩa trứng muối, đĩa của cải đen, đĩa thịt gà, bát canh rau cải, không làm cho nét mặt quan thay đổi gì cả. Bà huyện xới xong bát cơm mới hỏi:

– Hay ông xơi một cốc rượu cao cho nó tỉnh?

Thấy chồng vẫn không đáp, bà huyện nghiêng mình mở tủ chè lấy nậm rượu và cái cốc để ra mâm cơm. Bà vừa rót đầy cốc rượu vừa bảo con gái:

– Dung ơi Dung! Con ra quạt cho cậu vài cái đi!

Dung bỏ cái đèn, vớ chiếc quạt ở kỷ, ra ngồi sau bố, vừa che miệng cười vừa phe phẩy mấy cái, nửa lần khân, nửa tôn kính. Mãi đến lúc ấy, ông huyện mới nói:

– Chết mất! Khó lòng thoát vỡ đê!

Vợ cau mày nghĩ vẩn vơ hồi lâu rồi hỏi:

– Sao? Nước lên to lắm à?

Chồng vẫn nhỏ nhẻ nhai cơm một cách khó chịu như phải làm một việc bần cùng, nét mặt vẫn đăm đăm, trí não để cả vào một ý nghĩ. Kim Dung nói một cách rất ngây thơ:

– Sắp lụt ạ, hở cậu? Thế thì thích lắm đấy nhỉ? Từ bé đến giờ, con chưa được trông thấy vỡ đê bao giờ đấy!

Mẹ mắng con gái:

– Im! Để cậu mày xơi cơm!

Dung vừa cười vừa cãi:

– Thì con làm gì đâu nào?

– Con nói những câu ngu dại lắm! Ngần ấy tuổi đầu rồi mà...

Vì đương ở vào cái tuổi trẻ, cái tuổi sung sướng, cái tuổi nó làm cho người ta ở vào bất cứ việc gì, bất cứ trường hợp nào cũng có thể lạc quan để cười đùa được. Dung cãi lại:

– Con tưởng phải lụt chớ? Thỉnh thoảng cũng phải có một tai nạn gì xảy ra thì bọn phụ nữ chúng con mới có dịp lập chợ phiên hay đi quyên tiền để làm việc xã hội chứ?

Thấy con gái nói thế, bà mẹ chẳng biết dạy bảo ra làm sao nữa. Thật vậy, Kim Dung là hạng gái tân thời, có sắc, cũng đã có đi học, mà trước khi chờ có người đến rước thì chỉ còn một cách giết thì giờ ở sự nay tìm mốt y phục ở một tờ báo này, mai tìm một mốt đánh kem đánh phấn khác ở một tờ báo kia. Vì lẽ bà cần quảng cáo cho con gái lắm, óc bà chỉ hận có một việc là mong được làm thông gia với một ông quan cao chức hơn ông huyện để gia đình được thêm thanh thế trong quan trường, nên không dịp nào có thể để Kim Dung khoe sắc đẹp trước công chúng mà bà lại để lỡ... Sáu tháng trước ở tỉnh có một cuộc quyên tiền giúp Hội bài trừ bệnh lao do bà công sứ chủ tịch thì Kim Dung đã quyên được nhiều tiền nhất, và đã được bà công sứ hết lời ngợi khen. Do thế, ông huyện cũng được quan trên có ý bằng lòng. Bà huyện đã mãn nguyện ở chỗ Kim Dung cứ việc vừa ăn chơi vừa nhẩy đầm cũng đã đủ giúp ích cho bố mẹ. Do thế những bộ y phục tân thời kỳ lạ của Kim Dung không còn tính cách xa xỉ đàng điếm nữa mà đã được bà huyện coi trọng như những vật thần thánh bất khả xâm phạm. Do thế, trước kia ông huyện mắng con gái về tội lãng mạn một cách kịch liệt bao nhiêu thì về sau ông lại im lặng một cách gan góc bấy nhiêu. Theo cái thói phép nhà quan, việc gì lấy được lòng quan trên là được coi trọng, chẳng cứ nó trái với sách luân lý. Vì vậy, Kim Dung càng được bố mẹ yêu chiều. Nàng không phải chỉ là một tiểu thư, con gái một ông huyện mà thôi, nàng là một vị công chúa nữa. Nàng muốn mặc gì thì mặc, muốn nói gì thì nói, muốn ăn gì thì ăn, muốn chơi gì thì chơi.

Thấy cả bố lẫn mẹ đều có ý chịu mình, Kim Dung lại nói:

– Con ước rằng có lụt thì lụt cho sớm!

Ông huyện làm như không nghe thấy, đưa mắt nói với vợ:

– Lo lắm, mợ ạ. Mỗi lần nước lên một ít thì lại một lần nghiệm thấy rằng đê đắp phần nhiều bằng cát chứ không phải bằng đất. Cái bọn thầu đê láo thật! Chuyến này mà vỡ thì rồi nhiều người khổ.

Bà huyện chép miệng:

– Kinh tế thế này mà lại còn vỡ đường nữa thì dân quê ắt rồi trộm cướp tứ tung.

Ông chồng ra vẻ bực mình mà rằng:

– Khi tôi nói nhiều người khổ không phải là tôi nói dân quê mà là tôi nói hạng quan lại như tôi! Nếu mình có gan thì không kể,

nhưng mình lại không có gan, ấy khổ là vì thế! Chứ không thì giàu! Vô số người giàu về dịp này! Mình không ăn thì mình dại!

Nói đến đây, ông mới sợ hãi nhìn ra ngoài hiên...

Không thấy tên lính lệ đấy nữa, ông gật đầu một cái thì bà huyện kệ nệ xích lại gần chồng, nghiêng đầu nghe nói thầm...

– Mợ tính nào là bắt phu, bắt tre, ở tỉnh thế nào người ta cũng cho là mình gặp dịp béo bở, dù không ăn người ta cũng cho là ăn. Như thế không ăn cũng dại. Nếu mà vỡ đê nữa thì họ lại càng tin là mình kiếm chác được nhiều...

Bà huyện vì chưa bao giờ được làm việc quan, nhất là lại việc quan vào những lúc vỡ đê, nên rất kinh ngạc. Bà trợn mắt, cái miệng thành ra tròn y như chữ O. Mãi mới lắp bắp:

– Kiếm chác?... Vỡ đê mà lại còn kiếm chác?

Ông chồng nổi nóng:

– Bẩm vâng ạ! Nếu vỡ đê thì tất có nhiều chuyện lôi thôi! Tất rồi có thằng lý trưởng này bị cách chức, thằng chánh tổng kia được bát phẩm! Rồi còn cứu tế, còn chẩn bần!

Mặc dầu ngu dại là giống đàn bà, khi người ta đã là vợ một ông huyện thì người ta cũng phải thông minh trước những câu cắt nghĩa mập mờ ấy. Bà gật gù mà rằng:

– À à!

Chỉ có cô con gái là không hiểu nên tức khắc hỏi:

– Thế là thế nào?

– Im! Im ngay, không được nói leo vào chuyện người nhớn!

Mắng con gái rồi ông lại khẽ nói với vợ:

– Nói thế là bà đủ hiểu. Mình không kiếm chác thì cũng chẳng yên được với họ!

Bà huyện chép miệng một cái, nghĩ ngợi đến nhăn đặc cả cái mặt. Rồi nói:

– Thôi thế thì tùy cậu... Nghĩa là mình phải giữ gìn, ăn cho có nhân có nghĩa thì thôi, chứ mà cứ theo đúng lời dặn của cụ Cố nhà thì cũng không được... Ừ, mà còn bao nhiêu người chứ mình có nuốt trôi một mình được bao giờ đâu!

Đến đây cả hai vợ chồng cùng nghĩ đến cụ Cố! Cụ Cố năm nay đã trên bảy chục tuổi. Ra làm quan từ đời vua Tự Đức, cụ đã xin từ

chức, khi thành Thăng Long thất thủ, quyết giữ chữ trung, mặc dù cụ không vào đảng Cần Vương. Một năm sau, nhận thấy các bạn hữu cũng lục tục kéo nhau ra làm quan, lại nhân có dịp một ông thống sứ về tận làng triệu, cụ lại ra làm quan để theo cái thuyết tùy thời. Các bạn hữu vẫn bảo cụ: "Nước mất thì đã mất rồi, mà dân thì vẫn còn. Giữa lúc này, nếu hạng sĩ phu không ra nhận cái trách nhiệm làm cha mẹ dân thì người Pháp phải nhấc bọn thông ngôn "lục tỉnh", bọn bồi bếp lên làm quan. Cứ để bọn ấy chiếm hết mọi địa vị trong quan trường thì thật chí hại cho dân, sỉ nhục cho nước. Âu là bọn khoa mục chúng ta tùy thời mà gánh vác việc nước còn hơn". Thế là cụ ra nhận chức, bỏ mặc ngoài tai những sự hờn giận của một bọn sĩ phu khác ngụ trong bốn chữ "làm quan với Tây". Cụ tin rằng cứ giữ thanh liêm cũng đã là một cách giúp nước, không câu nệ vì những lời câu chấp. Mà quả nhiên cụ cũng đã giữ được thanh liêm cho đến lúc về hưu trí với số hưu bổng khá hậu và một cái ngũ đẳng Bắc đẩu bội tinh. Lúc còn làm quan, cụ thường khinh bỉ những kẻ nhũng lạm, những ông quan vì nghề làm quan mà giàu. Bây giờ, đến lúc con giai cụ lại từ chức tham tá cai trị mà ra làm cha mẹ dân, cụ vẫn phải dặn con cố giữ thanh khiết cho khỏi phạm đến danh dự của cụ mà cụ bảo một cách hơi kiêu ngạo là của cả gia tộc. Vì lẽ nhà nho Bắc Kỳ dễ không còn ai là không biết sự thanh bạch của cụ, nhất là lại cái cảnh một người Tây đen đem mõ tòa đến hỏi nợ cụ, định bỏ tù cụ, mà cụ chỉ khoan thai lấy Bắc đẩu bội tinh ra đeo vào ngực rồi ung dung đứng lên nói: "Vâng, ông là chủ nợ mà ông muốn bỏ tù, tôi cũng xin vui lòng..." để cho viên mõ tòa phải cáo lui sau khi xin lỗi rất khẩn khoản. Cụ cho điều ấy đủ làm chứng cho cả cuộc đời thanh liêm của ông Tổng đốc và không còn sự gì vinh dự đáng khoe khoang hơn. Không hối lộ! Chỉ có thế là được nên quân tử, cụ bảo con cụ đến hàng nghìn lần rằng đừng nên phạm phải cái điều rất dễ theo ấy.

Ông huyện đã nghe theo lời khuyên bảo ấy những khi nào ông không nghe theo không được, những khi nào ông sợ nguy hiểm, và đã không nghe theo những khi nào ông có thể không nghe theo. Do đó, những sự bực tức, những lúc oán giận bố mỗi khi ông tự lừa dối mình mà tưởng rằng ông không chóng giàu chỉ tại có một sự khuyên ngăn của cụ Cố. Dần dần việc khó chịu ấy làm cho ông đổi chương trình. Đáng lẽ chỉ ăn những món nhỏ, thì ông quyết định là cứ ăn cả những việc lớn, miễn là ăn cho được công được việc, có nhân có nghĩa, không là ăn liều thì thôi!

Ông huyện quyết định như thế. Ông ăn cơm thấy ngon. Vợ ông lại nói như xui như giục ông:

– Đấy, cậu xem! Hai bát họ mỗi bát hai nghìn để chạy chọt ra làm quan! Đã bao lâu nay, đến họ cũng chưa đóng hết! Như người ta thì đã tậu ô tô rồi! Lắm lúc nghĩ giá cứ làm tham tá thì lại sướng mà chả đến nỗi đến lo mất ăn mất ngủ...

Ông huyện lặng thinh trước lời trách cứ. Ông chan đầy canh vào bát cơm, và lùa luôn mấy đũa rồi vứt bát đứng lên. Con gái ông vẫn ngồi thừ ra, lưng dựa vào tủ chè, mơ mộng như ngồi trước một cái máy ảnh. Chợt có một hồi gót giầy tây nện vang lên:

– Lạy quan lớn ạ!

Một người to béo, mặc quần áo đi săn, lưng có đeo một khẩu súng hai nòng, đứng sững trên thềm mà cười như lệnh vỡ ...với anh lính lệ nét mặt hoảng hốt đứng bên cạnh. Ông huyện rộ lên:

– Á à! Anh Khoát! Cơn gió nào thế, hở giời?

Người khách bước vào, không bông phèng nữa, cúi đầu chào bà huyện:

– Lạy bác ạ! Kìa, cháu Dung... Tôi tạt vào xin ngủ trọ, mai đi săn sớm.

– Không dám ạ, lạy bác. Đun nước đi, chúng bay.

Nói xong, bà ra hiệu cho con gái tháo sang phòng bên. Không có đàn bà trẻ con đấy nữa, hai người bạn được phép tỏ tình thân mật ngay tức khắc.

– Thế nào, mày? Mày làm quan độ này có khá không?

– Nước chó gì! Chán chết!

– Thôi đi, đừng có nói phét! Ông biết tỏng ra! Dân huyện mày nó kêu như cháy đồi! Dù sao đi nữa thì nghề làm quan vẫn còn kiếm ăn được.

– Thế mày, độ này mày có phát tài không?

– Tối nguy! Chí nguy! Rượu thì bị rượu Fontaine hạ giá, rượu lậu nó cạnh tranh dữ dội! Xe thì vừa rồi một chiếc lăn mẹ nó xuống sông, một chiếc nhẩy lên vồ phải đầu xe lửa! Kiện nhau mấy tháng chưa biết thua được ra làm sao! Buôn bán cái gì cũng hỏng, chết mất, mày ạ.

– Ừ, báo cũng có đăng, tao cũng đã biết...

– Đấy, mày xem! Mày không cứu ông thì ông tự tử mất!

– Tao làm gì được?

– Quan thầy mày vừa sang bằng chuyến Henri Rivière đấy thôi. Mày chả phất thì còn ai mới phất?

– Chưa chắc. Thế mày muốn gì?

– Ông... ông chỉ muốn xoay một vố! Nhân vụ đê điều này, có cái số tre đẫy ắt ăn được. Mày để tao thầu cho nhé? Nhất là lụt thì ông hả quá! Mày ạ, tao có hai nghìn tấn gạo sắp mốc, thế có chết không? Với lại bốn nghìn bao gai mà phòng thương mại nó không lấy nữa, chó thế. Mày thử nghĩ hộ tao xem có cách gì làm tiền...

Đến đây, ông khách ngừng lại. Vì người lính lệ đã mang khay nước ra. Ông tháo súng, cởi cái thắt lưng đầy những ổ đạn, tháo cả giầy ống. Pha xong nước, người lính lặng lẽ lùi ra.

– Mày ngủ đây chứ? Khoát?

– Thì đã hẳn. Mai tao đi săn sớm. Bảo nó trông cái mô tô của tao cho cẩn thận ở sân ngoài.

– Được. Lâu nay anh em mình chưa có đêm nào đôi hồi được vài câu tâm sự nhỉ? Thế thì để tao phải bảo nó dọn cái món "xương khướu" mới được.

– Thuốc phiện ấy à?

– Chứ gì nữa!

– Thế thì nhất! Người Việt Nam ở thế kỷ hai mươi này lại không hút thì còn ra cái thể thống chó gì nữa! Bảo ngay đi thôi!

Quay nhìn về phía sau lưng, thấy con gái đứng sau rèm, ông huyện gật lại, khẽ nói:

– Này con! Con nói với mợ bảo thằng bếp nó làm một con gà nhé. Sửa soạn cho cậu ăn cháo đêm. Bảo mua ít nem chua nhắm rượu, trứng gà tươi, lạp xường, ca la thầu ăn cháo, cái gì cũng phải đủ. Và gọi cho cậu thằng lính.

Khi thằng lính vào, ông lại hất hàm một cái, ra cái hiệu lệnh bí mật bằng cách nắm hai tay lại, để lên mồm, như người ta thổi một cái tù và tưởng tượng.

Người lính cúi đầu, mỉm cười, lùi ra.

CHƯƠNG II

Quãng đê chạy ngòng ngoèo theo hình một chữ S dài độ bốn cây số.

Nước sông đỏ ngầu đã dâng lên chinh phục đến gần mái những thôn xã ở ngoài đê.

Giữa dòng sông, những củi rều, gỗ, cành cây, lá cây, những thứ hoa, quả rừng rất kỳ quái, hoặc lẻ loi, hoặc bám nhau thành từng mảng mà chung quanh có bọc bọt ngầu, trôi theo dòng nước, phăng phăng. Đủ hiểu là nước to ghê gớm lạ thường, và nỗi lo sợ của dân quê là đáng kể từng giờ, từng phút. Quãng đê ấy cách huyện lỵ độ chừng hai cây số, và cách Lục đầu giang độ chừng mười tám cây. Vì lẽ là chỗ hiểm nghèo, hiểm nghèo vì thế đê lại gần huyện lỵ, nên sự hộ đê và những cách canh phòng rất là chu đáo, nghiêm ngặt. Ba trăm người! Ba trăm người đã đào đất, khiêng đất, đổ đất, đóng cọc tre, đan rọ, đan phên... Ba trăm người trong số ấy thì độ sáu chục là đàn bà và trẻ con, người thì thay chồng, thay anh, đứa thì thay bố, thay mẹ. Phú cũng có mặt trong đám người xấu số ấy, cũng chân lấm tay bùn như họ. Từ sáng sớm cho đến chiều, cắt quãng bằng bữa cơm trưa độ nửa giờ để nghỉ ngơi.

Dân phu đã muốn xin ngừng tay, nhưng bọn người trông nom họ như cai lục lộ, thầu khoán nhà nước, nhân viên sở Công chính, đã bảo họ nên cố làm cho đến tối mịt hãy nghỉ. Cơm nước? Thì cần gì cơm nước nếu ai ai cũng phải lo nạn vỡ đê nó sẽ hại tính mệnh sản nghiệp hàng vạn người!

– Cố đi ít lâu rồi cơm nước nghỉ ngơi một thể.

Một người cai khố xanh đã cưỡi xe đạp dạo một lượt và nói thế với bọn lính và bọn lý dịch có phận sự đốc thúc bọn phu. Thế là từ cai cho đến lý dịch và lính khố xanh, những câu chửi rủa thô tục, những cái roi mây giơ lên vụt xuống không tiếc tay đã gọi vào khuôn phép những kẻ nào không tuân lệnh trên bằng sự uể oải. Chốc nữa, chỉ chốc nữa thôi, là quan huyện ra khám đê. Sợ vạ "chôn chân" hoặc bị cách, sợ bị rầy la là chểnh mảng phận sự, bọn lính, lý dịch và cai đã không công nhận cái đói, cái khát, cái nhọc mệt của ba trăm phu, người lớn, trẻ con, đàn bà. Về phần phu thì đã đói lắm, và rất căm tức sao cái bọn cai quản họ lại không biết cho đến nỗi khổ sở, cả vật

chất lẫn tinh thần, của họ. Nhưng bọn người này – chọc gậy xuống nước – tin vững vàng đó là dân phu lười biếng, không có lương tâm về phận sự, nên giả cách đói khát nhọc mệt đó thôi. Họ có một mối tín ngưỡng quái lạ: đối với dân ngu, lôi thôi là cứ đánh bỏ mẹ.

Mặt trời gần khuất sau một dãy núi. Trên không gian, da trời đã từ màu xanh lơ mà ngả về màu xám xịt. Những đám mây vàng, trong khoảnh khắc, lần lượt hóa ra cá vàng, rồi đỏ ửng rồi tía, rồi xám, rồi lại trắng toát ra, khi mặt trăng lấp ló sau một ngọn gạo cổ thụ to như một cái bánh đa.

Trên đê, người ta chạy đi, rồi lại chạy lại. Sự tấp nập giả dối lại ồn ào, hỗn loạn và nghiêm trọng hơn cả cái áy náy về phận sự. Thỉnh thoảng, chỗ này, chỗ kia, một tiếng mắng chửi, một câu văng tục, một tiếng đét của cái roi mây, những tiếng rên rỉ, hoặc kêu khóc hoặc lầu nhầu... Trong những việc công cộng như thế, người ta lại thấy cái tinh thần giai cấp hiện ra đến nỗi ngang tai chướng mắt, vì một bọn người vô tích sự, nhờ tài sản hoặc chức vụ, đã tưởng là mình có quyền, cái quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm, là hành hạ một bọn người khác đông đúc hơn, tuy có ngu dốt hơn nhưng mà vất vả hơn, hữu ích hơn.

Đã mấy hôm nay, hàng trăm phu phen đã làm việc từ sáng sớm đến tối mịt, dưới những sự tàn nhẫn như thế. Đêm đến, họ túm tụm nhau dưới mấy cái dẫy lều cọc tre mái lá, hở đằng trước, hở đằng sau, hở hai bên. Cái nhọc, cái rét, những cơn gió phũ phàng, những hạt mưa lạnh toát, đã làm xong cái gì mà công việc đào đất, khiêng đất, những câu mắng chửi, những cái thượng cẳng tay hạ cẳng chân, v.v... hãy còn bỏ dở. Đó là cảnh địa ngục giữa cõi trần.

Những dân phu ấy bị đủ mọi tai trời ách đất, nạn bã rượu lậu, nạn trộm cướp, nạn hối lộ, nạn tổng lý, đã bị dồn vào cảnh ngộ cực kỳ khốn nạn, đã phải tranh giành nhau đến nỗi có khi gây án mạng vì một việc làm thuê gì đó để lấy mỗi ngày ba xu, mà bây giờ vì bổn phận làm dân, đã phải mỗi người đem một cây tre với hai cánh tay ra cứu vớt một hai sào ruộng hay cái lều gianh của họ, hòng cứu vớt hàng nghìn vạn mẫu đồn điền của những ông chủ phưỡn bụng khác, cứu vớt đường hoả xa, con đường nhựa của những chiếc xe hơi hình cánh cam, hay những cái cột giây thép mà những ông quan lớn dùng để đánh điện tín cho thân bằng cố hữu lúc các bà lớn đẻ con, hay các

cô khuê các tiểu thư hẹn với nhân tình. Trong khi làm việc ích chung đó thì họ không làm nổi cái việc ích nhất cho họ, là cái miếng cơm nuốt vào bụng. Quan trên đã hứa sẽ giả tiền công. Đã mấy ngày lời hứa vẫn chỉ là lời hứa. Những người không kiếm nổi ba xu một ngày thì chết đói ấy, đã phải lần hồi xoay xở thế nào cho có được một người làng thổi cơm ở làng đem đến chỗ đắp đê cho mà ăn; là vì trong số ba trăm phu phen chỉ có hai trăm là cùng đinh của thôn giáp giới với đê, còn hơn một trăm là dân các làng xa năm cây số, mười cây số, hai mươi cây số, có khi hơn thế nữa. Không một ai lại đủ tư cách mua cơm nắm, muối vừng của một mụ béo có khuyên vàng nặng chĩu ngồi bán ở cái lều nhỏ cạnh điếm ở trên đê, một mụ đầu cơ lợi dụng, bóp cổ dân nghèo, không rõ người nhà ông thầu khoán, hay ông cán lục lộ, hay chân tay thân thuộc của ông quan.

Trời sắp tối mịt.

Đứng dưới một hố đất sét, bên cạnh một cái cột bằng đất bên trên chỏm là cỏ xanh mà người ta để nguyên để đo xem thùng đấu đã đào sâu xuống là bao nhiêu, Phú đứng dụi tay, cậy những cái móng tay cáu bẩn trắng xóa. Chung quanh chàng là anh hai Cò, ông nhiêu Đơ, ông xã Đấu, với mấy người làng nữa, những người cho rằng Phú đi làm phu hộ đê thì không những là một sự lạ mà còn là một sự đáng vui. Ở làng được kính nể bao nhiêu, ở đây Phú cũng được giúp đỡ như thế. Không ai quên Phú có cái sức vóc học trò. Người ta đã cặm cụi làm những việc khó nhọc để Phú cầm một cán cuốc giữ cho lấy lệ, và nói chuyện gì cho vui chung. Thoạt đầu Phú thấy thế là đáng sỉ nhục cho lương tâm, song dùng tay vào mới biết rằng những công việc của dân quê thì chàng không có sức nào kham nổi. Phú cầm cái cuốc giơ lên cũng đã đủ thấy nặng và mỏi tay. Mới vài ngày mà quần áo vải trắng của chàng đã thành ra như quần áo nâu vậy. Chàng cặm cụi, hí hoáy được một lúc thì cái đói đã đến đánh thức cái dạ dày. Phú luôn luôn nhìn đến gánh cơm có hai cái mo cau đậy trên. Nhưng chưa có lệnh nghỉ tay... Chàng suy bụng mình ra bụng người, thấy cái đời người dân quê là khổ nhục, không đáng sống. Chàng bỗng căm tức dân quê lắm, và tự hỏi: “Tại sao hàng mấy nghìn năm nay rồi mà họ vẫn cứ thế mà cũng sống được?” Phú hối hận đã không đi vay tiền thuê phu. Chàng lại cho rằng dân quê tuy vậy mà sướng, sướng ở chỗ khổ mà không biết mình khổ. Thói quen! Đến thế nào nữa mà cũng quen đi là xong; mà hạnh phúc, nếu không có cách

khác, ắt phải kiếm nó ngay trong lòng mình. "Họ khổ nhưng họ không thấy khổ, âu là mặc quách họ!".

Phú đương đứng ngây người ra nghĩ thế thì chợt bị một bàn tay cục mịch đập mạnh vào vai. Quay lại, Phú thấy đó là một người cai, không biết của sở Lục lộ hay của thầu khoán, với cái áo vải vàng cái quần nâu bó trong xà cạp, đôi giày đen to tướng ở dưới, cái nón dứa cũ ở trên, với một cái mặt lỳ lỳ có những vết nhăn ác nghiệt, do cái nghề nghiệp nó ảnh hưởng ra cả ngoài hình dáng. Người ấy trỏ tay vào mặt Phú nói:

– Thằng này! Tao để ý đến mày đã nhiều! Mày chỉ vờ vĩnh thôi. Liệu thần xác!

Điên ruột lên, Phú cự lại:

– Nhưng mà tối rồi! Ông thử trông xem! Cũng phải nghỉ tay để còn ăn uống chứ!

– Quan chưa có lệnh cho nghỉ!

– Quan nào! Làm gì có quan nào ra lệnh nào! Nếu có quan ở đây thì đã không đến nỗi... Chỉ có bọn các ông là bắt nạt dân quê thôi.

Người cai giơ luôn cái roi mây vụt mạnh vào Phú đánh đét một cái rồi khoanh tay đứng nhìn, Phú nghiến răng lại, vì roi đánh trúng bắp thịt cánh tay trái. Chàng xuýt xoa, rồi thừa lúc bất kỳ vô ý của người kia, chàng xông lại, bàn tay phải nắm chặt dùng hết sức đấm một cái rõ mạnh vào hàm. Không kịp đề phòng, anh kia loạng choạng về phía sau, bị một vết thương kín khá nặng. Cái nón rơi ra, cái roi mây cũng rơi. Anh hai Cò, bác nhiêu Đơn, bác xã Đấu, vừa ngạc nhiên, vừa kinh hoảng, đã ngừng tay làm việc để sửng sốt... Đến lúc nói được lên tiếng rồi, người cai kia vừa nhặt nón, nhặt roi, nhẩy đến mặt Phú mà rằng:

– Mẹ kiếp! Quân này giỏi thật nhỉ! Dám cả gan đánh lại người Nhà nước phỏng? Ông thì trói cổ lại giam mày một đêm cho mày biết thân...

Nói rồi xông vào túm ngực Phú. Hai người giằng co nhau, vật lộn nhau, chực đẩy ngã nhau. Bọn người làng của Phú bổ đến can khéo, tháo gỡ. Giữa lúc bối rối cuống quít thì ông lý làng Phú hấp tấp chạy xuống. Nhanh trí khôn, ông kêu to:

– Chết chửa! Sao thế, cậu giáo! Sao thế ông cai? Rồi ông đứng vào giữa, lại nói rầm lên, cốt cho người cai kia để ý đến chức "cậu giáo" mà ông tặng cho Phú. Khi nghe thấy rõ rồi, người cai kia cũng hơi chột dạ, đứng ngẩn mặt ra đấy, tiến thoái lưỡng nan. Ông lý nói thêm:

– Chết! Cậu giáo con cụ lớn tôi đấy không phải là dân ngu đâu, ông đừng nên thế. Nếu không ngồi chễm chệ ở nhà mà lại đi làm phu hộ đê là vì cậu ấy chơi ngông, thích như thế đấy thôi, ông đừng lấy làm lạ.

Đến đây, người cai chòng chọc nhìn kỹ Phú từ đầu đến chân. Rồi nói:

– Sao nó lại dám đánh giả tôi mới được chứ?

Hăng hái thêm lên, Phú đáp:

– Mày đánh tao thì tao lại tha mày à?

Cuộc cãi cọ chưa kết liễu thì từ trên đê, một bác lính khố xanh đã tập tễnh nhảy xuống. Bác ta xông xuống thùng đấu, hỏi xách mé:

– Cái gì? Lôi thôi gì, hở cái bọn này? Làm sao? Đầu đuôi làm sao?

Không biết đối phó thế nào với cách dọa nạt gián tiếp của thầy lý dịch của Phú, người cai kia la rầm lên:

– Cậu giáo chứ nhất là cậu cả giời! Đây chỉ biết làm phu mà không chăm việc thì đây đánh, mà bị đánh mà đánh giả lại người Nhà nước thì... không được!

Phú khoanh tay, hách dịch:

– Ừ, thế đấy! Muốn làm gì thì làm!

Người cai lục lộ xin với người lính khố xanh:

– Ông cứ lôi cổ nó lên quan cho tôi!

– Alê đi! Cứ biết lên quan đã.

Nhưng chợt từ một cái điếm trên đê có một hồi trống cái tùng tùng đưa ra. Mấy người làng của Phú cũng vội reo lên:

– A! A! Được nghỉ tay rồi! Ta cơm nước đi, anh em ơi!

Phú nói vào giữa mặt người lính:

– Đây... Phải, đây cũng ăn cơm chơi cái đã.

Ông lý trưởng thì cuống cuồng lên mà rằng:

– Thôi, tôi xin cậu giáo, cậu đừng bướng với người Nhà nước như thế! Thôi, tôi xin khuyên hai ông, đây là cậu giáo con cụ lớn làng tôi, hai ông đừng có quá tay quá miệng mà rồi rầy rà lôi thôi.

Không biết nghĩ thế nào, người lính bảo người cai:

– Để hỏi quan xem nên thế nào đã.

Trong khi Phú tự do ra ngồi ăn cơm nắm muối vừng với mấy người làng thì người cai và người lính kéo nhau lên đê. Mười phút sau, ở một điếm canh bước ra, hai người lại hùng hổ kéo xuống thùng đấu, vào lúc trời sắp tối mịt...

Lại một hồi trống dài nữa vang lên. Lý dịch, lính tráng chạy dài trên đê ra cái lệnh rằng ai ai cũng phải xếp dọn xẻng cuốc, thúng mủng lên cả mặt đê một lượt.

Người lính và người cai dẫn Phú vào cái điếm gạch trong có một ngọn đèn đất để trên một cái bàn, cái bàn cạnh cái ghế, cái ghế dưới một người đương hí hoáy viết lách. Phú đoán hẳn đó là một viên chức cán sự công chính. Quần áo tây vải vàng, giày ống, một đôi kính cận thị trên sống mũi, một cái roi cá đuối đeo bên lưng. Người ấy vừa viết vừa uống nước ở cái cốc sắt, nắp một cái ống ủ nước. Sau cùng người ấy ngẩng lên hỏi:

– Cái gì?

– Bẩm quan lớn, nó đánh lại tôi, nếu quan lớn không nghiêm trị để làm gương cho kẻ khác, thì ắt tôi không trông nom nổi, mà cái dân vùng này cũng đã bất trị lắm.

Người tham tá lục lộ ấy nóng nẩy hỏi ngay Phú:

– Thằng này, sao mày dám đánh lại người có quyền trông nom mày?

Thấy Phú không đáp, người ấy gắt:

– Ô hay? Mày câm hay sao?

Phú bèn nghiêng đầu khinh bỉ đáp bằng tiếng Pháp:

– Thưa ông, nếu ông là một viên chức thì ít ra tôi cũng là một người công dân! Và tôi xin nói thẳng ngay rằng lối mày tao của ông là sai với lời dặn của quan trên và lại tỏ ra cái tư cách của người kém giáo dục! Ông không là quan cai trị cái chỗ này.

Người cán sự kinh hoảng lên, không ngờ một tên phu đi hộ đê mà lại có học thức như thế, bướng bỉnh như thế. Thật là bất ngờ! Muốn giấu cái hổ thẹn, người ấy nói với anh lính và anh cai:

– Thôi, cứ đi đi, để rồi chốc nữa thì quan huyện đến.

Rồi bảo Phú cũng bằng tiếng Pháp:

– Vâng, thế thì ông cứ đứng đấy mà chờ quan sở tại!

– Hân hạnh vô cùng.

Bên ngoài có tiếng nạt nộ lẫn nhau rất xôn xao. Quan đến thật. Cùng đi với quan có một đoàn nha lại lính tráng. Quan vào điếm, bắt tay viên chức lục lộ, ngồi xuống một cái ghế mây có người nhanh tay đưa ra. Một thiếu nữ ăn vận xuềnh xoàng, đội nón Huế, đi giày Kinh, cũng theo quan vào điếm.

Lời nói thứ nhất của quan là mắng con gái:

– Ô cái con bé này hay nhỉ? Ai cho đi mà đi thế?

Dung nũng nịu như quanh đấy không có ai nữa, cười trừ mà rằng:

– Thì cậu để yên con quan sát mọi sự thì đã sao?

Quan hỏi người sở lục lộ tình hình đê điều, mực nước lên xuống một vài con số. Bên ngoài, bọn lý dịch rúc tù và, hò nhau đốt đuốc, chẻ nứa, tiếng quát tháo, tiếng hỏi, tiếng đáp, xôn xao... Quan bảo một thầy thừa gọi là các lý dịch đến điếm nghe lệnh. Một hồi tù và rúc liên thanh. Khi có trước mặt mình một số đông người mà người nào quần cũng ống thấp ống cao, toét mắt, khăn khố lúng ta lúng túng, quan huyện hoặc khen ngợi, hoặc quở trách, tiếng đồng sang sảng.

– Mày khất đến bao giờ? Sao hơn trăm phu mà mày lại gọi có ba chục? A, quân bay giỏi nhé? Ông lại cách cổ mày đi bây giờ!

Người phó tổng mặt tái xám, run lẩy bẩy, để cho Kim Dung đứng sau lưng bố bịt mồm cả cười một cách rất đỗi ngây thơ. Cái tuổi trẻ nhìn sự gì cũng không thấy bi đát.

– Bẩm quan lớn, chúng con chưa kịp sức cho dân gian, chỉ đến mai là cùng, thế nào cũng phải cố sống cố chết để đúng lệnh quan lớn!

– Cái quân này không làm gương cho chúng thì dễ không xong mất! Lính đâu?

– Dạ!

– Gọi mấy thằng phu đào ngay cho tao một cái hố ngay trước điếm này đây!

– Bẩm lạy quan lớn, xin quan lớn xét cho nỗi khổ tâm của chúng con, thế chẳng được mà thành ra không tròn phận sự.

– Câm ngay! Im cái mồm! Mày muốn chôn chân hay mày muốn mất cái phó tổng thì bảo ông một thể!

– Bẩm lạy...

– Im ngay! Lính đâu! Đào hố ngay, chốc nữa tao quay về mà chưa thấy nó bị chôn chân thì chúng mày đừng có trách!

– Dạ.

– Chánh tổng Xuyên Lư, chánh tông Quýnh Cao, chánh tông Bội Lãm đâu?

– Dạ! Dạ!

– Ba trăm phu thì chia làm hai bọn, một bọn ngủ đến ba giờ đêm thì phải dậy thay bọn kia mà đốt đuốc soi chân đê cho kỹ lưỡng không có mà mất cáo nó xói... Canh phòng cho thật cẩn mật, trống lệnh phải điểm luôn.

– Bẩm vâng.

– Đốt đuốc tao đi khám đây.

– Bẩm có đến năm chục phu đàn bà trẻ con, quan lớn dậy cho thế nào?

– Đàn bà trẻ con thì thôi, tha cho chúng nó được ngủ.

Quan sắp đứng lên thì viên tham lục lộ nói mấy câu tiếng tây trỏ Phú. Quan huyện lại ngồi xuống ghế, ra hiệu cho Phú đến đứng trước bàn. Từ đây trở đi, Phú được cô tiểu thư chú ý đặc biệt.

– Sao mày to gan thế? Đánh lại người Nhà nước! Gớm nhỉ?

– Bẩm tại nó dã man quá sức, và đánh tôi trước.

– Tại sao thì nó mới đánh mày chứ?

– Quan lớn có trông thấy thì mới hiểu cái dã man của chúng trong lúc chúng hành hạ dân quê.

– Tên mày là gì? Đưa xem thẻ.

Phú đưa thẻ. Quan ngẫm nghĩ rồi hỏi một câu khiến cho ai đứng đấy cũng phải ngạc nhiên:

– Thế bao giờ ông Cử được tha?

Phú cười nhạt:

– Bẩm, ông tôi chết tại Côn Đảo đã lâu rồi.

– Giáo Minh liệu có được tha không?

– Bẩm có, tin tức riêng mà chúng tôi nhận được cũng đã đích xác.

– Thế thầy đừng có lôi thôi sinh sự với họ nữa nhé!

Trước sự bực tức im lặng của viên tham lục lộ, ông huyện trả thẻ thuế thân cho Phú rồi ra. Trước khi ra theo bố, Dung quay lại nhìn trộm Phú, và Phú cũng biết rõ thế.

CHƯƠNG III

Khi Phú mở mắt choàng dậy thì dưới chân chàng, nước mưa đã đọng lại thành một vũng lớn. Chung quanh chàng, dưới cái lều trống trải, bốn chục người nằm co quắp, chồng chất lên nhau mà ngủ, ngổn ngang, lổng chổng, như một lớp cá mè, trên mặt cỏ hai lần giát tre ngăn đón sự ẩm ướt của đất, nó là một thứ đệm gồ ghề chẳng hiền lành cho những cái lưng của bọn người ngủ. Bọn này gối đầu vào ngực, vào lưng, vào đùi, vào cẳng của nhau, dùng những cái áo tơi lá gồi phủ một lượt lên trên làm chăn. Họ ngáy o o, mặc lòng gió thổi từng cơn ào ào, mặc lòng khi một người tức ngực, tê đùi, mỏi lưng mà muốn trở mình thì ít nhất cũng phải đẩy một cái đầu, quẳng một cái cánh tay, hất một cái cẳng của vài ba người khác, nghĩa là làm cho cả bọn phải cựa cậy lục đục.

Một lần nữa, những cái thế nằm tuy có đổi mà kỳ chung sự hỗn độn vẫn nguyên là sự hỗn độn, vì những cái đầu này lại chúi vào những cái đít khác, cái chân của người nọ lại đặt lên một cái mặt người kia! Một giấc ngủ, tuy vậy, cũng thần tiên. Một đống người, tóm lại, sung sướng, nếu cái ngủ là phương pháp cuối cùng chống với cái đói.

Lúc ấy, trời đã hửng sáng. Phú đứng lên vươn vai, sau khi đắp lại một cái áo tơi cho ông xã Đấu, người có một cái lưng lực điền mà Phú đã dùng để gối đầu cũng như chàng đã đem cả người chàng để che chở thay cho chăn. Việc thứ nhất của Phú, cũng như của tất cả mọi người lúc trở dậy, là xem lại túi áo hay hầu bao có còn nguyên vẹn cái thẻ thuế thân không. Sau những khi ăn nằm thân mật với nhau, người ta phải đề phòng sự ăn cắp, chứ không tin ai được, mặc lòng chẳng người nào có cái gì đáng cho một kẻ khác lần lưng móc túi. Khi thấy cái thẻ, mấy đồng xu buộc trong một cái khăn tay vẫn nguyên vẹn trong túi áo, Phú bước ra khỏi lều.

Vì không ngủ được, Phú hóa ra trở dậy sớm nhất, tựa hồ một người siêng năng. Nhưng những con chim nhạn lại còn siêng năng hơn Phú. Lần đầu trong đời, Phú được dịp thích mắt khi thấy hàng trăm con chim đen ấy nhoang nhoáng liệng như tên bay trên mặt sông, dốc đê, mặt ruộng, để hớp mồi, hai cánh thả rộng, cái đuôi như chữ V. Phú nhớ đến những chuyện đời xưa mà cổ nhân gán cho loài chim có thi vị ấy những cái trách nhiệm nặng nề...

Nhưng mà, kìa, từ những điếm gạch, một vài bác quyền đã bước ra, cái roi mây đã sẵn sàng ở tay. Một hồi trống. Năm phút im lặng. Lại một hồi trống nữa. Trong khoảnh khắc, mặt đê lúc trước vắng ngắt, nay đã lố nhố mấy trăm con người. Lính tráng, lý dịch, cai cú, đã cắt đặt ổm tỏi. Trước sự sung sướng chung, người ta hò reo với nhau rằng mực nước đã rút xuống được hai gang tay! Dân phu hộ đê, do thế, ít ra cũng đỡ khổ, dẫu là được một ngày. Vẫn phải làm việc, điều ấy cố nhiên, nhưng sự đốc thúc hẳn không còn gay gắt tàn tệ như ngày hôm trước. Một vài người đã bắt đầu muốn trốn về thăm nhà.

Hồi trống thứ ba đã lại bắt đầu nổi lên. Cái hiệu lệnh cho người nào cũng phải đến chỗ người ấy, phu đào đất xuống thùng đấu, phu đan sọt ra chỗ có những đống tre xanh... Nhưng mà, lần này, dân phu, đáng lẽ tản mát đi mọi nơi, thì lại họp nhau lại cả một chỗ.

Người ta chợt nhớ rằng đã làm việc năm hôm. Theo lệ hộ đê xưa nay, cứ tốp này làm việc năm hôm thì được tha về. Nhà nước lại gọi tốp khác. Người ta nhớ lại quan trên đã nói rằng Nhà nước xử nhân đạo, sẽ trả tiền cho mọi người. Vậy thì phải kêu xa: con không khóc, khi nào mẹ lại cho bú? Cho nên dân phu, người lớn, trẻ con, đàn bà, khi thấy sắp được tha về mà chưa được biết tin tức gì về công xá, đã họp nhau lại để kêu... Một vài cái roi vọt chẳng đủ họ sợ.

– Chúng tôi muốn biết quan trên có tha chúng tôi hôm nay không?

– Để nhờ ông lý nói lên ông chánh tổng hộ!

– Rồi các ông chánh tổng nói lên quan huyện.

– Không phải đánh! Không phải chửi!

– Chúng tôi không làm gì nên tội mà phải đánh chửi như thế!

Thế là xong! Đám dân đã bắt đầu bất trị. Một vài bác lính quay lại sợ hãi cái nhẫn tâm của mình. Bọn lý dịch ngơ ngác gọi nhau, đi tìm một vài ông chánh tổng lúc ấy còn ngồi uống nước, hút thuốc trong điếm. Một bác lý trưởng ra điều giỏi việc quan, gân cổ diễn thuyết:

– Các người làm gì mà nhặng lên thế? Quan trên đã có lệnh gì đâu mà lý dịch biết được! Có tha cho về thì cũng hết hôm nay đã chứ, sao mới bảnh mắt đã đòi về? Thì hãy cứ làm đi đã xem sao nào!

Dân hộ đê chẳng ai dám nói nửa tiếng. Họ thì thào với nhau, xui giục nhau, cãi cọ nhau. Thấy tình hình khốn nạn ấy, Phú chạy lên hàng đầu thay mặt họ:

– Thưa các ông lý dịch! Chỉ có bây giờ chúng tôi mới họp nhau được, chứ nếu chia đi các ngả rồi thì ai cho chúng tôi họp nhau nữa mà kêu! Các ông xét cho! Chúng tôi vất vả năm hôm nay rồi! Chúng tôi còn phải lo sao cho cha mẹ, vợ con ở nhà khỏi chết đói! Nhà nước bảo có trả tiền công mỗi ngày xu năm một người, vậy thì tiền đâu? Có thực mới vực được đạo chứ?

Người cai lục lộ đánh nhau với Phú hôm trước nói leo vào:

– Ấy cái thằng ấy nó chẳng làm được việc gì mà nó kêu la to nhất!

Một người phu hộ đê khác nói bướng:

– Không được ăn thì bố ai làm được! Chúng tôi sợ gì? Chúng tôi chỉ cầu vỡ đường xá thôi! Có thế may ra nhà nước mới xá thuế, chứ hoa mầu chúng tôi chẳng có chó gì mà chúng tôi sợ!

Người lý dịch phát cáu:

– Để chờ quan ra đây rồi nói! Ông tóm cổ mày lại để rồi mày nói thế với quan!

Con giun xéo lắm cũng quằn, cái công phẫn của quần chúng đã bị kích thích mạnh. Hốt nhiên có tới ba mươi người xông lên hàng đầu, sừng sộ:

– Có tóm cổ, xin tóm cổ tất cả! Ngần này người tình nguyện sẽ nói thế!

Đâm hoảng, người lý dịch ấp úng:

– Có tha về thì cũng đến tối chứ?

– Chúng tôi kêu ngay bây giờ thì vừa!

Phú xua tay ngăn hai bên, rồi khoan thai:

– Không thể được! Nếu tha về thì các ông nên tha vào lúc xế chiều, vì ở đây có nhiều người ở xa hàng hai mươi cây số? Đến tối thì chúng tôi biết lần đường nào mà về! Vậy tôi xin hỏi rằng các ông lý dịch đã bắt lớp phu khác thay cho chúng tôi chưa?

– Lý dịch khác thì ai biết đâu đấy! Các anh nói ngu lắm! Chúng tôi ở đây là trông nom các anh, mà các anh được về thì chúng tôi cũng được về chứ gì!

Phú chả để mất cơ hội, vội phân bua:

– Ừ! Ấy thế! Mà đã thế thì các ông đừng đàn áp dân phu nữa, mà kêu ca hộ dân phu có phải hơn không?

Ông lý trưởng làng của Phú cũng nói với các lý dịch:

– Phải đấy! Anh em ta phải nhân đó mà kêu lên quan, rồi mà cùng về.

Đây kia một ông chánh tổng. Ông đến nói khuấy khỏa, giọng lè nhè:

– Chao ôi! Chưa được việc gì cả mà đã om xòm lên; vẫn biết Nhà nước có giấy sức đi là trả tiền, nhưng chưa đủ giấy má thì chưa có tiền chứ sao? Giấy còn tư về tỉnh, rồi tỉnh mới tư về huyện chứ? Phải chờ đợi việc quan là thường chứ? Thôi quan sắp ra rồi! Ai vào phận sự người ấy! Hãy cứ biết hộ đê đi đã, bao giờ có lệnh quan hãy hay! Các người giải tán đi!

Phú nói:

– Xin cụ biết cho rằng mực nước đã xuống! Như vậy dân phu mới dám họp nhau kêu cụ, nhờ cụ kêu lên quan cho! Chúng tôi khổ lắm rồi!

Người chánh tổng lè nhè:

– Tôi lên huyện đây! Để tôi xin kêu! Nhưng mà cứ đi làm việc đã!

Phú quay lại nói với dân phu:

– Ấy đấy! Sự tình là thế đấy, tùy các người xử trí. Ba trăm người ấy lầu nhầu một hồi dài. Nhưng chưa chi, độ một trăm người đã vội giải tán đi các ngả. Một trăm người khác nữa, chột dạ, cũng giải tán theo. Còn lại một phần ba những kẻ bướng bỉnh nhất thì bị bọn lý dịch, lính tráng bắt giải tán bằng chửi rủa hoặc roi vọt.

Thế là, sau một lúc ỏm tỏi hỗn loạn, đâu lại vào đấy cả.

Phú lẳng lặng xuống thùng đấu với mấy người làng. Chàng lại căm tức dân phu hơn là bọn người có phận sự cai quản họ. Phú cho rằng đối với người trên, cùng dân phải hết sức nỗ lực, hết sức cương quyết, mới mong được việc. Trái hẳn lại, cái hăng hái của dân quê chỉ như lửa rơm, chưa nhóm đã tàn. Như vậy chỉ là trò trẻ, và những nguyện vọng chính đáng đến đâu rồi cũng bị khinh thường. Đã vậy, cái thất bại bây giờ còn đẻ ra bao nhiêu cái thất bại khác về mai sau. Dân quê! Dân quê khổ sở, bị áp chế chỉ vì thất học, mà đã thất học thì lại càng bị áp chế cho không thể học được nữa; như vậy, biết làm thế nào cho họ hành động nổi một việc ý thức được!

Cạnh Phú, anh hai Cò, anh xã Đấu, mấy người đàn bà... lại chăm chỉ làm việc, tựa hồ không có việc gì xảy ra. Phú thở dài, lẩm bẩm: "Nhẫn nhục ở đâu là một nết tốt, thì ở đây chỉ là một điều tai hại".

Lúc mặt trời đã lên quá cao ngọn tre, bọn phu được nghỉ tay để cơm nước. Lý dịch và tuần tráng xúm xít nhau lại ở cái hàng cơm cạnh điếm của mụ béo có đôi khuyên vàng. Được thả lỏng trong chốc lát, phu phen lại thấy cái cần phải bảo nhau quyết tìm một phương kế đương đầu lại mọi sự áp bức. Chẳng để lỡ dịp, Phú cầm một nắm cơm ở tay chạy vội đến một thùng đấu khác đông đàn ông nhất, cổ động lên tiếng:

– Tôi nói thật cho các ông biết, chứ dễ thường quan đã phát tiền cho lý dịch rồi mà bọn lý dịch tuần tráng ăn chặn của mình đi cũng nên! Các ông không biết tự cứu lấy thân thì các ông chết!... Phải phản đối kỳ cùng cho lôi những kẻ gian tà ra mới được.

Nói thế xong, Phú lại chạy về chỗ cũ. Từ đấy trở đi, những câu "ăn chặn, gian lận" đã từ miệng kẻ nọ bay đến miệng người kia. Trong chốc lát, mấy trăm người đều công phẫn, xót xa về nỗi bị bóc lột. Họ bảo nhau lại kéo nhau lên đê... Lần này, khôn hơn, họ mang theo liền tay cả xẻng, cả cuốc, hoặc không thì cũng một thanh tre to tướng. Đó không những là một vụ đình công, mà còn là một vụ biểu tình. Và khi dân biểu tình lại có cả "khí giới" trong tay thì ấy là họ dại dột tự đem thân dấn vào chỗ chết.

Sau khi cơm nước, bọn lý dịch và tuần tráng kinh hồn hoảng vía, khi họ quay ra ngoài hàng cơm mà đã thấy dân phu xúm lại rất đông. Người ta hoảng hốt chạy trốn. Một người lính khố xanh cắm cổ phóng xe đạp về huyện. Hai ông chánh tổng chạy đến nỗi khăn khố xổ tung trên vai, lòng thà lòng thòng.

Dân biểu tình hò hét om xòm:

– Những đứa nào ăn chặn tiền thì sẽ biết!

– Đồ khốn nạn! Đồ ăn cướp cơm chim!

– Chúng ông cứ moi gan những quân nhũng lạm đã, rồi chúng ông liệu!

– Rồi chúng ông trói mình nộp cửa công một thể!

– Phải làm cho quan tỉnh biết rõ mọi việc!

Phú luống cuống, không biết cách nào ngăn họ lại nữa... Cái đám quần chúng hiền lành bình tĩnh ấy đã muốn sinh sự. Một lần cơn phẫn uất trong đáy lòng của họ bị một lời cổ động nguy hiểm khêu nhóm lên, đánh thức họ tỉnh một giấc ngủ mấy nghìn năm. Đáng lẽ chiến đấu

một cách hòa bình, cương quyết và khôn ngoan, thì đó là những cử động mạnh bạo một cách dại dột. Họ không còn biết nghe lời lẽ phải trái gì. Phú thấy bối rối cả tâm trí, khi một tên cai lục lộ và một anh tuần tráng dã man có tiếng, bị phu phen đánh cho một trận nên thân.

Nửa giờ sau thì quan huyện ngồi trên xe nhà, đến với sáu người lính khố xanh. Trông thấy súng ống, dân quê mới kịp hoảng sợ. Đến khi sáu cái súng nổ chỉ thiên thị uy một lúc, cái đám dân phu đáng thương bỏ chạy tan tác, xô đẩy nhau, giày xéo lên nhau... như một đàn ruồi ở sau mông con bò, khi bị cái đuôi bò đập một cái.

Sau cuộc hỗn loạn, số bị thương vì xẻng của phu là bốn đứa trẻ con, hai người đàn bà. Rồi thì... sau cùng, đâu lại vào đấy.

Trên đê, hai trăm phu khác mới đến, do một bọn lý dịch khác chăn dắt.

Phú bị một người lính khố xanh áp giải về huyện lỵ với cái tội cầm đầu biểu tình.

CHƯƠNG IV

Kim Dung rất ngạc nhiên vì không thấy bố ngủ trưa. Xưa nay, thường lệ, ông huyện vẫn nghỉ đúng lối Tây phương, và vào những giờ ấy, ai có việc gì can hệ đến đâu cũng phải chờ cho đến lúc quan thức giấc.

Từ hôm mực nước lên to, tuy việc quan có vất vả hơn thường nhật, ông huyện cũng vẫn giữ nguyên giờ ngủ mà chỉ thay đổi cách ngủ. Đáng lẽ bỏ áo dài vào nằm giường tây trong phòng, ngủ hai tiếng đồng hồ, thì ông để nguyên cả quần áo, ngả mình trên cái sập gụ giữa nhà khách chợp mắt độ nửa giờ... Quả đất có thể không quay nữa, chứ ông huyện mà không ngủ trưa thì không xong.

Vậy mà, hôm nay, cơm nước đã xong từ lâu, ông cũng vẫn cứ nguyên lễ bộ ngồi đợi ở phòng khách. Bà huyện lo lắng hết sức, cho rằng trong việc cai trị hẳn có sự gì lôi thôi. Bà đi ra, đi vào, luôn luôn nói: “Được cái tiếng làm quan thì lo mất ăn mất ngủ”. Dung cũng lây cái nỗi lo sợ về cớ ấy. Nàng ngồi ở ghế bên cửa sổ, sẵn lòng chờ ông bố có sai bảo gì không. Nàng đã pha sẵn ấm chè mạn sen, phòng có khách đến. Đáng lẽ Dung ra chỗ lô cốt nghe ngóng một việc

gì nhưng vì phòng khách trông thẳng ra con đường nhỏ dắt đến tận nhà giam, nên ông bố không ngủ đi, thì nàng sẽ không được phép ra chỗ cấm ấy. Dung nóng lòng sốt ruột hết sức, căm tức cái đồng hồ nó cứ muốn kéo dài mấy giờ của buổi trưa ra... Mãi chẳng đến lúc ông huyện ra công đường!

Sáng hôm ấy, tình cờ lúc ra phố huyện mua thức ăn, Dung đã trông thấy một dân quê bị giải về lô cốt giữa hai người lính. Dân hàng phố đổ ra xem rất đông, bàn tán huyên thiên... Để ý nhìn kỹ anh chàng bị bắt, Dung hoảng hốt thấy rõ ràng chính đó là người thiếu niên con một cụ Cử, em ruột ông giáo, mà lại đi làm phu hộ đê, cái người đã được bố mình tỏ vẻ kính trọng, lúc bị đòi hỏi tại điếm đêm trước. Trong óc Dung lúc ấy bỗng nẩy nở ra một câu hỏi: "Vì lẽ gì?" Phải, một người như thế mà bị bắt tất nhiên không thể vì đã làm điều phi pháp nhỏ nhen như những người bị bắt trước được. Thốt nhiên Dung băn khoăn một mối lo sợ, như lo một việc gì can hệ có dính dáng đến Dung. Nàng đã về, và về nhà rồi mới biết rằng trong sáu thứ phải mua thì nàng đã quên mất hai thứ thực phẩm. Cảnh tượng ấy có một sức ám ảnh ghê gớm làm cho một thiếu nữ vô lo, vô lự, sống một cuộc đời thảnh thơi sung sướng, lương tâm nhẹ lâng lâng, ích kỷ chẳng biết mình ích kỷ, vì không bao giờ quan tâm đến sự đau khổ của kẻ khác, bỗng đâu hóa ra như kẻ tha thiết yêu đời.

Chẳng phải lần đầu Dung trông thấy cảnh bắt bớ.

Từ khi mới về huyện, còn đương say sưa tưng bừng ở cái chức tiểu thư con một vị phụ mẫu, Dung đã thấy bố mình hoặc thân hành đi lùng bắt, hoặc ký trát cho sai nha đem xiềng xích đi tìm những người nấu rượu lậu giải về huyện; trong số ấy có khi Dung thấy ông cụ già mù lòa, hoặc bà lão tóc đã bạc phơ, hoặc một người đàn bà toét mắt có đứa con bụng ỏng đeo sau lưng – những người vừa đi vừa mếu máo, khóc lóc kêu oan, trông đáng thương vô cùng. Những khi ấy, quả tim của Dung đã từng thổn thức. Nàng thấy bọn người ấy có lẽ oan thật, mà bố nàng cứ bỏ tù thì thật là quá đỗi nhẫn tâm. Tự nhiên Dung thấy lương tâm cắn rứt, thấy nghề làm quan của bố là một nghề xấu, thấy cái nhân loại thật quả đầy dẫy những mối đau thương đáng bất bình. Đã có lúc Dung thấy xấu hổ là con gái một vị phụ mẫu mà công việc đại khái chỉ là như thế.

Những phút trạnh lòng hiếm có ấy lại bị những lý do khác xóa sạch, mỗi khi, tối đến, Dung thấy bố phàn nàn với mẹ về việc quan.

Nào là quan trên rầy la về trong huyện có nhiều người nấu rượu lậu quá, đến nỗi rượu ty ế ẩm, như vậy hại cho quỹ nhà đoan, mà để công quỹ hao hụt thì cái thang công danh kia rất khó trèo. Bị khiển trách luôn thì có khi mất quan, nếu Dung không phải cam chịu suốt đời là con gái một ông huyện và chẳng có hy vọng gì sẽ được là con ông phủ, con ông án. Hai nữa, nếu chẳng "việc quan xin cứ phép công", mà lại xử nhân đạo với bọn người tuy đáng thương nhưng rất có tội kia, thì ấy là nguy hiểm ngay cho mình, về manh áo, về miếng cơm. Dung chợt nghĩ đến cái áo tân thời trong tủ, cái nhẫn kim cương ở ngón tay, con chim xào trên mâm cơm, thì lại thấy bố là không làm gì đáng trách. Trông thấy một cảnh bắt bớ đến lần thứ hai thì quả tim của Dung đã không đập mạnh nữa. Lần thứ ba, Dung thản nhiên hẳn, thấy mọi sự chỉ là thường. Sau cùng thì nàng quen mắt đi, thế thôi.

Nhưng lần này, việc Phú bị giam khiến Dung bất thần lại quay trở về với những mối xúc động ngây thơ, với những cảm giác thứ nhất... Người đã làm gì nên tội? Sao con một ông cử, mà lại phải đi đắp đê? Gia thế người ấy thanh bạch đến nỗi như thế nào? Liệu người ấy có được tha không? Nếu bị án, sẽ bị độ bao nhiêu tháng tù? Nếu vào tù, ai nuôi mẹ, ai trông nom vợ?

Những câu hỏi không có câu đáp như thế khiến cho Dung quả quyết tự nhủ; ta phải săn sóc việc này mới được. Nghĩ thế thì thấy lòng tự ái của nàng được nâng niu lắm, vì trong đời hiện có một người mà số phận là đương ở trong tay nàng. Là con gái một ông quan, thì cũng đã đủ là một thứ thế lực. Dung sẽ dò hỏi, sẽ vận động hộ, nếu người bị bắt là không có tội, nếu cảnh ngộ người ấy đáng thương... Dung sẽ khôn khéo hành động thế nào để lung lạc ông bố, và lại cần phải giữ cho bố khỏi biết đến ý nghĩ ấy.

Dung đương nghĩ thế thì ông bố đã bảo:

– Sang phòng bên đi, con!

Đứng thập thò ngoài thềm, đó là một thiếu niên mà Dung thấy quen mặt. Người ấy mặc áo the, đi giày ta, đội mũ tây, có một cái răng vàng trong hai hàm răng đen. Dễ thường gặp Dung ngoài phố mấy lần người ấy đều có ngả mũ kính cẩn chào, để Dung cũng phải lễ phép đáp lại, tuy chẳng hiểu người ấy là ai cả. Dung đứng lên đem khay nước ra bàn, rồi sang phòng bên cạnh, lắng tai nghe. Thì ra đó là một tay phóng viên nhà báo.

– Bẩm quan lớn, thấy ngài cho gọi là chúng tôi đến ngay...

– Có một tin quan trọng lắm, ông ạ. Nếu ông dùng điện thoại mà đánh về nhà báo thì tôi chắc ông chủ báo cũng hoan nghênh hết sức... Ông ngồi xuống đây mà chép luôn đi, tôi đọc cho.

– Bẩm xin phép quan lớn.

Tay nhà báo ngồi xuống ghế, lấy quyển sổ tay để ở bàn, lấy bút chì hí hoáy viết... Ông huyện khoanh tay ngồi đọc như một ông giáo đọc ám tả cho học trò.

– "Phải chăng là một đảng viên cách mệnh? Ba trăm phu toan làm reo. Người cầm đầu cho bọn phu hộ đê là một thiếu niên trí thức cũng nhập bọn với dân quê để tiện việc xui giục họ. Tin riêng của đặc phái viên bản báo".

Viết xong mấy dòng ấy, tay nhà báo ngẩng đầu lên, ngừng tay ngẫm nghĩ một lúc lâu, rồi hỏi:

– Bẩm, ngài làm ơn thuật qua câu chuyện cho chúng tôi hiểu rõ đầu đuôi đã, thì có lẽ... tiện hơn.

Nhưng ông huyện cau mặt, xua tay một cái mà rằng:

– Thì ông cứ viết đi có được không! Xưa nay, bao nhiêu tin tức quan trọng tôi vẫn đọc cho ông viết thì ông có phải chữa lại mấy tí đâu nào!

Thấy thế, nhà báo lại cúi đầu xuống phục tòng để cho ông huyện đọc tiếp:

– "Công việc hộ đê vẫn tiến hành rất gấp ở huyện T. thì mới đây xảy ra một vụ bắt bớ quan trọng. Nhờ sự tận tâm về phận sự của quan huyện sở tại là một người rất mẫn cán, quãng đê V. mới năm hôm nay đã có thêm được một con chạch cao 50 phân tây, và do thế, dân mấy phủ huyện đã có hy vọng tránh được thủy tai. Chẳng dè hôm vừa đây, khi mấy trăm dân phu đương tiến hành công việc thì một người đã đứng ra xui giục họ đình công, dương đầu lại với quan sở tại. Nguyên do dân phu có tụ họp nhau lại một chỗ đòi tiền công. Quan huyện đã phải cắt nghĩa rằng còn đợi lệnh của quan Công sứ đã, Nhà nước tuy có hứa sẽ trả tiền nhưng sự thật là huyện chưa nhận được tiền. Ngờ đâu đã chẳng biết nghe lời nói, dân phu lại còn dùng đến khí giới toan đánh lý dịch, chống lại người Nhà nước...

Đến đây, ông huyện ngừng lại ba phút, hỏi ông phóng viên:

– Thế nào? Nghe xuôi đấy chứ? Ông thử đọc qua lại một lần chúng ta nghe xem...

Phóng viên nhà báo ho khạc để dọn cổ họng. Rồi ngoan ngoãn đọc lại những dòng đã viết. Quan gật gù cái đầu, khoái chí, lại hỏi:

– Có được không? Văn chương gọn ghẽ, dễ hiểu...

– Bẩm vâng.

– Khúc chiết đâu ra đấy lắm đấy chứ?

– Bẩm vâng.

– Thôi thế ông cứ việc chép đi!

– Bẩm xin quan lớn đọc tiếp...

– "Nếu không có sự điều đình rất khôn khéo của viên tri huyện sở tại thì ắt đã xảy ra một cuộc bạo động, một vụ đổ máu ghê gớm. Trong khi mấy trăm dân hộ đê hung hăng vác xẻng cuốc khiêu khích lính tráng và lý dịch và đánh đập một người cai và một người tuần đến nỗi bị thương rất nặng, thì quan huyện đã phải ra lệnh cho đội lính khố xanh bắn súng chỉ thiên để thị uy nên họ mới chịu giải tán và lại chăm chỉ làm việc. Xét ra bọn này có người cầm đầu. Sợ nguy hiểm về sau, ông huyện đã cho bắt giam H.V. Phú, vì tên này quả thực đã diễn thuyết xui dân phu đình công. Ngay khi xảy ra vụ xung đột này, bản báo đặc phái viên đã tức tốc đến tận nơi điều tra rất kỹ lưỡng... H.V. Phú vốn là con cái một họ có tiếng là bướng bỉnh và nguy hiểm. Phụ thân của y, anh ruột y, đã vì chống lại chính phủ mà bị đầy đi Côn Đảo. Đến nay, y lại len lỏi vào đám dân quê, cũng đi làm phu hộ đê, để nhân cái phong trào đình công này, mà làm rối trật tự. Vậy thì H.V. Phú là người của V.N.Q.D.Đ. hay là người của Moscou? Đặc phái viên bản báo còn đương mở cuộc điều tra, được tin gì sẽ đăng tiếp".

Ấy thế là xong cuộc "điều tra" của ông "đặc phái viên" kia. Ông chép xong, lại đọc cho ông huyện nghe lần nữa. Ông huyện bảo:

– À, ông viết thêm vào hộ câu này nữa...

– Bẩm, thêm chỗ nào?

– Ấy! Ấy... sau câu "giải tán và lại chăm chỉ làm việc" thì ông viết thêm vào đại khái rằng: "Lúc giải tán thì dân phu chạy hỗn loạn, có mấy người bị thương là vì xẻng cuốc của dân phu va phải mà nên nỗi, chứ lính tráng không phải đánh đập ai cả".

Chép xong đâu đấy, báo giới lại kính đọc để quan trường nghe. Thật là ý hợp tâm đồng. Một mẩu tin vặt thế mà ngài cứ bình văn mãi, như ngâm nga những áng thơ kiệt tác vậy.

– Bẩm, thế quan lớn lấy cung chưa?

– Dạo này tôi bận việc đê điều, bao nhiêu án từ phải để cụ Lục cụ ấy làm hộ cả đấy chứ. Này, gửi dây thép ngay đi nhé! Có kịp số báo ngày mai không?

– Bẩm, ít ra cũng phải đến ngày kia thì báo mới có đăng tin này được.

– Ở chơi đã! Uống nước đi vậy! Thuốc đây!

– Thôi, để quan lớn nghỉ trưa. Cám ơn quan lớn lắm.

Nhà báo xếp dọn giấy má bỏ túi, uống nước, hút thuốc, chào ông huyện, rồi cáo lui. Thế là Dung lần đầu trong đời nàng, đã được biết rõ những cái ẩn tình của một vụ bắt bớ, và cái vô lương tâm của một nhà báo.

CHƯƠNG V

Khi thấy đồn người làng đã được "tha phu", cô Tuất vội vàng ẵm con lên lưng, chạy thẳng một mạch ra gốc gạo.

Thấy cô Tuất từ đằng xa, ông lý đã vội từ đống người lố nhố đương đi ấy nhẩy xổ ra ngoài hàng ngũ, và vẫy tay gọi cô. Tuất không thấy em đâu, đã có ý lo, hỏi dồn:

– Cậu cháu đâu? Thế Phú nó đâu? Hở ông lý?

Trước khi nói, ông lý còn giao hẹn:

– Bác không được nói gì với cụ nhé? Đã nghe ra chưa?

Cô Tuất càng lo sợ hơn nữa, lại hỏi:

– Vâng, thế cậu cháu đâu mà bây giờ...

Ông lý trưởng giậm chân hai ba lần xuống đất, kêu bình bịch, nhăn nhó nói như gào thét:

– Ấy thế mới khổ cho chứ! Bị quan bắt giam rồi! Chỉ được cái bướng bỉnh hão! Đầu bò đầu bướu lắm mới chết!

– Chết nỗi, bị bắt ra làm sao?

– Bị ông huyện bắt giam tại huyện lỵ chứ còn sao nữa?

– Chết nỗi! Vì tội gì thế, ông?

– Vì tội xui dân phu biểu tình! Vì tội xui giục dân gian bất tuân thượng lệnh! Khổ thế. Đã bao nhiêu lần tôi khuyên can cậu ấy, mà cậu ấy không thèm nghe. Khốn nạn, biết thế thì vay tiền cho cậu ấy có được không? Sao lại để cậu ấy đi phu đi phen làm gì đến nỗi xảy ra đến thế!

Ông lý trưởng nói đến đây thì phải ngưng lại. Cô Tuất đã lôi vạt áo lên lau nước mắt rồi. Những người làng đã vào làng rồi, chỉ còn trơ dưới gốc gạo có ông lý và cô Tuất với thằng cu Hiền ngây ngô trên lưng mẹ. Cô Tuất sụt sịt:

– Giời ơi! Nông nỗi thế này thì tôi biết nói với đẻ tôi ra làm sao?

Cảm động, ông lý trưởng nhắc lại:

– Ấy đấy! Cho nên tôi đã dặn bác phải giấu cụ. Ấy những người đi phu vừa về đây kia là tôi cũng đã phải dặn kỹ lưỡng lắm. Cụ hỏi cậu Phú đâu thì bảo không biết, kẻ tự nhiên họ cũng vào mách cụ thì cụ đến chết mất.

– Liệu có hy vọng được tha không hở ông?

– Cái đó cũng chả biết chừng! Nếu cậu ấy mềm mỏng với quan trên thì tội dẫu nặng cũng có khi được tha. Còn bướng bỉnh như cậu ấy thì có khi không có lỗi mà cũng phải tù, phải tội.

Cô Tuất lại khóc nức nở:

– Thật là nó giết bà cụ nhà tôi đây, ông ạ. Nhờ ông tạt qua vào nhà tôi ông kiếm cớ ông nói dối đẻ tôi hộ tôi! Chứ mà tôi trông thấy đẻ thì nói dối không thoát, thì lại đến khóc nức nở lên mất.

Ông Lý trưởng đứng ngây người ra một lúc rồi nói:

– Hay là tôi nói dối cụ thế này nhé: Tôi bảo rằng cậu ấy còn ham công việc nên ở lại huyện.

– Liệu thế đẻ tôi có tin không?

– À phải! Để tôi bảo thế này. Rằng vì biết chữ nghĩa nên cậu Phú được quan trên mượn biên chép công phu phen. Nếu mai cậu ấy được tha thì thôi, bằng mà có lôi thôi gì nữa thì ta lại liệu bài chống chế vậy.

– Vâng, tùy ông đấy. Ông vào ngay cho, cảm ơn ông.

Ông lý trưởng thụt vào cổng rồi, cô Tuất để con xuống đất, ngồi phệt xuống gốc gạo. Thằng cu Hiền cứ ôm cổ mẹ mà giãy hai ống chân, miệng “phun mưa”.

Cô thấy rằng dễ thường rồi mà cô phải đến lấy kế ông chánh Mận thì mới mong được yên thân. Phú bị bắt, rồi thì... sao nữa? Hay lại mấy chục năm tù? Như vậy thì bà mẹ già kia sẽ ra làm sao? Tuất nghĩ đến gia đình đã chán, đến thân phận lại đáng chán hơn nữa. Cô ôm con, ứa nước mắt, hậm hực... Trong khi ấy, thằng cu Hiền vỗ vào má mẹ, hớp hớp mấy cái, đùn vào đấy một sợi nước bọt nó chảy xuống như một sợi chỉ lòng thòng.

Ôm con vào lòng, Tuất phân vân lại thấy như thế mà đi lấy chồng nữa thì cô sẽ có tội to. Dù sao nữa, Tuất cũng không thể nào nhẫn tâm dứt tình với con, đem nó về trả lại nhà chồng, chỉ vì muốn no ấm. Cô tự nhủ: "Không thế nào nữa thì cũng cứ đành mang tiếng là ăn hại mẹ vậy".

Một con trâu, bất kỳ, từ sau gốc gạo nhô ra với hai cái sừng như sự khiêu khích, do một thằng bé con vụt đằng sau. Vì lối đi chật hẹp quá, cô Tuất vội vàng ôm con đứng lên. Do thế, vô tình cô rảo bước về nhà, mặc lòng năm phút trước, cô đã định tránh mặt bà Cử trong một lúc lâu nữa.

Đương đi được một quãng, thình lình cô gặp ông chánh Mận. Cô vội cúi mặt để khỏi phải chào, nhưng ông Chánh lại đứng chắn đường cô, hớt hơ hớt hải mà rằng:

– Ấy kìa bác! Này, chết chửa, cậu Phú không biết tại sao lại bị quan huyện bắt bác đã biết chưa?

Tuất kinh hoàng không hiểu vì ai mà ông này lại biết chuyện ấy rồi. Cô run rẩy nói:

– Xin ông giữ kín chuyện hộ.

– Nói thế xong cô mới kịp đỏ mặt, khẽ chào ông Mận và lúi húi bước đi.

Khi Tuất về đến nhà thì cụ Cử đương lúi húi dọn cơm. Cái mâm gỗ đã long sơn, những cái đũa tre, bát đàn và đĩa dưa, bát cà, bát rau khoai lang luộc, đã làm cho thằng cu Hiền vội vàng nhoai từ trên lưng mẹ xuống giường, lân la ngồi gần mâm cơm, rút một chiếc đũa đập vào bát lách cách. Một con mèo già lừ lừ lượn chung quanh thằng cu Hiền mà kêu một cách buồn rầu, thảm đạm. Con vật ấy, cái dấu tích độc nhất của những ngày vui xưa không trở lại, đã làm cho Tuất phải chợt nhớ đến những bữa cơm ngon lành khi gia đình còn nguyên vẹn, trong đó anh giáo Minh vẫn đem cho tất cả mọi người một làn

không khí vui vẻ bằng những câu pha trò có duyên. Hồi ấy, không nói gì đến người, cả con mèo cũng đã sống những ngày vinh hiển lắm. Ngày nay, đem so sánh với xưa kia, thì bữa cơm của cả một gia đình cũng không bằng bữa cơm mèo! Tuất thấy mẹ già phải lam lũ suốt ngày để mà ăn uống mỗi ngày hai bữa những bát cơm hẩm với cà thâm, với dưa gần khú như thế, thì đau đớn như kim đâm vào ruột. Nhất là việc thằng cu Hiền thường nhật háo hức đòi ăn cơm và bữa nào cũng ra vẻ được ăn uống rất ngon lành, lại càng khiến cô xót xa thương thân tủi phận lắm.

Không muốn phải có những ý nghĩ bi phẫn, Tuất bảo mẹ:

– Bà trông cháu một lát để tôi xuống bắc cơm cho.

Cụ Cử ngồi xuống giường lôi cháu về lòng đáp:

– Ừ, nhân thể tay thì đặt nồi nước vối lên bếp nhé!

Tuất chưa kịp ra khỏi thì bà mẹ lại gọi giật lại:

– Này! Quái thật! Đã tha phu rồi mà sao cái thằng ông mãnh ấy còn chưa về như thế?

Chột dạ, Tuất đứng ngẫm nghĩ một lát, lại hỏi mẹ:

– Thế ông lý không nói chuyện gì với đẻ hay sao?

– Có, ông ấy vừa ở đây ra xong! Nhưng mà ông ấy nói lúng túng thế nào ấy, tao nghe lõm bõm lắm. Hay lát nữa, ăn cơm xong thì con sang bên ông ấy hỏi lại đầu đuôi kỹ lưỡng xem sao. Chứ mà không biết tao cứ thấy máy mắt dữ dội, ruột gan cứ như bào thế này này.

– Tôi đã gặp ông ấy rồi đẻ ạ. Đẻ cứ yên tâm! Vì Phú nó biết chữ nghĩa cho nên quan trên lưu lại, ý chừng là để biên công xá cho phu phen gì đó thì phải. Chứ nếu không thì nó cũng về chiều hôm nay như mọi người rồi chứ còn gì!

Cụ Cử thở dài, chép miệng:

– Nào biết có đích thực thế không! Sao tao thấy nóng ruột lắm?

– Ấy là tại đẻ cứ hay lo xa, cứ hay nghĩ quẩn chứ gì!

Giữa lúc ấy, may sao thằng cu Hiền hết sức nhoai ra, múa cái đũa nghênh ngang định lăn sả vào chỗ mâm cơm miệng kêu thét lên: "Mơm mơm mơm!". Nhân cơ hội, Tuất không nói gì nữa, ù té xuống bếp.

Bữa cơm hôm ấy không ngon lành gì. Cụ Cử uể oải ăn hai lưng. Tuất cũng ăn uống qua loa cho đỡ cồn ruột, và trong khi nhấm mất

nuốt không trôi những thức ăn kham khổ lại còn phải trông nom cho con đừng rút đũa, đừng đánh đổ vỡ, đừng ngồi vào mâm. Mỗi khi bị lôi về lòng mẹ, thằng cu Hiền lại phản đối bằng cách khóc thét lên, và sau khi thấy con quấy khóc, Tuất lại phải thả lỏng nó ra để mà, ba phút sau, lại lôi nó về lòng mình. Con mèo thì cứ chạy lượn quanh mâm cơm mà kêu om xòm, thằng cu Hiền thì cứ vừa và cơm vào mồm vừa để rơi vãi thức ăn tung tóe dưới chiếu.

Lặng lẽ, cái tối màu xám đã úp xuống chỗ gốc tre xanh. Một vài con dơi đã bay liệng tứ tung ở sân, có khi bay cả vào trong nhà. Những con ruồi đã bâu hàng đàn vào các dây thép căng ở ngoài sân để cho đàn muỗi bay ra vo vo như tập trận. Đó là những cảnh hoàng hôn lặng lẽ và buồn tẻ ở thôn quê, những cảnh hoàng hôn của những đêm không trăng sao nó làm liệt hẳn cuộc đời đi như vào những giờ chết, và nó làm cho chó cắn ran lên từng hồi như sủa ma vậy.

Bị muỗi mắt đốt, chốc chốc thằng cu Hiền lại khóc thét lên. Cụ Cử phải ru cháu bằng những câu hát qua cái giọng ê a của một bà cụ già nghe nó buồn thảm lạ lùng. Sau khi rửa mâm bát, Tuất dọn dẹp bếp nước, rồi lên nhà đốt ngọn đèn dầu con. Đó là những giờ để ngồi quấn những thoi vàng hồ bán được sáu xu một man. Chập tối nào cũng vậy, hai mẹ con đều không thoát qua những phút dài dằng dặc, những phút buồn tẻ ấy nó khiến người ta thấy cuộc đời là không bao giờ thay đổi nữa. Nếu có Phú ở nhà thì thường Phú cũng ngồi vào quấn vàng.

Chừng như mệt mỏi vì khóc nhiều quá, thằng cu Hiền, trong cánh tay khẳng khiu của bà lão, được một lúc đã bắt đầu thiu thiu. Ngồi tựa lưng vào cái cột tre, cụ Cử tuy nhiên vẫn cứ hát ru cháu:

Của đời "ông mệ" để cho
Làm không ăn có, của cho cũng rồi!
Của rẻ thật là của ôi,
Lấy phải dâu dại khốn tôi trăm đường!
Củi mục bà để trong rương
Ai mà hỏi đến? Trầm hương của bà!
Cùng giọt máu bác sinh ra,
Khác giọt máu mẹ mà ra khác lòng...

Công việc quấn vàng đã thấy chán, những mảng hồ tẻ đã đóng lại thành một cái bao tay cứng nhẳng ở đầu ngón tay, lại phải nghe những câu hát vô tình mà có vẻ mỉa mai châm chọc ấy, Tuất thấy

khó chịu. Thật vậy, những câu phong dao mà cụ Cử hát để ru ngủ cho đứa cháu ngoại, tình cờ lại làm mếch lòng mẹ nó. Trong những câu ngây ngô ấy có tất cả những ý vị mầu mè nói về công việc ông Chánh Mận hỏi Tuất, về việc đứa bé chỉ là cháu ngoại, nó khiến Tuất càng phải tủi thân. Muốn cho mẹ đừng ngâm nga nữa, cô nói:

– Thôi, nó ngủ rồi, đẻ đặt nó xuống giường đi, đẻ ạ.

Vô tình, bà mẹ còn cãi:

– Đã đặt cháu thế nào được. Nó vừa chợp mắt đấy mà...

Rồi lại điềm nhiên khẽ hát:

Cào cào giã gạo tao xem,
Tao may quần áo tao đem cho cào.
Canh rau cũng thể canh rau,
Để ai cậy thế ỷ giàu mặc ai!

Hốt nhiên thấy đằng xa có tiếng nước réo ào ào. Cô Tuất ngừng tay lắng tai nghe. Cụ Cử cũng thôi không hát ru nữa. Tiếng ào ào mỗi lúc một thấy gần, một thứ tiếng kỳ quái, nhưng nghe mà đáng cho ta phải giật mình, vì tiếng ầm ầm như gào thét, như trời long đất lở. Cô Tuất vừa kịp hỏi mẹ một câu: "Quái lạ, cái gì thế hở đẻ?" thì tự đầu làng đã thấy tiếng tù và rúc liên thanh. Những tiếng kêu inh ỏi kế tiếp nhau:

– Ối làng nước ơi! Lụt rồi, lại vỡ đường vỡ sá rồi!

– Ai có của thì mau giữ lấy của! Ai có tính mệnh thì mau giữ lấy tính mệnh!

– Ối ông bà láng giềng hàng xóm! Chạy lụt đi! Nước đã đổ về đến chỗ cầu Tréo rồi! Mau mau không thì chết cả lũ.

Tuất vùng đứng lên, kinh hãi, thất thanh bảo mẹ:

– Giời ơi! Chết rồi, đẻ ơi! Lại lụt mất rồi! Làm thế nào bây giờ! Chết chửa làm thế nào hở đẻ?

Tiếng kêu của người làng bắt đầu inh ỏi. Tù và của bọn tuần tráng vẫn đổ hồi dài, nhức óc, đinh tai. Tuy trong lúc cuống cuồng cụ Cử cũng còn đủ trí minh mẫn phán bảo con gái:

– Thì chạy lụt chứ còn làm thế nào nữa! Con ơi! Chết chửa! Ra sân lấy cái chậu thau đồng, mấy cái nồi, mấy cái sanh, đem vào đây không thì trôi hết cả bây giờ.

Theo ý mẹ, Tuất chạy đâm bổ ra sân. Cụ Cử cũng ẵm cháu đứng lên giường, lại bảo:

– Cái bu gà ở bếp nữa! Thùng khoai bên cạnh bồ trấu dưới bếp nữa! Mau lên, đem cả vào trong này.

Trong chớp mắt, cô Tuất lễ mễ khiêng những cái ấy vào trong nhà rồi. Hai mẹ con trợn mắt nhìn nhau lo sợ cuống quýt, vì đó chưa phải là phương pháp chạy lụt. Quả vậy, ở nhà ông Nhiên bên cạnh, còn tiếng quát tháo huyên thuyên nghe rõ mồn một:

Chú hai! Chú ba! Các chú ra cả đây, mau! Lấy thừng buộc cột nhà lại, đóng dăm cái cọc tre ở bốn đầu nhà, mau lên, không có mà nước vào đến nơi thì trôi mẹ nó cả nhà cửa đi bây giờ! Thằng Tẹo đâu? Con đĩ Mô đâu? Em chúng mày đâu? Lên cả nóc hòm mà ngồi! Chết chửa! Thằng Mống đâu? Nó ở ngoài ngõ à? Mau đi gọi nó về ngay, không mà nước cuốn đi thì chết đuối mẹ nó bây giờ! Ô hay! Đã đứa nào đi tìm thằng Mống chưa? Con mẹ đĩ nó thì đi tìm gà, chó, bắt cả vào trong buồng này đi. Về đây rồi! Đóng cọc! Hai chú ra đây đóng cọc đã!

Tiếng nước mỗi lúc một gần, tù và vẫn rúc liên thanh, tiếng cười vẫn kêu inh ỏi... Nghe thấy hàng xóm bàn soạn thế, trông về mình thì... một mẹ, một con, mà lại còn bận ẵm đứa bé. Tuất luống cuống chỉ còn biết luôn miệng kêu trời, vô kế khả thi. Bị đánh thức một cách bất ngờ, con gà mẹ gù gù ra vẻ bất bình trong khi đàn gà con nghển cổ nhìn ngọn đèn dầu, kêu liếp nhiếp. Còn con mèo nó đã nhẩy tót lên một chiếc rui nhà, nằm lặng im. Sau một hồi dài những thở dài và chép miệng, cụ Cử chỉ còn biết nói:

– Thôi, thì mẹ con ta đành liều với giời vậy! Cũng chả còn biết chạy lụt thế nào nữa! Nếu trôi mất nhà cửa thì âu là mẹ con bà cháu ta trôi theo dòng nước mà thôi.

Tuất hãy còn tìm cách an ủi mẹ:

– Chả lo đẻ ạ. Vỡ đê cách đây những chục cây số thì con tưởng ngọn nước cũng chả mạnh là mấy mà sợ trôi mất nhà cửa.

Trông đến cái hòm có bốn chân cao lênh khênh vẫn dùng làm bàn thờ, trong đó cụ Cử vẫn cất những đồ vật gì có giá trị đôi chút, Tuất lại nói:

– Thôi thì mình không bắc được sào thì đã có cái mặt hòm đây rồi. Hòm gỗ lim nặng, lại kê sát vách, con tưởng khó lòng mà trôi theo dòng nước được! May mà tạm bợ yên thân vì cái hòm cũng nên.

Tuất nói đến đây thì nước đã chảy vào sân ào ào. Cũng vào theo dòng nước đỏ ngầu, đó là những mảng bèo Nhật Bản, những rác rưởi bẩn thỉu, những miếng củi tre củi rều nhỏ to đủ hạng, những cái nồi đất đen... Nước xoáy vào đất, xói vào các cột tre, ào ào phá phách bốn bức vách, làm cho cái giại nứa rung động một lúc rồi đổ lật ngửa! Nhanh chân Tuất nhảy lên giường vì nước đã vào trong nhà. Cả cái gian nhà ấy tròng trành nhưng may sao lại không đổ. Nước dâng lên ngập cái giường một lúc rồi lại rút xuống, rồi lại dâng lên cao, y như ngọn sóng ngoài bãi biển vậy. Tuất vội gài cái bu gà vào trong một gióng tre bên trên bàn thờ, bỏ những cái đồ đồng vào trong hòm khóa chuông.

Cụ Cử đứng mãi đã mỏi chân đành chờ cho Tuất thu gọn xong thì trèo lên bàn thờ, nghĩa là lên nắp cái hòm chân vậy.

Hốt nhiên một tiếng va mạnh: đánh xoảng một cái rất dữ dội, làm cho gian nhà gianh chuyển động như muốn đổ. Đó là một cái chum nước khổng lồ không biết của nhà nào trôi đến đấy, vấp phải cái cột gỗ nên vỡ tan tành ra làm mấy mảnh. Sau cái chum thì lại đến cái chuồng lợn ở sân bị làn nước nhổ lên đẩy ùa vào cho đứng lấp thành một đống tre to tướng ngay trước cửa ra vào.

Nước dâng ngập cái phản.

Trong nhà lúc ấy chỉ còn cái hòm chân là ở trên mặt. Bập bà bập bềnh trên giường trên phản, là những mảng bèo Nhật Bản, các thứ lá khô, những thứ rác rưởi có bọt, với đủ trăm nghìn những cái lặt vặt như mảnh bát đàn, mảnh nồi đất, lá tre khô, vân vân... Một thứ mùi hôi tanh khó chịu là ở nước, vì làn nước lụt đã thấm vào những đống nước ao tù bẩn thỉu, những cống rãnh hôi hám, những phân gio ở chuồng gà, chuồng lợn của tất cả mọi nhà trong làng, để hỗn hợp thành một thứ nước có cái mùi lộn mửa, nó xông vào mũi ta, khiến ta choáng váng thấy nhức đầu.

Những tiếng ào ào nước réo, những tiếng kêu la gào thét, cha gọi con, vợ réo chồng của người làng mỗi lúc càng huyên náo ghê gớm mãi lên, khiến cho thằng cu Hiền tỉnh ngủ. Nó cũng khóc inh ỏi và làm cho trong nhà có một làn không khí nặng nề những tính chất bi thương.

Cô Tuất ẵm con khóc lóc, chẳng biết nghĩ rằng trước một cái thiên tai cho cả mọi người như thế thì cô không nên làm cho mẹ phải loạn mất thần kinh.

Cụ Cử nức nở, vật mình vật mẩy:

– Giời cao đất dày ơi! Phú ơi là Phú ơi! Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng! Mày chúi mũi mãi vào việc hộ đê để cho đê vỡ thế này! Để cho mẹ mày ở nhà khổ như thế này!

Nhưng cụ bỗng phải im, vì một vật gì đen sì, hình như tròn tròn, bị nước xô vào nhà, đẩy vào vách đánh bịch một cái. Rồi một tiếng kêu ủn ủn vang lên. Cô Tuất kinh hãi mở to mắt ra nhìn...

Đó là một con lợn con độ hai tháng, không biết của nhà ai, không biết từ đâu trôi đến. Con vật vớ được mặt phản thì ngoi ngóp cố đứng, lại vẫy cái đuôi. Thằng cu Hiền nín khóc, từ cánh tay mẹ cứ muốn nhoai xuống để bắt con vật.

CHƯƠNG VI

Phú đương phải trong cảnh đau đớn tự giận mình. Chàng hối hận lắm, vì từ lúc bị bắt, chàng chỉ nghĩ đến mẹ. Làm như Phú đã làm thì thật là dại dột vô cùng, vô ý thức vô cùng, nhất là khi anh ruột mình đã bị mười lăm năm biệt xứ, nhất là khi mẹ già chỉ còn trông cậy vào có một mình mà thôi. Bướng bỉnh mà làm gì? Xui giục dân quê thì ích gì? Vì chung cái sự khốn nạn của dân quê cũng không thay đổi, mà mình thì lại bị bắt. Trong khi ấy, mẹ già sẽ ra sao? Phú đã nhiều lúc ứa hai hàng lệ. Nhưng chàng cũng hy vọng rằng nếu quan trên kết án cho “công bình” thì tội của chàng chẳng lấy gì làm to. Nhưng mãi mà chưa thấy quan trên lấy khẩu cung! Phú thấy rằng như vậy là ông huyện đã bắt giam trái phép, vì như trong luật đã nói, một viên tri huyện không được bắt giam ai trong lôcốt quá hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Nghĩ thế rồi, Phú lại chợt nhớ đến việc hộ đê... Thật thế, khi quan trên bận việc đê điều thì việc điều tra kia có thể ngừng trệ cũng được lắm. Phú rùng mình lo lắng cho cái thời hạn tạm giam.

Phú sẽ bị kết vào tội gì, chàng cứ đoán qua cũng đủ biết. Phú bị giam riêng trong một gian phòng của lôcốt, bị canh phòng một cách khá ráo riết như vậy, thì nghĩa là người ta đã coi chàng như một chính trị phạm rồi. Một căn phòng chật hẹp, tường quét hắc ín đen bóng nhễ nhại, chỉ có một ô cửa nhỏ để thông không khí với bên ngoài, tối om om, đến nỗi nếu không có ba bữa cơm thì chàng không

thể biết lúc nào là ngày, lúc nào là đêm, và đã bị giam trong bao nhiêu lâu. Mỗi khi đến giờ phát cơm thì cửa sắt vuông bị lôi ra, ba tiếng gõ vào khung cửa, một cái mặt đầy những vẻ hung ác nhẫn tâm nhìn vào, rồi thì một thùng gỗ vuông trong có một nắm cơm và mấy con cá mắm ươn bị nhét qua khe cửa. Một tiếng quát: "Ăn!", rồi thì cửa lại sập vào khung chốt, phòng lại tối om...

Bữa cơm tù tội thứ nhất trong đời, Phú thấy không thể nào kham nổi. Cá mắm thì gần thối nát, cơm thì nồng nặc những mùi vôi. Lần đầu, vì buồn nôn quá, Phú không ăn được hết nắm cơm, và cũng không thấy đói. Nhưng đến bữa thứ ba thì nắm cơm không còn mùi vôi, cá mắm cũng hóa ra ngon lành rồi! Rệp và muỗi là những thứ làm cho Phú thỉnh thoảng quên mất cái êm ả bứt rứt đáng kinh hoàng của cảnh ngục tù âm u. Đến bấy giờ Phú mới biết cái giá trị của ánh sáng, của không khí, nghĩa là giá trị của tự do, cái điều mà xưa kia chàng không thấy có chút giá trị nào.

Đây, đây, tiếng giày nện vang lôcốt, Phú mừng thầm, chắc hẳn người ta đã vào lấy khẩu cung... Tiếng khóa trong ổ lách cách, cánh cửa to bị đẩy vào. Phú đứng lên, nhưng một làn ánh sáng kéo ùa vào phòng đã khiến chàng hoa mắt, quáng quàng lên, tựa hồ đứng không vững nữa. Khi Phú định được tâm thần rồi, thì có hai người đứng sừng sững trước mặt chàng. Một người trạc độ bốn mươi tuổi, da mặt đen, cái đen thiết bì, hai con mắt to nhiều lòng trắng và ít lòng đen dưới đôi lông mày rậm như hai con sâu róm, và trên mép, một thứ mép có đôi môi mỏng dính như lúc nào cũng mím miệng vậy, thì có hai cánh râu cong như hai cái tay lái xe đạp, nó tiêu biểu cho cả con người, về nhân phẩm cũng như về chức nghiệp. Người ấy mặc cái áo sa hoa, đội cái khăn lượt ta, đi một đôi giày tây. Còn người kia thì đầu không khăn, chân giẫm đất, mặc một cái áo tây cũ vải vàng, nét mặt trông lại hung ác hơn nữa, tay cầm một tập giấy.

Phú đoán người vận áo dài là viên lục sự hay thừa phái chi đó, còn anh kia hẳn là người loong toong.... Nhưng chính người ấy lại quay cổ ra ngoài phán một cách quyền hành lắm:

– Cho mấy cái ghế vào đây nhé!

Hai phút sau, một viên gác ngục đã đem hai cái ghế nhỏ vào phòng. Rồi người ta lại đóng cái cửa chính, chỉ còn để ngỏ hăn cái cửa vòng cánh sắt. Xong đâu đấy, cả hai ngồi xuống ghế, rồi người vận áo dài khẽ nói một cách rất ôn tồn:

– Anh lên sửa soạn đáp lại những câu hỏi của quan trên.

Nói xong, người ấy mở rộng cái bìa giấy má trên hai đầu gối, lại lôi ở túi ra một cái bút máy, trong khi người có cái áo tây vàng bắt chân chữ ngũ lên mà rung đùi một cách đắc chí.

Đứng trước hai người, Phú khoanh tay ra ý giữ lễ phép, nghĩ ngợi một lát rồi đáp:

– Bẩm vâng, chúng tôi cũng chỉ mong có thế. Thưa ngài, chúng tôi bị giam quá một ngày rồi... Nếu tôi không lầm thì như thế là quá cái quyền hạn bắt giam người của một ông tri huyện. Đáng lẽ người ta phải giải tôi lên tỉnh tùy quyền quan trên:

Người già cười nhạt mà rằng:

– Anh đã hơi biết luật như thế, sao còn làm điều phi pháp như thế?

Phú cãi:

– Tôi làm gì mà phi pháp?

– Thế sao anh lại xui dân phu hộ đê rằng phải có nhận được tiền rồi đã thì mới làm việc?

Phú lại cãi:

– Chính tôi, tôi cũng kêu như thế chứ không phải chỉ xui giục người khác kêu mà thôi. Tôi kêu vì thấy quan huyện hứa rằng Nhà nước có trả tiền cho phu phen...

Người có áo tây vàng đứng lên phân bua:

– Thế là anh nhận hai tội rồi đấy nhé. Cứ biết vậy, chốc nữa thì đừng có chối cãi.

Người già lại hỏi Phú:

– Anh cho rằng việc đòi tiền công của anh là chính đáng lắm, có phải thế không?

Phú cứng cỏi đáp:

– Phải! Mà tôi đã làm gì thì tôi không chối cãi! Khi tôi đói thì tôi phải muốn ăn, khi người ta đã hứa gì cho tôi thì tôi có quyền hỏi người ta về lời hứa ấy.

Người già bất bình mà rằng:

– Ừ, thế thì anh cứ biết một mình anh thôi, chứ anh phải bảo người khác mà làm gì?

– Một mình tôi thì không ăn thua, phải nhiều người thì mới có kết quả được!

Sau khi đáp thế, Phú tưởng người lấy cung sẽ bắt bẻ chàng một vài điều gì nữa. Nhưng không! Người ấy lặng lẽ cúi đầu hí hoáy viết trên giấy trắng. Phú không biết vô tình đã mắc mưu. Viên lục sự già đã chép đúng những lời hỏi của mình cũng như những câu đáp ngay thật bướng bỉnh của Phú... Thì ra đáp như thế, Phú đã tự buộc mình vào dây của pháp luật mà không biết.

Về sau người lục sự già lại hỏi:

– Thế anh nghi cho quan huyện sở tại trẩm công xá của dân phu hay sao mà anh lại cổ động rầm rĩ như thế? Anh có biết rằng làm như anh làm, chính là thiếu lễ phép với quan trên không?

Thấy cái lòng thành thực của mình đối với nhà chức trách mà lại bị ngờ vực như thế, Phú phát cáu, lại đáp:

– Tôi đâu dám ngờ ông huyện có cái bụng dạ tầm thường ấy, nhưng mà tôi ngờ bọn lý dịch. Vì rằng điều không ai là không biết, là bọn lý dịch vẫn thường bóp hầu bóp cổ và nhũng lạm, và biển thủ tiền của đám cùng đinh. Tôi muốn quan trên đề phòng cho cùng dân cái nạn ấy chứ không có cái ý gì khác!

Viên lục sự nghe xong lại chăm chú ghi những câu hỏi đáp trên mặt giấy. Đoạn lại ngửng mặt lên hất hàm hỏi:

– Do việc xui giục của anh mà lính phải bắn súng chỉ thiên để thị uy, mà dân thì phải mấy người bị thương trong khi giải tán. Nhà nước buộc anh phải chịu trách nhiệm ấy thì anh bảo sao?

– Tôi không chịu trách nhiệm về khoản ấy! Buộc tội như vậy là thậm vô lý.

Viên lục sự lại chép nữa. Sau cùng viên ấy bảo:

– Đây tôi đọc lại anh nghe. Anh đáp thế nào, tôi chép vào biên bản đúng như thế, không có sai một chữ. Để tôi cho anh biết cái lương tâm về phận sự của tôi, không có mai sau anh lại kêu là người lấy cung cố tình làm sai sự thực để anh phải tội.

Rồi viên ấy đọc lại những câu Phú đã đáp:

– Thế nào? Tôi có thuật sai không?

– Không, cám ơn ông, ông làm biên bản đúng lắm.

– Thế thì anh ký nhận vào đây hội một chữ.

– Vâng, tôi xin ký.

Nói xong, chẳng nghĩ xa xôi, Phú ký ngay vào giấy. Thế là xong! Chàng chẳng biết đã mắc mưu viên lục sự già, cái người suốt đời chỉ làm cái việc nham hiểm là buộc tội mọi người bằng những câu hỏi vặn loanh quanh. Phú không biết rằng điều cốt yếu của người lấy cung chỉ là làm thế nào buộc Phú phải nhận cái tội có xui dân phu đình công và biểu tình thôi. Những lời kết án gay gắt khác là để cho bị cáo không kịp nghĩ đến sự chối cãi cái tội chính.

Phú ký xong một chữ thì người ấy mới dõng dạc nói:

– Tốt lắm! Anh là người cũng hiểu đôi chút pháp luật mà lại còn phạm luật. Để rồi nay mai anh ra tòa mà cãi. Nhưng mà tiện đây thì tôi cũng làm phúc đọc cho anh rõ anh bị buộc vào tội gì... Nghe đây này!

Cúi xuống tập giấy, viên lục sự tìm tòi rồi đọc:

– "Hoàng Việt Hình Luật, hiện hành trong xứ nào thuộc tòa Nam án. Điều thứ 128... Những người nào xui người ta bãi khóa đình công, hay là không chịu ứng thí bất cứ là phạm cách nào, thời sẽ bị giam từ 3 tháng đến 2 năm, hay là phạt tiền từ 30 đồng đến 240 đồng. Nếu sự xui giục ấy thành hiệu, thời sẽ bị giam từ 2 năm đến 5 năm. Những kẻ tòng phạm thì sẽ bị nghị xử một nửa tội danh của chính phạm.

"Điều thứ 147 – Người nào dùng sự hành hung, dọa nạt, cổ động mà xui người ta hay là toan xui người ta rủ nhau đình công cốt để bắt buộc phải tăng lên hay là hạ tiền công xuống, hoặc là ngăn trở sự tự do của công nghệ và làm việc làm ăn, thời sẽ bị các tội danh trên này (phạt giam từ 1 tháng đến 1 năm hay là phạt bạc từ 10 đồng đến 120 đồng, không cứ chính phạm hay tòng phạm; và lại có thể chiếu theo điều 23 mà giao quản). Nếu tình cờ có xảy ra tội nặng hơn thì sẽ tùy theo tình trạng hành hung và địa vị người bị hại mà nghị xử nặng hơn!

Đọc xong, viên lục sự khoanh tay, hỏi Phú bằng mấy cái hất hàm. Anh chàng áo tây thì lại vung chân một cách khả ố hơn nữa. Nhưng Phú không đáp lại chỉ khoanh tay, đứng dựa lưng vào tường.

Viên lục sự nói tiếp:

– Việc xui dân biểu tình anh đã nhận rồi. Thế là tốt lắm. Nhưng mà sự trị an của các nhà cầm quyền không chỉ có thế. Xong việc kia rồi thì bẩy tôi có bổn phận phải hỏi cho ra rằng anh là người của một hội kín nào, của một đảng kín nào...

Ph[illegible] [illegible]c đầu:

– Tôi chẳng ở hội kín nào cả! Không cứ phải là một đảng viên cách mạng thì mới biết kêu đói, đòi công!

– Im! Câm mồm!

Người áo tây vàng nói leo vào:

– Ông lại dẫn xác ra bây giờ chứ hỗn thế à! Bố anh, anh ruột anh đều chống lại chính phủ. Bây giờ đến lượt anh! Mau lên khai ra... Đừng chối cãi vô ích. Đã bị bắt vào đây, thì không ai chối cãi được! Muốn tử tế thì mau khai ra, anh chịu mệnh lệnh của đảng nào?

– Tôi không vào đảng kín nào cả, oan tôi lắm! Buộc tội tôi đến thế nữa thì quá lắm!

– Đừng nói thế! Tôi chỉ làm bổn phận của tôi. Anh đừng tưởng quan trên không biết những hành động của anh trong mấy năm nay, sau khi anh bỏ học... Anh đã cổ động cho cả làng anh ai cũng có tư tưởng phiến loạn điều ấy, đừng có che mắt nhà chức trách...

– Không làm gì có những chuyện ấy!

– Anh là một đảng viên Cộng sản, có không? Chi bộ anh có tên chánh Mận, người làng anh, làm thủ quỹ, có không? Tên Chánh Mận muốn che mắt thế gian, định lấy chị ruột anh để hành động mọi việc cho dễ, có không? Hôm rằm tháng chạp năm ngoái, lão có triệu tập một phiên họp bí mật tại nhà lão, có không?

Nghe thế, Phú khoanh tay, ưỡn ngực lên. Chàng hiểu ngay cái dã tâm của tụi sai nha định buộc tội lương dân, những người có máu mặt, để hòng bóp nặn, vơ vét... Chàng trừng trừng nhìn lão mà nói:

– Thưa ông, ông hỏi ra ngoài đầu đề mất rồi! Tôi có thể đáp lại những câu hỏi vặn như thế trước mặt ông công sứ, hay ít ra cũng ông huyện...

Tức thì viên lục sự đứng phắt lên, đập vào ngực mình thình thình thình, hết sức giận giữ mà rằng:

– Nhưng mà tao đây, hiện giờ thay quyền quan huyện hỏi cung mày, mày có biết không? Mày có biết bố mày đây là ai không? Mày có biết rằng dù ông huyện nào đến đây thì cũng chỉ một tay bố mày đây làm án tù và cai trị dân mà thôi hay không?

Đoạn lão liếc mắt ra hiệu cho anh chàng áo tây ngắn. Tên này đứng lên, lại gần Phú, tát cho đánh bốp một cái vào hai mắt, Phú loạng choạng...

Nó đấm một cái bằng tay phải, đoạn đấm móc lại cái nữa bằng tay trái. Bị hai quả đấm vào hai má, Phú ngã ngồi xuống đất...

– Muốn chết vì tra tấn hay muốn sự thực tường khai thì bảo tao?

Nói thế rồi, nó lại túm tóc lôi Phú, bắt ngồi xuống cái ghế của nó. Phú khặc khờ, ho lên mấy tiếng, bưng lấy mặt, choáng váng... Đến khi Phú ngồi xem chừng đã vững thì một cái thụi vào giữa ngực lại khiến chàng ngã lăn một nơi, cái ghế bắn ra một nơi...

CHƯƠNG VII

Từ lúc vỡ đê, nghĩa là từ buổi chiều hôm trước, tư thất của ông huyện chưa bao giờ tấp nập rộn ràng đến thế. Những công văn, những lệnh quan, bay đi tứ phía như mưa. Thoắt một cái, từ đê ông đã về tư thất. Lính cơ, lính lệ, nha lại, gia nhân, chạy đi tìm ông tới tấp, loạn xạ. Đã có lúc nhà riêng ông huyện cũng vang ầm những lệnh trên ban xuống, y như ở công đường.

Đã vậy, ông lại còn bận tiếp khách nữa. Người bạn cũ của ông đã về huyện, để cái xe bình bịch lù lù giữa sân. Bên ngoài cũng có mấy chiếc xe hơi hòm của mấy ông chủ báo thân hành đi điều tra quãng đê vỡ, và được ông quan sở tại mời về nhà tiếp đãi. Suốt ngày hôm ấy, ông huyện đã phải lo việc quan công sứ cùng ông chánh lục lộ Bắc Kỳ về tận nơi. Ông đã bù đầu, trớn mắt, khổ sở, vất vả, lao tâm lao lực, cũng như những ông quan sở tại khác lúc gặp nạn vỡ đê vậy.

Bởi những lẽ ấy, bà huyện và Kim Dung cũng đã bắt đầu tắt mặt tối như vào lúc nhà có giỗ tổ. Nào là lo cơm khách, lo nước nôi, tiếp những người có việc cần đương đi tìm ông huyện mà không được gặp, và nhớ những lời yêu cầu hay mách bảo của họ nữa. Vì không hiểu rõ, bà huyện đã oán chồng về chỗ đi lưu ngay mấy ông chủ báo là khách lạ, giữa lúc việc quan đương bận rộn, nhà cửa đương tíu tít... Ba ông chủ báo, ông nào cũng có phóng viên, thợ ảnh, tài xế kèm theo! Vị chi hơn chục người, mà lại không ghép cùng ngồi một bàn được, thành thử cơm nước phải tách riêng ra một mâm cho các ông tài xế. Mà các ông cũng chạy đi chạy về tới tấp, người này đi tìm người kia, ông kia đợi ông khác nữa, việc tiếp đãi cho khỏi sơ suất thật là khó nhọc biết bao, nguy hiểm biết bao! Theo cái trí xét đoán của bà huyện thì "nhà báo" là một bọn người láu lỉnh kiểu cách đáng

sợ, chỉ làm cái nghề đi nói xấu thiên hạ, và "bán nói mà ăn" nên bà lo lắng hết sức.

Kim Dung cũng nghĩ như thế.

Phải đem tài nữ công ra dùng một cách quá sức, nàng đã – như lời bà mẹ mắng – mặt sưng mày sỉa mất cả một ngày. Dung đã không cãi nửa lời, vì tuy mắng con thì mắng, chứ chính bà mẹ cũng thế. Vì lẽ suốt ngày nàng vẫn băn khoăn để tâm đến người bị bắt, là Phú, nên buổi chiều, khi mọi việc đã vãn, Dung cáo là nhức đầu để về nằm phòng riêng. Nàng muốn có một cách đặc tiểu thuyết để cứu vớt người ấy mà chưa nghĩ ra được thì đã chợp ngủ lúc nào không biết.

Đến khi chợt bàng hoàng tỉnh giấc, Dung thấy một thứ mùi thơm khó hiểu man mác cả gian phòng mà mở mắt nhìn, thì, than ôi! Cái phòng của nàng đã không còn là phòng riêng! Người ta đã để một chiếc bình phong che cái giường của nàng để mà bày ở cái sập đối diện một bàn đèn thuốc phiện. Một người đương nằm ngoay ngoáy tiêm. Dung nghểnh cổ, vươn tay hé diềm lụa ở bình phong nhìn sang thì đó là bác Khoát.

Ở phòng bên cạnh, lúc ấy có tiếng nhiều người chuyện trò rất vui vẻ, Dung đoán chừng đó là những ông nhà báo chưa đi đi cho. Nàng tự hỏi một cách lo sợ: "Không biết họ đóng đô ở nhà này bao nhiêu lâu nữa? Nếu bố bình cứ ân cần mời mọc mãi thì đến chết mất thôi!".

Dung đương nghĩ thế thì cánh cửa từ từ mở. Ông huyện rón rén vào phòng một cách lén lút, lại đóng cửa lại một cách êm á như phải làm một sự bí mật.

– Mau lên! Nguội cả rồi đây.

– Mày hút liều nào chưa , Khoát?

– Đã.

– Chết! Không có thuốc phiện thì đêm nay tao gục mất!

– Họ sắp ra đi chưa?

– Ý hẳn còn chờ tao điều đình cho rạch ròi thì họ mới ra đi.

– Thôi hút đi đã rồi hãy nói, nguội cả rồi!

– Con bé cháu nó ngủ hay thức thế mày?

– Vẫn ngủ.

Thấy bố hỏi thế, Dung vội lặng lẽ nằm xuống, để cái quạt lên mặt. Nàng càng lắng tai nghe thì lại càng hiểu những cái ích lợi to tát của báo chí. Bên kia cái bình phong, hai người vẫn thì thào hỏi, đáp:

– Thế mày đã nói chưa?

– Chưa tiện dịp. Có một tờ đòi đúng một cái đỉnh thì mới chịu đăng cái ảnh của tao lên trang nhất.

– Ảnh nào? Cái cảnh chụp mày lúc giẫm đất, mặc áo trắng dài ấy à.

– Phải, cái lúc đương nghỉ trưa ở điếm mà đê núng ấy. Còn hai tờ kia không có ảnh thì chỉ đòi năm chục mỗi tờ một bài tường thuật. Tổng chi họ đòi tất cả hai trăm, nghĩa là ngót hai chục cái abonnements [1] hàng năm.

– Thôi thì cố lo đi cho được công việc vậy.

– Tao cũng nghĩ thế. Nhưng chưa có tiền. Để lát nữa tao ra điều đình bằng cách ký vào giấy mua năm rồi trả sau vậy. Có thế họ mới chịu làm to chuyện phu hộ đê định đình công.

– Thế quan trên về xem có nói gì không?

– Có! Thằng xồm cứ chửi mãi tao là sao nhãng thì có ức không hử mày? Mà anh chánh thì nhất định bắt hàn khẩu ngay ngày mai, trần tình thế nào cũng không nghe. Kiếp làm quan khổ thật!

– Ừ, thế mày có nhớ cho tao cái khoản bốn nghìn cái bao gai với hai nghìn tấn gạo sắp mốc đấy không?

– Gớm, thôi mày đừng làm khổ tao nữa! Tao làm gì được cơ chứ? Giữa lúc ông tai nạn thế này mà bạn hữu cứ như mày thì đểu thật!

– Rõ quân vô ơn chưa! Ông thử coi không có ông ở đây hôm nay, ai tiếp khách cho mày nào?

Đến đây tiếng vo vo của dọc tẩu tạm làm gián đoạn sự xích mích của hai người bạn. Rồi lại thấy ông huyện nói:

– Bao gai thì mày về sở Công chính Hà Nội mà hỏi! Gạo thì mày lên tòa sứ mà bỏ thầu! Hiện giờ gạo hẩm chỉ có bốn đồng một tạ, gạo của mày đã sắp mốc thì cứ năm hào hay một đồng kém dưới thời giá thì còn ai tranh được nữa mà sợ!

– Ừ, thôi được rồi, hút đi!

Sau đó, ông huyện lại ra phòng khách. Độ nửa giờ về sau, Dung thấy những lời chào hỏi tiễn biệt rất ân cần vang lên. Rồi tiếng động cơ của chiếc máy xe hơi văng vẳng lần lượt nổ ở ngoài dinh thất.

---

1. Tiếng Pháp nghĩa là phiếu đặt mua báo dài hạn.

Nàng nghĩ đến những sự bất chính của các nhà báo mà ông huyện đã cắt nghĩa mập mờ lúc nãy thì đâm ra nghi ngờ những cái tin tức và dư luận của họ trên mặt giấy, cho nên khi thấy họ đi, Dung lầm bầm tự nhủ một cách sung sướng: "Thoát nợ!". Dung toan ngồi lên thì ông huyện đã đẩy cửa bước vào.

Sau khi kéo đến điếu thứ bốn, ông huyện ngồi lên bảo bạn:

– Thôi! Tao đi đê đây! Mày có ra xem thì ra, hoặc có muốn bàn soạn gì không, chứ đêm nay chắc tao không về ngủ được.

– Ngoài ấy chắc đông người lắm đấy nhỉ?

– Đã cố nhiên! Dân phu đương đan rọ nhồi đất vào bao gai để mai thì hàn khẩu sớm. Lính lệ có năm thằng tao sai ra đấy cả, lính cơ có mười thằng tao cũng sai ra đấy mất tám! Mày nên ra, tao vẫn có chuyện muốn bàn.

– Ừ, thì đi, chứ hút vào rồi thì còn ngủ sao được.

Hai người đứng lên, rót nước uống, hút thuốc một cách hăm hở như sẽ không bao giờ được hút nữa, rồi đẩy cửa phòng bước ra.

Chờ độ năm phút, Dung ngồi dậy. Nàng sang phòng khách. Một tên người nhà ủ rũ ngồi trên một cái ghế tràng kỷ, dưới một ngọn đèn măng sông đã nối một nửa búp đa, vì cạn dầu. Qua phòng khách, Dung đẩy cửa vào buồng mẹ thì thấy mẹ đã ngủ kỹ. Nàng khêu nhỏ ngọn đèn dầu ở bàn rồi rón rén quay ra.

Dung tìm bao diêm ở ô kéo, đốt một cây đèn hoa kỳ lên, tắt phụt ngọn lửa ở đèn dầu xăng. Nhìn ra sân, thấy trời tối om. Dung bèn bỏ bao diêm vào túi. Nàng đứng dựa cột dưới mái hiên ít lâu, lại quay vào phòng riêng thay đôi guốc lẹp kẹp để đi vào dép dừa, Dung tự bảo: "Đi mất tám anh lính cơ thì còn hai. Một anh đã phải gác cửa dinh, ắt chỉ có một gác lô cốt. Việc trinh thám của ta như vậy là có giời giúp, ắt không nguy hiểm gì cả". Nghĩ thế rồi nàng bạo dạn xông pha cái màn đen của đêm tối, trông thẳng lô cốt mà tiến. Giẫm trên cỏ ẩm ướt hơi sương, dép của nàng êm ả như đi trên nhung.

Bỗng từ xa đưa lại một tiếng "keng" khá to. Đó là người lính cơ gõ vào miếng sắt treo dưới hiên của cái nhà chứa súng đạn ấy, tỏ rằng mình vẫn đủ phận sự thức đêm để canh gác 10 khẩu súng và 1200 viên đạn của bạn đồng ngũ thuộc quyền quan Huyện.

Sợ bị trông thấy, Dung vội nấp sau một cây cọ, trước khi tiến, hãy nghe ngóng xem sao đã. Trống ngực nàng bắt đầu đập thình

thình. Không thấy gì nữa, Dung lại có can đảm, bỏ cây cọ mà lần đến một cây bàng cổ thụ cách đấy hai mươi thước.

Lúc ấy, người lính cơ nằm trên ghế vải dưới hiên lô cốt. Hắn đương kéo một hơi thuốc ở cái điếu cầy.

Một ngọn đèn dầu treo ở một cột hàng hiên chiếu ra chung quanh một vòng ánh sáng yếu ớt, nhưng về phía Dung, may sao lại bị dãy cột che lấp.

Trông thấy ánh sáng, Dung vội nghĩ đến quần áo nàng mặc. May sao tình cờ hôm ấy nàng lại mặc quần thâm và áo dài màu hạt dẻ. Nàng đương mừng rỡ, lại cho sự tình cờ ấy là cũng "có người giúp" thì chợt một cánh cửa ở lôcốt bị đẩy, một ít ánh sáng hiện ra trong khung vuông. Dung vội vàng náu mình sau gốc bàng.

Có tiếng nói:

– Nó ngất đi hay nó chết đấy?

– Việc gì mà nó chết! Kệ mẹ nó nằm đấy!

– Có cùm chân nó không?

– Thôi, đêm nay tha cho nó.

– Quân này, ôn con mà đã gan hơn tướng cướp!

– Gan bằng cóc tía nữa thì cũng tối mai là phải xong cái khẩu cung.

Ló đầu nhìn, Dung thấy đó là hai người. Một người mặc áo dài, tiếng nói đích là tiếng ông lục sự. Còn người kia mặc áo tây vàng, thì dễ thường là anh Cạp, một tên mật thám của ông huyện, sự khủng bố của bọn phạm nhân. Tuy hắn là tay sai của bố mình, Dung cũng ghét hắn hết sức, vì hắn nổi tiếng tàn ác. Dung rùng mình nghĩ đến người thiếu niên nàng định cứu vớt, hẳn đã bị hành hạ bởi con người không có quả tim kia.

Đến đấy, cả hai cùng bước ra khỏi phòng giam, ông lục sự thì cắp cặp giấy má, anh Cạp thì tay xách một chiếc ghế mây, tay kia bưng một cái đèn con. Sau khi ông lục sự lách cách khóa cửa, cả hai đến chỗ anh lính cơ nằm.

– Này đây thìa khóa! Canh gác mà ngủ gật thế! Ông lục sự nói xong bèn đập cái thìa khóa đánh chát một cái xuống thành ghế vải. Anh lính cơ hoảng hốt đứng phắt lên, mồm kêu: "Vâng, cụ để đấy con xin!". Rồi anh vớ ngay dùi, lại đập vào miếng sắt treo ngang đầu một tiếng keng, xong anh ta lại hút một mồi thuốc lào. Sau cùng thì chờ

khi ông lục sự và người giúp việc ông đi khuất sau một cái hàng rào, anh ta lại nằm vật xuống ghế vải, quên khuấy cả chiếc thìa khóa bỏ ở thành ghế.

Đứng nấp sau gốc bàng, căn cứ vào những điều tai nghe mắt thấy, Dung nhận ra rằng dễ thường cái việc trinh thám suông của nàng có thể là một việc giúp cho tội phạm vượt ngục! Ừ, nếu có thể thì sao lại chẳng giúp cho người ta vượt ngục?

Lúc ấy, tâm hồn Dung say sưa trong cái thi vị của sự dự định, nó có vẻ tiểu thuyết lắm. Dung cứu vớt được một người! Người ấy sẽ suốt đời nhớ ơn Dung, phải lòng Dung, nhưng mà Dung thề trước là sẽ không yêu đâu. Do một sự đùa nghịch của nàng, cả một gia đình sẽ thấy hạnh phúc! Thật là một cử chỉ nên thơ! Thốt nhiên nàng nhớ lại rành mạch một truyện đoản thiên của Guy de Maupassant trong đó một vị công chúa Nga La Tư, trong một chiếc tàu đắm, đã cứu vớt được người đàn ông, để cho về sau người này cứ theo đuổi ân nhân của mình bằng một mối tình đau đớn kín đáo và ôm hận suốt đời, khi ân nhân chết. Sao Dung lại không như vị công chúa Nga? Sao người thiếu niên này lại không có thể nhớ ơn được như người đàn ông tả trong truyện?

Một sức mạnh huyền bí của tiểu thuyết làm cho Dung bạo dạn rón rén đến gần cái ghế của người lính cơ. Người ấy đã lại ngủ. Dung khẽ rón lấy cái thìa khóa. Nàng lần đến cửa phòng giam, nó cách xa chỗ người lính ngủ đến mười thước. Dung mở khóa, khẽ đẩy cửa. Nàng đánh diêm...

Ngồi xệp dưới đất, tựa lưng vào tường, Phú đương thở hổn hển bỗng phải trố mắt kinh ngạc.

Cái diêm tắt, Dung đánh cái diêm thứ hai. Như một cái máy, Phú đứng lên, Dung trỏ tay ra cửa. Phú bước ra ngoài bậu cửa, Dung ra theo, rồi cánh cửa lại khóa trái lại.

– Cứ đi theo tôi.

Rồi Dung dẫn Phú đi loanh quanh trong vườn. Đến một cái cổng nhỏ. Dung mở cổng. Rồi khẽ nói:

– Vỡ đê rồi! Mau về làng mà cứu lấy gia đình. Đi đi!

Phú đứng tần ngần hồi lâu, tưởng mình đang trong mộng. Đoạn run run kính cẩn hỏi:

– Thưa cô, cô là ai?

Dung khẽ cười mà rằng:

– Một nàng tiên xuống cứu người lâm nạn.

– Thưa cô...

– Thôi, không được hỏi gì nữa! Trốn ngay đi cho mau! Nội đêm nay không ra khỏi vùng này, ắt chết! Đi!

Phú hấp tấp nói rất cảm động:

– Tôi xin nhớ ơn đến chết.

Rồi đi, đi... không trông thấy người ấy nữa. Dung đến một bờ giếng, vứt cái thìa khóa xuống giếng. Sau cùng, nàng về phòng riêng với cái sung sướng đã làm được một việc ghê gớm, cái sung sướng ngây thơ của những thiếu nữ nông nổi trong một lúc cao hứng muốn chơi đùa.

CHƯƠNG VIII

Ra khỏi huyện ly chừng nửa cây số, Phú đương lần mò trên đường đê, trong cái đêm trường đen mù mịt, tâm thần xúc động rất mạnh vì cái việc vượt ngục trong một trường hợp phi thường, óc còn rối loạn bởi trăm nghìn mối lo sợ vu vơ, hai đầu gối nhức buốt như sắp rời ra, thì bỗng nghe thấy ở phía sau lưng văng vẳng từ xa, có tiếng chân người rộn rịp dẫm trên mặt đất... Tiếng động mỗi lúc một gần. Phú vội vàng rẽ xuống dốc đê ngồi thụp trên bãi cỏ, tưởng chừng đó là hàng trăm tuần tráng, binh lính đi lùng bắt mình vậy.

Từ dưới dốc đê nhìn lên, thị quan cố sức chú ý, Phú thấy bên mặt đường, dưới những vệt đen cong queo là những cây xoan mảnh khảnh, hiện ra bóng dáng một tốp người lặng lẽ cúi đầu rảo cẳng bước đi. Đến khi tới chỗ Phú núp, có một tiếng người thì thào nói:

– Thôi, dừng chân nghỉ tạm đi! Đã được khối đường đất rồi!

Lại có tiếng một người đàn bà the thé:

– Về được đến sáu cột lô mét, cách xa chỗ đê vỡ rồi!

Nhưng lại có tiếng khàn khàn của một ông cụ già:

– Nhưng mà mới khỏi huyện ly có một thí đường đất thì phải cứ đi nữa, kẻo không tuần tráng họ biết mình trốn phu, họ tống cả lại trình quan thì chết cả nút!

Vốn nhanh trí khôn, biết rằng vượt ngục như mình thì thà đi lẫn vào đám phu trốn đê còn hơn là đi chơ vơ nguy hiểm, Phú lại cố sức đứng lên nối đuôi vào đám đông ấy.

Đó là số đông các ông già, đàn bà và trẻ con, trong lúc cuống cuồng của quan trên, đã bị lý dịch cưỡng bách nhất loạt đi hàn khẩu, và đã thừa cơ trốn tránh, bởi lẽ ruộng vườn nhà cửa của họ đã bị ngọn nước hủy hoại, lôi kéo từ bao giờ mất rồi. Thêm vào cái vấn đề lương tâm phận sự là điều dân quê không có, lại còn có sự mâu thuẫn của những lệnh quan truyền xuống, buổi sáng mới thế này mà buổi chiều đã lại thế khác, cho nên họ có gan trốn tránh, yên trí rằng chẳng trốn đi cho rảnh thì cũng đến được tha về mà thôi.

Phú hỏi ông lão già:

– Thưa cụ, cụ là người vùng nào?

Không thèm nhìn sang bên cạnh, ông lão cứ vừa thất thểu đi vừa đáp:

– Tôi ở tổng Động Lung.

– Thế ra cụ với con là người cùng hàng huyện.

– Phải.

– Bẩm, vỡ đường vỡ sá như thế này, huyện nhà có thiệt hại lắm không?

Ông lão, trước một câu hỏi mà ông cho là ngẩn ngơ đáng lộn ruột, phát bẳn mà gắt:

– Nhà bác ngu lắm! Vỡ đê, ngập lụt mất cả chín tổng, thì ắt là phải thiệt hại, chớ lại còn phải hỏi gì nữa! Nhà bác mới ở trên giời rơi xuống đây à?

– Thưa cụ, con làm ở đê đã năm hôm nay, nào con có hiểu gì đâu. Chỉ biết là vỡ đê thôi, nay cụ ở làng ra, con mới phải hỏi.

– Đấy thì bác trông mà xem. Chỗ nào cũng trên thì giời dưới thì nước, cứ trắng xóa cả một lượt, thế này thì hàng vạn người đói khát hàng tháng!

Mãi đến lúc ấy, Phú mới kịp nhìn ra hai bên lối đi.

Quả nhiên, một bên thì là sông, một bên là đồng ruộng đã bị nước tràn vào, quãng đê chạy thẳng băng trông mảnh khảnh như một cái đũa nổi trên mặt nước, mà bọn người trên đê thì thật chẳng khác một đàn kiến bò trên cái đũa ấy. Nghĩ đến mẹ, chị, và cháu ở nhà, Phú lại lo lắng và hỏi:

– Thưa cụ, thế hôm mới vỡ thì nước tràn vào có mạnh lắm không? Có trôi nhà trôi cửa không?

– Làng nào gần đê thì trôi, làng nào xa đê thì việc gì mà trôi! Cứ hỏi lẩn thẩn!

Từ đây về sau, Phú lặng lẽ cùng đi như mọi người. Chàng biết đó là một ông lão khổ sở như đa số các ông lão nhà quê khác cho nên có cái tính nết quái lạ là thản nhiên về những cái tai họa tầy đình mà chỉ cấm cảu hay cáu kỉnh về những sự chẳng đáng bực tức. Phú rảo cẳng tiến lên hàng đầu.

Thấy một người trạc tuổi với mình, chàng hỏi:

– Bác làm đê đã mấy hôm nay?

– Hai ba hôm. Vỡ đường, sốt ruột quá, không trốn về không được.

Ngừng một lát, người ấy nói tiếp:

– Nhà nước định hàn khẩu ngay để rồi phá một quãng đê nào đấy cho nước rút bớt sang sông Thương. Nhưng mà liệu có cấy tái giá được nữa không? Bao giờ cạn nước? Ai có tiền mua mạ? Thôi, chẳng qua chỉ khổ thằng khố rách! Thấy người ấy có vẻ bộc tuệch dễ dãi, Phú bèn hỏi thăm đường đất, và biết được rằng chàng phải đi chỉ độ bốn cây số nữa thì sẽ tới chỗ một con đê cũ, và sau khi lại đi hết con đê ấy, chỉ phải đi bộ ba cây nữa thì đã về đến lặng. Vị chi tất cả chỉ còn độ bảy cây số là cùng mà thôi.

Thốt nhiên, tiếng một đứa bé kêu với mẹ:

– Bu ơi! Con đau chân lắm, cái chỗ giẫm phải gai hôm qua bây giờ lại nhức lắm.

Rồi một người đàn bà lại nói:

– Hãy nghỉ tạm một lát vậy, các cụ, các bà ạ.

Ấy thế là người ta cãi cọ nhau huyên thiên. Người muốn đi nữa. Kẻ kêu phải đi nữa thì nhọc mà chết mất. Nhất là bọn trẻ con. Chúng đã độ chừng mười lăm tuổi trở lên cả mà cứ nhai nhải đòi nghỉ khỏe nhất. Những đứa không mẹ, không có chú... cùng đi đám ấy, thì chỉ cắn răng ngậm miệng, không có ý kiến gì cả. Còn những ông lão già thì lại hăng hái cứ đi.

Phú bèn cổ động:

– Thôi cứ nghỉ chân một lát đã, các cụ ạ. Có gặp tuần tráng thì các cụ kêu phăng rằng: ấy quan cho rằng ông già, đàn bà, trẻ con ở đấy chỉ

tổ quấn chân người khác nên đã tha cho về, thế cũng xong! Đêm hôm khuya khoắt thế này, tuần tráng mọi nơi thì đã dồn cả vào chỗ hàn khẩu, còn thừa người đâu tuần phòng các điếm khác nữa mà sợ. Trên thì giời, dưới thì nước thế này, còn ai đuổi bắt mình nữa mà sợ.

Nghe lời nói có lý, cái bọn bốn năm chục người đương lôi thôi lốc thốc cắm đầu cắm cổ bước đi một cách buồn rầu như một đàn cừu ấy, bỗng bảo nhau đứng dừng cả lại. Cái đói, cái khát, cái nhọc mệt, những nỗi đau đớn về sản nghiệp bị cuốn theo làn nước, cái lo sợ về tương lai chỉ để dành cho những ngày đói khát tối tăm, đã làm cho ngần ấy người chẳng nói chẳng rằng, chẳng một lời than vãn, chỉ tụm nhau hoặc nằm hoặc ngồi hai bên vệ đê, trên cỏ ướt, một cách im lặng gan góc, tựa hồ ai cũng là triết nhân can đảm mà chịu số phận, người này hoặc là đau đớn không nói được nữa, kẻ kia có lẽ không nói gì cả để mà đau đớn, thế thôi!

Thấy chung quanh mình có mấy người nằm thẳng cẳng ra, Phú cũng gập tay làm gối, co ro nằm nghiêng trên cỏ. Chàng phải ngạc nhiên hết sức ở chỗ nhận thấy rằng lúc đi thì không sao, một lúc nằm nghỉ thì chưa chi cả chân tay mình mẩy lại bỗng đau mỏi như dần mà hậu môn chàng thì buốt như bị bỏng nước sôi!

Thế là cách tra tấn dã man trong lô cốt lúc trước lại hiện ra một cách kinh hoàng như Phú đương thấy trước mắt...

Đêm ấy, hai chân bị kẹp chặt trong cùm sắt, lưng bị mấy trăm con rệp hút máu cắn nhoi nhói, mặt thì bị đàn muỗi vo vo khiêu khích, Phú cứ oằn oại, cựa cậy, xua tay đuổi muỗi, tự mình tát mình, cũng đã rát cả mặt, đương bực tức đau khổ một nghìn nỗi, thì cánh cửa bỗng bị đẩy tung ra. Hai người ban sáng lại vào với một cái đèn dầu, một cái ghế mây và một cuộn thừng.

– Không, chúng tao đánh đập mày không ích gì cả. Không phải đánh được mày là chúng tao sướng! Nhưng mà mày phải nói, phải thú nhận hết mọi tội, phải tố cáo những kẻ đồng đảng, nghĩa là phải cho biết những điều mà chúng tao có quyền được biết! Nghe không?

Rồi họ lặng lẽ tháo cái cùm nặng nề dưới chân sàn lim để Phú phải đứng lên. Ý nghĩ thứ nhất của chàng là sai nha đã làm trái phép, đương đêm không có mặt quan trên, lại đi lấy khẩu cung ở lô cốt một cách lẩn lút như thế.

Còn đương ngẫm nghĩ thì một cái đá rất mạnh vào bụng đã khiến Phú ngã lăn chiêng, lặng người đi, vì đầu chàng va mạnh vào thành sàn lim. Phú khặc khừ đáp:

– Tôi không có gì cung xưng nữa, các ông có quyền tra khảo thì cứ việc mà tra khảo.

Họ bèn bắt Phú cởi quần ra mà ngồi lên ghế mây. Họ trói giật cánh khuỷu chàng vào với thành dựa của ghế. Họ lại bắt Phú xoạc chân ra để cho họ trói hai chân Phú vào hai chân của cái ghế mây.

Sau cùng, họ để cái đèn dầu dưới cái ghế, giữa chỗ ngọn khói đen chạy thẳng lên hậu môn của Phú. Như vậy, họ đã có cách tra khảo cực kỳ hiểm độc, mà lại không để thương tích gì ở mình mẩy ở kẻ bị tra khảo, nghĩa là họ có đủ chứng cớ chối cãi tội ác của họ trước mặt quan trên, nếu những ngược hình trong một nơi kín đáo như thế mà lại đến tai chính phủ hay quan trên. Khi họ mới để cây đèn dưới cái ghế, Phú đã toát mồ hôi như những khi sốt rét nằm kín mít trong chăn.

– Thế nào? Bao giờ mày mới chịu nhận cái tội làm hội kín? Bao giờ mày mới xưng những tên đồng đảng?

Phú lắc đầu.

Tên áo tây vàng cúi xuống khêu to ngọn đèn. Hơi nóng và khói đen bốc lên, chạy thẳng vào hậu môn của Phú theo cái lối "lọng vào ruột" Phú thét to một tiếng thảm đạm vô cùng thì họ lại vặn nhỏ ngọn lửa. Phú không giữ được nước mắt nữa, biết mình thế là hèn nhưng không tài nào giữ được cho khỏi hèn, rên rỉ kêu la:

– Giời ơi! Oan tôi lắm các ông ơi!

– Này gan với ông!

Nói xong vẫn ngồi xổm dưới chân Phú, tên áo ngắn lại đưa tay ra khêu to ngọn lửa. Lần nầy Phú không kêu được nữa, bị nó trói chặt vào ghế, mà thân thể run bắn lên đến nỗi rung cả cái ghế, rồi đầu chàng ngả về một bên như chết.

Họ lại vặn nhỏ ngọn đèn.

Đứng khoanh tay trước mặt Phú, viên lục sự già, cái bút máy gài tai, bình tĩnh nói:

– Tao chờ mày khai thì tao làm nốt biên bản.

Lúc ấy, mười phần hiểu biết, Phú chỉ còn có một. Nhưng chàng giả vờ làm người chết ngất xem bọn kia có quay trở lại với lương tâm

loài người của họ không. Cho nên khi được cởi trói, bị một bàn tay phũ phàng lay vào vai, Phú vẫn nằm nhắm mắt, đành phải để cả mình cùng cái ghế ngã và đổ lăn xuống đất. Cái đau vì ngã còn hơn cái ghê gớm để lửa và khói hun nấu hậu môn. Trước cái ngã ấy, người lục sự nói:

– Thôi hoãn vậy. Cứ như thế thì đêm mai nó cứ trông thấy cái đèn cũng đủ cung xưng hết, tội gì rồi cũng phải nhận.

Rồi họ tháo lui.

Rồi cửa ngục bị khóa trái.

Rồi cửa ngục lại mở.

....

Sau khi ngẫm nghĩ hồi lâu, Phú tự nhủ một cách quả quyết: "Được rồi, nếu ta bị bắt lần nữa thì ta cứ khai là con gái ông Huyện mở cửa ngục cho ta ra xem sao!". Cái tiếng oanh thỏ thẻ ấy chính là tiếng của người con gái đã nũng nịu nói câu: "Thì cậu để yên cho con quan sát mọi sự thì đã sao!" lúc bị ông Huyện gắt mắng ở điếm, khi Phú bị lính dẫn đến trước mặt viên Tham tá lục lộ về tội đánh người Nhà nước. Phú cho thế là một cách gỡ mình chính đáng, vì nếu muốn kết tội Phú, trước hết ông Huyện hãy buộc tội con gái ông. Biết đâu chẳng chỉ vì thế mà thoát tù tội.

Phú nghĩ đến đây, vui vẻ quá, quên cả đau, vươn vai đứng lên giục:

– Thôi đi chứ, các ông, các bà! Ngồi nghỉ đến bao giờ nữa?

CHƯƠNG IX

Cái đồng hồ đánh năm tiếng thong thả.

Lúc ấy, trời mới bừng sáng. Ông Huyện ở chỗ vỡ đê mới về. Ông đã thức cả đêm. Ông đã gắt mắng cả đêm. Ông nhọc. Bây giờ ông không muốn nói gì nữa. Ông ngồi dựa ghế, nghe lời trình của viên lục sự già, thỉnh thoảng lại lắc đầu, lại xua tay, lúc nào cũng như không muốn để tai nghe.

Người ta đã dùng cái phòng khách của ông Huyện để thiết công đường. Sớm quá, vả, vì lẽ phải giữ kín, nên trong số nha lại họp mặt tại tư thất quan huyện chỉ có viên lục sự già, anh Cạp, người mật thám riêng của ông Huyện, một ông Nho, và anh lính cơ gác lô cốt

đêm qua. Mọi người trình bày công việc của mình để cho rõ đầu đuôi cái việc bí mật ghê gớm kỳ quặc chưa từng có bao giờ là cái việc vượt ngục của Phú.

Viên lục sự già chỉ vào anh Cạp ra ý phân bua và kể lể:

– Bẩm quan lớn, ấy đầu đuôi tra khảo là như thế, rồi chúng tôi hoãn việc khẩu cung là như thế, khóa cửa và giao thìa khóa trả cho lính cơ là như thế.

Anh Cạp cũng sửng sốt:

– Bẩm... nó vượt ngục như thế thì dễ thường nó có phép tiên, chứ cửa con đã khóa trái kỹ lưỡng, mà lúc anh lính cơ vào khám tù thì phải phá ổ khóa mới vào được.

Sau khi hai người ấy khai rành mạch như vậy rồi thì trăm nghìn tội lỗi đổ nặng chĩu cả vào đầu bác lính cơ gác đêm.

Đứng trước bàn ông Huyện, hai tay bác chắp lại, mắt bác chỉ dám nhìn xuống đất. Bác hết sức hy vọng rằng quan nên xét đến cái chỗ tài tình của kẻ vượt ngục thì tội sao nhãng của bác cũng được giảm. Nhưng xem ý quan lại càng ngờ rằng trong vụ này, ắt có kẻ đồng mưu, chứ một kẻ vượt ngục chẳng khi nào lại có phép tàng hình mà vượt ngục được như thế!

Sau khi khoan thai kéo một mồi thuốc lào rõ dài, sau khi nhìn vào đám khói xanh như muốn hỏi một điều bí mật, quan Huyện từ tốn một cách đáng sợ, bảo tên lính:

– Bây giờ đến lượt mày. Mày canh gác ra làm sao? Mày ngủ những lúc nào? Nói ra cho rành mạch!

Anh chàng này bỗng cũng đâm ra run sợ, lưỡi ríu lại, thật cũng lúng túng chẳng kém một người cả đời chưa lần nào ra cửa quan.

– Bẩm quan lớn, con nhận rằng vào khoảng gần một giờ đêm thì ông lục và bác Cạp quả có từ lô cốt ra, có đi qua chỗ con nằm và có để vào bên thành ghế của con cái thìa khóa cửa. Lúc ấy, tuy tay con không cầm đến, nhưng quả có nghe thấy một tiếng cách hẳn hoi. Bẩm thế rồi... lạy quan lớn trăm lạy, con nhọc mệt quá, lúc nào cũng ngủ dở thức dở, có lẽ ngủ nhiều hơn thức con không dám chối, nhưng mà hễ thức là có đánh kẻng làm hiệu ạ. Đêm hôm ấy, con quên khuấy mất cái thìa khóa! Sáng sớm vùng dậy, không thấy thìa khóa đâu, con mới vội vã sang bên ông lục sự con trình... Ông lục sự con nghĩ ngay đến tên can phạm, liền gọi cửa nhỏ, không thấy, và phá

cửa lớn mà vào, cũng chẳng thấy nốt! Thật là một việc kỳ dị như có ma!... Bẩm đầu đuôi là như thế, mong quan lớn soi xét.

Đến đây, quan Huyện xua tay một cách rất chán nản, nhăn mặt lại một cách rất phẫn uất, dằn từng tiếng mà nói:

– Tôi thì công việc đê điều bận rộn là như thế, trông cậy vào có các người ở nhà... Vậy mà các người thừa hành chức vụ là như thế! Có một tên trọng phạm thì để cho nó vượt ngục! Có một cái thìa khóa thì mất cả cái thìa khóa! Việc quan mà các người làm như vậy thì còn ra cái thể thống gì nữa? Trò hề đấy à? Các người cứ liệu cái thần xác!

Chừng như không chịu nổi lời mắng vơ đũa cả nắm ấy, ông lục sự bèn xích ra đứng giữa phân giải:

– Bẩm quan lớn, việc đã xảy ra đến như thế này, âu là xin quan lớn cứ việc thẳng tay cho, đứa nào có lỗi đứa ấy sẽ chịu lỗi. Xin quan lớn tư lên tòa sứ đem một vài người ở sở Liêm phóng Hà Nội về mà mở cuộc điều tra. Chứ một vụ vượt ngục như vụ này không phải là sự thường. Khóa vẫn y nguyên mà phạm nhân ra ngoài lúc nào không ai biết, như vậy, trừ phi có kẻ tòng đảng thì không sao có được một việc lạ lùng nhất từ cổ chí kim như thế được.

Ông huyện bưng đầu ngẫm nghĩ một lúc lâu rồi chỉ nói:

– Ông lục sự ở lại đây... còn thôi, cho chúng bay lui cả!

Người lính cơ và người mật thám riêng vái dài một cái, đoạn rủ nhau đi về công đường, cái miệng cứ bình phẩm bô bô mãi về sự quan huyện không quở trách gì cả...

Còn lại một ông Lục sự già, ông Huyện bèn thở dài ngán ngẩm mà rằng:

– Ông lục ơi, phen này thì chết cả mất thôi!

Cái giọng than vãn của ông huyện có một vẻ rền rĩ, một vẻ ảo não đặc biệt, đến nỗi bỗng đâu viên lục sự già cảm thấy đủ tất cả sự nghiêm trọng của lời trách cứ.

Đến lúc ấy, lão mới nói thẳng rằng cái trách nhiệm của mình tuy là gián tiếp mà cũng đủ nặng nề như một vấn đề lương tâm. Ông huyện lại nói:

– Chết thật! Trông đê thì đê vỡ, giữ tù thì tù sổng! Làm quan đến lúc này mà chưa bị cách thì còn đến bao giờ nữa mới bị cách?

Lúc ấy, Dung bước vào phòng khách, tay cầm một mẩu giấy nhỏ. Nàng trù trừ một lát rồi nói:

– Thưa cậu, đây là giấy của bác Khoát, lúc ra đi có viết lại mấy chữ và bảo con đưa cho cậu.

Ông huyện cầm lấy, không đọc vội, lại nhăn nhó, nói với ông lục sự già:

– Như ý ông thì cái việc quái ác này liệu có ai dính vào không? Thằng lính cơ hay thằng Cạp?

– Tôi có nghi thì tôi nghi nhất cho thằng lính cơ. Vì thằng Cạp thì ngay đêm ấy, nó đánh tài bàn cả đêm ở nhà tôi...

– Bây giờ ta làm thế nào?

– Theo ý tôi thì trói cổ thằng lính cơ lại mà khảo để cho kỳ bao giờ nó cung xưng thì thôi.

Nghe thấy thế, Dung hãi hùng vội phải vờ lúi húi tìm tòi một vật gì đó trong tủ chè. May sao không bị bố để ý đuổi ra. Dung liền tìm được một mẹo để cứ ngồi trong phòng khách, nghĩa là chuyên chè từ bao này sang bao kia. Nàng lắng tai nghe chuyện.

Người lục sự già tiếp:

– Một mặt nữa thì cho thằng Cạp và một ít lính tráng nữa đi tróc nã phạm nhân, vì hắn đi tất cũng chưa xa. Cái thẻ thuế thân của nó còn đây, ta cứ việc cho lính về tận nguyên quán...

Ông huyện ngơ ngác gặng hỏi một lần nữa:

– Ông chỉ nghĩ được có thế thôi à? Không phải trình sứ việc vượt ngục à?

Người Lục sự già đáp:

– Không! Không và không!

Ông chắp tay sau lưng, đi đi lại lại:

– Nếu để việc vỡ lở to ra thì không những chỉ nguy cho tên lính cơ, hay cho ông mà thôi, nhưng mà chết lây đến cả tôi nữa! Nếu mình trình sứ ắt tòa sứ phải báo sở Liêm phóng Hà Nội. Như vậy thì có phải rõ thật bỗng dưng "lạy ông tôi ở bụi này" không? Phải giải quyết bằng cách khác... Cái gì nhất cử lưỡng tiện mới được.

Viên lục sự cũng lên tiếng:

– Vâng, nếu vậy thì cũng còn cách khác... Mà cũng chỉ còn có một cách.

Ông huyện cũng nói tiếp một cách mập mờ:

– Có phải thế không hở ông?

– Tuy nhiên cũng phải tra ra cho kỹ cái án này chứ không thì ức lắm.

– Ông nói có lý đấy! Nếu mình không ra oai một bận cho quân khác nó noi gương thì không xong... Vậy thì ông sửa soạn đi, rồi để tôi ký một chữ.

– Bẩm, thế tôi xin ra lấy hồ sơ ở công đường.

– Phải.

– Bẩm lạy quan lớn, chốc nữa tôi xin đem cả vào đây.

– Phải phải! Thế tốt lắm. Mà ông dặn chúng không được tiết lộ...

Người lại già đã đi khỏi, quan lúc ấy để nguyên áo dài nằm thẳng trên trường kỷ, vừa ngáp vừa bảo con gái:

– Quạt cho cậu mấy cái đây, con ơi!

Vâng lời, Dung ngồi phía dưới chân bố, phe phẩy cái quạt lông, ông Huyện chập chờn dở ngủ dở thức, trí não đương vật lộn với trăm nghìn cái dấu hỏi. Ông đương lo lắng về nỗi vỡ đê. Cứ như những tin ông nhận được thì phủ Thống sứ đã cho ông là sao nhãng, định đưa ông ra một hội đồng kỷ luật, và trước khi ấy, sẽ huyền chức ông trong một năm hay là cất chức ông mà gọi tạm về làm bàn giấy ở tòa sứ... Chưa biết đích xác, ông đã phải hết sức xoay xở, cựa cậy, vận động thì... chưa chi lại xảy ra cái vụ vượt ngục ghê gớm này! Ông căm tức bọn nha lại dưới quyền ông đến nỗi cổ ông ắng lại, lưỡi ông đờ ra, không nói gì được nữa, ông đã tưởng cái chức tri Huyện thật là đến lúc "bương". Nhưng phàm người ta, bao giờ cũng vậy, có gặp lúc nguy nan thì mới thấy nảy ra cái trí sáng suốt phi thường. Tù vượt ngục, ông có khi nào lại chịu cái trách nhiệm để tù sổng. Đã thế thì – nào, ông lục già! – mời ông hủy cái khẩu cung cũ, lập cái khẩu cung mới trong đó người ta không buộc được kẻ khai cung lấy một tội nhỏ, nếu đó không là một tội vi cảnh, rồi người ta ký giấy tha bổng cho phạm nhân! Phú vượt ngục? Không! Phú được tha chứ không phải vượt ngục!

Nghĩ thế, ông huyện cũng thấy lối cai trị ấy là khôn khéo. Nhưng ông không khỏi lấy làm kinh hoảng mỗi khi ông lại phải nghĩ rằng cửa lô cốt vẫn khóa mà tên can phạm lại không biết chui đường nào mà ra.

Tòng đảng? Cái đó đã hẳn, nhưng mà ai? Không lẽ chính là tên lính cơ! Mà nếu không là tên lính cơ thì ắt hẳn phải một hoặc là nhiều người khác... Ông huyện rùng mình nghĩ đến những đảng chính trị bí mật... Nghĩ đến những đứa ấy bụng dạ ông hình như phấn khởi lại vừa sợ hãi. Ông nghĩ đến cái đột ngột của một vụ Yên Bái, một vụ Lâm Thao... Ông nghĩ đến ông huyện Hoàng Gia Mô. Phải, trước khi xảy ra những việc như thế, không bao giờ người đời lại dám ngờ rằng sẽ có khi xảy ra những việc như thế.

Người ta cứ chờ những việc ấy nó xảy ra rồi thì người ta mới ngơ ngác hoặc là há hốc mồm ra mà nhìn nhau, thế thôi. Cái khôn ngoan của người quân tử là lo xa đến những điều ấy, trước khi được những người trong thiên hạ kịp để ý đến.

Đã thế thì... "Phải tha! Phải ký giấy tha!" Ông Huyện nghĩ thế xong lại thấy cái cần tự mình dặn mình rằng từ rày trở đi, gặp những kẻ có óc chính trị, ông phải dè dặt lắm mới được. Nếu ông day tay mắm miệng lắm, có khi chỉ thiệt thân riêng cho ông chớ chẳng ích gì!

Còn đương nghĩ ngợi thế thì viên lục sự già đã vào với một tập bìa có trong biên bản, hồ sơ, giấy má, công văn... Lão đưa cho ông Huyện thì ông này ngồi nhỏm dậy, lục đến những giấy má dính dáng đến Phú. Ông đưa mắt một lượt so sánh hai cái khẩu cung, một cái mà lão lại thảo có Phú, một cái mà lão chữa lại khi Phú đã trốn thoát... Ông mỉm cười, vỗ đùi khen: "Khá lắm! Thật là lý sự đủ giọng... " Sau cùng thì ông ký tên vào chỗ tha bổng cho bị cáo nhận. Chỗ ông ký tên, cố nhiên người ta đã đóng ấn của huyện đường mà đề ngày trước cái ngày Phú vượt ngục.

Ông quan trẻ và viên lại già, sau một việc như thế, nhìn nhau âu yếm, người thì hứa sự che chở, kẻ thì hứa sự trung thành. Thu xếp được ổn thỏa một việc vượt ngục ghê gớm như thế – mà việc ấy chẳng phải là không để một cái mầm tai họa cho mai sau – người ta thấy cần đem tên lính cơ sao nhãng ra tra khảo cho bõ.

Mật lệnh của quan vừa truyền xuống, bọn lính tráng đã dậm dạ inh tai. Mười phút sau, tên lính cơ đã gác lô cốt đêm qua bấy giờ bị bạn đồng ngũ của hắn đè sấp ngay ở phòng khách trong tư thất nhà ông Huyện.

– Có một việc canh tù mà lại để xổng tù à? Chúng bay đánh nát đít nó ra cho ông! Chúng bay đánh cho chi kỳ nó xưng cái tội thông lưng với tù, mở cửa nhà pha thả tù ra, cho ông xem!

Người lính, trước còn kêu, sau mê man đi, không biết trời đất là gì nữa. Bốn người lính cơ khác thay tay nhau mà cầm côn nện vào đít anh ta. Nằm dài trên kỷ, ông Huyện như không để ý đến cảnh tra khảo trước mắt.

Nhưng mà Dung đã đứng phắt lên rồi! Nàng không nhìn nổi cảnh tượng gớm ghiếc ấy nữa! Nàng kêu với bố: "Thưa cậu, cậu sang ngay đây lập tức, con hỏi có việc cần lắm". Biết là có chuyện hệ trọng, ông Huyện vội theo con gái sang phòng bên. Nửa giờ sau, ông ra chỗ "công đường", hoãn lệnh đánh người lính cơ, ôn tồn hiểu dụ cả bọn lính:

– Đấy, chúng bay xem, có tội thì phải nọc cổ ra đánh. Nhưng mà vì muốn cứu mày, vì muốn thương mày, tao đã phải chữa lại công văn, ký giấy tha cho phạm nhân để gỡ cái tội sổng tù của mày! Ngồi lên lạy tạ ông đi!

CHƯƠNG X

Sau bảy tiếng đồng hồ chống chọi với những làn sóng đồng nguy hiểm, có khi lướt trên đồng ruộng và cũng có khi vượt qua những vực sâu hàng mấy con sào, chiếc thuyền thúng, khi về đến đầu làng, thì vết thương ở ngay đáy thuyền lại rộng thêm hai ngón tay, vì mấy cái nan tre đã long hết lượt sơn ghép bên trên.

Phú ngừng tay cầm gầu té nước ra ngoài thuyền. Chàng toan đứng lên nghển cổ tìm tòi cái mái nhà mình, nhưng em giai của ông chánh Mận thấy thuyền chòng chành, vội kêu ầm lên, Phú lại vội vàng ngồi xuống. Cái hàng rào tre bọc quanh làng xưa kia um tùm, đẹp đẽ, kín đáo bao nhiêu, nay thấy lơ thơ, chỗ thì mất hẳn hàng khóm một, chỗ thì phô ra những thân cây bị đẵn ngang lưng chừng... Quang cảnh bề ngoài mà trông cũng đã không đang tâm. Thế mà còn những cảnh tàn phá bên trong? Thế còn mẹ chàng, chị Tuất, và đứa cháu, nhất là đứa cháu?

Thôi thì Phú hãy kiên tâm một lát... Bác lái đò, trông thấy cái cổng làng bị ngập, từ mặt nước đến cái vòm tò vò chỉ có một quãng thấp mà cái thuyền không thế nào chui lọt qua, đã cắm sào một chỗ, nét mặt ngán ngẩm, hai tay khoanh... Bác rền rĩ:

– Được ba hào chỉ của cậu thì mất cả một ngày giời, hỏng mất cả một cái lòng thuyền!

Tức thì người em giai ông chánh Mận nói ngay:

– Này thôi, anh im đi! Trước sau thì tôi đã mặc cả cẩn thận, anh biết đường, anh có bằng lòng thì anh mới chở chứ? Có ai bắt ép anh không? Đến nhà rồi thì anh vòi phỏng?

Người lái đò ấp úng:

– Không!... Nghĩa là tôi nói thế thôi chứ!

Người thuê đò hỏi Phú:

– Cậu nhỉ? Cậu có biết lối nào chỉ cho anh ấy chở mình vào làng không? Phú đáp:

– Phải chở vòng quanh vậy. Cũng không xa là mấy, đến chỗ gốc muỗm thì có một đoạn rào hổng thuyền vào lọt thỏm.

Rồi chàng thấy nước vào thuyền đã khá nhiều, vội cầm gầu tát nước và bảo người chở thuyền:

– Thôi, chịu khó một tí nữa. Đến nhà rồi mà còn lầu nhầu thì có phải mất cả cái công phu, cái tử tế trong ngót một ngày không?

Bác lái lẳng lặng rút chiếc sào lên, ngồi xuống chỗ lái thuyền, đưa mái chèo. Cái thuyền lại êm ả lướt trên nước, đi lượn quanh dãy rào tre. Đến chỗ gốc muỗm, mấy cái đưa chèo của bác lái, mũi đò quay, thế là vào trong làng.

Khi đi qua cái hàng rào duối nhà mình, Phú mừng thầm vì nước chỉ ngập có lưng chừng cái nhà gianh. Tuy chàng không thấy một bóng người, không nghe thấy một tiếng động, song một làn khói lam nhẹ từ cái mái rạ bốc thẳng lên không gian đủ khiến Phú được yên tâm. Chàng toan nói với người có tiền thuê đò là cho chàng xuống chỗ ấy... Rồi chàng lại thôi, vì chợt nghĩ ngay ra rằng như vậy là thiếu lịch sự. Phú đã đi nhờ đò. Trong quãng bảy tiếng đồng hồ, chàng đã phải nhận lời mời, nghĩa là ăn một cái bánh mì của người em ông chánh Mận. Thì ít ra chàng cũng phải để người ta về thăm nhà người ta trước đã, còn việc chàng về nhà thì chàng sẽ nghĩ đến sau. Vả lại, ít ra cũng phải có câu cảm ơn người em, và cả người anh nữa, cho phải phép.

Người em ông chánh Mận ấy nguyên là một nhà buôn ở tỉnh. Khi thấy tin vỡ đường, người ấy vội về làng xem nhà cửa và gia đình ông

anh ruột ra sao. Cũng là một sự tình cờ may mắn cho Phú, khi chàng được gặp người ấy. Nếu không chắc chẳng bao giờ Phú có cách gì về thăm nhà cửa. Chàng không có một xu trong túi, và cả đến cái thẻ thuế thân nữa cũng không. Vậy mà từ con đường cái quan về đến làng, cánh đồng úng thủy dài là ngót mười cây số!

Lúc gặp gỡ nhau, Phú đã phải trải qua một thời khắc lúng túng, ngượng nghịu... Với cái áo sa tây trơn, với đôi giầy tây vàng, lại một cái va ly mới xách ở tay, người em ông chánh Mận có vẻ cái gì cũng như là hơn Phú. Người ấy không nhận ra Phú là ai. Bộ quần áo vải trắng của Phú đã bị đất cát và nước phù sa nhuộm cho ra thành củ nâu mà lại bẩn hơn quần vải nâu. Chân tay chàng, xưa kia có cái da dẻ mịn màng trắng trẻo của học trò, bây giờ đã bị mặt trời và xẻng cuốc làm cho sần sùi và đen đủi như của một dân cày chính tông. Mặt chàng cũng hốc hác ra, vì làm nhiều, ăn ít, mưa nắng, những ngày mệt nhọc, những đêm không ngủ, ấy là mới kể trong vòng một tuần lễ. Một thời gian đủ cho râu và ria đâm ra tua tủa ở mép và cằm của Phú, và làm cho chàng có cái mặt ghê gớm của một tên phạm nhân hoàn toàn!

Cho nên khi Phú yêu cầu người em ông chánh Mận cho đi nhờ đò thì trước cái mặt ấy, bộ quần áo ấy, cái nón cu ly rách ấy, người kia đã sửng sốt hỏi xẵng:

– Thì mày là thằng cha căng chú kiết nào ở đây mới được chứ?

Nghe thấy một người làng ăn nói với mình như thế, Phú đã giật mình lo sợ cho cái thân hình phu phen tiều tụy của mình. Chỉ vì mấy ngày làm đê và bị giam mà chàng đã bị hạ xuống thấp đến thế! Chàng bèn cười gượng mà rằng:

– Ô kìa! Ông hai Bảo, ông không nhớ ra tôi là ai hay sao?

–?...

– Tôi là Phú, em giáo Minh đây mà! Con cụ Cử đây mà.

Người kia bèn nhíu đôi lông mày, nhìn Phú từ đầu đến chân lâu lắm. Rồi trợn mắt, và nghi ngờ, và ngạc nhiên, và rồi kinh hãi:

– Ủa! Cậu Phú! Cậu Phú mà lại như thế này!

– Phải! Tôi bị bắt đi làm phu hộ đê đã tuần lễ nay, ông hiểu chưa?

Tức thì người ấy hiểu ngay, mà lại hiểu theo cái óc trưởng giả hương ẩm nữa. Vì rằng người ấy giẫm mạnh chân phải xuống đất mà nói:

– Ừ mà phải! Cậu bạch đinh chân trắng nên phải đi phu!

Rồi hai người xuống đò. Trong một lúc khá lâu người em ông chánh Mận đem so cái học thức của Phú và của mình, rồi lại đem đo lường với việc đi đê, thì rất sung sướng rằng mình đã bỏ tiền ra mua cái chân tư văn. Biết phận mình là thằng đi đò nhờ, lại sung sướng cho cuộc gặp gỡ ấy là một điều may mắn hãn hữu cho mình được sớm về thăm mẹ, Phú chẳng ngại ngồi phệt xuống tát nước, thứ nước nó vào đằng lòng thuyền, chỉ vì thuyền rò... Muốn xua đuổi khỏi óc cái hổ thẹn phải nhờ vả kẻ khác, Phú đã tự nhủ "Chấp kinh tòng quyền, thế cũng chẳng sao!" Có lẽ do Phú mà cái tư văn của ông hai Bảo nổi bật hẳn lên, nên chi ông này, trong cả chuyến đò, đã đối với Phú tử tế lắm. Nào hỏi thăm mọi tin tức một cách vồ vập, nào mời ăn bánh thay cơm... Đối lại, Phú chỉ việc nghĩ: "Chấp kinh tòng quyền"...

– Ơ kia! Chú hai Bảo! Về làm gì cho khổ!

– Lạy bác. Tôi thấy vỡ đường, sốt ruột quá, không về không xong. Thế nào? Ở nhà có việc gì đến ai không?

– Chỉ hại của thôi, chứ may không hại gì đến người! Mất nghìn bạc!

Đã đến nhà, hai anh em trông thấy nhau hỏi nhau om xòm như vậy. Người lái đò đặt mũi cái thuyền thúng vào bè nứa cho hành khách có chỗ bước lên. Phú muốn chào hỏi ông chánh Mận song ông ta chỉ để ý đến người em và có một thái độ tình cờ lãnh đạm với Phú. Người ta không trông thấy chàng nữa. Trong cảnh ấy, Phú thấy một mối bất bình đưa lên nghẹn cổ, thấy đáng hổ thẹn về quần áo của mình, và lại thấy rằng cái nghèo không những là cái xấu mà còn là cái nhục nữa.

Cảnh nước lụt trong nhà ông chánh Mận chẳng phải là một cảnh thương tâm. Có khi vì nước lụt mà sự giàu có súc tích của ông Chánh lại phô ra một cách rõ rệt. Vẫn hay nước đứng lưng chừng ba tòa nhà gạch, nhưng ông chánh đã ghép những tre gỗ thành một cái bè. Cái bè ấy, lấy thừng buộc vào cột nhà, vào các thân cây muỗm trong vườn. Trên cái bè ấy, có kê những tấm gỗ giường phản. Bên trên những cái giường phản bày bập bềnh trên mặt nước nhưng mà rất ngăn nắp ấy, lại có một thứ gióng tre có mái lợp gianh. Trên nóc tòa nhà ngói có đến mấy chục cái nong để phơi thóc, những thóc ướt vì nước lụt không chạy kịp.

Xa xa, một cái bè nứa khác cũng buộc vào một cây muỗm là chỗ trú chân của một con trâu, một con bò, ba con lợn, và mấy lồng gà

lớn, gà con. Còn cái bè của ngươi thì bị giam trong khu vực ba cái mái của ba tòa nhà gạch, chắc chắn đến bậc giá có bão táp cũng không sợ gì trôi. Phú trông thấy bà cụ mẹ ông Chánh nằm một góc, hai đứa trẻ ngồi chơi một góc, người vú già và mấy tên gia đình ngồi một góc khác nữa. Thành thử cái bè rộng rãi ấy, trên mặt nước, chỉ có thi vị chứ không có gì là vẻ "dân siêu".

– Ông cho con xin tiền đò!

Đến lúc ấy hai anh em mới ngừng chuyện để trả tiền cho bác lái. Trông thấy Phú, ông chánh Mận ra ý hối hận, vồn vã:

– Ấy chết chửa kìa, cậu Phú. Mời cậu hãy vào trong này! Thế việc lôi thôi bắt bớ đến cửa công ra làm sao?

Vẫn ngồi ở thuyền, Phú đáp:

– Không hề gì ạ. Tôi được tha rồi. Nhân gặp ông Hai cũng về làng nên tôi được đi nhờ một chuyến. Thôi, cảm ơn hai ông...

– Thì hãy vào đây một lát đã!

– Thôi, nhân tiện ông lái cho thuyền ra thì xin phép ông cho tôi về trông thấy đẻ tôi... Tôi chưa biết nhà cửa như thế nào.

– Thế kia à! Nếu vậy thì thôi, tôi chả dám lưu lại nữa.

– Vâng thôi, thế chào hai ông! Cám ơn ông hai Bảo lắm nhé!

Chiếc thuyền thúng quay mũi, lại tháo lui ra bằng đường lối lúc nãy nó vào. Khi mấy cái nhà của ông Chánh và bức tường điểm kính vụn và mảnh chai bao bọc những mái nhà ấy khuất sau một bụi tre thì thình lình Phú gặp chị ruột. Cô Tuất lúc ấy ngồi trên một cái bè đóng bằng bốn cây chuối cạp làm một bằng gióng và thừng tre. Cô chở bằng một miếng gỗ vuông lấy ở cánh cửa một cái chạn bát. Cái bè của cô trôi phăng phăng. Trước mặt cô có một rá gạo đỏ. Cô thản nhiên chở bè, không để ý đến thuyền và người chở thuyền. Phú phải gọi:

– Chị Tuất ơi, chị Tuất!

Cô Tuất ngơ ngác một lúc rồi hỏi:

– Ơ! Cậu Phú đấy à! Về từ lúc nào thế?

– Ở nhà có ai việc gì không chị? Đẻ đâu? Cháu đâu?

– Ở cả nhà chứ đâu!

– Thôi thế tôi mừng. Rõ phúc đức! Chị đi đâu về thế? Tôi sang bè ấy liệu có được không hay chìm?

– Được! Ba người ngồi cũng không sao.

Phú bèn quay lại người lái đò:

– Thôi thế tôi sang bè kia, ông trở ra một mình nhé? Cảm ơn ông nhé!

– Không dám!

Khi bước sang bè chuối với chị rồi, Phú còn đứng nghênh ngang chỉ trỏ cho bác lái đò:

– À này, tôi mách đây này! Trước khi đi ra khỏi làng này, ông cứ trông ngón tay trỏ tôi đây mà cho thuyền đi thẳng, qua hai cái ao rồi đến một vườn cau thì ông hỏi ông Lý trưởng xem ông ta có lên đường cái quan không thì may ra chuyến về của ông cũng có tiền đấy.

Người lái đò cảm ơn và theo lời Phú, cho thuyền tiến về phía có bóng cau.

Tuất không chở vội, đăm đăm hỏi:

– Thế cậu ra sao? Được quan tha đấy à? Thế là yên chuyện chứ? Gớm, nghe ông Lý nói thì sợ quá!

Đẻ có biết không?

– Không, tôi giấu đẻ rồi. Thế được tha hẳn chưa?

– Chưa thì sao lại về được đây mà lại còn phải hỏi!

Phú gắt với chị như vậy chính là vì muốn chị mình được yên tâm. Rồi chàng giật lấy mảnh gỗ. Trong khi cái bè trôi phăng phăng chàng lại hỏi:

– Vay gạo nhà ai thế?

– Nhà ông chánh Mận.

Đến đây, Phú ngừng tay khuấy nước, trợn mắt vì bất bình:

– Lại vay ông chánh Mận!

Nhưng Tuất thản nhiên mà rằng:

– Lúc cùng, biết làm thế nào? Cả làng này vay chứ gì mình mà thôi!

Đến nhà. Cái bè chuối vào sân, lướt đến chỗ mái gianh. Thì ra nhà đã phá một góc mái gianh ra làm cửa. Trông thấy mẹ, Phú reo lên:

– Đẻ ơi đẻ! Con về được đây rồi!

Lúc ấy cụ Cử đương thổi lửa cho nồi khoai sọ kê trên ba hòn gạch ở một cái bếp đất thô. Cụ bưng mặt, nức nở khóc:

– Sao mày không chết ngay ở đê đi có được không!

Chẳng để ý, Phú lại nói:

– Thôi, thấy người nhà còn nguyên vẹn thế này là mừng rồi!

Rồi chàng nhìn vào trong nhà. Cái giường gióng tre, mấy tấm phản buộc liền vào cái hòm chân thành một thứ sàn khá vững chãi. Một con mèo ở một xó. Một lồng gà ở một xó khác. Nước dâng lưng chừng nhà, muốn vào ắt phải cúi khom lưng... Ơ hay! Cái gì thế kia? Thằng cu Hiền. Thằng cu Hiền ôm cột, không, hai tay và hai chân bị trói vào cột, cái đít trên một cái tã!

Phú nhìn Tuất thì cô này vội cắt nghĩa:

– Tôi đi, không trói nó thế thì để không bao giờ luộc xong nồi khoai.

PHẦN THỨ BA

CHƯƠNG I

Dung đương lúi húi dưới bếp làm món canh trứng thì người vú già ở nhà ngoài chạy vào bảo:

– Mời cô ra có cô Yến vào hỏi cô đấy.

– Thế à! Nếu vậy, mời cô ấy ngồi chơi tôi ra ngay đây.

Rồi Dung lẩm bẩm: "Quái thật, cô Yến nào? Quen biết từ bao giờ?" Tuy nhiên, nàng vẫn ngồi rốn sau một cái thớt, một tay thìa, một tay đũa, trộn thịt băm vào trứng, rồi thả thìa ấy vào nồi canh đương sôi...

Người bếp liền giục:

– Thôi, cô ra tiếp khách đi, để đấy tôi...

– Ừ, thế anh hộ tôi vậy.

Nói xong, Dung đứng lên, ra rửa hai tay bằng xà phòng và rửa cả mặt. Nàng còn đương soi gương vào cái gương con lấy ở túi áo ra để sửa sang mấy mảng tóc lòa xòa trên trán thì tiếng guốc khách đã lộp cộp vào đến bếp mất rồi.

– Chị ơi, chị đương bận gì đấy?

Dung ngó ra, cũng mừng rỡ reo lên:

– Ôi! Chị yến! Thích quá!

– Em được tin ông nhà đổi về đây, em hỏi thăm được nhà là em đến ngay!

– Thế cơ à! Mời chị quay ra, lên nhà trên, em cũng sắp đi lên...

Hai người quay ra.

Yến là một người bạn thân, có lẽ thân nhất của Dung, khi hai người ở Hà thành còn là hai nữ sinh bé nhỏ một trường nữ học. Mãi cho đến khi Dung theo cha lên huyện thì hai cô bạn gái mới cách biệt nhau. Chị em đã lâu không gặp mặt, bây giờ Dung lại thấy Yến dung nhan xinh đẹp hơn trước nhiều lắm, nên nàng rất vui sướng.

Nàng hỏi:

– Chị làm thế nào mà biết nhà em ở đây?

Yến cười, hỏi lại:

– Đố chị biết em làm thế nào đấy!

Một lát, Yến tiếp:

– Cái nhà này cũng rộng rãi, ngăn nắp đấy! Mỗi tháng bao nhiêu tiền, hở chị Dung?

– À, cậu em thuê đâu như mỗi tháng 25 đồng.

– Chị ở phố này là rất phải, chọn chỗ ở khéo quá! Thế bà đâu? Bà có ở nhà không thì chị cho em vào chào nào...

– Thôi, chị ạ, mẹ em mệt, hiện ngủ, chị để cho đến lần sau...

Dung đứng lên rót nước mời bạn. Nàng thấy Yến khen là khéo chọn chỗ ở thì rất lấy làm bằng lòng. Ấy là vì chính Dung đã chọn cái nhà này, ở phố này, khi nàng cùng mẹ về Hà Nội. Xưa kia, cả cái thuở bé của Dung cũng đã qua đi ở Hà thành, song lại ở vào những phố nhiều mặt trời, và bụi cũng nhiều, suốt ngày đêm các thứ xe cộ với các hàng quà bánh gây ra một thứ huyên náo khó chịu, nếu không thỉnh thoảng lại có một tai nạn chết người hoặc què người nó làm cho tri giác của ta cũng bị thương.

Lần này, Dung đã khéo chọn được phố Phạm Phú Thứ. Một phố toàn những nhà tây cao hai ba từng đứng lừng lững và đồ sộ trong cái bầu không khí êm đềm một cách trưởng giả. Xe cộ ít qua lại, trẻ con có thể bình tĩnh nô đùa hai bên hè, nghĩa là thỉnh thoảng chạy xuống đường. Tối đến, khi những bóng điện trong các nhà có ánh sáng, khách đi đường chỉ nhìn thấy những tủ gương, tủ chè khảm, xa lông tây, tàu, giường Hồng Kông v.v... Đó, đây, những phụ nữ, quần áo trắng, tóc đen thả dài sau lưng, đứng ở bao lơn hoặc ngồi ghếch chân trên một ghế mây để ở vệ hè. Một phố trưởng giả, không có lấy một gia đình cùng dân, vì hầu hết là viên chức Nhà nước.

Những đồ đạc đã chở từ huyện về đây và nhà cửa đã dọn xong hai hôm rồi, ông Huyện mới về ở. Ông cho người nhà và đồ đạc đi trước, vì còn phải ở lại bàn giao công việc cho viên Tri huyện đến thay chân ông. Quả như lời đồn của bạn đồng nghiệp với ông, quả đúng như những tin tức của bạn thân ông, để vỡ đê, ông đã bị một hội đồng kỷ luật huyền chức tri huyện trong một năm, về làm bàn giấy ở phủ Thống sứ thật! Và ông Tuần phủ tỉnh ông, chỉ vì quãng đê vỡ của ông, cũng bị giáng một trật và phải đổi đi một tỉnh nhỏ hơn.

Thế là, từ một bậc "phụ mẫu chi dân", phụ thân của Dung lại quay về với cái đời cạo giấy thuở trước. Bởi vậy, ông rất thích cái phố trong đó con ông tìm được nhà. Mấy ngày đầu, âm nhạc của máy hát hoặc máy vô tuyến điện của lân bang lại nhắc cho ông cuộc sinh hoạt của kinh đô nó không làm tê liệt trí thức của con người như cái không khí buồn tẻ của những đêm ở huyện. Thế rồi thì... mỗi ngày bốn lượt, sớm vác ô đi tối vác ô về, ông chỉ còn chờ tậu một cái xe nhà để chịu dựng cái bước rủi của hoạn đồ trong một năm.

– Chị ơi! Bây giờ chị lại ở Hà Nội thế này thì em lại chơi với chị luôn luôn cũng như chị đến chơi với em luôn luôn.

– À, điều ấy thì việc gì phải dặn nữa!

– Em ở phố Hàng Cót chị ạ. Gần lắm.

– À này chị Yến, thế làm sao chị biết cậu em phải đổi về?

– Em xem nhật báo, thấy tin, rồi em hỏi thăm bà Cửu Tân.

Nói đến đây, Yến lấy ở một tập năm sáu tờ tuần báo ra một tờ nhật trình. Dung mở rộng tờ báo... được bạn chỉ ngay cho cái cột có đăng tin bị huyền chức. Nàng đọc xong, thở dài một cái, y như là buồn rầu, mặc lòng quả thật lúc ấy Dung không còn buồn rầu tí nào.

Không muốn phải nói chuyện đến việc bố bị huyền chức, Dung làm ra vẻ ham đọc báo, và sốt sắng tìm tòi trên mặt giấy những tin đáng đọc. Chợt mắt nàng nhìn đến mấy dòng chữ nó khiến nàng thấy hồi hộp trái tim. Cũng vẫn ở cái tin tức về thủy tai, về tin tức nước lên xuống, và các tin tức về cứu tế, hàn khẩu v.v... thấy có những dòng chữ nét đậm như thế này: Quanh vụ bắt bớ ở huyện T.H.V. Phú đã được tha bổng.

Vô tình, Yến định giằng lấy tờ báo nói:

– Thôi đừng xem báo nữa, để thời gian nói chuyện chứ chị!

Dung giơ tay ngăn tay bạn mà rằng:

– Hãy để cho em xem cái này một lát thôi.

Nàng đọc.

Đọc xong, nàng bàng hoàng cả người không biết rằng mình lúc ấy có đương ngủ mê hay không... Thật là quá sức tưởng tượng! Nhưng không, quả tờ nhật báo đăng cái tin ấy với luận điệu mới mẻ, khác trước nhiều, nhiều lắm. Dung đọc lại lần nữa:

– "Hôm vừa rồi..., viên tri huyện T. đã tha bổng cho H.V. Phú, một thiếu niên bị nghi là đứng cầm đầu cho hai trăm dân phu biểu tình ở quãng đê v.v... mà bản báo đã có đăng tin ngay từ khi việc mới xảy ra. Tại sao H.V. Phú lại được tha như thế? Nguyên do sau khi mở cuộc điều tra thì ông huyện T. đã thấy rõ rằng khác với lời trình báo của lính tráng và lý dịch, H.V. Phú không hề xui phu biểu tình, cũng không hề xui phu đình công. Cũng như phần nhiều người có chút học thức, chẳng hề chịu nổi những sự tàn nhẫn của bọn cai lục lộ và tuần tráng, Phú đã bảo những phu phen ấy phải đồng tâm nhau, khi quan huyện đi thăm đê thì kêu với quan huyện xem lý dịch có bóc lột họ bằng cách trẩm số tiền công mà Nhà nước đã hứa là trả cho họ. Ấy đầu đuôi chỉ có thế, mà sở dĩ H.V.. Phú bị bắt chỉ là sự phòng xa của nhà chức trách trong việc trị an. Vả lại từ khi bên Pháp có Chính phủ Bình dân thì bên này, Chính phủ Thuộc địa cũng bắt đầu quan tâm đến dân lao động.

"Vả lại xét ra thì mấy tháng nay, bao nhiêu cuộc đình công đã xảy ra, vậy mà Chính phủ Bảo hộ cũng như Chính phủ Nam triều, đều không đem pháp luật ra thẳng tay trừng trị – vì hiện ở nước ta, chưa ai có quyền đình công mà đình công là phạm luật – thì đủ hiểu rằng pháp luật cũng phải theo cái lịch trình tiến hóa của người dân mà nhượng bộ rồi. Tha bổng cho H.V. Phú tức là biết kể đến sự tiến hóa của dân, và đồng thời cũng là hành động theo cái tôn chỉ của Chính phủ Bình dân. Bản báo công nhận cử chỉ của viên tri huyện T. là hợp thời. Quan tân, chế độ tân. Phải chi bị vào một vị "phụ mẫu" cổ hủ, không thức thời, thì H.V. Phú đã bị tù tội, và như vậy là phải, vì giữa cái tình thế chưa rõ trắng đen này thì pháp luật xử này thế nào cũng là phải cả".

Đọc xong một lần thứ nhì, Dung gập tờ báo, lặng lẽ trao trả lại Yến. Nàng nghĩ mà mừng thầm cho người thiếu niên mà nàng đã cứu, mà có lẽ từ nay trở đi thì nàng không quên tên nữa, là: H.V. Phú. Dung tự hỏi: "H... là Hoàng mà V là Văn, nghĩa là Hoàng Văn Phú chăng?" Rồi Dung nghĩ mà oán giận bố mẹ.

Ừ, việc ấy là như thế, thì nào Dung có làm gì nên tội hay không? ông Huyện chẳng phải vì Dung mà bị huyền chức. Vẫn hay Dung đã làm một việc táo tợn, một việc phạm pháp luật, một việc có thể nguy hiểm cho bố Dung và cho Dung. Nhưng việc ấy chẳng hợp nhân đạo là gì? Và nếu thế, lại theo như ý kiến của bài báo (mà Dung chắc lại

do chính tay bố mình thảo ra) thì Dung há chẳng lại cứu chữa một việc vô nhân đạo mà bố nàng vì chức nghiệp, đã phạm phải đó hay sao? Nàng thấy bố mình có nhiều giọng lưỡi, và nhiều giọng lưỡi cả với con gái thì là sự không nên?

Ông Huyện đã sỉ vả Dung một bữa kịch liệt. Bà Huyện đã gọi Dung là "đứa con giết bố". Bà nhắc đi nhắc lại câu nói đó luôn luôn, bất cứ vào trường hợp nào. Và, cũng từ bữa ấy trở đi, bà luôn luôn mắng mỏ cô con, tưởng chừng con bà là hỏng, là không còn phương gì cứu chữa nổi nữa, nghĩa là đồ bỏ đi vậy. Trước bà nuông chiều yêu quý Dung bao nhiêu thì bây giờ bà hành hạ căm giận nàng bấy nhiêu. Bà làm như chính chỉ tại có một cử chỉ lãng mạn của Dung mà ông Huyện phải bị Nhà nước huyền chức vậy.

Ít lâu nay Dung đã là đứa con không hiếu cũng như mẹ Dung là một bà mẹ không từ. Một bầu không khí khó thở giữa hai người thân yêu với nhau nhất đời mà xử sự như là tử thù của nhau.

Ông Huyện thế mà dễ dãi. Vì ông hiểu, ông không là bà Huyện,vì ông là đàn ông, xong việc thì thôi, không biết nói dai. Đáng lẽ buồn rầu vì con hư thì ông để tâm buồn rầu về những cái nhơ nhớp của hoạn trường. Đối với đứa con có tội – tội nặng, rất nặng, Dung biết thế lắm – Ông vẫn có lòng thương, mặc lòng ông chẳng còn nuông quá như xưa.

Dung oán giận mẹ, hối hận với bố. Nàng âm thầm đau xót, biết rằng từ đây mà đi, cái địa vị mình không còn được như xưa. Mẹ nàng chỉ còn nghĩ cách làm thế nào cho mau chóng tống nàng đi lấy chồng. Còn ở nhà ngày nào, Dung chỉ làm cho mẹ khó chịu ngày ấy. Đứa con giết bố! Rõ thật đau xót!

Thấy Dung có những nét buồn, Yến hỏi:

– Dạo này hẳn chị có điều gì suy nghĩ lung lắm, có phải không?

Dung gượng cười, lắc đầu:

– Không! Có gì đâu!

– À này, chị biết chưa? Hai tuần lễ nữa có chợ phiên... Ngày hội sinh viên cao đẳng, vui lắm. Chị sửa soạn đi nhé? Sửa soạn đi để làm hoa khôi... Thế nào hôm ấy em cũng phải đến lôi chị đi dự! Chị ạ, ở Hà thành chợ phiên không buồn tẻ như chợ phiên các tỉnh đâu? Còn nhớ ngày năm ngoái... úi chao ôi! Cũng ngày hội sinh viên cao đẳng...

Đến đây, Yến nghiêng đầu nghẹo cổ, lim dim hai con mắt, say sưa nói một cách văn vẻ bằng những giọng tiểu thuyết:

– Chị ạ, đó là những ngày vui vẻ trẻ trung mà không bao giờ em quên trong suốt cả một đời em, vì em thấy đời là đầy thú sống, đầy ánh sáng và hy vọng, và người đời không một ai đau khổ cả. Những ngày như thế chính là những ngày đầy thi vị nó khiến ta quên chết.

Yến đương nói đến đây bỗng có một giọng lanh lảnh cất cao sau lưng cô:

– Thế nào, cô xong mâm cơm cho bố chưa thế, hử cô?

Yến giật mình đứng lên quay lại. Đó là bà Huyện. Mặt bà hầm hầm, không phải vì mới ngủ dậy nhưng vì căm giận cô chiêu. Yến chào thì bà đáp gọn một câu sắc như một lưỡi dao:

– Không dám!

Thấy giọng lạnh lùng, Yến hơi ngạc nhiên về tính nết bà mẹ Dung mà Yến biết xưa kia không thế, Yến bẽn lẽn xin cáo lui.

Khi tiễn bạn đến bậu cửa, vô tình Dung thở dài. Nàng tìm một câu để nói dối:

– Đấy, chị xem, có phải mẹ em thay đổi khác trước nhiều lắm không? Mẹ em chỉ vì đồng bóng mà thế. Buồn lắm, chị ạ!

CHƯƠNG II

Gay gắt, mặt trời, trước khi lặn, chiếu một thứ ánh sáng vàng đỏ như thu cả cảnh vật vào trong khu vực một đám cháy dữ dội. Nước phù sa đỏ ngầu lại chiếu hắt ánh sáng gay gắt ấy lên không gian. Giữa lúc nắng xiên khoai khó chịu. Phú thấy trên đầu, dưới chân, sau lưng, chỗ nào cũng có mặt trời. Thật vậy, mặt trời ở trên, ở dưới, ở tả, ở hữu, ở cả chung quanh mình Phú, ở khắp tứ phía!

Chàng bèn khoanh tay trên đầu gối, kề đầu vào một cành ổi, nhắm mắt lại để thở. Cụ Cử cũng nói với ra xa:

– Thôi hãy nghỉ tay một lát đã, con ạ.

Phú nhắm mắt được một lúc bỗng lại choàng mở mắt. Chàng lẩm bẩm: "Chết! Tối đến nơi rồi, mình không cố không xong". Rồi chàng nhìn xuống nước.

Một vài con niềng niễng bay tung tăng, đậu vào một vài cái lá ổi rồi lại bay xuống nước, đảo đi đảo lại mấy vòng rồi chìm lỉm. Những con vẽ bùa – những chấm đen tròn – trên mặt nước, phô ra cái quang cảnh tưng bừng của một cuộc khiêu vũ cuồng khấu và vô ý thức. Xa xa, trong làn nước đỏ đục lờ có mấy cái cành cây mục, mấy lá tre khô, một vài con đỉa lẳng lặng ngoi lên ngóng mồi rồi lại từ tốn nấp dưới một cây tre thả dài có vẻ như chỉ chờ Phú có việc gì phải thả chân xuống nước là kéo ùa nhau đến, sẵn lòng... Phú cau mày lại, kinh tởm, nhổ một bãi nước bọt xuống nước, và tình cờ, đã đuổi đàn vẽ bùa ra một nơi xa.

Chàng bực mình với làn nước đã làm cho bao nhiêu người khổ sở, để cho những loài vật gớm ghiếc như thế sống sung sướng ở những chỗ chẳng phải của chúng. Làn nước, làn nước khốc hại đã phá bao nhiêu hoa mầu của bao nhiêu ruộng đất phì nhiêu để cho hàng mấy vạn người đói khổ và một ít người ở chỗ khác, nhân cơ hội, trở nên sung sướng. Ngẫu nhiên và dĩ nhiên, Phú nghĩ đến cái quyền thế thiêng liêng an bài ra những cái họa phúc ấy: Trời. Chàng nghĩ đến số phận hẩm hiu của đồng bào, rồi nghĩ đến những tai họa kế tiếp dồn dập nhau đến hành hạ người dân quê lầm than: sưu thuế, mất mùa, hạn hán, lụt, bão, xổ số, bã rượu lậu, bao nhiêu là cái nó làm cho cả một dân tộc phải chịu triền miên trong sự suy vong, trong sự đốn mạt, và thẳng tiến đến cái diệt chủng. Phú thấy rằng nếu có Trời thì ông Trời ấy kỳ quặc lắm, ở chỗ như có thâm thù gì riêng với người Việt Nam. Cái óc không tín ngưỡng của một thiếu niên vô đạo như Phú bị kích thích mạnh. Chàng lẩm bẩm như một kẻ phàm phu và vô học: "Thôi, tiên sư cả trời!..."

Cách đấy năm bảy chục bước, cụ Cử bỗng giật nẩy mình. Cụ thấy hình như bên tai cụ vừa có tiếng vang của một lời càn rỡ. Cụ ngơ ngác nhìn về phía cây ổi, hỏi:

– Hả? Mày vừa nói gì thế, con?

Phú vội vàng chối cãi:

– Con bực mình vì hỏng mất cái này rồi!

– Hỏng mất cái gì.

Phú đứng lên, mó đến cái áo cánh phơi ở một cành ổi khác từ lúc giữa trưa mà rằng:

– Rách toạc mất cả một bên vai áo!

Cái áo chưa khô hẳn, Phú khoanh tay xoa lưng, xoa ngực, và hơi vui vui trong lòng khi thấy rằng hình như ít lâu nay ngực chàng đã nở thêm ra. Bắp thịt ở cánh tay cũng to và rắn hơn cũ. Phú lại thấy đủ sốt sắng để nối đoạn dây thừng, dòng qua mấy cành ổi để cuối cùng thì buộc nó vào giữa thân cây. Thế là xong việc, vì chưa nghĩ ra việc khác.

Cả ngày hôm nay, từ sáng sớm, Phú đã làm được mấy việc cần kíp. Nào là chặt tre, đóng thành gióng, kê giường phản lên trên, cột cả lại thành một mảng chắc chắn như một cái bè thả lưng chừng nhà. Rồi lấy thừng buộc bốn cột nhà vào cây cau, cây mít, bụi tre, cây ổi, ở bốn phía, phòng cho gian nhà mảnh dẻ khỏi bị sóng gió đánh trôi đi. Theo kiểu ông chánh Mận, Phú đã hoàn thành được chỗ ở kín đáo, vững chãi, cái việc mà mẹ và chị chàng không làm được từ trước. Phú lại vớt được cả cái giại tre ở dưới đất lên, kê nó vào chỗ mái gianh hổng để thay làm một cái phên, phòng mưa. Chàng lại mò được cả một mảnh vại vỡ để cho mẹ có thể dùng nó ngay trên phản làm một thứ bếp, không phải như trước dùng cái bếp đất thó để trên hai cành tre bên ngoài mái gianh. Đó là "chỗ ở" của cụ Cử, cô Tuất, và thằng cu Hiền. Biết rằng không thể sống đụng chạm với người chị còn trẻ tuổi dưới một cái mái gianh mà khi ra vào người ta phải gập gẫy lưng xuống khó chịu như chui vào tổ tò vò, Phú đã dỡ một bên mái bếp ra, lấy những tàu lá gồi phủ ngang dọc lên mấy cành ổi. Dưới cái mái giản dị ấy, Phú buộc một cái võng, mò được ở bếp lên... Cái võng xưa kia mắc ở một bên bếp nên khi dỡ mái bếp xong, Phú chỉ việc cho hai chân xuống nước, dìm người chìm đến ngực, rồi lấy ngón chân là đủ kều lên được. Như vậy, Phú cũng có một "chỗ ở" riêng. Cây ổi ở sau bếp cách gian nhà chừng bốn thước. Hai cây tre là một "cái cầu" cho Phú đi về. Một cây bắc từ một cành ổi, sát với mặt nước để giẫm lên mà đi, còn cây nữa thì bắc cao hơn, để vịn tay. Ấy chỉ vì cái cầu ấy, vì mực nước có khi tràn lên ngập cầu, mà Phú thấy rằng đỉa là một giống đáng ác cảm.

Làm lụng và xếp đặt như vậy xong, Phú mới ngạc nhiên rằng sao mình lại có thể làm được những việc như thế. Chàng hiểu câu cách ngôn "Le besoin rend ingénieux" và câu "Đói thì đầu gối phải bò". Chàng nghĩ đến chuyện Robinson đã đọc mấy năm trước. Tuy vậy, chàng vẫn thấy ngứa cả đầu, không biết thu xếp cho con mèo và lồng gà mẹ gà con như thế nào cho ổn thỏa.

– Mày xong chưa thế, con?

– Dạ, con xong rồi.

– Để con nghỉ lát nữa đã, đẻ ạ.

Phú trèo qua một cành cây, bước qua một cành cây nữa, rồi nằm vào võng. Chàng nhìn cái mái lá gồi trên mặt, yên tâm, vì ngay lúc ấy, một cơn gió to thổi ào ào mà những tàu lá vẫn ở nguyên khớp lạt chứ không suy chuyển gì. Chàng thấy tuy vậy mà cảnh đời lụt lội cũng có những cái thi vị của nó. Chàng khẽ đẩy chân vào một cành cây để đưa võng. Rồi nhìn sang tả, rồi quay về hữu. Lúc ấy, một đám mây to đã che khuất hẳn mặt trời, làm cho giữa không gian có một cái "lưỡi chai". Nhà cửa, cây cối, cảnh vật bị nước ngập chôn mất một nửa, thì lại được tấm gương trên mặt nước nhân lên với con số hai. Và những con ếch nhái cất tiếng chào ban đêm đã kêu inh ỏi để phá tan cái im lặng có gió thổi hây hây của buổi chiều. Mải trông cái cảnh trời nước mênh mông như thế, người ta phải lo lắng nghĩ về ngày hôm sau, và thấy trong lòng phân vân, ngao ngán hết sức.

– Phú ơi, tao bắc cơm rồi đây.

– Thôi, chật chội thế, đẻ và chị cứ ăn trước đi. Tôi sẽ ăn sau cùng.

Đáp xong, Phú nghển cổ lên, nhìn về phía mẹ. Vừa lúc ấy thấy cô Tuất thấp thoáng trong cái tối mờ của mái gianh, chàng lại hỏi:

– Cháu nó vẫn ngủ à, chị?

– Nó vẫn ngủ.

– Thôi thế chị ăn mau lên không nó dậy nó lại quấy.

– Cậu cũng ra ăn đi cho xong có được không? Tối rồi, còn gì!

– Ừ nào, thì ăn đi cho xong!

Nói đoạn, Phú bỏ cái võng. Chàng ngồi lên rồi vội quờ tay bám lấy một cành ổi vì lảo đảo suýt ngã: Phú quên khuấy là võng treo trên mặt nước. Chàng nghĩ thầm: "Thế này mà giữa lúc ban đêm choàng dậy, còn ngủ mê mà nhảy ùm xuống nước thì chí nguy". Nhân cái sợ ấy, Phú lại nghĩ đến đàn đỉa. Chàng trông trước nhìn sau, bẻ một thanh nứa dài, nghiêng mình cúi xuống mặt nước, cầm thanh nứa khuấy nước bì bõm.

Tức thì tất cả những con đỉa nấp dưới "cầu tre" chạy đến chỗ ấy. Phú đếm nhẩm, thấy ít ra cũng trên một chục con. Chàng rùng mình, vội vàng leo ra mái bếp xuống cầu, vịn thành, chạy ba bước.

Bữa cơm có một nồi cơm thổi lẫn với khoai sọ. Cái nồi ấy mà đầy thì may ra được chín bát đúng. Nhưng nó lại không đầy. Cụ Cử vừa xới cơm ra bát vừa mắng con gái:

– Bảo vay một nửa gạo một nửa khoai thì lại đi vay cả rá gạo!

– Người ta không có khoai thì để bảo vay vào đâu?

Phú cười:

– Cứ phải vay mãi ông chánh Mận thì khổ thật.

Câu nói ấy của Phú làm cho mẹ và chị im lặng. Hồi lâu, cô Tuất nói:

– Biết làm thế nào?

Cụ Cử chép miệng, nói lảng:

– Ấy cơm nước mà được nồi cơm khoai sọ thế này đã là phúc đấy.

Cô Tuất thuật chuyện:

– Ông cụ bô Điềm nhịn đói đến bữa hôm nay đã là ba bữa rồi!

Chợt nghĩ đến ông cụ già tám mươi tuổi ấy, Phú trừng mắt nhìn Tuất rồi, ngậm ngùi hỏi:

– Thế à, sao chị biết?

– Thấy bà đám Hương nói chuyện.

– Rõ tội nghiệp nhỉ! Thế lão trưởng đi đê từ độ ấy vẫn chưa về à?

– Nào đã về!

Đến đây, Phú thấy nghẹn ngào, miếng khoai sọ như không nuốt trôi được. Vì ông bô Điềm là một ông già tóc bạc phơ hiền lành, xưa kia lại hết sức có cảm tình với Phú. Chàng lấy làm lạ sao trước một cái tin thương tâm như thế, cụ Cử vẫn cứ ăn uống ngon lành như thường... Cả cô Tuất, người báo tin ấy, cũng vẫn giữ được nét mặt thản nhiên, và xem ý ăn cơm vẫn ngon. Phú kết luận: bị giam trong cảnh đói khát, tâm thuật người ta phải trở nên bần tiện, thiếu tính tình tốt đẹp. Muốn khỏi phải giữ cảm giác nặng nề ấy, Phú nhìn đến thằng cháu rồi hỏi chị:

– Độ này cháu còn hay bú nhiều không?

Cô Tuất vừa lùng bùng miếng cơm trong mồm vừa đáp:

– Quấy, đòi bú suốt ngày. Cơm những khoai thế này khó bón cho nó lắm.

– Thôi thế thì chị cứ ăn rõ no cho nó bú còn hơn, chị ạ!

Phú nói thế xong mới nhớ rằng nhà vừa phải đi vay gạo. Vừa gặp lúc hết bát cơm thứ nhất, chàng bèn để bát xuống cái mâm gỗ.

– Thôi, tôi nhường cho cháu...

Nhưng cụ Cử vội chìa tay ra đòi lấy cái bát mà rằng:

– Đưa đây! Ăn bát nữa! Mày đã làm lụng vất vả cả ngày thì phải ăn cho đủ! Cái nhường là để tao! Tao già cả ngồi một chỗ, sống vô ích, sống báo hại con cái, cũng chả nên ăn nhiều mà làm gì.

– Thôi, tôi đã bảo tôi không ăn là tôi không ăn nữa.

– Đưa bát đây! Nồi cơm có chừng sáu bát, thì chị mày nó có con, nó còn phải cho con nó bú, thì để nó ăn ba bát, mày thì ăn hai, còn tao là ăn một thôi.

Thấy mẹ nói đến con số những bát cơm là một sự bần tiện, Phú đứng lên gắt:

– Thôi tôi đã nói thế mà! Sao mà bà nói nhiều thế!

Cô Tuất cũng nói để lời gắt của Phú được nhẹ tội:

– Thì để cứ xới hai bát như mọi khi có được không?

Biết mình có lỗi, Phú nghĩ ra một cách nói lảng. Lần thứ nhì, chàng lại đem việc thằng cu Hiền bị trói bằng thắt lưng lụa vào cột ra trách chị mình là nhẫn tâm. Rồi chàng chợt đập tay xuống phản, làm bộ mừng rỡ:

– À, để tôi mò cái chạn bát lên mới được! Liệu có còn không hở chị? Hay trôi đi mất rồi? Cái chạn bát ấy, ta rút những thanh tre trên nóc ra, ta để lên phản, rồi đặt cháu nó ngồi vào...

Cô Tuất cũng gật đầu biểu đồng tình:

– Phải đấy, cậu thử mò xem. Nếu còn thì phòng khi đi đâu, không phải trói cháu vào cột nữa.

Cụ Cử phê bình câu chuyện:

– Rõ thảm hại! Tội nghiệp cho cháu tôi!...

Tuy vậy, cụ vẫn nhớ là không ăn bát thứ hai nữa, vẫn có ý nhường cho Phú, thấy vậy, Phú biết rằng không còn nên ngồi đấy nữa. Chàng ngửa cổ, rót nước vối ở một cái ấm đất vào mồm, xong rồi lại qua cái "cầu tre" mà về cái võng của mình.

Cảnh hoàng hôn đã tắt hẳn. Màn đêm đã rủ xuống mặt đất. Một ít tinh tú đã bắt đầu đâm thủng cái xám xịt của không gian để soi

lấp lánh một ít chấm sáng yếu ớt. Một con cú kêu lên mấy tiếng nghe mà ghê sợ, trên một cây cao ở đầu làng.

Cái vẻ ảo não thê lương của tiếng cú kêu khiến Phú thấy rùng mình một cách vô căn cứ. Thốt nhiên chàng cũng để trí phán đoán chìm đắm vào dị đoan. Chàng nghĩ đến câu "Cú kêu cho ma ăn". Chàng thấy, đó hình như là một điềm xấu cho ông cụ già đã tám mươi tuổi mà phải nhịn đói đã ba bữa, cụ bô Điềm. Giá trời chưa tối thì thế nào Phú cũng mượn đò sang thăm ông lão...

Lan man, Phú nghĩ đến nhiều cảnh khổ mà nạn vỡ đê đã gây ra. Chàng muốn kết án sở lục lộ, những tay thầu khoán vô lương tâm đắp đê bằng cát, sự săn sóc đê điều của quan trường trong đó người ta đã để cái lợi về tre về phu trên cái lòng lo phận sự và thương xót nông dân...

Phú nghĩ đến mai kia, rá gạo mà hết...

Chàng lẩm bẩm tự hỏi: "Sống? Làm thế nào để sống? Ừ, làm thế nào cho sống nổi bốn cái miệng?".

Sau cùng thì chàng thở dài nghĩ đến cái bất trắc của số phận, lo lắng không biết người ta có để yên cho mình sống khổ sở trên mặt nước tìm cách nuôi gia đình hay không?

Phú vẫn thỉnh thoảng lại giật mình về tội vượt ngục.

CHƯƠNG III

Mười giờ sáng hôm ấy, lúc hai trăm chính trị phạm, do một toán lính khố xanh đi kèm, đáp tàu từ Côn Đảo về Hải Phòng, đáp hỏa xa từ Cảng về Hà Nội, xuống mấy bực đá thềm nhà ga phố Hàng Cỏ, thì có ba chiếc xe hơi kiểu cam nhông của sở Liêm phóng đã sẵn sàng đợi họ.

Ngót hai chục tay thợ ảnh và phóng viên các báo xông đến trước mặt họ nhưng phần nhiều bị những viên mật thám Tây và ta xua đuổi đi ngay. Những chính trị phạm bị người ta vội vàng dồn lên ba chiếc xe hơi. Trong nháy mắt, hai trăm con người đã bị lèn chặt, gọn thon lỏn trong ba chiếc xe khổng lồ ghê gớm ấy, đó là chưa kể số lính đi giải họ. Tiếng động cơ ba chiếc xe hơi nổ ầm ầm, rồi ba chiếc xe cùng thẳng tiến về phố Hàng Cỏ, để lại công chúng đứng nhìn một ít khói xém khét lẹt của ét xăng.

Trong đám công chúng tề tựu tại trước nhà ga lúc ấy, không phải chỉ có toàn một hạng người nhàn du, tình cờ gặp cái đáng xem thì dừng chân tại đó. Ngoài số nhà báo và thợ ảnh, lại có cũng ngót hai trăm người, những thân bằng cố hữu của chính trị phạm định đến đón những người sống sót ấy tại cửa ga. Phần nhiều đều không hiểu rằng trước khi được trao trả cho tự do, những tay cách mệnh kia còn phải đến sở Căn cước để nhà chuyên trách có thể xét lại một lần nữa và, cũng một lần nữa, được yên trí là chẳng thả nhầm tù. Họ đi đón như đón người thường vậy.

Cho nên khi thấy hai trăm người kia lại bị dồn vào xe hơi giữa vòng vây của lính, cảnh binh, mật thám, thì những người đi đón ấy bàn tán xôn xao, ngơ ngác nhìn lẫn nhau lấy thế làm lạ lùng. Nhưng một viên cẩm sở Liêm phóng, trước khi lên một chiếc xe hơi nhỏ, đã nói với họ mấy câu: "Các ngươi không lo! Những tù nhân này phải giải về sở Căn cước để xét căn cước xong thì được thả ngay". Thế rồi chiếc xe hơi nhỏ ấy cũng mở máy chạy nốt.

Như một đám đông có tổ chức trong đó ai cũng nghe theo một hiệu lệnh, tất cả ngần ấy người đều cùng nhau kéo về phố Hàng Cỏ, chia nhau ra, tản mát, thành những tốp nhỏ, họp ở giữa cái phố nối tòa án với Công an cục. Đó là người bố, người mẹ, người vợ, người con, người bạn thân, của những chính trị phạm kia. Về hàng bố thì có từ ông già quắc thước, đôi kính trắng trên cái xe nhà sơn đồi mồi cho đến ông già áo lương trắng, khăn nhiễu tam giang, chân giẫm đất một cái quạt gài vào thắt lưng... Về hàng mẹ thì có từ bà cụ tai và cổ tay nặng trĩu những vàng, hai tay chắp sau lưng, mồm phì phào mồi thuốc sâu kèn, lông mày nhíu lại, điềm nhiên, mắt nhìn nghiêng mà nghe người khác nói chuyện, cũng như có những bà già nhà quê, cử chỉ nhút nhát, cái gì cũng hỏi và bạ ai cũng hỏi, quần áo luộm thuộm, hay đặt ngửa cái nón xuống đất để ngồi vào... Những người vợ, những người nhân tình, những bạn hữu, giai và gái, của những chính trị phạm kia, hỗn hợp thành một quang cảnh lạ mắt: những cái mặt không phấn sáp, những cái áo the thâm nhũn nhặn trong đám những cái môi hình quả tim, những cái mắt có quầng đen, những cái áo dài lùng thùng màu sặc sỡ; người đàn bà nhí nhảnh vừa đứng đánh phấn dưới gốc cây vừa cười, đi đón người chồng tù bằng cái vui vẻ chợ phiên, với người đàn bà trầm ngâm có đứa con ở nách và đứa nữa ở sau lưng: những ông nho nhã trong quốc phục hủ lậu, đi

đón bạn cũ mà vẫn giật mình thon thót vì sợ có thám tử biên tên vào "sổ đen", với những tay làm báo hùng hổ, liều lĩnh, bặng nhặng chạy đi chạy lại và nói to những lời táo tợn như đã định ra đi với cái chủ tâm khiêu khích... Cả cái đám đông hỗn tạp có đủ các hạng người ấy tỏ ra rằng số chính trị phạm kia, quốc gia và quốc tế, là người của đủ các giai cấp bình dân và quý phái, vô sản và phú hào.

Nhưng hiện giờ thì họ ăn mặc như nhau, hoặc gần như nhau. Nghĩa là người nào cũng chân giẫm đất, một cái mũ vô nghĩa lý như một miếng da nát trên đầu, cái quần và cái áo thì không ra màu nâu, không ra màu gio, cũng chẳng ra màu đen, thứ y phục đặc biệt của Côn Đảo, với cái đầu trọc lốc, cái quai hàm tua tủa những râu và ria, những nét mặt hóa ra ghê tởm, hung bạo, gớm ghiếc. Trông thấy những người mà một chế độ lao tù đáng khiếp đảm đã làm cho thần thái có cái vẻ của những quân kẻ cướp, sát nhân, người ta không dám tin rằng đó là những tấm linh hồn đã đau khổ vì tư tưởng quốc gia, xã hội, và ngay chính những thân nhân của chính trị phạm nữa cũng không biết rằng có phải đây là những người của ngày xưa hay không! Từ thềm nhà ga bị dồn lên xe, lại từ xe bị khua vào sân sở Liêm phóng, những chính trị phạm đã gieo vào đầu óc thân bằng cố hữu của họ một mối cảm giác không được tốt đẹp cho lắm. Người ta đã bố trí làm cho một bọn cách mệnh phải có cái bề ngoài của bọn trộm cắp thường. Bọn phu xe, những hàng rong, bọn trẻ con, khi trông thấy, đã bảo nhau: "Ô! ô! Giải tù! Giải tù ở đâu về! Mà lại là khách, chúng mày ạ!".

Độ một giờ sau, vài ba chục chính trị phạm đã từ sở Căn cước thong dong đi ra. Từ lúc ấy trở đi, họ mới được tự do thật sự. Ấy thế là trước vườn hoa cửa tòa án, người ta xúm nhau từng đám một để tay bắt mặt mừng, hỏi thăm nhau. Sự hồi hộp của bao nhiêu quả tim, cái mừng đến ứa nước mắt, bao nhiêu tình cảm vẫn phải giữ ép bấy nay trong lòng của những người đã tưởng không bao giờ gặp mặt nhau nữa, cái cảnh gia đình tan nát được cứu chữa lại, ngần ấy thứ có thể làm cho những viên thám tử lẫn vào đám ấy để nghe ngóng cũng phải cảm động, thấy nao nao cõi lòng.

Khi số được ra đã trên một trăm rồi, anh em hẹn nhau rồi dần dần các toán, người nào về với thân nhân người ấy. Bọn chính trị phạm vì quốc tế thì cùng với một số nhà báo ta khuyên về họp mặt nhau ở báo quán Lao động là một cơ quan ngôn luận mới ra đời được ít lâu, khuynh hướng về chủ nghĩa xã hội. Vườn hoa tòa án trước tấp

nập, từ đây vắng dần. Chỉ còn dăm bảy người đi đón vẫn đứng ngóng về sở Liêm phóng ra ý chờ đợi.

Người chính trị phạm được thả ra cuối cùng là giáo Minh.

Khi đến sân tòa án, Minh cũng hơi ngạc nhiên vì không thấy Phú đi đón. Trước khi xuống tàu về nước, chàng đã có gửi về nhà một lá thư. Dọc đường, anh em đồng chí đều biết tin nước lụt ở Bắc Kỳ, duy có chàng vì sốt rét, lúc nào cũng mê man trong chăn nên không biết.

Chẳng kịp để ý đến lời dặn bảo hấp tấp của mấy anh em cũng ra muộn như chàng nên vội vàng thuê xe về ngay tòa báo Lao động, Minh đứng ngơ ngác dạo quanh mấy bước, sợ rằng Phú lúc ấy chẳng hiểu có đứng lẫn vào đám người đi xem xử kiện và hầu kiện đó không... Thì một ông già, một người đàn ông đứng tuổi và một người đàn bà, cả ba cùng là nhà quê, chạy lại cùng hỏi chàng rằng "trong ấy" còn bao nhiêu chính trị phạm chưa được tha. Minh lắc đầu, đáp chung:

– Tôi ra sau cùng đây! Trong ấy không còn người nào cả!

Cả ba người chớp mắt sợ hãi, nghi ngờ nhìn Minh tựa hồ như đó là chàng vừa bông đùa, miệng người nào cũng tròn tròn. Họ lại gặng hỏi lần nữa. Minh đáp như trước. Tức thì ông cụ già dơm dớm nước mắt, hỏi qua cái giọng nghẹn những uất ức:

Thưa ông, hay là cháu nó chết mất ngoài ấy rồi?

Người đàn bà quay lại nói với bà lão già ngồi ở một gốc cây, ra ý phân bua:

– Hết rồi bà ạ. Tôi vừa hỏi ông đây này! Chú ấy có được tha ở đâu! Bảo bà thì bà chẳng nghe, bà cứ nhất định bắt đi đón!...

Bà lão nhà quê cũng vội đứng lên, cầm lấy nón, chạy đến chỗ Minh, phều phào hai hàm răng móm hỏi:

– Thưa thầy, thế ra cháu lại không được tha?

Minh thấy câu đáp của mình là rất hệ trọng. Chàng cau mày một hồi lâu rồi nghĩ ra một cách hỏi lái cả mấy người ấy:

– Hay là được tha rồi đấy mà không gặp nhau? Những hai trăm con người lố nhố như thế, lại mấy trăm người cũng lố nhố như thế, không trông thấy nhau chăng?

Một mối hy vọng bâng quơ chiếu sáng vào mặt cả mấy người...

– Ừ, hay là như thế đấy nhỉ?

– À nhưng mà bà cụ đón ai? Ông cụ đón ai? Bác này đón ai?

Ông lão nhà quê vội nói:

– Tên cháu là Mạch đấy à? Lê Văn Mạch!

Minh nhăn mặt cố nhớ, lầm bầm:

– Lê Văn Mạch... Nhưng quốc sự phạm hay thường phạm?

Ông lão nhìn quanh sợ hãi rồi mới khẽ nói:

– Cháu bị đi đày vì đảng Việt Nam Quốc dân...

À! Tôi nhớ ra rồi! Có! Chưa chết! Nhưng mà chưa được tha đâu, cụ ạ! Nhưng mà cụ chớ lo, rồi cũng phải được tha như tôi.

Bà lão len vào giữa hai người, lại phều phào:

– Cháu nó là Vũ Văn Tích ông ạ.

Nghe đến cái tên ấy, Minh thấy như có một miếng nước đá chạm vào sống lưng. Cả một tấm kịch đổ máu ở Côn Đảo lại hiện ra trước mắt chàng. Một buổi đi lấy san hô... Ngày hai mươi bốn tháng chạp, trời rét, nước bể như dao cắt vào da thịt... Tám mươi tội nhân hoàn toàn trần truồng trên hai cái sà lan, dưới quyền đánh đập của bốn tên lính mã tà và ba người cai Tây. Những cái kẽ đá có ngách, người ta lèn vào bằng bốn chiếc đòn ống. Tám chục người bẩy bốn cái đòn ống ấy để lấy khối san hô đứng trên những mỏm đá mà sóng bể đập vào ùm ùm. Chợt Vũ Văn Tích, đứng trên một mỏm đá có rêu, trượt chân... Tích ngã ngửa, đập đầu vào một tảng đá khác. Một tên mã tà lầu nhầu chửi rủa rồi đến khiêng Tích đặt vào sà lan. Những người khác cứ phải làm lụng như không có sự gì xảy ra cả, và phải mặc cho Tích kêu rên với cái sọ ri rỉ chảy máu, trước sự thản nhiên của bọn gác tù. Ba giờ sau, "kíp" tù ấy lấy được bốn khối san hô lớn và để chết mất một anh em. Xong việc thì Tích chết thật ngay đó. Việc ấy xảy ra đã hai năm nay.

Bây giờ, đứng trước một bà lão không biết cái chết thương tâm của con, ngây ngô nhắc lại tấm thảm kịch ấy. Minh bỗng thấy muốn ứa nước mắt. Chàng nuốt sự xúc cảm, nắn cổ mình, nói:

– Ờ ờ! ờ ờ!...

Thấy không cầm được nước mắt, Minh vội vàng cúi xuống gãi chân, và nói:

– Anh Vũ Văn Tích cũng chưa được tha như anh Lê Văn Mạch...

Chàng chờ cơn xúc động nguôi đi rồi đứng lên, vừa lau nước mắt, nước mũi vừa nói dối:

– Ấy tôi mắc bệnh sốt rét, thỉnh thoảng nước mắt, nước mũi lại chảy ra ròng ròng như thế này.

Minh ngừng lại, nhìn kỹ mặt người bố, người mẹ già, và người chị dâu của hai người bạn đồng chí. Nôn nao cả cõi lòng, Minh còn cố nói dối được bằng mấy câu:

– Thôi hai cụ cứ về nhà, yên tâm. Chẳng chóng thì chầy, không ba tháng thì nửa năm, quan trên người ta còn xét dần dần chứ ai cũng tha ngay một lúc thế nào được! Mà bây giờ ở ngoài đã được đối đãi khá hơn trước nhiều lắm.

Bà lão mím mồm lại mà nhìn Minh, cái vẻ móm làm cho hai cặp môi biến đi đâu mất, cái cằm thì vều ra. Rồi gật gù cái đầu ra ý tin, lại hỏi:

– Thế thì bao giờ cháu được tha hở ông?

– Thưa cụ, cái đích xác thì cháu không biết, nhưng thế nào rồi cũng được tha về với cụ, cụ cứ yên tâm. Thôi chào hai cụ.

Nói xong Minh vội vàng lôi cái mũ nát nhẽo ở đầu lên và quay đi, biết mình thế là vô tình nhưng dùng dằng thì sợ sự nói dối lại bại lộ, và sẽ làm khổ người khác một cách vô ích.

Chàng quay đi một cách nhẫn tâm, tảng lờ như không nghe thấy tiếng gọi "Ông ơi!" của bà lão già, Minh trông đến quang cảnh quanh tòa án vẫn không chút gì thay đổi mới giật mình vì thời giờ đi nhanh. Chàng còn nhớ mới ngày nào bị xích tay dẫn vào đây mà hôm nay, hình như mới có một lát, mà đã bảy năm không biết nay về Tổ quốc thì xã hội đã thay đổi thế nào, chứ chàng nghiệm rằng sau ngần ấy năm tù tội, cái gan của chàng hình như vẫn giữ được duy nhất.

Minh đương đi lang thang với một cái khăn gói trên vai, còn phân vân không biết nên đến nhà người nào trong họ hàng để biết ngay tin tức về mẹ thì chợt có tiếng gọi bên cạnh:

– Minh ơi Minh! Anh Minh đấy có phải không?

Chàng nhìn lên... Trên một chiếc xe nhà, một thiếu niên âu phục bảnh chọe đương nghển cổ, một tay ra hiệu cho người phu xe đỗ xuống. Minh không nhận được ra người ấy là ai và đáp:

– Phải Minh đây!

Người ấy chạy đến bắt tay rất sốt sắng, nói rối rít:

– Mới về chuyến tàu sáng chứ gì? Anh không nhớ tôi là ai à? Giáo Quang đây mà? Quang lớp nhì trường huyện Tiền Hải ngày xưa ấy mà!

Minh vỗ vai người bạn cũ sung sướng nói:

– Gớm, sao mà béo thế! Sung sướng có khác! Nhưng sao bây giờ lại ở đây thế này? Làm việc tòa án đấy à?

– Phải, đổi ngạch rồi, anh ạ. Đã năm năm nay. Thôi đã gặp anh ở đây thế nào anh cũng phải về nhà tôi mới được. Về ở một hai hôm nghỉ cho đỡ mệt rồi hãy về nhà... À thế nào, ở tỉnh nhà nước lụt, có biết không?

Minh trợn mắt sửng sốt:

– Chết! Nước lụt à! Thế bà cụ nhà tôi anh có biết ở đâu không?

– Phải. Mà cụ thì vẫn ở nhà quê. Tôi không biết tin tức cụ độ này ra sao vì đã đến hai ba tháng nay tôi không gặp thằng Phú đâu cả.

– Có lẽ vì thế mà nó không đi đón tới cũng nên. Liệu người nhà tôi có ai việc gì về nước lụt không, anh?

– Chắc không, vì nếu có sự gì thì tất phải đến tai tôi rồi. Thôi anh lên xe đi. Về ăn cơm trưa với tôi một thể rồi làm gì hãy làm, đi đâu hãy đi... Minh ngần ngừ rồi nói.

– Có lẽ không được. Ừ, tôi còn phải đến nhà báo Lao động. Anh có biết tòa báo ấy ở phố nào không?

– Có, nhưng anh đến đấy làm gì?

– Anh em dặn thế.

– Anh sang bên "cộng" rồi đấy à?

– Ai bảo anh thế?

– Thôi thế thì dốt cái việc đến báo Lao động đi. Về chén cái đã! Mình không nên dính đến những cái ấy mà họ cho là mình thay đổi tư tưởng.

Nói đoạn, người bạn của Minh đun chàng lên cái xe nhà, rồi cùng lên ngồi. Chiếc xe chạy về phố Phạm Phú Thứ.

CHƯƠNG IV

Khi Phú sang đến nơi thì ông Chánh Mận đương có việc với ông Lý trưởng. Sợ vào ngay không tiện, chàng vẫn đứng trên bè chuối, hai tay vịn vào cái tường có mảnh chai tua tủa xiên lên. Giữa lúc ấy có một người đàn bà trong làng mà Phú không biết tên cũng đứng trên bè chuối ra ý chờ đợi, và có lẽ phải chờ đã lâu lắm.

Con chó bông đi đi lại lại trên nóc nhà thỉnh thoảng lại vươn cổ cắn với ra mấy tiếng như xua đuổi một kẻ đến nhờ vả. Nghe thấy chó cắn, tuy vẫn ngồi quay lưng ra, ông Chánh Mận cũng nói rõ to:

– Ấy tôi đã bảo thế mà nhà chị cứ đứng đấy thì mặc kệ nhà chị.

Chừng như câu nói hắt hủi ấy cũng là quý hóa lắm rồi, người đàn bà chẳng để lỡ cái dịp được người ta mắng mình thì mình mới được đáp, bèn vội van lơn bằng một giọng cực kỳ khổ não:

– Bẩm ông, con chỉ xin ông một lần này nữa thôi... Thật thế, con xin cam đoan là lần cuối cùng. Ông đã làm phúc thì xin ông làm phúc cho trót... Người đàn bà còn lải nhải nói nhiều nữa nhưng bị tiếng chó cắn lấn át mất cả. Đến lúc ấy, ông chánh Mận mới hút xong mồi thuốc lào và đứng lên quay ra...

– Này tôi bảo thật, nhà chị không đi thì tôi cho chúng nó ra đuổi chị ngay bây giờ cho mà xem! Léo nhéo mãi, điếc tai lắm.

Mắng xong người đàn bà, ông ta trông thấy Phú, ông đổi ngay nét mặt, đổi ngay giọng nói, hòa nhã mời:

– Có cầu tre ở trong đấy, cậu cứ trèo qua tường mà vào.

Ông Lý trưởng ngẩng nhìn lên, vẻ mặt có ý khó chịu. Con chó bông cũng sủa vang lên. Phú biết sẽ phiền cho ông Lý, song cứ trèo tường vào ngay vì chàng thấy rằng nếu cứ đứng ngoài với người đàn bà thì sẽ bị coi rẻ như người ấy mất. Mặc! Cứ biết đã mời thì vào, chàng chẳng cần kể rằng hai người đã xong chuyện với nhau hay chưa.

Phú sang không vì mục đích vay mượn gì, nhưng vì người nhà của chàng vẫn vay mượn nên Phú cũng ngượng. Chàng chỉ sợ người ta hiểu nhầm mình, mặc lòng chàng vẫn dặn mình rằng người ta có hiểu nhầm mình thì cũng không sao. Nghèo mà lại còn quá tự ái thì sinh ra lẩn thẩn thế. Cho nên Phú rất nóng ruột muốn được nói, trước mặt ông Lý trưởng, đến việc Phú bị tra khảo ở huyện, đến cái

muốn nặn bóp, hãm hại ông Chánh Mận của viên lục sự già nó khiến Phú sang đây. Chàng hỏi ngay ông Lý trưởng:

– Ông có vội gì không? Ông còn ở chơi đây được lâu chứ?

Ông Lý trưởng ngáp dài và đáp:

– Tối mịt đến nơi thế này thì còn bận quái gì? Ở lâu đây được.

– Thế mai ông có phải ra đê không?

– Ngày kia mới phải ra. Tôi ở đê vừa về.

– Ngoài ấy có gì lạ không hở ông?

– Có! Ông Huyện cũ bị đổi hay bị cách chức gì đó, còn ông Huyện mới thì trẻ tuổi lắm, áng chừng tân học, lại ác hơn ông Huyện cũ nữa.

– A thế kia à! Thế ông có biết vì sao mà lão Huyện bị cách không?

– Chắc chỉ vì đê vỡ chớ còn gì nữa!

Tự nhiên Phú thấy trong lòng như có điều gì sung sướng lắm; trong một phút không nghĩ kỹ, chàng tưởng chừng như mình vượt ngục mà viên tri huyện ấy chịu họa lây. Chàng lại quên khuấy rằng cái tai nạn của viên quan ấy nếu có làm cho chàng hài lòng thì nó cũng làm cho người thiếu nữ cứu chàng phải khổ sở. Phú cứ vui vẻ hỏi chuyện.

– Thế phu phen đã được gạo được tiền gì chưa hở ông?

– Đã, từ bốn hôm nay, mỗi người được lĩnh mỗi ngày hai bơ gạo.

– À, thế ông trưởng nhà cụ bô Điềm thế nào?

– Vẫn ở ngoài ấy. Lúc nãy tôi đã đem về cho cụ bô hai bơ gạo ông ta gửi. Hôm nay mà tôi không về làng thì rành là vô số người chết đói!

Nói xong, ông Lý vỗ vào đùi bôm bốp, đắc chí lắm, sung sướng lắm. Phú quay hỏi ông Chánh Mận:

– À, ông Chánh nhỉ? Ông có biết đến một ông lục sự nào ở huyện không?

Ông này nói ngay:

– Có lắm, cái lão lông mày sâu róm, con mắt trắng dã, cái môi thâm sì ấy chứ gì?

– Phải đấy. Ông quen biết lão ấy chăng?

– Quen thì cũng quen gọi là thôi. Đâu như cách đây dăm năm, có một người trong họ tôi dắt lão đến vay tiền. Hai bên đi lại được mấy

tháng rồi sau không giả được đúng hẹn, lão vay nữa tôi không ưng. Từ độ ấy mất mặt. Cậu hỏi đến lão làm gì? Thằng cha bóp nặn khiếp lắm.

Phú bèn đem hết đầu đuôi câu chuyện từ lúc bị bắt cho đến lúc bị tra khảo ra kể tỉ mỉ cho hai người nghe. Khi Phú nhắc lại câu hỏi vặn của viên lục sự già để buộc tội cả ông Chánh Mận vào với hội kín thì ông này tái mặt lại vì cái lo về tính mệnh và tài sản.

Phú kết luận:

– Ấy tôi nói thế để ông biết và giữ gìn.

Ông Lý tặc lưỡi hai ba lần mà rằng:

– Chết chết! Ra lại có những người hiểm độc đến thế. Không trách cổ nhân đã phải nói: "Một đời làm lại, bại hoại ba đời" là phải lắm. Vậy thì từ nay trở đi, ông Chánh nên cẩn thận. Sợ hắn thù thì có lẽ ta nên...

Ông ngừng lại, đợi hai người kia phải hỏi thì mới nói tiếp:

– Ta nên mua chuộc lấy lòng lão ngay đi. Có lẽ lại cho vay mượn như xưa thì hơn.

Nhưng ông Chánh nói:

– Không được. Cậu Phú được tha về rồi mà mình mới cư xử như thế, nó biết thóp thì mình chết với nó. Nhưng sao mà cậu lại được tha hở cậu Phú?

– Tôi không có tội gì thì tôi được tha chứ sao?

– Nó tra tấn cậu bằng cách ghê gớm đến như thế mà cậu không nhận liều thì giỏi thật. Tôi xin phục cậu đấy. Tôi cảm ơn cậu lắm, giá không được người gan như cậu thì dễ tôi cũng bị xích rồi...

Phú nhìn lên thì thấy ông Chánh Mận đã nói những lời ấy trong lúc cúi mặt. Vậy thì ông cảm động hay ông giả dối? Ông đã tin lời Phú chưa? Hay ông lại nghi Phú bịa ra chuyện ấy để lấy lòng cho dễ chuyện vay mượn về mai sau? Tức quá, Phú rất muốn hiểu ngay bụng dạ ông Chánh Mận mà không sao được.

Vô tình, ông Lý bình phẩm:

– Giỏi thật đấy chứ ly! Đốt đèn hun dưới lỗ đít thì tôi tưởng gan bằng tướng cướp cũng phải nhận những tội mà nó buộc mình!

Vẫn cúi mặt, ông Chánh Mận lại nói:

– Gan lắm! Anh hùng lắm! Thật thế! Chỉ có điều hơi lạ là sao chưa có kết quả gì mà lão Huyện đã tha ngay...

Ông Lý trưởng kết luận bằng cái óc lý luận riêng:

– Người ta không có tội thì giam mãi để làm gì?

Phú toan kể nốt cả câu chuyện được có người mở cửa lôcốt cho mình trốn đi, thì ông Chánh Mận ắt là không còn ngờ vực gì chàng nữa, song le chàng lại thôi, vì lẽ một là chàng chưa tin cậy hẳn được ông Lý trưởng, hai là tại việc ấy nó hầu như là chuyện bịa đặt, giả dụ chàng có nói cũng vị tất đã ai tin... Mà có khi người ta lại nghi ngờ thêm nữa! Nghĩ đến đây thì lại chột dạ, chàng lo lắng không biết liệu có được yên ở làng mà ngồi trên đống nước để sống khổ sở với mẹ già hay không? Hay nay mai lại chính ông Lý ngồi trước mặt mình, kêu có lệnh quan trên mà sai tuần tráng trói mình giải huyện cũng chưa biết chừng!

Thế là Phú cũng có những nét mặt đăm đăm y như ông Chánh Mận. Trong một lúc lâu, hai người đều im lặng, thành thử ông lý cũng lây cái trầm ngâm, rồi ông Lý nói kín:

– Thôi thế việc kia thì ta nhất định cứ như thế.

Ông Chánh Mận gật đầu:

– Phải ta cứ thế!

Đến đây, ông Lý đứng lên toan cáo thoái, vì một tên người nhà đã bưng mâm cơm vào. Nhưng ông Chánh Mận dùng lời rất khéo lưu cả hai người cùng ngồi lại. Phú nhất định chối từ, song ông chánh Mận lại nói:

– Lụt lội thế này có phải cậu sang chơi đây dễ đâu! Vậy cậu đã sang, nhân thể gặp bữa, xin đừng từ chối. Vả lại việc có can hệ đến tính mệnh tôi mà cậu vừa nói tôi nghe thì nào tôi đã được bàn soạn với cậu về cách đề phòng ra làm sao đâu!

Trước những lời lẽ như thế, Phú thấy rằng chối từ nữa là vô nghĩa lý.

Mâm cơm nước lụt của nhà giầu trông cũng tươm tất lắm. Có thịt gà luộc, rau chuối, và cua om. Cơm thì gạo tám thơm, trắng tinh, thơm nức. Ông Lý quay lại kêu để mời bà cụ mẹ ông Chánh và hai đứa bé cùng ngồi nhân thể thì tên người nhà đã lại bưng ra phía bên kia cái bè một mâm nữa rồi. Chủ nhân cắt nghĩa rằng không có thóc nuôi gà nên phải thịt gà đi, không có chỗ để gạo tám thì phải thổi cơm đi cho khỏi mốc, chứ giời ra tai, giữa lúc nhiều người không có mà ăn, không phải ông được ăn như thế mà lấy làm vui... Cua thì bắt

được ngoài đồng, rau chuối thì ngả từng cây xuống mà ăn, không thì úng thủy, cây nó cũng đến chết mất... Thì ra vì trong cảnh bất đắc dĩ mà ông Chánh Mận bị bó buộc được có một mâm cơm tươm tất vừa để cho mình, vừa để đãi khách.

Ngồi vào ăn miếng ngon, Phú mới chợt nghĩ đến người đàn bà đi vay. Chàng liền quay đầu lại... Thì ra người đàn bà ấy vẫn đứng nguyên chỗ! Mãi đến lúc ấy mới biết thất vọng, người ấy thở dài ngán ngẩm trố hai con mắt nhìn vào mâm cơm, nuốt nước dãi ừng ực, gạt nước mắt, rồi sau cùng, lặng lẽ quay mũi cái bè chuối, Phú thấy mình cũng dã man như đời, vội vàng quay vào, không dám nhìn nốt cái cảnh thương tâm.

Giữa bữa cơm, sau những câu chuyện trò đằm thắm trong lúc cao hứng, ông Chánh Mận nhắc lại chuyện hỏi cô Tuất làm vợ kế với Phú, trước mặt ông Lý. Ông này vội bênh ngay người cho mình ăn.

– Tưởng nhận đi là phải, không hiểu tại sao mà cụ Cử nhà ta lại còn không bằng lòng! Còn trẻ như bác Tuất mà muốn ở vậy, khó lắm.

Phú chưa biết đỡ lời ra sao thì ông Lý đã lại hỏi:

– Còn cậu? Ừ thế nào, còn cậu thì cậu có thuận hay là không? Nếu cậu thuận thì sao cậu không nói vào hộ một câu thì ông Chánh tôi đây cũng xong được chuyện ấy đi. Sớm ngày nào hay ngày ấy.

Chả nhẽ Phú lại đáp rằng xưa nay mình vẫn chỉ đứng trung lập. Và nhân người ta lại nhắc đến chuyện ấy, Phú nghĩ đến việc ông Chánh Mận bị nghi cũng có chân trong hội kín với chàng. Do thế, chàng phải trả lời trái hẳn ý nghĩ.

– Tôi thì tôi hoan nghênh việc ấy hết sức đấy chứ... Đẻ tôi thì cũng cho tùy lòng, còn chị tôi mà chưa nhận lời thì tôi có hiểu vì lẽ gì đâu! Tôi chắc vì thương con nên chị tôi không biết giải quyết thế nào cả đấy thôi. Hoặc chị tôi muốn ở vậy thờ chồng nuôi con chăng?

Đáp thế xong, Phú càng thấy mình khôn ngoan. Thật thế, ông Chánh Mận hẳn phải không còn được nghi ngờ cái việc ông ta bị tình nghi. Chàng đã muốn cho hai người lấy được nhau thì bỗng dưng còn bịa đặt ra chuyện hội kín hội hở nó có thể khiến cho ông Chánh sợ hãi, hai người không lấy được nhau mà làm gì?

Từ đấy trở đi, mặt ông Chánh đã thấy vui vẻ hơn trước. Ông nói một câu lạc đề:

– Chà! Kệ cho chúng nó thù hằn! Sự thực, mình không có gì mà lo!

Do câu nói ấy, Phú biết rằng lúc trước, đích xác chàng đã bị ngờ vực là bịa đặt để lấy lòng, hòng sự vay mượn, chàng bỗng hối hận vì đã ngồi vào ăn.

Chim chóc đã bặt tiếng kêu. Ở một ngọn tre xa xa, hai con chèo bẻo đã thôi không ưỡn ngực hóng gió mà chui vào tổ. Trên không gian xám đen, một chữ V độ chừng ba chục con vạc đi ăn đêm thoáng qua như một cái chớp, với dư âm của những tiếng kêu lào xào... Ông Chánh Mận quát người nhà:

– Ơ hay! Chúng bay đâu? Tối thế này rồi mà không cho đèn ra đây?

Có tiếng đáp ở phía sau một mái nhà:

– Hết dầu từ đêm qua rồi ạ.

– Thế thì đốt cho tao bó đuốc vậy. Cũng sắp xong rồi.

Lúc một anh lực điền đem đuốc ra thì Phú đã xếp đũa trên bát. Trong ánh sáng đỏ rực của lửa nứa, ông Chánh và ông Lý cùng và lùa bát cơm cuối cùng, bà lão già và hai đứa bé thì cơm nước xong, đã sửa soạn để ngủ. Tàn nứa rơi xuống nước rên lên xèo xèo...

Bầu không khí đương êm ả thì bỗng con chó bông cắn rộ lên một cách khác thường, ba người hoảng hốt quay nhìn ra. Một người đã trèo qua cái tường có mảnh chai, đứng trên cầu tre... Mắt người ấy đen sì, tay người ấy có một cái gậy. Người ấy lên mái nhà, con bông xồ ra, tức thì bị một gậy vào giữa lưng, kêu ăng ẳng, bị gạt bắn xuống nước. Bên trong, ông Chánh và ông Lý cùng đứng lên, chỉ vừa kịp kêu: "Thôi chết!" thì bên ngoài tường, đuốc đã sáng rực, rồi một chục người nữa, kẻ nào cũng mặt bôi nhọ, tay có dao, gậy, giáo, mác, tay thước, lần lượt kéo vào... Trong chốc lát, đó là những hình ảnh đáng cho ta thất đảm như khi thấy trong những cơn ác mộng.

– Ai ngồi đâu cứ việc yên đấy cả một lượt! Đừng có kêu la vô ích; bữa nay các quan đi đông! Các quan không muốn phải giết hại một mạng nào cả thì đừng làm gì cho các quan phải nổi giận!

Những lời lẽ hách dịch của người đầu đảng ấy lại nhờ được một cái giọng "sang sảng tiếng đồng" làm cho oai vệ lắm, nên chi mọi người ai nấy chỉ còn kịp sợ run lên, lập cập... Mười tên cướp, trong đó có hai tên cầm hai bó đuốc, đã đùng đùng nhảy lên bờ. Dưới cái ánh sáng đỏ rực nhấp nháy lúc to lúc nhỏ của đuốc, những cái mặt bôi nhọ trông gớm ghiếc, những bóng giáo, bóng gậy, mờ mờ tỏ tỏ, đã hứa một cuộc đổ máu lai láng, nếu có tiếng kêu... Phú, ông Lý, ông

Chánh, im lặng nhìn bọn cướp đứng chung quanh họ thành một vòng tròn. Duy cái anh chàng lực điền cầm đuốc từ nẫy soi mâm cơm, thì lúc ấy lại dại dột múa vung bó đuốc, khua khua trước mặt ra ý không cho bọn cướp động đến người, và bắt đầu kêu to: "Ối làng nước ơi!..." Nhưng bốp một cái, một cái gậy đã vụt vào bụng chân anh ta khiến anh ta té sấp, bó đuốc rơi xuống mặt bè nứa. Một tên cướp vội cúi nhặt bó đuốc ấy lên; một tên khác, nhanh như điện, đã nhét một mớ giẻ vào mồm anh chàng lực điền, lật sấp anh ta xuống, trói giật cánh khuỷu. Chỉ trông thấy thế, bọn này cũng đủ hết hồn rồi.

Ra oai như vậy, người tướng cướp cho là đủ. Bèn chỉ tay vào ông Chánh Mận, bảo một tên cướp:

– Thằng này to béo hơn cả, chính nó là chủ nhà... Bảo cho nó biết rằng các quan thu thuế bằng tiền và cả bằng thóc gạo!

Ngồi dưới cái con dao trường của tên cướp, bà cụ mẹ ông Chánh vừa khóc vừa kêu:

– Lạy các ông, có gì thì xin các ông cứ lấy cho thế, chứ xin các ông đừng đánh trói ai cả!

– Được lắm, các quan cũng không muốn đánh trói ai làm gì.

Tuy thế người ta cũng cứ trói hai tay ông Chánh về sau lưng. Bị một lưỡi dao kề ở cổ, ông nổi giận, gắt với bọn cướp:

– Lụt lội như thế, mất mẹ nó cả cơ nghiệp rồi, còn đếch gì mà cướp! Đấy, đồ đồng với đồ sứ có gì thì ngâm cả dưới nước ấy, lặn xuống mà lấy! Thóc còn tất cả ba chục thùng, mà là thóc ướt, có khuân thì cứ khuân đi! Thằng Áng đâu, xúc thóc ra đổ vào thuyền cho các quan! Rồi thì cả làng này nhịn, chết đói vậy!

Thấy ông Chánh có vẻ thực thà, bọn cướp không tra khảo gì nữa. Họ chia nhau ra làm hai tốp, năm tên thì đứng vây giữa người nhà, năm tên khác hoặc đốc thúc hoặc cùng thằng Áng khiêng thóc đổ vào thuyền của họ.

Khi trên mấy nóc nhà, những nong thóc đã trơ nan ra, thì bọn cướp lôi ông Chánh Mận, bắt đi theo. Họ làm việc trong nháy mắt, và vì lẽ không ai chống cự nên họ không để rỏ một giọt máu.

Khi cướp đi đã hơi xa, Phú cởi trói, tìm cách chạy chữa cho anh lực điền thì ông Lý khuyên giải bà lão:

– Cụ chớ lo, chốc nữa thì ông Chánh sẽ về. Đây là lương dân ở nơi xa đói khát quá mà phải đi ăn cướp chứ không phải bọn chuyên nghiệp.

Độ nửa giờ sau, ông Chánh quả nhiên về thật. Quần áo lướt thướt, ông trèo qua tường vào, nói:

– Chúng nó cởi trói cho tôi rồi đẩy tôi lên cành đa ở ngoài cầu Tréo. Chúng có một thuyền gỗ, sáu thuyền thúng. Đích thị là dân đói!

Rồi ông bảo ông Lý:

– Ấy đấy, đầu đuôi là thế, xin ông thảo tờ trình quan cho tôi... Thế là nhà này mai cũng nhịn đói nốt!

CHƯƠNG V

Hai người xem hội ở hồ Tây về thì đã tối mịt. Cơm nước xong, cởi bỏ áo ngoài, Quang gọi đầy tớ bảo đem một cái ghế tiêu cơm và một cái ghế mây ra bao lan. Minh đứng cạnh bàn, trông vào gương nói:

– À, thì ra tôi gầy, anh ạ, mà tôi vẫn không biết là tôi gầy.

Minh nói xong toan cởi áo ra nhưng Quang ngăn lại, kêu:

– Khoan, tôi ngắm đã! Quần áo tôi mà anh mặc vừa vặn quá đi mất! Dễ thường anh mặc mà lại đẹp hơn cả tôi.

Quang xoa hai vai, vuốt đường ve ngắm nghía lại nói:

– Ừ. Vừa vặn sát óng quá đi mất! Thôi anh cứ việc giữ mà dùng...

Minh cảm động đưa tay ra bắt tay bạn mà rằng:

– Cám ơn! Chứ mà chờ đến lúc tôi may được một bộ thì chắc lâu lắm.

Quang nhấc bộ quần áo vải mà Minh mặc từ Côn Đảo về mà rằng:

– Thế thì vứt mẹ nó cái bộ này đi chứ còn để làm gì nữa!

Nhưng Minh vội ngăn:

– Ấy đừng! Để giữ làm kỷ niệm chứ! Có bộ y phục ấy nghĩa là phải trả đắt!

Rồi chỉ vào bọc vải, chàng nói tiếp:

– Trong gói ấy có vô số kỷ vật. Để rồi tôi cho anh một cái lọ bằng san hô do tay tôi chạm trổ lấy, anh xem.

Quang vừa chải đầu vừa hỏi bạn:

– À quên, lúc này anh vừa nói gì? Anh gầy mà không biết...?

– Chính thế. Bảy năm nay đứng soi gương như thế này là lần đầu... mới biết rằng mình có đôi má hóp. Còn ở ngoài ấy thì chỉ soi gương vào giếng hay vào một vũng nước, cúi mặt xuống mà soi, má nó sị ra, thành thử cứ tưởng là béo!

– Cứ kể trông anh thế mà có vẻ khỏe mạnh hơn trước đây. Tuy đen nhưng còn hơn trắng như trước, yếu đuối như đàn bà. Bây giờ trông có vẻ lao động lắm. Thôi ta ra bao lan cho mát đi.

Hai người cùng ra. Quang ngồi ghế mây, nhường cái ghế chao cho Minh. Ngồi nói chuyện vặt một lúc, Minh để ý đến cái bao lan bên cạnh. Trên bao lan có một người đàn ông đứng tuổi, cởi trần trùng trục, ngồi trên một cái ghế mây, hai ống quần sắn lên tận bẹn, cổ để ngửa trên thành ghế, tựa hồ đương mải ngẫm nghĩ các vì tinh tú trên không gian. Người ấy cứ ngồi nguyên như thế hàng giờ, nếu không có cái tay thỉnh thoảng phe phẩy cái quạt dưới chân thì Minh phải cho là ngồi ngủ. Trong nhà thì dưới một bóng điện màu xanh, một ông cụ già đầu hói ngồi xếp bằng tròn trên sập như một nhà sư ngồi nhập định. Một thiếu nữ ngồi ghế ở gần sạp cầm quạt phẩy vào lưng ông cụ. Thỉnh thoảng, lâu lắm, ông cụ giơ tay ra hiệu thì thiếu nữ lại bỏ quạt lặng lẽ vê thuốc, đánh diêm, và đưa ra cái xe điếu thuốc lào...

Khi ông cụ kéo xong mồi thuốc lào, thiếu nữ đưa ra cái ống nhổ rồi lại ngoan ngoãn phe phẩy cái quạt. Sau khi nhổ đờm vào ống phóng, ông cụ lại ngồi yên. Thấy cái không khí nhà ấy có một vẻ đáng lạ. Minh hỏi thì Quang cắt nghĩa:

– Thằng cha cởi trần là một anh Huyện vừa bị gọi về phủ Thống sứ, nghe đâu như là bị vỡ đê...

– Ồ! Nếu vậy thì là quan phụ mẫu huyện tôi rồi...

– Phải đấy, ông cụ già ngồi trong kia là ông bố, nghe đâu như một ông Tổng đốc hưu trí. Con bé đương ngồi quạt kia là con gái anh Huyện. Họ mới đến thuê chưa được một tuần lễ. Tôi lấy mỗi tháng có hai mươi lăm đồng.

– Sao anh cho thuê rẻ quá thế?

– Thế là phải, là được giá. Anh bị bắt hồi 1930 là hồi chưa có khủng hoảng kinh tế nên anh tưởng thế là rẻ, chứ trong bảy năm nay, vật gì cũng giảm giá, và trong nước có nhiều sự thay đổi lắm.

Minh nghĩ đến buổi chợ phiên ban chiều, thở dài mà rằng:

– Ừ, quả vậy. Tôi không ngờ cái dân tộc này mà lại có ngày hóa ra đến thế!

– À, thế cảm tưởng của anh ra làm sao? Tôi ở nhà nên sự thay đổi của xã hội thì nay một tí, mai một tí, mình cứ dần dần quen mắt quen tai, thành ra mắt tuy có trông thấy thời cục mà óc không thể có được một mối cảm giác...

...Không biết tôi có nên nói ý kiến của tôi không? Chà... thật không ngờ! Gớm, sao mà ăn chơi phóng đãng thế! Sao mà xa hoa đàng điếm thế! Cứ như những cái tôi trông thấy ngày hôm nay thì thật là một triệu chứng diệt vong! Hầu hết nam nữ thiếu niên người nào cũng vô lo, vô lự, mặt mũi lại hí ha hí hửng, dương dương tự đắc lắm, đi chơi, đi nhẩy, mà mặt mày vênh váo làm sao! Thật là một điều sỉ nhục cho một dân tộc mất nước...

Quang mỉm cười gật đầu rồi bĩu môi mà rằng:

– Ấy thanh niên bây giờ thế cả đó. Nếu không thế thì lại bị chê cười là bảo thủ, là gàn dở, là hủ lậu. Cái luân lý mới là hưởng cho kỳ hết những cái khoái lạc vật chất, là sống vì cái lòng vị kỷ khốn kiếp của cái cá nhân chủ nghĩa không phải đường. Phải trí thức nước nhà đã hô hào như vậy, tất cái bọn thiển học nhắm mắt mà nghe theo, chứ sao!

Minh đứng lên, đút hai tay vào túi quần, vươn cổ ra, giận dữ hỏi:

– Ai, trí thức nào? Anh muốn nói đến bọn trí thức nào thế!

– Bọn văn sĩ, bọn viết báo, chứ còn ai nữa! Anh không biết? Ừ, mà anh bị tù tội như thế, còn biết sao được! Hiện giờ, muốn phỉnh nịnh cái khao khát của xác thịt, muốn ca tụng những thị dục đê hèn của công chúng, một số đông các nhà "ngôn luận" đương ném ra một nền văn chương xu thời mục đích là sùng phụng tụi trưởng giả và cổ động cho Âu hóa, lấy cớ rằng tiến bộ, văn minh...

Minh đứng thẳng người lên thấy tức giận, giận đến không thở được. Và trợn mắt thất thanh hỏi:

– Lại có một bọn nhà văn vô lương tâm như thế? Lại có một tụi viết báo vô liêm sỉ như thế?

– Đời bây giờ, người ta chỉ cần chiều đời để bán báo, bán sách cho chạy chứ người ta kể gì đến liêm sỉ và lương tâm! Vả lại, cũng không nên trách họ, vì trong cái số hoạt đầu, tựu trung cũng còn có

một đôi kẻ thành thực, tin rằng phải hoàn toàn theo mới, phải Âu hóa cả trăm phần trăm thì mới là tiến bộ, văn minh. Cái thành thực của bọn ấy vẫn là đáng khen, tuy cái ngu của chúng thì chỉ đáng thương hại.

– Nhẩy đầm, đánh cá ngựa, ăn ngon, mặc đẹp, dùng những hàng mỏng để may những bộ y phục phô ra những đùi với ngực, như thế, chỉ có như thế, mà đã cho là văn minh, tiến bộ rồi?

– Đối với kẻ ngu thì những cái hình thức thế thôi là đủ rồi chứ còn gì nữa!

Minh so vai, thở dài:

– Chết chết! Nếu vậy thì cũng buồn cho "trí thức" và cho "ngôn luận" thật.

– Tôi thì tôi chẳng buồn gì cả vì tôi cho những điều ấy là không thể tránh được. Anh muốn gì? Một dân tộc vô đạo, vô học, bán khai, không lý tưởng nào thờ, lại mấy nghìn năm nô lệ như dân mình, tất nhiên... tất nhiên cái tinh hoa đất nước của dân tộc ấy chỉ có thể đào tạo ra được những bậc trí thức nô lệ. Thật thế, tinh thần nô lệ là một thứ... quốc bảo tổ truyền, và sẽ mãi mãi di truyền: Xưa kia nô lệ Tàu, thì theo Tàu là văn minh. Bây giờ nô lệ Tây thì Âu hóa kia mới là văn minh. Tôi tin rằng nếu người da đen ở bãi sa mạc Sahara [1] mà có đến chiếm nước ta thì cái bọn trí thức ấy tất nhiên cũng sẽ hô hào đạp đổ tất cả những cái "cũ" để mà theo "mới", nghĩa là... Phi hóa thì mới lại là văn minh! Trách gì cái óc nô lệ!

Minh ngồi xuống ghế, nhìn ra xa vơ vẩn, nói như chỉ cho riêng mình nghe:

– Văn minh! Văn minh mà như thế thì chỉ dâm đãng, chỉ thương luân bại lý, chỉ gây thêm những mối bất công cho xã hội.

Quang cười rộ mà rằng:

– À, cái ấy thì đã đành! Nhưng mà ta phàn nàn vô ích... Sau hồi biến động, những phần tử sống đã mất đi, chỉ còn lại cái phần tử chết nó chiếm đại đa số, thì xã hội này nghiễm nhiên trở nên suy đồi y như các dân Tây phương vào hồi chiến hậu! Không có và không dám có một lý tưởng gì nữa, tất nhiên người ta đâm ra ăn chơi cho

1. Sa mạc lớn ở Châu Phi.

sướng cái xác thịt mà thôi. Giữa lúc đôn mạt ây, bọn văn sĩ lại lây những danh nghĩa văn minh, tiên bộ mà cổ động cho ca những cái xấu và những cái dâm của Tây phương, mục đích là bán báo bán sách cho chạy để thủ lợi, tất nhiên chúng ta phai thấy cái quang cảnh khốn kiếp bây giờ. Này, bây giờ mà anh công kích cái vật chất thì sẽ có một trăm người chê bai anh là hủ lậu, đáng tự tử đi đấy!

Minh sốt sắng cãi:

– Ta cứ cho rằng cái văn chương xu thời ấy là của một bọn thành thực đi đã... Thì cũng phải biết phán đoán xem mình có nên và có thể âu hóa được hay không mới được chứ? Chà! Họ tin rằng sống như xã hội phương Tây bây giờ đã là cực điểm của tiến bộ, hoàn toàn của văn minh? Họ lại không biết rằng người như Duhamel [1], như Gandhi [2], như Oscar Wilde [3], đã bình phâm cái văn minh ấy như thế nào! Họ không biết rằng xã hội Tây phương cũng chỉ là xã hội mục nát mà những mối bất công là giường cột, mà kim tiền và vật chất gây ra dâm phong để cho cái dâm phong cầm cân nẩy mực cho tất cả, và dân tộc mình thì không nên nhắm mắt đi vào con đường ấy nữa, phải chờ khi nào Tây phương tiến hơn nữa.

Minh còn muốn nói nữa thì Quang đứng lên vỗ vào vai bồm bộp mà rằng:

– Thôi đi, ông ơi! Để dành những ý kiến ấy cho người có lương tâm mà thôi. Lúc nãy ông chả bảo bọn trí thức ấy vô lương tâm, vô liêm sỉ là gì! Do thế, bọn ấy mới cho là những cái mà người Âu châu đã cho là cũ rích, và vội vàng húc đầu xuống liếm những cái gì mà phương Tây đã thừa mứa đến nôn ọe ra! Nhưng tội gì mà ta bực mình? Ngồi khoanh tay mà cười những quân rởm đời, những anh chồng mọc sừng, những thiếu nữ chỉ còn tân có một nửa, lại không là hưởng một cái thú hay sao? Vì rằng cái xã hội này cũng sắp đến cái cực điểm của văn minh rồi! Anh cứ nghĩ đến buổi chợ phiên hôm nay xem! Cứu đồng bào bị lụt! Muốn cho chúng nó bỏ ra vài hào thí cho hàng vạn đồng bào đương chết đói thì phải cho chúng nó cười đùa thỏa thích, chim chuột no nê, dám đứng, dám đi, trịn vú, áp bụng... không thế thì lại không vui vẻ, trẻ trung!

---

1. George Duhamel (sinh 1884), nhà văn nhà thơ, Viện sĩ Hàn lam Pháp.
2. Gandhi (1869-1948), nhà yêu nước Ấn Độ.
3. Oscar Wilde (1856-1900), nhà văn Anh.

Quang nói đến đấy, lại cười rộ lên một cách rất chua chát, Minh thấy nhắc đến đồng bào bị lụt, thì lại chợt nhớ đến gia đình, vội vàng bảo bạn:

– À anh, mai thì thế nào cũng phải để cho tôi về quê đấy nhé?

– Ừ thì mai anh về chứ sao! Tôi bảo anh hãy nghỉ một buổi ở đây cho khỏi mệt nhọc, nay anh đã khỏe thì anh cứ về.

– Bảo nghỉ có một buổi thế nào mà té ra mất ba buổi!

Quang chép miệng mà rằng:

– Có bất hiếu thì anh cũng bất hiếu chán đi rồi, vắng mặt bảy năm giời còn chả làm gì được mà chậm có một ngày thì thở than mãi, dễ nhà tôi nó cũng về rồi đây này.

Minh cúi nhìn xuống dưới bao lan. Quả nhiên vợ Quang đã dắt con về thật. Chàng cảm động về lòng tốt của vợ chồng bạn: hôm ấy, bên nhà vợ Quang có giỗ, vậy mà Quang đã ở lại nhà cả hai bữa để ăn với Minh, và vợ Quang, sau khi ở lại làm cơm rất chu tất, về nhà mình lại vui lòng nói dối là chồng ốm để cáo thoái với bố mẹ cho chồng.

Người đàn bà đẹp đẽ, dịu dàng lên gác, vào cúi đầu chào Minh.

– Lạy bác ạ.

Minh cúi đầu nhanh nhẩu:

– Không dám ạ, bác ở nhà quê đã ra. Phúc ơi, có lấy phần cho bác không.

– Ở kia, không lạy bác đi à? Mồm đâu? Con nhà rõ đến tệ!

Mới lên bốn, bảnh bao sạch sẽ trong bộ Âu phục màu xanh xanh, thằng Phúc nói:

– Lạy bác ạ. Cháu chỉ lấy phần cho cậu cháu thôi.

Quang cả cười rồi hỏi vợ:

– Thế nào! Có ai nói gì không?

Người vợ của Quang tươi cười mà rằng:

– Thầy bảo tôi phải mời đốc tờ cho cậu không có mà nhỡ ra sốt thương hàn thì chết. Còn đẻ thì đẻ cho hai chục trứng.

Quang pha trò:

– Bở nhỉ? Thế thì để thỉnh thoảng lại phải sốt một trận mới được.

Vợ Quang mắng:

– Chỉ nói dại thôi nào!

Rồi dắt con xuống thang. Mười lăm phút sau thấy thằng nhỏ bưng một khay có hai cốc rượu bia lên bao lan. Nó tìm một cái kỷ con, đem ra, để khay rượu lên, thì Quang nói:

– Nói của đáng tội, chính nhờ có anh mà tôi được vợ cho uống bia đấy! Anh tưởng dễ tự nhiên đấy à!

– Gớm chị ấy chu tất quá! Chả biết thế này là lưu khách hay đuổi khách.

Quang thụi đùa vào ngực Minh mà rằng:

– Ông lại giã cho bây giờ, chứ vừa được ăn lại vừa được nói thế à? Thôi đùa nhau mà làm gì? Vợ tao xưa nay vẫn khâm phục những nhà cách mệnh.

– Mày bảo vợ mày cứ để cho tự nhiên thì tao mới dám ở lâu với mày.

– Ừ, được, cái ấy thì dễ lắm!

Ở bên kia bao lan, ông Huyện mặc cái áo ngắn. Con gái ông đứng bên khép cửa sổ. Ở dưới phố, ba cái xe trên có ba cô ả tân thời ngồi vừa kéo qua. Những cái ấy làm đãng trí hai người bạn, làm câu chuyện phải gián đoạn.

Minh nghĩ lan man đến nhà, đến em gái, em giai. Chàng cho trí nhớ quay trở lại với cái thời kỳ chàng cùng Quang dạy học ở một nơi thôn quê: hồi ấy Quang còn trong cảnh thanh bần, nhiều khi về vấn đề tiền nong, Minh còn phải giúp đỡ. Ngày nay được tha về nhà, tình cờ chàng gặp ngay Quang, như vậy chàng cho là một sự may. Khi thấy Quang đã trở nên giàu có, chàng lại mừng hơn nữa. Nhưng đến lúc thấy Quang thú thật rằng sự giàu có ấy là do lấy được người vợ giàu mà nên thì Minh hãi hùng ngay. Chàng phân vân đến nỗi không muốn ở đây thêm một giờ nào nữa. Nhưng khi thấy vợ bạn cư xử với mình có đủ cả tôn kính lẫn thân thiết thì Minh cũng được yên tâm. Chàng không biết rằng muốn cho vợ phải quý bạn, Quang đã thêu dệt bội phần về sự xưa kia chàng còn hàn vi đã chịu ơn Minh. Minh, lúc đầu, vẫn sợ sự chu đáo ấy là giả dối.

Minh xét kỹ Quang thì thấy vẫn tốt như ngày xưa, và vẫn bộc tệch như xưa. Do thế, khi Minh hỏi thăm tin tức nhà thì Quang kêu là vẫn để ý đến, mặc lòng Quang chẳng biết tin tức gì cả. Cái sơ xuất

ấy,Quang lại đổ tội cho Phú là không chịu thư từ đi lại. Nghe thế, Minh đã lấy làm bằng lòng cho rằng em mình dè dặt như thế là hơn... Vả chăng chắc cũng có thể đứng được nên Phú mới không phải lui tới nhà người bạn phú quý của anh mình. Minh cũng không giận bạn ở chỗ lãnh đạm.

Sau khi về nhà Quang ăn một bữa cơm thì Minh đi tìm nhà một người trong họ, và nhân đó, biết rõ chuyện nước lụt. Phú đi làm phu phen, bị bắt ra sao, được tha ra sao. Người trong họ ấy đưa lại cho Minh cả mấy tờ báo nói đến việc Phú. Cho nên khi thấy bạn lại lưu mình một ngày nữa bằng câu: "Anh không phải vội, để tôi hỏi hộ xem có đường nào về làng không đã. Vả lại nếu cụ nhà hay thằng Phú mà có sự gì thì tôi đã biết rồi", thì Minh phải mím môi cho khỏi cười. Chàng chỉ cảm ơn sự săn sóc miệng ấy chứ không dám nói cho Quang biết là Phú đã bị bắt, và đã được tha, sợ bạn ngượng. Tuy vậy Quang vẫn là người bạn tốt như thường, vì Minh vốn rộng lượng trong khi suy xét.

Trước khi được biết cái hồi hộp trông thấy mẹ và hai em, Minh phân vân nghĩ đến thân thế, cái cảnh ngộ khắt khe của những đảng viên cách mệnh được tha hay mãn hạn tù: bị kiềm thúc khổ sở, bị người đời kính nhi viễn chi, không có thể có được một kế xứng đáng, không thể hạ mình làm những việc mọn, sống dở chết dở, phải chịu một cuộc đời bần hàn, hại cho thanh thế mình, hại cho thanh thế cách mệnh, nếu không phải chịu cái khổ tâm nhất, đau đớn nhất, là bị những người thân yêu nhất đời của mình dằn vặt mình, đay nghiến mình như xẻo từng miếng thịt một, oán trách mình làm cho gia đình phải khổ sở vì cái việc mà có người bĩu môi bảo là: dại dột, a dua. Minh đã từng nhận được thư của những đồng chí được tha gửi ra Côn Đảo cho chàng, than phiền về cái cảnh ngộ đáng sợ ấy. Chàng sợ nhất là sẽ phải khinh bỉ những người thân yêu, hay là sẽ phải hối hận vì công việc... Chàng nghĩ thầm: "Nếu sự đời lại khốn nạn đến thế thì thà chẳng được tha về lại còn hơn!".

Giữa lúc ấy, không biết vì sao Quang lại hỏi bạn:

– Này, anh được tha về thế này, chắc anh sướng lắm đấy nhỉ.

Minh so vai hoài nghi, đáng lẽ đáp thì chỉ gật gù:

– Ờ, ờ, ờ.

CHƯƠNG VI

– Đẻ làm sao thế?

– Tao hơi nhọc mệt một chút...

– Đẻ có nhức đầu không?

– Không.

Cụ Cử vừa lắc đầu xong thì đưa tay lên giữa ngực ho sù sụ. Phú lo lắm, lại hỏi:

– Chết chửa! Không khéo mà đẻ lại cảm hay sốt gì thì thật nguy?

Đến đây cụ Cử lắc đầu một cách khó chịu vì đã nhọc mệt lắm. Cụ lại ho khan mấy tiếng nữa, hổn hển khẽ đáp gắt:

– Không! Đừng hỏi nữa, tao không làm sao...

Tuy vậy, Phú, cũng thừa biết là mẹ nói dối, vì sợ phiền lòng mình. Đã bao nhiêu lâu, lần này là lần đầu, Phú mới để ý nhìn kỹ đến mẹ. Lúc ấy cụ Cử nằm co ro, đầu gối lên một cái hộp sắt tây, mặt quay vào phía trong mái gianh. Một vành khăn nhiễu tam giang nhỏ xíu giữ một ít tóc hoa râm lơ thơ trên đầu, cái áo cánh nâu cái quần thâm đã bạc, phủ ngoài một cái thân thể gầy còm để phô nhọn cả lên như đỉnh núi chỗ bả vai và chỗ xương hông. Thêm vào những cái ấy còn có những nét vẽ bi đát của một chế độ nước lụt đồi bại nó điểm trên mặt những nét dăn của sự lo âu, nó đào ở hai mắt, ở hai má, ở hai bên thái dương những cái hố của sự đói khát bên cạnh những gò xương vêu vao, và nó rắc một thứ bụi lầm than lên trên quần áo. Hốt nhiên, Phú phải khiếp đảm bởi cái vẻ tiều tụy, tiều tụy đến nỗi gần hóa ra bần tiện nữa, ở mẹ mình. Chàng lẩm bẩm: "Ấy đó là cái kết quả mà bao năm đằng đẵng thờ chồng nuôi con!". Rồi Phú mím chặt môi, nắm chặt bàn tay, khao khát sự đánh đập, sự chửi rủa, sự phá phách...

Hai hôm nay rồi!

Thật thế, đã hai hôm nay rồi, ba người nhớn đã gần như nhịn đói, bốn củ khoai lang phải để giành cho thằng cu Hiền nó cứ đòi ăn luôn luôn. Tuy người ta đành ôm bụng chịu vậy, vì trong lúc lụt lội thì nhịn đói hai ngày chẳng có gì đáng lạ, nhưng mà hai ngày ấy, Phú thấy mới dài làm sao! Bị bó cẳng trên mặt nước, cứ ngồi xuông nhìn nhau vô kế khả thi, bên cạnh một người mẹ ủ rũ, một người chị hay

khóc, một đứa cháu dại quấy khóc suốt ngày, đã có lúc chàng tưởng chừng phát điên lên được.

Thật thế, vì rằng Phú đã xoay hết cách mà không xong.

Ngày hôm sau suýt bị vạ lây vì bọn cướp ở nhà ông Chánh Mận thì Phú đã cùng anh Hai Cò, anh này trốn việc đê, đánh một chiếc thuyền thúng ra nơi chợ tổng, cách làng ba cây số, một cái chợ trên mặt nước mà dân gian cũng cố sức họp để trao đổi cho nhau những thực phẩm nhật dụng, những hóa vật tối cần. Bữa ấy, anh Hai Cò bán một mớ tôm, cá, ốc, để đổi lấy một ít ngô. Còn Phú thì có lồng gà (một con mẹ, chín con con) với con mèo tam thể, những con vật mà không tống khứ được đi thì cũng đến chết đói mất. Đến chợ mãi mới đổi được lồng gà lấy hai rá gạo đỏ. Còn con mèo thì không ai hỏi đến thành thử lượt về lúc thuyền qua một vùng gò có cây cối um tùm, chim chóc tụ nhau ríu rít, Phú liền thả con mèo lên đấy mà rằng: "Thôi tao đành để cho mày hóa ra làm kiếp cáo thì may ra mày mới được no".

Nhưng hai rá gạo bữa ấy đã vơi hẳn vì phải chia cho anh Hai Cò về cái công cho đi nhờ đò, và trả nợ cũ vì từ hôm bị nước lụt, cô Tuất chỉ có việc đi vay gạo! Ai cũng nể cụ Cử, tốt vay dầy nợ, lúc mình có gạo, Tuất mới hiểu ra rằng được tin lắm có khi cũng là không hay. Cho nên hai rá gạo mà gia đình Phú đi chợ mà chỉ có cái hại là mất cả gà lẫn mèo, cái hại mà chàng phải cho là lợi, khỏi tốn thóc gạo nuôi gà và mèo. Xong rồi thì cô Tuất mới tiếc của mà lầm bầm: "Biết thế thì thịt quách gà đi lại được lợi cái ăn".

Hôm sau, Phú phải làm một cái cần câu, và cắm chung quanh nhà đến hàng chục cành tre khô. Chàng mất nửa ngày mới câu được ba con cá rô nhỏ đã sốt ruột lắm, nhưng may lúc nhổ những cành tre lên thì lại cậy được đến một rổ con những ốc vặn và ốc nhồi. Sung sướng quá, Phú vội lên bè chuối định đem bán các thứ ấy quanh trong làng, vì ngoài ông Chánh Mận ra, làng cũng còn vài ba nhà đủ bát ăn, và cần có thức ăn thì mới nuốt trôi được miếng cơm. Nhưng việc đi chạy gạo ấy chỉ hóa ra một cuộc du lịch vô ích với những cảm giác nặng nề của nó. Thì ra ông Chánh Mận đã bỏ làng. Người mà ông giao cho coi nhà mách với Phú là từ sáng sớm, cả gia đình nhà ông Chánh cùng với một ít lợn, bò, gà, vịt đã dùng một chiếc bè lớn mà tiến thẳng lên phía đê. Do thế những gia đình vẫn sống vì nhờ vả, vay mượn ông Chánh cũng bỏ làng ra đi cả. Những người khác thì

lên chỗ hạp long xin làm phu để lấy công mỗi ngày một bơ gạo, mặc dầu quan trên đã chuẩn lời yêu cầu của phòng dân biểu rằng trong việc bắt phu phải để một số đàn ông họ trông nom vợ con họ ở làng.

Chỉ còn đàn bà trẻ con, những người già yếu là ở lại.

Ông Lý trưởng thì, sau khi cướp vào làng một ngày, đã cùng ông Chánh hội lập tức bắt ngay tên lực điền, vẫn hầu hạ ông Chánh Mận – bữa ấy, tên ấy cứ đứng soi đuốc cho mâm cơm mà ông Chánh nghi cho làm nội công. Còn tuần tráng thì cố nhiên đã lâu nay vẫn ở chỗ đê vỡ.

Sau khi nghe anh mõ của làng kể những chuyện buồn ấy, Phú đã bùi ngùi đem cái rổ ốc về. Chàng luộc ốc, luộc cá, chặt nốt một cây chuối cuối cùng nó cũng gần thối vì úng thủy, làm một bữa canh rau. Sau bữa, cụ Cử đau bụng âm ỷ mãi.

Đến chiều thì Phú đã phải thất vọng trong cuộc tìm kiếm cái gì nhét cho đầy bụng. Câu thì cá không cắn mồi. Những con ốc trong khu vực sân của nhà cũng hóa ra hiếm, không còn bâu từng chùm vào những cành tre ngâm nữa. Trong lúc cùng quẫn, Phú nhớ ra rằng ở sau đình làng có một cây sung. Nhưng khi chàng ra đến nơi thì không còn quả nào trên cây, và mấy đứa trẻ trần truồng đứng chửi nhau loạn xạ vì tranh nhau một vài quả xanh còn sót lại. Sau khi hỏi chúng, thì Phú biết thêm rằng ngoài việc câu cá, bắt ốc, mò cua, chúng còn săn chuột trên cây mà làm thịt ăn, vì khi nước tràn vào thì có một số chuột trèo lên cây mà lánh nạn, mà sống như chim muông. Nghĩa là cái gì ăn được mà không chết người thì cũng ăn cả: cái số gạo mà những người đi phu gửi ông Lý đem về làng cho người nhà cố nhiên không bao giờ đủ. Một đứa kể cho Phú biết chuyện một đứa bé kia bắt một cái tổ ong để định ăn những con non trong tổ, đã bị ong đốt sưng khắp thân thể đau quá, ngã lăn xuống vực sâu. Vì tranh nhau một con nhái bén, một con trai, một vài ngọn rau, có khi chúng đánh nhau vỡ cả đầu. Người lớn ở nhà, những bà già sắp kề miệng lỗ, vì ai cũng chỉ biết bênh con cháu của mình, nên cũng chửi bới nhau om sòm.

Cả một làng!

Cái đói đã làm cho người đi đến cái chỗ cuối cùng của sự đồi bại. Với những cảm tưởng chua chát ấy, mỗi khi Phú đi kiếm ăn, mà chỉ đem có hai bàn tay trắng về nhà, thì thấy mình cũng có cái hậm hực tầm thường thô lỗ như người cổ xưa lúc chịu đói lòng mà về hang.

Trong phút thảm hại ấy, chẳng phải Phú chỉ biết khoanh tay chịu chết một chỗ. Chàng cũng đã nghĩ đến sự bỏ làng. Nhớ đến Hà Nội, nơi mà chàng cũng đã sống một thời sung sướng, có những bạn cũ, những họ hàng đã lâu không ra thăm. Phú lại nhớ đến ông tham Quang, người bạn thân của anh Minh, người có thể trông cậy được qua những ngày sóng gió. Khốn nỗi quần áo Phú như quần áo thằng ăn mày! Mà cái thẻ tùy thân của chàng thì vẫn nằm yên trong một ô kéo tại huyện ly. Đã không có cách gì thoát khỏi được cảnh lụt lội, chàng lại vẫn phải nơm nớp lo sợ có ngày lính huyện về xích tay lôi đi. Nếu mãi đến bây giờ Phú vẫn được người ta để cho tự do, ấy chính là bởi quan trên đương bận việc đê điều, và ông Huyện mới đến thay còn bỡ ngỡ chưa lục đến việc ông Huyện cũ để tù vượt ngục. Trong tình thế ấy, với bộ quần áo rách rưới ấy mà có lần mò ra Hà Nội hòng chuyện cầu cứu, thì Phú cũng đến bị người bạn của anh mình khinh rẻ mà thôi. Bạn bè đời này, chả nên hy vọng lắm!

Đêm hôm qua ông Lý về với những gạo mà người làng gửi cho thân nhân, và một cái tin mừng: trưa hôm sau, quan trên phát chẩn. Chỉ có một cái tin ấy cũng đủ cho những người đói lả cũng bỗng trở nên khỏe mạnh, thức cả đêm đi rủ nhau mượn chung thuyền, hoặc hộc tốc đóng những cái bè nhỏ bằng tre ngâm. Tự coi mình là kẻ đã có án, Phú dằn lòng để chị đi lĩnh chẩn. Chàng nói dối mẹ: "Tôi con giai thế này, ra đấy, nó thấy lại bắt đi phu hàn khẩu thì chết". Thế là buổi rạng đông hôm sau, Tuất đã trên một chiếc thuyền thúng với bác xã Dậu, chị Hai Cò, trông huyện ly thẳng tiến.

Phú đã đứng trông mấy chục cái vừa thuyền gỗ, thuyền thúng, bè, mảng nhất loạt đi về một phía như một cuộc đua thuyền, với đàn bà, con trẻ, rách rưới, đầy những rổ rá, ở trên... Chàng thấy trong lòng bỗng vui vẻ về cái chỗ hôm ấy sẽ chỉ phải nhịn đói có bữa sáng. Tuy chàng biết trước cái số gạo phát của Nhà nước sẽ chẳng thấm gì. Mẹ nó đã đi mấy tiếng đồng hồ thì thằng cu Hiền mới trở dậy. Phú cho cháu ăn nốt củ khoai. Chàng lại ru cho nó ngủ, và đứa bé cũng lại nằm ngủ, một cách ngoan ngoãn.

Đến đây thì cụ Cử bỗng ho một trận ghê gớm đến bậc tưởng chừng sắp rách cổ mất. Do thế, thằng cu Hiền giật mình thức giấc khóc òa lên. Đương đứng ngây ra, đầu hơi cúi, cặp môi mím lại, hai bàn tay nắm chặt, với cái khao khát muốn đánh đập một người nào hay đập phá một vật gì đó cho hả giận. Phú phải vội chui vào nhà.

Cụ Cử bắt đầu rên và khẽ gọi bằng thứ giọng của người ốm.

– Thế nào? Đã cho cháu ăn gì chưa? Trông chừng mẹ nó đã sắp về chưa?

– Lúc nãy đã cho cháu ăn khoai rồi. Chẳng biết bao giờ chị ấy mới về! Người làng cũng chưa thấy ai về cả.

– Tao rét lắm! Lấy cái gì mà che cho tao đi, sao mà gió quá thế này!

Phú làm như mẹ bảo. Phải chờ đợi lâu quá, thằng Hiền khóc to gấp đôi. Đến khi cậu rảnh tay vào bế được cháu lên thì mặt cháu đã đầy những nước mắt, lưng cháu đã nhễ nhại mồ hôi.

– A! Hiền nó ngoan đáo để! Hiền nó nín ngay bây giờ đây! Nín đi rồi cậu ẵm đi bắt chim cho mà chơi! Nín ngay đi nào, Hiền ngoan nào! Đây kia con chim nó bay kia! Bắt nó nhé?

Một con quạ khoang lặng lẽ bay qua trên mái gianh, buông ra hai tiếng "quà quà" rất buồn rầu, hình như cũng vì thủy lao mà khổ sở, thằng cu ngẩng nhìn theo ngón tay của cậu, nín bặt được một lúc, tuy hai môi vẫn còn giữ nguyên cái đà của sự khóc mếu. Rồi sau cùng, thấy lời dụ dỗ kia là suông tình nó lại khóc òa lên. Nó đói, tức thì Phú ẵm cháu bước ra ngoài mái gianh, xốc cháu lên vai, một tay xoa lưng cháu, miệng thì nói to hơn tiếng khóc để lấp liếm nó:

– À a a! Đây kia rồi! U mày đem quà về kia rồi!

Do cử chỉ ấy, Phú tình cờ cũng nhìn ra ngoài hàng rào găng. Thì xa xa, trên mặt nước lững lờ, một chiếc thuyền con đương tiến đến... Lạ! Ai thế kia nhỉ! Mà lại mặc âu phục ngồi ở mũi thuyền! Một người lái đò đẩy chèo ngồi đằng sau... Bộ quần áo tây trắng nhờ có mặt trời chiếu xuống mà thành ra như một chấm ánh sáng nổi bật lên trên màu nước đồng hung hung. Chiếc thuyền gần đến... Phú chỉ tay ra, thằng cu Hiền thành thử cũng nín khóc, ngây ngô nhìn... Cái thuyền cứ thẳng phía nhà Phú mà tiến vào. Người mặc áo tây giơ tay lên vẫy vẫy...

Thì Phú ôm chặt lấy đứa cháu nhẩy nhót trên bè nứa làm cho cả mái nhà tròng trành mà kêu rít lên.

– Anh Minh! Anh Minh! Đẻ ơi đẻ! Anh Minh đã về!... Đẻ ơi ngồi dậy đi, mau lên.

Đó là Minh thật.

Phú rất ngạc nhiên... Ở ngục về sao Minh có bộ quần áo sang trọng đúng mốt thế? Chàng mừng rỡ lúc thấy Minh trả tiền đò – anh

có tiền, và hình như vạm vỡ hơn xưa. Phú lại ngạc nhiên hơn nữa, vì cái sung sướng trong lòng Phú lúc ấy thật là cùng cực, vậy mà nét mặt của Minh thì lại thản nhiên một cách đáng phục. Cảm động quá, Phú không nói được mà Minh thì lại vỗ vai Phú nói luôn hai ba câu:

– Chú Phú! Anh được tha về đây rồi! Đẻ đâu? Ở nhà từ dạo ấy đến giờ không có sự gì đấy chứ? À đây đây, đứa bé này là con cô Tuất phỏng? Đẻ đâu? Phú quay lại, một tay lôi thốc cái giại lá gồi... Lúc ấy cụ Cử đã gượng ngồi dậy, hai tay còn chống xuống chiếu. Khi hai mẹ con trông thấy mặt nhau thì có một phút im lặng hầu như linh thiêng. Rồi Minh nghẹn ngào nói:

– Đẻ ơi đẻ, con đây! Thằng Minh đây! Con vẫn sống, đẻ...

Minh nhìn mẹ, rồi quay lại nhìn em. Cả ba người đều được cái sung sướng nó làm cho phải ứa nước mắt. Cụ Cử vẫn mải nhìn người con mà cụ đã tưởng không bao giờ về nữa, mãi cho đến lúc cụ phải đưa tay áo lên gạt nước mắt. Cụ thổn thức nấc luôn mấy cái. Tuy nhiên cụ chỉ nói được một câu:

– Con đã về...

Phú hiểu rằng trong ba tiếng giản dị đến nỗi như là vô vị ấy, có ngụ cái ý nghĩa của sự giải thoát trong bảy năm trời đau khổ, nó bao hàm tất cả cái sung sướng mà một con người làm giường cột cho gia đình chết đi bảy năm trời rồi lại sống lại. Đời lúc ấy tựa như một giấc mộng đẹp. Cái đột ngột của ngày về làm cho người ta vừa mừng rú vừa hoảng hốt, cái thứ mừng run lập cập của kẻ nào vừa chết hụt xong. Phú bảo anh:

– Mừng quá! Thật là bất ngờ! Giá anh gửi thư trước thì mất thú.

Minh nói:

– Có, tôi gửi thư báo trước đấy. Chắc vì lụt lội, vì chú đi phu phen, hoặc vì phu trạm lười đi nên thư không tới nơi.

– Sao anh biết tôi phải đi phu?

– Rồi sẽ nói chuyện.

Đáp xong em, Minh quay sang nói với mẹ:

– Đẻ ạ, bây giờ con được về như thế này, thì con lại tìm cách nào để đẻ lại được an nhàn như xưa thôi, mẹ con ta còn trông được nhau, thế này cũng là đáng mừng rồi.

Nhìn đến đứa bé lúc ấy lấm lét nhìn trộm mình, chàng rộ lên.

– À kìa cháu! Có quà đây! Chú Phú lấy cho cháu ăn đi! Minh đưa gói giấy nhật trình, cái gói mà Phú lúc nãy không trông thấy vì không để ý. Chàng mở ra thì thấy có một cân giò lụa và mười chiếc bánh tây.

Chàng reo:

– Ờ ờ! Rõ thật được gãi vào chỗ ngứa chửa? Sao anh mua nhiều thế này? Gớm, rõ hợp thời quá, đẻ và tôi nhịn đã mấy bữa nay...

Minh đáp gọn:

– Đoán ra biết chứ có gì lạ: Có mẹ đương giữa cảnh nước lụt mà không biết mẹ đói còn biết gì?

CHƯƠNG VII

Vì sốt ruột mãi chưa thấy chị về trong khi người làng đã lác đác có người về. Phú mượn một mảng bè nứa với một con sào, đánh bè ra đi. Trong lúc hỏi thăm, chàng đã biết qua rằng dân đi lĩnh chẩn đã phải trở về tay không – chưa hiểu vì lẽ gì? Cho nên chàng lại càng lo lắng về sự chậm trễ của Tuất.

Độ nửa tiếng đồng hồ, khi thấy chiếc bè lênh đênh trên những ngọn sóng đồng thì Phú mới thấy thuyền của Tuất hiện ra đằng xa... Chàng cắm sào lại, đợi...

Lúc ấy, thằng cu Hiền đã ngồi ngoan ngoãn trong lòng bác Minh của nó với cái bánh và miếng giò. Minh cũng đã bỏ âu phục ra, ngồi trên chiếc chiếu cạnh mẹ. Hai mẹ con từ đấy trở đi bắt đầu nói tất cả các chuyện, Phú đã phàn nàn:

– Ấy đấy, giả dụ đừng có lụt lội mà được anh về thế này thì còn vui biết bao nhiêu!

Nhưng Minh vội cãi:

– Thôi, người đời có ai được hoàn toàn sung sướng lúc nào bao giờ!

Rồi Minh hỏi đến Tuất. Bằng ba câu tóm tắt, Phú thuật những cái khổ của chị thì Minh ngậm ngùi, ôm thằng Hiền lên mà hôn hít một cách đáng thương xót. Ngay lúc ấy, Phú muốn Tuất về ngay cho mau. Anh Minh về là đáng mừng rồi: chả lĩnh chẩn thì đừng!... Thế là để Minh một mình đôi hồi với mẹ, mượn bè của một người làng, đánh ra, đi... Chàng phải đi đón Tuất để báo ngay cái tin mừng ấy cho Tuất mới được!

Vậy mà, bây giờ trông thấy Tuất, Phú lại đổi ý. Không, chàng chẳng báo cho chị ấy biết vội, cứ để chị về, rồi đột nhiên trông thấy, bất kỳ như thế cũng như Phú thì hơn!... Phải, phải! Báo trước có nghĩa lý quái gì!

Nghĩ vậy, Phú khoanh tay đứng, rồi ngồi xổm xuống những cây nứa, hai tay bó gối. Giữa cánh đồng trên trời dưới nước, gió thổi ào ào vào mặt Phú, lùa vào hai cánh tay cụt của cái áo rách ấy mà vào nách. Trong một phút hiếm có mà cái trí não người ta sáng suốt một cách lạ, Phú thấy mình đã trở nên người dân quê cả trăm phần trăm. Thật thế, nước lụt đã làm cho Phú không ngại chân lấm tay bùn, biết bơi, lặn, chở đò, chặt tre, quấn thừng, ăn cơm ngô khoai, làm những việc nặng nhọc và nhịn đói, những cái mà người xưa kia đã là một "sinh viên" trường Bưởi thì tưởng không bao giờ kham nổi. Chàng vừa mừng vừa ngạc nhiên cho sự thích hợp hoàn cảnh của mình.

Trông thấy Tuất, Phú bỗng thấy nẩy ra trong óc cái ý tinh quái, muốn trêu ghẹo người chị lắm nước mắt, chàng nạt nộ:

– Thế nào! Gạo đâu! Tôi đi đón chị đây!

Tuất cau mặt gắt:

– Ốm ờ gì thế? Mượn bè nhà Vạc ra đây mà lại còn không biết!

Phú làm bộ ngơ ngác rõ nhiều:

– Tôi mượn bè thì họ cho mượn chứ họ có bảo gì tôi đâu?

Chị Hai Cò le te mách ngay:

– Bác Tuất bác ấy khóc mãi rồi đấy. Quan tỉnh có về, nhưng mà chả có hột gạo nào! Ai nấy rủ nhau về tay không!

Phú gắt:

– Lại có chuyện lạ thế nữa!

Bà xã Dậu thấy Phú ngạc nhiên thế thì hình như sung sướng lắm. Mắt bà ta quắc lên, mặt bà ta như có một thứ ánh sáng chiếu đến. Bà nói một cách vui vẻ vô nghĩa lý:

– Thật thế đấy! Trở về tay không hàng nghìn người cơ! Ấy là chính bà Thống sứ cũng có về! Tôi trông thấy...

Bà quay lại với Tuất:

– Gớm cái nước da bà ta trắng trắng là, nhẩy!

Đến bây giờ Phú mới bắt đầu biết căm tức... Hàng nghìn người đi lĩnh chẩn phải về không! Sau khi lội nước mất cả ngày! Sau khi chở

đò hai mươi cây số! Phú nghe như chuyện người ta bịa đặt, tuy sự thật nó đã hiển nhiên! Chàng chưa muốn tin, tuy lúc nãy chàng đã tin rồi là vì không để ý nên chẳng kịp có một cảm tưởng gì! Ừ, một việc như thế, sau khi nhà Vạc than thở với chàng, mà chỉ ậm ừ như nghe một chuyện chỉ đáng để ngoài tai! Chàng nói trống không:

– Hay là lão Lý trưởng nói nhảm, chứ quan không sức.

– Cả huyện bị tên lừa chứ riêng gì làng này! Quan bảo đến mai.

– Vì làm sao lại để đến mai thì quan có nói không?

– Vì gạo chưa chở từ Hà Nội lên kịp. Thôi về chứ?

Phú xua tay nói:

– Chị Tuất hãy sang cái bè này với tôi. Còn bà xã, chị hai, có vội thì cứ việc về. Về mà nhịn đói thì làm gì mà vội.

Tuất bỏ thuyền sang bè. Cái thuyền lướt đi, Phú bảo chị:

– Chị ngồi xuống đây tôi hỏi đã. Không có gạo thì về làm gì vội, buồn chết.

Tuất phát biểu cái căm tức:

– Tiên nhân nhà nó thế! Mất cả một ngày! Cháu có khóc lắm không, cậu?

– Không, bà đương ẵm nó, nó khóc xoàng thôi.

– Thôi về đi cậu ạ.

– Hãy khoan đã! Về thì làm gì! Đầu đuôi ra sao, chị hãy nói tôi nghe. Quan tỉnh về phát chẩn thì có ai? Chị trông thấy những gì? Vô lý, phát chẩn mà lại không có gạo!

Tuất kể lể:

– Mới đầu thì có hàng nghìn dân đói ngồi quanh cửa huyện chờ, các quan Tây thì có bà Thống sứ, ông Công sứ, quan Nam thì có ông Tuần phủ, ông Huyện. Ngoài ra lại có bốn người áo tây, không biết là gì, ai cũng có máy ảnh, mà cứ thấy chụp luôn luôn. Các quan ngồi cả dưới gốc muỗm ở cửa huyện.

– Thế họ đến đây là để chụp ảnh à?

– Biết đâu đấy!

– Thế sao nữa?

– Rồi thì... dân đói chờ lâu quá, kêu lên các ông lý dịch. Các ông này mới kêu lên quan... Thì bà Thống sứ bảo chính bà cũng chờ như

mọi người, hễ gạo đến thì bà phát chẩn, mà chưa đến thì bà cũng chịu vậy mà thôi...

– Thế rồi sao nữa?

– Dân thì cứ chờ... Các quan cũng ngồi ghế trò chuyện, cũng chờ gạo. Rồi ông Công sứ và ông Tuần phủ làm nước chanh để các quý quan giải khát... Rồi lại chụp ảnh. Rồi sau cùng thì các quan bảo dân hãy về đến mai mới có gạo.

– Thế là ngót một nghìn con người vui vẻ ra về à?

– Lại còn vui vẻ gì? Mà có đến ba trăm người định ở lại huyện chờ đến mai...

– Ừ có thế chứ! Thế cho nó thấm thía!

Phú reo thế nhưng cô Tuất kết:

– Mãi đến lúc lính ra đánh đập một lượt họ mới chịu giải tán đi các ngả.

Phú hỏi:

– Thế mai chị có đi nữa không?

Tuất hỏi lại em:

– Cậu bảo có nên đi nữa không?

Rồi, không thấy Phú đáp, cô lại tự đáp:

– Cũng phải đi vậy chứ biết làm thế nào!

– Không đi thì chết đói cầm chắc...

– Mà đi thì khổ nhục quá đi mất! Cậu vừa nói gì? Có đi thì cũng chỉ được một bữa thôi. Rồi cũng chết.

Phú làm ra vẻ thảm đạm, chỉ xuống nước:

– Tình cảnh thế này tôi hỏi thật nhé: Chị có nhảy quách xuống không?

Thế là nước mắt nước mũi Tuất chảy ra ròng ròng. Cô nức nở đáp trong khi đưa tay áo lên mắt:

– Không vướng thằng Hiền thì... thì... cũng liều đi... cho xong!

Biết mình đùa quá nhả, Phú vội chữa:

– Thôi nín đi, tôi nói đùa đấy mà! Chứ đời nào đến nỗi thế! Đây này tôi báo cho chị một tin mừng đây này!

Cô Tuất sững sốt nhìn em, hai lông mày đưa lên phía trán, mắt mở to như để ngỏ sẵn tâm hồn ra chờ cái hy vọng chưa có tên, nhưng Phú tiếp:

– Hôm nay tôi câu được một con cá mè to thế này này!

Phú đã toan báo Minh về mà rồi lại nói thế. Tuất đứng thẳng lên, dậm chân một hồi dữ dội làm cho cái bè tròng trành, mà rằng:

– Nay về thì về ngay, mà chết đây thì chết ngay, cậu nghe ra chưa?

Đâm ra sợ hãi, Phú vội rút sào lên, lại cắm xuống đấy... Từ đây về đến đầu làng, chàng không nói một lời nào, chàng thỉnh thoảng mỉm cười khi thấy mặt Tuất cứ gần về đến nhà thì lại nhăn nhó lo sợ thêm. Vì rằng cụ Cử hay gắt mắng Tuất, mặc dầu cụ thương Tuất hơn ai hết. Cụ mắng cả vào những lúc cụ đã biết rõ Tuất không đáng tội chút nào.

Thoáng trông thấy một người đàn ông mặc quần áo trắng như là một chấm chói lọi giữa cái màu đất bùn của mái gianh điêu tàn, Tuất quay đầu lại nhìn em... Một cách tự nhiên nhất đời, Phú nói:

– Anh Minh được ân xá về đấy chứ có gì là lạ!

Tuất bỗng đỏ cả mặt. Cái mừng rỡ của cô lúc ấy có thể lẫn với cái thẹn. Cô cốc vào đầu Phú mà rằng:

– Rõ phải gió ở đâu đấy! Đã không bảo lại còn cứ trêu người ta.

Rồi khi cái bè vào đến sân, cô cúi đầu lễ phép chào Minh:

– Lạy anh ạ! Anh đã về.

Thấy em ngây ngô, Minh bật cười mà nhạo:

– Không dám ạ. Cô đã về. Gớm, trả con đây này, rãi rớt ướt hết cả một bên vai áo.

Tuất ẵm con xong thì Minh ái ngại nhìn mẹ, thở dài:

– Ba đứa con thì thằng kiếm được tiền bỗng phải đày, thằng nữa vô nghề nghiệp, mà con gái thì hóa chồng sớm! Chán thật, đẻ nhỉ?

Tuất ngây ngô hỏi:

– Anh ở ngoài ấy có khổ lắm không?

Minh cười, gật đầu:

– Cũng khá.

– Quần áo anh sao sang trọng thế? Anh có tiền à?

– Có một ít tiền. Quần áo cũng của... À quên kìa! Tôi có quà cho cô đấy!

Minh đưa giò và bánh ra. Rồi đứng lên vươn vai, lại nói:

– Thôi, tôi sang cái võng bên kia để chỗ cho mà ngồi.

Tuất nói như nói với khách:

– Lụt lội, nhà chả ra đâu vào đâu, chỗ đứng chả có, chỗ ngồi thì không, anh bằng lòng vậy.

Minh lại cười nghĩ thầm: "Người bộc tuệch như thế mà cũng hồng nhan bạc mệnh thì lạ thật!" Cụ Cử lại nằm xuống bảo con:

– Ừ, con sang võng mà nằm nghỉ kẻo mệt. Mát rười rượi ra đấy. Hãy nằm nghỉ một lát đã, rồi sau sẽ hay.

Trong cái đoạn "rồi sau sẽ hay" ấy, cụ để cả hy vọng khỏi nhịn đói. Ý cụ muốn nói đến bữa chiều thì sẽ đi mua gạo bằng tiền của Minh. Chàng cũng hiểu thế, và lẳng lặng bước qua cầu tre, cùng sang chỗ cái võng trên cây ổi cạnh mái bếp.

Hai anh em trò chuyện như là vào trường hợp ấy người ta phải trò chuyện nhiều như thế. Minh mừng rỡ rằng sau bảy năm chàng vắng nhà thì Phú trông nom được mẹ chu đáo, và đã có được một bản lĩnh chứ không đến nỗi như "ông chẳng ra ông, thằng chẳng ra thằng" như Minh vẫn lo. Còn về phần Phú thì chàng cũng lấy làm tự hào khi có một người anh vì quốc gia mà chịu thiệt, nhất là khi người anh ấy lại đối với chàng một cách có vẻ là bạn thân hơn là anh. Chàng để ý đến một câu hỏi đột ngột của Minh lúc hai anh em bắt đầu dốc bầu tâm sự một khi đã được ngồi riêng với nhau: "Trong thời gian anh vắng nhà thì chú không làm sự gì bậy bạ đến danh giá gia đình đấy chứ?" Nằm dài trong võng Minh từ tốn đặt những câu hỏi mà Phú phải thấy là bất ngờ. Vắt vẻo ở hai cành ổi, Phú đã thuật cả những việc tỉ mỉ của một đoạn đời đầy những cái không may và luôn luôn nhận được lời an ủi hoặc khuyến khích của Minh. Chàng thấy rằng trước mặt chàng đó là một thanh niên vẫn cao thượng mặc lòng trong bảy năm trời đã chịu một chế độ lao tù đồi bại, và vẫn anh hùng, mặc lòng đã chịu đủ thứ những ngược hình! Phú sung sướng như người đã vào lúc tình cờ quen biết được một người bạn mà lại thấy ngay là hiểu nhau, là có thể thân được với nhau ngay. Thật là quý hóa vô cùng, vì Minh về vào những lúc trí phán đoán của Phú đã nẩy nở, đã đến cái thời kỳ được nếm cái thú vị của sự tâm đồng ý hợp.

Hơn nữa, Minh lại cam đoan với Phú rằng có đọc báo thấy cái tin đăng Phú được ông Huyện ký giấy tha hẳn hoi. Với lời hứa của Minh rằng sẽ kiếm cho Phú một việc ở Hà thành, chỉ nay mai thôi, với cái

tin có thể thật được rằng mình đã được tha, Phú hồi hộp trong lòng, thấy cuộc đời mình bắt đầu đến quãng sáng sủa.

Việc anh Vạc phải đến tận nơi đòi bè làm cho trong chốc lát mà cả làng đã rõ cái tin cậu giáo Minh đã được tha, cả buổi trưa hôm ấy, người lại hỏi thăm tấp nập. Minh để ý đến câu mà hầu hết mọi người đều nói: "Thế mà trông cậu lại đẹp đẽ khỏe mạnh hơn ngày xưa!" Trừ ông Lý trưởng là đàn ông, còn thì chỉ là các bà già, bọn phụ nữ, vì đàn ông thì hoặc bỏ làng, hoặc đứng ở ngoài đê. Thành ra Minh chẳng gặp được những người mà chàng muốn gặp. Ông Lý trưởng thì rất hể hả khi ông ấy được cam đoan rằng ông không có phận sự quản thúc Minh. Việc ấy không có giấy tư về.

Tuất cũng có khách. Đó là người cháu bên họ nhà chồng gọi Tuất bằng thím. Người ấy, theo lời dặn của bố, sang yêu cầu Tuất về lánh nạn ở nhà mình tại tỉnh lỵ cho qua cơn lụt lội nếu Tuất ưng thuận, hoặc là nếu không thì cho xin thằng cu Hiền, Minh bảo rằng hãy để Tuất ở nhà một ngày, lấy lẽ được tha vừa về, mà người cháu kia thì vịn cớ nhân tiện một chuyến đò, yêu cầu Tuất đi ngay tức khắc. Về sau hai bên cùng nhượng bộ nhau bằng sự thỏa thuận ở một bữa cơm, rồi Tuất sẽ ẵm thằng Hiền cùng đi với người anh thúc bá của nó.

Bữa ấy, Phú đã là một tên bếp vất vả. Chàng sục sạo cả làng bên cạnh mới mua được một con gà gầy còm và vài lưng gạo hẩm. Chàng thổi lửa đỏ cả hai mắt vì khan củi khô. Cụ Cử rất hả dạ vì ở cảnh nước lụt mà thết cơm khách bên thông gia, cụ lại có mấy đĩa thịt gà. Thành thử cái vấn đề tái giá của Tuất lại có người thân bàn luận.

Sau bữa cơm, người kia lại xin ra đi. Minh bèn gọi Tuất ra một chỗ, dặn bảo... Tuất lại còn nói:

– Thôi, để mai tôi lên tỉnh, vì bảy tám năm nay anh em tôi mới được họp mặt nhau thì cho tôi đến mai. Anh về một mình trước vậy.

Sợ bên thông gia mất lòng, cụ Cử thét lên:

– Thôi, chả mấy khi cậu ấy sang đón, mày cứ đi ngay cho tao! Anh em nhà mày thì lúc nào họp mặt nhau sau này không được?

Cả hai đứng một chỗ xa mọi người. Minh hỏi Tuất:

– Thế nào? Cô định thủ tiết nuôi con đó sao?

– Em chả biết định thế nào cả.

– Này anh bảo thật, cái điều ấy khó lắm đấy. Cô không có một nghề gì trong tay, không lẽ suốt đời ăn bám mẹ ở nhà, không lẽ báo

hại mãi người nhà chồng... Tôi thấy đẻ nói có lão Chánh Mận đã hỏi, cô nhận đi cho yên phận, cho người ta đành, có hơn không.

– Chỉ thương thằng bé...

– Bác nó nuôi nó thì khác gì bố nó mấy? Mà cô lấy lão Chánh Mận rồi thì cũng sẽ có con nữa chứ sao? Nên nghĩ cho chín kẻo sau này chả đám nào được thế.

Tuất cúi đầu không nói. Lúc ra đi cô quên chào anh.

CHƯƠNG VIII

Người bếp vừa dọn bàn. Trên khăn giải trắng, mấy chén nước chè hãy còn đầy nguyên. Ông Huyện bà Huyện, ông bạn Khoát mỗi người có ở tay miếng lê, hoặc táo. Dung đương gọt vỏ nốt mấy thứ hoa quả ở một góc phòng không một ai nói một lời nào vào cái giờ nặng nề, uể oải của sự tiêu hóa sau bữa cơm trưa. Một bên chân để gập trên ghế, tay giữ cái tăm ở mồm, ăn đồ nước xong, bà Huyện cứ ngồi đờ ra nghĩ vơ vẩn...

Thấy vậy, ông Huyện ra hiệu kín cho vợ. Bà cầm khăn mặt đứng lên đi ra thì ông nháy mắt cho bạn, khẽ nói:

– Đi thôi.

– Nghỉ lát đã, không thì mệt lắm.

Ông Huyện lừ mắt, chặc lưỡi mấy cái, gắt:

– Đến đấy không nghỉ được hay sao?

Thế là ông đứng phắt lên, ra chỗ cái mắc, mặc áo vào, khiến cho bạn ông cũng phải làm theo như thế. Hai người cùng vội vã hút thuốc lào rõ kêu rồi lẳng lặng xuống thang. Từ buồng bên bà Huyện chạy ra hỏi: "Đi đâu thế các ông?" song, ông Huyện không nghe thấy hoặc không thèm đáp. Bà hất hàm cho con gái, nói:

– Mau ra bao lan nghe xem họ thuê xe đi đâu?

Dung chạy ra một lúc rồi quay vào, thưa:

– Con thấy cậu mặc cả đến Hàng Buồm.

Bà Huyện rút cái tăm ở miệng ra gật gù cái đầu:

– Đích thị lại đi hút thuốc phiện! Cái nhà bác Khoát này tệ lắm? Bạn hữu đời nay chỉ rủ nhau đi vào cái chết thôi, chả ích gì cả.

Tức khắc Dung cãi cho người vắng mặt.

– Me đừng đổ oan cho bác Khoát, phải tội! Con ngồi đây, con biết! Chính cậu giục bác ấy, chứ nào bác ấy có rủ rê gì cậu đâu!

– Biết đâu rằng không vì xưa kia bác ấy đã giục cậu mày cho nên đến bây giờ cậu mày phải giục bác ấy!

– Me bảo bạn hữu đời nay chỉ rủ nhau vào cái chết, vậy mà con thấy bao nhiêu chuyện can hệ cậu mợ đã bàn luận với bác ấy!

Đến đây, bà mẹ làm lơ. Bà kéo gối nằm xuống sập với cái mặt buồn rầu. Bà không thể nào không nhớ đến chuyện cũ.

Từ khi phải về Hà Nội thì bà Huyện đã sống những ngày vừa buồn tẻ, vừa khó chịu, như một người ở phải một chỗ thủy thổ bất hợp. Xưa kia ở huyện, bà có bao nhiêu quyền hành! Dù ở nhà, dù ra phố luôn luôn bà được người ta cứ một lời lại bẩm bà lớn, coi bà là cả một cái thế lực vạn năng! Vậy mà bà phải về một nơi phồn hoa đô hội, tại đó những cái tôn ti hầu như không có nữa, ai cũng cá mè một lứa. Bà đã sống một đoạn đời trống rỗng như một người không có địa vị gì...

Điều làm cho bà khổ tâm hơn nữa là bắt đầu thấy trong quĩ gia đình, khoản thu không trội hơn khoản chi bao nhiêu. Không kể những số tiền của đút mà bà gọi là bổng lộc cho nó sang trọng từ đây không có nữa, mà lại cả đến bao chè tàu, cái thủ lợn, buồng cau, cái chân giò, quả cam, thí dụ cần dùng đến thì bà cũng đều phải xỉa tiền ra cả. Thật là những sự chẳng vui gì cho một người nền nếp muốn làm giầu như bà. Mà nào có giàu! Từ độ ông được bổ đi tri huyện cho đến nay ông bị huyền chức thì lương bổng ông dùng để đóng họ trả nợ cũng chưa xong đấy thôi! Cái ý nghĩ ấy luôn luôn ám ảnh bà, làm cho bà được thể không bao giờ phải hối hận về chỗ đã sống trên sự bóp nặn, vì rằng kỳ trung thì chồng bà chính vì ra làm quan mà thiệt hại.

Đã thế, ông Huyện lại còn thay đổi tính nết. Lúc ở huyện ông thật đường đường rõ ra một vị "phụ mẫu chi dân". Bây giờ, trái lại. Cái không khí Hà thành làm cho ông trở nên vui vẻ trẻ trung hơn, và do thế, cũng đâm ra bậy bạ hơn. Xưa kia, giải trí thì tổ tôm là cùng. Bây giờ, thôi thì đủ thứ! Từ một người căn cơ, hàn gắn như đàn bà, ông Huyện đã hóa ra một nhà sư phá giới, liều lĩnh, chẳng coi đồng tiền vào đâu! Hát xướng, nhẩy đầm, yến ẩm, hút xách, những cái ấy, ông bắt đầu thử nếm, mà chẳng nhớ rằng trên đầu ông đã có gần hai thứ tóc. Ở chốn thành thị, sự tiêu pha trở nên tốn kém vì

ông Huyện mỗi ngày thêm rộng đường giao thiệp một chút, mà càng hiếu hữu quảng giao, ông càng hay đi đêm. Những bọn con nhà phá của chỉ đi làm để lấy tiếng, những ông tham tá trẻ, những ông huyện mới các tỉnh, thường tối đến đánh xe về Hà thành, đến tìm chồng bà, lôi vào quần thảo nhậu suốt đêm ở một tiệm khiêu vũ nào đó, cho mãi đến sáng hôm sau. Đối lại những việc như thế, bà lẩm bẩm "Cái thời buổi bây giờ nhố nhăng, chứ quan với tư gì lại như thế!". Trong óc bà bỗng có những hình ảnh thiểu não về cảnh gia đình tan nát nó sẽ đến mai kia. Bà coi Hà thành là một nơi nguy hiểm cho sự yên ổn gia đình, một nơi đắc thế của bọn vong gia thất thổ, một nơi mà cái sự suy đồi phong hóa là cực điểm, một cái ngục thất nữa, vì bị huyền chức một năm nay như vậy cũng hại cho ông Huyện như ông phải tù một năm. Hại cả tinh thần lẫn vật chất! Bà nhớ một cách xót xa thấm thía rằng từ độ về Hà Nội, vì cái chơi bời của chồng, trong nhà đã xảy ra khẩu thiệt mất năm lần – hơn năm tuần lễ có năm buổi chiều thứ bảy! – và bà đã bị người cầm cái họ, vì không thu được tiền, nói những câu rất đau: "Này, do đồng tiền của đứa nào mà người ấy được vác mặt lên bảnh chọe làm bà lớn thì chớ quên, mua danh ba vạn chớ bán danh chả được đồng nào đâu!". Không bao giờ bà lại quên được câu đay nghiến ấy.

Mấy hôm nay, bà thấy áo ông có giây một vài vết bẩn khó hiểu.

– Chết cái áo lụa thế này mà bẩn gì thế này, giặt ra làm sao, hay đến hỏng cả cái áo thôi?

– Đâu bà đưa con xem... a à, thuốc phiện đây ạ, bà đổ tị rượu vào mà vò thì sạch.

Người bếp già vừa cắt nghĩa xong thì thấy bà chủ đã nước mắt chạy quanh. Rồi, từ đấy, bà Huyện thêm một mối lo: chỉ trong thời hạn bị huyền chức là cùng, chồng bà khó lòng thoát nghiện.

Bà nặng nề trở mình, dằn vặt chân tay xuống cái sập gụ như gái đẻ lúc nổi cơn ghen. Không trông thấy cái bực dọc trên mặt mẹ lúc ấy, Dung hớn hở hỏi:

– A, mợ ngủ chứ! Con vặn quạt chạy nhè nhẹ nhé?

Thấy câu này, tình cờ có ba tiếng độc vận hay hay, Dung nhắc lại:

– Nhè nhẹ nhé?

– Thôi cô ạ. Phải bắt đầu hà tiện đi mới được. Cô có biết bố cô độ này phá tán thế nào không? Mẫu mực này, rồi thì ăn mày đến

nơi! Lấy quạt phẩy cho tôi một lúc đây!

Mặt Dung tiu nghỉu. Lúc ấy, nàng đang muốn đứng ở bao lan. Vậy mà nàng đã dại dột săn sóc đến mẹ để mà ngồi quạt! Trước khi cầm quạt, Dung lại quay ra bao lan trông ngóng một sự gì. Bà mẹ liền nổi giận, hét:

– Làm gì nữa thế?

– Con đóng cửa lại cho mợ khỏi chói mắt.

Nàng vào. Mặt nàng lại buồn hơn trước. Nhưng may là chỉ trong chốc lát, bà mẹ đã thấy dễ chịu, cái ngủ kéo đến thiu thiu. Dung làm cái phận sự ấy được một góc giờ nữa thì đã có thể đứng lên, bỏ đấy mà ra bao lan, mà không sợ phải mắng.

Tòa nhà Dung ở với tòa nhà ông tham Quang là chủ nhà ở bên cạnh, chỉ cách nhau có một lối đi rộng ba thước bề ngang một con đường đủ cho xe hơi có thể vào nhà chứa xe. Ở tận trong cùng sân trong là một cái vườn gần như chung. Hai tòa nhà cùng một kiểu nên tối đến, người ta có thể cứ ngồi ở hai bên bao lan trò chuyện với nhau mà cũng vẫn thân mật. Cũng do lẽ ấy, nên hai bên mở cửa sổ cho đều thì cái kín đáo của đồ đạc bị phô ra thông thống, hai nhà mà như là một nhà. Cái sự bất tiện về cửa ngõ ấy làm cho người ở hai nhà cứ phải rình mò nhau, phải nhường nhịn nhau, cứ những là chơi trò ú tim òa của trẻ thơ. Ngay cả vào những lúc cần lấy gió ở ngoài vào cho thoáng khi mà hai bên cũng vẫn phải giữ cái lệ là hễ bên kia cửa có đóng thì bên này mới để ngỏ. Còn nếu cả hai sơ ý thì không kể.

Vào lúc trước giờ ăn cơm, hai nhà cũng đã sơ ý, hai bên cửa sổ cùng để mở toang. Trong khi dọn bàn cơm khách, đã thành cái lệ là chủ nhật nào cũng mời cơm ông Khoát, lúc để chai rượu vang và mấy cái cốc vào bàn, tình cờ đưa mắt sang nhà bên kia, Dung thấy thấp thoáng hình như có thiếu niên giống Hoàng Văn Phú lắm, tuy mặt mũi Hoàng Văn Phú lần gặp thấy trong một điếm gạch chỗ phu hộ đê thì nàng chẳng còn nhớ rõ lắm. Trong một phút, nàng đã hồi hộp, như là người ta phải hồi hộp, vào những lúc bất chợt thấy cái gì nó khiến mình nhớ lại một thứ cảm giác mạnh mà mình không bao giờ quên được. Duy có điều người hộ đê bữa trước hình như già hơn cái người bây giờ, gọn gàng, sạch sẽ trong một cái áo trắng dài nhũn nhặn nó làm cho vẻ mặt còn cái tinh thần học sinh. Người ta có thể nào trước già mà sau trẻ không? Người học sinh này có phải là người

phu hộ đê xưa không? Tần ngần tự hỏi mình như thế, Dung cứ đứng ngây ra nhìn sang bên kia, chỉ mong người ấy cũng nhìn sang bên này. Nếu đích đấy là Hoàng Văn Phú thì thể nào chàng cũng phải nhận được ra Dung là ai, hoặc là, nếu không, thì cũng phải lúng túng như Dung là ít. Còn nếu người ấy có trông thấy Dung đứng bên này mà lại thản nhiên như thường, mà mặt mũi lại không để lộ một chút ngơ ngác, một chút phân vân, một chút cảm tưởng gì, thì đích xác là Dung đã trông lầm, hay là trong đời này có hai người giống hệt nhau đó thôi. Thật thế, Dung chỉ có cứu người, mà cũng còn nhớ mặt người, thì Phú được người cứu, trong một trường hợp đầy thi vị như một sự thêu dệt khó tin của tiểu thuyết như thế, không, không, không đời nào Phú lại quên được.

Dung đương đợi... thì người ấy không những chẳng nhìn sang mà lại còn đáp một câu: "Tôi xuống đây" rồi biến mất. Lúc ấy, Dung đã gần quên là phải xuống ngay bếp để xem người ở nó sửa soạn bữa cơm khách ra sao. Nàng còn đứng chờ, và sau khi biết chờ là vô ích, lại còn ra khép cửa sổ, để hở một cái khe nhỏ đủ mắt nhìn sang khi nào cần nhìn, vì sợ thấy bên này để ngỏ thì bên ấy lại khép cửa lại chăng...

Bữa cơm ấy, Dung đã bị bà mẹ mắng là ăn chậm quá. Sự nghĩ ngợi làm cho nàng nhai lâu. Óc nàng chỉ bận phán đoán có việc ấy. Nàng đã tìm hết mọi lý sự để bác đi rằng đó không phải là Phú, vì một người con nhà nghèo đến nỗi phải đi đắp đê cách đây không bao lâu thì chẳng có thể vì lẽ gì mà bây giờ lại có mặt tại một gia đình trưởng giả như nhà ông tham Quang. Mà có phải có mặt mà thôi không? Không, ở hẳn, chứ không phải chỉ có trong chốc lát – cái áo dài để hở khuy cổ, cái đầu tóc không chải, đã đủ cắt nghĩa rõ. Sau khi lý luận như thế Dung thấy hình như người ấy chẳng phải Phú, và như vậy là đúng nhưng nếu đúng thế thì buồn lắm, nàng lại không thích cái lý luận có thể đúng ấy ngay! Dung bèn tìm những lý sự trái ngược, thí dụ Phú là họ với ông tham Quang, bây giờ lụt lội phải ra đây lánh nạn, một sự tình cờ gì đó, v.v... Tuy nhiên những lý về sau nó thế nào ấy, nó hình như không còn là lý nữa. Suốt bữa cơm ấy, Dung lẳng lặng như người đàn bà giận chồng mà phải cùng ngồi một mâm với chồng.

Mẹ Dung chừng như đã ngủ hẳn.

Nàng khẽ để cái quạt xuống giường. Nàng đứng lên toan ra cửa sổ, bỗng lại dừng lại nhìn kỹ mẹ. Sau khi không còn phải sợ mẹ còn thức, Dung cũng tìm con đường chắc chắn, nghĩa là không đến đứng cửa sổ để nhìn qua khe nữa, vì nhỡ mà bà Huyện mở mắt ra thì trông thấy ngay Dung quả tang. Nàng ra hẳn bao lan, tuy đứng ở bao lan mà nhìn sang bên ấy thì lệch, cửa sổ bên ấy khép hẳn lại mất một nửa. Ra đến bao lan, Dung còn nhìn xuống đường. Giữa trưa, không một ai ở phố, và giá có ai thì chắc người ấy cũng chẳng nhìn lên làm gì cho chói mắt. Tuy vậy nàng cũng nom trước nom sau như một đứa trẻ đề phòng trước khi làm một điều đáng thẹn...

Trong khung cửa sổ hiện ra một cái đầu thưa tóc của trẻ thơ với cái gáy trắng nõn trên cái cổ áo sơ mi xanh mà Dung biết ngay là con giai ông tham, thằng Phúc. Bên cạnh nó thì là một mớ tóc gần dài lồng trong cái trật tự đều đặn của một chiếc lược bờm mầu lam. Con cái nhà ai? Chứ con chủ nhà thì không phải. Hai đứa trẻ ấy ngồi đây làm gì? Có phải chỉ có hai mà thôi? Sao thấy tiếng cười nói thì hình như còn có nhiều trẻ? Ông tham Quang chỉ có một con, thế là nghĩa lý gì? Dung tựa bao lan nhìn xuống đường, tai vẫn lắng nghe... Chợt thấy có một tiếng nói người lớn dõng dạc:

– Em Thanh ngồi lui về phía sau cho em Hiền có chỗ để sách... Phúc! Trông vào sách học đi, chóng ngoan... Học đi nửa giờ thôi, rồi chú nói với cậu cho đi chơi Bờ Hồ ăn kem Nhật Bản.

Đến bây giờ, Dung thấy rằng mười phần thì nàng đã cầm chắc đến chín rồi. Sự thấy ngờ ngợ của nàng đã biến đổi thành ra quả quyết. Cái giọng nói cương nhu ấy chính là giọng nói của anh phu hộ đê buổi xưa chứ không còn sai.

– Thế bao giờ ông Cử được tha?

– Bẩm ông tôi chết tại Côn Đảo đã lâu rồi.

– Giáo Minh liệu có được tha không?

– Bẩm chắc có, vì tin tức riêng chúng tôi nhận được cũng đã đích xác.

– Thế thầy từ nay đừng có lôi thôi sinh sự với họ nữa nhé!

Trong một phút, Dung đã trông thấy lại cảnh cha nàng thoạt đầu nạt nộ và sau dịu dàng với anh chàng phu phen đặc biệt ấy, cái điếm gạch sứt lở mà tường đầy những nét vẽ than và vẽ gạch non nguệch ngoạc nên hình những ông tướng Tam Quốc thô lỗ, ông tham lục lộ mặt sưng sỉa, những thầy tổng lý chạy nháo nhào trên mặt đê...

– Thưa cô; cô là ai?

– Một nàng tiên xuống cứu người lâm nạn.

– Thưa cô...

– Thôi, không được hỏi gì nữa! Trốn ngay đi cho mau. Nội trong đêm nay không khỏi vùng đất này ắt chết! Đi!

– Tôi xin nhớ ơn cô đến chết...

Dung lại trông thấy rõ người thiếu niên ấy mặt mũi lem luốc bị giam hãm, với cái lô cốt mập mờ cao sừng sững trong đêm khuya, mồi thuốc lào và anh lính cơ, tiếng bõm của chiếc chìa khóa ngục vừa rơi xuống nước giếng, cái âm u lặng lẽ của huyện đường.

Nàng chợt rùng mình, lại vừa cảm thấy cái sung sướng trong cái sợ.

Đích thị đó là người Dung đã cứu thoát tù tội rồi! Nào, nào, hỡi người kia! Hãy sửa soạn để mà bất kỳ trông thấy mặt ân nhân, nếu người không là vô ân! Dung vào chỗ cửa sổ, soi gương bằng miếng kính cửa, để vén lại mấy sợi tóc, xốc lại cái cổ áo. Nàng sẽ cho người ấy thấy cảm giác mạnh bằng cách bất kỳ mở tung cửa, để người ấy trông thấy nàng như trông thấy sự xuất hiện của một nàng tiên.

Tiếng vấp của hai cánh cửa gỗ vào tường làm cho Phú ngẩng đầu lên. Dung nhìn sang tròng trọc. Phú thì trước còn ngơ ngác và sau thì lúng túng không biết nên xử trí thế nào... Dung vẫn nhìn sang bằng cặp mắt của người đã gia ân đàn hạch kẻ đã chịu ơn mình. Phú hơi hơi cúi đầu như muốn kính cẩn chào mà lại còn e sợ. Dung hơi nhếch đôi môi, mỉm cười.

Nhưng thấy thầy giáo của chúng đờ đẫn thế, mấy đứa trẻ vội quay nhìn về phía sau lưng... Dung gật đầu đáp, Phú vội với tay kéo hai cánh cửa. Vừa gặp lúc bà Huyện kêu the thé:

– Sao chói mắt người ta thế, hở bà!

CHƯƠNG IX

– Phú! Đi xem chớp bóng đi.

– Thôi, cám ơn...

– Đi chơi cho vui chứ cảm ơn cảm iếc cái gì?

– Tuần lễ nào cũng đi, thế nhiều quá...

– Ô! Cái chú này kể cũng ngộ thật nhỉ?

– Thôi để mời ông bà...

Quang so vai, không bằng lòng với lối xưng hô ấy. Chàng cho Phú vừa trẻ con, lại còn vừa nhà quê. Quang đã cư xử với Phú như với một người em ruột, đáng lẽ Phú cũng phải gọi Quang như Minh mới phải. Song lẽ cứ mỗi lần Phú gọi Quang là thưa anh thì chàng lại thấy ngượng mồm lắm. Chỉ vào những lúc riêng có hai người mà Quang tỏ vẻ thân mật hết sức, Phú mới dám gọi Quang là anh. Nếu có mặt cả hai vợ chồng thì thế nào chàng cũng kêu "ông bà".

Đã mười hôm nay, Phú ở đây với cái địa vị một tay gõ đầu trẻ. Cái chân ấy đáng lẽ là của Minh. Thấy bạn về, sinh kế không có. Quang đã muốn bạn có một việc tạm bợ. Chàng thu thập được độ năm sáu đứa trẻ con, trong số đó, con giai của Quang thì mới học vỡ lòng a b c, còn những đứa khác thì học lực vào chừng dự bị sơ đẳng chi đó. Dạy những đứa trẻ ấy, mỗi tháng lấy chừng hai chục đồng. Minh cảm ơn sự thu xếp của bạn, nhận lời và chỉ sửa đổi một khoản là đáng lẽ chính chàng cáng đáng công việc thì chàng để cho em. Quang hiểu ngay là Minh sợ mất giá trị – xưa kia đã là giáo hạng năm, và trong làng cách mệnh thì Minh cũng là một tay cừ khôi vì học thức khá – và vội vàng đáp: "Được rồi! Anh nhận hay Phú nó dạy thì cũng thế cả. Điều cốt yếu mà tôi để ý là làm cách nào cho mỗi tháng nhà anh có một số tiền mà chi dùng, thế thôi". Quang không thể có cách nào giúp bạn sang trọng hơn nữa. Minh cũng biết thế cho nên về nhà thăm mẹ được một hôm rồi thì chàng bèn đưa Phú ra giao cho Quang rồi về làng. Tự độ ăn ở nhà Quang để dạy học con Quang và những đứa ở nơi khác đến (con bạn hữu của Quang), việc gì Phú cũng rất có ý tứ, vì chàng không quên rằng đã nghèo thì mình lại cần tự trọng lắm. Do thế, trong cách cư xử, vợ chồng Quang muốn gần gụi Phú như một người nhà mà chàng thì cứ mỗi khi thấy người ta gần mình quá, lại phải nhích ra một tí. Mỗi khi không được bằng lòng điều gì, Quang lại bảo Phú là nhà quê.

– Đi xem chớp bóng thì tất nhiên mỗi tuần lễ người ta thay một cuốn phim mình lại phải đi một lần, chứ sao lại bảo nhiều?

Phú tìm được một câu thần diệu để đối phó với sự nài ép:

– Sự thực thì phim nói, tôi xem không được hiểu lắm.

Lúc ấy, Phú ngồi trên một chiếc ghế gần cửa ra vào. Quang và đứa con giai đã quần áo chỉnh tề lắm. Người vợ của Quang thì hãy

còn ngồi trước bàn gương xoa phấn để chồng phải chắp tay sau lưng đi đi lại lại, ra ý sốt ruột lắm. Sợ chồng gắt mình trang điểm lâu, cũng mời thêm một câu:

– Tưởng hôm nay chủ nhật thì thầy trò cùng đi cả cho vui.

Ngừng một lát, người vợ lại hỏi chồng:

– À thế nào? Cậu thử hỏi hộ xem bác Phú đã đòi tiền nhà bên chưa?

Phú đáp:

– Tôi định sang thu từ sáng sớm nhưng hình như lão Huyện chưa về.

Quang cười rộ như một đứa trẻ con mà rằng:

– Nêu lão hay vợ lão mà xin khất thì cứ đập bàn đập ghế làm tung thiên lên cho đỡ ghét, nhé?

Phú cười thì vợ Quang ngừng kẻ lông mày, quay lại cau mặt hỏi:

– Ấy chết, sao lại thế?

Quang lại cười to hơn nữa và cắt nghĩa:

– Ngày xưa, lão Huyện còn cai trị huyện của Phú thì đã bắt giam Phú một cách trái phép. Cho nên tôi mới nhờ bác Phú sang thu tiền nhà để có ý gì thì nói tệ cho nó bõ, mợ hiểu chưa?

Vợ chàng mỉm cười ranh mãnh, hời hợt nói:

– Được lắm. Nhưng mà nếu chính cô con gái có khất thì bác đừng nói tệ, nhé bác nhé?

Nghe thế, Phú thẹn đỏ mặt, tưởng chừng thiên hạ đã đọc rõ cả những ý kín đáo trong lòng chàng. Nhưng cái phút ấy không dài, vì vừa đến lúc ấy thì người vợ phấn sáp đã xong.

Hai vợ chồng ríu rít dắt con ra đi làm cho Phú như trông thấy cả hạnh phúc của họ nữa.

– Thôi thế ở nhà trông nhà hộ vậy nhé?

– Được lắm!

– Nào, Phúc! Chắp tay xin phép thầy đi xem!

– Con xin phép thầy cho con đi xi nê ma với cậu mợ con ạ.

– Ừ, Phúc đi cho ngoan nhé!

Rồi Phú cúi xuống hôn cậu học trò quý: chàng vốn có tính yêu trẻ. Chàng ra theo, đứng ở cửa một lúc lâu, nhìn sang bên cạnh rồi lại quay vào. Sau khi trù trừ một lúc lâu, Phú lấy lược chải đầu, quả quyết sang bên cạnh: “Không hôm nay thì chả còn dịp nào nữa!”.

Thật thế, hôm nay chỉ có một cô con gái ở nhà, ông Huyện và vợ nghe đâu như về quê đến tối mới ra. Chàng đã sai đứa đầy tớ nhà Quang hỏi dò người bếp nhà ông Huyện được cái tin ấy. Mấy lần trông thấy cô con gái ông Huyện qua hai khung cửa sổ nhất là lại được mỹ nhân ra hiệu cho mình, Phú thấy ý chí bối rối, tâm cảnh bâng khuâng. Chàng thường tự hỏi một cách run sợ. "Tại sao? Ừ, tại sao, sau một chuyện dị thường như thế lại đến cái cuộc gần gụi tình cờ như thế?". Rồi chàng đã sống những phút mơ mộng âm thầm như của người yêu một lần đầu tiên. Đã mấy lần Phú tự nhủ rằng có lẽ cứ để thế và hai bên đều cùng chỉ đến thế thôi, việc gì nửa kín nửa hở vẫn cho ta hưởng nhiều phút có thi vị. Song chàng lại tự căn vặn: "Nhưng mập mờ để làm gì? Biết sự thực cho rõ ràng hay là biết cả cái đau khổ của thất vọng nữa, đó há chẳng là cái can đảm của lòng người sao?". Sự cám dỗ bao giờ cũng mạnh hơn hết cả.

Bảo đứa đầy tớ khóa cửa xong, Phú đi ra với một dáng điệu ung dung, khoan thai, và tự nhiên nhất đời. Không muốn cũng chẳng được, chàng cứ thấy việc chàng định làm là một sự mà thiên hạ có thể bình phẩm, và cần phải dấu diếm cả đứa đầy tớ.

Sau ba tiếng gõ, người mở cửa chính là Dung, Phú giật mình, đứng lùi lại, quả tim bỗng dưng đập mạnh như của người chạy thi lúc tới đích. Dung trông thấy sự cảm động của Phú, bèn dõng dạc hỏi to cho mình khỏi phải ngượng:

– Thưa ông, ông hỏi gì?

Phú ấp úng đáp:

– Thưa cô... tôi hỏi ông... tôi hỏi quan Huyện.

– Thưa, cậu tôi không có nhà.

– Dạ... thế thì tôi hỏi bà lớn.

– Mợ tôi cũng lại vắng nhà nốt!

Đến đây cả hai người cùng lúng túng, nhất là Phú. Sau Dung lùi lại, dang tay trỏ ghế và mời.

– Xin ông cứ vào chơi... Và có việc gì ông cứ bảo tôi cũng được ạ.

Phú từ từ tiến vào, mắt vẫn đăm đăm nhìn Dung. Chàng nói lúng búng trong cổ họng:

– Thưa cô, chỉ sợ có điều gì bất tiện...

Dung nhìn Phú một cách rất có tình ý, và lại đáp khẽ hơn nữa:

– Không, nhà vắng cả.

Nàng ngồi trước rồi trỏ tay mời Phú ngồi sau. Thấy phòng khách hơi tối, Dung lại đứng lên ra mở hé hai cánh cửa sổ. Ánh sáng chiếu chan hòa vào phòng.

Trước khi ngồi vào chỗ, nàng lại đứng ở bàn rót một chén nước và lấy một phong thuốc lá. Khi nàng ngồi xuống ghế thì Phú nói đã có vẻ rắn rỏi:

– Thưa cô, tôi sang đây cũng có một cớ quang minh chính đại lắm. Nguyên tôi ăn ở nhà ông tham Quang để dạy học đứa con ông ta. Muốn được nói với cô một lời, vâng, chính thế, muốn được nói với cô một lời, tôi đã nhận lấy cái việc sang đây thu tiền nhà hộ ông ta. Bẩm, giấy biên lai tôi có đem sang đây...

Nói xong, Phú để ra bàn tấm giấy, Dung cầm lấy xem, mỉm cười và nói một cách vui vẻ:

– Thế này thì chắc ông phải sang đây lần thứ nhì nữa, vì cậu mợ tôi về quê chưa ra.

Phú thực thà xoa tay nói ngay:

– Bẩm điều đó không sao ạ, vì không phải mục đích tôi sang để thu tiền...

Dung so vai – nàng cố ý để Phú nom thấy cái so vai ấy – và quay nhìn vào phía trong khiến Phú cũng nom theo rồi nói:

– Ông nói to quá!

Thấy Dung có một thái độ dễ dãi đáng yêu với mình quá (ba câu đáp, lời không những đã ý vị mà lại còn như có trù nhẩm từ trước), Phú hóa ra bạo dạn. Tức thì chàng nói ngay:

– Vâng, mục đích không phải thu tiền nhà... Thưa cô, từ hôm tôi được gặp "một nàng tiên" cứu cho thoát khỏi vận hạn thì tôi không ngờ rằng lại còn có phen được gặp nàng tiên ấy một lần nữa! Bữa nay rõ là một sự tình cờ quý hóa vô ngần. Cho nên tôi chẳng ngại ngùng gì tìm cách để được... cô tiếp, để nói vài lời, gọi là tỏ lòng cảm cái ơn xưa.

Phú nói đến đấy thì ngừng lại. Hai má Dung bỗng đỏ bừng. Phú vừa mừng rỡ vừa ngạc nhiên ở chỗ chàng đã nói những câu mà chàng cho là có văn vẻ. Cái vui ấy khiến Phú phấn khởi lắm. Thấy mặt Dung hồng hào, sung sướng, chàng lại nói:

– Ồ ồ! Tỏ lòng cảm ơn... như vậy kể chẳng khó gì! Giá dụ tôi có cách gì, và có dịp nào báo đáp được cái ơn ấy, cho nó thiết thực hơn nữa, thì cái đó mới đáng kể, chứ như bây giờ, mấy câu cảm tạ suông! Vậy mà khó lắm vì chịu ơn thì dễ mà đền ơn thì khó...

– Ông dạy quá lời, chứ có gì đâu!

– Thưa cô, chính thế đấy ạ. Giữa lúc tôi bị giam thì vỡ đê. Ở làng có mẹ già của tôi, và chị tôi, nếu tôi không về ngay thì hai người khó lòng an toàn tính mệnh.

Phú ngoa ngôn như thế mà vẫn cứ tưởng nói thật. Chàng quên khuấy đi rằng cái ơn to đã khó đáp đến như thế thì chẳng còn có cớ gì cho chàng lại còn dùng lời lẽ bay bướm để thêu dệt cho nó cứ to tướng mãi lên! Chợt nhớ đến lúc bị tra khảo trong nhà giam ở huyện, Phú lại sốt sắng và hùng hồn tiếp:

– Nói cho đúng sự thật thì một cử chỉ của cô mà đã cứu được ba mạng người... Vì rằng chính tôi lúc ấy, tôi đương bị họ tra tấn một cách dã man ghê gớm không thể nói chuyện với cô được nữa cơ! Khiếp lắm! Bị giam lại một ngày nữa thì ắt tôi cũng chết vì đòn rồi! Thật thế, lúc tôi nói rằng cô đã cứu sống được ba mạng người thì không phải tôi nói ngoa...

Dung cười khanh khách mà rằng:

– Ồ! Thế ra tôi mà cũng giỏi nhỉ? Chẳng gì thì trong đời tôi, hèn ra tôi cũng đã có làm một việc, một việc mà ít ai làm nổi, là cứu sống một lúc được ba mạng người?

Phú giương to hai mắt, gật đầu như trẻ con:

– Chính thế đấy ạ!

Dung mỉm cười tinh quái nhìn trộm Phú rồi mới nói:

– Thế thì tôi ước rằng trong ba người ấy sẽ có một nhân tài của xã hội để cho cái công của tôi to hơn nữa.

Phú cúi đầu đỏ mặt. Dung nghiêm giọng nói:

– Sau việc ấy chắc ông cũng biết rõ tin tức thuộc về ông chứ?

Phú ngẫm nghĩ vài phút rồi đáp:

– Vâng... có... Nghe đâu như là sau đó thì... quan Huyện tha bổng cho tôi. Thật quả tôi rất ngạc nhiên. Tôi cứ lo sẽ bị lùng bắt, thì rồi cũng đến tù tội và đã phải có lúc rất hối hận về chỗ vượt ngục đấy ạ.

Dung đứng lên ra chỗ tủ chè, mở một ngăn, lấy mấy tờ nhật trình. Nàng đưa cho Phú mà hỏi:

– Ông đã đọc báo này chưa? Ấy sau khi nhận được ông ở bên ấy thì tôi cũng muốn trao cho ông mà không biết nghĩ ra cách nào cả.

Phú cầm lấy một cách rất kính cẩn. Tờ báo ấy, khi mới về Hà thành, chàng đã đi mua ở báo quán, và, sau khi đọc mới được ăn no ngủ yên. Vậy mà bây giờ chàng lại đọc lần nữa một cách sốt sắng, và trên mặt cũng thấy như hiện ra những cảm giác rất thành thực nữa.

– Bẩm làm sao việc lại có thể xoay ra như thế này được ạ?

Trong khi Phú đọc, Dung dò ý tứ trên mặt Phú. Thấy như Phú đọc lần này là lần đầu, nàng bèn sửa soạn lời cắt nghĩa ngay. Cho nên khi Phú hỏi, tức thì nàng đáp trôi chảy:

– Tôi làm cho ông đi thoát như thế này thì... ấy là bao nhiêu tội đổ cả vào đầu lão lục sự và anh lính cơ. Sở dĩ việc xoay ra như thế vì cậu tôi thương người. Nếu làm biên bản lên quan trên là ông vượt ngục thì tất hai người ấy phải tù, lại hai gia đình nheo nhóc... Bất đắc dĩ cậu tôi, muốn gỡ tội cho họ, phải tuyên ngôn với nhà báo đã tha hẳn ông ra.

– Bẩm thế chính quan Huyện cũng không biết rằng cô dính vào?

– Biết thế quái nào được!

Phú ngơ ngác, vừa mừng vừa băn khoăn, một lúc lại hỏi:

– Bẩm thế cũng không có việc vượt ngục của tôi dính dáng tí nào đến việc huyền chức của quan Huyện nhà?

Dung lại đáp một cách tự nhiên:

– Việc gì? Huyền chức chỉ là vì vỡ đê, mà đê vỡ thì là tại sở lục lộ chứ! Cậu tôi bị oan. Thật ra cậu tôi là một ông quan rất tốt.

– Vâng, quan Huyện là người nhân đức, làm bậy chỉ là bọn nha lại dưới quyền, họ láo lếu khi quan không có ở huyện...

– À, thế nào? Ông anh ông... ông giáo gì đó, được tha về chưa?

– Cám ơn cô, anh giáo Minh tôi được tha về hôm nọ rồi.

– À phải ông giáo Minh.

– Chắc là cô chỉ vì nghe quan Huyện hỏi tôi mà nhớ. Cô nhớ lâu thật.

– Vâng, ấy vì tôi nghe cậu tôi hỏi ông khi ông còn làm phu đắp đê bị lính bắt vào điếm.

Đến đây hai người không tìm được ra câu gì mà nói nữa. Phú uống chén nước, sợ mình ngồi quá lâu vội đứng lên:

– Bẩm, xin phép cô cho tôi cáo lui... Tôi đã được nói những điều cần nói, được tiếp lâu, thế cũng là mãn nguyện lắm rồi... Cái ơn ấy tôi xin ghi lòng tạc dạ. Và tôi yêu cầu rằng mai hậu có cần gì đến tôi, xin cô cứ dùng cái quyền của một người ân nhân... Tôi được hội diện lần đầu, quý hóa quá, và tiếc quá, vì chắc cũng là lần cuối cùng...

Phú nó đến đây thì cúi mặt ra vẻ buồn rầu, chàng chỉ mong Dung mời đại khái: "Có thời giờ rảnh ông cứ sang chơi". Nhưng Dung không nói gì cả. Chàng đến lúc buồn rầu thật, bèn đứng lên:

– Kim Dung! Kim Dung quý nương, cái mỹ danh đáng kính trọng ấy, tôi đã khắc hẳn vào tấm bia ký ức của tôi rồi. Tôi lại xin lỗi cô về chỗ đã hỏi và biết rõ tên cô ở miệng một người khác... Thưa cô.

Dung cười vui vẻ:

– Được ạ. Cái đó không hề gì.

Đứng lên đã lâu rồi, Phú cũng chưa chào mà ra cho xong đi chàng cúi đầu nhìn mãi mũi giày lại nói:

– Hoài của! Giá dụ cô cũng là một bạn giai thì có phải hạnh phúc cho tôi không! Thì tôi có được một người bạn quý!

Dung lại cười mà rằng:

– Sao ông ích kỷ thế! Sao không nói giá dụ ông là bạn gái để cho tôi có thêm một cô bạn thì có phải hơn không?

Phú cũng cười, cãi:

– Nhưng nếu là bạn gái thì ắt chẳng diễn thuyết hiệu triệu dân quê và xúi giục ai biểu tình, chẳng đến nỗi bị bắt.

– Ấy thế!

– Thôi kính chào cô ạ.

– Không dám, kính chào ông ạ. Ông quên chưa thu về cái giấy biên lai đây này.

CHƯƠNG X

Ba tháng qua.

Sau khi nước rút hết ra hoặc bị mặt trời hút khô đi, thì này đây, hạn hán đã bắt đầu báo trước cái tai hại đáng kinh hoàng của nó. Ở ngoài đồng, ở trong làng, ở sườn đê, ở các gò đồng, ở bờ rào, ở chỗ nào cũng vậy, chỉ là cái màu trắng xóa của đất phù sa. Cỏ chưa biết

bao giờ mới kịp mọc. Mặt đất phô ra cái quang cảnh trơ trẽn đáng giận như một người đàn bà mà lại không có tóc dài trên đầu. Sự xúc phạm, sự phá hoại của nước lụt đã là đầy đủ. Cây cối chết vì úng thủy, giơ thẳng lên không gian những cành khẳng khiu không lá, như những cánh tay của bọn hành khất, trông rõ tang thương. Những bụi tre chỉ còn gốc đã ngả ra màu củi khô. Bao nhiêu làng, bị lấy mất lũy tre xanh trong lúc hộ đê, để phô ra những túp nhà lá điêu tàn, xiêu vẹo mà nước lụt điểm ngang ở chỗ giữa vách. Người nghèo cố đào ngoáy xoay xỏa trên mặt đất cũng không kiếm ra cái gì ăn được, ấy là đất tốt màu vô cùng.

Trong suốt một tỉnh, chỗ nào cũng đầy ra những ăn mày, hoặc là trộm cướp tứ tung.

Nhà nước ước chừng số dân đói tổng cộng là hai vạn bẩy nghìn rưởi người. Trong một tháng trời, đã có hai lần phát chẩn của Ủy ban Cứu tế, mỗi lần một đầu người được hai bát gạo. Mỗi lần có chẩn tế, bọn cùng dân lại kêu la rằng những đứa to đầu hơn họ – ý nói bọn lý dịch vậy – đã ăn chặn mất của họ, vậy mà kỳ trung thì cũng chẳng người nào được một bữa cho no nê!

Chính phủ có bỏ tiền ra cho dân vay để mua mạ cấy tái giá, nhưng dân vay được chỉ là hạng có tư sản, ruộng ít ra cũng từ một mẫu trở lên. Kẻ có một vài sào thì Nhà nước không cho vay tiền, – và giá có cho vay thì họ cũng chẳng có cơm đâu mà chờ được cho đến ngày cây mạ thành cây lúa. Bọn dân cùng ấy bỏ làng đi tha phương cầu thực, sẵn sàng giơ sống lưng và hai bàn tay ra xin việc để kiếm mỗi bữa một hai xu, bất cứ việc gì cũng làm.

Người ta thấy trên những bước đường thiên lý hàng đàn hàng lũ những dân vong gia, trai tráng mà đã gầy còm, hoặc già nua mà vẫn hăng hái, vừa đàn ông vừa đàn bà, kẻ liềm, kẻ đòn gặt, đi xin việc ở những người không có thừa việc. Là vì trong cả một tỉnh, đã hơn một tháng nay, trời không đổ xuống một giọt mưa. Cái số người được hưởng kết quả của mạ cấy tái giá thì thật hiếm lắm.

Hạn hán! Thật thế, trong khoảng một trăm ngày thì, một nửa, cả tỉnh ủng sũng những nước, mà nửa về sau thì đất khô, cỏ héo, ánh nắng mặt trời gay gắt thiêu đốt cỏ cây, vạn vật, để lộ cái trắng lấp lánh trên mặt đất phù sa. Có làng chỉ còn một cái ao con, đã cạn đến đáy, chỉ còn một vũng nước nhỏ, mà ăn đấy, tắm giặt đấy. Có khi ta trông thấy các giống chim muông sã cánh, há hốc mỏ để cái lưỡi thè

lè ở giữa, dáng điệu thất vọng vô cùng, bay hàng giờ mà không kiếm được một giọt nước nào. Hai vạn tám nghìn người đã đói trong ngót hai tháng trời trên mặt nước. Bây giờ hai vạn tám nghìn người lại khát nữa, trên mặt đất khô, hoàn toàn đất khô. Trong bốn mươi ngày rồi!

Nắng tháng năm...

Mà tháng năm là tháng đóng thuế!

Nhà nước, như một kẻ mù và điếc, không trông thấy gì cả, không nghe thấy gì cả, bằng sự mẫn cán của bọn quan lại, bèn muốn thuế má ổn thỏa trót lọt cũng như mọi năm.

Công quỹ đã bỏ ra ngót vạn bạc cho dân vay mua mạ. Như vậy, phải đóng thuế. Sự mẫn cán của các quan lại đổ vào đầu bọn lý dịch. Bọn này cầu cứu đến tuần đinh, lính tráng, lính lệ, lính khố xanh, lính cơ... Chạm đến đục, thế là những cảnh tượng thẳng thúc, dọa nạt, chửi bới, bắt trói, đánh đập, khóc mếu, cầm cố, bán chác, trốn, tránh... cha bỏ con, vợ mất chồng. Và trộm cướp và án mạng v.v... Những tấm thảm kịch lục cá nguyệt lại diễn đi diễn lại và, lần này, bi thương thảm đạm hơn nữa! Trống thúc ban ngày, mõ giục ban đêm. Đóng thuế! Đóng thuế!.

Nhưng mà dân không có tiền!

Cuộc chiến tranh giữa dân và bọn thu thuế thật là ghê gớm.

Kẻ bại trận, trong hàng lý dịch thì đành đem triện đồng trả quan trên. Nhưng không phải có bao nhiêu lý dịch từ chức hết cả. Cho nên có rất nhiều kẻ bại trận trong hàng dân đen.

Cái điều dĩ nhiên, cái sự không thể tránh được là một khi dân gian đã chết đói dở vì không tiền mà còn bắt họ phải chi tiền, tất nhiên họ phải kêu ca. Người ta không thể làm cách nào khác, nếu không tụ họp nhau, bàn luận cách đối phó với thuế má mà người ta coi như một cái tai vạ.

Từng nhà một, người ta họp nhau trên đường cái quan. Nhân lúc phong trào đình công và biểu tình đương lan khắp ba kỳ, bọn dân bị lụt và bị hạn hán cũng làm một cuộc quần chúng vận động.

Giáo Minh đã sống chung những nỗi khổ của bần dân.

Chàng đã ở làng với mẹ, giữa hồi nước lụt, rồi nắng héo cây, gẫy cỏ, để thay cho Phú dạy học ở Hà Nội. Cụ Cử có chừng năm sào ruộng xưa nay vẫn cho cấy rẽ cũng có hột gạo ăn quanh năm. Cụ

không được Nhà nước cho vay tiền mua mạ cấy tái giá. Tuy vậy, khi nước rút, Minh cũng có mua mạ. Nhưng trời nắng. Ruộng của mẹ chàng cũng khô nẻ cả, mạ đem về đành để đút bếp. Thấy dân tình đói khổ quá, chàng bèn nghĩ cách cùng họ chiến đấu trong vòng pháp luật... Người ta thấy chàng lên tiếng biện bác hoặc bàn soạn trong các đình làng. Người ta lại thấy chàng đi đi lại lại kiểm điểm cắt đặt cái lũ sáu trăm con người đã xếp hàng hai dài trên con đường cái quan. Những người làng cùng với Minh thì có từ anh Hai Cò, nghèo nhất làng, cho đến ông Chánh Mận giàu nhất làng, nhưng bị nước lụt và hạn hán phá sản. Ông Lý trưởng đã đem triện lên trả quan trên. Ông Chánh hội đứng trung lập. Những người khác thì hùa nhau theo số đông.

Minh mừng thầm, thấy dân quê đã giác ngộ, đã khá hơn trước nhiều lắm.

Bữa ấy, còn bốn hôm nữa thì hết hạn đổ thuế. Thế cho nên những kẻ nào không có gì là vật quý giá đem ra bán nữa, hoặc có mà bán không ai mua, hoặc không được kết quả tốt trong cái sự cam tâm bán vợ đợ con, những kẻ đã trù trừ mãi sau những buổi họp kín ở các đình làng, bèn quả quyết rủ nhau lên đường cái quan... Sáu trăm người! Ấy là không kể những kẻ nhút nhát muốn đòi bú mà không dám khóc, chỉ đứng xem dưới ruộng đất nứt.

Minh, ông Chánh Mận, một viên chánh tổng, và ba viên chánh hội làng nào không biết, ấy đó, bộ tham mưu của cuộc biểu tình đồng hành.

Khi xem chừng không còn người nối đuôi vào cái đám rước của những kẻ đói khát ấy nữa, bộ tham mưu chia tay nhau ra dặn bảo những khẩu hiệu mà ai cũng phải hô, những lệnh mà ai cũng phải tuân theo. Được có người biết phương pháp chỉ bảo cho, dân gian ai nấy vâng lời tăm tắp, nức lòng phấn chấn.

Thẳng tiến! Lệnh đi đã hô rồi. Sáu trăm người bị lụt và bị hạn ấy lên thẳng tỉnh ly, vào dinh ông Công sứ đệ đơn xin khất vụ thuế tháng năm.

Cứ hai người một hàng... Những cái chân không dẫm đất lạch bạch cũng là một thứ nhạc binh hùng vĩ. Hàng đầu là một ít đàn bà và trẻ con. Rồi đến những kẻ trai tráng, những ông già. Đây là một bác Khán thủ có nhà ngói, cây mít, mà nước lụt đã làm cho điêu

đứng: trôi mất con, trôi mất nhà. Kia là ông Lý cựu mà hạn hán đã làm cho tiêu diệt nốt những cái lực mà ông cố gom góp được sau vụ vỡ đê. Nay người đàn bà quần áo lôi thôi lốc thốc gánh hai đứa bằng hai cái thúng, vì người chồng, từ khi đi phu hộ đê, thì không thấy về nữa. Nọ là ông lão chưa được miễn thuế, người đã có một đứa con chết cho Pháp quốc, và một đứa nữa, chết cho sự hành hung của một ông tây đoan trong một cuộc khám rượu lậu ở làng... Trong sáu trăm người ấy, người nào cũng có nhiều sự phẫn uất phải giấu kín và một điều muốn kêu ca. Trong sáu trăm người ấy thì không mấy ai có một bộ quần áo lành lặn, và tất cả đều có những nét mặt đau khổ, tê tái. Đạo binh những người thất nghiệp, vong gia. Đạo binh những kẻ đói khát không sợ vào tù. Một đàn những con cừu biết kêu to khi thấy người muốn cạo hết cả len, dạ.

Giữa buổi trưa, trời nắng chang chang...

Đạo binh bệ rạc rầm rộ cứ thẳng đường tiến bước.

Khi đến đầu tỉnh thì đã ba giờ chiều. Người hai bên hàng phố đổ ra xem đông. Những chiếc ô tô hàng phải đỗ lại, bị nghẽn. Trong nháy mắt, cả một nơi tỉnh lỵ hơn ba chục phố, dân gian xôn xao đón cái tin phi thường: Biểu tình! Hai tiếng ấy làm nao nao quả tim của kẻ bàng quan. Nhà đương chức tưởng chừng như sắp có phiến loạn.

Một toán lính khố xanh chừng bốn chục người do một viên đại úy chỉ huy, ra đón đường dân quê. Khi trông thấy lính, bọn này dặn nhau rằng sẽ quả quyết bước lên trên sự đe dọa và khoanh tay lại để tỏ rõ cái ý muốn để nguyên trật tự.

Một viên đội khố xanh đứng dạng chân giữa đường giơ hai tay ra ngăn, thông ngôn cho mấy câu gắt của viên quan Tây:

– Đứng lại! Quan trên hỏi những người này ở đâu đến, muốn gì?

Những người đứng gần hàng đầu nhao nhao đáp:

– Chúng tôi là dân bị lụt đến tòa sứ xin khất thuế.

– Không được! Quay lại, không có quan trên sẽ ra lệnh bắn!

– A lê Đờ mi tua!... hích [1]!...

Dân biểu tình vẫn đứng nguyên chỗ. Ai nấy khoanh tay. Bốn chục lính khố xanh lắp đạn vào súng lách cách. Bỗng thấy một lời hô to trong hàng ngũ của dân quê.

1. Này! Quay lại!... Quay!

– Anh em cứ khoanh tay mạnh bạo mà tiến! Có các tiền họ cũng không bắn chết được ngần này con người.

Sáu trăm người như một con rết không bò trong một phút, lúc ấy lại động đậy cái đầu. Viên đại úy hô: "Phơ!" [1]. Tức thì mấy chục tiếng súng nổ. Ai cũng giật mình nhưng không ai ngã. Thì ra đó là súng bắn chỉ thiên mà thôi! Đám dân biểu tình, một phen hiểu ra, lại càng phấn khởi. Người ta trông thẳng tòa sứ mà tiến, để lại bên đường ông quan binh mặt đỏ gay gắt đương quát tháo bọn lính ngẩn ngơ... Cổng tỉnh vượt qua, lính tráng cũng vượt qua được, cuộc thắng thứ nhất ấy như là một cuộc toàn thắng chung kết, lần đầu tiên những cái tay khoanh khoanh trước ngực mà lại chẳng chịu thua những cái súng trường.

Khi dân quê tụ họp đen nghịt cả cái sân tòa sứ thì lính tráng, và những ông phán hấp ta hấp tấp, chạy ngược chạy xuôi... Hồi lâu mới thấy ông Tổng đốc bước ra thềm đá, mặt tái xanh lại như chàm đổ.

Sáu trăm bàn tay nắm chặt, giơ lên cao. Sáu trăm cái mồm nhất loạt, đều hô nhịp nhàng!

– Chính phủ Bình dân vạn tuế!

Ông Tổng đốc bèn ngẩn mặt ra như người bằng gỗ. Cái lối chào ấy, khẩu hiệu ấy, ông chỉ thấy trong các nhật báo nói về người Hà Nội, Sài Gòn, ở những nơi đã văn minh... Bây giờ tỉnh này! Dân quê, thật ông không bao giờ lại tưởng đến một cuộc cách mệnh như thế.

– Ở đâu kéo đến thế này? Biểu tình à? Đã có luật pháp nào dung cho các người biểu tình? Có muốn ngồi tù không?

Ông Tổng đốc nói hống hách thế xong để ngẩn mặt ra lần nữa, vì sáu trăm cái mồm đồng thanh:

– Bẩm quan lớn, vâng! Sáu trăm người này đều cũng muốn ngồi tù!

– Ờ thế các anh kêu xin cái gì?

– Chúng tôi là dân bị lụt và bị hạn hán, tình cảnh khốn khổ quá đỗi, không thể đóng thuế được chỉ xin quan trên hoãn thuế! Hoãn thuế!

Quan Tổng đốc khoanh tay ngẫm nghĩ trên thềm đá. Dân cũng khoanh tay đứng đợi dưới sân. Hồi lâu quan tuyên bố:

– Được! Đơn xin đâu, đưa cả ra đây, bản chức nhận đơn!

1. "Bắn!".

Có chừng sáu bảy lá đơn đưa lên tận tay. Quan nhìn thì lá nào cũng đặc những chữ ký.

– Thôi, ta nhận đơn rồi để ta xét cho. Các người giải tán đi! Ai về nhà người ấy!

Sáu trăm người nhao nhao:

– Bẩm xin quan lớn trả lời cho thì chúng tôi sẽ giải tán.

– À! Các ngươi nhầm! Ta sẽ đưa đơn lên quan Công sứ chứ ta không có quyền. Để ta nói hộ cho. Cứ giải tán đi.

– Bẩm dân chúng tôi chờ quan Công sứ trả lời.

– Quan Công sứ đi vắng.

– Bẩm thế chúng tôi xin chờ đây mãi, chờ khi nào quan sứ về.

– Tối hôm nay chưa chắc quan sứ đã về. Chờ vô ích.

Cả cái đám dân ấy lại cùng một câu:

– Thế thì chúng tôi xin ngồi lại trong sân này đến sáng mai.

Nói xong, sáu trăm người lặng lẽ ngồi xổm xuống sân tòa sứ, đều đặn đến nỗi ta trông như một đoàn học sinh tập vận động, mà ngồi xuống khi nghe thấy một tiếng còi, mặc lòng lúc ấy dân quê không ai thổi còi.

Thấy tình hình nghiêm trọng, quan Tổng đốc cau mày, cắn môi... Rồi quay vào công đường, biến mất sau một cái trấn phong vải xanh lơ. Mười phút sau quan Tổng đốc cùng ra với quan sứ.

Trông thấy quan thủ hiến, sáu trăm người lúc ấy lại đứng lên với những quả đấm giơ cao. Độ chừng mười người chào bằng tiếng Pháp: "Vive le Front Populaire!" [1]. Kế tiếp những câu: "Chính phủ Bình dân vạn tuế!" cũng như lớp trước.

Quan Công sứ giật mình lên, tưởng như đương ngủ mê... Ngài thấy cả xứ Đông Dương đã nhuộm màu đỏ, và người Pháp tưởng chừng không ở được nữa! Ấy đó, khi nước Pháp có ông Blum [2], có ông Moutet [3], ông Godart [4], thì lợi cho nước Pháp là như thế! Xưa nay ngài quen trông thấy người bản xứ, nhất là dân quê, chỉ biết chào bằng cách thì thà thì thụp nếu ở trong công đường, hoặc gập gẫy lưng

---

1. Mặt trận Bình dân vạn tuế!

2. Léon Blum, Thủ tướng Pháp bấy giờ.

3. Marius Moutet, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp bấy giờ.

4. Justin Godart, Thượng nghị sĩ Pháp, đặc phái viên của Chính phủ Pháp được cử sang tìm hiểu tình hình Đông Dương.

vái dài, khi ở ngoài đường trông thấy ô tô quan trên... Vậy mà bây giờ họ hô khẩu hiệu bình dân, họ chào theo kiểu cách mệnh!

Tuy nhiên ngài cũng cố bình tâm nghe quan Tổng đốc thông ngôn cái nguyện vọng của đám dân biểu tình... Rồi ngài tuyên bố là Chính phủ bảo hộ bao giờ cũng săn sóc đến dân quê. Lời ngài nói uyển chuyển và trơn tru như nước chảy, lại có những cử chỉ mềm mỏng điểm xuyết vào nữa... Ngài tuyên ngôn là vì hết lòng thương xót đến nông dân cho nên mới trích tiền công quỹ cho dân vay mua mạ cấy tái giá, nay nông dân không thấy mưa thì nên lễ cầu đảo đi, chứ ngài cũng không biết thế nào... Người dân có bổn phận đóng thuế. Chính phủ đã cho dân vay tiền lúc vỡ đê nay dân nên biết giữ cho đủ bổn phận, đừng nghe bọn phiến loạn nhà nghề chúng xui giục, và không được phép hơi một tí họp nhau biểu tình như thế. Lần này là lần đầu thì ngài tha cho, nhưng lần sau còn thế nữa, Chính phủ sẽ quyết thẳng tay trừng trị. Còn về nguyện vọng của dân thì ngài chỉ có thể đáp rằng việc xin hoãn thuế đến vụ tháng mười thì để ngài trình lên quan Thống sứ chứ ngài không có quyền. Ngài hứa sẽ hết lòng phân bày mọi lẽ giúp cho. Tuy nhiên vì việc cấp bách, thì ngài cũng rộng lòng gia hạn cho dân thêm nửa tháng nữa để cho dân có thời giờ chạy tiền đóng thuế, cái việc đáng lẽ phải xong vài hôm nữa thôi.

Sau khi nghe quan Tổng đốc tuyên ngôn rành mạch như thế, dân quê tuy không được hoàn toàn hài lòng nhưng cũng không đến nỗi thất vọng. Một lần nữa, người ta lại chào theo kiểu bình dân. Trước khi ra lệnh cho sáu trăm con người ấy giải tán đi, quan Công sứ còn ngọt ngào tươi cười mà tuyên ngôn rằng dân biểu tình nên chọn lấy một số người đại biểu phòng khi ngài có muốn hỏi han điều gì hoặc là muốn truyền xuống dân gian thì tiện lợi nhanh chóng hơn cách tư giấy má theo phương diện cai trị.

Tức thì đám dân ấy tiến cử ngay bộ tham mưu của họ một cách ngây thơ nhất đời. Sáu người đại biểu trong số đó có ông Chánh Mận và giáo Minh.

CHƯƠNG XI

Họ tất cả độ chừng mười sáu, mười bảy người ngồi quanh một cái bàn dài và rộng, có la liệt những báo chí để rất hỗn độn. Trên tường

thì ảnh nhà lãnh tụ xã hội Jaurès [1], ảnh ông tổng trưởng thuộc địa đã ân xá chính trị phạm, ảnh mấy nhà báo người Pháp đã từng có chứng cớ rằng có tâm địa tốt với dân Việt Nam. Mấy cái tủ sách, một ít kỷ con, vài cái ghế mây thủng đáy, vài cái ghế gỗ mà người ta ngồi không khéo thì ngã, và do thế, bỏ không tại một góc, ấy đó là quang cảnh tòa soạn tờ báo Lao Động, một cơ quan ngôn luận bênh vực dân vô sản.

Ngần ấy người đang sửng sốt về cái tin giáo Minh, một anh em chính trị phạm được ân xá, vì có dự vào một cuộc biểu tình xin hoãn thuế, mà bị ông công sứ tỉnh ấy tư giấy mời lên tỉnh rồi cho bắt giam. Họ không ngờ ông công sứ ấy lại còn hủ lậu như ở ba mươi năm về trước, và đã hành động trái với những lời tuyên bố của ông Thượng thư, của ông Toàn quyền. Vừa mới tuần lễ trước, những người này đã vỗ tay hoan hô và viết bài ngợi khen cuộc biểu tình bình tĩnh rất có trật tự của sáu trăm dân quê ấy, cho rằng đó là một dấu hiệu tiến bộ của nông dân trên con đường giác ngộ và chiến đấu... Bây giờ thấy một người trong bọn bị bắt, họ tiu nghỉu một cách cay đắng như bị có người chơi xỏ cho một vố đau. Cái ngạc nhiên của họ có điểm phẫn uất cho nên trong khi bàn luận với nhau tìm cách đối phó, họ cũng to tiếng như trong một cuộc cãi vã nhau vậy. Phản đối cho Minh thì bằng cách báo cáo cho những anh em đồng nghiệp cùng chủ nghĩa, gửi điện tín cho phủ Toàn quyền biết sự phản kháng về những chính sách hà khắc của quan địa phương v.v...

Quang dắt Phú vào giữa lúc người ta đương om xòm, người nào cũng rất sốt sắng trong sự bày tỏ ý kiến quanh một bài báo tổng công kích. Người cãi rằng dùng chữ này thì mai hậu không sợ búa rìu của pháp luật tư bản, kẻ muốn dùng một danh từ khác cho nó mạnh bạo hơn. Chỉ có dăm người bắt tay Phú, còn người nào viết bài cứ việc cắm đầu viết bài, người nào xem báo cứ việc xem báo, người nào nói cứ việc nói...

Người ta kéo ghế mời Phú ngồi một chỗ bên cạnh Quang.

Rồi một người bỏ việc làm ra hỏi Phú về tin Minh bị bắt, về những cách sinh nhai của gia đình Phú. Giữa đám bạn đồng học và đồng nghiệp cũ của mình, Quang ngồi nghiêm chỉnh, lễ phép, để tỏ rằng công việc của chàng chỉ là dắt Phú đến cầu cứu với nhà báo, chứ

1. Lãnh tụ Đảng Xã hội Pháp đầu thế kỉ.

còn chàng thì chàng thừa rõ rằng cái địa vị viên chức trung thành của mình, đã buộc mình phải sống trong một thế giới riêng.

Trong khi trò chuyện, Phú đã được dịp ngắm nghía kỹ càng những người mà xưa kia chàng chỉ biết tên trên mặt báo. Chàng rất ngạc nhiên về chỗ những người như thế mà lại làm nổi những việc như thế, vì lẽ trong cái số trên chục người ấy, ai cứ trông bề ngoài thật quả có đủ hạng của tất cả các giai cấp: lao động, thanh niên trí thức, con quan, con nhà giàu, du học sinh... Phú không hiểu sao những người mà địa vị xã hội khác nhau lại có thể cùng làm việc cho một lý tưởng. Bên cạnh một vài cựu chính trị phạm mà nét mặt đã được cái chế độ đồi bại của Côn Đảo, Guyane [1] làm cho hóa ra thêm rắn rỏi, thêm cương quyết, mà quần áo thì hoặc xuềnh xoàng, hoặc lôi thôi lốc thốc, thì đó là những thanh niên tuấn tú có những nét mặt, cử chỉ, và âu phục tựa hồ như của bọn phong lưu công tử, tựa hồ sinh ra ở đời chỉ để biết có ăn và chơi, những tay cách mệnh cả đấy? Có thật thế không? Ấy Phú cứ muốn tự hỏi mình như thế. Chàng rất lấy làm lạ rằng một bọn người mà quần áo như để đi khiêu vũ – cái áo khoác ba chục bạc, cái mũ nhung một chục, những cái đồng hồ vàng chói lọi ở cổ tay – mà cứ hễ mở mồm là gào thét về đấu tranh giai cấp, đình công, vô sản bị áp bức, đả đảo tư sản, hộ vệ thợ thuyền, hay là để chửi rủa: trưởng giả, quan trường, phú hào, vân vân... Vì lẽ lúc mới vào không có cuộc giới thiệu, Phú bèn hỏi người tiếp chuyện mình về tên tuổi những người có mặt ở đây.

Thì ra sau khi nghe người nhà báo đọc tên một lượt, Phú mới nhớ ra rằng đây là bạn X, tú tài triết học, viết Pháp văn rất có tài, trưởng nam của cụ tổng đốc trí sĩ N,... kia là bạn M... du học sinh đã từng bị về vì cái bàn tay sắt của ông Chiappe, cảnh sát trưởng Paris, đó bạn HV... cử nhân văn chương, bị trục xuất khỏi Toulouse sau những cuộc biểu tình chống đế quốc, đây nữa, anh T.Q. cựu học sinh trường Hoàng Phố, đã bị năm năm tù vì xuất dương, vân vân... Tóm lại một câu, những người ngang tàng, coi nhà tù là một cái trường đào tạo nên những tay chiến sĩ của cái phần nhân loại bị bóc lột, để chiến đấu với bọn có ở hai vai của mình những cánh tay lao động của người khác.

---

1. Thuộc địa của Pháp ở Nam Mỹ. Xứ Guyane bị chia nhỏ, làm thuộc địa của cả Anh, Hà Lan... Nhiều chiến sĩ cách mạng Việt Nam bị thực dân Pháp đày biệt xứ ở Guyane.

Phú hóa ra hổ thẹn về cái nông nổi xét đoán người theo hình thức của mình. Sự tiếp xúc ấy gợi trong lòng chàng một thứ cảm giác mạnh nó sẽ không bao giờ phai lạt được. Chàng chỉ còn chưa hiểu rằng vì lẽ gì mà bằng vào những câu tranh luận của bọn người phức tạp ấy, đó là những người rất thành thực, đến nỗi có khi hóa ra cực đoan vì tín ngưỡng nữa, quốc tế cả trăm phần trăm rồi chứ không có một tí nào là mập mờ, là nửa mùa, là lớn vởn như lời buộc tội của phái phản động thực dân họ vẫn kết án cộng sản giả danh, với quốc gia đội lốt quốc tế. Đến đây Phú lại phân vân tự hỏi mình cũng như nhiều người mà quan niệm chính trị chưa được rành rọt: Phải chăng cái tư tưởng quốc gia lại đáng rẻ rúng đi như thế? Sở dĩ có ý nghĩ ấy là Minh bị bắt giữa lúc xứ này có một ông thủ hiến thuộc Đảng Xã hội, liên bang này có một ông toàn quyền cũng có chân trong Đảng Xã hội, và Nam cũng như Pháp, lúc này ai cũng chỉ nói bình dân với vô sản, giải phóng với tự do. Lâm thời, những tư tưởng quốc gia trong óc chàng lại bồng bột cái bất bình về nòi giống lại sôi nổi. Chàng không thể tưởng tượng được cái sự những kẻ sốt sắng đi đón rước những đại biểu của Chính phủ Bình dân, những kẻ hành động theo chương trình của Mặt trận Bình dân lại cứ theo nhau mà vào tù.

Phú bèn đem cái phân vân của mình ra hỏi.

Người trợ bút báo Lao Động khoan thai phân trần:

– Cố nhiên những sự ấy là nguy tai lắm, chướng mắt lắm, nhưng ta không nên đổ lỗi cho Mặt trận Bình dân mà phải nhận rằng đó chỉ là sự phản động của phe tư bản thuộc địa. Thế nghĩa là ta còn yếu lắm, ta còn phải chiến đấu nữa, chiến đấu mãi mãi, mãi đến khi nào cái lực lượng của ta đủ chống đỡ cho những nguyện vọng của ta. Trong cảnh ngộ này, có một điều rất khó nói, ấy là vấn đề cái tín nhiệm giữa hai nòi giống. Họ chỉ sợ ta không thành thực cũng như xưa nay ta vẫn sợ họ không thành thực. Thành thử chưa đâu ăn thua vào đâu mà chưa chi hai bên đã phụ nhau rồi. Đã thế, phải làm thế nào cho họ tín nhiệm mình trước đi đã! Làm thế nào? Có phải chỉ còn có một cách là mình cứ việc thành thực, cứ bắt đầu nhượng bộ để làm tín nhiệm người ta trước đã, xem sao...? Làm chính trị mà không thành thực, mà tư tưởng cứ quay như chong chóng, thì không bao giờ đi đến được một kết quả tốt. Vả lại, cái mệnh lệnh của Đảng hiện giờ là cứ việc tín nhiệm mà chiến đấu... chứ không được sợ vào tù.

– Thế còn chủ nghĩa quốc gia.

– Cũng đáng kính trọng lắm nhưng phiền một nỗi là hiện giờ thì chỉ có hại. Bạo động thì sức phản động ở đây sẽ ghê gớm vô cùng, sẽ có hại vô cùng mà xã hội này sẽ bị lôi lùi lại như hai mươi năm về trước. Chúng tôi đã thấy những người đã hiểu rõ chủ nghĩa xã hội lắm, nhưng mà chỉ vì thất bại trong một cuộc chiến đấu mà quay ngay về cái phạm vi hẹp hòi của tư tưởng quốc gia! Như vậy là hỏng! Chúng tôi thấy rằng dưới lá cờ của Mặt trận Bình dân mà anh em đồng chí cứ bị bắt hoài thì đó cũng chỉ là những sự thất bại của cá nhân thôi, chứ đại thể vẫn là có thắng. Nếu cứ thế mãi thì từ bên chính quốc rồi cũng phải có một sức phản ứng lại cái sức phản động phát xít ở đây. Mà lòng người càng nhốn nháo thì cách mệnh càng có lợi. Vả lại, đủ tin thì cứ làm, chứ kể thắng hay bại mà làm gì.

Phú cúi đầu ngẫm nghĩ.

Sau cùng, nhà trợ bút nói:

– Thôi được, việc anh Minh thì chúng tôi có đủ tài liệu để viết bài phản đối rồi.

Quang đứng lên, ra hiệu cho Phú làm theo. Phú cảm ơn người trợ bút, bắt tay các ông kia một lượt. Khi chàng ra đến cửa, người nhà báo còn nói:

– Ta chớ vội phàn nàn! Lịch sử nhân loại chỉ là một tấn tuồng luân hồi của chiến đấu. Vậy mà đi đến được có cái trình độ này thôi, loài người cũng phải rỏ mất bao nhiêu máu đào rồi! Người khác hy sinh đã nhiều mà ta thì ta chưa hy sinh được mấy. Dù sao mặc lòng, những sự hy sinh và chiến đấu của ta cũng vẫn chưa có nghĩa lý gì cả, chưa thấm thía gì cả! Thế thì ta đã đến lúc có quyền phàn nàn đâu?

Phú ấp úng nói:

– Vâng... Chính thế đấy ạ.

Người ta lại bắt tay nhau một lần nữa. Khi đi khỏi tòa báo Lao Động, Phú hỏi Quang:

– Ta về thôi chứ, hở anh?

Quang khẽ đáp:

– Phú đi chơi lung tung đi chứ về thẳng nhà ngay bây giờ thì nguy! Đây kia kìa, có hai anh mật thám đứng rình mò kia kìa.

Phú nhìn sang bên kia hè. Phố xá lúc ấy đã vắng người mà sau một gốc cây to, dưới một mái hiên tối, một người y phục trá hình ra

như một bác tài xế với một người nữa, y phục như vào hàng bồi bếp, vẫn đứng để nhìn sang bên tòa báo Lao Động nhưng lại làm ra vẻ như đợi chờ một cuộc hẹn hò, khi biết hai người này để ý thì hai anh chàng lảng đi. Quang bảo Phú:

– Ta nên đến một chỗ nào rất đông người, họ theo dõi ta cũng khó.

– Một chốc, Quang lại nói:

– À! Ta đến Khai trí Tiến đức xem! Đêm nay là buổi diễn kịch và khiêu vũ của tuần lễ Từ thiện!

– Phải đấy.

Hai người đi lên phía hồ Hoàn Kiếm, thỉnh thoảng lại quay nhìn về sau lưng, nhưng thực thì không bị ai theo dõi cả. Dọc đường, Phú bảo Quang:

– Thưa anh, tôi xin phép anh mai tôi về làng.

– À, điều ấy tôi cũng đã nghĩ rồi. Mà chắc là chú còn lâu lắm mới lại ra đây được, vì hiện giờ, chú không thể để cụ ở làng một mình được. Cho nên tôi đã bảo nhà tôi đi thu tiền học trò ngay cho chú để mai thì chú có một số tiền đem về nhà.

– Cảm ơn anh, anh chu đáo lắm.

Một lúc, Quang lại nói:

– Còn việc anh Minh đấy thì cứ để anh em làm xem sao. Sự đã xảy ra mất rồi, còn gì! Tôi chắc nặng lắm thì cũng chỉ đến sáu tháng.

– Tôi cũng tưởng thế đấy. Mà chắc là đẻ tôi buồn lắm. Anh tính, ở tù bảy tám năm mới được về mà rồi lại vào tù ngay!

– Làm thế nào được!

Từ đây hai người không nói gì nữa, ai cũng bận trí về những nỗi băn khoăn riêng. Chẳng mấy lúc, hội quán Khai trí Tiến đức đã hiện ra trong một vòng hào quang chói lọi ở trước mặt. Phú bảo Quang:

– Thôi, họ không theo ta thì ta cũng chẳng vào trong ấy làm gì, thêm tốn tiền.

– Thì ta đứng ngoài ngắm thiên hạ một lúc đã.

Cả hai bước chân lên cái thềm tam giác len vào lẫn với đám giai thanh gái lịch họ chen vai thích cánh nhau để tranh nhau cái chỗ có ánh sáng như một đàn thiêu thân. Những chiếc xe hơi kiểu tối tân đỗ một dãy dài ở ven hồ chứng thực rằng đêm nay, có mặt tại chốn này là cả cái Hà thành trưởng giả.

Trước cửa hội quán, những lá cờ Nam và Pháp, những bóng đèn điện ngũ sắc và lá gồi, và hoa giấy tưng bừng đón chào sự trụy lạc phong lưu. Máy phóng thanh hát ra một bài ca của Tino Rossi [1]. Trước khi vào, một đám thanh niên nam nữ còn dang tay nhau đứng bên ngoài gõ gót giày xuống đất, vui vẻ trẻ trung mà hát theo. Hết bài, sóng điện để nổ những tiếng ục ục rồi máy phóng thanh lại ném ra một bài ca khác mà một tài tử cất giọng ồ ồ hát cái bài vè của Raoul Ponchon trong cuộc ngưỡng mộ những cái uốn éo khỏa thân của bọn vũ nữ Folies Bergères [2].

Si les femmes n'avaient pas de fesses.

Qu'est-ce

Que nous ferions de nos mains?

Pauvres humains? [3]

Quang cười sặc sụa:

– Ấy cái tự do của tiến bộ văn minh là như thế.

Rất ngạc nhiên, Phú cau mày hỏi:

– Đĩa hát mà lại đến thế nữa kia à?

– Chứ gì! Bao giờ cái nghệ thuật của bọn trưởng giả lại không có tính chất dâm ô một chút?

– Gớm! Hôm nay ở đây làm gì mà họ đến đông thế này?

Quang giơ tay chỉ lên trên cao, Phú nhìn lên thấy những tấm vải trắng có những chữ đỏ: Tuần lễ từ thiện – Cuộc chợ phiên giúp đồng bào bị lụt – Diễn kịch: Nàng Ly Tao – Đại cuộc khiêu vũ – Cuộc thi quần áo tắm. Những chiếc xe cao su từ bốn phương rầm rộ chạy lại đây hoặc là từ đây hăm hở kéo đi bốn phương. Trên xe có những thanh niên áo trắng áo đen trông như những con quạ khoang, có những thiếu nữ mà y phục tối tân có khi nhã nhặn, có khi nhố nhăng hết sức, lại có khi để hở da thịt như những sự khiêu khích. Một số thiếu nữ mặc quần ngắn short [4] và dùng băng buộc vú, để hở những chỗ tròn tròn có thể khiến người đứng đắn nào cũng muốn đem dùng hai bàn tay. Người ta đội vào đầu những vòng hoa khổng lồ. Con giai

---

1. Danh ca Pháp khi đó.

2. Một rạp nhảy múa ăn mặc hở hang hay khêu gợi ở Pháp.

3. Nếu đàn bà không có mông thì chúng ta sẽ dùng tay để làm gì? Hỡi những con người tội nghiệp!

4. Quần *Soóc*, kiểu quần ngắn trên đầu gối.

cũng đánh phấn, bôi môi. Họ cứ thế mà đi diện các phố, coi những cái mặt vẽ nhọ bôi hề ấy là một thứ bằng sắc danh dự. Người ta ném hoa giấy lung tung. Ai cũng chỉ có một mục đích: kiếm ái tình. Mà cuộc dạ hội chỉ là một cớ cho những vụ ngoại tình, thông dâm, mãi dâm, của một bọn người đi làm một việc nhân đạo trong một xã hội nhân đạo. Quang bảo Phú:

– Nếu không được chim chuột nhau tự do, không được ôm nhau mà nhẩy, thì cái bọn người này không bao giờ lại nghĩ đến đồng bào bị lụt. Mỗi khi có một tai họa gì cho xã hội thì cái bọn đáng thương này lại có một dịp thỏa thích để ăn, chơi, và dâm.

Phú buồn rầu nhớ ra rằng mẹ ở nhà đã từng phải ngửa tay nhận vài hào chỉ của cái thứ tiền làm phúc ấy. Chàng như lại trông thấy quang cảnh tòa soạn của nhà báo Lao Động trong đó người ta quên cả mọi cách hưởng thụ cuộc đời, thức suốt đêm để làm những việc sẽ dắt tới nhà tù, hay đến bệnh ho lao. Bất thình lình, chàng hiểu rõ cái nghĩa lý sâu xa của chữ "trưởng giả" với tất cả những sự suy đốn của phái người ích kỷ ấy.

Hai người rủ nhau rẽ sang phía bên tả để về bằng lối phố Hàng Trống. Chợt Phú trông thấy một thiếu nữ đứng giữa mấy thiếu nữ mặc quần đùi và một tụi con giai công tử bột... Quả tim chàng đập mạnh: đó là Kim Dung. Giữa một chỗ ăn chơi, bọn trẻ tuổi ấy đương mở mồm nói chuyện "làm việc xã hội". Kim Dung ăn mặc rất chải chuốt, nói cười rất vui vẻ, cử chỉ rất tự nhiên. Nàng được mọi người nhìn, ném hoa, nói bông, như một cô gái đẹp ở giữa một chỗ mà cái gì cũng là tự do hết sức.

Bỗng đâu Phú tỉnh ngộ. Một người như Kim Dung đó không phải là sinh ra để cho sự mơ mộng hão huyền của chàng. Cái địa vị của hai người lúc ấy nó rõ rệt quá. Phú đau đớn tự nhủ mình:

– Trừ phi ta có mù lòa thì ta mới không thấy rõ sự bất bình đẳng ấy.

CHƯƠNG XII

Khi Phú về làng thì ba phần tư người làng đã bỏ làng đi từ bao giờ rồi.

Chàng buồn bã lắm, thấy thổn thức muốn khóc khi đi qua những túp lều gianh bị bỏ hoang, về làng mà tưởng chừng như một mình lạc

bước trong rừng sâu. Tuy vậy, chàng cũng được yên tâm khi thấy mẹ không đau đớn vì Minh bị bắt, như mình đã lo sợ. Bà Cử chỉ buồn rầu qua loa thôi. Phú hơi ngạc nhiên về chỗ ấy, không hiểu rằng đến lần thứ nhì thấy con lại bị bắt, người mẹ, vì quen đi nên chẳng còn đủ sức đau đớn như lần thứ nhất nữa. Cô Tuất với đứa con vẫn ở bên họ nhà chồng. Phú đã sang thăm ông Chánh Mận để hỏi tin tức về người anh. Ông này cũng bị quan trên đòi hỏi song may lại không bị bắt. Chính phủ cho ông chỉ là một kẻ a dua nghe theo những tay phiến loạn nhà nghề. Mà trong số những kẻ phiến loạn nhà nghề ấy chỉ là một mình giáo Minh, với cái chức nguy hiểm là cựu chính trị phạm. Ông Chánh Mận ra ý vui vẻ được vô can, và nhất là sau này thì không còn sự kiếm chuyện của viên lại già ở huyện nữa. Ông vẫn nhắc đến việc hỏi cô Tuất. Minh đã nhận hết mọi tội. Phú đành ở làng.

Dân vẫn cứ đói.

Họ vẫn phải bỏ làng, bỏ những túp lều gianh mà nước lụt đã đánh dấu ở lưng chừng các vách, hay là đã đánh lở vách xuống cho hở xương tre rạ. Không đào đâu ra được thứ gì bỏ vào mồm, họ rỡ nhà xuống chặt thành củi, đem bán rong hoặc đem đến chợ. Nhưng mà chỗ nào thì cũng có nhiều người bán hơn là người mua. Họ bán củi và đi ăn mày – một lúc làm cả hai nghề. Vì rằng chỉ có một số rất ít người nhiều ruộng là được chính phủ cho vay tiền mua mạ cấy tái giá. Cho nên ngày ngày, cứ từng tốp hàng ba chục năm chục, hàng trăm, dân quê lại vẫn cứ kéo nhau lũ lượt đi lang thang trên con đường thiên lý, với những cái chiếu rách ôm cạnh nách, với những cái khăn tay nải ở sau lưng. Nhiều người gánh hai cái thúng, trong mỗi thúng, có một vài đứa bé, trong mỗi đứa bé có vài ba ngày đói khát.

Mặt trời đã mọc trên một quang cảnh thương tâm như là chưa bao giờ loài người đã trông thấy như thế. Trong làng mạc cũng như ngoài đồng áng, đâu đâu cũng có dấu vết của điêu tàn. Sau trận lụt thì vẫn cứ nguyên là hạn hán mãi, cho nên cỏ chưa kịp mọc. Các bờ ruộng bị san phẳng, các đường lối bị phá phách vì phù sa hoặc cát già, trong khi theo nước mà lùa vào, đã bồi cao những chỗ thấp, hạ thấp những nơi cao. Những cây cau bị thối mất rễ, đã nằm xuống một lượt. Những cây chuối thì bói cũng không thấy nữa. Chỉ những cây đã to hàng ôm, đã sống hàng thế kỷ như cây gạo, cây đa, cây muỗm, cây si là còn sống nổi theo luật thích giả sinh tồn. Tuy nhiên những rặng tre là ngà, chung quanh các làng, cũng vẫn sống sót, với những lá úa, những

cành khẳng khiu. Việc gì cũng là vào lúc bắt đầu làm, hay là phải làm lại. Đó là một cảnh não lòng, khi ta trông thấy một vùng quê mà màu đỏ của đất, màu nâu của bùn lầy, lại nhiều hơn màu xanh của cỏ, cây.

Phú ngừng tay cuốc đất để lau mấy giọt mồ hôi ở thái dương. Chàng vui mừng khi thấy cái vườn rau của mình đã có nhiều màu xanh của rau đậu. Rồi chàng ngao ngán mà nhận ra rằng đã phải trông thấy cái cảnh chết bên ngoài hàng rào, ở chung quanh làng, nghĩa là cái khổ sở của người khác thì chàng mới thấy được cái sung sướng ích kỷ ấy. Trong thời kỳ Minh còn ở nhà, Minh đã biến cái vườn hoang ra một miếng đất có hoa lợi. Minh đã giồng cà rốt, xu hào, bắp cải, đậu ván, đậu Hòa lan. Sau cái bể nước trước kia chỉ có vài cây rau xương xông, thì nay đã là giàn mướp rườm rà, quả đã to bằng những ngón tay trỏ. Bỏ việc dạy học, về làng với mẹ, Phú đã theo đuổi các công việc của anh... Hoa của đậu Hòa lan, mầm của cà rốt đã cao một ngón tay, những củ xu hào đã nhỉnh bằng những hòn bi ve, với những nhành lá lêu nghêu ở xung quanh làm cho chàng yên tâm rằng đến vụ rét thì không phải sợ đói nữa.

. Lúc ấy bà Cử đương bưng nồi khoai nước ra để ở cửa bếp, cầm đũa gắp khoai khỏi nồi nước, hơi bốc nghi ngút để bỏ vào một cái rổ. Phú nghĩ đến những bữa ăn đầy cao lương mỹ vị ở nhà ông tham Quang, chàng lẩm bẩm: "Về làng là phải lắm, chẳng đáng ân hận". Trông thấy mẹ mặt mũi vêu vao vì sáu tháng đói khát, quần áo rách rưới một cách thảm hại, Phú giật mình nhớ đến những bà lão ăn mày mặt mũi cũng thế, quần áo cũng thế hằng hà sa số ở các phố của Hà thành và đi đến đâu cũng bị hắt hủi xua đuổi... Thì ra đi ăn mày là sự không khó gì lắm cho bất cứ một ai! Bất thình lình Phú cảm thấy một cách sâu xa cái đểu giả của loài người, sự chó má của xã hội. Chàng bất bình như là đã trông thấy chính mẹ mình phải đi ăn mày. Một lần nữa cái lòng hiếu lại tìm thấy một tiếng vang ròn rã trong trí nghĩ người thanh niên đương oán giận cảnh ngộ, đương nhớ tiếc Hà Nội với những sự cám dỗ ghê gớm, với mọi cái mơ mộng điên rồ, với Kim Dung... Thật thế, Phú đã buồn bã tưởng chừng như không sống nổi nữa. Chàng đã từng ghen giận cả đêm với Hà thành, với những cái phồn hoa đô hội nó đương cướp mất của chàng một thiếu nữ đẹp đẽ mà chàng muốn yêu, mà có thể cũng được yêu, cái đó cũng không biết đâu. Phú đã toan mượn cớ đi Hà Nội vay tiền ông tham Quang để tìm cách trông thấy mặt Kim Dung cho khỏi nhớ, để đánh bạo mà ngỏ cái tâm sự đau khổ. Đã cứu chàng thoát chết, lòng tự ái được phỉnh nịnh

hết sức rồi, Kim Dung biết đâu lại không đem lòng yêu chàng, biết đâu... Phải, biết đâu!

Nhưng mà lần này, hình ảnh tiều tụy của người mẹ đã đau khổ suốt đời, gợi ra trong trí não của người con một vấn đề lương tâm.

Phú hoàn toàn tỉnh ngộ.

Chàng tự nhủ: "Kim Dung là cháu một ông Tổng đốc, con gái yêu của một ông Huyện, một hoa khôi của các cuộc chợ phiên. Còn mình, mình chỉ là một anh dân quê, phải chân lấm tay bùn thì mới khỏi chết đói. Mình là con một bà Cử, nhưng mà một bà Cử không có xu, nghĩa là cũng có thể một ngày kia phải đi... ăn mày!". Chàng ngừng lại một lát, đau đớn rồi lại nghĩ: "Có thể phải đi ăn mày, thật thế!".

Đến đây, cụ Cử lom khom bưng cái mâm gỗ có mấy cái bát khoai nước và một chén muối vừng, từ bếp lên nhà trên. Cụ yếu lắm nên vừa đi vừa thở ỳ ạch loạng choạng. Phú vội chạy ra đỡ lấy.

– Đẻ đưa con bưng lên cho!

Bà mẹ đưa ngay, hổn hển nói:

– Con cũng liệu nghỉ tay mà ăn cơm thôi. Làm từ sáng đến giờ thì cũng đói rồi chứ còn gì!

Phú bưng mâm vào nhà, bà mẹ cũng theo vào.

Bên ngoài, trời đương nắng bỗng rợp, rồi bỗng tối sầm lại.

Thêm vào cái mát mẻ buổi sáng, gió heo may đìu hiu đem cái hơi lạnh dễ chịu của ngày hạ tàn. Cụ Cử vừa phủi áo cho sạch bụi vừa nói:

– Hôm nay lập thu rồi đây.

Bỗng ngoài ngõ có tiếng chân giẫm đất lạch bạch. Phú nhìn ra, đó là ông Chánh Mận. Từ độ lụt lội và hạn hán đến giờ, ông này không còn nổi lấy đôi giày mà đi như xưa. Từ địa vị tư sản, ông đã rơi vào cái hố vô sản, có khi lại khổ hơn vô sản nữa. Ông chào cụ Cử, đưa cho Phú một tờ báo. Phú vội giở ra đọc rồi mừng rỡ mà nói với mẹ:

– Đẻ ạ, anh Minh chỉ bị có năm tháng tù!

Bà mẹ cũng mừng rỡ hỏi lại con:

– May nhỉ! Chỉ có năm tháng thôi à?

– Vâng mà bị bắt hai mươi hôm rồi, thế là chỉ còn hơn bốn tháng!

Bà mẹ lại nói:

– Năm nay có tháng tư dư, thế nghĩa là anh Minh mày cũng được về nhà ăn Tết.

Ông Chánh Mận nói:

– Thưa cụ, như báo đăng, thì ra bác giáo cháu cũng chẳng buồn chống án lên tòa trên nữa, mà như vậy có lẽ là phải.

Phú cười mà rằng:

– Thật thế, vì có khi chống án mà lại bị xử nặng thêm lên.

Cụ Cử mời đùa:

– Ông Chánh xơi cơm với tôi nhân thể nhé!

– Thưa, xin cảm ơn cụ, cháu vừa ăn xong thì sang ngay đây...

– Cơm nước chả có gì cả!

Nói xong, cụ Cử cầm rổ đậy lên trên mâm cơm. Phú rót nước mời khách. Ông Chánh Mận ngồi suy nghĩ một lúc rồi hỏi:

– Thưa cụ, thế việc cháu xin cụ thì cụ đã để ý cho chưa?

Cụ Cử ngồi xuống giường nghiêm trang để đáp lời cho một câu hỏi hệ trọng:

– Thôi thì nói gần, nói xa chẳng qua nói thật! Tôi đã thưa với ông rằng việc ấy là tùy cháu. Giời sinh ra thế, cha mẹ chỉ gả chồng cho con có một lần thôi... Đáng lẽ ra thì cháu nó muốn ở vậy thờ chồng nuôi con kia đấy... Nhưng mà đến khi anh giáo nó được tha về thì anh nó mới lại khuyên nó, thì nghe chừng con bé cũng đã nghe ra. Ông cứ việc sửa soạn đi kiếm lá trầu ra đình đi thì vừa. Còn tôi, việc rổ rá cạp lại, xin thế nào cũng xong. Nhưng mà tưởng giá chờ đến lúc anh Minh nó được tha nữa thì có lẽ hơn.

Ông Chánh Mận sung sướng đỡ lời:

– Bẩm cụ dạy chí phải!

Phú nhìn ra sân nói:

– Tôi tưởng chả cần phải đợi đến lúc anh Minh được ra. Cứ lo cho xong chuyện đi có hơn không? Sớm ngày nào hay ngày ấy chứ! Vả lại, đã lấy chồng đến lần thứ hai thì còn long trọng quái gì nữa mà phải đợi với chờ!

Vốn là người ba phải, ông Chánh Mận lại nói:

– Cậu nói cũng chí lý lắm.

Ngoài sân, lá khô bay tung lên. Trời bỗng tối mịt. Một vài hạt mưa lộp bộp rơi xuống. Mưa! Đã mấy tháng trời, trận mưa này là trận đầu! Ông Chánh Mận không biết chừng vì mưa hay vì hỏi được cô Tuất, mà cũng bắt chước Phú vừa nhẩy vừa reo:

– A! A! Hay quá! Sướng quá!

Cụ Cử phê bình:

– Lịch tàu thế có đúng không! Thôi lập thu mà thuận ngâu thế này thì là được mùa tháng mười.

Phú nói:

– Chứ không lẽ giời cứ để chết người ta mãi!

Chợt ông Chánh xin cáo:

– Thưa cụ, chỉ có thằng bé cháu ở nhà, tôi không về thì mấy thứ ở sân hỏng hết mất! Thôi, tờ báo cậu cứ đọc, bao giờ tạnh mưa mời cậu sang chơi. Chào cậu, lạy cụ ạ!

Chào xong, ông Chánh lật tà áo dài lên che đầu, vén quần lên, ra khỏi ngõ thì chạy thẳng một mạch. Gió thổi ào ào. Trời đen nghịt những nước, loạn xạ những sấm sét mưa to.

Phú bỏ tờ báo, ra đứng tựa cột tre, nhìn ra sân. Trên mấy cái ống máng làm bằng thân cây cau bổ đôi nước chảy vào bể như suối. Dưới thềm nhà, chẳng mấy lúc đã có một rãnh nước lênh láng. Phú sung sướng vì từ hôm nay mỗi tháng sẽ không phải ra tận vực đầu làng mới lấy được vài gánh nước về tưới rau. Cụ Cử giục chàng đi ăn cơm nhưng vì trong lòng vui vẻ quá, không thấy đói nữa, Phú mời mẹ cứ ăn trước. Chàng lại cầm lấy tờ nhật báo. Ngoài tin về giáo Minh bị kết án, tờ nhật trình có rất nhiều tin quan trọng.

Khắp xứ Đông Dương, chỗ nào cũng đình công cũng biểu tình. Bên Âu châu thì tình hình quốc tế càng ngày càng găng. Việc Tây Ban Nha nổ bùng ra to, nhiều cường quốc nhảy bổ vào cuộc đâm chém. Thế giới chia ra hai phái của hai tư tưởng rõ rệt cộng sản chiến với tư bản, quốc tế chống với quốc gia. Chỗ nào cũng nổi lên phong trào bình dân đương đầu với quân phiệt. Tuy vậy ở Bắc Kỳ, nhà cầm quyền vẫn bắt giam các nhà viết báo đòi mọi cái tự do dân chủ như thường.

Phú liên miên nghĩ đến những người vì nhân đạo mà chịu đựng đủ tất cả các điều khổ sở. Chàng như lại thấy hiện ra trước mắt cái quang cảnh tòa báo Lao Động, với những tay thanh niên hăng hái, con quan, con nhà giàu sẵn lòng vào tù vì cái nghĩa cả đối với tư sản, với bình dân. Phú lại hổ thẹn vì mình đã bỏ chí phấn đấu vì một cái mộng tưởng tình ái hão huyền, trong khi những người thừa tư cách mê gái, thừa tư cách đi nhảy đầm với Kim Dung, lại chỉ vùi đầu vào

làm những việc để phụng sự cho cái giai cấp của Phú. Chàng lại như nhìn thấy rõ Hà Nội với bao nhiêu cái hưởng thụ ích kỷ của bọn trưởng giả, bao nhiêu cái đồi bại của phong tục nó làm tiêu mòn mất chí khí của một số đông nam nữ thiếu niên.

Trời vẫn mưa to.

Bồ nước đã đầy. Nước mưa thừa đã dàn dụa chảy ra ngoài thành bể. Hạn hán như vậy là hết, thật hết! Mai kia, cỏ sẽ mọc tươi tốt ngoài hàng rào, nụ non sẽ hé miệng trên cành khô. Nước đã đem hạnh phúc xuống cho đất: ruộng nương, đồng áng xưa kia nứt nẻ, bây giờ đã chan chứa hy vọng. Chim muông sẽ chẳng phải sã cánh, thè lưỡi khô, để tìm một giọt nước sau hàng tiếng đồng hồ. Những cảnh vừa vo gạo, vừa giặt quần, giặt váy, vừa tắm, ở những vũng ao tù còn có một ít nước đen ngòm những bùn, hẳn không có nữa.

Xong nữa, bà mẹ đứng lên nói với con:

– Thôi, khá đấy, con ạ. Thế này là thuận ngâu.

Phú ngẫm nghĩ về tương lai, về mọi sự vật chất của cuộc đời nó sẽ làm tăng giá trị cho con người. Chàng thấy không phải lo gì nữa, chỉ ít lâu nữa, anh Minh sẽ mãn hạn tù. Mai đây chị Tuất về với ông Chánh Mận, thôi thì cũng là yên phận.

Nghĩ đến đây, chàng nhớ đến thằng cu Hiền, đứa cháu kháu khỉnh mà chàng đã từng ẵm bế, hôn, hít, suốt ngày. Chưa đầy ba tuổi! Mồ côi! Mẹ lại sắp cải giá!

Vũng nước ở sân hợp vào rãnh nước trước thềm nhà. Bây giờ thì lại nhiều nước quá. Nhìn những bong bóng phập phồng hết nở lại tan trên mặt nước, nhớ đến đứa cháu, Phú tựa lưng vào cột tre khẽ ngâm một giọng buồn rầu:

Giời mưa bong bóng phập phồng
Mẹ đi lấy chồng con ở với ai?

1936

Đăng báo *Tương lai* 1936;
Tiểu thuyết thứ ba in thành sách, H, 1941.

TRÚNG SỐ ĐỘC ĐẮC
(Tiểu thuyết - Trích)

Tiểu thuyết *Trúng số độc đắc* đăng dần từng kỳ trên *Tiểu thuyết thứ bảy* (Hà Nội), từ số ra ngày 13-5-1938, sau khi tác giả mất mới được xuất bản thành sách.

Phúc là một thư ký một hãng buôn nhưng bị sa thải (vì không đút tiền cho chủ) trở thành thất nghiệp. Dù mẹ anh có cửa hàng sơn phát tài và vợ anh trông hàng và lo nội trợ nhưng anh vẫn bị gia đình hắt hủi. Hàng ngày, anh ra vườn hoa ngồi đọc sách, tự hào với lối sống "vượt khỏi sự tầm thường bằng cách đứng lánh hẳn cho rõ xa ra ngoài cái vòng tục lụy, cái đám đông xô đẩy nhau vì miếng ăn". Anh mua một vé số và không ngờ anh trúng độc đắc, mười vạn đồng. Ngay khi biết anh có tiền, mọi người – từ bố, mẹ, vợ, em gái, anh ruột... cho đến chủ hãng ô tô, các nhà báo..., đều thay đổi hoàn toàn thái độ đối với anh. Từ chỗ khinh rẻ ra mặt (khi anh thất nghiệp) đến chỗ nịnh nọt, quỵ lụy, thậm chí sợ hãi... Trước đây, khi còn là "hàn sĩ", Phúc luôn nghĩ đến những dự định nhân đạo khi có tiền, nhưng giờ đây có tiền thật, anh quên hết. Và "trong tay đã sẵn đồng tiền", Phúc cũng ăn chơi, sắm ô tô, tậu biệt thự, bao nhân tình, lấy vợ lẽ, vào làng Tây... Và Phúc cũng lao vào làm giàu bằng những thủ đoạn tàn bạo...

Dưới đây trích các chương II, IV, V, VI, VII, VIII, IX.

*

*　*

II

MỘT SỰ PHÁT MINH ĐỜI KHÔNG TỐT

Ở hiệu cao lâu ra, sau khi từ biệt Tấn và hẹn đến tối sẽ gặp lại nhau, Phúc đem về nhà cái mặt đỏ gay những rượu. Anh rất sợ gia đình cho là đã rượu chè be bét, thì mang tiếng to. Anh chỉ mong sao cho rượu chóng rã, nhưng hình như đến lúc về nhà, sắc đỏ trên mặt cũng vẫn chưa phai, nên anh bần cùng phải có những lý luận tự vệ trước, mặc dầu chưa chắc ai đã để ý đến cái điều vụn vặt ấy. Ô hay, thì ra anh không được hưởng lấy một chút tự do rất tầm thường của mọi người, nghĩa là uống rượu mừng một người bạn có đại hỉ hay sao? Nếu nói gì, anh quyết sẽ cãi mới được. Từ khi cha mẹ sanh ra, nay anh mới say rượu là lần đầu! Mà chưa đến nỗi cãi nhau, chửi nhau với ai, chưa ngã ra đường, thì có gì là đáng thẹn?

Mới bước chân vào cửa hàng, cô Đức em gái anh, lúc ấy đương ngồi đánh phấn với mấy người bạn gái cũng bỏ gương reo lên:

– Ô! Anh Hai đi ăn cỗ đâu về thế? Gớm chửa kìa, mặt trông như mặt đức Thánh Quan!

Mấy cô kia nhớn nhác quay ra nhìn, khiến anh ngượng quá, nhưng cũng mừng rằng, may mà bà mẹ không ngồi trông hàng như mọi khi. Vào đến trong chỗ buồng khách, tức cũng là buồng ăn, anh chỉ thấy một chiếc va ly rất to trên bàn thôi, vậy bà mẹ lúc ấy hoặc ở trên gác, hoặc đi vắng, vội vàng anh rảo cẳng vào sân sau để rửa mặt một lần nữa cho tỉnh táo. Thì chẳng may vợ anh ở nhà bếp chạy ngay ra đón anh một câu như thế này:

– Đi ăn uống với người ta thế rồi tiền đâu mà thết lại!

Phúc lẳng lặng gục cả mặt vào chậu nước mát, thấy như nhẹ cả người. Câu nói tầm thường của vợ, trước anh coi khinh đen bạc không thèm đáp, dần dần hóa ra có nghĩa lý.. Thật vậy, Tấn đã thết đãi anh rất nhiều lần, anh chưa hề tra nợ lần nào cả, nếu người bạn tốt ấy sau này sẽ cũng coi miếng ăn là trọng, cũng tha thiết đến sự được tra lại, nghĩa là cũng sẽ tầm thường như vợ anh, thì anh sẽ tính sao? Thật là cả một vấn đề quan trọng nó khiến anh phân vân về sự đối

đáp về sau, hối hận về những cuộc hành lạc khi trước, và nản chí về sự định vay tiền, bất cứ ở chỗ nào, bất cứ vào lúc nào! Anh đã bắt đầu ngờ vực cái nhân sinh quan của anh vẫn chủ trương. Không, nếu không kiếm ra được tiền, chẳng ai có thể trở nên hiền nhân quân tử được. Vợ anh khoanh tay đứng nhìn, chờ anh ngẩng mặt lên liền hỏi:

– Thế nào? Thế ông có để ý đến việc của tôi không đấy? Hay rượu vào thì quên mất cả mọi sự rồi?

Bực quá, anh đáp vừa hùng hồn vừa liều lĩnh:

– Cái gì mà ồn lên thế? Chỉ có câu chuyện hai chục bạc thôi, gì mà những "mọi sự"? Tối hôm nay hay mai là cùng, rồi sẽ có!

– Thế đã hỏi chưa?

Phúc gật đầu liều...

– Thế người ta đã nhận lời chưa?

Phúc lại đáp liều hơn nữa:

– Đã! Đã! Không phải nói lắm!

Anh vắt chiếc khăn mặt lên giá chậu, toan quay ra thì vợ anh gọi giật lại:

– À này cậu! Anh cả vừa về chơi đấy! Cô Đức đi mua bán gì cho anh ấy, còn tôi, bận làm cơm, vậy cậu liệu trông hàng cho tôi.

– Thế đẻ đâu?

– Dễ thường đẻ cũng đi mua bán gì cho anh ấy rồi.

Anh gật đầu, vui mừng lên gác. Tấn đã bảo anh rằng đêm nay thì đi hát một chầu ở Khâm Thiên cho long trời lở đất, vì ham chơi thì ít, vì nghĩa vụ vay tiền cho vợ thì nhiều, anh đã không thể nào từ chối cái việc cũng không hại đạo đức mấy chút ấy, tất nhiên anh phải lục hòm ra xem cái áo the thâm có nhầu nát lắm không, cái khăn lượt cũ đã bị gián nhấm thêm nữa hay chưa.. Một tư tưởng chua chát bỗng đến với anh phải khăn áo chỉnh tề để dấn thân vào cái chỗ ghê gớm nó làm cho nhiều người khôn ngoan đã bỏ vợ, từ con, khuynh gia, bại sản... Mà vì lẽ gì? Vì tiền! Ai đi hát là thừa của, vì quá no cơm ấm cật, còn anh, vì chạy tiền, vì muốn cho vợ khỏi phải bị chửi, vì muốn cho gia đình yên vui! Than ôi, thật là trái ngược thay mà sự hy sinh to tát ấy, thì rồi đến chính vợ anh cũng chưa chắc hiểu rõ cho anh đâu, người nhà mà biết, ắt sẽ đay nghiến, sỉ nhục, rầy rà anh, nhưng thôi, đã có quỷ thần hai vai chứng giám!

Rõ chẳng may, bà mẹ lại không đi vắng, giữa lúc anh lên, bà mẹ đương lục tủ chè, và cái vẻ đầu bù tóc rối ấy cùng là rất nhiều đồ la liệt bầy khắp sập bảo rằng bà cụ đương rất bực mình phải tìm một vật gì mãi chưa thấy. Thấy anh, bà ngừng tay, thẳng người lên, thở dài rồi the thé hỏi:

– Gớm, quý hóa chửa, cậu đã đi chơi về. Sao hôm nay cậu về sớm thế? Thằng cả nó vừa ở Bắc về đấy, cái bằng của nó, cậu vứt vào đâu?

– Dạ bẩm con cất bằng của anh con bao giờ ạ!

Tức khắc anh là có tội, vì bà mẹ muốn anh có tội.

– Không cậu thì còn ai? Thế tủ sách của cậu đâu? Thử tìm cho tôi xem nào! Đi cả ngày, chẳng tích sự gì cả!

– Thưa đẻ, nếu con cất, con nhớ ngay; quả thật con không...

– Thì cậu cứ cố tìm hộ tôi xem nào! Cậu làm ơn.

– Khổ quá, đẻ bắt thì con phải tìm, nhưng chắc là không thấy được đâu! Đấy rồi đẻ xem.

Tức khắc anh mở tủ sách, một cái tủ đã mọt trong có rất nhiều sách cũ, sách học khi xưa, sách tàn thư mà anh đã mua khi đi làm. Anh bầy ra sập từng quyển một để phân bua rằng mẹ anh bắt mình làm một việc vô ích. Trong khi ấy, anh không quên hỏi:

– Anh con bắt tìm bằng thi để làm gì thế không biết!

Cho câu ấy là xúc phạm lắm, bà mẹ gắt một hồi:

– Nào ai biết đâu! Nhưng nó đã bảo tìm, thì phải tìm! Chả gì cũng cái bằng đítlôm [1], đánh mất của nó thì cả nhà này chết với nó!

Phúc nhăn mặt vì câu nói của mẹ là dốt nát một cách khó chịu, nhất là nó bao hàm cái nghĩa sợ sệt vô lý hình như anh cả là bố chứ không phải chỉ là con. Cho dẫu người anh ấy đã có bằng thành chung [2], Phúc cũng vẫn coi là học lực tầm thường lắm, vẫn khinh để bụng, ấy là chưa kể đến cái nhân cách thảm hại của người anh ấy cờ bạc như ranh, nợ như chúa Chổm, giai gái thì đã mắc giang mai đến bốn lần, vợ đẻ ba lần chết, một lần sẩy, làm cho bố mẹ những chịu tiền cưu mang mấy lần mà điêu đứng, thật đã điếm nhục gia phong. Tuy vậy mà vẫn được bố mẹ kính trọng lắm, chỉ vì đã chạy tiền đút lót mà

1. Diplôm là bằng tốt nghiệp cao đẳng tiểu học, tương đương với tốt nghiệp phổ thông cơ sở ngày nay.

2. Cũng là cách gọi bằng tốt nghiệp cao đẳng tiểu học.

được làm ông Phán tòa sứ. Người anh ấy lương tháng bảy chục đồng mà cứ luôn luôn về nã tiền nhà tiêu thêm, sự thật thì chẳng những chưa giúp đỡ bố mẹ một xu lại làm hại bố mẹ chưa biết đến đời nào mới thôi. Anh như thế thì bố mẹ sợ hãi, mình như thế thì bố mẹ ghét bỏ. Phúc lắm khi chỉ vì sự bất công ấy mà phẫn uất, tuy chưa bao giờ dám để lọt ý nghĩ ấy ra miệng.

Bà cụ lại chấp trách cả đến nét mặt anh lúc ấy nữa:

– Cứ tươi tỉnh lên một tị, tìm cái bằng ấy chưa nhọc cái thần xác mấy đâu mà đã phải mặt nặng, mặt nhẹ như quân thù quân hằn như thế! Cái giấy gì kia? Không phải rồi đây kia nữa! Bằng nó đấy chứ gì! Thế mà bảo tìm chưa chi đã cãi cang cảng!

Phúc dở ra, hơi gắt:

– Bằng sơ học của con, không phải của anh ấy.

– Ừ, ấy thế! Thế là anh em xử với nhau tốt lắm! Của cậu thì cậu giữ cẩn thận, còn của nó, cậu mặc kệ, cậu vứt đi! Ai để đâu không biết!

– Con có quá điên mà con lại dám vứt cái bằng của anh ấy đi? Anh ấy có giao cho con đâu mà con có bổn phận phải giữ!

– Hết rồi phỏng? Thôi, thu lại! Ấy thế là mất cái bằng!

– Ngộ thầy con có cất đâu chăng...

– Ông lão ấy có thừa hơi. Cậu không săn sóc, còn ai giữ hộ.

– Ngộ anh con cất chỗ nào, hay đã đem sang Bắc thì biết đâu! Đẻ cứ nói làm con phải cãi!

Bà mẹ đập bàn rất mạnh, cho rằng chính anh ấy phải chịu trách nhiệm về cái họa ấy:

– Tôi trái phỏng. Cậu bảo tôi trái chứng sắp chết phỏng. Cứ cầu đi! Có cái bằng của nó mà cậu cũng không biết ai để đâu, thế thì cậu còn được cái tích sự gì nữa? Nói thế mà nghe lọt tai ấy à? Để anh ấy về... Nó về thì nó đập vào mặt cho! Ừ, ừ, thế mà cũng đòi ngậm bút vào mồm [1], cắp sách đi học. Rõ thật văn chương chữ nghĩa bề bề, tối thì ôm lấy vợ, ngày thì cắp quyển sách đi chơi!

Không thể chịu được nữa, Phúc không thu dọn nữa, nói cứng:

– Anh ấy không giao cho con, con không đánh mất, ai đập vào mặt con được? Đẻ vô lý lắm. Anh ấy chỉ là anh thôi, chứ đâu là bố

1. Lối nói cổ chỉ việc đi học, vì ngày xưa học chữ Hán viết bằng bút lông, học sinh khi viết hay nhấm ngọn bút ở mồm cho ấm dễ viết.

con, thì anh ấy cũng phải công bình mới được. Con rất đau lòng phải nói với đẻ chẳng được dịu dàng như thế. Con nào cũng là con, đẻ không nên thiên tư!

Đó là lần đầu Phúc dám cãi lại mẹ, và chính cũng là vì lần đầu cho nên bà mẹ coi ngay anh là quân đại bất hiếu chi tử, chứ xưa nay anh ngoan ngoãn, có thế bao giờ. Bà cười nhạt một cách rất phụ nữ, cái đó đã cố nhiên, và giọng bà dịu lại nhưng mà cốt để cho sự kết án gay gắt hơn nữa:

– À, cậu bây giờ giỏi nhỉ, cậu có chửi tôi thì cứ chửi đi!

Đã đâm khùng rồi, Phúc không nghĩ đến hiếu nghĩa gì nữa. Anh thấy rằng như thế mà lại cắn răng chịu vậy, ắt rồi sau này còn bị hành hạ thêm hơn nữa, và cho dẫu có được cái tiếng hiếu thuận không dám cãi mẹ, ắt cũng chẳng ai hơi đâu hiểu cho mình, vì rằng cái chữ hiếu ấy, chẳng qua chỉ là thứ ngu hiếu của kẻ nô lệ mà thôi. Cho nên Phúc quả quyết khoanh tay lại, ngồi xuống sập, nhìn thẳng vào mặt mẹ, nói một cách dịu dàng:

– Con xin đẻ hãy khoan... đánh con kể tội, việc ấy dễ lắm, con xin nhắc lại mấy câu phương ngôn rằng: Bề trên ở chẳng chính ngôi, để cho kẻ dưới chúng tôi hỗn hào... Con giun xéo lắm cũng quằn. Con đã bảo rằng đẻ thiên tư, bây giờ con lại nói như thế, vì rằng đẻ thiên lắm, chứ cho dẫu chính con, con có phạm phải cái tội tày đình là đánh mất cái bằng đi nữa, thiết tưởng đẻ cũng chưa cần nặng lời đến thế... Mất thì đi xin cái khác, nha học chính sao lại cho ngay, chứ có khó gì đâu. Đẻ buộc con chửi lại đẻ vậy đẻ thử nguôi đi, nghĩ lại xem nói thế có quá đáng không? Nay con tưởng đẻ chưa quên những phen anh cả cãi lại đẻ bằng vạn thế nữa, hỗn láo bằng vạn thế nữa, bất hiếu bất mục bằng vạn thế nữa, mà đẻ vẫn cứ nhịn được, để mà vẫn yêu quý anh ấy như thường! Lắm khi yêu quý quá, đẻ hóa ra sợ hãi anh ấy nữa, động một tý là rối lên, một việc nhỏ mọn cũng coi như một tai họa lớn, có thể cả nhà đến chết với anh ấy, thí dụ như cái việc mất bằng này!

Ngừng lại, không thấy mẹ nói gì, Phúc lại tiếp:

– Con không muốn nói làm gì, phiền cả mẹ lẫn con nhưng mà bần cùng lắm, và đã nói thôi thì xin nói một thể. Cái lối của đẻ như vậy chính là nối giáo cho giặc, vì như thế tức là xui anh ấy được thể hỗn láo hơn nữa, và làm cho con cũng đâm ra hỗn nốt, tuy con mới

cãi lần này là lần đầu. Tại sao hai đứa cùng là con đẻ rứt ruột đẻ ra, mà đẻ lại phân biệt, đứa khinh đứa trọng, đứa ghét đứa yêu như thế? Có phải là vì anh ấy làm ông phán, kiếm ra tiền, còn con đây, thì thất nghiệp, không kiếm ra được đồng nào, có phải thế không? Ô hay, thế thì ra tình nghĩa mẹ con ở đời này chẳng qua cũng chỉ vì đồng tiền thôi à? Ô hay, thế thì ra đứa con nào kiếm được ra tiền thì mới là cái dở cũng hay, để cho đứa nào không kiếm được tiền thì khi hay cũng thành ra dở? Có lẽ nào? Có lẽ nào đẻ sỉ nhục con chỉ vì con không kiếm ra tiền mà thôi!

Nói câu sau cùng, Phúc nghiến rít hai hàm răng lại, phẫn uất cực điểm. Chừng cũng biết trái, sợ con tủi phận dâm liều – nói dại đổ xuống sông xuống biển – thì khốn to, bà mẹ cúi đầu xuống, co một chân đặt lên sập tỳ cằm vào đầu gối, nghĩ ngợi. Nhưng Phúc cũng chưa lấy thế làm hài lòng. Anh muốn nhân cơ hội nói cả một lần cho bà già trái chứng từ nay trở đi phải mau cải tà quy chính, kệch anh, để cho có thể thống mẹ ra mẹ, con ra con. Anh lại hằn học tiếp:

– Đẻ không cần chối, vì chối cũng không được. Con vẫn biết lắm, từ độ con thất nghiệp đến nay thì con bỗng dưng hóa ra lắm tội lắm! Ăn hại, đái nát, vô tích sự, gàn dở, không đáng bưng bát cơm lên mà ăn! Từ bố mẹ đến anh em chị em, thôi thì không còn thiếu một ai nữa, ra nói, vào nói, vắng mặt thì kể tội, có mặt thì mỉa mai, đay nghiến...

Chính anh, anh cũng không ngờ nói đến đây, anh mủi lòng, tủi thân, thấy nao nao con tim, nước mắt cũng ứa ra lã chã. Anh nghẹn ngào, hậm hực, không muốn nói gì chua cay nữa, vậy mà những nỗi đau đớn cũng để xuất lên lời:

– Con không ngờ! Thật thế con cũng không ngờ! Ngờ đâu chỉ vì không kiếm được miếng cơm mà ăn, phải nhờ vào bố mẹ mỗi ngày hai bữa cơm rau, mà đến nỗi nhục nhã thế này, ai cũng coi như cái đinh trước mắt, nói phải cũng là chửi lại mẹ, không có tội cũng bất gắt mắng. Đây này, con sẵn lòng bỏ cái nhà này mà đi, khỏi phải ăn hại, thì rồi cái gia đình này ai cũng vui vẻ hả hê. Theo luật thì con được hưởng một phần gia tài đấy, nhưng thôi, con rất sẵn lòng nhường cho anh cả, vì con đã ăn hại mãi rồi, không đáng hưởng nữa, và vì anh cả là một ông phán tòa sứ, làm rạng rỡ gia tiên. Như thế cho xong chuyện!

Một vị hiền mẫu có khi nào lại xin lỗi con cái chăng? Cái đó thì không. Cho nên bà mẹ anh chẳng hề nhếch miệng, mặc dầu bà hối hận lắm. Bà khóc, trước khóc sụt sịt, sau khóc òa... Dẫu rằng vẫn cố tu thân sửa tính để noi theo đạo lý thánh hiền xưa nay, Phúc cũng lấy thế làm hả hê lắm. Có thế họa may mới có sự công bình ở đời! Có thế, bà lão mới chịu từ giờ trở đi để mình được yên! Có thế, bà lão may ra mới giữ được là mẹ hiền để cho mình khỏi phải trở nên đứa con bất hiếu. Anh rất sung sướng mà khám phá được một chân lý nữa: Thà bất hiếu một lần, trong một phút, để sau này có thể sẽ cứ là hiếu tử cả một đời. Loài người ai cũng ưa nặng chứ có ưa nhẹ cho anh đâu. Anh không an ủi mẹ, lại yên lặng xếp sách vào tủ.

Đến lúc ấy, ông bố hoảng hốt từ dưới nhà chạy lên. Cố nhiên không biết vừa có sự gì xẩy ra, ông cứ tự do sợ hãi nói:

– Chết thật! Nguy to! Quế tốt, cụ lang bán hết cả rồi, bây giờ biết làm thế nào.

Không dám ngửng mặt lên để lộ hai con mắt lúc ấy có lẽ còn đỏ hoe, bà cụ vẫn cúi gằm và gắt:

– Thì ông đi hỏi chỗ khác chứ sao!

Vẫn không hiểu sự gì, ông cụ há mồm ra như kẻ mất trí khôn, phân vân:

– Chỗ khác thì biết tìm chỗ nào?

Rồi im lặng được một lát, lại nói:

– Nguy thật.

Thái độ sợ hãi con cả của người bố lúc ấy làm cho cả người mẹ cũng hổ thẹn với đứa con thứ hai. Bà cụ đứng lên, lẳng lặng lê đôi dép lệt xệt đi vào gác trong làm cho ông cụ lại càng ngạc nhiên hơn, cứ ngơ ngác nhìn theo, rồi thẫn thờ ngồi xuống một cái ghế. Lúc ấy Phúc đã xếp xong sách vở vào tủ rồi. Anh bèn mở cái hòm da cũ để tìm cái áo the và cái khăn. Trong khi soát lại áo, khăn, anh bèn hỏi bố một cách tinh quái rất kín đáo:

– Thầy mua quế cho anh cả con ấy?

Một cách trịnh trọng và lo sợ nhất đời, ông bố đáp:

– Phải! Thì chính thế!

Phúc lại hỏi luôn:

– Không mua được quế tốt thì làm thế nào?

Như một cái máy ông bố đáp ngay:

– Thế mới chết chứ.

Lời lẽ ấy khiến Phúc phải quay ra nhìn mặt ông bố khổ sở ấy. Thật thế, sự lo lắng của nhân loại, vào trường hợp này, đã hiện nên thành một biểu tượng trên cái tinh thần ấy. Hai bên râu hầu như hơi quặp vào, cái khăn lượt bị đẩy cao lên để lộ cái trán đầy những nét nhăn. Cái cổ áo khuy không cài, bửa ra rất rộng, làm cho cả hình dáng con người có vẻ một tay cờ bạc vừa đánh một nước bài khuynh gia bại sản, không còn phương gì cứu chữa nữa...

Trông thấy cái mặt bơ phờ ấy, Phúc chẳng thấy đáng thương, cũng chẳng thấy nó còn đáng kính trọng nữa. Anh ta tưởng chừng cái tình nghĩa cha con rất thiêng liêng lúc bấy giờ đã xa chạy cao bay đi đâu, và trước mặt anh ông bố lúc ấy chỉ là một người rất tầm thường, một viên chức tùy thuộc đã được cái hân hạnh đặc biệt là ông xếp giao phó cho một việc tư, mà lại không lo chạy được chu đáo, nên đương sợ mất lòng người bề trên, thế thôi. Bỗng đâu anh thấy ông bố là đáng khinh bỉ vô cùng. Cho nên, rất tinh quái, anh mỉa mai một cách kín đáo, bằng câu phàn nàn:

– Thế thì chết thật!

Vẫn ngây như đứa trẻ lên ba, ông già bèn kể lại:

– Nhà cụ lang ý là lắm quế tốt hơn cả, thế mà đến cũng chẳng có. Sao mà dạo này lại khan quế đến thế kia chứ! Cậu cả, cậu ấy không có quế tốt mà dùng thì rồi sẽ đau mắt nặng. Cậu ấy bảo dạo này cứ chiều chiều nó lại bốc hỏa lên, mờ cả, trông không cái gì rõ.

Nghe những câu cắt nghĩa ấy, Phúc thấy nó mới vô duyên làm sao! Anh nghĩ thầm: "Cờ bạc, giai gái như thế, rồi thì có phen đến mù đi! Mặc kệ ông với con ông chứ tích sự gì đến ai..." Rồi anh lẳng lặng xuống nhà dưới, trong óc đầy một thứ tư tưởng ghen ghét mà anh cho là chính đáng lắm. Nhưng bỗng ông già gọi giật lại:

– A, này, Hai!

– Dạ.

Anh đứng lại giữa thang quay mặt lại. Ông cụ vẫy thõng thẹo cái bàn tay:

– Hãy lên, hãy lên đây tao bảo cái này đã!

Phúc quay lên, đứng trước mặt bố, thấy lâu quá lại giục:

– Thế thầy bảo gì?

– Ông cụ muốn gắt:

– Thì hãy đứng đấy một tí!

Anh ta đành đứng nhìn cái ông bố sợ mất hiếu với con ấy đương chống tay lên bóp trán một cách trịnh trọng để tư tưởng mãi một cách rất kịch liệt mãi mãi, chứ nhất định không sai bảo gì... Sau cùng, ông già mới nói:

– Hay là thế này...

Đến đấy rồi lại thôi. Ông lại nghĩ ngợi năm phút nữa, để mà bảo một cách bất ngờ thế này:

– Thôi, thôi, bộ anh thì cũng chả làm nổi!

Tuy đã bực mình lắm, Phúc cũng còn sức dịu dàng làm ra bộ đáng yêu để cứ ngửa tay xin việc:

– Thì việc gì thầy cứ bảo truyền lệnh đi, xem con có làm nổi không!

Ông già lắc đầu thất vọng như phải có việc với một thằng ngu, một kẻ hoàn toàn bỏ đi, nên nguây nguẩy:

– Thôi, đi đi, tôi đã biết rõ anh lắm.

– Chết nỗi! Việc gì mà khó khăn đến thế?

Ông già nổi khùng gắt thật:

– Đã bảo đi mà lại! Cái bộ anh thì còn làm được đếch gì!

Phúc thấy bất bình như là bất cứ một ai vào trường hợp như thế cũng phải thấy bất bình, nếu người ta chưa đến nỗi đánh mất cái lòng tự ái, anh ta chưa quên rằng vừa cho mẹ một bài học tốt. Bây giờ đến lượt ông bố nữa thì dầu có phải bất hiếu cũng xin bất hiếu một thể, sao ông bố ấy lại không đáng nhận một bài học tốt của anh? Than ôi, nếu ngày nay phong hóa suy đồi đến bậc cha không ra cha, con không ra con, chồng chẳng ra chồng, vợ không ra vợ, há đó chẳng vì không ai biết giữ cái địa vị của mình đến nỗi trật tự, tôn ti bị đảo lộn ngược cả đó hay sao? Nếu ở đời này có được hạng con bất hiếu ghê gớm ấy chính là vì có hạng bố nhu nhược và nô lệ của con, của những đứa con kiếm ra tiền, như thế anh ta liền nói.

– Cái đó thì đã cố nhiên!

Ông bố kinh hoàng nhìn anh, vì hai mươi nhăm năm nay, bây giờ là lần đầu, ông thấy thằng con hiền lành ngoan ngoãn dám nói đối lại ông một câu mất dạy đến thế. Ngạc nhiên quá, đến nỗi tai tuy đã nghe rõ mồn một, ông cũng phải hỏi lại một cách thật vô ích:

– Cái gì? Phúc! Mày nói cái gì?

– Thưa thầy, con vừa nói rằng: cái ấy đã cố nhiên. Thầy bảo con là đồ vô dụng, con nhận thế là rất chí lý. Giá dụ con có việc làm kiếm được ra tiền, dám chắc thầy sẽ chẳng nói như thế bao giờ. Dễ hiểu lắm: ở đời này, thằng con nào kiếm được ra nhiều tiền thì bố mẹ mới quý hóa.

Trước một cái chiến thư như vậy, cố nhiên là ông già đâm khùng:

– À! Cái thằng này bây giờ giỏi nhỉ? Mày chửi ông đi xem. Ừ, mày chửi bố mẹ mày đi!

– Con chỉ đủ can đảm nói ra một điều mà con tin là đúng sự thực, tuy nó chẳng hay lắm.

– Thôi câm đi, đồ mất dạy, đồ vô học, đồ vô giáo dục, quân đại bất hiếu chi tử! Mày thử vấn cái lương tâm mà xem: đã từng ngậm cái bút lông mèo vào mồm mà dám chửi lại bố như thế này đấy à? Thử có hàng xóm láng giềng họ nghe thấy thì họ có đào mồ cuốc mả nhà tao lên không. Này ông bảo thật: Khôn cho người ta đoái, dại cho người ta thương, dở dở ương ương thì người ta ghét... Làm cái thân con giai con giếc, chả gì cũng ngót ba mươi tuổi đầu rồi, mà như mày, thì thật nhục lắm! Bé thì nhờ mẹ, nhờ cha, nhớn thì nhờ vợ, già thì nhờ con, úi chao ôi là mặt nam nhi! Ôi chao ôi là cái mặt tài giai!

(...)

IV

MẤY CUỘC HÀNH HẠ CUỐI CÙNG

(...)

Phúc đăm đăm nét mặt nghĩ ngợi mãi, còn muốn tìm nhiều câu cay đắng, độc địa để tự nhiếc mình một bữa cho thỏa vì xưa nay anh ta chỉ biết có tự cao, tự túc tự đại, chứ chưa hề có phạm điều gì bứt

rứt cho lương tâm... Nhưng anh chỉ có tìm thấy thế thôi, nên còn đứng ỳ ra đấy, như tượng gỗ. Người thư ký bên trong nhìn anh và tủm tỉm cười. Anh quay đi, thì thấy người ấy nói ra: "Đẹp lắm rồi! Ngắm mãi!" Thì ra họ tưởng anh soi gương! Đến lúc ấy, anh mới nhận ra rằng miếng kính to tát của cửa hàng ấy tốt đẹp đến mực không có thủy ngân mà soi vào ta thấy thật mặt hơn gương nữa.

Anh bước đi cho nhanh, ngượng ngùng...

Chợt một tư tưởng bất thần nẩy ra trong óc anh, làm cho đôi mắt anh quắc lên, cả cái mặt đăm chiêu cũng sáng sủa ra, vì một tia sáng hy vọng... Hay anh cứ vào xin nộp đơn, dầu đã chậm một ngày? Anh sẽ nói là không may vắng mặt ở Hà thành nên không biết và cố khẩn khoản xin người ta cứ chấp đơn cho... Thì anh cứ thử liều vào hỏi xem, được càng hay, không thì thôi chứ gì? Nghĩ thế anh quay gót trở lại, và cũng chưa quả quyết hẳn. Là vì, ngay lối vào, có ông Tây đen gác cổng cao lớn, uy nghi như Trương Phi. Bên trong có ba người Pháp đang đứng nói chuyện cạnh một chiếc xe hơi, ai cũng to tiếng cãi nhau, làm anh chột dạ. Anh phải tìm một người đồng bào, Nam quốc, Nam nhân với nhau, họa chăng có hỏi gì thì may cũng được họ vui lòng chỉ bảo cho. Phải dò la "binh tình" thế nào đã, chứ hỏi ngay Tây, vừa khó nói, vừa bất tiện nhiều lẽ. Thêm nữa, chỉ mười lăm phút nữa đã hết giờ làm rồi... Thôi ai cũng đã sắp về, chẳng nên vội, để đến chiều là hơn. Ít ra cũng phải sẵn thời giờ, thiên hạ mới có thể đáp lại anh những điều anh xin, hỏi...

Thế là anh lại quả quyết quay đi.

Để mà rất mừng rằng không vào hỏi vội là may, chứ vào kè nhè xin nộp đơn mà đơn anh cũng chưa có thì người ta sẽ lộn ruột và Tây nó sẽ chửi cho ấy! Chớ bỡn! Xin việc, chẳng phải trò đùa!

Anh bước nhanh về nhà, để thảo đơn đã.

Đến buổi chiều, anh trở lại với lá đơn trong tay, với nhiều câu tiếng Pháp sửa soạn trong óc. Anh dám chắc nếu người ta sẵn lòng tiếp anh cho anh được phép nói thì thế nào anh cũng xin được, vì cái ngôn ngữ anh sửa soạn để ứng đối nó trôi chảy, lễ phép, tha thiết, và rất văn chương... Anh tưởng tượng: mình chỉ xin một chân thư ký mà mình biết ăn nói như thế, có khi họ nhận ngay, không cần bắt thi nữa.

Anh nói một câu, được người Tây đen gác cổng cho vào ngay. Anh còn ngơ ngác tìm phòng giám đốc thì gặp một người Tây đi qua mặt,

và người này trừng trừng nhìn anh. Phúc ta liền vái chào, nói ngay cái trường hợp của mình. Đáng lẽ cho anh biết phòng ông chủ ở chỗ nào, người Tây ấy gọi to:

– Sang! Sang!

Từ cái buồng gần đấy bỗng có tiếng đáp: "Me xừ" rồi thấy một người to béo, mặt mũi phương phi, chạy vội ra. Anh Phúc đoán: hắn đó là một tay thế lực trong sở. Người Tây trỏ Phúc, bảo người thế lực ấy đại khái: "Hỏi cái thằng cha kia xem nó muốn xin cái gì. Nó nói lăng nhăng những gì, tôi không hiểu gì cả..." Rồi người Tây bỏ đấy đi ra ngoài cửa làm cho một con chó khổng lồ từ bên trong sở cũng nhảy bổ ra, chạy theo. Nếu là người tinh ý một chút Phúc phải biết ngay rằng ông chủ hãng chính là người Tây ấy.

– Cái gì? Hỏi cái gì thế.

Phúc ấp úng, nghĩ ngợi rồi đáp:

– Tôi muốn được vào ông chủ...

Tức thì ông kia phật ý như một người to tát mà phải gặp một kẻ ngu dại không biết mình là ai:

– Ông chủ! Không phải ai cũng vào ông chủ dễ đến thế được!

Đến bây giờ Phúc mới để ý... Anh vội sửa chữa sự sơ suất của mình:

– Thưa ông, xin lỗi ông... ông có làm ơn cho tôi vào thẳng ông chủ.

Ông kia tặc lưỡi, lừ mắt, quát:

– Thì ông chủ, ông ấy vừa đi ra đấy! Hỏi gì? Ông chủ kêu rằng anh nói gì, ông ấy không hiểu, nên ông ấy gọi tôi ra xem sao đây!

Rồi trông thấy cái đơn trong tay Phúc, ông ấy giơ tay ra:

– Đưa đây xem! Xin gì, cứ đưa đơn đây!

Phúc thở dài đưa đơn, biết rằng thế là hỏng việc.

Anh đã thừa rõ cái lối dìm của những ông ký cựu có thế lực trong những sở, mỗi khi thấy ai muốn xin vào làm. Cái trường hợp của anh là phải vào thẳng được ông chủ, nếu không thì là toi công thảo đơn. Mà quả vậy, vì ông kia đọc qua loa rồi đưa trả ngay Phúc.

– Quá hạn rồi, không chấp đơn nữa.

Phúc còn cố nói:

– Thưa ông, mới quá một ngày...

– Quá một giờ thôi người ta cũng không nhận nữa. Thôi đi về.

Phúc ta trơ trên, ngượng ngùng, đo mặt lên, toan cố hỏi một điều nữa nhưng phải thôi, bẽn lẽn đi ra. Nhưng ra tới ngoài hè, anh lại trông thấy ông chủ hãng lúc ấy đương miệng huýt còi, tay thì giơ cao lên ra hiệu cho con chó khổng lồ phải nhảy lên liếm cái bàn tay... Phúc tự hỏi: "Hay là ta cứ cố nài xin một lần cuối cùng nữa? Nhục, thì còn sợ gì nhục nữa, nếu cái nghề mà ta xin, tự nó cũng đủ là một cái nhục rồi!" Anh bèn đứng lại xa xa phía sau lưng người Tây. Và anh được xem làm phúc cái trò dạy chó chồm lên rõ cao, chắc là phải để con vật quen đi, khi gặp trộm, có thể nhảy lên cắn cổ được kẻ trộm.

Hai mươi phút trôi qua như thế, ông chủ hãng xe hơi mới chịu thôi cho, đút tay vào quần để lững thững đi vào. Phúc ta cầm chắc lấy tất cả can đảm của mình vào hai tay vái một cái, quả quyết tiến đến, không nói gì cả, đưa lá đơn lên. Người Tây cầm lá đơn một cách bất đắc dĩ, thì chưa chi con chó đã xông vào mặt Phúc mà sủa om lên, hình như không muốn cho ai làm mất thời giờ của chủ nó. Thành thử người Tây đáng lẽ đọc đơn, lại phải mắng con chó của mình một cách vất vả, vì mãi nó mới chịu thôi cắn và chạy vào. Thế mới biết rằng mọi sự may rủi của con người ta ở đời đều mong manh như treo dưới sợi tóc, vì ông chủ kia, nét mặt hầm hầm vì giận con chó khó dạy, chỉ đọc qua đơn của Phúc rồi đưa trả ngay. Phúc mới kịp nói có một tiếng "Monsieur"... thì ông chủ ấy vứt lá đơn xuống đất, để mà gắt to:

– Mais foutez-moi la paix! (Đừng làm rộn).

Phúc ta cúi xuống nhặt tờ giấy cuộn tròn vô duyên. Anh không dám nhìn lại sau lưng nữa, chỉ lủi thủi đi mất. Sang tới bên kia hè, anh mới quay lại, và thấy người Tây đứng khoanh tay nhìn theo anh, không rõ với cảm tưởng gì trong đầu. Phúc dừng chân, thỉnh thoảng lại quay đầu lại với cái hy vọng được người Tây thương tình, đổi ý, mà vẫy gọi mình trở lại chăng. Nhưng đến lúc anh nhìn lại lần thứ tư, thì Tây cũng so vai, vào hẳn trong sở.

Phúc vừa đi vừa xé tan lá đơn thành một nghìn, một vạn mảnh vụn, vứt xuống đất, nhìn những mảnh ấy bay theo gió... Anh đã lên tới cái đỉnh chót vót của thất vọng, và thấy mình chóng mặt. Nếu anh cứ bị trói buộc ngất ngưởng mãi trên cái sự cao thượng như thế, ắt có lúc sẽ té đau... Trèo cao ngã đau, xưa nay anh trèo quá, và cái ngã này, anh thấy đau quá.

Nhưng thế, liệu đã hết chưa? Không rồi anh còn ngã nữa cho mà xem, dẫu rằng hiện nay, anh đã từ cái cây cao thượng không tên kia

mà tụt xuống rồi, chứ phải đâu là còn dám trèo lên nữa! Phúc rùng mình... Anh thấy hình như chỉ có cái sự này đáng gọi là chân lý: nghĩa là làm người thì không ai khác được, và chẳng một ai là có thể được sống theo ý mình muốn. Anh đã mơ mộng, đã điên rồ, thì từ nay trở đi, anh sẽ biết cách châm chước mình vào tới hoàn cảnh thuận tiện, thế thôi. Đi xin việc không được việc, thế cũng chỉ là thường. Nếu bảo vậy là nhục thì ở đời này còn chán vạn những việc đã nhục hơn thế và vào những việc xấu xa hơn thế.

Và sở dĩ Phúc kết luận như vậy là vì từ trong thâm tâm của anh, anh đã bắt đầu cảm thấy nguy hiểm của tương lai, những ngày mưa gió, thiếu thốn, nheo nhóc, mà anh đã mục kích ở những gia đình khác, nó làm cho anh lo sợ, bỗng dưng mà giật mình đánh thót một cái, tưởng chừng như con ma nghèo khô đã đến gõ vào cửa phòng mình vậy.

Trông thấy một bà lão và ba đứa trẻ rách rưới đương khom lưng nhặt lá bàng hai bên vỉa hè, anh gật đầu, tự nhủ: "Thật thế, phải đề phòng mùa đông... Đến con kiến cũng biết tha lâu đầy tổ, phòng xa những cảnh cơ hàn, cớ sao ta là người, ta chẳng biết đi kiếm tiền, dẫu 'à không cần ngay thì cũng để dành một chỗ?" Với những tư tưởng thực tế ấy, thế là chương trình đi tìm việc mà anh đã phác họa, anh chẳng bỏ dở nó đâu.

Không phải ở Hà thành chỉ có một hãng ô tô ấy.

Cũng như trong đời anh chẳng phải chỉ có một ngày hôm nay.

Chẳng bữa nay thì bữa mai, chẳng chỗ này thì chỗ khác, vũ trụ còn để thừa nhiều... Giời sinh voi sinh cỏ, hơi đâu mà lo việc man năm! Vả lại, nghĩ cho cùng nào có ai chết?

Anh định về nhà nghỉ. Thế rồi – ôi mâu thuẫn! – ngay đêm ấy, anh để đèn ngồi viết cái bài đại luận ấy, cái bài báo ghê gớm mà tiền đề là "Sự phá sản của đạo đức" với tất cả tấm lòng hăng hái, sốt sắng và thành thực mà một người thành thực nhất đời có thể có được. Thật thế, tuy anh đương là kẻ chẳng có một địa vị cực kỳ cao thượng song chưa ai biết, mà khi ngồi viết bài ấy anh cũng biết dùng đến giọng đàn anh của một bậc hiền nhân quân tử hẳn hoi, tựa hồ như một nhà triết học danh tiếng đã vang lừng khắp cả Âu, Á, để mạt sát cái trào lưu sùng thượng vật chất, tham vàng bỏ nghĩa, của cả nhân loại, cái nhân loại mù lòa và nô lệ của những công trình do

mình sáng tác ra. Cuối bài, anh gọi Thượng Đế mau mau trị tội mọi người bằng một trận lụt quốc tế như ở thời ông Noé [1] hay là những đám cháy kinh thiên động địa như hai nạn thủy tai hủy hoại cả thành Sodome và thành Gomorrhe [2] ! Bài ấy thật là một thiên hùng biện. Tác giả nó đã có cái giọng kẻ cả viết sấm truyền của các nhà tiên tri, và những câu văn thì thực có ý vị chua chát, khinh đời vô cùng. Tưởng chừng như giá dụ ký những tên như Cố Hồng Minh, Lương Khải Siêu, Romain Rolland, Duhamel [3] dưới bài văn kiệt tác ấy, có khi thiên hạ cũng phải tưởng thật.

Viết xong bài, tự vấn lương tâm, Phúc cho rằng hai việc làm của anh hôm nay chẳng có gì mâu thuẫn nhau.

Trái hẳn lại nữa! Bởi lẽ anh đã bị cái trào lưu khốn nạn của đại đa số xô đẩy, cũng phải vác đơn đi xin việc làm như những kẻ rất tầm thường, cho nên anh tự cho phép mình được viết một bài tỏ lòng phẫn uất như thế, và anh được phép hơn cả ai ai nữa. Nếu anh không thất bại một cách nhục nhã trong sự tìm sinh kế như vậy, thì anh lại không có cái quyền phẫn uất như thế nữa. Anh chỉ quên không căn vặn mình rằng nếu được người ta chấp đơn, thì chẳng hay anh có còn khinh bỉ cả nhân loại đến thế không.

Hôm sau, anh ung dung đến Đông Dương nhật báo. Khác hẳn những lần trước chỉ bỏ bài vào thùng thơ của nhà báo rồi ra về một cách nhũn nhặn, lần này anh đòi vào thăm ông giám đốc hoặc ông chủ bút để trao bài tận tay. Không danh thiếp, anh phải viết tên vào một mẩu giấy mà người tùy phái nhà báo đưa ra. Thì anh được vào ngay tức khắc...

Người ta tiếp anh cũng khá long trọng và cảm tưởng đầu tiên của anh khi vào tòa soạn một báo quán, là thấy nghề viết báo cao thượng

---

1. Noé là nhân vật trong Kinh Thánh của đạo Cơ đốc, vì nhân loại vô đạo, Chúa gây nạn lụt dìm cả thế gian, diệt hết loài người, chỉ để lại gia đình Noé để gây lại loài người mới.

2. Sodome và Gomorrhe là hai thành cô ở xứ Palestin, theo Kinh Thánh thì vì cư dân đồi trụy, đã bị Chúa cho lửa trời thiêu hủy, không phải thủy tai hủy hoại.

3. Cố Hồng Minh, Lương Khải Siêu là những nhà văn chính luận nổi tiếng ở Trung Quốc cuối thời Mãn Thanh, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Romain Rolland (1866-1941) là nhà văn Pháp nổi tiếng về các tiểu thuyết ca tụng chí kiên cường của con người, không cần đến bạo lực, được giải Nobel 1915.

Georges Duhamel (1888-1966) là nhà văn Pháp, Viện sĩ Viện Hàn lâm văn học vừa là Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Pháp.

lắm, làm cho anh phải ao ước được bước vào con đường công danh khẳng khái ấy. Trông thấy những núi báo chí trên cái bàn rộng, những địa đồ trên tường, những cuốn tự vựng khổng lồ trong các tủ, và ống điện thoại, và máy đánh chữ, và hòm vô tuyến truyền thanh, lại nghe tiếng máy in chạy sầm sầm ngay cạnh đó, lại hoa mắt lên vì sự hoạt động chạy đi chạy lại của các biên tập viên và loong toong, anh vui vẻ tự hỏi: "Ừ, còn nghề gì danh giá và anh hùng bằng nghề thông tin và giáo hóa cho quốc dân, mà lại bởi những phương tiện đáo để như chửi bới Hitler, Mussolini, công kích thết thảy những ai là to tát, từ dân chí quan, ai ai cũng có thể bị nói mỉa, bị nói nghiến, cho chí quan Thống sứ, cho chí quan Toàn quyền?" Bỗng dưng anh thấy ngượng nghịu, lúng túng, sợ sệt, trước mặt mấy nhà văn sĩ mà anh vẫn nghe danh, mà bây giờ anh mới đối diện, những người mà anh vẫn coi như là phục anh lắm, như vậy mới danh giá cho anh chứ!

Ông chủ bút, một người má hõm, vai so, mắt lờ đờ, trông như là nghiện thuốc phiện – đừng láo! – chắc hẳn vì làm cái nghề hao tổn tinh thần, lo việc quốc gia, xã hội cả đêm cho nên, mới có hình dung tiều tụy ấy, trịnh trọng nói với Phúc:

– Văn của tiên sinh khá lắm... ý kiến bao giờ cũng đặc sắc, tỏ ra người độc lập không đời nào khuynh theo những thị dục của thế nhân, thật chúng tôi rất hân hạnh được một người bạn như tiên sinh đó.

Phúc cung kính thưa:

– Bẩm, những bài trào phúng hằng ngày mà ngài ký tên là Mặt Giăng, tôi đọc cũng lấy làm kính phục lắm.

Văn sĩ Mặt Giăng điềm nhiên đưa ra gói thuốc lá hồng mai cho Phúc, rồi gọi mấy người khác:

– Này các anh, hãy để đấy đã. Đây là Nguyễn Văn Phúc tiên sinh, tác giả những bài luận mà chúng ta vẫn hết sức khen...

Mấy người kia đến gần Phúc, để cho anh biết rằng đó là những tay bỉnh bút trứ danh như: Ngọn Đèn Ló, Bất Tuyệt, Thiên Lôi, Bút Thép, và Hu Hu tức Hi Hi.

Sau cuộc giới thiệu, bắt tay, người ta ngồi hội họp nhau để nhã nhặn ca tụng lẫn nhau là những vị thần thánh bất khả xâm phạm, đến nỗi Phúc dám tưởng chính anh cũng đã thạo nghề rồi.

Mãi đến lúc này, Phúc mới rút trong túi đưa ra bài văn. Anh ngửa cổ tự do vào thành ghế, bắt chân chữ ngũ rõ cao tuy chưa để

hẳn lên bàn, vì anh không còn thấy ngượng nghịu gì nữa, cho rằng chỉ trong chỗ các nhà văn thanh khí lẽ hằng với nhau rồi là mới hiểu nổi cái chân giá trị của anh, mặc dầu cái khăn lượt gián nhấm, mặc dầu cái áo the ba chỉ đã bạc mầu ở hai vai...

– Sự phá sản của đạo đức!

– Ái chà! Cái tít [1] ấy hệ trọng lắm đó!

– Phải, bài của ông Phúc, bao giờ cũng đặc sắc...

– Đọc đi cùng nghe! Đọc đi, mày!

– Tiên sinh cho phép nhé?

Vừa lúc ấy có một người thô lỗ, to béo, kính trắng, răng đen, trông như ông chủ hiệu thợ may tây, hớt hải chạy vào... Văn sĩ Mặt Giăng giới thiệu:

– Trần Học Hải, bản báo chủ nhiệm... Ông Nguyễn Văn Phúc, bạn thân của tòa soạn.

Sau khi cúi đầu chào và bắt tay Phúc, ông chủ báo cũng ngồi xuống ghế, ngửa mặt ra trịnh trọng nghe.

Nhà văn Bút Thép đọc bài "Sự phá sản của đạo đức" bằng giọng lè nhè như sự đạo đức phá sản... Tuy vậy, những ý kiến lạ lùng, cách hành văn tha thiết của Phúc cũng vẫn đắc thắng một cách rõ rệt, vì sau mười lăm phút nghe đọc, ai cũng gật gù khen ngợi.

Ông Thiên Lôi phê bình:

– Đến Gandhi [2] thì cũng chỉ viết hay được đến thế!

Ông chủ nhiệm nói rõ hơn:

– Ông thật là người có biệt tài. Để đăng trang nhất.

Rồi mời Phúc một điếu thuốc cũng hiệu hồng mai, và gọi rót nước ấm lên.

Sướng quá, Phúc chẳng biết nói gì để đáp sự khen lao công cộng đó.

Bữa ấy, anh đã ngồi nói chuyện chính trị, thế giới, văn chương với các ông nhà văn mãi đến lúc họ lấy mũ ra về.

Anh lại muốn ra về vườn hoa. Sự học hành của anh bấy lâu nay chẳng phải vô ích cho sinh kế của anh đâu: ai dám bảo là bây giờ

---

1. *Tít* (tiếng Pháp: titre): nhan đề.
2. Gandhi (1869-1948): nhà yêu nước vĩ đại của Ấn Độ.

anh không có hy vọng trở nên một nhà viết báo xuất sắc, và được mời ngay vào Đông Dương nhật báo? Rồi mà xem! Những người ngu dốt vẫn công kích anh là gàn xưa nay! Anh cũng sẽ kiếm ra tiền mà không phải làm nghề thầy ký, mà sẽ làm một nghề cao thượng, danh giá, anh hùng bướng bỉnh bênh vực dân nghèo, công kích chính phủ!

Được cái men hy vọng giúp cho anh say sưa một cách đầy thi vị, Phúc tự hỏi một cách tự nhiên: "Quái sao ta cứ tưởng muốn giữ cho cao thượng ắt không được làm nghề gì? Sao đến bây giờ ta mới nghĩ đến nghề viết báo, ấy là xem chừng thì chỉ nghề văn, nghề báo là hợp với nghề ta mà thôi? Lạ thật! Lạ thật!".

* * *

Chưa chi, anh đã thấy mình đến cái chốn công viên yêu quý xưa nay. Người phu lục lộ chạy đến ngay, lễ phép nói:

– Bẩm lạy cậu, con chờ cậu mãi...

– Gì nữa thế?

– Bẩm... con trả nợ cậu và cám ơn cậu lần nữa. Thật là nhờ cậu, gia đình con mới yên.

– Có gì mà kể ân với nghĩa!

Người phu lục lộ đâm ra văn chương:

– Bẩm cậu, thời xưa, bát cơm Siếu mẫu [1] đáp ơn nghìn vàng nữa là! Con chưa có gì đáp ơn, nhưng thôi, hãy cứ trả nợ cậu sòng phẳng.

Cầm đồng bạc, Phúc nghĩ đến Tấn, tự hỏi bao giờ mình mới sòng phẳng được với bạn để cho khỏi thẹn thầm với người phu áo rách, nhất là khi làm ơn cho mình, bạn lại còn cho mình được dịp hưởng "của người phúc ta". Nghĩ đến sự nói dối bạn, anh liên tưởng tới cuộc xổ số mà anh đã mơ màng vào cái đêm nằm dưới xóm. Anh quyết định: "Sẵn tiền đây, ta phải mua vé số ngay mới xong! Không mua ngay thì hỏng, vì ta hay quên lắm..."

1. Thường đọc là Siếu mẫu, nghĩa là bà già giặt vải. Xưa Hàn Tín (thế kỷ IIItr.CN) nghèo đi câu, gặp bữa đói quá, được bà già giặt vải cho ăn bát cơm, sau làm tể tướng, đem nghìn lạng vàng đền ơn.

Tức thì anh từ giã người phu.

Và chỉ mới đến trước tòa Đốc lý, anh đã gặp ngay một người đàn bà bán vé số với một cái bàn nhỏ. Anh đặt ngay tiền lên mặt bàn rất mạnh mà rằng:

– Tùy bà lựa chọn hộ đấy, cứ cái nào sẽ trúng mười vạn thì xé cho tôi!

Người đàn bà cười và từ chối:

– Thôi ạ! Để ông xé lấy, vì sợ tôi không xé trúng cái vé quí báu ấy đâu ạ!

Phúc nhắm mắt lại, giở tập vé số rồi rút ra một cái. Anh đã nhớ: Thần Tài vốn mù lòa [1]. Đã đánh bạc mà còn kén chọn số này, số khác, anh cho thế là chẳng hiểu sự đời may rủi là chi. Và anh bỗng có một cái cảm giác rất lạ lùng, là rồi anh sẽ trúng số.

Tức thì anh nghĩ đến sự về ngay nhà để phòng sự đánh mất, hoặc mọi sự hiểm nghèo có thể xảy ra. Anh chợt nhớ rằng bác phu lục lộ đoán tướng mạo anh, và cam đoan là anh sau này phải có bạc vạn. Nếu sự ấy sẽ đúng, trừ phi trúng số thì thôi, chứ còn cách gì? Nếu đúng thật như lời đoán, anh quyết nguyện sẽ cho người phu tinh đời ấy một số tiền rất to!

Trên con đường về nhà, anh đi ung dung nhẹ nhõm thấy thân thể như cường tráng hơn mọi buổi: anh sung sướng như một thiếu niên mới bước chân trên đường đời, chưa hề bị một thất bại nào đầu độc.

Anh quyết định về nhà thì viết ngay một lá thơ cho ông chủ báo để đả động đến quyền lợi của mình. Nếu người ta không mời ngay anh giúp việc – điều ấy anh chưa hề dám hy vọng – thì người ta có thể đền bù công lao của anh bằng số tiền nhuận bút cỏn con. Phải thế, họa chăng sự đời mới có nghĩa lý chứ? "Con có khóc, mẹ mới cho bú" nếu bấy nay họ chẳng đả động tới số tiền nhuận bút của anh, có lẽ chỉ bởi cớ anh không nói gì. Và có lẽ họ còn sợ rằng nếu trả tiền anh tức là khinh bỉ anh cũng nên. "Thật thế, có thể họ tưởng mình không cần gì đến tiền được lắm chứ? Nhưng thôi thôi, xin các ông,

---

1. Thần Tài của người Cổ Hy Lạp và La Mã được thể hiện thành một người đàn bà bay trên bánh xe có cánh tay cầm một túi vàng, đến đâu rắc ra đấy, nhưng đôi mắt có băng che kín như người mù. Ý nói rằng của cái đến với người đời một cách tình cờ, may rủi, bất ngờ, bất thường không biết đâu mà lường được, như người mù đem cho vậy.

các ông nghĩ cho, ai lại không cần tiền!" Thế là anh đã dám có một hy vọng rõ rệt vì xưa nay anh nghe phong phanh rằng mỗi bài báo thì cứ tính chẻ hoe ba xu một dòng như vậy, anh có thể được nhận của nhà báo một số tiền khá to nữa vì bài báo của anh họ cũng đã đăng lên cột nhất trang nhất hẳn hoi.

Nhưng về đến nhà, anh không được ngồi ngay vào bàn viết thư. Ở quê nhà, có ông Đối là người bác đồng tông với anh vừa ra chơi. Anh phải tiếp chuyện ông ta vì gia đình anh để mặc ông ngồi ôm gối trên một cái phản gần nhà bếp.

Xưa nay, Phúc rất có cảm tình với ông Đối.

Anh không bao giờ quên những thời gian sung sướng mà anh đã sống với ông bác nghèo rất đáng yêu ấy, thuở bé, vào mấy vụ nghỉ hè... Ông Đối chiều đãi anh hết sức, anh muốn gì cũng đã được cả.

Ông Đối đã chặt một cây tre già nhất hàng rào của ông để uốn cung và vót tên cho Phúc đi bắn chim. Ông lại làm cả diều, cả cần câu cho cháu có thêm cách giải trí. Những khi bắn chim, đi câu, đi thả diều về vừa nhọc vừa đói, thế nào Phúc cũng biết trước rằng bác Đối đã làm cho mình một món gì ăn rất ngon. Nhờ những bữa nghỉ hè ở nhà quê, Phúc được biết giá trị của cua muối, canh cua nấu bánh đa, óc đậu, bánh đúc nậm, những thứ mà Hà thành không biết làm cho ngon mà ăn. Nhất là con niêng niễng mà bác Đối bắt được ở ngoài đồng đem về rang lên để phần anh hằng bát, thì anh đã ăn với cái thứ nước bọt của những nhà sư được ăn vụng thịt chó.

Bây giờ thì ông Đối nghèo rồi. Ba năm úng thủy liền, lại một năm đại hạn, cộng với một năm nữa có nạn dịch trâu bò đã làm cho người nông dân trung lưu tụt xuống vũng bùn vô sản. Phúc còn nhớ rằng xưa kia, mặt mũi ông Đối cũng dễ coi sáng sủa, nếu không gọi là phương phi hẳn hoi. Xưa kia, thỉnh thoảng ông lại ra tỉnh với cái áo the mới, và đôi giầy Gia Định đóng đanh tre, cài ở cái thắt lưng mầu hoa hiên... Bây giờ mặt mũi ông trông gớm chết, hai mắt hóa ra toét nhèm, hai má hõm lại như hai lỗ đáo, và có điều lạ lùng nhất, không ai hiểu được là xưa kia hai hàm răng ông đều đặn hẳn hoi, thì bây giờ hốt nhiên vẫn tướng mãi ra; đến nỗi mồm ông lúc nào cũng há hốc mà hình như muốn mím môi lại thì khó khăn lắm. Đến quần áo ông mới lại thảm hại... Cái áo cánh nâu, cái quần nâu mà vá cả vải thâm, cả vải trắng, thật là đeo giây buộc giúm, khâu trùm vá lớp mà vẫn lôi thôi lốc thốc, rách rưới quá một thằng ăn mày.

Chỉ duy cái mũ trên đầu là lành lặn, nhưng đó lại là cái mũ chào mào không biết ông nhặt được ở đâu cho nên sự vô tội của cái mũ làm cho quần áo ông lại tiều tụy hơn, và làm cho cả người ông thành ra ngợm, không ra cái quái gì nữa; từ khi ông Đối mặc áo rách, ông ra tỉnh với em ít hơn, cũng như từ đấy Phúc cũng ít được dịp về quê. Và nhiều khi bác ra chơi thì cháu lại đi vắng

Trông thấy bác, Phúc vui vẻ hỏi:

– Bác mới ra đấy à, lạy bác!

Ông bác nghèo giật mình đánh thót một cái có lẽ ngạc nhiên ở chỗ sao thằng cháu con ông em giàu có lại còn chào mình, ông đương ngồi mà luống cuống đứng lên, chắp hai tay lại tuy chưa vái rạp:

– À vâng! Ấy kìa anh... Lâu lắm bác mới lại gặp, vì mấy lần ra anh đi chơi vắng cả.

Phúc ngạc nhiên ở chỗ bố mẹ mình sao lại có thể để một ông anh họ đồng tông ngồi suông một mình dưới bếp thế được.

Anh bảo:

– Bác ơi, bác lên trên nhà đi.

– Thôi được, sợ có khách khứa...

Mãi Phúc mới mời nổi ông Đối lên được cái gác riêng của anh, Phúc cảm thấy một nỗi buồn nó làm cho anh tưởng chừng như đến khô héo cả ruột gan, khi thấy người ta nhàn bần khí đoản đến như thế. Thật vậy, bây giờ giữa anh và người bác thân yêu ấy đã có một hàng rào khó vượt rồi, mà chỉ vì nhà anh còn đủ ăn, và gia đình người bác thì đói, thế thôi! Anh ta thấy muốn khinh bỉ bố mẹ lắm. Một lần nữa, anh lại thấy anh cần phải giàu, vì nếu anh chỉ cứ thế mãi, thì mặc dầu những tình cảm của anh với ông Đối là tha thiết đến bậc nào đi nữa, anh ta, kỳ chung vẫn chỉ là ích kỷ, ấy nếu không biết che đậy cái ích kỷ ấy bằng những lời an ủi hão thương miệng thương môi suông.

– Bác ra từ bao giờ?

– Từ mười giờ ạ.

– Thế thầy đẻ cháu đã mời bác xơi cơm chưa?

– Dạ, tôi đã ăn ở nhà quê rồi ạ.

Câu đáp ấy đủ tỏ cho Phúc biết rằng bố mẹ mình tệ đến nỗi không buồn thí cho ông ấy nổi bữa cơm. Anh to tiếng gọi thằng ở,

bảo nó đi mua hai bát phở để mình ăn một bát cho người bác cũng dám ăn, tuy anh không đói. Trông thấy ông Đối ăn nhanh đến thế, anh mới đoán chắc rằng có lẽ ông ta từ sáng chưa có một hột cơm nào trong bụng đâu! Anh chợt nhớ ngay: một lần, mẹ anh đã nhăn mặt khẽ nói với bố anh, cách đây ba năm, rằng chính ông Đối đã lên tỉnh lỵ Hưng Yên hành khất chi đó, và bố mẹ anh không những chẳng động tâm thương hại chút nào, lại còn coi sự ấy là nhục nhã cho tổ tiên, với làng nước. Phúc đau đớn nghĩ: "Có thể chính bây giờ ông ấy cũng vẫn đi ăn mày, nhưng mà giấu giếm mình cũng chưa biết chừng!" Rồi Phúc nghĩ đến những bữa cơm có canh cua nấu bánh đa khi xưa, ngon lành mà bác cháu vui vẻ có nhau.. Thế là anh thấy ứa nước mắt ra, và phải vội nói ngay:

– Chết chửa, bát phở nó cho nhiều ớt đến thế! Bác xơi bát nữa nhé?

– Dạ, thôi ạ, cảm ơn anh.

Phúc sai đầy tớ mua nữa, và, bát thứ hai, ông Đối cũng không từ chối. Cái đói của người bác ấy hiển nhiên lắm rồi.

– Bác ở chơi đây với cháu lâu nhé?

– Dạ, bẩm thôi ạ, có được việc thì tôi phải về ngay.

– Cái gì? Bác vội gì thế?

– Dạ thằng Tẹo nó đi chăn trâu thuê, chẳng may bị con trâu nó nguẩy đầu đuổi ruồi, thành thử cái sừng nó đâm nát cả một bên vế đùi thằng bé.

Ông Đối nói thế một cách bình tĩnh, thản nhiên, hình như thuật chuyện một con gà bị vụt què chân mà thôi.

Phúc trợn mắt hỏi:

– Chết! Tại sao bây giờ bác mới nói! Sao sự can hệ thế mà bác lại đợi tôi phải hỏi bác mới nói?

– Dạ, có dăm hào thôi thì đi lấy thuốc trên Cổ Loa thì cũng có thể khỏi què được.

– Mà thiếu dăm hào thì... là què suốt đời?

– Dạ, vâng.

– Anh Tẹo... là con út của bác đấy à?

– Bẩm vâng.

– Tội nghiệp! Thế tiền xe từ đây đến Cổ Loa rồi từ Cổ Loa về quê nhà ta độ bao nhiêu?

– Dạ! Thôi để đi bộ, chứ tôi còn đi xe để làm gì.

– Đi bộ thì lâu quá, sợ anh ấy đau nặng thêm ra.

– Dạ, cũng tạm rịt thuốc lá cho nó rồi. Nghĩa là có thuốc kia cái gân nó liền lại, khỏi sợ què. Chưa quá mười ngày thì vẫn còn chữa được.

– Thế thầy đẻ cháu giúp bác số tiền ấy chưa?

Mãi ông Đối mời buồn rầu đáp:

– Ông Phán nhà ta thì bảo tôi đợi bà về, vì bà đi lễ vắng.

Nghe thế Phúc thở dài. Anh rất lấy làm phục cho cái tinh thần nữ quyền ở gia đình anh. Khốn nạn, đối với một người anh họ dăm hào hay đồng bạc, vậy thử có đáng là bao, vậy mà bố anh cũng không dám tự quyết phải chờ hỏi vợ đã! Anh tức giận nói lầm bầm như nói với thiên hạ: "Cái thằng đàn ông mà điều gì cũng phải hỏi vợ thì còn làm nên vương tướng đếch gì nữa!" Anh thấy có thể khinh bố như một đứa con đại bất hiếu, như ta khinh một người dưng nước lã rất đáng khinh mà chẳng là có tội gì với thiên, địa, quỉ, thần, chỉ là công bình mà thôi! Muốn cứu chữa sự tồi tệ của bố mình, anh bèn bảo người bác:

– Nếu không vội lắm, thì bác cứ ở đây đến mai. Cháu cũng sắp có một số tiền tiêu đây, để đưa bác ít nhiều, gọi là giúp đỡ anh ấy chút đỉnh.

Cái mặt buồn thiu của ông Đối sáng sủa ngay lên:

– Dạ... Vâng. Nếu anh thương còn gì bằng.

Phúc trầm ngâm nghĩ ngợi đến cái nguy hiểm của lời mình hứa. Ừ... Ngộ nhà báo không trả tiền bài anh thì sao? Anh đã dám chắc đến thế ư? Chuyện đời đã nghĩ rằng bát cơm bưng đến tận miệng rồi, có khi cũng vẫn còn là chưa chắc. Nhưng anh lại an ủi ngay anh bằng cách lý luận thế này: "Có hứa bừa đi thế là phải, ta cũng phải cần tiền, dẫu là chỉ cần cho người khác, vì nếu không phải giữ cái danh dự, thì chẳng mấy khi ta biết thực hành cái thành ngữ "Cố đấm ăn xôi" đâu! Và! Vạn bất đắc dĩ, nếu thất bại món ấy thì ta đành lại đấm lưng thằng Tấn vậy. Thật thế, khi người ta trúng số những bốn nghìn, thì là cốt để thỉnh thoảng giúp bạn vài đồng chứ gì!"

Yên trí rồi, anh lại hỏi:

– Thế dạo này, bác làm ăn ra sao?

– Dạ bẩm, đi cấy hái thuê, chả gọi là đủ ăn. Mấy năm thiên tai có tấc đất nào lại bán ăn tất cả, rồi đã có năm phải đi tha phương cầu thực...

Đến đây, ông Đối ngừng bặt, hậm hực, nuốt nước bọt đánh ực một cái y như những kẻ bẩn thỉu ho khạc xong là nuốt luôn cả cục đờm của mình. Chính ra ấy là ông Đối chỉ cố nuốt cái đau đớn của ông mà thôi và nói "tha phương cầu thực" là ông muốn nói đi ăn mày, tuy ông không làm văn.

– Thôi được, bác cứ ở đây một vài hôm chờ tôi, thế nào bác cũng có tiền. Ông Đối trù trừ hồi lâu rồi đáp:

– Sợ phiền ông bà quá.

– Không! Đừng sợ! Ấy là bác cứ tưởng thế đấy.

Rồi tức khắc anh ngồi vào bàn để viết cái thư tống tiền. Anh cho dùng giấy bút là thượng sách, chứ đối diện nhau, cái chuyện tiền nong vẫn là khó nói lắm. Đằng này, trên mặt giấy anh tha hồ tự do... Và anh đã khiến ngòi bút khéo léo lắm cái thư tống tiền ấy cũng lại là một thiên hùng biện nốt.

Lúc đọc lại lá thơ, anh rất bằng lòng anh, đến bậc sung sướng anh nói vởi ông bác thế này:

– Bác ạ, chính là vì bác mà tôi sẽ có số tiền đó.

Ông Đối ngẩn mặt ra, hỏi:

– Dạ? Anh dạy thế nào ạ?

Biết ông không thể hiểu được, Phúc chỉ đáp:

– Thôi, không có gì, bác nằm đây mà nghỉ.

Rồi anh gọi thằng nhỏ lên bảo nó đem thư đến nhà báo, và đợi trả lời nữa, nếu người ta trả lời ngay.

– Xong đâu đấy, anh mới cắt nghĩa:

– Lúc nãy, cháu muốn nói thế này: Nghĩa là muốn giúp đỡ bác mà cháu mới gửi thư hỏi tiền người ta, và cái thư ấy, cháu viết khéo lắm. Nếu bác được cháu giúp tiền, ấy là nhờ ở bác, mà bác vô tình lại còn làm ơn cho cháu nữa.

Nói rồi, anh phải buông xuôi hai tay để thất vọng vì những lời lẽ văn hoa ý tứ ấy chỉ làm cho ông Đối phô mãi hai hàm răng vẩu ra ngoài mà thôi.

Chợt thấy có tiếng mẹ gọi anh:

– Phúc! Phúc! Anh Phúc có trên gác đấy phỏng?

Ông Đối chắp tay đứng ngay lên, như bà em đã lên tới gác rồi.

Phúc quay lại:

– Ấy, để tôi xuống đã, bác hãy cứ ngồi yên đây.

Anh tưởng có sự gì, nhưng đến lúc xuống rồi, thì bà mẹ anh chỉ lấm lét nhìn lên, rồi vẫy anh ra tận ngoài cửa để khẽ hỏi:

– Này, lại bố Đối ở trên đấy phỏng?

Thoạt đầu, muốn rõ bụng mẹ, Phúc chỉ đáp gọn:

– Vâng.

Bà cụ chép miệng rồi than thở:

– Rõ thật cái tội cái nợ. Dễ thường mình nợ tiền kiếp ông ấy chắc! Lại ra nã tiền đấy chứ gì?

Muốn trêu tức mẹ. Phúc điềm nhiên hỏi:

– Thế thì sao?

Bà mẹ trố mắt, ngạc nhiên, có lẽ tưởng mình nghe nhầm chứ con mình không nói thế. Thì Phúc lại tiếp:

– Thầy đẻ giàu có thế này, bác ấy nghèo khổ thế, có đến phiền nhiễu đôi khi thì là thường chứ gì!

Có lẽ đã lộn ruột lắm, nhưng bà mẹ cũng chỉ nói:

– Ôi chà! Của đâu mà lắm thế! Là thường... là thường thế nào được! Hàng họ ế ẩm thế này!... Cho dẫu anh em ruột cũng còn kiến giả nhất phận, nữa là anh em họ!

Phúc cứ nói thẳng:

– Con thì con cho rằng nếu bác ấy không đến đây xin chu cấp, thì thầy đẻ còn có bổn phận đi tìm bác ấy để mà đưa tiền nữa!

Bà mẹ lườm, rồi quay đi, cao giọng mắng con:

– Thôi câm đi, đồ ngu, đồ gàn bát sách!... Cha mẹ nhà mày, chứ lại chọc gậy xuống nước với bà à! Nói thì ai chả nói được, có mất cái lông chân nào đâu!

Một lúc lâu, chừng chưa hả giận, bà mẹ quay lại:

– Đấy, có giỏi thì bố già đấy, bỏ tiền túi ra mà cấp dưỡng! Lại đại ngôn với bà à? Từ rày thì cứ chừa ngay cái thói của người phúc ta đi...

Tức thì Phúc cũng đứng thẳng người lên, tuyên ngôn đứng đắn, dõng dạc, như thông ngôn tòa án nói với dân đi kiện:

– Bẩm vâng! Đẻ không muốn ăn ở cho ra người đại nhân thì thôi, cứ để đấy cho tôi, rồi tôi, tôi sẽ giúp tiền ông ấy.

Bà mẹ rất ngạc nhiên. Thật thế, anh mà lại có tiền. Ắt anh có công việc làm, hoặc có dịp phát tài gì đó mà còn giữ bí mật, hẳn thế. Phúc trông thấy cả cái phân vân, có lẽ sự bắt đầu hối hận nữa, hiện ra trên mặt bà mẹ anh. Nhất là vợ anh, ngồi đằng xa kia, thì cứ nhìn trộm anh mãi.

– Bẩm, lạy thím ạ.

Phúc không ngờ rằng mẹ mình lại vui nét mặt tựa hồ như không có sự gì xảy ra và giả dối vồ vập người anh họ được ngay như thế này:

– A kìa bác, bác mới ra chơi! Gớm, đã lâu lắm mới lại thấy ông, thế thì ông bận gì thế? Ông ngồi chơi đấy... Tôi vừa đi lễ về. Để tôi vào bếp một lát rồi tôi ra ngay nhé... Các cháu có ngoan không?

Bà cụ vừa hỏi vừa đi vào, chẳng để cho ông Đối kịp đáp nữa. Phúc mím môi đứng nhìn theo, lấy làm ghê rợn cho cái sự thơn thớt nói cười của thế nhân... Anh tự nghĩ: "Một người như thế có là đáng khinh không, cho dẫu người ấy là mẹ mình". Anh lạ lùng cho anh, sao lại bây giờ mới biết rằng bụng dạ bà cụ là như thế.

Lúc ấy thằng nhỏ đã trở về. Tay nó có một lá thư. Họ đáp lời rồi. Nếu không có tiền ngay trong phong bì thì ắt cũng phải có lời hứa. Anh mừng rỡ vô cùng, nháy mắt cho ông Đối một cái, bóc cái thư mà quả tim đập rộn, mà tay run...

Nhưng mặt anh rồi dần dần tái xanh, và từ tái xanh đổi ra tái xám. Nhưng ngực anh mỗi lúc một phập phồng mạnh hơn...

Bởi có cái thơ ấy, nó như thế này:

"Kính ông NGUYỄN VĂN PHÚC,

Chúng tôi đã nhận được thư ông. Muốn ông khỏi tốn công chờ đợi, nay trả lời ngay. Ông là người cũng biết viết lách qua loa đấy, nhưng ông nhiều lòng tự ái quá. Nếu chúng tôi chịu khó đăng bài của ông, hoặc khen ngợi ông, ấy là muốn khuyến khích ông, thế thôi. Nếu ông muốn tập viết thì cứ viết đi, rồi mươi năm nữa, may ra có lẽ cũng viết nổi vài bài sạch sẽ, hợp thời, không gàn dở... Ông kể công lao ông, ông không biết rằng nhà báo gửi báo biếu ông hàng ngày như thế, đã là quá phải rồi'.

Kính thư,
Trần Học Hải"

Phúc thở dài, nói với ông Đối:

– Thôi hỏng rồi, người ta không sẵn tiền...

Tức thì ông Đối có ngay bộ mặt tên tử tù đã bị kết án tử hình lúc sắp ra máy chém. Muốn che chở cho lòng tự ái của mình, Phúc lấy ví, dốc hết tiền ở trong ra lòng bàn tay, thấy còn hơn tám hào, anh đưa cả:

– Tưởng nếu vay được tiền thì tôi đưa nhiều cho bác, nhưng lại lỡ. Thôi bác cầm tạm chỗ này vậy, rồi đi ngay đi thôi... Đi ngay kẻo anh ấy đợi, và lần sau ra chơi, thế nào bác cũng có tiền nữa.

Ông Đối nhận tiền, sung sướng và cũng hiểu cái ý muốn của Phúc, bèn đáp:

– Vâng, đa tạ anh. Để tôi vào chào bà rồi tôi đi ngay!

Năm phút sau, ông Đối đã ra đi, và còn bị người em dâu đuổi theo bằng những lời lẽ tử tế vuốt đuôi:

– Ơ hay, thì ăn cơm chiều đã chứ, bác?

Phúc tiễn người bác ra đến bậu cửa, gượng cười và nói:

– Nếu cháu nhờ giời mà trúng số thì thế nào bác cũng được nhờ!

Và anh tưởng mình nói rất đứng đắn.

V

NGÀY ĐẦU TRÚNG SỐ

Hai tuần lễ sau...

– Bốn trăm mười tám nghìn, bảy trăm sáu mươi nhăm.

Phúc vừa lẩm bẩm khẽ đọc những con số mà anh đã thuộc lòng tức là số vé của anh, vừa điềm nhiên bóc tờ Đông Phương nhật báo.

Anh rất lấy làm kinh ngạc, khi thấy trên mặt tờ báo mở rộng, tất cả sáu con số ấy, đứng theo cái trật tự ấy, dưới dòng chữ ghê gớm này: Trúng độc đắc mười vạn! Hốt nhiên anh thấy như hoa mắt, như ù tai... Anh tự hỏi: "Có lẽ nào? Có lẽ nào lại như thế được?" Y như một người đứng trước một sự quái gở nó đã xảy ra, khi tưởng rằng chẳng có đời nào nó lại xảy ra được. Tức thì anh đứng lên, đem tờ

báo theo, định lên gác để lấy trong tủ ra cái vé số của anh, rồi đối chiếu xem mình có nhớ nhầm hay không.

Giữa lúc sắp lên gác, anh gặp vợ anh, nên vội vàng làm cho nét mặt thản nhiên như không. Vợ anh trông thấy tờ báo, liền hỏi không sốt sắng mấy:

– A, có báo rồi đấy à? Thế có trúng số không? Nghe đâu hôm nay có cuộc xổ số thì phải! Cậu xem xong, tôi mượn lát nhé! Tôi cũng có mua một vé.

Anh rất mừng – tuy anh không hiểu vì sao – rằng vợ không để ý kỹ đến cái tinh thần khác thường của mình, rồi thản nhiên đáp sau một cái tặc lưỡi.

– Mình – thì có đời nào lại trúng số được!

Nói xong, anh thấy hối hận vô cùng. Anh biết rằng mình nói thế có lẽ là phụ cái lòng Giời phù hộ cho mình, vì anh có trúng số thật không, điều ấy chỉ có đợi đem vé số ra kiểm lại, thì là chắc chắn. Mà anh đã chắc chắn chín phần mười rồi! Nếu nó còn nghi hoặc, ấy là nghi hoặc cho phải phép cái hạnh phúc đột ngột mà thôi, chứ xưa nay, thiên kinh vạn quyển cũng vậy, nếu đọc qua là anh nhớ như chôn trong ruột, huống hồ nay chỉ có sáu con chữ số, mà lại là chữ số anh đọc nhẩm luôn mồm những lúc nhàn rỗi hy vọng vẩn vơ nữa! Ấy thế mà anh cũng lo... Anh lo nói phụ thần tài như thế, thì dễ thường những con số ấy nó sẽ thay đổi đi chăng?... Tuy biết lo thế là lẩn thẩn, Phúc cũng cứ lo.

Anh mở tủ, mở hộp, tìm vé số mãi mới thấy, chân tay run bắn lên như người bắt đầu hành động một tội ác... Đến lúc thấy sáu con số trên cái vé, ở cả hai khung hai bên, đều đúng với con số trên báo, anh mới dám tin hoàn toàn. Anh nhịn thở để mong trấn tĩnh cái linh hồn của anh lúc ấy nó lao đao xao xuyến như một trận bão... anh nhìn trước nhìn sau, lo sợ có ai nhìn thấy mình chăng... rồi anh lại cất cái tính mệnh của anh vào hộp, bỏ hộp vào tủ, khóa tủ hai vòng... Cuối cùng anh dấu cái chìa khóa tủ vào một chỗ rất kín đáo, dám chắc không ai sờ mó tới.

Thế rồi... anh ngồi đờ mặt ra.

Óc anh lúc ấy rối loạn quá, anh không biết nghĩ gì nữa, cũng chẳng biết làm gì nữa. Mà dầu muốn thế nào cũng chẳng được, cả thân thể anh cứ run lên bần bật, tựa hồ như anh vừa giết người vậy.

Bỗng một ý nghĩ đáng kinh hoàng đến với cái trí não rối loạn của anh như một tia nắng lọt vào phòng tối... Hay nhà báo đã in nhầm? Anh lại nhìn vào nhật trình [1] và thấy con số ấy đều to bằng những ngón tay cái, anh mới thật là yên tâm. Tuy nhiên anh cũng định cứ xuống cửa mua một tờ báo khác nữa xem cho kỹ lưỡng.

Anh nhớ đến chuyện "thằng ngọng bắt được cái đanh" ngày xưa. Anh xuống thang bằng những bước rụt rè, chắc chắn, tay nắm vào bao lơn rất chặt chẽ, chỉ sợ ngã chết. Nhớ khi xưa, lên xuống cũng cái thang ấy bằng những bước từng ba bực một, anh lại rợn cả người, rồi tự nhủ, thận trọng thiên kim.

– Này mợ, cho tôi xin ba xu.

Thấy trẻ con đang rao báo như rươi, anh ra bậu cửa gọi:

– Đông Pháp! Đông Pháp!

– Có báo rồi, còn mua báo khác làm gì nữa!

– Cứ đưa tiền đây. Có một tin hệ trọng mà không thấy Đông Phương nó đăng gì cả.

Vợ anh cố nhiên là lườm anh, rồi mới đưa ra mấy xu, và giật ngay tờ Đông Phương ở tay anh, hình như có thế mới đỡ thiệt vậy. Mở tờ Đông Pháp, anh cũng lại thấy dòng số quý hóa này: 418765.

Sướng đến hóa điên – bây giờ thì chắc chắn lắm rồi – anh vui vẻ, thổn thức, gọi vợ để khoe:

– Này mợ này!...

Nhưng vợ anh vẫn cúi gầm mặt trên tờ báo trải rộng dưới chiếu, hỏi lại bằng giọng khó chịu:

– Gớm, lại cái gì nữa thế?

Thế là tức khắc muốn chém chết ngay con vợ lăng loàn, đồ khốn nạn, đồ vô giáo dục, đồ ngu có mắt cũng như mù ấy! Anh nén giận, quay đi, nghĩ bụng: "Nó chẳng đặng hưởng cái sung sướng của mình tí nào. Và anh lại mừng nữa, cho rằng nếu buột mồm khoe vợ ngay là thất sách lắm...

Anh lại ung dung lên gác, nằm khểnh cái đã. "Mười vạn! Mười vạn tức là một trăm nghìn... Một trăm nghìn đồng bạc! Thế đã là

---

1. "Nhật trình": báo hàng ngày.

nhiều hay chưa? Số người có tiền ấy, ở nước ta độ là bao nhiêu, chắc là ít lắm? Anh tự hỏi thế rồi lại giật mình, chỉ sợ số người ấy quả là nhiều lắm.

Phúc ngồi lên, kiếm một mảnh giấy và cái bút chì... "Nào thử tính kỹ xem nào!... Cứ cho là mỗi cái nhà, cả lớn lẫn nhỏ đổ đồng là năm nghìn bạc một... Mười vạn tức là con số một và năm con số không, chia ra với dòng số một năm và ba con số không. Xem được bao nhiêu nào?... Hai mươi... Có lẽ nào? Hai trăm chứ? Ồ không, hai mươi thôi, phải chỉ đúng hai mươi thôi!"

Anh thở dài, thất vọng một cách rất thành thực... Thế này là nghĩa lý gì? Mười vạn thì tậu được hai chục nóc nhà là cùng chứ đếch gì? Mà khi người ta có hai chục nóc nhà thì đã đáng gọi gì là giàu? Bất quá cái nhà tậu năm nghìn thì cho thuê mỗi tháng chỉ ba chục bạc chứ bao nhiêu? Vậy chỉ thu mỗi cái một năm ba trăm sáu, và tổng cộng cả hai chục cái cho thuê thì được bảy nghìn hai chứ bao nhiêu! Chết chửa, thì ra thiên hạ nó ngu nó nhân bần khí đoản thật đấy! Cả cơ nghiệp có mười vạn, mỗi năm niên bổng là bảy nghìn hai, thế thôi, thiên hạ nó đã cho là giàu to rồi. Đấy mà xem rồi chúng sẽ kêu la ầm lên, nếu mình không đem cái của hoạnh phát ấy mà vứt bớt đi, thí hồ thí cháo cho chúng, thì chúng sẽ dài mồm ra mà chửi mình là ích kỷ, là đểu, là chó! Chỉ chúng nó đi vay, đi xin, mới là người!

Phúc giận lắm. Anh rất lấy làm căm tức những sự ấy, dẫu là hãy còn vào lúc mới lo những sự ấy sẽ xảy ra mà thôi. Anh cho rằng dẫu là trúng số đi nữa, dẫu là không phải vì mồ hôi nước mắt mà tự nhiên được hưởng mười vạn đi nữa, thì thiên hạ cũng không có quyền được nói gì vào đấy. Anh trúng số, thế là lòng giời muốn cho anh giàu là anh rất đáng hưởng phú quý hơn nhiều người khác, chỉ có thế thôi.

Anh lại nằm dài ra, để tay lên trán: nghĩ ngợi, lo sợ... "Chứ lại gì! Ông đây, ông mà lại không đáng sung sướng hơn chúng mày à? Ông, ông chưa hề làm một điều gì là tội, là ác, còn chúng mày, sở dĩ mà giàu, là vì tham lam, lường gạt, ăn cắp, bất nhân! Chúng mày có bất nhân chúng mày mới giàu! Vậy thì đừng có tưởng ông trúng số mà là chó ngáp phải ruồi, mà là không xứng đáng! Trái lại, về nhân phẩm, về học thức, có đứa chúng mày chỉ đáng xách dép cho ông thôi, ấy là kể từ lúc ông còn hàn vi nữa! Vả lại, hai chục nóc nhà khốn nạn, có thể được gọi là giàu? Gọi là giàu thì phải thế nào kia chứ, thì phải hằng ba đời con cháu phá của cũng chẳng hết, thì phải

có những gì khả dĩ gọi là phú gia địch quốc mới được chứ? Ta mà đã là giàu? Giàu giàu giàu giàu...?"

Anh bĩu mồm vì nhớ rằng chính anh đã mục kích một vài người xưa kia đã có vài ba chục nóc nhà, mà bây giờ cũng lại chỉ là người tự ti, biết phận mình, dẫu mới hai bàn tay không. Anh mừng rằng anh chỉ trúng số mười vạn mà cũng đã hiểu cái gì là lo xa chứ không ngông rởm, vì rằng mười vạn, thế cũng chưa gọi là có sự gì bảo đảm cho tương lai đâu, nhỡ ra thì lại có thể khổ sở, đói khát lắm được. Thêm nữa, tuy nay anh sẽ có hai chục nóc nhà, nhưng mà trong thiên hạ cái số nghiệp chủ có vài chục nóc nhà thì lại hằng hà sa số, nhiều lắm, nhiều lắm, và số người giàu hơn thế lại cũng nhiều lắm, cho dẫu là ở xã hội Việt Nam... Như vậy thì ông trông lên cũng chưa bằng ai, và anh có thể bị nhiều người cậy của bắt nạt anh được lắm, chứ anh chưa phải là trung tâm điểm của vũ trụ đâu! Có mười vạn thế chỉ là thường lắm, xoàng lắm, khổ lắm...

Cuối cùng, muốn được yên trí rằng mình hãy còn nghèo, anh cười nhạt kết luận: "Chứ gì! Đến cái lúc nó xuống, thì ốm một trận, hoặc vợ ốm, con chết hoặc tai nạn, hoặc kiện tụng, hoặc buôn thua bán lỗ, hoặc bị lừa, chỉ vài ba cái chẳng ra gì nó xảy đến, thì là tay không lại hoàn tay không ngay cho mà xem! Đừng lặng nhặng vội!"

Dẫu rằng những ý kiến của anh lúc ấy toàn là khổ sở, và chán phèo như thế cả, nhưng tự trong thâm tâm, Phúc cũng không chối được rằng mình không vui, không sướng. Anh chỉ nhận ra rằng sở dĩ anh đã nghĩ ra đến thế, là vì anh khôn ngoan, thâm trầm, biết nghĩ xa xôi, không rực của không có thói khả ố của bọn giàu lồi khoe của, cậy tiền, lố lăng, nhặng xị, thế mà thôi. Chứ anh có thể yên trí ngay từ bây giờ, rằng anh đã thế này rồi, thì anh sẽ giữ được giàu có mãi mãi, cái lo sợ vu vơ kia chẳng qua là cái nghĩ phòng xa của con người lỗi lạc... Chứ như anh, có khi nào mà lại nghèo khổ được như mọi người! Nếu thế, đã chẳng hoạnh phát đến trúng số độc đắc... Ắt hẳn cái số phận anh phải là một thứ số phận quý hóa ghê gớm, ắt là mồ mả tổ tiên kết phát chi đây, hoặc là vì anh bụng dạ cao thượng hơn đời thì là hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân, thế thôi... Người phu lục lộ, giữa lúc anh còn hàn vi, đã dám đoán rằng tướng mạo anh là tướng mạo của người giàu có bạc vạn, như vậy thì hẳn số anh đã giàu thì giàu bền, chẳng còn sợ cái sự hoạnh tán nữa.

Phúc kéo điếu, hút một hơi thuốc lào thật cực kỳ dài: Anh kéo dài quá, nên sặc ho, ho mãi. Anh ôm ngực thấy sợ hãi điều gì, sợ hãi lắm, đã muốn định bỏ thuốc lào từ đấy, kẻo mà ho lao thì chí nguy...

Rồi anh nghĩ đến sự đi lãnh cái vé số ấy... Anh bỗng thấy một mối lo sợ, phân vân. Anh sẽ một mình đi lãnh số tiền mười vạn ấy chăng? Không phải nghĩ ngợi xa xôi gì nữa cũng biết, cái việc ấy thì không thể được rồi. Nếu anh chỉ một mình thì người ta sẽ cướp cái vé số của anh ta, hoặc không phát tiền cho anh, biết đâu! Phải, biết đâu ở cái thời buổi chẳng ra gì này, sự gì mà không có thể xảy ra được? Hoặc dẫu chẳng có sự gì khó khăn trong việc lĩnh tiền mười vạn, nhưng còn khi đã mang số tiền mười vạn ấy đi ra? Ồ, không! Anh không thể dại dột thế được! Thế thì ngu ngốc lắm! Những quân kẻ cướp có súng lục ngày nay chẳng thiếu gì... Người ta phải đã hoàn toàn mất trí khôn mới có thể khinh suất như thế được. Vậy thì anh phải đi lĩnh tiền với ông thân sinh và vợ anh mới xong.

Phúc thở dài vì biết rằng sẽ không thể nào giấu được xã hội và gia đình việc mình trúng số độc đắc... Nếu cố giấu giếm có khi nguy hiểm vào thân... Anh rất tiếc sự ấy, giá dụ anh có thể cứ lĩnh tiền, cứ tậu nhà, cứ hành động mãi, trong bóng tối mà không ai biết anh đã giàu thì còn khoái biết mấy? Nhưng mà... Thôi! Đời bây giờ có cái báo chí rầm rĩ và tọc mạch rồi, đã chẳng giấu được thì thà cứ khoe luôn ngay đi để cho nó ầm ĩ một thể.

Nhưng Phúc lại nghĩ: “Hay là ta cố giấu được ngày nào hay ngày ấy? Dẫu trong một vài bữa mà thôi? Để xem bụng dạ thiên hạ đối với ta như thế nào?” Nghĩ thế xong, Phúc mới lại chợt nhớ ra rằng chẳng cần bưng bít để thử lòng thiên hạ làm chi nữa, thì sự đời xưa nay ra sao, vốn dĩ nó đã đủ rành rành ra đấy!

Thế nào? Anh mà lại vẫn chưa rõ rằng chính vợ anh cũng vẫn nhờn anh, còn bố mẹ anh mà khinh bỉ anh, điều ấy đã cố nhiên? Anh mà lại chưa hiểu rằng anh ruột của anh, ông Phán, xưa nay vẫn kính trọng anh gần bằng con chó? Anh mà lại dám tưởng rằng không ai khinh anh xưa nay?

Phúc cười nhạt, cay đắng, thấy mình quả thật là đồ mất trí khôn. Phải những sự thật xưa nay vẫn đã hiển nhiên. Nếu mãi đến nay anh mới biết, ấy là bởi xưa kia anh vẫn mù. Vậy thì chỉ còn cần làm thế nào cho người ta mau mau biết sợ mình là hơn... và sớm phút nào hay phút ấy.

Phúc xuống thang.

Anh ngồi chễm chệ giữa sập, kéo cái điếu khảm vẫn bầy trên tủ chè khảm xuống để cạnh đầu gối. Anh nghĩ không biết nên báo cái tin mừng dữ dội ấy với bố mẹ thế nào cho khỏi xảy ra sự gì nguy hiểm: Một tin mừng như thế đủ cho bố mẹ anh sướng đến chết ngất đi... Rồi anh khoái chí kéo một mồi thuốc lào.

Ông bố lúc ấy vừa đi ra. Ông vừa thay lồng cho con chim sơn ca xong nên hai tay ông còn ướt át dưới hai cánh tay áo vén lên. Ông nhìn con ông, ngạc nhiên lắm, vì xưa nay, chỗ ấy vốn không phải chỗ ngồi của chính ông nữa, và cái điếu khảm thì là để tiếp những bậc thượng khách... Nhưng con ông hỏi ngay ông thế này:

– Thầy ơi, đẻ con đâu, thầy gọi ra đây đi!

– Có chuyện gì thế?

– Có cái này hay lắm, thầy cứ gọi đi.

Tuy chưa hiểu rõ là chuyện gì, ông cụ cũng đoán chắc hẳn việc con ông sắp nói chỉ có thể là tin mừng thôi. Ông bèn quay vào gọi to:

– Thằng nhỏ, mời cụ ra cậu Hai bảo gì ấy nhé!

Rồi ông cụ ngồi ngay xuống một cái ghế kê gần sập thấp hơn sập nữa, không hiểu rằng sẽ có một đại sự, cụ bà bước ra đủng đỉnh như cái chĩnh trôi sông... cụ cũng ngạc nhiên về chỗ ngồi vắt vẻo của con, và cũng im lặng ngồi xuống ghế, y như cụ ông mà thôi. Thấy mãi ông con cũng không nói gì, hai cụ đành đưa mắt nhìn nhau, chứ vẫn chưa dám hỏi!

Phúc tự nghĩ: "Lạ thật! Sao chưa chi ta đã hưởng ngay sự kính trọng của bố mẹ thế này? Thần Tài có oai đến thế hay sao? Hay là vì miệng ta vừa mới có gang có thép? Đấy, thì nào ta đã kịp nói gì đâu? Lạ thật?" Rồi thì, chỉ vì muốn thí nghiệm, cái thứ oai linh vô hình mà có thế lực vạn năng của kim tiền mới ban cho anh. Phúc lại nói một cách xấc lấc:

– Này thầy, thầy thử trông xem con ngồi chỗ này có xứng đáng không?

Ông bố, mãi đến lúc ấy, cũng chỉ đáp bằng hai con mắt ngơ ngác thôi. Ông cụ già lỗi thời này tuy đã đoán rằng con mình hẳn nhờ một nguyên cớ gì to tát nên mới dám có thái độ và ngôn ngữ khác thường ấy, nhưng ông không hề nghĩ đến sự trúng số, vì ông cũng chẳng biết rằng hôm nay chính là một ngày mở xổ số. Cũng như đa số các cụ

phán cổ đã hưu trí khác, ông không hiểu nổi một cái tin quốc tế, cho nên chỉ dăm thì mười họa mới ngó đến tờ nhật trình. Vả lại xưa thấy nói trúng số độc đắc toàn là những người Nam Kỳ và Cao Miên, ông cụ tin vững ngay rằng đó là một sự đùa nhả của Nhà nước, bịa đặt ra thế để bịp lũ dân ngu Bắc Kỳ, chứ không dễ ai lại trúng được số mười vạn cả, mặc dầu ông cụ vẫn là viên chức trung thành lắm.

Thấy mình có lẽ đã quá đáng lắm, Phúc bèn đi dần đến sự tuyên bố việc trúng số của mình.

– Người ta vẫn bảo: Làm quan có giọng, làm dáng có hình, vậy thì thầy đẻ trông con liệu chừng có đáng hưởng sự giàu sang hay không?

Bà mẹ không chịu nổi nữa, nói mát:

– Đúng lắm, con ạ, con sắp to nhất nhà rồi!

Vừa đến lúc đã toan đứng lên, mà thấy mẹ nói thế, Phúc lại cứ ngồi nguyên chỗ cũ và tiếp:

– Vâng, đẻ nói thế thì đúng lắm.

Phát cáu, ông bố đứng ngay lên, sừng sộ:

– Cái gì, hở? Mày to nhất nhà đấy à?

Phúc điềm nhiên hỏi:

– Có phải thế không? Đối với bố mẹ thời bây giờ, và đối với cái luân lý của xã hội kim thời, thì đứa nào kiếm ra nhiều tiền hơn cả, ấy là nó to nhất nhà.

Ông bố hỏi một cách phẫn uất:

– Ừ, cho dẫu có thế đi nữa, thì như mày, mày đã làm những gì mà bảo là "kiếm ra nhiều tiền hơn cả?" Ừ, thế mày đã nuôi được bố mẹ mày bữa nào chưa, hay xưa nay vẫn báo hại cơm cha áo mẹ mãi? Mấy hôm thấy ông dơ mặt không thèm nói, mày lại làm già à? Ông sẽ đánh dập xác mày ra bây giờ đấy!

Phúc mỉm cười:

– Vâng! Vẫn biết từ trước đến nay, con chỉ ăn hại bố mẹ mà thôi... Con biết thế là con bất hiếu lắm, tuy rằng là con, mà ăn của bố mẹ, khi bố mẹ vẫn có đủ cho ăn, thì cũng thế gian thường tình lắm. Nhưng mà thầy đẻ đừng lo nữa; Từ hôm nay mà đi, thì con sẽ là đại hiếu chi tử, có thể hiến thầy đẻ một cuộc dưỡng lão rất an nhàn, ô tô, nhà lầu, đủ các thứ. Đẻ sẽ tha hồ đánh tổ tôm, thầy có thể lấy vợ lẽ bao nhiêu cũng được.

Đến đây, ông bố không dám nói gì nữa. Còn bà mẹ có lẽ tưởng rằng nhà mình đã đến lúc đổ đốn, hoặc con bà trong những khi đi lang thang các phố xá, đã trót phóng uế vào gốc cây đa, cây đề nào đó chăng, nên đã bị "các ngài hành" để bây giờ về nhà hóa điên hóa dại như thế, cho nên bà lo sợ vô cùng và thất thanh hỏi:

– Phúc ơi, con... con có làm sao không?

Ông bố cũng run sợ hỏi:

– Mày nói thật hay nói đùa thế, hử Phúc?

Phúc cười, bỏ sập đứng lên:

– Chết rồi! Con lại dám nói đùa như thế à?

Ông bố và mẹ lại càng không tin, chỉ biết đưa mắt lo sợ nhìn nhau thôi... Phúc giơ tay lên dõng dạc:

– Con xin nói để thầy đẻ biết rằng nhà ta hôm nay gặp đại phúc, nghĩa là con trúng số!

Bố mẹ anh đều thở dài, nhưng mà là cái thở dài sung sướng của người lúc trước vẫn nhịn thở vì kinh hãi.

Rồi cả hai cùng hỏi:

– Thế à! Vậy trúng số bao nhiêu?

– Cũng chả mấy... Trúng cái số độc đắc, nghĩa là mười vạn.

Sự xúc động mạnh đến nỗi ông bố và bà mẹ cứ ngẩn cả người ra, hình như vẫn còn chưa tin, dẫu rằng hai cụ đã hết sức vững lòng tin. Và có lẽ vì đã hối hận về những cách cư xử với đứa con thứ mà xưa nay các cụ cũng vẫn cho là hết hy vọng, gàn dở, vô tích sự, ăn hại ấy, cho nên cả hai cụ đều mắc cỡ, đương ở cảnh không biết liệu ăn làm sao, nói làm sao bây giờ. Hai cụ cứ lúng túng nhìn nhau mãi. Riêng về phần Phúc, anh mừng rằng anh đã thành công trong sự khôn khéo báo cái tin mừng vô cùng nguy hiểm mà không đến nỗi làm cho bố mẹ sung sướng đến chết ngất.

Muốn ngăn cho cái phản động lực của sự báo hỉ khỏi phương hại đến cái khang cường của bố mẹ già yếu, anh đã dùng đến cách bá đạo, là báo tin mừng sau những lời bất chính mỉa mai. Anh vẫn không nhận rằng ở sự nói năng vừa rồi, dẫu sao, cũng là vẫn có chút tính chất báo thù bố mẹ.

Hồi lâu, ông bố mới ngượng nghịu ấp úng:

– Thật là còn cái gì đáng mừng hơn cho nhà này! Quả vậy, cái đại phúc của gia đình ta bây giờ mà có là do ở lòng giời ân thưởng riêng cho con mà nên... Thật thế, xưa nay vốn con hiền lành, ngoan ngoãn biết thương bố mẹ, không lêu lổng chơi bời như phần đông thiếu niên, chỉ chăm chỉ học hành sách vở, tưởng chừng không đi làm, không kinh doanh như thế, thì chẳng bao giờ đủ ăn được, thế mà rồi cũng lại giàu! Giời, Phật không cho, có khi nào lại thế được? Đấy, có phải hiếu thảo thì chẳng khi nào lại bị hoàng thiên phụ lòng hay không?

Bà mẹ, được khuyến khích, cũng hưởng ứng:

– Chứ gì nữa, còn thằng Phán anh mày, thì có họa là đến chết cũng không khá được. Gớm, rõ thật là đủ trăm nghìn tật xấu, bôi gio trát trấu vào mặt bố mẹ, làm nên mà như thế, thà cứ ngu si cho xong! Đeo cái danh ông Phán to bao nhiêu, bố mẹ càng giả nợ đẫy bấy nhiêu, càng khổ bấy nhiêu... Ấy, may mà có anh gỡ lại, không thì thật nhà này đổ đốn. Xưa nay là tôi vẫn biết lắm chứ! Tôi vẫn thường nói: "Thằng Hai nhà ta đấy? Nó chỉ phải cái chẳng may không có việc gì làm đấy thôi... Chứ nó tốt, bụng dạ nó hiếu thảo, rồi nó phải khá..."

Nhưng cụ ông chẳng bằng lòng những lời lẽ hình như có ý buộc tội mình. Cụ bèn hạch lại:

– Bà nói lẩn thẩn thế mà bà nghe được đấy!

Đương cao hứng bỗng bị cắt đứt như thế, bà cụ đờ người ra, miệng tròn như chữ o... Ông cụ chẳng để phải hỏi, tức khắc hằn học tiếp:

– Bà lại đi bà nói: Xưa nay là tôi vẫn biết lắm chứ! Bà làm như chỉ có một mình bà biết!

Vốn xưa nay vẫn biết cái quyền của vị hiền phụ chính danh là không bao giờ lại chịu để cho chồng cãi lại bất cứ điều gì, lại sợ chồng đổ lỗi cho mình thì chết, bà cụ nổi xung ngay lên:

– Ừ đấy nói thế thì sao? Lại không đúng ư? Chứ lại chả một mình tôi biết mà thôi ư?

Cũng chẳng kém, lại cũng rất sợ đổ lỗi cho mình, cụ ông cũng đáo để ứng chiến:

– Bà cứ việc nói đi, buộc tội tôi đi đổ vấy cho người khác đi. Bà ấy à? Con quý, con hiếu tử của bà, chỉ có thằng Phán, vì nó là ông Phán cho nên bà yêu nó một cách hằn học như chó ghẻ giữ con, như

là con riêng của bà! Ấy, quả thật nói không thì ngọn đèn tắt, đã có quỷ thần hai vai chứng giám, chứ tôi vẫn phải van lạy bà để khuyên răn bà rằng: Không nên đứa yêu đứa ghét thế vì con nào chả là con! Bà cứ hỏi ngay bà xem có phải tôi vẫn nói thế không?

Bà mẹ nhọn mồm lên mà rằng:

– Ừ ừ. Rõ điêu khẩu chưa! Phải, tôi chả ghét bỏ thằng Phúc thì còn ai ghét bỏ nữa! Cho nên khi tôi bảo ông lo ba chục cho thằng Phúc nó chạy việc, thì ông gân cổ lên ông sỉ nhục mẹ con tôi, nhất định để số tiền ấy cho thằng Phán nhà ông giả nợ tây đen [1] kia. Thôi thôi, không phải bới chuyện, không phải thêu dệt, không phải ăn không nói có!

Thấy trong nhà có tiếng to, vợ Phúc hớt hải chạy vào, thì vừa gặp lúc ai cũng nén giận, lặng im...

Trông thấy tấn hai kịch ấy lại sắp có thêm một vai trò chính bây giờ đây này, Phúc cười nhạt, và đến lúc đã thấy cái cần phải can bố mẹ đi kẻo vợ mình khinh cho:

– Thôi, thầy đẻ nên nhịn nhau đi, con nhờ. Dẫu sao thì đó cũng là chuyện cũ, chẳng hay hớm gì mà còn nhắc đến. Dẫu thầy hay đẻ xưa kia có ghét bỏ con thật đi nữa, thì đã làm sao? Hay là thầy đẻ xưa nay vẫn thương yêu con thật đi nữa, thì có gì là lạ đâu mà phải kể?

Đến đấy thôi. Phúc ngừng... Anh ta đã muốn nói nốt cho gãy nghĩa, nhưng bỗng một ác ý nảy ra trong óc anh làm cho anh thôi đi. Vừa muốn an tâm bố mẹ xong, anh bỗng lại thấy cái hứng thú muốn làm cho bố mẹ sợ hãi anh hơn nữa. Anh chua chát nghĩ thầm rồi nói cả những ý nghĩ ấy:

– Vả lại, xưa kia dẫu con có bất hiếu, bất mục, đáng ghét, đáng từ đi nữa, thì bây giờ cũng thôi. Khi đứa con trúng số mười vạn cố nhiên là bất thình lình cả bố lẫn mẹ nó cũng đều thấy nó biến hình ra là đại quý tử. Vậy thì nói làm quái gì!

Ông bố cãi:

– Tự nhiên bà ấy lại gây sự!

Bà mẹ cãi nghe còn có lý hơn nữa:

– Ông ấy nói vô lý lắm, không ai chịu được.

---

1. Người Ấn Độ da đen cho vay nặng lãi thường cũng gọi là sét ty.

Phúc nói nghiến cả bố lẫn mẹ bằng cách bảo người vợ vừa chạy vào đứng đấy:

– Này cô ả! Tôi đây, tôi vừa trúng số độc đắc đấy, là đã có trong tay mười vạn bạc rồi đây, vậy cô có khinh bỉ tôi hay thương yêu tôi thì nói lại đi!

Đáng lẽ đáp, vợ anh chỉ ngơ ngác mãi, trong năm phút, để rồi hỏi lại:

– Ô! Thật thế đấy à?

Ông bố mắng nàng dâu:

– Sao mà ngu thế? Người ta nói đùa đấy à? Thế mà cũng đòi biết chữ, cũng đòi đọc báo!

– Nào nhà con có cho con xem vé số đâu!

Cụ Phán ông khoanh tay đi đi, lại lại, hốt nhiên tự thấy mình là can hệ [1]. Cụ nghĩ ngợi một lúc rồi giơ một tay lên, ra lệnh cho tất cả:

– Bí mật! Bí mật! Nghe ra chưa? Nhất là gia nhân đày tớ, cấm kỵ cho chúng biết được! Chí kỳ bao giờ đi lĩnh tiền về xong đâu đấy thì thôi!

Không ngờ mà cụ Phán bà, vào lúc này, lại có cái thông minh rất đàn ông, có lẽ chỉ vì cụ thích phản đối cụ ông mà thôi:

– Việc gì phải lĩnh tiền về! Mười vạn bạc, thì phải gửi nhà băng, chứ tủ đâu mà đựng!

Cụ Phán ông bĩu môi:

– Có mười vạn bạc mà lại sợ không có tủ mà đựng!

– Nhưng mà để tiền ở nhà làm gì? Để gọi cướp nó đến nó giết à? Sao mà ông xuẩn đến thế?

Phúc xua tay:

– Thôi, hãy cãi nhau ít chứ! Bí mật gì mà lại có thứ bí mật ầm ĩ thế nữa! Để tôi lên lấy vé cho cả nhà xem đây.

Phúc lên gác lấy vé, và lúc xuống thang, anh vô ý để cho một chiếc guốc lăn xuống các bậc gỗ kêu lạch cạch. Cả ba người ở dưới cùng vội thất thanh:

– Chết nỗi! Có hề gì không!

---

1. Can hệ: nghĩa như là quan trọng ngày nay.

Anh nhớ ngay: mấy hôm trước, ngã tưởng gãy chân mà chẳng thấy ai hỏi han gì cả. Bây giờ, anh cười thầm...

Rồi bố anh, vợ anh đều nhìn vào vé số, lại nhìn vào danh sách trên báo. Cả bà mẹ, tuy chẳng biết một chữ nào, cũng châu đầu vào, len lách xem... Rồi ông cụ nói khẽ một cách hơi lo rằng:

– Phải đóng cửa hàng ngay mới được!

Thấy không có ai nói gì, cụ thêm:

– Và có lẽ nên thuê lính cảnh sát canh nhà cho nữa!

Ý kiến bị ba người trong gia đình cho là quá đáng, vì mỗi người lần lượt phê bình như thế này:

– Thưa thầy, con tưởng chẳng nên để lộ quá đến thế!

– Ông này nông nổi lắm mà lại tưởng mình khôn!

– Thuê đội xếp gác nhà, quá đáng, thiên hạ cười cho.

Cụ Phán ông gân cổ lên hăng hái thuyết lý:

– Tôi nhất định thế đấy, ai không nghe cũng mặc! Tôi chỉ cần nghĩ đến cái tính mệnh con tôi mà thôi, còn nông nổi hay thiên hạ đàm tiếu gì, âu là tôi cũng xin vâng! Chứ lại gì? Mà sao lại sợ quá! Thà lộ hẳn cho ai cũng biết, chả hơn kín mà chưa chắc kín hẳn, mà lại nguy hiểm à? Vả lại... giấu mãi sao được thiên hạ!

Sau một hồi nghĩ ngợi, Phúc cũng gật gù:

– Thầy nói có lẽ phải đó! Việc giữ cái vé số ấy cho đến lúc lĩnh được tiền, hoặc là chuyển tiền sang nhà băng, lại hệ trọng hơn cả việc giữ tiền nữa, nếu mình muốn đem tiền về nhà, có phải thế không? Nhất là việc làm cho từ thiên hạ đến Nhà nước công nhận rằng mình trúng số lại hệ trọng hơn, vì, về sau, khi ai cũng biết rõ cái tin ấy rồi, thì chẳng có sự gì phải lo lắm.

Sung sướng như một nịnh thần được bạo chúa nghe theo một ý kiến, cụ Phán ông chẳng kịp kìm cương được sự lễ phép nó xốc hành ra ngôn ngữ:

– Vậy! Tôi nói thế là chí lý lắm, vậy xin cậu để cho tôi được toàn quyền đi làm ngay mọi việc cần làm nhé!

– Phải lắm, thế hay thầy đi đi cho con.

– Dạ vâng.

– Thầy đi báo ngay sở Cẩm Hàng Trống.

– Nhịa!

– Xong rồi thì là... Thầy đi... thầy đi báo tin luôn cho nhà báo Đông Phương nữa.

– Nhịa!

– Phải đấy, cứ việc cho cả bàn dân thiên hạ biết luôn ngay đi!

Vợ Phúc khẽ thưa:

– Thưa cậu cho phép tôi hỏi, như thế thì có nguy hiểm gì chăng?

Bà mẹ chồng cũng can đảm tán thành nàng dâu:

– Mợ Hai lo xa thế kể cũng có lý đấy chứ?

Phúc đáp:

– Không! Chính ra thế tốt, tránh được nhiều điều nguy hiểm.

Cụ Phán ông vừa chít khăn, mặc áo, vừa gọi to:

– Thằng nhỏ đâu? Vú già đâu? Chúng bay ra đây!

Khi đầy tớ từ trong bếp chạy ra, cụ truyền:

– Lên cửa! Đóng cửa hàng ngay bây giờ!

Trước bốn con mắt giương to, vì không hiểu, cụ cắt nghĩa một cách hách dịch:

– Sắp có quan Tây lại ngay đây chơi bây giờ, chúng mày hiểu chưa. Đóng cửa xong chúng mày phải ngồi ngoài hàng, cấm không được chúi vào bếp, mà cũng cấm lẻn ra phố nhẩy láo, nghe chưa? Hai đứa đầy tớ sợ hãi đi ra và vô cớ, cũng bị cụ chủ nhà lườm theo... chưa chi chúng đã bị tình nghi có thể là nội công cho quân trộm cướp. Cụ Phán lại khẽ dặn cả nhà:

– Phải để ý lắm lắm tới chúng mới được! Nếu thấy có mặt kẻ lạ lảng vảng bên ngoài hay nhấm nháy gì chúng thì phải bảo tôi ngay để điệu chúng đi Xăng Tan.[1]

Không ai kịp nghĩ chín hơn nữa chỉ tán thành sự đề phòng ghê gớm ấy bằng gật đầu và im lặng. Phúc, sau khi ngẫm nghĩ một điều khác, bèn bảo bố:

– Thầy hãy chờ vài phút để tôi viết thơ, rồi thầy đem đến nhà báo cho long trọng...

– Nhịa, vâng!

---

1. Tức nhà ngục ở phố Hỏa Lò (Hà Nội), thường gọi là nhà pha Hỏa Lò; tiếng Pháp gọi đó là *Prison centrale* (nhà tù trung ương); *xăng tan* là phiên âm chữ centrale.

– Thế còn đến sở Cẩm, thì thầy báo tin và xin thuê cảnh binh bằng nói miệng thôi.

– Nhịa, vâng. Ngoài ấy tôi quen, ông chánh Cẩm là xếp cũ!

Cụ Phán bà hỏi chi ly ra để mong khỏi phải sợ đội xếp:

– Nhưng có được không? Viện lý gì để thuê gác được?

Cụ ông tức khắc cự ngay lại:

– Sao mà bà lẩn thẩn thế? Xổ số là do nhà nước mở ra, mình trúng số tức là có bổn phận báo tin cho nhà nước biết, chứ gì nữa! Nhà nước có thể đến gác nhà mình, một là bảo hộ tính mệnh và tài sản lương dân, hai là để trị an chứ sao? Theo ý tôi ấy ạ, chính mình không xin quan chánh Cẩm cũng phải cho lính đến gác nữa, và chắc là sẽ như thế. Nếu không người ta tự xưng là chính phủ bảo hộ để làm gì?

Không tức vì bị cự nự nữa, cụ Phán bà phải im, yên tâm về chỗ không phải sợ đội xếp. Vừa lúc ấy, Phúc cũng đã thảo xong mấy dòng để gửi cho nhật báo Đông Phương. Anh đọc lẩm nhẩm lại lần nữa:

"Kính gửi ông chủ báo,

Tôi Nguyễn Văn Phúc, người vẫn gửi bài giúp cho quy báo, chắc ngài nhớ lắm vì tôi vừa được ngài chửi cho một trận, cách đây không lâu. Đó là một lối khuyến khích và trả ơn khá lịch sự. Nay xin báo tin để ngài biết rằng về kỳ xổ số này, vé trúng độc đắc mười vạn, may sao, tôi được hưởng. Vậy xin thông tin ngài biết, vì tôi cho rằng sự này cũng có thể hữu ích cho ngài về việc quý báo thông tin cho quốc dân. Nhân tiện tôi muốn rằng ngài cho đem biên lai đến thu tiền: hạn báo ngài gửi biếu không, tôi không muốn nhận.

Nay kính thư,

Nguyễn Văn Phúc."

– Đấy, thầy đưa cho chúng nó... nghĩa là vứt vào mặt cái thằng nào là thằng chủ nhiệm ấy!

Tuy ngạc nhiên lắm đấy, người bố cũng chỉ gật đầu:

– Nhịa, thế cậu có dặn gì luôn thể nữa không?

Phúc nghĩ không thấy còn gì đáng ra lệnh nữa. Và anh thấy rằng đã đến lúc trị tội người bố không xứng đáng ấy, người bố mà xưa kia

anh oán và không dám khinh cũng như không thèm oán nữa? Trông thấy cái thái độ khúm núm ấy, anh lộn ruột, khó chịu cực điểm, có thể vì vậy mà cư xử như với người ngoài:

– Thưa thầy, thầy đi ngay! Và con xin dặn một lần đầu nhưng mà cả lần cuối cùng, rằng từ hôm nay trở đi, thì phải ăn ở thế nào cho bố ra bố con ra con, chứ cái lối dạ dạ vâng vâng ấy, là không thể chịu được.

Chẳng ngờ vì sợ hãi quá, ông bố lại gật đầu:

– Nhịa!

Rồi cụ hấp tấp đi, cố làm ra vất vả, kính cẩn và có lẽ ước thầm đái tội lập công với con bằng dáng điệu ấy.

Trong nhà lúc ấy còn lại năm người: hai người chủ thỉnh thoảng đưa mắt ra dò xét ý tứ hai đầy tớ, và hai đứa đầy tớ thì thỉnh thoảng – vì chúng chưa hiểu gì cả – cũng lấm lét nhìn trộm chủ! Thành thử, càng có vẻ gian, và càng làm cho chủ phải mỗi phút một nghi chúng thêm... Trong lúc ấy, Phúc trầm ngâm xếp đặt trong trí cái việc hệ trọng là việc đi lĩnh tiền. Chỉ vì anh không hiểu rằng có gửi tiền được ngay ở kho bạc không, hay phải lấy ra rồi đem sang nhà băng gửi sau hay có thể chỉ nói với sở kho bạc chuyển hộ chứ mình không phải lĩnh ra để rồi đem gửi sau mới được. Thật thế, anh biết sao được mà lại không bối rối. Trong cả bàn dân thiên hạ có ai lại thạo được cái việc đi lĩnh tiền trúng số độc đắc đâu! Vì vậy, anh chẳng thẹn cho cái kém thông minh của anh chút nào cả.

Còn bà mẹ và cô vợ lúc ấy khoanh tay ngồi yên. Chắc hai người lúc ấy cũng chưa được nghĩ tới cái sung sướng hưởng lấy cái phú quý nó thình lình mới đến, vì trên hai cái mặt, đôi bộ lông mày còn nhíu lại để trợ lực cho những nét mặt lo sợ. Có lẽ cả hai đều đương hối hận về thái độ xưa kia của mình đối với Phúc, đứa con ăn hại, thằng chồng gàn... Bây giờ thì cái lỗi nhỏ ấy trong óc hai người đã trở nên những tội phạm thượng. Nhất là sau khi thấy cụ Phán ông bị mắng, người mẹ, người vợ càng hiểu rõ rằng từ nay ắt phải thận trọng trong sự thay đổi thái độ, phải làm thế nào cho cái khinh bỉ ngày trước với cái quý trọng bây giờ có được một cái cầu nó nối liền một cách kín đáo, cũng như mầu xám là cần cho sự dịu dàng của việc dung hợp trắng và đen, ấy thế mới khó vì nhỡ ra thì có thể chỉ sai một ly mà đi một dặm. Quý trọng, ừ thì quý trọng, nhưng phải ra sao cho khỏi

mang tiếng là nịnh thần? Vừa phải thôi ư, thì làm thế nào cho khỏi bị buộc là vẫn khinh nhờn như trước? Đó là sự đàn bà gánh vác khó lắm thay!

Đến đây cô Đức đi chơi đâu về.

Thấy nhà đóng cửa hàng sớm thế cô giật mình, cái mặt trát phấn bự ra mà ta cũng có thể biết rằng nó đã tái xanh đấy.

Thấy mẹ, anh, chị đều ngồi với nhau – sự ấy, quả thật xưa nay cô chưa từng thấy có – cô sợ hãi hỏi đầy tớ:

– Chết nỗi! Có sự gì xảy ra thế, nhỏ, u già?

Thằng nhỏ khẽ đáp:

– Dạ, con thấy ông cụ bảo sắp có các quan Tây đến đây, và có lẽ ông đi gọi đội xếp đăng báo đấy ạ.

– Cái gì? Chết! Cái gì thế?

– Con cũng vẫn không biết!

Cô Đức chạy xộc vào thất thanh hỏi:

– Giời ơi! Đẻ ơi, anh ơi, có tai họa gì thế này!

Bà mẹ giẫy nẩy lên, xua tay, xỉa xói:

– Phỉ thui! Vả vào mồm ấy, làm gì mà ngậu lên thế!

Chợt nghĩ ra rằng mình đã là vợ một người trúng số mười vạn thì đó là một dịp rất tốt để ra oai, báo thù cô em chồng đã có với mình nhiều điều xích mích mà xưa kia mình phải chịu lép vế, vợ Phúc cong cớn:

– Rõ cái cô này mới đoảng, chỉ ăn càn nói rở! Phúc cười, lấy tay vẫy em bông lơn:

– Em gái quý của anh ơi, vào đây, không có gì đâu.

– Em không trông thấy thầy đâu, lại thấy đóng cửa hàng sớm thế, em sợ quá đi mất!

– Ừ, thế là ngoan, có hiếu đấy! Nhưng mà... Ngồi xuống đây đã... Có tin này vui lắm...

Bà mẹ xua tay:

– Nói khe khẽ chứ!

Phúc nói thầm vào tai em:

– Đây này, nếu có cái gì đáng gọi là tai họa, thì ấy là việc anh trúng số độc đắc đấy!

Không còn sự vui vẻ nào của nhân loại mà lại hiện ra trên mặt cô Đức một cách đầy đủ như thế nữa. Cái nhan sắc của cô bình nhật là phải chăng, thế mà vì sự mừng rỡ trong lòng, lúc ấy trông cô đẹp hẳn... lộng lẫy như một cái động thạch nhũ mà lại bỗng được có ánh sáng hội chợ chiếu tưng bừng... Tuy vậy cô cũng hỏi mẹ:

– Thật thế a, hở đẻ?

Phúc cười và xua tay:

– À, thôi, nói dối đấy.

– Thật, hay là trúng số độ mười vạn đồng xu đấy?

Bà mẹ gắt:

– Thôi đừng hỏi nữa!

– Giời ơi, thế thì "kẻng" quá đi mất!

Rồi quay lại với Phúc, cô cười ngây thơ, và điểm xuyết cái vui ấy bằng cách khẽ thụi vào vai người anh mà cô vẫn lần khân xưa nay, muốn trêu em, Phúc nghiêm mặt:

– Đừng láo!

Cô em trước thì còn ngạc nhiên, sau thì sợ, sợ quá đi mất.

Phúc trêu già hơn nữa:

– Tao vẫn còn nhớ cái đứa nào vốn hỗn láo với tao, khinh tao, coi tao gần bằng con chó vì tao gàn dở, ăn hại, vô nghề nghiệp.

Nói thế xong Phúc hả hê lắm, vì lời lẽ ấy, trước là đùa mà sau là thật, duy có khác là đoạn sau nói với em nhưng mà là để cho mẹ nghe. Thành thử, nhân thế mà anh nhớ đến chuyện cũ, và, vì vậy, mặt anh nghiêm nghị thật chứ không còn là giả vờ nữa. Và sự ấy đẻ ra một cái bất ngờ là: Cô Đức bỗng có cặp thu ba lóng lánh vì nước mắt rơm rớm chạy quanh. Thương tình, Phúc khẽ vỗ vai em, thân yêu:

– Thôi nín đi, ấy là anh nói đùa đấy... Nín đi chóng ngoan, anh yêu chứ anh thù làm gì! Thù ai mà làm gì!

Nói xong, Phúc đưa mắt nhìn trộm mẹ và vợ, và biết rằng lời lẽ ấy mà té ra là một giải thoát phúc đức cho hai tấm linh hồn băn khoăn, đau khổ, tha cho người ấy được trút bỏ từ trên vai xuống hàng nghìn tấn trọng lực hối hận: mẹ anh và vợ anh, cả hai vừa khẽ thở dài, mặt mũi đã bắt đầu tươi lên...

Cô Đức khẩn khoản khẽ nói rất đứng đắn:

– Anh, em lạy anh, em biết em có lỗi với anh nhiều lắm, anh thương hại mà tha thứ cho.

– Được rồi, đã bảo là nói đùa mà!

Phúc khoan khoái nghĩ ngợi mãi... Thật là kim tiền quả có thế lực vạn năng! Thật là miệng anh có gang có thép!

Thì mới chiều hôm qua chứ đâu, hai tiếng đừng láo mà xưa kia anh đem ra mắng cô em hỗn, trong một phút giận thật là giận, đã bị cô em nhắc lại để chế giễu làm cho anh khó chịu đau đớn, trong khi cô em lại được một lúc mua vui không tốn tiền, vì Đức đã đặt tên cho Phúc là "cái anh đừng láo".

Bây giờ, chỉ đùa mà nhắc lại, Phúc đã làm cho cái người được cười thú nhất phải lo sợ, khổ sở, kinh hoàng, hơn cả anh khi xưa... Đến cả câu "anh thù em làm gì, thù ai làm gì" thì thường lắm, có phải thế không, vậy mà cũng đủ cho mẹ anh và vợ anh quan tâm, đặc biệt, khỏi phải lo lắng, được hưởng hạnh phúc... Anh nhớ ngay đến một ý kiến ngông nghênh lúc chỉ mới mơ mộng trúng số – vào bữa đi hát "che tàn" – để mà "cười một tiếng thì hàng vạn người được sung sướng, cau mặt một cái thì phải có đứa tự tử..." thì anh lại thấy nó đã thực hiện rành rành, và từ đấy, mới lại định sẽ ghi chép cái giá trị lời nói của anh, gọi là để rồi khảo cứu sự đời cho vui... Gớm thật, ấy là anh chưa lĩnh mười vạn vào tay, chưa được cho thế nhân mục kích một việc tiêu tiền nào của mình, chưa sinh phúc hoặc gây họa cho ai đó!

Nhưng cô Đức muốn hưởng ngay một cách rất trẻ con vào cái số tiền mười vạn ấy tức khắc. Cô nũng nịu:

– Anh ơi, thế anh phát tài mà anh không cho ăn nem đi ư? Bảo nó đi mua về nhé, có phải không chị?

Phúc thờ ơ đáp sau cái cười rộ:

– Ừ, thì anh cho em ăn nem chứ sao, tuy là hiện bây giờ, lúc này, anh hãy còn nghèo, rất nghèo, và mai kia mới thật là giàu.

Ngay lập tức, bà mẹ cởi hầu bao lấy ra một đồng bạc, số tiền đối với bà thì có giá trị rất lớn, vì ngoài những sự chi tiêu thiết dụng, thì phải có người họ hàng nào chết, bà mới chịu dễ dàng đưa ra để phúng nghĩa là tiêu mà không gắt mắng đầy tớ.

– Này, thì đây, để cho anh nuông cô em gái quí!

Bà mẹ dễ dãi, vui vẻ nói thế, duy có vợ Phúc là lãnh đạm – không cau mặt là giỏi! – vì chị ta bắt đầu thấy ở Đức cái khởi điểm của sự cầu lợi, bòn rút, có thể nguy hiểm cho số tiền kếch xù kia.

Đức vồ lấy tờ giấy bạc, gần nhảy lên mà gọi:

– U già! Vào lấy tráp, liễn, cốc đi mua nem, mau lên! Một chục nem chua, một chục chả nhân cua bể nhé! Lấy nhiều rau, nhiều dấm vào! Mau y như hôm nào ông Phán về ấy!

Nghe nhắc đến anh, Phúc kém vui. Anh nghĩ thầm "À, tí nữa ta quên nó, cái thằng anh khốn nạn ấy! Được rồi! Rồi mà xem! Ai thì ta không thèm thù hằn chứ cái mã ấy, có lẽ không thù cũng không xong đâu. Được lắm, ta phải trị tội cái đầu óc khốn nạn, cái bụng dạ tiểu nhân, cái tư cách bất hiếu chi tử ấy mới được!'.

Bỗng thấy có tiếng máy xe hơi nổ ngoài đường. Một tiếng hãm "két" một cái rồi ba người mặc quần áo Tây chững chạc ngấp nghé vào nhà, sau khi một anh đưa cho đứa ở một vật gì đó. Thằng nhỏ đem vào một cái danh thiếp... Thì ra đó là ông chủ nhiệm Trần Học Hải của nhật báo Đông Phương.

Phúc bảo:

– Mày mời các ông ấy cứ vào.

Thấy vậy mẹ, vợ, em đã đứng cả lên.

Phúc xua tay:

– Được, không hề gì, để cứ ngồi, bọn nhà báo mà tôi quen lắm đấy mà.

Vào đến nơi, Trần Học Hải nói hết sức kiểu cách:

– Thưa ngài, tôi xin lỗi ngài đến phiền ngài thế này, và rất cảm tạ ngài vì được ngài tiếp. Nhận được thư của ngài, chúng tôi vội vàng đến ngay. Chẳng nói thì ngài cũng hiểu ngay: vì phận sự thông tin, phải chụp ảnh, và xin phỏng vấn một bài nữa.

Ông ta quay lại, dang hai tay về hai người đứng sau:

– Dạ, đây là ông Bất Tuyệt, đặc phái viên bản báo và đây, người thợ ảnh.

Phúc đứng thẳng lên bắt tay, cũng không mời họ ngồi vào bộ ghế xa lông.

Anh hất hàm cho đứa ở:

– Mày kéo ghế mời các ông ngồi!

Chờ cho họ an vị, Phúc mỉm cười hỏi ông chủ báo:

– Hân hạnh lắm, thật là rồng đến nhà tôm... Vì rằng nếu để lấy tin, phỏng vấn hay chụp ảnh, thì hai ông đến cũng đủ rồi, vậy mà chính... quý báo chủ nhiệm cũng... thân chinh đến, thì tôi còn biết lấy gì mà đáp lại cái thịnh tình ấy.

Trần Học Hải vốn đã mang sẵn vào cả sự ngượng nghịu vì cái thư quịt tiền tháng trước, lúc ấy cũng chỉ tỏ vẻ ngượng thêm có một tí tẹo nữa thôi, và gượng cười, kính cẩn đáp:

– Dạ, đó là bổn phận chúng tôi mà thôi ạ, vì tin này là hệ trọng lắm lắm.

Thấy người nhà mình ai cũng sợ hãi gì đó, Phúc vội cứu chữa:

– Nhân tiện thì tôi cũng xin giới thiệu các ngài đây là mẹ tôi, đây là vợ tôi, và em gái tôi.

– Mẹ cứ ngồi đây, em nữa, cứ tự nhiên, vì ít khi được cái may tiếp kiến các nhà báo, thì bây giờ, nên để ý mà học lấy cái tài ăn nói của các nhà ngôn luận.

Trần Học Hải vội nói ngay:

– Dạ, thế thì may cho chúng tôi lắm... Bẩm xin cụ và các bà cho chúng tôi chụp ảnh đăng báo nhân thể ạ.

– Vâng, nếu có cần cho sự thông tin.

– Dạ, bẩm cần lắm ạ. Để chúng tôi xin chụp riêng ngài một cái, rồi lại chụp cái nữa trong có ngài ngồi với người nhà. Một cái tin, một bài phỏng vấn...

Ông đặc phái viên Bất Tuyệt hấp tấp cũng nói:

– Bẩm, về cái tin này, ngài đã nói cho các báo hàng ngày cũng biết cả rồi hay chưa?

– Tôi mới kịp báo cho Đông Phương thôi.

Bất Tuyệt yêu cầu một cách chẳng khôn khéo mấy:

– Dạ, như vậy thì xin ngài chớ cho biết vội, và nếu vậy, thì là ngài giúp ích cho chúng tôi nhiều lắm.

Phúc ngạc nhiên hỏi:

– Sao vậy?

Bất Tuyệt cũng thật thà đáp:

– Vì rằng như thế thì ngày mai chỉ có Đông Phương nhật báo chúng tôi là thông cái tin này trước nhất cho quốc dân...

Ông chủ nhiệm lườm người phái viên trẻ tuổi và ngu ngốc ấy, và vội vàng cứu chữa bằng một cách cắt nghĩa:

– Cái đó cũng tiện cả cho ngài, vì đồng thời họ biết cả một lúc thì họ sẽ xô nhau tới đây lấy tin chụp ảnh, phỏng vấn, ngài sẽ bị phiền nhiễu. Vậy mai ngài hãy cho tất cả các nhật báo khác biết tin là hơn.

– Vâng, thế cũng được.

– Xin ngài ngồi ngay ngắn lên để chụp ảnh...

Vợ Phúc bảo:

– Cậu nên đội cái khăn vào cho đứng đắn.

Cô Đức cũng vui vẻ dặn:

– Anh nên cười cho cái ảnh nó tươi nhé?

Nói rồi cô chạy vào phía trong lấy gương, phấn, son, tô điểm lại cái mặt, sửa soạn chụp ảnh, và làm cho người chị dâu cũng phải chạy vào bắt chước em. Hai chị em trang điểm cho nhau, cười rúc ra rúc rích làm cho bà mẹ ngượng cả mặt.

– Cho tôi tý phấn nữa, mặt tôi trông như mặt bị giời đánh!

– Ấy... ấy chị hãy giữ hộ em chỗ độn khăn này!

Ngồi trước máy ảnh, Phúc điềm nhiên chỉ cứ để nguyên cái áo trắng dài thôi. Khăn anh cũng chẳng buồn đội. Anh như nghĩ đến cái tên "cậu áo trắng dài" mà bọn ma cà bông đặt cho anh. Trước anh ghét cái tên ấy lắm. Bây giờ anh lại lấy nó làm thích nữa. Anh biết rằng lúc ấy anh ngồi tuy là trước một cái máy ảnh nhỏ thật đấy, nhưng mà chính là ngồi cho hàng vạn, hàng triệu người trong thiên hạ họ xem cái bộ mặt "mày ngang mũi dọc" của anh ra sao... Anh nghĩ thầm thế này: "Đừng coi thường cái thằng lạc đạo vong bần" [1] chỉ mặc có cái áo trắng dài... ấy thế mà nó là người giàu bạc vạn đấy!" Cho nên lúc người thợ ảnh kêu: "Xin ông đừng động đậy nữa" thì, chẳng những đã không cười như cô em dặn bảo, anh lại hơi cau mày lại một chút, hơi vênh mặt lên một tý nữa, ý chừng muốn nói vào mặt cái thiên hạ sẽ cúi đầu nhìn anh trên tờ báo rằng: "Chúng

1. Vui với đạo lý quên cái nghèo.

mày nên bắt đầu liệu hồn đi thì vừa, nếu chúng mày xưa kia đã trót khinh thường ông!"

Mồi thuốc magnésium bén lửa cháy bùng lên một cái làm cho cả căn nhà sáng lòa một ánh sáng điện quang, nó tắt ngay và để lại một ít khói xanh. Bà mẹ giật mình, ngơ ngác... Vợ và em Phúc cũng chạy ra hỏi:

– Cái gì thế nhỉ? Cháy điện chỗ nào đấy à?

Phúc hổ thẹn mắng át đi:

– Nhà quê thế! Người ta đốt thuốc chụp ảnh mà cũng không biết nữa!

Trần Học Hải lại giục:

– Nào còn hai bà nữa, thế hai bà xong chưa?

Giữa lúc ấy u già bưng nem về.

Người đầy tớ ngu ngốc này toan để xềnh xệch ngay ra cái bàn đấy, và mở luôn cái nắp liễn mùi thơm ngon đưa ra ngào ngạt... Phúc gắt:

– Đem vào trong kia, đi! Sao mà vô ý thế!

Anh đã lại thấy hình như bọn nhà báo có thể đoán biết rằng vì anh trúng số mà nhà anh mới dám mua nem ăn nữa, và nếu thế thật, thì xấu hổ quá đi mất!... Tức khắc anh lại chữa ngay: Đã có máu đau bụng, tối nào cũng ngốn mãi dấm, có phen thì cũng bỏ đời! Thôi ngồi xuống đi!

Anh ta giục vợ và em ngồi chụp ảnh, là vì sợ hai người này nhỡ ra cãi lại việc chỉ trích của anh, nó tuy là bịa đặt, nhưng nó chỉ có danh giá thêm mà thôi...

Cố nhiên chị Phúc, cô Đức đã bày lại bàn, ghế, lọ hoa, một cách hí hửng, láu táu... Chụp ảnh đăng báo... phải biết! Đó là một thứ danh giá ghê gớm kia mà, kể trong đám phụ nữ, chỉ có hai người được hưởng mà thôi! Còn như chụp ảnh đăng báo vì đi ngắm hoa trong các cuộc chợ phiên thì cái ấy xoàng lắm nhé! Vợ và em gái một ông trúng số mười vạn, hỏi còn có kẻ nào dám nhìn mà bĩu mồm?

Khi chụp xong cái ảnh thứ hai, ông chủ nhiệm Đông Phương nhật báo đưa mắt cho đặc phái viên Bất Tuyệt liền láu táu hỏi:

– Thưa ngài, thế thì ngài dùng số tiền ấy làm gì?

Phúc ngạc nhiên hỏi lại:

– Sao ông lại hỏi lẩn thẩn thế nhỉ?

Ông chủ nhiệm vội đỡ lời cho phái viên:

– À, vì đó chính là phỏng vấn đấy ạ. Chúng tôi cần phải biết số tiền ngài định bỏ vào những việc xã hội, những việc từ thiện, là bao nhiêu... Còn như về nhân phẩm, học thức, chí hướng của ngài thì không cần hỏi nữa, những bài báo của ngài đủ giới thiệu ngài với quốc dân nhiều lắm.

Phúc giật mình. Anh đã bắt đầu hối hận về những bài báo dại dột của anh, viết trong lúc đang gọi là "nhàn cư vi bất thiện" mà thôi. Anh bèn đứng lên, dõng dạc:

– Thôi, xin lỗi các ngài nhé! Để mai, kia, các ngài quay lại phỏng vấn cũng chưa muộn gì... Tôi, tôi chưa có một ý kiến nào cả, không thể đáp được.

Ba người kia thở dài nhìn nhau nhưng không dám nài ép gì nữa, đưa mắt ra hiệu cho nhau cùng cáo lui. Phúc tiễn họ ra đến tận cửa, và nói dọa cho họ sợ:

– Có lẽ tôi sẽ dùng cả số tiền mười vạn ấy để làm cái việc bồi bổ và truyền bá quốc văn, nghĩa là lập nhà in, và mở báo!

Lúc quay vào, tức cảnh sinh tình, anh nghêu ngao ngâm một đoạn trong cái bài Thế tục phú của Trần Văn Nghĩa đời xưa: "... *Khi đắc thế thì đất nặn nên bụt, nghe hơi khá thì xăm xăm chen gót tới, đến ngỡ đàn ruồi!*

Nhỡ sa cơ thì rồng cũng như giun, xem chiều hèn thì thênh thênh vẫy tay ra, nhạt như nước ốc!

Chẳng biết ăn cây nào rào cây ấy, thấy bở thì đào. Chẳng biết được lòng ta xót lòng người, cứ mềm thì đục.

Khó giữa chợ nào ai thèm hỏi? Chẳng mua thù bán giận cũng thờ ơ... Giàu trên non lắm kẻ đi tìm, không ép dầu nài thương mà sục sạo...

Cánh cửa bị đẩy toang ra. Phúc nhìn ra, thấy ông bố đã về, có hai người lính cảnh sát đứng sau lưng... Ông cụ quay lại nói gì đó, rồi mặt mày hí hửng:

– Không phải thuê! Quan chánh Cẩm phái lại gác đấy, chứ không phải mất tiền thuê!

Cụ tìm tráp trầu, lấy một miếng nhai bỏm bẻm, rồi đưa cho thằng nhỏ:

– Đem ra mời ông ấy xơi, rồi đưa cả gói thuốc cho các ông ấy. Xong đâu đấy cài cửa kỹ.

Đoạn cụ lại kể sự tình ở sở Cẩm ra sao, những nhân viên hỏi thăm cụ ra sao, quan chánh bắt tay và chúc mừng cụ ra sao, v.v...

Nhưng cô Đức sốt ruột kêu rầm lên:

– Anh ơi anh, ăn nem đi chứ!

Cả nhà ngồi vào bàn, ăn uống chuyện trò rất vui vẻ. Người ta bắt đầu bàn nhau nên bảo anh Phúc dùng số tiền mười vạn ấy ra làm sao. Bà mẹ muốn con tậu nhà tất cả, nhưng ông bố không hoan nghênh ý kiến ấy lắm. Vợ Phúc không nói nửa lời, định lúc nào đi nằm với chồng mới nhỏ to... Cô Đức, tuy chỉ muốn xin anh một cái vốn riêng thôi, mà cũng không dám nói, chỉ vì có chị dâu ở đấy. Và cô nịnh anh khéo như thế này:

– Thầy đẻ không nên bàn... Tiền là tiền của anh con, phải để tùy anh con. Chẳng gì anh con cũng là một người tử tế, đứng đắn, con chắc anh con đã có tiền thì phải biết dùng tiền hơn tất cả mọi người khác.

Phúc vẫn không nói gì. Tự nhiên anh đã có cái vẻ mặt lầm lầm, cái thái độ xứng đáng của các nhà tư bản. Anh ăn qua loa mấy miếng rồi đứng lên. Cả nhà nài ép mãi, anh chỉ lắc đầu, kêu không ngon... rồi anh bỏ tấm vé số vào túi, định bụng lên cất trên tủ riêng. Anh lên gác, được vợ lên theo ngay để buông màn, trải chăn cho.

Phúc nằm dài xuống giường.

Nhưng anh biết trước rằng đêm nay, anh không ngủ được.

VI

TRONG TAY ĐÃ CÓ ĐỒNG TIỀN

– Không, nếu anh không tậu ô tô thì thật là sự không thể tha thứ được!

Thấy Phúc không đáp. Tấn quay lại hỏi cụ Phán:

– Bẩm cụ, cụ dạy thế nào? Cháu nói thế cụ bảo có phải không?

Cụ Phán nói ngay:

– Việc ấy là quyền ở cháu...

Vợ Phúc cũng tán thành:

– Bác ấy nói phải lắm, ở cái xã hội nhố nhăng này, lắm kẻ khốn nạn cũng ô tô hòm kính vênh vang, nữa là nhà tôi! Nhà tôi mua xe hơi là xứng đáng lắm.

Nói xong chị Phúc sung sướng vì thấy mình đã biết ăn nói đài các: mua xe hơi thôi, chứ chị không thèm dùng tiếng tậu, vì sợ nó long trọng quá. Tuy chiếc xe hơi không phải là một mớ rau thật đấy, nhưng bây giờ, vợ chồng nhà chị đã thế rồi, thì nói đến tậu là còn tỏ ý coi cái ô tô là to. Chị ta hỏi chồng là cốt để dùng tiếng mua một lần nữa:

– Thôi cậu ạ, vật thử nó đáng là bao mà còn phải nghĩ ngợi thế nữa! Cứ mua phặng ngay đi! Đắt lắm thì cũng đến dăm, bảy nghìn bạc là cùng chứ gì? Mua đi thôi.

Phúc đáp chung cho cả vợ lẫn bạn:

– Tôi chưa hề nghĩ đến điều ấy đấy.

Tấn cổ động mạnh hơn:

– Anh ấy à? Thì không những tậu một chiếc xe hơi mà thôi, mà lại phải trong một lúc tậu hai cái nữa ấy! Tôi nói thật chứ không nói đùa! Phúc chỉ cười hoài nghi, thì Tấn tiếp:

– Thật thế đấy, chứ bây giờ, ai còn dám nói đùa với nhà tư bản, mặc dầu nhà tư bản vẫn có lòng tốt vẫn cứ coi mình là bạn! Thế này nhé: Một chiếc bảy chỗ ngồi, để cả nhà cùng đi, vào những lúc đi lễ các tỉnh, đi trẩy hội chùa Hương, đi Huế, đi Đế thiên, Đế thích, đại khái thế, mà đã đi chiếc xe hơi ấy là có tài xế, cho mình có vẻ đứng đắn, giàu có một cách lâu bền... Còn một chiếc nữa, thì chỉ nên mua thứ xe thể thao có hai chỗ ngồi thôi, mình vặn lái lấy cho nó có vẻ công tử bột, trẻ trung, tức là "kẻng" đấy, để chơi một mình hoặc cao hứng thì đi với vợ, hoặc là, nói thế này xin bác gái tha lỗi, đi với nhân ngãi "ăn mảnh". Có thế mới công tử vẹn cả hai bề chứ?

Vợ Phúc vẫn vui vẻ đáp:

– Bác Tấn, tôi giận bác lắm đấy nhé? Chưa chi bác đã nối giáo cho giặc...

Phúc khen:

– Gớm cái mồm mép anh này! Tán cái gì là tán đâu ra đấy, bánh chưng tám góc rõ ràng lắm!

Tấn thích chí lại tán rộng:

– Chứ không ư? Đức Thánh Khổng đã dạy rằng... đã dạy rằng... Xe hơi xứng kỳ đức! Thí dụ anh chỉ là thầy bói tân thời không mù, hoặc "vua thuốc lậu" mới nẩy nòi mà cần bịp thiên hạ là mình đắt khách, thì tôi chỉ khuyên anh đi mua một chiếc xe hơi cũ sơn lại, đáng độ năm trăm thôi. Đằng này, anh trúng số độc đắc, nếu không tậu ngay hai chiếc thật cừ thì ít ra cũng phải tậu lấy một vậy, và thế thì cũng đã nhũn nhặn rồi đấy. Chứ nếu không tậu một cái nào cả, thì không sao nghe được, thế nào thiên hạ cũng sẽ nói xấu anh, và anh sẽ bị công kích một cách chính đáng là giàu thế mà bẩn thỉu, keo kiệt...!

*

*   *

Lúc ấy bốn người còn đương lững thững đi trên thềm tòa nhà đồ sộ trong đó có chứa nhiều tiền bạc nhất trong nước Nam, tức là nhà băng Đông Dương... Họ vừa ở trong ấy ra, vì Phúc vừa đến lấy chữ ký của ông giám đốc nhà băng ký vì giữ hộ anh số tiền mười vạn mà sở kho bạc sẽ chuyển sang sau. Phúc cũng đã ký nhận rằng mình vừa lấy ra số tiền rất nhỏ là một nghìn để tiêu vặt. Anh còn đương cảm động về sự tiếp đãi lễ phép của ông giám đốc, cái bắt tay rất chặt, những câu chúc tụng rất quý hóa, cái thái độ ông giám đốc rất ngọt ngào của một nhà đại tư bản người quý quốc đương nắm vận mệnh nhiều nhà tư bản khác trong tay. Chưa quen dùng đến ngân phiếu, anh quên khuấy ngay rằng nhà băng đã trao cho anh một số ngân phiếu mà anh đã đưa cho ông bố bỏ túi. Bây giờ Tấn giục phải đi tậu ngay ô tô, anh tưởng như phải có tiền ngay trong túi đã, và muốn thế lại phải quay vào lĩnh tiền, thì thật phiền cho người ta. Thêm nữa, anh cho việc ấy là không vội gì cho lắm. Trông tới cái vườn hoa Paul Bert trước mặt, anh thấy cái hứng thú ghê gớm lại ra ngồi đó một lát để nhớ lại những lúc êm đềm mà anh đã sống cái thời hàn sĩ lạc đạo vong bần rất quý hóa của anh. Những phút ấy, tuy vậy mà đối với anh, từ nay trở đi, thì thật là hết, anh chẳng có cái quyền thế gì được sống lại nữa, mặc lòng trong đó xưa kia đã có một vài bi kịch nhỏ nhặt nó không làm cho con người ta quên được những kỷ niệm, không quên được quá khứ, để mà biết rõ cái giá trị của hiện tại và tương lai. Tâm cảnh lúc ấy chẳng khác chi tâm cảnh của một ông tân

khoa áo gấm hồi hương mà muốn nhìn lại nhà trường cũ tại đó mình đã sống đoạn đời học sinh, có khi bị phạt, bị phải quì... Những cái ấy đối với ta tuy vậy mà là có thú vị lắm, vì nó đã đi thì không có trở lại nữa.

– Ối chà! Chẳng biết gì cả, ta hãy cứ ra vườn hoa đây ngồi chơi một lát đã.

Vợ anh nhìn trộm anh để yên trí rằng anh vẫn còn gàn, tuy rằng chị không dám nói ra. Cụ Phán không hoan nghênh sự ấy nhưng không dám phản đối, cái ấy đã cố nhiên lắm. Còn Tấn, thì anh này vẫn không quên lo cho cái thể diện của bạn đột khởi có lẽ không cần lòng sốt sắng của anh mấy nữa:

– Vậy anh đã thuận chưa? Anh sợ gì nào? Sợ tốn tiền thì điều ấy chắc không rồi. Sợ hại cho đạo đức thì đạo đức quá, vì có xe hơi thế không có gì hại đạo đức. Còn bảo sợ không xứng đáng thì không có lý, vì tôi biết lắm: rất nhiều người chỉ đáng làm đầy tớ cho anh mà cũng có ô tô rất oai. Vả lại, đức Thánh Khổng đã dạy rằng con người ta ở đời này, đã phú quý, thì cứ việc ăn ở cho rõ ra người phú quý, mà thanh bần thì cứ việc cư xử ra người thanh bần. Đừng có nghèo mà đánh đu với tinh, tuy toe tùy tòe có đồng nào xào đồng ấy, mà cũng đừng nên phú quý mà lại ăn ở ra con người bần tiện. Tiêu tiền không có gì là phạm tội nếu mình có nhiều tiền để mà tiêu. Ấy ở đời rất có nhiều người cứ nhầm, nghĩa là giàu có hẳn hoi mà lại cứ tiết kiệm, coi việc tiêu tiền là hoang phí, là có lỗi đối với những người không có tiền mà tiêu. Thế là nhầm chứ! Đã giàu, mình phải tiêu tiền thì kẻ khác mới được nhờ chứ. Cứ để đánh đống lại, sao cho tiền tệ lưu thông, kỹ nghệ, thương mại phải chết? Dầu anh có hoang phí một chút nữa thì cũng không có gì là trái đạo đức, vì thiên hạ chỉ là sẽ được hưởng, được nhờ, được sống vào cái hoang phí của anh. Đây này: thằng giàu mà lại không tiêu tiền thì tất cả những thằng nghèo chết hết, ấy cái thuyết kinh tế của đức Khổng là rất phải, rất mới đó!

Phúc cười rộ lên rồi nói bông lơn:

– Quái cho cái thằng cha này! Đi hát cũng viện được đức Thánh Khổng định tậu ô tô cũng lại viện đức Thánh Khổng nốt! Chỉ tiếc rằng một người hiểu Khổng giáo đến thế thì chẳng bao giờ hành động sự gì là đạo đức, là bác ái như đức Khổng mà thôi!

Sung sướng, Tấn cũng cười ngây thơ không biết rằng lúc ấy bố và vợ bạn đều lấm lét nhìn trộm mình để cho mình là một đứa nguy

hiểm, và có lẽ để đương dự thảo một chương trình phức tạp và khôn khéo mà mục đích là "tây" mình đi nữa... Thật vậy, lúc ấy thì cụ Phán lẫn chị Phúc đều đã quên khuấy ngay rằng vì có Tấn thạo đời mà việc đi khai trình, ký nhận chuyển tiền của Phúc được dễ dàng, nhanh chóng, trót lọt; rằng Tấn đã vì bạn mà xin nghỉ việc từ sáng đến chiều, cả một ngày, để giúp Phúc được bao nhiêu công việc rất lớn lao. Có lẽ vợ Phúc quên cả rằng sở dĩ mình khỏi bị mẹ chửi là vì tiền của Tấn, và cụ Phán có lẽ cũng quên nốt cả cái sự to tát tương chừng không bao giờ kẻ mất trí khôn nào quên được, là con mình sở dĩ bước nên giàu, ấy cũng là vì có tiền của Tấn thì mới có cái vé số phúc đức ấy nữa. Còn về Tấn, sở dĩ anh giúp bạn rất hết lòng, và có những ngôn ngữ tự nhiên, thân mật như vậy, là vì Phúc đã rõ cả, cho nên anh thấy có một cái quyền, dẫu là người ta chỉ mới cho anh hưởng một cách tinh thần, thấy rằng hạnh phúc của cả gia đình ấy mà có được là nhờ ở anh; và ai kia thì chẳng kể chứ chính bố và vợ người trúng số, thì chẳng đời nào chưa chi lại quên những điều chẳng nên quên. Nếu Tấn không nói ngay ra lời những ý nghĩ đã còn kín đáo trong óc, thí dụ như đòi hưởng một phần vào số tiền to ấy, là vì Tấn biết rõ Phúc chẳng phải là kẻ bội bạc, cho nên anh ta cứ việc giữ thái độ cao thượng đã.

Bốn người ngồi xuống một cái ghế xi măng trước nhà kèn. Trừ một Phúc ra thì thôi, chẳng ai thấy thú vị gì ở cái sự phiếm du kỳ quái của người mới giàu bạc vạn ấy. Nếu bảo thế là phí thì giờ thì quả cũng đúng! Nhưng thấy Phúc có vẻ khoan khoái nhìn khắp chung quanh một cách dễ chịu như người giang hồ khi về cố hương nên không ai dám bình phẩm gì cả.

Chính lúc ấy, Phúc nghĩ lôi thôi như thế này: Ôi, cái vườn yêu quý của ta, lần này thì ta đến đây có lẽ là để vĩnh biệt người mà thôi! Từ nay trở đi, cuộc đời ta đã có một cuộc thay đổi lớn lao, vì số phận đã muốn rằng nhà hàn sĩ phải trở nên ông đại nghiệp chủ... Có ông nhà giàu bạc vạn nào mà lại chịu ra đây ngồi chơi suông để tìm mà hưởng những thú vị hoàn toàn tinh thần rất khó hiểu hay không? Than ôi, từ nhà thi sĩ, ta đã trở nên một tay tư bản rồi. Ta ước ao rằng địa vị của ta dẫu có thay đổi, nhưng tinh thần ta thì vẫn trước sao sau vậy, thủy chung như nhất ngõ hầu một ngày kia, nếu có dạo gót đến chốn này, nhớ lại cái sống thanh bần, những tư tưởng tốt đẹp mà phần nhiều kẻ nghèo có rất nhiều để mà không thực hành

được, nghĩa là những tư tưởng mà kẻ giàu thực hành rất dễ nhưng không có được, thì ta khỏi phải âm thầm hổ thẹn với ngươi! Liệu rồi có thể được chăng, hay là số phận đã muốn rằng địa vị ta một khi thay đổi thì chí khí và hành vi của ta cũng theo luôn mà biến hóa, để mà tỏ rõ rằng dẫu là thi sĩ hay là trọc phú, thì cái con người cũng đến vô dụng cho đời như nhau mà thôi? Xưa nay ta vốn hoài nghi, ta không tin chính cả ở ta, thì ta dám biết lòng Giời định cho ta trắng đen ra sao? Cho nên ta nguyện cố gắng được chút nào hay chút ấy, chẳng dám hứa gì... Chỉ xin ngươi chứng giám cho ta những ý nghĩ này, bây giờ đây, đó thôi...

Có lẽ cái số anh phu lục lộ đến lúc khá, cho nên nhằm vào giữa lúc ân nhân của anh vừa có những tư tưởng hiếm có ấy, vì cái nhớ ơn tạo vật mà thấy nảy trong hồn cả cái thi vị lôi thôi nó như xúi giục người ta muốn tốt, muốn làm việc thiện ấy, thì anh vác chổi chạy tới. Người phu này cố nhiên không hề đọc báo chẳng biết sự gì, nên chỉ chào hỏi:

– Bẩm lạy cậu! Mấy hôm nay mới thấy cậu ra chơi. Bẩm cậu vẫn mạnh khỏe đấy chứ ạ?

Phúc rất vui thấy người ấy chưa biết mình trúng số, vì sự vấn an ấy là vô cùng thành thực... Anh gật đầu giới thiệu:

– Không dám.. Đây, cụ tôi, và đây nhà tôi...

Bẩm lạy cụ ạ, bẩm lạy mợ ạ.

Vợ Phúc cau mặt, và tin ngay rằng thằng này hẳn lại chỉ đến xin tiền chồng mình. Cả cụ Phán cũng cùng ý nghĩ ấy, cho nên cả hai đều gật đầu lãnh đạm lắm. Phúc nhớ rằng người phu này, chỉ một mình người này, là dám kính trọng anh, là dám bảo anh sẽ có bạc vạn, từ lúc anh chỉ là "cậu áo trắng dài" thôi. Anh không quên mình đã định thưởng, từ lúc mới chỉ ao ước trúng số... Lúc ấy anh phân vân tự hỏi: "Tuy ta phải giả lời hứa với ta thật, nhưng biết cho hắn bao nhiêu bây giờ? Thưởng, ừ thì thưởng, nhưng một cuộc đoán tướng, thì thưởng ra sao? Năm chục? Bốn chục? Hay hai chục?"

– Này, bác nói đúng lắm, tôi rất lấy làm phục...

Nói đến đây thôi, Phúc ngừng lại... anh toan khen người phu ấy xem tướng giỏi, nhưng lại thôi ngay. Vì anh rất sợ rằng làm thế, tức là xui người này sẽ đổi nghề, sẽ từ cái chức quét vườn hoa mà nhảy

lên làm thầy bói tân thời không thong manh, thì xã hội sẽ nguy to, thì điều thiện của anh có thể trở nên ác mất...

Cho nên Phúc ngừng lại và rồi đổi:

– Phục bác chỗ nghèo mà công nợ trả sòng phẳng lắm, đó là một đức tính tốt nên giữ mãi, và vì thế, nên đây tôi thưởng cho bác...

Phúc đã toan đưa ra hai chục bạc, thế mà không hiểu thế nào lúc đưa ra thật, tự nhiên lại rút bớt đi.

– Cho bác... một chục bạc, vì cái sòng phẳng đó.

Cố nhiên người phu không hiểu, không dám cầm...

– Thì cầm lấy chứ!

Đưa xong, Phúc an ủi ngay mình ở chỗ đã bớt nửa số tiền: “Một chục, phải, hãy đưa thế thôi!... Mà này, thì sao thoát khỏi đến cầu ta sau này, nhiều lần nữa? Cũng chả vội gì, và một chục to lắm rồi”

Vì cảm động chẳng kém bị sét đánh, người phu mãi mới ấp úng:

– Bẩm lạy cậu, con... con lạ quá... Trước kia, cậu cho vay một đồng... cũng đã cứu sống gia đình nhà con. Bây giờ, chỉ vì sòng phẳng... tự nhiên cậu lại cho một chục... quý hóa quá... Không lấy thì phụ lòng cậu, lấy thì tham quá... biết lấy gì mà báo đáp được!

Phúc đáp:

– Người ta đã cho, người ta lại mong được báo đáp à? Thôi đừng lôi thôi! Tôi chỉ muốn thế này: mai kia, khi nào có kẻ nói xấu tôi, chửi tôi là đểu, không thương người, thì bác phải cãi lại hộ, vì tôi nhân đức thế nào hẳn bác phải biết!

– Dạ, bẩm vâng!

Thế là Phúc sung sướng: có nói thế, có giao hẹn thế, anh mới thật hoàn toàn không tiếc số tiền thưởng. Nhưng vợ anh tiếc của, nghi hoặc, lúc ấy khổ sở lắm tự hỏi: Duyên cớ gì đây? Hay là em gái thằng này là con hàng mía, là con hàng bưởi, là con vú đẩm? Thằng này có là ma cô hay không, hở Đức Chúa Giê Su?"

Cụ Phán khoanh tay lại, nhìn một hòn cuội trong cái đống mấy vạn hòn cuội. “Chết chết! Thế này thì nguy to! Con cụ, cái nhân đức ấy thì đáng phục, nhưng mà tai hại, thà xấu! Dại dột thế, dễ dàng thế, hỏng bét! Tốt quá thì hại, thà xấu! Thôi thôi, phải liệu sao, chứ không thì cái lộc kia mấy lúc mà đi đời!” Cụ khẽ thở dài.

Cho đến cả Tấn nữa, anh cũng phải lấy làm lạ, mặc lòng anh đã hiểu Phúc là người dễ thương kẻ khó.

Thấy người phu toan chắp tay nói gì nữa, Phúc đứng ngay lên xua tay:

– Thôi, đừng cám ơn lôi thôi nữa, bác chưa nói tôi cũng thừa hiểu! Đây này: tôi trúng số mười vạn, bác nghe rõ chưa? Thế cho nên tôi cho bác chục bạc vì thương bác là con nhà lao động không có gì lạ, hiểu chưa? Bác vẫn quét vườn hoa cho tôi ngồi kia mà. Thôi để lúc khác sẽ nói, đi làm đi!

Nói rồi, Phúc ra hiệu cho ai nấy đứng lên đi theo, mặc người phu sung sướng ngẩn ngơ đến nỗi chưa kịp bỏ vào túi mười tờ giấy bạc nữa.

Đi đã hơi xa chỗ ngồi ấy, Phúc vội cắt nghĩa cho ai nấy khỏi tiếc:

– Có gì đâu! Thằng cha ấy xem tướng giỏi, tháng trước dám đoán tôi giàu to thì thưởng cho hắn đấy.

Vợ anh khẽ thở dài, đã được yên tâm.

Phúc vui vẻ hỏi:

– Đi đâu bây giờ? Về ăn có lẽ sớm quá.

Tấn giật tay áo bạn:

– Đi xem mấy hãng ô tô xem có cái nào đáng tậu không?

Vợ Phúc hưởng ứng:

– Bác Tấn nói phải đấy. Ta hãy đi xem cơ mà! Mua ô tô thì cũng nên khảo xét kỹ lưỡng một chút.

Phúc gật đầu, tặc lưỡi:

– Ừ, thì đi!

Phúc chợt nhớ: nếu tậu ngay cũng không phải trả tiền mặt. Đã có séc kia mà, thì anh ký chơi một cái đầu tiên để xem cái mùi vị tiêu tiền lối đại tư bản Âu Mỹ ấy nó ra sao có lẽ cũng hay hay... Đồng thời, anh lại nhớ đến cái hãng ô tô mà anh đã đến xin việc tháng trước, thằng chủ đểu có con chó khổng lồ hỗn, lão ký đê tiện, ếch nằm đáy giếng, coi trời bằng vung... "Phải đến đấy, xem chúng tiếp đãi mình thế nào! Nào nào! Xem những cái mặt làm bộ của chúng ra sao! Chúng đã làm mình hiểu thế nào là cái nhục, thì nay mình phải cho chúng rõ cái gì là đồng tiền! Tậu ô tô, không phải vì cái thói rởm đời của kẻ giàu hơi, nhưng vì muốn hiểu thêm cái chó má của loài

người, để rửa một cái nhục, dẫu là mấy nghìn bạc!" Nghĩ thế, anh hả hê như đã báo thù được rồi.

– Gọi xe đi chứ? Tấn hỏi thế.

Phúc đã toan gật bỗng lại lắc:

– Ấy! Không! Không đi xe! Cuốc bộ thật xa để đi ô tô, thế mới chua ngoa! Vả lại... phải nếm trải cho tận cái khổ đi bộ mỏi chân ngay bây giờ đi, kẻo rồi ra lại không còn được dịp đi bộ nữa! Có thế mới là biết hưởng sự đời chứ?

Tấn reo lên:

– Thế thì tuyệt! Tư tưởng ấy mới thật là lỗi lạc đó.

Cụ Phán khẽ nói:

– Tôi tưởng hay là về nhà nói chuyện lĩnh tiền gửi tiền đã. Kẻo đi lâu quá, ở nhà không hiểu ra sao sốt ruột mà đi tìm chăng...

Phúc nói ngay:

– Ấy, thế lại càng hay! Sốt ruột mãi, rồi mà vui, thì cái vui ấy mới thật là cái vui! Biết ngay, yên tâm ngay thì còn thú quái gì? Cho nên ở đời có kẻ chỉ có một đồng kẽm, mà phải nhắm mắt tung hê nốt đi, để phải tìm cho cực kỳ khổ sở, mục đích chỉ là để hưởng cái sướng không đáng mất tiền.

Đi được dăm bước, anh lại nói một cách không thành thực mấy:

– Thế mới biết con người ta ở đời này toàn là hão cả!... Cái chân hạnh phúc là cái gì, nào có ai biết đâu! Thí dụ như tôi, trước kia, chẳng có xu nào cũng đến thế mà bây giờ, trong tay có hàng vạn cũng chẳng thấy gì khác.

Thôi chí nguy, vì Phúc đã sắp sửa nổi cái bệnh nay là cái bệnh triết lý mất rồi!... Mà kể cũng lạ cho thói đời: chỉ toàn là hay nói những lời trái ngược với địa vị. Cho nên Phúc thở dài, làm ra vẻ thâm trầm lắm, tiếp:

– Cái sướng, cái khổ là những cái ta không sao nhận thấy hay hiểu rõ được... Có thể nào quả quyết được không? Biết đâu rằng trúng số mười vạn, đó lại không bắt đầu đi nhận một cái mầm đại họa? Ôi thôi, càng nghĩ càng thấy khó hiểu, khó nói... Con người ta ở đời, chỉ có lúc đậy nắp áo quan, mới biết khôn, dại, sướng, khổ...

Tấn đã lộn ruột về lời lẽ ấy, và muốn bảo ngay bạn: "Thì anh thử đem cho thiên hạ mười vạn ấy đi xem nào! Lại phai hoài nghi gì

nữa!" Nhưng anh không dám nói gì, điều ấy cố nhiên... Cụ Phán, chị Phúc, thì cứ việc lẽo đẽo đi theo sau lưng Phúc thôi, vì tuy có nghe, nhưng không ai hiểu nghĩa lý gì cả.

Họ đi như những kẻ vô công rồi nghề.

Vào cuối mùa thu, những cây hai bên đường đều đã ngả vàng cả, ánh sáng ban ngày hình như có mầu trắng, ta trông cảnh vật vào lúc râm mát như qua một lần kính mỏng có chút hơi nước làm mờ đi... Kể ra, nếu vào lúc hoàn toàn nhàn cư, óc quả thật không có bận bịu một ý nghĩ gì bất cứ là vui hay buồn, thì người ta có thể thấy phong cảnh là đẹp mắt lắm đó. Chợt cụ Phán đứng dừng lại, nhăn nhó nói:

– Thôi để tôi xin về, kẻo ở nhà bà ấy sốt ruột. Các ngài cứ đi!

Vợ Phúc thưa:

– Thế thầy cho con cứ đi nhé! Con muốn được chọn kiểu xe.

– Được mợ cứ tự tiện.

Vốn biết tính bố rất sợ Tây, và do thế dễ nịnh Tây nữa, sợ không khéo ông bố nếu cứ đến đó thì sẽ khúm núm lắm trò với cả ông chủ hãng xe, cho nên thấy bố đòi về, Phúc rất thích chí, chẳng có nửa lời nài ép. Anh bảo:

– Thế thì thầy đi xe về cho nhanh.

Cụ Phán gọi xe, mặc cả, và theo lối đa số các cụ thượng lưu nhân vật, nhất định không chịu thua phu xe một đồng xu, làm cho Phúc phải gắt, cụ mới thở dài bước lên xe. Khi xe chạy, cụ còn quay lại dặn:

– Này cậu Hai! Có tậu thì tậu cái nào tốn ít dầu xăng thôi, nhé?

Xe ông bố khuất rồi, Phúc cũng gọi xe. Cái triết lý đi bộ để nếm tận cùng cái khổ trước khi bị hưởng cái sướng, chưa chi anh đã quên khuấy. Nhưng vợ anh lại tưởng chồng mình đáo để, và đó là một cách kín đáo hành hạ cho ông bố phải đi mệt xác, chán nản mà đòi về đó thôi. Chị lên ngồi xe một cách khoan khoái vì chị cũng ghét bố chồng lắm, cũng cho rằng bố chồng mình vẫn khinh chồng mình một cách quá đáng và dã man, dẫu rằng xưa kia, mỗi khi thấy bố mắng chồng, chị cũng đã chỉ vào hùa với bố mà thôi, chứ chẳng bênh vực chồng bao giờ.

Đến cửa hàng bán xe hơi, Phúc bảo bạn và vợ:

– Đây này, xin nhớ giúp tôi là cách đây độ một tháng, tôi cầm đơn đến xin việc sở này thì đã bị họ đãi hết sức là nhục. Vậy thì bây giờ, ta cũng phải hách dịch và ỏe họe thế nào cho mặn này bõ nhạt

ngày xưa... Ta phải là những khách hàng rất khó khăn, mất tiền mua mâm thì đâm cho thủng.

Cùng vợ và bạn, Phúc bước nghênh ngang vào tòa nhà hàng có những tấm cửa kính vô cùng to rộng trong đó bày mấy chục chiếc xe hơi tối tân cái nào cũng có vẻ đẹp riêng. Người tây đen gác cổng, dễ thương vì một thứ khiếu đánh hơi rất mầu nhiệm mà giống họ vẫn có, vội vàng đứng lên chào theo kiểu nhà binh, vì biết ngay đó là những khách sộp chứ chẳng phải bọn người xin việc, tuy y phục của ba người nhũn nhặn lắm. Phúc cũng nhận thấy rằng lần trước, cũng đến nơi này thì anh đã sợ từ người tây đen gác cổng sợ đi, mà lần này, thì anh có một cái linh hồn vững chãi một cách khó hiểu – tuy rằng chính thật thì dễ hiểu lắm – anh đi phăng phăng bằng những bước chân chữ bát sợ còn chưa đủ nghênh ngang, rất mục hạ vô nhân... Có điều này càng đáng lấy làm lạ lắm nữa là cái con chó khổng lồ, cái con chó giống như in con Kin tin tin, nó đã suýt nhảy lên cắn cổ anh khi đến xin việc lần trước, thì bây giờ tự nhiên nó chạy đến ve vẩy cái đuôi mà chạy chung quanh anh một cách mừng rỡ hết sức, đón tiếp anh một cách mặn mà, nồng nàn mà chỉ người tây phương văn minh mới biết... Phúc cười nhạt: "Lại đến thế này nữa thì... Chó thật!" Và ông ký Sang cũng vừa lúc chạy ra.

Ba người đứng lại, nghênh ngang và hách dịch, rõ ra vẻ những khách hàng đi tậu xe hơi... Đến nỗi ông ký Sang phải lộ ra vẻ kính cẩn đến bậc như sợ hãi, cúi chào cả ba rồi hỏi ngay:

– Bẩm... Các ngài muốn mua xe?

Phúc lạnh lùng đáp:

– Tôi muốn nói chuyện với ông chủ.

Nhưng người thầy ký nhà buôn thạo nghề ấy chẳng còn nhầm mà coi anh đương là kẻ vác đơn đi xin việc nữa... Người ấy, sau khi nhìn kỹ anh để cau mặt ra vẻ ngờ ngợ một phút, lại nói ngay như thế này:

– Bẩm ông, chủ chúng tôi đi vắng... Được ạ, nếu ngài muốn hỏi gì thì có chúng tôi là đủ.

Phúc nói ngay:

– Ông chưa đủ, phải có chủ ông ra đây mới đủ!

Người thư ký vẫn chỉ đáp bằng một cái cười rất lễ phép mà thôi. Rồi bỗng hỏi:

– A! Bẩm ngài... Chính ngài... Bẩm chính ngài là người vừa trúng số độc đắc! Tôi đã được nom ảnh ngài trên báo...

Phúc gật đầu và nói:

– Nếu còn cái trí nhớ hơn nữa thì tôi chẳng phải chỉ người trúng số mà thôi. Tháng trước tại đây, tôi đã có được ông tiếp một lần...

Phúc chờ ở mặt người thầy ký đê tiện ấy sự phát lộ của một mối hổ thẹn, ngượng ngùng chi đó... Nhưng thầy ký Sang chỉ gật đầu lia lịa, vẫn vui vẻ, mà đáp:

– Dạ, bẩm vâng! Chúng tôi còn nhớ... Hình như quả ngài đã có một lần đến đây đưa đơn, từ lúc ngài chưa được cái may ghê gớm là cái số mười vạn.

– Cái lần ấy, ông chủ nhà ngài tiếp đãi tôi tốt lắm cho nên bây giờ, tôi lại đến đây, trước là để chọn một cái xe, sau là để nhân dịp nhìn lại cái mõm... của chủ ngài thế nào! Vì vậy tôi bảo một ngài tiếp tôi, chưa đủ.

– Dạ, bẩm nếu thế thì tôi nói ông ra cho ngài lập tức.

Thầy ký Sáng hí hửng đi ngay, khiến Phúc phải ngẩn người ra. Anh nghĩ: "Gớm, nó lại đồng ý với mình ở chỗ trả thù chủ nó đến thế được! Nó làm như chỉ có một chủ nó là đã đểu với mình mà thôi..." Bỗng anh thấy cái ngôn ngữ của anh nãy tới giờ mới thù hằn con trẻ làm sao! Hạng ấy, óc nô lệ vốn có từ lúc sơ sinh, thì chấp nó mà làm gì? Cho dẫu cả chủ nó nữa, thì cũng chấp mà làm gì? Những sự về trước đã cố nhiên thay! Đời là thế! Rồi thì là anh định đổi thái độ...

Đến đây, người chủ tây đã ra. Với một cái cười ngoại giao, người ấy cúi đầu chào cả ba người khách, liến thoắng hình như chỉ sợ Phúc nói len vào mất, có người thư ký đứng sau lưng...

– Kính chào bà, kính chào hai ông... Thưa ngài, tôi rất hân hạnh được bắt tay nhà triệu phú mới mẻ đã được Thượng đế công nhận là đáng hưởng sự giàu sang ở đời... Nhân dịp tôi xin chúc quý ông và quý bà sẽ được khỏe mạnh mãi mãi để mãi hưởng cho thỏa thích cái phú quý ấy, vì ở đời này, ngoài tiền bạc ra, thì sức khỏe cũng là một thứ báu vật ít ai được hưởng một cách đầy đủ... Thưa quý ông, thư ký của tôi vừa báo tôi thì tôi vọt ra ngay... Hắn có nhắc lại câu chuyện cũ mà tôi lấy làm hối hận, thật thế, vô cùng hối hận!...

Nói đến đây, giơ thẳng hai tay lên không khí như định đỡ một vật gì đó ở trên cao sắp rơi xuống đầu mình... Sắc mặt đương vui

bỗng buồn thiu. Giọng nói trước giòn giã thế, bây giờ chỉ khe khẽ, qua những hơi thở:

– Có thể không, thưa ngài? Tại sao tôi, tôi đã ngu ngốc đến bậc lại đi không biết rằng trong cái đám hàng trăm thanh niên Việt Nam đến nộp đơn muốn giúp vào việc thịnh vượng của hãng tôi, thì có thể có một người – ấy là ngài – mai sau sẽ được cái may mắn trúng số độc đắc? Được một người thư ký giúp việc mình mà trúng số mười vạn, há đó chẳng là một thứ vinh dự tột bậc cho một kẻ như tôi hay sao? Thế mà cơ hội tốt ấy, tôi đã bỏ qua, cái hân hạnh ấy, cái may mắn ấy, đã đến với tôi mà tôi không nhận!... Còn biết làm thế nào!... Than ôi, tôi chỉ còn có một cách là hối hận, là tự giận nữa mà thôi... Bây giờ, ngài lại đến đây, không phải để báo thù cái thái độ lãnh đạm của tôi khi xưa đâu nhưng mà là để... là để...

Ông chủ hãng xe hơi quay lại sau lưng, hất hàm hỏi người thư ký, rồi, không chờ được đáp, cũng quay lại nói tiếp:

– ... Mà là để trừng phạt một cử động sơ suất của tôi ngày xưa. Chính thế, để trừng phạt! Thì nào tôi có dám kêu ca gì đâu! Đó cũng vẫn là một thứ hân hạnh khi ta bị một nhà triệu phú trừng phạt! Tôi biết lắm, đáng lẽ thì ngài không đến hãng này đâu, nhưng mà ngài sẽ đến hãng khác, tuy rằng hãng tôi bán thứ xe tốt nhất thế giới... Tôi lại cũng biết rằng ý ngài là muốn tậu một lúc những ba chiếc xe hơi kia thì mới đủ dùng cho các nhà triệu phú Việt Nam... nghĩa là một chiếc 18 mã lực, 8 chỗ ngồi cho cả nhà đi lễ Phật; một cái nữa, 2 chỗ ngồi để quí ngài đi tự tình với các bà nhân ngãi, và một cái thứ ba nữa, vào hạng xe xoàng nhiều chỗ ngồi, ít mã lực, ăn ít dầu xăng, để ngài dùng để tiền, để cho mượn những người bạn hữu hoặc họ hàng có tính lôi thôi, họ chỉ đáng ngồi vào cái xe tầm thường ấy mà thôi. Nhưng mà, than ôi, ngài quay lại đây để phạt tôi! Thì đáng lẽ mua ngay cho ba cái một lúc, ngài hãy chỉ mua một cái đã... cái mốt năm nay giá sáu nghìn năm trăm bạc, kia kìa! Và đáng lẽ cũng theo số đông các nhà giàu, các vị thượng quan, mua xe trả làm hai mươi hạn, thì ngài không thèm làm như thế, thì ngài mỉa mai tôi một cách chua ngoa hơn nhiều, nghĩa là ngài trả tiền cả cho tôi ngay một lúc! Họa chăng có thể, mới được một bài học xứng đáng của đời!

Nói xong, ông Tây khoanh tay, cúi đầu, lặng im, chứ không cười một tí tẹo nào cả. Đến nỗi những mải nghe cái khúc cao đàm hùng biện con buôn ấy, cách nhập đề như thế, cách tả sự như thế, cách kết

luận như thế, Phúc chỉ còn biết ngẩn người ra mà thôi! Thật không thể tưởng tượng được!

Tấn nháy mắt bảo Phúc:

– Ấy đấy, thế có xỏ không! Nào đã biết Tây chưa! Mình đến truy nó, để cho nó tóm cổ mình cho vào xiếc!

Phúc nhìn thẳng vào mặt ông giám đốc hãng xe hơi hồi lâu, rồi cười to vui vẻ, đoạn vỗ vai ông ta – ông ta đây là ông Tây – mà nói chớt nhả:

– Eh bien! Je vous admire... Vraiment vousavez une gueule formidable. [1]

Ông Tây cười đủ cả 32 cái răng, so vai một cái, vòng tay sau lưng ôm lấy Phúc một cách thân ái như ôm một nhân ngãi đẹp và bảo thư ký:

– Này, Sang! Mày dẫn quí bà, làm thông ngôn cho quí bà hiểu những lời tao cắt nghĩa với quí ông trong khi ta đi chọn xe đây.

Quay lại Tấn, ông hỏi:

– Còn ngài, xin lỗi ngài, hẳn ngài được cái hân hạnh là anh em với nhà triệu phú?

Tấn gật đầu.

– Thế thì tôi xin chúc ngài làm thế nào giúp cho nhà triệu phú được nhiều việc hữu ích.

Tấn cười nhạt bảo Phúc:

– Đấy, thế có cẩu không! Nước chảy chỗ trũng có khác! Nó chúc mình hẳn hoi, vậy mà té ra nó vẫn chỉ là chúc thằng trúng số mười vạn!

Vì lẽ chính ông Tây ấy không biết tí tiếng Nam nào nên ông ký Sang cũng dám góp chuyện:

– Thưa các ông, Tây này biết cả ăn mắm tôm là ngon.

Sau khi ưng chiếc xe tối tân 18 mã lực, 8 chỗ ngồi hình dáng như cánh cam, đáng giá năm nghìn rưởi bạc, Phúc bảo muốn đi thử. Cố nhiên ông chủ gọi ngay sốp phơ, rồi xin lỗi không có thì giờ cùng lên ngồi xe... Chuyện trả tiền, tịnh không đả động đến.

Chiếc xe ấy, sau khi đưa ba người dạo một vòng quanh Hà thành, thì đỗ lại trước cái nhà bé nhỏ ở phố Hàng Gai... Sau khi mọi người đã xuống, Phúc bảo tài xế:

---

1. Đây là tôi xin chịu ông... Thật vậy, ông có cái lưỡi lắt léo ghê gớm (VTP).

– Thôi cứ đánh xe về hiệu, nay mai tôi đến lấy...

– Dạ bẩm vâng.

– Có hề gì không?

– Dạ bẩm không.

– Không đem được khách quay lại sở, bác không sợ bị lão chủ nó sẽ trách cứ gì à?

– Bẩm, không hề gì... Thế là thường lắm ạ!

– Thế ngộ tôi quịt mấy giờ rồi không mua?

Người tài xế cười mà rằng:

– Bẩm, thế nào rồi ngài cũng mua ạ!

Phúc cho người tài xế ấy đồng bạc, đứng nhìn theo chiếc xe tối tân cho mãi đến lúc nó đã khuất, chẳng biết rằng lúc ấy bà con hàng phố cũng lố nhố đứng chen vai trong bậu cửa nhìn anh. Trước khi vào nhà, vợ anh đã nói to, có lẽ cốt để thiên hạ cùng nghe cho vui:

– Cậu bảo thế nào, chứ tôi tưởng sáu nghìn cái xe ấy, rẻ lắm!

Ba người chưa vào hẳn trong nhà, cụ phán đã lon ton chạy ra với thái độ của người lúc nào cũng cho mình là quan trọng:

– Gớm, nhiều người đến hỏi quá!

Bà mẹ cũng chạy ra đón và hỏi:

– Khốn nạn, đã tậu ô tô ngay làm gì! Đi đâu mà cần ô tô.

Vợ Phúc hơi cong môi lên:

– Cứ như đẻ thì lại để số tiền ấy tậu thêm một cái nhà nữa, là hết chuyện!

Phúc hững hờ đáp:

– Không à? Tậu hai cái xe nữa là khác ấy!

Vào hẳn trong nhà rồi, Phúc được cô Đức bưng tới một cái khay trong có hơn hai chục chiếc danh thiếp. Mới giàu được có hai hôm, anh chưa được nếm cái khổ của nhà tư bản khi đi vắng về phải xem danh thiếp, xem tên họ, chức nghiệp của những kẻ đến làm phiền. Cho nên thoạt đầu anh chỉ thấy vui vẻ, cái khoan khoái của người mới được hiểu rõ cái chân giá trị, cái địa vị cao quý của mình, thấy mình là to. Lòng tự ái của anh rất được thỏa mãn... Anh đọc những danh thiếp ấy bằng cái óc tò mò của một thiếu niên lần đầu trong đời được thơ của tình nhân vậy. Vì lẽ những người để danh thiếp lại

chẳng phải là không có địa vị trong xã hội nên chi mỗi dòng chức nghiệp hiện ra trước mắt Phúc cũng đủ là một cái điều khoản trong chương trình kiến thiết cuộc đời vương giả của anh. Trước lúc ấy, anh chưa có một ý kiến rõ rệt về sự tiêu tiền... Bây giờ, ngần ấy cái danh thiếp, đối với anh, đã gần thành một công trình tổ chức. Đó là một ông thầu khoán, một nhà nghiệp chủ, một nhà kỹ nghệ, ba nhà buôn lớn, một kiến trúc sư, một nhà họa sĩ, một nhà cho vay lãi, ba phóng viên nhà báo, và một ông hội trưởng hội từ thiện.

Phúc hỏi em gái:

– Thế cô tiếp đãi người ta thế nào?

– Ông nào em cũng mời vào nhà, mời thuốc, mời nước hẳn hoi... Nhiều ông không vào, chỉ đưa danh thiếp rồi đi... Ai cũng bảo để rồi sẽ quay lại.

– Ấy chết, bao giờ họ quay lại.

– Có ba ông nhà báo thì kêu bảy giờ sẽ quay lại, còn những người khác không ai nói rõ.

Phúc đưa cho Tấn cái danh thiếp của ông hội trưởng hội từ thiện, hỏi ý kiến... Tấn đáp ngay:

– Cái mã này thì lại đến xin tiền đây chứ gì. Hồi tôi trúng bốn nghìn, lão này cũng đã tìm tôi mãi.

– Thế anh có cho hội của hắn đồng nào không?

– Có, đã phải quyên cho hội mất hai chục... Nhưng mà ấy là tôi chỉ trúng có bốn nghìn thôi, mới thế. Còn anh chắc phải khác.

Phúc cau mặt giận dữ đáp:

– Cái hội này buôn... Bán cả người chết, thì còn từ thiện chó gì. Chẳng qua một lũ quạ bay chung quanh cái thây ma! Một lũ người hiếu danh, khọm già, đĩ lõa, hội họp nhau để lòe đời, mưu việc tư lợi vì huy chương, bài ngà, lấy việc từ thiện ra làm cớ che đậy bao nhiêu hành động bất lương, ám muội.

Phúc thấy còn có thể nói mãi, nói mãi không bao giờ hết những lời buộc tội cay đắng, tuy rằng anh vẫn biết là bạn có thể cười anh chưa chi mới giàu mà đã hết ngay cái lòng vị tha ngày xưa... Nhưng Tấn đứng lên cười nhạt, giơ tay ra, kêu:

– Thôi mọi công việc thế là xong cả rồi, tôi xin phép.

Phúc ngơ ngác một lúc rồi bảo:

– Anh ở đây ăn cơm với tôi có được không?

Tấn lại lắc đầu:

– Thôi, không tiện...

– Ô hay! Sao lại không tiện?

– Đấy, rồi anh sẽ biết... Những lúc như thế này anh đối với người nhà anh, mỗi phút họp mặt nhau đều là quý lắm, nếu tôi cứ ở lại thì gia đình anh sẽ không nói được những câu chuyện riêng với anh. Thôi để lúc khác! Anh em mình với nhau, còn lo gì?

Phúc vẫn không bắt cái tay bạn giơ ra, nghĩ rồi nói:

– Anh cũng có lý lắm đấy, nhưng mà theo ý tôi, thì tôi lại được cần có anh ở bên cạnh tôi lắm... Rõ tức quá, bọn làm báo lại hẹn chốc nữa, bảy giờ, sẽ quay lại...

– Tôi thấy bốn tờ nhật báo có ảnh cả rồi mà!

– Nhưng tôi chưa đáp một cuộc phỏng vấn của tờ báo.

– Vậy anh đã nghĩ rất kỹ những lời đáp họ?

– Cũng chưa.

– Nếu vậy thì nguy! Thì hãy hoãn lại còn hơn! Nói mà không nghĩ, nông nổi, thì sẽ bị họ lung lạc, công kích, khích bác, mai mỉa, vì bao giờ bọn làm báo cũng sẵn lời phúc đức, sẵn cái lối chọc gậy xuống nước, của người phúc ta, cổ động giúp cho hội từ thiện.

Phúc gọi em gái bảo:

– Này, nhớ như chôn vào ruột đây này: bảo u già, bảo thằng nhỏ và tất cả mọi người hễ có ba ông nhà báo đến hỏi, thì cứ đáp rằng ông tôi đi vắng!

– Vâng!

– Mà không cứ nhà báo, bất cứ ai cũng bảo tôi đi vắng cả, nghe chưa!

Cụ Phán hỏi:

– Nhưng có vài ông gì đấy, là nghiệp chủ chi đó, đến gạn bán một tòa nhà tây kiểu biệt thự ở đường Quan Thánh có vườn hoa chung quanh rất rộng, xem chừng giá cả như thế thì hời lắm, vậy tưởng cậu nên tiếp ngay ông ta, nếu ông ta chốc nữa đến đây.

– Thôi, thế thì tuỳ thầy... Liệu ai đáng tiếp thì tiếp, duy có bọn nhà báo thì cứ là: ông chủ đi vắng!

– Dạ, vâng.

Phúc nháy Tấn ra một góc nhà hỏi:

– Đêm nay anh có thích đi chơi không?

Tấn lắc đầu:

– Cũng không thấy cao hứng mấy!

– Nhưng cứ đi nhé!

- Nếu bị anh ép thì đi cũng được.

– Lại đến cái chỗ ấy.

– Được.

Phúc dúi cho bạn một tập năm chục bạc giấy, nháy mắt:

– Đấy, làm thế nào vứt hết chỗ ấy đi, nội đêm nay... Rồi tôi sẽ xuống sau, không biết vào lúc nào, nhưng thế nào tôi cũng xuống. Anh cứ đi trước.

– Được lắm.

Tấn đi rồi, cái gia đình ấy ngồi vào bàn ăn. Bà mẹ và cô em gái ở nhà đã hết sức trổ tài nữ công, vậy mà Phúc vẫn lắc đầu một cách tàn nhẫn, chẳng cho món gì là ngon... Bị cái thất vọng ấy, hai người vốn nhiều lời lắm, bữa nay nói rất ít... Ông bố cũng có hỏi Phúc mấy lần, nhưng vì Phúc không nghe thấy nên ông lại đành ngồi ăn yên lặng theo cái lối ông bố sợ con. Sau cùng, thấy Phúc trầm tư mặc tưởng, tất cả mọi người không ai dám chuyện trò gì với nhau nữa. Người ta chỉ mời mọc nhau rất khẽ, bật ho cũng không dám ho to, hắt hơi cũng tạm đứng lên chạy ra xa.

Phúc, lúc ấy, nếu là nhà báo, thì là đương nghĩ một cái bài tổng công kích toàn thể các hội từ thiện. Anh thấy như có hiện ra trước mắt một lũ người khăn áo chỉnh tề, thuộc hạng thượng lưu xã hội mà đầu óc rất nô lệ, tư cách rất đê hèn, đương lấy cớ vì xã hội để thỏa những cái danh lợi riêng (tuy rằng những cái danh lợi ấy, Phúc chẳng rõ nó mày ngang mũi dọc ra sao...) Anh tin vững rằng ở cái xã hội khốn kiếp nhất là cái xã hội Việt Nam ta, chẳng thể nào lại có kẻ nào làm nổi một công việc công ích gì mà không vì tư lợi. "Phải phải, nếu quả thật đã có một số người, dầu là số ít đi nữa, hoàn toàn thành thực nghĩ đến đồng loại, thì xã hội này lại còn đốn mạt như thế này hay sao? Việc gì cũng vậy, cứ đến người Việt Nam làm là hỏng! Tư tưởng nào ở đâu thì còn tốt đẹp, mà đến cái xứ Việt Nam, là chỉ gây ra những chuyện thối nát, những trò nhố nhăng..."

Phúc thở dài bĩu môi.

Lúc ấy, anh ta chỉ là nghĩ rất thành thực, công phẫn một cách chính đáng để mà tự cho mình các quyền bi quan một cách lãnh đạm như các thánh hiền mà thôi. Quả vậy, anh không hề ngờ ngợ rằng đó là cái lòng ích kỷ của anh nó đã biến ra thiên hình vạn trạng trong tâm giới anh, nên chi anh mới không biết rằng xã hội sở dĩ không tốt đẹp được, chẳng có người thành thực vì công ích được, ấy chính là vì có kẻ nào khả dĩ hữu ích được thì kẻ ấy chỉ là hoài nghi, bàng quan, và chỉ biết thóa mạ như anh, thế thôi. Anh tức giận đến đỏ bừng mặt, vứt đũa bát đứng lên lầm bầm: "Thật thế, làm chó gì có đứa nào tốt được!" Và người nhà anh chẳng hiểu gì, thấy thế ai cũng ngay ngáy lo...

Phúc lấy tăm ngậm ở trong miệng, lên nằm dài trên sập, tay bắt ngang trán. Trong thân thể anh một thứ nhọc mệt đã thấm vào, một thứ uể oải đã chạy đi khắp tứ chi. Thì ra bộ máy tiêu hóa chạy chậm chạp vì bữa ăn quá no, đã làm cho tư tưởng giới của anh không được minh mẫn xuất sắc như bình nhật, "Thật thế, làm chó gì có đứa nào tốt được!..." Anh thầm nhắc lại một lần nữa và thấy khoái chí lắm.

Nhưng chợt có một mẩu hồi ức bỗng nổi loạn trong lương tâm anh! Nó làm cho anh phải giật mình, và thần vị kỷ trong lòng anh cũng không được vui cười hả hê mãi nữa. Câu phê bình độc địa kia, Phúc thấy như là một sự khinh tiết, một sự mạn thượng ghê gớm, nó hạ nhân phẩm anh xuống hàng hạ lưu. Ấy thế là anh nhớ ngay đến một buổi vào thăm nhà Hội Tế Sinh ở ngõ Lý Thường Kiệt. Anh ăn năn tự mắng mình: "Chết thật, ta đã nghĩ bậy quá đi mất! Dẫu sao thì ở đời này tuy vậy cũng vẫn có người – dẫu là thuộc số ít – đáng kính trọng thật, chứ sự đời chẳng đến nỗi hoàn toàn xấu cả đâu".

Bữa ấy, cách nay đã ngót một năm, anh đi dong chơi một cách thư nhàn như số đông người thất nghiệp muốn tìm một điều ích lợi chi đó, trong cái sự đi chơi lang thang, tình cờ đà chận vô định của anh đưa anh đến nhà Hội Tế Sinh. Anh đã được mục kích hàng trăm đứa trẻ con dưới mười tuổi, con nhà lao động, vô sản, sống một cuộc đời công cộng rất có tổ chức, được ăn, học, chơi, tắm, được thay quần áo mỗi ngày một lần, cứ thế mãi ngày nào cũng vậy, mãi cho đến khi nào bố mẹ chúng sau khi không chết đói nữa thì lại đến xin con đem về nhà mà thôi. Cái công cuộc xã hội ấy đã kích thích rất mạnh vào một tâm hồn giàu tình cảm như của Phúc... trông thấy sự tận tâm rất

đáng khen ngợi của một ông giáo học, người thư ký và của những người khác nữa thuộc nhân viên của nhà hội về sự săn sóc lũ trẻ mà con mắt trưởng giả hẹp hòi của đời có thể coi là bẩn thỉu, khó thương, trông thấy những phương pháp chép của Âu Tây mà bọn trẻ ấy được hưởng từ lúc ăn, lúc học cho chí lúc nô đùa, Phúc cảm động hết sức, kính phục không biết đến thế nào mà kể. Đến lúc được chào người hội trưởng nữa, thì lòng kính phục của Phúc trở nên một thứ ngưỡng mộ có tính chất tôn giáo của người sùng đạo trước hình tượng đấng Cứu Thế nữa. Anh ta đã phải vui mừng tự hỏi: "Chà! Ở cái xã hội này mà lại có thể có được một người đáng kính trọng đến bậc này sao? Ở cái nước Nam khốn khổ, xấu xa này, mà lại có được một sự tốt đẹp thế này hay sao?"

Kể ra thì sự hoan nghênh ấy cũng là hợp lẽ lắm, vì người hội trưởng là một bà già gần tám chục tuổi mà thiên hạ gọi nôm là cụ cả Mộc, vẫn tận tâm săn sóc lũ con cháu thiên hạ ấy chẳng kém con cháu của cụ và lại còn phải lo sao cho hội khỏi đóng cửa, bầy trẻ thơ kia khỏi bị vô thừa nhận một lần nữa, bởi có các hội viên rất hay quên đóng tiền.

Nếu quá lạc quan đi nữa, Phúc cũng không dám tưởng rằng ở đời lại có thể có một người đàn bà góa chồng, không con, vốn giàu có, mà lại hy sinh cả cuộc đời của mình, vui lòng để sản nghiệp riêng tiêu mòn trong công cuộc xã hội, "miệng ăn núi lở" như thế mà vững được cho đến lúc già lụ khụ, mà già cả như thế rồi cũng không giảm lòng từ thiện chút nào, quên cả mình, quên cả gia đình, chỉ vì cái vấn đề cơm áo của lũ trẻ kia.

Nghĩ thế xong thì Phúc tự thấy hổ thẹn đáng khinh bỉ không còn để đâu cho hết. Mãi đến lúc ấy, anh mới hiểu rằng những tư tưởng hoài nghi và bi quan mà anh vừa có, gốc tích là tấm lòng ích kỷ nhỏ nhen mà ra. Anh vội giao hẹn ngay với chính anh rằng từ nay trở đi thì chính anh không nên tin ngay cả anh nữa, việc gì cũng phải nghĩ lại rất thận trọng mới được. Sau cùng Phúc thở dài, vẫn còn giận mình để mắng mình "tự nhiên ta được hưởng tới mười vạn đồng, thế mà ta đê tiện đến bậc không bằng một bà cụ già..." Nhưng ngay sau đấy, anh lại phì cười, vì nếu nói thế thì chẳng những một anh mà thôi, trong thiên hạ, hằng hà sa số những trượng phu, tai to mặt lớn, lương đống đại gia, khai quốc công thần, mà cũng không bằng bà cụ già ấy. Muốn cắt đứt sự bứt rứt lương tâm, anh gật gù khẽ nói với mình:

– Năm trăm! Phải lắm, ta sẽ biếu cụ năm trăm.

Cụ Phán bà thoáng nghe thấy sợ tái mặt đi, vội hất hàm cho cụ ông vội để ý. Nhằm lúc cụ ông cùng để ý lắm, nên trông thấy cụ bà tái mặt, cụ ông cũng đâm hoảng, cái xe điếu rơi khỏi môi và khỏi tay... Cụ sặc thuốc lào, cụ ho một hồi rất dài tưởng chừng đến rách cổ. Chị Phúc, cô Đức cũng ngơ ngác nhìn nhau...

Chợt lại thấy Phúc vui vẻ hỏi một cách ngây thơ:

– Thầy nhỉ, năm trăm bạc, thế đã là một số tiền to chưa?

Cụ Phán ông lại giật mình một lần nữa, ngẩn người ra, không biết đáp thế nào cả. Còn cụ bà thì không dám nói leo, điều ấy là cố nhiên, nào ai thèm hỏi tới mình! Cụ ông tự vấn: "Quái thật! Nó muốn cho mình năm trăm à? Chỉ có thế rồi thôi hay sao? Mình đẻ ra nó, thì phải được hưởng số tiền mười vạn ấy cho đến lúc quy tiên mới được! Chứ lẽ nào...! Hay nó cao hứng muốn thưởng mình năm trăm để khao cái ngân tiền năm ngoái và rồi cưới con vợ lẽ chơi?" Nghĩ thế rồi ông cụ chẳng ngần ngại đáp:

– Năm trăm bạc thì có gì gọi là số tiền to!

Phúc trợn mắt thật to lại hỏi:

– Chết nỗi! Năm trăm bạc, "thì có gì"?

Ông bố lại ngất ngưởng cái đầu:

– Chứ không ư? Kể năm trăm đối với người nào khác thì có lẽ cũng đủ là to... Nhưng với cậu, bỗng chốc trời cho có trong tay hàng mười vạn, thì thế lại là nhỏ.

Phúc ngồi dậy, xỏ chân vào giầy, tuyên ngôn:

– Thôi thế thì ít ra tôi cũng phải biếu cụ một nghìn.

Bà mẹ, vẫn chưa thủng chuyện, nhưng cũng đã hơi mừng. Thôi thì một nghìn bạc, nó cho ông ấy hay mình cũng thế, miễn có cho thì thôi... Bèn vui vẻ nói:

– Phúc đức quá! Thế biếu cụ nào đấy?

Thấy bố mẹ đều vui vẻ sốt sắng như thế, Phúc chẳng còn sợ bị ngăn trở nữa, tức thì cắt nghĩa:

– Biếu cụ ấy là cụ cả Mộc, một bà cụ già góa chồng từ lúc còn trẻ, mà đã hy sinh cho công việc xã hội, làm hội trưởng một hội thiện nuôi hàng trăm con nhà nghèo, tức là Hội Tế Sinh. Biếu cụ đây

không phải là biếu riêng cụ, nhưng là quyên cho quỹ hội mà cụ trông nom... Phải đấy, mình mà lại không bỏ nổi nghìn bạc ra, thiên hạ nó cũng chửi.

Hai vị phụ mẫu của nhà tư bản đã bắt đầu lấm lét nhìn trộm nhau. Cụ bà thề ngay với thiên địa quỷ thần quyết không tha thứ cho cụ ông về cái tội dám cho năm trăm bạc là nhỏ. Nhưng vốn có cái óc thông minh vặt của những viên chức trung thành không khi nào chịu ông sếp mắng dầu là quả có tội, cụ ông không run sợ về vẻ mặt hình như thốt nhiên mà sa chữ hãi của cụ bà. Cụ chỉ đau đớn, xót xa, muốn ngẫu hứng nên một bài thơ cổ chửi cái thói đời đen bạc một vố chơi.

Lại thấy Phúc sốt sắng nói:

– À, thế này thì tuyệt! Để đấy, mai kia có đem tiền xuống hội thì thầy đẻ cùng đi với con! Con sẽ để cho thầy đẻ được cái hân hạnh đặc biệt cầm tiền đưa trao tay cụ cả Mộc, và như thế là thầy đẻ đã làm được một việc từ thiện, một việc phúc đức to tát bậc nhất, chưa có ai làm nổi.

Ông bố cố gượng cười để pha trò:

– Giá dụ con để cho thầy cái hân hạnh đặc biệt cầm nghìn bạc ấy để lại trao tay cho thầy thì còn hơn.

Cái giọng "Kẻ Bưởi vơ vào" ấy rõ mới đáng ghét làm sao! Phúc bị cụt hứng tức thì thấy lộn ruột lắm, không thể tha thứ được nữa. Anh ta nghiêm nét mặt lại, đáng sợ như một vị bạo chúa, hỏi xõng:

– Tôi nói đùa với ông đấy à?

Cụ Phán không dám ngẩng mặt lên nữa. Cụ cầu Giời khấn Phật sao cho cái giận của con cụ chỉ đến thế mà thôi, chỉ vùng vằng lên gác.

Bây giờ bà vợ mới dẩu mỏ lên mắng đức ông chồng vô tích sự:

– Ừ ừ! Rõ cái mặt kìa! Đã biết sướng chưa? Ấy là cả người ngợm không đáng nửa đồng xu mà khẩu khí lại to đến thế! Năm trăm bạc, có gì! Rõ nối giáo cho giặc chửa!

Giậu đổ bìm leo, vợ Phúc cũng làm một câu:

– Thầy rõ thật là ăn không nhai, nói không nghĩ!

Cô Đức xưa nay vốn ngoan ngoãn lắm, vốn rất sợ bố nữa, thế mà lúc ấy không thể không dám nói:

– Thầy thì rõ lẩm cà lẩm cẩm, phiền quá! Bị tổng công kích dữ dội thế, cụ ông vẫn dịu dàng:

– Ô hay! Thì nào tôi biết đâu! Thấy cậu ấy kêu "biếu cụ", tôi tưởng cậu ấy biếu bà, cho nên tôi cũng đỡ lời hộ, ai ngờ đâu lại đến nông nỗi ấy!

Cụ Phán bà cũng nguôi nguôi, tuy chẳng cảm ơn cụ ông. Vì Phúc đã lại xuống đây kia, nên không ai dám nói gì nữa. Đã nghe thấy cả, Phúc rất phiền. Anh hiểu ngay tại sao chẳng có một ai làm nổi một việc gì khác thường, trong đám thiếu niên. Mà chỉ vì người ta, ai cũng có bố, mẹ, vợ, em gái. Không muốn việc của mình bị phản đối, dẫu là ngấm ngầm, tức thì anh tuyên bố dứt khoát:

– Thôi đừng có ai sợ nhé! Thằng này đã không là thằng đểu, thì nó không hưởng cả một mình đâu! Được được, không vội gì phải om lên! Rồi thì ai ai cũng có phần cả! Không để ai mất phần đâu mà sợ!

Nói xong, Phúc mới thấy mình đã làm như một người phát chẩn cho ăn mày, cho dân đói, khi thấy trật tự của hàng ngũ bị phá vỡ mà phải nói cho đám chúng sinh đừng có xô đẩy hoặc chửi bới lẫn nhau. Thấy mặt mũi ai cũng vui tươi sáng quắc lên, anh yên trí, cho rằng những người ấy chỉ đáng nghe thứ ngôn ngữ ấy là cùng.

Chợt mấy vú già ngoài cửa hàng chạy vào thưa:

– Mợ, cô ra xem là ai: Có khách ạ.

Cả vợ lẫn em Phúc chạy ra, rồi thấy lào xào:

– Thì tôi đã nói là ông ấy đi vắng! Không ạ, quả thật là đi vắng chưa về. Vâng, không biết bao giờ về... Dạ? Vâng được, để bao giờ về, chúng tôi xin thưa... Vâng, mai các ông đến sớm... Vâng, đúng chín giờ sáng các ông đến.

Rồi cô Đức chạy vào, hí hửng:

– Bọn nhà báo đấy, anh ạ. Em đã tống khứ họ đi cả!

Phúc rất vui, tuy rằng anh không biết mình đã tỏ ở chỗ thiên hạ, mà lại giới báo nữa, xin vào hầu anh cũng khó khăn như xin vào quan Thống sứ. Anh khen cô em và hứa rộng rãi:

– Được, thế là ngoan lắm, rồi anh sẽ cho dăm nghìn.

Cô gái trẻ mỉm cười, cúi đầu tự nhủ rằng thế thì từ nay mà đi, bất cứ ai đến hỏi cũng phải đuổi đi ngay tức khắc.

Nhưng lại thấy chị Phúc vào với một lá danh thiếp, Phúc gắt:

– Rõ khỉ lắm nữa! Đã bảo đi vắng mà lại...

– Người này nên tiếp... Người này gạn bán cái... cái gì nhỉ? Cái vi la ở đường Quan Thánh đây. Cậu định mua ngay ô tô, thì có ngay biệt thự chứ?

Phúc đành gật đầu, tuy anh sợ ở dưới xóm, Tấn đã nóng ruột.

Khách là một người đứng tuổi, vận âu phục, có răng vàng trong miệng, bút máy vàng ở túi áo, đồng hồ vàng ở cổ tay. Lời chào của khách là những câu chúc rất nhã:

– Rất hân hạnh được ngài tiếp ngay thế này... Xin có lời mừng ngài, và chúc ngài rằng với cái tài lộc tự nhiên ấy, ngài sẽ bốc lên hàng trăm vạn nữa.

– Không dám, cảm tạ tiên sinh. Xin tiên sinh an tọa.

Được ngồi, khách vội giở cái cặp to ra, rút một đống giấy, nói liến thoắng:

– Thưa ngài, nếu ngài tậu ngay cho cái biệt thự này thì ngài mua rẻ được năm nghìn bạc đấy ạ! Chẳng nói giấu gì ngài, tôi đương kinh doanh về mỏ, gặp hồi khó khăn... Bán thế này lỗ mất năm nghìn, mà phải bán. Bẩm nhà ba tầng, xi măng cốt sắt, kiểu tối tân. Có đủ lò sưởi, máy nước, vệ sinh máy. Bếp rất rộng, lại thêm hai mẫu vườn.

– Ngài tha lỗi nhé, thế này thì khí không phải, nhưng tôi phải đi đằng này tức khắc, mà tiệc này là can hệ, vậy xin ngài để sáng mai...

Người kia chẳng hiểu có điếc không nhưng cứ nói nữa:

– Vâng, hai mẫu vườn! Cứ một cái chuồng nuôi công của tôi cũng đã đáng ba trăm bạc! Lại có bể bán nguyệt, có giả sơn cao hai thước năm mươi. Vườn hoa đẹp mắt lắm, các thứ cây quí cả, quả đã gần ăn được... Đây là văn tự, địa đồ, đây là ảnh tòa nhà ấy, mới chụp vì sợ ngài không thèm quá bộ đến thăm... Bẩm giá đáng vạn rưỡi, nay chỉ xin ngài cho đúng một vạn.

Phúc cố gắt:

– Vâng, vâng thế thì đây có hai cụ tôi, ngài cứ việc nói chuyện với hai cụ tôi xem sao... Còn tôi thì xin phép ngài phải đi, mai ta lại gặp nhau nữa.

– Bẩm, nếu thế cũng được ạ.

Cụ ông và cụ bà thấy bỗng dưng ông con lại cho mình cái quyền to tát ấy thì sướng đến nở mũi. Bấy giờ cụ bà mới gọi pha chè mạn

sen tiếp ông kia. Hai con cụ thì tranh nhau cái ảnh chụp tòa nhà để xem như đồ trẻ con. Phúc bắt tay ông chủ mỏ đương hầm vận ấy, rồi ra đi.

Ra đến đường anh mới biết rằng người đến bán nhà cho anh cũng đi xe hơi Ford hẳn hoi. Trông trước nhìn sau cả một phố không thấy tăm hơi một chiếc xe cao su nào, anh rất bực tức. Phải đi bộ mất ít bước, anh cáu, nói một mình như một kẻ phàm phu tục tử, thật xứng đáng với tư cách những quân đột khởi thấy bất cứ sự nhỏ nhặt gì cũng là đại họa:

– Biết nông nỗi thế này thì mua mẹ nó ngay cái xe từ chiều!

VII

NHỮNG CÔNG ĐỨC ĐẦU TIÊN

Thích quá, đưa mắt đến đoạn ấy, Tấn không thể không đọc rõ to:

– "Những bông lúa sai quá thường làm gãy mất ngọn cây, cái cành phải rơi, khi những quả trĩu trịt là quá nặng cho nó, cây quá sai thì không kịp chín nữa, ấy cũng in như thế cho nên sự cực kỳ khoái lạc đã hại mất bao nhiêu tấm linh hồn: Hại người khác và hại cả mình, nhất là hại mình!"

Đọc xong, Tấn nhìn Phúc một lúc rồi khen:

– Tư tưởng hay quá! Này anh, quyển sổ tay này phải đóng bìa da nhân thể mới được!

Đương nằm dài trong một chiếc áo khoác Nhật Bản trên một cái ghế, ngả lưng nệm nhung điều, một chân đặt trên một cái đầu hổ, Phúc thản nhiên đáp:

– Anh vứt nó vào lò sưởi cho tôi!

Cho rằng bạn nói đùa, Tấn lại hí hửng đọc:

– "Một người sung sướng quá thì cũng như một đứa kẻ cắp nhà nghề, sớm chầy thế nào cũng bị tóm cổ!" Tuyệt thật, sao mà anh khéo góp nhặt được ở sách nào những tư tưởng triết lý thâm trầm đến thế này nữa! Ồ, quyển này nhất định phải đóng bìa da đi thôi, mà đóng đẹp nhất nữa!

Phúc mỉm cười thương hại, khi mắng bạn:

– Rõ đồ ngu!

Tấn cứ đưa cho người nhận đóng sách đứng sau lưng anh mà dặn:

– Quyển này nữa là hết! Ông liệu khuân về nhà ông đi!

– Bẩm vâng.

– Mà quyển ấy ông đóng thêm, đừng tính tiền nữa, phải đóng rất đẹp vào đó!

– Bẩm vâng.

– Tất cả thế là ngót hai trăm rưỡi rồi?

– Bẩm vâng, xin cảm tạ hai quan.

Trông thấy những đống sách vuông cao lù lù, người nhận sách yêu cầu:

– Bẩm xin các quan cho gọi vài người cùng khuân xuống giúp cháu thì mới chóng việc được.

Phúc phán:

– Anh gọi tất cả chúng nó lên giúp người ta.

Tấn ra một góc nhà bấm vào sáu cái ổ chuông điện, tức thì tài xế, bồi, bếp, thằng xe, người làm vườn và đứa ở gái cùng hộc tốc chạy lên một lúc như để cứu hỏa. Khi mọi người đã khuân hết các sách xuống, khi người chủ tiệm đóng sách đã khom lưng vái một cái dài, Phúc giơ tay ngăn lại:

– Khoan đã! Ngần ấy sách thì ông đem về hiệu bằng cách nào?

– Bẩm quan, con đi xe tay.

– Mấy cái?

– Bẩm, dễ phải chất lên năm xe mới đủ.

– Thôi, thế để tôi cho ông đi xe ô tô của tôi mà về. Những sách của tôi là sách quý cả, chở bằng xe tay nếu không rơi cùng đường thì những tay cu ly mó vào cũng đến bẩn hết!

– Bẩm nếu thế thì con đội ơn quan lớn lắm lắm.

Phúc đưa mắt Tấn:

– Anh bảo tài xế hộ.

Tấn vỗ vai người chủ hiệu đóng sách:

– Hả nhé? Đi nhận hàng như thế đã sướng chưa?

Tuy đương bưng một chồng sách ngất ngưởng, người chủ hiệu cũng khom lưng chào một lần nữa, đến nỗi chỉ suýt nữa thì sách đổ lung tung.

Lúc Tấn quay lên, Phúc đã sang phòng giấy, đứng ngắm cái tủ sách mới đóng giá trăm bạc. Anh nói:

– Đầy được cái tủ này thì cũng khá lắm rồi. Tấn gật đầu:

– Phải, thì mất đến nghìn bạc.

– Không phải tôi muốn nói đến số tiền to. Khá, là nói cái giá trị tinh thần, tức là cái học thức của mình.

– Nếu vậy thì phải chờ khi nào đọc hết tủ sách chứ.

Phúc so vai:

– Điều ấy thì không cần lắm, thật thế. Cứ trông thấy mình có nhiều sách, thiên hạ chúng nó cũng đủ sợ mình là tay học thức uyên bác, gớm ghê... Mình có đọc cả sách hay không, ai mà biết?

Tấn cười, phê bình gọn:

– Đã đành!

Phúc ngồi xuống ghế mơ màng hồi lâu rồi tiếp:

– Thôi, thế là xong... Rồi thì là tôi sẽ thực hành cái lý tưởng ở đời của tôi! Không phải làm gì cả, được mặc thích ăn ngủ và đọc sách mãi mãi. Và viết sách nữa, nhưng mà khi nào thấy cao hứng lắm mới viết, vì nếu đã viết thì sách phải hay mới được. Đấy anh xem, tôi vẫn chẳng ước ao thế là gì? Nhưng bây giờ thì là sướng, vì tôi sắp thực hành được cái mộng đời của tôi. Và tôi dám chắc rằng tất cả những ai đáng gọi là có chút học thức ở đời, đều cũng phải mơ mộng như tôi cả. Có phải thế không?

– Có khác là khi họ giàu rồi, thì họ không phải ước ao thế nữa.

Phúc phân bua ngay:

– Đấy anh xem: Có phải tôi vẫn trung thành với những ước vọng của tôi không? Có tiền tôi nghĩ ngay phải mua sách.

Tấn còn hoài nghi:

– Hãy cứ thử xem chứ chắc gì. Người ta ở đời, hôm nay còn nghĩ thế này mai thế khác.

– Tôi thì quyết không bao giờ tôi thay đổi.

– Anh đã thay đổi rồi.

Phúc trố mắt, coi lời ấy thực như sự sỉ nhục chi đó. Tấn nói ngay:

– Thì vừa rồi đây chứ gì! Những tư tưởng của anh đã chép vào sổ tay, ắt anh đã cho là tốt đẹp... Thế mà anh đã bảo tôi vứt vào lò sưởi, và mắng tôi là đồ ngu.

Phúc cười trừ mà rằng:

– À, ấy là vì những tư tưởng ấy không còn hợp nữa đấy chứ.

Tấn hỏi kháy:

– Chứ không phải là vì anh đã thay đổi?

Không đáp thẳng, Phúc cứ tiếp:

– Tôi vẫn nói với anh rằng làm cái thằng tài giai ở đời thì phải để lại chút di tích gì cho đời! Nếu mình có khuynh hướng về văn chương mình phải làm văn. Nếu mình là thợ vẽ, mình phải đạt được ít ra là một bức danh họa. Bất cứ nghề gì miễn sao đã tỏ mình là có một cái tài. Chứ nếu ở đời mà cốt ngày ăn hai bữa, thiết tưởng thằng ăn mày nó cũng ăn ngày hai bữa, còn yến hay cơm nguội thì có khác gì nhau, vì lúc đậy nắp quan thì thằng ăn mày hay thằng trọc phú cũng như nhau mà thôi!

Tấn cũng nghĩ đến cái lý tưởng riêng của mình. Theo một lời khuyên hợp lý và một lời hứa có thể hão huyền của Phúc, Tấn đã bỏ phăng cái nghề cạo giấy, xin thôi việc, để đến với Phúc như một người thư ký riêng. Là vì Phúc đã hứa với Tấn rằng nếu Tấn tìm được một cách buôn bán chi có lợi, thì Phúc sẽ hùn thêm vào để hai người buôn chung. Tấn sẽ được đứng chủ tuy số vốn Phúc hùn vào có thể to gấp đôi hay gấp ba của Tấn. Số tiền bốn nghìn trúng số, anh này chỉ tiêu mất có hai, vẫn còn giữ được hai, Tấn thấy thế ít quá, nên không dám bỏ hãng Bảo hiểm như ý đã định, và đó là Phúc đã lôi bạn ra ngoài cái vòng thầy ký khổ. Hôm kia, Tấn muốn bạn bỏ thêm tiền cho mình đứng chủ một gánh hát Nam Kỳ, đi hát dong. Phúc đã lắc đầu, kêu nên tìm một công việc gì đứng đắn, chắc chắn hơn thế, vì sợ Tấn lại chỉ mê một cô đào hát nào đó nên mới định mạo hiểm thế. Tấn đã thất vọng lắm, nhưng biết làm gì bây giờ? Đã đâm lao cố nhiên phải theo lao... Anh biết anh vẫn có thể kiên nhẫn được nữa đấy, nếu giữa hai người không có những điều khó chịu lặt vặt. Điều khó chịu thứ nhất là Tấn bị vợ bạn coi mình bằng thứ mắt nghi hoặc, lắm khi lại lên mặt như bà chủ nữa. Còn những điều khác là ở cái tính thật thà của Phúc, đối với người bạn tâm giao! Rất

nhiều khi Phúc hay mắng bạn, hoặc nói sống sượng. Xét kỹ ra, nếu ở đôi bạn cùng nghèo hay cùng giàu thì cái đó chẳng sao đâu, mà trái lại, chỉ tỏ ra sự thân thiết của hai người mà thôi. Nhưng bây giờ hai địa vị đã đảo lộn trái hẳn nhau, mà Phúc thì lại không biết rằng một khi mình đã giàu hơn bạn ắt phải nhịn bạn thì giây liên lạc mới khỏi sự đổ gãy. Phúc lại cứ như thường nghĩa là như ngày xưa. Cho nên nhiều khi Tấn giận, tưởng bạn khinh mình, hợm của.

Như ngày vừa rồi, cũng vậy. Tấn khó chịu lắm. Phúc đã nói cái lý tưởng ở đời, đọc sách, viết văn... Vì Tấn không có cái ham muốn ấy, không có khiếu làm văn, nên tuy Phúc chỉ là thật thà mà bị bạn coi là mình lên mặt, nói sỏ. Tấn đã nghĩ: "Ừ, thì nó viết văn, nhưng ta thì ta làm gì? Nếu không để lại dấu tích cho đời thì là không ra hồn người, vậy thì nó chửi ta không phải là người đó sao?"

Chẳng nghĩ kỹ, Phúc lại tiếp:

– Thật thế, mang tiếng là nam nhi ở đời, thừa bát ăn mà lại không làm được một việc gì thì nhục một cách lạ.

Tấn lại nghĩ: "Ừ ừ, nó lại kiêu ngạo! Không có ta thí cho hai chục bạc, dễ bỗng nó được thế này! Có bạc vạn rồi, không có ta chỉ bảo cho những cung cách phong thê, để nó bỗng chốc nó đã thông thạo thế này! Nó không biết rằng nó quých, rằng xưa nay vốn nó gàn, và chẳng có ta thì, dẫu đã trúng số mười vạn, bất quá nó cũng chỉ bất thành nhân dạng mà thôi?" Rồi nông nổi Tấn hỏi:

– Anh đã chắc nếu anh viết sách thì tên tuổi anh sẽ mãi mãi lưu truyền hậu thế?

– Không phải là dám chắc, nhưng cứ cố gắng chứ? Cái gì bất tử là cái khó lắm, nhưng có khó mới quý.

Tấn cười nhạt:

– Theo ý tôi anh muốn bất tử rất dễ.

– Gì vậy?

– Anh cứ đem mười vạn ấy ra mà phát chẩn.

– Ủa! Anh này điên hay sao?

– Vì tôi biết tính anh rõ hơn ai. Xưa nay anh có ao ước giàu đâu? Xưa nay anh chỉ khao khát làm việc từ thiện.

Phúc lắc đầu:

– Anh này bây giờ gàn một cách khó chịu.

Tấn cũng chẳng kém:

– Xưa kia chính anh đã gàn, bây giờ té ra tôi lại gàn. Dễ hiêu lắm, vì khi ta có tiền rồi, thì ta không gàn nữa, không từ thiện nữa, không ngông hão cái mồm nữa.

Tấn nói vậy chỉ là vì thích phản đối, nói để mà nói, thế thôi, chứ có ngụ ý gì đâu. Nhưng Phúc thì lại tưởng bạn chửi mình, coi mình giàu mà đểu.

– Ô hay! Anh muốn gì nữa. Tôi đã bỏ ra giúp thiên hạ và họ hàng nhà tôi nghìn rưởi bạc rồi! Tôi giúp họ hàng nhà tôi thì tôi cũng vẫn từ thiện chứ sao?

– Nghìn ruỡi, đã mấy tí!

Đến đây Phúc cáu cực điểm, cả lòng tự ái lẫn lòng tri kỷ của anh đều đã bị thương. Đáng lẽ anh chỉ mắng: "Câm đi đồ ngu!" anh mới sướng mồm, nhưng vì thấy sự thế nghiêm trọng quá, anh phải cố cắt nghĩa:

– Lạ thật! Đến anh mà cũng lại công kích tôi như người ta thì thôi thôi!

Tấn nói chữa:

– Không, tôi chẳng công kích anh đâu. Ấy là nói đùa đấy.

– Sao lại đùa? Trong cái đùa, ít ra cũng phải có một phần trăm tính chất cái thật, chứ không thì ai lại đùa? Vậy thì tôi thử nói anh nghe nhé! Thí dụ tôi trông thấy một vạn người bị nạn lụt, bị nhà cháy v.v... Lôi họ khỏi cảnh cơ hàn bằng cách nào? Cho mỗi người một hào ư? Thì họ ăn được hai bữa, rồi họ cũng chết đói. Cho họ một đồng? Thì họ được hai chục bữa, ấy là thí dụ mình dám cho phăng đi một vạn đồng. Hỏi rằng kết quả có đáng số tiền bỏ ra không? Làm sao cho xuể được? Một vạn người tiêu mất một vạn đồng, chẳng ai làm nổi điều gì có ích chung, chi bằng tôi để riêng cho tôi, để tôi làm cho tôi một sự nghiệp riêng! Chẳng thà để vạn bạc ấy buôn bán, sinh lợi, mở mang kỹ nghệ, nuôi thợ thuyền cũng là có ích lắm, mà lại hơn phát chẩn, nếu một vạn ấy sẽ để lãi thành mười vạn nữa, lúc ấy ta sẽ phát chẩn cho một vạn đi cũng vẫn chưa muộn kia mà! Ừ! Bây giờ thì tôi có mười vạn đấy, nhưng tôi không làm phúc vội! Tôi chờ khi nào mười vạn của tôi thành ra trăm vạn tôi sẽ làm phúc nhiều hơn! Sợ muộn ư! Bao giờ lại thiếu số người để ta phát chẩn cho mà sợ.

Nghĩ cũng chẳng nên làm mất lòng ông bạn giàu, Tấn gật đầu lia lịa:

– Phải lắm! Nếu thế thì anh nói phải lắm!

Phúc còn gặng hỏi:

– Anh đã tin chưa? Anh đã thấu triệt chưa?

– Biết rồi! Biết rồi!

Hồi lâu, Tấn thêm:

– Vả lại, nói cho cùng thì nào ai công kích anh đâu? Trái lại các báo hoan nghênh anh cũng đã dữ lắm đấy chứ!

Phúc thú nhận:

– Tuy vậy, lúc nào tôi cũng lo họ chửi tôi. Thật thế, tôi xin cam đoan với anh rằng mười đêm nay, tôi không được ngủ ngon như hồi lúc còn kiết xác.

Tấn bấm đốt tay rồi đáp:

– Ừ, mà anh cũng giàu mới được đúng mười ngày.

– Thế mà đã phải chịu cái khó nghĩ ngợi như trong mười năm!

Câu nói ấy là câu thành thực của Phúc vì chưng anh chưa có cái thói quen của các nhà tư bản để mà giàu điếc sang đui, nghĩa là để mà bưng tai không nghe thấy và bịt mắt đi cho khỏi trông thấy những lời, những cảnh có thể kích thích lương tâm của mình. Tấn nhìn lại thì thấy bạn trông tuy có vẻ đẫy đà, cái mặt trông tuy có vẻ phì nộn, song quả nhiên cái trán có mấy nét nhăn rõ rệt nó làm cho thần thái có vẻ già hẳn đi, mặc dù cũng có oai vệ và đẹp đẽ thêm ra. Tấn lại cười thầm: "Gớm cho cái khí phách con người! Ấy là mới mất chưa đến hai nghìn bạc mà đã đau xót thế!" Tự nhiên Tấn thấy cái cần phải nhắc lại để khoe nữa một cách khôn khéo:

– Chết chửa! Thì ra tôi trúng số có bốn nghìn mà số tiền tôi bỏ ra làm phúc cũng tới ngót bốn trăm.

Tấn tưởng sẽ được phục, chẳng ngờ Phúc nói ngay:

– Thế là anh dại chứ!

Đến đây, hai người im một lúc lâu, không ai nói gì nữa, Tấn lại chăm chú ngắm nghía bạn để ngạc nhiên rằng mới trong có mười ngày, mà những cử chỉ của "thằng ngọng bắt được cái đinh" khi xưa, nay cũng chẳng còn ngượng nghịu trong thứ y phục trưởng giả tột bực, trong cái cảnh trí tráng lệ nguy nga... Còn về ngôn ngữ thì chẳng phải... ngôn, vì Phúc vẫn đã có những giọng nói kẻ cả khinh

đời ngay từ khi hãy còn kiết xác. Tấn phải tin rằng con người ta ở đời cũng có một số phận. Và số Phúc là số hưởng thụ, chứ chẳng nên bảo là chó ngáp phải ruồi đâu. Vì nếu không sao Phúc lại khôn ngoan thế? Phúc chẳng tỏ ra bối rối trong cảnh phú quý chút nào! Mới giàu được có mươi ngày, Phúc đã xử sự như kẻ giàu từ trong trứng giàu ra. Tấn chỉ còn chưa phục số phận về chỗ này, nghĩa là sao Phúc chẳng có hề tha thiết đến đồng tiền bao giờ, mà sao lại được hưởng như vậy.

Sau khi nghĩ thế, Tấn phải tự hỏi: Hay cái câu Thánh nhân hay đãi khù khờ chẳng chỉ là một câu phương ngôn thôi, nhưng còn là một công lệ? Hay cái lẽ bí hiểm của tạo hóa nó là thế này: đối với ké vốn thờ ơ đồng tiền thì cho có tiền, còn đối với những hạng chỉ có nghĩ đến đồng tiền, cả một cuộc đời lăn lóc vì tiền, có thể hy sinh danh dự bố mẹ, vì tiền, thì lại bắt càng xoay xở lắm chỉ càng sảy vảy, hành hạ cho điêu đứng, cho ê chề, cho nhục nhằn "Anh chàng này đem so số tiền "giời ơi" mình được hưởng với số tiền của bạn, rồi mới nghiệm ra rằng xưa kia bạn khinh bỉ đồng tiền hơn mình nhiều lắm. Sau cùng, Tấn chịu hàng phục số mệnh đến bậc, quả nhiên thấy Phúc xứng đáng lắm, rất có thể làm chủ mình lắm, và chẳng những chỉ đáng làm chủ một mình mà thôi.

Ấy thế là cái anh bạn giàu của Phúc xưa kia mà bây giờ chỉ còn là người bạn nghèo, thì trước sau vẫn trung thành như nhất, trung thành ở cả tư tưởng! Cho hay nước chảy cũng là thói đời, nên chỉ những sự ghen ghé+ những tư tưởng phản phúc của loài người, tuy là dễ phát sinh như trộm cướp vào hồi tao loạn, vậy mà ở trường hợp này trong đầu óc Tấn, chỉ là một vài ý nghĩ thoáng qua, như gió nồm vào lúc trưa hè, như cái bong bóng xà phòng trước gió, để tỏ rằng số Phúc tốt cung nô bộc, còn tha hồ vượng của, và Thần Tài lúc nào cũng như là mới bắt đầu khởi sắc mà thôi. Cho nên Tấn nhắc:

– À, chiều hôm nay, trạng sư Thảo mời anh ăn cơm.

Phúc giật mình:

– Ấy chết, tí nữa quên! Thế có phiền không!

– Sao?

– Cả một đêm hôm qua tôi, dự định đêm nay thì đi đằng ngài. Thế này thì ra mọi sự lại lộn phèo cả! Phiền thật!

– Nhưng vào địa vị tôi, thì tôi chỉ cầu được bị phiền như thế! Anh vẫn chả thường khoe: mỗi bữa cơm với trạng sư Thảo là anh được lợi nghìn bạc, là gì?

– Thì cố nhiên! Nhưng mà... rồi thì cái gì mà người ta không chán, dẫu là cái lợi!

Hồi lâu, Phúc lại tiếp:

– Nếu mình được lợi, ắt người ta cũng được lợi bằng mình, nếu không lợi hơn... Duy có cái này thì thật thần tình, nghĩa là phàm cái nhà nào mà trạng sư Thảo mách mình, thì y như là giá rẻ, vì chủ nhân toàn là những anh cố cùng cả! Chỉ có điều này là đáng sợ: nghĩa là cứ đi ăn cơm với ông ấy mãi, thì bao nhiêu tiền mình cũng sẽ tậu nhà hết, không làm được việc gì khác nữa.

– Vậy từ bấy giờ đến nay, anh đã tậu mấy cái nhà, tất cả đáng bao nhiêu tiền.

– Đây, anh thử cộng qua hộ tôi xem.

Phúc đưa ra một quyển sổ tay nhỏ. Tấn ngồi xuống bàn, lấy bút chì dò chép ra giấy tính toán rồi nói:

– Ba vạn, bảy nghìn, chín trăm mười lăm, ấy là chỗ tiền tiêu bằng ngân phiếu.

– Anh không cộng nhầm đấy chứ?

– Không thể nào nhầm được.

Phúc gật gù mà rằng:

– Ừ, có lẽ đúng đấy. Tôi tính nhẩm vẫn biết rằng đã tiêu mất ngót bốn vạn trong mười hôm nay thôi...

Rồi Phúc so vai nhăn nhó tiếp:

– Mà mới tậu được có năm tòa nhà! Thế có chết không? Trước kia tôi tưởng trúng số mười vạn, ít ra phải có lấy hai chục nóc nhà là ít... Vậy mà bây giờ, mới có năm nóc nhà, mà đã mất hết bốn vạn rồi. Thế có chết không! Còn có sáu vạn bạc, thì làm được trò khỉ gì nữa! Rõ nguy quá!

Tấn cũng ngạc nhiên hỏi:

– Lạ nhỉ! Năm cái nhà sao đã hết bốn vạn? Phúc gần phát cáu:

– Nguyên cái mình ở này đã một vạn rồi nhé? Thế lại bốn cái liền nhau ở hàng Đào mỗi cái năm nghìn là đi ba vạn nhé? Thế cái ô tô năm nghìn nữa, có phải là ba vạn rưỡi không? Còn năm nghìn thì làm phúc mất ngót hai nghìn, ba nghìn tiêu vặt...

Tấn chỉ còn biết đáp:

– Ừ nhỉ!

Phúc lại cau có, khổ sở:

– Ấy là chưa đâu vào đâu đấy. Ấy là còn bao nhiêu thứ phải mua phải sắm đấy! Mười vạn, khốn nạn, có gì đâu mà ai cũng bảo là nhiều!

Phúc xòe bàn tay ra, phân bua:

– Có phải thế không?

Nhưng Tấn vội vã cả cười mà rằng:

– "Nhân dục vô nhai" [1] các cụ nói chẳng sai tí nào!

Phúc lườm Tấn một cái không thèm nói gì cả.

Hai người xuống thang, vào phòng tiếp khách. Phúc đi đi lại lại, ngắm nghía những bức danh họa Tàu, bày lại một cái lọ, sửa lại một nhành hoa, lấy ngón tay phủi một ít bụi trên gỗ, trên kính,... với một thứ say đắm nồng nàn như ta hôn hít mân mê áng đào kiểm [2] của nhân ngãi, chẳng bao giờ lại chán. Nếu anh có thời giờ, hẳn anh còn đi lau đồ đạc cả một lượt chứ cũng chẳng để phần cho gia nhân. Anh ngồi vào ghế ở góc này, ngắm nghía xong lại ra ngồi ghế ở một góc khác, cố hưởng tất cả cái tráng lệ, hào nhoáng ấy. Chợt vợ anh ở phòng bên cạnh sang.

– Thế nào cậu? Mười giờ rồi.

– Cái gì thế?

– Ô kìa! Tối hôm qua cậu đã hứa với em là bây giờ thì đưa cho em, để em mua...

– Nào đã có tiền đâu!

– Thì cậu ký "sách" [3] cho em ra băng lấy chứ sao!

Phúc đứng lên, vùng vằng:

– Gớm nữa, vợ con thế này thì rồi vỡ sọ, thật thế.

Nhưng vợ anh cố phân trần cho gãy nghĩa:

– Khổ lắm, em nói mãi cậu cứ không nghe ra! Em bảo cái nhẫn kim cương ấy mà có tám trăm thôi, là rẻ không biết đến đâu mà kể. Cả bà luật sư Thảo, cả bà Đốc Hải cũng đồng ý với em. Không mua ngay, lỡ họ bán mất! Cậu tiếc em sao? Thế thì còn trời đất nào nữa!

---

1. Lòng ham muốn của người ta không có giới hạn.
2. Má đẹp như quả đào.
3. "Sách": séc.

Cậu phát tài hàng mười vạn, cậu lại không làm quà nổi em một cái nhẫn tám trăm hay sao! Nhất là sắp đến ngày kỷ niệm ngày cưới chúng ta rồi!

Vì xưa nay Tấn chẳng còn lạ gì những chuyện nhà của Phúc nữa, nên lúc ấy, Phúc cũng chẳng ngại nói trước mặt bạn:

– Kỷ niệm thì làm quái gì! Tôi còn nhớ rằng cũng vào dịp kỷ niệm này năm ngoái, thì mợ tuyên bố với gia đình nhà mợ rằng rất phải hối hận vì lấy tôi!

Lời ấy khiến cho người đàn bà lặng người đi, giận chồng không để đâu cho hết. Và nói:

– Thế thì cậu bỏ ngay tôi đi, tôi xem?

Phúc cười nhạt:

– Sự thực thì xưa nay chỉ có mợ hay bỏ tôi, quả nhiên tôi chẳng có đả động gì đến chuyện ấy bao giờ!

– Thôi chẳng qua chỉ bởi cậu hết, chứ đã là vợ một người như cậu mà không có nổi cái nhẫn kim cương thì cũng nhục!

Phúc cũng nửa nạc nửa mỡ:

– Còn tôi, tôi cũng xin nói cho mợ biết rằng làm chồng một người vợ như mợ mà lại không biết lừa vợ, mà lại không có vài cô nhân tình, thì cũng nhục.

Sốt ruột, Tấn khuyên bạn:

– Một sự đã không từ chối được thì thà ưng thuận phắt ngay đi, có hơn không?

Muốn nâng cao giá trị của người bạn nghèo, Phúc nói:

– Ấy là vì có lời nói hộ của bác nên tôi nể đấy!

Rồi anh ký ngân phiếu xé đưa một tờ cho vợ. Người đàn bà reo lên như trẻ con, có lẽ là để chữa thẹn:

– Có thế mới được! Đấy tôi đã muốn gì thì chồng tôi ắt phải chiều tôi!

Nhìn theo vợ, Phúc so vai thở dài. Anh thấy người đàn bà ấy rõ mới vô duyên làm sao! Lúc nào anh cũng không quên rằng đối với vợ, xưa nay anh chẳng biết cái gì là ái tình, dẫu là cái thứ ái tình chán ngắt của những cặp vợ chồng. Vả lại... biết sao được! Vợ anh chẳng hề cho anh biết cái gì là đầm ấm của tao khang, mà chỉ cho anh được biết cái gì là sự khinh bỉ, là sự chán chường, là sự cay đắng, là lòng phẫn uất.

Phúc nhớ đến Bích tiểu thư. Người ấy lấy anh mới xứng đôi, và, nếu vậy, thì thử hỏi: cuộc đời anh ngày hôm nay tốt đẹp ra làm sao! Nhưng than ôi, anh còn nhắc tới chuyện ấy mà làm gì! Phúc thở dài, đành phải nghĩ đến Bích, cô đào rượu. Anh đã toan bĩu mồm nhưng tự nhủ: "Cũng còn hơn là không". Vả lại, xưa nay khi anh quay lại xóm ca trường, tất cả bọn chị em cố nhiên, đối với anh đã có thái độ khác trước. Anh đã là một ông vua, nếu một ông vua cũng chỉ được cung tần mỹ nữ độ như thế ấy mà thôi. Vốn khinh người rất mực, cái gì cũng coi thường, cũng không ngạc nhiên nữa, Phúc không hề để ý đến cách vồ vập của Bích, hôm nay nó khác với sự hợm hĩnh của Bích ngày hôm nọ... Người sung sướng vốn dễ tha thứ, cho nên Phúc không nhớ đến hận cũ, cử tọa hưởng kỳ thành, và ngay đêm ấy, trong khi nằm bên khay đèn bàn tính với Tấn về tương lai. Phúc không quên nghĩ đến sự để giấu Bích ở một nơi, rồi thỉnh thoảng anh đến hú hí chơi, vô đạo đức một chuyến cho nó sướng cái thân.

Sự dự định ấy, anh đã gần quên hẳn, vì bận rộn tậu nhà, tậu xe hơi và những việc lôi thôi khác của một người bỗng chốc mà giàu. Nhưng hôm nay, thình lình ý kiến kia trở lại với sức hồi ức của trí nhớ. Bây giờ, anh đã đúc nhà vàng, chỉ còn thiếu người đáng ở cái nhà ấy thôi. Và đó chính vợ anh làm cho anh có cái tư tưởng ăn chơi.

Chính là vì cớ ấy mà Tấn bỗng đâu thấy Phúc nói tử tế với mình như thế này:

– Anh Tấn, thế anh đã nghĩ đến hạnh phúc riêng của ta chưa?

Tấn giật mình đáp bằng một câu hỏi:

– Anh muốn nói gì vậy?

Phúc lại còn làm ra mình là người văn chương mà rằng:

– Khi anh đã đúc nổi một cái nhà như thế này thì anh còn thiếu cái gì?

Chẳng hiểu hôm nay vì sao mà Tấn bị họa lai thần ám. Xưa nay anh ta vốn rất hoạt bát, có duyên, chứ nào có phải hạng dù dò, ngôn bất xuất khẩu cho cam! Ấy thế mà bây giờ, chẳng khác gì hoàn toàn mất trí khôn, Tấn đáp lại bạn một cách vô nghĩa lý:

– Ừ, thiết tưởng anh phải mời cụ ông cụ bà đến đây ở mới phải chứ, chứ riêng hai vợ chồng anh thế này, ở rộng quá, bỏ phí quá.

Phúc đành bỏ cái hứng để phân trần:

– Tôi mời mãi, ông bà tôi không đến đấy chứ! Anh có hiểu tại sao không? Chỉ vì ông bà tôi sợ ở cái nhà to thế này, thì họ hàng ra vay mượn, ỷ eo điều nọ tiếng kia, nếu không cho vay. Vả lại, ông bà tôi, ngoài ý ấy ra, lại còn muốn phân bua với thiên hạ rằng dẫu sao thì vẫn không thèm nhờ tôi, ấy thế.

Tấn lại khuyên bạn:

– Dẫu cụ trái thế nào anh cũng phải cố khuyên cụ, chứ không thể vì thế mà anh thôi. Thiên hạ rồi người ta nói.

Phúc đã đến lúc bực mình:

– Miễn mình đối với bố mẹ không có điều gì trái lương tâm, thế là đủ rồi. Còn bố mẹ tôi đến ở nhà này hay không, cái ấy là bề ngoài thôi. Và tôi xin nói thẳng anh biết rằng anh là đồ ngu, ấy thế.

Tấn trợn mắt:

– Tôi, là đồ ngu?

– Bẩm vâng!

– ?...

– Vì rằng khi tôi nói đến "đúc nhà vàng" thì không phải là để mời anh đả động đến cha mẹ chúng ta, mặc lòng anh sắp có thể đổ bừa cho Đức Khổng tử đã nói thế này, đã dạy rằng thế nọ...

Đã hiểu ra, Tấn cả cười mà rằng:

– À, nếu vậy thì tôi có thể viện rằng đức Khổng tử hình như quả thật đã có nói: "Ta chưa hề thấy kẻ nào mà lại có hiếu với cha mẹ cũng như hiếu sắc".

– Đó mới là chân lý, mà lại một chân lý mà ta chẳng có nên làm gì để cho nó thành ra sai lầm.

– Bẩm vâng, thưa ngô huynh, thế thì ngu đệ quả thật đã là đồ ngu hẳn hoi! Vì khi ngô huynh nói đến nhà vàng, và hạnh phúc riêng của chúng ta, thì đệ phải nhớ ngay đến Loan và Bích.

– Được lắm, thế thì ngu đệ không còn ngu nữa.

– Nhưng xin phép ngô huynh cho đệ được cãi: không có lý cả hai nàng sẽ đến ngự được cái nhà vàng này!

– Khi ta nói đến cái nhà vàng này, tức là để cho ta phải nghĩ đến một cái "boát" [1] khác.

---

1. *Boát:* (tiếng Pháp: bo^te) cái nhà, nói thân mật, xuồng xã.

Tấn nghiêm sắc mặt để tự hỏi: "Người ta có thể thay đổi bụng dạ nhanh chóng đến thế này hay sao? Trước kia ta vẫn cho rằng bạn ta chính là một vị chân hiền, cái đạo đức là đáng làm gương mẫu cho tuổi trẻ..." Bây giờ, ta đã rõ sự đời hay chưa? Thôi phải rồi, thì ra xưa nay có lẽ những nhà đạo đức toàn là bất đắc dĩ cả, không có tiền nên chẳng hư thân mất nết được thôi. Vậy thì ta nên vỗ tay hoan nghênh sự suy vong về tinh thần này có cho ta được dịp lợi dụng, hay là chỉ nên ô hô khóc cái mất luân lý của một người bạn hiền mà ta đã định bụng noi gương đấy?".

Rồi Tấn hỏi:

– Thế anh định thế nào?

Không đỏ mặt một tí teo nào cả, Phúc đáp:

– Phải chuộc hai ả ra, vớt hai ả khỏi "bể trầm luân" ngõ hầu hai ta đỡ khỏi bị cái nạn đêm nào cũng có thể bị mọc sừng! Tổ chức một cái gareonnière[1] để thỉnh thoảng chúng ta đến với hai ả cho xứng đáng cái mặt nam nhi! Nếu có thể tậu ngay một căn nhà nhũn nhặn ở một phố vắng vẻ để hai ả đến đây khóa buồng xuân thì thú nhất, nhưng chưa thể tậu ngay được thì âu hãy tạm thuê. Khi người ta trúng số như chúng ta thì không phải là để cứ sống cái đời đạo đức đáng chửi hoặc chỉ làm những công cuộc từ thiện vô vị. Vậy thì tôi cho anh toàn quyền trong việc này. Anh cố trổ tài hùng biện như thế nào cho Tú Bà đừng có quen thói thấy bở thì đào, thấy mềm thì đục...

Văn chương nào mà lại có thể tả được cái sướng của Tấn trong lúc ấy? Đối với anh, bây giờ Phúc mới thật là người bạn tâm giao. Trước kia, Phúc mới chỉ là tri kỷ lắm rồi, ấy là lầm vậy. Trước kia, Phúc mới chỉ là người bạn đáng phục mà thôi, nghĩa là một người bạn chưa hẳn giống mình, có thể trọng mà không yêu, vì không thấy có tính xấu nào giống với mình cả. Bây giờ, đã có thể khinh bạn cũng đồng bệnh với mình, Tấn thấy có thể yêu được Phúc hơn xưa. Hơn nhiều! Cho hay cổ nhân đã nói không sai: Kẻ nào muốn được ta yêu rõ nhiều, kẻ ấy phải có thể để cho ta khinh bỉ được một chút.

Phúc lại hỏi một cách đứng đắn:

– Thế nào, anh vui lòng nhận cái trách nhiệm lớn lao này chứ?

---

1. Tiếng Pháp: nhà chỉ riêng cho đàn ông độc thân ở, thường để giao thiệp tự do với đàn bà cũng có nghĩa là nhà đàn bà dành tiếp đàn ông.

Tấn ôm bụng cười ngặt nghẽo và đáp:

– Thưa ông, dễ thường tôi chê! Tôi rất đau lòng phải làm những việc khổ tâm ấy.

Hai người lại cả cười, có lẽ bình sinh cả hai đều chưa được sống những phút thần tiên ấy. Tấn giơ tay ra, nghiêm trang:

– Nào, tao xin bắt tay mày cái nào! Kể từ bây giờ trở đi, mày mới thật là bạn tri kỷ của tao... Bằng cái bắt tay này, tao xin thề sẽ trung thành với mày cho đến lúc lên thiên đường, mặc lòng sau này mày có thể hợm của mày sẽ đãi tao là thư ký riêng.

Bắt tay bạn rồi, Phúc ngẩn người ra.

– Lạ nhỉ! Có bao giờ ra ý đãi mày là người làm công đâu! Thế thì ra ít lâu nay mày vẫn hiểu nhầm cả.

Tấn xua tay vung lên:

– Không hề gì! Dẫu mai sau tao bị đãi là kẻ làm công, thì cũng chẳng sao! Cái lòng quí hóa đối với nhau, một khi nó đã tỏ ra, thì người ta cứ phải nhớ nó mãi.

Bỗng dưng trí luận lý của Tấn hóa ra sáng suốt một cách phi thường, để anh bồi bổ cho cái thuyết của anh:

– Đây này, tao phải nói kỹ thế này mới gãy nghĩa... Cái tình bè bạn của con người ta ở đời hay bị đoạn tuyệt chẳng qua chỉ bởi "không biết điều" của một bên. Thí dụ anh A chơi rất thân với anh B, anh A giàu mà anh B nghèo. Trong sự giao tình, anh B cứ hưởng mọi sự giúp đỡ, săn sóc, hưởng thụ của anh A thôi. Vì lẽ anh A không hề nghĩ đến cái sự nhỏ nhặt ăn miếng trả miếng, nên trước thì anh B lấy làm hân hạnh được hưởng sự tử tế của bạn, mà sau thì nghiễm nhiên coi mình là có quyền, là bạn có bổn phận phụng dưỡng mình, không có không được! Thế rồi thì... một ngày kia, nhỡ ra anh A có một điều gì sơ suất với anh B ấy thế là B chỉ còn nghĩ đến lòng tự ái và nhầm về cái quyền được hưởng của bạn ở mình. Ấy là có thể xa nhau. Trò đời nhan nhản những sự ấy cho nên mới có nhiều người than phiền là xử với bạn hữu tốt mà chỉ toàn gặp những quân đểu...

– Thế rồi sao nữa hở cậu?

– Ậy mà hãy im, vì tao cũng đã sắp kết luận!. Trong cái sự ấy cố nhiên B có lỗi với bạn rồi. Nhưng là chính A cũng chịu một phần trách nhiệm. Vì sao? Vì chưng cái gì nhiều quá cũng là dở, cho dẫu là

sự tử tế. A quá tốt, làm cho B quen tính đi, làm cho cái tốt của mình thành lệ đi. Được hưởng mãi cái tốt đến nỗi dám tưởng là mình có cái quyền hưởng sự tử tế, thì đến lúc không được hưởng nữa, B đâm oán hận chứ chẳng còn bình tâm coi là sự thất bại thường mà thôi. Mà A xưa kia càng tốt bao nhiêu, thì A bây giờ càng căm hờn bạn bấy nhiêu, và sự ấy cũng cố nhiên và dễ hiểu lắm. Cho nên kẻ nào muốn che đậy lòng ích kỷ để khỏi làm việc gì chịu thiệt thì chỉ nói: "Như vậy, chỉ xử thành lệ...

Phúc lại gắt:

– Sốt ruột lắm. Thế sao nữa hở đấng Thượng Đế?

Tấn còn cố thuyết:

– Nhưng mà tôi đây, thì tôi sẽ không khi nào là anh B kia. Được hậu đãi mãi, tôi chẳng dám cho tôi có quyền. Đến lúc không được hậu đãi nữa tôi cũng không dám oán hận bạn vô lý. Mà nếu bạn chẳng những thôi hậu đãi mà còn có điều gì hiển nhiên là tồi tệ với mình đi nữa thì tôi cũng không giận bạn chút nào! Vì lẽ gì? Vì tôi cần phải nhớ đến sự tử tế mà bạn đã cho tôi hưởng từ ngày xửa ngày xưa! Cần phải đem lên cái cân mà đo lường, nếu bên tốt của bạn là nặng thì dẫu cái tồi của bạn là dĩ nhiên, mình cũng vẫn phải nhớ ơn chứ không được oán thán. Nếu không thì ra vô ơn, chỉ kể cái tội mình chịu bây giờ chứ không nhớ cái phúc mình hưởng thuở trước hay sao? Ấy đấy, khi tôi đã biết nói như thế với anh, thì tôi đã tỏ tôi là "người biết điều" rồi, và anh bao giờ còn phải lo rằng bạn hữu anh không được chung thủy như nhất!

Phúc mỉm cười, hỏi Tấn một cách tinh quái:

– Sao bỗng dưng ông lại cao đàm hùng biện đến thế đó ông? Xưa nay chỉ thấy ông ăn càn nói dở là giỏi thôi, vậy mà hôm nay, sao những điều nghĩa lý hẳn hoi mà ông cũng nói được lơm lẻm?

Tấn cũng cười khẽ đáp:

– Đó là nhờ ái tình! Thật thế, anh không biết cái nỗi băn khoăn của tôi trong hai tháng nay. Loan đã có chửa với tôi, mà tôi không dám rước về nhà, cũng chẳng dám giấu một nơi, mặc lòng tôi trúng số bốn ngàn, được bố mẹ yêu quý hơn con cầu tự... Giữa lúc bứt rứt, may sao được lời... Vàng ngọc của anh giải quyết cho. Chứ không thì còn rũ người ra, câm như thóc, chứ lại còn nói năng gì nữa!

Phúc lại giơ tay ra:

– Thế thì lại xin bắt tay cái nữa nào!

– Bỉ nhân rất hoan nghênh! Và xin tiên sinh cứ việc nhớ rằng thế cũng là những công cuộc rất từ thiện đó.

Phúc bấm chuông, bồi chạy lên, anh sai rót rượu. Rồi cả hai cùng nâng cốc. Tấn nói:

– Ta mừng cho hai mạng người được vớt khỏi bể khổ.

Phúc:

– Không, ta hãy mừng cho cái tình bạn hữu của ta, và chúc nó sẽ bất vong, bất diệt. Chúng ta xin thề sướng khổ có nhau, sống chết có nhau!

– Lạ thật chứ nhỉ? Sao cả hai chúng ta lại cùng trúng số cả?

– Bạn hữu với nhau, cũng bởi duyên số như vợ chồng.

– Có lẽ thật thế.

– Điều ấy thì cũng đúng lắm, không phải còn gì nữa. Nhỏ nhặt đến sự ăn uống cũng còn bởi tiền định nữa là...

Đôi bạn cứ khật khà khật khưỡng rót lại cạn, cạn lại rót nữa, nếu không thấy bên ngoài, còi ô tô vang lên.

Uống hết hớp rượu, Tấn đứng lên:

– Thôi, đi ngay nhé?

– Ăn đã chứ. Đến giờ rồi còn gì?

– Thôi, sướng quá, không thấy đói, để bữa khác.

– Làm gì mà vội? Hãy ăn đã: bữa nay có hai món đặc biệt là gà gô và thịt hươu. Vả lại tôi xin nói thật anh đừng nên ra vẻ tránh mặt vợ tôi như thế. Anh cứ tự nhiên cho tôi! Anh là bạn thân của tôi, nếu tôi để vợ tôi ra ý ghẻ lạnh bạn thì mặt tôi ra chó gì?

Tấn đành lại ngồi xuống. Vợ Phúc cứ để xe hơi ngoài đường chạy vào nhà sầm sầm như tây đoan đi khám rượu lậu, nói nhanh như cãi nhau:

– Nào, không biết sắp được ăn chưa đây! Ăn xong tôi lại phải đi ngay: bà đốc Quỳnh, hẹn biếu tôi một con chó Nhật Bản, phải đến tức khắc! Bồi!

Trước sự kinh ngạc của hai người, bà ta bắt bồi đóng hết các cửa sổ. Bà bật một ngọn đèn ở góc phòng bên này để sang ngồi vào một đi văng ở góc phòng bên kia. Rồi bà hỏi một cách bí mật:

– Đã trông thấy gì chưa? Hai ông?

Không kịp để ý Phúc đáp:

– Đã, đã trông thấy một người đàn bà đương hóa rồ!

Nhanh trí Tấn cấu tay bạn rồi khen to:

– Cái nhẫn! Gớm, đẹp quá, bao nhiêu là hào quang!

Bấy giờ đã nhìn thấy rồi, Phúc cũng khen:

– Ừ, cái mặt nhẫn cũng có lẽ quý thật đấy.

Bà ta bĩu môi:

– Có lẽ! Đây này: đứa nào không bảo hạt kim cương này đáng giá nghìn bạc, thì nó là đồ mù!

Phúc cười nhạt:

– Suýt nữa thì tôi mù!

– Ấy chết, tôi trót lỡ lời, thôi xin lỗi ông!

Anh bồi tán một cách ngu ngốc:

– Bẩm, đẹp quá! Con thấy xanh, đỏ, trắng, tím, vàng, đủ cả ngũ sắc. Bẩm cứ đeo một chiếc nhẫn ấy thôi, thì bà ngồi chỗ tối đến thế nào, thiên hạ cũng phải trông thấy.

Phúc giao hẹn ngay với vợ:

– Ấy đấy, nhớ nhé? Vậy thì từ nay, cứ chỗ nào tối nhất thì đến mà ngồi!

Đồng hồ đủng đỉnh báo 12 tiếng.

Ba người sang phòng ăn. Bồi thay đĩa, dao, còn bếp, không có việc gì, cũng khoanh tay đứng đấy để nghe bà chủ dạy bảo, mắng mỏ...

Người đàn bà vô học này đã ăn ở như là bất cứ ai, nếu đã vô học thì cũng phải ăn ở như thế. Nào hạch món này quá mặn, món kia quá nhạt, món này nguội quá, món kia nóng quá, cái này chưa đủ ngọt, thức kia chưa đủ chua v.v.... Thật là một bậc giàu mới học làm sang. Nhưng trò đời thế, cái lúc trong nhà đã khá thì khá từ con mèo, con chó khá đi. Cho nên người bếp cứ giơ bộ mặt thản nhiên chịu mắng, chỉ dậm dạ thôi chứ không cãi, mặc lòng bà chủ thật tình thì chưa biết gì, vì ăn cơm tây cũng chưa thạo cầm phuốc sết, cũng chưa biết con dao. Vả những lời mắng mỏ ấy làm cho hai người đàn ông không nói được chuyện.

Phúc vẫn cười thầm vợ. Anh không ngăn... Cho rằng đàn bà thì chỉ còn cách được ra oai với đầy tớ nữa là sướng thôi, nên anh không

muốn tát cạn mất cái nguồn hạnh phúc của vợ. Thêm một lẽ nữa khiến anh cứ khoảnh độc như thế, ấy là nếu khuyên bảo thì sợ vợ anh không có ai để gây sự nữa, sẽ gây sự với anh, xin tiền anh, bắt mua cái nọ, đòi sắm cái kia, thì chí nguy! Bàng quan, Phúc chỉ bưng tai giả điếc, và lại còn quan sát những ngôn ngữ ngông rởm, những cử chỉ đài các nửa mùa ấy để răn mình đừng bao giờ giống thế.

Sau bữa cơm, vợ Phúc lại ra ngự xe hơi đi ngay. Tấn cũng vội vàng xin tạm biệt để đi công cán. Còn về Phúc thì hai cốc rượu vang làm cho anh choáng váng, chẳng còn biết trời đất là gì. Anh sang phòng khách tạm ngả lưng trên ghế dài, cầm lấy tờ báo buổi trưa. Không thấy báo nói chuyện gì đến mình, anh cho là không có chuyện gì đáng đọc nữa, vứt đấy và chợp mắt ngủ lúc nào không biết. Người bồi đã mang một cái chăn chiên mỏng phủ lên bụng anh, đã khép cửa, sau khi bảo cho các gia nhân khác biết là chủ đã ngủ thì bất cứ ai cũng không cho vào.

Đến khi Phúc chợt thức giấc, mặt trời xế chiều đã chiếu thứ ánh nắng xiên khoai... Anh thấy ngoài hiên bồi của anh gắt như thế nào:

– Bẩm không được ạ! Đến ông là vua thì con cũng không dám đánh thức ông con được!

Lại thấy người kia nằn nì:

– Ông ấy ngủ thế là lâu rồi, anh cứ việc đánh thức đi, nếu hề gì thì đã có tôi.

Lắng nghe kỹ, Phúc nhận ra đó là người anh ruột tức là ông Phán. Anh ngạc nhiên tự hỏi: "Vào dịp nào mà thằng cha lại đảo về được như thế này?" Anh đã toan mặc kệ, lại nhắm mắt ngủ thêm giấc nữa, bắt con người khả ố ấy phải chờ lâu nữa cho bõ ghét. Nhưng rồi anh lại thấy đó chưa phải cách hành hạ và trả thù, muốn cho ân oán rạch ròi, anh cần phải tiếp ngay mới xong. Thế là anh bấm chuông bảo bồi cho vào, sau khi mở toang cả các cửa.

Được vào, ông Phán rất mừng rỡ, tuy thấy em ông vẫn cứ nằm dài trên đi văng. Ông giơ tay ra hấp tấp nói:

– Chú! Rõ quý hóa quá, tôi phải đợi mãi.

Không bắt tay anh, Phúc vẫn cứ nằm, chỉ hất hàm bảo:

– Anh ngồi ghế đây.

Ông Phán không thấy ngượng chỗ thằng em không chịu bắt tay mình. Làm gì có đủ thì giờ! Ông chỉ kịp nhìn quanh một lượt cả cái

cảnh trí oai hùng và tráng lệ nó bao bọc chung quanh. Ông lóng cóng vén đuôi cái áo đoạn thâm, sợ hãi ngồi xuống cái ghế lùn, lấm lét nhìn người em rồi khẽ nhấc cái khăn lượt lên bên trên cái trán ngắn ngủn, có lẽ vì đã thấy nhức đầu quá. Rồi ông khen bằng thứ giọng nịnh hót nhà nghề của một viên chức đối với người bề trên:

– Đẹp thật! Chú nhanh thật!

Phúc cau mày hỏi:

– Cái gì?

– À, chú nhanh chứ sao! Mới có mười ngày mà chú tổ chức nơi ăn chốn nằm rõ ra vẻ đế vương. Tôi đã đi dạo khắp cả một lượt, thấy ngăn nắp và có bề thế lắm. Cái phòng khách này... để rồi tôi xin biếu cái lọ Giang Tây của tôi.

– Thôi đi! Xin ông! Ông đừng chở củi về rừng!

Ông Phán xoa tay, rất hàng phục, rất nhũn nhặn:

– Nào có gì! Gọi là có chút quà mọn lòng thành biếu chú. Vả lại cái lọ quý quá để bên tôi không xứng.

Lúc trước đấy, Phúc ngong ngóng đợi ngôn ngữ và thái độ của ông anh ruột vốn khinh bỉ mình, như trẻ con hí hửng đợi xem xiếc. Bây giờ, anh không còn dịp cười thầm, vì anh chẳng thấy gì đáng ngạc nhiên, anh rất bực mình vì đến cái thú ấy nữa mà cũng không được hưởng. Thái độ của người anh ruột dẫu nô lệ đến bực nào, Phúc cũng chỉ thấy ngạc nhiên mà thôi. Rõ chán quá đi mất! Cho nên anh đâm cáu, chẳng để lỡ cái cơ hội nói nghiến ấy:

– Sao bác nhũn quá thế! Chả gì bác cũng là quan Phán đầu tỉnh, dân đen vào cửa phải lạy quan lớn, phải chắp tay, gãi đầu gãi tai, sao lại bảo cái lọ không xứng với mình? Còn tôi, vô học, vô nghề nghiệp, ăn hại đái nát, ương gàn, đủ một nghìn cái xấu, giá không trúng số thì bất thành nhân dạng, nào làm được gì cho gia đình thơm lây.

Tưởng nói thế để bịt miệng con người vô sỉ. Phúc nào ngờ anh mình lại chờ đến bậc lợi dụng luôn mà thuyết một hồi:

– Chú cứ nói!... Đó là chú nhầm! Cái đời tôi là đời bỏ đi. Mang cái danh ông Phán thì vì đời nó chỉ chuộng thế, chứ nào tôi có dám tự cao, tự đại gì đâu! Ông Phán thì làm quái gì, thì ăn thịt được ai? Vào luồn ra cúi công hầu mà chi, huống hồ còn kể cái mạt hạng thông với phán! Khốn nạn lương ặn chẳng đủ, thân nô lệ lại cực đủ

trăm chiều, lắm khi Tây mắng cho như tát nước vào mặt, nó coi không bằng con chó.

– Ấy chết!

– Chứ không ư? Có ở trong chăn mới biết chăn có rận, bỗng không ai muốn tự hạ, mình lại nói xấu chính mình làm gì! Đấy chú xem, tôi đi làm ngần ấy năm, giúp nhà nào có được là bao, vì còn công nợ hơn Chúa Chổm, ăn bữa nay lo bữa mai muốn làm một việc gì tốt cũng không được, chỉ vì không tiền. Ấy có chú biết hẳn hoi thế đấy nhé, kẻo không lại bảo nói dối. Thấy chú cứ ngồi nhà mãi, tôi ái ngại quá, chỉ muốn đỡ cho chú một số tiền để chú chạy chọt, vậy mà có xong đâu? Tiền, nào có lúc nào lợi! Nhưng thôi, bây giờ Giời cho chú phát thế này, thế là may lắm. Tôi cũng mừng thầm lắm, vì gia đình nhà ta, hỏng tôi thì cũng may còn chú gỡ lại, chứ không thì hỏng bét bè be ra, chứ còn gì!

Đến đây, ông Phán thở một cái rõ dài, rõ ngán ngẩm.

Phúc thấy rằng sự đời thật là không thể tưởng tượng được nữa. Anh không bao giờ dám tưởng rằng loài người lại có kẻ xấu đến thế, đê tiện đến thế, và giả dối đến thế. Anh cho rằng dẫu mồm người ta có là thẹo gỗ đi nữa, thì từ cái khinh miệt đến cái tâng bốc ắt cũng phải có cái gì nó nối ở giữa cho liền hai thái cực kia. Gớm thật! Nhưng một ý nghĩ độc ác làm cho anh cứ vui vẻ nói:

– À, nếu vậy thì tôi hiểu ra rồi! Thì ra anh vẫn có bụng tốt với tôi! Nhưng khi anh sỉ nhục tôi là đồ ăn hại, mắng tôi là ương gàn, chẳng qua là muốn cho tôi trở nên tốt, và đó là chính sách của Dương Lễ đối với Lưu Bình vậy!

Một tia sáng bỗng hiện trên vẻ mặt ông Phán:

– Dạ, vâng! Thì chính thế! Chứ đã là anh em như chân như tay, chú nhỡ có chẳng ra gì thì cũng xấu cả tôi, đời nào tôi lại khinh bỉ chú thật? Ấy chẳng qua là khuyến thiện, là nói kháy nhau. Mục đích là để cho nhau ngày ngày mỗi hơn...

– À ra thế, vậy mà bây giờ tôi mới hiểu!

– Có gì là lạ? Tôi sỉ nhục thế nào được chú? Học thức của chú, nhân phẩm của chú, văn chương của chú, há lại chẳng là một vạn lần cái công danh và tính mệnh của tôi ư? Tôi đây đời nào tôi lại dám tự phụ là kẻ biết người biết của, đời nào tôi lại dám ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung như thế.

– Ô hay, thế ra tôi không gàn à?

– Gàn như chú, ai chả muốn gàn?

– Ô hay, thế ra văn chương của tôi lại không gàn?

– Thiên hạ cứ việc bán cái gàn của chú đi mà ăn! Gớm chửa, thế đứa nào dám bảo chú gàn? Ư, đứa nào?

Tuy vậy Phúc cũng cố nén giận, vờ ngây thơ cười mà đáp:

– Ô hay, thì chính anh chứ còn ai nữa!

Ông Phán chỉ biến sắc mặt có một giây, rồi nói một cách bình tĩnh:

– Tôi thì kể gì! Tôi chê văn chú còn gàn, ấy là vì muốn chú cố gắng hơn, viết văn sao cho... cho kiệt tác hơn, ngõ hầu tôi cũng được chút thơm lây. Vả lại những bài báo ấy tôi đã có đọc cả. Đạo đức, triết lý thâm trầm... tư tưởng rất cao thượng. Ấy ông tổ ngũ đại nhà ta cũng đỗ Phó bảng, hay chữ vào bậc quán thế văn chương đấy. Bốn đời sau tuy cũng xuất chính, song chỉ nhì nhằng như thầy và tôi thôi. Bây giờ, đến chú, cái cốt cách chữ nghĩa mới lại phát.

– Gớm đến thế kia à?

– Thì tôi đã nói rằng hỏng tôi nhưng may còn chú!

Phúc cười thầm, cho mình cũng giả dại làm ngây như vậy là đắc sách lắm. Anh chỉ có nóng muốn biết vì cớ gì ông Phán lại về, vì cớ gì, có những lời lẽ cực điểm quí hóa kia. Anh đưa ra hộp thuốc lá hồng mao [1] như để tỏ rằng mình thích chí lắm, rồi dễ dãi hỏi:

– Anh về có việc gì cần hay không?

– Kể ra cũng cần. Đáng lẽ tôi chỉ viết thư, nhưng mừng quá liền xin nghỉ về nhân thể thăm chú và thầy đẻ. Có lẽ số tôi khá, nên sự này mới gặp dịp làm sao! Chú ạ! Ý tôi muốn đi Tri Châu, mà quan thầy tôi đã hứa rằng chỉ lấy có năm trăm thôi. Bây giờ, ông quan thầy của tôi sắp về nghỉ, nhằm lúc đáng cho tôi cái đặc ân ấy... thì lại được tin chú trúng số độc đắc. Tôi sướng quá đi mất, vì làm gì chú lại chẳng cho tôi năm trăm, nhất là khi lại cần cho đường công danh tiến thủ của tôi. Anh em đồng sự ai cũng cho là tôi may mắn nhất.

Vừa đến đây thì cụ Phán ông cũng lại chơi. Cụ mới may cái áo lông cừu mấy chục bạc, lại chống một cái ba toong mới, trông rõ ra vẻ cụ cố lắm. Lúc cụ vào phòng, Phúc mới chịu ngồi lên. Một ý tưởng xỏ

---

1. *Hồng mao:* chỉ người Anh.

xiên, một cái ý muốn "ném xương cho chó tranh nhau" khiến anh gian ngoan làm bộ thật thà mà phân trần với anh và bố:

– Thế này thì khó nghĩ quá đi mất! Thầy cũng cần tiền mà anh cũng cần tiền, thì tôi làm thế nào bây giờ?

Ông Phán xanh mặt, đã đứng lên rồi, và không dám lại ngồi xuống ghế nữa. Cụ Phán cũng nhìn chòng chọc vào mặt người con trai cả mà cụ cho rằng lại sắp sửa dẫm lên chân cụ đến nơi... Cụ đã sắp nổi giận, chỉ còn chờ nghe cho thủng câu chuyện. Thì Phúc lại nói:

– Ấy đấy, tôi định biếu thầy năm trăm để khao cái ngân tiền đấy, anh cố điều đình thế nào cho cụ nhường anh mà hoãn khao thì tiền sẽ ở tay anh.

Chỉ một câu nói thế thôi mà cũng khiến cho hai cha con đều đỏ mặt tía tai lên, hầm hầm nhìn nhau như hai con ác thú trước một miếng mồi... Phúc lại lắc đầu quả quyết:

– Chứ lại bắt tôi bỏ tiền ra nữa thì xin chịu! Tiêu nhiều lắm rồi! Giá cái thân tôi chẻ ra được làm trăm mảnh thì tôi cũng chẻ ngay! Vì rằng có hưởng được cả một mình đâu! Hễ dính ai, cũng lại... tiền cả.

Ông Phán nói với bố:

– Việc của con cần hơn của thầy, thầy nhường cho con!

Tức thì cụ giơ ngay cây ba toong vào mũi ông Phán:

– Nhường... nhường... nhường cái đầu bố mày!

Ông Phán ngạc nhiên hết sức, cả Phúc nữa. Thật vậy, xưa nay ông bố chỉ có sợ sệt và nhường nhịn ông con mà thôi! Chẳng có ai lại chờ câu chửi bới ấy. Cố nhiên là ông Phán không thể tha thứ được, và nạt:

– Ủa, ông cụ này bây giờ sắp giở chứng à?

Con giun xéo lắm cũng quằn... Chính vì lẽ cả một đời phải hàng phục con mãi, đã nhiều phen tức uất lắm, cho nên cụ bố bây giờ mới để bật cái sức ép trong lá gan ra... Quả bóng quá căng hơi tức phải vỡ. Nhất là bây giờ ông Phán chỉ còn cái địa vị phế đế, mà người nắm quyền chánh, người thần thánh bất khả xâm phạm, lại là ông con thứ hai, cho nên cụ cố chẳng ngại cho ông con cả một trận tam bành.

– Ừ, ông sắp chết đấy, tiên sư mày! Mày cứ rủa ông đi, xem ông có đập vào mặt mày ra bằng cây gậy này bây giờ không! Đồ khốn nạn, đồ chó, đồ bất hiếu chi tử!

Không còn biết trời đất chi nữa, ông Phán chỉ còn biết đâm hoảng, run run ngồi xuống ghế cho khỏi ngã, và đần mặt ra. Cụ cố thì cứ đi đi lại lại như một con ác thú trong cũi sắt, cái gậy khua vung vung lên, cắt nghĩa rõ cái cơn thịnh nộ của cụ:

– Con với cái, thì ra mày chỉ biết đến cái cần của mày thôi, còn của bố mày, thì không có cái gì là cần! Thì ra mày không coi thằng bố mày ra cái gì nữa à? Tiền hàng của mẹ mày, cũng để trả nợ cho mày! bây giờ nữa, được nó cho năm trăm bạc để ăn khao, mày lại cũng định phỗng tay trên ông! Rõ cái quân... không còn có quân thần, phụ tử gì nữa!

Đến bây giờ thì ông Phán mới hiểu rõ, mới biết rõ cái địa vị phế đế của mình. Ông phàn nàn một cách ngoan ngoãn:

– Làm gì mà thầy nóng thế! Làm gì phải chửi rầm lên! Con tưởng việc khao vọng đã hoãn được một năm nay rồi, thì hoãn nữa cũng được, cho nên muốn xin thầy cho con vay...

– Tiên sư thằng bố mày!

– !...

– Vay... vay cái mả cha mày! Cả một đời mày, mày đã ăn không ăn hỏng của ông hết bao nhiêu!... Mày đã báo hiếu được bố mẹ mày bao nhiêu!... Cờ bạc, bợm đĩ, nghiện hút...!

Ông Phán đứng lên, cũng đã đâm cáu, nói rõ:

– Thì thôi! Thì là tôi mất toi cái tri châu chứ sao.

Nhưng cụ cố càng chửi được lại càng thấy tức hơn nữa:

– Tổ sư cha mày! Mày thử làm ngay tể tướng đầu triều cho ông xem! Mày đi tri châu hay không thì cũng kệ mày! Có hay thì vào xác! Chứ ông trông mong gì đồ vô phúc!

Ông Phán còn cố hỏi em một lần cuối cùng:

– Thì năm trăm bạc đối với chú thì có là bao mà chú lại chẳng bỏ thêm ra được cho tôi?

Đến bây giờ thì Phúc mới giở nốt cái đểu ra:

– Ông cứ nói! Năm trăm bạc dễ là năm trăm hòn cuội! Vả lại, người quân tử không có nói hai lời, dẫu là có khi đã biết rằng mình nhầm! Tôi đã nói: Trước khi đồng tiền sinh lãi mà chạy về, thì tôi không bỏ ra nữa! Ông không biết rằng từ hôm ấy đến nay, tiền chỉ có việc ở két chui ra đi tứ phương mà thôi.

Rồi anh ra vườn hoa bỏ mặc hai cha con "nhà ấy" ngồi đấy.

Chợt nhìn ra cổng anh thấy ông Đối! Vui mừng, ông này chắp tay vái anh, qua cái hàng rào sắt, Phúc ra mời người bác vào. Thì ra quần áo rách rưới, vì thấy nhà cửa ông cháu nguy nga quá, ông Đối đã đứng hàng giờ ngoài đường, không biết tính sao.

Phúc mời ông Đối vào phòng khách, và phải ngồi đối diện với ông bố. Lại được dịp chọc tức, anh tuyên ngôn:

– Bác ra chậm quá! Tôi chờ mãi bác, vì đã để phần cho bác một trăm... Bây giờ tôi hãy đưa trước cho bác năm chục, về chuộc lại nhà, chuộc lại đất. Xong rồi thì lại ra đây lấy nốt, về mà chuộc ruộng.

Anh phân bua nói với ông bố:

– Ấy đấy! Toàn là chuyện tiền mà! Mà sở dĩ tôi phải biếu ông Đối đến một trăm, ấy chính là vì ngày xưa thầy đẻ ăn ở thất đức lắm, đã không đãi ông ấy một bữa...

Sợ hãi quá, ông Đối chẳng dám nói năng gì, cứ khoanh tay co ro ngồi im. Mặt ông cúi gầm xuống, vì sợ cụ Phán, mặc lòng đã có Phúc đấy là quý nhân phù trợ.

Trông thấy bác rách rưới quá, Phúc gọi bếp lên bảo:

– Này mày dắt ông này lên ngay phố hàng Áo cũ cho tao... Đấy ông theo nó, tùy ông chọn thế nào cho nó lành lặn một chút. Đây tôi đưa cho ông năm đồng.

Hai người đi ngay.

Phúc khoanh tay hỏi ông bố lúc ấy ngồi yên như tượng:

– Thế nào? Thầy xem chừng có thể hy sinh cho anh Phán một lần cuối cùng nữa không?

Cụ cố nhạt nhẽo:

– Không, anh để số tiền ấy cho tôi!

Phúc bỏ đấy, ra vườn, anh thấy người anh nhẹ nhõm, khoan khoái và tinh thần anh như mạnh thêm lên. Và anh đã đứng lặng ngắm một đóa hồng như một nhà thi sĩ.

VIII

MỘT NGƯỜI NHƯ TẤT CẢ MỌI NGƯỜI

"Phúc đã đi ba tiếng đồng hồ, chân mỏi lắm, miệng khô lắm, bụng đói như cào... Anh nhọc hết sức, tưởng chừng đành phải ngồi liền xuống vệ đường cho chết nắng thế vậy, sắp hoàn toàn thất vọng, thì lại thấy ở đường xa một bụi cây xanh xanh. Anh cố lê hai bàn chân mỏi rũ rợi cho đến chỗ ấy, thì đó là một tòa nhà gạch, bên trong một gia đình đương ngồi ăn cơm rất hết sức vui vẻ. Anh nhìn vào rồi nhìn đến quần áo mình, ngạc nhiên hết sức, thấy rằng bộ y phục ấy đã rách, đã cũ từ đời nào, tuy nó chưa có vẻ của những thứ quần áo của những người làm nghề nhỡ độ đường. Anh mừng rằng mình chưa đến nỗi tiều tụy, lại lo ngay là mình như vậy thì có lẽ chưa đủ gợi lòng thương hại của những người ngồi trong kia. Tuy vậy, anh cũng nói vào:

– Thưa ngài, tôi là người nhỡ độ đường, xin ngài cho bát nước, tôi khát quá.

Nói xong, anh đứng chờ, anh rất hổ thẹn thấy mình đã thân tàn ma dại cả phần xác cũng như phần hồn, không hơn gì kẻ hành khất thực thụ nữa. Chờ mãi, ở trong mới thấy đứa tớ mặt sưng mày sỉa đưa ra cái gáo nước lã cho anh, Phúc uống một hơi hết cả gáo lấy cánh tay quệt ngang một cái... Nhưng khỏi khát xong, anh lại thấy đói một cách ghê gớm! Thật thế nếu không có lấy nổi bát cơm trong bụng, thì đến nằm đấy mà thở, mà chờ chết nữa thôi! Không còn cách gì khác, anh ta, sau khi nghĩ ngợi rất lâu, đành cố nuốt hổ thẹn lại nói:

– Thưa ngài, tôi đói lắm, ngài làm ơn cho tôi cái gì ăn...

Đứa tớ trợn mắt quát ngay anh:

– Đi đi! Lôi thôi cái gì? Lắm thứ thế?

Phúc ngượng lắm, nhưng cứ đứng im, nhìn vào mặt ông chủ đương ngồi ăn cơm ở bàn, một người béo tốt mặc quần áo lụa, trông ra vẻ giàu có lắm. Nhưng ông chủ không nhìn ra, chỉ cứ việc vừa ăn vừa nói chuyện với vợ con thôi. Chờ mãi cũng đã sốt ruột, lại thêm

thấy đói đói lắm. Phúc hỏi xin lần nữa, thì chủ nhân nhìn ra, giận dữ, rồi bỏ đũa bát đấy, đứng lên tiến ra phía anh...

– Mày là bố người ta đấy à? Sao mày cứ nheo nhéo thế? Có xin ăn thì cũng phải chờ người ta xong đã chứ, quân đâu có quân hỗn láo thế? Đi ăn mày mà hách thế à?

Phúc ngạc nhiên rồi cãi:

– Thưa ngài không, tôi chẳng là ăn mày tí nào! Tôi cũng là một người tử tế, cũng như ngài, nhưng chẳng may nhỡ độ đường mà thôi.

– Mày còn chối là không hành khất.

– Không! Tôi đã bảo...

– Thế vì lẽ gì mày nhỡ độ đường? Mày nhỡ độ đường từ bao giờ? Quê quán mày ở đâu?

– Tôi đã bảo ông rằng tôi cũng như ông kia mà! Nếu tôi về được nhà tôi sẽ quay lại đây đền ông một số tiền đáng giá một trăm lần cái thức ăn mà ông đã giúp tôi! Nhưng ông phải giúp tôi cho tử tế mới được.

– Mày bảo mày cũng như tao? Ông lại trói cổ mày lại bây giờ. Mày nhỡ độ đường thì quần áo mày phải khác thế này chớ? Quân ăn mày nhà nghề còn nói láo!

Phúc nhìn lại quần áo mình rồi ngẩn mặt ra mà thôi. Anh nhỡ độ đường từ hôm nào? Vì lẽ gì? Tại sao quần áo lại tồi thế? Lạ thật! Đến chính anh, anh cũng không nhớ gì cả, cũng chẳng hiểu câu chuyện xẩy nhà ra thất nghiệp của anh đầu đuôi ra sao?

– Có cuốn xéo đi ngay không? Ông lại cho chúng nó ra đánh cho một trận thì về với tổ tiên!

Phúc tức đến phát điên, muốn đánh ngay con người có mắt cũng như mù ấy, nhưng không làm gì được, một là vì đói quá, yếu lắm, hai là vì cũng chẳng biết mình có còn là mình hay mình đã là "ai" mất rồi. "Ai" đây tức là một kẻ ăn mày vậy. Anh ta chưa kịp quay đi thì đã thấy mấy con chó vàng chạy xộc ra cứ nhảy xổ vào chân anh. Phúc phải cắm đầu chạy một lúc lâu để mà ngã ngồi xuống vệ đường, bao nhiêu mạch máu trong người tưởng chừng như đã đứt cả. Anh thở hồng hộc, càng khát nước, vì mặt trời vừa thoát khỏi một đám mây chiếu ánh nắng xuống như đổ lửa. Anh rất lo sợ người ta đuổi theo để đánh anh mà không sao đứng lên được nữa. Rồi thì quả nhiên một người lính cảnh sát đến vỗ lấy vai anh tàn nhẫn lay anh một cách dữ dội, ghê gớm".

Phúc giật mình choàng mở mắt ra.

Bích vẫn gọi:

– Tỉnh chưa mình ơi, chín giờ rồi, dậy đi thôi, ngủ mãi!

Đến lúc ấy, Phúc mới biết rằng mình nằm mê. Anh lấy làm tiếc rẻ cơn ác mộng ấy và gắt:

– Rõ khỉ lắm nữa!

Bích cãi ngay lại một cách rất ngoan:

– Mình đã dặn tôi phải liệu đánh thức mình để mình đi những đâu có việc cần kia mà! Chín giờ rồi đấy!

Phúc lại nhắm mắt lại, vẫn tiếc cơn ác mộng ấy lắm. Một lát rồi anh đành mở mắt ra. Anh thấy hổ thẹn, vì trong mộng anh đã hèn hạ đến bậc quả đã có ngửa tay đi ăn mày... Nếu người chủ nhà đã cho anh bát cơm, ắt anh đã ngồi đầu hè mà ăn, như một người hành khất chánh tông, và như thế thì là một chuyện đáng than ôi! Nhưng... tại sao anh lại đến nỗi sa cơ nhỡ bước để mà có thể suy vong tinh thần đến thế được? Thật là chẳng còn biết đầu đuôi xuôi ngược ra sao?

Sau cùng Phúc mỉm cười, mới hiểu ra cái lẩn thẩn của mình. Đã đến chuyện mộng mị, đã đến chuyện mê ngủ, thì lại còn khi nào có nghĩa lý và đầu đuôi gì được! Rồi anh nhớ ra rằng đời xưa, có một người nghèo đã được tạo hóa cho một giấc hoàng lương [1] và bây giờ, đến lượt anh, trái ngược hẳn lại, vừa trúng số độc đắc xong thì được nếm trải một giấc mộng đi hành khất! Hoài của, nếu anh chưa bị đánh thức vội, ắt anh còn khổ sở nữa, còn hiểu rõ cái dã man của loài người hơn nữa. Nhưng mà như thế này, trong mộng bị khổ ít thôi, thì lúc tỉnh mộng cũng chỉ sướng vừa phải thôi. Phúc ao ước thỉnh thoảng lại sẽ được hưởng một cơn ác mộng như thế, họa may mới hiểu thấu triệt cái gì là hạnh phúc vì từ ngày trúng số đến nay, đã hai tháng trời, kể ra cho cùng thì anh cũng chưa hiểu nổi cái gì là sung sướng cực điểm như anh vẫn tưởng tượng lúc còn nghèo xơ xác.

Nghĩ vẩn vơ mãi cũng chán, anh bảo nhân ngãi:

– Này thắp hộ cái đèn.

---

1. *Giấc hoàng lương:* giấc kê vàng. Lữ Linh đời Đường vào quán trọ, chủ quán đang nấu nồi kê; chàng ngủ quên, mộng thấy thi đỗ, giàu sang, vợ đẹp con khôn, khi tỉnh dậy, nồi kê chưa chín.

Anh chỉ vào khay đèn phù dung [1] có đủ những khí cụ mỹ miều, lọc lõi, đáng giá bạc trăm, anh đã bỏ ra không tiếc tiền một tý nào. Bích sa sầm nét mặt rồi đi ra, làm như không nghe tiếng Phúc gọi:

– Bích, thắp hộ cái đèn đi!

Vẫn không thấy cô ả quay vào, cáu tiết, anh cất cao giọng:

– Nào thế có nhờ được bà một việc không thế, bà?

Đến lúc ấy, Bích vội chạy vào với một cái mặt hơi tái, cười nhạt để chữa cái ngượng, rồi lắc đầu khẽ nói:

– Chết mất! Thế này thì mấy lúc mà nghiện! trước kia hút đêm, bây giờ lại quen tính hút cả ban ngày nữa!

Nghe những lời than thở ấy, Phúc chỉ thấy đó là một sự giả vờ giữ gìn, một sự cản ngăn vô vị, nó chỉ tỏ cái tính cách nịnh hót không được khôn khéo cho lắm. Anh chẳng để ý rằng Bích đã nói đúng sự thực. Quả vậy, đã hơn một tháng nay, Phúc đã có vẻ say đắm ả phù dung lắm, và sở dĩ hay bỏ nhà mò đến Bích, trước còn vì nhục dục, mà sau là vì thuốc phiện. Cũng như đa số những người chỉ còn vài bước nữa là đến hố chết, Phúc không biết rằng mình sắp nghiện đến nơi... Anh thấy mới hút trong một thời gian ngắn ngủi thế thôi, thì chưa sợ mắc mà không gỡ được.

Vả lại thuốc phiện, anh thấy nó chẳng hại như xưa kia anh vẫn tưởng, lúc chưa biết mùi. Trái lại nữa, nó làm cho anh khỏe mạnh, nghĩ ngợi được nhiều điều xa xôi tuy nó cũng hơi phiền ở chỗ khiến anh không ngủ được. Nhưng thao thức ban đêm thì lại sẽ ngủ mê ban ngày. Và những khi dậy bao giờ là cũng thấy thú vị sau một đêm trằn trọc. Trong những tuần lễ ấy, cũng có vài ba lần anh trờn trợn lo sợ, muốn đoạn tuyệt phăng đi ngay. Anh lại tự hứa với mình ba lần rồi. Nhưng có ai hứa thưa nhạt với bàn đèn mà lại giữ đúng được lời hứa? Cho nên, đêm trước, khi bội ước với mình, anh đã chép miệng tự nhủ như thế này: "Cho dẫu mình nghiện nữa, thì cũng có sao đâu?" Mà thật thế vì khi người ta có bạc vạn, lại không phải làm gì, thì có lẽ nghiện là một thượng sách cho sự bảo vệ tài sản, là một cái dây hãm cho mọi tư tưởng xã hội, vị tha, có thể bảo là điên rồ. Anh đã chẳng thấy vô số bố mẹ giàu, kiếm cách bắt con nghiện đi để khỏi phá của đó hay sao? Cho nên sau những khi cầu cứu đến cái

1. Thuốc phiện.

triết lý cuối cùng ấy, thì Phúc lại hút, mặc lòng vừa hút vừa hối hận, hoặc là tự nhủ, rằng chỉ hút một lần nữa thì bỏ hẳn, hoặc nghĩ cách quăng.

Tiêm xong điếu thuốc, Bích vừa giơ ra vừa nói:

– Đây mời ông, ông cứ việc mà hút chơi cho!

– Khốn nạn, thân người ta, nếu người ta không lo, cũng chẳng việc gì đến mình cơ mà!

Vốn chỉ muốn được Phúc coi mình là vợ, cho dẫu vẫn biết là mình chỉ có địa vị non vợ chồng mà già nhân ngãi, cho nên khi phải nghe lời ghẻ lạnh ấy, Bích nói dỗi:

– Ừ, thì hút đi chứ sao! Cho dẫu nghiện thật rồi, thì cũng vẫn có thuốc chữa, chứ có gì mà sợ!

Tuy rất khó chịu, Phúc cũng im lặng, không thèm đáp, cứ việc đỡ lấy dọc tẩu. Anh súc miệng, uống nước, rồi lim dim mắt kéo một hơi. Đến bây giờ Bích mới nói:

– Thôi tráng miệng một điếu thôi, còn ăn sáng đã.

Phúc quay lại nhìn lên bàn. Cũng như mọi bận, bữa lót lòng của anh hôm nay cũng lại là ba quả trứng, một cái bánh, một cốc cà phê sữa. Anh khẽ thở dài càng thấy rõ là người đàn bà không xứng đáng hầu hạ anh. Lạnh lùng anh hỏi:

– Sao không bảo từ trước?

Bích cười và đáp:

– Tưởng phải có ít nhất là một điếu thì mới mở mắt được.

Phúc càng chán ngán, khinh bỉ bằng im lặng một lần nữa. Vì thấy háo lắm, anh cũng ra ngồi bàn ăn. Chợt anh hỏi:

– Đã ăn chưa?

– Dạ, em đã ăn từ lâu rồi.

– Sao không chờ cho vui?

– Chờ thì biết đến lúc nào anh dậy!

Vừa uể oải nhai những miếng bánh đã nguội, Phúc cau mày tự hỏi bằng một cách sửng sốt: "Kể cũng lạ thay cho ta! Ừ, vì lẽ gì mà ta đến đây, chung đụng với ả này như thế này? Duyên nợ gì lại có thứ duyên nợ quái gở đến thế này nữa!" Thật vậy, anh cũng phải lấy làm ngạc nhiên cho cả anh! Ừ, trúng số đến mười vạn, tưởng làm nổi

trò trống gì với đời, thế nào mà té ra chỉ được bộ lấy vợ lẽ giấu một nơi, mà lại cũng lấy vợ ả đào như mọi người, có thế thôi! Phúc nhìn mặt Bích, thấy đã xấu hẳn, chẳng có vẻ gì đáng cho anh mê, vì lúc ấy, người đàn bà chưa kịp phấn son gì cả.

Người đàn bà ấy cũng đã chạm phải cái lỗi thông thường của nhiều người đàn bà không biết rõ cái nghệ thuật trong cái nghề của mình: Chưa được hẳn là vợ mà đã lần khân y như một người vợ. Bích không biết rằng đáng lẽ mình phải khôn ngoan đủ ý tứ lắm lắm, chớ cho người đàn ông trông thấy mặt mình nếu mình chưa kịp trang điểm chớ vội có những cử chỉ và ngôn ngữ của một vị phu nhân, nếu mình chỉ mới là nhân ngãi, và phải nâng niu, chiều chuộng Phúc như thế nào cho anh chàng chớ đến nỗi phai lạt tình yêu. Bích cứ tưởng cái thời gian trên dưới dăm tuần lễ sống chung đụng nhau đã lâu lắm rồi. Bằng vào cái say đắm lúc đầu, cô ả đã tưởng ngay thế là đã có đủ bảo đảm chắc chắn cho cuộc sum vầy đời đời kiếp kiếp, không biết rằng khi kẻ nào đã có bạc vạn thì bất cứ sự gì kẻ đó cũng chóng chán, cho nên những mánh khóe đã dùng trên chiếu rượu nó làm cho anh đàn ông say như điếu đổ, chưa chi cô ả đã quên khuấy đi cả, cái tự phụ nhi nữ khiến Bích hay bất thần muốn được tổ mình đã là một người vợ, và cô ả chẳng hề lo rằng mình sắp gây cái khổ cho mình đến nơi.

Phúc thấy rõ mình là một kẻ điên rồ. Yêu một người, vì cái dung nhan của người ấy hao hao giống của một người khác, vì cái tên của người ấy trùng với người khác! Mà lại đi yêu cô đào, cái đồ chơi chung của bao người đàn ông đã hưởng trước mình! Thì sao anh không hỏi phăng ngay cô Bích tiểu thư làm lẽ có rảnh chuyện không? Ai cấm? Vợ anh cố nhiên là không rồi, vì hiện giờ, tuy là biết anh đã có nhân tình ả đào nuôi giấu một nơi mà không dám hé răng, sợ anh đến nỗi ghen chồng là cái nghĩa sống của nhiều đàn bà ở đời mà cũng không dám ghen. Còn bảo bị từ chối thì anh lại càng không sợ nữa, vì làm lẽ một người giàu bạc vạn có khi cũng là lý tưởng của nhiều thục nữ, cho dẫu ở thời buổi bây giờ và nhất là cái chân lý này cũng vẫn là cái chân lý: Có tiền,mua tiên cũng được. Nhất là Phúc đã thấy rằng mới trong vòng hai tháng nay, cô Bích đã cùng cô Đức đến chơi nhà anh đến ba lần, ra vẻ thân mật với vợ anh lắm, và lần nào thấy có anh ở nhà thì nói hết chuyện này đến chuyện khác, ngồi lại thì rất lâu, mà thấy anh vắng nhà thì đi ngay. Thêm nữa, cô Bích

dạo này chịu khó trang điểm lắm. Phúc đã dám đoán rằng thái độ ấy có lẽ là sự biểu lộ của một mối tiếc rẻ đau đớn, sẵn sàng cứu chữa cho mối tình tuyệt vọng ngày xưa của anh. Kẻ có tiền ở đời bao giờ cũng tưởng tượng mạnh, nhất là khi ngẫm nghĩ lại thấy nó hợp lý.

Nghĩ thế rồi, Phúc lại càng thấy rằng cái số tiền trên dưới xấp xỉ năm chục bạc mỗi tháng cung cho thị mẹt này thì nên đem vứt xuống sông để xem tăm thì còn thú vị hơn. Nhai miếng bánh cuối cùng, uống hớp sữa nguội lạnh cuối cùng, anh càng giận, và lầm bẩm: "Mỗi tháng năm chục bạc, mà nó cho mình ăn như cho... chó!"

Tuy vậy, anh vẫn không nói gì cả, chỉ lặng lẽ sang nằm cạnh bên khay đèn. Dù sao anh cũng không thấy háo nữa, và no bụng rồi, anh mới chợt nhớ đến giấc mộng, cho rằng vì mình đói nên mới nằm mơ thấy cái cảnh trong đó mình đã hèn hạ đến bậc ngửa tay hành khất. Anh giật mình thấy văng vẳng trong tâm hồn, như có người đương hát vào tai, cái đoạn ca dao bất hủ nghìn năm: *Ăn mày là ai? Ăn mày là ta, đói cơm, rách áo, hóa ra ăn mày...*

Nghĩ thế mà đủ giật mình, hoảng hốt lần nữa, ghê rợn cho cái bất trắc của ngày mai, gớm cho thói đời vô nhân đạo.

Cái gì nhỉ? Lúc giời cho hoạnh phát một bước nên giàu, thì tuy vậy, nào phải anh keo bẩn gì đâu? Anh đã quyên cho hội từ thiện bạc nghìn, giúp đỡ họ hàng bạc trăm. Vậy mà lúc anh sa cơ nhỡ đường, đói khát thì đời cho anh một gáo nước lã, rồi lại gọi chó đuổi anh chạy mất mật! Phúc còn nhớ rõ cái thằng béo núng nính mặc quần áo lụa đã căn vặn và xỉ vả anh trong giấc mơ. Anh ta nhất định coi cơn mộng mị ấy cũng là sự thật! Và vì lẽ giấc mơ như thế cũng rất có thể là sự thực được lắm, cho nên anh quyết không tha kết án ngay cho đời: "Đấy, xem mà xem! Đời đểu lắm! Cơn ác mộng ấy, anh chỉ còn tiếc nó không dài thêm nữa để xem người chủ nhà trong mộng còn tàn nhẫn với anh những thế nào nữa, anh chỉ tức sao "mèo" của anh lại vội đánh thức anh như thế thôi, chứ quả thật đó đã đủ là một bài học rất hệ trọng về nhân tình thế thái cho anh. Sau cơn mê, anh đã mở mắt ra, thì anh phải nguyền rằng dẫu không ngủ mê nữa, từ nay trở đi anh cũng phải sẵn sàng mở mắt cho nhanh, vì nếu làm việc thiện thì cũng in như làm việc ác cho nên phải biết sớm... tỉnh ngộ là thế! Không, thật quả vậy, anh chẳng nói đùa! Cuối cùng thì anh kết luận cách tự nhủ: "Thật thế, không thể tử tế với đời được. Tử

tế là dại"! Phúc chẳng biết rằng, một lần nữa, thần vị kỷ nhờ sự trợ lực của ả phù dung, đã lại chiếu thẳng vào cái tâm giới vốn tốt của mình.

Hút đến điếu thuốc thứ ba, trí não của anh đâm loạn, đưa anh lên cái thế giới khoái lạc trên mây xanh. Thấy trong người lại khỏe mạnh, khí huyết hình như mới cương thêm, anh mới nhớ đến cái tình dục đêm trước... Anh lại nhìn chòng chọc vào mặt người yêu... Khốn nạn, một người đàn bà không phấn sáp thì còn đẹp làm sao được, cho dẫu là kẻ đẹp nhất thế giới!

Cho nên Phúc phải phân vân tự hỏi thế này! "Cái khoái lạc ở đời, mà ai cũng bảo là nhất tất cả, há nó lại chỉ có thế mà thôi? Ta không tìm thấy nó ở vợ ta, cho nên ta phải đi cầu nó ở đĩ... Vậy mà ta không hề thỏa mãn chút nào cả, đến nỗi rồi chán đĩ như chán vợ mà thôi! Ồ! Ồ! Nếu thế thì còn nói chuyện mà làm gì! Nếu biết trước thế thì thèm vào! Rõ chẳng cái dại nào giống cái dại nào! Đã mang tiếng hư hỏng, dâm đãng, thì phải được thế nào cho bõ cái mang tiếng mới phải chứ? Nhưng mà, thôi thôi, hẳn ả này chưa đủ tư cách, chưa tới trình độ đó thôi! Phải, phải, một kẻ ngu si thế này, đã làm thế nào cho ta biết nổi sự đời cho được! Cho dẫu đến cái sự khốn nạn là cái sự dâm dục nữa, mà muốn tận hưởng nó, ít ra người ta cũng phải có đôi chút kiến thức... và dâm dục cho lành nghề, há đó chẳng là một nghệ thuật cực kỳ cao siêu đó ư? Vậy thì ta đã nhờ một ả đào phàm trần dắt ta đến cõi Bồng Lai, cho nên nó mới dắt ta đến cái kiệt lực, cái tiêu mòn thân thể, và chỉ cỡ đến cái tai hại ấy là hết chuyện!"

Phúc thở dài, chán đời... Anh lim dim mắt lại, tơ tưởng đến những hình ảnh đã thoáng qua trí nhớ của anh, một mỹ nhân người Huế, người Sài Gòn, những mỹ nhân Tây phương, đầm thật, đầm lai, nhất là đầm lai... Bao nhiêu thế giới lạ lùng! Bao nhiêu vẻ óng chuốt, ý nhị, mỹ miều, thần bí, ngây ngất, huyền ảo mà cái giống đẹp đã dùng để mồi chài, để cám dỗ, để khêu gợi, để nung nấu cái thứ tâm can thiết thạch, chẳng sắt đá chút nào mà chỉ mềm nhũn nhùn như của bọn đực, những thằng trượng phu rẻ tiền, những đứa nam nhi đáng giá ba xu cho dẫu là kẻ đến hạng thế giới anh hùng hoặc phú gia địch quốc... Không, quả tình là hình như anh chưa được nếm trải cái yếu ớt vô cùng mạnh mẽ của phái yếu! Tóm lại, anh chưa biết đời là gì!

Đã nhục nhã chưa!

"Cái thú vị tuyệt vời ấy, ta đây, ta giàu bạc vạn, đã chịu khó tiêu tốn bạc trăm vào việc ấy mà té ra ta chưa được hưởng, có thể bảo chưa hiểu mùi là cái chi chi, trong khi thiên hạ, dễ thường có lắm kẻ chẳng có xu nào, chẳng mất cái lông chân, mà đã tận hưởng!"

Rồi như đã tìm thấy cái nghĩa đời người, Phúc thở dài một cái rõ dài. Sự nghĩ ngợi về cái điều bỉ ổi ấy cũng làm cho anh bỗng dưng thấy khoan khoái tâm hồn như một thánh nhân khi đã nghĩ ra một phương châm tề thiên hành đạo vậy!

Phúc thốt nhiên ngồi nhổm dậy.

Không biết người yêu vừa có những tư tưởng nguy hiểm cho số phận mình, Bích lại nói đùa:

– Ô hay! Đã thôi rồi ư?

Phúc vẫn dịu dàng:

– Làm như người ta đã nghiện có chừng mực rồi ấy?

Bích lại đáp:

– Cũng sắp!

Phúc ra oai bằng cách chỉ tay vào mũi Bích, nói:

– Được nhé! Thế thì tốt lắm! Từ rày trở đi, thằng này mà có còn quay lại đây hút cái bàn đèn này thì thằng này không là giống người!

Bích vẫn giọng châm chọc:

– Thì anh hút tiệm chứ sao!

Phúc cau mày, đã đến lúc phải để lộ cái lòng giận cho nên giọng nói bất kỳ hóa ra gay gắt, đáng sợ:

– Thôi, im đi! Chán lắm rồi! Thằng này xin thề là từ nay thì buộc chỉ cổ tay!

Đến lúc ấy cô đào mới tỉnh ngộ, mới hiểu thấu cái nguy trạng nó sắp đến, cái địa vị lung lay, vì nghe thấy tiếng chán nó không có nghĩa gì với một cặp vợ chồng đã từng nếm mùi tình nghĩa tao khang chẳng phải bỗng chốc mà dễ bỏ nhau, nhưng nó là một tiếng sét cho phụ nữ đương trong cảnh ăn xổi ngồi thì... Cái mặt mới lúc trước lần khân thì trông chỉ muốn tát cho vài cái mà bây giờ đã để lộ tất cả cái gì là cái hối hận, thành ra trông cũng ái ngại, Bích nhìn xuống chiếu hồi lâu.

Phúc thương tình, mắng thêm để cắt nghĩa:

– Người ta vời đến mình, là vì người ta hư, thì phải theo chiều cái hư của người ta, cho người ta vừa ý, chứ có phải người ta rước mình về dạy luân lý đâu?

– Thì báu gì cái nghiện ấy, mà còn phải mắng tôi!

Thấy rằng tuy nhiên Bích cũng có lý, Phúc cũng biết nguôi giận, để giảng giải:

– Ừ cho dẫu muốn khuyên ngăn đi nữa thì cũng biết tùy từng lúc chứ? Có phải tôi đến đây là tôi húc đầu ngay vào thuốc phiện đâu? Cái lối gì vẫn tiêm ngoay ngoáy cho người ta, mà hễ giơ tẩu ra là chửi, làm người ta cụt hứng như thế? Tôi nuôi cô để nghe cô chửi đấy à? Muốn can ngăn sao không can ngăn những lúc tôi không hút? Phải biết lựa lời, thừa dịp chứ? Thế khuyên là cốt để người ta thôi hút, hay chỉ cốt nói nghiến cho người ta phát cáu?

Hai má phịu xuống, Bích chỉ còn biết lấu nhấu:

– Nói thế mà bảo rằng chửi đấy! Thôi đến cái lúc đã chán thì chẳng ra gì. Yêu nên tốt, ghét nên xấu.

Cuối cùng, Bích khóc, đau đớn một cách thành thực, lo cho ngày mai lại có khi quay về với trầm luân. Những giọt nước mắt ứa ra thấm cả cánh tay áo.

– Thôi nhé, tôi xin bà! Bà đừng gái khôn! Bà chửi mãi tôi, bây giờ bà khóc nữa là quá lắm.

Bích vội vàng cố nín một cách chật vật, cứ hậm hực mãi, y như một đứa trẻ bị bố đánh mà bố cứ bắt im ngay để rồi giơ xe điếu ra vụt luôn.

Phúc ngao ngán thắt nơ, rồi buộc giày. Khi khoác áo vào rồi, anh không dám bỏ đấy mà đi ngay, phải kéo dài thì giờ bằng cách hút thuốc lào, uống nước, lau giày. Chưa quen tàn nhẫn với gái, anh muốn nói gì cho ngọt ngào, dỗ một cách gián tiếp. Rồi tình cờ anh hỏi đến người yêu của Tấn:

– Ô hay nhỉ? Sao không thấy chị Loan sang chơi?

Được làm lành, Bích vội nín hẳn, vừa ho vừa đáp:

– Dạ, chị Loan đã ra hàng với anh ấy từ sáng sớm ạ.

Đến lúc ấy, Bích cũng mới chịu làm lành. Cô ả... thân đi múc nước và khăn lau mặt xà phòng, tuy cũng được Phúc nuôi cho một vú già hầu hạ hẳn hoi. Vừa rửa mặt Phúc vừa hỏi:

– Chẳng hiểu họ buôn bán thế nào?

Nước mắt đã ráo hẳn, Bích sốt sắng đáp:

– À, trông chừng có thể phát đạt được lắm.

– Làm sao?

– Hôm qua Loan có khoe rằng bán được cái máy 52 đồng với năm cái đĩa nữa, tất cả là năm chục. Cửa hàng mới mở có nửa tháng, thế là khá lắm.

– Thế anh Tấn độ này ra sao?

– Chăm chỉ lắm. Dọn dẹp xếp đặt cửa hàng cả ngày, tối về tính sổ cả đêm.

– Thế à! Tu chí nhỉ?

– Cái đôi ấy thế mà rồi sung sướng đấy.

– Sao lại nói "thế mà"?

– À, vì trước kia, họ chỉ ghen nhau, đánh nhau thôi. Bây giờ hòa thuận lắm. Nhất là cô ả, xưa kia thì lười thế, từ khi dọn hàng, lại chăm chỉ lắm.

Phúc cũng vui lòng, không giận Tấn ở chỗ năm hôm nay không đến chơi... Cái cửa hàng đại lý kèn ấy, Phúc đã bỏ ra hai nghìn góp vốn giúp bạn, nay thấy bạn đã tu chí, anh cũng không sợ toi tiền nữa, cũng như khỏi lo bị nài bỏ thêm vốn nữa. Anh đương vui thì Bích lại nói:

– Trông thấy Loan thế mà thèm! Đã nghiễm nhiên bà chủ một cửa hiệu oai rồi! Còn em, cứ ăn dưng ngồi rồi thế này thôi. Cậu đã thương em thế này, thôi thì cũng nên một ngày kia cho em dọn một cửa hàng vặt vậy!

Lời lẽ ấy khiến Phúc cụt hứng. Anh đáp quấy quá cho xong chuyện:

– Thôi đi, vợ lẽ trúng số độc đắc ai lại đi dọn hàng vặt.

Nói xong anh hối hận vô cùng. Lần đầu được nghe nhân tình gọi mình là "vợ" Bích sung sướng hết sức, nhan sắc bất kỳ lại tăng thêm, nổi bật hẳn lên. Sướng đến bậc ấy đã toan nói nhiều lắm đấy, mà rồi im lặng mãi, hình như sợ chuyện trò nữa thì là quấy rối mất cái hạnh phúc của lời đáp quí hóa nó vẫn còn để lại nhiều dư âm trong tai.

– Thôi về!

Bích vội gào:

– U già đâu! Đi gọi xe mau lên.

Người đầy tớ còn chạy vào hỏi:

– Bẩm mấy xu, đi đâu?

Bích quát:

– Cứ gọi chứ không phải mặc cả, đồ ngu ở đâu ấy!

Phúc xua tay:

– Thôi được, mặc tôi.

– À này! Mình ơi! Tối đến nhé! Đến sớm rồi về sớm.

– Không dám hẹn.

– À, hay chiều vậy. Ta đi xi lê ma! Em thết mình cơ, chứ em không vòi mình phải thết em đâu. Thế cơ!

– Ừ, để liệu đã.

Phúc xuống, Bích ra cửa sổ để nhìn theo, và buồn vì lần này chia tay nhau, người yêu lại nỡ quên hôn mình.

Ra đường Phúc gặp xe ngay. Đó là ở ngõ Bảo Khánh.

Anh bảo xe chạy về phía ngõ Hàng Bông là nơi có cửa hàng của Tấn. Nhưng chợt thấy xa xa Bích số một của anh đương thướt tha đi với em gái anh. Anh vội vàng nện gót giày bảo phu xe chạy về đường Quan Thánh. Tình cờ anh đưa hai tay lên nắn lại cái nơ mà anh thắt chưa được thạo, rồi đội lại cái mũ nhung mà lúc nãy anh đã hấp tấp úp bừa bãi lên đầu. Thấy rằng sáng hôm nay, người đàn bà thứ nhất mà anh thèm để ý lại chính là Bích số một người nhân tình trong mộng của anh, anh cho đó là điềm gở cho Bích ả đào, tức là Bích số hai.

Về tới nhà, Phúc thấy vợ trang điểm chỉnh tề như sắp đi đâu có việc. Người đàn bà thở dài rồi ngồi xuống ghế đối diện với anh. Giá xưa kia, có thể đã rít hai hàm răng mà nói chì chiết đại khái: "Đi với những bố trẻ nào thế? Đừng về nữa có được không?" Nhưng bây giờ chỉ dịu dàng để than thở nhiều hơn là rầy la:

– Dạo này cậu bỏ nhà đi chơi đêm nhiều quá.

Không để ý, Phúc cứ lặng thinh.

– Ai lại nỡ thế. Tôi dám đâu cấm hẳn cậu không được chơi bời. Người đàn ông ở thời buổi này mà hiền lành quá thì cũng đụt. Nhưng mà cũng nên thương vợ đôi chút...

Phúc nói để bông đùa:

– Mợ có hiểu không? Nếu dạo này tôi hay đi suốt đêm, ấy chính là vì tôi thương mợ.

Vợ anh đáp lạ lùng thế này:

– Sao tôi lại không hiểu?

Phúc ngạc nhiên hết sức, phải ngơ ngác nhìn thẳng vào mặt vợ mãi... Thì thấy rằng vợ anh không mai mỉa, không bông lơn.

Trong một tuần lễ này, Phúc đã bỏ nhà năm đêm để đến cái chỗ mà anh tưởng là ấm áp như một tổ chim. Tuy cũng biết thế là lỗi đạo một người chồng, nhưng anh đã vì một cái chủ tâm là khinh vợ ra mặt vậy. Đã đến lúc chán Bích rồi, anh chỉ ao ước sao cho vợ nổi cơn tam bành lên, đi đánh ghen chửi bới hoặc xé Bích thì anh sẽ có cớ rất chính đáng để cắt đứt một mối tình vụng trộm không có thi vị mấy, mà khỏi mất tiếng bạc tình lang. Cho nên cái nhà riêng, mặt mũi và tên tuổi Bích, anh không những chẳng giấu vợ mà lại đã kiếm cách gián tiếp để cho vợ biết rõ cả là khác. Cuộc ái ân vụng trộm ấy, về sau anh đã cố ý khiến cho nó vỡ lở tan tành. Anh tưởng nếu vợ anh không dám động đến anh đi nữa, ít ra cũng phải đánh xé người đáng gọi là "con đĩ". Vậy mà bây giờ... thì vợ anh đã nói như trêu!

Vợ anh, vẫn cứ mãi như miếng thạch, dịu dàng tiếp:

– Vâng, tôi hiểu lắm chứ! Tôi biết thân phận tôi lắm chứ! Về làm bạn với cậu đã hơn năm nay, mãi chẳng đẻ đái gì! Dễ thường số kiếp tôi phải chịu cái khổ tâm ấy chăng?... Đáng lẽ ra thì cậu được toàn quyền lấy một người vợ lẽ cho hẳn hoi, mà nếu vì thương tôi mà cậu ngại thì tôi cũng có bổn phận phải ép cậu lấy vợ lẽ cho được. Nhưng mà cậu đã tìm cách khu xử tròn trĩnh lắm, không lấy vợ lẽ, mà chỉ nuôi giấu nhân ngãi một nơi thôi... Tôi dám chắc rằng cái ý xa xôi của cậu là muốn kiếm một đứa con giai cho mai sau nó nối dõi tông đường, thế thôi, chứ không phải vì muốn có vợ lẽ như nhiều người dại khác. Phải phải, xưa nay cậu vẫn hiền lành, đạo đức, chứ có hư bao giờ! Thế thì hẳn cô ả ấy, nếu có con với cậu rồi, thì hoặc là về sau cậu nói qua với tôi để làm phép cưới hẳn hoi người ta, hoặc là cho người ta một cái vốn để quay về nhà hát hay đi lấy người khác, điều ấy tôi không quan tâm mấy... Còn nếu phải lấy vợ lẽ có phép cưới long trọng ngay, sợ rồi mà cũng không đẻ, thì rồi cậu phải lấy thêm vợ lẽ thứ hai, vợ lẽ thứ ba nữa ư? Thế thì loạn nhà! Vậy thì cậu cư xử phải lẽ lắm, mà khi cậu nói một câu "thương tôi" là tôi hiểu ra ngay!

Đấy cậu xem, tôi có ghen tuông gì với cô Bích ấy đâu? Khi nào tôi lại đến nỗi nông nổi, không hiểu chồng!

Phúc chỉ còn cách ngẩn mặt ra, gần hóa ra người bằng gỗ. Thoạt đầu anh thấy vợ nói là hay hay, vui vui. Nhưng rồi anh kinh hoàng! Vì thế là mọi sự trù tính của anh đã hoàn toàn thất bại! Anh thật không ngờ một việc xấu xa của anh mà lại được vợ hiểu ra như thế! Mà chỉ vì anh đã giàu! Có tiền, thì ra làm bậy cũng được khen hay! Phúc thấy thất vọng lắm nghĩ mà chán ngán cho sự đời, chỉ muốn ác thêm nữa nếu có thể, cho nó bõ với mọi sự đáng khinh bỉ của thế nhân.

Nhưng anh chợt thấy ngờ ngợ... Hay vợ anh chính là một thứ Hoạn Thư tân thời, rất nguy hiểm, cái mồm thơn thớt như thế để giấu cái bụng dao găm, đương giương cho anh một cái cạm để trả thù người yêu của anh cho đáo để hơn sự nhảy lên chồm chồm, cào cấu, cấn xé, của đa số những vị đức phụ khác khi thấy quyền lợi bị có kẻ xâm phạm? Phúc lại nhìn vợ như một người lạ, thì thấy cái mặt ấy chỉ tỏ rằng là một người chẳng đủ tư cách ghen cho ra ghen. Thật thế! Khổ sở một cách không thể tả được, đau đớn như một anh chồng đi chơi bậy mà không bị vợ tát mắng thì có thể đau đớn như thế nào. Phúc gay gắt hỏi vợ:

– Đã thế lại còn trách người ta hay.

Vợ anh cau mặt sợ hãi, phân trần:

– Là vì nếu cậu năng đến đấy như thế, thì sợ người ta được thế khinh thường tôi đi. Dẫu sao, cậu cũng nên che mắt thế gian mà làm như nể mặt tôi một chút.

Phúc cúi đầu thở dài... Vợ anh đứng lên quên ngay sự ấy:

– À, cậu cần dùng ô tô không?

– Bẩm không!

– Thế để tôi dùng xe đi lễ với đẻ đây.

– Bẩm xin phu nhân cứ tự nhiên.

Người vợ cười khanh khách rất hả hê ra đi.

Tuy đã hiểu là mình có nhiều tiền nên cái tai biến mà mình đợi nó mới trở nên hảo biến như thế, Phúc cũng cứ ngồi ỳ ra để ngạc nhiên mãi mãi. Anh bỗng muốn tìm ngay Tấn cho được để khoe câu chuyện rất đáng lạ lùng. Rồi anh lại lo sợ mãi, lo không khéo mà Bích đã có mang thì chí nguy. Thật tình, anh không muốn cô đào ấy được làm vợ anh, cũng như anh chưa hề nghĩ đến sự lấy vợ lẽ.

Một hồi chuông điện khiến anh vội quay đầu ra.

Quả như anh đoán, cô Đức và cô Bích đến thật. Anh vui sướng ra tận cổng đón, tự nhủ: "Nếu có lấy vợ lẽ thì ta lấy Bích này chứ không phải Bích kia". Con chó Nhật mà anh rất yêu, vì cứ cắn ngậu như một nhà báo vô ý thức có dã tâm, cũng bị anh đá một cái.

– Rõ quý hóa quá, mời hai cô vào chơi.

– Chị em đã dậy chưa, hở anh?

– Chị về dưới nhà đi lễ với đẻ rồi. Mời hai cô cứ vào. Gớm, sao hôm nay em gái tôi diện oai thế này!

Phúc khen em gái đấy, nhưng mà là cốt để khen Bích. Liếc nhìn trộm, anh thấy mặt Bích vui tươi hẳn lên, tuy sự vợ anh đã đi vắng nhà đã khiến cô phân vân như chẳng biết có nên vào hay không...

Đến phòng khách, anh trịnh trọng mời cả khách lẫn em gái ngồi. Anh đặt ấm điện đun nước pha trà, lấy thuốc lá thơm đưa ra, nhã nhặn đánh diêm. Lúc đỡ mồi lửa, mặt Bích đỏ lên vì cái hân hạnh ấy.

Chợt cô Đức nói quá thật thà:

– Trông mặt anh hôm nay xanh quá. Chắc anh hay đi chơi.

Phúc gật đầu, điềm nhiên nói chữa:

– Cố nhiên, có tiền thành ra lắm bạn mà có lắm bạn, tất cả giao thiệp, thết đãi...

Nhưng cô em gái quý hóa còn trẻ con ấy nói luôn:

– Không phải, anh nói dối, em biết cơ!

Phúc bất đắc dĩ phải gượng cười, hỏi:

– Ha ha! Biết! Biết gì nào?

– Em biết anh có nhân tình cô đào! Anh thuê nhà riêng! Ai cũng biết! Thầy đẻ cũng biết!

– Chỉ nói bậy nào!

– Ồ, lại còn nói bậy! Em biết cả mặt cô ấy rồi nữa cơ!

Rồi quay lại cô Bích, Đức vui vẻ khoe:

– Chị ạ, người cô đầu ấy giống chị như đúc, lại cũng tên Bích.

Bây giờ cô Bích mới nói:

– Lạ lùng nhỉ? Thế thì tôi phải kiếm cách xem mặt người ấy mới được.

Phúc để ý thấy người mình đã thầm yêu lúc ấy cố làm ra vẻ mặt thản nhiên nhưng vẫn không giấu được mấy cái nét nhăn của cái buồn phảng phất trong lòng, có lẽ cũng của một mối ghen hão nữa. Anh giận cô em gái vô ý, vì đó là một dịp rất tốt cho anh dò la tư tưởng người đã từ chối anh. Bích lại nói:

– Trông bác cũng xanh thật... Bác cũng nên giữ gìn sức khỏe đi, chơi bời hại lắm. Xưa kia, bác hiền lành, nhu mì như đàn bà, đứng đắn, đạo đức...

Phúc lại dại dột đáp bằng một chân lý đáng lẽ anh nên giấu:

– Xưa kia tôi đạo đức là vì chưa đủ tiền để hư.

Rồi anh vội cứu chữa sự ngạo mạn ấy:

– Vả lại... hiền lành đạo đức thì làm quái gì? Ngay đến đàn bà bây giờ họ cũng không chịu nổi những người đàn ông đạo đức và hiền lành. Vì thế là... đụt.

Bích hững hờ phản đối:

– Bác cứ nói thế, người hiền lành, đạo đức, ai cũng trọng.

Chẳng để lỡ dịp đặc biệt anh nói:

– Đấy thì rõ ràng là vào khi tôi còn hiền lành, ngoan ngoãn, thì hỏi vợ đám nào cũng bị từ chối cả!

Mặt Bích thoạt đầu đỏ bừng lên, sau tái đi. Cô ta không dám nhìn lên nữa, và đến lúc ngẩng mặt lên thì ngượng nghịu quay nhìn lảng ra phía ngoài cửa sổ.

Phúc bảo em gái:

– Này bếp nó đương làm dăm bông đấy, có muốn học thì xuống ngay mà xem.

– Ô! Thế thì thích quá nhỉ! Em cứ đợi nó mãi!

Cô Đức trúng kế lon ton chạy đi, làm cô Bích ngồi lại càng thêm lúng túng, co quắp... Trong một lúc lâu, Phúc cứ nhìn Bích chòng chọc, làm cho cô này rồi thì phải nhìn lại để rồi gặp đôi mắt hữu tình của Phúc thì lại quay đi ngay.

Phúc thở dài một cách đáng để ý, hồi lâu mới nói:

– Sở dĩ ngày nay tôi hóa ra một kẻ chẳng ra gì, ấy là vì tôi đã thất vọng về một mối tình ngày xưa... Nếu tôi cứ nghèo như cũ, có lẽ tôi đã quên cái đau khổ trước. Nhưng tự nhiên tôi lại trúng số mà

giàu! Ở trong cảnh phong lưu rồi, tôi mới thấy rõ là đời tôi vẫn còn cái gì thiếu thốn lắm, khong sao chịu được.

Đến đây thôi, anh ngừng, cho rằng thế cũng đã đủ gợi đống tro tàn. Cô Bích cúi mặt hỏi lâu...

– Nhưng bây giờ bác đã yên bề gia thất rồi còn gì!

– Ấy thế mới phiền chứ! Yên rồi cho nên mới còn cay đắng! Nếu chưa yên thì hẳn la tôi lại hỏi người đã từ chối tôi, và chắc là được ngay, vì sở dĩ xưa kia tôi bị từ chối chỉ vì tôi nghèo.

Phúc lại phải ngừng... Đau đớn vì chuyện cũ, anh đã nóng nảy quá, như vậy có lẽ đã lỡ lời, vì nói như thế thì có khác gì... chửi vào mặt người ta. Anh đứng lên cho tay vào túi quần, đi đi lại lại... Rồi anh cho mình đã nói vừa phải. Chứ gì! Nếu chính Bích vừa rồi cũng phải nhận rằng xưa kia đúng đắn, đạo đức nữa, thì nếu không vì anh nghèo, gia đình nhà Bích vì còn lý lẽ gì khác để từ chối anh? Bị từ hôn thế cũng đủ bẽ mặt lắm, và từ hôn chỉ vì là giàu nghèo, thế cũng là đáng bỉ lắm... Không, anh chẳng sợ mình nói quá, chỉ sợ còn chờ xem cái phản động lực của lời lẽ ấy ở Bích ra sao mà thôi.

Bích chỉ hổ thẹn có một chút thôi, vì cô vẫn còn đủ bình tĩnh để vội phân trần:

– Ấy là bác nhầm. Xưa kia, tôi không hiểu vì sao mà thầy đẻ tôi lại từ chối việc ấy, nhưng dám chắc không phải vì cái lẽ giàu nghèo đâu.

Phúc ngạc nhiên hết sức, anh vội hỏi:

– Cô? Cô mà lại không hiểu vì sao?

Bích đáp ngay, và đáp rất đáng tin:

– Thầy đẻ tôi cứ việc không nhận lời đấy chứ có hỏi gì đến tôi!

– Chỉnh cô, cô thì đã không từ chối?

Trước lời hỏi xoắn xít quá lỗ mãng, Bích đáp ý tứ:

– Giá dụ thầy đẻ tôi mà đã nhận lời thì cũng chẳng hỏi gì đến ý kiến của tôi, ấy thế.

Phúc ngẩn người ra: lời đáp ấy rất có lý. Thật thế, nếu Bích đã ưng thuận anh đi nữa thì cũng chẳng có cách gì vồ lấy anh được, nếu bố mẹ Bích đã từ chối anh. Phải phải, người con gái thì còn có quyền gì, cho dẫu là kể đến việc đi lấy chồng. Vậy thì anh chẳng còn có gì oán hận Bích như anh đã nhầm. Có oán hận thì oán hận gia đình nhà Bích thôi, và đó chẳng phải là nguyên nhân đáng cho anh chán

đời. Anh thở dài, hài lòng, hả dạ. Rồi anh ngồi xuống ghế nghiêm trang tiếp:

– Nhưng mà... Cái điều phiền muộn của tôi cũng không phải là hết phương cứu chữa, nếu cô muốn giúp hộ... Tôi chỉ không được bằng lòng cho lắm ở chỗ bây giờ nếu lại hỏi cô, thì không phải để rước cô về làm chánh thất nữa... Biết làm thế nào! Vậy thì nếu cô đối với tôi cũng vẫn còn mối... thiện cảm ngày trước, ắt cô cũng vui lòng ưng cho... Liệu được hay chăng?

Bích cũng không đáp, nhưng cái im lặng ấy cũng có nghĩa của một cái gật đầu, cho dẫu là bây giờ cô chỉ được hỏi làm lẽ. Phúc lại nói:

– Đây này, tôi đã có... đã có một cái nhà vàng rồi. Tôi chỉ còn thiếu một người đàn bà xứng đáng làm chủ cái nhà ấy, nghĩa là người đàn bà mà xưa kia tôi đã yêu... Còn như vợ tôi hiện giờ thì lấy nhau chỉ vì bổn phận.

– Nhưng mà... Dầu sau này có thế nào đi nữa, thì tôi cũng mong bác cứ đối với bác gái như ngày xưa. Nếu mang tiếng tranh vợ cướp chồng ai thì tôi phiền lắm.

Phúc không ngờ rằng, vào một trường hợp khó nói như thế, Bích lại biết trả lời một cách gián tiếp thần tình như thế. Anh rất vui lòng. Rồi đứng lên nói như bông lơn:

– Được rồi! Thế thì để tôi nhờ người đem quả cau đến chuyến nữa xem sao.

Vừa lúc cô Đức từ dưới nhà bếp đi lên, cô Bích cũng đứng dậy, xin cáo lui. Cô bé không hề nghi ngờ gì cả.

– Đợi bác gái lâu quá thế này, xin phép bác cho khi khác.

Phúc gật đầu, trịnh trọng:

– Dạ, bẩm vâng!

Anh lại tiễn khách và em ra tận cổng.

Quay vào, anh nằm trên ghế đi văng, nhắm mắt lại, tuy đầy tớ anh vừa đem vào mấy tờ nhật trình hôm nay. Anh muốn để trí nghĩ không bận vào sự gì khác cái hạnh phúc sẽ lấy được Bích. nhưng anh rất ngạc nhiên, không hiểu tại sao thấy mình không sướng gì hơn, và sao tâm hồn anh chỉ rung động có thế thôi. Bằng vào lòng yêu Bích nồng nàn xưa kia, căn cứ vào sự tuyệt vọng khi lấy vợ, Phúc vẫn tưởng rằng sự đời đã thế mà nếu lại còn cách gì để sẽ được làm bạn

trăm năm của Bích nữa, hẳn anh đến hóa rồ hóa dại vì sướng. Thế mà đến bây giờ, cái thất vọng ngày xưa đã biến cải nên cái cơ thành tựu chắc chắn, dễ như ta thò tay vào túi áo, mà sao anh chẳng thấy cảm động gì! Trái lại, anh chỉ thấy không được yêu Bích như trước nữa, vì người đàn bà lý tưởng ấy té ra mà cũng chỉ hèn hạ như tất cả đàn bà khác, mặc lòng chẳng là thủ phạm trong việc từ chối khi xưa. Anh thấy cũng khinh bố mẹ Bích hơn nữa, và cứ bắt cô con gái cũng liên đới chịu trách nhiệm. Phúc không biết rằng sự giàu có đã khiến anh cậy của mà hỗn xược với đời, và một khi sự đời đối với anh cái gì cũng không còn khó khăn nữa, thì tất nhiên anh nếm chính cái hạnh phúc hẳn hoi mà cũng cứ là thực bất tri kỳ vị.

Chán đời, anh bèn vùng dậy, bóc băng mấy tờ nhật báo định bụng xem có nhà buôn nào vỡ nợ hay tòa án sắp có phiên bán nhà cầm đất nào thú vị hay không.

Thì, trên cả ba tờ báo, những tin vỡ đê ở Bắc Ninh và Thái Bình chiếm đặc cả, cùng những hình ảnh về nước lụt, những gia đình nheo nhóc, những làng mạc phô những ngọn tre lơ thơ trên mặt nước! Anh giật nẩy mình, tuy nguyên quán của anh chẳng ở hai tỉnh nước lụt nói trên. Nhưng mà giật mình vì sợ mai kia đây, tất nhiên là sẽ có mọi cuộc lạc quyên, và anh đã trúng số thì không ai lại để anh ngồi yên được!

Phúc sợ hãi vứt mấy tờ nhật trình tai hại ấy xuống đất, lại nằm dài xuống ghế trường. Nhưng anh chưa kịp lo sợ cho đủ khôn người ra, thì một hồi chuông lại kêu ran lên. Anh càng chán nữa, vì tâm trạng anh lâu nay là tâm trạng của nhà buôn vỡ nợ, của kẻ đã vay nhiều tiền của lũ tây đen, nghe thấy tiếng chuông gọi thì tưởng như toàn lũ nặc nô [1] hoặc mõ tòa [2] đến gây sự... Và bồi của anh đem vào một cái danh thiếp của một ông chủ một xưởng máy dệt chiếu ở Thái Bình. Anh đành phải cho lệnh mời khách vào.

Khách là một người bé nhỏ, vận bộ âu phục cổ lỗ, quần ngắn ống hẹp, áo dài quá, trên đầu có một cái mũ vành to, chân đi giày cổ lỗ, mắt đeo kính gọng vàng, răng không nhuộm nhưng cũng đen vì trầu và khói thuốc lào, khói thuốc lá... Vác cái cặp to hơn người, khách cử động ngượng nghịu, trông có vẻ cũng thực thà, thật là một nhà kỹ

1. *Nặc nô:* người làm nghề đi đòi nợ thuê.

2. *Mõ tòa:* nhân viên tòa án có nhiệm vụ thông báo quyết định của tòa án.

nghệ nơi thôn quê không biết gì là ăn chơi. Phúc bỗng đâu thấy có mối thiện cảm đặc biệt với cái người lạ ấy, vì anh thấy rằng trong người ấy có một cái gì là "cậu áo trắng dài" của anh ngày xưa, vì đó là tiêu biểu của một hạng người chỉ biết có làm ăn thôi.

Thật là khác hẳn phần nhiều bọn nhà buôn hoặc công nghệ đã từng tiếp xúc với Phúc ít lâu nay, trông anh nào cũng có vẻ bịp.

Trước tiên, khách cũng biết dùng lời lẽ văn hoa để cảm ơn sự được tiếp và nói về lòng hâm mộ chủ nhân của khách vì theo ý khách, Phúc là người có thể tin là có tâm huyết đối với xã hội, bằng những bài báo rất có giá trị, đại khái như bài "sự phá sản của đạo đức". Phúc lại giật mình đánh thót một cái, tuy những lời tán tụng có khi quê mùa của ông chủ xưởng dệt chiếu chỉ làm cho anh vui tai mà thôi. Nhưng cái ông nhà buôn đặc biệt ấy cứ nói mãi về những ý kiến thâm trầm của những bài báo kia, khiến Phúc phải sốt ruột hỏi xem khách đến chơi chỉ cốt để bình phẩm văn chương thôi hay còn vì mục đích gì khác...

Bây giờ ông chủ máy chiếu mới chịu nói đến công việc của ông... Trong khi đem ra trình bày hàng mấy chục tấm ảnh về xưởng máy, ruộng cói vân vân... Khách tả rõ, bằng những con số lấy trong những tập biên bản, sự thịnh suy của công việc mình đang theo đuổi. Hiện ông ta đương trải qua một chặng đường rất khó khăn, chẳng phải bởi không có nơi tiêu thụ hàng hóa, nhưng mà bởi lôi thôi về một tờ hợp đồng trong đó đã sơ ý để cho một điều khoản không được minh bạch cho lắm, khiến cho một người Hoa Kiều có những ruộng cói kia muốn trở về lật lọng để vòi tiền.

– Thưa ngài, nếu tôi không thu xếp nổi việc này, cho yên, thì sẽ hẹn với mấy thị trường như Hồng Kông, Manille, Java, và như thế thì bao nhiêu công xây dựng của cả đời tôi đều đổ xuống bể, vì nếu thua kiện, xưởng máy sẽ bị tịch biên, và, đổ sụp theo ông chủ, còn ngót năm trăm gia đình thợ thuyền nữa, sẽ bơ vơ, đói khát...

Nhưng cái hiểm tượng ấy không phải là đã hết phương cứu chữa...

Vì rằng người Hoa Kiều ấy – vẫn theo lời khách – là một tay hút máu ghê gớm có thể bị sa lưới pháp luật được. Từ khi có đạo luật bắt trước bạ các văn tự nợ, hắn vẫn bình chân như vại, chẳng hề nhúc nhích, và những người mắc nợ hắn không một ai dám kiện lại hắn, tuy số họ có kể hàng trăm con người. Vậy thì bây giờ vẫn có một

người nào có thanh thế đứng ra cổ động, hợp họ lại thành một cái lực lượng để có thể góp gió thành bão mà quật đổ cái cây đa yêu quái ấy đi, ngõ hầu trừ được mối hại cho dân. Một khi bị kiện, tên Hoa Kiều gian hùng ấy phải hủy bỏ hợp đồng về những ruộng cói chiếu, và, do thế xưởng máy sẽ qua khỏi chặng đường khó khăn, thời kỳ nguy hiểm.

Cuối cùng khách kết luận một cách buồn rầu:

– Tôi đã tìm trong cả tỉnh tôi, không có ai ra tay đảm nhiệm cái việc can đảm ấy, vì ai, cũng sợ tên Hoa Kiều ấy thù hằn... Tôi tìm những nơi khác, thì người có từ tâm không thiếu, chỉ thiếu người có tiền, có tư cách đương đầu với nó... Tôi sắp thất vọng may sao chợt nhớ đến ngài, giở tờ nhật báo Đông Phương ca tụng từ xưa... Tôi thiết nghĩ một người đã viết nổi một thiên đại luận như "sự phá sản của đạo đức" lúc hàn vi thì, khi đã giàu rồi, ắt cũng vẫn sẵn lòng nghĩa hiệp, trọng nghĩa, khinh tài. Vậy thì tôi xin ngài vui lòng giúp cho tôi, đánh đổ cái tên khách trú khốn nạn ấy đi để trừ một mối hại cho dân nghèo một tỉnh, và cứu vớt cho năm trăm gia đình thợ dệt khỏi chết đói. Còn việc mời ngài hùn vốn cho xưởng dệt chiếu thêm thịnh vượng là chuyện nói sau. Chỉ yêu cầu ngài quá bộ xuống thăm xưởng cho mục kích hư, thực...

Nói xong khách nhìn vào Phúc chòng chọc, chẳng khác một tội nhân đã bị kết án nặng đương chờ nghe bản án của tòa Thượng Thẩm, Phúc thấy rõ ràng trong đôi mắt ấy đương có một mối phân vân ghê gớm, không phải của một người có một sự nghiệp đang lung lay mà thôi, nhưng của hàng trăm nghìn cái tính mệnh của vô số gia đình đương như cá nằm trên thớt... Sau những câu gạn hỏi ý tứ, sau những câu căn vặn khôn khéo để mà thấy khách chẳng phải là hạng tiền hậu bất nhất, có thể tin được lắm, Phúc cũng động lòng, và phải hứa:

– Thế thì để vài tuần lễ nữa tôi xuống thăm xưởng dệt của tiên sinh.

Thấy khách sướng lắm, vồ ngay lấy:

– Bẩm vâng! Thế ngài nhất định là hôm nào?

– Hôm nay ngày rằm, thế thì 28...

– Bẩm đúng thế? Tuy ngài xuống hơi muộn, nhưng cũng được.

– Vâng. Cuối tháng mới rỗi. Còn đúng 13 hôm nữa.

– Xin cảm tạ ngài lắm. Để chúng tôi về sửa soạn nghênh tiếp... Rồi ngài sẽ hiểu là tôi có nói sai điều gì không! Ngài sẽ khám xét sổ sách, tra hỏi số chi tiêu, tiền xuất nhập hàng tháng, hàng năm

những mối hàng ở đâu, đã đặt mua bao nhiêu v.v... Ngài sẽ hỏi từng người một.

– Được được.

– Thôi thế... Bẩm lạy ngài và những giấy này xin cứ để lại ngài xem qua.

– Thế thì hay lắm!

Phúc tiễn người ấy ra đến cổng và lúc ấy mới biết rằng nhà doanh nghiệp ấy cũng có xe hơi, tuy đó là một chiếc xe tối cổ, số chưa tới hàng ba con. Quay vào, anh mới thấy đời là khổ và có lẽ chính anh mới là người sướng nhất.

Sướng vì chẳng phải lao tâm, lao lực, chẳng mất một cái lông chân mà bỗng dưng được ngồi trên đống vàng đống bạc. Sướng vì tài sản chưa hề đem dùng vào những cuộc doanh thương nguy hiểm có thể một thì tầy gấp bội, hai thì mất nghiệp như đa số các nhà giàu ngày nay. Sướng vì cái giàu của anh là cái giàu thiết thực, tiền muốn tiêu lúc nào cũng không phải chạy bót tóc gáy. Sướng vì tuy mình mới là giàu bậc trung thôi, nhưng cũng được có kẻ tài sản to hơn mình phải đến cầu cạnh, lạy lục mình, và nhất là sướng vì không có sự gì phải lo.

Cái cuộc đời lãng phú ấy cứ lặng lẽ trôi đi cuốn theo dòng những bọt bèo và cặn bã của mọi cuộc hưởng thụ đắc tội cho con mắt bọn nghèo mà là thuận cảnh và có khi là nhân đạo đối với Phúc. Chẳng có gì đáng kể, nếu tuần lễ sau, một hôm anh ta chẳng nhận được lá thư của phủ Thống Sứ. Sau cái may trúng số, lá thư ấy cũng là đại sự nữa, trong đời anh. Làm cho khỏi thấy muốn tự kiêu với đời, khi thư nói rằng quan thủ hiến Bắc Kỳ, đệ tam Bắc đẩu bội tinh, xin có hân hạnh mời đến ngày hai mươi ba tới đây thì lại súy phủ để cho ngài được dịp nói chuyện thân mật.

Quan thống sứ [1] đương kim là một vị thủ hiến rất thân dân cho nên lá thư mời ấy Phúc chẳng lấy gì làm ngạc nhiên, nhất là bây giờ, anh đã nghiễm nhiên là một vị thân hào của thành phố. Trái lại, anh đã hơi đoán biết trước rằng mình được giấy mời có lẽ chỉ vì cái nạn nước lụt của hai tỉnh mà thôi. Tuy vậy, anh cũng không giật mình. Anh chỉ không nhận thấy rằng một người đồng bào nào đưa

1. Quan chức đứng đầu bộ máy cai trị thực dân Pháp ở Bắc Kì.

cho anh một sổ lạc quyên thì anh khó chịu, còn quan thống sứ mời thì dẫu biết sẽ mất tiền, anh cũng cứ hoan nghênh.

Anh không hề ngờ ngợ rằng mình cũng hiếu danh như bọn trọc phú.

Chiều hôm ấy, một cái cao hứng ghê gớm thúc giục Phúc tự đánh xe hơi ra đi. Đã ít lâu nay anh vẫn cầm lấy lái xe, mặc dầu chưa được giấy phép chính thức. Nhưng lần này là lần đầu anh không cho tài xế ngồi bên. Đi chơi bậy, anh thấy bị khinh, nếu tài xế của anh thóc mách đôi chút.

Qua phố hàng Buồm, chợt thoáng trông thấy Hựu đi trên hè, anh gật đầu vẫy một cái. Rồi hãm hẳn xe lại.

Hựu đây là người bạn cũ, cũng làm hãng bảo hiểm đã có lần đi hát với anh. Vì lẽ xưa kia đã từng quá hỗn xược, hay chế bác Phúc, cho nên bây giờ thấy Phúc đường hoàng ngồi trên xe hơi, nên Hựu chỉ chào qua thôi, không dám hỏi người bây giờ chẳng còn là "thằng ngọng bắt được cái đinh" ngày trước nữa. Nhưng Phúc cứ hãm xe, cứ săn đón, bởi cớ sợ thiên hạ chửi mình, nếu có khi Hựu sẽ đi kể với ai đã bị mình lờ... Rồi anh hỏi:

– Có gì lạ không?

– Tôi thì còn có gì lạ được nữa... Gớm, từ ngày trúng số, chẳng nhớ đến anh em cũ là ai nữa.

Phúc cười mà rằng:

– Thì anh cứ năng đến chơi với tôi xem!

– Thế thì còn gì bằng! A, dạo này Bích của anh ra sao?

Phúc chép miệng nói:

– Moa thuê nhà cho ở riêng đấy. Hôm nào đến đấy chơi.

– Tôi biết rồi nhưng thôi chả đến, sợ anh ghen.

– Moa mà lại ghen.

– Chứ gì nữa!

Phúc nói ngay:

– Đây này, toa cứ việc chim nó đi, nếu toa ăn thua moa sẽ thưởng cho mười chầu hát.

– Thật hay đùa thế?

– Có ai lại nói đùa như thế không? Đây này, Bích đối với moa bây giờ như cái răng đau muốn nhổ, ấy chỗ anh em moa cứ nói thành

thực. Tự moa thì moa không can đảm, nếu không có ai giúp một tay. Toa có hộ thì hộ.

– Ừ, thế thì tôi ký cả bốn tay! Để tôi xin đến. Nhưng biết hôm nào anh có ở đấy mà đến?

Được, cứ việc đến, lúc nào cũng có thằng Tấn ở đấy. Vừa lúc thấy có một cô đầm lai khá xinh đẹp ngồi trên chiếc xe cao su từ từ đi qua xe anh. Phúc nháy mắt và vẫy tay ra hiệu. Thì cô đầm tức khắc mỉm cười và nói với anh chỗ hẹn:

– *Musée Louis Finot!* [1]

Phúc gật đầu, còn noi chuyện với Hựu độ mười phút nữa mới từ biệt. Đi đuổi ái tình cố nhiên Phúc cho xe phóng nước đại. Qua phố hàng Buồm, ra đến bờ sông, anh mở đến tám chục chứ không phải sáu chục mà thôi! Chiếc xe khổng lồ văng đi như gió, đi tới đâu gieo rắc sự khủng bố cho người đi đường và bà con hàng phố tới đấy.

Qua nhà nước đá, chợt sầm một cái! Anh chỉ còn kịp hãm phanh! Một chiếc xe khác ở trong đi ra đã bị xe anh húc đổ lăn chiêng ra đường. Một viên quan đại tá lóp ngóp chui ở chiếc xe đó ra, và lôi ra theo người vợ đầm bị thương nặng ở mặt, máu chảy ra như suối. Phúc chỉ còn biết rất hối hận đã không bảo hiểm cái xe.

IX

VẾT XE THIÊN HẠ

Tuy rất bận rộn về việc buôn bán, buổi chiều hôm nay, Tấn cũng phải cố rứt ra một chút thì giờ đến chơi với Phúc. Chẳng phải không có việc gì mà đến chơi suông. Tấn muốn hẹn bạn sớm mai cùng ra tòa xem phiên thượng thẩm[2] sẽ tuyên án về cái nạn xe hơi mà tòa trừng trị đã bắt Phúc phải đền cho người đầm bị thương một vạn, từ hai tháng trước, nó kết liễu ra sao. Thêm nữa, lại có việc anh đứng môi giới cho một vụ bán nhà hộ người cô ruột của anh. Cũng chưa được bạn anh trả lời gãy gọn. Cho nên anh buồn lắm, khi thấy bạn

---

1. Viện bảo tàng Louis Finot, tức là viện Bảo tàng lịch sử hiện nay.

2. *Tòa trừng trị:* tòa xử sơ thẩm; tòa thượng thẩm là xử phúc thẩm các vụ đã xử ở tòa trừng trị.

vắng nhà. Anh lại hơi ngạc nhiên vì thấy nhà bạn trang hoàng rực rỡ như sắp có đại tiệc.

– Bác cứ đợi đấy một lát, nhà tôi ra phủ Thống sứ đấy mà! Thế nào cũng sắp về bây giờ.

Tấn ngồi xuống ghế, đành đợi. Anh mỉm cười nghĩ thầm: "Đấy biết mà, sự đời quanh quẩn chỉ có thế thôi. Ai cũng giống ai như đúc. Lúc còn nghèo anh nào cũng nói thánh nói tướng, anh nào cũng muốn làm toàn những việc xã hội, từ thiện, vĩ đại. Đến lúc giàu rồi, mới trơ khấc ra". Tấn nghĩ đến mấy công cuộc của Phúc trong vài tháng nay mà thôi. Người bạn hiền lành gần như đụt của anh té ra bây giờ mà cũng nghiễm nhiên là tay đại bợm, đã làm nhiều điều vĩ đại lắm, nếu ta kể rằng vĩ đại là gian hùng, là tàn nhẫn, là bóc lột, là đểu. Tuy không được bạn kể rõ cho nghe, Tấn cũng biết đại khái rằng Phú hai tháng trước không hiểu sao đã xuống tận Thái Bình đứng đầu cho một số đông người để kiện Cẩm Hà, một chú khách Sétty, đến nỗi người này vì thua kiện mà gần mất nghiệp, và Phúc nhờ đó đã tâu được nhà và đồn điền bằng giá rất hạ của tay hút máu ấy. Rồi Phúc cũng là chủ một xưởng máy chiếu, cũng ở Thái, và không hiểu đã bóc lột thợ thế nào mà mấy tờ báo có khuynh hướng cộng sản đã chửi bới Phúc ỏm tỏi lên.

Tấn buồn rầu như thấy là chính mình suy đốn về tâm thuật, và vì lẽ xưa nay anh hy vọng ở bạn nhiều điều cao thượng lắm, cho nên anh chỉ muốn tiện dịp cảnh cáo Phúc, để thuyết minh về sự thay đổi quá đỗi bất ngờ ấy để bạn biết rằng nếu cứ mãi thế, Phúc, cuối cùng, cũng sẽ trở nên một nhà tư bản xấu, một kẻ chẳng ra gì mà thôi. Nói cho đúng, ấy là vì Tấn vẫn tâm phục bạn như một đệ tử trung thành của một bậc sư phụ, cho nên mới cứ ngây thơ đuổi theo những tư tưởng mà nay Phúc không còn có nữa.

Còi ô tô gọi mở cửa ran lên, Tấn vội đứng dậy.

Phúc bước vào, nét mặt hớn hở lắm, và khi thấy Tấn thì tỏ ra rất ngạc nhiên. Tuy vậy, Phúc cũng không hỏi tại sao lâu nay ít thấy bạn đến, và chỉ sốt sắng khoe:

– Thôi, thế cũng được. Tôi đã hiểu rõ cái luật thừa trừ của đời rồi. Đã được một cái gì thì phải mất một cái gì. Ngày mai tòa có y án trước, âu tôi cũng vui lòng! Anh có biết tôi vừa được gì không? Kể từ hôm nay mà đi, tôi đã nhập Pháp tịch...

Tấn lại thấy thất vọng rằng chưa phải lúc cảnh cáo gì bạn anh. Ắt phải để dịp khác, đại khái như lúc nào Phúc say rượu hay say thuốc phiện mà cao hứng bỏ nhân nghĩa và đạo đức chẳng hạn. Anh bèn nói đến việc của mình:

– À này, thế nào, anh đã nhất định về cái nhà ở Lò Đúc hay chưa?

Mặt Phúc lại sa sầm xuống, Tấn chờ đợi mãi, thấy Phúc nghĩ ngợi đến mười lăm phút, để rồi nói ra ngoài đầu đề như thế này:

– Khỉ quá mất! Rõ chẳng cái dại nào giống cái dại nào! Thì ra đời mình chỉ những chậm là chậm! Chỉ vì cái gì cũng chậm quá, nên mới tai hại mà thôi! Chậm bảo hiểm cái xe cho nên mới bị phạt nặng... Mà trong việc nào cũng chỉ chậm mất vài ngày hay vài tháng. Từ nay trở đi ấy à? Đã định làm gì thì nhất quyết phải thi hành ngay!...

Thấy bạn đã vui vui, Tấn mới lại nhắc:

– Này, thế định về cái nhà ở Lò Đúc như thế nào?

Mãi Phúc mới cười nhạt mà đáp:

– Tôi cũng chưa nhất định đấy.

– Chết thật! Chồng người ta vào tù, người ta chỉ trông vào anh để lấy tiền đền cho chồng được tha, nỡ nào anh cứ kéo dài mãi. Xin anh chớ quên rằng người bán nhà là cô ruột tôi.

Đến bây giờ, Phúc mới chịu đáp:

– Thôi chỗ anh em, nói gần nói xa chẳng qua nói thật. Đây này: năm nghìn đắt quá, chẳng ai tậu đâu. Anh bảo bà ấy có bằng lòng bán bốn nghìn thì được.

– Chết nỗi, thế thì anh trả rẻ quá. Tôi cam đoan với anh rằng năm nghìn là anh lợi được một nghìn rồi. Anh không nên thế! Tôi dám chắc với giá ấy mà cho đi cổ động thì khối người muốn mua.

– Thì sao bà ấy không bán cho người khác đi?

– Vì mời anh thì anh có tiền ngay mọi việc chóng vánh được, có thế thôi. Vì người khác họ bắt đợi.

Phúc nhăn mặt mà rằng:

– Ấy thế đấy, chỉ có bốn thôi, vì có anh nói hộ, tôi nể quá, chứ vốn tôi không chỉ định tậu nhà, là cái việc doanh nghiệp chắc chắn tầm thường thiên hạ nó vẫn chửi tôi thế nào, anh hẳn đã biết.

– Gớm, thế này thì anh tàn nhẫn thật.

– Thì thôi, tôi có muốn tậu nhà làm gì đâu!

Tấn tức đến phát uất cả người. Sự thực, Phúc đã trả quá rẻ, và vào dịp người ta có tai nạn mà lại bóp chẹt thế, thì thật là bóc lột tàn nhẫn quá. Anh đã làm ra khinh bỉ. Vì con người ấy nay trở nên giả dối nguy hiểm. Chính ra, Phúc chỉ thích tậu nhà cho chắc chắn thôi. Nay nói không thích, là để bắt chẹt cho có lý. Phải chi người bán không gặp tai nạn thí dụ tự nhiên Phúc đến hỏi thì năm nghìn là hời rồi. Tấn rất hối hận đã nói rõ cảnh ngộ người cô ra. Anh không ngờ rằng chính anh nói mà cũng khó khăn thế. Không ngờ mà đối với bạn, bây giờ Phúc cũng trơ như đá vững như đồng, đểu đến thế.

– Thôi được để tôi bảo bà ấy xem sao vậy.

Tấn thở dài đứng lên. Thấy giận dỗi ra về ngay là thất sách, Tấn nghĩ đến việc hôm sau, lại hỏi:

– À, mai tôi lại đây, rồi cùng anh ra tòa nhé.

– Ừ, được rồi.

Hai người bắt tay nhau, lần đầu cùng thấy cái bắt tay ấy là nhạt nhẽo, mà chẳng ai buồn cứu chữa. Phúc mặc bạn đi ra không tiễn, Tấn cũng chẳng nói gì thêm. Một người đã thấy bạn là đểu, người kia đã thấy nó lôi thôi, phiền nhiễu mình.

Hôm sau, đến lúc cuối cùng, Phúc mới đổi ý. Nhớ lần tòa trừng trị xử đã có vô số kẻ rỗi việc, hiếu sự, kéo đến xem để chứng kiến cái tai họa của mình, để sướng về cái khổ của mình, để chửi mình là đểu, là đáng kiếp sau lưng mình nữa. Phúc tởm, thấy muốn nôn ọe, không muốn ra tòa nữa, bắt Tấn đi ngay.

– Thôi tôi đã có thầy kiện thay mặt, không cần ra. Vậy thì anh đi nghe xem sao, rồi về bảo tôi.

Tấn ra đi cùng vợ Phúc, cùng cụ Phán ông, cụ Phán bà, thì Phúc lại gọi lại dặn:

– Xong thì tìm tôi hoặc ở Hàng Buồm, hoặc hàng Mã Mây.

Thế rồi, chán đời, nhưng mà lại chán đời theo cái lối hạng có tiền, nghĩa là buồn thì đi tận hưởng những cái gì là của ngon vật lạ ở đời. Phúc đến hiệu Đông Hưng ăn, và uống hơn đồng bạc rượu Mai Quế Lộ. Thần Lưu Linh chẳng quên nhắc cho anh sự ru ngủ dịu dàng của cô tiên Phù Dung, cho nên sau đấy, anh khật khưỡng đến một tiệm hút ở phố Mã Mây, một chỗ anh rất thích, vì chủ tiệm và khách

hút chưa biết rõ tên họ của anh. Say quá, anh cứ nhắm mắt lại chờ bồi gí giọc tẩu vào tận miệng, hút hàng mấy chục điếu rồi cũng không nhớ nữa. Anh phân vân lo lắng, chỉ sợ tòa thượng thẩm lại y cái án cũ trừng trị thì thật chí nguy,

Xưa kia, lúc còn nghèo, anh tưởng loài người tuy vậy cũng khá. Bây giờ, giàu rồi, anh càng thấy loài người dã man. Thật thế, chẳng một đứa nào ra gì, vì đứa nào cũng chỉ... tiền! Anh thấy những người tử tế, có lòng nhân đức, đều là ngu dại, lại đáng thương hơn cả những kẻ được họ làm phúc cho! "Chết thật! Năm nghìn mất vào bọn nước lụt rồi, bây giờ nhỡ ra lại một vạn nữa đền cái mặt sẹo, thì... đến bỏ mẹ! Vậy thì mau mau ta phải kiếm cách gì bù vào, kiếm cách gì nảy ra tiền! Phải kiếm ra tiền nữa! Phải làm giàu nữa! Tưởng đã túc dụng rồi là đã mất trí khôn!".

Phúc đương chập chờn nghĩ ngợi, bỗng thấy nói:

– Quên hôm nay mình ra tòa xem xử vụ nạn ô tô đường Bờ Sông. Thôi được, để chốc nữa đọc báo vậy.

Phúc thấy bao nhiêu máu trong người đều chạy đổ dồn lên cả hai thái dương... Anh thấy trong ba giọng nói ấy, có một giọng khàn khàn nghe quen quen, của một người nào hình như đã có nói chuyện với anh một lần không nhớ ở đâu. Tuy vậy anh cũng không vạch cái bình phong để dòm sang, muốn được nghe thiên hạ chửi mình kỹ hơn nữa đã. Thì lại thấy nói:

– Mày có biết không? Tao đến xin nó có một trăm bảo hiểm thôi, mà bị ba lần đi vắng! Đến lần thứ tư gặp nó, nó lại bảo để nó "nghĩ ngợi" trong ít lâu! Nó đãi mình như một người ăn mày. Thật là Giời quả báo ăn cháo gãy răng... cho nên được mấy tháng thôi là cu cậu đâm mẹ nó vào xe tây, bảo hiểm chưa có, giấy phép cũng lại chưa có nốt! Tao cho Giời cũng có mắt lắm.

Một người khác xướng họa:

– Thật thế! Chuyến này ông cho chẳng lệch nghiệp thì cũng phải đại tiêu hao! Cho thế mới đáng kiếp những quân làm bộ. Xưa kia, một xu không có, ngày nào cũng đánh cái áo trắng dài hết đi lang thang ngoài đường thì lại ra ngồi các gốc vườn hoa như đồ ma cà bông! Bây giờ may mà trúng số, chó ngáp phải ruồi, thì nhặng xị cả lên, ngồi trong ô tô, mặt cứ vác mãi lên như có mấy chục cái chân sào đỡ dưới, trông mới lại khả ố chứ! Mẹ kiếp!

Một người thứ ba lục đến lịch sử:

– Con thứ lão Phán Tích... Có con vợ bán sơn ở Hàng Gai ấy mà! Bây giờ thằng bố lên mặt cụ cố gớm...

Rồi người ta cười rồ lên với nhau.

Phúc chỉ muốn đứng lên, ra gây sự, tát cho bọn ấy mỗi đứa một cái, chẳng phải bởi cớ anh tin ở sức khỏe của anh, nhưng bởi cớ anh vẫn đủ sức lôi cổ cả cái bọn ấy ra tòa. Nhưng nếu xuất đầu lộ diện ngay thì chẳng còn nghe thêm được nữa, mặc lòng là nghe chửi. Vì lẽ loài người không những thích nói xấu kẻ khác thôi, nhưng cũng thích nghe kẻ khác chửi vụng mình, cho nên Phúc dằn lòng nằm yên. Cái dư luận của thiên hạ, dẫu sao là anh cũng cần biết rõ lắm, vì xưa nay tai anh vẫn chỉ được nghe lời nịnh hót. Nào, thế thì chúng mày nói nữa đi, ông xem! Nhưng chỉ thấy cái giọng lạ của một người tự nãy chưa góp lời, bây giờ mới nói:

– Rõ các anh cũng thối lắm. Hơi đâu rỗi mồm thế? Người ta hay dở thế nào mặc người ta, nào có việc gì đến mình! Hút thì cứ biết hút, hơi đâu bới móc hết người này đến người nọ!

Một người cãi:

– Anh nói gàn lắm! Hút thuốc phiện chỉ có thú ở cái nói xấu thiên hạ thôi, mà chẳng những thiên hạ, nói xấu cả anh em thân. Cứ thằng nào không có mặt ở bàn đèn là bỏ mẹ, cho nên ai cũng phải đến bàn đèn, vì chỉ sợ vắng mặt là bị bạn thân nói xấu. Vả lại, nói xấu đó chẳng là cái mục đích của loài người đó sao? Nhất là lại đối với kẻ nào hơn mình, thì nếu không nói xấu sau lưng, còn có cách gì hả lòng ghen tức nữa?

Một lần nữa người ta lại cười rộ. Và, do thế, cái bọn "Thanh đàm" [1] tân thời ấy nói đến người khác, việc khác, để yên cho Phúc...

Đến bây giờ, Phúc mới tiếc họ chỉ chửi mình có thế. Anh thấy tởm cho loài người. Cái bộ mặt thực của bao nhiêu kẻ vẫn tươi cười bắt tay ta, kính cẩn ngả mũ chào ta, chính nó đã hiện nguyên hình ra đó. Chao ôi, thì ra cái nghĩa lý đời người, cái lẽ chính nhờ nó thiên hạ còn tồn tại được, nhờ nó những kẻ chiến bại chẳng đến nỗi phải chết yểu, chỉ là sự ích kỷ, lòng ghen ghét, nó trước mặt ta thì đeo cái mặt nạ bạc để thơn thớt nói cười mà sau lưng ta thì võ nõ ra

---

1. *Thanh đàm:* chỉ những người chỉ nói bừa, chẳng có căn cứ gì xác thực.

bằng nói xấu, phỉ báng, vu oan, có thế thôi... Cái sự bất nhân vị kỷ xưa nay vẫn cầm cân nẩy mực cho đời, nó lại cần cho sự tiếp tục của loài người như nạn mãi dâm chẳng hạn, vì không có những cái xấu ấy thì xã hội nào cũng không sống được, vậy mà đến nay, Phúc mới nhận thấy rõ. Anh xin thề ngay với mình là từ rày thì chỉ buộc cổ tay, quyết không chịu cứ làm thằng quých của đời để mà tin tưởng mãi cái nhân. Thôi thì bữa nay anh đã giác ngộ, chẳng đến nỗi mở mắt mà như mù, vì đã được bài học tốt.

Anh đương lim dim cặp mắt, đi mây về khói với một bầu tư tưởng rất yếm thế, thì bỗng thấy có tiếng giầy thình thịch, rồi tiếng Tấn nói quá to:

– Hay lắm, Phúc ơi! Tòa trên giảm xuống có năm nghìn tiền bồi thường thôi, còn về tiền phạt án phí...

Phúc vội ngồi nhổm lên, xua tay... Tấn ngạc nhiên im đi, lặng lẽ ngồi xuống sập. Phúc đưa mắt cho bạn nhìn ra cái sập bên ngoài... Thì hai người đều cùng nhận thấy một cơn khủng hoảng dữ dội của đám người ấy, họ khẽ nói những gì với nhau và ra những hiệu kín cho nhau. Rồi, sau cùng họ mặc áo, đội mũ, lặng kẽ ra khỏi chỗ ấy, nhưng khi vờ như vô tình tháo lui, trong bọn không khỏi có kẻ hơi quay lại để nhìn trộm cái người ngồi trong góc tối mà họ đã nói xấu.

Phúc cười nhạt, nói đuổi theo:

– Những quân khốn nạn. Một lũ hèn nhát!

Đoạn anh mới cắt nghĩa:

– Ấy đấy anh xem! Họ đã nói xấu tôi mãi, vì không biết chính tôi nằm đây... Bây giờ biết thì họ chuồn đi một cách anh hùng như thế.

– Thế à! Vậy họ nói những gì?

– Ôi chà, những cái gì là khả thủ, khả ái của mình thì họ chửi cả.

Tấn tắc lưỡi, an ủi bạn:

– Cái ấy, thế gian thường tình. Giàu là tất nhiên bị ghét.

– Không! Chẳng những thế! Theo như họ nói, thì lúc mình còn nghèo họ cũng ghét! Thế thì biết làm thế nào?

– Giàu hay nghèo cũng đều bị ghét, điều ấy đã cố nhiên. Duy chỉ có cái đáng để ý là mình giàu dầu có bị ghét, mình cũng chỉ bị nói xấu sau lưng thôi. Còn nghèo thì bị khinh ra mặt.

– Gớm nữa!... Thế mới biết đời là đểu! Xưa kia, tôi không thể nào hiểu được sao lại có một nhà Nho mà dám làm một câu thơ như thế này: *Cha mẹ tiên sư cái sự đời!* Bây giờ thì tôi đã hiểu câu thơ ấy một cách rất sâu xa.

– Thôi hơi đâu nghĩ đến cái khen chê của thiên hạ. Cứ biết rằng tòa Thượng thẩm hạ xuống có năm nghìn thì hẳn hôm nay tuy vậy mà cũng là một ngày vui của anh.

Phúc đáp ngay:

– Vui cái nỗi gì? Thế khoản tiền nhà thương tòa tuyên án ra sao?

– À, khoản ấy thì anh phải trả chứ? Vì năm nghìn là tiền đền nguyên có cái sẹo ở mặt.

– Nếu thế thì kể cả án phí, tiền thầy kiện tất cả ít ra cũng tám nghìn! Hơn nữa một tháng nhà thương Đồn Thủy, đắt lắm... Nghĩa là kể cái tiền chữa hai cái xe nữa, thì mất đúng vạn bạc, còn chó gì nữa! Tai họa thật, chán đời thật.

– Hai cụ và đầm của anh cứ phàn nàn mãi. Sao anh không sớm bảo hiểm có hơn không!

Phúc gắt một cách rất vô lý:

– Thôi đi, anh đừng nói nữa. Nếu biết thế thì còn nói chó gì!

Giữa hai người bạn, thế là có một lúc im lặng vô cùng khó chịu. Tấn rất ức nhưng không dám nói gì, đã biết mình ở cảnh há miệng mắc quai. Nhất là đã chịu ơn của Phúc, cho nên Tấn càng thấy bị thương nặng ở lòng tự ái, Tấn chỉ còn hối hận, nghĩ biết thế thì thà mình đừng cần đến tiền của Phúc cho xong! Bỗng dưng anh lấy làm mát ruột cho con người trụy lạc cả xác lẫn hồn, lúc ấy đương nằm thẳng cẳng bên khay đèn như chết.

Chợt Phúc lại hỏi:

– Thế thầy kiện của tôi cãi ra sao?

Bất đắc dĩ, Tấn phải thuật kỹ:

– Hai bên đều cùng hùng hồn lắm. Luật sư của anh kêu rằng cả hai xe đều cùng đi bên phải cả, hai bên cùng khai là có bóp còi, vậy thì bên nào có bên nào không, tuy sự ấy tòa không xét rõ được, nhưng cứ biết cả hai xe cùng đi đúng luật...

Phúc gật gù khen:

– Được, nghe được, tuy chẳng ăn thua gì.

– Nhưng luật sư bên kia nêu lên rằng những vết bánh xe của xe gây ra tai nạn, tức là xe anh, trên mặt đường, trong biên bản của sở cẩm ghi là rõ rệt lắm, đen sì cả mặt đường nhựa, như vậy tỏ rằng trong thành phố mà bên bị đã mở tới ít ra là cái đà một giờ một trăm cây số. Úi chà, lão gắt gao lắm! Lão nói đúng như thế này: "Thưa các ngài, tại sao buộc tội người ấy, kẻ sát nhân ấy – đó chính là một kẻ sát nhân, chỉ khác một chút là hắn chưa thành công hẳn trong sự dự định gớm giếc của hắn thôi – tại sao đã tậu xe nửa năm nay rồi, mà hắn chưa chịu đi thi lấy giấy phép? Điều ấy có đủ tỏ rằng cái tài cầm lái của hắn rất xoàng, cho nên mới trì hoãn lại, vì nếu đi thi, ắt phải trượt? Ấy vậy mà hắn dám làm cái trò nguy hiểm cho bao nhiêu tính mệnh của người khác cũng như cả cho mình! Thưa các ngài, tôi xin các ngài để ý đến điều này: Bên bị là một kẻ xưa kia hàn vi mới trúng số độc đắc mười vạn. Ồ tôi đã biết cái tâm địa người ấy, cái tâm địa rất xấu xa của hạng người đột khởi mục hạ vô nhân ấy, họ chỉ vì cậy tiền mà ngông nghênh! Tôi xin cam đoan cái ngông của bọn giàu mới chính là cái mối hại ghê gớm cho xã hội! Khi họ ngồi trên xe, họ chỉ nghĩ như thế này: "À, bây giờ ta là một nhà triệu phú rồi, thì âu ta thử nếm cái mùi giết người chơi! Để ta thử đè chết một vài người nào, xem cái cảm tưởng của ta nó ra sao". Đấy các ngài xem! Không thế, sao chưa có bằng mà dám vặn xe đi giữa một nơi đô hội, vào buổi chiều, trên một con đường đủ mặt giai thanh gái lịch, ngựa xe tấp nập, mà họ lại mở tới cái đà một trăm cây số? Nếu cái thứ tâm địa yêu quái ấy, thưa các quan tòa, mà lại chưa đủ là nguy hiểm cho công chúng cũng như nạn lụt, bệnh dịch hạch, vi trùng lao, nếu các ngài không chịu tin thế thì kẻ này đến uất mà cởi cái áo luật sư ngay ra bây giờ!"

Phúc tuy vậy cũng phải bật cười mà rằng:

– Cũng nghe được lắm! A ha! Thì ra tôi lại còn là một kẻ giết người, dẫu là chưa hoàn toàn thành công! Không nhờ cái ông thầy kiện thì bây giờ tôi cũng chưa biết thế!

Cười xong, nghĩ một lát, Phúc nói:

– Tiền, chỉ có chuyện tiền! Cứ tiền là hết.

Sau cùng Phúc gọi bồi mang thêm thuốc vào, bắt Tấn phải hút để chia buồn cái tai nạn kia.

Những lời nói xấu của những làng bẹp, sự buộc tội của luật sư bên nguyên đơn, đã đủ khiến cho Phúc từ đấy, lĩnh hội được một nhân sinh quan rất rõ rệt. Anh ta đâm ra rất chán đời. Anh không đủ sức để hoài nghi như trước nữa.

Nhất là cuộc nói xấu vừa rồi, vì nó xúc phạm quá, nên đã làm cho anh đau đớn ở tinh thần mà cũng thấy nhoi nhói như là xác thịt quả có chịu thương.

Từ đó trở đi mãi cho đến về sau nữa, cái đau ấy không bao giờ Phúc quên được, nó như một vết thương tuy lành nhưng mà mang sẹo, và gặp dịp thì nó khiến anh thấy lâm dâm tê tái y như một thứ bệnh kinh niên nó phát ra những lúc trái gió hoặc thay đổi thời tiết. Và đó là một nguyên nhân chính của mọi hành vi thiếu lương tâm hoặc thật sự tàn nhẫn của vị chân hiền của chúng ta. Người đời xưa nay không xấu hẳn được chỉ bởi kiêng dè dư luận mà thôi, vậy mà Phúc bất cần dư luận.

Ở tiệm ra, sau khi nhạt nhẽo bắt tay bạn, Phúc đi lang thang khắp phố xá như người thất nghiệp chẳng biết cách tiêu thời giờ. Lần đầu trong đời, anh hiểu rõ cái gì là cái khổ. Anh đi, đi mãi, mãi cho đến lúc mỏi chân rồi mới nghĩ đến cái chỗ hay ngồi thuở trước, cái chỗ tại đó đã bao phen anh được nếm cái thú tinh thần, suy nghĩ về sự đời, điều thiện, điều ác, những gương đạo lý, bao nhiêu tư tưởng siêu phàm thoát tục, chỗ ấy là vườn hoa Paul Bert.

Anh muốn được sống quãng đời lý thú bằng kỷ niệm và ký ức.

Nhưng, chán ngán biết bao! Khi mới ngồi xuống cái ghế xi măng, chưa kịp được nhìn chung quanh cây cỏ họa chăng đã có thay đổi gì, thì tầm mắt anh đã vấp phải cái hình thù ủ rũ của người đã ban cho anh cái thú vô song làm được một việc thiện số một trong đời, ấy là bác phu lục lộ. Phúc không hiểu vì lẽ gì mà người ấy hai tay ôm bụng ngồi xổm như thế, như đau đớn lắm, có lẽ đang kêu rên cũng nên. Tò mò anh chạy lại chưa kịp vỗ vai thì thấy người ấy cầm ngay lấy cán chổi, để rồi khi nhìn lên xong, lại vứt chổi đấy, hổn hển thở và lắp bắp:

– Bẩm lạy cậu... cậu... con, ân nhân của con... thương con.

Phúc đứng yên, vẫn im, chẳng hiểu đầu đuôi ra sao.

Người phu lục lộ nhăn mặt một cái ghê gớm đến nỗi nhe hai hàm răng cải mả ra như dọa nạt chi đó, cố gượng đứng lên, hai bàn chân run mãi, rồi mới gẫy gọn.

– Bẩm may quá, cậu ơi, xin cậu cứu con!

– Làm sao?

Quát xong, Phúc tự nhủ: "Đây này, dám chắc lại xin tiền bây giờ đây này" Quả nhiên thế thật, bởi dẫu cùng có vẻ sợ hãi vì bị quát, người phu cũng cứ liều mạng tiếp:

– Cậu không cho con ba đồng bạc thì con chết!

Bực mình Phúc lặng thinh quay về với cái ghế dài của vườn hoa. Anh cũng nực cười cho con người ấy, làm như có quyền nã tiền anh, và anh có bổn phận nạp thuế cho, mà lần này thì bằng "chè đen" chứ không bằng diêm thuốc nữa, như xưa... Anh tự đánh cuộc với mình: "Mày mà đủ can đảm ra đây kè nhè nữa, thì tao sẽ cho mày tiền". Thì quả nhiên, anh chàng kia lại đến chỗ ghế thật!

– Bẩm lạy cậu, cậu có cho hay không thì thôi nhưng con cứ xin cậu vui lòng nghe câu chuyện con kể đây. Bẩm nguyên do đầu đuôi nó như thế này...

Thì ra buổi chiều hôm ấy, khi đem về nhà mười đồng bạc nó là một cái đại sự trong ngót một đời lầm than, bác phu đưa cho vợ chín đồng để trang trải rất nhiều công nợ và còn thừa thì may quần áo cho mình và cho con... Còn một đồng bác ta dắt lưng vào một hiệu cháo lòng chén một đĩa tiết canh để thỏa mãn cái thèm thuồng trong một kiếp. Rượu say bí tỉ, bác ta định đi xem hát tuồng, thành tâm cốt để xem đức Quan Ngài quả thật có mặt đỏ râu dài đúng như ở cái ảnh chè [1] mà bác ta thờ bằng cách dán vào trong nắp cái hòm gỗ mọt của bác ta hay không!

Qua trước ngõ Sầm Công, bác ta được một bà quần áo rất tân thời, nước hoa thơm lừng, chạy đến nắm lấy cổ tay, làm cho bác ta tưởng mình lọt vào Thiên Thai, và cho rằng một trang tố nữ như thế, quyết không thể nào mà lại là nhà thổ được. Nhìn kỹ đàn bà, bác phu thấy rõ ràng: này là một thương, hai thương, ba thương, này là tóc bỏ đuôi gà, đôi mắt bồ câu, hai má lúm đồng tiền, chẳng thiếu vẻ gì trong những câu ca dao... Nhớ rõ còn năm hào bác gật.

Tuần lễ sau, cố nhiên con người có số đào hoa ấy, mắc phải cái bệnh đáng chữa kín.

---

1. Những gói chè Tàu bên Trung Quốc bán sang ngày trước, có ảnh các nhân vật trong truyện Tam Quốc nhất là Quan Vũ ngày ấy được thờ và suy tôn là Quan Ngài.

– Bẩm cậu, con đã phải đi vay mấy đồng để uống thuốc, tưởng đã khỏi, không ngờ bây giờ bệnh đã tái phát nặng hơn xưa. Bẩm cậu thương con phần nào con xin nhờ phần ấy.

Phúc lộn ruột lắm, mắng luôn cho một trận:

– Ai bảo? Ừ, ai bảo? Tôi cho anh tiền để anh làm gì có ích, để anh đong gạo, chứ để cho anh đi nhà thổ đấy à? Đáng kiếp lắm, còn kêu ca nỗi gì? Ừ ừ, no cơm ấm cật rậm rật mọi nơi mà lại!

Phúc không biết rằng lời mắng ấy giá dụ để anh nghe thì còn đáng hơn người phu. Người này cãi kể cũng có lý lắm:

– Bẩm lạy cậu, cậu mắng thế chứ chửi con, con cũng phải chịu. Nhưng cậu xét cho có ai khôn cả đời bao giờ! Vợ con nó gầy như con mèo ốm đói, nó khô khẳn như que củi, váy nó lại xù xì như tờ giấy nháp số bốn thì nó còn làm cho con phải bả bao giờ đâu! Đằng này con mụ kia trông như một bà phán, thật rõ ràng là đàn bà hàng phố, lại quyến rũ con, nhằm lúc con say rượu. Lúc ấy nóng mắt, con nghĩ: ừ, thì cứ liều một cái, rồi có lên máy chém cũng đành lòng! Nào ngờ đâu bây giờ chết chẳng chết cho, cứ khặc khừ thế này mới nhục chứ!

Phúc nhìn kỹ thì thấy đó quả thật là một phế nhân trăm phần trăm. Hai con mắt đục có nhiều tia đỏ, hai má như hai cái lỗ đáo, răng lợi thì vàng ệch, tái nhợt, tinh thần thì bạc nhược vì những cơn sốt gây gẩy buổi chiều. Hai tay như hai ống nứa, hai chân run bần bật, đứng không vững mặc lòng cả thân thể chỉ còn thấy da bọc xương. Dần dần Phúc cũng nguôi giận để chịu nhận rằng mình đã có một phần chịu trách nhiệm rất lớn trong sự suy vong của con người ấy. Anh thở dài, lấy ví ra, vứt mấy tờ giấy bạc xuống đất mà gắt:

– Thôi đây, đi đi kẻo bẩn mắt người ta! Rõ thật làm ơn nên oán, làm phúc nên tội. Mẹ kiếp từ rày thì ông buộc chỉ cổ tay với cái hạng chúng mày!

Đưa tiền xong mới lại càng thấy tiếc tiền, anh hầm hầm ra gọi xe bảo kéo thẳng. Thật là bất ngờ! Cả ngày chỉ gặp toàn những sự chẳng ra gì mà thôi. Anh đã khổ sở như những nhà giàu khác, khi làm được xong một việc nhân đức.

Hôm sau, vì lẽ có bữa tiệc thết mấy ông luật sư và đốc tờ quen thuộc từ khi có hoạnh tài, Phúc được đỡ chán đời vì những khách ăn nhiều người đã nịnh hót anh, lại vừa hứa với anh những cuộc bỏ thầu có lợi, vài việc chạy chọt đáng gọi là đại sự. Giao thiệp với hạng này,

anh bắt đầu tập cái nghề bán tước buôn danh làm một tay thầy cò thượng lưu. Và anh thấy rằng nếu phải doanh thương, thì chẳng gì nhàn hạ và lắm lãi bằng cái thú buôn bán đó. Nhất là, những việc ám muội ấy nếu anh không làm thì vợ anh cũng làm âu là thà anh đảm đương cho khôn khéo và kín đáo hơn. Phúc lại viện đến cái triết lý cuối cùng của một bọn tài hóa vô lương tâm, làm hại trinh tiết của gái lương gia chỉ vì cái mục đích để được nói: "Chúng không hư với mình thì cũng hư với vô số thằng khác".

Lại một cớ nữa khiến Phúc hài lòng, là bố mẹ anh rất lấy làm vinh hiển. Cô Đức đã được một ông đốc tờ trẻ, con một cụ Tổng đốc trí sĩ đem trầu cau đến dạm, mà Phúc chưa thèm nhận. Còn về ông Phán cả thì cái địa vị của ông thật là không còn có một tí ti gì. Hai cụ đều hễ giáp mặt ông là chửi ông như chửi chó. Có gì là lạ, nếu cụ phán Tích ngày nay, những khi huyễn hoặc thiên hạ, đã dám nói rằng: "ôi chà, cái lão... nó chơi thân với thằng Phúc nhà tôi như anh em ruột, tôi bảo gì lão chả được" hoặc là "ai bảo con tôi lấy vợ cô đầu nào? Nó chỉ toàn bắt nhân ngãi với đầm thôi... Từ độ vào làng Tây, tên nó là Philippe Nguyễn Văn Phúc". Thật anh đã sướng như vua. Mỗi lời nói nào của Phúc, đối với hai cụ cũng có giá trị của những lời "Thánh dạy". Cho đến cả những sự bậy bạ của anh mà cũng được coi như những sự nghiệp anh hùng! Phúc càng được thế, khi đời vì thế. Đến nỗi nhớ lại những tư tưởng cũ, làm cho Phúc phải ngạc nhiên... Anh đã tiến hóa đến bậc có thể tự kỷ phê bình như một người nào khác: "Cái thằng mình ngày xưa nó gàn".

Hai hôm sau, cô ruột của Tấn, người đàn bà bán nhà lại đến. Thật là chẳng may cho bà ta. Vì rằng Phúc đương ở cái thời kỳ bị cái cáu về vạn bạc sẽ mất, nó khiến anh ta thẫn thờ cả người, hay gắt vợ và đầy tớ, và những hy vọng ở bữa tiệc... mới rồi cũng chỉ mới là như một thứ thuốc đủ làm thuyên bệnh chứ chưa trừ hẳn được bệnh, cho nên trông thấy mặt một người đến phiền mình, Phúc hết so vai lại thở dài.

Tức khắc anh hỏi ngay:

– Thế à? Bà đã bằng lòng hay chưa?

Người đàn bà đi với đứa con độ chừng bảy tuổi, chẳng hiểu có phải cốt để làm người ta động lòng hay chăng?... Hai mẹ con đương đứng ơ chỗ cửa vào, đương chờ được mời vào hẳn... Bị hỏi ngay, như thế người mẹ tưng hửng, không còn biết nên tiến thoái ra sao. Phúc cũng không nghĩ đến lịch sự là cái gì nữa, lại hất hàm hỏi:

– Bà đã bằng lòng rồi, bà mới đến đây chứ?

– Dạ... bẩm... vâng.

Phúc thở dài một cách hả hê, rồi mới nói:

– Mời bà vào trong này!

Người đàn bà khép nép và rón rén đi vào, sợ sệt ngồi lên một chiếc ghế Tàu, cho đứa con đứng tì ngực vào hai gối... Một lúc khá lâu rồi mới dám nói:

– Bẩm ông, giá ông thương hại thằng cháu bé đây mà ông trả thêm cho ít nhiều nữa thì phải... Bẩm, bốn nghìn cái nhà như thế, thật là rẻ quá?

Phúc cau mày gắt luôn:

– Ô hay! Thế ra bà vẫn chưa bằng lòng? Khổ quá, thì nào tôi có muốn tậu nhà đâu! Đây này bà ép lòng mà bán thì tôi không muốn tí nào cả, vì như vậy, tôi sẽ mang tiếng là bắt chẹt bà, giữa lúc nhà bà có tai nạn... Vậy thì thôi, bà tìm người khác cho được cao giá hơn.

– Thôi thì trăm sự nhờ ông, ông giúp cháu. Dẫu ông trả thế thôi, tôi cũng phải bán, nhưng ông rủ lòng thương thằng bé này, cho nó thêm chút nữa, gọi là cháu nó được cái vốn để ăn học.

Phúc chán quá đi mất. Thật thế, có nhà tư bản nào khi nghe ai cầu mình làm ơn cho mà lại vui vẻ đâu?

– Nếu bác cứ lôi thôi thế thì khó nói chuyện lắm.

Nói xong, Phúc ung dung bỏ đấy đi vào, Không kể rằng người ta cũng có thể đau xót lắm khi chịu mất cho mình bạc nghìn, Phúc chỉ biết ghét cái hạng người cố đấm ăn xôi mà thôi. Giá vào hạng tư bản khác, trông thấy đứa bé kia, hẳn cũng động lòng thương mà thêm cho ít nhiều rồi đó. Nhưng Phúc vốn thông minh. Anh hiểu ngay đó là một kế để kích thích, một sự xếp đặt chẳng gian ngoan chút nào... Thành thử chẳng những không điềm nhiên mà thôi, anh còn ghét bỏ thêm nữa.

– Bẩm ông thì ông hãy cho tôi được nói vài lời nào!

Thấy giọng kêu nài ấy có giấu vẻ phẫn uất, Phúc sợ hãi quay ra, sợ mình già néo đứt giây, nhỡ người ta không bán nữa thì sẽ mất một dịp lợi được nghìn bạc. Anh dịu giọng mà rằng:

– Thưa bà, tôi không dìm giá của bà đâu. Tôi biết điều lắm rồi, còn bà thì chưa biết điều...

Thấy con người cương quyết ấy có vẻ đã chuyển động, người đàn bà được khuyến khích, bèn kể lể:

– Bẩm ông nhà cháu dại dột, đánh bạc mất cái đã hơn ba nghìn rồi. Như vậy là bán cái nhà đi cũng chẳng còn lại được đồng tiền nào mà tiêu...! Vì còn thừa ít nhiều lại lo chạy thầy kiện mới mong khỏi tù tội... ấy là may có nhà quen ông, mách ông, thì cũng tưởng ông thêm cho ít nhiều nữa thôi... Nếu không thì thành mất toi cái nhà mà chẳng được xơ múi gì.

Lúc ấy, Phúc nhớ ngay đến mình nghèo thì đời chẳng ai tử tế với mình cả. Anh lại nhớ đến cuộc nói xấu của thói đời, ở tiệm hút, bữa vừa qua. Sự tức bực lại làm cho anh nóng bừng cả mặt, như là đương nghe họ chửi vụng mình vậy. Thêm nữa, ít lâu anh đã chủ trương cái thuyết sắt đá "không chơi với cảm tình". Thật thế, muốn làm giàu nữa thì đừng nể ai cả, hoặc muốn cả nể thì đừng làm giàu nữa, ấy chỉ có thế thôi! Dẫu sao, ở đời này chẳng đứa nào vượt khỏi cái công lệ này: Vi nhân bất phú [1]. Vậy mà nào phải anh đã thừa tiền, đã được ở cảnh không bao giờ sợ sa sút nữa! Anh đã là "nhất" đâu? Vẫn chán kẻ được bắt nạt anh đấy thôi: anh vừa phải đền bạc vạn cho một cái sẹo! Ối chao ôi! Đời thì nào có đứa nào tử tế gì với mình, và mình cần nhân đức gì với đứa nào! Cứ ngẫm cái sự ông giời đối với mọi người và cái sự loài người cư xử với nhau, mà đủ chán ngắt! Chỉ tiền thôi.

Phúc đứng nhìn kỹ mặt người đàn bà ấy, như một thầy tướng. Anh thấy đó là một cái mặt "sát đến tận xương" của thứ người bụng dạ khô khan, và đôi mắt nhiều lòng trắng hơn lòng đen của thứ người bạc ác, một cái mồm mỏng môi và quá rộng của hạng đàn bà bất trị, lắm điều. Anh nghĩ rằng đây, mụ này, bần cùng khổ sở lắm mới chịu khuất phục nhục nhã thế này đây... Hẳn vào lúc thịnh thời, hạng người này cũng đã lành nghề trong sự gươm trăm giáo mớ, cũng đã biết cái gì là cái đáo để tàn nhẫn, là cái bóc lột... Thử bà không hoạn nạn xem! Thử đi ngửa tay xin bà xem! Thử bà chẳng thất cơ xem! Thử làm tôi tớ bà xem! Thế là nghiễm nhiên, Phúc thấy đủ lẽ chính đáng để trả lời rất độc ác:

– Bà cứ nói chuyện có người nhà giới thiệu mà làm gì? Ấy vì thế tôi mới nể, tôi mới mua nhà của bà, chứ không vì anh Tấn nói giúp, thì tôi không mua, dẫu cái nhà của bà bán có một xu! Bà phàn nàn mất toi nhà? Thế ai bảo bà đi lấy hạng chồng cờ bạc, thụt két như thế?

---

1. Nghĩa là: Làm việc nhân nghĩa thì không giàu được. Phúc tự đặt ra câu ấy nhai lại câu "phi thương bất phú" ngoài việc buôn bán không thể giàu được.

Tủi nhục quá thế, người đàn bà không cầm được nước mắt nữa, trước còn khóc sụt sịt, mà sau dần dần cứ nức nở mãi, khiến đứa con cũng phải phụng phịu khóc theo, và lôi tay mẹ nó để gọi: "Mẹ ơi, mẹ! Mẹ sao thế! Mẹ ơi, mẹ!"

Không muốn phải hối hận, lại lý luận ngay rằng giảng luân lý như thế đấy, lắm khi cũng là cần cho sự đời, cho dẫu chỉ bị đời oán hận mình. Phúc khoan khoái cho rằng mình đã hy sinh... Phải, bỗng không ai hoài đi mua thù chuốc oán! Rồi anh lại gắt:

– Thôi đi, tôi xin bà! Tôi đây đã sống nhiều trong những cảnh người cười kẻ khóc lắm, tôi đã hiểu cái gì là sự đời rồi, bà đừng tưởng đem cái hạt lệ nhi nữ ấy cũng đủ lung lạc tôi đâu. Bà không khóc thì cũng có bốn nghìn bạc, mà bà khóc cũng chỉ có thế! Bằng lòng thì sáng mai đem văn tự, địa đồ lại đây! Rồi tôi đưa đến luật sư, ký kết, lĩnh tiền! Nếu sáng mai không đến thì tôi coi chuyện ấy như bỏ đi đấy!

Người đàn bà đứng lên, dắt con đi ra, một tay vẫn lau nước mắt chào nhạt nhẽo:

– Thôi, chào ông.

Đến bây giờ Phúc mới thấy hối rằng mình đã trót phũ mồm quá. Sợ hỏng việc, không muốn phải phân vân cả đêm hôm nay, Phúc tiễn mẹ con người ấy ra tận cổng tử tế lắm, rồi gặng hỏi một lần cuối cùng:

– Thế nào? Mai bà có lại buổi sáng không? Tôi hỏi thế là để tối nay tôi có đi đâu, sáng mai tôi cũng phải về. Nếu bà nói ngay là không bán nữa, thì sáng mai tôi khỏi phải quay về nhà đợi bà nữa.

– Vâng, bẩm để tám giờ mai tôi xin đến ạ.

Phúc thở dài nhẹ cả người. Như đa số người thừa tiền thích khao mọi cuộc thắng trận, anh gọi tài xế đánh xe.

Đêm ấy anh đến tiệm nhảy để rồi đi với một cô gái khách, hú hí với nhau ở một tổ quỷ.

Nói về phần Tấn, thì sau khi được bà cô về thuật lại thái độ cực kỳ tàn nhẫn của Phúc, anh đã đau đớn như là bất cứ ai bị bạn chí thân xử tệ với mình cũng phải đau đớn. Anh bắt đầu bị thương nặng ở lòng tự ái, bắt đầu oán giận Phúc một cách hoàn toàn, nghĩa là chẳng còn giữ được lời cam đoan cao hứng với Phúc dạo nào rằng cái tình đã thâm, cái nghĩa đã nặng như thế thì dẫu sau này giữa hai người có chuyện xích mích gì xảy ra đi nữa, Tấn cũng chẳng được phép oán hận Phúc để phải mắc tiếng là vô ơn... Nhờ Phúc, Tấn lấy được vợ, có tiền ra buôn bán, sự tử tế ấy, nay Tấn phải dằn lòng ngơ đi, để có thể được đắc lực chỉ biết nhớ rằng khi Phúc còn nghèo, thì

Tấn đã tử tế rất mực, và vì mình, Phúc mới được dịp trúng số hàng mươi vạn. Cái này đã xóa sạch những cái kia. Vì lẽ ấy, Tấn chẳng còn chịu ở cảnh há miệng mắc quai, và cho rằng chịu ơn mà cứ dám nói mới là can đảm. Tấn quả quyết nói một phen cho hả, nói một lần cuối cùng, rồi thì dẫu có tuyệt giao thì tuyệt giao! Nếu tuyệt giao nhau, thì ấy là càng hay: Tấn sẽ được dịp quên ơn, vỡ nợ! Tấn cần cầu cứu ở câu phương ngôn: con giun xéo lắm cũng quằn... Và không thể nào trị được Phúc nữa.

Thêm vào những sự ấy, lại còn việc này khiến cho Tấn có được một cớ rất chính đáng để thấy con người ấy bây giờ đã nghiễm nhiên trở nên một nhà giàu xấu, hoàn toàn đáng khinh... Hựu, cái anh thư ký quèn vô tư tưởng, vô kiến thức ở hãng bảo hiểm nhân thọ, dạo này hay đến cái nhà riêng mà Phúc cho vợ chồng Tấn và Bích cùng ở. Tấn đã nhã nhặn tiếp đãi Hựu, dẫu là Phúc có đấy hoặc không.

Một vài lần thì còn vui. Nhưng Hựu cứ quen mùi đến mãi! Cả ngày đã mệt nhọc về buôn bán, Tấn không sao chịu được cái khổ hình cứ đêm nào cũng phải tiếp bạn bằng cách cùng hút thuốc phiện với ông bạn quý, và hãm bằng... nói phét. Mà nào chỉ có thế thôi. Một vài lần, Tấn thấy Hựu có vẻ bất chính, cứ tán sát sàn sạt mãi Bích, chẳng còn coi thiên hạ ra cái gì. Đến lần thứ hai, Tấn cự Hựu một trận kịch liệt bằng những lời lẽ quá chửi, vì không thể nào tha thứ, cho một hạng quái vật có tà tâm quyến rũ vợ bạn, dẫu là vợ lẽ chưa có cưới cheo... Thì Hựu nhăn răng ra ngạo mạn đáp lại là mình có cái trọng trách, cái sứ mệnh, cái thiên chức phải làm cái việc bỉ ổi ấy, vì Phúc đã treo giải thưởng cho việc ấy. Tấn mới ngã ngửa người ra! Anh thật không ngờ Phúc lại suy đốn đến thế. Bây giờ Tấn mới hiểu rõ tại sao đã lâu Phúc không đến với Bích nữa, mà Hựu cứ lai vãng rất chăm chỉ, và buồn tình, cô ả đào cũng gần sa ngã, tưởng như mình vẫn còn ở cái nghề được có nhiều nhân tình công nhiên. Thật vậy, người bạn hiền của Tấn ngày nay đã đốn đủ đường, không còn một phương diện nào là khả thủ nữa. Chơi mãi với quân tráo trở ấy, thử hỏi vinh hiển nỗi gì?

Bởi lẽ ấy, vào một buổi chiều thứ bảy, Tấn đến tìm Phúc. Anh cũng ngạc nhiên, khi thấy bạn lại không vắng nhà. Vợ Phúc cứ ngồi kèm chồng. Tấn không tiện nói chuyện, rủ bạn đi chơi. Thì bạn anh ừ ngay, và hai người đi ra con đường Cổ Ngư. [1]

Mãi không biết nhập đề thế nào.

---

1. Đường Thanh niên bây giờ.

Chiều hôm ấy, tiết trời nóng nực, đường Cổ Ngư bày ra cái cảnh náo nhiệt đầy thi vị giai thanh gái lịch. Rất nhiều xe hơi đỗ ở vệ đường như trước nhà Thờ Đạo, vào một ngày có một đám cưới to. Bọn người lên đây hóng mát có những y phục đủ các kiểu, đủ các màu ngoạn mục, nó tỏ rằng xã hội này rất nhiều tiến bộ về mặt ăn chơi. Người nhớn thì ngồi chuyện trò bên gốc cây, trẻ con thì nô đùa tung tăng trên thảm cỏ. Ở hồ Trúc Bạch, chỗ này, chỗ kia, những chiếc thuyền nhỏ vẫy vùng khuấy nước, vượt sóng, bên trên có những thanh niên tráng kiện có những cánh tay trùng trục như những khúc thừng tàu biển, hoặc những thiếu nữ với những bộ đùi tuyệt mỹ, nó bắt công chúng phải cứ nhìn... Bên kia trên mặt Hồ Tây, thì năm chục chiếc thuyền buồm trắng nõn đi lại trên mặt nước như bay, của cái xã hội người Âu họ biệt lập riêng một giang sơn để tỏ cái oai quyền chinh phục và đem cho Hà thành một cảnh tượng ngoạn mục, tưng bừng tương tự với Deauville [1]. Thật là cảnh vui người có buồn đâu bao giờ! Thêm vào đấy thỉnh thoảng lại có dăm ba thiếu nữ mới giải phóng, người đồng bào chúng ta, mặc những cái quần đùi có mục đích, và phần nửa người ở dưới, các cô tuy có khi là khẳng khiu chân cò, tuy có khi đầy đặn như hình chính, mà cũng được nam nhi ngồi ở vệ đường phải quay đầu lại để ý, để hoan nghênh.

Làm cho Phúc phải khẽ nói:

– Mình cứ mải đi tìm "chán lý" ở những đâu đâu, đến nỗi chẳng biết rằng cách nhà mình có mấy bước đường, cũng có một cảnh Bồng Lai với tất cả những sự khiêu khích cua các nàng tiên nữ.

Tấn họa theo bằng cách dằn lòng hát một câu:

– Ca hát đi cho đời ta vui – la vie est belle! [2]

Không hiểu sao thấy Phúc khẽ thở dài, Tấn mừng rỡ tóm ngay lấy dịp tốt ấy để hỏi;

– Ô hay, đời đẹp đến thế, anh sung sướng thế, sao tự dưng anh lại thở dài là nghĩa lý gì?

Phúc so vai, cố làm ra bộ thâm trầm khó hiểu:

– Anh hiểu sao nổi cái bí mật của lòng người!

Đi lững thững mãi cũng chẳng thấy gì lạ, hai người nhận thấy một phiến đá nhẵn nhụi cạnh một gốc cây, liền báo nhau ngồi xuống, thấy đó cũng là một cái hạnh phúc nhỏ. Tấn lại gợi chuyện:

---

1. Deauville là thành phố tắm biển nổi tiếng ở Pháp.
2. Đời đẹp thay: tiếng Pháp.

– Anh vừa nói cái gì, tôi không hiểu.

Phúc so vai đáp:

– Như Anatole France [1] đã nói rất đúng, thì hạnh phúc là cái gì đó mà người đời chúng ta không hiểu được.

Tấn ra vẻ ngạc nhiên mà rằng:

– Ủa! Tôi tưởng từ khi trúng số đến nay, ít ra anh cũng đã được biết rõ mùi vị của cái sướng, cả vật chất lẫn tinh thần, nó ngọt bùi như thế nào... Chứ nếu không thì ra trúng số độc đắc là vô ích hay sao?

– Cũng chả thấy gì khác trước!

– Lạ nhỉ! Tưởng rằng hoạnh phát như thế, dẫu xã hội chưa được nhờ, thì ít ra mình, chính mình, mình cũng phải được nhờ vào đấy chứ? Nếu vậy thì biết bao giờ anh mới làm những việc từ thiện, vĩ đại, theo như khi dự định lúc chỉ mới có hy vọng trúng số.

Phúc lườm Tấn, nói bằng một thứ giọng đột nhiên hóa ra chua lanh lảnh:

– Ôi chà!... Anh cứ khôi hài mãi làm quái gì thế?

– Ô hay! Thế thì ra xưa kia, khi tôi tin ở anh, trông cậy ở anh nhiều cao thượng hơn đời, thì tôi là một đứa ngu dại đó chăng?

Phúc lại lườm Tấn cái nữa một cách rất chính đáng.

– Cái đó có thể lắm!

Tấn ngồi trầm ngâm một lúc lâu. Mãi anh mới dám quyết giàn cái thế trận ngôn ngữ:

– Này anh Phúc ơi, anh là một người chí thân của tôi, Một vị ân nhân của tôi. Nhờ anh, vợ chồng tôi mới lấy được nhau, mới có buôn bán. Vậy thì tôi cần thành thực với anh...

Được hởi lòng hởi dạ, Phúc không nghĩ kỹ, hấp tấp đỡ lời:

– Chỗ chúng ta với nhau, anh cứ nói thế làm gì. Nếu anh nói thế, thì tôi bị bó buộc nói lại rằng cái tình của chúng ta nặng hơn anh em ruột, vì khi tôi nghèo anh đã tử tế lắm, mà đến cái giàu ngày nay tôi được hưởng cũng là nhờ ở anh, anh có cho vay tiền thì tôi có mua vé, và mới phất canh bạc to đến thế.

Tấn tóm ngay lấy cái cao hứng hớ hênh ấy để hỏi:

1. Văn hào Pháp (1844-1924).

– Vậy anh có cho phép tôi được thành thực không?

Phúc sốt sắng đáp luôn:

– Ô! Điều ấy là cần lắm chứ! Nếu không sẽ có nhiều sự hiểu lầm nhau nguy hiểm cho tình bằng hữu của ta!

Tấn cũng sốt sắng nói:

– Đây này, ít lâu nay tôi rất lấy làm buồn vì anh. Thật thế, anh thay đổi dữ quá! Xưa kia, anh là một người đạo đức, giàu tình cảm, rất ít tật xấu, rất nhiều nết tốt, có thể gọi là một vị chân hiền, ấy là ta không nói đùa. Khi anh bắt đầu trúng số, tôi rất hy vọng vào anh, mà chẳng phải vì lợi riêng của tôi. Tôi đã bảo thế này: “Hay lắm, rồi mà xem. Người ấy, mà ta rất hân hạnh được làm bạn lúc còn nghèo, mà đã giàu lòng nhân đạo thế thì quyết là sau này sẽ làm nổi những gì cho nhiều người trong thiên hạ được nhờ!” Bây giờ, càng ngày cũng chỉ như nhiều người giàu khác mà thôi. Làm việc tốt thì rất ít, làm việc xấu thì đã khá nhiều, đến nỗi không còn một tí gì là đủ tỏ cái văn bản đạo đức thuở trước nữa! Thế có chết không! Anh Phúc ơi, tôi xin cảnh cáo anh... vì tôi rất sợ rằng mỗi ngày một tí, cứ dần dần như thế, thì lương tâm vốn rất tốt của anh sẽ hoàn toàn hoen rỉ mà thôi! Anh chớ vội giận, cứ để tôi nói, vì anh đã cho phép tôi được thành thực... anh Phúc ạ, nếu anh hiểu được tấm lòng tôi kính mến anh và hy vọng ở anh những điều cao thượng hơn đời xưa kia nó sốt sắng đến thế nào, thì anh mới thấu rõ cái buồn lòng của tôi ngày nay! Tôi khổ như thấy chính tôi suy đốn vậy tuy rằng nếu chính tôi đốn thì tôi không sao biết được. Nhân tiện, tôi xin nhắc lại câu danh ngôn xưa kia anh hay nói đến, mà anh đã chép vào cuốn sổ tay: “Người sướng quá cũng tỉ như đứa kẻ cắp nhà nghề: sớm chày rồi cũng có phen bị tóm cổ!” Thế anh nhớ chưa?

– Thế anh trách tôi những gì nào?

– Anh cứ nhớ ra xem: Xưa kia anh có thế này đâu? Bây giờ... bây giờ anh giai gái, hút sách, anh sắp nghiện rồi đó. Mà anh tàn nhẫn, kiêu ngạo, không có thủy chung! Anh lại nỡ xui thằng Hựu chim Bích để hy vọng có cớ bỏ rơi cái người khốn khổ, thật anh đã tệ bạc, nham hiểm quá lắm. Nhất là về cách làm giàu! Anh chủ trương kiện tụng để có cơ hội bắt thương Khách ấy bán tống bán tháo cái sản nghiệp cho anh! Chết chửa...

– Thôi đi, anh quá lắm. Một thằng sét ty mà anh dám bênh...

– Tôi sợ bắt đầu là anh trị tội một con mọt đáng trị tội. Nhưng rồi anh quen mùi thì có phen anh sẽ làm hại đến cả người lương thiện. Ấy lương tâm con người ta cứ như thế rồi dần dần hóa xấu mãi đi, nên tôi lo xa, và phải cảnh cáo chớ chưa kết án, vì đến lúc phải kết án thì anh là hoàn toàn bỏ đi rồi, thì còn nói chuyện gì nữa!

Phúc cười nhạt rất đại lượng gật gù mà rằng:

– Ừ, thôi cũng được, thì đó những tội tầy đình của tôi! Nhưng mà, ngoài ra, dễ tôi không làm nổi việc gì tốt đó sao? Anh quên rằng tôi đã cúng vào quỹ hội Tế Sinh nghìn bạc? Anh quên rằng tôi đã giúp những người nghèo họ nhà tôi cũng gần bạc nghìn? Anh quên rằng vì tôi bỏ tiền ra cho nên hàng mấy nghìn người thuộc những gia đình thợ dệt chiếu mới khỏi thất nghiệp, và do đó, cho đến nay mấy nghìn mạng người ấy vẫn no ấm? Anh quên rằng tôi cho dân lụt năm nghìn? Những cái ấy thì ra anh chẳng kể vào đâu?

Tấn nhăn nhó, bất đắc dĩ phải nói:

– Đây này, tôi, tôi dám tự phụ là hiểu anh hơn ai. Anh cho hội Tế Sinh những một nghìn, trước là để quảng cáo, sau là để bịt miệng các nhà báo khi anh từ chối các việc thiện khác, các công cuộc xã hội khác. Cho hẳn những người trong họ hàng bạc nghìn là vì ích kỷ, vì cái mục đích rào đường những sự vay mượn quấy rầy về sau...

Anh hùn vốn vào xưởng dệt chiếu chỉ vì cơ ngơi ấy khá được, nhân công rẻ hơn bèo... Mà tại sao tôi lại hiểu kỹ như thế? Là vì chính anh đã nói thế, đã hả hê khoe cả với tôi, mỗi khi anh thành công! Nhưng thôi, thì cứ cho những việc ấy là đáng khen cả, cho dầu anh đã làm ấy là vì thấy lợi. Cũng được! Nhưng mà... thử hỏi: Xưa kia anh chỉ dự định có thế thôi ư? Cái chương trình việc thiện, lúc anh còn nghèo, anh đã nói rõ với tôi. Vậy mà anh chỉ đã làm những việc mà kẻ có tiền nào cũng đã làm, đương làm! Đâu tôi chỉ hy vọng ở anh những việc tầm thường như thế ấy? Phải... vĩ đại chứ?

Phúc lắc đầu cười nhạt:

– Thế mới biết anh ngây thơ làm sao! Đi tin tôi là bậc chân hiền! Hy vọng tôi trở nên vĩ nhân! Ha ha! Ha ha!... Đây này! Kẻ nào đã trúng số độc đắc như tôi, thì chẳng thể nào trở nên xuất chúng phi thường gì được! Anh xem danh nhân thế giới có ai vì trúng số mà trở nên danh nhân không? Sao anh ngốc thế?

– Anh lại nói thế nữa thì tôi thất vọng vô cùng!

– Ừ, thế anh muốn tôi thế nào bây giờ nào?

– Cái gì? À, tôi chỉ muốn thế này: Anh bỏ cái trí làm giàu đi thế thôi. Nên cho thế là đủ rồi. Và phải nghĩ đến người khác, vì nếu mải nghĩ đến két bạc của mình, rồi thế nào cũng hóa xấu. Ừ, như anh, giàu nữa thì làm gì? Há anh lại chẳng hiểu cái hại của câu "nhân dục vô nhai" hơn ai? Muốn sướng anh nên diệt dục và anh đã ở địa vị được thế rồi đó!

Phúc thân mật vỗ vai bạn mà rằng:

– Đã nói thì nói một thể... Anh Tấn ơi! Anh có bao giờ thấy rằng anh cứ phải ghen ghét tôi, hoặc bực mình và phải yêu cầu tôi một việc gì hay không? Ấy là vì tôi giàu hơn anh, và muốn thỏa lòng tự ái, anh chỉ còn cách phải giàu như thế. Tôi cũng vậy, tôi chỉ bực tức, muốn cướp lấy cái thế lực của những kẻ nhiều tiền hơn tôi. Thế là khổ thân, nhưng mình cứ phải thế, cái luật đời nó buộc ta như vậy. Đã sống, có ai chịu nhìn xuống bao giờ? Anh tưởng tôi thế này là trung tâm điểm của vũ trụ, cả thế giới phải quay mặt lại ngưỡng vọng mình rồi đó sao? Nhầm! Càng giàu lại càng khổ vì cứ trông thấy kẻ khác giàu hơn! Đấy, tôi cũng đã tưởng như anh, nào ngờ một hôm xảy ra cái nạn xe hơi mới biết là mình chưa có gì, vì phải đền người quyền thế hơn mình vạn bạc vào một cái sẹo! Anh Tấn ơi! Tư tưởng của anh chẳng phải là tôi không phục, nhưng phục rồi thì lại để trả anh! Tới đây tôi mới hiểu rõ đời là cái gì! Anh còn non người trẻ dạ, dạy tôi sao nổi? Đây này, tôi đã không ham tiền và đạo đức đúng như ý muốn của anh! Hỏng bét! Mình lạc đạo vong bần thì ai cũng khinh bỉ là ăn hại, là gàn dở, cho dẫu bạn thân, cho dẫu vợ, cho dẫu bố mẹ. Đến khi ăn hại đời thật sự té ra ai cũng quý hóa, sợ hãi mình! Người đời quây quần quanh một bàn tiệc, thằng nào ăn khỏe, dám ngoạm những miếng to thì ai cũng kính nể, còn kẻ nào nhút nhát, rụt rè, không dám gắp, thì bị chế nhạo, bị rày xéo, thôi thì cứ việc chết đói nhăn răng! Ấy cái khinh cái trọng của thói đời, nghĩa là cao xa của nó chỉ là vậy. Trong cái cuộc cướp cháo chúng sinh ấy, cứ thằng nào khỏe, đẩy được nhiều đứa khác, thì chính nó là anh hùng, là vĩ nhân! Cái khỏe ấy ta muốn có thì phải có tiền! Ta tưởng cứ giữ lấy chữ nhân thì rồi có miếng đỉnh chung, thế là ngu xuẩn. Phải lăn xả vào mà cướp lấy cho kỳ được, ấy thế rồi thì thiên hạ sợ ta, lạy lục ta để mong ta bỏ bớt cho... Trong cái cuộc vật lộn khốn nạn, làm gì có ai nhàn rỗi để khảo chân hiền, và lại để làm gì, nếu chân hiền chỉ

là thằng ôm bụng chịu đói? Này, anh Tấn ạ, anh cảnh cáo tôi làm gì, nếu chính anh mới là người đương mê ngủ, nếu chính tôi mới là kẻ tỉnh ngộ, và có phận sự cảnh cáo anh? Thôi anh cứ theo gương tôi, kiếm tiền, làm giàu... Không phải giàu thí dụ bằng tôi rồi thì thôi đi, nhưng mà để cũng như tôi, phải mong giàu hơn nữa. Vì dẫu ta phú quý đến bậc nào đi nữa ta cũng sẽ thấy vẫn cứ có lắm kẻ còn quyền thế hơn ta, đè đầu cưỡi cổ được ta. Thôi đây, tôi đã hiểu cái gì là tình mẫu tử, phụ tử, cái gì là nghĩa tao khang... Những cái thiêng liêng ấy, muốn cho tốt đẹp được, thì chỉ tiền! Vậy thì anh đừng có làm cái ông đồ gàn đi dạy tôi một bài học về cái đạo cam tâm hèn ngu. Chẳng có anh, xưa kia tôi cũng đã mất trí khôn mãi rồi, vậy thì ta mau mau kịp tỉnh ngộ đi, kẻo mà quá muộn. Chẳng có anh thì tôi cũng đã học được cái bài học trọng đại của đời là loài người không ai tốt cả. Chẳng phải luân lý hay đạo đức vẫn cầm cân nảy mực cho đời, đó chỉ là kim tiền giữ quyền thống trị và an bài mọi điều nhân nghĩa, đạo đức, trên cõi thế gian, tự cổ chí kim... Nếu anh chưa đủ hiểu những lời thành thực ấy thì thôi, từ nay, anh đi đường anh, tôi đi đường tôi. Bằng anh đã tỉnh ngộ đồng ý với tôi, thì chiều nay, ta đi tom chát một chầu dưới xóm. Thôi chuyện phiếm mãi rồi, rõ mất cả thì giờ, ta về đi thôi. Và tôi xin nói cho anh biết rằng tôi đã quyết định lấy Bích số một của tôi, cho nên tối nay mới đãi anh chầu hát... Tôi sẽ làm chuyện phi thường nhất, đáng gọi là vĩ nhân, bằng cái sự lấy vợ lẽ, vì tôi là dân Tây, Tây mà lại lấy được vợ lẽ, há đó chẳng là một việc oanh liệt nhất, vĩ đại nhất, tòng lai [1] chưa thấy có hay sao?

Hai người đứng lên, dắt tay nhau thong dong ra về.

Đến lúc tạm biệt nhau để ăn cơm chiều, Tấn bắt tay Phúc và gật đầu nhận lời:

– Ừ, thì tối nay đi tom chát vậy!

Đăng đầu trên *Tiểu thuyết thứ bảy*, 1938.
Theo bản in của Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội 4 - 1990.

1. Xưa nay.

NGƯỜI TÙ ĐƯỢC THA

(Tiểu thuyết – Di cảo)

PHẦN THỨ NHẤT

I

VÌ CÓ MỘT BỌN VƯỢT NGỤC

Đó là vào khoảng giữa tháng giêng ta năm 1936...

Trên bãi cát mông mênh viền cù lao Hòn Tre ở phía đông, nhằm một đêm có trăng, hai người tù khổ sai đương cùng nhau đi tha thẩn như dong chơi, để làm một việc rất thú vị, nhẹ nhàng hơn mọi thứ việc khổ sai khác mà một chế độ ác nghiệt đã làm cho Côn Đảo được nổi tiếng với thế giới: đó là việc đi bắt vích, một việc không sốt ruột như đi câu, cũng không vất vả như đi săn, chỉ những tội nhân sắp mãn hạn mới được chủ ngục giao phó cho làm.

Nguyên Hòn Tre là một cù lao nhỏ ở phía đông nam Côn Đảo, cách xa đấy độ nửa giờ tàu thủy. Trên cù lao này là một hòn núi khá cao có đủ các thứ bụi rậm, cỏ dại, cây rừng, và như tên gọi, nhiều nhất là tre. Không kể bãi cát, còn ba phía khác là những cồn đá hiểm trở mà vết chân người chưa từng đánh dấu, và chỉ là nơi hội tụ, là nơi làm tổ của chim yến, và của mấy thứ chim bể khác nữa. Trong một năm tôi kể có bảy tháng. Hòn Tre là một hải đảo hoàn toàn hoang vu, vì thổ dân đã bỏ đảo, đi tìm những nơi đất cát phì nhiêu khác mà tạo vật đã đại lượng hơn, hoặc về hòn đảo chính đăng vào đạo binh ma tà để trọn đời sống tàn ác cho đến triệt để.

Tù đã được cử ra bắt vích nói đây phải là thứ tù mà những đức tính phục tùng là rõ rệt đến bậc cai ngục cũng phải công nhận. Lại thêm sắp mãn hạn, cho nên thứ tù đi bắt vích thường chẳng bao giờ còn có tư tưởng vượt ngục nữa, cho dẫu ở Hòn Tre chẳng thiếu gì tre

để làm bè rồi liều đời mạo hiểm với bể khơi... Ở đây, hai người tù không phải đeo xiềng xích, cũng không bị lính canh gác chi cả, được tự do sống cái đời gần như của An Tiêm ở Hải Nam thuở xưa, và hơn An Tiêm ở chỗ mỗi tháng được một lần nhận gạo lứt và cá mắm của chính phủ địa phương. Bởi những lẽ ấy, Hòn Tre đáng gọi là một nơi bồng lai, giữa cõi địa ngục thế gian là quần đảo Côn Lôn, là một nơi mà chế độ đối với tù nhân đã làm cho những tay giết người như giết ngóe cũng phải táng đởm kinh hồn.

Hai người tù đương được hưởng cái giai đoạn tự do tương đối trên cù lao này là Phách và Trì. Theo cái tên bằng con số mà bọn lính canh xưa kia vẫn gọi, thì một người là 2560, người kia là 2955. Đã hơn hai tháng nay được thả ra nơi hoang đảo này, Phách và Trì mới được gọi nhau bằng cái tên của cha mẹ đặt. Và họ đã vì gần gụi nhau mà trở nên một đôi bạn thân, dẫu rằng những nguyên nhân nó xô đẩy họ ra cái nơi đầy ải này chẳng có gì giống nhau. Vì rằng tuy đôi bạn ấy đều cùng bị một thứ án khổ sai, Phách là tù chính trị, còn Trì là tù... kinh tế. Trong khi Phách còn là một viên giáo học tuyên truyền cho Việt Nam Quốc dân đảng ở Vĩnh Yên, thì Trì, một viên chánh hội một làng nhỏ ở Nghệ An, cũng làm giấy bạc giả để cạnh tranh bất chính với nhà băng Đông Dương. Cả hai đều bị sa vào lưới của pháp luật đế quốc, bị kết án 10 năm khổ sai, đày đi Côn Đảo. Họ đã chịu nhẫn nhục để cố sống cho thuận cảnh đã tám năm trời. Nhiều khi hai người đã tỏ ra như là những kẻ tham sinh úy tử, có thể bảo là hèn nhát cực điểm nữa, chẳng kém những kẻ tầm thường nhất trong cái hạng tầm thường!... Sở dĩ thế, ấy chỉ là vì có can trường cực điểm, không hề nao núng, vẫn để rất nhiều hy vọng vào tương lai tức là cái ngày mãn hạn được thả về với tự do. Vì hai người này coi đời chỉ là một canh bạc mà thôi, thua keo này ta bày keo khác, còn được sống ngày nào ắt cũng có ngày lại phấn đấu nữa, phấn đấu cho đến lúc hấp hối... Có thế cho nên mới dám coi mười năm bị đầy ải ở chốn lao tù chỉ là một thời hạn ngắn ngủi, và chỉ làm người chẳng phải là đã hết mất, cho dẫu đã phải khoanh tay bó gối tạm hàng phục cảnh ngộ những mười năm thanh xuân trong đó ta đã giữ được ý chí và nhiệt tâm hơn lúc mà sức khỏe đã giảm vì mái tóc đã hoa râm. Mười năm khổ sai, hai người nay đã coi chỉ như một giấc ác mộng, sau đó thì phải hành động thế nào cho khôn ngoan hơn trước, cho đáng gọi là tỉnh ngộ. Cả hai đã không hề hành thích lính gác, hoặc tự tử, hoặc

trước khi chết thì phải làm một việc bạo động chi đó để cho cái chết khỏi là vô ích, như đa số tù nhân khác vào những lúc bị lính hành hạ, những tù không dám ôm ấp mối hy vọng nào nữa vì đã tưởng đời mình đến thế là hết đường. Cũng còn may không bị chung thân khổ sai hoặc chung thân cấm cố, cho nên Phách và Trì chưa hề lần nào hóa điên và tuyệt vọng, hóa điên đến liều đời mà có một hành vi gì táo bạo như một số tù nhân đã được tiếng là anh hùng. Tư tưởng vượt ngục, hai người này đôi khi cũng đã có, nhưng chẳng may không kiếm thấy "đồng chí"... Vả lại trong chín năm liền, thỉnh thoảng có tội gì lại xích sắt với quả lăn giữ vào khuôn phép trong banh khổ sai số 1 ở Côn Đảo, việc vượt ngục đối với họ là một sự chỉ có thể thành tựu trong mộng tưởng mà thôi. Sau tám năm đầy đọa ấy mới được thả ra Hòn Tre, chỉ còn một năm nữa là được tha về, Phách và Trì không còn một mảy may tư tưởng đóng bè thả khơi nữa, mặc lòng những giặng tre xanh um kia hàng ngày vẫn như thúc dục hai người làm cái việc mạo hiểm ấy. Nói tóm lại, chế độ lao tù không những đã chẳng làm nản chí đôi bạn này cũng như nó chẳng khiến họ trở nên độc ác, quay lại với tất cả những thú tính của con người ở thời cổ sơ ăn lông ở lỗ, trong đồng loại cũng có thể giết chết nhau ngay, nếu hai bên đã gặp lúc đứng trước miếng mồi. Nó như cái lò luyện sắt lửa càng to, nung nấu càng nhiều, thì miếng kim khí lúc lôi ra càng già nước thép; con người càng chịu khổ sở lại càng thêm khôn, cái thời hạn càng dài cái đức kiên nhẫn kia cũng theo nó mà thêm trường tồn trong cái thứ linh hồn của hạng người quá chớn. Đối với nhiều tù, chế độ tàn khốc kia chỉ là tai hại cho tinh thần, nhưng đối với anh 2560 và anh 2955, nhà ngục đã chỉ có ích như một bọc đường mà thôi. Nhưng phần nhiều những tù khác, không hiểu thấu, đã khinh bỉ Phách và Trì, coi là hai thằng hèn nhát, đốn mạt. Lại có người nông nổi tưởng nhầm đó là hai tên chỉ điểm có bổn phận dò xét các tội nhân. Cho mãi đến khi được giam lỏng ở Hòn Tre, hai người mới không bị ngờ vực lắm như lúc còn ở banh số 1.

Đêm hôm nay, cũng như mọi đêm khác, đôi bạn đã chờ trăng lên khá cao mới bỏ túp lều nhỏ ra đi. Lều này làm bằng tre, bằng cỏ bái, và lá cây đủng đỉnh, như một cái áo may bằng ba bốn thứ vải, do những người tù tiền bối của Phách và Trì – nếu ta có thể nói được thế – dựng ra đã từ lâu bên cạnh một móng chân núi, dưới bóng một cây gạo. Bên cạnh lều là một cái chuồng để nhốt vích, thứ hải vật

giống với đồi mồi nhưng mai không đẹp bằng, và hình thù thường to hơn. Trong một năm, vào mùa gió chướng, dân gian Côn Đảo, từ viên chức, binh lính cho đến tù ai cũng cho thịt vích là một thực phẩm quí giá, thí dụ như ở lục địa ta coi thịt ba ba và trứng vích cũng ngon bằng trứng vịt. Vì lẽ thịt và trứng vích được hoan nghênh đến thế cho nên tù ở Hòn Tre phải chịu cái điều lệ – một điều lệ bao giờ cũng đáng sợ hơn cả một điều luật – mỗi tháng phải bắt được trung bình từ 60 con vích trở lên. Kém số ấy, tù sẽ bị rầy la, chửi bới, đánh đập... Lính mã tà chỉ có thể tin rằng vì lười biếng, tù ngủ quên đi mất nên không bắt được nhiều, chứ họ không bao giờ lại có thể cho rằng cũng có đêm giông, vích không lên đẻ trên bãi đủ số 2 con.

Ba chục con vích để trong một chiếc tàu sà – lúp thì vừa chở, cho nên cứ nửa tháng một lần, tù phải đốt ba đống lửa để bên Côn Đảo trông thấy thì cho ngay lính gác và lính ma tà đáp tàu sang đó "lấy rau". Theo một thứ tự điển ở Côn Lôn thì vích, trứng vích, cau, dừa, tre, măng, những cái ấy, tù phải nộp cho kho lương, và ngần ấy thứ đều được gọi là rau cả.

– Chúng ta đã có bao nhiêu rồi, anh có nhớ đích xác không?

– Hai mươi hai thì phải, mà hai ngày nữa đã phải nộp.

– Trời! Trong hai đêm không bắt được cho đủ 8 chú nữa, lính chúng sẽ đánh mình bể đầu!

Nghe Trì than thở, Phách nhìn lên không gian... Mặt trăng thượng tuần, vào đêm mồng chín tháng giêng, đã gần tròn trĩnh, và lúc ấy, cả bầu trời tựa hồ như một nền gấm vàng nhạt có điểm muôn nghìn miếng kính lấp lánh, không có một chút gợn mây nào cả. Phách cũng phải thở dài mà rằng:

– Trăng sáng quá thế này thì khó lòng có nhiều mà bắt...

Là vì giống vích tuy vậy mà cũng không phải hoàn toàn dại dột. Hễ thấy bóng người, nó không lên. Một khi đã lên bờ rồi, nó phải đào xong một cái hố cát mà bề ngang, bề dọc và bề sâu độ hơn một thước, rồi nó mới nằm lên trên hố mà đẻ. Muốn bắt vích, phải nhằm lúc nó sắp đẻ xong, nghĩa là lúc nó đương đau, không cử động được, có mắt cũng như không... Giữa lúc ấy, ta cứ việc chạy đến, lật ngửa nó lên như lật một tảng đá, thế là xong chuyện. Nhưng giữa lúc ấy, có thể có một số vích khác còn ở dưới nước, đương ngóc đầu nhìn lên bờ... Thấy có bóng người rồi, chúng không lên nữa. Nếu cả một đàn

hải vật ấy kéo nhau lên đẻ cùng một lúc, thì việc đi bắt chỉ có thể đầy những thú vị mà thôi! Sự thật, chúng cứ dần dần lên từng con một.

Phách không dám có hi vọng rằng vài đêm nữa, đã được phép đốt ba đống lửa báo hiệu nộp vích. Mà nếu sau hạn nhiều ngày quá, ắt thế nào cũng bị chửi rủa, nếu ngày mai không đủ thời giờ đi chặt độ một gùi măng, gọi là có chút lễ vật tâm thành đấm mõm đám lính ma tà dã man kia. Nghĩ thế, anh nghiến răng, chứ không thở dài. Đã tám năm nay, anh đã hiểu cái gì là kiềm chế lòng phẫn uất: những lúc tức giận cực điểm vì bị đánh hoặc bị chửi, anh không nhăn mặt không cau mày, không xuýt xoa, cũng không thở dài chỉ nghiến rít hai hàm răng lại mà thôi. Sự ấy đã thành thói quen cho nên hai bên miệng anh, cái tiềm lực của căm hờn đã điểm dấn bằng hai nét nhăn khá sâu nó khiến mặt anh già thêm dăm tuổi nữa, và chính những lúc Phách có thứ vẻ mặt lạnh lùng của một tay trọc phú đối với sự cầu cứu của kẻ khó, ấy là lúc anh xúc cảm rất mạnh nên phải kìm cương mình cho khỏi bạo động vậy.

Tự nhiên Trì bảo:

– Ủa! Đã có một mống đương bới cát rồi kia kìa!

Phách quay đầu lại, nhìn về phía mà Trì trỏ tay. Xa xa, trên bãi cát trắng mờ, cách chỗ hai người gần nửa cây số quả nhiên có một chấm đen động đậy bên cạnh một chấm màu xám thật. Phách so vai...

– Các chú cứ việc rủ nhau lên cho đông, rồi các anh ra đón một lần cho tiện.

Không bảo nhau, hai người cùng tiến bước sang phía hữu qua cái vườn rau tại đó những tù thời trước đã giồng được ít rau muống, rau giền, rau vừng, rau xương sông... Đến chuồng vích thì cùng đứng lại.

Thấy bóng người, mấy con vích đương châu đầu vào nhau bên trong lượt rào tre vội vàng cựa quậy, ỳ ạch bơi những cái chân hình bơi chèo. Chúng ngóc hẳn lên, hoài nghi, nhìn quanh tứ phía, rồi mới lạch bạch lê đi với những bước chân rùa, xô vào nhau, trèo lên lưng nhau, rơi xuống cạnh đó, lại hút lẫn nhau. Dưới ánh trăng, đó là những tảng đá khổng lồ biết cử động một cách vụng dại. Ở ba góc rào kia, những con khác đương nằm im lặng, thấy động, cũng thức giấc, cũng muốn chạy trốn; những chiếc mai rắn va nhau nên những tiếng ròn...

Trì lấy ngón tay trỏ đếm một lượt rồi nói:

– Ừ, chỉ có hai mươi hai con thôi!

Không bảo nhau, hai người cùng ngồi xuống một phiến đá nhẵn nhụi hình chữ nhật vẫn dùng thay làm đe để bổ củi, ở gần đấy. Trông thấy những con vật vô tội bị giam hãm đây để mai kia sẽ mổ thịt, đôi bạn trạnh lòng nghĩ đến mình. Đành rằng thân thể mình ở đây sướng khổ thế nào đã biết rồi, nhưng những ai thân thích ở nhà, thì sự đời ấm lạnh ra sao? Đã lâu lắm, hai người không nhận được tin tức gì của gia đình nữa. Là tại thư của mình không về đến quê nhà chăng? Hay bởi gia đình lại chịu nhiều tai biến khác nữa, đến nỗi tuyệt vô âm tín? Hay chỉ tại viên thư ký Tây coi việc kiểm duyệt thư từ, trong những phút cao hứng vô nhân đạo, hoặc ở những lúc bực tức điên rồ, đã nhất loạt cho vào đống rác tất cả thư từ lọt dưới mắt y? Số tù ở Côn Đảo là hàng mấy nghìn, con số thư của người nhà gửi đến và thư của tù gửi đi mỗi tuần là hàng nghìn, vậy mà chỉ có một người khám xét ngần ấy thư, làm thế nào cho người ấy vừa đủ bổn phận, lại vừa giữ được nhân đạo! Thật là đáng bứt rứt, đáng phân vân. Bỗng dưng cả hai thấy nôn nao trong lòng chỉ muốn ứa nước mắt.

Không, họ chỉ nhi nữ thường tình trong một khoảnh khắc mà thôi. Đống vích ngẩn ngơ kia – con thì trèo lên lưng con khác để bị ngã, con thì nặng nề bò lê theo cái đường hàng rào tre tưởng sẽ thấy lối thoát thân, con thì ngỏng cổ chui qua mắt rào cố đẩy mai một cách thậm vô ích – trước mắt hai người này là kẻ bắt chúng thì điềm nhiên khoanh tay đứng nhìn: phải chăng đó lại chưa đủ là một bài học dễ hiểu giảng dạy cái chân lý thông thường của ưu thắng liệt bại? Thì họ đã bị. Nhưng đã thất bại rồi, chẳng nên trách mình, cũng chẳng nên oán ai... Trong khắp vũ trụ, chỗ nào mà lại không thấy chỉ có một luật nhất định: cái luật của con vật khỏe? Chỉ còn hai năm nữa, âu là chờ... Việc gì phải thổn thức, khi người ta đã diệt được nhiều tình trong thất tình, đã tám năm nay! Họ đã thất bại chỉ vì họ cũng đã "dại như vích", vậy thì mai sau chỉ cần khôn ngoan hơn nữa thôi, vì khôn chính là điều kiện tối cần cho kẻ nào không khỏe mà muốn khỏe vậy.

Một bông hoa gạo thình lình rơi đánh bộp một cái xuống chỗ trước mặt hai người. Thế là dòng tư tưởng kia bị gián đoạn. Trì vỗ vai bạn rồi đứng lên. Muốn phá cái buồn nhớ nhà, Phách cũng đứng lên, và nói:

– Nhặt bông gạo làm chăn đắp thì thú, nhưng quét hoa gạo úa thì khổ lắm, anh có thấy?

Trì đáp tự nhiên:

– Làm giấy bạc giả để tiêu thì sướng, nhưng trả nợ cuộc nghịch ranh ấy những mười năm khổ sai thì đáng buồn.

– Đó là lẽ tự nhiên.

– Nào ai cãi?

– Nếu có cãi cũng không ăn thua gì cả.

Nói rồi, Phách ngửa cổ nhìn trời ngâm nga rất to:

Đêm khuya buồn lắm, chị Hằng ơi!
Trần thế em đây chán nửa rồi...

Trì vỗ vai bạn, và, vì sợ nỗi buồn của bạn lây sang đến mình, vội vàng ngâm tiếp:

Có bầu có bạn can chi tủi,
Cùng gió, cùng mây, thế mới vui!

Thế là hai người cùng vươn vai, làm mấy cử chỉ thể thao ưỡn ngực hít thanh khí rất dài, rồi chạy nhảy tung tăng quanh chuồng vích như một đôi con vật. Đến chỗ có đống giỏ đan bằng tre để đựng trứng, cả hai khuân mỗi anh ba chiếc, đội lên đầu. Rồi trông ra bãi bể mà thẳng tiến...

Chợt Phách dừng lại, lấy bàn tay làm mái hiên che mắt, hất hàm hỏi:

– Kìa, anh trông hộ. Có phải lại thêm được một con nữa rồi không?

Hồi lâu, Trì mới đáp:

– Đúng lắm! Nó cũng đương đào hố!

– Trời không có tí mây nào cả, vích cũng cứ lên đẻ như thường! Lạ thật.

– Không có gì lạ, vì mấy đêm nay, chúng đã lánh mặt chúng ta. Đau đẻ mà nhịn được đến thế, cũng là khá lâu đấy chứ?

– Ta hãy ngồi ngâm phong vịnh nguyệt đây lát đã, rồi thế nào ta cũng sẽ trông thấy chúng lên nữa.

Nói xong, Phách quẳng giỏ xuống cát, và Trì cũng bắt chước bạn. Có hai chiếc giỏ, theo đường mép, như một cái bánh xe, lăn ra chỗ rất xa, trước khi lật úp hẳn, đã lia lia đảo một hồi dài... Hai bạn ngồi

phệt, ruỗi thẳng cẳng như trẻ con chơi nu na nu nống, tay khuỳnh về phía sau lưng. Trì rộ lên khen tạo vật:

– Đù mẹ kiếp! Sao, trăng chi mà đêm nay đẹp dữ vậy!

Phách chỉ nhếch mép cười...

Hồi lâu, Trì lại căm tức nói rất thô lỗ:

– Cái mặt trăng này, có phải để cho chúng mình thưởng ngoạn đâu! Là để cho cái nhân gian đương yên vui trong lục địa, cho những cặp vợ chồng mới cưới ngồi ôm nhau trong vườn hồng, cho những cặp nhân tình du lịch ở Cửa Lò, Ô Cấp [1], Sầm Sơn, Đồ Sơn, cũng đẹp thế này...

Phách cắt:

– Anh vừa thấy trăng đẹp đến nỗi anh chửi cả tạo vật, nghĩa là anh cũng có thưởng ngoạn đấy chứ!

Không để ý, Trì cứ tiếp:

– Tôi không là anh, nên tôi không có quyền gì... Chứ nếu tôi là anh, thì tôi sẽ khinh bỉ, sẽ chửi bới những đứa sống bình chân như vại không nghĩ đến ai cả, vì nhờ có sự hy sinh của những người như anh mà bọn khốn nạn ấy được sung sướng hơn.

Phách để một ngón tay lên ngang mồm, rồi:

– Chỉ có sự im lặng mới là cao thượng thôi.

Tuy chỉ đáp thế, Phách cũng rất mừng thầm. Vì Trì, một tù kinh tế, đã vì sự đụng chạm với ít nhiều chính trị phạm mà cũng trở nên có quan niệm rạch ròi về quốc gia, xã hội. Được cảm hóa rồi, nhiều lần con người làm giấy bạc giả ấy lại tỏ ra tâm huyết sôi nổi ra ngôn ngữ một cách chân thành và hăng hái hơn ai... Đó là một điều may mắn, vì những tù thường phạm mà không được cảm hóa thì cứ mãi mãi là những tấm linh hồn xấu. Nếu họ lại còn bị "Côn Lôn hóa" nữa thì, ôi thôi! Họ sẽ càng tàn ác, gian lận, không biết gì là đồng tâm, là hợp quần, là nghĩa hiệp, hay nịnh hót lính, hay tố cáo hoặc kiếm chuyện với các tù khác để lập công. Đằng này, với Trì, trái lại, Phách có thể tin cậy như một bạn đồng chí được lắm. Vả lại bị vứt ra đây, Trì chẳng phải vì đã trộm cướp, hiếp dâm, hay giết người... Vậy thì, dẫu sao đi nữa, Trì cũng chỉ đã là gian hùng chớ không phải là đã trụy lạc.

---

1. Nay là Vũng Tàu.

Hai người lặng nhìn nhau, như một đôi xa lạ lần đầu giáp mặt nhau. Thứ y phục của nhà tù bằng vải nhuộm xanh tràm, áo thì tay rộng lùng thùng, quần thì ngắn, đó chẳng có gì làm vinh dự cho con người mặc nó, với cái đầu đã lâu không được săn sóc cho nên tóc mọc hỗn loạn bên trên như cỏ lau non trên bụi dại, với các thứ mặt phong trần ghê gớm là mặt tù, bất thành nhân dạng, ở quai hàm và ở môi mép, râu ria tua tủa đâm ra như rễ tre... Ai dám bảo rằng với thứ hình thù và thứ người ngợm thế ấy, đó cũng vẫn là hai con người hẳn hoi, có thể có một quả tim dũng cảm hay một khối óc sáng suốt? Thật thế, bấy lâu nay mải sống trong tự nhiên, phải chiến đấu gắt gao như người rừng, những bắp thịt trong khắp người họ đều nở nang đặc biệt, lòng bàn tay thô, da sù sì những chai, gan bàn chân cũng dầy cồm cộm lên, mảnh sành không đủ cứa đứt, sỏi nhọn chẳng đủ làm đau... Chỉ có cái trán là cứ răn reo thêm tựa hồ như mỗi ngày một hẹp lại, nó khiến cho cả con người, kể bề ngoài, không tỏ ra một chút giá trị tinh thần nào nữa. Mỗi khi soi gương bằng một vũng nước, đôi bạn vẫn đã có cái cảm tưởng mai kia chỉ hữu ích được ở cách đi phu phen, một khi được tha về nhà... Và đó chẳng phải điều hân hạnh gì cho lắm, khi những người thân yêu nhất đời của ta lại trông thấy ta với thứ mặt mũi hung hãn của tù nhân như thế.

Tự nhiên Trì nói:

– Ta chỉ còn một năm nữa thôi.

Phách thẫn thờ đáp:

– Phải, 12 tháng nữa kể cũng chẳng mấy tí...

Thế rồi thôi, không ai nói gì với ai nữa. Bao nhiêu cảm tưởng sâu xa trước cảnh "gió mát trăng thanh" này, bao nhiêu nỗi nhớ nhà man mác, của hai người, đều phải phát tiết ra lời có thế thôi. Và cả hai đều không hiểu vì sao đêm nay mình lại ít nói...

Theo một thứ nhịp điệu rất điều hòa, những làn sóng cứ việc dồn vào chinh phục bãi cát, rồi lại rút ra khơi. Những tiếng sóng ồn ào xô nhau quần quật và đều như nhịp thoi đưa, làm cho trí não người ta luôn luôn bị ám ảnh, bứt rứt, khó chịu như bị một sự thôi thúc không bao giờ hết. Cái trường hận của bể khơi, ở trường hợp này, hình như đã cố tình kích thích, kêu gọi cái trường hận trong lòng người... Trong một phút, ta bình tâm, tưởng chừng quên khuấy được nó đi, nhưng khoảng một lát, những tiếng ào ào rào rạt, của ngọn sóng điên

cuồng đương nổi trận lôi đình kia chưa chi đã lại đập vào tai ta, để gợi trong ký ức xa xôi của ta một vài điều sôi nổi của dĩ vãng. Ta có thể quên đi, không nghĩ tới, bất cứ sự gì, nhưng chẳng tài nào làm ngơ được với sự kêu gào của bể khơi. Và cứ như thế, cả ngày, cả đêm, qua tuần này sang tháng khác, mãi...

Hốt nhiên thấy vạn vật bỗng ngả ra màu gio xám... Trời đất sa sầm, lẫn lộn trong cái u minh. Phách ngửa cổ nhìn lên không gian, thì ra, từ phía đông, một đám vân cẩu đương bị gió đuổi dồn đến. Trong đàn mây xơ xác như đám tàn quân bại trận ấy, có một mảng đã bắt đầu che lấp mặt trăng. Chỉ lát nữa, người ta có hy vọng rằng những đám mây nhỏ sẽ kết hợp nhau thành một đám mây to, vũ trụ sẽ tối hẳn lại...

Phách vùng đứng lên, reo:

– Đêm nay có Trời giúp chúng tôi rồi!

Trì cũng đứng lên, phủi cát ở đũng quần, cười nhạt mà rằng:

– Sao anh không đi nói rằng có Trời giúp chúng ta ra đây ở tù!

Tuy vậy, đôi bạn cũng vui vẻ đội giỏ lên đầu, sóng đôi nhau bước đi. Họ tiến đến chỗ có đống cát xám nhoi lên trên cái đường thẳng mịn màng của bãi sa mạc mà nước thủy triều đã tốn công san mãi cho phẳng phiu và dịu dàng cho bàn chân như tấm nhung to giải rộng.

Đống cát to một cách bất ngờ, và con vích này là một con vật khổng lồ đã sống lâu năm. Cứ kể riêng cái bề ngang của nó thôi, cũng đã đến một cánh tay. Đầu nó vươn dài ra, mồm nó chúc xuống mặt cát, quờ quạng như muốn bám răng vào một vật gì, để quên bớt cơn đau. Hai con mắt nó tuy giương tròn thao láo đấy, nhưng sự thật, nó không trông thấy gì cả; hoặc giả nó cũng có biết là đương có sự nguy hiểm cho mình, nhưng vì đau quá, không thể nhúc nhích được.

Phách và Trì cứ việc tự tiện thảnh thơi ngồi xuống phía sau đuôi con vật, lấy bàn tay bới cát ra hai bên.

Đến khi có chỗ đủ thọc tay xuống hố rồi thì để kề cái giỏ vào đấy, nhặt trứng dưới hố lên bỏ vào giỏ. Công việc ấy thật là dễ dàng một cách tức cười. Có khi ta chỉ việc đưa tay ra hứng ở đuôi con vật chờ cho quả trứng rơi vào tay ta...

– Con này còn đẻ ít ra cũng phải dăm chục nữa...

Hiểu ý của Trì, Phách gật đầu, bàn:

– Vậy thì anh ngồi đây, để tôi chạy ra đằng kia xem sao, và bao giờ cần thì hoặc tôi gọi anh, hoặc anh liệu gọi tôi.

Trì gật đầu, Phách chạy tới chỗ cách đấy chừng ngót hai trăm thước, cũng có một con vích đương nằm đẻ.

Trời đã tối sầm hẳn lại. Trăng, sao đã bị nhiều từng mây che kín, bể và trời chỉ còn một mầu đen ngòm. Phách và Trì không trông thấy nhau đâu nữa. Thốt nhiên, những tiếng sóng rào rạt nghe bỗng có một tính chất rùng rợn, có thể làm dựng đứng tóc gáy kẻ nào yếu bóng vía. Ta tưởng chừng như những núi nước quằn quại đương xô đẩy nhau ấy sắp ngập lụt chỗ ta ngồi để lôi cuốn ta ra ngoài khơi. Vì một khi trời tối đi, thì mực sóng hình như gần lại...

Bỗng Trì phải đứng ngay, hai tay bắc loa ngoài miệng, gào thét:

– Phách! Anh Phách ơi! Mau lại với tôi!

Gió mạnh quá, sóng bể dập dữ dội quá, tiếng kêu của anh bạt đi. Anh định thần cố nhìn qua cái mờ mờ ấy về phía bạn nhưng không thấy động tĩnh gì cả, cũng như chẳng thể nào biết được rằng bạn đã nghe thấy anh gọi chưa, đã đáp chưa. Nguy quá, những quả trứng từ con vích rơi xuống cát đã thưa thớt lắm, tỏ rằng con vật sắp đẻ xong! Nếu không kịp mau ra tay lật ngửa nó lên, nó mà đã đủ hồi sức để chạy ra bể, thì một người không tài nào bắt nổi nó nữa.

Trì lại bắc loa cầu cứu, cố sức lấy giọng đàn áp tiếng gió và tiếng sóng:

– Phách! Phách ơi! Mau lên! Phách ơi!

Anh tưởng đã thất vọng thì thấy có tiếng khẽ đáp từ xa vẳng lại:

– Đây, tôi đây!

May quá, lúc con vật sắp cử động, đôi bạn đã có mặt chỗ ấy rồi. Trì vội vàng quỳ xuống cạnh con vật, vốc hai nắm cát bôi lên mai nó để có thể giữ cho đỡ trơn tay. Rồi anh cong lưng giữ gịt lên một nửa mình con vật, về phía dưới, để cho, ở bên kia, Phách cũng quỳ xuống, nhịn thở, chuyển tất cả sức lực vào hai cánh tay, để bẩy nó lên, như ta muốn vần một cái cối đá nặng. Bởi lẽ tảng đá khổng lồ ấy tuy vậy cũng biết cử động, cũng biết chống cự, bằng cách bò nhoai đi hoặc quẫy chân bơi chèo vung lên, cho nên lật ngửa nó chẳng dễ nào! Hai người cũng lúng túng, ỳ ạch một lúc khá lâu... mãi đến khi Phách, đã đứng được lom khom lên, Trì vội vàng né mình tránh về phía sau, để cho Phách được thẳng hai tay đẩy mạnh một cái... Cát ẩm đáp lại

một tiếng "bịch" nặng nề; trong cái lốt màu xám, một vòng tròn trắng hếu hiện ra. Thế là con vích đã nằm ngửa, vô kế khả thi, cho dẫu nó vẫn còn quờ quạng bốn chân một cách thậm vô ích, và thở phì phì tưởng chừng như hung tợn khác hẳn thế.

Đôi bạn cũng đứng nhìn, và thở một lúc. Rồi Phách giục bạn:

– Thôi, ta chạy lại đằng này đi thì vừa!

Nói rồi cùng cắm đầu chạy...

Vì hành động trong tối đã lâu, bây giờ hai người đã nhìn lờ mờ thấy sự vật trên bãi cát, không còn bị quáng như lúc mới tối nữa. Con vật thứ hai không gây ra sự khó nhọc gì, vì lẽ nó nhỏ hơn con kia. Phách và Trì, mỗi người đã buộc thừng vào một chân trước con vật, cầm cổ lôi nó sền sệt qua một khoảng cát đi mất nửa cây số thì đã đến chuồng vích. Trì tháo then, mở cánh cổng tre, đun con vích vào, rồi hai bạn lại quay ra phía khơi, sau khi bắt về được con vích lớn đã lật ngửa từ trước – con vật đầu tiên của buổi đi săn – hai người mới lại quay ra những chỗ cũ tìm những giỏ trứng.

Trên không gian, mặt trăng vẫn cứ bị che khuất mãi, bãi biển lúc tối thêm một chút, có lúc lại sáng thêm một chút tùy theo cái sự tụ họp của mây đen, lúc mau, lúc thưa. Nhưng không lúc nào chị Hằng được lộ hẳn cái mặt lộng lẫy. Đã quá nửa đêm, vũ trụ thiên về bên dương, cho nên nước thủy triều đã rút ra rất xa, và những làn sóng cũng chỉ còn tung hoành được ở ngoài khơi thôi. Gió bé, vì vậy, thổi cũng đã bớt mạnh.

Khi đem được về tới chuồng con vích thứ bảy, nhận thấy rằng còn lâu lắm mới sáng, Phách, đứng dưới gốc gạo tạm nghỉ, đã nhắc lại với bạn:

– Đấy, tôi đã nói. Đêm nay có Trời giúp chúng ta! Chẳng đúng là gì!

Trì gật đầu, thêm:

– Thì mai ta khỏi phải vào rừng bẻ măng chứ sao!

Chợt có một chuỗi cười vang:

– Ha ha ha ha ha!...

Cái thứ cười ghê gớm ấy khiến Phách phải nhớ đến thời xưa, khi còn bé, chàng đi xem hát tuồng mà được dịp rợn người vì một hồi cười đắc chí của Đổng Trác, trước cái đầu mới bị chém của một trung thần phản đối lại hắn. Bây giờ, cái cười ấy lại vang lên, từ phía cái

lều mà ra. Đôi bạn hoảng sợ đứng sát vào nhau, chưa kịp nhìn thấy gì cả, thì tiếng cười lại vang lên một lần nữa, nghe lại đáng khiếp sợ hơn lần trước. Đó là lần đầu trong đời cả hai người. Vì lẽ nó bất ngờ, nó khó hiểu, nó là không ai tưởng tượng được, cho nên dẫu cứng bóng vía đến như Phách và Trì mà cũng thấy hồi hộp, run sợ, thấy máu chạy quá mạnh qua trái tim... Nhưng mà, đây kia, những hình người đã hiện ra, thẳng hàng tiến đến chỗ hai bạn. Thì ra tất cả những sáu người. Một người mở đầu:

– Hai chú nhầm rồi! Ấy là Trời giúp các anh đó thôi!

Một người khác gắt:

– Thôi không dài lời mà phí thời giờ! Hai chú có những thức ăn để giành thì mau lấy cho các anh đi.

Người kia chịu khó cắt nghĩa:

– Hai chú ở lại cái đảo béo bở này thì không lý do nào lại phải lo chết đói. Nhưng mà các anh đây, liều đời với tầm súng của lính ma tà, với bể khơi, thì không phải dễ mà kiếm được thức ăn. Hai chú nên giúp đỡ các anh vượt ngục một cái chơi, đừng nên phản đối mà làm gì... Có phải thế không? Chẳng còn mấy chốc nữa, các chú đã được thả về với quê hương, còn các anh đây, đêm nay không liều thì thôi, chẳng còn bao giờ nữa!

Người ấy nói xong thì 5 người kia cũng tiến lên đứng cả vào làm một hàng. Họ đều khoanh tay trước ngực, bình tâm chờ đợi, ra ý cho hai người này tha hồ được ngẫm nghĩ kỹ.

Lúc ấy, Phách và Trì đều đứng cúi đầu, lặng im... Hai bạn đã hiểu ngay cách phải đối phó thế nào, vào những giờ nghiêm trọng ấy. Nghĩa là phải nhượng bộ ngay chứ không nên cưỡng, vì phản đối chẳng được nào. Rồi về sau thì sao? Thì sẽ bị buộc tội là đã giúp đỡ sự vượt ngục của tù khác, bị giải về Côn Đảo, bị nhốt vào "hầm xay lúa" cho đến ngày nào hết hẳn cái hạn 10 năm khổ sai... Tuy vậy, hãy cứ biết là bây giờ thì phải ưng thuận ngay đi. Đã là tù, là người ta ở vào một xã hội nghĩa hiệp. Mà ở cái xã hội nghĩa hiệp này, một thời hạn bị giam cầm và bị hành hạ trong "hầm" chẳng đủ là cớ chính đáng cho mình đương đầu với bọn đến "cướp lương tâm" kia.

Phách muốn đáp, thì Trì cũng nói ngay:

– Tất nhiên là chúng tôi phải giúp đỡ việc vượt ngục của các bạn, nhưng chúng tôi muốn mạn phép hỏi các bạn rằng sau khi các bạn đi

rồi, thì sự hình phạt nó đợi hai chúng tôi sẽ là thế nào, các bạn có biết rõ chăng?

Cùng một lúc, sáu người cùng lạnh lùng đáp:

– Có biết.

Trì lại nói, tuy không sốt sắng mấy:

– Như vậy, các bạn có thể để hai chúng tôi cùng được mạo hiểm với các bạn không?

Một người trong bọn người kia đáp:

– Nếu hai chú muốn, thì các anh đây có hẹp lượng gì! Nhưng mà đây này: thật tình nó là thế này... Bọn chúng tôi đã sáu người rồi, mà lương thực sửa soạn từ nửa năm nay có lẽ vẫn còn thiếu... Thêm nữa, nào ai biết phúc ai mà họa ai, nào ai biết trước rằng sống, chết, sướng, khổ, là hai chú, hay là chúng tôi! Trăm sự đều còn trông cậy vào may rủi cả, vậy thì hai chú ở lại rồi bị giải về banh số 1 chưa chắc đã là tai họa gì, mà sau chúng tôi sẽ ra vẫy vùng bể khơi cũng chưa chắc đã là vinh hiển gì... Tùy hai chú đấy.

Phách vỗ vai bạn, bảo:

– Thôi đi, anh Trì ơi, nói mà làm gì! Hãy biết ta có nghĩa vụ giúp các anh ấy thì ta cứ làm tròn nghĩa vụ đi! Tôi hèn nhát! Tôi xin cam chịu sẽ nuốt nốt cả 12 tháng cái chế độ "hầm xay lúa" của tôi rồi được thả về một cách chắc chắn, còn hơn là xin lên đứng trên bè, bấp bênh lắm.

Rồi quay lại sáu người vượt ngục, anh nói:

– Vậy thì xin các ngài đi theo chúng tôi.

Thế rồi cả bọn đưa nhau vào túp lều gianh. Ba người ở lại để Phách giao cho tất cả thức ăn như thịt vích muối, trứng vích, măng khô, muối, gạo, cá mắm và một ít khoai lang mà hai bạn đã gây giống được trên đảo. Còn ba người kia thì theo Trì đi ra vườn sau. Nguyên tại Hòn Tre này có một giống cây đặc biệt gọi là cây bún, gỗ rất nhẹ, vút xuống nước thì nổi lên như bấc, làm bè vượt ngục thì không còn gỗ nào tốt hơn nữa. Cây ấy hoa giống như hoa soan, to và cao bằng cây gạo, nhưng vì gỗ nhẹ nên việc chặt nó chẳng có gì là tốn công phu. Chưa đầy một tiếng đồng hồ, bốn người đã hạ được hơn chục cây, ấy là kể rằng cả đảo Hòn Tre nhà cai trị chỉ cho phép hai người tù bắt vích được có quyền sở hữu trong tay hai con dao lưỡi tầm

sét mà thôi vậy. Làm xong bè gỗ bún, họ khiêng ra bãi bể ghép thêm vào cái bè tre bé nhỏ họ đã có từ trước. Lúc ấy, ba người kia cũng đã mang những giỏ lương thực và được Phách tiễn ra tới đấy rồi.

Cuộc chia tay cũng lâu lại đáng cảm động lắm, mặc lòng mặt trăng đã hạ xuống gần đầu non. Bọn người vượt ngục thì cần đi ngay, vì trời mà sáng thì sự truy nã là nguy hiểm lắm, cũng như Phách và Trì chẳng còn được mấy chút thời giờ để đốt một đống lửa báo cho Côn Đảo biết là bên này "có biến" nghĩa là có tù đến cướp lương. Không đốt lửa, cũng sẽ bị bắt vào hầm xay lúa như vượt ngục. Tuy vậy mà bọn vượt ngục kia cũng cầm tay Phách và Trì cảm ơn mãi, kể lể mãi, mới chịu lên bè, đẩy sào... Nhờ được thuận gió, chẳng mấy lúc mà chiếc bè đã chỉ còn là một chấm đen nhỏ lẩn sau cái màn sương mờ của bể khơi.

Trời đã hé buổi lê minh, Phách và Trì mới chịu đốt lửa.

Sáng hôm sau khi cảnh bình minh đã nhuộm đỏ cả một vùng vũ trụ, mới thấy xuồng máy đỗ vào bãi cát Hòn Tre. Đổ bộ có cẩm Tây, 2 người gác điêng tây, với 6 tên lính mã tà. Đó là toán quân hải phòng đã thất bại ở cuộc truy nã cái bè vượt ngục, bây giờ quay về đây để trị tội tù: sao không chống cự, sao không đốt lửa báo hiệu cho sớm hơn nữa. Xưa nay đã thành ra cái lệ như thế, tù nào vượt ngục cũng đến Hòn Tre cướp lương, và tù ở Hòn Tre, cho dẫu quả thật có chống cự nữa cũng mặc; bao giờ cũng bị ngờ đã trợ lực cho bọn tù vượt ngục nọ đã đi xa...

II

CÁI TIN BUỒN GIỮA TIỆC VUI

Ông Lý trưởng làng Mọc lắc đầu đáp ông Chánh hội:

– Ấy mà tôi vẫn chưa thấy đủ can đảm đấy.

Ông Chánh hội ngừng tay tiêm điềm nhiên hỏi:

– Thế ông còn đợi đến bao giờ?

– Tôi muốn chờ xong việc vui mừng này đi đã.

Ông hội lại bình phẩm:

– Ông Lý nói cũng có lý của ông Lý, mà ông Chánh nói cũng có lý của ông Chánh...

Ông Chánh hội cười nhạt mà rằng

– Chỉ mới hai người có lý thôi... Bao giờ ông nói nữa thì ông lại có lý của ông, và như thế mới thật là chuyện ba phải.

Bẽ bàng ông Hội lại cau mặt cãi:

– Sao ông cứ nói thế! Đấy có phải là việc của tôi đâu! Bổn phận tôi chỉ là xóa cái tên ấy trong sổ sinh mà biên nó vào sổ tử, thì tôi đã làm rồi.

– Cái gì thế, các ngài. Cái gì mà bí mật thế!

Đấy là ông Phó tổng, mặt đỏ như nhuộm gấc, hơi thở sặc sụa những mùi rượu, vừa chén xong, bây giờ sà vào bàn đèn đợi được mọi người mời mình kéo vài điếu chơi... Ba người này đều chối:

– Dạ không ạ! Có việc gì đâu ạ!

Đoạn họ nằm lại, để nhường cho ông Phó tổng nhảy lên ngồi. Người ta tiêm thuốc trịnh trọng mời con người mới đến nhập thế cục ấy, nhưng câu chuyện kia, không ai đả động tới nữa.

Nguyên do sáng hôm qua, Lý trưởng làng Mọc vừa nhận được công văn của Phủ sức về rằng tên Trần Hưng Phách, nguyên giáo học hạng sáu, can tội lập hội kín âm mưu khuynh đảo chính phủ Bảo hộ năm 1927 vân vân... bị tòa Nam án tỉnh Hà Đông kết án ngày... tháng... năm... vân vân... bị tòa Thượng thẩm Hà Nội y án ngày... vân vân, bị đày đi Côn Đảo ngày... vân vân, thì hôm 29 tháng giêng tây năm 1936 đã chết trong nhà giam, thi thể đã được quan địa phương mai táng theo thường lệ. Giấy sức ấy, ngoài việc phải giao cho Hộ lại, Lý trưởng lại có phận sự thông báo cho thân nhân người tù. Nhằm lúc cụ phán Uyên, thông phán ngoại hạng hưu trí, phụ thân của Trần Hưng Phách, đương có tiệc mừng khánh thành nhà mới, nên Lý trưởng còn trù trừ mãi, chưa dám thông tin. Nghĩ khác thế, Chánh hội cho rằng đã lý dịch thì cứ đúng pháp luật mà thi hành, trước là khỏi mang tội sao nhãng, sau là để chủ đủ thời giờ xoay sở, nhất là nhằm lúc cửa nhà đương đông đúc thân bằng cố hữu đấy thì cũng là tiện dịp để sự chủ loan báo cái tin đau đớn.

Lý trưởng muốn chờ xong việc khánh thành nhà mới đã để cuộc vui khỏi mất vui, trong khi Chánh hội nghĩ xa xôi rằng trì hoãn như thế có thể làm cho sự chủ cự được là bọn mình không biết làm quan.

Hội lại cho cả hai đều có lý, ấy là bởi vì ông này muốn nịnh cả hai, chứ không muốn mất lòng ông nào. Trước một việc khó xử như thế, họ còn cãi nhau chán chê đi đã.

Lúc ấy, cảnh nhà cụ Phán Uyên đương tưng bừng, vui vẻ hết sức. Tòa nhà gạch năm gian mới làm đáng kể gọi là to nhất nhì trong làng. Mái ngói còn đỏ chói màu son. Tường vôi xanh chỗ nào cũng vẫn còn sạch như đồng xu mới. Các cánh cửa vẫn còn giữ nguyên cái mùi ung ủng của thớ gỗ chưa khô. Không kể những đồ đạc cũ kỹ mà sự chủ đem tống cả vào hai phòng bên, thì ở gian chính giữa, bàn thờ gia tiên, tủ chè, sập gụ, bộ ghế tàu, mấy bộ ghế ngựa, cái gì cũng là mới sắm cả. Dưới rạp lúc ấy, số khách khứa ngồi ăn uống là sáu mâm, cỗ đóng sáu. Đã hai hôm nay rồi, bất cứ lúc nào, hễ có khách là có ăn. Một thứ mùi gây của thịt bò nồng nặc át tất cả mùi hương trầm, khói pháo, tưởng chừng như trên tường, trên ghế, trên câu đối, chỗ nào đều cũng có dây dính thịt bò cả vậy. Mấy vạn con ruồi ở tứ phương kéo đến bầy ra một quang cảnh rùng rợn như một truyện của Bồ Tùng Linh. Hơn một trăm ăn mày ngồi làm hàng rào ngoài cổng khiến ta tưởng rằng ở đâu lại có nạn lụt.

Tiếng bọn hành khất gào đòi ăn, giọng quát tháo của bọn đầy tớ, những tiếng kêu inh ỏi của lợn bị chọc tiết dưới bếp, những chuỗi cười ha hả của những quý khách đã say rượu, giọng lè nhè của mấy bô lão trong làng, ngần ấy cái đã chẳng đủ làm nản lòng bác kép trẻ tuổi ấy cứ việc lim dim cặp mắt mà "phình phính phinh phinh" một cách rất có lương tâm nhà nghề để cho một cô đào già "đâu tìm đâu cho thấy cố nhân" và thỉnh thoảng liếc nhìn một viên quan khật khưỡng "tom chát chát tom" loạn xạ cả lên cũng chẳng ai buồn nghe. Trong bàn tiệc nhiều người – những người khỏe nhất thấy choáng váng nhức đầu. Minh mẫn một cách khác thường, riêng cụ phán Uyên vẫn chạy đi chạy lại gọi đày tớ hầu khách khứa rất chu đáo, ấy là cụ đã bị mấy ông bạn già mừng ép hàng chục cốc con rượu nặng.

Là vì mãi cho đến năm nay, cụ mới thấy cái chí nguyện bình sinh của cụ phát ra đầy đủ. Vốn chẳng phải là người có chí chọc trời khuấy nước gì, cụ chỉ ước ao một cuộc đời an nhàn và đủ ăn như số đông các cụ phán cổ mà thôi. Vậy mà điều ấy cũng chẳng phải dễ. Sau khi cần cù sớm vác ô đi tối vác về trong ba chục năm đằng đẵng, đến bây giờ cụ khánh thành nổi tòa nhà ngói nhũn nhặn ấy ở làng, và thoát hẳn cái nạn đi ở thuê. Cụ vừa hưu trí được nửa năm nay

thôi, thì may sao, con thứ của cụ, Châu, cũng đỗ tham tá Bưu chính, và được gọi đi làm, kiếm tiền thay cụ. Đáng lẽ để chờ đến sang năm, thì bữa khao này có thể gọi là "nhất cử tam tứ tiện", vì sang năm tuổi cụ vừa đúng sáu mươi. Cụ rất muốn để lại năm sau chờ khi nào Phách, con cụ được tha về thì sẽ mượn cớ vừa khánh thành nhà vừa khao thượng thọ nhân thể, nhưng chợt nhớ ra rằng ở đời muốn làm việc gì phải làm ngay đi, không nên chờ đến hôm sau nữa e thế sự không cho phép nữa, nên còn thừa mấy trăm bạc đấy, cụ đành cố gắng quả quyết một cái, nhất là việc con thứ cụ được bổ đi làm càng khuyến khích cho cụ đủ can đảm để mà liều... Và cũng là bõ lắm.

Còn về Phách, đứa con trưởng chẳng may mắc vòng tù tội, thì đã từ lâu nay, cụ cố quên đi. Có ai phàn nàn hộ cụ, thì cụ chỉ thở dài nói một câu vô nghĩa thế này: "Nào tôi biết làm thế nào, trong một bàn tay cũng có ngón dài, ngón ngắn...". Mà quả vậy, trong bốn người con, hai giai, hai gái, của cụ, thì chẳng một người nào lại đến nỗi không có ít chút công danh. Con gái đầu lòng của cụ, xưa kia cụ gả cho một viên quan lục sự, thì bây giờ đã nghiễm nhiên là một bà huyện. Đến Phách, nếu không vào hội kín, chắc nay ít ra cũng phải huấn đạo rồi. Không kể Châu đỗ tham tá dây thép, còn cô Ngọc, con gái út của cụ, cũng đã đỗ thành chung, chỉ còn chờ nhà nước bổ dụng là đi làm cô giáo thôi. Tạo hóa vốn ố toàn, thì Phách mà là ngón tay "ngắn" hẳn sự ấy chẳng đủ khiến cụ đau đớn đến bậc chẳng bao giờ nguôi được. Vả lại, sau 10 năm đi đầy, thì rồi con cụ cũng đến về với cụ, chứ sao! Cha con cách biệt nhau, cái nỗi đau đớn ấy chỉ đau đớn vào mấy năm đầu thôi. Còn vài năm gần đây, lắm khi cụ quên khuấy rằng đã có đứa con giáo học làm loạn bị đi đầy, là Phách, cũng như cụ bà, Châu và Ngọc nhiều lần nhận được thư vấn an gia đình của Phách mà chỉ đọc một cách không cảm động gì cả, vì một lẽ là thư nào cũng chỉ có thế, và vì lẽ khác nữa là lần nào Phách cũng thông tin rằng mình khỏe mạnh, không bị hành hạ khốn khổ gì cho lắm như những tù nhân xấu số khác.

Bởi thế cho nên cả cái gia đình ấy không quan tâm gì đến người tù xa vắng nữa, mặc lòng đã nửa năm nay không ai thấy có thư ở Côn Đảo gửi về. Bận làm nhà, bận khánh thành nhà, bận mừng con gái đỗ, con giai đi làm, cụ Phán Uyên những mải sung sướng những cái nhỡn tiền mà đã quên cái mối đau thương kể cũng đáng quên. Vả lại người đời nào có ai dám nghiệt ngã quá! Khốn nạn, thì cuộc đời

nào có vui gì, ai ai cũng đến gượng sầu làm vui cả, thì cụ Phán cho dẫu giá có quên khuấy mất mối buồn mà tình phụ tử đáng lẽ buộc cụ phải luôn luôn nhớ tới một cách bức thiết nữa, ắt thiên hạ cũng vẫn sẵn lòng đánh chữ đại xá cho cụ mà thôi. Quên đi được thế có khi cũng đã đủ tỏ một đức tính đáng khen rồi. Vì rằng luật sống bắt con người ta lắm khi phải bạc tình mới sống yên ổn, mới có thú vị để theo đuổi bao nhiêu việc khác, chứ nếu không thì cả cõi nhân gian khốn khổ này, ai ai cũng có thể vì những điều phiền muộn riêng mà tự tử chết quách cả mất!

Ấy cũng vì lẽ ấy nữa, cho nên giữa hồi ấy, việc bên Pháp mới có Chính phủ Bình dân nó sinh thành nên cuộc vận động đại ân xá cho tất cả chính trị phạm ở thuộc địa của mấy chính đảng cực tả, cũng chẳng gây trong tấm lòng cằn cỗi của cụ Phán già này lấy một tiếng vang. Thản nhiên, cụ đã đọc nhật trình như những ai không có việc gì phải lo, như cụ không có con là chính trị phạm vậy. Cũng đôi khi có người hí hửng đem cái tin mừng ấy bàn soạn với cụ mục đích muốn cụ được một phút vui lòng, thì cụ chỉ chép miệng và lạnh lùng đáp đại khái: “Đại xá đại xiếc thì làm quái gì! Thằng Cả nó nhà tôi cũng đã ở tù hàng tám, chín năm, chẳng mấy lúc nữa mà đã được tha!”. Rồi cụ vội nói lảng ngay sang những chuyện khác. Cụ sợ nhất nói đến chính trị. Cụ cho rằng việc của con cụ là có thể hại cho cả cái đời viên chức trung thành của cụ nữa. Vả cụ cũng hiểu rằng dẫu chẳng đả động gì đến sự âm mưu bài Pháp của Phách thì cái tính chất trung thành của cụ cũng chẳng có gì là tăng thêm. Cụ Phán Uyên xưa nay cũng nhát một cách hơi hèn cũng như phần đông nhà Nho “phá ngang” kiếm công danh theo thuyết trung dung vậy.

Vì sao? Vì cuộc đời no ấm của cụ, tựu chung chỉ là một cuộc đời đáng buồn mà thôi. Cả một chặng đường ba chục năm kéo lê cái cảnh thanh bần, túng thiếu, nợ đìa, nuôi bà vợ hay ốm, nuôi bốn đứa con trong số ấy ba đứa theo tây học... Đến lúc mái tóc đã pha màu thì cái phần thưởng cuối cùng chỉ là một số lương hưu nhũn nhặn với cái nhà ngói xây trong làng để được che tạm yên thân. Chính cái cảnh nghèo ấy làm cho cụ được tiếng là người đạo đức, vì cụ không hề mắc một tật nào trong tứ hung chi tội. Ngót sáu chục tuổi rồi, mà bây giờ cụ mới học đánh tổ tôm được vài tháng nay, nghĩa là từ ngày được về hưu. Cho nên được họ hàng khen là đạo đức, đáng làm gương mẫu cho những ai muốn trở nên quân tử. Ở cụ, cái gì cũng đúng luật, đúng lệ,

tầm thường. Cụ chẳng ích lợi gì cho ai – trừ cho gia đình – nhưng cũng chẳng hại gì cho ai. Đó là rất sòng phẳng công nợ nhưng không hề và cũng không thể cho ai vay tiền của mình.

Khi thấy Phách bị sở Liêm phóng bắt, cụ tưởng mình đương ngủ mê. Trước, cụ nhất định tin con mình bị ngờ oan. Vì cụ không thể nào lại lĩnh hội được rằng một người như cụ mà lại có đứa con như thế. Đến khi con cụ bị tòa án kết tội nặng, thì cử chỉ thứ nhất của cụ là mời thầy địa lý về cất lại ngôi mộ tổ. Óc cổ hủ của cụ đã đặt hành vi của đứa con cả vào một loạt những điều quái gở, chỉ xảy ra ở những gia đình nào đương suy vi, thí dụ đương làm ăn thịnh vượng mà có người chết bất đắc kỳ tử, có trùng, hay là sinh phải cô con gái có đuôi... Bởi những lẽ ấy, xưa kia, hai cha con cũng đã nhiều điều bất đồng ý kiến, và Phách cũng đã từng sống những ngày khó chịu dưới quyền một người bố mà mình không phục được.

Bữa nay, cụ Phán Uyên đã được hiểu rõ cái gì là cái vinh quang. Những đồ mừng quý giá, những tấm câu đối đỏ treo la liệt khắp tường, đã đủ an ủi cụ về số tiền bỏ ra. Cái cảnh "ăn uống ầm ầm" hai hôm nay không khiến cụ sốt ruột, đọc những câu mừng rất văn chương bằng dạ đen trên nền đỏ, cụ mới khám phá ra rằng chao ôi thì ra mình xưa nay vẫn có nhiều đức tính mà chính mình không biết, để mà sướng như một kẻ chết được lắm câu đối khóc có thể được thỏa cái vong hồn... Thật là linh đình và vui vẻ. Thật là vinh dự cho tổ tiên.

Trong hai ngày ăn uống thì hôm qua để cho họ hàng và con cháu trong nhà. Chính hôm nay mới là để mời khách ở tỉnh. Đây, bàn các bạn đồng sự của cụ, phần nhiều là nhà nho, số đông đã có nhiều phẩm hàm, huy chương. Tô điểm cho đám người ấy có một quan Bố và một quan Phủ, họ bên nhà vợ của cụ, và đã làm cho cụ tăng thêm sĩ diện. Kia là bàn các ông cũng tai to mặt lớn thuộc tân học, bạn hữu của "anh Tham", nghĩa là vào hàng con cháu cụ mà thôi. Ở buồng xép bên cạnh thì các cô đốc, cô giáo, bạn hữu của con gái cụ vậy. Ai cũng về dự tiệc vui và đông đủ. Thì phải biết cách xử thế xưa nay của cụ là tròn trĩnh thế nào! Một khi cụ đã về làng thì cũng phải thế nào cho đẹp mặt với người làng! Khách tỉnh về tới tấp hết lượt này đến lượt khác, phần nhiều bằng xe nhà, và có cả hai chiếc xe hơi đỗ ngoài cửa đình nữa! Nghĩ như thế, cụ lại kiêu ngạo như một đứa bé con...

– Chúng mày đâu cả rồi! Rõ thế đấy! Ngần ấy con người để sai bảo mà gọi lấy thêm có một ít dấm nữa cũng không đứa nào đi lấy được đấy!

Lời gắt của cụ lẫn lộn mất vào tiếng đàn, tiếng trống, tiếng hát, tiếng phách... Cụ nhìn trước nhìn sau, lắc đầu thở dài... Vì có ba tên người nhà thì có hai đứa đương bưng những bát cỗ mới hâm cho những bàn ở xa, còn một đứa thì đương chới với buộc bánh pháo dài vào ống máng. Cụ toan tiến bước xuống phía nhà bếp thì chợt một bàn tay nắm cụ lại, trước một câu nói sốt sắng thế này:

– Cụ ơi, cụ hãy vào đây với con!

Đó là một ông khách trẻ tuổi, mà cụ không nhớ rõ tên, âu phục chải chuốt khiến cụ nể lắm.

– Con tấp tểnh cũng làm được một bài hát để mừng cụ chẳng biết hay dở như thế nào, song cũng xin mạn phép các quan khách đây một phen.

Ông khách mời cụ ngồi xuống ghế, đưa ra một bài thơ bằng mực đen giấy trắng, lại nhét luôn cả cái dùi trống vào tay cụ nữa, nói tiếp:

– Bài hát mừng cụ thì xin cụ thưởng thức mấy tiếng trống cho đám chúng con cùng nghe.

Thẹn quýnh cả người, cụ Phán Uyên đẩy cái trống ra, ấp úng:

– Văn chương của ông... thì xin... để phần ông, vì thật tình, tôi cũng không biết đánh trống cô đầu.

Rồi cụ giương mục kỉnh lên đọc bài hát nói ấy; xong mỗi câu lại thấy mặt cụ vui tươi thêm lên. Sau cùng, cũng không biết bình phẩm dài lời, cụ chỉ đưa trả tác giả bài hát nói cái dùi trống và từ chối:

– Hay lắm! Nhưng tiếc rằng tôi không biết đánh trống, để xin cho ông nghe... Văn hay lắm!

Khi đưa cho đào nương mảnh giấy, cụ rất hổ thẹn, thấy rằng mình quê mùa một cách đáng giận, và thú ả đào quả là một thú văn chương tao nhã thật, chứ không phải chỉ là những trò bậy bạ như người ta vẫn nói xưa nay.

Cố nhiên tác giả những câu hát nói kia nhất quyết chối từ. Cuối cùng, danh dự thưởng văn về tay người cao chức nhất bàn tiệc, là quan Bố chánh, ông anh họ nhà vợ của sự chủ. Quan Bố gọi cụ Phán đến ngồi bên mình, rót một cốc rượu nhỏ để trước mặt cụ, giao hẹn

bằng một thứ tiếng nghiêm nghị và đáng sợ như những lệnh ban ra giữa nơi công đường:

– Đây, cứ mỗi tiếng chát thì ông lại cạn một cốc rượu, vì mỗi tiếng chát của tôi không những là thưởng một câu văn hay mà thôi, nhưng còn đồng ý với tác giả để ca tụng cái cảnh phú quý, an nhàn của ông nữa.

Một người vỗ tay, rồi có đến hàng mấy chục người khác nữa vỗ tay theo. Bên buồng sép ở tận trong kia, đám phụ nữ cũng bỏ đũa bát để đứng thấp thoáng trong mành nhìn ra, chú ý đến cái đại sự ấy nó làm tăng phần long trọng cho cuộc vui tuy vậy trước vẫn tẻ ngắt. Cụ phán Uyên xoa tay xin lỗi một cách hiền lành đáng tức cười:

– Bẩm, mỗi tiếng chát lại một cốc rượu thì có lẽ cũng nhiều quá, vậy xin cho xong bài thì hãy cho một cốc.

Tuy có một vài cụ già phản đối lại cụ Phán để về bè với quan Bố, nhưng sau cùng các quý khách cũng biết nể cái sức khỏe của mái tóc hoa râm. Rồi thì cô đào hẹ hèm dọn giọng, rồi bác kép vặn lại dây đàn, rồi quan Bố tom tom tom cho khách ăn ngừng đũa lắng tai nghe để trở nên một cử tọa nghiêm chỉnh:

Cành mai bạc đậu thêm xinh,
Bốn mươi năm nữa, khang sinh còn dài
Ngày xưa cảnh thế tươi cười,
Đào nguyên há để riêng người ngày xưa!
Gia nhân chính cát,
Trên tiệc đào kẻ trước dắt người sau...
Cuộc trăm năm trời có hẹn ai đâu?
Con hạc trắng bấy lâu về bến Nhuệ.
Mai cốt cách mai già mai vẫn thế,
Đào nhởn nhơ đào thắm vẻ thêm xuân,
Lắng tai nghe tiếng trúc lẫn cung đàn,
Cất chén cúc mừng người trên thọ tích...
Khách bạch ốc nào ai tiên cách
Xin dang tay "giật phịch" quả đào tiên,
Cõi trần cũng có Đào Nguyên.

Quan Bố ngất ngưởng đánh luôn, tom tom tom chát tom!

Đoạn cụ gật gù nói rõ to:

– Hay thật đấy chứ! Văn chương như thế mới gọi là tân thời!... *"Xin dang tay "giật phịch" quả đào tiên"*. Thế có lẳng lơ không. Chuyến này thì cụ Phán nhà tôi sẽ vì câu thơ ấy mà cải lão hoàn đồng!

Quan Bố ngừng một lát trông trước nhìn sau, rồi vẫy tay gọi một cô trong bốn cô đào rượu đương mải tiếp các quan khách gần đấy:

– Này, cô kia! Cô áo đỏ kia! Lại đây đỡ hộ chén rượu cho chủ nhân cạn chén đi.

Khi cô đào trẻ tuổi đến đứng bên cụ Phán bẽn lẽn nâng cốc rượu thì, nhanh như cắt, quan Bố đã nắm một bên cánh tay cụ Phán mà quệt một cái vào ngực cô ả để rồi cười nức nở cắt nghĩa:

– Này thì đây: *"Xin dang tay giật phịch quả đào tiên"*. Các ngài đã thấy chưa!

Lúc ấy cụ phán Uyên đương mải lớp chén rượu cho nên đến khi cụ vội lôi được tay ra, cái cử chỉ bắt buộc kia cũng đã xong hoàn toàn! Cụ thẹn đỏ cả mặt sung sướng đến ứa nước mắt, vì lúc ấy, cử tọa vỗ tay khen cụ sốt sắng như khi họ đi xem đá bóng mà gặp lúc có quả vừa sút vào gôn. Cụ vội đứng lên chạy tuy không biết định chạy đi đâu, như người muốn đi trốn. Sau cùng, cụ đánh trống lảng bằng cách gọi đầy tớ ra mà mắng:

– Lấy thêm một tí dấm tây vào bàn này! Sao mà mày đớn thế, mà để tao gào rát cả cổ!

Tuy nhiên giọng gắt của cụ thật tình lúc ấy cũng không dữ tợn là mấy, vì cụ vẫn còn thấy rõ cái cảm giác dịu dàng về một bên ngực cô đào trẻ nó chưa tiêu tan hẳn mà lại còn như đọng quện lại ở cả năm đầu ngón tay già nua đã mấy chục năm rồi chẳng còn biết gì mùi xuân.

Chợt thấy quan Phủ gọi cụ rồi nói một hồi dài:

– Này chủ nhân ơi! Nhà nho thâm lắm đấy nhớ! Thôi, xin các ngài cũng đừng ai nỡ ép duyên ông anh tôi nữa! Ông anh tôi đã trình bày cái cảnh ngộ éo le, khó xử, của ông anh tôi, ra với thiên hạ rồi! Đấy các cụ xem: quan Bố tôi vừa mới ép duyên xong thì ông anh tôi tức khắc nói ngay người nhà lấy thêm dấm! Chao ôi, thế thì ông anh tôi đã đủ thâm trầm hay chưa? Vì rằng trong Kiều có câu: *"Dấm chua lại tội bằng ba lửa nồng"!*

Rất nhiều người lại vỗ tay ran, cười to đến vỡ nhà vỡ cửa. Một cụ bảo cô đào non áo đỏ:

– Này em ơi, thôi thế thì em cứ cam chịu ở trầm luân khổ ải thôi, chứ người quân tử chẳng vớt em đâu!

Một người trẻ tuổi đứng lên nói:

– Thưa các cụ, trăm điều chẳng qua chỉ tại tác giả cái bài hát nói ấy!

Ông khách âu phục trẻ tuổi này từ nãy ngồi lặng im vừa thẹn vừa kiêu ngạo về bài văn của mình, đương lắng nghe xem có ai thì thào chỉ trích gì không, bây giờ đành phải đứng lên, đón đỡ:

– Bẩm các cụ, chúng tôi không ngờ rằng cụ Bố tôi đây ngài lại hiểu bài văn ấy một cách kỹ đến thế để mà đem lý thuyết thực hành ngay như thế.

Quan Bố cười khà khà, lên râu bảo thiếu niên:

– Thế thì tôi là tri kỷ lắm chứ còn gì nữa. À quên xin các cụ thưởng một cốc cho tác giả bài văn hữu tình! Chị áo đỏ đâu, chị lại mời ông ấy cho tôi một cốc nữa!

Lại vỗ tay...

Nhưng chợt có một ông khác, mặt đỏ nhất tất cả, đứng lên trịnh trọng nói:

– Bẩm trên các cụ, dưới các ông...

Mọi người giật mình lắng tai nghe biết là sắp có chuyện. Ông kia tiếp:

– Quan Bố chánh thưởng tác giả bài hát nói ấy cốc rượu là vì nó có tính cách hữu tình. Tôi cũng xin hoan nghênh. Nhưng mà xong rồi thì tôi xin báo các cụ và các ông cho tôi phạt nhà thi sĩ ấy ba chén, vì đó là một nhà thi sĩ tham lam! Vì sao? Vì cụ Phán tôi đây bữa nay chỉ có khánh thành nhà mới thôi, vậy mà bài hát mừng lại có câu mừng cả tiệc thượng thọ nữa, thì cái lối "tiện dịp" như thế là có hại cho tôi, vì sang năm đúng sáu mươi mà cụ Phán tôi không khao thượng thọ nữa, thì là lỗi ở nhà thi sĩ ấy! Vậy thì phải phạt!

Tác giả bài hát nhìn quanh một lượt thấy trong dăm chục quan khách có một số đông gật gù biểu đồng tình với ông phản đối kia thì rất lấy làm lo, bèn cãi:

– Tôi xin uống ba chén rượu ông phạt! Nhưng nếu sang năm cụ Phán tôi lại khao thượng thọ nữa thì ông sẽ đáp tôi ra sao? Và có lẽ ông chưa nghe kỹ bài hát!

Ông kia gân cổ lên, hùng hồn chẳng kém:

– Tôi cho ông phạt trước tôi ba chén nữa, sau khi ông uống ba chén mà các cụ phạt ông!

Nhiều người lên tiếng xôn xao, không chịu nhận trách nhiệm ba chén rượu phạt ấy. Ông kia lại nói:

– Sao tôi lại chưa nghe kỹ! Ông chủ có câu: "Cất chén chúc mừng người trên thọ tịch" là gì! Vậy ông thử đọc tất cả câu đối đây xem có ai mừng thọ tịch không!

Có một người cãi hộ:

– Nhưng mà thọ tịch ở đây là ý phụ, không phải ý chính?

Tham Châu ra vỗ vai ông kia, khẽ gắt:

– Thôi đi, tôi van ông nữa, ông lý sự thế! Ông say lắm rồi. Và ông uống ít chứ!

– Thưa chú, tôi chưa say, và trước mặt công chúng thế này, xin chú đừng mắng tôi! Chú còn là đàn em, biết chưa!

Ông ấy vừa nói được có thế thì đã đưa tay lên giữ cổ, khom lưng xuống rồi nôn ồng ộc ngay ra đấy như một cái ống máng. Thiên hạ ghê tởm quay nhìn đi chỗ khác và nhà thi sĩ khẽ so vai một cái hả hê. Đầy tớ mau quét dọn, trong khi Tham Châu nhăn nhó ôm sốc ông quý khách ấy vào bàn đèn thuốc phiện.

– Các ông mau tiêm cho ông ấy một điếu cho rã rượu... Rõ khổ quá, cứ uống như một cái phễu!

Rồi Tham Châu lúi húi tìm trong tủ cốc gần đấy lọ dầu bạc hà. Chợt thấy ông Lý khẽ gật ông Chánh:

– Chỉ có thế thôi mà ông cứ đọc đi đọc lại mãi, nhỡ cậu Tham cậu ấy trông thấy thì làm sao! Đưa đây!

Lại thấy ông Chánh gắt lại:

– Anh gàn lắm! Cậu Tham cả trông thấy đâu nào! Mà dù có làm sao, thì tôi xin chịu trách nhiệm, chứ sao! Liệu anh có giấu mãi được không?

Ông Phó tổng thì vô ý nói to hơn cả:

– Phải!... Vả lại, theo ý tôi, cứ chốc nữa là Lý trưởng nên thông báo cái tin dữ dội ấy là phải, không nên trì hoãn nữa! Để hai hôm nay rồi còn gì!

Tham Châu giật mình không tìm lọ dầu nữa, chạy ngay đến bàn đèn, tha thiết hỏi:

– Cái gì thế, các ông? Có điều gì mà các ông toan giấu chúng tôi?

Lý trưởng còn cố thoái thác:

– Không! Có gì đâu!

Tham Châu nhăn mặt gắt:

– Khốn nạn, thì các ông vừa nói gì... tôi có điếc đâu!

Chánh hội đỡ lời:

– Không, chẳng phải muốn giấu gì cậu đâu – Châu còn trẻ tuổi lắm nên họ gọi thế – nhưng mà nói ngay chưa tiện dịp.

Ông Phó tổng cũng nói góp:

– Phải, giữa lúc nhà cửa vui vẻ thế này, ai lại dám đến báo tin buồn...

– Nhưng mà đấy là tin gì, về việc gì?

Vẫn không ai đáp.

Tham Châu rứt tóc trên đầu mà rằng:

– Thế này thì các ông làm tôi hóa điên! Tôi đã sốt ruột đến cực điểm!

Ngay lúc ấy, cô Ngọc ở phòng bên rón rén bước sang...

– Từ nãy tôi cũng cứ thỉnh thoảng lại thấy các ông ấy bàn cãi nhau mãi mà tôi không dám hỏi thẳng... Anh nói với các ông cho biết ngay đi, tôi cũng sốt ruột lắm!

Lại thấy cô Nga, một bạn thân của cô Ngọc, người bên Mọc Chính Kinh, cũng bước vào. Cô này cũng nói:

– Hình như các ông ấy nói cái gì về Côn Đảo thì phải, mà chắc là chuyện ông giáo nhà. Khổ quá, thì sao các ông ác thế nữa.

Châu trừng mắt nhìn một lượt ba người chức vị, rồi nghẹn ngào hỏi:

– Anh Phách tôi có mệnh hệ gì phải không?

Lý trưởng đành rút giấy công văn để dưới đèn ra, đưa cho Châu rồi bảo:

– Đấy, thì cậu xem, miễn là đừng để cho cụ biết vội.

Châu ngồi né vào ghế ngựa, để tờ giấy sức bên cạnh đèn dầu lạc, đọc xong đứng lên, thất vọng, dựa lưng vào cột nhà... Hai dòng nước mắt mũi cứ ứa ra. Châu lắc đầu, thương xót nhìn em gái, rã rời:

– Chết!... Anh Phách chết!... Thế là hết chuyện.

Cô Ngọc còn chưa tin, hỏi nữa:

– Anh Phách đã chết. Giời ơi? Thật thế a!

Châu cười nhạt cay đắng:

– Nói đùa đấy!

Ngọc quay lại vịn vào người bạn gái nức nở:

– Anh Phách chết rồi! Giời ơi! Nga ơi!...

Nga vòng một tay đỡ ngang lưng bạn, tay kia lấy khăn lau nước mắt như khóc một người anh ruột và cũng nói một câu tha thiết.

– Thôi, thế là xong!

Bên ngoài, dưới rạp, tới một nửa số khách ngơ ngác nhìn vào. Cái buồn kia đã được người nghe thấy lõ mõ, và, bỗng thấy một bầu không khí lạnh ngắt, những khách đương mải ăn uống cũng theo nhau ngừng đũa, chờ đợi...

Cụ Phán hỏi một cách sợ hãi:

– Chết nỗi! Cái gì...

Châu xua tay khẽ đáp:

– Tin buồn, nhưng khách khứa ăn uống xong đã.

Một cụ nghe thấy thế tức thì đứng lên nói:

– Nếu vậy thì ở đây cũng biết cả rồi! Chẳng còn ai bụng dạ nào mà ăn uống phè phỡn đâu! Vậy thì cụ và ông cũng không nên giấu chúng tôi nữa. Đã là chỗ thân tình với nhau, thì nếu cụ vui chúng tôi cũng xin góp vui với cụ, mà nếu cụ có điều gì buồn, thì chúng tôi cũng buồn với cụ chứ sao!

Châu nói rõ với bố:

– Đã có giấy sức về từ hai hôm nay, nhưng ông Lý trưởng nể nhà ta có việc vui mừng mà không báo vội, anh Phách đã chết ngoài Côn Đảo được mươi hôm rồi!

Cụ phán Uyên đờ đẫn người ra hồi lâu, rồi bưng một tay lên trán, cứ đứng thế mãi, mãi mãi... Bỗng cụ lả oằn người đi như một sợi lông bị hơ trên ngọn lửa, làm cho con thứ cụ phải vội chạy đến đỡ cụ ngang lưng. Được đặt ngồi xuống ghế rồi, cụ cũng cứ như sắp ngã gục xuống. Một tay níu lấy thành ghế, một tay giữ ngực, cụ hậm hực kể lể:

– Nó chết rồi!... à, thì ra nó chết rồi! Rõ thảm hại thân đời tôi chưa! Sắp được tha thì lại chết!...

Quan Bố chánh đứng lên, dõng dạc nói với tất cả:

– Thưa các cụ, thưa các ngài, chẳng ngờ đột nhiên sự chủ lại nhận được cái tin buồn này: là cậu cả, cậu giáo Phách, mới chết ngoài Côn Đảo... Vậy tôi xin mời các cụ và các ông đứng lên ta cúi đầu tưởng nhớ đến người quá cố, trong năm phút!

Lệnh ấy ban ra, ai cũng theo tăm tắp. Tuy nhiên cũng có một người thì thào: lạc cực sinh bi. Rồi khách khứa tự do ra hiệu cho bọn

gia nhân nhà chủ dọn cả bàn rượu đi, lấy nước rửa mặt và nước uống. Cụ Phán khẩn khoản xin cứ cho xong bữa, song ai ai cũng nhất mực lắc đầu. Cuộc vui mất vui.

Tham Châu bầy ra giữa án thư một tấm ảnh chụp cả người của anh, vì thiên hạ bây giờ chỉ bàn quanh quẩn về người tù đã chết... Một ông bạn già lại vỗ vai cụ Phán, an ủi:

– Thôi cụ ơi, đau đớn thì cố nhiên đi rồi, nhưng xin cụ chớ có quên cái điều này, rằng đó là một cái chết hiển vinh! Có phải thế không? Người đời, ai mà rồi không chết? Chết non, chết già, thì cũng là đến chết cả, có khác thì chỉ khác rằng khi chết nên để thiên hạ được hỏi thế này: có vì một nghĩa lý gì không, thế thôi!

Rất nhiều người khen!

– Bẩm cụ dạy chí phải!

Hăng tiết, ông cụ già ấy nói tiếp bằng cách hoa tay vung lên:

– Cụ chớ buồn! Cụ có con chết, vì tổ quốc, vì nòi giống thì cụ nên mừng nữa! Thưa các ngài, làm tài giai thì chỉ cần chết tại nơi chiến địa, lấy da ngựa bọc xương! Như thế, há lại không hơn những thằng tài giai chết vì hóc xương gà, hay chết phạm phòng trên bụng vợ?

Nghe thấy thế, rất nhiều người cười rộ lên, như ở 15 phút về trước mà đang được cười nói tự do vậy.

Cụ phán Uyên gạt lệ, hỏi cháu:

– Đẻ mày đâu rồi?

– Hình như đẻ con sang mời cụ Cử thì phải...

– Đừng cho đẻ mày biết vội nhá! Phải dặn cả cái con Ngọc ấy nữa, kẻo không nó lại cứ khóc chu chéo lên...

– Vâng.

Rồi Châu bỏ đấy, đi tìm em gái.

Lúc này, một ông bạn già khác đến ngồi gần cụ.

– Thôi cụ ạ, cụ mất cậu cả nhưng còn gỡ lại được cậu hai, công danh cũng đã to. Chứ như tôi, sáu năm về trước, lại không đáng phát uất lên mà chết à? Nó vừa đỗ xong, thì nó chết, vì đi tắm, đi đùa nghịch! Thế mà tôi cũng vẫn sống, vì rồi thì mình cũng phải quên đi!

Cụ Phán ngơ ngác đáp:

– Vâng, rồi thì ta cũng sẽ quên... Nhưng quên được cũng còn lâu lắm!

Một người trẻ tuổi đến trước hương án, kính cẩn cầm tấm chân dung của Phách, ngắm nghía rồi nói:

– Anh giáo Phách này, tôi đã được hân hạnh biết anh, mà biết kỹ nữa. Ai ở gần anh nhiều cũng phải kính phục anh! Thật là một người rất nhiều nết tốt, rất ít tính xấu.. Thông minh, hoạt bát, lanh lợi đủ đường. Mà lại thâm trầm kín đáo biết bao! Không bao giờ tôi thấy anh ấy nói chuyện ái quần ái quốc gì với tôi...! Trước mặt tôi, anh Phách hình như chỉ là một người không có tư tưởng gì, như nhiều người khác. Ấy thế mà một hôm, thiên hạ thấy anh ấy bị bắt vì hội kín! Theo lời buộc tội của tòa thì ra anh Phách còn là tay cách mệnh nguy hiểm nữa, vì là một nhân vật trọng yếu trong ban tổ chức! Thế có gớm không! Anh thất bại, ấy là tại vận hội nước này không ra gì! Nay anh chết nữa, đó không phải chỉ là một điều thiệt thòi cho gia đình mà thôi, nhưng mà còn là một tai họa đau đớn cho cả cái xã hội thiếu người có nhiệt tâm này nữa.

Một người khác bàn theo:

– Thật thế, đó là một cái chết đáng tiếc, đáng thương khóc, đáng truy điệu... Chúng ta đây, chúng ta đã là bạn thân của anh Phách, vậy mà trước những điều rủi ro của anh, chúng ta đành chịu bó tay nhìn như khách bàng quan... Anh bị bắt, bị giải đi đày, tưởng là sẽ về, thì bây giờ anh lại chết! Còn chúng ta thì chúng ta cứ yên với gia đình, theo đuổi cái mục đích vợ đẹp con khôn. Cái chết này đủ khiến ta hổ thẹn, đã đặt trong óc chúng ta một vấn đề lương tâm nữa. Tôi xin các bạn có mặt ở đây, ai là bạn của anh Phách, thì đều nên nghĩ về cái tang chung này, để làm cho cuộc truy điệu long trọng một chút!... Chúng ta nên hy sinh một chút tài sản và một chút yên ổn nữa... Nghĩa vụ của ta... đối với một thiếu niên có chí khí, một đứa con quý báu của Tổ quốc đã hy sinh cho Tổ quốc cả công danh, tính mệnh, gia đình... Sống, anh đã là một bậc anh hùng, chết, anh sẽ được là vĩ nhân. Ta phải làm thế nào cho xứng đáng là bạn của anh ấy mới được.

Cụ Phán tuy rất hả hê và những ngôn ngữ hùng hồn và văn chương của hai người bạn với con mình, nhưng cụ cũng vỗ vai người vừa nói, bảo khẽ:

– Ấy chết, những điều ấy ta nghĩ thầm trong bụng thôi, nhưng ta không nên nói to ra như thế.

Nhưng người kia hỏi:

– Nói đây, có ai là mật thám không? Mà cho dù có nữa, thì tôi cũng đến nước có tên trong sổ đen là cùng chứ có hề gì. Nhờ Giời, thì

bây giờ không bị bịt mồm bịt miệng một cách vô lý như trước nữa. Xin cụ chớ sợ quá. Xin cụ cứ việc hưởng vinh dự và có cái kiêu ngạo khi con cụ là một người như anh Phách, dám hy sinh đời mình cho một lý tưởng riêng.

Lần đầu trong đời, cụ phán Uyên dám nói ra miệng mấy câu tưởng không khi nào cụ dám nói:

– Các ông nói rất phải. Nó chết như thế, cố nhiên là hơn chết vì hóc xương gà! Kể ra cho đúng thì nó là người cũng đáng phục, có chí khí lỗi lạc khác nhiều người, khác tôi. Tôi sống thế này là hèn nhát cực điểm, vinh thân phì gia thế chứ có biết hy sinh là cái quái gì! Xã hội toàn những người như tôi cả thì cũng hỏng bét! Thôi thì... giữa lúc đau đớn, các ông khuyên tôi nên lấy thế làm vinh, tôi cũng xin lấy thế làm vinh chứ sao! Thì tôi cũng xin kiêu ngạo vì đã là bố nó, để mong khuây khỏa được đôi chút...

Quan Phủ và quan Bố xin cáo thoái ra về, sau khi có vài lời phân ưu theo thói quen. Vì trời đã tối, nhiều người cũng bắt chước hai ông khách quý ấy. Ai cũng đã cảm động. Không phải vì người chết, nhưng cảm động là vì giật mình khi nghe thấy có người dám tán tụng người chết một cách bạo dạn, quá tự do, đáng gọi là nguy hiểm hẳn hoi. Và ai cũng đã ngạc nhiên về mấy câu nói hùng hồn bất ngờ của cụ Phán mà tính nhút nhát là không còn ai chẳng biết.

Tối hôm ấy, cụ phán Uyên ngắm nghía mãi tấm ảnh của con. Thì ra con cụ là anh hùng, là vĩ nhân! Thì ra cụ là bố một vị anh hùng, làm bố một vĩ nhân. Đó là một sự vinh hiển như tất cả trong mọi cái vinh hiển! Đó là điều mà thiên hạ đã chúng khẩu đồng từ để công nhận như thế!

Cụ đã hối hận về thái độ hèn nhát của mình ngày xưa...

Cụ đã giác ngộ, từ nay trở đi là một người "khác".

Và cụ đã khóc lóc thương con rất nhiều...

Đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy*,
loại mới, 1945. Đã trích đăng hai đoạn trên tạp chí *Tao Đàn* năm 1939 như là hai truyện ngắn, lấy tên là *Bắt vích* và *Ăn mừng*.

BỘ RĂNG VÀNG

(Truyện ngắn)

Ông cụ già đã ngót tám mươi tuổi đầu ấy đã hứa với chúng cái chết của mình ba tháng nay rồi, mà ba tháng nay, ông cụ cứ nằm lỳ giữa giường để rên đấy, ăn đấy, và thi hành mọi việc cần dùng ở đấy...

Cụ thật là người keo kiệt, đến lúc hấp hối rồi mà vẫn còn đo lọ nước mắm, đếm củ dưa hành, hau háu ra chi li từng đồng xu nhỏ một, chẳng chịu rời chùm thìa khóa, mở tủ, lấy văn tự địa đồ chia của cho con.

Đến bây giờ ông cụ quả thật chết rồi, nhẹ nợ!..

Ông cụ chết rồi, thì thằng Cả, thằng Hai với vợ chúng xúm nhau vào vồ lấy chùm chìa khóa, tính việc chia gia tài.

Chúng hãy để mặc cái thây ma nằm đấy. Cả hai ngày hôm ấy chúng bận bù đầu vào trăm công nghìn việc. Thằng Hai nhường cho anh bộ đồ thờ với yến thư bàn độc, thì kỳ kèo ép anh phải bỏ tiền ra lo cho bố thết đãi hàng xã, hàng tổng, để phải lấy lại hai con lợn nái của mình.

Tối hôm sau cái chết của ông cụ, họ hàng cũng không ai được biết: vì chúng... tính toán chưa xong...

Đến độ nửa đêm mọi việc đã thương lượng được với nhau đâu vào đấy cả. Lên giường nằm nghỉ, thằng Cả mơ màng đến cảnh phóng túng chơi bời cũng như thằng Hai, sướng bằng mở cờ trong bụng, định những việc mưu danh cầu tước, mua lấy một chân chức sắc trong làng.

Bốn vợ chồng chúng xì xào to nhỏ với nhau, khúc khích với nhau, duy chỉ một mình ông cụ, một cái thây ma phủ dưới một cái chăn đơn, nằm dờ với ngọn đèn to không bằng hạt đỗ. Vì không có chúc thư để lại, cái chết kia là cái chết bất thình lình, chúng đã giấu kín ngày giờ với họ hàng, làng nước thì chúng kêu gào khóc lóc làm chi?

Vợ chồng thằng Cả muốn như ngủ rồi, thì vợ chồng thằng Hai rón rén đẩy cửa lôi nhau ra ngoài chuyện kín.

Thằng Hai, óc lý tài sáng suốt hơn thằng cả, nhớ rõ ngay rằng trong lúc sinh thời, ông bố muốn thay vào hàm răng cái còn cái gẫy, đã lên tỉnh, vào nhà trồng răng vàng.

Chúng cứ xì xào cãi lẫn với nhau, con vợ nhất định không nghe, kêu rằng trong nhà có kẻ qua đời, người sống muốn cho kẻ chết được thiêng liêng phù hộ cho mình, thường còn lắm khi bỏ vàng vào miệng. Nên khi thấy chồng bàn lấy bộ răng trong mồm bố ra để bán, nó chẳng bằng lòng...

Thằng chồng phát gắt mà rằng:

– Cái đời đàn bà chúng mày sao mà ngu thế? Chết rồi, thì việc cúng giỗ chẳng qua là việc dối lừa thiên hạ, bộ răng vàng ấy đem bán đi không được chục bạc hay sao? Mày không nghe ông thì mặc kệ mày, miễn sao mày đừng để cho vợ chồng anh Cả biết. Ông làm gì thì mặc xác ông!

Rồi nó nguây nguẩy quay vào, để cho vợ một mình đứng đấy.

Trong nhà có người chết, ngoài sân lại có thêm đom đóm bay liệng lập lòe, cây cau, cây chuối cọ lá sột soạt vào nhau, con Vện thỉnh thoảng cắn bóng một cách tức bực buồn rầu, nghe sợ đến rủn người đi được.

Chị vợ bỗng giật mình hoảng sợ, hấp tấp chạy vào những toan ngăn chồng không cho làm thế, nhưng khi đến cửa buồng, nhìn vào thây ma chơ chơ nằm đấy thì chị ta lại sợ không dám bước vào.

Nó biết vợ nó phải lánh mặt đi rồi thì nó cứ việc tự do hành động. Nó nhìn sau nhìn trước, lắng tai nghe kỹ, thấy vợ chồng anh mình đã ngáy mới yên trí, rón rén đến bên giường bố chết, lật cái chăn ra.

Để một tay giữ trên đôi mắt người đã qua đời, còn một tay nó bóp lấy hàm, cố vành cho được. Thấy hơi răn rắn, nó liền dùng hết sức, cố vành mồm kẻ chết móc ra được bộ răng vàng. Như người sốt rét phải chậu nước lạnh dội vào mình, nó bỗng run lên lật bật. Bộ răng vàng rơi lăn xuống đất, nó cũng không kịp nhặt, vì khi nhìn lại đôi mắt của kẻ qua đời đã bị bàn tay phũ phàng kia làm cho lật hẳn mi lên. Mà cái mồm, cái mồm không răng trông sâu hoắm hoắm mà tối om om, sau khi đã bị vành thì thôi, nhất định không thèm ngậm lại. Người chết hình như trợn mắt, há mồm, nguyền rủa thằng con bất hiếu, trông đáng sợ vô cùng.

Nó đứng ngây ra đấy mà nhìn, chớp mắt một hồi rồi sau khi rú lên một tiếng, bưng mặt đẩy cửa chạy đi.

Nghe thấy tiếng kêu ghê gớm lạ lùng hai vợ chồng người anh đều ngồi nhỏm dậy. Chúng không hiểu nguyên do sao cả, chỉ nhìn nhau một cách kinh ngạc rồi rón rén xuống đất, bước đến cửa phòng người chết, đứng đấy nhìn vào. Cái thây ma, trợn mắt há mồm như đang chửi rủa.

Hai vợ chồng sợ quá đứng sát nách nhau mà run lập cập, trống ngực đánh thình thịch. Giữa cái lúc bối rối tâm thần, mơ màng đến những chuyện "quỉ nhập tràng" của bộ Liêu trai, không biết nên đứng ỳ ra đấy hay cuống cẳng bỏ chạy đi đâu, thì thằng anh nhìn thấy bộ răng vàng nằm dưới gậm giường, nhờ ánh sáng đèn chiếu ra lóng lánh.

Cái việc thằng em vào đấy, rú lên rồi ôm đầu bỏ chạy, nó hiểu rõ ra ngay.

Nhìn ra sau lưng, thấy vợ thằng em đã đứng tái mặt đấy rồi, thì nó lên giọng đàn anh, mắng trùm "Chúng mày thực là bất hiếu!".

Người đàn bà kia cố cãi cho ra lẽ, kêu rằng đã hết lời ngăn cản mà chồng chẳng chịu nghe nào. Rồi chị ta xin lỗi cho chồng, những mong được lượng ông giữ kín chuyện nhơ nhuốc trong nhà, cứ việc lắp lại hàm răng vào mồm cho bố.

Nhưng thằng anh lại không làm thế, sau khi không có cách nào vuốt mắt, đậy mồm cho người đã mất thì nó chỉ trùm chăn lên trên một cách gọn gàng. Rồi nó quay lại mắng đứa em dâu:

– Chú thím đã định lừa tôi như thế, thì bộ răng này sau khi tôi bán được, mong rằng chú thím đừng nhớ đến chuyện chia...

Sau cùng thì, một cách tự nhiên, nhanh nhẹn nhất đời, nó cúi xuống nhặt bộ răng vàng, bỏ túi.

Hà Nội báo số 31,
tháng 8 năm 1936

HỒ SÊ LÍU HỒ LÍU SÊ SÀNG

(Truyện ngắn)

Không ai có thể thấy một gia đình thứ hai nữa giống như gia đình nhà danh họa Khôi Kỳ. Cứ cái tên của ông chủ cũng đã đủ ngộ nghĩnh rồi, nhưng có bước vào nhà ông này, ta mới thấy nhiều cái lạ. Có thể bảo rằng đối với nhà này, cuộc đời là một trận cười quanh năm.

Bất cứ đến lúc nào, ông còn đứng ngoài thềm ông cũng đã thấy văng vẳng đưa ra những tiếng đàn nguyệt như bổng, như trầm, hoặc tiếng cái nhị Sài Gòn rên rỉ. Nếu vào đến căn phòng làm việc của nhà họa sĩ, thì thật là một sự lạ lắm, nếu ông không thấy vỏ hạt dưa bắn tung tóe đầy sàn, vài cái đĩa còn thừa lác đác mấy miếng bánh khách, giấy bóng vỏ kẹo, hay mấy chai rượu ngọt chỉ còn ít cặn, hay cái áo "cào cào" vài đôi giầy mang cá mới của các tiểu thư. Ấy là không kể một đống ngổn ngang những sáo với hồ, những đàn với nhị, cái nào cũng đứt dây long phiếm, dựa lảo đảo vào một xó gác, một thành ghế hoặc may lắm mới được treo cẩn thận trên tường.

Vì rằng Tuyết Nương với Bạch Vân đều là hai cô gái quý của nhà danh họa Khôi Kỳ, đàn cũng hay, ca lại càng "não" lắm. Thật là những nàng tiên sa cõi thế, răng lóng lánh hơn cả mặt hoa tai đầm, nước da mịn hơn cả quần lụa trắng, với tóc đen lay láy, có màu mun hơn cả khăn nhung.

Chính ra. Khôi Kỳ không có địa vị gì trong nhà, chỉ Tuyết Nương và Bạch Vân mới là hai "bà" cầm quyền thay ông chủ.

Ông bố thường dậy từ lúc bà con hàng phố chưa ai nghe bánh Tây nóng, giời rét thì quấn thêm cái chăn dạ, khoác thêm cái áo dạ, đã ra ngồi kẻ, đo, vạch, điểm, trộn sơn, trộn thuốc... để cho bà vợ quý với hai cô gái quý nằm ườn xác đến giờ học buổi sáng được ra chơi. Ông tuy có tài nhưng chưa "ăn thua" gì cả. Ông vẫn còn nghèo lắm nên làm ăn rất chăm chỉ, những mong có một ngày kia... Một vài cuộc triển lãm của ông tổ chức với mấy anh em đã hứa cho ông con đường tương lai rực rỡ. Nhưng, vợ với con mà không phải nai lưng ra

nuôi một cách vất vả, chỉ những bắt ông sắm khăn san, giầy mang cá, cũng khiến ông đủ "lệch nghiệp" rồi.

Bà vợ không dúng tay vào một việc gì cả. Rất đẹp khi mới cưới, rất được nhiều người họ nhà chồng kính yêu chỉ vì cái sắc, bà trước còn tự hào là một người đàn bà đẹp, và, sau là một người đàn bà đẹp từ xưa! Đã là một người thuở xưa rất đẹp, nay bà chán hết mọi sự, chỉ còn thiết mùa rét thì chùm chăn ngủ kỹ, nực đến thì gội đầu rồi xõa tóc ra quạt, đọc tiểu thuyết trên một cái võng lúc nào cũng kêu "kĩu cà kĩu kịt" mắc lê khắp gian phòng. Cho nên mỗi khi bà dúng tay việc gì thì cả nhà như một xứ nào gặp nạn động đất vậy.

– Con Vân! Cái kéo của tao đâu rồi thế?... Ơi Tuyết! Cái đê với cuộn chỉ ở hòm mày đã vứt đâu?

Cứ nheo nhéo suốt ngày!

Rồi thì. Tuyết cũng như Vân, hai cô ùa nhau ra mở hòm mở tủ. Sau một hồi rối rít tìm chìa khóa mở được thì chẳng thấy đâu là kim, đâu là đê, đâu là chỉ mà toàn mó phải những đũa những thìa, những khuy áo, gương cũ, hộp sắt tây, lọ thủy tinh, không biết đứa khỉ nào đã nhét cả vào đấy, và cất đấy để làm gì!...

Cả mọi đồ vật bày trong nhà cũng có một vẻ kỳ lạ lắm.

Cứ hai, ba tháng lại dọn một lần nên phòng khách cũng như phòng ngủ trông đều có vẻ "chưa bày xong" hoặc "đến mai xếp dọn" của những nhà mới có việc bận rộn hôm qua. Vả lại, ai hỏi đến cái gì thì cũng "không thấy cả" thì còn bầy biện cái quái gì? Miễn là ông bố vẫn tìm thấy đủ cái mũ, đôi giầy, bà mẹ: một cuốn tiểu thuyết *Tam Hạ Nam Đường,* hai cô con gái: phấn, sáp, khăn nhung. Miễn ra ngoài đường, bà con phải nhầm là nhà có của. Cánh cửa nhỡ hé mở, người tò mò đi ngoài phố có thể nhìn trộm thấy cái tủ chè khảm, nhưng mặt kính vỡ chửa có tiền thay. Hoặc trên bàn thờ, cái bát nhang sứt vì bị mèo nhảy đổ.

Có khi, ngồi vào mâm, đã cất đũa, ông bố mới sửng sốt tự trách rằng quên chẳng để giành tiền mua lấy cái liễn ủ cơm. Gặp khi nào hơn hai giờ mà hai cô gái quý thổi cơm xong thì chiều đến đã có lệnh của bà truyền rằng: "Mới ăn cơm từ lúc hai giờ chiều không phải thổi cơm, để chờ hàng phở tối".

Một cảnh tượng rất thường nhưng nghĩ cho cùng, thật cảm động: bốn người cùng kẻ ngồi, người đứng bưng mấy bát phở vội húp sụp

soạt ở ngay chỗ cánh cửa bước vào. Cầm cái khăn mặt bẩn như khăn lau bàn, ông bố húp vội chén nước rồi quay vào cắm cổ làm việc, chẳng kịp xỉa răng!

Trong cái cảnh bừa bộn vô trật tự ấy, cái thản nhiên, cái bình tĩnh của bà mẹ với hai cô thì thật là những kỳ công của tạo hóa! Trong óc mấy người này đều chứa những tư tưởng gì khác, chứ không tráng qua một tư tưởng nào về việc tề gia nội trợ bao giờ. Cho nên Tuyết Nương thì ăn vận theo gái Sài Gòn, còn Bạch Vân gái Huế. Còn bà mẹ, nằm chao mình trong võng, sống một cách uể oải với bộ truyện *Phong Thần,* mơ màng đến cái sắc đẹp thuở xưa.

Nhà danh họa Khôi Kỳ lúc nào cũng hớn hở tươi cười như trẻ con được mặc áo đẹp.

Miễn sao lúc nào cũng được thấy bên tai khanh khách tiếng cười của hai cô con gái quý, ông bố rất có thể nai lưng ra làm việc, kéo cày trả nợ, nợ vợ, nợ con. Hễ cô con gái nũng nịu, thỏ thẻ bên tai: "Cậu cho con mua cái san" – (giẩu mỏ!) "Cậu cho con cái vòng, v.v..." là ông bố gật đầu ngay, móc ví lấy tiền ngay, dù gạo ngày mai chưa trông được vào đâu cũng mặc!...

Cũng lắm khi các cô ngồi cần cù kim chỉ đấy, nhưng áo rách đến xả vai của bố cũng không thấy miếng vá, bít tất của bố thủng như giây bột cũng chẳng được sợi mạng, các cô chỉ biết thêu hàng trăm hàng nghìn những chiếc mùi xoa có cánh hồng con bướm, để tặng những ai ai thì phải, chớ cũng không để bán bao giờ.

Các ông, các bà có được hân hạnh lần nào gặp những cô gái quý, rất tân tiến ấy không? Nào có khó gì đâu, biếng việc nhà nhưng rất chăm chỉ việc người, những cuộc diễn kịch, diễn cải lương Nam Kỳ, việc nghĩa hoặc các buổi chợ phiên, đối với các cô không một dịp nào không dự vào ban tổ chức. Chỉ bởi thế, các cô vẫn phải muộn chồng.

Vì rằng cứ trông cái cảnh gia đình ra ngoài khuôn mẫu hàng nghìn vạn dặm của các cô, cứ nghe giọng bà mẹ của các cô sàn sạt, nheo nhéo cả ngày, thì dù trong đám công tử đã cảm giọng Nam ai. Vọng cổ hoài lang, Văn Thiên Tường của các cô, cũng có nhiều cậu muốn rước ngay các cô về, nhưng phần nhiều đều ngại ngần, tự hỏi với tự dọa: "Có nên lấy nó làm người vợ quý của mình?" Hoặc là: "Nếu ta lấy nó rồi thì ta đến bỏ mẹ ta!..."

Người tử tế làm ăn, đã không ai dám rúng đến rồi, mà cả cái bọn "mũ lệch vai so" cũng không mãnh nào dám rước. Đã đành là, đến

nhà họa sĩ Khôi Kỳ nghe hát, nghe đàn là thú, là vui, là cảm lắm, nhưng mấy ông tài tử Nam Kỳ đội mũ đỏ mực, quấn cái khăn quàng sặc sỡ, lê đôi dép Nhật, đàn hay, ca thạo, hút thuốc lá cũng thạo, đối với con mắt bọn này đã như đinh như gai... Ấy là không kể trong khi mải vui nghe hát, nghe đàn, bọn này phải chịu cái khổ hình nghe cả tiếng võng kĩu kịt của bà ở phòng bên cạnh, trông thấy thấp thoáng bóng người, những cái vẻ mặt căm tức, giận dữ, định lấy tiền nhà tiền gạo, từ tháng trước thu xếp chưa xong. Các cô vẫn ế.

Được một lần có một anh chàng góa vợ, đứng tuổi, rất thích cảnh đời ra ngoài khuôn mẫu, vì cho sự lấy vợ chỉ là mua máy hát đã định ngấp nghé (ái chà!...) mượn người tiến dẫn đến năm bảy lượt, nhưng vì thấy cảnh gia đình quá sức tưởng tượng nên trong lúc cô em gân cổ ca khúc Văn Thiên Tường trong bản tuồng *Tam ban triều điển* thì anh chàng lim dim con mắt liếc nhìn cô chị, phì phèo mẩu thuốc lá, nghe điệu đàn vừa rồi hát thầm, họa thầm, mà tự hỏi:

"Phải xem nó ý y còn nguyên, nó còn nguyên..."

Việc chàng lại bỏ dở...

Thế là Bạch Vân với Tuyết Nương vẫn cứ ế chồng, mà họa sĩ Khôi Kỳ được cảnh xum họp một nhà để tiếp khách toàn cầu, để méo mặt lo nợ, lo chạy gạo, chạy tiền bánh ngọt, rượu, chè tiếp rước các ông công tử Bắc Kỳ, tiếp rước các ông tài tử Nam Kỳ, và để lúc nào cũng được bên tai văng vẳng khúc đàn ròn của bài vọng cổ:

Hồ sê líu hồ líu sê sàng!

Hà Nội báo số 35
(ngày 2-9-1936).

NGƯỜI CÓ QUYỀN
(Truyện ngắn)

Đứng ngắm trước gương, anh ta cài khuy cổ áo, vuốt lại hai tà áo nhăn nheo, đội lại cái khăn lượt cũ cho chữ nhân đúng ở giữa trán. Anh ta nhìn vào gương một lần nữa, thấy mình "không ai chê vào đâu được" bèn ung dung ra đi. Chợt nhìn xuống đôi mũi giầy Gia Định anh lại hấp tấp quay vào gầm giường cúi tìm đến rỏ mồ hôi tai mới thấy cái bít tất cũ. Anh lau mũi giầy, vui mừng rằng đã không quên một việc có thể rất có hại cho danh dự của anh. Chứ gì! Anh mà lại đi đôi giầy bụi bậm ra phố thì thiên hạ cười chết!

Qua gian nhà cầu, thấy bà mẹ đương ngồi cân tơ, lưng quay vào tường, anh rón rén gót chân như một tên trộm. Anh thở dài sung sướng vì mẹ không biết, không gọi lại hỏi, không căn vặn, để mà, sau cùng, thì đay nghiến anh là lêu lổng, là ăn hại, và bắt quay trở vào, bỏ khăn, áo ra.

Ra đến cửa hàng, cô Loan, em gái anh, lúc ấy đương có mấy cô bạn, trông thấy anh thì thẩy đều ngồi im một cách kính cẩn. Các cô đương bàn chuyện mặc "soóc" để chiều chiều, lên diện ở Hồ Tây. Thấy em gái đương chuyện như pháo ran mà trông thấy mình lại vội im bặt, anh ta vừa ngạc nhiên, vừa sung sướng, không hiểu tại sao bỗng dưng cô em lại sợ mình đến như thế.

Ngoài phố, đèn đã sáng. Một ít giai gái đã bắt đầu đi nghễu nghện hai bên hè, tìm những cái thú ăn, chơi của ban đêm. Anh ta tránh cái hè đông người, bước sang bên hè kia. Anh đi đến phố Cửa Đông. Đường Thành.

*
* *

Nhưng mà đến chợ Hàng Da, đương đi thẳng, anh bỗng dừng chậm đà chân, rồi tiến thẳng về phía Ngõ Trạm. Anh tự hỏi: "Ta có nên đến đấy ngay bây giờ không? Ta lại hai bàn tay không như thế

này mà đến chỗ ấy ư?" Thế rồi anh liên miên nghĩ đến bà mẹ ác nghiệt, người anh cả hiện đã là một ông phán, "vinh thân phì gia", thằng em giai hiện đã đỗ tú tài mà chỉ giỏi hát lối Tino Rossi và đi đêm với bọn vũ nữ, cô em gái út rất tân thời được bà mẹ nuông hết sức mà mãi chẳng "thấy ma nào nó rước"... Bỗng dâu anh oán giận tất cả ngần ấy người... Hôm nay, anh đã là cha một đứa trẻ con. Vợ anh đã đẻ được một đứa con giai kháu khỉnh vậy mà anh phải hai bàn tay không đến nhà hộ sinh! Mà gia đình anh tịnh không ai biết!

Nghĩ đến đấy, anh đứng dừng hẳn lại, rất ngạc nhiên để tự mình hỏi mình như hỏi một người qua đường: "Thế có tức không?" Vì lẽ không ai đáp, anh ta lại cắm đầu cắm cổ đi, đi mãi, cũng chẳng biết có nên tức hay là không nên tức.

Vợ anh? – À, mà cái đó đã cố nhiên, thế là nó đã là vợ tôi, đứa bé kia là đứa con của tôi, thưa các ngài! Đó là một người đàn bà góa chồng rất trẻ, cũng vui vẻ, nhí nhảnh như số đông những người góa chồng khác anh đã gặp trong một cuộc chắn cạ, mà anh đã chim... Đã chim? Bẩm chính thế đấy ạ! Nói thế chắc hẳn chẳng ai tin đâu, nhưng mà sự thực là ấy thế. Người xưa đã nói "Tâm ngẩm tầm ngầm mà đấm chết voi" – Phải biết! Hạnh phúc là một thứ quà của sự tình cờ nó thường cũng có khi rơi vào giữa mồm cái thằng dại lăn nằm dưới gốc sung, hay là nó thường rơi vào tay những quân ngu dại. Người xưa lại cũng đã nói cả rằng: "Ngu phúc xuẩn thọ". Nhưng mà chính anh ta thì, thật tình, anh chẳng biết mình là một người ngu.

Thấy anh mà cũng có nhân tình, có một người hỏi nửa thật nửa bỡn:

– Ô kìa, ông hai! Làm thế nào mà khéo thế, gớm! Cái món ấy kháu đấy nhỉ? Thế đã nước gì chưa?

Đối với một người vô nghề nghiệp thì có một cô nhân tình cũng như là có một chức nghiệp. Anh ta vui vẻ đáp lia lịa:

– Chứ ông tưởng! Cái món ấy nó yêu tôi thì còn oan cái nỗi gì!

Thật vậy. Là vì anh không hiểu rõ cái giá trị của anh.

Chỉ biết rằng có một bà mẹ là một cụ Cử hẳn hoi, có một ông anh phán sự ngoại ngạch, có một cậu em tú tài, có một cô em gái hết sức "a la mốt" thì là danh giá chán, anh ta chưa hiểu rằng tuy vậy, anh cũng chẳng là "cái quái" gì cả. Nhưng mà thiên hạ lại chẳng nhìn anh bằng cái thứ mắt mà anh nhìn anh. Người ta chỉ trông thấy anh là một kẻ "thằng không ra thằng, ông chẳng ra ông", văn dốt, vũ

dát, hai mươi bảy tuổi đầu còn ăn bám vào mẹ, cả ngày đi tìm những gia đình nhàn cư bất thiện để gạ đánh cờ không tiền hay là chầu rìa tổ tôm. Mà, rõ khổ! Đã thế, thỉnh thoảng lại còn đi nhầm giầy nữa! Trong phố người hiền lành nhất đời cũng bình phẩm anh rằng: "Rõ cái anh chàng đến vô vị". Còn người độc ác thì lại kêu: "Cái thằng ấy có chó lấy!" Cả đến chính bà mẹ của anh ta nữa cũng không bao giờ nghĩ một cách thận trọng đến việc lấy vợ cho anh. Bà cụ chỉ ngong ngóng xem người nào ế chồng, nhiều tuổi hơn anh, hoặc là đã góa chồng rồi, thì mới dám mong không bị từ chối.

*

* *

Bởi thế cho nên anh... đi chim! Bởi thế, anh phải có nhân tình! Mà có rồi ạ, rồi ạ!

Anh tự phủ:

– Mẹ ta không muốn cưới vợ cho ta chỉ vì không muốn mất ba trăm bạc. Thì ta sẽ lấy vợ không mất một xu nào! Cho mà xem!

Anh lấy vợ thật: người đàn bà ấy ăn ở với anh non vợ chồng mà già nhân ngãi... Tại sao người ấy lại yêu anh ta? Rõ khổ lắm, thì còn ai hiểu được lòng người, nhất là lại lòng người đàn bà. Trong một buổi chắn cạ có sự thân mật, có sự kề đùi kề vế, anh ta đã vô tình mà cảm được một người đàn bà góa chồng có trong lòng bao nhiêu giây đàn mà đã từ lâu không có tay tiên nào gẩy đến. Tức khắc, người ấy yêu anh. Một lần, hai lần, những tưởng giải trí qua loa thôi, không ngờ cái tình bắt đầu phai thì cái nghĩa nó cũng sắp sửa thắm. Nói cho cùng, người đàn bà ấy trót nhỡ mà yêu anh. Ấy sự đời là thế: có thứ đàn bà lấy chồng hoặc theo giai y như người ta chót nhỡ đánh vỡ mất một cái chén vậy.

Về phần anh thì anh chẳng tốn kém một đồng xu. Vợ anh tuy cô độc, tuy nghèo, xong cũng có một nghề độ thân. Vợ anh bán guốc trên chợ, thuê một căn nhà nhỏ trong ngõ Hàng Hành. Sớm đi tối về, cơm đèn hai bữa. Trong những lúc ân ái, anh đã hứa:

– Mình cứ an tâm. Rồi tiện dịp, tôi nói với bà lão nhà tôi thì mình cũng được về nhà tử tế. Rồi chúng ta xin bà lão trăm bạc làm cái vốn riêng.

Người đàn bà kia gật đầu. Tuy anh chẳng có nghề gì, nhưng cũng "con nhà danh giá". Em ông Phán, anh cậu Tú, con cụ Cử. Bẩm phải ạ, vậy các bà thử nghĩ xem!

Ngót một năm trời, anh đủ sống sung sướng. Tuy ban ngày chỉ đi gạ đánh cờ không tiền hay chầu rìa ván tài bàn, nhưng mà, tối đến, từ 9 giờ đến 11 giờ thì anh lại căn phòng nhỏ với người yêu. Xong cuộc, anh về nhà trình diện mẹ, bị mắng chửi là đêm nào cũng đi, như một người con chí hiếu ở thế kỷ hai mươi vậy. Chỉ có một lần là anh phải ngờ vực cái người chung tình có một của anh. Mười giờ đêm hôm ấy, sau khi ốm liệt giường liệt chiếu mất một tuần lễ, bất thình lình anh khỏi, và đến với vợ. Thì vừa lúc anh gặp một ông to béo ăn mặc như một quan Hàn, từ buồng vợ đi ra, dáng điệu mỏi mệt, lừ đừ. Anh ta đề nghị, nói xa xôi, bóng gió, hỏi thật, thì vợ anh thét lên: "Cậu người ta đấy, khỉ ạ!" Từ đấy anh không gặp mặt cậu vợ ở nhà vợ nữa, và được yên tâm.

Mãi đến bây giờ, vợ anh đến nhà đẻ, nằm phòng ba chục một tháng.

*

Anh ta lại từ Ngõ Trạm quay về phố Cửa Đông. Vì anh ta nghĩ: "Tuy bây giờ ta không có xu nào trong túi, nhưng mà nay mai hẳn phải có tiền giúp được người yêu... Miễn sao cái khai sinh gửi ra tòa Đốc lý! Thế là quan Đốc lý ngài nhận thực rằng ta là chồng nó, là cha đứa bé. Bà lão có muốn phá cũng không kịp nữa: quan trên nhận thực rồi!"

Sau khi lý luận ngây thơ như thế, anh gõ cửa nhà hộ sinh. Vợ anh trông thấy anh thì sưng mặt lên không nói gì cả, xong anh cho đó là cái ỏe họe, cái khó tính của gái đẻ. Người nữ khán hộ giơ đứa bé con giai ra, nói:

– Con giai hẳn hoi? Giống ông như đúc?

Anh nhìn đứa bé, chẳng thấy nó giống mình mấy (vì trẻ mới đẻ đứa nào chả thế) nhưng cũng nói:

– Vâng, nó giống tôi.

Cô khán hộ lại tiếp:

– Đây này: cái tai dầy chính là tai ông, cái nhân trung dài chính là nhân trung ông!

Anh ta gật đầu:

– Cảm ơn bà, bẩm chính thế đấy ạ.

Rồi ngồi im như phỗng, hưởng cái sung sướng có vợ, có con. Khi cô khán hộ ra khỏi phòng, anh mới hỏi người yêu:

– Khai sinh cho con chưa thế, hở mợ?

Người yêu của anh, đến đây, ngồi lên, rầu rĩ nói:

– Thôi, tôi cũng không thể giấu được anh nữa, vậy tôi dằn lòng phải nói... Người kia nhất định khai sinh cho nó rồi.

Anh ta lặng hẳn người đi như mó phải dây điện. Vừa thở hồng hộc vừa hỏi:

– Thế nào? Nói gì thế? Người kia là đứa nào? Đứa nào là người kia?

Người vợ chung tình chép miệng làm gọn một câu:

– Cái lão mà anh đã gặp, mà tôi đã nhận là cậu tôi, chứ còn đứa nào!

Anh ta đứng hẳn ngay lên, nắm hai tay lại. Những người hiền lành hay cục, những kẻ ngu vẫn quen hung hăng. Nhưng người đàn bà vẫn điềm tĩnh:

– Ấy thế mới phiền chứ!

– Sao mày đã thề với ông?

– Ai bảo anh đi tin thề?

– À à! Gớm nhỉ! Mày nói cái mồm mày cứ gọn thon lỏn đi thôi! Chuyện dễ nghe nhỉ? Ông lại chém cổ m... mày đi bây giờ...

Anh ngừng lại để mà ngạc nhiên về cái phũ mồm của mình: lần đầu trong đời, anh đã nói nặng người yêu. Nhưng người đàn bà cũng nổi nóng chẳng kém:

– Thôi đi, anh câm đi! Anh ngu lắm! Ừ, thử hỏi, trong một năm nay, tôi có tệ bạc gì với anh không, anh có cho được tôi lấy một đồng xu nhỏ nào không? Cái bộ mặt anh mà lại đòi có tiền à! Này tôi bảo thật, cái buồng ba chục bạc một tháng này, tiền lão ấy đấy, cái buồng ba đồng ở ngõ Hàng Hành, tiền lão ấy đấy, cơm tôi ăn cũng tiền lão ấy, con sen tôi nuôi cũng tiền lão ấy, anh nghe ra chưa?

Anh ta tái người đi vì cái "lão ấy" sao nó lại lắm tiền thế! Anh ngồi im lặng nửa giờ để rồi tìm ra được mấy câu này:

– Mặc kệ chứ? Ừ, thì như thế, nhưng mà hỏi rằng đứa bé này là con nó hay con ông?

– Anh thử nhìn xem? Anh vội tin cô đỡ thế à? Ấy là người ta nhầm, người ta nịnh anh. Cái mũi này mà là mũi anh à? Cái mồm này mà là mồm anh à? Hai con mắt này mà là mắt anh à?

Anh ta nhìn lại đứa bé mà người đàn bà giơ ra. Anh chỉ có thể biết đó là một đứa trẻ mới đẻ thôi, chứ giống anh chỗ nào thì anh không sao biết nổi! Tuy nhiên anh cứ nói bướng:

– Đích thị nó là con ông! Nó giống ông như đúc!

Người đàn bà xua tay:

– Thôi, không phải rườm lời! Anh muốn còn tình còn nghĩa thì anh câm đi! Chứ đến luật pháp cũng không có quyền buộc tôi có bổn phận gì với anh cả! Mà người ta đã nhất định đứng tên trong giấy khai sinh rồi... Vả lại, anh có chắc đấy là con anh không? Ừ anh có chắc không?

Trước một lý luận cứng như thế, anh ta ngồi im như một con cóc. Thật thế, anh không có tiền chẳng có quyền, cũng không dám tin đứa bé chính là con anh.

Anh đâm nản.

*

Anh còn ngồi ỳ ra đấy như một người đáng ghét thì người đàn bà nhìn qua cửa sổ một cách sợ hãi, nói:

– Chết chửa kìa! Người ta đến kia rồi! Anh đi đi!

Lúc ấy, ở sân nhà hộ sinh thấy có một người béo lùn – chính người anh đã gặp – hai tay ôm lễ mễ hai đống tướng những hộp sữa, rượu bổ, lê, táo, khăn mặt bông, bít tất mới.

Tức thì anh ta thấy sợ, sợ như sợ một người cậu bên nhà vợ. Anh đứng lên đi lối cửa sau. Ra ngoài, anh lẩm bẩm: "Được, cứ nuôi cho nhớn! Để đấy! Bao giờ ông có tiền ông mới đi kiện, bắt thử máu cho mà xem!".

Sau cùng, thấy trong túi có hai hào, anh đến một tiệm thuốc phiện để giết cái buồn cũng như số đông những kẻ khổ sở khác.

Đông Dương tạp chí số 15,
21-8-1937.

MỘT ĐỒNG BẠC

(Truyện ngắn)

Tặng Vũ Mỵ Lương

Thời xưa, khi loài người chưa đến nỗi phải sống chen chúc nhau trong những căn nhà rộng như hang chuột của cái thế kỷ tiến bộ này, cổ nhân cũng đã có nói những câu "trạch lân xử" và "bán anh em xa mua láng giềng gần" để thuyết minh về cái liên lạc hệ trọng giữa những người sống gần gũi nhau, đề phòng những lúc nguy nan, tối lửa tắt đèn, hoạn nạn, dễ cầu cứu nhau...

Ngày nay, nhờ nạn nhân mãn, những thuế thổ trạch quá nặng, bọn người ít tiền chúng ta đã không còn biết cái tình liên lạc của "láng giềng", để mà hiểu rõ cái gì là cái hệ trọng của người "ở chung", đối với ta, lại thân mật hơn ông láng giềng thủa trước. Vì những lẽ cần kính trọng nhau để dễ cần dùng lẫn nhau, cần lấy lòng nhau vào nhiều dịp, nhất là không thể giấu giếm, dậy điệm những cái xấu đi, cho nên những gia đình kim thời phải ở thuê chung nhau một nhà, đối với nhau quả là thân thiết hơn cả họ hàng nữa.

Nói thế rồi, bây giờ tôi xin kể một chuyện của tôi đối với một gia đình đã "trạch lân xử" với gia đình nhà tôi. Đọc rồi, độc giả nên sẽ tha thứ cho tôi, vì tôi đã là một kẻ khốn nạn.

*

Kể từ khi ấy đến nay, tính ra đã bốn năm tròn. Nghĩa là sau khi sống chung đụng nhau một thời gian khá dài, hai gia đình chúng tôi mỗi bên dọn nhà đi một phương, đã bốn năm nay cách biệt hẳn nhau. Ở cái thời buổi mà ai cũng sống hấp tấp, vội vàng này, những điều thiêng liêng đáng ghi nhớ thế nào đi nữa, thì rồi người ta cũng dễ quên khuấy ngay đi... Có phải thế không? Cho nên bốn năm trời xa nhau, tôi chẳng còn nhớ gì đến người ta nữa, mặc lòng xưa kia tôi đã cư xử và được đáp lại như anh em ruột thịt, tưởng chừng cái thân tình quý hóa ấy sẽ sống trường cửu trong ký ức của đôi bên mãi mãi...

Còn về phần người ta, liệu người ta có nhớ gì đến chúng tôi chăng? Có lắm. Bởi nếu không, ắt đã chẳng có câu chuyện này...

Chỉ phiền một nỗi là khi người ta làm cái việc để tỏ rằng còn nhớ đến chúng tôi, thì người ta đã túng bấn, nghèo khổ, chẳng còn được như trước nữa. Vả lại theo thường lệ, sở dĩ loài người ăn ở tử tế được với nhau, ấy chỉ là vì chưa làm gì đến nỗi để cho quyền lợi xung đột nhau mà thôi. Nếu cả hai bên ai cũng theo đuổi được cái điều kiện nay ăn miếng chả mai trả miếng bùi, một bên có đi thì bên kia cũng phải có lại để cho được toại lòng nhau, thì làm gì xã hội lại sẽ chẳng cứ mãi mãi là cảnh bồng lai?

Than ôi, cái áo rách nó mới đắc tội làm sao, và khi người ta đến tìm chúng tôi, thì chẳng may cái áo người ta đã rách.

Những tư tưởng ái nhân như kỷ cũng đôi khi làm rung động lòng tôi, lúc ấy nó mới biến mất đi đâu để nhường chỗ lại cho cái tính đa nghi, cân nhắc, cái ích kỷ tổ truyền!... Vì chưng nghĩ đến mình, chỉ nghĩ đến mình và quyền lợi của mình, sự ấy nó cũng tự nhiên và có nhiều thú vị riêng của nó, thí dụ *nói xấu và vu oan là một cách "giồng cây đức" của nhiều nhà làm báo chân chính chẳng hạn*, cho nên khi người ta mặc áo rách và mang trên mặt tất cả những nét lo âu của sự túng bấn thì tôi chỉ còn kịp so vai một cái để lẩm bẩm rằng: "Lại tống tiền là cùng đấy chứ gì!" y như một tay nhà giàu đã thấy phiền, và chán nản ở cái sự cứ phải bỏ tiền ra thi ân...

Nhưng, bạn đọc đại lượng ơi, hãy khoan một phút để tôi được thuật ra đây ít ra một vài điều gì nó tỏ cái thân tình của chúng tôi ngày trước đã.

*

Người chồng là một thiếu niên đồng tuế với tôi. Địa vị trong xã hội thì thường thường bực trung, vì là một thư ký nhà buôn lương tháng độ bốn chục. Lối đánh giá con người của thời buổi bây giờ chỉ là lục lọi đến số tiền lương tháng nhiều hay ít, chứ có phải kể đến học thức, nhân phẩm gì đâu!

Nhưng nếu phải giới thiệu ông láng giềng của tôi kỹ hơn nữa, thì tôi xin nói: đó là một người học thức trung lưu, đạo đức trung lưu, tài

sản trung lưu: nghĩa là, nói tóm lại, là một người chẳng đủ làm cho ai sợ nhưng cũng chẳng để cho ai khinh được.

Còn người vợ, thì rất xứng đôi với chồng: nhan sắc bình thường, nhân phẩm trung đẳng, còn học thức thì, theo như công lệ, cố nhiên là không có chút nào rồi.

Cặp vợ chồng ấy rất tương đắc với vợ chồng chúng tôi. Tình *lân lý* của đôi bên cứ theo thời gian mà càng ngày càng thêm bền chặt, bằng cách biếu xén nhau mọi của ngon vật lạ, mời mọc, thết đãi nhau luôn luôn, và cả hai bên đều lấy thế làm thỏa mãn, dẫu rằng sau khi thấy vợ tôi được nhận một thứ thực phẩm đầu mùa hoặc hóa vật kỷ niệm gì, thì tôi lại giật mình đánh thót một cái, băn khoăn kiếm cách đền lại. Và khi được trả lại, tôi cũng chỉ thấy họ tươi cười cảm ơn mà nhận ra vẻ sung sướng một cách rất thành thực, thế thôi. Thật vậy, những trò giả dối ấy, chúng tôi vui lòng tự mình lừa dối mình để coi đó là những hành vi chân thật. Không bao giờ chúng tôi lại chịu thú nhận rằng thế là đã làm khổ nhau, và chỉ có thể tử tế được bằng cách cứ làm khổ nhau mãi mãi mà thôi. Điều chẳng cần nói ra đây, là sau những cử chỉ rất anh hùng ấy, thì cả hai bên đều mắc nợ, vì lương tháng hai bên cố nhiên không đánh thăng bằng được cột thu và cột chi.

Do những lẽ ấy, trước còn xưng hô nhau: thưa ông, thưa bà. Rồi sau một thời kỳ "bác bác tôi tôi', đến cách gọi nhau là anh chị, như ruột thịt chân tay. Cuối cùng hai thằng nam nhi chúng tôi lại thân mật đến "mày tao" với nhau nữa, những khi không có mặt hai người đàn bà. Ký Bích – tên người bạn – với tôi tưởng chừng đã có thể từ đó thì sẽ sống chết có nhau.

Tôi còn nhớ rõ như mới hôm qua, một lần phát tài, vợ chồng Ký Bích mời vợ chồng chúng tôi đi lễ chùa Hương, mà anh thì có bộ âu phục mầu gỗ hồng rất đúng mốt, mà chị thì nhờ cái áo nhung đỏ mới may, tự nhiên xinh đẹp khác thường như là đột nhiên biến thành ra một cô tiên tuy đó có thể chỉ là một tiên nga trung lưu. Chúng tôi đã đủ sung sướng, hả hê vì thấy được quý hóa, để hai tháng sau phải lo méo mặt thết lại bạn thân ba ngày nghỉ mát Sầm Sơn rồi mới ăn ngon, ngủ yên được.

Nhưng mà, cảm động và đáng nhớ hơn nữa, là thái độ của anh

và chị Bích đối với con tôi, đứa con gái đầu lòng. Chị Bích thường chểnh mảng cả việc bếp núc để lên giúp đỡ vợ tôi, hoặc kiên tâm ngồi ẵm con tôi như một người vú em có lương. Khi con tôi đến lúc biết hóng chuyện, những khi đi làm về, anh Bích đã nhiều phen để nguội cả cơm canh vì còn mải mê lên "yêu cháu một lát". Bao giờ tôi lại quên được những lời thông thường rất có thi vị mà anh "nói ngọng" sau khi quệt ngón tay trỏ vào má con bé, đại khái những:

Cháu gái tôi, ồ là, tôi "êu" nó lắm cơ! A, cháu tôi cười rồi! Bác "êu" cái má bánh "đúng" này này! Bác "êu" cái miệng bé bé này này! Bác "êu" cái "cằm" quả táo này này! Bé ơi, bé "êu êu quý quý" của bác ơi! A hà cười! Thích quá, thích quá!

Rồi anh Ký Bích hôn hít con bé mãi không thôi, làm cho nó cứ cười toe toét, và làm cho tôi cảm thấy cả cái hạnh phúc của một thằng đã là "bố trẻ con" mà con gái lại trông hay hay, mẫm mụi, nghĩa là tóm lại theo một câu nói riêng thì là "trông cứ như con chó Cún".

Những lúc như thế, tôi đã rõ rằng tình bằng hữu, tình lân lý của con người ta ở đời, dẫu sao, cũng chẳng phải chỉ là những danh từ điêu trá của văn chương đâu!

*

Thế rồi, ngày hôm ấy...

Giữa lúc tôi đương đứng cạo râu trước gương, sắm sửa để đến chỗ hẹn với một người bạn ở tỉnh xa về chơi mà tôi có bổn phận tiếp đãi thật long trọng, thì chị Bích bước vào nhà. Vợ tôi lúc ấy lại đi đâu vắng.

Chị Bích làm cho tôi giật mình. Thật là bất ngờ quá đỗi! Cái áo the nâu của chị vừa rách lại vừa bạc, trông mới thảm hại làm sao! Đôi guốc mòn gót, quai cao su lốp ôtô lộn ngược mà chị kéo lê sền sệt, cả gót chân thừa ra ngoài, trông mới khổ sở làm sao! Thật là khác hẳn bà Ký Bích ngày xưa, bao giờ ra phố cũng áo lụa hoặc áo nhung rất lịch sự.

Tôi ngạc nhiên đến nỗi cứ ngẩn mặt ra, quên cả cạo râu, quên cả mời khách ngồi. Tưởng bị tôi khinh, chị ta, sau khi hỏi rằng vợ tôi có nhà không, cũng đứng đấy, mặt cúi xuống để lúng túng, để bẽn lẽn,

và có lẽ để khổ sở nữa. Tôi bèn đẩy ghế mời chị ta ngồi, và không gọi pha nước mới, tôi chỉ rót ra đấy một chén nước chè cũ pha đã hai lần. Tôi bực mình cũng như bao nhiêu người đương lúc vội ra đi mà bị có khách đến ám. Rồi tôi cứ tự do cạo râu trước gương, sau khi hỏi qua loa một câu vô duyên:

– Thế nào, dạo này hai bác có phát tài không?

Thấy chị Bích hổ thẹn đáp cũng vô lý như câu hỏi:

– Không dám ạ, cảm ơn bác.

Đến lúc ấy tôi mới nhớ ra không biết ai đã nói với tôi rằng vợ chồng Ký Bích, từ khi không còn ở chung với tôi đã lâm vào cảnh khổ sở, và đã có hai con... Chồng thì đương làm ăn yên lành bỗng bị sở loại, vợ thì cứ ốm luôn, hai đứa con lại cũng hay sài. Nghe đồn hình như bây giờ cái gia đình ấy đem nhau ra nheo nhóc ở một gian nhà lá ngoài bãi Phúc Xá, và anh Ký Bích bây giờ phải bán bánh tây cà phê ban đêm và chỉ ban đêm thôi. Anh hổ thẹn, sợ cắp thúng và xách lò đi ban ngày thì gặp bạn hữu, họ mạc... Phải, phải chính thế, tôi nhớ ra rồi! Người đã thuật chuyện ấy là bạn của cả Bích lẫn tôi. Và nói thế là để thương hại chứ không phải để nói xấu...

Nhớ lại như thế, tôi bỗng giật mình. Tôi tự nhủ: "Liệu hồn! Lại bị tống tiền rồi đấy! "Rồi tôi thấy phiền quá, vì chị Bích làm cho tôi sợ hãi quá, nhất là không biết đến bao giờ mới để tôi ra đi cho thoát.

Khổ thật! Râu cạo mãi cố nhiên cũng phải đến lúc hết nhẵn, tôi đành cất dao đi, và quay lại, ngồi xuống ghế đối diện chị ta. Và chẳng nhẽ lại không nói gì, tôi đành mở mồm:

– Mời bác xơi tạm chén nước.

– Dạ, vâng.

Đáp xong, chị Bích uống chén nước một hơi, y như một người đương đói lắm. Chẳng phải là một vẻ vô lương tâm hoàn toàn, tôi bỗng thấy hổ thẹn về cái lãnh đạm của tôi. Và thay đổi thái độ.

– Thế ít lâu nay hai bác làm ăn ra sao? Tôi chẳng biết nhà đâu mà đến chơi! Mà hai bác cũng không năng đến chơi với chúng tôi, thì tôi còn biết gì được!

Mắt chị ta bỗng quắc lên vì sung sướng và hy vọng. Than ôi, con người ta khi đã lâm vào cảnh nghèo, có ai mà lại không hèn! Cái hạnh phúc của chị ta, lúc ấy nó có được chỉ vì thấy tôi nói một câu

giả dối ra vẻ săn sóc, là chẳng kém của một cung phi đã già đời nằm dài trong lãnh cung mà một hôm được thấy cái xe dê của vị quân vương. Đối với chị ta, lúc ấy tôi là một vị thiên phúc chí tinh vậy! Bấy giờ chị mới đủ can đảm ngập ngừng kể lể:

– Thưa bác, một hôm em gặp bác gái ở Đồng Xuân, nói rõ phố và số nhà rồi hẹn lại chơi, cho nên hôm nay em mới dám đến đây... Thưa bác, từ dạo ấy thì nhà em mất việc vì sở loại bớt người... Từ đấy tìm mãi việc làm không được. Em thì cứ hay ốm yếu luôn, lại đẻ được hai cháu, mà hai cháu cũng cứ sài đẹn luôn luôn... Hiện giờ thì túng kiết khổ sở lắm. Xưa kia, ở chung với bác, được trăm phần thì nay không được lấy một phần... Chẳng dám nhìn mặt ai nữa, chẳng dám tìm đến ai nữa. Nếu bác gái không bảo lại đây thì em cũng không dám đường đột thế này đâu... Dạ bẩm thế bao giờ bác gái mới về ạ?

Tôi đáp cho phải phép:

– Đến chiều nhà tôi mới về... Chết nỗi, thế mà tôi không biết rằng hai bác vận hạn nhiều thế.

Chị Bích giương to đôi mắt đăm đăm nhìn mãi tôi. Có lẽ đương cầu Trời cho tôi bảo cứ ngồi đấy mà đợi vợ tôi, vì thấy tôi thắng bộ vào như thế, chị rất hiểu là tôi sắp ra đi có việc.

Còn tôi, lúc ấy, thì tôi nghĩ gì?

Tôi có nhớ đến cái tình chung chạ nặng hơn hàng xóm láng giềng của chúng tôi khi xưa không? Ừ, cái thân tình gần như ruột thịt những ngày vui cũ, tôi có còn nghĩ gì đến hay không?

Tuy cũng có đấy, nhưng nhớ để rồi quên ngay. Vì tôi còn bận tâm lo bạn tôi đương vì đợi tôi mà rốt ruột, bận tâm giận vợ tôi sao lại hẹn nguy hiểm thế, và nhất là bận tâm vì áy náy không biết khu xử ra sao... Tiền! Than ôi, lại chỉ những chuyện tiền!

Bao nhiêu cái gì là ích kỷ, là đê hèn, là chó má, là tàn nhẫn, lúc ấy đều thức cả dậy trong cái tấm lòng khốn nạn của tôi. Cúi đầu xuống, tôi bĩu môi nghĩ về vợ chồng Ký Bích: "Sướng lắm thì khổ nhiều!". Ấy thế là những sự thù tạc, biếu xén, quà bánh, thết đãi của vợ chồng Ký Bích khi xưa đã làm cho tôi thấy là vinh dự, đáng quý hóa, thì bây giờ chỉ khiến tôi thấy đó là kiểu cách, lôi thôi, phiền phức, giả dối, khó chịu, và nhất là tai hại, hầu như là đã khiến vợ

chồng tôi vì đối đáp lại những cái ấy mà đã có hồi khuynh gia bại sản nữa! Tôi thấy họ đáng kiếp, không đáng thương tí nào.

Nhưng mà vợ tôi đã gọi người ấy đến, rõ mới tội nợ!

Thì... không mất tiền không xong! Tôi đành hỏi ngay:

– Bác cần tiêu bao nhiêu?

Cố nhiên là chị Bích nghĩ mãi mới đáp:

– Nếu được bác giúp cho độ ba đồng bạc thì cháu bé cũng sống, mà vợ chồng tôi cũng đỡ phải lo trong một tháng.

Lúc ấy, túi có thừa 5 đồng. Nhưng mà, như trên đã nói, tôi còn phải thết đãi người bạn. Ngay bây giờ, chúng tôi rất cần đi ăn, đi chơi! Nếu không, tôi sẽ chẳng ra giống người, vì ông bạn tỉnh xa của tôi đã đối với tôi chu đáo, ân cần lắm! Thế rồi đáng lẽ đưa ra cho chị Bích vay 2 đồng thì không hiểu sao, tôi chỉ đưa ra có 1 đồng. Và tôi bỗng nói khác hẳn như đã muốn:

– Thôi đây này, có đồng bạc cho cháu ăn quà, bác cầm lấy. Chúng tôi tuy vậy dạo này cũng túng, chẳng có gì đâu... Đây là tôi cho cháu nhé, chứ không phải chuyện nợ nần gì cả.

Tôi đã dùng cái lối rất cổ điển: cho hẳn, để mà "rào đường". Vì tôi sợ nhất cái chuyện sẽ bị quấy nhiễu về sau! Vì cho thì 1 đồng đã là to, còn cho vay thì lại là ít quá, không được tử tế như cho hẳn.

Chị Bích cầm tiền, cảm ơn, bẽn lẽn ra về.

Chị hài lòng chưa? Đủ sướng rồi hay còn cho là ít? Tôi cũng không biết.

Chỉ biết hôm ấy, tôi đã tự đắc như một nhà từ thiện, vì lẽ cố nhiên tôi coi đồng bạc ấy của tôi là rất to!

Quả như vậy, từ đấy trở đi, không bao giờ chị Bích còn dám bén mảng đến cửa nhà tôi nữa. Tôi đã rất thành công trong cái sự rào đường một người bạn nghèo. Rồi thì, chẳng cần lâu ngày, chuyện ấy cũng chóng bị quên đi... Nhưng về phần chị Bích thì không! Chưa có nghìn vàng dễ thường không bao giờ chị ta dám nghĩ đến sự đền ơn bát cơm Siếu mẫu, dẫu rằng người thi ơn kia, quả thật đã chẳng có cái từ tâm của Siếu mẫu.

Vài tháng sau đó...

Bữa ấy nhằm một buổi sáng chủ nhật, tôi cùng mấy người bạn đã lên một toa xe điện chạy từ Bạch Mai về Bờ Hồ, khi đến chợ Hôm, chợt thấy chị Bích ẵm con bước lên. Đêm trước, chúng tôi vừa thực hàn cái trụy lạc chủ nghĩa. Vừa đem thi thố mấy ngón tài hoa như nốc rượu, hút thuốt phiện, đùa gái, văng tục, và nói xấu những bạn thân vô phúc đêm ấy không có mặt tại một tổ quỷ nào đó ở xóm Vạn Thái, cho nên sáng hôm nay, mặt chúng tôi đều bơ phờ, hốc hác, thiên hạ cứ thoáng nhìn cũng đủ rõ là bọn này đã từ chốn ác hại nào mà chui ra... Lại thêm lúc chi tiêu, chúng tôi đã bị một ả đào lè nhè xin thêm mãi, cho nên lúc ấy tôi đương bực mình cực điểm, thấy rằng cuộc đời đã bị đầu độc, mà chưa biết bao giờ mới có một cuộc vui nào khác nữa đến tẩy độc cho... Âu cũng là nhằm ngày đen đủi của chị Bích vậy.

Trông thấy chị lên xe, tôi lại giật mình. Nhưng không thể lánh mặt được, tôi đành ngả mũ chào chị, và cố nhiên cái vẻ mặt lúc ấy là phải lãnh đạm. Cái áo the nâu của chị lại rách hơn trước một chút nữa. Và bây giờ thì chân chị – hai bàn chân xưa kia xinh và trắng – séc lấm, vì chắc đôi guốc đã không còn dùng được rồi. Còn đứa con chị ẵm trong tay thì xanh xao gầy quá, đầu thì lấm tấm có mụn trốc, cặp môi thì đã thâm như của một người dân bẹp tai! Lúc chị Bích sắp nâng một bên vạt áo lên để giới thiệu con, tôi bỗng có cái cảm tưởng lạ lùng y như người ta lúc sắp được thấy, trong cuốn sách phóng sự, bao nhiêu điều xảy ra bí mật sắp bị phơi ra dưới ánh sáng vậy. Thật thế, không gì thất vọng bằng một cái mặt trẻ con mà lại không đủ cái hay, cái khấu, để mời chào ta một cái hôn... Tuy vậy, tôi cũng nhớ ngay đến thời xưa, khi con gái tôi mới đẻ, nó đã được chị Bích quý hóa như thế nào. Và tôi đã hỏi mấy câu qua loa về đứa bé, để rồi ngắt chuyện, xin diêm thuốc các bạn hữu cũng ngồi quanh đấy, ý muốn cho chị Bích mau lấy áo đậy con lại.

Xe điện chạy chậm quá thật! Mười cây số mỗi giờ giữa một tỉnh to như Hà thành! Thật là một cái hổ thẹn của văn minh! Vì rằng, than ơi! Tuy đã im lặng lờ hẳn đi, nhưng chị Bích đã bắt đầu kể lể!... Chị nói rõ về cảnh nheo nhóc, mọi điều tai biến, mọi sự đói khát, đau khổ, mà cái số phận ác hại đã hành hạ gia đình nhà chị, từ bấy đến nay... Tôi thở dài. Tuy chị không kết luận bằng cách xin giúp đỡ, nhưng tôi cũng đủ thông minh để hiểu lắm.

Lúc bấy giờ thì tôi phẫn uất đến cực điểm. Tôi cho tôi như một

con giun, ai xéo lắm ắt tôi cũng biết quằn! Đi hát, lúc chi tiền bị kè nhè là đồ keo, lúc về giữa đường lại bị có kẻ muốn tống tiền, tôi tưởng như vậy thì có từ tâm đến bằng Đức Phật Tổ cũng phát cáu, dẫu rằng Phật Tổ không đời nào đi hát... Đáng lẽ có thể bảo chị Bích là không biết điều, ở chỗ "cứ thấy bở thì đào" như một kẻ bất nhã nào khác, tôi chỉ muốn nhắc cho chị đừng quên, cái đồng bạc trước của tôi. Chẳng nghĩ xa xôi, tôi hỏi thẳng:

– Từ lần ấy, bác có gặp nhà tôi nữa không?

Vô tình chị ta đáp ngay:

– Dạ, có gặp một lần ạ.

– Bác không nói gì cho nhà tôi biết về cái đồng bạc tôi giúp bác đấy chứ?

Chị Bích ngơ ngác nhìn mãi tôi như ngạc nhiên vì sao tôi lại nỡ ngờ cái lòng thực thà hoặc biết nhận ơn của chị. Rồi chị tức khắc đáp:

– Dạ, có đấy ạ. Tôi có nói ngay rằng đã được bác cho vay 1 đồng.

Tôi sung sướng lắm, và cau mặt hỏi nữa:

– Bác đã nói là tôi cho vay à?

Chị Bích liền gật đầu:

– Bẩm vâng.

Tôi tặc lưỡi, cau mặt hơn nữa khẽ nói tha thiết:

– Rõ khổ quá! Thì sao bác không nói là tôi cho hẳn cháu? Mà tốt hơn nữa thì là bác đừng nói gì, có hay không! Chẳng nói bác ắt cũng thừa biết đấy, bụng dạ đàn bà nhỏ nhen như cái lỗ kim... Thế là rồi nhà tôi nó sẽ không bao giờ quên là bác đã nợ nó cái đồng bạc ấy.

Tôi kết luận bằng cái so vai, và một cái thở dài rất dài.

Từ đấy, chị Bích có một nét mặt ủ rũ đặc biệt nó khiến chị ta không ngồi thẳng lên được nữa, như một con chim bị đạn. Ắt đó là chị hối hận, tiếc rẻ cái lòng nhân đức ghê gớm của tôi, và phân vân lo sợ về cái "bụng dạ lỗ kim" của vợ tôi.

Đến chợ Đồng Xuân, chị ẵm con bước xuống. Trong cả thời gian ngồi cạnh nách tôi, chị ta tịnh không dám bén mảng đả động đến chuyện tiền.

*

Cách đấy sáu tháng nữa, quả vậy, đúng sáu tháng.

Nhằm lúc cuối năm, vợ chồng tôi đi lên chợ Đồng Xuân mua vài giò thủy tiên... Đương lúi húi mặc cả trước một bàn hoa, tình cờ, lúc nghển lên, chúng tôi trông thấy chị Bích đương đi từ cổng chợ ra, cách chỗ chúng tôi đứng độ mươi thước. Tức thì vợ tôi vui vẻ gọi:

– Bác Bích! Bác Bích ơi!... Bích!

Một tay bế con, một tay cắp cái rổ trong đó có vài cây dưa cải mà một cái mũ thổ công đáng giá hai xu, tuy chỉ có thế thôi, chị Bích cũng quay lại một cách rất khó khăn, chỉ vì buổi chợ quá đông người. Đến khi nhìn thấy rõ chúng tôi rồi, thì...

Thì chị Bích lại vờ như không nhìn thấy nữa, ôm con và ôm rổ cúi đầu quay đi thẳng, trước còn bước chậm, sau thoăn thoắt rõ nhanh, và sau cùng, thì chạy hẳn!

Than ôi! Chỉ vì một đồng bạc! Cái đồng bạc nhân đức rất đắc tội ấy! Chị Bích lẩn mặt, chạy trốn, sợ bị đòi tiền.

Một đồng bạc! Chỉ vì nó, mà một người đã có cái can đảm chạy trốn một người, sau khi cả hai người vào lúc còn như nhau, đã sống bao nhiêu năm trời chung đụng với nhau, rau cháo có nhau, yến tiệc có nhau, thân thiết với nhau hơn ruột thịt, tay chân!

*

Bạn đọc ơi, viết đến dòng này, tôi lại thấy cả tấm lòng khốn khổ và khốn nạn của tôi nôn nao lên. Chính thế đó, vì trước bàn giấy của tôi có mặt cái gương Psyché. Và khi tôi chợt ngừng bút để nhìn cái hình thù và cái người ngợm của tôi trong gương, thì tôi buồn nôn, thì tôi ghê tởm cả cho chính tôi, vì rằng, trừ một bọn nịnh sằng vẫn gọi tôi là danh sĩ, là văn hào, thì, trong thiên hạ, than ôi, lại vẫn có một số người đứng đắn kia sẵn lòng khen tôi là "một người tử tế".

Tôi hối hận lắm, tôi khổ sở lắm, vì rằng từ đấy, không bao giờ chúng tôi có dịp nào gặp vợ chồng Bích đâu nữa, và nhất là vì giữa cái hôm mà chị ta chạy trốn vợ chồng chúng tôi ấy, thì lại nhằm vào một bữa hãn hữu mà vợ tôi đã nói "Rõ tội nghiệp chị Bích quá nhỉ? Cậu ạ, em chỉ định tâm hễ gặp chị ấy thì thể nào cũng giúp thêm chị ấy vài đồng, nhất là vào dịp Tết này".

Nhưng mà từ bấy đến nay, thời gian đã đem đến cho lòng người cái gì là cái quên. Sự gì thì rồi ta cũng có ngày quên đi, cho dẫu là có ái ân, cho dầu là đau thương, cho dẫu là hối hận.

Bởi cái cớ ấy, cho nên tuy lương tâm tôi đã mang nặng một vết thương tình cảm để đôi khi bứt rứt hàng giờ, mà từ đó, tôi cũng chẳng làm nổi một việc thiện nào thiện hơn cái việc ác này, tuy rằng nếu cố gắng tinh thần thêm một chút nữa, tôi chẳng thiếu gì những dịp để thực hành rất nhiều cái đức ái nhân như kỷ mà tôi có thể có được, hơn ai...

Vì sao? Vì khi ta có tiền thì ta chẳng nghĩ đến cái nhân, và khi nghĩ đến cái nhân, thì ta lại chẳng có tiền. Cho nên sự đời chung quy chỉ là những vòng chạy trong đèn cù, luẩn quẩn, loanh quanh, và ta không thể nào khác được, nếu không cứ việc sống thản nhiên để mà tầm thường và khốn nạn.

Tao đàn tạp chí số 2
Tháng 3 năm 1939.

ĐỂ ĐÁP LỜI BÁO NGÀY NAY: DÂM HAY LÀ KHÔNG DÂM

Tự lực văn đoàn, bằng báo *Ngày nay* số 51 đã có cho đăng một bài công kích tôi, quanh quẩn lại cái vấn đề "chống dâm uế". Cũng như ông Lê Thăng trả thù *Tương lai* bằng cách bảo tôi là thằng khốn nạn. *Ngày nay* cũng trả thù *Tương lai* bằng cách công kích thiên phóng sự Lục sì. Tuy báo *Ngày nay* ở chỗ đề rõ "ý kiến một người đọc" đã không chịu hoàn toàn trách nhiệm về bài công kích ấy, tôi cũng xin có lời cảm tạ Tự lực văn đoàn, vì công kích tôi là cho tôi có được dịp bày tỏ cái chủ trương của tôi xưa nay. Song tôi xin độc giả để ý rằng *Ngày nay* đã giao hẹn bài công kích tôi là của "một độc giả", nhưng ông Nhất Chi Mai, tác giả bài ấy sự thực lại còn là người viết giúp Tự lực văn đoàn khi còn *Phong hóa* nữa. Có nói kỹ lưỡng thế ta mới hiểu được vì đâu có bài công kích kia. Vì đâu?

Độc giả hẳn còn nhớ rằng *Tương lai* không công nhận sự "tố giác" *Phổ thông bán nguyệt san* của *Ngày nay* là xứng đáng của người quân tử. Chỉ vì thế nên chi ông Nhất Chi Mai mới nói những cảm giác phẫn uất, khó chịu và tức tối, khi ông đọc truyện *Thị Mịch* và phóng sự *Cơm thầy cơm cô* của tôi. Nhưng 5 cái này đã đăng ở *Hà Nội* báo từ năm 1935, mà bây giờ chưa in ra sách. Đáng lẽ công kích tôi ngay khi xưa, hoặc chờ mai sau in ra sách xong đã, thì ông Nhất Chi Mai lại làm việc ấy và báo *Ngày nay* lại đăng bài ấy giữa lúc này khi các ông đối với *Tương lai* có một mối thâm thù, do thế, tôi rất ngờ lòng thành thực của các ông, khi các ông tự nhận là bênh vực cho cái nghệ thuật mà tôi đã làm cho ô uế!

Tội nghiệp biết bao! Đáng lẽ khi thấy tôi nói rằng: đối với trẻ con, báo nào, sách nào cũng có hại và sách *Đoạn tuyệt, Lạnh lùng* có thể có hại cho trẻ con hơn là *Lục sì*, các ông nên cho là phải, nhất là khi chúng tôi phải đếm xỉa đến luân lý trong lúc nói chuyện nghệ

thuật... Bằng cớ tức tối về câu nói kia nữa, thời cũng nên dùng một chiến lược khác nguy hiểm cho tôi hơn. Than ôi! Mấy ông kia đã định hại tôi một cách hớ hênh làm sao! Khờ dại làm sao! Thù hằn báo *Tương lai* và tôi, mà lại hành động như vậy thì thật là giúp ích cho chúng tôi vô kể! Độc giả của cả hai tờ báo không phải là những người ngu cho chúng ta tự do muốn làm gì thì làm.

Vậy thì, ông Nhất Chi Mai, hay là báo *Ngày nay*, công kích tôi những gì? Không, tôi sẽ không như các ông, trong khi tranh luận với kẻ thù, chỉ kiếm hết cách nói ra ngoài đề, mục đích là làm hại kẻ thù chứ không phải để bênh vực cho một lý thuyết, hay tìm kiếm lẽ phải. Vậy tôi xin trả lời các ông từng giòng từng chữ, và xin độc giả cũng thể tất cho, nếu bài này sẽ dài vì có trích (nhiều) lời công kích của các ông kia.

Trước hết, ông Nhất Chi Mai hãy phân bua chỉ là một độc giả chứ không phải là nhà phê bình chuyên môn, không ở văn phái nào cả. Thôi, cũng được! Thì tôi cũng đành nhận là thế, mặc lòng ông là tay trợ bút cũ của báo *Phong hóa,* mặc lòng bây giờ ông viết bằng một tên khác, mà tôi không nên nói rõ, ở báo *Ngày nay*. Thế là – rồi ông cho tôi là một thằng "văn sĩ nửa mùa" và đã lòe đời bằng cái học vấn "sơ học" của tôi! Thì cũng lại được nữa, chứ sao? Ông có cho tôi cãi đâu? Mà ai lại cãi được khi người ta bảo mình là văn sĩ nửa mùa và ít học thức? Một lần nữa, tôi xin chịu khi các ông tự nhận là có học thức hơn tôi. Thế rồi sao nữa?

> *"Nhưng mục đích bài này không phải để vạch cái hành tung đáng ngờ của nhà văn xã hội Vũ Trọng Phụng, mà chính là vạch cái bẩn thỉu, nhơ nhớp, dơ dáng của văn ông ta".*

Rồi ông Nhất Chi Mai kể ra một vài câu chuyện vặt trong *Giông tố* và *Cơm thầy cơm cô* của tôi. Đây tôi xin không cãi, vì công kích một chi tiết vặt trong cả cuốn truyện dài, hay là một hai chữ trong 300 trang tiểu thuyết như các ông dẫn cáo theo kiểu Han đai Đâu mà không kể đến cái luận lý của toàn truyện, thì tôi cũng có sức nêu ra những điều "ô uế" trong những sách và báo của Tự lực văn đoàn từ xưa đến nay, thí dụ trong những tranh khôi hài – chuyện vui cười, *Hà Nội ban đêm, Lạnh lùng*... của các báo và sách ấy. Tôi không cãi vội, chờ đến lúc văn phẩm của tôi in xong đã, để chờ được cãi lại, nếu các ông muốn, như vậy có được không, hở các ông?

Từ đây trở đi, may sao cho tôi đã có thể đáp lại.

> *"Không ai cấm nhà văn Vũ Trọng Phụng dùng những chữ bẩn thỉu để mô tả những sự bẩn thỉu, nhưng trong khi viết những câu văn mà mình cho là khoái trá, tưởng cũng nên nghĩ đến độc giả một chút".*

Thưa ông, tôi nghĩ đến độc giả của tôi lắm. Nếu không thì tôi đã sợ sức phản động của phái người cổ hủ hoặc bảo thủ để mà phóng bút viết như Richepin, Marguerette, Careo Marg Choisy, Colette rồi, chứ còn gì! Và khi dùng một chữ bẩn thỉu, tôi chẳng thấy khoái trá như khi các ông tìm được một kiểu áo phụ nữ mới mẻ, nhưng lúc ấy, tôi chỉ thấy thương hại cái nhân loại ô uế bẩn thỉu, nó bắt tôi phải viết như thế, và nó bắt văn phái các ông phải chạy xa sự thực bằng những danh từ điêu trá của văn chương. Các ông quen nhìn một cô gái nhảy là một phụ nữ tân thời, vui vẻ trẻ trung, hy sinh cho ái tình hoặc cách mạng lại gia đình. Riêng tôi, tôi chỉ thấy, đó là một người đàn bà vô học, chẳng có thi vị, lại hư hỏng, lại bất hiếu bất mục nữa, lại có nhiều vi trùng trong người nữa. Tôi không biết gọi gái đĩ là nàng – chữ ấy nó thi vị lắm – hoặc tô điểm cho gái đĩ ấy những cái thi vị mà gái đĩ ấy không có, đến nỗi đọc xong truyện người ta chỉ thấy một gái đĩ là làm gương cho thế gian noi theo! Thí dụ các ông có thể coi phong trào khiêu vũ là dấu hiệu tiến hóa mà các ông chủ trương. Riêng tôi, tôi chỉ thấy đó là một cách dâm bôn làm cho tăng số giang hồ, một tai họa cho nước nhà, mà, giữa tình thế này, người biết nghĩ phải cho là đáng nhục. Tại sao lại không thành thực? Tại sao khi con gái mình, em gái mình hư hỏng, thì mình muốn tự tử, mà con gái hay em gái người khác bỏ chồng, bỏ nhà theo trai mà lại gọi là giải phóng, là bình thường, là chiến đấu cho hạnh phúc cá nhân? Đó, thưa các ông, cái chỗ bất đồng ý kiến giữa chúng ta. Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi, muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời. Cứ một chỗ trái ngược nhau ấy cũng đủ khiến chúng ta còn xung đột nhau nữa. Các ông muốn theo thuyết tùy thời, chỉ nói cái gì thiên hạ thích nghe, nhất là sự giả dối. Chúng tôi chỉ muốn nói cái gì đúng sự thực, thành ra nguy hiểm, vì sự thật mất lòng.

Vậy xin đừng có phí lời khuyên tôi "nghĩ đến độc giả" vì tôi lo cho tôi hơn các ông nhiều, thưa các ông.

"Nhà văn Vũ Trọng Phụng lại hô lớn rằng: nhân loại đã tiến hóa rồi! Tuồng như nhân loại đã tiến ở chỗ, nói tục, dùng những danh từ bẩn thỉu uế tạp, và ở chỗ dầy rẫy những chuyện hiếp dâm, làm đĩ, ăn cắp, bịp bạc! Nếu nhân loại tiến ở đó thì cũng đáng buồn cho nhân loại. May sao cái nhân loại đó chỉ là cái nhân loại riêng của nhà văn Vũ Trọng Phụng thôi. Đối với nhà văn xã hội kỳ quái này, thì những người biết thận trọng lời nói, biết đắn đo dè dặt ngôn ngữ, biết khiếu viết văn đều là những đồ "vô học thức" có "tính không cả thẹn của quân bồi săm".

Không, đó là ông Nhất Chi Mai và báo *Ngày nay cố ý* hiểu nhầm. Nhân loại tiến hóa vì bẩn thỉu, phức tạp, hiếp dâm, làm đĩ, ăn cắp hay thế nào không rõ, nhưng tôi cho nhân loại tiến hóa ở chỗ trọng sự thực, nếu những nhà văn dám nói rõ những vết thương ấy cho mọi người nghe. Chứ sao! Theo ý ông thì nhân loại chỉ có nàng Ly Tao. Thơ mới những ông Tham, Đốc, Huyện, con quan, gái tân thời, thanh cao lương thiện cả mà thôi, hay sao? Ông Nhất Chi Mai có biết Marguerette đã phải than phiền nạn mãi dâm bằng cuốn sách *Prostituées* không? Các ông có biết những sự dâm bôn của các triều đình cũ và mới bên Pháp trong tập báo *Craponillot* không? Các ông có biết nạn kê giao (pédérastre) mà bên Đức thì hàng triệu người theo, mà ở Pháp thì những ông mặt to tai lớn như A.Gide, Rostand, Verlaine, là những lãnh tụ, hay là không? Không, cái nhân loại ấy, không thuộc riêng tôi đâu, mà điều ấy thì người nào có cái học vấn "sơ học" trở lên, tôi tưởng đều nên biết rõ. Phải là giả dối cực điểm hoặc là vô học thức thì mới tưởng nhân loại không có sự nhơ bẩn nào, ô uế nào. Tôi không bảo người không viết văn như tôi là vô học thức, có tính cả thẹn của quân bồi săm; nhưng phàm kẻ nào giả dối nhắm mắt buộc tôi là vu oan, chối cãi rằng nhân loại không bẩn thỉu như đã nói trên, thì tôi bảo vậy! Nhân loại tiến hóa rồi! Thật thế, vì nay mai Pháp đình ưng chuẩn cho dự án của Scillier thì những điều các ông cho là dâm uế đã được người ta giảng dạy cho trẻ con! Đến lúc ấy những cái dâm uế của tôi sẽ không làm cho các ông "phẫn uất" và tôi tưởng các ông có học vấn như thế, hẳn là phải biết trước khi mọi người biết, mới là hợp lẽ.

"Kết luận, tôi phải nói cái cảm tưởng của tôi khi đọc văn Vũ Trọng Phụng.

Đọc xong một đoạn văn, tôi thấy trong lòng phẫn uất, khó chịu, tức tối.

Không phải phẫn uất, khó chịu, vì cái vết thương xã hội tả trong câu văn, mà chính là vì cảm thấy tư tưởng hắc ám, căm hờn nhỏ nhen ẩn trong đó.

Đành rằng nhà văn có cái thiên chức nêu những cái thống khổ của nhân loại, vạch cái xấu xa của loài người, nhưng bao giờ cũng cần phải có một ý nghĩ cao thượng, một tư tưởng vị tha, một lòng tín ngưỡng ở sự tiến hóa mong cho nhân loại ra khỏi nơi u ám và một ngày một hay hơn, một sung sướng hơn lên.

Đọc văn Vũ Trọng Phụng, thực không bao giờ tôi thấy một tia hy vọng, một tư tưởng lạc quan. Đọc xong ta phải tưởng tượng nhân gian là một nơi địa ngục và chung quanh mình toàn những kẻ giết người, làm đĩ, ăn tục, nói càn, một thế giới khốn nạn vô cùng.

Phải chăng đó là tấm gương phản chiếu tính tình, lý tưởng của nhà văn, một nhà văn nhìn thế gian qua cặp kính đen, có một bộ óc cũng đen và một nguồn văn cũng đen nữa?

(Nhất Chi Mai – Ngày nay số 51)

Ông Nhất Chi Mai chối cãi rằng cái "phẫn uất, khó chịu, tức tối" ấy không phải vì thấy xã hội là xấu xa, nhưng vì tư tưởng của tôi hắc ám, nhỏ nhen, căm hờn...

Hắc ám, có! Vì tôi vốn là người bi quan: căm hờn cũng có, vì tôi cho rằng cái xã hội nước nhà mà lại không đáng căm hờn, mà lại cứ "vui vẻ trẻ trung, trưởng giả, ăn mặc tân thời, khiêu vũ v.v..." như các ông chủ trương thì một là không muốn cải cách gì xã hội, hai là ích kỷ một cách đáng sỉ nhục.

Còn bảo nhỏ nhen thì là thế nào?

Tả thực cái xã hội khốn nạn, công kích cái xa hoa dâm đãng của bọn người có nhiều tiền, kêu ca những sự thống khổ của dân nghèo bị bóc lột, bị áp chế, bị cưỡng bức, muốn cho xã hội công bình hơn nữa,

dừng có những chuyện ô uế, dâm đãng, mà bảo là nhỏ nhen, thì há dễ Zola, Hugo, Marlraux, Dostoievsky, Maxime Gorki, lại không cũng là nhỏ nhen?

Nói như ông Nhất Chi Mai thì tôi há lại không có thể nhìn vào tờ *Phong hóa*, tờ *Ngày nay* mà kêu rằng xã hội riêng của Tự lực văn đoàn là "một nơi địa ngục", chung quanh mình toàn là Lý toét, Xã xệ, Bang bạnh, Hà Nội lầm than, ăn cướp, ăn cắp, ăn trộm, đàn bà nghiện hút, buôn người, đồng bóng, sư vãi hoang dâm, và mới đây, Hà Nội lầm than, nghĩa là các cô gái nhảy? Nhưng thôi, đến đây ta không muốn cả cười, ta nên im lặng.

Ông Nhất Chi Mai muốn biết tôi có cặp kính đen, bộ óc đen, và một nguồn văn cũng đen?

Nếu các ông không muốn sờ lên gáy thì thôi, bao nhiêu chuyện gì thanh cao, tao nhã, cao thượng của loài người, xin các ông cứ cố mà hương hoa khấn khứa. Tôi xin để cái phần ấy cho các ông.

Riêng tôi, xã hội này, tôi chỉ thấy là khốn nạn: quan tham, lại nhũng, đàn bà hư hỏng, đàn ông dâm bôn, một tụi văn sĩ đầu cơ xảo quyệt, mà cái xa hoa chơi bời của bọn giàu thì thật là những câu chửi rủa vào cái xã hội dân quê, thợ thuyền bị lầm than, bị bóc lột. Lạc quan được, cho đời là vui, là không cần cải cách, cho cái xã hội chó đểu này là hay ho tốt đẹp rồi ngồi mà đánh phấn bôi môi hình quả tim để đi đua ngựa, chợ phiên, khiêu vũ, theo ý tôi thế là giả dối, là tự mình lừa mình và di họa cho đời, nếu không là vô liêm sỉ một cách thành thực.

Tôi tưởng tôi đã đủ đáp lại sự khinh bỉ của các ông.

VŨ TRỌNG PHỤNG

Báo *Tương Lai* ngày 25-3-1937.

TAM LANG
(1900 - ...)

Tên thật là Vũ Đình Chí. Các bút danh: Tam Lang, Chàng Ba, Ba Phải, Linh Phượng... Sinh ngày 26-3-1900 tại Hà Nội, trong một gia đình công chức. Đang học Trường Sư phạm rồi bỏ dở để theo nghề làm báo, viết văn. Trước cách mạng, đã viết cho các báo: *Đông dương tạp chí, Nam phong tạp chí, Đông Tây, Thực nghiệp dân báo, Ngọ báo, Việt báo, Kiến quốc, Tân thiếu niên, Ích hữu, Vịt đực, Con ong, Tin mới, Tin mới văn chương, Trung Bắc tân văn.*

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ (12-1946), Tam Lang tản cư ra vùng tự do một thời gian, đến năm 1951, trở vào Hà Nội thuộc vùng địch chiếm. Cộng tác với nhiều báo; 1951, làm chủ bút tờ *Giang sơn*, phụ trách tòa soạn tờ *Tia sáng* đặc san (do Ngô Vân làm chủ nhiệm). Sau khi hòa bình lập lại (1954), di cư vào Sài Gòn. Năm 1954-1955 làm Chủ nhiệm nhật báo *Tự do* (bô cũ); 1956-1957, làm Thư ký tòa soạn tờ *Cách mạng quốc gia,* nhật báo bán chính thức của chính quyền Ngô Đình Diệm. Sau đó, Tam Lang đi vào soạn kịch bản chèo. Ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (1975), Tam Lang vẫn sống ở Thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn) và đã mất ở đây.

Tác phẩm đầu tiên được xuất bản của Tam Lang là *Giọt lệ sông Hương* (1930), một truyện tình lãng mạn lâm ly. Đến tập truyện ngắn *Một đêm trước*[1], bắt đầu có khuynh hướng hiện thực rõ rệt. Tam Lang được dư luận chú ý nhiều từ tập *Tôi kéo xe* (1932), được coi là tác phẩm phóng sự đầu tiên ở Việt Nam. Ông còn có tập *Đêm sông Hương* (1932), phóng sự về nạn mãi dâm ở Huế. Đặc biệt, Tam Lang còn là cây bút viết khá nhiều tiểu phẩm châm biếm trên nhiều tờ báo ở Hà Nội đương thời, thường giữ các mục *Đĩa mứt gừng, Tập ảnh...*, một số đã được tập hợp in thành sách: *Lọng cụt cán* (1939), chuyên viết về những cái lố lăng, thối nát trong quan trường, *Người... ngợm* (1940), gồm những bức "truyền thần" về các "nhân vật" của xã hội đương thời.

Là cây bút "tả chân" và châm biếm sắc sảo, Tam Lang có đóng góp đáng kể vào sự hình thành của trào lưu văn học hiện thực phê phán và sự phát triển của văn học báo chí Việt Nam.

---

1. ??????????? tra tìm lại được tập truyện này. NBS.

TÁC PHẨM CỦA TAM LANG TRƯỚC CÁCH MẠNG

- *Giọt lệ sông Hương* (tiểu thuyết), Tân dân thư quán xuất bản, Hà Nội, 1930.
- *Đời Hoàng Oanh* (tiểu thuyết), Tân dân thư quán xuất bản, Hà Nội, 1930.
- *Một đêm trước* (tập truyện ngắn), Mai lĩnh xuất bản, Hà Nội, 1934.
- *Tôi kéo xe* (phóng sự), đăng trên *Hà thành ngọ báo*, 1935, Trung Bắc xuất bản, Hà Nội, 1935.
- *Đêm sông Hương* (phóng sự), Nam ký xuất bản, Hà Nội, 1938.
- *Lọng cụt cán* (tiểu phẩm châm biếm), Tam Lang xuất bản, Hà Nội, 1939.
- *Người... ngợm* (tiểu phẩm châm biếm), Editions choisies, Trác Vỹ xuất bản, Hà Nội, 1940.

TÔI KÉO XE

(Phóng sự)

Tôi kéo xe đăng đầu trên *Hà thành ngọ báo* năm 1932, Trung Bắc xuất bản, H, 1935. Đây là thiên phóng sự viết về cuộc sống người phu kéo xe ở Hà Nội. Khi đó, "mục đích chỉ muốn phác họa một bức tranh tả cái cảnh sinh hoạt khổ sở của một hạng người trong xã hội" – lời tác giả. Bên cạnh nội dung "tả cái cảnh sinh hoạt khổ sở" của hạng "ngựa người" bị đồng loại "khinh thị một cách bất công" đó, tác phẩm còn đi sâu vào sự sa đọa của một số người trong số họ. Kết thúc tác phẩm, tác giả nêu lên một đề nghị: cải tiến chiếc xe tay thành chiếc xe ba bánh để người phu xe cầm càng trở thành người ngồi trên yên đạp xe, tức là đổi kiếp "ngựa người".

Là tập phóng sự ra đời sớm nhất, được viết ngòi bút "tả chân" sắc sảo, linh hoạt khá mới mẻ vào khi đó, *Tôi kéo xe* có ý nghĩa mở đầu cho sự phát triển thể loại phóng sự trong văn xuôi Việt Nam hiện đại và là một trong những tác phẩm đánh dấu sự phát triển của trào lưu văn học hiện thực Việt Nam những năm 1930-1945.

Trong lần tái bản bộ *Tổng tập Việt Nam này,* chúng tôi cho in trọn tác phẩm *Tôi kéo xe.* (NBS).

TÔI KÉO XE

Kính tặng Ông Bùi Xuân Học,
Chủ nhiệm Ngọ báo, người đã đội
lên đầu tôi chiếc nón phu xe kéo.
T.L

1

NGƯỜI ĐỘI LÊN ĐẦU TÔI CHIẾC NÓN PHU XE KÉO

Ông Bùi Xuân Học, Chủ nhiệm *Ngọ báo*, một hôm, vỗ vào vai tôi mà bảo:

– Anh có ngòi bút viết văn tả chân khéo, bây giờ đang là *mùa các bạn đồng nghiệp* của anh đi khắp bốn phương điều tra, phỏng vấn: Albert Londres sang Thượng Hải, Maurice Dekobra đi Hoa Kỳ, Geo London tới miền cương giới Tô Nga, Louis Charles Royer đến thành Leningrad Xô Viết... Mà anh thì chỉ lúi húi ở xó nhà với ba bài văn sầu cảm, sao không ném bút đi xem người cho sáng thêm con mắt, có hơn không?

Tôi nghĩ câu nói nửa đùa nửa thật của bạn mà thẹn, thẹn rồi mà buồn, buồn rồi lại nghĩ:

"Thằng em họ mình muốn sang làm ăn bên Cao Mên, xin căn cước đã ba hôm nay còn chưa được chữ; Thượng Hải, Nhiêu Do đều xa hơn Cao Mên cả, mình đi làm sao được, mà đi để làm gì?

Phỏng vấn với điều tra, hai việc ấy, không phải chỉ có cái tài viết văn tả chân mà làm nổi.

Sỏ vào hai chân *đôi hia đi bẩy dậm*, đeo lên vai một túi khôn với một túi bạc, cầm trong tay một cái gậy của *kẻ vong gia*, rồi hãy bàn đến những chuyện đường xa ấy.

Cái xa chẳng được thì mình làm cái *gần vậy*.

Bắt chước Marise Choisy đổi lấy bộ áo con đòi vào ở thổ, tôi cũng mượn bộ quần áo nâu của một *bạn áo ngắn*, khoác vào mình rồi mạnh bạo đi *làm xe*.

Thế là ông Bùi Xuân Học, bạn tôi, một buổi trưa nắng gắt mùa hè, đã đội lên đầu tôi chiếc nón lá phu xe kéo."

*

2

LẦN THỨ NHỨT RÁP MẶT CAI T.

– Ông cho nhà cháu xin chiếc xe.

– Mày ở đâu, tên là gì?

Soạc rộng cái mồm đầy hai hàm răng cáu bựa như những múi na, anh cai T. [1] nới một lỗ khuy chiếc thắt lưng da to – to ngang chiếc giây lưng đeo *cát tút* của người đi săn – tráo trợn hỏi như nhổ vào mặt người anh ta coi là lạ.

– Bẩm, cháu ở Thái nguyên, tên là Tý.

– Thẻ đâu, đưa đây xem.

Tôi lấy trong túi chiếc áo nâu cộc, đưa ra một mảnh giấy vàng có triện Sứ với giấu in tay, cái mảnh giấy gấp làm tư đã bám ghét với mồ hôi lại rách sờn cả bốn cạnh.

– Mày có quen biết ai ở đây không?

– Thưa ông, cháu ở mạn ngược mới về, không có ai quen biết.

– Thế mày đến đây, thì ai đưa đến?

– Bẩm, xuống bến ô tô, cháu hỏi một người xe cháu gặp. Bác ta chỏ cho cháu đến đây.

Mày đã *"làm xe"* lần nào chưa?

– Bẩm, chúng cháu chưa làm bao giờ cả.

1. Xin các bạn đọc cho phép chúng tôi giấu những địa chỉ và tên người để chúng tôi có thể tỏ được rằng: viết những trang ký sự này, chúng tôi không có ý khen hoặc chỉ trích ai, mục đích chỉ muốn phác họa một bức tranh tả cái cảnh sinh hoạt khổ sở của một hạng người trong xã hội. (Lời tác gia).

Cai T. bỏ thẻ vào chiếc ví ở tấm giây lưng da, quay gọi một người áo cánh nòng nọc quần cháo lòng, bảo đem ra cái đệm với hai chiếc khăn xe, rồi rút ở túi chiếc ngòi chì, đứng viết vào cuốn sổ tay nhỏ hơn bàn tay ếch:

– Từ bây giờ đến 3 giờ sáng, phải đem đủ sáu hào thuế về nộp; kéo xe phải đi bên tay phải; gặp ô tô xe điện thì tránh; đúng giờ phải đem xe về trả, nghe không?

Anh ta lại ném cho tôi một bộ quần áo xanh cũ, rồi chỏ chiếc xe thứ nhất đỗ nối đuôi một dãy bên hè đường:

– Xe số 102 đấy, cái thứ nhất ấy, nghe không? Đấy, ra mà nhận.

Trong một mảnh sân xây tường kín nhưng cửa ra vào thông thống, tôi cũng theo mấy ông bạn cùng nghề mới, vắt qua vai bộ quần áo vải xanh nẹp trắng, cúi đầu vào tường rồi khom lưng xuống, lò cò một chân mà... thay quần.

Cái ngượng rồi nó cũng qua đi, mà ở đây thì nó qua rất nhanh, không đầy trong một chớp mắt.

Nhập vào đội quân *quần nẹp trắng,* tôi chỉ còn việc quận tròn bộ quần áo nâu cũ lại, ôm lấy chiếc đệm xe với hai mảnh *sà vệt,* rồi quơ lấy chiếc nón sơn hắc ín, bước ra khỏi cửa nhà cai xe.

Sau khi rung càng, thăm díp, soát đủ áo tơi cánh gà, tôi nắn xem hai bánh cao su, thấy hãy còn non hơi quá. Vơ lấy chiếc *bàn bơm* quẳng gần đó, tôi tháo đầu *van* ở bánh rồi *vít* vào ống giây cao su. Chân dẫm lên mảnh ván gỗ cho *"bàn bơm"* khỏi nhích đi, hai tay nắm chặt lấy tay bơm, tôi cắm cổ rút lên dập xuống một thôi dài, thở hơi hồng hộc như bò để lấy hơi vào ruột lốp.

*

3

LÚC CẦM HAI CÁI TAY GỖ, BƯỚC...

Đưa tay áo gạt ngang những giọt mồ hôi kéo dòng trên trán, tôi ngửi thấy một mùi chuồng ngựa – mà nói như kiểu người ta hay nói, thì là mùi mồ hôi sà vần. Mùi ấy ở tay chiếc áo xanh tôi vừa mặc,

bốc lên; cái mùi mồ hôi của hàng trăm người nó đã ăn chết vào những sợi vải kinh niên thỉnh thoảng mới được rũ giặt một lần, mà có giặt, chắc cũng chỉ là ngã qua vào thùng nước.

Cầm hai cái tay gỗ, ta quen gọi là hai càng xe, tôi bước đi theo bóng chiếc khung chữ nhật. Hai bàn chân rát như phải bỏng, mà con đường nhựa lúc ấy, cứ con mắt người ngồi xe trông xuống thì mát lạnh như đá vì nó vừa được thấy bóng chiếc xe ô tô đỏ tưới đường.

Bước một, tôi tạt ra đường Bờ sông.

Cái cảm giác thứ nhất của tôi? Không phải tôi, ai biết?

Nó thật buồn cười lắm!

Tôi thấy tôi như một thằng trần truồng đi ra phố, đang kéo một chiếc xe bò trên có đựng tấm bảng đề rõ tên họ mình và cả tên họ những người thân thuộc của mình. Rồi hai lá nhĩ tai thốt nhiên như rung động vang lên, rồi trên cái xe bò tôi tưởng tượng như tôi đang kéo ở sau lưng, lại thêm có mấy thằng ngồi đánh trống và gõ thanh la như chiếc xe của rạp hát Quảng Lạc đi cổ động.

Phố Bờ sông, những buổi chiều đổ lửa mùa hè nó có đông đúc gì đâu, mà sao bữa ấy tôi thấy như đông người qua lại lắm. Đông như ngày hội Cát tó vào những giờ thần công nổ dồn hai mươi mốt phát, đông như ngày hội đình chiến có cuộc đua xe kéo mà trăm nghìn con mắt đang đổ dồn cả vào một thằng lành nghề người ngựa sắp giựt cái giải nhất hai đồng.

Cái can đảm lúc ở nhà bỏ giầy bước chân ra, tôi cố giữ cứng được đến lúc này rồi đành bỏ cho nó đổ xụp ở trong đầu xuống.

Từ đầu đến chân tôi vẫn nóng mà người tôi thấy lạnh, cái lạnh của một anh chàng đang cơn sốt phải lối vào cởi hết quần áo cho người ta dội nước trong một buồng tắm nhà thương.

Bấy giờ, thật chẳng có người đi đường nào nhìn tôi cả mà tôi cứ nghĩ nhiều người vẫn lỗ mắt nhìn. Thật ra, họ chẳng thèm biết tôi là ai mà tôi cứ nghĩ họ biết rõ tôi, rõ cả họ lẫn tên, lại rõ cả chỗ tôi ở nữa!

– Mình đi điều tra! Tôi, bụng bảo dạ.

Nhưng bảo thì bảo, đã đi rồi, cái can đảm chẳng còn trở lại nữa, thế là tôi cứ cúi mặt xuống, nghe những tiếng thanh la, não bạt mà đi...

*

4

TÁM CÁI LỢI TRONG MỘT CHIẾC NÓN LÁ

Chán, thẹn, vừa ghê lạnh vừa nóng đầu, tôi không còn sức đi, cũng như không còn can đảm nữa.

Nghĩ mãi mới nhớ ra con đường vắng nhất, tôi lôi xe đến phố Hàng Chuối, định gác càng lên bờ hè nằm nghỉ, chờ cho thật tối, vác xe về quẳng trả lại cai xe.

– *Ka ao chu u!*

Tiếng gọi ấy, lúc đó đối với tôi nó chẳng có nghĩa gì tuy nhìn rõ ở đầu Hàng Vôi có một người *đầm* đang giơ tay vẫy gọi nhưng tôi vẫn làm bộ như không nghe tiếng, cứ lẳng lặng kéo xe bước tất đi, mặc xác cả cái anh chàng nhanh mồm thét vào tai tôi mà bảo:

– Kìa xe, người ta gọi.

Vừa lúc ấy, ở đường bên cạnh nhà *Băng,* có hai chiếc xe cùng đổ xô lại.

Thấy mấy ông *đồng nghiệp* tranh nhau làm ngựa, tôi thật không còn can đảm há hốc miệng mà cười.

Ghé vào túp lều bán nước của bà lão phố Hàng Chuối, tôi *làm* một *trinh* nước chè tươi. Nước vừa vào khỏi cổ đã toát ngay ra lỗ chân lông, rồi, tôi cởi áo phanh ngực ra, cầm một vạt mà... phẩy.

– Bỏ nón ra mà quạt có làm sao, để làm gì trên đầu ấy!

Chẳng để ai đáp, cũng chẳng chờ ai hỏi ai, một anh phu xe khác cũng ngồi hàng nước với tôi lúc ấy, nói ba hoa về chuyện cái nón, một thôi dài:

– ... Cái nón cu li xe có ba đồng xu mà dùng được nhiều việc hơn cái ô trắng đồng hai. Nó là lá mà nó tốt bằng mười vải *ấy chứ lại*! Mùa nắng thì chụp lên đầu, có gió thì che diêm để hút thuốc lào, mỏi thì lót xuống đít mà ngồi, khát không có hàng nước thì hứng nước máy. Lại còn lúc ngồi ngủ ở xe thì úp lên mặt cho khỏi ruồi nó bu lại; lúc nóng thì làm quạt, quạt; quần áo không kịp về nhà giặt, giặt ở đường, vắt áo thật ráo nước rồi tãi trên đầu vừa đi vừa phơi; mà túng nữa lại còn làm cả cái rổ đựng đồ mua chợ cho mẹ đĩ...

Bốn giờ rưỡi chiều.

Bỏ mặc anh chàng vui chuyện, tôi đánh xe sang vỉa hè bên kia.

Gác hai càng xe lên bờ, tôi úp nón lên lòng, nằm dựa lưng vào sân xe, mơ màng nghĩ...

Trên cành cây, tiếng sé vải của những con ve kêu hạ.

Qua mấy chùm lá xanh cợt nhau với gió, nắng xế chiều hè như ném rỡn những đồng tiền vàng đỏ ối trên chiếc nón sơn đen, đỏ lòm hai chữ: P.V.

*

5

CÁI "CUỐC" TỪ ĐỒN THỦY LÊN YÊN PHỤ

Phía sau chiếc xe bị xô mạnh, tôi cũng văng mình đi. Ngẩng nhìn lên, ánh cây đèn giữa phố đã rọi sáng xuống vỉa hè một con đường vắng tanh vắng ngắt.

Trước mắt tôi, lù lù một người đứng.

Chẳng kịp để tôi dụi mắt, người ấy đã nhảy lên xe, gieo mạnh đít xuống nệm, rồi nện gót giày xuống sân xe mà thét:

– *A lê! Đi mau leen!*

Tôi tất tả chụp nón vào đầu, nâng cao càng gỗ hí hoáy quay xe ra đường. Tại sao tôi lại chịu, kéo người? Thật lúc đó, chính tôi, tôi cũng không biết.

Máu trong người tôi, bấy giờ hình như luân chuyển hăng lắm. Cắm cổ đưa hai khuỷu tay lên khỏi lưng như hai chiếc càng châu chấu rồi soạc chân bước, bước thứ nhất, tôi tưởng chừng như có thể *nuốt* nổi được một lúc mấy dặm đường.

Nhưng sự thật nó khác hẳn với bụng nghĩ của mình.

Chạy đến bước thứ ba, tôi đã thấy như mất hết thịt ở hai gót chân, chỉ còn trơ có cái xương nhói buốt. Người tôi, vốn mập. Cái bụng bấy giờ, tôi thấy như chẩy xệ thêm ra mà đưa lủng lẳng như bụng lợn dưới cái khung xương sườn.

– *Mau leen! A lê, mau leen!*

Mỗi cái gót giày nện vào sân xe như đánh thẳng lên gáy tôi cho gục xuống. Chân tôi, ngày thường vẫn đi chữ bát lúc ấy hình như đi *vòng kiềng*. Ruột thì như vặn từ dưới rốn đưa lên, cổ thì nóng như cái ống gang, đưa hơi lửa ra không kịp.

Ì ạch mãi, rồi tôi cũng *tha* được ông khách của tôi đến đầu Cầu Đất... Miệng thở, mũi thở, rồi đến cả tai cũng thở, mồ hôi thì toát ra như mồ hôi trõ, tôi thấy tôi không phải là người nữa, chỉ là một cái... *nồi sốt de*.

Từ Cột đồng hồ trở đi, bước chân tôi chạy đã thuần, nhưng miệng tôi vẫn há hốc ra mà thở; Cũng như hai bánh cao su tuy vẫn quay vòng trên đường nhựa mà chiếc xe thì cứ bập bềnh như muốn đưa tôi lên khỏi mặt đất, hay dúi tôi ngã khuỵ xuống rãnh hè.

Ai chẳng bảo tôi đã khiến nổi hai tay xe. Tôi thì tôi bảo: làm thân người phu xe tay là tự nguyện cúi đầu dưới quyền sai khiến của hai cánh tay gỗ!

Dãy đèn điện đường Bờ sông, mọi tối, tôi trông chẳng sáng là bao, mà đêm ấy, như đèn pha ô tô cả. Bóng trăm rưởi nến sáng như bóng ba trăm nến, chiếu hết những đường chỉ áo cho đến những sợi lông của *cặp giò*.

Dọc đường, những tiếng ồn ào, huyên náo, tôi nghe thấy hết mà không nghe thấy gì, mỗi lần có chiếc ô tô tung bụi vút qua, tôi lại thấy khách qua đường, trong đó có cả người quen, đang chỉ chỏ tôi mà phỉ nhổ. Ngang dọc, quanh tôi có không biết bao nhiêu xe! Xe ấy kéo những ai? Người quen biết tôi cả! Rồi một sức mạnh như vít ngang lấy cổ. Mặt tôi cúi xuống. Chân tôi chạy rảo đi.

– Ếp!

Người qua đường không tránh, có lẽ vì tôi kêu nhỏ tiếng quá, chớ không phải người ta lơ đễnh không nghe.

– Mù? Chạy thế à?

Một đầu càng xe tôi kéo đã thích vào vai anh ta, anh ta còn bị người Cai Tây ngồi trên xe tôi sừng sộ.

Qua gầm cầu, qua bến ô tô, qua nhà Máy nước nóng... qua nhà Thuốc lá cũ.

Miệng tôi thở lửa, cằm tôi đổ tong tỏng những dòng mồ hôi xuống như chiếc ống máng cụt đổ nước hôm trời mưa.

– *Tôôi! Assez!*

Lại một cái gót giầy nữa đánh mạnh xuống sân xe.

Tôi ghé đỗ trước một tòa nhà ngoài hiên có một người đàn bà An Nam quần trắng *sơ mi đen,* nằm duỗi dài trên ghế.

Hất chiếc áo xanh tụt xuống nửa lưng, cầm nón quạt, tôi ngồi phịch xuống vỉa hè, ngay chỗ xe đỗ. Giá lúc đó người bồi không mang đồng hào con ra trả, tôi cũng quên bẵng cái việc: còn phải đợi khách *cho* tiền xe.

– Bác vào nói hộ ông ấy cho thêm chứ. Một *cuốc* từ Đồn Thủy về!

Người *bồi* chưa bước vào, một cái mũi lõ thô lố hai mắt đã thò ra:

– Qué qu'il y a? qué qu'il y a? – dồn mấy tiếng.

– *Lúc điếc bẩy dề ăng co.*

– Dix sous et encore pas content?

Tôi đứng lên, chìa đồng hào người bồi vừa trao tay xong.

– *Me sừ bẩy dề moa ăng co, me sừ a lê loong tẩng.*

Ông khách tôi sừng sộ nhẩy ra:

– Tu veux encore des cadouilles? Sale vache!

Miệng nói, anh ta cởi chiếc thắt lưng da đóng đai ngoài bụng, nhấp nhoáng một chiếc khóa đồng.

Lúc ấy tôi mới nhận biết ông khách của tôi là một ông Cai *mắt xanh, tóc quăn.* Nghe người ta chửi vào mặt đã xong, tôi còn muốn được thêm một trận đòn, phải cứ làm ra mặt bướng:

– *Bẩy dề ăng co, moa bà con nét.*

Quả nhiên tôi không đỡ kịp một quả đấm, vùng chạy kêu ầm lên:

– Ối ông Đội xếp! Ối *Cập tên!*

Phố vắng mà người đổ ra xem đông.

Tôi nghe rõ một tiếng đàn bà:

– Ối, còn chuyện gì, lại cu li xe vòi tiền bị nó đánh!

Đội xếp, *Cập tên,* rồi cũng không ông nào đến!

Hàng phố, rồi họ cũng mặc!

Cho cả đến cái bà *cooc sê* quần trắng cũng vẫn ung dung nằm duỗi dài trên ghế như thường.

Tôi quay lại, cầm hai càng xe lên.

Một ông *quần nẹp trắng* ngồi bó gối bên chiếc xe dưới gốc đèn nói một câu bâng quơ:

– Lạ gì các "bố Vườn rau" [1], còn không biết!

*

6

NHỚ ĐẾN ỌNG GIÀ BA NĂM TRƯỚC

Gió hồ Trúc Bạch hây hây quạt mát.

Đường Cổ Ngư tấp nập những xe nhà gọng đồng sáng nhoáng, những *totpédo* với *limousine* của các khách thừa lương.

Được tắm gội bằng luồng gió mát, người họ chắc nhẹ như chiếc lông hồng.

Cùng ngọn gió hồ, cùng cảnh mặt nước gợn trăng mà tôi thì thấy như bứt rứt.

Cái đấm bị ở vai, không đau bằng xương sườn, xương gáy với xương ống chân mỏi rức. Rức xương lại chưa bằng rức óc. Mà lúc ấy thì tôi mỏi rức cả óc lẫn xương.

Cái óc bảo cái xương: "Mày cũng như tao, đang đau rức", rồi lại bảo cái mắt: "Chúng mày hãy trông trên đường".

Trên đường có cái gì?

Một anh chàng béo như con trâu trương với 4 đứa con – thiếu chị vợ để họp thành cả một gia đình – cùng ngồi lên chiếc xe, một người kéo đi bước một.

Đổi địa vị, bây giờ cho người này ngồi lên, người kia bước xuống. kéo được ba bước, người kia rồi phải chỏ vào mặt người này mà nghiến hai hàm răng thật chặt:

– Chúng mày tàn nhẫn lắm, quân bất lương!

---

1. Dẫy nhà ở mé ngoài phố Trúc Lục, bên trên trường học Yên Phụ cũ, làm cạnh một vườn trồng rau, là chỗ có đông Cai Tây ở. Những người Tây ấy, bọn phu xe quen gọi là **Tây vườn rau.**

Những buổi tối mùa hè, người ta thường nghe những tiếng:

– Mày đánh xe kéo mợ đi chơi mát!

– 15 xu một giờ, có đi không?

Rồi, ngang dọc khắp đường, người ta thấy những gái đã năm con còn phấn đắp như trát. Ngồi lấy bộ cho thật đẹp trên những chiếc xe sơn đỏ, sơn đen; *thằng xe* thì kéo bở hơi tai, ống chân phải bó xà cạp để tỏ cho người biết *bà* chủ nó là *nhà sang trọng*. Lại những thằng vai so đầu mượt, to lớn như ông hộ pháp, nằm sóng sượt trên những chiếc xe *đi giờ,* miệng phì phào hơi thuốc Ăng lê, hai mắt như mắt Long thần, hết nhìn ngang lại nhìn dọc...

– 15 xu một giờ, có đi không?

– Mày kéo mợ đi chơi mát!

– 15 xu một giờ, ba đồng một tháng. Bát mồ hôi pha máu của người, họ đánh giá không được một đồng kẽm. Thật quân bất lương!

Ngồi nghĩ ngợi lan man sau khi đã mặc bộ quần áo phu xe, nghe người ta mắng chửi, chịu người ta đánh đòn, tôi lại sực nhớ đến một ông già tôi gặp khoảng ba năm trước.

Kéo xe đôi, – bạn tôi với tôi – ông già chạy chậm.

Bạn tôi gắt:

– Chạy nhanh lên chứ, khéo khỉ lắm!

Ông già vừa thở vừa đáp:

– Các thầy có kéo xe như tôi, các thầy mới biết!

Bạn tôi nhẩy xuống xe toan đánh thằng xe *hỗn*, nếu tôi không tốt can.

Chuyện ấy, đã ba năm.

Bây giờ, chắc ông già ấy đã chết.

Mà làm nghề này, sống lâu làm sao được? Chạy suốt ngày. Ăn không đủ. Tấm thân lại dầm mưa dãi nắng...

Người ta nói:

– Quả ở xứ nóng, quả chín sớm.

Tôi bảo:

– Người làm cu li xe kéo, người chết non!

*

7

MỘT ĐỒNG HÀO TRONG NẸP GẤU QUẦN

– Tôi cũng trả xe cùng phố anh, nhưng anh có đủ *thuế* không?

– Kéo từ trưa được bẩy hào, giả *thuế* sáu hào, tôi chỉ còn thừa có một hào bạc.

– Được, bây giờ cũng đã đến hai giờ sáng. Thủng thỉnh, chúng mình về cũng vừa. Anh theo tôi, tôi chỏ chỗ cho mà ăn, ăn xong, ta cùng về chỗ trọ.

Càng xe quắp nách, xóng đôi với người bạn khuya, tôi chẳng quên hỏi bạn những câu chuyện nhỏ:

– Một hào chỉ, cả ăn lẫn trọ thì làm thế nào cho đủ?

– Anh có nghiện rượu không?

– Tôi không uống bao giờ cả.

– Bẩy xu cơm, hai xu trọ, cả thẩy chín xu. Thêm một trinh bát nước chè tươi, anh còn thừa một trinh lẻ. Mà quên, còn diêm thuốc chưa kể.

Không, tôi không hút được thuốc lào.

– Như thế thì lo gì nữa!

Đồng hồ trong phố đánh 2 giờ sáng. Chúng tôi về đến chỗ trả xe.

Qua mảnh sân con vào đến hiên trong, dưới ánh sáng lù mù một ngọn đèn Hoa Kỳ, tôi lại thấy mặt thằng cha bận áo nòng nọc buổi trưa, chừng là người phụ việc cho Cai xe ở đó.

Người Cai không có đấy, nhưng trên chiếc ghế vải anh ta ngồi lúc trước, tôi thấy có một người đàn bà. Mụ này cởi trần, người to lớn, đang rũ tóc quạt phành phạch như quạt hỏa lò. Dưới mảnh yếm rộng không hơn chiếc *mùi soa,* thỗn thện cặp vú sọ dừa to như hai chiếc ấm giỏ.

Cạnh đấy, trên một tấm giường gỗ trần, mấy thằng vén đùi nằm xen vào nhau, ngủ như chết giả.

Tiếng gáy, tiếng mê sảng lẫn với mấy tiếng ho.

Tôi lấy trong túi áo, đưa 6 hào ra.

– Xe 102 phải không?

Thằng cha bận áo nòng nọc, mặt gân guốc mà đầu bò, vừa hỏi vừa giở sổ.

– Phải, bác trả thẻ cho tôi.

– Xe có thiếu gì không?

– Đủ cả.

– Hãy đợi đấy để còn ra soát lại đã.

Cùng lúc đó, một người phu xe khác bước vào:

– Bác làm phúc, hôm nay cháu thiếu mất hai *hào*.

– Phúc với đức gì, không đủ *thuế* thì gán áo.

– Bác để cho đến mai, cháu kéo.

Không đợi người này nói hết, mụ đàn bà the thé nói vào:

– Mai *mấy* kia gì, áo nó đâu, bắt lấy!

– Cháu chỉ còn có một cái quần... Xe ế, nhỡ phải một hôm, bà trông lại...

Lần này thằng áo nòng nọc không nói cúi rút chiếc càng bắt ốc trong gậm, sấn lại đánh vào lưng người kia ba cái luôn tay.

– Ối giờ ôi!

- Mày thiếu *thuế* còn bướng có phải không?

– Nó nỏ mồm, đánh bỏ mẹ nó đi cho bà... *quai* thêm cho nó mấy cái.

Mụ đàn bà búi tóc ngược, sấn sổ đứng dậy. Túm đầu người kia dìm xuống, mụ vừa tát vừa lên gối, chửi rủa một hồi.

Trên bục, mấy người nọ – chừng là phu xe cả – vẫn ngủ say.

Một thằng tỉnh ngủ hơn, ngóc cổ lên nhìn, rồi lại nằm ngủ lại.

– Mày *nắn lưng* nó cho bà.

Bỏ chiếc càng bắt ốc xe, thằng áo nòng nọc lần người khốn nạn ấy từ đầu xuống đến gối.

Lúc này, người ấy run lên như *cầy sấy*, thì vừa lúc thằng kia vừa nắn đến hai gấu quần:

– Nó giấu đồng hào trong này, có gớm không!

Vừa nói, thằng áo nòng nọc vừa dơ lên một đồng hào con, rồi *thoi* vào mặt người ấy một quả đấm:

– Cái gì đây? Tiên sư đồ ăn cắp!

Mụ đàn bà lại vít đầu người ấy xuống:

– Bà đánh cho mày biết, từ *giầy* thì chừa những thói ăn gian.

Nhận trên mình chừng hơn chục chiếc càng, người khốn nạn kia ngoắt tay ôm lấy lưng, rồi gục xuống. Máu ở lỗ mũi anh ta ồng ộc đổ ra như hai vòi nước, đọng thành vũng trên sân gạch.

Tôi rùng mình...

Quay lưng lại, tôi bảo với thằng áo nòng nọc:

– Người ta thiếu có hai hào bạc!

*

8

TÔI NẾM MÓN SÁO BÒ LẦN THỨ NHẤT

Chừng ba giờ sáng.

Chui vào một hàng cơm tối mà thấp như cái hang chuột, tôi với người bạn dọc đường lúc nẫy cùng ghé ngồi xuống một tấm ghế dọc kê sát một chiếc bàn. Cái bàn mộc cáu ghét với mỡ đã lâu năm, trên có một ống đũa tre rỉ nước giòng giòng, hai cái vỏ cút rượu ti con, với một cái vịt đã cụt nửa vòi, chừng là vịt nước mắm.

Tôi thở trong một bầu không khí đầy những mùi hôi tanh nồng nặc. Cái mùi ấy gọi là *mùi thớt* cũng chỉ hơi đúng vì ngoài những hơi mỡ ôi, cá ươn, thịt thiu, hành sống và trăm thứ đồ ăn khác, nếu phân chất kỹ, còn có mùi cứt gián với mùi mồ hôi kinh niên.

Con bé nhà hàng bưng đến cho tôi hai chiếc bát đàn úp một, trong có 3 xu cơm.

Tôi lật chiếc bát úp, lấy đôi đũa tre trong ống xẻ đôi chỗ cơm, vừa được đầy hai bát.

Trước mặt tôi, một bát canh *sáo bò* bốc khói lên ngùn ngụt. Nóng sốt như thế mà tôi đoán chừng nó chẳng ngon lành gì cho lắm, vì

trong bát canh đục ngầu như nước cống, mấy khoanh lòng bò lều bều nổi như những xác chết đuối dưới mấy đám hành răm. Cạnh đấy, một đĩa lòng giá trông cũng chẳng ngon gì hơn.

Ít tiền, làm gì được miếng ngon! Hai xu sáo lòng! Hai xu lòng giá!

Cầm bát cơm, chan nước sáo, và... tôi thấy dạ dầy tôi nó đi một mạch từ bụng lên đến cổ. Có lẽ món ruột già nhà hàng làm không kỹ, nên và xong một miếng, tôi tưởng như tôi đã nuốt phải cả một bãi phân bò.

Ngồi đối diện, bạn tôi vẫn chén rượu khề khà:

– Anh không uống được rượu thì ăn đi.

Cầm bát canh húp soàn soạt rầm nhà, anh ta tấm tắc khen:

– Món sáo bò ngon quá!

Tôi đành ngồi chống đũa.

Sáo ấy, lòng ấy, lại thêm cơm thổi bằng thứ gạo hẩm đã hết cả nhựa, nước mắm thì là thứ *nước hàng* pha với muối mặn ăn cho đỡ tốn, tôi dù cố nuốt, rồi cũng đến phải *trả* hết ra.

Ngồi chờ bạn, tôi nhìn đến cái *gác măng dê* để ngay ngoài nhà. Trong tấm lưới sắt thưa, một chậu thịt – thịt *bạc nhạc* đẽo ở xương ra – còn nằm chờ bỏ vào nồi để làm món *giả* cầy bán sáng.

Ba con cá diếc nhỏ bằng hai ngón tay tréo, chẳng biết rán từ năm nào mà đét lại như những con mắm nướng. Chừng nó *ngã* qua vào chảo mỡ cạn, rồi nhẩy lên đĩa nằm chờ mãi đó mà chưa gặp được ông khách hàng. Một khúc dồi lợn buộc trên sợi dây lạt, lòng thòng như một quan tiền. Mấy bìa đậu phụ rán tự hôm kia đã sắp đổi mầu vàng ra mầu đất.

Bên cửa vào, trên một mảnh ván bám vào tường, xếp hàng dài một dẫy những chai rượu ti lớn. Trong nhà, một rổ bát ướt rườn rượt đút dưới gậm một chiếc bục, trên có manh chiếu bẩn gài chiếc màn sô *cháo lòng.*

Đồ ăn, thức đựng, màn, chiếu, tất cả chừng ấy cái đều như phơi dưới ánh sáng hai cây đèn bút măng. Hai chiếc thông phong buồn tình làm việc thâu đêm, thở khói lên ngùn ngụt.

Tôi nghĩ: Trong cái hoàn cảnh này, còn có người cầm nổi được bát cơm mà nuốt, lại nuốt trôi một cách ngon miệng, mà nào đồ ăn thức uống có phải ngon lành? Toàn những cái *dầu thừa đuôi thẹo* mới

đến hàng cơm: trứng ung, thịt ôi, cá ươn, gà toi... chó ốm! Đó là chưa kể những món thịt *súp ở* các hàng cơm Tây họ đã ninh lấy nước, hay những món khoai thừa họ đã bỏ vào nồi nước gạo rồi lại được cái bàn tay của những đứa tham lợi, mò lên.

Tôi thấy lợm lòng.

Ngẩng nhìn lên, thì bạn tôi vẫn còn sì sụp với bát canh, mà lần này, mặt đỏ như vang, coi bộ khoan khoái lắm!

Ăn để sống?

Sống để ăn?

*

9

TRONG CHIẾC HŨ, MỘT ĐÊM...

Ngọn đèn xe đu dưới tay bạn tôi như một con đom đóm vật vờ. Chèo qua một cọn đê cao chừng năm thước ta, chúng tôi đi xuống một cái vực sâu, tối om như một cái mả.

Giẫy đèn điện đường Đồn Thủy, không còn trông thấy nữa. Bị giải đê dài che lấp, nó tỏa ra trên đầu chúng tôi một vầng phớt sáng, buồn ghê...

Theo bước chân bạn, tôi cũng bước một, lần đi. Trời không sao. Quanh mình tôi vang rầm những tiếng chẫu chuộc, ĩnh ương, giun, dế.

Bãi Cơ Xá Nam đó!

Cái tổ của một bọn người nghèo khổ. Cái sọt rách chứa đầy rác rưởi dưới chân những dinh thự nguy nga!

Không một ánh sáng. Không một vết xe. Ánh sáng *văn minh* rọi đến đây đã bị cái tường đất ngăn đi. Bánh xe tiến hóa lăn đến đây cũng bị dải đê dài cản lại.

Thế mà có một giống đã vượt qua, vào nổi!

Con ma Thuốc Phiện nó chấp trên lưng hai cái cánh mầu hung đỏ đồi mồi. Cô ả *Phù Dung,* cái tên đẹp; người ta thường quen gọi.

Thì đêm ấy, tôi đã thấy ả *Phù Dung* nằm đấy, trong một gian nhà lá vách xiêu cột vẹo, chật như cái hũ, chứa đến chục người.

Tôi khom lưng xuống, chui qua một khung cửa cao không hơn một thước tây. Bạn tôi chỏ tôi cho anh Tư S, người nằm cạnh cái khay đèn, rồi vừa cởi chiếc áo xanh mặc ngoài vừa nói:

– Đây, người này muốn ngủ đỗ ở đây.

Tôi gật đầu chào, đưa hai đồng xu vừa móc ra khỏi túi.

Người nằm bên khay đèn ngóc cổ giơ tay đỡ lấy, nín thinh, lạnh lẽo, không buồn nói lấy nửa lời.

Anh ta chừng 40 tuổi, xanh mà gầy. Hai mắt trũng sâu, hai cánh tay như ống sậy. Mảnh quần nâu vén lên quá gối, để phô ra hai cẳng chân cũng chẳng béo gì hơn hai cánh tay.

Chẳng được một tiếng mời, tôi cũng cứ ghé vào cái giường giát anh ta nằm hút thuốc phiện, mà ngồi.

Thở hết một hơi khói dài, người ấy ngồi lên, đưa hai đầu gối lên khỏi mang tai, tháo cái lọ ở chiếc xe ra, phanh ngực, vén tay áo lên đến vai, nạo sái.

Góc đàng này, trên một tấm chiếu manh, mấy người khác, toàn đàn ông, người mặc áo, người cởi trần, đang châu đầu quanh một mâm đèn bốc khói. Rầm rầm những tiếng: Rút! Lật! Bất! Mẹ nó, cha mày.

Họ quây quần nhau đánh *bất,* đánh đố *mười.*

Phu xe bóc lột phu xe; Gà què ăn quẩn cối!

Một mụ đàn bà ôm con nằm trên chiếc võng khuất trong bóng tối, chốc chốc lại ngoái cổ ra, dài mồm mà hỏi:

– Anh *Cá gỗ* được haaay ai i?

Người bạn xe kéo của tôi, lúc ấy cũng đã sa vào đám rút bất rồi. Còn lại một mình với anh Tư, thừa dịp, tôi tỉ ê, hỏi:

– Một ngày, ông hút đến bao nhiêu cả thẩy?

Lắp xong chiếc lọ, anh ngẩng lên nhìn tôi:

– Bác này, dễ mới đến đây có lần này?

– Phải, hôm nay tôi mới đến đây vì có bác xe vừa rồi đưa lại.

– Tôi trông bác như người đã ở Hà Nội lâu thì phải.

– Không, tôi mới ở Thái xuôi được vài buổi nay.

Với chiếu điếu cày dựng ở chân chõng, anh Tư cầm rít một hơi dài. Chẳng để thì giờ cho anh ta xét đoán tôi, tôi lại hỏi:

– Một ngày, ông hút hết bao nhiêu cả thẩy?

Nghiêng mình nằm xuống, anh Tư mời tôi cùng nằm chơi. Sọc mũi tiêm vào viên sái hơ lên đèn, anh Tư vừa sọc tiêm vừa nói:

– Hai hào một bữa, một ngày tôi chỉ hút một bữa về đêm thôi. Thuốc ngang hút được nhiều mà bền sái.

– Hút như thế này thì ông đánh đến sái mấy?

– Sái ba, cũng có khi cả sái tư, chứ sái sảm thì hại mà sức tôi cũng không kéo nổi.

– Hai hào, mỗi tháng ông cũng mất đến 6, 7 đồng vào đấy.

– Không đến, sái tôi còn nấu lại, mỗi tháng cũng đỡ được vài đồng cân.

– Hút thế này, chắc ông phải nghỉ làm đêm?

– Không, tôi chỉ mua lại xe, kéo đêm. Ban ngày nắng nôi, vất vả lắm.

– Kéo đêm thì còn lúc nào hút được?

– Hai giờ sáng đem xe trả. Tôi cũng vừa về đây trước bác được một lúc. Hút từ giờ đến sáng. Ăn xong, ngủ đến 5 giờ chiều, dậy ăn bữa nữa rồi đi làm.

– Tiền *thuế*, tiền hút, lại tiền ăn; kéo có 7, 8 tiếng đồng hồ, ông kiếm đủ làm sao được?

Tôi hỏi chuyện, anh ta thì vừa hút vừa đáp. Cái vẻ lạnh lẽo lúc nãy đã mất hẳn. Nghe tôi hỏi câu ấy, anh ta chỉ cười mà không trả lời.

Thấy tôi không hỏi nữa, anh Tư đưa mắt sang bên tôi. Cạnh ngọn đèn thuốc phiện, có lẽ tôi đã lộ một vài phần chân tướng rồi, vì lần này, tôi nghe rõ anh ta hỏi:

– Tôi trông người bác không đến nỗi làm cái nghề này thì phải. Bác ra làm xe đã được mấy hôm nay?

Chẳng sợ bị anh ta lột mặt nạ, tôi cứ điềm nhiên, làm ra bộ thật thà, trả lời:

– Phải? Người tôi như thế này, ai bảo tôi đến nỗi phải long đong, vất vả. Ở trên Thái, nhà tôi trước cũng có. Thủa bé, được cha mẹ nuông, tôi chẳng học hành gì cả. Nhớn lên, chơi bời vung phí, rượu

chè, thuốc sái, cửa nhà sa sút, cha mẹ giận mà từ. Về Hà Nội, tôi định kiếm một nghề. Nhưng chữ nghĩa không có, dở ông, dở thằng, chẳng kiếm được nghề gì. Đói, đầu gối phải bò. Người ta bảo tôi đi làm xe. Tôi nghĩ dở dang như tôi, cũng chẳng còn nghề nào khác.

Đám rút bất đã tan. Trời đã gần về sáng.

Trên mấy chiếc giường tre ọp ẹp, hơn mười người xe sát phạt nhau lúc nẫy cũng đã nằm lăn ra như chết, làm mồi cho đám muỗi cỏ nó bu lại đầy mình.

Bên chiếc khay đèn khốn nạn, nằm tiêm thuốc cho anh Tư hút, tôi đã thành ra một bạn thân của anh.

Qua những tiếng trẻ khóc, những tiếng ngáy ran của lũ chết giả ở giường bên, chúng tôi vẫn nhỏ to câu tâm sự.

Suốt đêm ấy, tôi không ngủ.

Nhân thấy hỏi về bước đời hơn mười năm trời làm nghề xe kéo, vui chuyện, anh Tư cũng kể cho tôi nghe.

"Đã 12 năm nay, bấy giờ...

*

10

CÁI NĂM HAI MƯƠI TÁM CỦA ANH TƯ

– Đã 12 năm nay, bấy giờ tôi cũng như bác bây giờ, bỏ cửa bỏ nhà, đi vã bộ từ Thái Bình lên đây mất ba hôm, định bụng tìm lấy một nghề mà làm để lần hồi cho qua bữa.

Bỏ cửa bỏ nhà! – Thật ra thì nhà cửa nhà tôi bấy giờ bị người ta cướp mất cả rồi, còn đâu nữa!

Thầy tôi xưa làm ông Đồ dạy chúng tôi học chữ Nho ở ngay Tân Đệ. Sau vì phạm vào tội khắc con giấu giả, bị nhà nước bắt đầy đi Sơn La rồi chết ở trên đó. Tôi, con một, nhà còn có mẹ. Mẹ tôi thương thầy tôi quá, tuổi đã già mà đêm nào cũng khóc lóc, sau cả hai mắt đến lòa. Bấy giờ nhà cửa còn vật gì, tôi đem bán *lao bành cờ hiệu* cả đi để lấy tiền chữa chạy cho mẹ.

Tiền hết mà mẹ tôi, mù vẫn hoàn mù.

Năm ấy, thật tôi điêu đứng quá, trên đầu còn được có một nếp nhà. Tạng con nhà học trò trói chẳng nổi con gà, còn biết làm gì nuôi mẹ. Học trò của thầy tôi, bấy giờ cũng tan nát mỗi người một ngả. Cùng kế, tôi lên tỉnh, lĩnh một chiếc xe về kéo, lần hồi cho qua.

Kéo xe ở các phủ huyện, bấy giờ không như bây giờ. Đi làm xe mà vẫn mặc áo thâm dài vắt vạt lên gài vào thắt lưng, đầu lại chít khăn, đội nón sơn tử tế. Xe mình lĩnh, người ta cũng cho mình trả tiền dần rồi lấy hẳn về. Hồi ấy, ở nhà quê, người nào có được một cái xe kéo cũng không khác người có một chiếc đò. Trở đò thế nào thì kéo xe cũng thế, làm ăn tuy vất vả nhưng chẳng ai cười chê, nhất mình lại là con nhà học trò, gặp bước đường cùng, ai người ta cũng rõ.

Hai năm kéo xe nuôi mẹ, tôi dành ra số tiền góp, cũng lĩnh hẳn được chiếc xe về. Thấy mẹ già được ấm no, tôi cũng chẳng quản gì vất vả.

Nhưng, thật là cái số, bác ạ. Một hôm lính Đoan về khám rượu, chẳng biết thế nào lại bắt được thúng cơm bã ở sau vườn nhà. Thế là tôi bị bắt luôn đi, mà lớp nhà lá ba gian với chiếc xe cũng bị tịch ký cả.

Tình cảnh mẹ tôi bấy giờ thế nào, lúc đi rồi, tôi không được rõ.

Bị giam ở lao tỉnh mất ba tháng, lúc được tha về nhà thăm mẹ thì nhà đã người khác ở, mà mẹ cũng đã chết từ bao giờ.

Hỏi bà cụ hàng nước ở ngay bến thì bà kể cho nghe: Nhà tôi, chức dịch trong làng giao bán, ông Lý Cựu đã mua; Còn mẹ tôi thấy tôi vướng vào cảnh tội tù, mới xa tôi được 5, 6, hôm thì chết. Làng xóm thương tình, mua cho cỗ ván gạo tống táng, còn họ hàng thì lảng xa hết, lại tiếng bấc tiếng chì.

Tôi hỏi thăm đến chỗ chôn mẹ, rồi ngay hôm ấy, gạt nước mắt, xách khăn gói ra đi, bấy giờ bốn bể không nhà, còn biết cậy vào ai mà ăn, trông vào đâu mà ở.

Từ Tân Đệ lên Nam, ngủ vạ ngủ vật ở ngoài đường một đêm, tảng sáng hôm sau, tôi lại đổ bộ lên Phủ Lý. Ngủ Phủ Lý một đêm ở nhà trọ, tiền ăn không có tôi phải lạy van nhà hàng xin gán áo lại mới được người ta buông tha cho đi.

Nghĩ chuyện trước, tôi còn xấu hổ đến bây giờ. Khốn nạn, chỉ vì ba bát cơm hẩm với mấy ngọn rau muống không đáng năm xu mà

người ta chửi bới đến tổ tiên nhà mình, lại bắt cái áo thâm dài bán rẻ cũng còn được dăm hào chỉ.

Tôi nghĩ thương thân, muốn khóc mà không còn nước mắt nữa.

Hai mươi tám tuổi đầu!...

... Không thấy anh Tư nói nữa, tôi ngừng tiêm lại, trông theo. Trong cặp mắt sâu hoắm như hai cái lỗ đáo ở chiếc đầu lâu, anh ta để rơi xuống mấy giọt nước mắt khô khan như pha lẫn máu.

Tôi cũng lặng thinh không nói, lại lăn tròn điếu sái trên ngọn lửa lạnh lẽo chiếc đèn dầu.

Anh Tư thì ngồi lên, sỉ mũi vào chiếc khăn tay nâu, uống xong hớp nước lại ghé nằm, chờ hút điếu sái bao tôi đang soe vào nhĩ lọ.

*

11

NGỰA TÌM ĐƯỜNG CŨ

– Như thế, ông ở Phủ Lý đi, trong lưng chắc chỉ còn chiếc thẻ?

– Một chiếc thẻ cũ, ngay hôm đến Hà Nội đã phải đưa cho Cai xe giữ. Mà may còn chiếc thẻ, không thì đã chết đói bấy giờ.

– Thoạt tiên, ông cũng đi làm xe?

– Chẳng làm xe còn làm gì! Hơn trước được cái làm xe cao su, lại được đổi bộ quần áo nâu lấy bộ quần áo *lơ* lành lặn.

Bấy giờ *thuế* xe còn nhẹ: hai hào rưỡi, ba hào một buổi từ 4 giờ sáng đến 1 giờ chiều; bốn hào, bốn hào rưỡi từ 1 giờ chiều suốt đến 3 giờ sáng.

Gặp được khách luôn, kể kiếm ăn cũng dễ, nhưng phải cái vất vả lắm, khó nhọc hơn ở Thái Bình. Chịu chạy vần vật suốt ngày, có tiền ăn, lại có được năm ba xu hay hào bạc để dành riêng; còn không gặp khách hay ngại nhọc mà đủng đỉnh không chịu làm thì cũng có hôm phải bỏ tiền riêng bù vào tiền *thuế;* không có, Cai nó cũng lột quần lột áo, hôm nào mình có tiền trả đủ, nó mới cho chuộc về.

– Cai xe là những người nhà của chủ xe hay người đi làm thuê?

– Chẳng người nhà hay làm thuê gì cả, họ chỉ được cái *du côn đầu bò* đứng xin nhận với chủ xe cho thuê xe rồi ăn vào lưng cánh cu li, chứ họ, ít khi được chủ xe chi cho công xá.

Như bây giờ, suốt ngày đêm, họ lấy của cu li đồng mốt bạc *thuế*, buổi ngày năm hào, buổi tối sáu hào, mà mỗi chiếc xe, họ chỉ nộp thuế cho chủ xe có bẩy hào còn bốn hào thừa, họ đều đút túi cả. Chủ xe cũng biết thế, cu li cũng biết thế, nhưng vẫn phải cần đến họ, vì chủ xe không thể ngày nào cũng đi lùng những cu li thiếu *thuế*, mà cu li không đủ tin để chủ xe có thể giao thẳng xe cho.

Trước đã có hiệu tự chủ xe đứng lấy cho thuê, sau bị cu li trốn *thuế* nhiều, bỏ xe ở đường không kéo xe về; đi lùng bắt thì mất thì giờ, lại không du côn như Cai xe nên cu li họ không sợ. Sau, thấy mất mát nhiều, chủ xe lại phải dùng đến Cai xe, chịu để họ đứng nhận cho.

– Cu li thiếu *thuế,* Cai xe cũng phải trả bù cho chủ ư?

– Sao lại không phải trả, nhưng có mấy khi Cai xe nó chịu thiệt bao giờ. Giờ trả xe, nó giở sổ, thấy cái nào hơi chậm về là phóng *xe lết* (xe đạp) đi lùng khắp phố, gặp anh nào còn chàng màng là nó túm đánh cho bỏ mẹ, rồi nắn lưng ngay giữa phố, vét cho đủ *thuế* mới thúc về. Vô phúc anh nào còn thiếu độ dăm ba xu; nó cứ quả đấm mà thoi, bất cứ vào mặt, vào ngực, vào sườn, hay vào mạng mỡ, rồi nhẩy lên *xe lết*, kèm về cho đến tận nhà.

Người ta đã có câu ví: Ác như những quân Cai xe!

Chẳng ác mà chúng nó chỉ *thượng sỉ hạ đạn,* trông vào bát mồ hôi nước mắt của người ta mà cũng có của tậu ruộng tậu nhà, có thằng lập nổi dinh cơ, nuôi 8, 9 vợ trong nhà, bố mẹ chết, ma chay to hơn ma Tổng đốc.

Thật chúng nó tàn nhẫn. Ăn cướp cơm chim, sống bám vào những người khố rách. Những thằng thế mà giời vẫn cho mát mặt, chẳng bù với mình, đầu tắt mặt tối, ngày nắng đêm sương...

... Để mặc anh Tư chửi bới cho hả giận, tôi vắt tay lên trán, mơ màng nằm nghĩ một mình.

Ngoài trời, ngàn dâu đã xanh ngắt bên sông...

Câu chuyện trong túp lều tranh suốt một đêm trường cũng đã tàn theo với ngọn đèn nha phiến.

*

12

BÀI HỌC VỠ LÒNG TRONG CHIẾC HẾN

... Ông kéo xe trong 12 năm trời mà sống được, thì tôi chắc tôi có làm nghề này cũng không đến nỗi chết. Hôm nay còn mệt lắm mà tiền ăn cũng chưa cần phải kiếm, tôi muốn nghỉ một buổi ở nhà với ông. Đây, lúc ở Thái xuôi, trừ tiền ô tô, quà bánh, còn thừa hai đồng. Tôi muốn hút chơi vài điếu cho *lại* người, tiền đây, ông bảo ai đi mua thuốc.

Tôi đưa ra cho anh Tư một tờ giấy bạc.

Đỡ lấy tiền, anh ta vắt chiếc khăn mặt nâu lên vai, co ro từ trên giường bước xuống, tay vơ ở khay đèn chiếc hến, miệng cất giọng nói khàn khàn:

– Bác ở nhà sửa lại bấc đèn, để tôi đi mua lấy mới được thứ thuốc tốt.

– Ngang hay hộp?

– Ngang nhưng *bền* lắm; Sái tư còn *con ong.*

– Nhân thể ông xem có dầu không?

– Phải, mà tí nữa quên, bác với cho tôi cái lọ ở chân chõng.

Nửa giờ sau, anh ta đem về một lọ dầu, một hến thuốc với một gói đến hai chục chiếc kẹo bột.

– Phiện say mà hãm cái này thì phải biết! Bác xem tích nước còn nóng không.

Tôi cầm ấm tích, mở chiếc nắp sắt tây – cái nắp hộp sữa bột Nestlé – dốc ra, chỉ còn được vài giọt nước đỏ lòm.

– Hết rồi à? Để tôi đi đun. Bác đổ chỗ nước vừa rót vào, cốt còn đặc chán!

Anh ta bê chiếc hỏa lò cụt với mấy thanh đóm nứa để ngay lên chõng. Nứa tươi, lửa khó bén, khói om.

Tôi rót dầu vào chiếc phao sắt tây rỉ, rồi đánh lửa châm đèn. Lắp lọ, bắt thử đầu xe trên vành môi thâm, anh ta khen cái vấu của anh ta tuy xấu mã nhưng kín mà nhiều *cao* lắm.

Bây giờ, tôi với anh Tư cùng vén đùi nằm chéo kheo mỗi người một bên khay đèn thuốc phiện.

Trên lửa đèn, que thuốc nở như quả táo nướng; bên hến thuốc, câu chuyện của anh Tư cũng nở như gạo rang:

– Làm nghề xe kéo, suốt ngày vất vả, ăn cũng lật đật, chỉ có lúc nằm bên bàn đèn thuốc phiện là được nhàn.

Rồi anh ta nheo má lại mà cười:

– Cũng là *kéo xe* sao kéo *xe lọ* thì khoan khoái nhẹ nhàng, mà kéo *xe người* thì ê chề, chầy chật!

Anh ta ra ý *hả* lắm. Tiêm xong điếu thuốc mời anh ta lấy trước, tôi làm bộ dớ dẩn phàn nàn:

– Tôi mới kéo có một buổi hôm qua mà khắp mình đau như rần. Đầu xương đầu cốt như sai khớp bong gân, nhất là hai bụng chân, đến bây giờ vẫn còn nhức buốt.

– Mới đi kéo lần đầu, ai giữ khỏi đau được. Nhưng biết cách kéo, biết xoa bóp, cũng đỡ được nhiều.

– Thế làm như thế nào? Ông bảo cho tôi theo.

– Bác cứ yên tâm, ở đây với tôi không bao lâu là bác thạo.

– Mình mẩy tôi bây giờ nhức nhối lắm, ông bảo làm thế nào thì đỡ đau?

– Bác cứ tiêm nốt điếu ấy đi nào! Tôi đã có cách, không phải bảo.

Hút luôn một chập chừng mươi điếu, anh Tư đứng dậy, đi ra sau.

Lúc lên, anh ta cầm cái mảnh nồi, trong có một chất gì như bã nâu, xâm xấp nước. Đặt mảnh nồi lên hỏa lò, anh ta cầm que đóm lửa hơ hơ dưới đít. Chất kia bốc hơi, xông lên một mùi khang khảng, khai mà hắc như mùi cặn nước tiểu pha lẫn với hồng hoàng.

Đổ cái bã ấy vào một mảnh vải bẩn, anh ta đưa cho tôi, bảo cầm túm lại, xát vào những chỗ đau và hai ống chân.

Tôi cũng theo như thế mà làm, vừa xát vừa hỏi dò môn thuốc.

– Chỉ trong nửa giờ đồng hồ, rồi bác thấy mình mẩy dãn dần ra hết. Thứ thuốc ấy, ai làm cũng được. Đẽo ít vỏ cây gạo giã nhỏ ra, đổ nước tiểu vào rồi đem sao lên. Mỏi gân mỏi cốt hay bị đánh đòn, cứ đem xoa là khỏi tất!

– Chỉ thế thôi?

– Nếu uống được nước lá tre thì càng hay. Bứt ít lá tre nõn đem phơi. Thấy lá đã hơi héo rồi thì rửa sạch cho vào cái siêu sắc lên, uống lấy độ vài bát.

Vặn mình bẻ khục rồi, tôi lại ghé đầu, nằm xuống.

Tiêm luôn thuốc cho anh Tư hút, tôi hỏi luôn về cách kéo xe.

– Kéo xe cũng là một nghề. Đã đành cầm đến cái tay gỗ thì ai cũng kéo, ai cũng đi, nhưng phải kéo làm sao, đi làm sao cho đỡ vất vả.

Tôi chắc bác chạy một *cuốc* xong, thế nào bác cũng phải thở dốc một hồi, lúc mới buông hai càng xe ra. Thế là không biết kéo rồi, người kéo thạo tuy cũng thở, nhưng không phải thở dốc ra như thế.

Làm cái nghề chạy quanh năm suốt ngày này, người đã không thể nhớn lên được, cứ cọc dần đi, nếu không biết chạy mà lần nào cũng thở hồng hộc như bò thì phổi mình phải yếu dần đi, rồi đến mắc ho mắc suyễn. Ăn đã chẳng có gì béo bổ, ở cũng ở chui ở rúc, lại còn dãi gió dầm mưa, phơi sương phơi nắng, đến đá cũng phải ốm, đừng nói là người. Nhưng giời đã đẩy vào kiếp ấy, cũng chẳng chống lại được với giời! Biết được phần nào, hãy cứ hay phần ấy.

Nói đến đây, chẳng biết cảm động như thế nào mà anh Tư nhỏm dậy, cầm tích nước, tu thẳng một hơi.

Bây giờ thì anh ta ngồi, nhón chiếc kẹo bỏ vào mồm, nhai rau ráu rồi lại nói:

– Cầm hai chiếc tay xe lên, phải liệu xem khách ngồi chiều nào, định trước cho *cân* rồi hãy chạy. Người ta ngồi ngả vào đệm dựa, thì phải *cầm dài*; ngồi giữa nệm thì cầm giữa càng; ngồi tì *đệm tai* (hai cái đệm con để tựa khủy tay) thì *cầm ngắn*. Trước khi chạy, phải dún càng xe lấy *mực* rồi hãy bước. Cầm tay xe, không nên cầm tay dài tay ngắn vì lúc chạy ngoắt đường này sang đường khác, đà xe đang mạnh, mình giữ không vững, xe phải lật nghiêng. Không nên ăn no, phải thắt chặt giây lưng; thắt lưng không chặt thì ruột vặn từ rốn đưa lên; ngon miệng ăn no thì bụng sóc. Lúc chạy phải mím môi lại, chỉ được thở đằng mũi, đừng thở đằng miệng. Cầm hơi như thế, sức bao giờ cũng mạnh; hễ há hốc miệng mà thở là thấy mệt liền. Giữ như thế cho đến lúc thật tức hơi thì há mồm thở phào ra một cái thật mạnh rồi lại phải mím miệng lại liền; lấy hơi và phải thở luôn bằng mũi.

Xe dừng lại, khách xuống rồi, bấy giờ tha hồ thở, nhưng không nên ngồi nghỉ ngay. Phải bước một mà đi cho chân khỏi chồn, lúc thuận chân hãy ngồi lại nghỉ. Quạt cho ráo mồ hôi rồi hãy uống nước; uống nước vội đã chẳng đỡ khát, lại thêm mồ hôi..."

Bài học vỡ lòng ấy, anh Tư giảng giải cho tôi nghe làm nhiều đoạn, nhiều hồi.

Mỗi điếu thuốc là một cái *chấm xuống dòng*! Mỗi chiếc kẹo là một cái chấm *phẩy*!

Nhưng, nó khô khan làm sao! Suốt năm sáu mươi dòng chữ mà không thấy có lấy một cái chấm *hỏi* (?) hay cái chấm *tình* (!).

Trong chiếc hến, anh Tư đã xếp cho tôi một bài học vỡ lòng.

Thuộc bài đầu rồi, tôi còn được học thêm nhiều bài khó hơn.. trong nhiều chiếc hến khác...

*

13

THẦY TÔI MỔ BỤNG

Hôm ấy, chúng tôi say sưa lắm.

Người ta bảo thuốc phiện nấu bằng xương khướu – mà có lẽ bằng xương khướu đốt cháy thật – nên ông chủ trọ của tôi kể hết cho tôi nghe cả những câu chuyện ruột gan.

Cái nghề cắm cổ mà chạy để kiếm lấy dăm ba xu một ngày ở góc phố đầu đường, từ hôm ấy, tôi mới biết nó cũng có những mặt trái, mặt phải, những *góc ngạnh* mà con mắt người ta không thể trông – nói rõ là những *khóe* và những *nỗi* của nghề, cũng như trong trăm nghìn nghề khác.

Thầy ký rượu pha nước lã vào với nước men; anh chủ thầu bớt xi măng dùng cát; chị hàng cơm ngâm gạo vào nước vôi để thổi cho *lợi bát;* thằng sét ty cho vay 30 phân, bắt khách nợ chỉ được viết vào giấy nhận vay có 10 phân theo như *lệ nước*... tất cả những cái ấy, các ông gọi là gì?

Bí mật của nhà nghề!

Nghề ký rượu, nghề chủ thầu, nghề hàng cơm, nghề sét ty... nghề nào cũng có cái *bí mật của nhà nghề* thì nghề xe kéo cũng chẳng kém gì, vì nó cũng có những cái bí mật của nó.

Những cái *bí mật* ấy, hôm nay tôi đã thò tay lấy được, nó có đủ hay không thì không rõ, chỉ biết đã lấy được trong túi áo một người đã hơn 10 năm làm cái nghề *cầm tay gỗ*... – túi áo anh Tư.

Anh Tư thật quả là một anh chàng không biết giữ ngón *bí truyền* như mấy ông làm báo, làm quỉ thuật, làm thuốc, vì anh ta chẳng giấu những cái *miếng,* cái *khóe* của nghề.

Thì hôm nay, có bao nhiêu *miếng* hay, *miếng* khéo, anh ta đã *thả* cả nó ra, *thả* trong một chiếc hến đựng cao xương khướu.

– Làm nghề xe kéo – anh ta cất cái giọng nghiêm trang, lại ra vẻ đạo mạo như một cụ giáo già giảng bài cho học trò – cần phải biết cả *bụng* của người ngồi xe...

Đến đây, tôi hãy xin phép các ngài cho tôi ngắt lời anh Tư để dẫn ý anh ra bằng một câu văn vẻ: *"Làm nghề xe kéo phải biết cả tâm lý khách ngồi xe".*

– ... Biết được bụng người ta thì lúc người ta xuống xe, mình có nằn nì xin thêm một hai xu, người ta cũng không nỡ thay những đồng xu bằng những cái *móng giò, cái bạt nhĩ.*

"Vào ăn cao lâu, có khi người ta gọi món hàng đồng mà không dúng đũa, nhưng đi xe thì người ta mà cả, cò kè bớt từng đồng xu. Một đồng bạc có được những trăm đồng xu. Một trăm xu ném vào ngăn kéo anh Khách phệ bụng không *mùi* gì, nhưng một xu ném vào cái nón rách người phu xe, nó to không biết đâu mà kể. Trăm khách đi xe, đến 99 người như thế. Đồng xu trả thêm hay trả đắt cho người kéo, thật họ coi nó to hơn cái bánh xe.

Nghĩ cho kỹ, thì cũng chẳng lạ quái gì.

Có anh cần lấy sĩ diện với cu li xe. Chỗ cần sĩ diện là các cửa hàng to, các cao lâu, rạp hát.

Khách ngồi xe đã coi đồng xu là to thì người kéo xe cũng phải làm cho nó nhỏ bớt. Làm đồng xu nhỏ bớt, không phải là khinh nó dùng được ít việc, chính là khép nhỏ con mắt người coi nó là to!

Muốn bịt mắt người ta thì trước hết phải biết bụng người ta.

Bác xem, cái chân tuy chạy, mà cái đầu lúc nào cũng phải nghĩ.

Đây, tôi kể bác nghe một thí dụ:

Một hôm chừng độ 5 giờ chiều, tôi vừa lấy xe thì được kéo ngay một anh công tử. Anh ta diện cụt. Mình chỉ biết người ta sộp chứ có biết người ta diện những gì.

Từ Hàng Đậu xuống Chợ Hôm, anh ta mà cả có 8 xu: xin một hào, nhất định không nghe, nhưng chuyến ấy *mở hàng*, tôi cũng kéo.

Xe chạy đến đầu Hàng Đào. Trước tôi chừng 6, 7, bước chân, một cái xe khác cũng chạy xuôi, trên có một tiểu thư chẳng biết *diện* những gì, nhưng trông nửa trên đằng lưng cũng *mốt.*

Phố chật mà đông người xe trước chạy cũng không nhanh lắm. Được dịp ấy, tôi cũng răm rắp bước để nghỉ xác, nghĩ bụng: chẳng vạ gì mà len lối, vượt lên.

Từ lúc ấy, tôi thấy hai díp xe của tôi rung luôn. Tôi đoán bạo ngay là công tử nóng ruột muốn vượt xe trên nhưng vì phố hẹp mà đông, không có lẽ nào thúc được mình, mà giá có thúc để xe vượt lên thì chắc anh ta cũng ngượng.

Biết thóp, tôi *ép* rầm lên, cố tìm một lối để vượt. Vượt được xe trước, tôi lại *chạy ghìm.*

Xe ra khỏi phố Hàng Đào, vào đường Bờ Hồ Hàng Gươm. Đường rộng, tôi rắp bước cho xe hai chạy đều hàng, nhưng lúc nào tôi cũng giữ cho xe tôi nhôi lên hơn một đầu ngựa.

Díp xe bấy giờ êm, không rung như trước nữa, biết khách mình đã hả, tôi cứ giữ nước ấy mà chạy đi.

Qua nhà Giây thép, xe kia đỗ xuống cửa Bô Đa. Tôi chạy chậm bước hơn đến đầu *qua dê măng* cũ Đờ Bô, rồi lại bốn cẳng ba chân vượt chuyến tàu điện cũng chạy xuôi mạn đó.

Đến phố Chợ Hôm, anh công tử chỏ chỗ xe đỗ rồi đưa cho cả đồng hào."

Tôi ngắt lời:

– Cái đó là người ta hảo tâm, biết đâu?

– Khốn nạn, một thằng trước lúc bước lên xe đã cò kè từng đồng xu thì hảo chết rấm gì mà hảo!

– Nhưng chuyến ấy, ông chạy nhanh hay chạy chậm cũng thế, vì người kia có tán mảnh hay bắt chim gì người con gái đâu?

– Cứ gì phải tán với chim, diện *bảnh* đi xe, được nhìn gái, nhất lại được gái nhìn để khoe cái đầu mượt, bộ áo đẹp, đôi giầy sang, người lại bôi nước hoa thơm thì làm gì mà không *hả*.

"Nhưng cũng tùy người, chứ không phải ai cũng thế, kéo ông già thì phải *ếp* cho nhiều, chạy cho chậm; kéo ông Tây, phải chạy cho khỏe, tối, có chậm thắp đèn cũng đừng sợ; kéo tiểu thư công tử thì phải chạy cho nghênh ngang... nghĩa là cứ tùy mặt khách mà làm: gặp người nhiều chuyện thì phải vừa chạy vừa tán; gặp kẻ nó khinh mình phu xe phu pháo thì phải câm mồm; thằng ngồi cho mình kéo không đáng mặt quan; mình cũng cứ tôn nó lên quan; con đàn bà mình biết mười mươi là gái *thập thành*, nó đã diện quần áo bảnh lên xe mình thì mình cũng cứ tôn nó là bà lớn! Chào Tây đen, chẳng biết nó là ai, mình cũng cứ nói: mời ông chủ hiệu vải về Hàng Đào; thấy anh Chiệc, chẳng kể là ai, mình cũng cứ mời: Ông đi xe về Hàng Buồm, Hàng Bồ? Ông chủ hiệu...

Có mất gì một lời nói bẻo lẻo. Họ làm gì thây xác họ, miễn là họ cứ ngồi lên cho mình kéo, lúc hạ tay xe, mình có xin thêm, họ cũng không tiếc mà mình cũng không phải kèo nhèo..."

Ông thầy tôi còn định dắt tôi đi đến những đâu? *Nằm học* miên man, tự tôi, tôi cũng không biết nữa.

Cầm con dao nại sái, thầy tôi đã từng *mổ bụng* từng thằng mà chính tôi cũng là một trong những thằng bị mổ.

Còn cái gì tức cười hơn thế?

Tôi, các ngài cũng biết, tôi từ xưa vẫn là một kẻ ngồi xe!

*

14

XE XOAY, XE MĂNG CA

"Quân cu li cu leo ấy! Nói làm gì!"

Câu nói ấy, ngài thường nghe ở cửa miệng những người *sang trọng* – như ngài với tôi chẳng hạn – nói ra. Ngài với tôi, chúng ta cùng nghe rõ mà chúng ta cùng như không nghe thấy gì, vì, đối với những *quân cu li*, một câu nói ấy, có ai cho là qua.

Nghĩa là ngài với tôi, ta cùng khinh bỉ bọ, khinh bỉ những thằng, mình ngồi cho chúng nó kéo, những thằng nó cắm đầu cắm cổ kéo mình để kiếm mỗi cuốc lấy hào bạc hay năm ba xu.

Ngài cũng nghĩ như tôi, tôi cũng nghĩ như ông X, ông X cũng nghĩ như ông T.

Trái lại, có một hạng người họ chẳng nghĩ như chúng ta.

– Hạng người ấy?

– Cu li xe kéo.

Chắc ngài đã sắp ghé ngay vào tai tôi mà bảo:

– Một người ngồi cho một người khác kéo, người kéo, họ cho thế là trái với nhân đạo chứ gì?

Không, tôi hãy xin vứt những lý thuyết về nhân đạo đi. Đây tôi chỉ nói cái nhân cách của người ngồi xe, cái chân tướng của những người được ngồi cho người khác kéo.

Trong con mắt bọn cu li xe kéo, những người ngồi xe là những người thế nào?

Đây, ngài hãy nghe anh Tư, ông thầy học của tôi, một hôm đã giảng cho tôi nghe trong bữa rượu:

– ... Đừng nghĩ người ta bỏ đồng tiền ra bảo mình kéo thì mình chỉ cứ việc cắm đầu cắm cổ cố chạy cho mau. Cái chân chạy đã đành rồi, nhưng còn cái đầu. Cái đầu nó cũng phải nghĩ như cái mắt nhìn đường, cái tai nghe còi ô tô báo.

"Có biết như thế mới trông thấy đời người ta cũng có nhiều kẻ giả danh, giả hiệu trong những bộ mã tốt đẹp, trong những bộ cánh bảnh bao.

Tôi kể lại bác nghe, hôm ấy, tôi còn nhớ rõ về một buổi chiều, chiều mùa nực cũng như hôm nay, tôi kéo hai người lên từ Hàng Đào, không mà cả.

Họ từ trên một chiếc xe khác bước xuống, vẫy xe tôi lại, truyền bảo một cách ra *dáng* quá: "Đưa đây tao ba hào, xe!". Thấy hai người quần áo cùng sang trọng: xa tây, kính trắng, giầy dôn, tít so, tôi cũng yên chí, dốc ngược vạt áo, móc trong lỗ nẹp áo, lấy ba đồng hào con đưa ra. Tôi hỏi họ đi đâu thì họ bảo đi xe giờ, mà đi nhiều, lại định giá cho mỗi giờ hai hào rưỡi.

Cầm tiền của tôi, một người giao cả cho người xe trước, còn đứng chờ ngay đấy. Tôi thuận. Cả hai người cùng lên xe, ngồi.

Hết phố này qua phố khác, chạy chán lại *gác đê, gác đê* chán lại chạy, vần vật đến nỗi mảnh áo đã ướt đẫm như người đem dúng vào chậu mồ hôi; tôi tuy nhọc nhưng cũng cố dò xem tình ý ra sao, cứ vừa nghe, vừa chạy.

Có lẽ bấy giờ họ cho tôi như một con vật hay một người Mọi nên cứ tự do nói chán lại cười. Những câu của họ, nghe sượng cả tai, đến bọn cu li *bát tê* cũng có người không nỡ mở miệng ra mà nói.

Tôi nghe mãi, nghe mãi mà bấy giờ đã gần một giờ sáng rồi. Thì ra họ đi *xoay* mà không đào đâu được ra tiền trả xe, cứ phải loanh quanh suốt tối.

Tôi chột dạ, phải đánh bạo, hỏi. Trước, họ còn nói ngọt, sau đâm bẳn, họ định cà khịa cả với tôi.

Bác nghe, họ mở miệng ra nói được câu này:

"Chúng ông bây giờ hết cả tiền, mày muốn lấy, phải kéo suốt cho đến sáng mai, bằng lòng không? Chúng ông xuống!"

Thế mình mới thật chết. Hai giờ sáng đã phải trả xe rồi. *Thuế* cả thẩy mất năm hào hai. Từ chiều đến chập tối, kéo được bốn hào, thì các ông ấy đã mượn trước mất ba rồi, còn có một. Không kéo nữa cũng không được! Tiền đâu mà trả *thuế* cho cai xe, đừng nói đến chuyện ăn uống. Thế là phải cắn răng kéo luôn cho đến sáng, bụng tính nhẩm nếu họ thương tình trả cho hơi *chễ* thì sáng về, mình cứ tính giờ giả cho cai xe thêm.

Từ lúc ấy, tôi cứ bước một ngoài đường; họ ngồi trên cũng không thúc chạy như lúc chiều, vì có định đi đến chỗ chó nào mà thúc!

Hôm ấy tôi ra ngõ gặp gái thật! Đi mãi mỏi chân, kéo lên *gác* ở đường Cổ Ngư, buồn ngủ rũ ra mà không dám nhắm mắt. Càng ngồi, hai mi mắt nó càng như bị người cầm díp, lôi xuống. Sợ chợt ngủ đi, các *bố* ấy chuồn mất, tôi lại phải đứng dậy kéo xe đi cho tỉnh, ngoảnh trông lại thì hai thằng đã vẹo cổ đi mà ngủ, một thằng luồn trong cánh tay cái khăn xếp, chừng sợ người ta ăn cắp mất; một thằng thì quắp vào chân cái *can* phải gió, vứt đi, chó nó cũng chẳng thèm!

Có lúc lộn tiết, muốn *tùng bê* mẹ nó xe cho hai thằng ngã chổng kềnh: ừ, mà tức thật, mệt lử *cò bợ* đếch được nằm, mà từ trưa, nào đã được hột khí gió gì vào bụng.

– Sao không kéo phăng chúng ra Cẩm?

– Ra Cẩm để lại chịu thêm mấy cái đá đít! Chúng nó ăn mặc sang trọng như thế, ông Cẩm nào bảo chúng nó xử quịt. Người ta cho mình là vu vạ. Cò mấy Cầm? Chao!

– Thế là sáng hôm sau, họ làm thế nào?

– Sáng hôm sau!... Mới bảnh mắt, các *bố* đã bảo kéo về ngõ Sầm Cống, *gác đê* trước cửa tiệm thuốc phiện của một thằng Khách già, rồi anh áo xa đập cửa vào, lúc ra chỉ còn thấy *trần* có cái áo dài trắng.

– ... Nó cầm áo cho người Khách?

– Nào biết được! Mà không cầm thì còn nậy đâu ra tiền. Thế mà nó còn *màu mỡ riêu cua* với mình. Ra cửa, nó cũng vờ vờ rút ví móc tiền... Nghĩ nó giả được ít nhất cũng hơn 1 đồng. Đếm vừa vặn 10 hào con; thế là đi từ 6 giờ chiều đến 6 giờ sáng, chúng nó trả cho có bẩy hào bạc.

"Tôi toan làm rầm lên. thằng kia mới chịu nói thật. Nó dốc ví, nói không còn hào nào hết bảo mình hãy đành *cầm tạm* vậy, hôm nào gặp, nó cho thêm.

Biết làm thế nào? Thôi cũng đành vuốt mồ hôi trán mà cầm. Năm hào hai *thuế,* ba hào phụ trả thêm, tất cả chạy đi tám hào hai, thế mà về nộp cho Cai xe, còn bị nó chửi như tát nước vào mặt.

Về nhà trọ. Thấy giở buổi, anh em xúm vào hỏi, mình toan giấu, nhưng chưa nói thật thì đã thấy nhao nhao những tiếng:

– Thằng Tư gặp phải vố xe xoay hẳn!

– Đêm qua mày làm *xe măng ca* phải không?

Bây giờ mình mới rõ những vố như thế, trong đám anh em cu li, đã nhiều người bị trước mình. *Xe xoay* nghĩa là: xe chạy *xoay* quanh để *xoay* tiền. *Xe măng ca* nghĩa là: xe kéo những thằng chết đường. Những thằng nằm ngủ sóng sượt trên xe suốt đêm ngoài đường thì có khác gì thằng chết".

Tôi nghĩ, lại buồn cười thầm chuyện trước.

Tôi có một ông bạn xưa nay vẫn tự xưng là *lãng mạn,* thường trong túi không có một đồng kẽm, mà cứ gặp xe là nhẩy tràn lên.

Có lúc đáng phải đi độ một hào xe, sau vì chạy tiền lung tung mà rồi phải trả đến hàng đồng.

Cái xe kéo ông ta chạy nhông để xoay tiền ông ta vẫn gọi đùa là: *xe kinh tế*!

– Lại một hôm nữa...

*

15

MẶT LÓT CỦA MẤY ĐÔI GIẦY MANG CÁ

– Lại một hôm nữa, hôm ấy, mới chập tối chỉ lác đác mấy hạt mưa nhưng trời rét quá. Rét tháng một mà tôi chỉ phong phanh có hai manh áo, gió cứ như dao cắt da.

"6 giờ, 7 giờ, 8 giờ, hết Hàng Buồm lại Hàng Đào, hết Hàng Đào đến Bờ Hồ, phố xá vắng tanh, ngóng mãi, chẳng thấy ma nào gọi cả.

Đi ngoắt ra phố Cầu Gỗ, tôi chợt nghe có tiếng người gắt nhau dưới một mái hiên khuất bóng, cách xa. Dừng xe lại, tôi đứng lắng tai nghe. Tiếng ấy chỉ cách tôi chừng chục bước. Tiếng đàn bà rồi lại tiếng đàn ông, tôi nghe rõ mồn một. Tiếng đàn bà: *"Tôi chẳng đi đâu cả, nhất là cứ đứng đây đến sáng"*. Tiếng đàn ông: *"Mợ khó tính lắm, đứng để chết rét đây à?"* Rồi họ cứ như ném bùn sang ao: *"Cậu sợ rét thì cậu cứ đi đi!" "Thế thì còn nói làm gì. Vào đấy dễ người ta ăn thịt hẳn!" "Tôi đã nói với cậu, thầy tôi nhiều người quen biết". "Không vào đấy nữa thì đi chỗ khác, đứng đây nhỡ gặp người quen thì sao?" "Đi, thế cậu bảo tôi đi đâu?" "Thì cứ đi, kìa cu li xe nó cười cho kia kìa, tôi đã bảo..."*

Tôi bước ngay lại, ghé luôn xe vào thềm, vừa mở áo tơi vừa chào: Mời thầy cô lên xe, thầy cô đi đâu, tôi kéo.

Ngay lúc ấy có một người đàn ông khác chợt đi đến đầu phố Hàng Dầu.

Bước vội ra xe, người đàn bà lật vạt áo sau chùm lên đầu. Rồi người đàn ông cũng theo ngay sau, vừa nhẩy vội lên xe vừa giục chạy.

Tôi đóng kín áo tơi lại. Quay càng xe sang tay phải, tôi cứ thẳng đường chạy ra phố Hàng Gai. Lúc ấy, dễ hai anh chị đã yên chí rồi nên cũng chẳng thèm bảo kéo đi đâu, cứ mặc kệ cho tôi chạy. Qua Hàng Lờ đến Cửa Nam, từ vườn hoa Cửa Nam thẳng lên đến dinh ông Bảy, trời mưa rét thế, mà trong mình đã thấy râm rấp mồ hôi.

Dọc đường, trong chiếc xe áo tơi cánh gà xùm xụp, chốc chốc lại thấy có tiếng khúc khích cười. Tôi chạy chầm chậm từ khoảng khỏi

trường con Tây, càng chạy chậm càng phải ghì hai tay xe đẩy. Một lúc thì thấy có tiếng thở dài rồi đến tiếng nói: *"Mợ cứ cầm lấy"*.

Người tôi đã ráo, bấy giờ lại thấy toát mồ hôi.

Đến vườn hoa Hàng Đậu, cô ả đòi xuống, còn anh kia thì giục kéo về Hàng Bài. Xuống xe, anh ta vứt cho ba hào rồi vào hiệu cao lâu đầu phố ấy.

Chẳng buồn sửa lại đệm xe, tôi cắp nách hai càng gỗ kéo đi, hai tay thủ kỹ vào hai túi.

Cho đến hôm ấy tôi mới tập nhận thế nào là một người con gái Hà Nội, áo nhung quần tía, ô đầm hoa tai..."

– Ông bảo như thế là hạng con nhà tử tế hay bọn chơi bời?

– Đủ hạng người, mình có đi kéo xe đêm mới biết. Bọn *"giăng hồ giăng há"* chẳng kể làm gì vì nghề nghiệp họ là nghề bán thân nuôi miệng. Đến những đứa con nhà tử tế cũng đâm đốn kiếp: vài giờ dăm ba đồng bạc để cũng được như các tiểu thư khoe khoang bộ cánh, mua phấn son, hương sáp, áo hàng màu, giầy mang cá, bề ngoài như tiên giáng thế, bề trong dớp dáy chẳng biết đâu là cùng.

Những đứa ấy, người ta đã lấy hai tiếng *cảnh sộp* mà gọi chung.

Cảnh sộp ở Hà Nội thì bây giờ có đến hàng rừng: hàng thịt, hàng rau, hàng trứng, hàng tôm, cô ký, mợ tham, con thầy thông, em ông phán.

Đừng thấy nó rẽ cái đầu ngôi lệch, đi đôi giầy gót cao đã tưởng nó mình tiền mình của lắm. Một xu không dính đít, ngã vào hàng bánh tráng, chưa biết đến phải lột áo mà đền.

Họ không khác gì đôi mang cá họ lê ở ngoài đường. Dưới cái mũi nhung giát kính lóng lánh như kim cương, nó còn có cái mặt lót bên trong nhớp những đất cát bồ hôi nhơ bẩn".

Ba chén rượu vào, thầy tôi hôm nay giảng học hùng hồn lắm.

Phải! Thầy học tôi, một nhà Nho không gặp vận, nửa đời người ngậm bút lông mèo đen miệng, có thiếu gì chữ nghĩa, thiếu gì văn chương!

– Tuy thế – thầy tôi nói tiếp – trong những cảnh khốn nạn ấy, còn có nhiều câu chuyện đáng đau lòng. Giữa lớp bùn vẫn hôi tanh, nếu biết gạn lọc ra, người ta còn thấy lẫn cả đôi ba giọt nước.

"Một hôm, như thế này mà đến nỗi tôi phải khóc.

Tôi khóc thật. Khóc thổn thức. Nghĩ thương người, lại thương mình.

Buổi hôm ấy, tôi cũng đi làm đêm. Chập tối, hơn chín giờ, gặp một người con gái gọi xe ngay ở đầu Hàng Bát. *Chị chàng,* quần áo cũng bảnh, nhẩy lên xe, không mà cả, bảo kéo thẳng ra Hàng Buồm. Hết cả phố Hàng Buồm, chị chàng không bảo đỗ, lại bảo kéo ra đường Bờ Sông. Từ Bờ Sông xuống đến Đồn Thủy thì gặp đám rước đèn nghẽn đường. Kèn trống đèn đuốc đi xong, chị ta bảo ngay mình kéo theo đám rước.

Qua nhà Hát Tây, Tràng Tiền, Hàng Trống, Bờ Hồ, Hàng Đào, Chợ Đồng Xuân, Hàng Gà Cửa Đông, dinh ông Sáu Võ, rồi đám rước vào đến cổng tỉnh. Lính Tây đã giục xe kéo quay lại hàng *Giô Giép,* mà chị chàng không nhất định, bảo cứ từ từ đi bước một về Hàng Gà Cửa Đông. Để đi bước một chán, chị ả lại thúc chạy loanh quanh đến 1 giờ khuya mới thấy bảo kéo lộn về Hàng Bát. Nhưng mới đến đầu ngõ Hàng Bạc chỗ rẽ ra Bờ Hồ, đã thấy chị ả bảo đỗ xe cho xuống. Xuống rồi, chị ta bảo kéo xe không theo vào cái ngõ tối mà hẹp, hai bên chỉ có hai dãy tường".

– Chắc vào chỗ tối rồi, nó lại chuồn, phải không?

– Nào nó có thèm chuồn cho mình. Nó nắm mình đứng lại rồi nó chắp tay lạy van: "Em lạy bác, bác thương em! Đây, bây giờ bác muốn làm gì em thì làm! Em thật không có một xu nào cả."

Tôi giằng tay tôi ra, một tay thì nắm chặt lấy vạt áo nó. Nó vẫn chắp tay van lạy: "Đây, em để cho bác nắn, em thật không còn một xu".

Tôi bỏ tay ra, nắn lưng nó, thì chỗ vạt áo *bông bay* tôi nắm, đã soạc ra một mảng to. Sờ cả túi áo cánh trong nó, cũng chẳng có gì, chỉ thấy một hộp mỡ Cô Ba đã hôi sì với một tập những giấy bản là giấy bản.

Tôi tức đến nỗi như người bị nghẹn cổ, không nói lên được. Nó thấy tôi thế, lại sát gần đến, cọ ngay tay tôi mà để vào lòng. Trong bóng tối, tôi vùng ra, sờ tai, sờ cổ nó xem có hoa hột gì không. Tuyệt nhiên không. Sờ lên đầu thì đầu nó vấn tóc trần; rút chiếc lược thấy lược đã gẫy răng, tôi lại bổ giả vào đầu nó. Hất cánh tay nó lên xem, tôi cố soát lại một lần nữa. Hai cổ tay nó không vòng xuyến gì cả, chỉ có một sợi giây hột bột không đáng nửa đồng xu. Tôi cúi xuống, tốc áo nó lên, xem nó mặc quần gì. Cái quần, ối giời ôi, nghĩ mới ghê! Nó đụp trước đụp sau đến trăm mảnh.

– Quần vải hay quần lĩnh?

– Lĩnh, lại lĩnh tía cẩn thận, trông bóng lộn lúc nó mới gọi xe, bước lên.

– Thế sau, ông đành?

– Khám xong quần, tôi sờ luôn đến chân. Thấy chiếc giầy mũi nhọn, tôi đẩy chân nó ra, cầm sát tận mắt xem: Chiếc giầy mang cá cao gót giả da trăn, nhưng đã rách bố nó cả hai mép.

– Thế còn cái áo *bông bay* đấy, sao không lột?

– Cái áo à? *Bông bay* mà bở bùng bục. Có lấy về cũng chỉ để làm tã lót đít cho con!

– Thế sau, ông làm thế nào?

– Còn làm gì nữa, mình ném chiếc giầy xuống đất, đứng lên túm lấy toan đánh cho nó vài cái tát, nhưng trông thấy, lại thương. Cảnh khổ gặp nhau. Mình khổ, không ngờ nó lại khổ hơn mình. Nghĩ thế rồi nước mắt tôi cứ chảy xuống dòng dòng, miệng tôi thì nghẹn ngào, cổ tôi như có người ghì bóp.

Tôi cầm vạt áo lên lau nước mắt. Lúc tôi bỏ tay xuống thì con bé đã chạy biến đằng nào mất, chỉ còn lại chiếc xe lù lù sau lưng.

Có lẽ con bé lúc đi rồi, nó cười thầm mà chửi tôi là thằng gàn.

Tôi gàn... Mà có lẽ còn gàn hơn vì tôi hối hận sau hôm ấy tôi lại khám soát nó suốt từ đầu đến chân, tôi, cái thằng đã phải gửi lại chiếc áo thâm dài ở hàng cơm Hà Nam ngày năm trước.

*

16

SAU MỘT TRẬN THỪA SỐNG, THIẾU CHẾT

– Nhưng sau nghĩ ra, mình thật cũng khéo thừa nước mắt.

Cái đời, người ta phải lừa lọc nhau xử tàn tệ với nhau mới sống được, thì sự mình ăn hiền ở lành, thật thà như đếm, nó chỉ là cái trò cười của một thằng nhà quê ngu ngốc trước đám đông những kẻ thị thành.

Cái nghề làm xe kéo nó nuôi sống tôi cho đến bây giờ, từ sau hôm bị mẻ đòn thừa sống thiếu chết ở nhà cai xe đã đưa tôi vào một đường đi khúc khuỷu gồ ghề, con đường bẩn thỉu tối tăm của một phường trâu chó.

Bấy giờ tôi nghĩ: Cái manh áo thâm nho từ ngày còn ở Thái Bình đã bị chúng nó lột rồi thì tính cách nhà Nho, mình chẳng vứt đi, còn giữ làm gì nữa.

Ăn của chó phải gục đầu với chó. Tuy đã bẩy năm giời làm nghề xe kéo mà từ hôm ấy, tôi mới thật hoàn toàn là một thằng cu li.

Hôm ấy là hôm nào, rồi đã xẩy ra những chuyện gì? Đây, tôi kể cả lại đây cho mà nghe, nghe rồi mà ngẫm nghĩ.

Cách đây đã hơn bốn năm, một hôm ở hàng cơm Ba Gà ra, trong túi tôi còn thừa được những 7 hào với 2 xu lẻ. Tôi nhớ rõ vì hôm ấy vừa đếm lại tiền xong thì có người gọi tôi kéo lên nhà Giây Thép Bờ Hồ.

Đến nơi, anh ta xuống xe, bảo tôi đỗ *gác đê*. Vào nhà Giây thép được một lát, anh ta lại ra, bảo tôi đưa cho mượn 5 hào, nói rằng mua *tem*, chỉ có giấy 20 đồng mà ông Ký Giây thép thì không có sẵn tiền lẻ.

Tôi móc hầu bao, lấy đúng 5 hào đưa anh ta.

Từ lúc ấy, tôi cứ yên trí ngồi chờ. Người ta gọi, tôi bảo xe tôi *gác đê*, rồi lại thủng thỉnh đến chỗ hàng nước đầu hè làm hớp chè tươi, xin cái tăm rồi quay lại chỗ sân xe, ngồi xỉa.

Đợi mãi từ 8 giờ sáng cho đến chín giờ, tôi thấy người này người khác tấp nập vào, ra, còn ông khách của tôi thì càng chờ càng mất vía. Tôi nóng ruột quá. Thấp thỏm, tôi mon men vào nhà Giây Thép thăm dò.

Tôi không nhận ra được ai vì trong sở bấy giờ đông người, nên tôi lại ra, lại cứ chỗ cũ mà ngồi, nhưng vẫn cứ thấp thỏm.

Mười giờ hơn, khách ở trong đã vãn. Tôi lại sục vào tìm lần nữa thì thằng kia đã biến đâu mất từ lúc nào rồi.

Trời rét như cắt ruột mà tôi vã cả bồ hôi. Giở khóc giở mếu bước ra, tôi luồng đi tìm đi hỏi.

Thấy thế, người qua đường, cả các anh em cu li cũng xúm quanh cả lại. Tôi kể chuyện thì họ bảo chắc nó đã chuồn ra cửa đằng vườn ông Bôn Be rồi.

Tôi vẫn chưa tin hẳn cứ nghĩ bụng: một người áo sa tanh, khăn lượt sếp, sang trọng như thế, ai nỡ đi lừa mấy hào bạc của một thằng

nghèo đã phải làm cái nghề đi kéo xe tay. Rồi cứ quanh quẩn mãi ở đấy cho đến 12 giờ, bấy giờ tôi mới biết mình nghĩ nhầm, mà người ta nói phải.

Tôi uất ức, kêu khóc rầm đường như một thằng điên dại. Làm thế nào cho có đủ *thuế*, mà 1 giờ rưỡi chiều đã phải đem nộp cho Cai xe rồi.

Từ lúc ấy đến hơn 1 giờ rưỡi, tôi cũng không kéo được thêm ai. Đang suy tính không biết nên kéo liều đi hay nên quay xe về thì trước mặt tôi đã sừng sững cái *xe lết* của Cai Đ. tiến lại

Tôi mất cả hồn vía, mắt thì hoa lên, chân tay cũng run lẩy bẩy. Thằng Cai nhẩy xuống xe quát hỏi; nó thấy tôi van lạy, chừng đã đoán tôi thiếu *thuế*, nên xấn ngay lại túm lấy ngực, lên gối, rồi dìm đầu tôi xuống, đánh túi bụi một hồi. Đánh rồi, nó lại bắt cởi cả hai lần áo, nắn áo, lại soát cả lưng tôi. Thấy trong túi có nguyên cái ống thuốc lào với hai hào, nó vứt ống thuốc đi, bỏ chỗ hào vào túi. Khám hết quần, nón, nó lại lật khám đến đệm mui. Giời rét, nó cũng chẳng trả áo cho tôi mặc vào, da dẻ tôi, những chỗ bị đòn, tím thâm tím bầm cả lại.

Nó hầm hầm không nói, bắt tôi cứ ở trần như thế kéo xe đi, rồi nó nhẩy lên xe đạp đi kèm tôi. Dọc đường, nó chửi rủa không còn thiếu gì lời, vu cho tôi đã chuyền tiền cho người nhà, lại dọa về đánh một trận cho tôi biết tay, để từ giờ đừng ăn cắp như thế nữa.

Tôi muốn nói, nhưng cái tức đưa đầy lên cổ. Bị rét, bị đánh, tôi không cần gì cả... Nhưng nó chửi tôi là thằng ăn cắp, tôi ức quá, tôi có ăn không ăn hỏng của ai bao giờ.

Quẳng tay xe xuống, tôi xấn lại, đánh cho nó một quả đấm vào mặt, ngã quay lơ. Nó nghĩ tôi chạy, nên vừa bò dậy, vừa kêu lên, nhưng tôi vẫn nghiến hai hàm răng, sừng sững đứng nhìn vào mặt nó.

Chỗ ấy chỉ còn chừng vài chục bước nữa thì về đến nhà. Người nhà nó thấy tiếng kêu, đổ xô cả ra, nhưng nó cũng đã túm lấy đầu tôi, kéo được về đến cửa. Tức thì đánh, chứ thân hình tôi thế này, địch lại thế nào được với nó. Nó thì xương đồng da sắt, tôi, hai tay như hai ống sậy, trói chẳng nổi con gà.

Cái trận *đòn hội chợ* ở nhà nó hôm ấy, tôi nghĩ còn kinh cho đến bây giờ. Bác có biết nó làm những gì không? Thật tàn nhẫn quá.

Giam tôi vào một gian buồng hẹp, trói ghì cánh khuỷu tôi lại, bốn thằng nó chuyền tay nhau đấm đá. Đá chán, chúng nó thay lượt nhau túm tóc lật ngửa mặt tôi lên mà vả, rồi lại buộc thừng vào chỗ trói cánh khuỷu, mà giật tôi lên xà nhà.

Lúc mới, tôi còn hăng máu, không thấy gì. Sau, tôi thấy như hai cánh tay tôi lìa hẳn bả vai tôi ra, hai má tôi bị lột mất lần da, mà hai mạn xương sườn cũng như rời từng cái một.

Lơ lửng giữa phòng, mặt tôi nhìn xuống đất. Dưới chân tôi, những viên gạch cứ quay như chong chóng. Tôi nhắm nghiền hai mắt. Trong tai tôi lại thấy vù vù như có tiếng bay của một đàn ong.

Rồi miệng tôi sùi bọt, mũi thì đổ máu, mắt tôi nẩy đóm lên. Tôi mê man rồi thiếp dần, ngất đi lúc nào không biết.

Mở mắt ra, tôi thấy tôi nằm trên một mảnh ván để sát ngay dưới đất, đầu thì ướt như người ta mới gội, lại hâm hấp nóng như hơi trõ nước ngùn ngụt bốc lên.

Trong gian nhà ấy, trông nghiêng trông ngửa, tôi biết tôi chỉ có một mình. Vừa toan vùng dậy ngồi lên, tôi thấy vướng hai tay, mới biết cổ tay tôi đã bị sợi dây thừng trói chặt.

Lợi ráo, cả hai hàm răng cũng khô, miệng đã se cả nước bọt. Đưa cả hai tay bị trói chụm làm một sờ lên trán, tôi thấy trán tôi nóng lắm. Tôi sốt. Người tôi nóng như điên lên.

Một lát, thằng Cai lại vào, nó thấy tôi mở mắt thì đứng trâng tráo đấy mà nhìn. Nhìn chán, nó khạc nhổ vào mặt tôi mà chửi dồn: "Mẹ kiếp, mày đã biết tay bố mày chưa, hay còn bướng!"

Cổ ráo quá, tôi lậy van mãi, chúng nó cũng không thí cho được một ngụm nước. Bây giờ, thật ra, tôi cũng không biết là chiều hay sáng, chỉ thấy ngoài sân lấm tấm mưa phùn.

Một lát, nó sai người cởi trói tôi, rồi ném trả vào mặt cái áo nâu cánh lấm đầy bùn. Tôi cầm áo đứng lên, chạy ra sân, chuồn ra cổng.

Ôm bộ xương rũ với một đống giẻ rách, tôi lom khom thất thểu trên đường. Được mấy hạt mưa bay vào mặt, vào lưng, tôi cũng thấy đỡ hẳn được cơn sốt nóng.

Người tôi bấy giờ mỏi mệt lắm. Trông chiếc đồng hồ của một nhà trong phố, mới biết bấy giờ đã 9 giờ sáng, thì ra tôi bị Cai xe bắt giam mất một ngày một đêm. Suốt nửa ngày với một đêm mê man, tôi không được lấy một hột nước hay hột cơm vào bụng.

Qua cái máy đầu Hàm Long, tôi vục mồm vào một thùng nước mà uống, cũng chẳng buồn nghe những câu chửi mắng, của con mẹ có chiếc thùng.

Một trận ấy, tôi về ốm mất 12 hôm. Vợ tôi, trước còn đem bán chiếc nồi đồng lấy tiền nuôi thuốc nuôi cơm, sau khánh kiệt trong nhà, nó phải khóc lóc đem bán cho chị em chiếc quần lĩnh Bưởi may mặc Tết.

Từ hôm ấy, tôi trông những người chung quanh tôi toàn như loài rắn loài rết... Thế rồi tôi phạm vào một tội ác [1] , rồi tôi làm nghề *ma cô* đi dụ gái, rồi tôi nghiện thuốc phiện, rồi tôi ăn nói đểu cáng, vạch quần đứng đái vào chân ngay giữa phố không thẹn, vừa chạy xe ngoài đường vừa đánh trung tiện không ngượng... Nói tóm lại, nghĩa là tôi không còn trông thấy ai hết cũng như thằng ra đồng đại tiện có ngượng gì với cái Vàng cái Vện đứng chực quanh.

*

17

CON CÁO ÁO XANH

– ...

Từ hôm ấy, mắt tôi chỉ trông thấy một vật, là tiền! Ngoài đồng tiền, không còn có cái gì hơn. Nhân, đức, lễ, nghĩa... vứt đi, vứt đi hết.

"Trước đây, có tiền, bác ngồi bệ vệ trên xe, chửi mắng người ta, bắt người ta kéo bác. Bây giờ hết tiền, bác phải tụt từ trên xe xuống, cắm đầu cắm cổ kéo cho người khác để nghe những tiếng chửi mắng của người ta.

Ở đời này, thằng nào coi rẻ đồng tiền là thằng ngu. Thiên hạ nó đã lấy lực đồng tiền sai khiến mình thì mình có chịu nó sai, cũng phải nhổ vào mặt nó mà lấy đồng tiền của nó.

---

1. Việc này xẩy ra cách đây mươi năm trước, các báo có đăng mà chính Tư S... người phu xe tôi hỏi chuyện, cũng thuật lại cho tôi nghe rất rõ ràng, nhưng vì một lẽ riêng, chúng tôi không tiện thuật trong sách. TL.

Thế là những việc trước kia tôi cho là khốn nạn, tôi đã dúng tay làm cả. Làm mà không hối hận. Mà hối hận cũng không có nghĩa gì.

Cũng như những nghề của nhiều người khác, cái nghề xe kéo của tôi nó chỉ là một nghề mượn để che lấp một nghề. Thằng này làm nghề ô tô hàng để buôn thuốc phiện lậu, thằng kia mở cửa hàng ảnh để buôn giấy bạc giả, thằng nọ làm thông ngôn ký lục nhưng về *phất* nghề chứa gái, thì tôi làm nghề cu li cũng còn đèo thêm một nghề khác nữa: nghề *ma cô.*

Buôn bán bằng nước bọt, nghề này nào có mất công phu vốn liếng gì. Đêm, cầm cái tay xe đón mấy thằng mất dạy mà tán phiệu rồi dắt chúng nó đi, thế là mình ăn cả vào lưng gái lẫn lưng chúng nó. Mỗi đồng bạc ăn hai hào hoa hồng về tiền đĩ, giất được *cảnh sộp,* còn thêm bổng ngoại ngoài khoản tiền xe. Một đêm vớ được hai đám là mình đã phè phưỡn say sưa, rượu nốc hàng chai, phiện hút *thả cửa.*

Đã ba bốn năm nay, tôi không mấy khi kéo ngày nữa. Kéo ngày rét mướt, nắng nôi vất vả. Đêm thì không khó nhọc mấy, mà kiếm ăn cũng dễ; trừ tiền ăn tiêu thuế má, mỗi ngày cũng còn được dăm ba hào, đồng bạc để ra."

– Sao những người khác không làm theo ông? Cái cách kiếm tiền như ông nói, xem ra cũng chẳng khó khăn gì.

– Phải, nghe nói thì dễ, nhưng có làm mới biết là khó. Cái nghề *ăn sương* ấy nó cũng nhiều cách, nhiều khóe. Không những phải *láu* phải *bịp,* lại còn phải biết nhiều sòng nhiều *thổ,* chỗ nào có những tay chơi *sộp,* chỗ nào có những *bò lạc* mới ở đâu về. Biết đến chốn đến nơi mười mươi đấy, lại còn phải biết cách lừa dắt dụ dỗ nó đi. Đứa không nghe, phải dọa nạt cho nó phải nghe; đứa *khát kê* [1] phải lấy chuyện *kê* ra dử nó.

Những con gái hàng phố hư thân mất nết, phải *khấu bộp* nó thế nào; những bọn buôn thúng bán mẹt, phải *thả ngón* với chúng nó thế nào; những con gái nhà quê phải *thuốc* chúng nó thế nào, mỗi cách một khó.

"Biết được hết những cái khó đó, ít cũng phải là hạng *cáo già,* già đời đi làm xe.

Đây, tôi kể một chuyện năm trước cho bác nghe, bác mới rõ.

---

1. *Kê* nghĩa là tiền. Tiếng lóng của tụi Càn Long.

Một người con gái ở phố nọ hay trốn nhà đi với nhân tình đến một *săm* kia từ quãng 7 giờ tối đến 9 giờ. Vì một lần theo dõi cô ta từ cửa săm đi, rồi lại kéo cô ta từ giữa phố về nhà tôi mới dò biết, đích cả tên và chỗ ở. Lần sau, tôi dò luôn tên và người nhân tình cô ta mà cũng làm theo cách thế. Biết rõ cả hai người rồi, từ đấy cứ buổi tối là tôi dắt xe lảng vảng qua phố đó. *Bắt chợp* được nhiều lần họ đi ngang về tắt với nhau như thế, một hôm, tôi bày kế với Cai săm *đánh nhựa* cô ta. Xếp đặt đâu đấy rồi, tôi kéo xe đi, lại lảng vảng ở đầu phố cô ta ở. Chập tối, cô ta đi đâu không rõ, tôi cũng dắt xe theo đi. Vừa ngoắt sang phố khác, tôi đi sát gần ngay vào bờ hè, gọi tên cô ta ra, rồi cứ làm bộ thân thuộc, nói:

"Thưa cô, cậu Z, đang đợi cô ở săm phố Y có nhờ cháu đưa thằng bé kia đến nói với cô. Hôm nay cậu ấy có việc vội, không kịp cho tin trước để cô biết. Mời cô lên xe, cháu kéo đến."

Tôi bịa chuyện ra như thế mà đúng vì mấy lần kéo cho cô ta hay cậu ta hai xe đi kèm, họ hẹn hò với nhau thế nào, tôi nghe lóng được hết. Nào những: viết mạo chữ đàn bà, mỗi lúc một khác; giả làm thơ chị em bạn mời đến nhà chơi; trong thư bất cứ viết bằng giấy gì, bao giờ cũng in dấu cái đầu xe điếu vào cho khỏi nghi ngờ; mỗi lần thuê riêng một đứa, bất cứ thằng bé hay con bé cầm thư đến giả làm con sen hay thằng nhỏ, cho người nhà khỏi nghi.

Lúc mới nghe tôi nói, cô ta còn như lấy làm lạ ra ý ngờ. Lập tức tôi gọi ngay thằng bé con đang đi hè bên kia, bảo nó đưa thư ra, rồi tôi nói luôn, không để cô ta hỏi: "Cháu không dám nói dối, cậu Z. có dặn cháu nếu cô chưa tin thì cứ nói: cậu ở phố Y là cô hiểu ngay.

... Thằng bé ấy, là con nhà ai?

– Chính con Cai săm, nó mới chừng 11, 12 tuổi. Tôi bảo nó đi theo sau tôi, hễ tôi bảo làm gì thì làm, mà cô kia có hỏi thì chỉ nói: "Cậu Z thuê con một hào bảo đưa giấy đến cho cô; con lạ con không dám lại, cậu ấy lại bảo con đi theo bác xe này".

Cô ta cầm lấy giấy, hỏi nó, nó cũng cứ câu thuộc lòng ấy trả lời. Đến một gốc đèn sáng, trông trước trông sau không có ai, cô ta giở giấy ra xem, xem đi xem lại đến ba bốn lần, rồi tần ngần bỏ giấy vào túi.

Tôi lại nói: "Cô lên xe cháu kéo, cậu ấy dặn mời cô đến ngay".

Ngập ngừng một lúc, cô ta bước lên xe tôi, lại cho thằng bé con một hào, bảo nó cứ về, rồi giục xe tôi chạy.

Kéo thẳng vào tận sân săm, tôi đưa cô ta lên gác, gọi *bồi*. Thằng *bồi* mở cửa phòng đã thắp sẵn đèn điện, lại có hai chai nước chanh, một chai uống dở, một chai còn nguyên với hai cái cốc trên bàn; ở mắc áo lại có chiếc áo tây; ở trên lò sưởi, một chiếc quạt điện đương vù vù quạt.

Thằng bồi săm nhanh miệng vì chủ nó là Cai săm đã dặn trước: nó vừa nói vừa kéo ghế mời cô ta ngồi: "Cậu ấy xuống nhà ra sau, mời cô ngồi chờ đây, tôi xuống gọi". Cô ta như có ý nghi ngại, sau, chừng muốn đỡ ngượng, vờ sờ sờ trong túi, rồi chắc bấy giờ mới nhớ còn phải trả tiền xe tôi. Đưa cho tôi đồng ván, cô ta bảo ra ngoài. Tôi cứ ngồi lì ở cửa buồng, nói còn chờ cậu Z lên cho thêm tiền theo như lời cậu hẹn.

Một lúc, một người mặc tây rất bảnh bước vào buồng cô ta. Thằng ấy chính là thằng Cai săm đội lốt công tử. Nó vào, tôi cũng vào theo nó. Cô ta thấy người lạ vội đứng lên, hoảng hốt toan chạy ra. Nhưng cái cửa, lúc vào, thằng Cai săm đã vặn đi một vòng khóa. Nó vừa nói vừa cười, nhe hàm răng trắng nhởn có hai chiếc răng vàng ở cửa: "Đừng, cô cứ ngồi xuống, chỗ quen biết cả. Cụ Ký với anh Tham nhà mạnh khỏe chứ? Hôm nọ xuôi Nam, tôi cũng gặp cụ bà." Những câu nói *khẩu* bộp ấy, chính tôi mớm cho nó vì tôi đi dò hỏi ra, nhưng bấy giờ tôi cứ giả vờ nằng nặc đòi tiền, như không dính gì vào chuyện ấy cả.

Làm mặt *sộp*, cai săm vứt cho tôi đồng bạc, mở cửa, bảo tôi ra. Rồi nó lại còn bảo tôi hãy đứng lại, hỏi vờ: "Mày đã biết rõ nhà cô này rồi chứ?" Tôi cũng đáp: "Vâng, con đã biết rõ". Nó bảo: "Thôi, thế được, cho phép mày ra".

Tôi ra khỏi, thằng Cai săm đóng cửa lại, rồi chẳng biết chập tối hôm ấy, nó giở những trò trống gì. Tôi chỉ biết lúc bước ra, tôi nghe rõ *tách tách* hai vòng khóa.

Sáng hôm sau tôi đến hỏi nó mọi việc đã *cắn câu* cả. Rồi tôi với nó tính *phân phì*; cứ mỗi bận có khách mà gọi được cô kia thì cứ trừ tiền buồng tiền gái, mỗi đồng bạc, tôi ăn ba, nó ăn ba, còn tiền khách cho riêng ai, không kể.

Đụng vào cảnh *sộp* này phải là những tay *sừng kền* cả. Một tháng vài ba *món hẩu* như thế là mình *nê*.

– Nhưng ngộ người con gái ấy nó không đi?

– Không đi, có mà tù! Cai săm nó vờ làm công tử vài lần rồi mới nói rõ nó ra. Nó đã *bộp* nó biết cả cha mẹ cửa nhà, hễ không nghe thì nó dọa rồi nó làm vỡ chuyện. Cái nghề con gái hàng phố, con nhà danh giá, con ông kia em ông nọ, lại càng phải giữ. Muốn giữ cho khỏi tai tiếng thì phải nghe nó. Bước bước này, rồi bước bước nữa. Bước đầu khó, bước thứ hai đã dễ, đến bước thứ ba... Khôn ba năm, dại một giờ. Có khó gì, chỉ quá trớn tí nữa, rẽ cái đầu ngôi lệch, đánh bộ răng trắng, kẻ đôi lông mày, dí một nốt ruồi, mặc cái cô sê là đâm *giăng hồ giăng há,* có *thiên lôi* giữ.

Đấy mới là cảnh con gái hàng phố, còn *bắt nhựa* bọn bàn tài lồng ộp, bọn *trứng ung,* thịt ôi ở chợ, mỗi đứa mỗi cách, mỗi cách một khó, không thể nói ra được cả, còn phải liệu mà tùy.

Có một cách này nữa kể cũng dễ kiếm xu. Kéo sáng sớm hay kéo đêm, cứ thấy con nào tử tế phớt phơ, mình có ý nghi, là lúc về đến phố, xin thêm bừa; nó không cho thì làm ầm lên, bảo đi với nhân tình ở nhà nẩy ra, đi với công tử ở săm kia ra, bắt nọn như thế là các cô ả phải lòi thêm xu, sợ mang tiếng bêu với hàng phố.

Đã mấy năm nay, ngoài thì mượn tiếng làm xe, mà trong, tôi chỉ ăn bám vào lưng gái, đĩ. Đứa nào bỏ nhà bỏ cửa, đứa nào bị bắt giam *lục xì* cũng thây xác chúng nó; mình chỉ biết có một điều là: *Xu*! Mà chúng nó cũng chẳng thiệt thòi gì, đánh đĩ thì kiếm tiền, động đĩ thì chơi ngang, có bị đội con gái nó tóm được thì đã có nhân tình hay mấy thằng ma cô xé giấy hộ. Đời bây giờ chỉ tiền, trinh tiết mà làm gì, nhân nghĩa mà làm gì, tiền! Chỉ có tiền là hơn cả.

Tôi như người ta, đáng nhẽ bây giờ tôi đã phú quí. Nhưng mắc cái đâm nghiện vào nên cũng khổ, có hôm không gặp *món,* phải nuốt cả sái sảm, sái tro.

Nhưng khổ cái kiếm ăn về nghề ấy, không nghiện cũng không làm được trò gì.

Đây, tôi kể cho mà nghe cái đoạn trường lúc tôi mới mắc nghiện...

*

18

MÓN CANH ĐEN CỦA MẸ CAI ĐEN

– Quả thật mãi đến hôm ấy tôi mới biết... ra thuốc phiện nó vật người ta cũng mạnh.

"Buổi tối *cấm dầm* [1] ở đường La Ga Hàng Cỏ, tôi còn đang ngồi nói chuyện dông dài với mấy anh em. Bỗng tôi thấy lạnh toát cả mình, rồi mồ hôi đổ ra, xương thịt chân tay thấy nhức buồn như rời nhúc. Tôi ngáp. Trước còn ngáp vặt vài cái một, sau ngáp hàng hồi, mỏi cả quai hàm, nước mắt nước mũi đổ ra, lau xỉ ướt cả hai vạt áo mà không hết.

Lúc mới tôi cũng cố ngồi chờ để kiếm lấy một chuyến. Nhưng ngáp vặt chừng được một chốc thì thấy người bủn rủn, hai con mắt đổ đóm lên.

Mấy đứa cùng cấm một chỗ với tôi vẫn tưởng tôi trúng phong. Sau, có một thằng khác kéo qua, thấy thế vẫn đứng cười, rồi lại nói bông: *Thôi cứ lại lạy sống con mẹ Cai Đen ở cửa Nam là khỏi hết.* Bông đùa chán, thằng ôn vật ấy mới bảo tôi *đói nghiện*. Bụng tôi cho nó nói có lẽ đúng. Nhưng tôi vẫn chưa chịu, còn lấy cái bao diêm khoét lỗ, cố kéo cho được một hơi thuốc lào.

Điếu thuốc ấy, tôi kéo riết một hơi cũng chẳng thấm vào đâu, người lại càng lảo đảo. Lúc ấy tôi mới chịu, nhưng mới có 7 xu trong túi, cũng không biết làm thế nào. Tôi kéo xe đi, cũng chưa định đi đâu. Sau nhớ mấy thằng chủ chứa nó vẫn cho tôi hút ghẹ mọi khi, tôi đến ngay nhà thằng Hai Pháo.

Lần này không như những bận trước, thằng Pháo bảo tôi muốn hút phải bỏ ra một hào. Tôi đưa cả 7 xu, nhất định nó không nghe. Tôi chỉ xin hút sái của nó cũng không cho, rồi tắt phụt ngọn đèn đi, thu xếp tiêm móc đút ngay xuống chiếu.

Mọi tối tôi đến gọi *con em* nhà nó *đi khách*, nó vẫn mời tôi hút dăm ba điếu. Tôi chối, nó cứ khăng khăng mời nài mà bảo: làm vài điếu, thức đêm không mệt; hút ít đã nghiện được thế nào.

1. Cấm dầm, cấm Tây: tiếng của cu li xe thường nói những lúc đỗ xe đâm càng vào cửa những nhà Tây để chờ chuyến.

Tôi nghe nó, hút vào. Quả thật thức đêm có dai, lại không ngại kéo. Tôi mắc nghiện vì thằng Hai Pháo. Hôm ấy đến xin nó cho hút, vẫn tưởng như mọi bận, nó cũng mời chào, không ngờ thiếu có 3 xu mà nó đuổi như đuổi tà, tôi làm lợi cho nó nhiều, nó xử tệ với tôi, thật quân đểu.

Bỏ nhà Hai Pháo, tôi phải kéo đến phố Cửa Nam, hỏi thăm nhà con mẹ Cai Đen. Mấy anh em cu li ngồi ở hè đường chỏ một cái nhà con, ngoài có cửa hàng bán nước.

Nghe thằng ở Hàng Cỏ nói, tôi vẫn chắc nhà ấy có bàn đèn cho cu li hút. Thì ra không phải, họ chỉ bán nước thuốc cho những người nghiện ít tiền.

Tôi hỏi giá rồi bỏ 5 xu ra đưa cho mụ Cai Đen. Bác có biết nó đưa cho tôi cái gì không? Một chiếc bát đàn trong có một thứ nước đen như nước gạo rang, nó gọi là nước thuốc.

Tôi cầm lên nhấp, thấy đắng như bọ nẹt. Nhưng ngửi thấy hơi thuốc phiện trong bát, tôi đã tỉnh, nên nốc thẳng một hơi. Làm liều *thuốc nước* ấy rồi, tôi tráng miệng một trinh chè tươi. Một lúc, quả nhiên thấy thứ nước ấy nó dẫn đi khắp người, ngấm đến đâu, khỏi đau buồn đến đấy. Rồi người nóng bừng lên, mình lại trông thấy hai mắt mình đỏ ngầu như mắt chó dại. Bấy giờ tôi như thằng điên cuồng chỉ muốn cởi trần ra mà chạy, hay đánh đá ai cho đỡ ngứa chân tay.

Phải như thế một chốc, rồi sức trong mình lại hồi. Đêm ấy tôi thấy tôi cũng kéo khỏe, thức dai không kém gì những đêm có thuốc hút. Tuy *đúng nghiện* nhưng đến hôm sau, ruột gan sót lắm. Người thì khô mà nóng, giá có đứa nào đánh cái diêm cầm dí, mình tưởng cả người đến cháy bùng lên.

Sau, đi lại nhà mẹ Cai Đen nhiều lần tôi mới biết cái *nồi bọng* nước của nó nấu mất nhiều công phu lắm. Những giẻ lau khay đèn diện tẩu, những giẻ quấn chân diện, những mặt tẩu đã vỡ dập vụn ra từng mảnh, những xe tẩu hở dập người ta đã quẳng đi không hút đem chẻ nhỏ ra như tăm, những hộp đồng hến thuốc vét chưa sạch lòng... tất cả chừng ấy thứ, mẹ Cai Đen đem bỏ cả vào một cái nồi đất tướng, đổ nước ninh lên. Ninh chưa sôi được một lần, nó đã bắc ra, sợ cạn.

Tôi còn quên chưa nói, pha vào cái *nồi bọng* đủ cả mấy thứ: kim, mộc, thạch, thủy, hỏa ấy, mẹ Cai Đen còn cho thêm một món gia vị: Sái sảm! Cái sái *củ tỉ* đen như than, vụn như cám ấy, nó rón năm

đầu ngón tay bốc bỏ vào nồi một cách dè dặt như mấy bà Hàng Bạc làm cỗ bát, bầy vây. Có trông thấy, rồi ngồi nghĩ mới ghê người. Ngoài những cái trông được, còn bao nhiêu cái mình không nom thấy như: dầu thấp, nước rãi, bồ hôi.

Bắc cái *nồi bọng* ra khỏi bếp rồi, mẹ Cai Đen gạn nước ra, cầm cái bơ sắt tây hớt hết những váng bẩn đóng trên mặt nước. Cái cặn ở đáy nồi. Nó vét bán làm thuốc ghẻ; vỏ hộp thuốc nó bán cho hàng đồng nát, cái nước nấu *trăm thức bà dằn* ấy nó bán cho cu li nghiện, mỗi bát năm xu.

Mẹ Cai Đen! Tên ấy, không biết bố mẹ nó hay ai đặt cho. Người nó đã đen, nó lại bán *canh đen*, nó tên là Cai Đen, thì đúng quá!

Cu li xe nghiện mà thiếu thuốc hay chưa kịp hút, anh nào cũng phải đến hàng nó. Nổi cơn nghiện mà chưa được một bát thì ông vải hiện lên đấy mà có gọi kéo, cũng không buồn đi.

– Cu li cu leo như mình mà đã chót mắc nghiện tôi tưởng cứ mỗi ngày làm một bát như thế vừa đỡ tốn, lại đỡ mất ngày giờ.

– Uống vào mà được yên lành thì còn nói làm gì. Lắm đứa đã uống trừ mà sau chẳng chết về chứng nọ cũng chết về bệnh kia, sợ nhất là bệnh táo rồi lại đi ra máu! Ăn thứ *canh đen* ấy vào rồi sau bị bệnh tiện huyết thì có Trời cứu. Mà lúc đã nghiện nó thì có hút đến hàng lạng một lúc cũng không đủ, vì hút chỉ bắt được có khói, còn uống lại khác, nó ngấm vào đến tận ruột non ruột già. Người nghiện *nước* ấy, lâu dần nước da không sạm mà đen đi, hai mắt trũng vào, cổ thì ngẳng ra, ăn không được, ngủ không được, đến lúc đi ra máu loãng như nước vỏ nâu là... *về, về* với ông bà ông vải. Hút thuốc phiện cũng có hại, nhưng nó hại ở phổi, lúc giở về già nó chỉ có ho thôi. Cứ trông ngay tôi đây, nghiện hút đã hơn bốn năm trời, người nom tuy gầy nhưng vẫn khỏe mạnh, nhất là thức dai, không thức dai, làm nổi thế nào được cái nghề đi đêm về tối..."

Anh Tư nói rồi lại hút, rồi lại nói, tuy anh ta phàn nàn nghiện ngập đâm túng bấn, nhưng vẫn khen thuốc phiện có nhiều công dụng hay.

Những cậu khen ngợi ả Phù Dung, tôi đã nghe nói nhiều lần ở cửa miệng những người tôi gặp trước anh Tư rồi. Nên từ lúc ấy tôi cũng chẳng buồn để ý đến những lời anh tán tụng dông dài, cứ để mặc cho anh ta nói.

Ba ngày ngoài bãi Cơ Xá, tính đến hôm nay, tôi chỉ còn được ở với anh Tư nửa buổi nữa thôi.

Nhưng chiếc *thìa khóa* của nghề xe kéo, tôi đã nắm được ở trong tay rồi.

Mà chính anh Tư, người chủ trọ ba hôm của tôi, đã vô tình đánh rơi chiếc *thìa khóa* ấy.

*

19

TÔI KHÔNG THỌC GẬY

Đây, tôi lại nhắc lại:

Chắc đã có lần ông can bạn:

– Thôi! Dây làm gì với quân cu li xe ấy!

Tôi cũng xin thú thật đã có lần tôi bảo với bạn:

– Quân cu li cu leo ấy, cãi nhau với chúng làm gì cho rồi hơi!

Tôi với ông, chúng ta cùng chung một óc: Khinh bỉ cái hạng người *kéo người*.

Thật ra, họ có đáng khinh không? Tôi với ông, tôi muốn hôm nay chúng ta cùng nghĩ lại.

Bây giờ, phỏng thử có người hỏi:

– Ở xã hội An Nam mà có hạng người *kéo người* là lỗi tại ai?

Đấy, mời ông trả lời.

Nếu ông đã cạn suy, tôi dám nói mười mươi ông phải nói thật rằng:

– Lỗi tại xã hội.

Xã hội, theo nghĩa hẹp của nó, là hết thẩy những người cùng chung một cội rễ, cùng sống chung dưới một chế độ, mà trong đó, gồm có cả ông với tôi.

Phải, các ông với tôi, nghĩa là hết thẩy chúng ta đều có lỗi.

Hạ một người anh em hèn yếu từ cái chỗ *thằng người* xuống đến

chỗ *con ngựa*, đưa hai cái tay gỗ cho anh em rồi bảo: *"Tao ngồi lên cho mày kéo"* tức là mình bảo anh em: *"Mày không phải là người"*.

Bị người một giống khinh thị một cách bất công rồi, người phu xe có cần gì phải tự trọng?

Chúng ta cướp nhân phẩm của anh em mà chúng ta không biết. Anh em làm những việc không có nhân cách, chúng ta còn khinh trách gì anh em?

Tôi nhiều lần đọc báo thấy đăng những việc: người phu xe nọ bắt được ngoài đường cái ví bạc đã đem ngay đến bóp trình; người phu xe kia gặp người đàn bà đẻ đường đã cởi áo ra dùm bọc lấy đứa bé lọt lòng, rồi đỡ người sản phụ lên xe, kéo về đến nơi đến chốn.

Nhà báo khen: *Những tấm lòng vàng trong manh áo rách.*

Phu xe, nào phải đâu cái hạng không có tấm lòng vàng?

Người cu li xe này kéo mình, vừa chạy vừa đánh bậy trước mặt mình; người cu li kia đứng giữa đường thay quần hay vạch quần tiểu tiện trước mặt mình là tại mình bảo họ: Cứ tiểu tiện, cứ trung tiện.

Xã hội thử đem cái nhân phẩm trao trả lại họ, nghĩa là lôi họ từ chỗ *con ngựa* lên đến chỗ *thằng người*, rồi xã hội xem!

Tôi dám nói bạo một câu rằng: Từ xưa đến nay, bao nhiêu những chuyện tầm bậy mà những cu li xe kéo đã làm một phần lớn là lỗi ở bọn trung lưu, thượng lưu trí thức mình. Ngồi lên lưng người ta mà: *Ếp, nhong nhong*! Bảo người ta không đi bằng *bốn chân* sao được?

Người để người kéo là loài người ôm chung một cái nhục.

Con ngựa kéo xe vì Trời sinh ra nó bốn cẳng. *Thằng người* không làm cái việc của con ngựa vì Trời cho *thằng người* có hai chân.

Bởi thế, tôi nói: người để người kéo người là người tự ôm lấy một cái nhục chung.

Nếu chẳng coi là một cái nhục thì hội *Nhân quyền* đã chẳng can thiệp vào câu chuyện xe kéo ở cuộc đấu xảo thuộc địa Vincennes, mà ngót bốn chục cái đồ *"thổ sản ở Đông Dương"* đã chẳng đến nỗi phải bỏ chỏng gọng trước con mắt người vạn quốc.

Ngay lúc mới được tin này, lòng cảm động đã bảo tôi biết kính phục người Pháp, nhất là hội *Nhân quyền* Pháp.

Chẳng phân biệt mầu da và nòi giống, người Pháp đã che cái nhục cho dân An Nam.

Người thượng quốc còn biết lấy việc người kéo người làm ngượng mắt, cố bưng cái nhục cho mình.

Còn mình?

Cổ cứ cao, mặt cứ vênh, ngồi xe còn lấy dáng lấy điệu, coi việc nhục nhằn ấy là thường, không ai chịu để tâm xuy xét.

Ông Phi Bằng, viết một bài nói về vấn đề xe kéo, có câu sau này đăng trong báo *Trung lập:*

"Ở đời, người ta hay thận trọng những việc bao la to tát, cân nhắc từng li từng tí mà hay khinh xuất những việc nhỏ nhen không thèm để ý đến có biết đâu rằng những việc vụn vặt ấy có ảnh hưởng lớn cho ta, cho xứ sở và cả đến nòi giống của chúng ta".

Lại còn câu sau này cũng nói về chuyện xe kéo đăng trong *Pháp Việt tạp chí* của ông E. Babut:

"Có nên mong cho nghề ấy mất hẳn?"

Rồi ông Phi Bằng lại viết:

"Nếu muốn bỏ xe kéo đi thì ít nào cũng phải kiếm chỗ làm trước cho mấy ngàn dân *ngựa người* kia mới đặng".

Mà trong *Pháp Việt tạp chí,* ông Babut cũng viết:

"Khi nước ta giầu có hơn, chắc người ta không còn thấy người nào chịu làm cái nghề ấy nữa. Nhưng tiếc rằng chúng ta chưa đến thời kỳ đó; nghề kéo xe là một nghề kiếm gạo rất cần ngày nay".

Kiếm gạo!

Hiện nay ở Hà Nội có tới ngàn rưỡi người chỉ vì bát gạo mà làm cái nghề kéo người.

Bất cứ trời rét hay trời nóng, đang mưa như trút nước hay đang nắng như hun trời, đút đầu qua hai cái càng gỗ, anh em phu xe phải thúc tay co vó, chạy bở hơi tai, mình mẩy nhễ nhại mồ hôi, áo quần ướt như dúng nước.

Họ khó nhọc như thế để kiếm cái gì? – Năm ba xu, một hào, một *cuốc.* Vừa đúng số tiền để mua ít cơm đút miệng, cái thứ cơm thổi bằng gạo hẩm trộn với ít *nước hàng.*

Ăn để mà sống, ta không cần nói đến cái ăn! Nhưng sống nào đã được yên? Họ còn phải nghe những lời thô bỉ của người ngồi xe chửi rõ vào lỗ tai, chịu những cái *dùi khui* của các ông Cảnh sát, những cái càng xe bắt ốc của Cai xe đánh đập vào mình là khác.

Thế nghĩa là ăn để mà sống, sống để co chân mà chạy, chạy cho tiêu để lại ăn.

Muốn giảm bớt những nỗi khổ trong cái sống *kéo co* của nghề xe kéo, gần đây, đã có ông bàn:

"Lệ đi xe đôi, nên cấm".

Một ông khác, trông nghề kéo xe ở một mặt khác, muốn cho anh em cu li lúc nào cũng đắt khách, lên tiếng:

"Không nên cấm đi xe đôi".

Nói chuyện xe kéo, hôm nay còn có tôi.

Tôi thì tôi khác cả hai ông ở chỗ này:

"Nên bỏ đứt nghề xe kéo!"

Nói thế, tôi chắc có ông đã sắp lên giọng kẻ cả bảo: Cầm gậy thọc vào bánh xe, anh chàng này chỉ được cái đâm pha, tán hão.

Không, tôi không thọc gậy mà tôi cũng không tán hão!

Đây, tôi xin nói tại sao:

*

20

MỘT LỜI YÊU CẦU

Chiều hôm qua lang thang trong phố, tôi chợt đi đến đầu Hàng Đào.

Một cái màn vải sọc trắng sọc đỏ căng trên bốn chiếc gọng sắt lừ lừ tiến đến tận trước mặt tôi; tôi nhìn lại thì là chiếc xe đạp hòm ba bánh đem bán giong đường những đồ giải khát của hiệu *Đầu con Gấu.*

Từ phía nhà Nhạc hội đi lại, lướt trên đường nhựa, chiếc xe *Đầu Gấu* chạy veo veo. Cùng một lúc ấy, chiếc xe đạp hòm ba bánh chở hàng của nhà ảnh Hương Ký cũng vừa đến đầu Hàng Đào, người ngồi trên giơ tay ra hiệu cho xe *Đầu Gấu.* Hai xe cùng hãm, hai người cùng đạp cho xe sát đến gần nhau. Một người xuống xe, bỏ ra ba xu; một người cũng xuống xe, hí hoáy làm một cốc nước đá bào đưa cho người kia uống. Xong việc mua bán cả hai người lại ngồi lên xe, đạp.

Cái Hương Ký thì đi về mạn Hàng Trống; Cái Đầu Gấu ngược lên phía Hàng Đào.

Đứng trên bờ hè, tôi nhìn hai chiếc xe ấy xa nhau. Rồi cũng ngay lúc ấy, óc tôi nẩy ra một mối nghĩ: Người ta có thể đem những thứ xe đạp này dùng thay cho xe kéo.

Ba chiếc bánh *cao su* lắp vào một cái gióng bằng sắt, hai bánh để trước, một bánh để sau. Giữa hai bánh trước, đặt một cái giỏ mây vào. Sau lưng giỏ, dựng một cái cần cao để làm cọc chống đỡ lấy cái mui; vành sau giỏ lắp một cái tay xe cho người ngồi đạp đằng sau cầm lái.

Đấy, phác qua, chỉ có bấy nhiêu cái.

Bấy nhiêu cái khéo dặt cho tiện mưa tiện nắng, nhà đóng xe đã có thể chế ra được một thứ xe *người dạp người.*

Tôi chẳng dám nhận công là một sáng kiến, vì thứ xe đạp người ấy, hiện ở Thượng Hải, người ta đã cho đem chạy khắp các phố rồi.

Người đạp xe cho người, coi nó *lịch sự* mà có vẻ *nhân đạo* hơn vì người đạp cũng được ngồi, không phải co hai chân, cắm cổ cắm đầu mà chạy.

Ông có tiền lại vội việc, ông ngồi lên cho tôi đạp. Tôi không tiền, tôi đạp hộ cho ông chóng đến chốn đến nơi. Trên chiếc xe ấy, có một cái trông không trái mắt là: ông ngồi, tôi cũng ngồi. Phải, tôi với ông, chúng ta cùng là người. Ông ung dung ngồi trước, không mất công khó nhọc, vì ông có tiền thuê tôi; tôi ngồi sau, vì lấy tiền thuê của ông, tôi phải lên gối xuống gối. Có phải đổ mồ hôi vì đạp, tôi cũng bằng lòng vì tôi tự nguyện làm việc ấy, ông cũng không có được quyền gọi tôi là *người ngựa* vì nghề của tôi là *đạp người* chứ không phải *kéo người.*

Bàn chuyện bỏ xe kéo, tôi chắc đã sắp có ông chủ xe ghé vào tai tôi mà bảo: Anh định để chết ai?

Đối với những người coi đồng tiền hơn ruột thịt ấy, tôi không dám đáp nửa lời. Đây, tôi chỉ xin nói với những ai có tầm con mắt rộng hơn, những người có tâm giải quyết các vấn đề xã hội.

Nghề xe kéo sản xuất ở nước ta mới hơn nửa thế kỷ nay. Trước khi người Pháp sang đây, đường xá chưa tiện giao thông, ta chỉ có cách đi *cáng,* đi *võng*, hai người phải cáng, võng một người. Đến ngày các đường trong xứ đã mở rộng ra, và sửa lại cho bằng phẳng hơn,

cái xe kéo mới từ đất tổ nó là nước Nhật qua Tàu, vượt thẳng sang đây, rồi khoác cái lốt *xe bọ ngựa* mà in vết bánh ở khắp đường, khắp lối. Trong 50 năm trời, từ cái hình *bọ ngựa*, chiếc xe kéo mới tiến lên được đến chỗ có hai vành bánh *cao su* bơm hơi. Nó tiến chậm như thế vì nó chưa chạy được trước người, vẫn phải lẽo đẽo theo sau người chạy.

Cuộc *tiến bộ* của nó, có lẽ chỉ đến được bước ấy, vì trong vòng mười năm nay, nghề xe kéo không có chút gì thay đổi, chiếc xe cao su vẫn chỉ là chiếc xe cao su thôi.

Ở thời đại cạnh tranh tiến hóa này, cái gì đã không tiến, là rồi có ngày phải sa vào vòng đào thải.

Nghề xe kéo, trước sau gì rồi cũng đến ngày ấy.

Ta nên để nó tự giết nó, hay ta giết nó trước đi cho rồi?

Đối với cái nghề có nhục đến quốc thể, chẳng nên để cho nó cứ sống giằng dai... Giết chết nó đi mà phải giết ngay vì nó sống ngày nào còn để nhục cho mình ngày ấy.

Bỏ xe *kéo người* lấy xe *đạp người* thay vào, ta vẫn để công việc cho anh em phu xe đâu có đấy. Ngàn rưởi người ở Hà Nội hàng ngày sống về ngàn rưởi chiếc xe kéo hai bánh, thì ngàn rưởi chiếc xe đạp ba bánh; hàng ngày cũng vẫn nuôi sống được cả ngàn rưởi người.

Xin ra lệnh cấm đi xe đôi, xin bỏ lệnh cấm đi xe đôi; Các ông hội viên thành phố Hà Nội, Hải Phòng đừng mất công yêu cầu những việc... loanh quanh ấy.

Đã làm, các ông hãy làm cho ra *việc*, việc xin bỏ xe kéo nó chẳng phải việc... mò trăng đáy nước hay khều sao trên trời.

Nói thế, không phải tôi dám thúc các ông hội viên yêu cầu với Hội đồng Thành phố lập tức bỏ xe kéo ngay. Không có chiếc *gậy tiên,* Hội đồng làm gì có tài mà gõ cho mấy ngàn chiếc xe kéo thay được hình luôn trong một lúc.

Chúng tôi chỉ xin bàn với các ông một việc: Yêu cầu với quan Đốc lý ra lệnh cho Sở Cảnh sát lần lượt đi khám các xưởng chứa xe trong thành phố xem chiếc xe nào đã hư hỏng, bắt bóc *"số tai"* ra, không cho phép sửa chữa nữa; những xe ấy không được cho thuê chở người, chỉ được phép cho thuê để tải đồ. Chủ xe nào muốn có thêm xe chở người để kiếm lợi, phải đóng xe mới theo kiểu xe đạp ba bánh đúng với mẫu của Hội đồng Thành phố đặt ra; mẫu ấy phải đơn giản để số

tiền chủ xe bỏ ra đóng xe kiểu mới cũng sâm si với số tiền trước đã tiêu dùng vào việc đóng xe kiểu cũ.

Cách đó cũng chẳng có gì là khó khăn, mới lạ.

Nó cũng như điều lệ đang thi hành ở thành phố: Nhà tranh hay nhà đã cũ nát không được phép sửa chữa, người chủ phải phá đi làm nhà mới đúng với mẫu của Sở Vệ sinh Thành phố đã ký nhận cho.

Chỉ làm như thế trong ba năm, tôi dám chắc ở thành phố không còn tìm đâu được một chiếc xe kéo nữa, mà trong thời gian ấy, anh em phu xe vẫn ngày ngày kiếm được đủ ăn hai bữa, chủ xe vẫn kiếm được lợi, thành phố cũng vẫn thu được thuế xe.

Đem *vùi* dần nghề xe kéo, ta vẫn gây được đất sống cho anh em phu xe; anh em sống mà không mất nhân phẩm vì nghề, không phải lao lực vì nghề, hai chân tuy phải làm luôn, nhưng *việc làm ấy* không phải việc làm của con trâu, con ngựa.

Một lời yêu cầu không để thiệt cho ai, lại có thể nâng cao được cả phần hồn và phần xác của một hạng người, lời yêu cầu ấy, có khi nào bị bỏ.

Cái khóa rào ngăn *bọn ngựa* người, từ trước đến nay vẫn có một chiếc thìa khóa.

Chiếc tôi bắt được ở nhà Tư S, ngoài bãi Cơ Xá Nam, chính là chiếc thìa khóa đó.

Nó đã cũ.

Nhưng cũ chưa hẳn là vô dụng nên hôm nay tôi cứ đưa nó cho các ông hội viên ta.

Hanoi, Juin 1932
TAM LANG

Đăng trên *Ngọ báo*, Hà Nội, 1932;
Trung Bắc xuất bản, Hà Nội, 1935.

TẬP ẢNH
(Phóng sự châm biếm – Trích)

Tập ảnh là nhan đề một chuyên mục trên tuần báo *Ích hữu* (Hà Nội, số 1 ra ngày 25-2-1936), do Tam Lang phụ trách, với bút danh Linh Phượng. Mục này có chừng khoảng ba mươi tiểu phẩm châm biếm, mỗi kỳ báo đăng một bài, mỗi bài là một bức chân dung biếm họa sinh động, tất cả đều là những bức "truyền thần về các nhân vật xã hội" đương thời. Sau này, tác giả chọn một số bài in chung thành sách, lấy nhan đề *Người... ngợm* (Editions choisies, Trác Vỹ xuất bản, Hà Nội, 1940).

Dưới đây chúng tôi trích 6 bài.

ÔNG MÔRÍT... VỒ

Từ ngày vào làng Tây, mỗi lần trông bóng trong gương, ông thường lấy tay bẹo sống mũi mà lôi, rồi, chẳng khỏi chau mày, ông phàn nàn sao bà Mụ chẳng nặn cho sống mũi ông cao hơn tị nữa.

Võ Văn Ba, cái tên ông mang từ lúc lọt lòng, đã sáu tháng nay, ông để hẳn chữ Maurice (Môrít) lên trên, rồi ông chúm miệng, bai môi đọc theo giọng Tây là Maurice Vo, bỏ đứt đi cái "dấu ngã". Rồi cũng từ đấy, bất cứ nói với ai, ông cũng nhất định không dùng tiếng An Nam nữa, cũng như cơm bữa, ông chẳng còn quen những món rau muống luộc với tương cà...

Trời rét như cắt từng miếng thịt, ngày nào cũng vậy, mới mờ sáng ông đã tung chăn từ trên giường nhảy xuống, rồi mặc dầu còn ngái ngủ, cũng giơ chân, giơ tay, nghiêng mình uốn gối đến 20 phút đồng hồ. Làm xong việc "thông mạch máu", ông thở hồng hộc như bò, rồi chạy thẳng vào nhà sau, cởi phất áo ra, cố sức dội lên lưng ít nhất cũng một thùng nước lã.

Sau một chập... sởn da gà, ông gọi bồi xếp sẵn quần áo trong phòng, rồi đến đứng trước tấm gương treo để băn khoăn lấy vài phút đồng hồ về cái nỗi... mũi ông làm sao không được lõ!

Nhưng nhìn đến mớ tóc quăn, mớ tóc mỗi tuần lễ phải chịu cái tội quằn mình một lần giữa hai càng kìm uốn của anh thợ cạo ông lại tự yên ủi được ngay lúc đó, vì ngay lúc đó, ông tự nghĩ: Tây cũng có lắm người mũi không lõ, còn An Nam thì "đích thật" là không có ai tóc quăn bao giờ.

Giũa tay, cạo râu, chải đầu, bơm nước hoa, xoa phấn, làm xong chừng ấy việc, ông mới huýt còi miệng, hớn hở từ phòng tắm bước ra.

Trong phòng ăn, tấm khăn trắng vắt vai, cậu bồi cũng vừa đặt trên cái khay con, trong đó một chiếc bánh mì, hộp bơ với tách cà phê sữa.

Ngồi vào bàn, ông cắt khoanh hành tây, rón tay phết bơ lên, khẽ để vào miệng, nhai, vừa ăn, vừa ngẫm nghĩ.

Đồ lót dạ ấy tuy ăn không ngon miệng bằng bánh cuốn sốt, cháo đậu kho, phở, nhưng ông Môrít, một người đã nhập tịch dân Pháp, công nhiên được đứng ngang vai với người Pháp không lẽ sáng sáng lại "đánh" phở, bánh cuốn sốt, cháo đậu kho?!

Không biết uống rượu, nhưng chiều nào tan sở, ông cũng vênh váo vào các quán rượu, làm chập "áppêrô" [1].

Rồi ông lựa dịp làm quen với ông Tây này, nói chuyện leo với ông Tây kia, dọn giọng gọi Chsôbo, Tanoi để chỉ hai nơi Chợ Bờ, Thanh Hóa.

Nói chuyện thời thế, ông thường ngỏ ý muốn có một cuộc đồng hóa làm cho hạng thượng lưu An Nam thành ra một hạng "đặc Tây" mà cả Trung, Bắc Kỳ đều nên cho người Pháp lấy làm... thuộc địa!

Ông hùng biện đến nỗi mặt phát đỏ gay, nhưng vẫn không quên ngửa cổ để giữ cho đôi kính cặp đứng hờ trên mũi, khỏi từ sống mũi nhảy đi.

Ông chê người An Nam là giống ngu dốt, khoa học vệ sinh không chịu biết, chỉ chú trọng vào việc lễ bái, thờ phụng mà ông vải, *le ông vai qu'est ce que cela veut dire?* (ông vải là cái quái gì?)

Rồi ông giơ hai tay khen lấy khen để những thuần phong mỹ tục của dân quê Pháp tuy ông chưa từng bước chân sang Pháp bao giờ, rồi ông đe dọa thế nào ông cũng về "Paghi" (Paris) chứ không sao chịu được cái không khí của... thuộc địa!

1. Có nghĩa là: rượu khai vị.

Khinh bạn đồng sự cùng tòa, ông Môrít quen dùng hai tiếng "nhà quê" tặng họ.

Tỏ mình là những người rất nhã, các bạn đồng sự của ông Môrít, kính cẩn gọi ông là ông Môrít... Vồ!

Ích hữu số 7, ngày 13-3-1935.

ÔNG CHỦ BÁO

Cái việc thứ nhất của ông khi bước chân đến buồng giấy là nhận cuốn sổ do người thư ký hai tay bưng lại, rồi giở xem số thợ thiếu hay đủ theo những giờ đến và tên ký Máckê trên giấy, hoặc soát kỹ từng chữ cho biết những ai xin nghỉ nửa buổi, những ai xin nghỉ cả ngày.

Ấn cái chuông gọi ngay trước mặt, ông ngẩng đầu đã thấy người loong toong đem vào để lên bàn một chồng báo, một tập thư với một thếp giấy: báo êsăng [1] (échange) các nơi gửi lại, thư của các phóng viên gửi tin về đăng báo, giấy của buồng trị sự đưa vào để ông chủ viết bài.

Lần lượt, chiếc mũ phớt nhảy lên bám lấy cái mắc con bướm trên vách, bốn cánh đồng bóng nhoáng chiếc quạt đứng để ở góc phòng bắt đầu quay, cặp kính trắng trên gọng đồi mồi leo lên cưỡi trên sống mũi.

Treo mũ, vặn quạt, đeo kính, ba việc ấy làm thứ tự như theo sức sai khiến của một bộ máy.

Rồi sau khi đã lần lượt soát thư, lục báo, cho đem tin vào tòa soạn, cho đưa thư mua báo ra buồng trị sự... chán, bấy giờ ông mới mở nắp bình mực, cầm bút, viết bài.

Mực đen, giấy trắng, quạt trên đầu ông quay thì óc trong đầu ông cũng quay quay...

Rồi ông bấm hai móng tay làm cái díp để nhổ râu mép, rồi ông kiễng hẳn một bàn chân lên để rung đùi, rồi ông lại chống tay bóp trán thở dài, cái trán mà có lẽ bên trong đang đánh lộn tùng phèo những ý nghĩ về các vấn đề quốc kế dân sinh, các vấn đề gia đình xã hội.

1. Có nghĩa là: trao đổi.

Hôm qua, ông ngủ suốt đêm, mà quái, óc ông sáng nay cũng vẫn như mệt mỏi.

Óc mỏi rồi, tay cũng mỏi, làm cho cái quản bút béo tròn hết nằm lại dậy, chẳng bền gan bằng cái bình mực sứ vẫn há hốc miệng, lì xì xếp bằng tròn, ngồi...

Chiếc đinh ghim trong cái đĩa pha lê trong suốt, bị ông dùng làm que tăm chán, lại làm cái móc dáy tai.

Thế mà một thếp giấy dày, dày đến hơn đốt ngón tay, chỉ thấy đượm những vết bồ hôi ngay tờ thứ nhất.

Người loong toong lúc trước lại bước vào đưa trình ông bài *xã thuyết* của một ông trong bộ biên tập.

Đọc rồi, ông cầm bút chữa, chữa rồi, ông lại cầm bút... rập, sau cùng thì ông để y nguyên văn, chỉ thêm cái *boong* [1] hay cái *viaguyn* [2] để sót, phê bằng nét bút chì xanh to tướng mấy chữ *"en latin noir 8"* [3] rồi ông ném cả bài xuống cho thợ nhà chữ xếp chữ in.

Vò đầu, bóp trán, rung đùi, hút thuốc vặt suốt một buổi ông mới nặn ra được một mẫu bài ngụ ý phá bỏ chế độ giai cấp, binh vực anh em lao động thợ thuyền.

Nhưng viết một đằng, ông lại làm một đằng, ông đâm lấy đâm để thằng loong toong bé con bằng chiếc cán bút tay ông đương cầm chỉ vì thằng bé dám làu nhàu cãi lí với một ông trong tòa soạn.

Chẳng công lên việc xuống gì, ông cũng tự đến bỏ tù ông trong buồng Chủ nhiệm.

Mãi sẩm tối, ông mới có vài việc đáng kể là việc: thu tiền bán báo lẻ, kiểm từng đồng chinh, xâu thành chuỗi một để nhập két, quay ba vòng thìa khóa, ghé tai vào cửa tủ sắt để nghe mấy tiếng khóa đóng leng keng.

Mười lần phát lương cho thợ là mười lần ông mắc việc gấp phải về đồn điền.

Đến hôm thứ ba ông mới đến nhà báo, giục ngậu sị bên trị sự làm sổ lương, trừ người thợ này hai đồng vì làm mất mấy cái carăng-tăng [4] cúp người thợ kia 15 xu vì bỏ rơi xuống sàn vài cái ítbát [5].

---

1. Có nghĩa là: dấu chấm.
2. Có nghĩa là: dấu phẩy.
3. Có nghĩa là: in bằng kiểu chữ đứng hơi đậm, cỡ 8.
4. Có nghĩa là: cái chén vuông, để giữ quãng cách giữa các chữ in.
5. Có nghĩa là:cái chén nhỏ dùng trong sắp chữ.

Ông gọi các thợ nhà in của ông là *thằng,* các biên tập viên của ông là *sừ* [1] để người ta dễ nhận biết ông là Chủ nhiệm.

Lần nào nghe hỏi về tôn chỉ của tờ báo mình cầm quyền Giám đốc, ông cũng trả lời một cách hóm hỉnh: "Thưa các ngài, nó là cơ quan chung của anh em bình dân".

Ích hữu số 11 (5 – 11-5-1936)

ÔNG CHỦ MỒ

Kỳ thủy, ông ta làm nghề cai mộ phu, nhưng từ ngày nhờ tổ ấm lập nổi cơ đồ vì nghề thì ông ta lại xoay nghề, nghĩa là bỏ hẳn cái nghề buôn người mà làm nghề cứu người, cứu người hẳn hoi, chứ không phải như các ông lang tự nhận là những tay cứu nhân độ thế.

Ngày nay thì ông ta đã nghiễm nhiên là một nhà đại công nghệ.

Rồi từ cái ghế đại công nghệ ấy, ông ta lại leo lên ghế Hội trưởng một Hội thiện để trông nom về sự yên nghỉ cho mấy cái xác chết, nhưng không phải là những cái xác trước kia đã bị chết về việc buôn người bán thịt của ông ta.

Nhiều người cho rằng ông ta đã biết theo đường chính, bỏ đường tà. Những người nghĩ như vậy là lầm; sự thực, ông ta chỉ muốn xóa bỏ cuộc đời dĩ vãng của ông ta, chẳng vì lẽ cuộc đời ấy có đầy sự tanh nhơ mà vì lẽ nó chẳng làm được cho ông nên danh nên giá.

Một anh cai mộ phu, cho có bạc vạn tiền ngàn thì cũng chỉ được người ta gọi đến là ông chủ Mộ.

Mà trong cuốn tự vị riêng của ông thì chữ Mộ cũng chẳng sang trọng gì hơn chữ Mõ. Rồi phú quý sinh lễ nghĩa. Rồi cuộc ném tiền qua cửa sổ. Nhưng bởi... "con đường nào cũng đưa người ta đến thành La Mã cả" nên ông vừa kịp tránh được hai tiếng chủ Mộ thì vì làm Hội trưởng một Hội thiện mà ông lại bị người ta gọi ông là... ông chủ Mồ.

Ông chủ Mồ bấy giờ không còn keo bẩn, tàn nhẫn như ông chủ Mộ nữa, mà như thế, chẳng phải tự bản tính của ông ta.

---

1. Có nghĩa là: ông (cách gọi thông tục).

Phải cần tỏ mình là tay hào phóng, là người có từ tâm để gột rửa những tiếng keo bẩn, tàn nhẫn trước kia của một ông chủ Mộ – hay Cai mộ phu cũng thế.

Đồng tiền, đối với ông chủ Mồ, quả nhiên đã là thứ thuốc tẩy để tẩy xóa cho ông hết những vết nhơ tanh, ô uế.

Nhờ nó mà ông có địa vị, có danh giá, vua biết tên, chúa biết mặt, nghiễm nhiên đứng vào hạng thượng lưu trí thức ở Bắc Kỳ.

Trước kia, tuy ăn lận từng hào chỉ về mỗi đầu phu mộ đi Tân thế giới, nhưng bây giờ, không một cuộc làm thiện nào là không có tên họ ông chủ Mồ.

Đối với nạn lụt, nạn cháy, xót thương... đồng bào cơ khổ, ông đã bỏ tiền trăm, bạc chục ra; nhưng ông không chỉ vì việc làm phúc mà quên việc ném bạc nghìn mua các thứ rượu quý để chứa sẵn trong hầm rượu của nhà, để mỗi khi có tiệc tùng đem thết các quan bé quan to là những người đã không còn coi ông chỉ là anh Cai mộ phu, đã ra ân cho ông được đến gần, đã thèm nói dăm ba câu chuyện phiếm với ông, đã vui vẻ giơ tay ra bắt tay ông giữa đám đông dân thành phố.

Không một cuộc chợ phiên, một buổi diễn kịch giúp việc nghĩa, một cuộc đưa đón quan Chánh, quan Phó nào là không có mặt ông chủ Mồ trong đó.

Ông bận quần áo trào từ nhà bước lên ô tô trông rất thẳng thắn, đường bệ, nhưng lúc từ trên ô tô bước xuống, những vẻ oai nghi đường bệ ấy đã biến đi mất cả để nhường chỗ cho vẻ e lệ, rụt rè.

Khom lưng luồn khỏi cửa chiếc xe hòm kính, ông chủ Mồ cứ giữ cái lưng mềm mại như thế khúm núm đến chỗ các quan tụ họp, lấm lét nhìn hết người nọ đến người kia.

Ông tỏ vẻ hân hoan khi thấy một quý quan giơ tay ra, rồi tức thì, ông bỏ mũ, vái dài một vái để chào trước khi lẩy bẩy giơ tay ra bắt lấy bàn tay... quý!

Ông chủ Mồ cho việc được bắt tay các quan to giữa đám đông người là cái vinh hạnh lớn không kém gì cái vinh hạnh được đeo trên ve áo chiếc mề đay đỏ.

Nhưng ác một điều: sự được ban bắt tay như thế không có dấu tích gì để... lưu truyền hậu thế, nên có lần ông đã dụng công thuê thợ ảnh chụp cho kỳ được cái cảnh lúc ông đang bắt tay một bực quyền quý ở đế đô.

Như thế, ông chủ Mồ còn chưa cho là đủ, nên bức ảnh chụp được ấy, ông đã cho phóng đại ra.

Rồi bức phóng đại 75 x 50 ông còn cho là chưa đủ to nên ông mượn thợ vẽ lấy sơn phóng ngay bức ảnh ấy lên tường giữa phòng khách của ông để thay bức tranh thêu "Anh hùng tương ngộ".

Ích hữu, số 17, 16-6-1936.

ÔNG HƯỜNG LỒ

Người ta không rõ cái quá khứ của ông và cũng không cần rõ để làm gì. Người ta chỉ biết hiện nay ông có dăm bảy cái đồn điền ở Trung, Bắc Kỳ và một cái đồ chơi tí hon: một cô vợ xinh mà trẻ.

Người ta không kêu ông bằng tên thực bao giờ cả. Nói đến ông, người ta chỉ gọi là... "ông điền chủ" hoặc có khi muốn chế giễu thì người ta lại gọi ông là... cụ lớn "Hường Lồ".

Ông Hường Lồ năm nay đã gần 60 tuổi, nhưng còn thắm thịt đỏ da. Đầu ông – một cái đầu húi trọc – tuy đã lốm đốm huê râm nhưng không phải là cái "huê râm" biểu lộ tuổi già, vì mặt ông – một bộ mặt vuông chữ "điền" – còn bụ bẫm như mặt một đứa trẻ thơ, cái mặt đầy những chất tẩm bổ như: sâm Cao Ly, cao nhung hươu, cao xương hổ...

Thấy mình còn "non mặt chặt xương", ông Hường Lồ vẫn có ý tiếc cái tuổi trẻ của ông và có khi còn như muốn ghen với cái tuổi trẻ của các con ông nữa.

Bỏ tiền ra "mua" một cô vợ trẻ, ngoài cái ý định thỏa lòng dục phát ra bởi những món sâm, nhung, quế, phụ, ông Hường Lồ còn muốn báo thù những ngày quá khứ, cái ngày tuổi ông còn trẻ mà ông phải nhắm mắt lấy một "bà cụ già".

Mỗi khi thấy ông Hường Lồ cùng với "cô Hai" đi thăm ruộng, bọn dân quê thảy đều ngơ ngác trước cái đầu lốm đốm bạc với mái tóc hãy còn xanh mướt như mảnh nhung tơ.

Đối với bọn dân cày vô học, ông Hường Lồ chẳng thèm nói rõ làm gì, nhưng mỗi lần ra tỉnh với "cô Hai" mà thấy kẻ nào sắp muốn lầm tưởng cô là con gái út của bà Hường Lồ, thì ông vội vàng... cải

chính ngay: *Dơ (Je) vous présente ma bơ-tít (petite) femme* [1] với một cái cười hân hoan, toe toét như cái hoa đã... rữa.

Là một nhà tư bản 100 phần 100, ông Hường Lồ ghét cay ghét độc những thằng có cái khuynh hướng về phái "tả".

Ông bảo Lý Ninh [2] là một tên tướng cướp, và ông kêu la ầm ĩ: "Cộng sản là cái cóc khô gì cơ chứ!", "Cộng "hết sản" dễ có khi chúng nó "cộng" đến vợ người ta!"

Cái tin "tả" đảng thắng phiếu và cầm quyền chính nước Pháp là một tiếng sét đánh trúng đầu ông Hường Lồ.

Khi thấy những đạo luật xã hội có ghi trong chương trình của Nội các Bờlum, ông Hường Lồ mới phát lo, chỉ khấn Phật cầu Trời cho hai Nghị viện bỏ phiếu không tín nhiệm những đạo luật mà ông mong hết thảy mọi người đều cho là vô nghĩa.

Những lúc thấy báo đăng tin những đạo luật vô nghĩa ấy được toàn Viện chuẩn y, và sẽ ban hành ở cả Bắc Kỳ, thì ông tái mặt đi rồi nói chuyện chính trị với "cô Hai" nó:

– Bốn mươi giờ! Tuần lễ làm việc có 40 giờ thì chết những thằng có ruộng, hở? Viện họp khóa năm nay, tôi phải nhờ mấy ông nghị yêu cầu sao cho Nhà nước đừng gọi lầm bọn dân cày thuê cuốc mướn là "lao động" và xin nhất định bãi cái lệ làm ruộng một tuần lễ 40 giờ!

Ông tính điều hơn lẽ thiệt cho "cô Hai" nghe một cách rành rọt lắm, rồi ông đùng đùng vác cặp, thét sốp phơ [3] đánh xe đi.

Tìm đến nhà mấy ông Dân biểu Bắc Kỳ, ông Hường Lồ hết sức phân trần: "Tất cả các ngài đây, ai là chẳng có đôi ba mẫu ruộng ở nhà quê. Các ngài thử tưởng tượng đến mùa lúa chín, đương gặt dở mà thợ chúng nó kéo ra về theo luật tuần lễ 40 giờ thì... chết cả!".

Nhưng ông Hường Lồ bị người ta buộc oan cho cái tiếng là ích kỷ!

Rồi ông phát cáu trở về đồn điền, nói choang choang khi mới bước chân vào cửa:

– Đồ ngu lạ! Ra làm Dân biểu mà chỉ bênh vực xuông cho "dân chúng nó" thì ra làm... "đếch" gì?

Ích hữu số 44, ra ngày 1-12-1936.

1. Có nghĩa là: Xin giới thiệu với ông, đây là vợ bé của tôi.
2. Chỉ Lênin.
3. Có nghĩa là: người lái xe ô tô, tài xế.

QUAN HÀN... HÓT

Không biết kẻ nào ranh mãnh lại độc mồm, độc miệng đặt ngay cho "quan" cái tên là "quan Hàn... Hót".

Cái tên ấy là cả một đoạn sử cay nghiệt chép cuộc đời dĩ vãng của "quan".

Ngày xưa, lúc còn là một "bố cu" trong xóm, mỗi buổi sớm gà vừa gáy sáng, "quan" đã gọi "mẹ đĩ" trở dậy đi làm cái nghề gớm ghiếc mà người xưa đã tả bằng một câu thơ chữ Nho hùng tráng: "thu thiên hạ chi nhân tâm" [1].

Rồi gặp vận tấy, "quan" đã trở nên quan Hàn; "quan" đã lấy cái bài ngà Hàn lâm đeo trước ngực để che lấp cái quá khứ chẳng... thơm tho gì của "quan". "Quan" đã rắp chôn sâu cái mỉa mai của số phận ấy đến tận bùn đen cho nó mất tăm mất tích.

Nhưng cái tên Hàn... Hót mà thiên hạ vẫn thì thầm với nhau, nó lại chẳng muốn chiều "quan" như lòng "quan" muốn...

Mặc dầu từ ngày thay ngôi đổi bậc, "quan" đã sâm nhung tẩm bổ cho người thêm phì nộn, mặc dầu bộ râu "ghi đông" uốn theo kiểu Hoa Kỳ, chiếc áo gấm lam thất thể, đôi giày ban bóng loáng đã mua được cho "quan" cái vẻ bệ vệ của một Quan Hàn.

"Quan" đã cho vay lãi một cách khôn khéo để cướp cả cơ nghiệp "thằng" có nợ, "quan" lại chịu mềm lưng luồn lọt để có được chút thế lực, uy quyền.

Rồi "quan" mượn thầy về ngồi dạy học để biết ký được ba chữ tên, học vài ba câu tiếng Pháp để dùng trong những cơn thịnh nộ cần phải chửi mắng "gia nhân", học ngồi vắt vẻo trên chiếc sập gụ chân quì, học uốn cái lưỡi thật cong để đập bàn, đập ghế, thét mắng lũ dân nợ dân quê là "bú dù", là "sàlù", là "cu soong" [2], mỗi khi họ đem hai bàn tay trắng khất suông, chẳng đưa chút quà "vi thiềng" gì đến.

---

1. Có nghĩa là: thu lòng dạ thiên hạ (nói hài hước về nghề hót phân). Theo một giai thoại cổ, vua Lê Thánh Tông có đề dùm cho một nhà làm nghề hót phân đôi câu đối chữ Nho mà vế sau là *"Đề tam xích kiếm, tận thu thiên hạ chi nhân tâm"* (Cầm ba thước kiếm, tận thu lòng dạ thiên hạ).

2. Có nghĩa là: đồ con khỉ, đồ bẩn thỉu, đồ con lợn! (những tiếng chửi mắng, khinh bỉ).

"Quan" ghét cay ghét đắng vợ "quan", một người đàn bà nhà quê trăm phần trăm, vì bà này không biết cách lịch sự của những chỗ cửa quyền, cứ đeo cái váy mốc, với cái yếm nâu để người ta lấy đấy chế giễu "quan", như trát chấu, trát tro vào mặt.

Đã nhiều lần "quan" ép quan bà tập hút thuốc lá thơm, tập đánh tổ tôm, tập phủ lên nước da đen xạm một lượt phấn hồng, tập mặc chiếc quần cẩm châu trắng, nhưng lần nào quan bà cũng thẹn, bỏ chạy xuống bếp, vùng vằng.

Canh tân vợ không được, "quan" lo đổi mới cho hai tiểu thư của "quan".

"Quan" mời người dạy hai "lệnh ái" học đọc, học viết, học khiêu vũ, học chơi đàn, rồi dần dần người ta thấy hai tiểu thư đồng chiêm đem cái thân hình ngắn ngủn, béo múp, đen thui, cứng nhẳng, đem đường ngôi rẽ lệch, hàm răng cạo trắng với cái thổ âm "con tâu tắng buộc cành te nhà cụ ní đầu nàng" để chửi cha... mỹ thuật.

"Quan" tự đắc, gật gù ngắm hai tiểu thư và không bao giờ quên đem các tiểu thư ra giới thiệu với khách quan, mỗi khi có tiệc ở nhà hay ra chơi ngoài tỉnh.

Cướp từng đồng chinh của bọn áo ôm khố rách, "quan" đem đồng tiền mồ hôi nước mắt của người khác để tiệc tùng yến ẩm, hào phóng với những hạng người mà "quan" gọi là sang.

Trong chiếc "sàloong" [1] treo đầy hoành phi câu đối và ảnh phóng đại các quan Nam, quan Pháp, không mấy ngày là "quan" không có cuộc tiếp tân.

Ông Phó Đoan về bắt rượu lậu ở làng cũng được "quan" mặc áo gấm khúm núm ra mời về nhà đãi sâm banh, ông Tây đi bắn qua làng cũng được "quan" ra "ăn mày" mấy cái bắt tay và cố mời vào chơi nhà để đãi tiệc.

Việc làm ấy chẳng trái với tư cách quan Hàn... Hót.

Trước khi "quan" thu "thiên hạ chi nhân tâm" ở nghề hót... gì thì nay quan đổi cách mà "thu thiên hạ chi nhân tâm" ở nghề... hót xằng.

Ích hữu số 43 (ngày 15-12-1936).

1. Có nghĩa là: phòng khách.

CỤ THỪA HÀO

Cụ mới hai mươi nhăm tuổi, cằm với mép chưa có một sợi râu nào.

Tuy vậy, người ta vẫn quen gọi cụ là cụ, mặc dầu cụ mới có một "rúm" tuổi trên đầu, cái tuổi chưa được người ta gọi bằng ông, chỉ đáng người ta kêu bằng cậu.

Sau khi đã mài rách đũng quần ở chiếc ghế dài năm thứ tư một trường Cao đẳng tiểu học kia rồi, cụ muốn phá ngang, mà phá ngang bằng cách đi đằng... cửa hậu.

Nghe tin nhà nước mở cửa thi thừa phái, cụ về quê gán phăng ngay thửa ruộng của bà mẫu để lấy "cái" ra tỉnh giật giải, tranh lèo.

Quả nhiên cụ đậu Thừa phái, lại đậu vào hạng cao.

Rồi năm con trâu với mười con lợn thi nhau chết để mừng cụ một bước lên quan – quan Thừa Hào – và những cụ thân sinh ra cụ lên chức "cố" – cụ cố Thừa chứ không phải... ông cố đạo.

Thế là cụ đã thỏa lòng hoài bão.

Thế là cụ đã lập được công danh, làm rạng vẻ tổ tiên phụ mẫu, theo như ý cụ sở cầu.

Chỉ còn đợi nghị định bổ là cụ sẽ ra gánh việc dân, việc nước, nói cho đúng là việc trong dinh một quan tổng đốc nào.

Cụ đã là cụ Thừa Hào có cặp kính trắng trước mắt, chiếc khăn ba nếp trên đầu, đúng y phục một quan Hàn, hay hơn nữa, một quan Hậu!

Bệ vệ trên chiếc xe nhà có thằng cu li kéo bó xà cạp đỏ dưới chân, ngày ngày cụ vác xác vào dinh để luồn cúi những người cụ cho là có uy quyền và dọa nạt những thằng dân đen mà cụ cho là lắm máu.

Trước mặt một quan Tổng đốc hay một viên Tri huyện tập sự thường, cụ kính cẩn cúi mặt chắp tay, khúm núm mà bẩm báo, nhưng gặp một ông già – dù chỉ là ông già đi làm chứng cho một việc đấu khẩu – cụ cũng gọi người ta bằng "mày", rồi cụ cười, quát tháo, mắng người ta như tát nước vào mặt, sao dám đem hai bàn tay trắng đến hầu.

Với một số tiền chẳng phải là tiền mồ hôi nước mắt, cụ sắm một bộ sa lông lát, "mua" một thằng đầy tớ để tối tối cho nó chia tổ tôm hầu.

Cái chí khí hăng hái lúc còn là một anh thư sinh "mặt trắng", cụ đã đem di dưới gót, vùi thật chặt, thật sâu. Những tư tưởng hay, những ý nghĩa đẹp mà trước kia cụ ghi chép trong cuốn sách kẻ đều thì bây giờ cụ cho là vô dụng không hợp với trào lưu, vì nó không làm ích gì cho cụ.

Công việc của cụ bây giờ chỉ thu gọn vào câu "phải khoét xu thiên hạ".

Cụ làm cái công việc ấy khôn khéo quá, vì cụ đã biết khoét từ một mụ đàn bà góa có con khai sinh quá hạn đến anh dân muốn xin phép "thịt" một con bò.

Từ vài ba hào đến dăm ba đồng bạc, nhất thiết cụ không từ một món gì bao giờ.

Một hào bạc từ trong cái khố rách một người nhà quê chui ra cụ cũng chịu khó cất kỹ vào bóp tầm phơi [1] của cụ.

Theo đuổi đến kỳ cùng cái chính sách "hà bao", cụ can đảm giẫm lên trên dư luận của thiên hạ.

Cụ coi hết thảy mọi người là kẻ đố kỵ của cụ, cả đến ông "cụ cố" thỉnh thoảng lại vác ô cuốc bộ từ nhà quê ra.

Ích hữu số 49, 26-1-1937.

1. Có nghĩa là: cái ví.

LỌNG CỤT CÁN
(Phóng sự châm biếm – Trích)

Lọng cụt cán gồm khoảng năm mươi tiểu phẩm châm biếm, hầu hết đã đăng báo, tác giả xuất bản thành sách năm 1939, ký tên Chàng Ba.

Với ngòi bút châm biếm khá sắc sảo, *Lọng cụt cán* tập trung vạch trần bộ mặt lố lăng, thối nát của xã hội quan trường khi đó, từ bọn tri phủ tri huyện, thông phán đến những tên chóp bu của triều đình phong kiến bù nhìn; từ thói nịnh hót đê tiện, thói ăn tiền trắng trợn, thói hống hách và kiêu căng rởm của chúng đến những nghị định, thông tư vô lý, vô nghĩa của những Bộ Lại, Tòa Khâm hay Phủ Thống sứ... trong cái bộ máy nhà nước thống trị đó.

Dưới đây, chúng tôi trích 9 bài.

TRIỀU ĐÌNH HUẾ CẢN ĐƯỜNG LÀ ĐÚNG LÚC

Ông Nghị "đỏ" hạt Clichy là Honel vừa đây được Đảng Cộng sản Pháp cử sang Đông Dương để xem xét tình hình sinh hoạt của anh em dân thợ.

Xong công việc tại Sài Gòn rồi, ông Honel định ra luôn Trung Kỳ và Bắc Kỳ để làm nốt công chuyện đó, mặc dầu trước khi lên xe lửa, ông đã được tin triều đình Huế xin ông đừng đi qua địa hạt Trung Kỳ.

Đoàn xe tốc hành chở ông Nghị "đỏ" tới ga Phan Thiết, quả nhiên đã bị cản lại, rồi quan Công sứ Pierrot tỉnh Bình Thuận, vâng lệnh triều đình Huế, đã kính cẩn lên xe để kính cẩn... mời ông xuống xe!

Cho đến lúc ấy, ông Nghị Honel mới rõ chuyện làm của triều đình Huế đã chẳng phải chuyện đùa, vì không ai lại đùa dai đến đi cản đường của cả một đoàn xe, mà lại là một đoàn xe lửa!

Đáp ô tô của Tòa sứ Bình Thuận quay mũi trở lại Nam Kỳ, hẳn ông Nghị Honel không khỏi không nghĩ ngợi và ngạc nhiên về cái thái độ của triều đình Huế.

Có lẽ ông cho rằng Trung Kỳ còn giữ chánh sách *bế quan tỏa cảng* nên đã đóng cửa không tiếp những người khách lạ, chớ một người như ông, dù là ông *Nghị đỏ* đi nữa, cũng chỉ cần có mảnh giấy thông hành trong túi là có thể qua được khắp nước Đức, nước *Ý phát xít* một cách tự do.

Nghĩ chơi thì nghĩ, chớ ông Honel cũng thừa hiểu giang sơn của vua Bảo Đại lúc nào mà chẳng vui mừng đón tiếp các khách phương xa đến, nhất khi những khách ấy lại là các quí khách, thí dụ những người trong chánh giới Pháp như quan Thượng Reynaud hay ông Đại sứ Godard.

Hai ông này, trước sau không những đã được tự do qua lại xứ Trung Kỳ mà các quan lớn xứ Trung Kỳ còn mũ cao áo dài ra đứng đón chào hai ông ở dọc đường là khác nữa.

So sánh thế rồi, ông Honel, cũng là một người trong chánh giới Pháp bây giờ, hẳn càng phải lấy làm băn khoăn về cái *ca* của ông, vì ông nghĩ đã bù đầu mà vẫn chưa tìm ra lẽ.

Người ta bảo: triều đình Huế ngại rằng thừa dịp ông Honel qua đất Trung Kỳ, nhân dân lại biểu tình này nọ; nhưng ông Honel càng không tin lời ấy là có lý, vì, nói triều đình Huế lo có cuộc biểu tình của dân chúng mỗi khi có người khách lạ, thì trước đây, những lúc các ông Reynaud, Godard qua lại, dân Trung Kỳ vẫn biểu tình hết tỉnh này đến tỉnh nọ mà triều đình Huế nào đã sợ... cóc chi!

Nếu ông Nghị Honel biết nghĩ sâu xa một tí, tất ông sẽ thấy việc ông bị cản đường đã chẳng là phi lý, mà rồi ông còn phải cảm phục triều đình Huế đã xử nhã một cách kín đáo với ông ta.

Cũng như năm 1934, đối với *"dân Cộng"* trong ban *"Cứu tế Đỏ"* Péri. Nam triều cũng nhã nhặn xin với ông đừng qua địa phận Trung Kỳ như đã xin với ông Honel trước khi ông xách va li đến ga Sài Gòn, lên xe lửa.

Cách xử trí của Nam triều đối với mấy ông Cộng sản này, sự thật, không có chi là lạ.

Không lạ vì điều ai cũng biết rõ là mấy trăm năm về trước, triều đình Huế đã hăng hái làm việc *"tiễu Cộng"* ở khắp địa hạt Trung Kỳ.

Là một Chánh phủ biết phép lịch sự, có khi nào Chánh phủ Trung Kỳ lại để quí khách Honel, một anh Cộng sản, đi qua cái xứ mà xưa nay người ta chém giết Cộng sản như chém chuối bao giờ!

Để Honel qua đất Trung Kỳ là làm Honel động lòng thương sót các đồng chí của ông ta – thương sót mà không làm được trò gì, vì các đồng chí ấy nay đã ra người thiên cổ cả.

Chẳng phải vì sợ hãi như người ta tưởng lầm, Nam triều chỉ nhã nhặn chẳng muốn làm buồn lòng ông... khách quí!

Thế mà ông Honel còn cố kèn cựa để xin bãi cho được cái lệnh cản đường của triều đình Huế thì thật ông đã phụ đứt cả một cái... bụng tốt của triều đình Huế rồi, còn gì!

Thiệt là một điều đáng thương cho ông Nghị Clichy... và nhất là cho triều đình Huế!

CHỈ VÌ QUAN PHÁN KHÂM ĐÃ DIỄN MỘT TRÒ QUỈ THUẬT

Hôm vừa rồi, viên Lý trưởng làng Đạo Xá thuộc phủ Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh có đem lên nộp tại kho bạc tỉnh 470 đồng là số bạc làng Đạo Xá phải đóng cho Nhà nước về vụ thuế 1937.

Trước khi đem thuế lên nộp tỉnh, ông Lý Đạo Xá đã kiểm điểm nhiều lần lắm và tin chắc số tiền thật đủ, không thiếu hụt một chinh.

Nhưng quan Phán Khâm giữ việc kiểm bạc tỉnh, tại kho bạc sau khi nhận và kiểm tiền của thầy Lý Đạo Xá, lại một mực nói số thuế hụt đứt 15 đồng, nghĩa là trong số 470 thuế phải đóng, chỉ còn lại 455 đồng, và nhất định bắt Lý trưởng phải bù đền.

Lý trưởng thì nằng nặc rằng đã trình đủ cả 470, nếu hụt đi là tại quan phán Khâm lầm, chớ chính tay mình đã đếm rất cẩn thận.

Hai người không chịu nhịn nhau nên câu chuyện thành ra to tiếng.

Rồi, muốn tỏ mình là người có lý cứng, quan Phán Khâm liền tát Lý trưởng luôn ba tát, ý chừng muốn để thày lý có sợ oai quan phán thì phải ngậm miệng, bù tiền.

Không ngờ Lý trưởng Đạo Xá cũng cho lý của mình là cứng, thấy bị quan Phán Khâm ức hiếp, liền kêu thét ầm lên.

Ông Chánh kho bạc Bắc Ninh lúc ấy đang ngồi trong phòng giấy, nghe ngoài có tiếng la thét om sòm, vội chạy ra hỏi Lý trưởng Đạo

Xá, lại hỏi cả quan Phán Khâm, rồi bắt quan Phán này lật sous main[1] của quan lên, sau khi ông đã nghe lọt đầu đuôi câu chuyện.

Thì một sự không ngờ xảy ra: dưới sous main quan Phán Khâm, ba tờ giấy bạc năm đồng còn đang nằm kín tiếng im lìm, đúng với số bạc thuế mà quan Phán vừa kêu thiếu hụt.

Thì ra, tuy không phải tay chuyên nghề làm trò quỉ thuật, quan Phán Khâm cũng biết làm quỉ thuật, rồi, trước mắt Lý trưởng Đạo Xá, trong lúc kiểm bạc, quan Phán ngài đã diễn thuật... lùa công.

Cho cái thuật của quan Phán diễn chỉ là cái thuật rất thường của một tên ăn cắp, ông Chánh kho bạc liền cho xích tay quan Phán lại và giải lên tòa sứ Bắc Ninh.

Việc đến đây cũng chưa xong, quan Phán Khâm còn bị điệu ra tòa để quan tòa khép ngài vào tội ăn cắp thuế của Nhà nước.

Chúng ta, ai nấy đều biết rằng, theo chế độ thu thuế hiện hành, mỗi lần phải kiểm số bạc của tổng lý đem trình, cứ mỗi 100 đồng là các quan phủ, huyện vẫn được 2 hoặc 3 đồng gọi là khoản tiền "trình kiểm".

Thí dụ: kiểm 500 bạc thuế thì quan phủ T, hay quan huyện X. được tiền trình kiểm là 10 đồng hoặc 15 đồng.

Làm quan ăn lương Nhà nước, phải kiểm tiền thuế của Nhà nước, là một phận sự, mà các quan còn được ăn tiền trình kiểm, lại ăn một cách đàng hoàng.

Thì sao quan Phán Khâm, cũng là một ông quan – quan Phán kho bạc Bắc Ninh – sau khi kiểm 470 đồng bạc thuế, ăn tiền "trình kiểm" có 15 đồng, lại bị người ta xích tay, chỉ vào tận mặt mà gọi là một tên ăn cắp được?

Bởi thế, tôi nghĩ rằng: người ta buộc tội ăn cắp cho quan Phán Khâm là oan cho ngài lắm!

Giá tôi là nhà cầm quyền thì không những tôi không điệu quan Phán Khâm ra tòa án, mà còn... cải bổ ngài sang ngạch hành chính làm một chức tri phủ hay tri huyện để ngài được ăn tiền "trình kiểm" một cách... đàng hoàng!

1. Có nghĩa là: tấm lót tay để viết.

CÁI CHỖ CÔNG BẰNG CỦA QUAN HUYỆN GIA LỘC

Chợ Hội Xuyên thuộc huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương có người đàn bà tên là Nguyễn Thị Hiền làm nghề bán thịt lợn.

Ông Bùi Tiến Mai thì làm Tri huyện Gia Lộc.

Nghề bán thịt lợn với nghề làm tri huyện nó chẳng dính líu gì với nhau hết, vì ông quan không phải là người thay vua cầm quyền nước trị dân.

Thế mà, hai nghề ấy một hôm đã đụng chạm nhau... bất thình lình.

Trong cuộc đụng chạm ấy, bà hàng thịt lợn Nguyễn Thị Hiền đã phải căng nọc ra sân để quan huyện Mai cầm cà vạt... đét.

Theo tuần báo *Tương lai* thuật lại chuyện này thì từ trước đến nay, mỗi lần bán thịt lợn... hầu quan, bà Hiền vẫn bán hạ hơn ngoài mỗi cân 7 xu, cái giá mà gọi là "đặc biệt".

Bọn đầy tớ quan thừa dịp ấy đầu cơ lấy thế quan huyện mua hộ thịt cho cả người khác, mà ngày nào cũng mua tới bảy tám cân một lúc để những người không phải là quan huyện, chỉ là những bạn của đầy tớ quan huyện cũng được... xơi thịt rẻ "đặc biệt" như quan.

Biết mưu của bọn quỉ quyệt, bà Hiền nhất định không bán thịt cho chúng nữa, làm bọn đầy tớ cửa quyền ấy chẳng được vừa lòng.

Rồi, chẳng biết chúng về ton hót thế nào với quan mà quan nổi nóng lên, lập tức cho một thày đội trú với bốn người lính cơ ra chợ bắt bà Hiền phải đội cả rổ thịt vào sân huyện.

Ở đây, bà Hiền phải nọc sấp ra sân để nhận hàng chục chiếc gân bò của quan đặt mạnh trên hai mông đít.

Hơn nữa, bà Nguyễn Thị Hiền còn phải đội thúng thịt đi quanh sân huyện, rao bán thịt rầm lên.

Thuật lại câu chuyện quan với thịt ấy, bạn đồng nghiệp *Tương lai* của chúng tôi như có ý bảo quan huyện Mai đã lấy thịt đè người bán thịt, nghĩa là quan xử với dân như thế là bất công.

Nhưng tôi thì tôi cho rằng quan huyện Mai không những đã làm một việc... công bằng mà còn dạy cho bà hàng thịt Nguyễn Thị Hiền một bài học về sự công bằng là khác!

Các ngài thử nghĩ xem: bán thịt cho một quan huyện lương tháng 100 đồng mà bà Hiền còn trừ được cho quan 7, 8 xu một kilô, thì sao bà không trừ 10 lần cái số 7, 8 xu cho bọn tôi tớ nhà quan là bọn lương tháng chỉ có chừng mươi đồng, nghĩa là lương kém gấp mười lương quan huyện?

Bán đắt cho đầy tớ quan huyện mà lại bán rẻ cho quan huyện, là bà Hiền đã làm cái việc đổ nước vào chỗ trũng, hay hơn nữa, cái việc bòn nơi khố cậy đãi nơi quần hồng!

Chỉ một việc để chênh lệch giá hàng như thế, bà Hiền đã phạm vào tội làm sai cán cân... hàng thịt, mà cán cân hàng thịt tức cũng như cán cân.. công lý, cái biểu hiện của sự công bằng.

Vậy thì dù bà Hiền có bị... gông đóng tròng mang cũng chẳng phải oan, huống hồ là bà mới bị ăn mấy cái gân bò của quan huyện!

Nhục là thịt; miếng thịt thật là miếng nhục!

Dù sao bà Hiền cũng không thể đem chuyện thịt để làm nhục ông Mai được, vì cho có ăn thịt rẻ rồi lại phải đánh đòn hàng thịt để đầy tớ mình cũng được ăn thịt rẻ, quan huyện Gia Lộc cũng vẫn là một ông quan chí công!

CẤM SÁCH "COMMENT EMPÊCHER LA GUERRE" LÀ CỤ THƯỢNG NHÀ CÓ LÝ LẮM

Bộ Lại của Nam triều thuộc quyền cụ Thượng Thái Văn Toản vừa rồi có Nghị định cấm lưu hành, tàng trữ, phát mại ở toàn hạt Trung Kỳ trên 200 cuốn sách.

Những sách này hết thảy đều viết bằng chữ Pháp do các Nhà xuất bản ở Paris xuất bản và phát hành.

Muốn tránh cho dân Trung Kỳ cái họa chứa sách... quốc cấm, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã có ý tốt chia cất cái lit (liste) [1] khổng lồ kê

1. *Lit (liste)*: danh sách.

tên những sách cấm ra làm nhiều đoạn để lục đăng từng đoạn liên tiếp trên báo *Tiếng dân*.

Rồi luôn trong 5, 6 kỳ báo *Tiếng dân*, người ta vẫn còn thấy ở trên và dưới cái đề mục *Trên 200 cuốn sách cấm* những chữ tiếp theo và còn nữa liền liền, chưa biết đến năm, tháng nào mới dứt.

Trong hơn 200 cuốn sách này, một phần lớn là những sách học thuyết của các học giả bênh vực Chủ nghĩa Cộng sản của Tô Nga [1] mà một người, cho có bộ óc thông minh như bộ óc của cụ Thượng Lại nhà, vị tất đã nhớ cho hết được.

Điều mà người Trung Kỳ nên nhớ và nên biết là từ nay, bất cứ gặp cuốn sách có tư tưởng quá khích nào cũng nên đốt ra than chớ đừng ném vào sọt rác, trừ những sách của các soạn giả có tư tưởng hòa bình.

Nhưng lạ một điều là trong số hơn 200 cuốn sách cấm ấy, người ta thấy có tên cả cuốn *"Comment empêcher la guerre"* của văn sĩ Romain Rolland [2].

Comment empêcher la guerre nghĩa nó là: làm thế nào để ngăn được họa chiến tranh, thì cuốn sách của Rolland, cứ như tên của nó, lẽ tất nhiên là "hòa bình" 100 phần 100 chớ có khi nào "quá khích".

Nhiều người cho việc đút tên cuốn sách Rolland vào số những sách cấm này là việc làm lạ lắm.

Sự thực thì không có chi lạ hết nếu người ta biết nhìn xa một chút, nghĩa là nhìn ra ngoài cuốn sách của Rolland.

Chúng ta, ai nấy đều biết cái "Bộ Binh" của triều đình Huế đã bị bãi bỏ từ ngày vua Bảo Đại đăng quang.

Một nước đã bỏ Bộ Binh là một nước rất hòa bình thì còn cần gì phải có sách *Làm thế nào để ngăn được chiến tranh* như sách của Rolland đã viết.

Đối với Nam triều, với dân Trung Kỳ, sách *Comment empêcher la guerre* là một cuốn sách... thừa, thừa vì nó vô ích!

Vậy thì cụ Thượng Lại cấm sách của Rolland là cụ có ý lắm, cũng như các Tổng lý có lý ở việc cho giong trong ngày hội ngày đám những mảnh cờ đuôi nheo hạng đại thêu bốn đại tự: "Quốc thái dân an"!

---

1. *Tô Nga* (hoặc Xô Nga): Liên Xô.
2. *Romain Rolland* (1866-1944): nhà văn tiến bộ Pháp.

ĐỂ "NAM PHƯƠNG" LÊN TRÊN LÀ PHẢI QUÁ!

Một câu chuyện về thiên văn học.

Nói thế, nó cũng hơi cao cao một chút.

Sự thiệt, nó chỉ là câu chuyện về khoa địa dư phổ thông.

Các cậu học trò lớp bét Trường Sơ đẳng ở Huế cũng thừa biết rằng phàm khi nào vẽ hình trái đất mà định hướng cho nó thì bao giờ người ta cũng để phương Nam ở dưới, phương Bắc ở trên.

Nhưng sở Khâm thiên giám ở Huế không chịu làm như thế, lại làm lộn lên, nghĩa là để Nam phương lên trên, và cho Bắc phương ở dưới.

Bức vẽ trái ngược ấy với cả tờ tâu của sở Khâm thiên giám nói về độ nguyệt thực hôm rằm tháng Chạp ta vừa rồi, không may lại để lọt vào mắt các ông trong bộ biên tập báo *Tràng an* trông thấy.

Câu chuyện treo ngược quả đất truyền ra từ đấy.

Học trò lớp bét các trường sơ học Huế được một phen cho các quan của sở Khâm thiên giám là dốt để tha hồ cùng nhau cười.

Bị kẻ vạch trên mặt báo của ông Bùi Huy Tín, các quan Khâm thiên giám vẫn chẳng chịu mình là sai...

Và chẳng chịu để thua lời, các quan bắt buộc báo *Tràng an* phải đăng... "một thôi" cải chính:

"... Vả, các độ nhật thực và nguyệt thực, độ nào chúng tôi cũng có vẽ bản đồ dâng lên, đồ nào cũng theo tờ giấy để xuôi mà vẽ cho tiện, phương Nam viết phía trên, phương Bắc viết phía dưới, phương Đông bên hữu, phương Tây bên tả, nếu cứ để tờ đồ giữa bàn giấy mà xem, tưởng là treo ngược đầu quả đất nhưng mà chúng tôi hễ khi nào trông coi, thì phải trương tờ đồ lên theo hình thể mặt trời hoặc mặt trăng, trở mặt tờ đồ xuống dưới, rồi mình ngưởng mặt xem lên, chỉ Nam trở về hướng Nam, Bắc về hướng Bắc thì Đông, Tây cũng đều thuận (!) cả, xem như vậy thì mặt trời mặt trăng khi mới khi khuyết phía nào và bị ăn hết bao nhiêu, cũng đều rõ biết cả, và không sai phương hướng".

Đó, cái lý của các quan Khâm thiên giám!

Nhưng cái "lý sự" của các ngài còn để cho nhà báo họ bẻ được: "Phương Bắc nếu đã ở dưới thì phía hữu không thể là phương Đông".

Nhưng họ bẻ như thế cũng khi nghiệt một chút vì dù cho các ngài có vẽ Đông, Tây, Nam, Bắc lộn tùng phèo đi nữa thì khi đã có nhật thực hay nguyệt thực, giỏi bằng quan... Khâm thiên giám như các ngài cũng không tài nào ngăn nổi mặt trời hoặc mặt trăng khỏi bị... gấu ăn!

Mà dầu các ngài có treo ngược đầu quả đất lên thì quả đất cũng vẫn như thường, nghĩa là nó không biết trả thù để treo ngược đầu các ngài lại được!

Cứ ý riêng tôi thì sự để Nam phương lên trên đầu của các ngài là sự phải quá đi mất!

Trong triều có Nam phương hoàng hậu, mà Hoàng hậu lại là bậc chí tôn chí trọng.

Quả đất đã không vì một bức vẽ lộn tùng phèo phương hướng mà ngã lộn tùng phèo được, thì sự đặt Nam phương lên trên Bắc phương của các quan Khâm thiên giám đã chẳng hại cho một con muỗi mắt, mà còn lợi cho các quan ở cái nghĩa tôn quân!

Nếu dốt thì các ngài đã không làm quan, nhất lại là làm quan... Khâm thiên!

Mà nếu tôi cũng lại bắt bẻ các ngài như lời bắt bẻ của hết thảy mọi người – trong đó gồm có cả các người của báo *Tràng an* – thì rồi các ngài... biết ai tâm sự?

ĐỔI TÊN CHÙA QUÁN SỨ

Hội Phật giáo Bắc Kỳ, từ ngày thành lập đến giờ, vẫn lấy chùa Quán Sứ ở phố Richaud [1] làm trụ sở.

Các sư cụ, sư ông đăng đàn thuyết pháp ở đó.

Các vị cư sĩ trổ tài hùng biện để thuyết minh giáo lý cũng ở đó.

Sư cụ tập sự Nguyễn Năng Quốc đọc diễn văn bằng tiếng Pháp để khai lễ dựng Hội quán Hội Phật giáo lại cũng ở đó.

1. Nay là phố Quán Sứ.

Tóm lại là ở đó người ta đã làm đủ thứ, trừ có cái việc của anh đồ tể: việc mổ bò.

Chùa Quán Sứ! Cái tên gọi ấy, cứ như Nam sử chép lại thì nguyên từ đời Hậu Lê đặt ra.

Vì ngôi chùa đường Richaud, ngoài việc chứa mấy ông sư, còn là chỗ để mấy ông sứ Tàu, mỗi khi sang sứ bên ta, tạm trú.

Vật đổi sao dời, những "chuyện cổ" ấy đến nay không còn nữa.

Các quan Tàu sang ta bây giờ đã có lãnh sự quán của họ.

Mà các quan ta bây giờ, mỗi khi về trí sĩ, cũng đổi "mốt" chơi, không làm bạn với cúc tùng như các quan đời trước nữa để làm bạn với hoa Đàm đuốc Tuệ, hay nói nôm na cho dễ hiểu là các ngài cũng tấp tểnh làm sư.

Hai cái thí dụ lớn:

Cụ Hiệp tá Nguyễn Năng Quốc, cụ Võ hiển Hoàng Trọng Phu.

Rồi theo gương hai cụ lớn này, vô số quan lớn, quan bé Bắc, Trung Kỳ đua nhau lên chùa để "thụ" tương Tàu, đậu phụ.

Vì không còn là chỗ tạm trú của sứ Tàu mà chỉ là chỗ tạm trú của các quan ta, cái ngôi chùa cổ đường Richaud cũng không nên mang mãi làm gì cái tên "Quán Sứ".

Danh phải cho đúng nghĩa.

Giáo lý của đạo Phật gồm trong hai chữ sắc, không, điều đó phàm kẻ tu hành, ai cũng rõ.

Sắc không, không sắc! Cái thế giới muôn vàn chúng sinh này chẳng qua chỉ là một trường ảo tưởng ấy thôi, nghĩa là có mà không không mà có.

Cho nên hai cái dấu sắc (´) ở trên hai chữ Quán Sứ, theo giáo lý của Phật, có cũng rứa, mà không, cũng rứa.

Vậy thì, muốn cho chùa "Quán Sứ", không còn có cái tên gọi bất hợp thời là "Quán Sứ", cụ Nguyễn Năng Quốc, Hội trưởng Hội Phật giáo, quan trí sĩ, sư tập sự, còn đợi gì không vứt quách hai cái dấu sắc (´) – sắc không không sắc – trên hai chữ "Quán Sứ" mà gọi phắt nó là chùa... "Quan Sư"!

NẠM HOA HAY NẠM RỒNG

Mấy bà trưởng giả ở Hà Nội vừa khởi xướng lên một vấn đề tối quan trọng.

Vấn đề phụ nữ nên dùng giầy hay dép để đi lượn.

Và nhất định phản đối cách đi lượn phố bằng chân không.

Giầy với dép, hai thứ cùng nền, cùng đẹp, miễn nó không phải là đôi giầy mõm ngóe hay đôi dép quai dọc quai ngang.

Bởi thế nên các bà cùng phân vân...

... Và không quyết định được việc khi đi lượn ngoài đường, phụ nữ nên đi giầy hay đi dép?

*

* *

Một vấn đề khó giải quyết.

Nhưng khó, không phải cùng nghĩa với *không làm được.*

Cho nên mấy bà đã tìm được cách giải quyết vì mấy bà không ngại sự khó khăn.

Trước nhất, mấy bà tìm đến một nhà đóng giầy có tiếng để hỏi cho biết giầy với dép, thứ nào là đẹp, là nền.

Thì ông thợ giầy trả lời vắn tắt cho các bà biết rằng ông không dám "lên trên nơi giầy dép" của ông, theo lời khuyên của Apelle, một họa sĩ đại danh của cổ Hy Lạp.

Còn nước, còn tát.

Các bà liền tìm đến một nhà có tiếng là ăn mặc sành nhất nước:

Nhà cụ Hội Quang.

Quả nhiên, mấy bà không lầm!

Ai chứ cụ Hội thì vẫn có tiếng là sành, sành cả mặc lẫn ăn – mà nhất là ăn – vì nhà cụ là một nhà quảng giao hay nói là một nhà giao thiệp rộng cũng được.

*
* *

Thấy người đến xin lời chỉ giáo của mình, cụ Hội Quang tuy đang tiếp ông Phạm Lê Bổng, Chủ báo *Nam cường*, cũng mời đón mấy bà trưởng giả "học làm sang" này một cách rất trân trọng.

Cụ nói tuy cụ là Trưởng ban Tế bần, nghĩa là nhà Hội của cụ chỉ chứa toàn phường khố rách áo ôm, nhưng cụ thường đi lại chơi bời ở các chốn quyền môn, vì thế mà cụ quen biết toàn những ông lớn và bà lớn.

Cách ăn mặc của những ông bà này, cụ biết lắm, và biết lắm lắm.

Mà tất nhiên là cách ăn mặc sang trọng.

Vì ăn mặc sang trọng bây giờ, còn ai hơn được các ông quan và các bà quan.

Nhưng, ở chỗ này, ông Bổng với cụ Hội Quang đã chẳng cộng biểu đồng tình.

Ông Chủ báo *Nam cường* cho rằng trên các bá quan còn có ngài Hoàng hậu Nam Phương, cũng như trên các ông quan và trên cả Hoàng hậu Nam Phương, còn có một bậc chí kính chí tôn tức là Hoàng thượng.

Vậy thì, bên nữ cũng như bên nam, muốn ăn mặc cho nền, cho sang, cần phải lấy hai ngài làm mẫu mực.

Mẫu áo, mẫu quần, cả mẫu giầy, mẫu dép.

Rồi ông Phạm Lê Bổng quả quyết bảo mũi giầy Nam Phương Hoàng hậu dát toàn ngọc, mỗi bên hình dung một đôi rồng chầu mặt nguyệt, trông rất đẹp, rất nền.

*
* *

Cụ Hội Quang trước còn chịu ông Bổng nói là phải, nhưng đến chỗ này thì cụ bắt đầu nổi gân cổ lên.

Bằng một giọng hùng hồn của *"diễn thuyết giả"* kiêm *"từ thiện giả"*, cụ kịch liệt phản đối *"Chủ nhiệm giả"* kiêm *"Chủ bút giả"* của báo *Nam cương*.

Cụ Hội cho rằng mặc dầu báo *Nam cương* là báo bảo hoàng, mặc dầu ông Phạm Lê Bổng đã bảo hoàng hơn các vị đế vương, báo *Nam cương* với ông Bổng cũng không thể biết đôi giầy của Hoàng hậu một cách rõ ràng như cụ biết.

*
* *

Cụ Hội Quang không nói phách – hay không nói phét cũng được.

Vì hồi Nam Phương Hoàng hậu ra chữa răng ngoài Bắc, chính cụ đã xin phép được Hoàng hậu cho vào bệ kiến tại đền Puginier để bái yết long nhan.

Xin vào bệ kiến – cụ Hội Quang nói – có phải đâu như vào nhà một tên dân thường.

Gọi là chiêm ngưỡng long nhan nhưng có đâu mình dám nhìn thẳng vào mặt Rồng.

Mình phải quỳ lạy để tỏ bụng tôn quân.

Tôi đã rập đầu ba cái trước bệ Rồng thì tôi còn lạ gì đôi giầy của ngài Nam Phương, vì mũi tôi đã dính vào mũi giầy Ngài nên tôi trông rõ lắm.

Đôi mặt giầy Ngài bằng nhung vàng không dát "lưỡng long chầu nguyệt" như ông Bổng đã nhận lầm mà chỉ dát có hai cành ngọc tán hoa chắp bằng toàn hạt ngọc.

Phụ nữ ta có thể "cóp" kiểu dùng được, đừng nên đi dép, vì dép tân thời bây giờ cũng... mang tiếng là dép quai dọc quai ngang.

*
* *

Cho lời chỉ giáo của cụ Hội là chí lý, nhưng mấy bà trưởng giả vẫn không khỏi lấy thế làm sợ sệt, băn khoăn.

– Giời cho mình giàu có, dù thế nào chúng mình cũng chỉ mới là bà Hàn, bà Hội là cùng. Nay đi "cóp" kiểu giày của ngài Hoàng hậu, chỉ e chúng mình sẽ phạm vào tội khi quân, chi bằng mình thay màu vàng bằng mầu da đồng và cải tán ngọc hoa ra hoa *nhài*, hoa *sen*, hay hoa *soan tây* cũng được.

Cụ Hội Quang cũng tạm cho thế là "được được".

Nhưng ông Phạm Lê Bổng thì nhất định giữ cái thuyết "lưỡng long triều nguyệt"...

... và ông cho rằng dù là sắc vàng hay là rồng chầu cũng không phải thay đổi gì hết.

– Các bà cứ xem ngay tôi chẳng hạn. Ngài Ngự đội khăn chữ nhất, tôi cũng đội khăn chữ nhất, Ngài Ngự khoác áo cáp, tôi cũng khoác áo cáp, nếu bảo như thế là khi quân thì đã từ năm năm nay, tôi phạm tội khi quân!

*
* *

Sự thật, ông Phạm Lê Bổng đã thờ được một cách chu đáo chủ nghĩa bảo hoàng.

Tuy vậy mặc lòng, cụ Hội Quang vẫn cứ cho là giầy của ngài Nam Phương không dát rồng, và ông Phạm Lê Bổng không thật mắt.

*
* *

Ông Bổng nói ông Bổng phải, cụ Hội nói cụ Hội hay. Mà cứ như thế mãi thì cãi nhau đến hàng tháng.

May đâu, ông Lê Văn Thu phóng viên thể thao báo *Đông Pháp* nhảy luôn vào nhận làm *abít* [1], rồi mách hai bên một cách:

Chắc chắn hơn hết là hỏi ông Nguyễn Tiến Lãng, Ty trưởng phòng Báo giới của triều đình Huế, kiêm tác giả sách *Oriđít* (Euridice) quan hầu của Nam Phương Hoàng hậu, người vẫn được cái vinh hạnh theo sau Hoàng hậu luôn.

Ông Thu kể lại: ngày ra chơi ngoài Bắc, có một hôm Hoàng hậu về Hà Đông thăm làng Triều Khúc làm làng "kiểu mẫu" của cụ Võ Hiển Hoàng.

Cho cuộc nghênh tiếp được trọng sự thể, người ta đã lấy chiếu cói rải trên khắp đường làng để gót ngọc của ngài Nam Phương khỏi bị ố hoen bùn cát.

---

1. *Abitre:* người trọng tài (tiếng Pháp).

Nhưng hoàng hậu quen đi trên cát hơn đi trên cói.

Bởi thế, một chiếc giầy của Ngài đã tụt ra ngoài gót ngọc.

Rồi, bởi thế, ông Nguyễn Tiến Lãng đã hết sức kính cẩn cúi nhặt chiếc giầy tụt để xâu trả lại gót ngọc của ngài Nam Phương.

Vậy thì, biết rõ đôi giầy cao quí và cao gót ấy, không còn ai bằng ông Nguyễn Tiến Lãng, trừ đôi bàn chân ngà ngọc của ngài Nam Phương.

Ở chỗ này, cụ Hội Quang với ông Phạm Lê Bổng đã cộng biểu đồng tình...

... Và đã cùng thuận sẽ gửi thư về kinh hỏi quan Ty trưởng Nguyễn Tiến Lãng.

*
* *

Bởi thế, cái vấn đề tối quan trọng: "Phụ nữ Việt Nam nên dùng giầy hay dùng dép để đi lượn" vẫn chưa thể giải quyết được.

Và, bởi thế, các bà, các cô hiện nay vẫn đi cả giầy lẫn dép mà cũng chưa phân biệt thứ nào là nên là đẹp, trong khi chờ thư của ông Nguyễn Tiến Lãng – người đã được cái hân hạnh nhặt giầy cho Nam Phương Hoàng hậu – trả lời cụ Hội Quang – người đã được cái hân hạnh ngửi mũi giầy của Hoàng hậu Nam Phương.

XA PHU... BẤT TÚC!

Quan Thống sứ Châtel vừa rồi có gởi cho quan Đốc lý (các báo hàng ngày không đăng in rõ là quan Đốc lý Hà Nội hay Hải Phòng) một tờ thông tư dặn kỹ các điều lệ phải thi hành đối với các phu xe hàng.

Theo các điều lệ ấy thì người làm phu xe bây giờ, mạnh chân khỏe tay, mới chỉ là một điều cần.

Còn hai điều cần hơn:

a) Không được can án từ một tháng tù trở lên;

b) Không được bị phạt bốn lần về tội thường vi cảnh.

Người ta kêu: những điều lệ này khí ngặt.

Rồi người ta cho rằng: những kẻ túng đói vì làm liều bị can án, sau khi mãn hạn tù, không còn nghề nghiệp gì khác, muốn ra cầm

đôi gọng xe để làm ăn một cách lương thiện cũng không được vì đã bị những điều lệ nghiêm ngặt cản đường.

Những người mở miệng phàn nàn như thế, thật ra chỉ là hạng người nông nổi, chưa hiểu thấu cái ý tốt của quan Thống sứ Châtel.

Tẩy uế làng xe kéo, không cho những người can án, những đến bốn lần bị phạt vi cảnh vào làng, là quan Thống sứ đã làm cái việc tương tự việc đặt Hội đồng khảo sức học các người ra ứng cử nghị viên để tẩy uế cho Dân viện.

Vài năm nay, người ta tâng bốc lao động như trời, nói ra những câu như: "Lao động thần thánh".

Phu xe cũng là một hạng người trong giới lao động nên phu xe cũng được người ta nâng cao phẩm giá lên.

Nâng cao phẩm giá cho anh em xe kéo, có người đã hô hào việc phá bỏ xe kéo để thay bằng thứ xe đạp ba bánh, có người lại hô hào anh em xe phu kịp tổ chức ái hữu với nghiệp đoàn.

Nhưng, tất cả những cách ấy vẫn không... "nhậy" bằng cách của ông Châtel, một quan Thống sứ có rất nhiều sáng kiến.

Với một chiếc "đũa tiên", Châtel đại nhân đã hóa phép cho làng xe kéo An Nam không còn một tên... tiểu nhân nào hết.

Vì, những người suốt đời không bị can án lại không bị cả đến phạt vi cảnh thì trừ phi là những đấng... hiền nhân!

Hết thảy chúng ta đều có thể làm tuần phủ, tổng đốc, làm nghị viên, hội viên, làm thày lang, chủ báo, làm ông thông, ông ký, nhưng nhất định chúng ta không thể làm... cu ly xe được, nếu chúng ta bị phạt vi cảnh đến bốn lần.

Và những ngài như ngài Đỗ Kim Ngọc, Đinh Công Huy v.v... cũng không đủ tư cách làm cu ly xe, mặc dầu các ngài đã làm đến tri phủ và án sát.

Thật là án sát hữu dư mà xa phu bất túc!

Rồi đây, những ông phu xe, mỗi khi muốn đổi nghề ra làm quan, làm nghị, làm thày lang, chủ báo hay làm thông ngôn, ký lục chẳng hạn mà có ai hỏi đến hạnh kiểm, các ông có thể kiêu ngạo vỗ ngực dằn từng tiếng mà đáp một câu khiến người ta phải kính phục:

– Tôi là cu ly xe, anh phải biết!

Hoặc:

– Je suis tireur de pousse! Moi! [1]

---

1. Có nghĩa là: Tôi là cu ly xe! Tôi!

CÁI QUYỀN "CHỬI" CỦA ÔNG PHỦ LẬP LỄ

Báo *Dư luận* đăng tin: vừa rồi, ông Nguyễn Lập Lễ, Tri phủ Nho Quan có diễn thuyết cho dân trong hạt ấy nghe về hai vấn đề: *nghề làm báo và chủ nghĩa cộng sản.*

Đảng viên Cộng sản với người làm báo ở xứ này đã bị ông phủ Lễ lôi ra mạt sát tàn nhẫn.

Theo sự nhìn nhận của quan phủ Lễ thì những *"thằng làm cộng sản là những con ngáo ộp"*, mà những *"thằng làm báo là những quân nói láo chửi càn"*.

Nghe cái khẩu khí và cái luận điệu của quan phủ Lễ, người ta đồ chừng ngài là một người không bao giờ chịu cầm cây viết viết một bài báo và không bao giờ chịu mở cho tỏ con mắt để đọc một trang sách nói về chủ nghĩa của Lýninh [1].

Người ta đã chẳng đoán lầm, vì ngoài cái giờ làm việc quan ở nha môn, quan phủ Lễ còn bận quỳ gối cúi đầu trước bức tranh in hình đức chúa Giêsu để lầm rầm cầu nguyện.

Quan phủ Lễ có quyền coi khinh các người làm báo, coi khinh các đồ đệ Lýninh cũng như ngài có quyền coi trọng đức Chúa Lời coi trọng các *"cha"*, các *"cụ"* của ngài, điều đó, người ta không có quyền nói đến.

Có điều, trong khi mở to mồm để chửi rủa những người làm báo là những người cầm cây viết để phụng sự một lý tưởng, có lẽ quan phủ Lễ cũng quên bẵng hẳn cái nghề làm báo đã đẻ nổi ra những đứa con làm đến thượng thư, tổng đốc, nghĩa là những người còn đáng bậc sư phụ, ngồi trên đầu trên cổ ông Nguyễn Lập Lễ, Tri phủ Nho Quan.

Đừng ai cho câu tôi nói trên là quá đáng vì không ai dám đánh cuộc rằng nếu có dịp vào kinh đô Huế, ông phủ Lễ lại chẳng khoanh tròn hai tay áo thụng để vái sát đất *"cụ lớn"* Nguyễn Bá Trác và "cụ lớn" Phạm Quỳnh.

---

1. *Lýninh:* Lênin.

Mà *"cụ lớn"* Trác và *"cụ lớn"* Quỳnh của *"quan lớn"* Nguyễn Lập Lễ trước đây cũng là những *"thằng nói láo, chửi càn"* – cái danh hiệu mà quan phủ Lễ đã gán cho những người làm báo, thí dụ như báo *Nam phong* chẳng hạn.

Nếu quả thật chẳng phải con người đãng trí, hàm hồ thì quan phủ Lễ tất phải là vị quan chính trực lắm.

Vì một ông phủ vẫn có thể chửi được một ông bố (xin đừng lầm là ông bố đẻ), một ông án, một ông thượng, nếu những ông này đã làm những chuyện tầm bậy.

Và như thế thì ông phủ Lễ chỉ là một người đáng khen!

Lọng cụt cán, Tam Lang xuất bản năm 1939.

TRỌNG LANG
(1905 -?)

Tên thật là Trần Tán Cửu, sinh ở Hà Nội trong một gia đình quan lại. Cha là Trần Tán Bình, làm quan Tuần phủ, đã có thơ đăng trên tạp chí *Nam phong*.

Trọng Lang chỉ chuyên viết phóng sự, phần lớn đăng trên các báo của Tự Lực văn đoàn (báo *Phong hóa,* báo *Ngày nay*). Có lẽ trước cách mạng, Trọng Lang là cây bút phóng sự viết chuyên cần, dồi dào nhất. Ông đã đề cập tới nhiều hiện tượng xã hội đáng chú ý đương thời. Ông điều tra về "đời sinh hoạt và những cách hành động, những mưu hay chước lạ của bọn ăn cắp, từ nhà quê đến thành thị" (*Trong làng chạy*), về cuộc sống ám muội đồi bại của hạng người mượn cửa Phật để làm những điều dâm tà (*Đời bí mật của sư vãi*), về nạn đồng bóng quàng xiên (*Đồng bóng*), về tình cảnh các hạng phụ nữ làm nghề son phấn ở Hà Nội (*Hà Nội lầm than*), về những cảnh sống tối tăm ở thôn quê (*Làm dân*), về các thủ đoạn kiếm tiền vô đạo đức (*Làm tiền*), về bọn lang băm và các cách chữa bệnh hủ lậu quái gở (*Với các ông lang, Thày lang*), về thân phận những "vợ lẽ nàng hầu" (*Vợ lẽ nàng hầu*)...

Tiếc rằng cây bút phóng sự bền bỉ và có nghề đó chưa có những tác phẩm có ý nghĩa khái quát xã hội cao và sự phân tích xã hội sâu sắc, nhiều khi sa vào ghi chép vụn vặt và biểu lộ cái nhìn khinh bạc bất nhẫn đối với những nạn nhân xã hội đáng thương, thiếu sự cảm thông, trân trọng đối với con người.

Từ năm 1947 đến 1954, Trọng Lang sống ở Hà Nội thuộc vùng Pháp chiếm đóng, viết cho các tờ *Dân chủ, Ngày mới, Thời đại, Vì nước* (đều ở Hà Nội), *Tổ quốc* (ở Huế). Sau 1954, ông sống ở Sài Gòn dưới chính thể Mỹ Ngụy, cộng tác với các báo: *Dân chủ* (ký bút danh ông Tưởng Tốc, Đinh Bù Loong), *Việt chính* (tác phẩm *Tiếu lâm tân thời* từng đăng trên báo này). Sáng tác của Trọng Lang sau 1945 không được mấy ai chú ý vì không có gì thật đặc sắc.

Tác phẩm của Trọng Lang

Các phóng sự:

– *Trong làng chạy,* đăng báo *Ngày nay*, 1935.

– *Đời bí mật của sư vãi,* đăng báo *Ngày nay* rồi *Phong hóa,* 1935.

– *Gà chọi,* đăng báo *Phong hóa,* 1935.

– *Đồng bóng,* đăng báo *Phong hóa,* 1935 – 1936.

– *Hà Nội lầm than,* đăng báo *Ngày nay,* 1937; Đời nay xuất bản, Hà Nội, 1938.

– *Làm dân,* đăng báo *Ngày nay,* 1938, Hàn Mặc xuất bản, Hà Nội, 1943.

– *Làm tiền,* đăng báo *Ngày nay,* 1939; Mới xuất bản, Hà Nội, 1942.

– *Thày lang,* đăng báo *Hà Nội tân văn,* 1941, với nhan đề *Với các ông lang;* Mới xuất bản, Hà Nội, 1944.

– *Vợ lẽ nàng hầu,* Tự do xuất bản, Hà Nội, 1950.

– *Những đứa trẻ,* viết 1944, xuất bản 1950.

HÀ NỘI LẦM THAN

(Phóng sự – Trích)

Phóng sự *Hà Nội lầm than* được đăng dần trên tuần báo *Ngày nay* (của Tự Lực văn đoàn) năm 1937; Nhà xuất bản Đời nay in thành sách năm 1938. Cái tên quá rộng, *Hà Nội lầm than* chỉ chủ yếu viết về đời sống "một hạng phụ nữ nô lệ tạm thời hay những đêm mua vui của người có tiền" ở Thành phố Hà Nội khi đó. Tác phẩm gồm 4 phần: Phần thứ nhất: *Gái nhảy,* phần thứ hai: *Cô đầu,* phần thứ ba: *Nhà thổ,* phần thứ tư: *Ăn mày.*

Dưới đây trích trọn hai phần đầu.

PHẦN THỨ NHẤT

GÁI NHẢY

Trong lúc anh em lao động làm việc có giờ, có tiền và ngày nghỉ, tôi muốn nói đến một hạng phụ nữ Việt Nam, mà các bà "tử tế" vẫn thường bĩu môi coi như một lũ "thù nghịch chung số một" của người làm mẹ và làm vợ.

Tôi muốn nói đến một hạng phụ nữ nô lệ tạm thời trong những đêm mua vui, của người có tiền.

I. GÁI NHẢY

Bắt đầu tôi nói đến ngay các cô nhảy đầm lấy tiền, tức là nói đến một nghề mới của phụ nữ Việt Nam.

Lịch sự, đáng thèm, nhưng vất vả và đáng thương, nếu người ta chịu khó xét kỹ đến.

Nghề nhảy đầm bằng cứ ở việc tôi đã mục kích là bậc thang đưa các cô gái quê từ chỗ trong tréo đến chỗ cặn bã của xã hội. Nó lại là "cuộc tu" của các ả giang hồ lão luyện.

Đối đãi với gái nhảy bằng tình thương, thì cũng như đối với cô đầu, gái đĩ, người ta sẽ là một nhà đạo đức dớ dẩn và sẽ bị cho "đi tướt" (nghĩa là bị rẻ rúng).

Đối đãi với gái nhảy bằng tình ái, người ta sẽ khổ sở vô cùng. Nhưng nếu người ta, chỉ có tiền và một lòng muốn phù du, thì người ta sẽ được hưởng những "đêm đèn điện" thật đầy đủ, như những đêm thần tiên của Paris, Thượng Hải.

Nhưng mà...

TRONG TIỆM NHẢY

Một đêm nặng nề sương lạnh và gió rét. Tôi dò xuống một tiệm nhảy ngoài châu thành. Vì hai lẽ: một là ở đó các cô nhảy là cô đầu kiêm nhảy không lương, vừa xấu, vừa cục kịch, vừa ghẻ lở, hình ảnh của sự tiều tụy đối với cảnh rực rỡ của các tiệm khác.

Hai là: Trong các ông đi nhảy, thì tiệm đó được tiếp hàng đêm một số đông kỷ lục, các ông mới biết nhảy, không biết nhảy và Khách lai.

Tôi đến đó để được xem mấy cô mặc quần áo nực, ục ịch vần "mấy cái xe bò" (những người nhảy nặng) giữa lúc trời rét cắt da.

Để hiểu rõ cái khổ của một bọn "nô lệ" không lương của môn nhảy đầm.

Nhạc nổi một bản tango: *"Après toi, je n'aurais plus d'amour"*. Dịp được, dịp không, một cậu bé mặc áo cánh, thì thầm với cái trống

đã trùng mặt, và kêu "phập phùng" như trống mọi ăn thịt người. Một ông như cái xác chết biết cử động, vừa ngọ nguậy đun một cô nung núc những thịt, vừa âu yếm nũng nịu như một ông nhảy đầm ở bên Tây về.

Bỗng một tiếng kêu "ái". Một cặp dừng lại. Thì ra một ông khác đang nhảy nhỡ dẫm vào chân một cô đi bên cạnh. Dẫm trúng giữa cái mụn lở của cô, nó đương nung mủ.

Họ không nhảy. Họ đang tàn phá cái mỹ thuật nhảy đầm, họ đang làm khổ một đám người đã coi môn nhảy đầm, thức đêm, đánh phấn như là món ăn thường ngày của họ, nghĩa là cần phải có, nhưng vô vị.

*

* *

Tôi chọn và nghiêm nghị mời một cô mềm dẻo nhất đám nhảy. Tôi bắt đầu quen cô ta, rồi quen mãi cho đến ngày nay, vì cô ta đã làm cho tôi phì cười. Cười rồi thẹn hộ cho cô ta, và... thương hại.

Giữa hai "bước" khó, cô bỗng hát theo đĩa kèn. Cô hát bằng một giọng khàn khàn quê đặc:

– "A pờ ne toi, dơ nô le pờ lúy đà mùa" v.v... (*Après toi, je n'aurais* plus d'amour...)

Tôi hỏi cô một câu, cho cô đừng hát nữa.

– Em hát, đành rằng hay, nhưng hơi sai một chút.

Cô nhìn tôi không mếch lòng, bằng đôi mắt ngạo nghễ:

– Ít sự sai lắm nhé.

Nói xong, cô không hát nữa, nhưng bước đi của cô thấy mỗi lúc một nặng ra, và mặt của cô mỗi lúc một vác lên.

Tôi nhìn cái mặt vác ấy: cô đánh phấn nhiều, vụng như một gái nhà chứa, vì không như các cô nhảy nhà cô Đốc, cô dấu không kín hết một vài chỗ da nho nhỏ hoen vàng xám, dấu hiệu của đói rét, thức đêm và nhục dục.

Trên môi, tuy đỏ choét, vẫn hở cái vành đen như thịt trâu ôi.

Với bộ răng trắng còn mờ đen, đôi mắt lờ đờ, đục vẩn, thỉnh thoảng loáng một tia "thèm muốn". Cô hoàn toàn là gái của... mọi người.

*

* *

Tôi mời cô gọi nước uống. Và tôi bắt đầu đi thêm vào con đường hẻm hóc của đời cô đầu kiêm gái nhảy.

Cô ngồi phịch xuống ghế, giơ thẳng hai chân như lấy đà để ngáp, giữa lúc nhạc nổi một bài *"Rumba"*.

Cô gọi một cốc nước chanh quả. Ở đây, tiền các món giải khát mời các cô trừ tiền vốn đi nhà chủ thì ơn thưởng cả cho các cô. Cô gọi nước chanh quả, vì món nước đó mất ít vốn lắm.

Lúc tôi viết bài này thì cái món ăn thưởng đó đã bị bỏ đi rồi. Nhưng cơm trắng và đòn vọt vẫn còn.

Cô bỗng lẩm bẩm: "*Rumba* mớ đời gì mà *rumba* mãi!" Cô nói xong, liền bị một ông lại mời cô nhảy. Ông khách đó là một mẫu người tủn hoẳn, vừa gầy vừa xanh, quần áo xốc sếch, ngực bó cao, ống quần hẹp.

*

* *

Như một con khỉ đẹp trong lũ khỉ, ông chưa biết nhảy, nhưng ông cũng cứ nhảy: ông lôi cô to lớn hơn ông ra một góc sân rúc đầu xuống mà ngoái, cả đầu, cả lưng, cả chân lẫn tay.

Y như một con khỉ con đứng trước khỉ mẹ vừa nghịch vừa rũ chấy rận.

Kèn hết, cô trở về chỗ lầu nhầu chửi: "Sư nó! Nhảy với nhót. Có cái quần mới dẫm tiên sư nó cả vào gấu. Mất một cốc cà phê mà cho đến lúc đèn xanh đỏ, chẳng tuần chay nào là không có nước mắt".

Rồi cô bỗng nhìn tôi, cười thật đĩ: "Lần sau, em sẽ cho "kép" ấy ra rìa, anh nhé?"

Cô nói câu đó, tôi thấy như đụng chạm đến tôi. Tôi rục rịch về đem theo lời nhận của cô đi chơi chiều mai.

Cô tiễn tôi ra cửa. Gió hắt, lạnh thấu xương. Cô rùng mình, lán sát vào tôi, thò cả hai tay vào ngực tôi mà nhắc lại:

– Mai anh xuống đón em, nhé?

Cô nói gần tận mặt tôi. Từ trong mồm cô đưa ra một thứ hơi... "thối" vô cùng.

Thứ hơi "thối" của ruột, gan, phổi, đã nẫu ra vì lao lực, thức đêm, kém ăn, hơi thối của các thứ vi trùng bệnh kín, và ho lao.

Tôi rợn tóc gáy, nhưng không phải vì gió rét.

*

* *

Tôi lên tận chỗ cô nằm. Ngồi trên giường, cô đang trùm chăn đánh mặt phấn, thản nhiên và tươi cười; có lẽ lúc đó cô đã quên mình là đào nhảy. Chung quanh cô, mấy cô khác còn trùm chăn ngủ. Ba người co quắp trong một cái chăn, xưa hình như màu trắng, thò đầu ra ngoài, mà ngủ như chết. Ba bộ mặt vàng mét đó, là ba nét vẽ đau đớn không bao giờ tôi quên được. Trước khi xuống cầu thang, cô bạn tôi bỗng phát vào giữa đám ba người ngủ: "Tiên nhân mày, dậy đi". Cô tươi nét mặt mà chửi câu đó. Chửi ở những chỗ này là một cái khoái, cũng như cái khoái "nói tục" của nhà Nho lỡ thời.

Ra cửa rét lắm. Cô chỉ có một cái áo dài *bom bay* đen mỏng dính. Cô có cả cái *"gilet",* lẫn áo bông, nhưng không dám mặc, sợ xù to xấu dáng người đi.

Nhưng rét quá, cô đành khoác áo *pardessus* của tôi.

*

* *

Trong một hiệu cao lâu kia, cô chỉ biết gọi phở xào hay cháo gà.

Cô ăn uống tự nhiên như một người đàn bà quen chân lấm tay bùn.

Rồi, ngậm cái tăm mà không xỉa, cô trả lời những câu hỏi của tôi mà cô cho là vớ vẩn.

– Tôi hỏi cô:

– Tại sao em ở chốn cao lâu rồi thành nhảy đầm giỏi?

– Vì hoàn cảnh.

Câu trả lời này là một sáo ngữ. Đáng lẽ cô phải trả lời thế này mới đúng: "Vì em quá lẳng lơ và lấy sự đi gánh lê ghim là khó nhọc".

Tôi nhìn cô, thương hại:

– Trời rét cắt ruột, sao nhà chủ không may cho em một cái áo rét?

Cô trầm ngâm:

– Muốn có áo thì phải vay chủ. Em nợ nhiều lắm rồi. Vả lại nhảy đầm một lúc thì nóng lên, chả sợ rét nữa.

– Em có muốn lấy chồng không?

Cô nhìn tôi như nhìn đống tiền:

– Sao lại không muốn. Nhưng gặp tinh quan viên đá (keo) cả, nợ nhiều thì chết già ở đó, ít "sự" hòng họ chuộc ra lắm.

Cô nói thì khôn lắm, nhưng thật ra, cô tuy có nhan sắc nhất nhà, nhưng không ai dám trả lời cho cô, vì cô có tiếng là: đồng bóng, mê trai vô cùng, nhưng chóng chán, bạ với ai ngay một tối cũng đã coi cái thân mình là rẻ, và thứ nhất là đã bị bệnh kín, cũng như phần nhiều các cô trong tiệm đó.

Vả lại ở đấy có một đặc sắc này: chủ tiệm đã sống và hiểu cái đời đào hát, nên không kiềm thúc con em cho lắm. Cho con em đi chơi ban ngày. Nhưng chớ có lạm dụng để đi trốn. Cô chủ quen tinh những các ông ở sở Mật thám, và cái cà vạt trong nhà nó không nể cô nào cả.

Các cô được đi chơi ban ngày cho nên những quan viên có tình đã "đá" lại đá thêm. Ông đến nhảy một, hai tối, rủ các cô đi chơi ban ngày, hưởng với các cô đủ các thú đi hát, mà tiền không mất mấy. Thì tội gì trả một đống nợ cho các cô.

Nghĩ đến việc trả nợ, tôi hỏi cô bạn:

– Có cô nợ chỉ có vài đồng mà lúc đi lấy chồng, nhà chủ bắt làm văn tự vay sáu bảy chục bạc. Phải thế không?

Cô gật. Tôi lại hỏi:

– Ở nhà lại còn một số cô xấu bẩn nhất, chỉ được nhảy mà ít khi được tiếp khách hát. Xấu đến nỗi, hình như ai nhân tình với cô đó, cũng bị nhà chủ khinh lây. Xấu đến nỗi, không ai vời đến, rồi một đêm mệt quá, ngủ vật ngủ vã, để cho thằng bếp nó phạm vào mà cũng mặc kệ. Phải thế không?

Cô bạn tôi nhìn tôi:

– Sao anh biết, cái anh quỷ này?

Tôi chép miệng:

– Xấu nhưng nhảy giỏi. Giá làm ở các Bar thì lương cô ta ít ra cũng nổi mười lăm đồng một tháng.

Cô bạn tôi đã tìm được dịp để khoe:

– Em sắp làm cho một *Bar* bên K.T, tháng mười lăm đồng.

Tôi hỏi:

– Tiền lương đó ai nhận?

– Chủ nhận cả.

– Em đi làm đến một, hai giờ sáng, về có còn phải tiếp khách hát nữa không?

– Vẫn phải tiếp.

– Thế thì thân hình em chịu sao nổi sự vất vả, nhất là gió rét này!

Mắt cô quắc lên một tia sáng:

– Em ít sự cần lắm nhé. Vì em chỉ đi làm một tháng thôi. Đi làm để... "quảng cáo".

Tôi ái ngại cho cô: một người đàn bà, dù đã sống trong sự xảo trá, đã thành một con tinh khôn, vẫn còn là một người đàn bà, nghĩa là vẫn thật thà và "ngốc" một cách đáng thương.

Tôi hỏi nốt một câu:

– Thế tiền xe ai cho? Rét thế kia em không sợ cảm chết à? Vả đi đêm không sợ thân gái dặm trường?

– Đã có xe nhà của chủ, có khi chủ *Bar* bên K.T cho nữa. Rét thì mượn *pardessus* của các anh. Lúc đi, lúc về đã có các anh đưa đón.

Cô nhìn tôi ỏn ẻn:

– Đã có anh đưa em về!

Tôi cười. Thực ra tôi phảng phất thấy mùi "thối" của ruột, gan, phổi đã nẫu ra mà cô đã cho tôi ngửi thấy hôm qua.

– Tôi trót cười, gỡ lại không được. Chỉ còn cách ra về với sự biết mới rằng: vẫn có chỗ người ta không biết luật làm việc và nhân đạo là cái gì.

CÔ BẠN TÔI VỚI MỘT CÁCH LÀM TIỀN

Đoạn duyên của tôi với cô đào nhảy nọ còn kéo dài theo cái thời gian cần cho tôi để kiếm thêm tài liệu về cuộc điều tra này. Tôi biết cô thêm, biết thêm cái khóe làm tiền còn vụng về của cô.

Tôi không phí công đóng một vai si ngốc, còn cô đã hoàn toàn đeo cái mặt nạ một gái chung tình để kiếm của tôi một cái... áo rét sáu đồng bạc.

Giữa lúc ở cao lâu ra, cô cứ nôn khan rồi rùng mình mãi.

Tôi săn đón: "Em gặp lạnh rồi. Tội nghiệp quá!"

Cô ấm ứ: "Áo *pardessus* của anh rộng quá đi mất, cho nên em vẫn còn rét..."

Tôi đi trước cô: "Để rồi anh biếu em một cái áo *laine* vậy".

Cô nhìn tôi như một đứa trẻ, hơi bệu cặp môi ra và hình như rét thêm lên một lúc nữa.

Rồi đêm sau, sau khi *Bar* đóng cửa, cô can đảm mặc áo nực đi tìm tôi giữa lúc tôi đang lạnh buốt người trong chăn bông ấm.

Cô được một bữa rét với... cái áo rét.

Thấy tôi dễ, cô còn nhiều cách làm tiền ra mặt nữa, cũng như lúc khách quen mời uống, hay là đứng ở cổng Bar, cô nhận một vài đồng của nhân tình.

Cô lấy tiền đó để mua xà phòng giặt rịa, thuê là quần áo và thỉnh thoảng mua một xu chả trâu ăn cơm, một xu xôi vò, những đêm nhảy quá khuya.

Kỷ niệm của tôi, cô chỉ còn cái áo. Cô mặc nó những ngày thứ bảy, chủ nhật bất cứ nực hay rét.

Để khoe với chị em rằng cô có một dĩ vãng đầy... đàn ông yêu cô, vì đến bây giờ, hai mươi ba tuổi rồi hãy còn người cho cô áo mặc...

TRƯỚC NỤ CƯỜI TẠO NÊN BẰNG ĐÒN VỌT

Tôi từ giã cái cảnh tiều tụy của Bar ngoại châu thành kể trên, với một mối từ tâm có lẫn sự ghê tởm, như lúc tôi ở một buồng bệnh của nhà thương bố thí bước ra.

Để sống một nửa đêm, giữa cái cảnh huyền bí thần tiên trong một Bar ở Khâm Thiên. Dưới ánh đèn xanh, đỏ mơ màng đã che được bao nét đau thương kín đáo, mấy cô đào kiêm nhảy thơm tho, vơ vẩn thướt tha theo nhịp nhạc.

Bước đi của các cô nhàn nhã lịch sự vô cùng, vẻ mặt diễm lệ vì cách tô điểm khéo léo, lại đầy sự nhẫn nhục và yên phận.

Cho đến một hai giờ sáng, đêm nào cũng như đêm nào, người ta chưa thấy một cô nào cười to quá, nói một câu tục tằn, hay là dẫn bước xuống sàn.

Khách tàn, cuộc rượu tàn, đêm tàn, chỉ có nụ cười của các cô đã rèn đúc trong khuôn phép cô đầu, là không bao giờ tàn.

Tôi không thể tưởng tượng được rằng những người con gái đó, là những đào nhảy đang bị buộc vào cái đời đáng thương của những cô đào kiêm nhảy bằng những món nợ tự các cô cho đến chết cũng không trả được.

Nhưng tôi đã thấy sự đau khổ âm thầm, kín đáo, khéo dấu trong vẻ kiều diễm tạo nên bằng tiền vay nợ, bằng một khuôn phép có lẫn đòn vọt.

Vì thỉnh thoảng họ nhìn lẫn nhau một cách chán nản và thở dài.

Như bảo nhau rằng đêm nay cũng như đêm qua, cái món nợ chủ lại vẫn nằm đấy. Khách nhảy đêm nay chưa phải là mặt thương hoa. Phần nhiều là khách chỉ tìm để yêu các cô trong lúc nhảy, phần nhiều là thiếu niên chỉ có đủ năm hào để được gần gụi các cô trong chốc lát.

Cho nên, một đêm kia, một cô ngồi với nhân tình, đã quên hẳn rằng cô còn nợ chủ những ngót ba trăm bạc và ở đây, người nào cũng có thể là nhân tình cô được: hai, ba lần cô từ chối không nhảy với người khác nữa.

Rồi giữa công chúng, cô chịu cho bà chủ thẳng tay tát cô như tát một... con sen.

Trông cách trừng phạt giữa công chúng đó, người ta có thể tưởng tượng ra cái cảnh lao tù hằng ngày của một lũ nô lệ trong nghề nhảy.

Ở đây, chỉ có ở đây thôi, người ta đã lấy roi mây, cẳng tay, để tạo nên một cảnh thần tiên cho người có tiền.

Ở đây, người ta mới thấy cái khổ "nên thơ" của ngót hai mươi người con gái biết điều và đẹp, có đủ tư cách để hưởng một đời sung sướng của người làm vợ.

Ở đây, người ta đã thấy cái nghệ thuật của sự giả dối hoàn toàn.

GÁI NHẢY CHUYÊN MÔN

Bây giờ tôi nói đến gái nhảy chuyên môn, có lương tháng.

Tôi còn nhớ đã hai năm về trước, một đêm tôi bước chân vào một Bar ở Bờ Hồ. Hai giờ sáng. Cu li đã ghếch chân lên xe, ngáy om sòm trước mặt một ông cảnh sát vừa đi lò dò vừa ngủ gật. Đang làm việc để kiếm tiền, chỉ có mấy mụ "phu thùng" với các cô nhảy.

Tôi bước vào. Có hai "thứ" đón tôi: cặp mắt vui vẻ của anh bồi đã trông thấy ở bộ quần áo của tôi một hay hai hào tiền diêm thuốc, và những bộ mặt cau có của một vài cô đang chống cự ráo riết với thần ngủ bằng những cái chớp mắt nặng nề.

Bên xó cửa, y như một con chó lớn, một cô ngồi bó gối, đôi dép có quai tung ra hai bên. Mặt cô loang lổ phấn, vừa reo vừa héo, đầy mệt nhọc và buồn ngủ.

Tôi lại gần cô, định hỏi bâng quơ mấy câu, cô tưởng tôi mời nhảy, nhắm mắt và giương đôi mày vẽ đen sì lên:

– "Xin lỗi ông, em đau phồng cả năm đầu ngón chân, và mệt quá..."

Tôi nhìn cô, cô được dịp để nói cho hả:

– "Ai lại em nhảy từ tối đến giờ đến ba mươi bài. Mà toàn với "tẩy" say cả..."

Rồi cô thong thả vịn cánh cửa đứng lên. Sau làn lụa áo mỏng, tôi thấy cả hình hai cái xương ngực của cô, hơi thở gấp của người thiếu máu, kém ngủ và chuyên lấy cơm rau, cà làm món bổ dưỡng. Tôi có ngay cái cảm tưởng rằng nếu cô không đang ho lao, thì chỉ trong vài tháng nữa cô sẽ chết về vi trùng *Koch*.

Mà mỗi tháng lương, chỉ có tám đồng.

Nếu cô có phải uống thuốc, thì tiền đó chỉ đủ để uống thuốc lá của lũ mường vớ vẩn.

Hồi đó, các tiệm nhảy tha hồ mở cửa khuya, khách hàng tha hồ nhảy, vì họ chỉ thức có một đêm thôi. Tiệm nhảy ít, gái nhảy nhiều cho nên các ông chủ Bar có nhiều quyền lắm.

Mãi cho đến lúc nhà nước bắt đầu phạt nặng những tiệm nhảy và nhà hát cô đầu nào để kèn hay đập trống quá mười hai giờ đêm, trừ thứ bảy, những đêm lễ nghỉ, là những đêm của người có tiền.

Cái ngày nhà nước thu hai đồng bạc phạt đầu tiên, đã mở một kỷ nguyên nhẹ nhàng cho gái nhảy.

Có chỗ, một ông chủ, một cách nhân đạo, đã cho các cô "tiền súp" hai hào một giờ, khi nào Bar mở quá mười hai giờ đêm.

Rồi chỉ sau dăm tháng, đâu lại vào đấy. Tiền "súp" kia bị "súp" đi, và trong các Bar, tới một giờ đêm vẫn thấy kèn inh ỏi.

Các ông sen đầm hình như ngủ quên cả rồi... để cho các cô lẫn các người nhảy tha hồ thức mà nhảy.

Nhưng có một việc đáng kể:

Một xóm K.T có tới năm Bar tranh nhau tiếp khách.

Các cô nhảy chỉ còn có việc chọn chỗ làm, chọn lương cao thấp.

Ở các Bar, riêng về phương diện nghề nghiệp, các cô nhảy có quyền to hơn hết.

Nhưng người ta lại phải bắt đầu ghét sự kiêu hãnh, lòng đơn bạc đối với chủ của các cô.

Các cô đổi chủ vì một đồng bạc, cũng như, trong đời riêng, các cô đổi nhân tình vì một bước nhảy, vì một cái mặt có râu hay không râu.

Như chim sơn ca, buồn bã, với tiếng gọi của rừng núi rộng, các cô sống theo tiếng gọi của đàn tâm có trăm ngàn điệu.

Và sống lấy được, như người sợ chết vô cùng.

MỘT ĐÊM KIA

Một đêm "khiêu vũ" lớn, trong một tiệm đã từng lập kỷ lục về tổ chức những đêm "nhảy nhiều một cách vô lý".

Ngồi nhìn, từ chín giờ cho tới nửa đêm, những cặp "nhảy" dịu dàng, trai trẻ giữa tiếng cười, những hoa và dây giấy, giữa những điệu nhạc mê hồn, người ta yên trí rằng nghề "nhảy" là một nghề nhã nhặn, kiếm được cho các cô nhảy tiền và chồng rất dễ.

Nhưng, từ mười hai giờ đêm cho đến ba giờ sáng, hay đến lúc bình minh, lúc phấn sáp đã trôi qua những lần da xám nhợt, người ta mới thấy rõ cái bã của cuộc vui, bộ mặt thực của nghề nhảy, nó cũng gớm chết như bộ mặt xanh vàng, hết phấn của các cô nhảy.

Rồi nhìn thấy các cô nặng nề, khổ sở cố lê theo mấy ông lực lưỡng, lắc trên lắc dưới như một thằng múa rối, người ta tưởng tượng ngay rằng các cô là "cu li nhảy", chứ không phải là "gái nhảy" nữa.

*

*   *

Tôi đang mỏi mệt ngồi cạnh một cô mà sau khi bar đóng cửa tôi đã quên mất tên rồi, thì cô Th... đào nhất của tiệm, khệnh khạng bước lại bên, ngồi phịch xuống ghế. Cô thở dài:

– Tức ngực quá đi mất!

Tôi nhìn cô, cô gầy lắm, cả người chỉ rặt những xương và răng. Nhưng không phải vì thế mà cô xấu: hai mắt cô to tướng, đen óng như đôi mắt đa tình hay là sốt rét.

Tôi hỏi cô:

– Nhảy suốt sáng thế này, mai còn hơi sức đâu mà đi dạy nhảy nữa?

Cô cười:

– Mỗi chiều lại phải đẩy mấy cái xe bò, khó nhọc thực đấy, nhưng biết làm thế nào?

Cô bỗng mơ màng:

– Lại còn mấy "bố" tập nhảy cả buổi trưa nữa!

Rồi cô lấy tay đập khẽ vào ngực như đánh nhịp:

– Độ này nhai cơm như nhai gỗ, mà chả ngày nào là không sình sịch một thang thuốc. Nghĩ mà sốt cả ruột. Thôi, chào các cụ nhé!

Thế là cô đứng dậy đi ra chỗ khác, hai chân xiết xuống sàn, người lúc la lúc lắc, vừa chán nản vừa nghịch ngợm.

Một lát nữa tôi thấy cô nhảy tăngggô với khách lưng cong lên, cằm cô tựa vào vai khách, há mồm ra mà... ngủ như thường.

Kèn kết, cô mở choàng mắt, nhe hết cả hai hàm răng ra mà cười. Khách yên trí rằng cô vừa ngủ, nhưng ngủ đùa, cho nên không nỡ giận.

Cô Th... với cô bạn nữa có lẽ là hai người chí thú làm ăn nhất đám. Lương cô gần hai chục cô còn đi dạy thêm, cả trưa, cả chiều: một ngày tám chín giờ nhảy với phần nhiều những "xe bò" cả. Để nuôi em đi học và mẹ già.

Nhảy xong với khách, cô lại đến gần tôi. Tôi được dịp khen cô.

– Cô chịu khó quá.

Cô cười:

– Biết làm thế nào? Nhưng mà được cái thích rằng tiền kiếm bằng mồ hôi, nước mắt.

Cô bỗng quắc mắt lên:

– Chả như mấy con "đượi" (đĩ) kia, đêm qua có thằng lính Tây nó rủ vào nhà săm, rồi thí cho hai đồng bạc, thế mà cũng đâm đầu vào!

Tôi nhìn, hất hàm chỉ một cô béo tròn như cục mỡ.

Cô Th... lắc đầu:

– Tây nó cũng có rủ cả con béo ấy đi, nhưng nó không chịu đi.

Tôi hỏi sang chuyện khác:

– Tôi nghe ở đây có một cô có bệnh ho khổ lắm?

Cô nhanh nhảu:

– Chính con mẹ bệu ấy đấy. Nó có bệnh hen ông ạ, có lúc đang nhảy, thỉnh thoảng nổi cơn hen lên, thương thương là!

Kèn nổi một bản *Java.* Tôi mời cô, vì cô nhảy java hồng mao không chụm chân lướt lắm.

Cô lễ phép xin lỗi rồi ngoảnh lại phía sau gọi inh ỏi.

– T. ơi! T. lại đây bảo!...

Một cô dong dỏng cao trông xa gầy, nhưng nhìn kỹ thì thuộc về hạng "gầy giả" *(Fausse maigre),* hai mắt to, mồm rộng, răng còn đen rức bước lại.

Cô Th. hai mắt nhìn tôi đầy một vẻ bí mật:

– Ông nên nhảy với cô này!

Rồi cô ngoảnh lại bảo cô T.

– Alê, nhảy!

Cô T. thẹn thò:

– Bài gì thế?

– Cô Th. như gắt:

– Java! Java!

– À, java...

Trước khi tôi bước xuống sàn, cô Th. ghé vào tai tôi:

– Ông có nhảy nên ôm thật chặt. Sẽ thấy lạ lắm!

Tôi nhìn cô. Cô, bí mật:

– Ông sẽ thấy đau ngực...

Xong bài kèn, cô Th. đợi cho cô kia đi khỏi, rồi hỏi tôi:

– Thế nào, có thấy đau ngực không?

Tôi thật thà:

– Chỉ thấy mệt thôi!

Sau một lúc gạn hỏi, cô mới nói thật:

– Ngực T. lép như bồ kết, nên nó phải độn bằng hai cái vú khâu bằng vải rất rắn.

Mọi người cười. Cô Th. như thích lắm:

– Hôm nọ, chả biết nhảy thế nào, mà rơi mẹ nó vú giả xuống đất...

Tôi bất giác nhìn về phía cô T... cô Th. như đồng ý với tôi:

– Đi nhảy mà không "kẻng" (đẹp) thì dù có nhảy giỏi cũng khổ. Như con X, kia kìa, thật là đã hai tháng nó làm đây, cấm thấy một người nào mời uống. Ngồi đâu thì ngồi yên một xó như con chó. Hôm nọ, ba giờ sáng, vác giầy đi đất về nhà, không có lấy một xu mà đi xe.

– Lương tháng bao nhiêu?

Cô Th. buồn bã?

– Năm đồng! Còn hơn có đứa chỉ có ba, bốn đồng! Còn hơn có đứa chả có đồng "dét" nào!

– Chả trách không được thơm tho và nhẹ nhàng cho lắm! Nhưng làm ăn thế nào mà đến nỗi không lương?

– Này nhé, xin vào làm mà chưa biết nhảy. Làm "công ta" chịu nhảy không lương trong vài tháng, rồi sau tùy tài mà lĩnh ba, bốn đồng cơm nuôi, hay năm, sáu, bảy đồng không cơm trong một tháng.

Cô bĩu môi, mơ màng như nghĩ đến một việc gì:

– Đến một chục bạc một tháng cũng chả đủ. Đi làm thợ mà lương tháng một chục thì nuôi cả hàng xóm cũng được. Nhưng phải đi nhảy, vắt mũi mới đủ. Cứ hai tháng một đôi giày. Mùa rét thì phải vài cái áo ấm. Mùa nực, một tối phải thay hai lần áo. Cứ vài tháng lại hỏng một cái. Phần thì mồ hôi, phần thì các ông nhảy "ba bị" (nhảy kém)

các ông ấy níu lấy vai mà làm hỏng. Lại còn phấn, sáp. Tiền ăn đêm. Đi nhảy mà không ăn đêm thì "thác", Không kể tiền cơm, tiền thuốc uống. À quên...

Cô nhìn tôi ranh mãnh:

– Còn quần nữa! Cứ một tối, độ ba, bốn ông "ba bị" ông ấy dẫm lên quần áo cho, thì "gẫy" hết lương!

Tôi nhìn một ông vận ta, đứng tuổi, từ đầu đến chân toàn mỡ và thịt, có vẻ một chủ hiệu phở hay chủ hàng tạp hóa hơn là chủ bar, đi lại rộn rịp như một ông xã đang đăng cai.

Tôi hất hàm:

– Người ấy mà dạy các cô mới nhảy à?

Cô Th. cười khanh khách:

– Lão "via" ấy thì có nhảy lên đường xe lửa! Họ nói là họ dạy cho đến biết nhảy. "Phép ngôn!" Họ chỉ có việc tối tối cho phép ra ngồi chực đó. Rồi tùy các ông khách, ông nào đun hộ cho bước nào thì đun. Thường thì gặp người quen người ta đun hộ cho. Chứ nặng như cái cùm, có tiên nhân đứa nào lại dại dột mà nhảy với của nợ đó...

– Đối với các cô, ông chủ có tốt không?

– Cũng khá. Vả lại, sơn ăn tùy mặt, ma bắt tùy người. Ít khi ông chủ dám trêu vào những tay này lắm. Tử tế thì ở, không tử tế thì "đá đít" (bỏ) luôn!... Chỉ có con bé kia kìa, nợ chủ mấy chục lại ăn ở luôn nhà chủ, cho nên nhỡ có hỗn với khách, nếu bị khách họ "trù" (nói xấu) với chủ, là chủ đánh luôn. Như hôm nọ, bị mấy cái tát xiếc thấy ông bà ông vải, chỉ vì từ chối người này mà lại đi nhảy ngay với người khác!

Tôi để cho cô Th. xơi một ngụm nước cam rồi tôi lại hỏi:

– Chủ có sòng phẳng không?

Cô phều bộ môi ra:

– Không sòng phẳng thì có tù! Nhưng phải biết thằng cha ấy "đá" lắm nhé! Với cả bồi nữa. Chẳng hạn như việc giao rượu cho bồi. Rượu tự nhiên cứ thấy vơi đi. Mỗi lần vơi là một lần bồi phải đền. Đền cho đến khi hai đồng bạc lương tháng sạch nhẵn củ kiệu.

– Nhưng họ sống về tiền bổng nhiều?

Cô Th. lại bĩu môi:

– Như hôm nay thì đừng có hòng sống về bổng. Toàn một lũ công tử nhép, vét túi may ra thì đủ tiền một cốc cà phê, mà ngồi lì đến lúc đèn "đuổi" mới chịu về. Họ không khát đâu, vì trước khi vào Bar đã ghé mồm vào máy làm vài ngụm nước lã rồi. Ông không tin thử rình mà xem.

Cô còn muốn nói nữa, nhưng tôi ngắt lời:

– Nghỉ một tối thì phải cúp lương đã đành...

Cô cười:

– Họ nghỉ một tối bị cúp lương nhưng đã có "cậu" (nhân tình) bao cho gấp hai, ba lần, thì nghỉ bao nhiêu tối chả được...

Tôi nói tiếp:

– Nhưng nếu ốm thì thế nào?

– Ốm thì cũng "nguội" lương! Ốm quá không gượng được để đi làm, thì vào nhà thương làm phúc. Ở Bar này, đã có ba cô như vậy. Hai cô tê, và một cô bị... cưa chân.

Rồi cô ngoảnh lại cô bạn bên cạnh:

– Con gì, mày nhỉ? Nó vẫn "oạc" ra máu ấy mà?

Cô bạn nheo đôi mắt, rồi thản nhiên:

– Con L...

Cô Th. nhìn tôi, vội vàng:

– Phải, con L... nó oạc ra máu rồi sau vào nhà thương thì mới cưa chân. Nó là người Thổ ông ạ.

Hình như, đối với cô, người Thổ mới oạc ra máu, chứ người Kinh như cô thì không, tuy rằng cô đang kêu tức ngực và cứ chiều chiều thỉnh thoảng lại sốt.

Tôi hình dung ngay đến một cô gái Thổ ngây thơ của rừng núi cao cả, mà Hà Nội chật hẹp, tàn khốc, đầy không khí vẩn đục, đã cướp mất bộ phổi, nhan sắc, và một... ống chân.

TÔI ĐÃ GẶP CÔ LƯƠNG, CÔ GÁI THỔ CỤT CHÂN

Một buổi sáng chủ nhật, tôi vào phòng không mất tiền trong nhà thương Bảo hộ.

Tôi rảo bước qua hai dãy giường sắt, mũi đầy những mùi thuốc vàng hôi khét, tai đầy những tiếng rên rỉ của tất cả các thứ đau gồm lại, của những khối thịt vô thừa nhận, lăn lóc thành từng "gói" một, mà vi trùng với đói rét đã tranh nhau tàn phá.

Đến ngoài hiên, tôi trông thấy cô Lương, cô gái Thổ, thật thà, có cái giọng ô ô như giọng đàn ông, và đã có lần cùng tôi, bảy, tám tháng trước, tập những bước khó của điệu nhảy Thượng Hải.

Cô mặc áo *pardessus* đàn ông, cũ, ngắn.

Trông thấy tôi, cô không ngạc nhiên, lại mỉm cười. Răng cô còn trắng vì trong nhà thương, trước đủ mọi thứ thiếu thốn, cô chỉ còn có thể làm dáng bằng bộ răng.

Bảy tháng ốm, nằm ăn không đã trả lại cho cô nước da có ánh sáng mát, nhưng đã lấy của cô... ba ngón chân trái. Tôi nhìn cái bàn chân bó băng:

– Liệu có còn nhảy được nữa không?

Cô đi lại vài bước, tập và tập tễnh:

– Thưa ông, em sắp khỏi rồi. Nếu khỏi thế nào cũng nhảy được.

Cô tin như vậy. Vì... "thực ra không nhảy để mà ăn, thì không còn biết trông vào ai nữa".

Lúc đó, người ta đã bưng cơm vào. Tôi nhìn đống cơm, bát canh cần lõng bõng, mấy cái giá xào khô như chưa chín, dăm con cá diếc kho trắng nhợt.

Cô không đợi tôi hỏi:

– Ăn uống kham khổ lắm. Lại nhớ những lúc được các anh cho ăn, cho uống, săn sóc thuốc thang, rửa vết đau, cõng đi nhà thương.

Rồi cô thở ra:

– Đời người ta...

Cô bỗng hỏi tôi:

– Ở ngoài bây giờ họ nhảy lối Hồng Mao khác xưa lắm, mà lại có nhiều đĩa mới lắm, phải không?

Tôi nhìn bàn chân bị thương; nhìn cô, thấy cô mơ màng.

Ở đằng xa, người nào đã hát lên mấy câu trong bản *tăngggô* cổ: "*C'est à capri*". Tôi sực nhớ đến những tối "đèn điện", mà tắm trong ánh sáng xanh đỏ, cô đã từng hưởng những phút êm ái của một người đàn bà biết yêu và được yêu.

Một cách vô lý, tôi thấy tôi buồn vô cùng.

NHÀ CHƠI

"Tổ quỷ" có thể được gọi là *"garconniere"*, chung của những người mà sự bó buộc, vật dục và cờ bạc đã làm cho biến thành "quỷ".

Ở đây nhiều cô đã đi từ bước "fox" ngượng nghịu đến bước trụy lạc.

Trong xã hội nhảy, tránh tên "tổ quỷ", người ta dùng hai tiếng rõ nghĩa, nhẹ nhàng hơn: "Nhà dạy" hay là "nhà chơi".

Vì biết nhảy, nên tôi đã thành một nhân viên của những "bọn nhà dạy" và "bọn nhà chơi".

*

* *

Ở những "nhà chơi" thì thường chỉ mở cửa về buổi tối, từ 7 giờ đến 9 giờ.

Lúc đó, những cô đầu, đã coi môn nhảy như thuốc phiện, thế nào cũng phải trốn chủ lén đến nhảy một "khói" tănggo hay fox cho đỡ "cơn nghiện".

Ở đây, trước khi làm, những cô gái nhảy thường hay đến nhảy "chơi" một vài bài. Vì nhảy "chơi" vẫn thú hơn nhảy "bó buộc".

Quá chín giờ, họ tắt đèn, khóa cửa "nhà chơi" để mặc cho... "ma ăn cỗ".

Tôi đến một "nhà dạy" lúc 10 giờ sáng, một chủ nhật.

Người ta đã thấy sự vô nghĩa lúc được nhìn một cô nhảy quần áo màu là lượt, phấn sáp đầy mặt tha thướt tự trong một nhà tranh lụp xụp bước ra.

Tôi đã thấy lòng tôi xúc động lúc được chứng kiến "giấc ngủ và sự thức dậy" của các cô nhảy trong "nhà dạy" này. Tôi phải nhìn ra đường để tin chắc rằng tôi hiện không phải là đứng trên "boong" một chiếc tàu thủy cu ly ở Tân thế giới về.

*

* *

Ở phòng dạy, trên sàn gác lụp xụp, một cái màn ám khói, không biết họ treo bấu bíu vào chỗ nào... Ở trong đó, có gối, chăn, bên cạnh gối chăn, chân tay co quắp, ông thầy dạy nhảy đang phều mồm ra mà ngáy như có ngậm cái răm kèn tầu trong cuống họng.

Tôi ngó vào cái buồng con, tối lờ mờ. Hai người mặc quần đùi, nằm thẳng cẳng như chết. Ở đó, xông lên một thứ "mùi ngủ" rất khó chịu riêng của người ốm và ở bẩn.

Đó, mấy tài tử của Hà Nội nhảy "đêm qua".

Tôi trở ra, vấp phải cái phản ngựa. Ở trên đó có ba hình người, có cái mặc quần đùi, phô ra những vết sẹo đen to bằng đồng hào một, có cái mặc sơ mi, đen trùi trũi.

Nhìn kỹ mới biết đó là ba cô nhảy.

Tôi còn ngắm những nét đau đớn mà giấc ngủ mê ly đã chấm đen trên ba bộ mặt xám, vàng bóng.

Tất cả phấn sáp, nước hoa, tất cả các nụ cười, trong thế giới, cũng không thể xóa bỏ được cái cảm giác này của tôi: người đàn bà rất "thật thà" trong khi ngủ.

Nghĩa là: hạng gái nhảy là một trong những hạng người có giấc ngủ đau đớn đáng thương nhất.

*

* *

Ông thầy dạy nhảy, tỉnh ngủ trước tiên. Ông mở toang hết cả cửa, mồm ông loe ra như miệng kèn tây: "Thôi! Mời các "mợ" dậy, cho "con" lấy chỗ "mổ", rồi còn nhảy nhót sơ sơ chứ!..."

Nửa giờ sau, cái quái tượng tôi thấy lúc này, đã biến mất như ảo thuật.

Trong ba cô, tôi để ý đến một cô nhí nhảnh nhất. Cô T., ngôn ngữ, cử chỉ ba hoa như một người đã hoàn toàn mất dạy mà lại đá gàn.

Anh hàng phở mới mang kịp lên một bát. Cô cướp lấy. Nhưng cô chưa ăn vội, mà lại không muốn để hai cô bạn ăn mất của cô. Hai mắt cô long lanh, như mắt một đứa trẻ tai ác: cô nghĩ được một mẹo.

Cô nhổ luôn nước bọt vào bát phở ngùn ngụt những khói, rồi nhe hết hai hàm răng trắng mờ vừa hở vừa nhọn như răng yêu tinh: "Có đứa nào ăn nước mắm tây không?".

Cô vừa dứng nhảy *rumba* vừa vục đầu vào bát phở, có vẻ như ăn lấy được, và ngon lành lắm.

Một cô nhìn cô T. lắc đầu:

– Con mặt mẹt, ăn như thần trùng, mà lại bẩn như lợn.

Cô thứ ba gỡ hộ cho T:

– Vì nó có mang đấy!

Cô T. đang vui vẻ, bỗng sầm mặt lại. Cô đặt bát phở xuống bàn, hai tay ôm bụng chạy đến rí vào người cô bạn:

– Chửa đấy à! Mày trông thấy "ông" chửa bao giờ?

Cô bạn cười:

– Thì mày ngã nước vậy nhá?

Cô T. làm bộ thở dài:

– Ừ.

Nhưng tôi nghiệm rằng từ lúc đó, mặt cô không vui vẻ nữa.

Ông thầy dạy nhảy bỗng ở ngoài bước vào, nhìn cô T:

– Thế nào? Vẫn "bao (nuôi) cậu" như thường đấy chứ? Thế còn thằng "già" kia, bỏ rơi chưa? Và chửa với ai?

Cô T. so vai và huýt sáo như "đầm":

– Đại khái vẫn thế!

Một cô nói trõ vào:

– Cậu bây giờ lại "trô" nặng!

Cô T. nói tiếp thản nhiên:

Còn thằng già? Thằng ấy "rù" (ngốc) lạ! Ghe cả với "cậu". Cái bộ tịch "bốc mồ" (xấu) ấy, tiên nhân nhà ai thương được.

– Thế?

– Cho nó một cái "đá đít" chứ còn thế gì nữa!

Ông thầy dạy nhắc lại như người bị ma làm:

– Thế chửa với ai, cái đã?

Cô T. trừng mắt nhìn:

– Bậy nào!

Rồi bỗng cô gầm lên như để hả một mối hận ngầm trong lòng: "Đây nhất định chẳng có con với đứa "đét" nào cả!".

Câu chuyện "chửa" đó còn kéo dài nữa, nếu không có một cô học trò đến tập giữa lúc họ đang tra khảo nhau.

Ông thầy dạy giới thiệu tôi với cô đó, và nhờ tôi "đun" hộ một lúc.

Tôi quên chưa giới thiệu cô học trò: đi guốc, mặc áo bombay nâu cũ loang lổ như có dây cả dầu lạc, quết trầu, đất, mỡ lợn vào. Đầu đội khăn nhung cũ bạc phếch, để bồng lên một mớ tóc bết vào với nhau vì mồ hôi và ghét.

Bộ mặt với răng đen và nước da nâu thẫm, là một bộ mặt quê đặc, nhưng hai con mắt lầm lầm, ươn ướt lại gian giảo vô cùng.

Cô ấy bỏ guốc đi đất để nhảy cho dễ, và đi lại một cách lẫm liệt, xéo một cách mạnh bạo lên những cái rầm của sàn gỗ.

Cô ấy lại "hôi" vô cùng.

Cô này, cũng như phần nhiều các cô nhảy khác, từ chỗ hang cùng ngõ hẻm, từ chỗ rau dưa, tôm cá của chợ Đồng Xuân, hay là từ chỗ quê mùa trong trẻo, ra đi bước đầu của đời nhảy một cách luộm thuộm, hôi hám như thế.

Một chủ nhật nữa, trong một *Bar* nào đấy, tôi sẽ không nhận ra được người đó.

Trong đời đi nhảy, buổi trưa hôm đó, tôi đã bị khổ sở nhất.

Nhưng tôi đã được cô T. để ý đến, vì tôi biết nhảy.

Cô T. lại gần tôi, xin tôi một điếu thuốc lá. Anh có *Camel*?

Tôi vội đưa ra biếu cô một điếu, châm cho cô hút. Cô thở hơi thuốc đầu tiên vào mặt tôi rồi cười:

– Anh nhảy cũng khá đấy.

– Cũng mới!

– Thôi đi, đừng vờ “hấp lìm” (ngốc) nữa!

– À này, mai lại đây rồi...

– Tôi muốn lại nhà cô hơn là lại đây!

Cô nhìn tôi xa xăm:

– Thôi cũng được, mai anh cứ lại đây, rồi tôi đưa anh lại nhà tôi.

Tôi hỏi:

– Rồi?

– Rồi... làm gì thì làm!

Tôi hỏi với:

– Thế cô không đi nhảy nữa?

Cô so vai:

– Em chán nhảy lắm rồi. Sống được ngày nào hay ngày nấy. Ngộ mai đứt mạch máu, chết biết đâu!

Tối mai, anh lại chơi cho đỡ buồn. Rồi “đá đít” ông chủ một tối cũng chả sao.

Tôi nhìn bộ điệu, vẻ mặt cô, như hứa cho tôi những trang tha thiết của một tiểu sử đẫm máu và nước mắt.

MỘT BÀI HỌC KHÔN

Ông thầy dạy, lần thứ hai phải bảo tôi rằng:

– Anh đi đâu chơi thì liệu mà đi đi thôi!

Mợ T. lại “tầu bay” (nói dối) rồi.

Không bao giờ nên tin lời hẹn của các “niềng" (gái) đó cả.

Rồi ông thân mật nói nhỏ với tôi:

– Hình như anh “cảm” mợ T...

Tôi bó buộc phải gật đầu.

– Thế sao gặp "mợ" hôm qua ở đây lại không "sổ"?

Tôi vội hỏi:

– Sổ. Sổ là cái gì?

Ông thầy dạy phì cười:

– Sổ là... cho ra, tất cả các cái gì mà anh có thể cho ra được!

Một là, nếu có két (tiền) thì sổ hộp phấn, lọ nước hoa, áo. Nếu không có "két" nhưng mà nhảy "kẻng" (đẹp), bộ mặt kẻng, thì phải "sổ" ra dăm ba "pas" (bước nhảy) sơ sơ, cho mợ "lụt" đã. Mợ mà "lụt" thì mợ hoảng, đã hoảng thì dễ cảm lắm.

Ông nhìn tôi, thương hại:

– Anh không tâm lý một chút nào cả! Anh biết nên rằng: một "ca van" *(cavaliere)* này cũng như phần nhiều (cavan) khác, tốt vô cùng mà đểu cũng vô cùng. Nhưng thật ra chưa chắc đã là đểu.

Tôi bảo:

– Anh nói rõ cho tôi hiểu.

Ông trịnh trọng:

– Anh có biết cô L... không? Cô đó phải biết là "kẻng" lắm nhé. Một đêm, chỉ "chạy" vài chỗ là tiền kiếm hàng trăm. Nhưng mà hắn vẫn "gẫy" (hết tiền) như thường. Vì hễ động đi làm được "két" của một "cóc" (giàu) nào thì lại khuân về "thả" hết ra "bao cậu"..

Theo ý tôi, mất "két" và được kết một tối với mợ L... cũng hả cái vong linh. Huống hồ, lại được cả mợ, cả két!

Ông nhìn tôi vào tận mặt:

– Anh cũng khá, tôi nói về phương diện nhảy. Còn về mặt mũi? Anh nên bỏ cái vẻ lố bịch vơ vẩn như con "mẹ nghệ" đó đi.

Mợ T. cũng "cảm" anh đó. Nhưng mà anh vớ vẩn để cho "bay" mất. Giá hôm qua cứ "sổ" ngay vài phơ (giấy bạc) đưa "mợ" đi nhảy rồi lên hiệu "mổ", thì hôm nay có lẽ đã... có con với nhau rồi!

Ông thầy dạy nói xong, ông cười to bằng ba người cười.

Nhưng... ông cười một mình!

MỘT ĐỜI NGƯỜI

Cô T... "bay" mất, theo lời ông nọ. Nhưng rồi tôi cũng tìm thấy...

Tôi tìm thấy nhà cô ở phố N.T, chiều hôm sau.

Một gian nhà chật hẹp, lổng chổng với hai cái giường lối tây, một bộ bàn ghế cổ gỗ tạp, như nhà một cô vợ lính tây.

Mà đầy một vẻ tạm bợ, lạnh lùng, trống trải như nhà một đàn bà góa.

Tôi bước vào, ngại ngùng. Một mùi cơm lẫn rau xào, và một người đàn bà xanh bủng, bế con, đón tôi. Tôi kính cẩn.

– Thưa bà, tôi muốn hỏi cô T...

Lạnh lùng như một cơn gió rét, người đàn bà hất hàm nhìn về phía một thằng bé độ bảy, tám tuổi đang ngồi ăn cơm:

– Ông hỏi thằng bé kia, con trai cô ấy đấy!

Rồi... "bà" ấy quay lưng đi vào trong nhà, có vẻ như một là sợ, hai là ghét đàn ông.

Thằng bé bước lại gần tôi, nhe ra mấy cái răng sún:

– Mợ đi đánh chắn rồi...

Tôi nhìn nó:

– Em ăn cơm một mình à?

– Ừ!

– Em ăn cơm với gì?

Nó gân mặt lên:

– Với... không.

Tôi nhìn bát cơm cũng khá trắng, không thấy có vết đồ ăn. Thì ra thằng bé đang ăn cơm nhạt.

Bó chẽn người trong một bộ pyjamas sặc sỡ, lẫn cả mùi đất và mùi ghét, với bộ mắt lờ đờ, khó phân biệt hẳn với cái mặt quắt và đen nhờ, thằng bé như một cái cây cằn.

Tôi hỏi nó:

– Em ăn mấy bát cơm nhạt rồi?

– Hai!

– Mợ không cho tiền ăn thịt à?

– Mợ cho một trinh, nhưng tôi mua nhót ăn rồi.

– Cậu em đâu?

Thằng bé im, ngơ ngác:

– Cậu ngày xưa, hay cậu bây giờ?

Tôi cười:

– Cả cậu ngày xưa, và bây giờ, cả hai?

Nó thản nhiên:

– Cậu ngày xưa tôi yêu lắm cơ. Cậu sang lắm, và học giỏi lắm. Cậu lại có cả súng, và không hút thuốc phiện như cậu bây giờ! Nhưng cậu chết đuối rồi!

– Còn... cậu bây giờ?

Nói đến câu "cậu bây giờ" thằng bé có vẻ như buồn bã, sán lại gần tôi. Tôi vuốt má nó. Hình như lần đầu được người ta vuốt má, nó nắm lấy tay tôi, lạ lùng, bẽn lẽn.

Được một lát, nó vui vẻ:

– Ông cho tôi một xu nhé?

*
* *

Nó buộc chắc chắn đồng kền năm xu vào dải rút quần, rồi thỏ thẻ:

– Cậu bây giờ không hay lại đây đâu, chỉ lại nhà nhảy đầm thôi. Cậu hay đánh mợ lắm...

Thằng bé bỗng im bặt, mợ nó vừa về.

Cô T... bước vào, quẳng áo dài xuống giường, chưa kịp chào tôi, thẳng tay cốc một cái thật mạnh vào đầu đứa con:

– Có bước vào trong bếp ngay không? Thằng trời đánh không chết kia!

Thằng bé, không kêu một tiếng, nhìn tôi rồi lủi vào nhà trong.

Nét mặt từ dữ đến lành, cô T. niềm nở hỏi tôi:

– Chết chửa! Có trông thấy anh, em mới nhớ ra anh. Xin lỗi anh nhé! Chắc anh có đi tìm em?

Tôi cười:

– Vâng! Tìm em như tìm *"ma chanhai Lili"!*

Cô rí ngón tay vào trán tôi, cười:

– Thôi đừng "màu mè"!

Mặt cô bỗng nghiêm hẳn lại, cô đi lấy hộp phấn sáp, bưng lại bàn, xin lỗi tôi:

– Anh ngồi chơi, em đánh lại cái mặt phấn nhé?

Rồi cô, tình tứ, chìa mặt cho tôi nhìn:

– Em thức rạc cả người, hõm cả mắt, xấu cả mặt đi, anh nhỉ?

Cũng may cho tôi, cô đã hỏi sang vô số câu khác:

– Anh ăn cơm chưa? Tối nay, em muốn đi xem hát quá, anh ạ! Nên đi xem hát hay là cứ đi làm như thường?

Cô hỏi, như hình như cô không cần tôi trả lời, lại hình như không để ý đến tôi nữa.

Rồi cô lại cất tiếng hát cải lương Sài Gòn, bằng một thứ giọng từ ruột ra, buồn, êm như những tiếng đàn tố lan tao nhã.

Tôi nghe tiếng hát, cảm động như nghe thấy tiếng gọi thiết tha, cao quý của một tâm hồn mà cả xã hội ăn chơi và ác liệt cũng chưa làm cho tuyệt diệt được, như nghe một tiếng chim kêu thương trên "mồ sắc đẹp".

*

*   *

Cô đã đánh xong mặt phấn. Bất giác, tôi thấy cô đẹp và trang nhã vô cùng.

Cô nhìn tôi thực thà như... một con nhà thổ!

– Sao mặt anh trông "lý toét" tệ thế kia! Hay là cảm "mợ" rồi đấy?

– "Mợ" nghĩa là cô vậy.

Tôi thấy tôi chán nản vô cùng, trước sự thật đau đớn.

Cô lại cất tiếng:

– Anh quay mặt ra đằng kia cho em thay áo!

Tôi vừa đứng dậy, cô bỗng thở dài:

– Thôi, anh cứ ngồi đấy. Em còn gì nữa mà dấu anh. Em chắc không bao giờ còn gặp một bộ mặt thật thà như anh nữa.

Nói đoạn, cô bước ra khép chặt cửa lại, đi thắp đèn.

Cô sắp sửa làm và nói gì nữa đây, hở trời?

Phải, cô sắp sửa làm một sự mà tôi không dám ngờ, mà nói ra, chưa chắc đã ai dám tin.

Cô thản nhiên giật phăng tràng khuy bấm trên ngực, lật hai tà áo cánh ra trước mặt tôi.

Rồi hỏi tôi, tươi như không:

– Thấy không?

Tôi đỏ mặt, lắc.

Cô giận:

– Mù!

Tôi ấp úng:

– Có! Có! Nhưng không biết có phải thế không!

Phải, tôi vừa trông thấy... trông thấy rằng... Cô chỉ có một bên... vú.

Cô vẫn thản nhiên:

– Anh ạ, với thằng (ôn vật) kia nữa, "đó" là kỷ niệm của chồng em trước.

– Tôi quả thật không hiểu!

– Rõ nỡm! Anh hiểu thế nào được.

Rồi, cô "lý sự" cho tôi nghe:

– Này nhé, đẻ ra thằng bé con kia, bị đau vú. Vào nhà thương, họ đè họ xẻo mẹ nó gần hết đi. Thế là còn mỗi một!

"Thế có phải là: không có chồng thì sao có chửa. Không chửa, sao có đẻ, đẻ đau rồi mất... vú?"

Tôi phải phì cười. Cô cũng cười. Như sau một câu chuyện khôi hài.

Nhưng, nào đã thôi đâu! Cô đã mặc xong áo dài, một cái áo dài rộng, màu xanh bạc.

Cô đứng hẳn trước mặt tôi:

– Có thấy gì lạ nữa không?

– Có. Một... "cái bốn tháng xinh xinh!"

– To quá, anh nhỉ? Ra đường, ngượng bỏ xừ đi!

Rồi, mặt cô bỗng buồn thiu:

– Anh ạ, chửa mà đi làm thật phiền quá...

– ... Như cô K... chả hạn, rồi đẻ xong tê liệt không nhảy được, rồi...

– Không phải thế. Em mà ốm rề ra như thế, thì em sẽ tự tử. Chửa mà đi làm kia! Ông chủ trông thấy mình chửa, mặt ông ấy cứ làm sao ấy. Rồi chỉ rình rình "đá đít" mình. Còn các "cậu" thấy mình chửa cũng "tẩy" mình nốt.

Như con mẹ ở chung nhà với em kia kìa! Chửa rồi thôi không đi làm nữa. Lúc đẻ, bẩn thỉu, bị chồng nó "đá đít". Nó bỏ cho mấy năm! Rồi nó lại về. Vừa về, lại chửa luôn. Chửa làm "đét" gì cho nó khổ thế không biết!

– Trời cho thời biết làm thế nào?

– Trời "đét" gì! Ai bảo dâm dục!

Tôi cười:

– Còn em?

Cô bướng bỉnh:

– Em khác! Em là nhỡ ra. Nhưng mà thôi, đừng nói đến em nữa, không có em... khóc bây giờ đấy!

Tôi vẫn đùa, chỉ vào người cô:

– Bố cậu hay cô nhỏ trong đó đâu?

– Em đã bảo không nói đến em kia mà!

Rồi cô nói luôn sang chuyện khác:

– Chửa, rồi đẻ được một tháng lại phải đi làm kiếm ăn, như cô Tr... Yếu quá đến nỗi bị một thằng nó quay cho một vài valse, đến ngã lăn ra đất, người ta phải khiêng vào!

*

* *

Đồng hồ hàng xóm điểm tám tiếng trầm, buồn.

Cô chấm lại má phấn, hỏi tôi:

– À thế, tối nay em đi làm, hay là đi chơi với anh? Nếu đi chơi thì phải đi thật xa. Nếu đi làm thì em phải sửa soạn.

Tôi khó nghĩ quá.

Cô đã giúp tôi:

– Thôi, em đi làm vậy nhé. Để hôm khác đi chơi.

Tôi lúng túng:

– Em tha lỗi cho anh. Anh thú thật rằng ngồi thế này cũng đã là vòi em lắm rồi!

Cô nhìn tận mặt tôi, giận dỗi:

– Anh còn "màu mè" lắm! Không đi thì nói không đi, việc gì phải tán róc mãi! Vậy thì không hay có? Nói thật!

– Không...!

Cô bắt tay tôi, rồi đi lại đằng phía giường.

Cô sửa soạn. Nghĩa là lấy thắt lưng... đai bụng thật chặt lại để giấu "nó" đi.

Xong. Cô vỗ vào bụng, bảo tôi:

– Hả! *Jini*! Lại tẹt như thường! Kị sà (*qui cà*) biết!

Cô nắm lấy tay tôi:

– Nếu đi với anh thì "thả" cái bụng. Một người đàn bà chửa mà đi với đàn ông thì đàng hoàng lắm rồi. Người ta sẽ yên trí tôi là vợ anh, biết chưa!

"Không ai thì thào nữa, cả đến đội con gái cũng "đét" cần!"

*

* *

Lúc này, một vài chủ nhật ngay đó, cô không còn ở Hà Nội, và có lẽ không còn ở trên trái đất này nữa – theo lời một người quen tôi.

Bệnh kín, vài cơn sốt, giữa sự thiếu thốn hoàn toàn, đã mang cô đi, với cái bào thai.

Tôi vẫn tin rằng như một con chim tha phương, tôi đã đem đến cho cô, trên đầu cánh, cái hương vị của một "mảnh trời" lạ, mà ở đó, tình ái trong trẻo và mát mẻ hơn.

"Mảnh trời" đó nếu, sống, cô chưa tìm thấy, thì bây giờ, chết, cô đã tìm thấy ở một thế giới khác rồi.

MỘT NGƯỜI CHỒNG

Trong một tiệm nhảy, giữa hai cốc rượu, một người đàn ông đã đến tìm tôi. Ông ta vận tây, vẻ mặt lành và buồn, đột ngột hỏi tôi:

– Ông có phải là Trọng Lang, tác giả "Hà Nội lầm than"?...

Tôi hơi khó chịu. Vì từ lúc viết về các cô đào nhảy, tôi đã thành một người "đáng ghét" của một vài Bar và một số ít gái nhảy không... "biết điều".

Có người đã khuyên tôi: "Anh nên coi chừng!" Cũng như, hồi xưa, lúc một người đàn bà nghiện thuốc phiện dắt lính tây đi tìm tôi. Cho nên, lạt lẽo tôi trả lời ông nọ:

– Phải, và ông muốn gì?

– Nhờ ông một việc. À, quên, tôi xin tự giới thiệu đã: tôi là Kh..., chuyên việc dạy nhảy đầm.

Mặt bỗng buồn thiu, ông cười nhạt:

– Dạy nhảy đầm mà không có học trò và nhất là vợ của tôi, cô Kh... đào nhảy, cũng hiện không có việc làm.

Mấy lời nói có duyên làm cho tôi tươi tỉnh. Ông Kh... quyết là người "lầm than" của tôi, mà lại biết nói chuyện. Tôi cười:

– Hân hạnh...

Ông ta liền ngồi gần lại tôi:

– Không dám – giờ xin nhờ ông một việc – Tôi chỉ biết nhảy, biết yêu, biết thương, biết đau khổ, chịu được đau khổ, biết nói, nhưng quả là không biết viết... viết theo lối của ông!... Tôi xin nói – nói rồi chết cũng được – nói cho ông viết.

Giữa lúc đó, một cô – người bạc nhạc, trắng bệch, mềm dẻo và có vẻ tanh như một con mối rách – sán lại gần ông Kh...

– Anh Kh...! Chị ấy đâu, anh?

Ông Kh... lắc đầu:

– Tôi cũng như chị. Nào biết Kh... đi đâu!

Cô kia còn làm phiền chúng tôi nữa, nếu không có người đến... lôi cô ra nhảy.

Ông Kh... thở dài, nhìn theo cô ta:

– Hiện tôi chưa thấy một cô nhảy nào lấy chồng cho được lâu lâu một chút. Có cô, trong một chủ nhật mà lấy tới hai, ba lần chồng. Tự họ... làm cho người ta lấy họ, rồi lại tự họ, họ bỏ người ta – nhưng cũng nhiều khi, người ta bỏ họ. Vì? Vì, chồng có một, nhân tình lại hai, ba.

Ông Kh... quay lại nhìn tôi:

– Như tôi, thì lại bị... họ bỏ! Bỏ một cách khốn nạn, một cách – ông đừng cười tôi – một cách đáng thương! Vì...

TỪ LÚC MẶC ÁO NÂU

Như nghe một bản nhạc buồn, tôi nghe ông Kh... kể:

– Vì chúng tôi lấy nhau, có cheo, có cưới, từ lúc nhà tôi còn là người con gái mặc áo vải rồng cắp rổ đi chợ mà không thẹn; từ lúc gặp tôi, Kh... biết thẹn!

Chúng tôi đẻ được một đứa con gái, giữa cái cảnh túng bấn, nhưng lương thiện, và đầy "hạnh phúc gia đình".

Không biết nghĩ làm sao, tôi lại... biết nhảy và dạy Kh... nhảy.

Rồi người hàng xóm không ngờ rằng: một người đàn bà nâu xồng, luộm thuộm, ban ngày ẵm con ngồi trên bục cửa nhìn ra đường, mà tối đến lại là "gái nhảy".

Đời chúng tôi đổi ra thành thế này: Kh... đi làm, tôi trông con và đi đưa đón Kh...

Lương tháng đem về cùng ăn.

Kết quả đau đớn: đứa con gái, vì không có người chăm nom lại vì ăn uống thất thường, nên chỉ ở với chúng tôi được hai, ba năm.

Ông bỗng thở dài:

– Nó chết đi cũng phải. Một mình tôi sống để mà khổ cũng đủ lắm rồi...

Ông nói tiếp câu chuyện trước:

– Và kết quả nhục nhã: tôi đã thành một người ăn bám vợ.

Nhưng được ít lâu, tôi đã có dịp để chuộc lại tăm tiếng: Kh... lại chửa đẻ rồi ốm tê liệt.

Trong bao nhiêu tháng trời, tôi phải đi chạy từng hào, từng xu để nuôi Kh... ốm. Tôi lại vui lòng làm vú già cho vợ. Lại còn đứa con nhỏ nữa! Không mấy khi tôi được ngủ và mấy khi được... ăn đầy bữa. Là vì cả nhà có Kh..., tôi và đứa con, có đủ tất cả mọi khoản khổ sở, nhưng không có đồng xu nhỏ nào cả? Tôi chỉ mong rằng: cứ nhớ lại những lúc cùng khổ là Kh... không bao giờ nỡ không yêu tôi.

Trơn lông đỏ da, Kh... lại đi làm. Làm được nửa tháng, thì một đêm kia, giữa lúc trời rét, Kh... lạnh lùng ra đi... với một người đàn ông giàu hơn tôi.

Giàu hơn tôi, vì buổi trưa, nó đã sắm nổi cho Kh... một hộp phấn và ít đồ lặt vặt đáng độ vài ba đồng. Kh... bỏ tôi, bỏ đứa con nhỏ bảy tháng.

Vài ba đồng mà làm nổi cho người ta lìa chồng lìa con được!

Ông Kh... chấm câu bằng hai tiếng căm hờn:

– "Ghê thật!"

Rồi ông đổi giọng nói tiếp luôn:

Tôi chạy tả chạy hữu xoay được tiền tàu xuống Phòng tìm Kh... không gặp.

Những ít lâu, dáng chừng "cậu" kia chỉ có hai, ba, đồng, nên Kh... nản, lại bỏ về với tôi, hay là đúng hơn với con.

Về được ít bữa đi làm, rồi lần này bỏ việc đi thẳng!

Tôi hỏi:

– Còn đứa con?

– Tôi cho về quê nhờ người ta nuôi.

– Còn ông?

Ông Kh... cười! Chưa bao giờ tôi thấy người ta cười nhạt đến thế.

– Tôi? Sống cũng được, chết không cần. Nghĩa là: vơ vẩn và không buồn nữa!

Từ biệt tôi, ông còn căn dặn:

– Xin ông cứ thế mà viết dùm vào báo cho tôi.

Giọng ông rít lại:

– Tôi muốn mọi người đều biết, cả gầm trời này đều biết cử chỉ trong ngàn cử chỉ của một trong ngàn gái nhảy... Để có chết cũng đỡ uất ức!

*
* *

Sau việc ông Kh... đêm đó, tôi lại được chứng kiến một việc tự tử nữa.

Có gì đâu? Một cô thích nhảy đầm, thích đi với đàn ông. Chỉ còn cách đi làm gái nhảy. Vừa được tiền, vừa được trọn tình yêu một cách dễ dàng. Cô đã được như ý nguyện: từ người đánh Jazz cho đến khách nhảy.

Giữa một cuộc sống phóng đãng nó có thể đưa cô đi xa trên con đường trụy lạc, giữa lúc cô đang vui sống như người ở tù ra, thì bố cô nhất định bắt cô về.

Thế là cô tự tử.

Nhưng liều thuốc nhẹ quá chưa có thể làm cho cô chết dễ dàng như thế được.

Vả lại, cô còn trẻ quá, giữa những người trẻ đã vực cô đi...

*
* *

Tôi đã nói đến nỗi thống khổ trong một nghề mới của phụ nữ Việt Nam.

Có người đã liều muốn thoát ra vòng lao khổ, để tìm con đường sống khác được nhẹ nhàng hơn, như vợ ông Kh... Cô Kh... là một trong những người không đủ can đảm, từ chỗ sống về quần áo đẹp, về đàn hát du dương, trở về chốn... sống về bùn thơm nước ngọt, đi đất, để răng đen. Bắt cô đi bán một mẹt cá, tức là không muốn hiểu và khinh một cô đào nhảy. Có người lại muốn tìm nghề đó để cho toại một dục vọng như con thiêu thân phù du trước ngọn lửa.

Tôi kể ra hai việc trên để chứng cho lời này, và để giữ lời hứa với ông Kh...

*
* *

Viết xong chương này về "gái nhảy" tôi thấy nảy ra một ý nghĩ:

– Nghề nhảy đầm chỉ có thể bỏ được bằng cách là chết đi, hay là lấy một người chồng... "sang trọng".

Người "sang trọng" có thể làm chồng cho trọn kiếp với các cô nhảy, đốt đuốc mà tìm, nào ai đã thấy trong các tiệm?

Bằng ở những điều tôi đã mục kích, người chồng đó phải có đủ tư cách và những đức tính này: biết nhảy, đẹp hay là đừng xấu quá, nhiều tiền, nhẫn nại, ngọt ngào, lịch sự, không biết hay là không nên ghen.

Tức là: một người hoàn toàn.

PHẦN THỨ HAI

CÔ ĐẦU

II. CÔ ĐẦU

Một hôm, tôi bắt được một mảnh giấy có những dòng chữ:

Phở xào và cháo gà, xe pháo: 1p.50

Tom chát: 5p.00

Thuốc phiện và cho thằng bếp: 1p.00

Cộng: 7p.50

"Năm thằng, mỗi thằng vị chi đi 1p.50".

Tôi cười mãi đến bây giờ. Không phải đoán thì ai cũng biết rằng đó là "quyển sổ" chi tiêu của một trong năm ông nào đã đi hát cô đầu.

Mỗi ông mất 1p.50 mà cả cao lâu, xe pháo, cả nghe hát, cả ngủ, rồi cả... "mắc bệnh kín" nữa.

Tôi không muốn biết các ông đi hát ở xóm nào, chỉ biết các ông đã đi hát bằng một giá rẻ hơn là vào... "nhà chứa".

Với sự biết đó, tôi nghĩ ngay đến "cô đầu" và nói đến "cô đầu".

MỘT TIN VẶT

Tôi tìm đến nhà một người quen đã từng làm chủ cô đầu, lại có nhà cho cô đầu thuê.

Đêm đã khuya lắm. Bỗng có người gõ cửa.

Chủ nhân ra mở cửa, lúc trở vào, mặt hầm hầm, vừa đi vừa chửi:

– Thế mà gõ cửa ầm ầm, đồ đĩ dại!

Không đợi tôi hỏi, ông ta nói:

– Nó là một con ranh con thuộc về hạng cô đầu đội đèn, nó gõ cửa! Ông có biết nó muốn gì không. Nó xin cầm cho tôi cái thắt lưng! Mà lấy bao nhiêu? Hào rưỡi! Lãi năm xu, hẹn đến mai trả.

Ông lắc đầu:

– Bây giờ còn chả có xu mẹ nào, nữa là sáng mai. Chạy đâu cho được hai hào, cái bộ ấy!

Rồi ông kể thêm cho tôi nghe.

– Ông chưa biết chứ, cả đến chủ nó nữa!

Tiền nhà thì cứ ì ra. Đòi rát cổ bỏng họng. Mười bốn, mười lăm đồng một tháng mà mỗi lúc nó són ra được một, hai đồng, có khi năm hào!

Với mảnh giấy kể trên và cái tin vặt mà ít người biết này, tôi đi vào giữa đám cô đầu, một hạng phụ nữ, nô lệ hoàn toàn của những đêm vui, mà nói đến, hai chữ "nhân đạo" ở xứ này đã thành không có nghĩa lý gì hết.

NGÃ TƯ SỞ
HAY LÀ CÁI VUI TRONG ĐỊA NGỤC

Ngã Tư Sở, giữa những cơn gió rét đầy tử khí của cánh đồng phân và bãi tha ma, thật là nơi bán cười xứng đáng của một đám cô đầu mà người ta đã gọi là cô đầu... "lông vịt".

Nó cũng âm thầm, hôi hám, "thê lương" như họ...

Bó kín người trong chiếc áo *pardessus*, để mặc cho bạn tôi ngủ gật, tôi hỏi người kéo xe:

– Anh đưa tôi đến một nhà nào ế hàng nhất...

Trong đêm tối, tôi nghe tiếng người phu xe cười ròn như ma cười:

– Cái gì chứ cái ế hàng thì vô thiên lủng!

Con xin đưa hai "cậu" lại đằng một nhà này, nhưng chỉ sợ hai cậu vào lại ra thôi...

Ông bạn tôi bỗng choàng dậy:

– Thế thì chạy mau lên. Chúng tớ thích những chỗ như thế...

Anh xe lại cười:

– Giá các "cậu" có cho nhà cháu vào đó hát, cháu cũng đến xin hàng. Vì các cô ấy bẩn và hôi lắm.

Hắn bỗng cất to giọng lên:

– Hôm nọ, có một ông cụ vào hát, chỉ chớp nhoáng đảo nhoàng đã ra ngay. Cháu kéo cụ về, cụ ấy có phàn nàn với cháu là cụ phải cắn răng quẳng ra một đồng bạc mà chẳng nước non gì. Vì có mỗi một cô cụ thích thì lại... "thối" lắm. Cụ bảo với cháu rằng: thối như cóc chết...

*

* *

Qua dẩy nhà một tầng, chúng tôi chịu cho một lũ cô đầu gọi chúng tôi bằng đủ các thứ tên bâng quơ. Có cô gọi chúng tôi là "cậu" như vợ gọi chồng, có cô ném cả khẩu mía vào xe.

Có cô lại đe về "mách với thầy, để rằng cậu đi hát", và sấn chạy theo xe nắm lấy mui kéo lại.

Anh xe đã bẳn lên:

– Có buông ra không? Hay là muốn xơi gì thì bảo!

Chúng tôi đi xa còn nghe cô ta chửi anh xe:

– "Tiên nhân nhà anh, kéo đã hộc mật ra mà còn láo..." và gì gì nữa.

Chúng tôi còn đi một quãng đường và được tưởng tượng như Đường Tăng gặp nữ yêu một lần nữa, rồi mới đến nơi.

GIỮA NHỮNG CON NGƯỜI ĐÓ

Có ba cô, niềm nở và ồn ào, ra tận xe đón chúng tôi. Cả ông chủ nữa, một anh có vẻ "nho" đặc biệt, mà toàn thân đầy một vẻ nghiện và nịnh thần. Anh ta xun xoe một lúc rồi lui sang nhà bên cạnh. Ông bạn tôi đi trước, giữa hai cô, một: to tròn; một: gầy cao.

Cô thứ ba sờ vào áo tôi, nói bâng quơ:

– Cảm ghê!

Tôi hỏi:

- Tên là gì?

Tôi thấy cô ta rún rẩy, rồi sít hai hàm răng lại:

– Thưa các quan, tên em là "ấy" ạ.

– Sao lại "các" và sao lại "ấy". Ấy là cái gì?

Cô ta thu mãi hình vào góc tường:

– Vậy thì thưa quan, em không có tên ạ!

Nói xong cô cười, khả ố đáng thương như một bà lão móm làm đĩ.

*

* *

Dưới ánh đèn măng xông, cạnh khay đèn thuốc phiện, tôi để ý ngắm ba cô, nhất là cô "ấy".

Hai cô thì có vẻ đặc là nhà chứa lậu, vì cách tô điểm vừa vụng vừa quá đáng, vì những cái áo dài cũ xơ xác không xứng với phấn sáp, vì những điệu bộ vừa lả lơi lại vừa khép nép.

Chỉ có cô ấy còn là cô đầu một chút.

Trên bộ mặt mỏng manh, phùng phụng như có nước sau làn da mỏng, một dẫy tóc mọc giở lòa xòa xuống trán, răng đen rức, mắt thâm quầng, ươn ướt.

Chân tay cô gầy, xanh, nhưng sau lần áo *bom bay* nâu cũ, người ta thấy lộ ra cái thân hình phù sũng, nát nhẽo.

Toàn thân cô ấy đầy một vẻ gượng gạo, mệt nhọc và... chết non.

Nhìn cái trần nhà trơ rui, mái, bộ bàn ghế tạp, mấy bức tranh gió đưa lủng lẳng, bài trí tạm bợ... mấy cô nửa người, nửa ngợm, tôi thấy những nỗi thống khổ của nhà này rõ rệt quá. Thế mà còn có người đến tìm vui trên đống rác đó! Thế mà còn có người quỵt không trả tiền cho mấy con "*bọ bùn*" sống trong đống rác đó.

MỘT ĐỒNG BẠC, MỘT CÂU CHUYỆN

Để đuổi cái cảm tưởng nặng nề đó, tôi bước vào buồng trong.

Cô ấy theo tôi vào.

Một chiếc phản có đủ chăn chiếu, một cái thạp gạo, một cái thúng to tướng.

Tôi ngồi lên trên thạp gạo, cô ấy dẫy nẩy lên:

– Chết chửa! Quan ngồi thế phải tội chết!

Tôi đứng lên, nhân thể mở nắp thạp để nhìn vào trong: cả thạp chỉ còn vài ba hạt gạo có lẫn mấy viên cứt chuột.

Bất giác tôi nhìn cô. Cô cố nở một nụ cười tươi: "Nhà em nuôi chuột đó, quan ạ! Đó là ổ chuột". Tôi không thể nào cười được...

*
* *

Sau khi đã nhận của tôi một đồng bạc, mà tôi đã tam, tứ phen biếu cô "gọi là một chút kỷ niệm trong buổi sơ đầu". Cô ấy ngồi ghé bên cạnh tôi, sẵn lòng buồn lại sẵn lòng khóc, nếu tôi muốn.

Tôi chỉ thạp gạo, hỏi cô:

– Thế ông chủ không nhìn đến thạp gạo?

Cô buồn bã:

– Có cái gì quý giá trong nhà, đã cầm tất cả rồi. Em chả nói giấu gì... anh, mấy hôm nay, cơm cũng không có mà ăn nữa. Mua mấy xu gạo, rồi nấu cháo, ăn với rau muống luộc chấm muối. Thạp gạo đó cạn đã lâu rồi.

– Thế thì gạo tất ông chủ mua sỉ từng bữa?

Cô ấy sắp sửa khóc:

– Thường thì mua trữ một vài đồng. Độ này, một tháng có độ ba, bốn chầu hát, thành thử tiền nhà chỉ có sáu đồng cũng phải chịu, gạo phải mua sỉ chịu.

– Sao em không đi nhà khác?

Thế là cô "ấy" khóc một cách rất thật thà:

– Em còn nợ... độ mươi đồng. Muốn lên Khâm Thiên vay, nhưng thân hình em thế này, ai là người dám cho vay. Chỉ có mấy cô trước là sung sướng.

Tôi nhìn cô.

Cô chép miệng:

– Các cô ấy xinh hơn em, cho nên đã bước khỏi nhà này...

BUÔN CÔ ĐẦU

Đồng hồ chỉ hai giờ sáng, cô "ấy" bắt đầu kể cho tôi nghe những câu chuyện xuất thân của mấy cô trong nhà đó.

– Vợ lão chủ nó ranh ghê gớm lắm kia, nó về những vùng nhà quê, rồi rủ các cô "ấy" ra làm Hà Nội. Cô nào dại thì ra.

Hay là nó lên phố Mới đi tìm con sen. Lúc nào con sen mà thích có nhân tình rồi, thì nó cho ăn mặc để ra tiếp khách.

Nếu nhà vắng khách, nó đi lên Khâm Thiên, tìm nhà hát nào sang sang một chút rồi dạm tìm hộ cô đầu đẹp.

Nếu nhà đó bằng lòng, là nó về rủ các cô kia lên. Phấn sáp thêm vào, quần áo diện thêm vào, các cô tha hồ mà đẹp. Nhưng mà phải viết văn tự nợ chủ mới...

Tôi ngắt lời cô:

– Nợ chắc lúc đó phải nhiều?

– Đành rồi! Trước nợ độ vài đồng, bây giờ thành dăm ba chục là thường.

– Thế chủ cũ có sơ múi gì không?

– Sao lại không? Nó sướng loạn lên là cô kia nợ nó vài chục. Cô kia đẹp, chủ mới muốn giữ, phải “sì” tiền ra...

Tôi kết luận hộ cô “ấy”:

– Từ nhà quê thành cô đầu, từ con sen thành cô đầu, đảo đi trộn lại, mấy lúc mà thành bà, có khi là bà nọ, bà kia nữa.

Cô “ấy” thật thà hơn tôi:

- Nếu không thì chết mục xác trong chốn yên hoa, hay là đầy đọa phong trần, hay là chết chìm chết đắm trong sông, trong hồ, chả hạn...

Như cảm thấy cái hơi lạnh của nước, như rùng mình trước cái chết tưởng tượng, cô ngồi sán lại gần tôi.

... Bất giác tôi hơi giật lùi lại: từ người cô tôi thoáng ngửi thấy một mùi “hoi sữa” khó chịu vô cùng.

Tôi cảm động nhìn cô:

– Tóc em làm sao lởm chởm thế kia? Hình như mới mọc thì phải?

Cô cười, chắp hai tay lại làm một, ngượng nghịu:

– Em mới ốm khỏi. Ốm tưởng chết.

Tôi không cần mùi hoi sữa, vì thật ra nó là mùi của trẻ thơ, của người làm mẹ, mà cầm lấy tay cô:

– Anh hỏi thật. Có phải em mới ở cữ phải không? Em đừng chối.

Cô không nói gì cả, nhưng dần dần, đầu cô cúi xuống. Hai giọt nước mắt ấm ấm làm ướt tay tôi. Tôi để vậy cho cô khóc, trong cái phút đau đớn yên lặng ấy.

Rồi, tôi thấy cô thở dài thật mạnh, ngửng đầu lên và cười:

– Thì vâng, anh ạ. Em vừa ở cữ xong. Được đến hôm nay là vừa mười lăm hôm.

– Chồng em đâu?

- Hạng người như em thì làm gì có chồng.

– Đứa con đâu?

– Cháu ở nhà với...

Rồi cô im hẳn. Rồi cô đứng phắt dậy:

– Mời anh ra xơi thuốc. Em lạy anh, đừng hỏi em nữa. Một ngày kia, nếu anh năng xuống đây với em, thì rồi anh sẽ biết, sẽ biết hết!

Cái tiểu sử cô "ấy" không bao giờ tôi được và muốn biết, vì nó là tiểu sử chung của hạng người "sống làm vợ khắp người ta". Tên cô, tôi cũng không cần biết nữa, vì nó chỉ là một tiếng hoa mỹ để che một tiếng nôm na của rừng ruộng, hay là của một dĩ vãng trong sạch.

*

* *

Giữa lúc tôi còn nằm nhà trong, cô ấy còn trở vào, vừa đi vừa nói:

– Hôm nay, yên lặng như là không có khách, nhỉ. Chả bù với những hôm nọ có khách.

Cô ngồi xuống bên cạnh tôi:

– Hôm nọ, có ba quan viên, anh ạ. Bước vào nhà mà sực những mùi dầu, mỡ, mùi rượu. Đánh trống chán rồi ăn cháo. Nó bắt em uống rượu lả người đi mà vẫn không tha. Rồi suốt đêm, nó hành em khốn khổ, nào vật, nào cấu, có mỗi một cái quần khố, nó xé gần tan hoang. Đến nỗi em phải thú rằng mới đẻ được mười hôm. Nó không tin, nó nhất định đòi – xin lỗi anh – xét xem có phải là đúng sự thực không. Nó không được toại trí, ba giờ sáng rồi, rỗi đi về. Nó quẳng ra chi hai đồng như thí cho chó.

Tôi cười:

– Nhưng cũng không lỗ. Hai đồng thì hòa vốn.

Cô ấy "bĩu" môi:

– Suốt đêm ấy chủ nó chửi em khốn khổ khốn nạn. Nó lại bắt đền em chầu hát, biên vào văn tự nợ. Khốn nạn, em không chiều

được thằng đó, thì đã có hai cô kia chiều bạn nó rồi. Sáng dậy, những chủ nợ thấy tối qua nhà có hát, thế là kéo đến cả "lô". Thoạt tiên là nhà bà hàng nước đêm qua đã để lại cho con gà mái già như cái mõ để làm cháo. Rồi đến chủ nhà... Hai đồng có đủ cóc ấy!

*
*   *

Bốn giờ sáng, chúng tôi ra về.

Cả ba cô, nhất định giữ lại. Cô "ấy" bịn rịn và cảm động. Hai cô kia cứ bám lấy chúng tôi mà dỗ:

– Thì hãy ở lại một tí. Chóng rồi "hẵng nhể".

Tôi hỏi ra mới biết: "hẵng nhể" là cái mục đích cốt yếu của các quan viên đi hát. Họ dỗ chúng tôi bằng cách đó.

Thì ra, khuôn phép của một người chủ chỉ biết có tiền, đã đưa họ đến ngang hàng với nhà thổ rồi. Ái tình ở chỗ đó, chao ôi, chỉ là hai tiếng "chửi" đau đớn...

Ngã Tư Sở cũng như Kim Mã, Tám gian (Vĩnh Hào) và Chùa mới, quả thực là những ngục hình của một đám phụ nữ ngu dại hiểu nghề làm "gái nhà chứa" hơn là cô đầu.

Ở đó, hay là những chỗ na ná như Ngã Tư Sở, tôi đã thấy hạng đàn bà ấy làm trò "ái tình" vụng dại và thật thà một cách đáng thương hại.

Ở đó, với một cổ phần tiền thật rẻ, có khi không đủ để đi "nhà thổ", người ta được hành hạ một người đàn bà suốt đêm mà không việc gì cả.

Nhưng ở đó, trái lại, người ta đã bị nghe chửi vụng và mắc bệnh kín là thường.

*
*   *

Ở những chỗ đó, tôi đã thấy những ca kỹ thường hay lấy cháo thay cơm, vui vẻ một cách thô bỉ, không biết đánh phấn, đi guốc mà thò hai ngón chân ra ngoài quai, và hơn hết không biết yêu là cái gì. Tôi đã thấy cái nhục dục hung hãn trước những khối thịt lũa, hay là vô tình. Tôi đã thẹn cho cách bán vui và mua vui cỏ rả và đê hèn, ở xứ này.

Thế rồi, một đêm kia...

NHỮNG ĐÊM MƯA GIÓ NHỮNG CON QUỶ DỤC

Với vài người quen, mấy ông kiện tướng của làng chơi, tôi bước chân vào nhà một cô đầu có tiếng là "khá" ở một xóm kia.

Nhà ngoài đã có khách, chúng tôi đành "hát" nhà trong. Có lẽ vì tôi, nên mấy ông bạn đêm đó lành như... bụt cả.

Họ tắt đèn đi, rồi âm thầm quanh khay đèn thuốc phiện, họ nói đủ các thứ chuyện.

Họ bảo tôi: "người đi hát đã từng bán nhà và ở tù nợ vì cô đầu, không bao giờ làm ầm ĩ và hành hạ cô đầu cả. Phải như chúng "moa"!"

Rồi họ chìa mặt ra cho chúng tôi ngắm, nghĩa là phải: có vẻ chán nản, buồn bã, để cho râu tóc mọc dài đến đâu thì dài, và không cần cả đánh răng nữa.

Một ông, mặc quần đùi, áo sơ mi trùm quá đầu gối, vắt vẻo ngồi trên đầu gối một cô bé tí, bỗng vênh mặt lên:

– "Phải biết nói xỏ nói xiên để đối đáp với chị em, vì yên trí rằng: "thân cô đầu là thân con chó, uống rượu vào nói xỏ quan viên!".

Phải đùa hết sức! Họ cho là phải như thế mới là tay thạo! Non et non!"

Ông quay lại hôn "nhân tình" và thỏ thẻ:

– Không như anh đây, nhỉ, em nhỉ?

Cô bé tròn, và non nớt như một con muồm muỗm, cười híp hai con mắt một mí lại:

– Chỉ khéo gỡ! Có bỏ tay ra không! Và đi mặc quần dài vào. Đùi với vế, lông với lá, như lông khỉ!

Ông ta gân cổ lên:

– Thế này là còn khá! Em có biết ông ấm rượu không.

– Cái ông lão hay làm thơ ấy chứ gì?

– Ừ! Đi hát, hiểu chưa? Lão cởi truồng ngồi uống rượu, thỗn thà thỗn thện như con chó, và trơ như "phỗng".

Một cô, từ chỗ bàn đèn nói leo vào:

Cũng như tụi anh Ch.... ấy! Kiếm được của họ dăm đồng bạc một tối, thật là nhục nhã, khốn khổ.

Ai lại trên chiếu rượu, chúng nó mấy thằng đều cởi quần ra mà ăn uống như quỷ đói, lại bắt chúng em phải ngồi đấy không cho chạy. Lúc uống thì giở đủ trò, nào rượu chỉ, rượu quay thìa, rượu diêm.

Đang đứng, nó dằn ngửa chúng em ra mà nhổ nước bọt vào mồm. Mà mồm chúng nó thì thối như mồm... trồ. Đi ngủ thì "gạ" và vật suốt đêm. Không "thuận" thì cấn đau chết người đi. Có kêu, là chúng nó dỗi, bỏ về.

Tiếng cô bỗng vui vẻ:

– Một tối chúng nó định xát rượu em. Em biết vậy, vào bếp uống trước một chén nước mắm rồi ra uống từng bát rượu "santé" với một thằng trong tụi nó. Cu cậu say lử cò bợ, em không say nhưng bị nó đổ rượu từ đầu đến chân. Đêm đó, em được ngủ yên.

Mặt cô buồn bã.

– Thân chúng em cũng là cái thân tội. Đêm nào cũng như đêm nào, bạ với ai cũng phải nằm, bạ ai cũng phải tình với nghĩa. Không mấy khi, đêm mà được ngủ, ngày mà được ngủ nhiều. Ăn thì chủ nó cho ăn như đầy tớ ăn. Mà thức đêm bã người ra, có ăn được cóc đâu! Em chả nói dấu gì các anh. Thật thế, có khi, đến nửa tháng, mà chả có một trinh nào để mua chanh gội đầu, chứ chẳng nói đến ăn quà nữa.

"Một đời cơ cực như vậy, còn biết xuân là gì nữa. Nằm với các ông là một sự bó buộc, thì đến mai cuốn chiếu nhân tình sạch, là sự thường. Thế mà còn nỡ chửi là cô đầu bạc, cô đầu đểu..."

Cô vừa nói vừa gõ vào hộp thuốc phiện. Như chấm câu, cô gõ một cái thật mạnh.

Một ông đang nằm hút, như bị gõ vào quả tim, gắt tướng lên, giằng lấy hộp thuốc:

– Nói chuyện thì nói bằng mồm, chứ sao lại nói bằng tay. Tị nữa, đổ mẹ nó cả thuốc của người ta!...

Giữa một câu chuyện thương tâm, lời gắt đó nặng nề hơn một cái tát vào mồm.

Tôi thấy mặt cô tiu nghỉu và tẻ ngắt, một bộ mặt lanh lợi, phấn sáp sơ sài, có thể đẹp được, nếu tự năm năm về trước, trên lưng trâu, nó vẫn được phơi rãi trong nắng gió, giữa một cánh đồng thơm tho, trong sạch.

Tôi theo cô ra sân. Sương lạnh tỏa xuống như mưa phùn.

Tôi gọi cô:

– Em đứng ngoài sương không sợ ốm à!

Cô cười nhạt:

– Thì em đang mong ốm đây! Ốm thì được nằm riêng một xó, không phải tiếp khách!

Cô bỗng chép miệng:

– Nói thế chứ! Ốm mà họ cũng có tha cho đâu! Như hôm nọ, có một anh vẩn vơ đến tìm em. Em đang sốt li bì. Hắn nhất định chỉ hát dùm cho em thôi, và em có ra tiếp thì hắn mới hát.

Trước lời nói ngọt của chủ, em đành gắng gượng tung chăn ngồi dậy hắn liền đem trống đến bên cạnh em mà khua. Nhưng hắn vẫn không quên đùa nghịch. Anh chưa biết cái khổ lúc đang sốt mà có người vừa gõ trống cạnh mang tai, vừa sờ mó!

Tôi hỏi:

– Sau ra sao?

Cô cười:

– Sau em khóc, khóc tướng cô lô lên. Anh có biết hắn nói sao không?

– Tôi biết thế nào được.

– Hắn bảo: sốt ấy là sốt vỡ da, sốt nhớn, nếu không là sốt lậu, tim la, mà khóc ấy là khóc cá sấu. Cá sấu nó khóc thế nào, hở anh?

– À...

– Hắn lại bảo chỉ có một cách có thể làm cho em hết sốt là: ấp một con công vào chỗ sốt, rồi... nhưng mà nó nói đểu lắm, anh ạ...

BUỔI SÁNG

Một đêm kia, quá mười hai giờ, tôi rứt áo ra về. Nhưng, sáng hôm sau, một sáng chủ nhật rét mướt, tôi quay lại chỗ vui đêm qua.

Mục đích được gặp để hỏi chuyện cô K... một cô đầu đã từng uống thuốc phiện với dấm thanh.

Những quan viên đi hát với tôi, tối qua, vẫn còn nằm cả trong chăn, thò đầu ra ngoài. Chỉ có một ông đã dậy, quần áo chỉnh tề.

Ông ghếch cả giầy lên chăn đệm, nhỏ nước bọt vào mũi giầy "*Vernis*", rồi đưa giầy lên bức màn the mới tinh mà lau.

Một cô thấy vậy, tru tréo lên:

– Gớm bố trẻ! Giết người chưa!

Ông liền khạc một cái, nhổ luôn vào màn, rồi nhăn mũi lại mà nhìn cô kia:

– Kêu à! Này kêu! Kêu nữa hay thôi? Ý chừng thấy tôi có vẻ ghê tởm, ông ta ngồi luôn bên cạnh tôi:

– "Vous" cần phải ngủ lại đêm ở những "boites" cô đầu, để sáng hôm sau hưởng hết cái "nán vô cùng". Như lúc vừa mới chợp mắt đã có mấy thằng nó rao bánh tây vào lỗ tai mình, để đánh thức mình dậy mà nghĩ đến: *primo*: cái sự vò đầu và vặt râu của bà vợ, *secundo*: cái sự trả tiền mua những cái vui vô nghĩa, hay là có khi cái sự trả tiền mua một bệnh lậu hay tim la. Thật là vô lý một cách lạ. "*Vous*" thử nhìn hộ "moi" xem mấy thị mẹt! Sao đêm qua thì họ đẹp thế, mà sáng dậy thì họ bẩn đến phát nôn đến thế?

Ông đứng phắt dậy, bước lại cái giường tây trước mặt, và vạch tung hai cửa màn the lên: từ cái chăn cuốn tổ sâu để thòi ra hai bộ mặt vàng ệch, bật ra mấy tiếng quát: "*eh! Là*!" và một tiếng "ái" như một tiếng đầm rú!

Ông bạn tôi, ngỗ ngược, toan tung chăn ra, nếu họ không kêu rầm rĩ lên.

Nhưng ông ta lại ngỗ ngược một cách khác:

– Cả đêm chưa chán, thanh niên bạch nhật không sợ tội với trời đất à?

Từ trong chăn nổi lên mấy tiếng rên:

– Tao lạy mày! Để yên chúng tao một lúc nữa! Tao mà có bậy bạ thì trời tru đất diệt cả nhà cô đầu này đi!

Tôi ngoảnh mặt đi, nhưng còn nghe ở trong chăn họ cấu chí nhau:

– Cả nhà nhà anh, có được không?....

*

* *

Ông bạn tôi rủ tôi ra nhà ngoài. Ông hất hàm nhìn vào phía trong:

– *"Vous"* đừng thấy tôi nhổ vào màn mà đã cho là tởm! Có thằng nó còn đái cả vào lọ lục bình nhà cô đầu, có thằng nó còn đại tiện cả

ra giữa nhà cô đầu là thường. Đã vào nhà cô đầu, phải vứt bỏ yêu và thương đi! Vì theo ý riêng tôi, "đểu" nhất là cô đầu!

Tôi cười:

– Ông nóng quá!

Ông gân cổ lên:

– Không! Tôi nói một cách rất công bình.

Nhất định là tôi nói thật.

Tôi thấy mặt ông đỏ lên như giận ai:

– Đểu! Đểu tất!

Rồi ông dịu giọng đi:

– Tôi sở dĩ không ưa cô đầu nhưng vì thế mà tôi lại thương họ vì nhiều lẽ lắm. Hãy kể hai lẽ chính. Một là mười thằng đi hát cô đầu mà dâm dục lắm, thì ít ra cũng năm, sáu thằng tim la và lậu. Thức đêm, uống rượu, và ở bẩn, chẳng cần đến *tréponèmes* và *gonocoques* cũng đủ "thác" chín mươi phần trăm rồi. Có đứa nó biết rằng nó có bệnh mà nó cũng cố đổ bớt ra cho mình! Như cái con mà trong mục "gái nhảy" ông đã từng nói đến. Ông đừng cãi! Tôi biết nó là ai rồi. Nó là một "ả đào rượu" V.T. "dê" một cách lạ. Bạ ai nó cũng ngủ được mà chỉ biết một tối thôi cũng được rồi. Nó đã "dê", nó lại đa tình, thế mới khổ cho người ta chứ!

–Ông chỉ ngủ một lần với nó, thế là hôm sau hoặc là nó đến nhà riêng ông, hoặc là để cho ông lôi đi đâu, mà làm gì cũng được! Một lần nó đang "lậu", đêm nó ép một thằng bạn tôi, thằng N. phải ngủ với nó. Một lúc khoái lạc, bảy tháng ăn giò kho!

Ông đã nhảy với nó rồi, và nghe đâu đã mất cho nó cái áo rồi thì phải! Thôi nhé! Cụ nhé.

Tôi bùi ngùi nghe câu chuyện đó, không để ý đến cái đấm bằng trời giáng mà ông tặng đùa cho tôi.

VÀ ÔNG "BỊ MỘT VỐ"

Ông gạt tàn thuốc lá vào tách nước chè tàu, thong thả, buồn rầu kể cho tôi nghe: Một lẽ nữa cho tôi chán cô đầu!

– Tôi vốn có ba cái đặc tính: thích yêu thương, thích liên miên, và thích tiêu tiền và nhất là thích bán nhà để... yêu, bán cả nhà

hàng xóm cũng được, nếu ông hàng xóm bằng lòng! Ba cái đức tính đáng "bỏ tù" ấy làm cho tôi trong bao nhiêu năm hả hê và như "ông hoàng con con" ở chỗ cô đầu. Thế mà một lần... lần cuối cùng tôi gặp con H. ở xóm này. Tôi yêu và thương nó lắm, dù tôi biết rằng có ba thằng bạn quen thì nó đã ngủ với tất cả ba rồi.

Trong một chủ nhật, đêm nào tôi cũng chịu khó "tán" xát xạt mà nó vẫn kiên gan nhất định không nghe.

Một tâm lý của tình yêu bạ ai cũng hiến thân vì không yêu, nhưng tự nhiên gìn vàng giữ ngọc khi đã yêu. Tôi tưởng thế.

Tôi nghĩ đến cách chuộc nó ra. Tôi định thế này: làm một bữa tiệc cưới mời riêng một mâm năm thằng mà tôi quen và đã từng ngủ với con H. rồi như có một thằng đã làm như thế.

Tôi ngắt lời ông ta:

"... Để công bố cái uẩn khúc của ái tình chứ gì?"

Ông ta cười và gật đầu nói tiếp:

– Đúng như vậy. Thế rồi, được ít lâu, tôi hiểu rằng nó sở dĩ giữ gìn đối với tôi, vì một cớ rất thường: nó bị lậu!

Nhưng đó cũng là một cách nó yêu tôi, vì nếu không yêu thì nó đã "thả" ra cho "bỉ nhân" một ít *gonocoques* rồi còn gì.

Tôi liền thân hành chạy thuốc thang cho nó, đưa nó đi thầy lang. Tốn kém cũng khá.

Rồi nó khỏi. Tôi nhất định trả nợ cho nó. Vì tôi đã thấy nỗi cực nhục lúc nó bị bệnh, cái hoàn cảnh đau đớn và cái tương lai tương tự như thế của những người như nó. Tôi chỉ có mục đích: bỏ ra một số tiền như thua một canh bạc, để cứu vớt một người "đào tơ liễu yếu" ra ngoại "bể trầm luân" *(sic)!* Nhưng cô đầu họ lại nghĩ khác: một khi bỏ tiền ra trả nợ tức là lấy làm vợ! Tức là phải lấy người đã trả tự do cho mình...

Ở ngoài họ đồn rầm lên là hai đứa mê nhau lắm và sắp lấy nhau.

Thế rồi một đêm tôi đến hát và đem tiền lại, và, rất "quân tử", tôi trao tiền vào tận tay nó. Nó cảm động, khóc như bố nó hay là tôi chết lúc đó!.

Xin nói thêm rằng đêm đó cái bụng nó vẫn... kiên gan như thường. Nó hẹn lúc nào nó được về nhà "sửa túi nâng khăn" cho tôi, sẽ hay!

Đêm sau, tôi hí hửng như một bà có tiền phát chẩn, đến nhà hát.

Từ 8 giờ đến 10 giờ đêm, tôi làm bộ không hỏi đến nó, vì tôi muốn rằng, làm thầy đồng tiền lúc này, nó phải ra vồn vã đón tôi trước.

Đến nửa đêm, một cô đầu trong nhà đó, ý hẳn mến cái "đức tính" tiêu tiền của tôi, rỉ tai với tôi rằng:

Cái con nhân tình của tôi về quê từ sáng rồi. Và về quê với một thằng Lợm nào không biết?

Nó ra đi, không một lời cảm ơn, không một câu nhắc nhỏm đến tôi!

Ông bỗng rít hai hàm răng lại:

– Thưa ngài, đã khá hay chưa?

Tôi chậm rãi trả lời ông ta:

– Ông đã không cần lấy người đó, mà chỉ cốt cứu một người khổ ra ngoài bể khổ, thì ông nề hà gì một lời cám ơn. Nhưng nên khen cái người đó chung thủy lắm!

Ông ta trợn mắt nhìn tôi. Tôi cười:

– Thủy chung vì từ đầu đến đuôi không yêu ông, thì cho đến phút cuối cùng cũng vẫn không yêu ông. Ông còn có cách tìm ở cái đống nước mắt đêm trước, một cái an ủi cho ông, nếu ông còn tấm tức!...

Ông ta đứng dậy, dang hai tay ra:

– Nhưng mà, nếu ông biết những lúc nó rên lên ầm ầm, những lúc nằm thẳng cẳng như con lợn cạo rồi trên bàn đẻ ở nhà bà đỡ cho bà ấy thụt rửa! Những lúc ấy ai cũng xua đuổi như đuổi con chó, trừ có tôi ra! Thì xin lỗi ông tiên nhân ai mà không tức!

Ông vẫn đứng thẳng, đầu gật gù:

– Tôi muốn rằng nếu nó không coi tôi như chồng hay là người yêu của nó, thì ít ra – cho khỏi tủi cái vong linh của tôi – nó cũng đối với tôi như một cô chết đuối hụt đối với một ông lão thuyền chài!...

Tôi cười:

– Hay là như con gái đối với bố nuôi!

Ông ta cũng cười:

– Cũng được!

"CHÓ" VÀ "CHÓ"

Đến trưa, chúng tôi ăn cơm ở nhà đó.

Bốn người trước một mâm cơm tươm lắm với bốn cô ngồi bồi tiếp, và một cô thứ năm, bé nhất, chạy ngoài để cho họ sai làm những việc vặt, nghĩa là những việc: ra ngắm gương, vào ngắm gương, chốc chốc lại xoa phấn vào mặt, ỏn à ỏn ẹo, tự nhiên cười khanh khách, tự nhiên rẫy lên đành đạch trước một cái cấu nhè nhẹ.

Tôi mời cô K. cùng ăn cơm cho vui. Cô một mực từ chối.

Một ông gặm một đùi gà, kè nhè:

– Gà này, nếu không đã ăn "thượng thọ cụ kê", thì ít ra cũng đã đẻ vào lứa như chị K. ở đây rồi.

Thấy cô K. từ chối, ông vứt cái đùi gà vào giữa mâm, làm bộ rỗi:

– Tôi không hiểu làm sao, bất cứ uống rượu, ăn cháo hay ăn cơm, mời thế nào các chị cũng không chịu ăn. Cứ ngồi ỳ đấy như chó chực cả! Mà cấm thấy nuốt nước rãi mới phục chứ!

Cô K. buồn rầu:

– Thưa quan, vốn kiếp chúng em là kiếp chó, cái đó đã đành lắm rồi!

Thế là ông kia, chồm lên:

– À, ra chị bảo chúng tớ nằm với chó, ngồi với chó, tức là chúng tớ cũng chó cả!

Tôi tưởng hôm ấy sắp phá mâm. Nhưng không, ông ấy chạy luôn lại bên K., hai tay dính mỡ ôm lấy cổ K., mồm bóng nhẫy những mỡ ghé vào mặt K. mà hôn.

– Mình đừng giận anh nhé! Đùa đấy!

Cô K. chép miệng:

– Mình! Thế còn đầu, đuôi nấu dấm cho chó ăn à? Ai mà giận cậu nó!

Một ông chõ vào:

– Cậu nó là chó nhà tôi! Giỏi!

Nhưng một ông thứ ba, húp một thìa canh, rồi nói dằn từng tiếng một!

– Không có gì là lạ, nếu chúng tôi là chó! Vì có là chó mới tới đây. Nhưng thôi, tôi chỉ lấy làm lạ là sao các chị lại không cùng ăn với chúng tôi?

Không cho cô K. trả lời, ông thủng thẳng:

– Nếu tôi là thằng bếp nhà các chị trong một ngày một đêm thì tôi sẽ thấy rằng: những món ăn còn thừa của lũ chó này; có khi lẫn cả nước rãi của lũ chó này nữa, bà chủ đem trộn lại làm một món hổ lốn mà các chị sẽ vùi đầu vào ăn như chúng tôi, nghĩa là... "chó".

Ông gặm đùi gà lúc nãy, như muốn giữ lấy cái hòa khí trong bữa cơm.

– Tao đã từng ăn món hổ lốn ấy rồi, ở nhà con N. giữa một buổi sáng mà bà cụ nhà tao làm "*valise*" (nằm đợi cho người khác về lấy tiền chuộc valise ra) được, nên phải để mẹ nó bốn cái đĩa hát, và áo *pardessus* lại. Món hổ lốn đó, hai khói, ngon ghê!

Câu đó chỉ có thể làm cho ông cười thôi.

Ông ngoảnh mặt phía K.

– Cười đi em?

K. cười. Tôi thấy hai mắt K. nhòa những nước.

Rồi bỗng K. vùng dậy chạy vào sân trong. Tôi chạy theo vào.

Gục đầu vào thành bể, K. đang khóc nức nở như một đứa trẻ.

MỘT CÔ ĐẦU HOÀN TOÀN

Cô K. nhìn tôi:

– Anh ạ, nếu anh đã một lần ngồi với S. nghe cái giọng ca tiêu hồ từ ruột ra, những lời nói nũng, lả lơi và màu mè Điêu Thuyền đặc của cô ả, nếu anh sống một đêm trong cái không khí đầy ái tình giả dối, ở nhà cái cô ả có đủ trăm lá mặt và trăm thứ tình đó, thì anh sẽ tin chẳng làm gì có cá quả, giấy bản và con cước.

Nhưng cô này lại thua cô H., vì hắn còn nhờ ở cây đàn và tiếng hát nữa.

H. mới tuyệt hảo! H. chỉ có vẻ mặt và cách ăn ở.

Bất cứ ai ai, H. cũng có thể chiều được. Một anh già vào hát, H. quỳ xuống luôn, tự cởi giầy và bít tất để rửa chân cho. Bít tất thối khắm lên mà H. để vào mũi hít, rồi nũng nịu kêu lên là thơm như nước "huê". Cách chiều khách thì đại để như thế. Đến cách làm tiền thì lại tuyệt nữa.

H. có biết một người, anh A.. Vợ A. đẻ, H. liền gửi biếu hai bu gà tơ, một thúng trứng tươi. Thỉnh thoảng, H. vẫn thả vài con săn sắt như thế. Một hôm, biết A vẫn ký "bon" mua chịu ở Gô đa, H. liền rủ A. đi chơi phố Tràng Tiền. Qua Gô đa, H. rủ A. vào:

– Em gửi anh cầm hộ năm đồng. Em cần mua vài cái vặt. Anh cầm tiền trả hộ em, vì chả nhẽ em trả thì bất tiện cho anh quá. Có bao giờ "vợ" trả tiền mà "chồng" thì đứng làm phỗng đấy được, anh nhỉ?

Cu cậu A. thích lắm.

H. mua vặt vãnh đến kỳ hết năm đồng. Đến gian hàng tơ lụa H. nhăn mặt nhăn mũi, muốn mua vài thước nhung đen. Cô đầm bán hàng lại mời ông mua dùm cho bà.

H. ngập ngừng, băn khoăn, mân mê tấm nhung ướm vào người cô đầm, ướm vào người anh A. mà khen:

– Đẹp ghê gớm!

Anh A. sĩ diện với cô đầm:

– Em mua đi.

H. bẽn lẽn:

– Hay là em mua. Nhưng mà, khổ... anh ạ!

Anh A. ta ưỡn ngực ra:

– Không mang tiền đi chứ gì?

Đã có anh.

H. vừa sai cắt năm thước nhung, vừa suýt soa:

– Quý hóa quá. Còn chỗ tiền, để về, em xin trao trả lại hầu anh!

Anh A. liền rỉ vào tai H:

– Thế nào cũng được! Cốt bao giờ em cũng yêu anh là đủ.

Cứ thế mãi cho đến lúc cái xe ngựa đã đi theo mẫu ruộng sau cùng.

Thì một anh A. nhận được một bức thư thơm phức:

– "Anh A.! Tình đôi ta đã hết. Đừng xuống nữa". Dưới ký H. Anh A. bây giờ nghèo rồi, và "ba đào" lắm thì phải. Tôi kết câu hộ cô K.

"Nhưng anh đã được hưởng tất cả ái tình mà một người đàn bà có thể diễn tả được. Chỉ tiếc rằng nó hơi đắt, cái tình mua bán đó!"

Cô K. bĩu môi:

– Chả đắt đâu. Anh A. còn được ăn gà, ăn trứng. Chứ có thằng được ăn "ớt" và "hạt tiêu" thôi. Như cái lão gì đó, một lúc thả ra một cái ô tô cho "me". Rồi nhìn "me" phóng ô tô đi với "cậu".

"Ruột đứt ra như giây" thừng ải, mà đành nuốt bụi trộn với hạt tiêu.

Rồi cô K. bá lấy cổ tôi:

– Chỉ tại lão đó xấu quá. Đã xấu thì đừng đi hát!

Tôi cười:

– Nghĩa là: Anh nên đi về, phải không em, vì anh chỉ có cái xe đạp, mà xe đạp thì em không đi được...

Cô K. nũng nịu:

– Em giận đấy! Xe đạp anh giữ lấy để mà xuống thăm em. Anh không có ô tô, nhưng anh có...

– Tình chứ gì!

– Không phải! Anh có một vẻ mặt, lời ăn tiếng nói như một người mà em đã yêu đầu tiên.

Cô K. bỗng gục đầu vào vai tôi. Cô buồn hay cô làm sao thế?

Nhưng cô buồn thật,... vì sau này tôi nghiệm ra rằng, vì đã chịu khó ngồi nghe, tôi chỉ là cái máy thu thanh, đã thu được bao nhiêu chuyện, mà trong bức cảm tình chan chứa, cô K, đã thật thà kể ra như một người điên.

Nhất là chuyện này.

EM HAY CON?

Tôi đã thành một cái cọc để cô K. bám lấy cho khỏi ngã xuống vì mệt mỏi.

Cô K. kể cho tôi nghe, hay là kể một mình bằng giọng buồn, một điệu:

– Em yêu một người, yêu không thể tả được. Người đó là anh Q., – cũng yêu em lắm. – Rồi em có mang với anh ta. Em xin thề rằng chính thật là em có mang với anh Q., vì lúc biết anh ta, thì em cũng có vài người nhân tình thật đấy, nhưng bố vờ cả. Chỉ có một thằng em hơi yêu yêu, nhưng nó lại có bệnh. Thì chửa với thằng đó thế nào được. Nghĩa là, ngoài anh Q. ra, em không chửa với ai cả.

Anh Q. biếu em trái tim, đời anh và máu mủ của anh. Trừ có tiền bạc. Anh nghèo lắm, không có tiền mà cứ vớt em ra. Một đằng thì anh chỉ khóc, một đằng em cũng chỉ khóc lúc hai đứa ngồi nhìn cái bụng của em ngày một to tướng. Rồi một đêm kia, em tiếp một ông cụ.

Ông cụ đó thương và mê em lắm, nhất là lại nhiều tiền – Cụ trả nợ để chuộc em ra.

"Em bó buộc phải theo ông lão Mốc. Vì cái bụng, vì giọt máu của anh Q.".

Nói đến đấy, cô K. như người tỉnh ngủ, cô ngồi dịch ra mà hỏi tôi:

– Anh có biết cụ đó là ai không?

Tôi gật đầu:

– Một cụ cậu!

Cô K. buồn bã, không chú ý đến câu pha trò của tôi.

– Ông cụ ấy là bố đẻ ra anh Q.. Về nhà em mới ngã người ra. Nhưng đành vậy biết làm thế nào!

Em sống khổ sở, đợi đến ngày đẻ. Rồi em đẻ được một đứa bé vừa là con vừa lại là em anh Q. Em không cầu khẩn gì cả, nhưng sao đứa bé ấy đẻ ra lại không chết đi!

Tôi nắm lấy tay cô K.

– Thế vì sao em lại ngồi đây?

Cô K. không trả lời được. Nhưng sau cô cũng tìm được một câu trả lời rất "nghề".

– Vì hoàn cảnh, anh ạ!

Tôi nhìn lại một lần nữa cặp mắt nhung thiết tha của cô K. Tôi thoáng thấy một vẻ dâm đãng liều lĩnh, nó làm cho mắt cô "đáo để" không ngờ.

Thấy tôi nhìn K. chớp mắt, rồi nũng nịu:

– Anh đi nghỉ cho em nghỉ với!

Như cố chống với mệt nhọc và buồn ngủ, mặt K lại đờ đẫn, hiền lành và chán nản như thường.

"Vì hoàn cảnh", một câu sáo vô nghĩa...

*

* *

Dù đã đi nằm rồi, tôi vẫn là cái máy thu thanh để thu một vài câu chuyện nữa.

HAI LỖI "THẢ TIỀN"

I. Đối thủ

Cô K. vẫn nói:

– Thằng cha ấy nó "vờ" em. Nó muốn em quá. Nó đành rúi vào tay em tấm giấy bạc hai chục. Đem thịt dê vào tận miệng cọp, tội gì không ăn. Những thằng "quých" ấy, cho chết! Sáng hôm sau nó về, rồi đem người tự xưng là mật thám đến dựng đứng lên là mất sáu chục bạc, ba tấm giấy hai chục có chữ ký của nó.

Chẳng muốn để nó đưa chủ lên đồn, em trả tiền nó, và nói cho nó một trận vuốt mặt không kịp...

Tôi cười:

– Như thân em đã thuộc về nó một đêm rồi.

K. Nghiêm nghị:

– Chỉ bậy! Đêm đó em giả vờ thấy "tội".

– Chắc đưa tiền xong, nó mới biết là em thấy cái "ấy"?

II. Cóc giả

Nhưng, lại có một thằng khác láu cá hơn và vẫn không mang tiếng là đểu. Nó là con "cóc" đất phủ một lần vàng.

Nó là khách lai, rất giàu. Nó đi hát chỉ một lần thôi, mà cả đời che tàn. Đến hát, xem cô đầu nào ưa nhất, nó tán một lúc rồi hẹn trưa hôm sau mang tiền lại cho.

Đến trưa, y hẹn, nó mang đến cho cô ả vài chục, – rồi được "hả hê" ngay.

Vì các cô thấy nó chưa chi đã thả ra hai, ba chục, tưởng bở lắm, vả lại biết rằng nó bán tơ lụa, nên tối mắt lại mà cho nó "hả" ngay. Tưởng rồi ra "bom" được nó, ai dè, lòng dục thỏa rồi, nó cho "mợ ra rìa" luôn!

Thằng đó láu, chỉ có các cô ả kia là dại.

Tôi hỏi đùa:

– Giá em vào địa vị ấy, em cũng phải mắc!

Cô K. ngồi nhỏm ngay dậy:

– Ít khi lắm nhé! Em đây chứ không phải ai đâu. Cái thằng béo "ị" và ngô nghê ấy, tiên nhân ai mà thương được. Đây, "tẩy" ngay.

Cô dịu giọng đi:

– Tùy mặt em mới yêu... anh, chả hạn...!

Rồi, cô nằm xuống.

MỘT TRẬN ĐÒN GHEN

Người tài xế, vẫn người mà cô H. ở V.T. đã quen mặt rồi, bước vào, kính cẩn:

– Mời cô ra xe, ông tôi đợi cô trên ôtô, ngoài đầu phố...

Cô H. hơi ngạc nhiên:

- Thế sao ông không vào đây, như mọi lần?

Người tài xế tủm tỉm cười:

– Vì sợ bà tôi biết! Thì sẽ chết cả thầy lẫn trò!

Cô H. sửa qua lại mặt phấn, tất tả chạy theo người tài xế.

Cô đến gần: ôtô vẫn chưa hãm máy; và cái người mà đằng xa, cô tưởng là "ông" lại là thằng nhỏ. Nhưng sao cái mũ nó đội giống cái mũ của ông chủ nó thế!

Tài xế bước lên xe trước, cô bước lên xe sau.

Ôtô chạy liền. Cô vừa ngồi xuống đệm, thì một vật lành lạnh tì chặt lấy ngực.

Ôtô vừa qua chỗ đèn sáng, cô mới biết rằng không có "ông", nhân tình thân của cô, mà chỉ có một bà gầy gò, nét mặt xương và dữ dội. Cái vật lành lạnh là cái súng lục.

Ngoài khẩu súng, còn nhiều vật khác nữa cùng lành lạnh: dao găm, đanh ghim, và một cặp mắt sáng quắc, căm hờn.

Sau một tiếng quát:

"Ngồi im không bà bắn chết". Cô H. thu hình nép vào một xó để nghĩ ra rằng: Cô đang bị bà vợ ông nhân tình lừa lên ôtô. Để làm gì đây?

*

* *

Xe ôtô đỗ giữa đồng không mông quạnh. Cô H. bắt đầu chịu một trận đòn ghen lạ lùng, chưa từng có trong lịch sử cô đầu.

Trong ánh đèn ôtô, cô nhận ra rằng ở búi tóc bà kia, lởm chởm những đanh, và ở tay bà có hai chiếc vợt *ping pong*.

Nhận được thế, rồi cô chịu cho hai cây vợt kia dần vào người cô nhanh và mau như mưa rào. Hai cây vợt đã gẫy rừ: các đầu xương, gò má, chỗ hiểm đau buốt như rần; cô H. thấy người ta quẳng cô giữa đường cách Hà Nội mười cây số, sau một câu thách:

– "Tao đợi mày đi kiện!"

*

* *

Cô H. chịu đòn, rồi nằm trên giường bệnh hàng tháng.

Cô không kiện ai cả, vì cô vẫn cảm động đến những ngày đầy đủ đã qua, đến những lúc "ông" muốn rằng trong túi lúc nào cô cũng có bốn, năm chục bạc để... ăn quà vặt.

Cô vẫn nói với họ hàng biết chuyện cô:

– "Sao lại có người ghê gớm đến như thế. Y như trong *cinéma!...*"

Nhưng có người lại nghe thấy cô bảo riêng với "bóng" cô rằng:

– "Sao họ không đánh chết đi, cho rảnh nợ!"

Tuy rằng cô có quyền không ai được đánh cô trong cái địa vị bán ái tình có môn bài, tuy rằng cô có quyền đáng khinh là đi kiện hay là báo oán.

Làm cô đầu, cô hình như quên rằng cô cũng là một người đàn bà như người đã hành hạ cô.

Như một người cùng dân đã quên rằng mình cũng là "người" như một ông huyện.

TRƯỚC THANH CỦI TẠ
HÌNH PHẠT CỦA CÁC MỤ TÚ BÀ

Lúc nào, và lúc nào, tôi cũng vẫn tin rằng: Cô đầu là một hạng phụ nữ khổ cực hoàn toàn, một sự mỉa mai cho một dân tộc đã từng có một ông vua như Trần Thánh Tôn.

Là vì một người cô đầu hãy còn là một người đàn bà, có đủ những đức tính hay, nết xấu hay của một người đàn bà, những nết hay đức tính mà ở chỗ khác, tiền bạc và hoàn cảnh đã gìn giữ, dấu kín và che đậy hộ, sau cửa phòng khuê.

Là vì, bên cạnh cô đầu, để dìu họ bằng thanh củi tạ vào con đường chết, có những mụ Tú Bà độc ác như rắn rết.

Họ ngang nhiên, trước pháp luật chung, tạo lấy một luật pháp riêng, những hình phạt "ngọa triều"... Họ đã luyện nên nét cười, thật ra vô nghĩa, cho người có tiền, bằng cẳng tay và thanh củi tạ, sau những tiếng khóc, rên mà dư âm không bao giờ lọt ra đến ngoài cả.

Tôi lấy làm lạ rằng những mụ Tú đó vẫn được người ta gọi là "bà", là "cụ", là "me" một cách trân trọng.

*

* *

Tôi đã nói đến lúc cô đầu quằn quại đau đớn trong tay những Bạc Hạnh, Sở Khanh.

Tôi muốn nói ngay đến lúc họ quằn quại trong tay các Bạc Bà hay Tú Bà.

HAI CÁI BÁNH BÀNG

Trong một nhà hát nhỏ ở dãy nhà ông N.D., một mụ chủ kiêm thêm một nghề bán hàng vặt nữa. Một hôm nó vừa buôn được ít bánh bàng. Nó đếm lại thấy thiếu mất hai chiếc. Không ai nhận là đã ăn hay là đã lấy cắp cả.

Nhà chỉ có bốn cô đầu. Tất cả chỉ có bốn "con trời đánh" ấy ăn thôi. Thì làm thế nào để tìm được một chứng cớ nhận rõ rằng họ đã ăn vụng bánh?

Nó chửi, nó đánh, họ vẫn trơ ra. Nó liền nghĩ ra một kế:

– Cho cả bốn cô ăn... mùn thớt.

Ăn mùn thớt để mửa ra. Cô nào mửa ra bánh bàng thì sẽ biết tay nó!

Nhưng bánh không có ở trong dạ dày cô nào hết. Chỉ có cơm gạo đỏ và rau muống, với những chất mà mụ chủ vẫn ngờ là bánh bàng.

Nhưng chả nhẽ cả bốn cái dạ dày cùng có bánh bàng một lúc!

Vụ xử án đó chưa ra manh mối, và còn mụ chủ – than ôi! – Mất hai cái bánh mà vẫn không biết kêu vào đâu được.

CHÁU! CŨNG MẶC

Ở K.T., nhà một mụ mặt dài quất queo đầu ngôi tam sơn, môi mỏng, dài như một nhát dao khía nhỡ tay trên một miếng thịt màu nghệ thối phủ một làn phấn sáp dầy như mặt "nhà chứa". Họ cho mụ là "già" tuy rằng mụ chưa già.

Đối với khách hàng, mụ cũng tử tế như mọi chủ cô đầu: nghĩa là đánh đổi lấy một món tiền ngoại, từ ba cho đến mười đồng, mụ bắt con em phải tiếp riêng khách – bất cứ tây, tầu, ta – trong buồng riêng như gái... "săm".

Cô nào không chịu? Đã có thanh củi!

Nhưng, thế mà có người vẫn không chịu, và không sợ mụ, cả chồng mụ, một anh nghiện, keo bẩn và láu cá.

Ngoài thanh củi, mụ lại có cái: "mồm". Không phải để cắn, nhưng để chửi, để riếc vặt từng miếng thịt ra.

Nghe mụ và một mụ nữa cùng xóm chửi con em, một người đểu cũng phải bưng tai lại mà chạy đi!

Tôi đã thấy mụ đánh cháu mụ, một cô phóng đãng, thường để tình dục lên trên mọi sự, lên trên cả dây thừng, thanh củi.

Hai lần bỏ nhà ra đi, là hai lần bị bắt về để chịu những trận đòn thừa sống thiếu chết.

Mụ lột bỏ hết quần áo cô ả ra, sai đầy tớ trói lại, rồi đánh. Mụ nhất định sai rong cô ả đi khắp phố. Cô ả sẽ không một manh áo che thân để đi riễu phố, nếu không tốt người can mụ.

Cô ả có thể về quê sống với họ hàng một cách trưởng giả được.

Nhưng ở nhà quê, thì những ai là người biết nhảy đầm, và biết làm... nhân tình với cô ả?

Họ kháo nhau: "Con bé dê và thạo ghê lắm!"

QUYẾN RŨ GÁI TƠ

Lởn vởn trong cửa hàng nhà mụ, thường có một vài cô gái độ từ chín đến mười ba, mười bốn tuổi.

Đối với pháp luật mà mụ không biết là cái gì, đó là con gái nuôi mụ.

Rồi một đêm hay một ngày kia, lúc nào không ai biết nữa, mụ sẽ cho những trẻ vô tội ra làm con hy sinh cho sắc dục.

Tôi đã được nghe họ nói đến một cô bé nhất trong nhà đó:

– "Con bé đó nó mất con gái với thằng bếp ở nhà đó, từ lúc tóc nó còn mọc dở dang lởm chởm, chấy rận như sung...!"

Người ta không cần phải đi xa nhìn cho biết mặt một mụ mua con gái cho làm nghề mãi dâm.

NHƯNG, CÒN CÓ NGHỀ TỐT

Người chủ tốt, có lẽ chỉ có bà cụ B. Ở nhà ấy, chỉ có ma cũ bắt nạt, chửi ma mới thôi, và ma mới lại đổ hết câu chửi lên đầu những con sen, to lớn, thô bỉ như con lợn, mà họ vừa cất nhắc lên làm cô đầu đội đèn và mở cửa, cả đằng sau đằng trước.

Bà chủ lành như bụt. Cô đầu ở đó được phép đi chơi, được phép về quê hàng vài ba ngày, và có trốn đi cũng không sao cả, quý hồ đi rồi lại về là được rồi. Vì lúc đó đã có thất vọng hành tội họ.

Bà chủ suốt ngày ăn chay, tụng kinh, và sửa soạn đến cái chết của bà nhiều quá.

HỌ KHÔNG LẤY THẾ LÀM KHỔ

Nhưng, trước thanh củi tạ, còn có nhiều cô đầu không lấy "nghề làm nhân tình" là khổ.

Ở ngay cạnh bà "bụt" đó, lại là một lũ yêu tinh, phóng đãng và lõa lồ.

Họ không ngần ngại giữa tiệc rượu, khỏa thân dưới ánh đèn, đổi màu "đỏ" thành màu "xanh".

Họ không ngần ngại đổi bữa tiệc thành một đêm loạn dâm đặc cổ La Mã.

MỘT CÁI NGỤC HÌNH

Tôi cố ý dành mấy trang cuối, để nói về một cái ngục hình riêng của cô đầu K.T.

Những buổi quá trưa về chiều, người ta có thể tưởng tượng một cách đau đớn rằng K.T. là một góc bách thú được. Nhất là lúc qua một hàng rào sắt, có khóa chặt chẽ, người ta nhìn thấy mấy cô, đầu bù, tóc rối, mặt vàng bủng nhẫn thín như quả thị, hay là có điểm những nốt đen, sần sùi, đang thò tay ra ngoài mấy gióng sắt để mua quà, như mấy con mẹ điên trong nhà thương. Không cần đeo biển vào ngực, người ta cũng đã biết đó là ai rồi.

Đã biết những nỗi thống khổ cực kỳ của họ trong nhà đó, người ta phải lấy làm lạ rằng sao họ còn vui, còn ăn quà và sống mãi được!

Nhưng người ta sẽ không lấy làm lạ nữa, nếu được nhìn kỹ những đàn bà ấy: họ còn trẻ lắm.

Chỉ có thời gian mới làm tuyệt diệt được tuổi trẻ và những trái tim mới bắt đầu chảy máu!

*

* *

Một tối, mấy ông bạn rủ tôi vào nhà đó.

Bà chủ còn trẻ, và lịch thiệp lắm. Nhưng phải nghe kỹ cái giọng khàn khàn, liên miên bất tuyệt, phải để ý nhìn kỹ cặp mắt to, nhiều lòng trắng và không thích nhìn thẳng để được nhiều hơn người khác, và nhất là cái mồm rộng và mỏng!

Để không được thấy một vẻ gì là phúc hậu cả trên một bộ mặt hoạt động và thay đổi rất chóng!

Tôi thấy tất cả con em nhà đó, có bao nhiêu người ngồi đầy cả ra như bầy hàng trong chợ người, mặt trắng ngang với khăn trắng trên đầu họ.

Tôi hỏi một cô:

– Em để chở ai đấy?

Cô thở dài, nhìn ngang bà chủ. Không phải là để tang bà chủ vì bà ấy còn sống sờ sờ ra đấy, nhưng nhìn cái liếc mắt của cô nó chứa chất bao nhiêu nỗi căm hờn, nó sắc và lạnh như một mũi dao, tôi thấy rõ ý muốn của cô: cô mong được nói rằng cô để chở bà chủ!

Phá tan cái không khí nặng nề giữa lúc đó, một ông bạn tôi bô bô lên:

– Các cô em nhà này có họ mấy đời với ông Bônbe đấy?

Không ai cười cả. Ông liền giảng:

– Vì cô nào cũng đội khăn trắng để chở ông Bônbe cả!

Lúc bấy giờ họ mới cười ồ cả lên và trả lời bạn tôi:

– Để chở "chị" ấy đấy!

Nhưng bạn tôi chưa vợ!

Một cô đứng đắn nhất, thong thả nói, lúc mọi người bước lên thang gác:

– Để chở một cô bạn, bà chủ bắt thế, để tỏ rằng "người ta" thương cô đầu của "người ta" lắm!

Rồi cô thở ra một cái, dài như cái thang gác mà trèo mỏi cả chân mới hết.

Cái thở dài đó có một ý nghĩa rất rõ cho tôi: bà chủ là một người có tài ngoại giao, và đã biết lót thanh củi bằng một tấm nhung.

MỘT CÁI NGỤC HÌNH GIỮA K.T.

Trong một gian buồng trang hoàng nhã nhặn, dưới ánh đèn xanh dịu, năm, sáu cái khăn trắng mới đã cho tôi một cảm giác nặng nề. Chúng tôi tưởng như năm, sáu cô đầu để chở đó, đã đem vào cho chúng tôi không phải cái hẹn một đêm não nùng, nhưng chính là cái hơi lạnh của một xác chết.

Chỉ đợi dịp để giãi bày những nỗi uất ức, dù là một cái ức nhỏ, một cô thấp, đẩy cất giọng hơi khàn khàn;

Em đã nhất định không chịu để tang. Nhưng mà bà ấy bắt phải đội khăn trắng.

Đội khăn trắng, nó làm sao ấy! Giá như ngày xưa, lúc cô đầu hãy còn đội khăn, thì họ đã bảo mình là "cóc" có tiền mua khăn nhung phải giả làm có chở, để đội khăn trắng – khăn trắng nó chả rẻ mà! Lại sạch sẽ nữa, vì giặt được!

Cô hơi bệu môi ra, như người làm nũng:

Dù mình có để chở bố mình đấy, họ cũng bảo là mình để chở ông Bônbe, hay là mình bịa ra để được diện complet đen!

Tôi để ý nhìn cô đó. Tôi nhận thấy chỗ cổ, giáp má cô, một vết hơi lõm vào. Tôi nhớ lại người cô đầu bé nhỏ, đứng đắn và ngoan ngoãn, đã từng giật giải về nhảy đầm và mấy năm về trước, đã từng bị tai nạn ôtô.

Một ông bạn giới thiệu cô:

Đó là nữ sĩ K... có bộ óc lãng mạn, và thích làm văn và mê văn, không tin, khám hòm mà xem: vô số ký sự, nhật ký, thư của các "cậu", dòng nào dòng nấy đầm đìa những nước mắt. Lại cả chuyện trinh thám nữa!

Ông trẹo mồm nhại mấy người bán hàng trên tàu:

Chuyện trinh thám, trinh một cuốn, một xu "đi" toàn bộ, có người vừa khóc vừa bắn súng lục.

Rồi ông nhìn tôi, nhìn cô:

Thưa nữ sĩ! Đây là một... "nam sĩ", có tài viết vớ vẩn, khóc cũng không kém gì cô! Hai người "nhân tình" với nhau rất là "tam hợp".

Tôi vội vàng "lòe" một câu văn chương, mong để gõ vào chỗ yếu một cô mà đêm nay tôi muốn biết hết tiểu sử:

Tôi không biết yêu là cái gì, thưa các ngài. Mà cái người đàn bà, một ngày kia, có thể cải hóa cho tôi trở nên một thằng "đại ngốc", cái người đó lại chưa ra đời!.

Ông bạn tôi kêu ầm lên:

Đêm nay, trước cô K... anh sẽ thành một thằng "đại ngốc", tôi muốn thế!

Rồi, ông đẩy tôi vào người cô K. mà nói thêm:

Nhất là khi anh đã biết rằng chị K. nhảy Java, Rumba và Tango dẻo tuyệt trần!.

*

* *

Thế là, chúng tôi đã thành một đôi bạn rất... tri kỷ, nếu không có duyên nợ để thành một đôi "nhân tình" theo lời sáo của tất cả các quan viên và cô đầu ở xứ này.

Tôi hỏi K. một cách đột ngột:

Tại làm sao, em lại cùng với X. rủ nhau tự tử?

K. buồn bã:

Em cũng biết tự tử là trốn nợ một cách tầm thường! Người thường mà tự tử, xã hội không mất nợ gì như thấy một con vật chết cũng vậy. Em chết, được cái sướng hơn người thường vì thế này:

Em có chết, thiên hạ tất họ sẽ nói: chẳng chết những đứa đó, thì chết đứa nào! Nhà báo sẽ đăng là: em chết vì tình! Các anh may ra sẽ được một câu điếu: Thế à! Và một cái tắc lưỡi, như gọi chó! Em không cần những cái vặt đó!

Em chết cốt làm cho chủ nó tức hộc máu ra, vì em sẽ mang theo trăm rưỡi bạc nợ. Cho bõ lúc nó chửi rủa em tàn nhẫn.

Trả thù những người hành hạ chúng em, chỉ còn cách làm cho họ tức!

Tôi ngắt lời cô:

Cái cách đó đáng thương lắm, nhưng lần này, em lại không chết!

Cô K. cất cao giọng lên, gần như gắt:

Chỉ vì con phải gió X. kia! Đưa cho nó một đồng để nó mua thuốc phiện về hai đứa uống. Nó lại đi mua có năm hào!

Ông bạn tôi nói chêm vào:

Tôi nghiệm rằng cứ hễ cô đầu mà tự tử bằng thuốc phiện giấm thanh là ít khi chết lắm. Như chuyện con Tuyết với lão giáo đó là chết uổng mạng. Còn con kia, rửa ruột xong, nó lại khỏe như thường và quên lập tức.

Cô K. bĩu môi:

Con Tuyết nó lại "tháu cáy" chứ gì!

Cô trầm ngâm:

Em chả được như con Tuyết thôi. Em mà là con Tuyết thì thể nào em cũng chết cho kỳ được! Ít ra xuống âm phủ, cũng không đến nỗi lẻ loi.

Ông bạn tôi cười:

Rồi, sẵn có cậu, bảo cậu chạy tiền mở nhà hát cho mà làm chủ. Không thiếu gì khách hát: vì những thằng sẵn lòng chết vì cô đầu, vô thiên lủng!

Ông vỗ vào ngực:

Như tôi đây chả hạn! Đang sống giở chết giở vì cô đầu đây! Tháng này vừa "gẫy" ngót hai trăm tiền "két", đang lo cuống mẹ lên đây.

Một cô nằm cạnh ông ta, thỏ thẻ:

Anh đi ở tù đi! Rồi em xoay hộ cho anh một ít bánh giò!

Ông ta trả thù lại:

Ngay từ bây giờ cho đến vài tháng nữa, em cũng có thể xoay nổi cho anh trăm rưởi là ít!

Mỗi tối em cứ chịu khó nằm với một cậu Tây trong hơn một tháng là có 150 đồng rồi!

Cô kia tát cho ông một cái, làm cho ông thôi không cười nữa.

Nhưng ông lại nói rõ thêm ra:

Tây thì năm của. An Nam hai hay là ba. Cứ sì cần ấy "ngàn" ra, tức là dắt "mợ" lên buồng riêng, tha hồ độc quyền, độc thương độc mã đến sáng!

Cô kia bắt đầu tức:

Anh nói như thế chả sợ nổ cổ ra mà chết!

Ông bạn tôi chỉ cười:

Có một người rất đứng đắn bảo với tôi thế!

Nếu em không tin, anh sẽ điều đình bỏ ra năm "phơ" dắt em đi ngay tối nay cho em xem! Cho hết làm bộ!

Tôi thấy họ cắn nhau, dắt nhau xuống thang gác, rốt cuộc họ lại trở lên và ngã đùng ra giường.

Ông bạn tôi vẫn chưa chịu tha:

Mà tội gì thế cho mất năm đồng uổng. Cứ thế này ở trên giường ngay đây cũng được rồi kia mà! Em nhỉ?

Tôi còn nghe thấy một câu mắng:

"Đồ mặt mẹt", đi tiên phong cho một cái tát kêu như tát xiếc...

*

*   *

Tôi hỏi cô K.:

Đúng như thế phải không em? Từ Tây cho đến Ta, và từ mười đồng cho đến hai đồng?

Cô không trả lời. Tôi hỏi dồn:

Chả bù với khi xưa, cô đầu là một cái thú nên thơ. Bán nhà, mà vẫn chẳng ăn thua gì!

Anh không ngờ thế đấy, không ngờ rằng cô đầu trụy lạc đến thế?

K. vẫn ngồi yên. Nhưng trên bộ mặt tròn vành vạnh, giữa trán, tôi thấy nổi lên một cái gân xanh, cặp môi đều đặn mím lại. Cô đang cố nhịn, cô không nỡ gật đầu và không nỡ khóc.

Một lúc lâu, cô thở dài, nhìn vào tận mặt tôi:

Anh ạ, nếu anh có lòng tốt, em xin nhờ anh một việc...

Tôi cười:

Việc gì cũng được, trừ việc yêu em! Vì nói đến "yêu" trước một vết thương, giả dối lắm!

Cô gật đầu, hiểu ý tôi:

Một việc hợp với tính tình của anh. Anh chữa cho em mấy trang nhật ký – Nếu anh có nước mắt và lòng thương thật nhiều thì anh

lấy đó làm tài liệu sẵn mà viết lại cho em. Để em giữ làm kỷ niệm đêm nay. Rồi, anh muốn hỏi em về gì ở cái nhà này, em cũng xin nói để đăng báo.

Tôi sắp sửa cãi, vì người ta thỉnh thoảng lại vô lý như thế thì cô đã tiếp luôn:

Em biết rồi... anh là Trọng Lang trong báo *Ngày Nay*.

Mỗi tuần, chúng em thường "canh ty" nhau người một xu, kẻ vài ba trinh, mua một số *Ngày Nay* để đọc bài của anh...

Tôi thú thật rằng tôi cảm động vô cùng, và tôi đã để hết tâm hồn vào mấy câu này:

"Anh xin dành hết tâm lực để viết hộ em!"

Đến bây giờ tôi vẫn thẹn rằng: ngòi bút phụ tôi, mà chỉ tả được một vài phần trong mười phần, về những nỗi thống khổ ê chề của một hạng nô lệ cho xác thịt trong nhà này.

BÒ SỮA

Tôi nói với K.:

Những quan viên thóc mách không có ai còn không rõ cách đối đãi của chủ đối với con em nhà này. Trước hết, các cô là những con bò cái, mà họ vắt đến giọt sữa cuối cùng. Như em chả hạn...

Cô K. nói hộ tôi:

Em định đi nhảy đầm thật là: lê gót giầy từ Trung ra Bắc, rồi ở ngay đây, nhảy đến một hai giờ rồi nhảy xong lại tiếp khách đến sáng nữa.

Bao nhiêu tiền chủ lấy tất, cấm thí cho em một đồng nào. Mà món nợ của em chỉ ngày một tăng lên thôi. Em nghe có luật lao động nào đó...

Tôi gạt đi:

Rồi một ngày kia, luật đó sẽ thi hành đến tận bên gối các em. Bây giờ, anh hãy nói chuyện về các em với "luật" nhân đạo...

Tôi tiếp sang câu chuyện "bò sữa":

Rồi họ còn xoay đủ cách nữa. Như ở K.T., thì chỉ có nước hồ ao, muốn rửa mặt bằng nước máy, các em phải mua nước của chủ, tuy rằng nước đó có quyền được dùng. Ba xu một thau nước máy!

Muốn đi đâu, xin phép đi, được! Nhưng phải đi xe nhà của chủ. Bắt các em đi xe nhà vì hai lẽ, một là: cô đi xe thì là tù, thằng xe là lính. Hết nghề trốn. Hai là: cô nào đi xe, phải trả tiền "cuốc" xe. Ba hào một "cuốc", biên vào sổ nợ. Đã thế lại còn "đánh bóng" cho nhà hát nữa vì cô đầu nhà ấy có sang trọng, thì mới diện xe nhà choáng lộn!

Cô K. ngồi nghe, không cãi một câu nào. Tôi nói tiếp:

Chủ họ còn ăn lãi vào chỗ quần áo của các cô em nữa! Chả hạn: hai đồng cái áo mua "solde" ở đâu không biết, đến tay các cô phải ba đồng là ít. Cũng biên vào sổ nợ. Nếu không có một anh quan viên nào cứu vớt ra, sổ đoạn trường ngày một thêm trang, các cô một ngày kia sẽ ăn lễ "thượng thọ" rồi chết già ở đó. Như cô T. ở phố này đó! Nợ có hơn hai trăm, mà hơn mười năm rồi, vẫn già mõ trong chốn Bình Khang, quần không có mà mặc, áo rách lung tung.

Cô K. nhìn tôi:

Xin lỗi anh! Anh quả thật là... "thổ công" ở nhà này. Có một điều là anh đã nhanh nhảu cướp mất lời em rồi.

HÌNH PHẠT

Giữ lời hứa, cô K. thủng thẳng nói:

Giúp cho họ sống bằng ngày xanh và nhan sắc của mình, mà nào họ có chiêu đãi mình cho cam! Thật là xin lỗi anh không bằng một con chó.

Lúc chửi các em, họ vẫn nhắc lại như thế!

Thật là nuôi chó, còn có ích hơn là nuôi nợ chúng mày!...

Họ nghĩ được những hình phạt lạ để hành tội chúng em.

Hãy vứt cái roi mây và thanh củi ra, vì đó là hình cụ nhỏ mọn, cũng như cách bắt quét sân quét trồ.

Mùa rét, anh nghe chưa? Họ bắt cô nào có lỗi, trần truồng quỳ giữa sân. Nhà có bao nhiêu cô đầu, hễ cô nào đi qua "Nữ phạm nhân" đều bắt buộc phải dội một gáo nước lã vào lưng người chịu tội.

Người nào thương bạn mà không nỡ dội, thì lập tức quỳ luôn bên cạnh và cùng chịu một tội với bạn.

Một ông bạn tôi, nửa đùa, nửa thật:

Thế sao không làm "reo" mẹ nó đi có được không?

Cô K. thật thà:

Làm "reo" bằng cách gì? Đàn bà ai mà biết làm "reo"? Và lại, họ hành đấy, mà họ lại ngọt đấy. Muốn rủ nhau phá nhà một mẻ, lại không nỡ. Vả lại, khóc chán, rồi nó lại nguôi đi!

Tôi tưởng thấy cái hình ảnh của sự đau đớn yên lặng, nó làm cho mặt mũi cô K. lúc đó như rực rỡ lên.

Cô bỗng lại nói thêm:

Hành đến thế nào thì hành, nhưng đừng đem bố mẹ chúng em ra mà chửi. Trong cảnh huống ấy, chúng em đành mong được thế. Họ lại chửi nhiều hơn là hành, mới thảm hại chứ!

Tôi hỏi nốt một câu nữa:

Tôi nghe nói họ còn trói trần truồng một cô có lỗi để ngửa lên bàn, rồi cho thằng bếp đánh chán rồi... rồi..."

Một ông bạn tôi trõ vào:

Thì cứ nói thẳng thừng là: rồi "hiếp" có được không!

Tôi hơi nóng mặt và gật đầu, cô K. buồn bã:

Em không thấy thế bao giờ! Chắc là thằng bếp nó không nỡ "hiếp" thế. Nhưng còn cái việc đánh? Thế gian chẳng ít thì nhiều...

Tôi hỏi:

Nghĩa là có sự trói lại cho thằng bếp đánh?

Cô K. trả lời tôi, bằng sự yên lặng.

Chúng tôi chỉ còn nghe thấy tiếng "vo vo" của rọc tẩu, và vài tiếng đằng hắng khàn khàn, đầy khói thuốc phiện. Bỗng một ông, gãi cành cạch, rồi hốt hoảng ngồi dậy:

Các em cứ yên lòng...

Cô K. hơi tủm tỉm.

Ông ta nói tiếp:

Rồi anh trúng số mười vạn, anh sẽ trả nợ tất cả cho các em nhà này!

Tôi nghe rõ đồng hồ gõ hai tiếng. Ông kia nằm xuống, như một thằng hề lủi vào buồng trò, trước sự yên lặng nặng nề của khán giả...

VẪN TRONG CÁI NGỤC HÌNH ẤY

Nhưng, cũng như tất cả những người có tiền ở nhà cô đầu, ông ta không lấy thế làm ngượng. Ông ta nói:

– *On n'est pas annamite pour rien,* (nghĩa là: có thế nào người ta mới chịu khó làm người An Nam chứ!). Tôi sở dĩ làm An Nam, cốt chỉ để lấy nhiều vợ thôi, vì An Nam chỉ còn hai cái thú rất trái ngược là: làm quan và lấy nhiều vợ! Tôi không làm quan thì lấy nhiều vợ, mà toàn vợ cô đầu cả. Mà hầu hạ thì lại là công việc tay trái của cô đầu!

Để chứng lời ông, ông kể:

– Như lão hàn gì đó, một mình ngót hai mươi vợ phần nhiều là cô đầu cả! Lão chia lũ vợ làm hai tốp, mỗi tốp ở một chỗ, trong một thời hạn nhất định. Hết hạn, hai tốp lại đổi lẫn cho nhau, như lính đổi đồn. Thần tình nhất là lũ vợ đó không bao giờ ghen nhau và làm khổ lão. Vì, một là không cô nào yêu lão cả, tôi dám chắc thế. Hai là: ở trên đầu các cô có treo một cái roi mây thật to. Lão lại công bằng nữa, đồ ăn, thức mặc không ai hơn kém nhau một tí nào. Hễ một cô lôi thôi, sinh sự cãi nhau, là lão nọc tất cả các cô khác ra, mà "phết" đều một lượt!

Giữa cái tiểu thế giới đại đồng đó, lão không phải "mọc sừng" quá hai lần. Vì các cô như sơ mi vải, một khi có đượm hơi người lạ, lão thải đi mà không tiếc...

Rồi, cả một bộ mặt hốc hác, vàng xám vì thức đêm, lộ vẻ chán nản vô cùng, ông nói rất thong thả:

– Hai mươi vợ, mẹ ơi! Mà mặt mũi thằng cha đó trẻ măng, hồng hào hơn mình nhiều...

Một cô nhìn ông ta một cách "ngây thơ"...

– Chắc lão đó ăn cao bú dù, anh nhỉ!

*
* *

Câu chuyện này đã làm cho một cô nổi phẫn.

Trong đêm hôm yên lặng, giọng cô the thé lên:

– Chỉ có đồ "đượi" (đĩ) khốn nạn, cho như là đàn ông chết hết cả rồi, nên mới đâm đầu vào làm lẽ thứ mười, và thứ mười mấy lão đó! Thà rằng chết mục trong cái nhà hát, còn hơn lấy chồng khổ sở như thế! Thà rằng đi lấy Tây mẹ nó còn hơn nhiều!

Cô đó ngồi gần tôi cho nên vừa nói vừa thả vào mũi tôi cái mùi ở mồm cô, hăng hăng như mùi vòng hoa tươi dùng để phúng người chết.

Nhìn lại mặt cô, ý nhị cũng ngang với mùi mồm cô, tôi nghĩ: cô chết mục trong nhà hát là một đại phúc cho người tây nào đó mà cô sẵn lòng lấy!

Tôi quay lại hỏi cô K...

– Còn em, em nghĩ sao?

Cô thở dài:

– Cứ bằng thẳng ra, thì em cũng chả đời nào lấy chồng như thế, em cứ tâm niệm rằng có một ông chủ Bar nào đến trả nợ cho em, mượn em làm rồi trừ nợ dần vào lương của em. Còn việc chồng con, em chả dám nghĩ đến. Dù lấy chồng có phép cưới hẳn hoi đấy, cũng chả ai cho là chồng cả. Người ta yên trí rằng lấy chúng em, xúi quẩy lắm, vì lấy quan, quan cách, lấy khách, khách về Tàu, lấy nhà giàu, nhà giàu hết của. Vả lại, tuy em là cô đầu, nhưng em dám nói to rằng: cô đầu lấy chồng không bao giờ được đến mãn chiều xế bóng cả. Như cái mụ dưới Ấp ấy. Lấy chồng được bốn con rồi, năm nay đã ngoài bốn mươi tuổi, thế mà còn bỏ chồng đi theo giai.

Tôi ngắt lời cô:

– Nhưng anh lại thấy một người cô đầu, lấy chồng từ năm mười bảy, được có mấy tháng thì chồng chết. Thế là ở góa nuôi con riêng chồng cho đến thành người...

Cô K. hỏi lại tôi:

– Cô đầu gì?

– Cô đầu hát!

Cô bĩu môi:

– Cô đầu hát rồi chỉ lấy kép! Hình như có lời nguyền như thế. Muốn lấy ai thì lấy cho chán đi, rồi thế nào cũng quay về lấy kép!

– Nhưng người này không bao giờ lấy kép cả!

– Anh tưởng vậy.

– Anh chắc như thế. Vì năm nay đã ngoài bảy mươi tuổi rồi, mà lại được bốn chữ vua ban cho nữa.

Cô vẫn cãi:

– Nhưng chắc không phải cô đầu Hà Nội?

Tôi gật đầu:

– Bà cụ đó vốn là cô đầu nhà quê...

Cô reo lên:

– Có thế chứ. Nhà quê hủ lậu, thì đành rồi!

Tôi buồn bã hỏi cô:

– Thế ra giữ tiết thờ chồng là một việc hủ lậu?

Đầu cô lắc lấy lắc để:

– Không phải thế. Em muốn nói: Hà Nội ăn chơi không bao giờ để yên cho chúng em giữ được tiết, nếu có chữ "tiết". Hay là... Cô cười:

– ... Hay là: chữ tiết, ở chỗ chúng em, là cái bia cổ, mà quan viên thì người tử tế nhất ít ra cũng là một nhà khảo cổ ranh mãnh!

Không thấy tôi cười, cô hơi ngượng và quay về câu chuyện trước.

– Xin lỗi anh, em nói thế để tỏ cho anh biết rằng: Tình yêu của đàn ông vào nhà này chỉ là một tình thóc mách. Người nào thực yêu em, chuộc em ra, em tình nguyện suốt đời ngồi rửa từng cái ngón chân cho người đó! Vì những nỗi cực khổ trong nhà này nhiều quá, đến chết em chắc cũng còn phải mang theo đi!

Tôi cười:

– Thế, nghĩa là, nếu lão hàn đa thê kia muốn, em không ngần ngại gì mà làm vợ thứ gần hai mươi của lão?

Cô nhìn vào tận mắt tôi:

– Có khổ thì ít ra cũng chỉ khổ có một đường, là vì có một người đàn ông thôi!

Cô thong thả:

– Khổ vì một người đàn ông, chưa chắc đã là một cái khổ...

Chúng tôi từ biệt nhà này sau khi đã đóng vai những "hiệp sĩ" dềnh dàng. Vì có năm cô đã nhờ chúng tôi đứng đầu thảo hộ đơn cho các cô được giải trước thần công lý những nỗi thống khổ có một không hai của một hạn "bán vui" không lương trong nhà đó. Chúng tôi nhận lời. Nhưng đó lại là một câu chuyện khác.

MỘT CẢNH... THẦN TIÊN

Buổi chiều đến K.T. qua một ngõ lầm lội, người ta trông thấy cái mặt sau của một nhà ba từng và trên hàng hiên, mấy cô trẻ lắm, nô đùa hay nhảy dây rất tự nhiên. Thì thọt ra vào mấy cô bé vào khoảng mươi, mười hai tuổi, mũm mĩm và xinh xắn.

Cũng ở đây, người ta còn thấy những bộ mặt ngây ngất của mấy anh trai trẻ, đang rình cơ hội để được thở dài thật mạnh hay là để được dúi một phong thư. Họ không có tiền để vào cửa trước, nhưng họ có can đảm và tuổi trẻ để đi qua những câu chửi bóng gió của một mụ chủ săn sóc đến các con em như những cây vàng, bạc.

Tôi nói ngay rằng những cô gái trẻ đó là cô đầu của một nhà hát có tiếng nhất xóm.

*

* *

Một buổi tối, tôi bước chân vào nhà hát đó. Dưới ánh đèn xanh dịu, trước những cô đầu thướt tha và biết trang điểm tôi không thể nhớ lại được mấy cô nhảy dây. Họ đứng đắn và lễ phép quá.

Một ông bạn tôi cười:

– Anh đã phục cái tài "dạy dỗ" của "me" chưa? Và anh đã thấy nhà hát nào mà cô đầu ngoan và lịch sự hơn đây chưa? Không cười to một tiếng, không cắn cảu một phút nào! Mặt lúc nào cũng tươi như hoa! Tôi nhìn ông ta, thương hại. Ông như hiểu tôi lại càng tha thiết mãi lên:

– Thật cứ "gẫy" dừ người ra ở đây, Như anh hùng cũng hả!

Ông ta bỗng nói rất khẽ như người ma làm:

– Mười cô ít ra cũng được hai cô "tân", mà chung tình, mà... sạch sẽ thơm tho làm sao!

Ông ta cất to giọng lên:

– Tinh là con cháu và người làng "me" cả!

Tôi có chết sẽ xin chôn ở làng đó, vì ở đó con gái người nào cũng đẹp cả, tôi chắc thế, vì...

Ông nhìn một lượt các cô:

– Vì... những người mà dân làng "thải" ra cho dân Hà Nội còn đẹp thế kia mà!

Ông chỉ riêng một cô đẫy đà, mặt mũi không tô điểm mấy để cố giữ lấy cái vẻ "thành phố" mà cô sẵn có: "Anh có biết không? Cô kia "me" đánh giá một ngàn đồng, đắt ngang với cô M. ở nhà mụ T. ngày xưa! Nay hạ xuống còn 600! Chưa có "ai" cả, để tôi làm mối cho anh!

Tôi buồn bã nhìn ông ta:

– Tôi dám thề với anh rằng đắt quá, nếu anh biết sự thật. Hai mươi đồng, một tối thôi, anh ạ!

Ông bạn tôi trợn tròn mắt lên quát:

– Bậy!

Tôi thản nhiên:

– Có người thử rồi! Người đó già và đứng đắn, và không có gì để nói dối tôi. Tôi vẫn bảo với anh rằng: đồng bạc tròn, lăn đến đâu cũng được!

Ông hình như buồn, nhưng ông vẫn nói:

– Còn cô kia, trông xinh xinh như đàn bà Tàu, sáu trăm bạc. Vì một lẽ riêng, hạ xuống một nửa rồi. Chung tình đệ nhất! Yêu ai chỉ có một người. Không yêu thì nói thẳng ngay vào mặt. Quan viên nào mà chớt nhả, tẩy ngay. Tiền nhiều mà cô ta cũng không yêu, cũng "đá đít" thẳng chân. Cái anh quan án iếc gì đó, bị cô ta bỏ rơi ngay, rơi lên rơi xuống khổ sở...

Tôi hỏi:

– Còn những cô khác?

Ông hạ một câu:

– Soàng! Hai trăm, trăm rưởi, tùy. Có cô H. kia cũng đẹp đấy, nhưng...

Ông bĩu môi như người tởm hay là khinh bỉ.

Tôi hỏi:

– Khỏe mạnh, nhưng mà... "ốm" phải không?

Ông gật:

– Thấy họ bảo thế!

Tôi sực nhớ đến một cô to lớn, ồ ề, chịu khó nhảy đầm nhất nhà đó. Tôi hỏi ông ta:

– Cô Ch. đâu rồi?

Ông ta phì cười:

– Tội nghiệp con bé! Bị đi lấy chồng đền rồi!

Thấy tôi ngạc nhiên, ông ta vỗ tai tôi mà giảng:

– Này nhé, ở nhà này có một số cô đi lấy Tây. Tôi nói chắc cho anh biết rằng con bé đó, hai hôm trước ngày "xuất giá", nó còn... "con gái".

Lấy Tây được vài hôm nó chuồn mất. Chồng nó bắt đền bà chủ. Bà chủ phải gả đền cô Ch. của anh vào. Thế là lấy chồng "đền", anh nghe thủng chưa?

– Thế mà hắn cũng ưng chịu?

– Chả chịu mà được!

Ông nói khẽ vào tai tôi:

– Sau cái "sự" đẹp đẽ kia, còn một cái roi, nếu không là thanh củi! Tôi xin nhắc lại lời anh:

Ở đây người ta thấy cái nghệ thuật của sự giả dối hoàn toàn! Nhưng, thà rằng như thế!

Chung quanh chúng tôi vẫn đầy một thú vui lặng lẽ, êm đềm nhưng vô vị quá đối với tôi.

Ông bạn tôi quàng cổ tôi, nói:

– Đi hát ở đây; có thể tưởng tượng lại được cái thú tao nhã của người đi hát thuở xưa. Nhưng đối với chúng ta, người của thời đại, thì đi hát phải có người yêu, để gỡ gạc cho khỏi tiếc tiền. Nếu đến đây chỉ có mục đích mất tiền thật nhiều để nghe mấy cô đẹp nói chuyện ỏn ẻn và nhạt nhẽo, thì tôi đã có cách khác...

Ông dịch ghế lại sát bên tôi, thong thả nói:

– Thuê một cô năm đồng, đem đi nhảy, hay đi chơi tỉnh khác cũng được, nếu mình tán khéo, và như mọi người vẫn làm.

Nếu mình là Tây thì gọi đến nhà! Bốn con công.

Nếu mình là quan hay mình "sộp" thì đến nhà riêng của họ, chuyên để dùng vào việc "ngoài" đó, rồi cho gọi các cô đến. Vừa "nhanh và vừa tốt".

Tôi hỏi:

– Nhà đó ở đâu?

Ông ta làm bộ bí mật:

– Anh hỏi để xơi trước của tôi, phỏng?

Tôi giở ví ra: vẻn vẹn có hơn một đồng! Ông vét tận đáy túi ra: trơ ra có ba hào!

Ông cười:

– Cái nhà bí mật đó không phải là thế giới của chúng ta!

"Thế giới của chúng ta, đêm nay hay đêm mai, là ở dưới cái... tàn!"

Ông nói câu đó một cách quả quyết vì ông biết sẵn rằng tôi không phải là quan viên, nhưng là một nhà báo vô tình!

*
* *

Giữa lúc đó, một cô bước vào phòng, đưa cặp mắt mơ màng qua "đầu" chúng tôi, rồi bước ra.

Tôi nhìn theo cái thân hình cao gầy, nhưng mềm mại, cái bước đi thong thả và lịch sự của cô.

Ông bạn tôi thở dài:

– Người ta có thể đẹp và là con nhà tử tế, nhưng người ta vẫn có thể thành cô đầu được! Như cô đó, chả hạn!

Tôi nói:

Tôi biết cô đó, và biết cả cái người đã lấy văn réo rắt để đưa cô ngày một xa trên con đường trụy lạc. Cô bây giờ không phải là người của chúng ta, hay là nói cho đúng, chỉ gồm lại có hơn một đồng bạc, chúng ta không phải là người của cô nữa rồi!

Ông bạn tôi đứng dậy: tôi đã thấp, ông ta lại chỉ đứng đến cổ tôi thôi. Ông ta tủm tỉm:

– Không phải! Anh "chạy" được văn, tôi cũng "chạy" được tiền! Chúng mình không phải là người của cô ta, chỉ vì chúng mình...

Ông hét thật to:

– ... Lùn quá!

*
* *

Qua nhà này, giữa những phấn thơm và sắc đẹp, lần đầu tôi đã có cảm giác nhẹ nhàng về cô đầu. Nhưng tôi đã làm theo về cái hình ảnh của sự đau khổ yên lặng, dấu kín sau những vẻ kiều diễm và ngây thơ nhân tạo. Ở đây, tôi đã thấy, cũng như mọi chỗ bán vui, nhưng rõ rệt hơn, người ta giả dối khéo đến bực nào!!

(...)

Đăng báo *Ngày nay,* 1937;
Nhà xuất bản Đời nay, H, 1938.

LÀM DÂN
(Trích)

Làm dân đã đăng trên tuần báo *Ngày nay* của Tự lực văn đoàn năm 1938, Nhà xuất bản Hàn Mặc (Hà Nội) in thành sách năm 1944. Tập phóng sự viết về con người và đời sống ở nông thôn đương thời, qua một vài vùng quê gần Hà Nội mà tác giả có dịp tìm hiểu. Cái tên *Làm dân* thực ra không mấy sát hợp với nội dung tác phẩm. *Làm dân* gồm hai phần: *Trong lũy tre* và *Ngoài lũy tre xanh* – sự phân chia này cũng thật không cần thiết vì nội dung hai phần không khác biệt rõ.

Làm dân chưa có một khám phá sâu sắc về thực trạng đời sống nông thôn và cái nhìn của tác giả đối với người nông dân đói khổ thường khinh bạc, có phần tàn nhẫn. Tuy vậy, trong tập phóng sự dày dặn về một đề tài lớn này cũng có những đoạn ghi lại được cảnh đời, những mẫu người... ít nhiều chân thực và có ý nghĩa tố cáo tiến bộ.

Dưới đây trích một số đoạn.

CƠM...

Trước khi vào dự một bữa cỗ giỗ ở nhà ông K., tôi tìm vào "xem" mấy túp lều tranh "mọc" quanh làng, ẩm thấp, hôi hám như nấm độc, những chỗ đi về đã gần một thế kỷ rồi của cái nghèo xơ xác, nhưng kín đáo.

Trước hết, tôi vào thăm bác Th. kéo xe hàng, vì người ta mách tôi rằng bác ta ốm.

Tôi gặp cái "đĩ" Tý, con gái bác, độ mười tuổi, bế em trai nó mới biết bò ở ngay bực cổng, hay là mấy cành tre khô có tên đẹp là "cổng". Cái Tý đang ngồi xổm, rần ngửa em nó ra, ghé mồm mớm khoai lang luộc cho thằng bé. Xong rồi, nó bế xốc thằng bé lên vai, tay lắc miệng ru. Nó nghiêm nghị hát bằng một giọng non nớt, lanh lảnh.

Cái khăn mỏ quạ, tùm hụp, để giấu không nổi đôi mắt ướt nhoèn, lại tô thêm cho mặt Tý một vẻ cằn cỗi, già sớm quá.

Thằng bé đầy mồm khoai, ằng ặc khóc không ra tiếng. Nó không chết nghẹn, cũng là một sự lạ!

Tôi chợt thấy bác Th. vừa gượng bò ra ở ổ rơm giữa nhà, mỉm cười chào tôi.

Tôi chào bác bằng một câu:

– Cái Tý trông ra phết một bà cụ non!

Bác lại cười:

– Thưa ông, nhà nghèo thì phải thế ạ!

Tôi hỏi thăm bác gái và hỏi bác đã ăn cơm chưa.

Tôi thấy bác nhìn từ một cái rổ, trong còn lăn lóc mấy củ khoai, đến một chiếc bát đàn cạnh một đôi đũa tre.

Ngần ấy thứ trơ trọi trong một gian nhà không lửa, không giường, khói ám khắp nơi, cho đến cả mặt bác Th. nữa.

Tôi nhìn cái bát đàn, khuyên bác:

– Bác sốt chớ nên ăn đồ đặc...

Bác cười như lúc người ta sắp pha trò:

– Chắc là ông bảo phải kiêng thịt, cá chứ gì? Từ lúc ốm đến giờ, đến cơm còn chả có, nữa là cá thịt. Chỉ có khoai thôi ạ, lúc nào cũng khoai, khoai đủ các món.

Bác đếm bằng ngón tay:

– Khoai luộc, khoai lùi, khoai hấp nhờ nồi cơm bên cạnh, cả khoai sống nữa!

Giọng bác bỗng đứng đắn:

– Ăn khoai mãi cũng buồn, thưa ông, mà cứ ốm mãi thế này, sợ thiên hạ hết cả khoai mất!

Nửa giờ sau, bác đã tin tôi. Chút nghị lực còn thừa của bác dùng để... cố khinh cái nghèo, đã tiêu tan trước lời lẽ thật thà của tôi.

Lời bác than thở với tôi, tôi tóm lại:

– Nghề làm xe thật khổ. Nghề gì cũng còn có tiên sư, chỉ có nghề kéo xe là không có. Dầu mưa giãi nắng để đến lúc động ốm là ốm thật lâu, để đến nỗi phải tống về đi làm thuê kiếm hai bữa cơm chín cho mình và bảy xu một ngày để mua khoai và gạo cho vợ, con!

Đến lúc tấp tểnh chạy được, thì lại chạy cối chạy chầy. Thế nào cũng phải kéo. Hai, ba bác nhà quê chung nhau mỗi anh một xu, thuê kéo hàng một, hai cây số trên đường bùn lội. Cũng phải nhắm mắt chạy liều.

Cháu nghĩ: ra kéo xe cốt để dành lấy một món tiền độ đồng bạc, làm cái vốn cho bu nó đi chợ, xong rồi mình xoay nghề khác. Thế mà được đồng nào, ăn hết đồng nấy, càng chạy lắm lại càng ăn như thần trùng. Có khi một mình, ăn bằng cả nhà ăn.

Bác nhìn tôi, thật thà như trẻ con:

– Thưa ông, ông không kéo xe, ông không rõ, chứ kéo xe, phải ăn vặt luôn miệng, cho đỡ trống ruột. Ruột rỗng, chạy nó xoắn lại đau lắm!

Ở ngoài có tiếng trẻ con khóc. Bác Th. rít lên, mắng con gái:

– Ấy đấy, lại quẳng thằng bé đấy mà chạy đi chơi rồi! Tý, ớ Tý!

Cái Tý từ ngoài bước vào, phô ra trước mặt bác, một đùi thịt trắng nõn giống đùi lợn, nhưng bé bằng ngón chân cái:

– Con chạy sang bên cạnh xin cho em cái đùi chuột luộc, chứ đi đâu! Nói xong, nó quay ngoắt ra.

Tôi nhìn theo. Nó bế xốc thằng bé dậy, dí lấy dí để cái đùi chuột vào mồm em nó. Nó dí để "đấm mồm", mong cho em nó hay ăn chóng lớn, chứ thật ra nó ăn đùi chuột đó...

Lúc tôi trở ra thấy nó đang lấy giải yếm lau rử mắt. Cái giải yếm đen xẫm, loang trắng, như ướp nước mũi đã khô, không đáng là một cái giẻ lau.

CHỈ CHẾT THẰNG CÓ TIỀN

Ở cổng nhà ông K. ra, tôi được nghe hai người chào nhau mà không cười:

– Kìa ông lý!

– Phải, ông nhiêu!

Ông lý vẫn giữ bộ râu với bộ mặt rã rượi ấy. Ông nhiêu, một người lùn, béo đen, không râu không tóc, vừa nhẵn nhụi lại vừa thô lỗ như một người nặn vụng bằng đất thó. Nghe giọng chào như giọng nhạo, trông vẻ mặt lúc họ liếc ngang nhau, tôi tưởng họ đã có can đảm lắm nên mới nhịn nổi không gọi nhau là "mày"!

Chào nhau xong, ông lý tự nhiên chắp hai tay ra sau lưng, đi chậm bước lại, nhìn lên cây, nhìn vào bụi tre, như ông sắp sửa ngâm thơ: ông đang cố quên bộ mặt ngu và bướng của ông nhiêu.

Còn ông nhiêu đang ngồi sổm xỉa răng trên bờ giếng, bỗng đứng dậy đằng hắng rất mạnh. Tôi tưởng ông sắp sửa ít ra cũng chửi đổng một câu! Không! Ông chỉ ném cái tăm xuống nước, như muốn rằng giếng đã bẩn thì cho bẩn một thể. Rồi ông đi về.

Ông đã béo lùn, lại đi chân chữ bát, thành thử trông ông đi như con vịt vừa ở dưới nước lên.

Hai người gặp nhau, thật là bất đắc dĩ, tuy ở cùng làng. Vì...

CHIẾM CÔNG VI TƯ

Ông nhiêu M. Có mười mẫu ruộng, một trâu, một bò. Thế là ông được đứng vào mặt giầu nhất làng. Ông chỉ có hai tội: ngốc và lành. Cho nên, lý dịch trong làng yên trí ông là "bữa cỗ" hay là "tủ bạc sơ cua" (secours) của họ.

Ông phó lý một hôm đứng ngắm thửa ruộng tư của ông nhiêu. Ông cao hứng lên, nhận thấy rằng cả làng mù cả, vì đất của nhiêu M. lấn sang đất của chùa làng đến ít ra cũng một sào!

Đêm đến, với vài anh nhiêu khác, với tuần tráng, ông vác thước và dây, lần mò đo vụng ruộng của nhiêu M. Đêm ông đo cũng đúng như ngày ông ngắm: bề ngang ruộng của ông nhiêu M. lấn sang ruộng công đến non thước.

Hôm sau, sau khi đã bàn bạc kỹ lưỡng với các cụ và ông lý, ông cho mời nhiêu M. ra đình có việc. Ông thay mặt dàn nói rõ câu chuyện, xong rồi lý sự với ông M. như thế này:

– Nay một tí, mai một tí, gớm thật! Anh chiếm ngay của làng đến non một sào đất công. Trên có các cụ, cái mặt anh thế kia mà hóa ra gian! Bây giờ anh bảo sao, cái chỗ đó! Chiếm công vi tư, luật hình có nói. Nặng lên cũng tù nhẹ xuống cũng tù.

Ông dọa xong, ông bàn cho nhiêu M. một cách giàn xếp cho ổn thỏa: biện cây rượu tạ làng, và biện mười lăm đồng, chè lá cho ông chánh, ông Lý, ông trương tuần. Còn ông là phó lý thì thế nào cũng xong.

Xong, ông lại dọa:

– Nếu nội nhật còn trù trừ không lo liệu cho xong, bất đắc dĩ ông phải lập biên bản, bẩm phủ!

Nhiêu M. như ngủ mê mới tỉnh, chỉ một mực kêu:

– Lạ thật! Và lạ quá!

Ông phó lý lại cho hắn là vờ khéo. Muốn tỏ rằng mình không buộc tội oan cho ai bao giờ, ông sai tuần thượng khẩn đi mời chưởng bạ. Rồi ông chắp tay sau lưng đi lại trên thềm đình, như một ông huyện.

Ông chưởng bạ không kịp đội khăn, ôm sổ đến.

Sau một hồi xem xét, và cãi nhau, ông nhiêu M. lại càng thấy lạ hơn, vì chiếu sổ, không những ông không xâm chiếm đất công, ông lại bị thiệt nữa: từ bao giờ không biết, làng đã cắm lấn sang đất tư của ông đến gần một sào!

Thành ra, ông phó lý để đo nhầm và tính nhầm!

Nhiêu M. hỏi làng một câu thật là bâng quơ:

– Bây giờ làng tính cho tôi thế nào?

Không có ai trả lời nhiêu M.

Các cụ lúc nãy đầy một đình, tự nhiên cứ người một, biến đi đâu mất cả. Nhiêu M. ngơ ngác một lúc, từ trên thềm bước xuống, xỏ chân vào giầy, về nốt.

Về việc này, ông K. nhắc lại với tôi, lời ông phó lý:

– Vì mình yên trí là đo đúng, cho nên mới ngay thật cho mời chưởng bạ đến. Chứ không thì cái bộ thằng Nhiêu M. mặt thịt ấy làm gì đã nghĩ ra đến việc gọi chưởng bạ. Cứ hét tướng câu "biên bản" ra thì không mười, cũng phải vài ba đồng là ít. Có thế, từ rày mới sáng mắt ra!

*

* *

...

Ông K. cười bảo tôi:

– Làng tôi giống như phần nhiều làng ở Bắc Kỳ về cái nghèo xơ nghèo xác, kèm với cái ngu khổ ngu sở. Vì nghèo cho nên, ông đã biết, "sôi thịt" là cái đích sống, được họ coi trịnh trọng đến chừng nào. Vì ngu, cho nên gà què ăn quẩn cối xay, trộm cắp, bắt nạt xằng lẫn nhau.

CON TRÂU ỐM

Vẫn giọng ông Phó kể, khi to khi nhỏ:

– "Được ăn" ngang với "cho ăn" là đệ nhất, nhị khoái của dân quê. Mời họ ăn mà họ không đến, cũng thù. Họ có việc mà họ không mời ăn, cũng thù. Thành thử, miếng ăn làm nhục đã đành, nó lại đưa đến nhà pha nữa.

Nghĩ đến lũ trọc ngốc đó, lắm lúc, giận lạ, mà lại thương nữa...

Ông K. cười bảo tôi:

– Chú Phó có nói: lũ "trọc" ngốc. Vì ở làng tôi, những ông có máu mặt, hay sinh chuyện nhất, đều trọc đầu cả. Giàu mà keo cũng có, hay là chán đời đâm cáu kỉnh đến cả cái đầu, đến cả mọi người cũng có.

Rồi ông quay về phía ông Phó:

– Chú giận là phải! Vì chính chú đã bị một vố của họ. Chú chê miếng ăn là miếng nhục? Thế mà...

Mặt ông Phó buồn ngủ trơ ra như mặt một thằng hề:

– Tôi biết là nhục, mà tôi cũng cứ ăn như họ. Vì trót đã bị lây họ rồi.

Ông lại tự cải chính lời ông, hay là ông tự an ủi:

– Ở nhà quê bó buộc phải vậy, nhất là khi mình đã có chức phận to to, như chức phận của ông Phó lý chả hạn...

Ông bỗng kể luôn vào chuyện...

– Số là lão nhiêu P. có một con trâu vừa già, vừa ốm. Đã không cày được, lại suốt ngày theo con nhiêu P. hết ra lại vào để gặm phí cả cỏ đồng làng đi! Không hẹn mà nên, tôi và nhiêu P. đồng lòng đem... tể nhục con trâu đó. Ăn được bao nhiêu thì ăn, còn cho P. đem bán. Tôi cho phép P. vật thịt ngay ở nhà mà không cần trình quan. Tôi hành động như vậy cũng vì nhân lúc cao hứng, đã lâu chưa ăn thịt trâu, nghĩ đến cái "rai rai" đó cũng thèm. Vả lại, cũng muốn giúp P. một cái vốn.

Thịt trâu để bừa bãi trên nong, cả nhà P. đang mắc lo sào nấu, thì sực có thằng nhiêu M. ở đâu lò rò đi vào. Trông bộ tịch nó khệnh khạng, trông mặt nó rượu ứ đến tận mang tai, mà ghét lạ! Muốn tát cho nó một chiếc, nhưng...

Ông K. cười vang lên:

– Chú Phó ta lúc đó, hai tay còn mắc cầm bát tương gừng ngon và thân hành mang từ nhà đến. Tương nhà chả ngon mà!

Ông Phó gật đầu:

– Thằng M. sục bước vào, lừ một tiếng: "Tể nhục phi pháp! Phen này cho các anh tù chơi mới được!". Nhiêu P. vào nói: "Bác nể ông Phó một tí chứ!" Nó cười khè khè: "Ông Phó cũng tăng phú! A lê tù tất!". Thằng M. vốn xưa đã đi lính. Nó nói xong, vợ nó rò vào. Thì ra chúng nó đã rình từ bao giờ rồi. Con mụ vợ nó mới khả ố làm sao chứ! Nó vừa vào, liền ngồi sụp xuống... cạnh mẹt thịt, để giữ chặt lấy tang vật. Mặt nó tái mét, hầm hầm như mặt chó dại. Ai giằng mẹt thịt lúc đó, chắc nó sẽ lăn đời ra mà ăn vạ ngay! Còn thằng M., chồng nó, chạy đi báo chánh tổng: ông chánh đã đứng sẵn đâu ngay ngoài ngõ. Còn tôi?

Ông Phó cười:

– Hai tay bưng bát tương gừng, "lòi tẩy" ra đó rồi, còn biết ăn nói làm sao bây giờ! Trước tình thế khốn quẫn như thế, làm thế nào mà chuyển nguy thành an được. Tôi vụt nghĩ ra một kế.

Ông Phó thong thả đặt nhị tẩu xuống khay, nói:

– Tôi trịnh trọng đặt bát tương xuống đất. Xong, lại gần M. giở hết tài khẩu hiện ra thuyết một hồi. Lại cùng với nhiêu P. năn nỉ mời ông chánh tổng và M. vào ngồi xơi nước. Nghe chừng chúng đã nguôi nguôi, vì yên trí tụi này không còn kế gì gỡ được việc phi pháp đó nữa, chúng tôi hứa sẽ "biện" cho chúng ít tiền, rồi nhân thể mời chúng cùng chén cho vui. Một lần nữa, tôi xin quyết rằng miếng ăn là miếng nhục! Ăn, chỉ ăn thôi! Ăn, cho nên chết!

Chúng mắc mưu, xô vào ăn. Trong khi đó, tôi lấy danh nghĩa Phó lý, lẻn lên bẩm phủ.

Lính phủ về, M. ta ngã ngửa ra. Nhưng sự đã rồi.

Ông Phó mím mồm, cười sằng sặc tự trong cổ:

– Thật là một cuộc rước trâu lạ lùng, có đủ cả "đầu trâu, mặt ngựa".

Đi đầu có nhiêu M., chánh tổng, anh nào mặt cũng dài ra như mặt trâu; đi giữa, là lính, lủng củng những tang vật: xỏ trâu và thịt trâu ôi; sau rốt, có tôi...

Tôi bất giác nhìn kỹ ông Phó: ông thật là mặt sống trâu!

Ông ta nói tiếp:

– Nhiêu M. trượt chuyến tàu đêm, thành thử mười giờ sáng hôm sau mới lên đến phủ. Bấy giờ nhiêu ta mới lật đật nộp đơn thưa chúng tôi về việc giết trâu lậu. Quan đập án mắng cho một hồi. Vì quan yên trí rằng nó sợ tội nên thưa láo, hòng đổ vấy đổ vá.

Ông Phó đậy cóng thuốc, ngồi bó gối, nhìn ra sân:

– Sau việc lên tỉnh. Thằng làm thịt trâu là nhiêu P. mười hai ngày nhà pha. Thằng nhiêu M., cái thằng khám phá ra việc "tể nhục phi pháp" đó, sáu ngày!

Còn thầy chánh tổng, những tưởng được cái bổng tự nhiên vài ba đồng bạc, ai ngờ vừa mất oan vài chục, vừa bị khiển trách.

Tôi hỏi ông Phó:

– Còn ông?

Ông Phó, không cười:

– Đã đành là không việc gì rồi. Ở chung với hổ, mình ít ra phải là voi mặt dày. Nếu không thì phải có... "học thức" để làm một con cáo già.

Ông lẩm nhẩm:

– Chúng vẫn thế, hễ rượu vào là hậm họe, hục hặc xằng. Có tù cũng đáng kiếp.

– Rồi nó sẽ thù ông.

– Thù! Nó thù tôi đã lâu lắm rồi. Mà nhiều đứa thù, chứ không phải một nó! Thù thì có làm gì! Dùng sức trọi nhau, thì tôi đã có thủ túc là trương H., một tay tướng cướp giở về. Đấu mưu, chúng là đàn dê chỉ be be hão, còn tôi là cáo. Đấu tiền, đấu thế lực, thì cho cửa quan, tôi còn lạ gì nữa. Vả lại...

Ông không nói nữa, nhưng tôi hiểu rồi.

Ông thu hình khom khom, như một ông cụ, hay là một con cáo xù. Đôi mắt thau thông minh của ông không được gặp... "minh chủ".

NHỮNG "THUYẾT" CỦA TRƯƠNG A

Chúng tôi, bốn người, ngồi kín gần hết ghế của một quán nước ngoài chợ. Trương A., trương Nhì đã ăn hết ba bìa đậu trắng chấm mắm tôm ớt, làm vơi nửa chai rượu lớn ta. Câu chuyện vẫn bốc theo

hơi men. Nó đi từ chỗ "thằng nhiêu X. này lấy vợ lẽ mất có, tiếng là ba chục, nhưng thực ra chỉ có ba đồng. Vì ba chục là món nợ cả gốc lẫn lãi truyền kiếp từ đời tây hạ thành".

Nói qua nhưng thủ đoạn đánh nhau, ăn cướp, thủ đoạn đá một cái làm lăn xa ba thước cái gánh hàng lẫn xác thịt của một thằng to tướng, của trương A.

Lúc này nó xoay quanh anh trương Nhì, một anh trai ngoài hai mươi, gầy gò, yểu tướng. Anh này có đôi mắt cun cút, lờ đờ, chuyên nhìn trộm. Bộ mặt hắn hiền lành nhưng thoáng một cái lại thấy láu lỉnh một cách ngu dại. Nghĩa là hắn có một vẻ "thế nào ấy" nó đã làm cho tôi phát cáu vì phân tích không nổi.

Tôi hiểu được con người đó, lúc trương A. nhìn hắn và nói:

– Chú! Hiểu chưa? Anh nói thật: chú không thể đi tuần được. Vì chú dát quá, chú lại hay khúm núm, nhã nhặn quá. Đó cũng là một nết hay, nếu muốn sống cho yên ổn. Nhưng, đàn ông không thể thế được! Chú à! Thoạt đầu tôi đã tưởng chú thì chỉ có một việc: ăn. Sau nghĩ lại, thì ra chú ăn cũng không giỏi! Bộ chú, bốn vực bát một ngày, nước mẹ gì!

Trương A. không muốn nói đến việc uống. Vì thực ra trương Nhì lúc đó tì tì uống cũng không kém gì hắn.

A. bỗng lên giọng kẻ cả:

– Tôi như chú là con nhà cũng có bát ăn bát để đấy, thì tội cóc gì bỏ tiền ra chạy một chức trương Nhì! Danh giá cái gì, nếu cứ làm ông trương bằng cái lối như chú? Tôi như chú, nghe chưa? Tôi cố chạy lấy một chức "hầu trè" cho một huyện quen nào đó.

A. cười bắn cả đậu ra:

– Nhàn bao nhiêu! Thú vị bao nhiêu! Lại vô số việc ngoại: tối rửa chân cho quan ông, đi gọi con sen cho quan bà. Ngày lấy vai làm kiệu cho các cô các cậu, hay thỉnh thoảng chìa mũi ra cho các cô các cậu bấu một cái. Lúc rỗi ra cổng huyện khoe cái sang của quan bà với mấy cô gái làng, nếu không ra lòe mấy anh tổng lý.

Dù thế nào, chú ạ, nó còn được cái tiếng là "cậu" tớ nhà quan. Nếu láu ra, lại có thể giàu được nữa!

A. nhìn về phía tôi, hai lỗ mũi hắn nở to ra:

– Trên có ông Phó, cháu xin lỗi hai ông. Ở làng này, làm "xếp" tuần, chỉ có nhà cháu mới cáng nổi. Thử hỏi đã anh nào chịu được

một lúc hàng chục cái gậy nện vào lưng, lại cho được ngần ấy chiếc gậy vào đầu một thằng khác? Trông thấy máu, mà "mo phú" tù! Hay là, một mình một búa tầm sét ngắn bằng cái quạt mà đánh bạt cả một làng người ta đi được!

Hai mắt A. lim dim, hắn đang như lần tìm một thứ khoái trong việc đã qua:

– Làm xếp tuần, đối với những anh cứng cổ, là cứ nện cho mềm cổ đi. Còn đối với những anh có thế lực một chút? Hễ có việc lôi thôi, là đến tận nhà nó, tự đâm vào gáy mình một nhát, rồi nằm ăn vạ đó. Nó không tù, thì nó cũng hết nghiệp!

A. mở to mắt, trịnh trọng nói:

– Đâm vào gáy, bẩm không bao giờ chết được ạ! Có phải là dễ không? Nhưng mà lại hóa khó đấy!

Thưa hai ông, dễ mỗi lúc đã cai quản được một lũ giời đánh không chết, như tuần làng này!

Ông Phó ngắt lời A. giảng cho tôi hiểu rõ hơn:

– Trương A. của tôi đây, khỏe lạ lắm. Hắn đã từng đi ăn cướp. Một mình một búa, đứng chiến cho "quân lương" tháo. Không những thế, hắn lại còn quay lại, phá vây để cướp một thằng trong tụi bị thương, cõng chạy...

Trương A. gật gù, nửa khoe, nửa nhũn:

– ... mà thoát như thường! Hai ông tính, dân làng ấy mà! Đến tụi "tốt đen" có súng mà còn chẳng nước gì nữa là!

Ông Phó nói tiếp:

– Tốt đen tức là lính cơ. Tôi sở dĩ cất nhắc A. lên làm trương để làm cánh tay phải cho tôi cũng vì thế. Sợ trương A. tức là sợ tôi, thế mà có ngờ đâu...

Ông nhìn A.:

– Anh còn nhớ không? Một đêm, tụi anh báo tôi có bọn trai đang chở muối lậu, có thể "làm tiền" được! Tôi tin các anh, dõng dạc xuống thuyền khám. Chúng nện tôi một trận xuýt bỏ mẹ! Mất cả khăn, mất cả giày, bò lê bò càng vùng được lên bờ mới thấy các anh chạy đến.

Tiền đâu chả thấy, chỉ thấy được uống nước cua! Các anh mượn người đánh tôi, tôi còn lạ gì!

Mặt, mồm, lỗ mũi trương A. đều nở to hết ra cả. Gân trán, gân cổ hắn nổi lên.

Hắn cầm miếng đậu sắp đưa lên miệng, lại vứt mạnh xuống đất:

– Phải, thế nghĩa là con phản ông!

– Không phản thì là anh sợ!

– Vâng! Thì con sợ. Thế cho ông thích nhé?

Hắn tợp cả chén rượu, nghiến răng cười sè sè.

HÒN ĐẤT HAY HƯỚNG ĐÌNH

Ngồi lên bờ giếng, ông K. quay mặt vào đình, nói:

– Cái hướng đình và cái hòn đất có ảnh hưởng đến tâm linh và cả nghề nghiệp của dân làng. Có chỗ thì chỉ cờ bạc bịp, nấu rượu lậu quanh năm. Có chỗ thì chuyên một việc làm quan, một anh quèn, không có gì là thông minh cả mà mèng ra cũng tú tài. Có chỗ chuyên chửa hoang. Có chỗ chuyên nghề mụ thung.

Ở đây, ông ạ, thì chuyên đi ăn cướp. Họ bảo là đất nghịch. Nhưng tôi, tôi bảo là đất nghèo. Nghèo từ ông thành hoàng làng nghèo đi. Ai lại "cụ" có mấy cái lọng vẫn để thờ trong đình. Thế mà rách như tổ đỉa, cũ như đồ cổ. Phải có một đêm, thầy tôi nằm mê thấy "cụ" mặc áo trào cũ mà đi lọng rách, trông bệ rạc quá; mới làm cho làng một đôi lọng mới.

Ông buồn bã:

– Để hôm nào ông ra xem làng tế. Nhị đi đằng nhị, kèn đi đằng kèn, những anh nhạc công tí hon ăn vận cũng tang thương như tiếng nhạc của họ. Còn các cụ vào tế thì khốn khổ khốn nạn! Mũ thì bạc phếch, rách từng chỗ như có chuột gậm. Áo lam mà gần hóa trắng, lại để lòi hai khuỷu tay áo cánh nâu ra. Lại quần, lại hia nữa. Ông tưởng tượng hộ xem: hai ống quần nâu buộc lại dút vào trong đôi hia nhưng trơ vải và ọp ẹp.

Trông vẻ mặt trịnh trọng, say sưa trong nến hương của các ông chủ tế, bồi tế, không buồn cười, mà chỉ cảm động...

Tôi đáp:

– .... như lúc trông thấy người đói trịnh trọng húp dè một tí cháo.

Ông K. chép miệng:

– Miền Bắc là đất võ, sinh nhiều anh hùng. Miền Nam, sinh nhiều văn nhân và người ăn khỏe. Ăn khỏe mà không có việc làm, tất thành ăn cướp!

*

* *

Hôm nay mặt trương A. đỏ như gấc, có vẻ vừa trịnh trọng vừa vội vàng. Đêm qua hắn vừa bắt được một đám trộm bắp ngô. Tên trộm hiện còn bị trói ở điếm, một tay có máu mặt trong làng là nhiêu Tr.

Các cụ ra xét lại ruộng ngô, ngổn ngang những gốc, đã bị bẻ gẫy ngang. Có cụ thật thà hỏi:

– Ruộng của nhiêu Tr. đây mà! Sao hắn lại đi ăn trộm của hắn được?

Trương A. vội mời các cụ nhìn sang ruộng bên cạnh. Hắn chỉ một chỗ có răm cây còn trơ gốc:

– Bẩm đây kia ạ! Đây là ruộng của tuần. Đấy mới là ruộng bị nhiêu Tr. nó xéo nát cả đêm qua, để ăn trộm. Nó thấy động, nên bẻ ngô của nhà nó để vu vạ cho anh em tuần chúng con, lạy các cụ xét cho tuần nhờ ạ.

Các cụ trước tiên nghĩ đến xôi và thịt rồi mới nghĩ đến trộm. Xôi thịt chỉ có thể đẩy ra ở nhà nhiêu Tr. được thôi.

Các cụ liền đồng thanh:

– Phải rồi! Hừ, đã khôn lại ngoan! Nó giàu thế mà biết "tham" thế kia à?

Rốt cục, nhiêu Tr. bị trói một đêm, mất trầu cau, mười đồng bạc chè lá cho lý dịch.

Và tuần được một bữa chén, với mấy gánh ngô của... nhiêu Tr. Vì hắn cãi thế nào được với dao bảy của trương A.

A. thú thật với ông Phó:

– Chúng con đang đêm bẻ trộm ngô của nó. Thế nào nó lại bắt được quả tang. Nó tru tréo lên. Chỉ còn một cách: trói gô thằng có ngô lại, bẻ mấy cây ngô của mình, dấu biến ngô ăn trộm đi, rồi nổi trống, trình làng mới bắt được trộm. Nhiêu Tr. cứ việc lòi tiền ra nữa, thế là đôi bên thỏa thuận, thưa ông!

Hắn vui vẻ hơn lúc kể chuyện khôi hài.

Ông K. hỏi A:

– Thế các anh quẳng trương Nhì, còn nhiêu Tr. đi đâu?

– Ấy hấy! Mình phải liệu mưu mô sẵn chứ. Cho nó nửa chai bố, với một đùi "khuyển" rồi cho nó về nhà vợ nó. Ngay lúc trông thấy bố bị trói, thân danh nó là một trương Nhì, mà mặt nó cũng vẫn cứ ngớ ra, chỉ thở dài sườn sượt.

Trương A. lại nói thêm:

– Vì dù có trương Nhì đấy, cũng chẳng cần. Trói luôn cả hai bố con nó lại, cho là con lợi dụng chân tuần, mà đồng lõa với bố. Có nghĩa là chỗ anh em tuần cả thì vuốt mặt cũng nể mũi một tí tẹo đó thôi!

Ở làng này, trong mấy ngày, tôi có cảm tưởng rằng: tạm được yên thân, chỉ có người cùng dân. Đau khổ đến thế nào đi nữa, họ cũng chịu được và không cần. Vì họ đã đói quá, họ lại tìm được những thứ ăn được cho đỡ đói. Đói rồi tạm no, no tạm rồi lại đói vô cùng. Một đời lủng củng như vậy cũng đủ cho họ vất vả quen rồi. Không nỗi khổ nào khác còn chỗ trong người họ nữa!

Chỉ có những người giầu, được bầu là giầu. Một lời nói, một cử chỉ của họ có thể giật dây cho hàng trăm cái mồm lúc nào cũng "phục binh" quanh họ để đòi ăn cho bằng được. Việc ăn lại là việc phiền phức. Nó đưa từ một chỗ, đến cả nhà pha.

VÀ RƯỢU LẬU

Trong bọn người giầu, nhiêu Ch. là một. Bác nhiêu này vẫn còn nhớ tích: bẻ ngô trộm. Bác vẫn giận lắm. Suốt ngày, bác mượn rượu để tưới tắt lửa giận. Nó lại bốc ra ngoài. Thành thử bác phải mượn lối rửa oan của người nghèo bướng bỉnh: bác chửi những đứa đã reo tiếng xấu cho bác.

Trương A. một lần hỏi bác:

– Nói đùa chứ! Ông chửi ai mà chửi mãi được thế?

Trợn mắt lên, bác sừng sộ với A.:

– Chửi à? Chửi tú! (tout: tất cả).

Không biết bác học chữ "tout" ở đâu. Chỉ biết rằng, sau lúc đó, A, nói với người quen biết:

– Thằng trọc sẽ biết tay tôi! Tôi sẽ cho nó một... "chầu"!

"Chầu" đó đến ngay. Một đêm kia, tuần tráng đang trịnh trọng tiếp các "cụ trú", "quan trú" (lính và cai cơ) uể oải đi... tuần bộ soát điếm.

Trương A. biếu các... "quan trú" một câu chuyện làm quà:

– Làng tôi có nhiêu Ch. một vụ gặt nó thu gần bạc nghìn. Thế mà lúc nào cũng kêu túng như chết. Vợ con ăn vận không bằng con mụ bắt cua. Ai bảo vào mặt nó là nó giầu, thế là nó giật nẩy mình lên như là người ta đã động đến tên húy của ông cụ nhà nó ra ấy.

Thế các "quan" có muốn "khảo" chơi xem nó giầu thật hay bỡn không nào?

Cuộc "khảo" nhiêu Ch. "cử hành" ỡm ờ như một trò trẻ, vào lúc gần sáng.

Thoạt đầu, họ ngậm tăm kéo nhau đến nhà bác. Rồi trương A. có leo lên tường. Tường cao, hắn phải nhờ một "quan" lính trú đun đít hộ. Ngồi trên tường, hắn đón đỡ một cái vò, rồi nhảy xuống vườn.

Trong nháy mắt, hắn bỗng tri hô lên, lính lập tức phá cổng vào, bắt quả tang sự chủ là nhiêu Ch. đang... ngủ, và một vò rượu lậu "giấu" một cách cho ai cũng trông thấy được.

Nhiêu Tr. ngái ngủ mãi đến lúc trống mõ đổ hồi, các cụ, dân làng và tuần tráng vác gậy chạy rầm rập. Bác tỉnh ngủ và tỉnh hẳn rượu khi họ trói ghì bác vào cột điếm.

Không ai muốn xét qua xem rượu ở đâu ra, lính ở đâu đến mà chóng thế. Trừ có sự chủ.

Các cụ gân cổ lên, mắng át bác nhiêu:

– Đêm hôm có phải vạ mẹ mà đi ném rượu lậu vào nhà anh!

Rồi các cụ bàn cho cách gỡ. Dù không phải là giờ "ăn", nhưng cứ "biện" chè lá cho ăn là xong cả.

Nhiêu Ch. nhất định tin rằng oan, tin ở công lý. Nhà đoan nhất định tin ở phủ, phủ ở làng và các "quan trú!"

Bác để mặc cho tiền phạt lên đến 2.000 quan, mà nhất định tù thì tù, chứ ai lại có ức đến thế bao giờ!

Thế là bác ngồi ba tháng tù. Tiền phạt, muốn nộp cho đủ, vợ con phải bán ruộng đi.

Họ đã "khảo" nhiêu Ch.: thì ra bác lắm tiền thật...

*
* *

Về việc này, tôi suýt gây nên một cuộc ẩu đả giữa một tuần và trương Ba. Nhưng tôi đã được rõ hai tâm lý.

Trương Ba bình phẩm:

– Ai bảo cứ kêu nghèo! Ai bảo keo cú! Để đợi nó khảo mới lòi tiền ra! Cho đáng kiếp!

Anh trai tuần phản đối:

– Tôi là nhiêu Ch. đợi đấy mà tôi nộp phạt. Có nộp vài cái đạp!

– Thế thì tù mọt gông!

– Tù thì chật nhà pha! Nếu nhà nước có nhiều tiền làm nhà pha, thì đã chẳng thải tù rượu vô số ra đó.

– Mày nói như con chó ấy. Nhất nhật tại tù...

– Nhưng mà đây đếch sợ tù!

– Phải, ra đấy mà lý sự như thế! Mẹ! Mới há mồm chưa kịp nói, nó đã tát cho tối tăm mặt mũi đi rồi!

– Đánh người cũng còn phải có phép Nhà nước chứ! Đánh người mà dễ à!

Họ còn "lý sự" nữa. Họ đã đánh nhau, để tỏ rằng "đánh người" rất dễ, nếu tôi không khéo can.

*
* *

Tôi gặp nhiêu Ch. về một buổi sáng. Mới bảnh mắt, bác đã sặc mùi rượu. Hết đứng lại ngồi, bác xỉa răng đến một giờ đồng hồ. Bác rút cái tăm, chửi một câu đứa đã làm hại bác. Rồi bác mút cái tăm cho nó nhọn thêm, để cắm thật mạnh vào kẽ chân răng. Tôi tưởng tượng như bác đương nghĩ đến lúc mài dao cho nhọn để đâm vào thịt bất cứ của ai cũng được.

Tôi muốn gặp bác. Bác quay về phía tôi, bộ mặt sần sùi những mụn, có lơ thơ vài cái râu héo hắt như lúa mọc trên đất rắn.

Hai con mắt vằn tia máu, lệch lạc, nhìn tôi như một người điên nhìn để "cà khịa"!

Cái vẻ liều lĩnh của người trọc đầu mà vạm vỡ đó làm cho tôi bất đắc dĩ phải quay đi.

MỘT CON MỌT GẶP MỘT CON VẮT

Tôi vẫn còn nhớ vẻ mặt của ông chánh tổng Đ. tổng V.Đ., tỉnh H.D. lúc ông làm quen với tôi, giữa một bữa tiệc trong nhà ông K. ở làng G.L.:

– Thể nào tôi cũng lên Hà Nội, phố Quan Thánh để đi hát với các quan mươi chầu! Đành là xin thua các quan về mọi phương diện rồi, nhưng cũng xin vác roi theo trống các quan vậy!

Cái vẻ mặt đó là vẻ mặt của một anh bợm, chạy theo ăn như người nước Tề. Nó đã tả hết một tâm hồn giả dối, quỵ lụy, bằng mấy nét hoạt động: đôi mắt lươn ngầu đỏ, cười nhiều hơn cặp môi mỏng, vừa cong cớn, vừa mềm mại.

Mắt đó đã luôn luôn liếc cười nhìn tôi như một con đĩ say rượu nhìn! Mồm đó, tôi đã có cảm giác ghê gớm, như nó đã đớp lời tôi đến tận môi.

Mỗi khi nhớ đến chánh Đ., tôi vẫn như thoáng gặp một trận gió lạnh, có vẩn mùi tanh.

Nhưng, ngày nay, nhận được thư của ông K., mời tôi trở lại quê ông, về việc hắn, tôi lại mừng lắm.

Ở nhà hắn, tôi đã thấy một anh lệ, trong cái oai của một tờ trát, có thể tử tế, hỗn và đểu nhanh chóng đến bậc nào.

Lẽ dĩ nhiên là chúng tôi đóng vai xem vụng.

Trên một mâm rượu linh đình, vì có đủ gà vịt, và rượu, chánh Đ. cùng tạc thù với anh lệ. Tôi thấy hai người trịnh trọng mời nhau, cân nhắc từng miếng thịt, từng cái nhai một. Họ gắp một miếng thịt, sau khi đã chọn thong thả trong cả một đĩa. Họ để miếng thịt xuống bát. Họ chìa tay, kẻ trước người sau, rồi cùng nói: "Xin mời!"

Xong, họ trịnh trọng nghiến răng để nuốt hớp rượu. Rồi họ trịnh trọng mím mồm lại, vừa nhai, vừa nghe.

Mặt anh lệ đã hoen đỏ. Hắn bỗng nhìn ông chánh, thong thả nói, như nhắc lại tên một người trên đã quá cố:

– Phải mười đồng!

Ông chánh "hè" một tiếng. Mắt ông cười, mồm ông chúm chím:

– Mười đồng!

Ông bỗng đặt bát xuống chiếu, cả người ông rung chuyển rất mau:

– Nhưng mà! Cậu cho tôi... ờ... chịu lại, cậu nhé! – Dạo này túng quá đi mất!

Anh lệ thong thả nhìn ông, cười nhạt đến một phút đồng hồ; xong, nó vùng đứng dậy:

– Á à! Ông nói dễ nghe quá nhỉ? Thôi thế này: "anh" lên quan vậy!

Rồi tự nhiên nó hăng lên:

– Anh nghe chưa? Vịt của anh, gà của anh, tôi ăn, tôi lại ỉa trả anh (nguyên văn)! Tôi chỉ cần mười đồng, mười đồng thôi...

Nó giữ được câu chửi trong cổ họng.

Bà chánh từ bếp trở lên. Vừa trông thấy bà, nhất là đôi vành khuyên của bà, nó cười lên khanh khách:

– Anh không có tiền! Thì đôi khuyên của bà chánh kia kìa! Mẹ! Chả tiền thì là cái con chó gì đấy!

Ông chánh vẫn cười bằng mắt, múa bằng mồm. Bà chánh đứng ngẩn ra, nhưng bộ mặt phúc hậu lại đầy một vẻ thành kính.

*

* *

Anh lệ xăm xăm bước lại phía bà Chánh, khẽ bảo bà:

– Bà ạ! Ông chánh bảo không có tiền! Bà nhớ đấy nhé!

Hắn bước sang phía ông chánh, nghoảnh lại nói:

– Bà nhìn nhé!

Xong đâu đấy, hắn nắm hai tay lại, ngắm nghía mấy cái gân nổi to trên mu bàn tay, rồi nhanh như chớp, cứ ngực ông chánh, hắn thụi một hồi. Một quả đấm ra, ông chánh lại ôm ngực nuốt ừng ực, gục đầu xuống rất mau như người nôn ọe.

Một quả đấm ra, anh lệ lại cười bảo bà chánh:

– Ông ấy bảo không có tiền đấy bà ạ!

Thân mật nhẹ nhàng như nói chuyện.

Tấn kịch đó còn kéo dài mãi, nếu bà chánh không hứa "biện" đủ mười đồng trong nội nhật.

*
* *

Ông K. phải dùng sức mới lôi được tôi đi.

Về đến nhà, ông mời tôi một chén nước:

– Việc quái gì mà giận cho tổn thọ! Mặc họ! Những việc như thế này thường ghê lắm! Nó đánh, nhưng dù sao, nó đã cùng ngồi đánh chén với, thế cũng là khá lắm rồi, tử tế lắm rồi, nhất là lúc mình lại như một anh tù đi trốn. Ở Duyên Hà, một thằng lệ nó vào nhà người ta, nó chê giường chiếu bẩn, nó leo lên bàn thờ nhà người ta mà ngồi. Đến như thế mà cũng chả sao cả, nữa là... Anh chánh này bị đánh thế, chứ đánh nữa cũng chưa hết tội!

Bây giờ, ông mới chịu giảng cho tôi nghe rõ câu chuyện:

– Tổng này vốn có nhiều người vay của nông khố ngân hàng. Bảo lĩnh cho người vay là ông chánh tổng nhà ta. Ví dụ: ông cầm ruộng vay ba trăm. Hắn bảo lĩnh hộ ông món nợ ba trăm đó – nhưng, thực ra, hắn chỉ đưa cho ông độ một trăm, còn hai trăm hắn bỏ túi. Ông trả nợ hết trăm bạc đó, tưởng là hết. Nhà nông khố ngân hàng chưa cho là hết, và đòi ông cả ba trăm. Thành thử, tòi ra ông chánh nhà ta, một anh không ruộng, không gì cả! Họ bắt đền ông ta món tiền hai trăm ông đã trót tiêu, ông không trả được. Ông chỉ còn cách ngồi tù!

Quan trên nhất định cách cổ ông chánh. Nhà ngân hàng thì lại chỉ xin thỉnh thoảng lại giam cổ ông trong lô cốt độ vài hôm, cho ông hoảng để ông lo trả.

Vì một khi đã bị cách rồi, thì ông còn sợ gì ở tù nữa!

Cũng vì thế mà ông đã bị giam dọa vài lần rồi.

Lần này, anh lệ, theo lệnh quan về tróc chánh Đ. đem giam như mọi lần. Hắn không muốn nằm lô cốt nữa, muốn ở ngoài để xoay dăm chục giả dần. Mất cho lệ mười đồng, lệ về sẽ nói dối quan là không gặp thầy chánh. Công việc sẽ ổn trong dăm hôm để hắn ở ngoài có đủ thời giờ xoay sở...

Chúng ta vừa được coi tấn kịch vòi mười đồng đó.

Ông K. lắc đầu:

– Lệ! Một con đỉa bẩn thỉu! Thế mà mỗi anh lệ, lại còn có một anh lệ phụ không lương nữa, cũng như thầy thừa có nho, ông huyện

có thầy thừa. Con đỉa kèm một con đỉa! Hay là một con vắt và một con vắt! Riêng anh chánh tổng này thì nên để vắt đốt cho chết!

*
* *

Ông sẽ nói tại sao:

– Chánh Đ. riêng hắn trong góc huyện này, cũng đã là một con vắt rồi. Chả hạn, về vụ nước. Nghe chừng nước hơi lên, là hắn sức cho mỗi làng bắt biện chừng bao nhiêu gốc tre đấy. Tre đó, hắn đem ngâm dưới nước. Nước xuống, hắn đem bán đi lấy tiền tiêu. Tre ngâm, chả tốt mà!

Có giấy quan sức về bắt phu. Ví dụ giấy sức mỗi làng phải biện độ mười người tráng đinh ra hộ đê. Hắn liền bắt mỗi làng phải biện thêm mười người nữa là hai mươi người. Còn ai lạ gì cái khổ đi đê. Cho nên tranh nhau "khấn" hắn, mỗi anh dăm hào. Độ mười anh có tiền thì được ở lại, còn mười anh ra đi. Hắn vẫn ăn, mà vẫn làm việc đúng như lệnh trên.

Còn hắn? Lênh đênh đi thuyền suốt đêm, nói là đi tuần đê. Thực ra, hắn nằm tuần đê bên cạnh mấy chị ả đầu nhà quê, sau khi đã trống phách inh ỏi.

Tôi cười bảo ông K:

– Hắn muốn ra Hà Nội đi hát với chúng ta...

Ông ngắt lời tôi:

– Thiếu gì người đi che tàn, mà phải che cho cái bộ mặt xỏ lá kềnh đó!

VỀ CÁI ÁN GÁ BẠC

Tôi đã từng sống trong một tối sóc đĩa, ở nhà ông phó lý N., giữa lúc tôi mới bắt đầu viết về dân quê. Tôi nói đến tối đó, vì nó dính dáng đến bài này.

*
* *

Một buổi chiều, tự nhiên ông phó "đánh đụng" thịt chó với vô số người lạ mặt. Sau khi "chén" đã say sưa, ông tươi cười bảo tôi:

– Tối hôm nay, nếu là ở Hà Nội, thì trước hết anh em phải "thịt" ông đã. Vì ông là nhà báo. Mà nhà báo thì... "gian" lắm! Ví dụ: anh em sắp sửa làm một việc mà quan trên không thích, nhà báo – tôi muốn nói "nhà báo... phóng viên" – rình biết, nhà báo liền cho một vài dòng nhè nhẹ: "nghe đâu, nghe điếc". Đút cho nhà báo ít tiền, nhà báo thôi không nói nữa. Tiền thì, trừ có loài vật, cứ gì phải tôi mới là người thích nó!

Rồi, đáng thương như một con nhái muốn to bằng con bò, ông vươn cái cổ ngẩng lên:

– Nhưng anh em lại ở nhà quê. Nhất là ở trong "giang sơn" của chúng tôi. Nên anh em ít cần lắm!

Ông muốn nói: "ít cần nhà báo", nhưng ông nể tôi!

*

* *

Để cho tôi ngạc nhiên một lúc, ông ghé gần vào tai tôi:

– Nói đùa chứ! Tối nay, anh em sẽ sát phạt một canh thật to chơi đây! Từ năm hào trở lên. Ông có đánh thì đánh sóc đĩa, ông ạ! Tiền vốn bỏ ra để "đấm miệng" đã có mấy người quen, khỏi xướng việc này. Đi bắt "mòng" cũng đã có họ. Tôi chỉ có một gian nhà trái bỏ không, chức phó lý của tôi và cái đầu để gật... Thế là gây xong một sòng đàng hoàng.

Ông vỗ về tôi, cho tôi khỏi lo:

– Không đánh ban ngày. Đánh ban đêm cho tĩnh. Suốt từ ga vào, trong ngót ba cây số, đều có mấy chặng gác. Mỗi anh gác đều thủ đèn "pin". Khác ý một cái, lập tức anh nọ truyền mật hiệu cho anh kia bằng cách "nhấp nháy" đèn pin. Xe ô tô của phủ hay của đồn dầu chạy nhanh đến thế nào cũng không thể nhanh bằng ánh sáng của đèn pin được. Vả lại...

Ông nhìn lên phía nhà cụ Tuần, thân sinh ra ông K:

– ... Chỗ bác tôi ở, không dễ mỗi lúc để cho mấy anh "tốt đen" xéo tự nhiên lên được!

"Chẵn, ông ạ!" hay là: "lẻ, ông ạ!"

Mất hay là được, cũng vậy. Họ chỉ nhìn nhau. Rồi lại mở nút ruột tượng hay là đếm lại cọc hào đã ướt mồ hôi giấu trong bàn tay, buông thõng ngang đầu gối.

Tôi phải lấy hết sức, tai mới nghe thấy một mụ trúm môi lại, hai mắt buồn bã kín đáo, mà thở ra:

– Hỏng, bà ạ!

Câu "hỏng, bà ạ!" đi từ tai nọ đến tai kia, vài ba lần, nhè nhẹ, xì xào. Mụ nói câu "hỏng, bà ạ" đầu tiên ngồi xổm. Tự nhiên mụ mất thăng bằng, ngã ngồi bệt xuống. Mụ chống một tay, gượng lại. Tôi thấy cánh tay mụ run bắn lên như người sốt rét.

Bây giờ, mới thấy một người, trong năm người, cười. Cái cười "thê thảm" quá.

*

* *

Ba giờ qua. Sau khi đã chợp được một giấc nặng nề, tôi trở lại đám bạc. Một mụ váy sồi tha thướt, không già không trẻ, đi lại băn khoăn xì xào. Hỏi thăm hết người này đến người khác, như hỏi thăm lén tin chồng.

Trông thấy tôi, cặp môi cắn chỉ của mụ nứt ra. Mụ đã đãi tôi một miệng cười già mà tẻ ngắt.

Một anh tuần bảo tôi:

– Mụ chuyên một việc cho con bạc vay lấy lãi 10 phân, hạn già lắm là một tối. Không giả mụ, thì phải biết với mụ. Nhưng, nếu được, thì mụ lại phải biết với ông!

Anh tuần cười:

– Mụ làm tiền giỏi ra phết! Lại cũng "tình" ra phết!

*

* *

Tôi nhìn lại năm mụ con bạc của tôi. Họ vẫn ngồi lặng ngắt đó. Trên trán họ đã râm rấp mồ hôi.

Năm cái đầu bỗng chụm lại, tôi thoáng nghe:

– Tưởng nó "cập", ai ngờ "rền", bà ạ! Chả còn biết thế nào cả.

Rồi một câu thốt lên trầm như một cái rên dài:

– Khổ! Cứ sài mòn hào một, mà tới chục bạc rồi đấy!

Con bạc đàn ông đã thay đổi cả chỗ ngồi, lẫn nét mặt.

Chỉ có đàn bà. Họ nhẫn nại vô cùng. Trong mọi việc, mọi sự đau đớn, cả đến sự... thua bạc!

Tôi bỗng nghe giọng ông Phó quát to:

– Bỏ tay ra, cho nhà cái cân này! Mẹ! Cái phải gỡ một cái chơi chứ! Bán sạch chẵn! Chẵn thừa... chẵn thừa...

Một tiếng hỏi:

– Xướng?

Ông phó lại quát:

– Việc gì đến cái mồm của anh đấy! Anh dám mở, tôi xem?

Giọng ông như là rỗi:

– Thì cái mở này! Về... về... về...!

Ông không nói "về chẵn", hay là "về lẻ". Ông vứt mạnh cái bát qua đầu mọi người.

Tiếng bạc đó đi sấp ba. Một tay ông vơ tiền của làng đặt bên chẵn, một tay ông gạt tiền đặt bên lẻ, mồm nói thật nhanh:

– Lẻ này về. Tôi đã bảo lẻ về! Nhiêu G. đen quá nhỉ? Được của cái một tiếng thì lại bị về! Rõ tội nghiệp!

Nhiêu G. một lão đầu bù, mắt ướt, râu cụp xuống, nhìn ông Phó, ngạc nhiên:

– Ơ này lạ! Ông xướng lẻ về bao giờ thế! Ông?

Ông Phó trừng mắt:

– Có họa tai anh lòi! Và mắt anh toét! Nếu tôi không nói lẻ về, thì sao tôi lại nghe tiếng được! Hử! Rõ ràng tôi nghe thấy mồm tôi nói lẻ về, cơ mà!

Nhiêu G. quát tướng lên, sắp sửa húc đầu vào ngọn đèn để ăn vạ.

Tuần phải xốc nách lôi hắn đi.

Tôi còn nghe hắn gầm rít, đâu ngoài bụi tre:

– Đánh thế à! Chó! Ăn hiếp! Đồ cậy thế, bắt nạt! Bắt nạt cả thằng khố giây này à?

Nhiêu G. còn nói nhiều tiếng nữa, nhưng không thành câu, sau bàn tay sắt của tên tuần.

NHỮNG CÁI LẠ

Cái "lạ" thứ nhất của ông là anh bếp nhà ông. Ông đã nói nhiều, riêng về nó:

– Tôi đã khốn khổ, khốn nạn vì nó nhiều quá. Thật là một lý toét ra tỉnh. Tôi gọi nó là bếp, cũng như nó gọi tôi là quan. Chúng tôi tưng bốc nhau một tí cho hợp với cái muốn của người tỉnh này. Thực ra tôi chỉ là một anh thư ký hạng trên bét, giữ sổ "départ" và "arrivéo" (việc đi và đến). Cũng như nó, thực ra chỉ biết đun nước, có khi lại không sôi nữa. Nhưng nó đã được hai nết: ăn mỗi bữa sáu, bảy bát vật, gánh nước, chẻ củi bằng hai ba người. Bố nó là một ông lý cựu, nhà có đủ bát ăn. Tôi nuôi nó, vì bố nó cố vật nài để lấy một "chút thơm lây trong họ ngoài làng": một năm ba đồng, cơm và quần áo của chủ.

Hiện giờ, tôi đang tập cho nó kéo xe nhà.

– Anh thôi xe đạp, một món thể thao mà anh sở trường?

Ông T. cười nhạt:

– Nếu đi xe đạp, thì đã không có dịp cho thằng xe nhà tôi nó vây, cả cho tôi lẫn cho nó: "sắp tan hầu, đánh xe đi đón quan!"

Tôi hỏi ông:

– Ai dạy nó gọi anh là quan.

– Một người nhà quê đứng trước một chỗ có thể "bỏ tù" được người, tự nhiên sinh ra tấm lòng kính cẩn mà xưng hô như vậy.

*

* *

Những cái "lạ" khác, của ông T. lại thường hơn lắm nữa. Nó quanh quẩn ở chỗ tưng bốc nhau là quan ở nhà cô đầu, quanh chiếu bạc, trong nhà "xéc".

Nhưng có một cái "lạ" nhất mà riêng chỉ có ông đã không cho là lạ.

Chiều hôm đó, sau lúc chúng tôi ở một đám tổ tôm về, một người nhà quê đang ngồi trên thềm, đợi ông T.

Trông thấy ông, hắn đứng dậy, hốt hoảng một lúc mới xỏ chân được vào đôi guốc còn ướt. Ông T. thủng thẳng đi qua mặt hắn. Hắn lập cập chạy theo, tiến lên trước mặt ông, chắp hai tay ngang ngực mà vái ông một vái vừa gọn vừa nhanh:

– Bẩm quan đã về!

Ông T. đột nhiên nhìn xuống bếp mà hỏi:

– Ông! Ông lại cho tôi "kê"? Ông hay vẽ vời lắm nhỉ?

Giọng ông, bộ tịch ông lúc đó hoàn toàn là giọng và bộ tịch của một người đi tây về, làm quan An Nam, mà nói tiếng An Nam theo mẹo Pháp văn.

Ông ngoảnh lại nhìn tôi từ trên xuống dưới, như nhìn một thuộc hạ, rồi giới thiệu:

– Đây là ông lý thay chân cho ông sinh ra thằng bếp nhà tôi! Còn ông này, bạn tôi, cũng... "làm việc quan" ở Hà Nội.

Rồi ông nghiêm nghị:

– Sao ông hay lôi thôi thế? Ông đã nghèo, thì để gà cho con gái nó làm cái vốn, có hơn không. Tôi thì có thiếu quái gì gà!

Rồi ông cười khà khà, làm lấp cả giọng ông lý đang kè nhè:

– Dạ, gọi là của nhà lá vườn. Nhớ ngày, thì vào chơi quan, tiện thể...

Ông T. bỗng hỏi:

– Ông này đã chén rồi hẳn? Rượu là sực cả lên! Sao ông không xơi cơm với tôi? Lại đi ăn cơm hàng?

Rồi ông gọi bếp cho ông lý mượn guốc, đưa ông lý đi rửa chân và sắp sửa đi ngủ.

Tôi thấy thằng bếp cười nói với ông:

– Bẩm quan, hai đôi gà di con, bằng cái nắm tay một. Nuôi còn là xơi mới ăn được ạ!

Cơm xong, bên khay đèn, ông cho tôi biết tại sao ông đã quen ông lý:

– Vì một mảnh bằng lý trưởng. Lão này nóng ruột lĩnh bằng, liền nhờ thằng bếp là người cùng làng đưa vào cậy tôi. Tôi quen người coi về việc đó, biết rằng cái bằng đã ký rồi, chỉ còn đợi người chủ nó.

Hãm cái bằng đó lại, rồi bảo nhỏ ông lý là việc hơi rắc rối một chút, nếu biện được tí ti chè lá, thì việc rắc rối sẽ không rắc rối nữa. Ngần ấy câu nói chả có gì là khó cả.

Ông cười:

– Người ta gọi cái ngón nhỏ mọn đó là ngón: đơm đó ngọn tre! Không nguy hiểm mà lại ngon xơi lắm.

Ông nói về sự giao dịch giữa hai người, sau khi đã quen nhau:

– Rồi nay nhờ dịch một cái đơn, mai nhờ kêu hộ một việc, cứ thế mà quen nhau thân mãi lên. Có khi việc ở tỉnh khác, họ cũng đem về nhờ tôi, làm như oai quyền của tôi to khắp hết Bắc Kỳ ấy!

CÁI "ĂN" TẠO RA

Ở chỗ này, ông T. đã đổi giọng thành nghiêm nghị hơn:

– Nhưng cũng không thể cứ há miệng chờ sung được. Có lẽ thời thế tạo người ăn của đút. Nhưng, cũng có lẽ người ăn của đút tạo ra thời thế.

Tôi không dám nói đến quan vì quan khác "ngạch" với tôi. Tôi để dành việc đó cho quan bác. Quan người ta to, thì làm việc to. Mình "bé" thì làm việc xoàng thôi.

LÀM THÔNG NGÔN

Chả hạn: lúc làm thông ngôn giữa ông sứ và một anh quê vào mặt súc tích, thì có cách này: thông ngôn cho hùng hồn. Không phải là nói tiếng Pháp cho giỏi đâu! Hùng hồn với anh quê kia! Nghĩa là: trợn mắt lên, như sắp sửa ăn gỏi người ta ấy, mà quát vào mặt anh quê, mà "mày tao" cho cẩn thận, mặc dầu anh ta có thể đẻ ra mình được. Lúc quay lại ông sứ thì cười cười, nói nói xì xà, xì xào như là thân với chủ lắm. Nếu có thể phủ đầu bằng một cái bạt tai anh quê, thì cứ việc, nhưng phải tùy từng ông sứ một.

Thế là chàng kia đủ... "hao" rồi! Nó cho là mình hách lắm. Mà có thế nào thì mới hách được chứ! Thế là nó bò đến mình, với tiền bán ruộng của nó! Nếu mình "đình dù", nó chê mà đi tìm anh khác ngay.

Bây giờ, tôi mới hỏi đùa ông một câu:

– Thế ngộ, giữa lúc anh đang khạc ra lửa với tiếng Pháp đó, mà ông sứ bảo anh là một thằng điên thì anh xử trí ra sao?

Ông T. vẫn "trơ" như thường. Ông lại tủm tỉm nữa:

– Khó gì! Lập tức quay phắt lại bảo anh quê: "Thằng kia! Mày có thấy không? Cụ lớn kêu mày là một thằng khốn nạn đó!"

Ông bỗng đứng dấn lại. Tự nhiên ông nói:

– Một ông phán đầu tòa mà gặp vận, tôi tưởng hơn ông phủ nhiều.

Tôi tưởng cả tỉnh S.T. thì không còn ai lạ gì cụ phán V. ngày xưa nữa. Cụ chỉ có một ít tiếng Pháp rơi vãi nhặt được từ lúc Tây hạ thành thôi. Thế mà quyền thế chưa dễ một ai đã bì kịp. Một thằng cướp gần bị chết chém, một lời cụ xin, nó đổi được thành chết già trong tù ngay. Hai chị em một cô buôn bè bị cướp hết vốn liếng, một lời cụ can thiệp, cả một làng phải è cổ đền tiền cho hai cô ngay. Cụ không lấy lễ tiền, vì tiền cụ nhiều quá rồi. Cụ chỉ bằng lòng cho hai cô đi rửa chân rồi cho ngủ nhờ thôi.

"ĂN" TRÊN THÂY MA

Ông T. nhìn tôi có vẻ băn khoăn:

– Tôi chưa được hân hạnh "mày tao" với dân. Dù có được, tôi cũng không "làm". Đầu tiên, tôi sẽ nghĩ đến ông bác của tôi, vẫn hãy còn đeo cái búi tóc bằng củ hành ta, ở nhà quê... Bác cũng như cha, khi người cha đó đã khuất núi rồi.

Ông hút thông hai điếu, uống cạn một chén trà Tầu đã nguội. Như để xua đuổi một cảm tưởng buồn.

Rồi ông nói sang câu chuyện "ăn" khác một cách vội vàng:

– Nếu giữ về việc tiền nong, thì có khi "thời thế" nó tạo cho một cái "ăn" ngon và nạc lắm, ngoài những cái bớt xén xoàng xoàng vào lương một mụ vợ góa của một người lính chả hạn. Cái "ăn nạc" ấy đến như thế này: một anh có lương hưu trí chết đi. Tuy vẫn có lệ phải báo những khi có người chết như thế, nhưng nhà quê họ lại cho là chết thì... hết chuyện, báo làm gì cho diệu vợi. Sổ lương của anh chết đó, dăm ba tháng sau, anh chàng coi phần việc phát lương, cứ việc cho người nhà cầm lên mà lĩnh tiền dễ như không. Anh có lương hưu trí chết hay sống, họa chỉ hai ông Nam Tào, Bắc Đẩu với quan phán ở hạ giới biết mà thôi!

Ông T. nói xong, ông "triết lý" với tôi:

– Thây người chết vẫn nạc và dễ nuốt như thường.

BẾP NĂM

Theo lời dẫn của ông T. buổi tối tôi tìm đến nhà một ông cụ, mà tôi gọi là cụ Năm, một tên bằng chữ số, thường dùng, để gọi tên bồi, bếp tây. Vì ông cụ xưa đã làm bếp cho một ông kỹ sư lục lộ Tây.

Một anh bĩu môi hỏi lại tôi, khi tôi hỏi thăm hắn nhà cụ, trong một cái ngõ lầm lội, viền theo một vũng nước to, có lẽ là cái ao bèo.

– Tỉnh này thì nhiều ngõ, ngõ thì nhiều người tên là Năm lắm. Hay là ông muốn hỏi cái lão Năm ấy chứ gì?

– Phải! Năm à... mà có rất nhiều đàn bà...!

– Bếp Năm! Thôi phải rồi. Đấy!

Hắn chỉ một căn nhà lá lụp xụp, mái đen xì. Tôi dẫm thụp xuống một bãi nước, đụng đầu vào một cái cột không biết rõ ở đâu trong đêm tối, xuýt bị chó cắn, và có một cảm giác sung sướng và thân mật rất hồn nhiên.

Rồi tôi đứng trước một "con quái" đầu bù, đen đủi gớm ghiếc trong ánh sáng lờ mờ của một ngọn đèn dầu Hoa Kỳ, có cái cười đon đả, một vài tiếng chào, cái điệu bộ soắn suýt thong thả trước người không quen, ngần ấy thứ không thể trộn lẫn được, của một chủ nhà chứa lậu.

Lão díp mắt lại, vẻ mặt tự nhiên buồn hẳn đi. Cái mồm lão thật mỏng, hướng lên trần nhà:

– Tôi thì hết thời rồi. Còn có cái gì đáng kể cho quan nghe nữa.

Mùi thuốc phiện thơm phức đã làm bạt hẳn một làn gió nhẹ không có "đầu đuôi" mà tanh tưởi trong căn nhà này.

*
* *

Mắt lão Năm chăm chú vào cái nhĩ tẩu. Tay vân vê tiêm. Mồm vẫn kể:

– Khi xưa, cháu làm bếp cho một ông chánh về lục lộ. Kể lương thì quan tính có mấy! Chỉ có bổng thì nhiều.

– Ăn bớt có khỏe, ngay độ vài hào là cùng, tôi tưởng...

– Không ạ. Bổng là những lúc đi "căm pê" (camper) kia chứ. Chả hạn, đến một làng nào đó. Quan giao cho vài đồng đi kiếm cái ăn trong vài bữa, và một khẩu súng lục. Tiền cháu cho chặt vào hầu bao, còn súng lục cháu đeo thẩy lẩy ra ngoài áo "bành tô", ngang ngực. Các thầy chánh, thầy phó trông thấy khẩu súng và nghe tiếng "việc quan" tức thì thầy nào thầy nấy xanh máu mặt đi. Cháu cứ việc, "a lê" gà, "a lê" vịt, "a lê tú tú" (tout tout) nhét vào bị, mà "bẩy dề" tí ti thôi. Các cậu lại bị cháu hậm, cháu họe cho một hồi. Thế là cứ hết nhà nọ đến nhà kia mời mọc ăn tha hồ. Ăn xong, lại tiền xe pháo nữa, tuy rằng không có xe. Mỗi chỗ quan cháu "căm pê" chỉ vài ba hôm thôi. Biết vậy, cháu mới lòe các cậu: "Quan tôi định "căm pê" ít ra là vài tháng. Thày nào có cái mồ, cái mả, thì phải "tăng sương" (attention) quan tôi "cắm" tú! Có biết ả?" Cắm đây nghĩa là "cắm pê" thưa quan! Các cậu không hiểu chữ Tây. Thế là các cậu đủ chết thẳng cẳng! Làm đường qua mả bố! Leo ôi! Các cậu tưởng thế! Các cậu liền biện cho cháu tiền để cháu nói với quan sang "đóng trại" hay là làm đường qua làng khác.

Hai hôm nữa, quan cháu nhổ trại. Cháu lại giở cái "mốt" cũ ra. Năng nhặt chặt bị, thế mà khá đáo để, quan ạ! Chứ bây giờ thì...

Lão sắp sửa kè nhè nói ra ngoài đầu đề. Tôi không để lão thở dài kịp:

– Thế thì các "quan" đạc An Nam, dân quê cũng sợ như sợ cụ nhỉ?

– Vâng, cẩm như "quan bếp" này! Vì họ chả cứ gọi cháu là "quan" mà! Quan đạc thì chỉ có một "căm" thôi. Có khi tự nhiên các ngài đó xơi những món thật ngon như óc chó. Ví dụ, có một anh nhà giàu có mả để gần đường cái này. Một thằng nó ghét, nó đến mách với quan đạc, dạy khôn cho quan đạc... chén, nó xui quan để cái mốc lăng nhăng cho án "long mạch" nhà đó đi. Muốn cho người ta không cắt đứt long mạch nhà mình, mà một anh giàu nhà quê chỉ chạy mất độ ba mẫu ruộng thì quan tính có thấm tháp gì!

Lão ngừng lại, mời tôi hút, tôi gạt đi, nhường cho lão.

Giọng lão nghẹn ngào, khói thuốc tản mát từ mồm lão bay ra.

CÁI VÒNG LUẨN QUẨN

Dưới đây tôi chép nguyên văn lời ông K. ở làng G.L:

Tạ quan để tỏ lòng biết ơn bằng chè lá, quà cáp, không ai bắt tội cả. Nhưng, trong cách tạ quan đó, có nhiều cái buồn cười, kỳ lạ. Hồi thầy tôi còn làm quan đầu tỉnh, tôi đã từng thưởng thức những cái kỳ lạ đó. Một làng có việc, được quan thương cho rồi, liền đến tạ quan. Họ chỉ có vẻn vẹn một buồng chuối ngự, mấy chai rượu vang trắng, và vài chục trứng gà. Họ cắt buồng chuối ra làm mươi nải. Rồi độ ngót hai mươi anh, mỗi anh đội nghênh ngang một cái rỏ tết bằng mây, anh thì đội một nải chuối, anh chai rượu, anh chục trứng. Kẻ trước người sau, hàng một, họ dẫn diệu từ quê ra đến tỉnh như đi rước.

Thầy tôi định khước từ. Họ nhất định lên gối xuống gối bắt nhận. Rốt cục, họ chuồn hết. Riêng một anh ở lại, cho cả chuối, rượu, trứng vào một cái rổ, rình lúc vắng người, rồi cũng lủi nốt.

NHỮNG BAO CHÈ

Những ngày lễ, bất cứ lễ gì, tức là ngày sở hầu ngửa ngực ra mà khuân chè Tầu của dân địa hạt đem vào biếu.

Một hôm, tôi lẩn mẩn nghĩ đến con số người đi biếu nhân với số 4 bao chè, tôi bằng lòng ngay đến một cái núi chè. Nhưng sự thực thì trong nhà chỉ thấy lơ thơ độ dăm bao thôi. Tôi liền nghĩ một mẹo.

Tôi đợi lúc sở hầu bưng khay chè xuống, tôi đón lấy chè. Dưới đít mỗi bao, tôi lấy lưỡi dao con sẽ khía dấu chữ thập. Rồi tôi đợi. Lát sau, sở hầu lại bưng chè xuống. Tôi lật bốn bao chè lên coi, bao nào cũng đều có dấu chữ thập cả. Thì ra, có gì đâu! Chè và người biếu đã qua một cái vòng, nó luẩn quẩn như sau này: anh sở hầu nhận chè rồi, khênh xuống trại, lập tức bán lại cho những dân vào lễ quan sau. Ví dụ độ bốn hào một bao, nó bán lại độ ba hào rưỡi, ba hào tám. Rồi cứ thế, cứ thế mãi cho đến lúc dân toàn hạt biếu đã khắp lượt, và cô Hai đã đếm được có khi tới mấy chục bạc rồi...

Thầy tôi có nghĩ đâu tới việc ấy. Nhưng chắc đã phải phục cái người đã sáng tạo ra cái vòng luẩn quẩn đó.

Ông K. đã cười:

– Nếu không thì chè đã có thể xếp cao như núi được rồi.

CẦM "TIỀN" LẤY "ĐỒ"

Tôi nhớ những điều mà ông K. đã cho tôi biết. Để đi tìm những cái kỳ lạ khác, theo lời hướng dẫn của ông phán T.

Tôi tìm đến một cửa hiệu tạp hóa, có bán cả chè, rượu tây, và bánh bích quy.

Vì đã có lời của ông phán T. nên tôi được người ta tiếp, ở đây, như một người nhà.

Ông chủ hiệu còn trẻ, trẻ từ đôi mắt thau tròn, bộ mặt tròn, cái miệng tròn lúc nào cũng ngạc nhiên trước khi "cười", cười rồi lại ngạc nhiên ngay lập tức. Tôi sẽ cho ông là một người đàn bà nếu ông xanh xao đi một ít nữa.

Nhưng ông cười to và ròn quá, khi ông nói chuyện với tôi. Ông thật đã hiểu nghề... "phóng sự" lắm.

– Tôi thích viết quá, nhưng không sao viết được. Nếu viết được thì chắc chuyện của tôi hay lạ lùng! Ngay như ngồi cửa hàng này mà tôi cũng đã thấy vô số chuyện rồi. Chả hạn như chuyện mấy ông tổng lý sắp sửa vào quan.

Ông nhập đề một cách đột ngột:

– Một người làm quan cả họ được nhờ. Ở đây thì cả tỉnh được nhờ. Nhờ là thế này: tôi lấy ví dụ một chai rượu tây. Bán một chai rượu tây, tôi được ba thứ lãi. Ba thứ, ngài ghi lấy! Ngài hiểu rõ chưa? Một thầy lý vào cửa hàng tôi mua rượu đem tạ quan. Thể nào cũng có một lời giao ước với nhau như thế này: nếu thầy ta biếu quan thoát chai rượu thì thôi, không nói làm gì. Nếu biếu không trót, tất phải đem ra trả lại cho tôi, lấy tiền lại. Lúc đó, ngài nghe chửa, thầy lý phải "hỏa hồng" đền cho tôi một số tiền, chả hạn giá rượu một chai hai đồng, thì tôi sơi độ hai hào, cách đó mường tượng như là cách cầm tiền lấy đồ. Nó kỳ khôi, nó thú vị là thế.

Nếu biếu đã trót, thì đã đành là tôi ăn lãi với hãng rượu rồi. Nhưng còn cái lãi khác.

Nó như thế này: rượu của thầy lý đem vào tạ quan. Sở hầu đem bán lại cho tôi, đáng hai đồng, chỉ lấy đồng rưỡi, đồng bẩy. Rượu đó, tôi lại bán một lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư hay là mãi, cho những thầy lý khác.

Ông cười to bằng hai người cười một lúc:

– Có phải là tôi ăn lãi ba lần không, ngài? Ít ra là ba lần. Nhưng nếu tổ cho ăn "bổng" thì trăm lần chưa biết chừng.

Sự thật, bây giờ tôi mới thấy một người nói ra một cách bặm trợn như thế này.

Có lẽ, vì chẳng có gì là tai hại cả.

CÁI ĐỒNG HỒ BÁO THỨC

Vẫn cái làng vẻn vẹn có độ ba trăm xuất đinh đó, làng Ch. trên con đường về Nam, một làng đã được trời tha cho không đốt cháy, và ngâm nước. Nhưng, "luật pháp" đã qua đó rất nhiều lần.

Tôi gặp phó lý C. trong nhà ông ta. Trong cái chuồng trâu đó, chỉ có hai chỗ khả dĩ ngồi được: cái giường tre, nhưng trên cái này, bà Phó đã buông màn nâu để nằm rên ầm ầm. Và cái... bàn thờ. Tôi đành đứng để khỏi ngồi xuống đất, lẫn với ba bốn đứa con ông, ỏng bụng, gầy chân như mấy con quỷ, cách hai thước mà còn sặc mùi tanh tưởi.

Ông mời tôi vào chơi, cốt để khoe cái đồng hồ báo thức, đã cũ, giá đáng độ hai đồng. Ông bảo tôi: "Cái này một người anh em họ ngoài Hà Nội biếu tôi. Chả biết anh nào đánh bạc thua rồi cầm cho chú nó đấy".

Ông trịnh trọng hai tay nâng đưa tôi xem, mồm ông nói như khấn:

– Ông xem máy kỵ mã hay đòn gánh. Và "lên chuông" báo thức thế nào? Thật là mấy đời rồi, nhà tôi mới có nó.

Tôi vặn kim giờ, lên giây cót chuông. Tôi thật cảm động khi thấy ông chắp hai tay, lắng tai, đợi nghe, mấy đứa con ông bò sát lại với nhau, nửa ngồi nửa nằm, mồm mắt mở to cả ra, vọng về phía đồng hồ. Chuông kêu thật rền, tiếng vang xa dịu đi, trong chỗ trống trải này.

Hai mắt ông phó thâm quầng, nhỏ tí, mở trừng lên, nó không to hơn mấy, nhưng sáng ra.

Mấy đứa bé ôm chập lấy cổ nhau. Đứa bé nhất tự nhiên òa lên khóc. Trong màn bà phó cựa mình, rên thật to. Ông phó vẫn đứng lặng, say sưa như một người chơi đồ cổ...

*
* *

Mấy tháng qua. Tôi đưa ông phó C. đến nhà thầy kiện, vì ngoài Hà Nội, ông chỉ quen có tôi. Ông nhờ đến thầy kiện, vì một lẽ giản dị này: cái đồng hồ báo thức vốn là của ăn cắp. Một người bắt nó ở vỉa hè, lúc dậy sớm đi hàng. Đem cầm cho em ông. Em ông đem biếu ông.

Đến nhà thầy kiện, ông phải kèm thêm hai người nữa: một người trong họ, và một tay đầu bò trong làng – để nói giúp, làm "tả phò hữu bật" cho ông.

Thầy kiện đòi ông 60 đồng. Tôi thấy ông phó sụp xuống, ông đã lên gối xuống gối, nếu tôi không dằn dỗi kéo ông đứng dậy. Cho đến lúc ngã giá thành bốn chục, ông phó lảm nhảm câu "xin quan lớn trông lại" không biết bao nhiêu lần, mồ hôi trán ông vã ra thành giọt, như nước mắt.

Rồi đến lúc trao tiền. Ông phó cởi nút hầu bao lụa, chắc là của bà phó, một tay giữ, một tay run bắn lên lần nặn tiền ra ngoài, như ông bóp thịt làm dồi.

Có đủ cả bạc đồng, cả bạc giấy. Giấy bạc quăn soắn lại, "tả phò hữu bật" của ông phải vuốt mãi mới đếm được.

Tôi ghi được một bức tranh, mà suốt đời tôi sẽ không thể quên được.

*
* *

Kết cục, em ông bị ba tháng tù. Ông cũng thế, nhưng án treo. Ông đã từ dịch, ruộng nương bán hết, và nghèo khổ vô cùng.

NHỮNG CÁI CÒN LẠI

Rồi, một lần cuối cùng, tôi được tiếp ông phó lý C. tại nhà riêng của tôi. Cả con gái lớn của ông nữa.

Ông đã bắt đầu đi đất. Cái khăn hộp ông đội đã trơ bấc mọt. Cái áo the cũng vậy, mà cả bộ mặt, cả thân hình ông nữa, chỉ còn là mấy thứ thiểu não, rời rạc, sống sót lại sau khi ông đã làm quen với "pháp luật".

Tôi phải ngạc nhiên trước cái nghị lực sống lấy được, nó đã gần thành như cái sống nhục, sau một cuộc tàn phá dã man.

Ông sẽ giảng cái cớ bắt ông phải sống. Nó là cái cớ chung đã làm cho hầu hết dân An Nam đã chịu lý được sự bất công của loài người, sự đau khổ về đủ phương diện.

Ông cúp mắt nhìn trên bàn, như ông ngủ. Giọng ông thật buồn:

-... Bốn năm đứa con còn nhỏ dại cả, thật là nheo nhóc quá. Bu các cháu lại yếu đuối lắm. Thành thử bao nhiêu miệng chỉ còn trông vào tôi. Tôi còn sống ngày nào thì còn có khoai, có rau mà đổ vào mồm. Nói dại đổ xuống sông, xuống biển, tôi mà có thế nào, thì đành là chết tất.

Giọng ông nhỏ đi:

– Sau vụ đồng hồ đó, thật là sạch sành sanh, ông ạ. Tôi nghĩ cũng dại, biết thế thì thôi tù thì tù. Cho nó bỏ tù. Mình oan uổng, bất quá có tù cũng vài tháng chứ mấy! Có ra tỉnh mới biết họ ở tù chán ra đấy. Cũng chả sao cả...

Rốt cuộc, ông nhờ tôi một việc: tìm cho ông việc làm, và tìm cho con gái ông một "chân" con nuôi trong một gia đình hiếm hoi nào đó.

Tôi ví Hà Nội với một cái sơ mít, người đi xin việc với một đàn ruồi, nhặng.

Sống gần nửa đời ngoài Hà Nội, tôi không thấy tôi bao giờ đớn hèn như lúc đó.

*

*   *

Và không bao giờ tôi quên được câu nói dỗi này của ông, lúc ông từ biệt tôi:

– Thôi thì tôi cũng liều cái thân tôi mà ra đăng lính thử một phen, cho chết quách đi. Còn con gái tôi, nó mười bốn mười lăm tuổi rồi, tôi gả chồng quách cho xong.

Tôi nhìn ông: một người bạc nhược như người ho lao, mắt lại ướt nhoèn..

Tôi nhìn con gái ông: một cô bé cằn cỗi, sạch sẽ; nước da mặt đỏ bóng làm bật nổi đôi mắt thau sáng ngời. Hàm cô bạnh ra với đống

răng đen rức. Cô không đẹp một tí nào. Cô chỉ là cái hương vị của đồng quê gồ ghề nhưng rất trong sạch.

Tôi không thể tin được rằng cô gái quê chất phác ấy sẽ là một đồ chơi.

Nhưng, tôi đã quên hẳn rằng cả nhà cô hiện đang đói rách.

THẦY CÒ

Ông trưởng bạ H. vô tình giúp tôi một tài liệu: những "thầy cò" chạy việc và thảo đơn cho dân quê.

Đưa phó lý C. lên thầy kiện, làm đơn hộ cho ông ta, tôi đã làm công việc chính đáng của một thầy cò. Tôi cũng có thể, vì thế, mà kiếm được hai thứ lợi: tiền hoa hồng, biếu xén, và nhất là được tưng bốc là quan lớn. Nhưng, nếu cũng chỉ vì có thế thôi, mà nhà lầu, ô tô, thuốc phiện, nghiễm nhiên sống một đời thật sung sướng, như vô số thầy cò khác. Thì ít ra một ngày, tôi cũng phải dắt cho thầy kiện, quan tòa, tới vài chục món.

MỘT THẦY

Giữa một tỉnh nhỏ. Một nhà ngói lụp xụp, quét vôi trắng lem nhem suốt từ thềm lên tận gần mái nhà. Mấy cánh cửa đóng còn hở khe, hình như cho có gió thoảng. Và một cái biển đề "écrivain public" (viết thuê). Như nhà một bác kẻ chữ thuê trong một cái ngõ ở Hà Nội.

"Cây bút chung" này quen tôi. Tôi đến chơi ông, giữa lúc ông ăn cơm, nhân thể dắt đến cho ông một dân quê muốn nhờ tôi dịch hộ một cái đơn xin việc.

Ông đang ngồi xổm, và lấy và để một bát cơm màu hạt lựu đỏ, xới cao có ngọn. Vợ ông còn trẻ lắm, ăn vận như một con sen ở Hà Nội, ghé ngồi cạnh nồi cơm, vừa nhai vừa nghĩ đâu đâu. Chân bà vẫn đá khe khẽ vào đầu con chó vàng.

Thoạt trông thấy tôi, ông đứng phắt dậy, lấy cánh tay lau mồm hai ba cái. Vợ ông bưng vội mâm cơm đi ra sân. Họ muốn giấu tôi cái nghèo của bữa cơm đó. Nhưng tôi đã thấy rồi: cơm hẩm, rau muống luộc, nước rau xanh như nước Hồ Gươm, và nước mắm đen như mật.

Tôi muốn thiết tha nói với ông rằng tôi đã ứa nước miếng khi thấy một đôi vợ chồng ăn uống rất ngon lành, trong sự yên lặng thấm thía như tình yêu.

Thế là ông bỏ cơm, và nhất định kêu là no rồi. Tôi thấy ở cách vồn vã của ông một cái mong: việc đã, ăn sau.

*

* *

Chúng tôi vào đến việc. Người đi với tôi là một cựu binh, được người làng gọi là ông Bếp.

Tôi phải nói trước, để phá tan mối nghi ngờ giữa chúng tôi:

– Tôi biết chữ Pháp thật đấy. Nhưng không quen dịch đơn. Sợ có thất thố thì rồi rầy rà cho ông Bếp...

Ông Bếp gật đầu biểu đồng tình. Ông xoa hai tay hùng hồn nói:

– Tôi cũng vậy. Tôi nói được, nghe được. Có khi nói chuyện được rất lâu bằng tiếng Tây. Ông "cập tên", quan thầy tôi xưa cũng phải chịu tôi là "ma lanh" lắm. Chỉ phải cái không viết được thôi! Giờ ông viết đi. Giỏi hay không tôi sẽ biết!

Ông Bếp trầm ngâm một lúc rồi nói tiếp:

– Bỏ đi, nghe chửa? Đừng có giở con cà con kê đèn giời soi xét làm gì, nhà quê lắm! Ông cứ xưng tên tôi ra là Bếp Xo, Nguyễn Văn Xo, làng... tổng... tỉnh... mãn khóa lính năm "foóng đơ", hiện có "lập rê" (livret), đính theo đây. Và hiện nay nó xin quan lớn xét lại cho nó mà cho nó một việc làm, làm vườn thì nó "sở đắc" lắm, vì trước nó vẫn theo hầu quan mà làm vườn, đánh xe ngựa, làm bồi, nấu bếp. Nghĩa là giờ nó nghèo đói lắm, ở nhà quê không có việc gì làm, thành thử cái ăn không có, lại hai vợ, lại một lũ con bồ nheo bồ nhóc, quan mà không trông lại thì chỉ còn có một việc treo cổ lên xà nhà mà chết. Ông viết thêm cho: làm vườn thì nó thạo hơn cả. Vì nó vốn là dân cầy trước khi đăng lính.

Ông Bếp đỏ mặt tía tai lôi thôi kể đi, rồi lôi thôi kể lại. Đoạn ông hỏi:

– Ông dịch phải cho đúng mới được! Bồ nheo bồ nhóc, ông viết là gì? Chả hạn?

Ông "viết thuê", nhìn tôi, hơi bẽn lẽn. Ông rửa ngòi bút vào tờ giấy thấm, khẽ nói:

– Dịch tạm là: misérablo!

Ông Bếp trợn mắt lên:

– Ráp, ráp gì đấy! Kể cũng được! Nhưng dịch tạm! Dịch tạm là thế nào? Bao giờ ông mới dịch thật!

Ông kia đã yên lòng rồi, nhìn ông Bếp thản nhiên nói:

– Tôi muốn nói dịch phác, giờ tôi chép lại, ông nhé?

*

*   *

Ông thầy dịch đã thú với tôi:

– Ăn thua gì đâu, cái nghề này. Có khi mười ngày mới có một người nhà quê thuê viết đơn. Chỉ đủ tiền nhà. Tiền ăn đã có nhà tôi tần tảo...

Ông Bếp mất năm nào. Ông vẫn kè nhè bên tai tôi:

– Tôi chắc là anh này dịch láo bét. Hắn đọc lại, tôi nghe nó làm sao ấy. Chắc là chữ nghĩa nó cũng chả hơn tôi mấy tí, ông nhỉ?

Tôi không để ý đến lời ông hỏi. Tôi nghĩ đến chữ "misérable", tôi nghĩ đến những dân quê ăn chờ nằm đợi mấy ngày mới nộp được một cái đơn đến tay quan.

Cho đến lúc tới được tay quan, cái đơn đã làm sống biết bao nhiêu người. Riêng "chết", chỉ có anh khố bện đem nó đi thôi!

... MỘT THẦY

Thầy này, người to béo, vai u, mặt mũi phì nộn, nhưng nhẫn quẹn. Vành môi nhợt nhạt như môi một người nghiện dở.

Tôi thường gặp hắn ở ngoài đường ăn vận ta, nhàn nhã như một ông Cả hay một ông Hai. Hắn chạy việc cho dân quê vì chỉ có quê mùa thì mới dùng đến hắn, mà luật mít đằng luật, tây đặc đằng tây.

Hắn chỉ biết nói tiếng An Nam thôi. Nhưng hắn đã có ngoại khoa. Nghĩa là hắn đem thân hiến cho những người có thế lực thích "Rê gian", và tiêm thuốc phiện cho họ.

... VÀ MỘT THẦY

Trong một tiệm thuốc phiện, tôi đang nhặt tài liệu giữa mấy con "sâu" bàn đèn... thì người ta giới thiệu với tôi một ông tham. Ông này ăn vận tây, người gầy gò. Nhưng tôi đã hoài nghi về chức phận của ông, khi tôi thấy bộ quần áo của ông mặc ít ra cũng được nửa tháng rồi, tóc ông bết bóng, đầy gầu, trên đôi mắt gian giảo, hốt hoảng.

Ông gọi thằng bồi tiêm, ghé vào tai nó mà nói thầm mấy câu. Câu sau cùng thật to: "và hai xu thạch đen nữa!" Nhưng tôi đã nghe được cả câu kia. Gập cả hai lại, nó như thế này: "Em mua cho anh hai xu xôi, hai xu chả lợn, và hai xu thạch đen nữa! Quàng quàng tí, em nhé!" Trong khi đợi, cũng như trong khi ăn: ông đứng lên ngồi xuống băn khoăn như người sợ nhỡ tàu.

Ông bỗng nhìn tôi, nở một nụ cười thật nhạt, rồi cúi xuống lấy bàn tay đo chiều dài chân tôi, lẩm bẩm:

– Ồ, vừa lạ này!

Xong, ông ngửng lên bảo tôi:

– Moa có đôi giầy "dôn" mới tinh, "đằng" ấy mua đùm hộ nhé?

*

* *

Ông đã ăn xong, và đi rồi. Một người mỉm cười:

– Vào đây định hút đấy, nhưng sực thấy tôi, cho nên anh chàng lảng mất. Nếu nằm đây, thì đằng này sẽ lật tẩy cho coi. Tham gì cái thằng ... "ma cà chích" đó. Bố bảo cũng không dám xưng tham ra ở chỗ này. Tham với cụ lý toét đình dù kia! Người đó ngoảnh về phía tôi:

– Anh chàng đó vốn là thầy cò giả cầy. Nó có biết luật pháp là cái gì. Chỉ đủ răm ba câu tiếng Tây thôi. Hiểu chưa? Thỉnh thoảng chàng sách va lít vào những hàng cơm, vơ vẩn trong tòa án rồi tán róc với các bác nhà quê. Anh nào lắng nghe ông tham đó, tức là bị rồi. Vì nó nói khéo lắm. Ví dụ: một anh bị tòa kết án oan. Người nhà đang lo chạy méo mặt thì vấp phải nó. Nó tán rằng nó là ông tham, quen tất ca quan tòa, tất cả các quan to. Bỏ tiền ra nó sẽ chạy cho, việc khó đến đâu cũng phải trôi băng băng. Muốn cho anh nhà quê

tin, nó chạy ra trước một ông sen đầm Tây, giơ tay giơ chân, nói bố lếu bố láo một hồi. Anh nhà quê đã hơi phùng phục rồi. Nó liền dẫn cu cậu vào Thống sứ. Thế là cu cậu tin, thả cho nó vài đồng để nó kiếm cái lễ "tiên kiến" biếu quan. Vài đồng cũng đủ hút vài hôm rồi, lại kèm cả xôi, chả và thạch đen nữa.

Người đó bỗng gật gù:

– Nhưng cũng phải phục hai ba cái tài mọn của nó, kể cũng khác một anh nhà quê đi lĩnh "mandat" hết giờ đành phải về không. Thuê nó dăm hào đồng bạc, nó sẽ lĩnh hộ cho. Nó cầm "mandat" vào tận buồng ông chánh, kè nhè xin lĩnh cho bằng được mới nghe.

Vì trơ, thì nhất nó đấy! Hay là đứng trước hỏa lò, hay là sở mật thám, nó vận động hộ cho nhà quê được phép vào thăm người nhà. Vì nịnh hót, luồn cúi, thì cũng nhất nó đấy!

ỨNG CỬ

Bên bàn đèn, ông phó đã tiêm lấy và kéo được gần hai chục điếu. Anh vợ ông, nằm ngửa giữa sập, bên cạnh hai cô béo ục ịch, xấu như quỷ. Ông này đã bỏ khăn, cởi áo ngoài. Ông đã biến thành một ông trọc phú béo nung núc, mặc áo cánh lụa có túi xẻ đựng đồng hồ trên ngực, và phồng hai túi những ví, khăn mặt sòng sọc, hào xu, hộp thuốc, bao diêm. Đã qua cơn buồn ngủ nặng nề, đôi mắt ông óng ánh sau đôi mí dầy hùm hụp.

Ông không để râu, nhưng nhiều lông mày, lại răng đen, da đen: cả mặt ông thành thử tối đăm đăm.

Anh kép đã lần xuống nhà dưới. Hai ả béo nục, sờ bụng ông mà khen lấy khen để cho ông cười khúc khích chán rồi cũng lảng dần.

Còn có chúng tôi và cô đào hát gầy gò ngồi dán vào tường, têm trầu, thỉnh thoảng lại cười một mình, trông như một con yêu tinh.

Ông phó N. gọi anh vợ:

– Anh cả lại nằm đây cho ấm cúng. Hút vài điếu rồi tôi bảo. Còn cả đêm nay kia mà!

Rồi ông quay lại bảo tôi:

– Ông anh nhà tôi nhờ tổ, kể cũng là tay súc tích. Chắc là nhà có con chó đội nón đi hai chân, sinh điều gở cho nên lão lăm le ra

ứng cử nghị viện khóa này. Lão ra nhờ tôi cổ động và lo liệu hộ. Tôi mất một chai bố mới làm cho lão hiểu thủng được hai cái bất lợi này: một là đánh chết thì lão cũng phải ra sứ vạch áo cho quan sứ coi xem lão có mấy pho chữ đeo trên lưng rồi.

Đã đành thì lão cũng biết răm ba câu tiếng Pháp, nhưng liệu có đủ không? Một cầu đoạn trường!

Hai là: Năm ngoái, ở hạt T.T, chính lão đã thấy anh em chúng tôi nội ngoại, mỗi thằng được người ta dúi cho một đồng để vào đình bỏ phiếu. Rồi thằng nào thằng nấy về nhà lão ra ứng cử, chè chén, thuốc phiện suốt ngày. Mỗi thằng bỏ rẻ cả tiền mặt, tiền rượu thịt, thuốc phiện cũng mất đồng rưỡi. Mà đến ngàn thằng chứ ít à! Một chức nghị nhà quê, tính như vậy, phi hai ngàn không mua được! Vì còn phải khao vọng, khi được ứng cử nữa. Thế là hai cầu đoạn trường! Qua được đã vậy. Ngã thì chết toi.

Thế bây giờ, được làm ông nghị rồi, thì lợi gì? Chẳng lợi gì cả, ngoài cái danh "ông nghị" đem về biếu vợ. Ra hội đồng, cắn hột thóc không vỡ, nói chuyện còn chẳng nên thân, thì còn xin xỏ cái gì! Con cóc muốn có nước mưa, nó còn phải nghiến răng kèn kẹt kia mà.

Ông cả gối đầu lên tay, nhìn trần nhà thõng thượt nói:

– Vẫn biết thế! Nhưng mà... mọi người còn kém tôi chán mà họ cũng Nghị cả đấy. Chắc cũng có lợi lộc thế nào thì họ mới cầy cục ra nghị viện chứ!

Ông cả chặc lưỡi:

– Mình nghĩ cứ ra bừa đi, tốn ít tiền, rồi liệu sau xem có cái gì lợi thì ta xin cũng chẳng muộn!

Ông phó ngồi nhỏm dậy, bảo tôi:

– Tôi đã bàn với anh cả tôi thế này, ông xem có phải không, nhé.

Ở hạt anh cả tôi, cũng có anh tấp tểnh ra. Mình bắn tin cho tụi nó rằng mình ra, mà mình đã ra thì phải được! Nó mà e sợ, thì nó sẽ chịu điều đình cho mình rút đơn. Rút đơn thì phải có tiền!

Hai là cả hai cùng ra: Mình phải vận động làm sao cho phải có cuộc bầu lại. Mình lại gạ điều đình: mình sẽ rút đơn để nhường phiếu cho nó, nếu nó chịu biện tiền "xe pháo" đền cho mình...

Ông cả lắc đầu:

– Thế nhỡ mình không được phiếu nào?

– Thế thì ông ra làm cái gì? Nếu ông biết vậy!

Nghe hai người nói chuyện, tôi có cái cảm giác này: họ hiểu chức nghị viên như hiểu một gánh hàng phở.

*

* *

Nhưng rồi, ông cả ngủ mất. Ông to lớn thế mà ngủ lành như một đứa trẻ. Ông ăn nói nhỏ nhẻ thế, mà ông ngáy to không thể chịu được!

Tôi cho ông là "vô tâm". Giá có làm Nghị cũng không hại mấy. Vì nếu làm Nghị, thì rồi vô tâm, ông sẽ không biết giận nhà báo. Mà người đã bầu ông cũng sẽ thương hại mà không giận ông nữa. Vô tâm còn hơn tư lợi và nói "khống" nhiều.

Đăng báo *Ngày nay,* 1938.

In theo bản in của Nhà xuất bản Hàn Mặc, Hà Nội, 1944.

THẦY LANG
(Trích)

Phóng sự *Thầy lang* đã đăng dần trên báo *Hà Nội tân văn* năm 1941 có tên là *Với các ông lang*. Sau tác giả đổi là *Thầy lang* và đưa in thành sách – Nhà xuất bản Mới, Hà Nội, 1944.

Đây là tập phóng sự điều tra về các cách chữa bệnh phản khoa học, hủ lậu của người dân quê nghèo khổ, dốt nát, đồng thời, kể ra những mánh khóe làm tiền trắng trợn của những "lang băm", "lang vườn" bịp bợm trên tính mạng con người.

Dưới đây trích một số đoạn.

*
* *

MỘT VÀI PHƯƠNG THUỐC KHÔNG MẤT TIỀN

Ở đâu không biết, chứ ở xứ này, thì cái đức tính "làm phúc vong mạng" đã rõ rệt đến cả cách "làm" ông lang. Tôi muốn nói làm ông lang trong nhất thời thôi.

Hình như ai cũng có chứa sách thuốc trong bụng cả.

Không mách thầy thuốc suông mà thôi, người ta lại cho cả phương thuốc nữa.

Một viên cứt chuột cũng là một món thuốc, một cục đất cũng chữa được bệnh. Một con giun, một con mối rách, nói ra mà tởm, cũng có người bệnh dám nuốt tươi như không.

Tởm hơn thế nữa: cái bàn tay một xác chết đem chà xát vào những mụn ở cổ, có thể chữa được bệnh tràng nhạc. Cái thừng của người chết thắt cổ, cũng chữa được sài kinh của tiểu nhi!

Rặt những thứ không mất tiền để chữa những bệnh có khi hiểm nghèo, cho những người không mấy khi có đủ tiền để đong gạo đỏ nữa, những người có khi đã không chen nổi được một chỗ trong nhà thương thí.

MỘT CỤ LANG LÃNG MẠN VÀ NGẠO MẠN

Đến lượt tôi là con bệnh. Nhờ có bốn viên ký ninh, tôi khỏi bệnh sốt đã được một hôm. Tôi chỉ còn ù tai và mệt, người nhà tôi đi mời cụ đến xem cho tôi mà lại giấu tôi.

Tôi thấy cụ vào, lúc tôi đang ngồi đọc sách.

Cụ cao lớn, già lắm rồi. Cụ xồng xộc bước vào, sai tôi một cách đột ngột:

– Trả tiền xe nhé? Năm xu thôi.

Tôi đã trả tiền xe. Cụ nhìn từ đầu đến chân, gật gù nói một hồi:

– Anh này ốm đây mà! Xanh lắm, xanh lắm. Ngồi xuống và để tay lên đây người ta án mạch bốc thuốc cho. Mai khỏi rồi lại đi suốt đêm nhé? Trong buổi này, các "anh" thì chỉ có thế thôi.

Tôi ngạc nhiên đến tắc cổ lại, nhất là khi tôi mới gặp cụ lần này là lần đầu.

Tôi kê ngửa bàn tay lên trên một cái gối. Cụ không nhấn mạch tỉ mỉ như mọi ông lang: cụ để hai ngón tay vào chỗ cườm tay tôi, nhắc lên đặt xuống dăm cái, như gõ nhịp.

Không đầy năm giây đồng hồ, cụ đã án mạch xong...

Cụ quay lại, mượn tôi cái bút chì và không nghĩ ngợi, cụ thảo đơn luôn lên ngay cái bìa quyển sách tôi để trên bàn. Chữ của cụ đặc thảo tầu dài thườn thượt, tíu tít, khó xem lắm.

Từ lúc vào đến giờ, chóng quá. Vả lại có bao nhiêu lời, cụ đã nói cướp mất cả rồi. Tôi nhân cơ hội cướp lại của cụ một câu mà tôi cho là thống khoái như cái vẻ tiên ông của cụ: "Cụ là ông lang ạ?"

Cụ thản nhiên vô cùng:

– Thì đích rồi!

Tôi đã bị thua cụ. Đành hỏi:

– Thế cháu bệnh gì, thưa cụ?

Cụ nghiêm nghị:

– Anh ấy à? Bệnh của anh là bệnh con nhà giàu, ngủ ngày cày đêm, chơi bời trác táng. Rồi bại thận, đau lưng, ráo phổi, hay ho vặt, hoa mắt, váng đầu. Không bồi bổ cho mau, đến lúc sốt âm là... "bỏ mẹ".

Tôi đang choáng cả óc, thì cụ ân cần như cha nói với con.

– Anh thì tiên thiên bất túc đấy. Vì anh... "đẻ non" phải không?

Chắc tôi đã ồ lên một tiếng to thì phải. Cụ vỗ vai tôi:

– Đích là đẻ non, tôi biết! Nhưng cũng không sao cả. Tôi sẽ làm ơn cho một tễ thuốc. Có thế mới hòng có con được.

Cụ đứng dậy nhìn tôi một lần nữa, như đùa, như thật:

– Chơi bời vừa vừa chứ.

Rồi thật đứng đắn:

– Đưa lão 5 xu để xe về.

Tôi đưa hơn, cụ trả lại, và đòi cho được năm xu, chỉ có năm xu thôi. Cả án mạch lẫn thanh đơn, cụ lấy có một hào. Nhưng rồi tôi mất gần năm đồng bạc để cân thang thuốc cụ cho, kể cả sâm cao ly.

Ngày hôm đó, trong đời tôi, tôi đã coi và nhịn một người già hơn cả ông sinh ra tôi.

*

* *

Cái đơn thuốc của cụ, có cái này là đặc biệt: có tên một vị mà mấy hiệu thuốc An Nam không đọc được.

Phải đến hiệu khách mới cân nổi thuốc.

Người nhà tôi phục cụ về chỗ đó, và vẫn trọng cụ như Biển Thước tái sinh.

CHĂN LỢN GÁNH NƯỚC THUÊ VÀ LÀM ÔNG... "LANG"

Tôi vẫn có một người bạn thân, người Trung Hoa, có bằng y sĩ ở Hồng Kông. Cửa hiệu thuốc của ông ta ở K.T là chỗ tôi hay tới lui.

Một hôm tôi đến chơi, gặp ông đang có vẻ như giận dỗi với một người An Nam vận quần áo nâu, ngồi xổm dưới đất, bên cạnh ông. Tôi cho anh ta là một người cu ly xe đang kê bệnh, bốc thuốc, nửa như mua nửa như xin.

Thấy tôi, anh ta chụm hai bàn tay làm một, giơ lên trời như sắp sửa vái.

Bạn tôi mời tôi ngồi, hất hàm bảo người kia:

– Kể nốt đi.

Anh ta đưa ngón tay dùi đục, cáu ghét lên dụi mắt, rồi kể như đàn bà:

– Bẩm thế rồi, tuy phù mà đại tiểu tiện vẫn được ạ. Ăn uống vẫn được, hơi tiêu tiêu thôi. Bệnh lâu rồi ạ...

Ông bạn tôi bắt đầu bốc thuốc. Anh ta đứng ngoài quầy, hỏi thăm tên từng vị thuốc một, vị nào anh ta cũng để đầu lưỡi nhấm như chuột.

Có lúc, xuýt xoa nói:

– Bẩm lại đau lưng ạ. Xin ông gia cho cái đau lưng ạ.

Bạn tôi gắt:

– Có đau lưng đây rồi! Bác có thấy tôi cắt đỗ trọng đấy không?

Anh ta cười khì khì:

– Ông ghé cho một tị bổ. Cháu chưa thấy có thục địa!

Chỉ vào miếng thục địa to bằng hai ngón tay, bạn tôi lại gắt:

– Chả thục địa thì là phân lợn đấy à?

Và vẻ mặt khinh khỉnh:

– Gia với giảm mãi. Tiền cũng vậy, chỉ có gia mà không có giảm đâu. Thuốc bây giờ đắt, hiểu chưa?

Anh ta gãi tai và nhìn trộm tôi. Nhìn trộm rồi gãi tai, cho đến lúc thuốc đã gói, tiền sắp phải trả.

Tôi thấy toàn thân anh ta hèn hạ quá. Cái hèn đến cùng cực, khi anh ta móc hầu bao lấy tiền ra đếm, rồi vừa dui dúi nó vào tay ông lang, vừa mếu máo:

– Thôi xin ông, lạy ông. Ông bớt cho cháu bữa gạo...

Chén thuốc ngã giá chín hào...

*

* *

Ông lang bạn tôi vốn có một... cố tật: ông thích chơi gà chọi. Nhân có tôi, ông rủ tôi cùng vào xóm gần đấy xem gà.

Chúng tôi qua một cái ngõ đầy nước cống, và hình như đục qua các thứ cổng sau, rồi đến nhà bạn ông.

Một vật ông trông thấy đầu tiên làm cho ông ngạc nhiên là gói thuốc có nhãn hiệu Q.S. mà ông vừa bốc xong tay.

Gói thuốc treo lủng lẳng ngay dưới rui tre ở thềm nhà.

Bạn ông phải nói lai lịch gói thuốc đó cho chúng tôi nghe:

Thuốc đó của một ông lang, tuy quê mùa, nhưng họ đồn rằng mát tay lắm. Thầy tôi ốm mãi, thuốc men vô số mà chẳng khỏi, nên có đón ông ta để uống thử vài thang. May ra nhờ phúc ấm mà khỏi biết đâu...

Bạn tôi nhịn cười hỏi:

– Nó quên à, cụ lang ấy lấy của ông mấy hào thang thuốc?

Một tiếng rên từ trong buồng đưa ra:

– Chao ôi! Thưa hai ông, những hai đồng hai kia đấy ạ. Sao mà nó đắt như vàng thế được?

Chúng tôi nhịn được cười, để ông cụ được an ủi rằng đã dùng qua đủ các mặt thuốc, chết không oan uổng nữa, nếu số cụ phải chết.

Nhưng bạn tôi vẫn tức lắm. Ông ta càu nhàu:

– Thế ra ông cụ này kể bệnh cho nó, nó ra kể lại cho tôi. Tôi lấy của nó chín hào. Nó lấy của cụ những hai đồng hai. Nó bóp cổ bóp họng người ta, thật là lang băm đáng đem ra mà vằm.

Bạn tôi thở dài:

– Sao nó không cứ đi gánh nước thuê và đi chăn lợn? Ai dạy nó làm ông lang thế không biết?

Tôi cười:

– Người ốm dạy hắn, chứ ai!

THUỐC... Ê!

Giữa một đám anh em đang bàn về thuốc, tôi trót đã thốt ra một câu:

– Tôi thấy ở đây, một mâu thuẫn kỳ lạ này: con bệnh còn nghèo mãi, thì các ông lang vườn còn giầu mãi.

Câu này làm cho một ông bạn tôi lên tiếng:

– Chưa đúng hẳn! Các lang vườn còn... "quằn quại" sống mãi chứ không phải là giầu mãi, không phải vì con bệnh nghèo không có tiền để tha đất lên đệm trắng trong những bệnh viện sang trọng, để uống thuốc của những ông Đốc coi cỗ bất và gái hơn họ. Các lang vườn còn sống vì nhiều cớ nó làm cho đến người giàu có, trí thức cũng vẫn dùng lang vườn như thường...

Tôi ngắt lời:

– Ông muốn nói những người giàu ưa nịnh? Hay là những mụ bệnh tưởng lúc nào cũng khoe mình nẫu phổi, nẫu tim, lao tâm lao lực, vì mụ có chồng hay đi cô đầu, hay là vì mụ phải đầu tắt mặt tối gánh vác giang sơn nhà chồng.

Lại nữa: đeo bệnh khó chữa trong người, có khi còn như là có cái nhạc treo ở cổ ngựa. Họ "trưng" bệnh, như "trưng" ôtô...

Bạn tôi cười:

– Đó cũng là một cớ làm sống lang vườn, một cớ nhỏ thôi, vì còn có bệnh không "trưng" được, như bệnh giang mai, chẳ hạn. Cái cớ chính là ở thuốc. Thuốc bắc và thuốc nam, các ông tưởng mà không hay à? Nó không hay thì các cụ của ta đã đổ nó vào hỏa lò rồi. Tôi hãy kể một việc, nếu cần phải kể, để chứng minh lời tôi nói.

Không đợi ai giục, ông đã dõng dạc kể:

– Em gái ruột tôi, các ông nghe chửa, lúc hắn còn con gái, đã bị mắc một bệnh nguy hiểm nhất là: bệnh đau màng óc rất nặng. Lần cuối cùng, mời một bác sĩ rất giỏi lại. Ông tuyên bố rằng chịu không chữa được và bệnh nhân chỉ còn thoi thóp sống vài giờ nữa là cùng. Chúng tôi đã hết phép, đành cài bông vào lỗ mũi người bệnh mê man, đợi lúc bông hết cựa quậy là lo đến việc chôn cất.

Thì vớ vẩn làm sao tôi lại ra cửa đứng. Để gặp một chú khách bán thuốc rong. Tôi định tâm hỏi đùa chú, như người sắp chết đuối nắm cho tắc trách cái que củi trôi bên cạnh mình.

Thế nào lại vớ phải một chú cũng bạo gan: chú ta đòi vào xem mạch.

Chú xem mạch lăng nhăng xong, chú bốc ra ba gói thuốc. Tôi còn nhớ những tiếng An Nam chú pha Tàu để nói với chúng tôi hôm đó:

– Cái gió tộc tộc (độc) làm ra cái pệnh. Cái pệnh lên đến cái óc. Chết đến nơi rồi. Một ít nữa thời chết, cơ lơ.

Ngộ pốc pa cái chén thuốc, chỉ pa cái. Uống một cái, nếu tỡ tỡ (đỡ đỡ), nó (người bệnh) tụng tậy một tít, thì cho nó uống cả hai cái kia nữa. Thế là "pèng dỉ kếnh cô" lớ (bệnh qua khỏi rồi).

Nếu uống một cái mà cứ nằm ì ì, thì cứ... tổ (đổ) thuốc ti. Sảy cơ lơ (chết cơ lơ)!...

Phải cạy răng em tôi để đổ thuốc. Uống được nước đầu, một chốc thuốc ngấm, thấy em tôi thở dài. Rồi thở mạnh được.

Thế là chú thuốc ê kêu rinh lên:

– Hày a. Mậu sảy, mậu sảy, cơ lơ bơ. Nó không chết. Tã pảo (đã bảo) nó không có chết mà! Cho nó uống luôn một cái nữa ti.

Rồi em tôi khóc được, nói được. Hết thang thứ ba, thì tỉnh lắm rồi.

Chú khách "cao thượng" lắm. Mặc dầu tôi đã nằn nì, khẩn khoản, chú chỉ nhận có mười đồng bạc thôi.

– Em tôi, hiện nay, đã có chồng và sáu con, không hơn không kém.

Ông bạn tôi kết cấu:

– Người ta phải chịu phục sự linh nghiệm của thuốc Á đông, nếu bệnh không cần phải cầu đến khoa giải phẫu Thái Tây. Nhưng, đứng trước một vị lang không học ở trường nào ra cả, có khi lại ở càng xe mà xuất thân. Phải phó tính mạng cho một vị Biển Thước mà giỏi chữ như Uất Trì Cung, bốc thuốc theo lối gia truyền khẩu, chứ không phải là do óc kinh nghiệm tìm tòi, xét đoán. Hay là có học chẳng có hành, như chú lính gì đó của Tào Tháo.

Các ngài ôi! Các ngài nên công nhận với tôi rằng: người ốm thật đã phải lo chết đến hai lần!

Bạn tôi bỗng đổi giọng:

– Mà không có các ông ấy thì cũng khó nghĩ quá. Các cụ vẫn yên trí rằng, tang đại nhiệt thì không dùng được thuốc Tây đại ráo. Vẫn lại thuốc ta của các ông lang nhà ta như thường!

Thành thử: Lang vườn là một cái "nạn" cần phải có vậy. Trong khi đợi sự đào thải tự nhiên, hay là một luật lệ sẽ đem đến cho ta những vị lang không... vườn!

Bạn tôi đã lý luận bằng một giọng vô cùng tha thiết. Ông ta đã "nấp" sau kinh nghiệm. Cái trán của ông, đồ sộ và bóng nhẫy, là hình ảnh một cái gì ngay thẳng, trong sáng làm rực rỡ cả bộ mặt gân guốc của ông.

Nhìn ông, tôi tin ông.

VẪN THUỐC Ê!

Một hôm khác, tôi đến thăm một ông bạn ở ngoài châu thành, định rủ ông cùng đi xem bà đồng chữa bệnh.

Tôi thấy ông đi lại một mình ngoài hiên. Mặt ông xạm đi cùng với cái ngày đã tàn. Chỉ một ông cũng đủ làm rộn cảnh quạnh hiu nhưng u nhã của căn nhà lá sạch sẽ.

Không đợi hỏi ông đã nói rồi:

– Con bé cháu nó sốt, ông ạ. Sốt quái gì mà có lúc chân tay cứ giật bắn lên thon thót. Mắt lại cứ lộn ngược lên...

Ông thở dài:

– Chẳng dấu gì ông. Nhà túng quá. Ai lại con ốm mà vét túi chỉ còn có hai hào vẻn vẹn.

Rồi ông lại tươi tỉnh như không:

– Có một ông lang quen, có thể chịu tiền thuốc được, thì mời tam tứ phen cũng chưa chịu vào cho. Đành phải ra ngõ đón một chú thuốc ê vậy. Chú bảo cai lị cháu cảm nặng và đòi ba hào thuốc. Tôi tán mãi mới ngã giá thành hai hào. Chú "hày" đi "hày" lại mãi rồi chú mới bốc cho một thang thuốc kèm thêm một ít thuốc bột. Chẳng biết thuốc quái gì mà hình như lại mốc nữa ấy. Vì cùng quá, đành phải sắc phứa lên cho cháu uống. Xem chừng cũng đỡ: Cháu đã đổ mồ hôi, bú được, ngủ yên được một giấc khá dài. May ra thì mai khỏi.

Tôi hỏi ông:

– Sao không cho cháu đi nhà thương?

– Tiền xe cũng đã hai hào rồi. Lại còn tiền nằm nhà thương. Lại tiêu vặt. Lại cơm đi cơm về cho u cháu nữa. Mà mình chỉ trần có hai hào thôi. Mà cho nằm nhà thương làm phúc, thì cũng quá tội. Mà ai lại thế được ấy!

Tôi nhìn mặt ông: mắt ông to, ủ ê buồn, lành quá, giữa cái gân guốc bặm trợn của bộ mặt.

– Người đó không ngu một chút nào. Mắt ông là một ý nghĩ, không có ở mọi người nghèo.

BÀ ĐỒNG CHỮA BỆNH

Lần sau tôi đến thăm ông. Ông tươi cười nói:

– Cháu khỏi ngay hôm sau. Bây giờ thì son són chạy khắp nhà rồi. Nhà nghèo thì hai hào thuốc bậy bạ, nhà giầu thì vài chục chi thường. Giời sinh, giời dưỡng, thôi thế cũng xong.

Rồi chúng tôi cùng đi... Qua một cái ngõ lầy lội, sặc một mùi cống rãnh. Đến trong một căn nhà lá, ám khói, tối om. Tôi được hiểu hết nghĩa của mấy chữ này: chật chội, lủng củng, và ẩm ĩ trong một chỗ không sạch sẽ mấy và rộng độ hai mươi thước vuông.

Trên đầu tôi la liệt những nón giấy, giầy giấy. Cạnh tôi rặt những quần áo vải, phảng phất một mùi bèo và tôm cá, tha từ các chợ vào.

Trước tôi là bà đồng với cung văn, cung văn với bà đồng lẫn lộn trong một luộm thuộm sặc sỡ, mà vẫn hí, vẫn hát say sưa.

Những tiếng rì rầm, đàn, trống trầm nhẹ bớt đi trong một bầu khói đặc.

Đủ để làm chết ngạt hay là hóa điên được.

*

*   *

Tôi đứng gần cửa để vớt một chút sinh khí tự ngoài lọt nhẹ vào. Phải kiễng chân, nghểng cổ qua mấy cái đầu khét lẹt.

Bà đồng vẫn rún rẩy, lại đang viết nữa. Có lẽ là chữ Nho thảo theo lối... xích chó, loằng ngoằng như vẽ bùa.

Rồi bà vẹo đầu, liếc từ cái nén hương đến cặp mắt đã díp lại của cung văn.

Bà như khó nhọc lắm mới đọc nổi những cái "ngòng ngoèo" bằng một giọng không ra Bắc Kỳ, không ra Nam Kỳ lại đá mường, vào lỗ tai vểnh ngang của mấy bộ mặt mê ly bần bật, ở cạnh. Một bà cụ bảo tôi:

– Quan Hoàng ngài ban đơn thuốc. Ngài đang chữa bệnh đấy. Lạy thánh mớ bái, thuốc ngài động chữa đâu, thiệt là khỏi ngay đấy thôi.

Tôi hỏi:

– Cụ nghe ngài đọc vị thuốc gì ngòng ngoèo đó?

Bà cụ xuýt xoa, rồi lườm tôi:

– Chữ thánh thì người trần mắt thịt ai mà "dám" đọc nổi. Ông này lẩn thẩn lắm!

Tự cái lòng tin cố kết truyền kiếp kia, sẽ phát ra những danh từ không hay, nếu tôi còn hỏi nữa...

*

* *

Nhưng rồi, tôi sẽ biết thuốc thánh là thế nào. Ngày hôm sau, tôi trở lại hiệu thuốc của bạn tôi, gần đến độ trăm bước.

Tôi đến vừa gặp một mụ đi ra, khép nép cắp ba phong thuốc.

Ông bạn tôi chỉ tay theo:

– Bà đồng, Thánh Lang đó.

Tôi chợt nhớ ra bà đồng đêm qua...

Ông bạn tôi giảng cho tôi nghe cách bà đồng đó làm lang, dưới cửa Thánh:

– Ông hiểu chửa? Mụ kiểu Thánh về ốp đồng để thảo đơn. Mụ không biết chữ, nên thảo ra một giây xích chó mà riêng chỉ có mụ đọc được thôi. Những vị thuốc của thánh mụ bịa vong mạng ra: linh tinh quang, cù thiên đại pháo, bát bảo trường xà... và gì gì nữa (!).

Vì chỉ có mụ đọc được đơn, nên họ phải nhờ mụ đi bốc hộ thuốc.

Thế là mụ lò dò đến chơi tôi, kể bệnh của các con công đệ tử ra: đau bụng kinh niên, tê thấp, cảm mạo, thương hàn.

Mỗi bệnh mụ bốc ba thang. Ít ra cũng sáu hào một thang. Về đền, mụ tính gấp bội. Lãi ra phết, mà chẳng làm chết anh cóc nào cả.

Ông bạn tôi cười nói đến ngoài đường nghe tiếng:

– Nhất là con bệnh lại khỏi, mới chết người ta chứ!

Ông muốn nói: để cho con mọt ấy sống mãi ngoài ánh sáng.

QUAN NGÀI CHỮA BỆNH

Lòng tin, tôi còn thấy nó trong một trường hợp khác.

Đêm ấy, người ta cúng để chữa cho một đứa con gái lên bẩy bị bệnh đậu mùa. Hai người gọi là hai ông khóa, gieo tiền vào chậu thau, đếm rồi kêu lên:

– Ngài ban cho chữ Sinh rồi. Thế nào cũng khỏi.

Thầy cúng là một ông già, hom hem đến nỗi không biết ông đeo cái áo the hay là cái áo the nó đeo ông. Mắt ông là hai cái mụn lóe viền những lông mi đếm được, dưới một cái trán ngắn tẹo. Tuy vậy, cái liếc cũng như cử chỉ của ông lại rất linh hoạt. Ông nhanh nhẹn lắm, lúc khấn và xóc thẻ để cầu đơn thuốc. Cái thẻ do tình cờ hay là do ngài dun dủi sẽ chỉ cái trang giấy trong một quyển sách chép đầy bài thuốc.

Cái vị thuốc đã kê trong trang sách, lại có sẵn trong tráp của ông thầy rồi. Một lát sau, ông đã bốc đủ vị, với vài viên thuốc màu nâu, to bằng hạt đỗ tương một.

Tôi nhìn gói thuốc của ông, chỉ nhận được hai vị dễ biết nhất là xác ve sầu, vỏ quả chanh khô mà ông gọi là "thuyền xa" và "chỉ xác" dùng để thúc mụn cho chóng nung mủ và tiêu đờm.

*

* *

Tôi còn ngồi lại để nghe ông Thống Lang (thống là thầy cúng) này nói chuyện với ma hay là diễn thuyết cho oan hồn uổng tử nghe, lúc cúng cháo gần xong.

Ông chỉ vào mẹt bầy đầy cháo hoa, chuối, bỏng, và khoai lang lăn lóc. Mắt ông liếc ngang và mồm ông dẻo quẹo:

– Phải đợi các quan xơi no rồi, tôi mới phụng lời Thánh bảo ban vài lời phải chăng cho họ nghe. Chứ lúc các quan chúng sinh mà đói, thì có nói chỉ là nước đổ ngoài tai mà thôi. Thế nào là ma đói ma khát mà lị.

Đúng như phương ngôn tây: "đói không có tai".

Đôi mắt sắc sảo trong hai cái mụn đó luôn luôn liếc ngang về những nén hương đang cháy dở.

Làm như những chấm lửa có đuôi khói dài rung rinh rặt là những oan hồn hiện về bậu trên mẹt cháo. Những oan hồn của những kẻ xưa kia đã chết vì ngọn giáo mũi tên, đã sống một giây chết một giờ, chết cụt đầu vì xe lửa, hay vì những cái gì gớm ghiếc nữa.

*

*   *

Sau khi đã vái nhiều lắm rồi, hai mẹ con tín chủ lui ra ngoài. Còn lại ông Thống và tôi. Tôi được dịp nghe ông kể lại những thành tích trong đời, làm tôi cửa thánh của ông. Tôi nhớ hai ba việc: ông đã cứu một người 50 tuổi ra ngoài vòng thuốc phiện, lại giúp cho người ấy có con kế tự, ông đã cứu một mụ mắc bệnh báng bằng mấy lạng nhân ngôn. Ông lại chữa khỏi vô số người hủi và điên nữa.

Nhưng hãy nghe ông nói:

– Tôi chỉ có theo thánh thôi, đức Thánh Quan Võ đời Hán, về Thời tam quốc tranh hùng. Thánh truyền sao thì tôi làm theo vậy. Bốc thuốc theo nguyên đơn trong sách. Vị thuốc nào, đọc ở trang sách nào, đã có thẻ thánh ban cho.

Ông Cả ở phố M.V. đứng tuổi rồi, mà hễ đẻ đứa con nào là ngoẻo đứa ấy, lại "phiện" nặng nữa. Quan Ngài run rủi cho biết mà tìm tôi lại. Tôi đến nhà ông ta giữa lúc đứa con cuối của ông ta, còn ẵm ngửa, đang nằm với mẹ trên võng mà tự nhiên khóc thét lên mấy tiếng rồi cứ thế là chết luôn.

Ngài ứng về bắt tôi chỉ tay vào cái bể nước, sai đào lên. Sau khi đào, thì thấy có cốt, cốt của một người Tầu, ý hẳn là giặc Tàu xưa chết vùi ở đó.

Ông Cả bắt đầu thán phục và tin Ngài lắm. Ông bò về điện tôi để tụng kinh và xin chừa thuốc phiện. Suốt ngày tụng kinh không nghỉ, lúc nào cơn phiện lên thì lại tụng kinh hay là ra vườn ngắt lá nhai. Cứ thế trong mươi hôm, ngài ứng cho khỏi nghiện.

Hút vào thì thấy đắng lắm. Ông Cả ngày nay béo tốt ra, đẻ thêm mấy đứa con, búa bổ vào đầu cũng không chết nữa.

Ông Thống nhìn tôi, yên trí là tôi phục ông lắm, rồi ông mới nói nữa. Bằng cái giọng liên miên bất tuyệt:

– Còn cái mụ có bệnh báng thì lúc kêu Thánh, xóc thẻ thấy ngài chỉ cho đơn thuốc kê những mấy lạng nhận ngôn kia. Tôi chắc là số nó chết, nên ngài cho uống nhân ngôn. Nó kêu rằng thà chết ngay còn hơn sống, sống không chửa, mà phải đeo một cái thúng cái, đau đớn, không lê đi nổi để kiếm cơm hàng ngày.

Nó vật nài xin mãi, tôi đành mặc cho nó uống, cả mấy lạng nhân ngôn. Ai ngờ uống vào, về nhà cứ vật mình đùng đùng như chết ngay được, thế nào cái báng lại vỡ ra, nước trong bụng đen xì tháo ra hàng thúng thối hoắc.

Thế là khỏi, và khỏe mạnh ra phá ngay được.

Ngài còn cho tôi chữa cả điên và hủi nữa. Vô số người khỏi. Có anh hủi đã gần rụng cả ngón tay đi mà tôi cũng chữa khỏi.

"Ông không tin, hôm nào mời ông về điện tôi mà xem..."

Ông Thống Lang nghỉ hơi để lấy ra một cái khăn tay màu nâu xám, cũ như cái giẻ lau khay nước mà đưa lên mắt dụi lấy dụi để, và quyện đi hai cục dử cũng to những hai viên thuốc của ông.

Tôi ghê cả người. Tôi đã nghe ông ta nói chuyện với ma. Tôi lại nghe ông nói chuyện chữa được người hủi.

Thì "điên" và "hủi" tôi tưởng đích là ông rồi!

Trong một cảnh rùng rợn thôi miên, khói hương, trống mõ người và ma, ma và người vẫn chưa làm cho tôi mê được.

*

* *

Không biết những anh hủi tốt số gặp ông, đã khỏi hay chưa? Nhưng đứa bé lên đậu thì hiện nay đã được mẹ nó chôn cất cho tử tế lắm rồi.

*

* *

Mà cả đến đời họ nữa. Một cách ngây thơ họ sẽ bảo: đời do trời sinh, của ai mà chả thế.

Ai ăn nhiều quá, họ cho là chỉ tổ phải đi ngoài nhiều. Ai ốm, mà đốc nọ đốc kia, họ bảo là chỉ khéo vẽ thôi!

*

* *

Một mẩu đời này, tôi đã được ngắm trong một cái ngõ ở ngoại ô. Giữa một gian nhà lá ẩm mốc, như cái nấm dại, chung đụng sớm tối ba gia đình của ba hạng người: bán kẹo, thợ đấu và cu ly xe.

Ngày, khói nhiều hơn lửa; tối, không thấy có đèn. Tôi thường thấy mồ hôi của họ thì nhiều, cả lúc trời rét nữa. Nhưng ít khi thấy cái thúng chung của họ đầy gạo, kể cả lúc gạo rẻ. Mà họ vẫn vui như thường.

Cả đến lúc ông Lang, rồi Thần Chết tới nhà họ...

ỐM HƠN CON BỆNH

Qua bức vách thủng một miếng to bằng hai cái đấu mà ngày thường tôi gọi đùa là cửa sổ. Vợ bác Hai, thợ đấu, vẫn ôm con ngồi co ro. Gió rét vẫn rít lên từng cơn, lùa qua lỗ thủng, đổ hết cơn giận lên đầu mấy "ông" nồi rau trơ trụi, lên tro tàn, lên tất cả cái... hiu quạnh của gian nhà ọp ẹp này.

Nhưng, một cảnh tượng bi thương đã làm cho tôi rùng rợn cả người.

Điệu bộ bác Hai là điệu bộ một người sưởi rét bằng hơi của con. Cái "đĩ" nhà bác, tôi tưởng nó ngủ. Nhưng không phải giữa lúc tôi đang nhìn, thì trong lòng mẹ, cái "đĩ" quờ hai bàn tay lên cao, chới với như bàn tay người chết đuối. Một lát sau, hai mắt nó trợn ngược, cả môi, cả chân tay nó đều run bắn lên.

Nó đang lên cơn sài kinh, trời ạ.

Tôi phải quát to bảo bác Hai:

– Ôm chặt lấy nó và đi gọi ông lang ngay lập tức. Khốn khổ, con sài mà cũng không biết nữa.

Bác vừa trả lời tôi, vừa nựng con:

– Vâng, cháu nó ươn mãi từ đêm đấy ạ. À ời. Bu biết con ấm đầu rồi mà...

Người làm mẹ đó ngu đần quá! Tôi đành tìm bố cái đĩ. Ở giữa sân, bác Hai trai đang cúng.

Phải giục lắm, bác mới chịu rời bỏ chén nước đĩa trầu cau, để ra phố mời cụ lang Năm.

Bác chạy đi, cầm cả mấy nén hương đang cháy dở đi theo.

Một lát, bác đã trở về, trên lưng cõng một ông cụ, chưa già lắm. Bên tai bác, mấy nén hương vẫn cháy!

Bác Hai nhịn được thở, nhưng ông cụ già bám trên lưng bác, ho ùng ục, ho từ cổng ho vào đến sân. Đi qua mặt tôi, cụ nhịn được ho, nhưng cụ lại thở mạnh ngang với ho. Tôi nhận ra cụ lang Năm, với bộ râu mềm như tóc và cặp mắt lờ đờ...

Phải vài phút sau, cụ mới dò vào được đến nhà.

Tôi thấy cụ vạch tay cái Đĩ, xem hổ khẩu, xem đi xem lại kỹ lắm, rồi lắc đầu.

Cụ rên chứ không phải là nói, mà rên một cách trịnh trọng quá vào mặt bác Hai:

– Tôi, nhé? Tôi thì tôi chịu rồi. Bác nên đi đón một cụ lang khác thôi...

Bác Hai gái suýt soa, van cụ:

– Lạy cụ, cụ nhón tay làm phúc, cụ cứu lấy cháu. Còn nước, còn tát... Và những gì gì nữa.

Cụ lang vẫn bướng như cái nửa thế kỷ trước mà cụ còn đeo trên thân hình cụ. Cụ nói khẽ quá:

– Tôi thì tôi chịu, nhé!

Rồi như sợ người ta níu lấy cụ để ăn vạ, cụ lấy hết tinh thần để bước lò dò ra cửa.

Cụ đã ra đến sân, vén ống quần, gọi bác Hai:

– Giờ bác cõng tôi về nhà tôi, nhé?

*

* *

Tôi đang biện thuyết để bác Hai đưa cái Đĩ đi nhà thương.

Thì bác hàng kẹo đã tự ngoài bước vào. Ghé vai đặt hàng xuống chõng xong, bác sờ đầu cái Đĩ, tươi cười bảo bác Hai:

– Cái Đĩ ấm đầu đây mà! Có việc quái gì. Cứ ba xu thuốc đo đỏ của cụ lang phố hàng T... là... "không chê được!"

Bác muốn nói: "là khỏi".

Bác nhìn tôi:

– Đã đành nhà thương thì là không chê được rồi. Nhưng cứ tiền xe đi xe về cũng quá tội tiền thuốc...

Bác Hai muốn đưa con đi nhà thương, bác lại muốn con lên ông lang hàng T.

Rút cục, bác không đi đâu cả. Vì cái Đĩ lại vừa lên một cơn sài dữ dội nữa.

*

* *

Ngày hôm sau, tôi gặp bác Hai đứng xúc đất thuê vào thúng cho vợ đội đem đi...

Cái cảnh bi thương hôm qua, hình như họ quên rồi.

Trông thấy tôi, bác "chào" tôi bằng câu này:

– Cháu Đĩ bỏ rồi ông ạ. Ông về độ một giờ sau thì cháu đi.

Tôi lại hỏi nữa:

– Từ lúc ốm cho đến lúc chết, cái Đĩ có được một ngụm thuốc nào vào mồm không?

Bây giờ mới thấy bác Hai để lộ vẻ buồn trên mặt. Bác tần ngần nhìn cái thuổng, thong thả nói:

– Không ạ!

Vợ bác vẫn đợi bên cạnh, chép miệng:

– Tiền còn chẳng có để đong gạo cho đủ. Nữa là mua thuốc.

Bác Hai vẫn không ngửng đầu lên. Trong gió lạnh về chiều, màu vàng càng thẫm trên lần da mặt đen xạm. Tuy trời rét, vài giọt mồ hôi vẫn lăn tăn trên trán bác.

Lại nghĩ đến cụ lang mà bác cõng đi cõng về, ốm hơn cả cái Đĩ của bác Hai.

Ôi, ỡm ờ cái số phận...

TRÊN XE HỎA

Tôi đã có dịp thấy người ta coi khinh cái bệnh đến thế nào.

Anh K... bạn tôi, mời tôi về làng anh chơi vài hôm. Phải đi mất ba mươi cây số xe hỏa. Đường đi ngắn quá, đối với tôi. Vì tuy là xe hỏa, mà thật ra thì là một cái chợ, với tất cả cái luộm thuộm ồn ào, hôi hám của chợ.

To mồm nhất là mấy chị hàng quà bánh. Mấy con lợn vẫn rên trong lần dây thỉnh thoảng lại hét inh ỏi.

Tôi thấy cái gân cổ to bằng chiếc đũa của anh xẩm mù, cái vĩ nhị đi lại như sắp hóa điên. Cái mồm luôn luôn há ra, ngậm lại, dưới đôi mắt buồn thảm của mấy ông bán thuốc ở đầu toa, thuốc đau mắt, thuốc để mửa, thuốc rắn rết cắn v.v... giá rẻ đến làm đỏ mặt các ông Bào chế lên được.

Tôi lấy làm thú vị khi nhận thấy rằng đang được ngồi gần một người mắt đau đỏ như máu, một cô con gái có đôi mắt đen quá, có dễ đen hơn cả nhung, và – đã đếm đi đếm lại kỹ rồi – hai người toét mắt, toét có lẽ nhất thế giới.

Anh xẩm đã lần sang toa khác, nhường chỗ cho người bán thuốc đau mắt. Ông này đặt va li lên bụng một con lợn, không để ý đến tiếng thét công phẫn của nó.

Rồi đọc thuộc lòng một bài quảng cáo bằng một giọng diễn kịch đáng cho người ta ném cà chua vào mặt.

Xong đâu đấy, ông ta mới cầm lọ thuốc, mời mọi người, cả người không đau mắt nữa, rỏ chơi cho biết, hay là nếu mắt đã có màng có mộng thì xem cái màng có mộng nó tan như mây, khói trong chốc lát.

Lời mời nhạt nhẽo đã được cả tàu để ý. Cô thiếu nữ mỉm cười, để mặc cho mắt cô rực rỡ, khiêu khích trước lọ thuốc. Hai người toét, lần lượt, chùi lại mắt bằng vạt áo ngâm nước bùn trộn mồ hôi đã khô queo.

Người đau mắt đỏ vẫy tay, gật đầu, quả quyết đem mắt ra để thí nghiệm một phen chơi. Điệu bộ ông ta bảo tôi thế.

Thuốc đã rỏ rồi. Người bán thuốc, một tay vạch mắt, một tay bám vào cái cằm người đau mà xoay nửa vòng. Vừa phân bua:

– Thật là đang đỏ mà trắng ra đây nhé! Thuốc thần hiệu biết

chừng nào...

Bạn tôi bảo tôi:

– Anh đã trông thấy mắt đang đỏ mà bỗng thấy trắng đục nhờ nhờ như sữa? Nhưng mà chỉ một chốc thôi, rồi đỏ lại hoàn đỏ. Tôi nhất định tin rằng trong thuốc có nitrate d'argent, cái chất thuốc của Thái Tây, chữa mắt mạnh nhất, và làm tan được tia máu, màng mộng. Và tôi lại nhất định ngờ rằng chỉ có cái lọ họ đang cầm kia là có chất nitrate d'argent mà thôi...

Người đau mắt, đã nhắm mắt, thu hình vào một xó, như cố giữ chặt lấy cái lợi nhỏ bất ngờ là được chữa mắt không mất tiền. Một người trong hai người toét kéo áo người bán thuốc rụt rè hỏi:

– Thế tôi... tôi đau thế này... chữa bằng thuốc của ông có khỏi được không?

Người bán hàng lưỡng lự, rồi có lẽ là nói liều:

– Toét chứ gì? Khỏi tất.

Nhưng không ai mua một lọ thuốc nào cả.

Tôi chợt nghĩ đến cá mài mại, ít nhất cũng là một thứ thuốc đau mắt cứ việc mò dưới ao là có.

Tầu đã tới ga...

VẪN CÂU CHUYỆN CÁ

Chúng tôi qua con đường gạch, lượn theo chiều một cái ao đầy váng đặc. Trời nóng sôi không khí lên. Mà hai đứa trẻ đầu trọc, bụng ỏng vẫn ngồi phơi nắng như thường trên cầu ao. Một đứa buông câu và một đứa buông thõng hai chân xuống nước. Trên bờ, một con bé ngồi xổm, nói trõ xuống, như sanh như sửa. Con bé này cũng lại toét nữa. Nó nheo hai cái mụn toét nhìn thằng bé buông câu mà nói:

– Tý ạ! Hôm nào, thằng Ngọ ý mà, nó câu cũng được nê cơ. Kho này, rim này, rán này, cẩm như cao lâu. Ăn nê cơ, mà mãi chẳng hết cho, phải để dành.

Nó để ngón tay vừa vê cỏ xong vào kẽ mắt, dính lấy dử, khe khẽ kéo dài ra. Rồi bôi vào mớ tã hay là quần áo của nó. Xong, nó mới phàn nàn:

– Tớ đến mấy tháng nay rồi chẳng có tí thịt, tí cá chó nào vào bụng cả. Chỉ rặt những rau là rau thôi. Nghĩ mà xót cả ruột. Chốc đằng ấy cho tớ vài con nhé?

Thằng Tý chửi một câu rồi mới gắt:

– Chửa chi đã ếm. Để cho anh mày câu được vài chiếc đã nào. Mày xem, từ nãy, đã được con nào chưa, hử?

Chợt nhìn thấy bạn tôi, nó cười luôn:

– Bẩm cậu ạ. Chẳng cắn câu gì cả, cậu ạ. Tưởng thằng Bê nó thả chân xuống nước là cá đến nê lắm...

Ông K... hiểu rồi, ông cũng cười bảo nó:

– Mày có hiểu vì sao không? Vì mồi giun của mày không ngon bằng mồi thịt người, hiểu chưa?

Thịt người?

Sau tôi hiểu rằng thằng bé ngồi cưỡi ngựa trên cầu ao, vốn lở bét cả hai chân. Đỡ phải kỳ cọ đau đớn, nó thả mụn lở của nó xuống nước, mượn cá mương đến đớp mụn và dọn sạch máu mủ đi.

Tôi thấy nó rẫy mạnh, rút hai chân lên cùng một lúc, kêu oai oái:

– Mẹ chúng mình ơi! Rắn mòng nó đớp tao chúng mình ạ. Thôi, thôi đau điếng người rồi!

Thế là nó đi lên. Đến đầu cầu, nó cúi xuống bốc một nắm bùn ở rìa ao.

Bùn đó, nó đắp kín trên những mụn lở đỏ hon hỏn. Như ở Hà Nội, người ta xoa "pom-mát!"!

Ông K. đùa bảo tôi:

– Đây là một phép chữa bệnh lở của quê tôi. Lở thì chưa cần dùng đến nhà thương đâu. Bao giờ thối chân đến phải cưa đi kia.

Thằng bé lở, chìa ra trước mặt tôi dăm cái răng bọc bựa vàng:

– Cẫng biết không mất tiền mà khỏi cái đã. Cẫng biết cụ Đồ M. hết xơi tiền của thằng lở này cái đã!

Đồ M. là một ông lang trong làng.

Tôi lại nghĩ đến con ngươi gần nổ vì cá mài mại, những cái mắt toét trên xe hỏa.

Và không lấy làm lạ nữa.

Nhất là khi được lặng ngắm những mái nhà lá đen xì, mục ải, vài con chó đang thiết tha ngửi hết mô đất này đến mô đất khác trên đám ruộng lúa khô héo.

Mấy nét linh động bật nổi trên bức tranh nghèo lặng lẽ.

ÔNG LANG TRỜI SAI XUỐNG

Trước khi đến nhà, chúng tôi còn gặp một người không râu, ít tóc, mặt mũi cằn cỗi hơn cả phong cảnh ở đây, mà anh K... chào bằng câu này:

– Ông Đồ? Vẫn thế đấy chứ?

Ông Đồ chắp hai tay trên ngực, trả lời:

– Dạ, vẫn thế, như thường.

Ông K. bảo tôi:

– Nghĩa là vẫn nghèo nàn, hiu quạnh như thường.

Ông giảng rõ:

– Lão Đồ này vốn có đứa con lên sáu. Chỉ có một mống thôi. Thằng bé lên cái nhọt ở bụng. Cứ lá lẩu mà đắp mãi, cho đến khi vỡ mủ, nó mới to bằng cái miệng chén mà nhất định không hàn khẩu. Lại lá nữa.

Sau có một ông lang... thang, nguyên khán hộ bị thải, mặc áo bành tô, đi xe đạp dò đến gạ chữa cho thằng bé theo phương pháp Thái Tây.

Mà đồ dùng để chữa, đố biết là những thứ gì?

Bẩm, thuốc tím để rửa thì đựng trong ống bơ. Cái thụt thì lại là cái bơm xe đạp ạ.

Hắn cứ thuốc tím bơm mãi vào mụn thằng bé. Mủ liền chẩy vào trong bụng đến tận ruột và làm cho thằng bé chết.

Lúc nó đã ngay đờ ra rồi, ông lang thụt còn dò đến, đòi thụt một lần nữa cho "khỏi hẳn" theo lời hắn.

Khi biết người bệnh đã chết rồi, ông vứt cả thụt và ống bơ đi. Ngài nhẩy lên giường, thượng đồng ông Hoàng mà phán như thế này, anh ạ.

Giọng ông K. trẹo trọ:

– Cậu thương, cậu báu tiểu lắm cơ. Nên cậu mượn cái kiếp con con của tiểu, cậu chơi. Tiểu sẽ hầu cậu, làm ghế đệm cho cậu né? Rồi mai, rồi mốt, rồi kia, kĩa, cậu sẽ trả tiểu cho bố mẹ tiểu né?

Lang thụt còn trợn mắt, phùng má, làm nhiều trò khỉ nữa. Cho đến khi vợ chồng ông Đồ chịu theo số phận mà đành cho nó là ông Hoàng vậy...

*

* *

Ông K. nhìn theo hút ông Đồ lúc ấy chỉ còn là một cái bóng lù đù trên đường đê thăm thẳm, mà gật gù:

– Họ đã tin nổi, hay là vì phủ thì xa, hay là mấy đồng bạc mà lang thụt nó đền cho lại là của hiếm có hơn cả đứa con hiếm kia?

*

* *

Quay lưng đi, vài bước, chúng tôi thấy bác trương tuần đang cạo lông một con chó thui rồi, trên cầu ao.

Ông K. có vẻ sừng sộ khi ông cất tiếng hỏi:

– Thế nào, anh trương? Chó của nhà tôi đấy chứ?

Bác trương nắm đuôi con chó, giơ nó lên cao, nhăn nhở:

– Bẩm phải đấy ạ. Ông cho ăn tốt quá, thiềng thử nó béo như con lợn. Ông đánh đụng một đùi ông nhé?

Ông K. lại hỏi:

– Không biết đứa nào đánh bả chết nó tối hôm qua. Tôi sợ thuốc độc, đã cho đem đi chôn rồi. Sao nó lại đến tay anh được?

Bác trương vẫn nhăn nhở:

– Bẩm, đó là bà Trẻ ban cho anh em, mà bà lấy rẻ có hai đồng thôi ạ. Cũng tại chú trương ba thèm thịt nên cứ vật nài mãi...

Ông K. trầm giọng xuống:

– Anh em có đồ nhắm đánh chén, tôi cũng mừng cho. Nhưng nếu có ngộ độc cũng đừng trách tôi không bảo trước nhé.

Và trước một sự dĩ nhiên rồi, ông đành chép miệng:

– Hay là vứt bỏ ruột đi, anh trương ạ.

Vẫn lời nói oang mặt nước, tự đắc của một anh hùng rơm nhà quê:

– Sống ở trên đời, ăn miếng dồi chó. Có cái ruột để làm dồi thì ông lại bảo vứt đi. Đây rồi ông coi: anh em là cứ nhắm tất!

Bác hạ thấp giọng cho nó trịnh trọng:

– Như chúng cháu thì dù Trời có đánh cũng chết khối ra đấy. Ngay ăn bả chó cũng ít khi chết lắm nhé. Con chó này đã có gì là độc. Huống hồ lại có giềng, mẻ, gừng, tỏi, gia vị cho thật nhiều...

Bác trương thêm một câu, để cho tôi thấy cái tâm hồn chất phác của một tráng đinh:

– Vả lại, cả đời đánh đụng chó có vài lần. Có ăn luôn luôn đâu mà hòng sợ kia chứ.

Từ đằng xa, một giọng lè nhè đưa lại vào gáy tôi:

– Thưa hai ông, trên mạn ngược, thì có sơn dương, dưới đồng bằng thì đệ nhất chi thịt chó. Làm tài trai mà bỏ hai vị đó, cũng hoài một đời trai.

Cẩu nhục lại là vị ôn, chữa được bệnh thấp cốt, liệt dương, lại chữa được bệnh thối mồm, hai ông ạ.

Thì ra ông đồ lang vẫn nhìn theo tôi. Nhưng ông lại để ý nhìn cả con chó trắng hếu nằm co quắp trên cầu ao.

*

* *

Chúng tôi cùng đi trên một con đường đất luồn qua những bụi tre, sặc một mùi lá mơ mà ở quê người ta vẫn gọi là mùi cỗ bàn của ma.

Ông K. vừa đi vừa bảo tôi:

– Ăn, nhất là ăn thịt là một giấc mơ tiên hiện thành sự thực. Cứ thịt là được rồi: thịt chuột, thịt mèo, thịt rắn, thịt cóc... Tôi không bao giờ quên được chuyện con bò chết của nhiêu Tr... Nó ốm chỉ còn da bọc xương. Mà bác nhiêu cứ bắt nó phải làm việc. Để đến nỗi nó phải lăn ra chết nằm cách giếng nước chung của cả làng, độ một

thước tây. Nó chết mà họ làm như cả làng chết ấy. Mõ rao, trống nổi, các cụ liền họp ở đình để bắt vạ chủ bò. Các cụ cho rằng: bò chết gần giếng to chuyện lắm. Vi trùng – tại sao họ lại biết nghĩ đến vi trùng? – sẽ bò xuống giếng và đầu độc chết cả làng... Rút cục, nhiêu Tr. đành mua cau rượu tạ làng và nộp cho các cụ chục bạc. Còn con bò đem tể nhục cho các cụ đánh chén. Thật là kín đáo: đã chôn nó vào bụng các cụ thì ai còn khám phá ra sự ăn thịt bò chết không xin phép nữa...

Ông K. dừng chân trước một cánh cửa làm bằng những cành tre khô. Ông cố nói nốt câu chuyện:

– Tôi đã nói: dạ dầy của họ là sắt, khi nó đã đi đôi với những củ gừng. Có chết thì họ chết vì đói, chứ ít khi chết vì bệnh.

Thịt bò chết của nhiêu Tr., thịt con chó chết của tôi, còn là thịt tươi đấy. Thịt trâu chết đã chôn một hôm rồi mà họ còn đào đất kiếm một đùi đem về nấu rựa mận ăn uống những vài ba bữa kia. Như anh T. cu li xe người làng này...

Ông K. chỉ tay qua cánh cửa tre về phía gian nhà lá ẩm mục.

MỘT CÁCH CHỮA BỆNH SỐT RÉT

Chúng tôi vào chơi nhà bác xe T. giữa lúc con gái bác, độ mười hai tuổi, tóc mọc dở dang, mắt toét, đang dỗ cho em nó ăn. Cái đức tính làm mẹ, không hẹn tuổi ở một người con gái. Thêm người nó cằn cỗi. Tôi thấy nó già căng ra. Bế vắt em nó, độ răm sáu tháng trên vai, nó lay, nó rung, nó phát vào đít, nhất định dỗ nín cho bằng được. Em nó đã nín, nó lại dằn ngửa ra. Nhai nhỏ một miếng khoai lang luộc, nó ghé mồm mớm cho em nó một bụm. Thằng bé lại khóc ngằn ngặt chưa kịp nuốt. Muốn làm khéo trước mặt chúng tôi, nó liền nghĩ được một cách: bằng hai ngón tay, nó bịt chặt hai lỗ mũi em lại. Khoai từ từ trôi vào cổ, thằng bé rẫy rụa, nhưng nước da mặt nó tái dần dần.

Ông K. vội cúi xuống, gạt tay con bé ra:

– Mày làm cái gì mà không sợ em mày chết ngạt à?

Con bé dẩu cặp môi mỏng, kéo dài giọng:

– Chết hối ra đấy! Không bịt mũi lại thì nó nuốt làm sao, nhồng?

Ông K. giảng cho nó nghe:

– Khoai là một thứ nuốt khó, phải chiêu nước mới dễ trôi. Một đằng thì khoai làm tắc cổ, một đằng mày bịt mũi. Thằng bé mới năm sáu tháng, hơi sức có là mấy, mà chẳng chết ngạt.

Con bé lườm ông K.:

– Mọi khi mớm cơm cũng thế, thì sao? Ông nói như thật ấy thôi.

KHI MỘT NGƯỜI XE ỐM

Trước cái bướng bỉnh mười hai tuổi ấy, ông K. đành chỉ lắc đầu. Đi vài bước, chúng tôi thấy bác xe T. ngồi trên giường tre, người khoác một cái áo tơi bằng lá. Chúng tôi tưởng bác ngồi tránh mưa, trong một túp lều của dân bị nước lụt.

Bác chào chúng tôi:

– Xin chào hai ông đã vào chơi. Nhà cháu mới sốt khỏi, thiềng thử mệt quá không đứng dậy được ạ...

Bác lại cố đứng dậy, bác lại ngồi bệt xuống, rồi bác lúng túng:

– Nhà cửa chật chội, chẳng còn dám mời hai ông ngồi nữa.

Ông K. ngồi lên trên bậu cửa, tôi ghé xuống một bên giường tre, quơ tay hai bên, tôi thấy giường sạn ngấm những đất, có chỗ dính be bét những khoai lang.

Không ai bảo ai, chúng tôi cùng cười đều một lúc, cũng không nghĩ một tí gì đến quần áo vừa mới thay xong.

Một cơn gió mát đưa vào chỗ chúng tôi mùi thơm mộc mạc riêng của nước ao, của đồng ruộng lúc về chiều.

Ông K. buột miệng reo lên:

– Đã tuyệt hay chưa? Ở tỉnh, có mùi nước cống là đặc biệt. Cho nên có lắm ông lang. Ở đây có "mùi" gió đồng. Trời ban thuốc bổ phổi cho dân chúng tôi đây. Anh không khỏe mạnh thì là hèn.

Tôi thấy bác xe cười nhạt. Bác khẽ cãi:

– Ông chỉ nói kiểu thôi. Đói ăn đói mặc suốt đời thì có mà khỏe chán ra đấy.

Ông K. cố gò lại những câu đã chót nói, bằng cách niềm nở hỏi thăm về bệnh trạng của bác xe:

Bác ta rên lên:

– Những anh cùng đinh làm nghề phu xe như cháu, rốt cục chẳng chóng thì chầy, anh nào rồi cũng ốm hết ấy. Hãy cứ kể một cái xe ở nhà quê thôi. Chẳng như ở tỉnh, kéo có mỗi một người, đường lại giải rựa, chạy cứ tuồn tuột, nó cũng đáng một kiếp là cái xe cao su. Ở quê, đường thì lồi lõm sống trâu, lúc mưa thì bùn lầy, lúc nắng thì đá răm sắc như thủy tinh vụn. Mà kéo nào có ít. Thường thì hai, vô số lúc, lại những ba mạng cơ. Mà một khi các ngài ở nhà quê ấy đã phải đi xa thì đường dài, ít cũng phải vài cây số. Chúng cháu thật là kéo xe... bò, chứ chẳng phải là xe cao su. Ở tỉnh đã sung sướng, thì đến cái xe tay cũng sung sướng. Lại cái này nữa: lắm lúc ngồi cứ vêu mõm ra. Mà động có khách là kéo, một mạch dài dằng dặc. Hai ông tính, đang tắm mồ hôi thì có khi lại tắm luôn nước mưa. Như thế không lao lực sao được?

Bác xe bỗng lại thốt lên một câu hỏi:

– Mà cái nghề quỷ gì lại chỉ độc những chạy là chạy thôi ấy nhỉ?

Rồi bác mới nói đến bệnh của bác:

– Thật thế đấy ạ. Cháu thì lại khác. Nhờ giời được cái sức vóc khỏe mạnh, nên ăn chịu được với sự vất vả. Chỉ có được nửa tháng rồi cháu phải cảm, sốt siếc nhì nhằng, giá nghỉ việc độ một buổi thì cũng khỏi đấy. Nhưng một cháu nghỉ thì tức là những bốn cái mõm trơ lên cơ. Nên lại phải gượng đi làm. Đến chiều về, thì quỵ hẳn. Nó lên cho một cơn sốt rét, hết rét rồi đến nóng, hết nóng lại xoay ra rét, liên miên mãi...

Tôi hỏi:

– Bác đã uống thuốc gì?

Trông mặt bác hơi vênh lên, một ít sinh khí vừa thoáng qua trên những nét khô héo như ướp thuốc. Một là bác tự đắc, hai là bác ngượng với tôi. Bác cười để lộ ra những chân răng trắng bệch:

– Thuốc thì không uống ạ. Chỉ chữa mẹo thôi. Có người quen mách cho như thế.

Bác sốc lại áo tơi, hai tay giữ chắc hai bên áo. Bác có vẻ nhớ đến những trận sốt rét vừa qua, trước khi nói:

– Thế này ạ. Bẩm, dễ quá. Mỗi khi cơn sốt rét nổi lên, tức là "thằng" sốt rét đã về ốp vào mình, thì lập một mẹo để đánh lừa nó.

Cháu ra ngồi ở giữa nhà, ngồi độ vài phút rồi cứ tự nhiên như người ta nói chuyện, cháu bảo "thằng" sốt rét rằng: "Anh sốt ơi anh sốt, anh đứng đây nhé, tôi ra đằng này một lát rồi tôi về ngay." "Thằng" sốt rét, nào mình có trông thấy nó đâu, nhưng cái phép bắt phải thế. Tảng lờ như nó là người thật vậy.

Xong rồi, cháu thủng thẳng cố lê về phía cửa chính để ra sân đứng. Độ rập bã giầu, cháu trở vào. Nhưng lúc vào – cốt tử là lúc này – cháu chui qua cửa sổ để bước về ngồi chỗ cũ.

Lúc ra, ra một lối. Lúc về, về một lối. "Thằng" sốt rét chắc nó tưởng người leo cửa sổ vào là một người khác. Nó liền ra cửa chính tìm cháu. Nó có bám vào cháu thì mới sống nổi, nay ra cửa một mình, chắc sẽ bị gió đánh dạt đi một phương khác để rồi sẽ bám vào người khác, là mình khỏi.

Bác buồn bã:

– Người mách cháu mẹo ấy cho là phương thuốc mẹo gia truyền, chữa được vô lủng người rồi. Riêng có cháu, thì vì năm nay năm tuổi, đen quá, chẳng thấy khỏi khiếc gì cả. Lại sốt thêm lên. Sốt chơi cho nửa tháng, thưa hai ông. Hôm nay đã bơn bớt, nên mới ngồi được thế này đây...

Ông K. hỏi bác xe:

– Trong lúc sốt, bác có ăn uống gì không? Và nhà này có nhiều muỗi lắm không?

Bác xe trả lời từng câu:

– Nhà còn ít gạo thì còn phải để dành cho bu cháu ăn, để nó đi làm. Không làm gì cả mà ở nhà thì đã có khoai. Cháu chỉ ăn khoai lang luộc trừ bữa thôi. Mà có ăn được mấy đâu. Thỉnh thoảng cũng có thay đổi bữa cho khác vị một chút; không luộc nữa, đem nướng, đem lùi. Còn về muỗi thì cũng có đấy, nhưng hình như ít lắm.

Ông K. trịnh trọng nói:

– Bác T. ạ. Tôi nhất định là bác bị bệnh thương hàn rồi. Bác ốm vì muỗi đấy.

Bác xe trợn tròn mắt lên, làm chuyển động bộ da mặt vàng xạm. Ông K. nói tiếp:

– Muỗi sinh bệnh thương hàn. Những con muỗi dài nhọn như cái kim, lúc hút máu, nó chổng ngược đít lên giời ấy mà. Ông Đồ Lang đã bảo tôi rằng khoai lang tốt hơn cơm vì nó chữa được thương hàn. Bác có lẽ khỏi vì khoai lang đấy.

Hai mắt đăm đăm nhìn, bác xe buông thõng hai tiếng:

– Hay nhỉ?

Bác xe chợt nghĩ ra một điều gì. Bác ngước nhìn chúng tôi, không cười mà khôi hài:

– Nghĩa là: giá lúc tôi ốm "sương hàn" mà được vợ con bưng lên tận miệng nào cơm gạo tám, nào ruốc thịt thăn làm với nước mắm trắng Phú Quốc, thì tức là ngoẻo chứ gì?

Chúng tôi muốn nói rằng nếu bác có những món ăn khem ngon lành ấy thì bác đã có ba trăm đồng để chữa đốc tờ rồi.

Nhưng thấy mặt bác sáng lên, bộ mặt hom hem hí hửng, chúng tôi để nguyên cho bác được vui thấy rằng: ít nhất cái nghèo nó cũng có công "cứu tử" đối với bác.

Chúng tôi sắp cáo về. Thấy vợ bác tất tưởi đi vào, tay ẵm đứa con nhỏ, miệng mắng đứa lớn:

– Thật là khốn khổ vì con. Ai lại để thằng bé liếm đất liếm cát thế này bao giờ không? Hở con kia?

Từ ngõ vào chỉ có dặm bước, mà mồm nói sàn sạt, tay làm được vô số việc; dúi cho con nhỏ một nắm bỏng ngô, lấy ngón tay để kều dử mắt cho nó rồi bôi vào người nó, cốc cho con bé lớn một cái thật kêu. Lại nhặt được một cành cây khô nữa.

Đến gần chúng tôi, bác còn ghé mồm hút mũi cho con, nhổ sang bên cạnh, rồi mới chào khách:

– Hai ông lại chơi.

Bác bảo chồng:

– Thầy nó ăn cơm nắm nhé. Tôi ăn không hết, mang về đấy. Gớm thế thì thôi. Con mụ chủ thần đanh đỏ mỏ lại còn chực cướp lại kia đấy!

Bác xe nhỏ nhẻ:

– Tôi kiêng cơm đấy, ông K. bảo ăn cơm thì chết.

Ông K. nhanh nhẩu:

– Phải đấy. Còn phải kiêng lâu. Ăn cơm vào sợ sẽ thủng ruột đấy!

Cái mồm bác gái dẩu ra:

– Phỉ thui. Ông nói nghe mà khiếp!

Tiếng "khiếp" bác rít lên lại kéo dài mấy giây đồng hồ. Nó cũng khiếp như cái mồm bác, rộng trành bành, rồi vén lại thành hai cái quai rõ rệt hai bên mép.

Với bộ mắt nữa, ươn ướt, cúp xuống, hễ nhìn là đưa ngang. Nếu có cơm ăn, thì chưa chắc bác xe T. đã là người ăn nhiều nhất, trong cái lều tranh không kê thạp gạo này.

Đăng báo *Hà Nội tân văn* 1941,
Nhà xuất bản Mới (Hà Nội) in thành sách, 1944,
có sửa chữa và bổ sung.

PHẦN THỨ HAI

CHỈ CHẾT THẰNG NGHÈO

(Truyện ngắn)

CHU HÀ

Dân làng Thượng, năm nào cũng như năm nào, cứ sang xuân là có lệ rước thần, tế tự, chè chén rền hàng tuần lễ. Nhưng năm vừa qua, họ đã phải sửa lại một ngôi đình và một ngôi đền, gia dĩ lúa tháng 10 lại chỉ được thất bát thôi, đâu xem chừng ngặt nghèo hơn mọi khi.

Năm nay, "kinh tế" hơn, nhưng dù sao cũng không bỏ được cái cổ lệ ấy.

Sáu, bảy lần họp việc làng mà cái số tiền tiêu về việc rước tế ấy vẫn chưa "ngã ngũ" về mặt nào cả. Con chó nhà ông lý vô phúc bị tội tùng xẻo oan; con gà mái tơ nhà cụ nhiêu đành gạt thầm giọt lệ từ giã ổ trứng đang ấp dở để đi tìm thần chết; nước ao nhà ông xã xưa nay có tiếng là trong nhất làng mà nay bùn cũng vẩn đục ngầu như vũng trâu đầm, vì mấy bữa gỏi "sinh cầm". Khổ nhất là chú Mới đã phải hai lần chặt dùi và một lần đẽo mõ.

Lần này các cụ trong dân đã thấy hơi dịu giọng. Trong một buổi hội đồng, ông chánh hội mới dám đứng lên nói: "Tôi xin thay mặt các cụ làm đơn xin phép tỉnh trích trong công quỹ của dân một số tiền 100đ về việc rước thần".

Thời mấy ông tộc biểu đã vội cướp lời:

– Xin ba trăm, ba trăm rưởi cũng là ít.

Ông chánh hội trừng mắt:

– Ba trăm rưởi?

– Chứ gì. Ở két còn những tám trăm cơ mà.

– Ông tưởng dễ lắm đấy hẳn.

– Tiền của mình mà lại.

– Nhưng tỉnh đã khám quỹ rồi, và xin nhiều quá cũng không được.

– Ai bảo vạch áo cho người xem lưng, dại thì chết.

Ông lý giơ tay can:

– Thôi ông biểu, ông làm vậy hỏng bét cá bây giờ.

Ông biểu vùng vằng đứng dậy:

– Hỏng thì hỏng cá, cần đếch gì! Vậy để tiền lại mà làm ma à?

Thấy câu chuyện đã ra "trò", các cụ mới quay lại, đồng thanh mắng ông biểu:

– Đầu năm mới, chỉ hỗn, ông nói láo không được.

Ông biểu xưng hành xưng hố:

– Mới chẳng bằng me!

– Tuần đâu? Một tiếng quát.

– Dạ!

– Mày lôi cổ anh biểu ra ngoài kia. Láo quen!

Trăm cái răng đè một cái lưỡi, ông biểu như con chạch bỏ giỏ cáy đành phải lủi về.

Trong đình đã hơi yên, đâu lại ra đấy.

Ông chánh hội buồn rầu nói:

– Đấy các cụ xem, món tiền ấy mà không gửi tỉnh thì bọn con em họ hục hặc mãi, mà gửi thì tiền mình hóa ra tiền người. Khó nghĩ quá!

Cụ lý cựu thấy tình cảnh lung lay, vấn đề lý tài chưa giải quyết xong, liền xin dân bán tên phó lý 60đ, một con lợn và 20 chai rượu, và 3 tên lý trưởng 100đ, một con lợn, một con bò với 50 chai rượu. Phải có dăm trăm mới đủ chi tiêu.

Lừa đi lọc lại, chuột chạy cùng ngách, toàn dân làng Thượng đều cho kế của cụ lý cựu là diệu hơn cả. Ý kiến ấy đã được chuẩn y, chỉ còn việc thi hành.

Ngày nào trống đình cũng thúc, dân làng cũng họp, mà chẳng thấy ma nào đem giầu rượu ra xin mua phó lý, lý trưởng.

– Việc rước thần đến sau gáy rồi, mà chưa có ai ra mua bán gì cả, tôi lo lắm.

– Kinh tế này, đào đâu ra tiền. Ông lý mới bàn nhỏ với ông chánh hội.

– Úi chà, chán vạn, anh nọ còn đợi anh kia đấy thôi. Rồi ông xem, chỉ vì mấy lão "bô già" cứ hay đem hạng gươm gẫy gà sác ra xí phần làm cản trở công việc, chứ không thì thiếu gì người.

– Thế bây giờ ông tính sao, chỉ sợ tức nước vỡ bờ, sinh ra kiện tụng, nát dân, rồi tự mình đem thịt cho hùm xơi thì chán lắm ông ạ!

– Được, ông không ngại. – Ông chánh hội quả quyết - để tôi đi xem anh nào có máu mặt muốn ra, tôi thu xếp bàn với họ đấm họng cho mấy bố "đầu bò" ít nhiều, là đâu có đấy tất.

Ông chánh hội mới đi làm thuyết khách có một ngày một đêm mà giá làng có bán đến mười mạng nữa cũng có kẻ mua; họ tranh nhau như thịt trâu toi, nghề đời, ai cũng muốn ông nọ ông kia chứ!

Đến ngày rước, trước một hôm, thôn Đông chịu đăng cai đã phải đưa các con em ra đình dọn dẹp, bầy kiệu long đình, bát cống, chằng nhan án, chăng đồ thêu, đánh đồ đồng, lau đồ sơn. Nào tam sự, thất sự, bát bửu, lộ bộ, cờ quạt, dù riềm, y môn, màn quần, hạc đồng, ngựa gỗ, trống cái, chiêng to bầy la liệt. Trong đình, ngoài sân trang hoàng rực rỡ uy nghi, cái gì cũng như lên mặt kiêu hãnh ngang với ông bang bạnh, lý toét.

Tiếng trống, tiếng chiêng inh ỏi xen lẫn với tiếng người cười nói, chỗ hò reo, làm thành một thứ tiếng thứ ba ồn ào vô hạn.

Trong làng có hội, tưng bừng rộn rịp, ai nấy đều có mặt tại đình; nhất là mấy ông lý, phó mới ngông nghênh trong cặp mắt trắng dã, với cái mũi phổng rỗng, xúng xính trong bộ áo thụng mới, điếu thuốc lá kéo phì phèo cũng vắt véo trên môi như cái đùi các ông ấy vắt vẻo trên bục hàng. Một bước nên ông, các thầy ấy tha hồ ra phết ta đây kẻ giờ.

Hàng năm mở hội, con trẻ cũng nô nức ra tuồng, khoe khoang bộ cánh.

Cảnh tượng rõ thật thái bình, thiên hạ ai mà không sung sướng.

Cả một đám hớn hở tươi cười ấy, người ta chỉ nhận thấy một người tuy đặc cách hơn mọi bữa cái áo mới, cái quần mới, mà nét mặt vẫn buồn thỉu buồn thiu, ủ dột khác thường. Anh hai Kiệt, anh bị người giục đi đường này, kẻ gọi đi việc khác, họ sai khiến luôn luôn như một cái máy mà vẫn bị mắng như sối nước vào đầu.

Dưới chế độ bức bách ấy, nhiều phen anh đã phát khùng. Anh lại cáu cả với thằng cu Tuấn, con lớn anh ta, mới lên 7, nó ra gọi anh về cho u nó mượn tí...

Việc bề bộn, lại người giục, vợ giục, anh càng thấy cái nộ khí bất bình phẫn uất sùng sục kéo lên cổ.

Chị Hai ở nhà, ngồi bó củi ở xó bếp, ngong ngóng đợi chồng, chốc thấy thằng cu lớn về, vừa thở vừa nói:

– U ạ, con ra thầy còn mắng con, thầy bảo đương dở việc, phải đi đâu ấy nữa cơ.

Một cái thở dài như đạp ngực xông ra, chị Hai hết mong ở chồng.

– Tuấn, con ở nhà coi em cho u đi đàng này nhé!

Dặn thằng cu lớn xong, chị tất tưởi xốc áo, cắp rổ ra đi.

– Nhưng u đi mau về cho chúng con ăn mấy đấy! Tuấn làm nũng với mẹ.

Khỏi cổng, chị Hai gặp người nào người nấy lũ lượt, bồng con dắt cháu kéo nhau ra đình. Trông người ta lịch sự ung dung, vui vẻ lộ ra mặt, chị cảm thấy đời chị thiếu thốn đủ điều, chị không khỏi mủi lòng. Mấy giọt nước mắt bỗng nhiên chảy ròng xuống má.

– Chị Hai cắp rổ đi đâu lật đật thế, không cho cháu nó ra đình xem à?

Với những câu hỏi của chị em bạn bè ấy, chị như vô tình không nghe thấy, cứ cắm cúi đi rảo bước, chẳng trả lời sao cả. Lửa lòng chị cố dập tắt, nó lại càng cháy thêm, trái tim thổn thức đập già như khêu nỗi khổ.

– Chị Kiệt đi đâu đến mãi xóm này?

Câu hỏi to tiếng của bà Cai Tĩnh làm cho chị sửng sốt bàng hoàng.

Ấp úng khó trả lời, chị chỉ vâng, dạ tào lao cho xong chuyện.

– Bẩm bà đi chơi ạ. Lần này như chị có ý hơn, chị chào bà Bá Tân đằng xa.

Gióng giẳn, bà Bá hỏi lại:

– Ừ, con mẹ này đi đâu vội thế?

– Bẩm bà, con tưởng bà ở nhà, con định đến vay bà bát gạo cho cháu nó ăn, mai con đi làm, con xin trả...

– Nãy thì không đến, giờ tao đang bận, tối lại tao đong cho.

– Dạ, bẩm bà làm ơn sinh phúc cho, cháu nó khóc không có cơm.

– Tao đã bảo, chiều thì có mà, giờ mày bắt tao trở về nữa à?

– Khốn, cháu nó dại lắm, khó nghĩ quá.

– Thì cho chúng nó đi xem có được không, chúng nó ra đình mải vui chúng nó quên cả ngủ ấy.

Trở về, chị Hai lẩm bẩm: đình với đám rước xách gì, vẽ vời cho thêm khổ thế này! Thôi chúng nó đi xem rước mà hóa phải! Tối có gạo, chúng nó ngấu đói lại ăn được nhiều. Nghề đời vẫn vậy, hễ đã thất vọng về một sự gì, thường hay kiếm cớ để dối giá, an ủi cho xong...

Vội vàng chị vừa khỏi cổng bước vào sân thì thằng cu lớn trông thấy cũng vội vàng reo lên mừng quýnh: "A, bu đã về!" Rồi đứa bé cũng theo: "Bu đã về, bu về cho con ăn cơm, kẻo đói lắm".

– Ở ngoài đình rước vui quá, các con ạ, chúng con ngồi đây có nghe thấy trống phách gì không? U cho đi xem mau kẻo hết nào. Chị toan đánh trống lảng, nhưng sự mừng vẫn không thắng được đói, lũ trẻ cứ lè nhè đòi ăn, làm cho u nó cũng đến khổ. Rồi một tay bế đứa bé lên ba, và cho nó bú, một tay dắt đứa lên năm, vừa đi chị vừa dỗ: "Ra chợ, u sẽ mua bánh cho con ăn". Đứa nhớn lên bảy như đã biết ý u nó, và đã quen cảnh nghèo, nó chỉ nhăn nhó mà không nói ra lời.

Trong chợ, hàng quà bánh ngồi kéo dãy dài, những mẹt bánh dầy giò, bánh tây, bánh gai, bánh phỏng, bánh rán, cam quýt, làm cho lũ trẻ đói trông thấy thèm rỏ rãi. Chúng nó cứ nằng nặc đòi mua cho kỳ được.

Còn mẹ nó gặp được thím đĩ Cần, cũng một bạn nghèo, tha hồ mà than thở:

– Chị ạ khổ quá! Chị tính vốn liếng cả hai vợ chồng có một con lợn nhách với hai gánh gạo. Lợn thì bà chánh cựu vừa bắt hôm kia, trừ tiền mua chịu gạo nếp và 2 đ tiền vay làm việc làng hôm mồng một. Thầy nó mấy ngày rầy mải phục dịch ở đình, nay lại đi phù giá, có làm lụng gì được đâu. Tết đã tuyệt nhiên không một manh vải mới nào, giờ đình đám thế, dân gọi ra không có may cho thầy nó cái quần cái áo tử tế lành lặn thì phải quở. Có gánh gạo bán phiên chợ phủ vừa rồi chỉ đủ tiền vải, còn nhờ anh Ba anh ấy may dùm cho, đã có tiền đâu mà giả nợ đấy thôi. Nghĩ cùng cực này, xấu hổ lắm chị ạ! Kẻ ăn chẳng hết người lần không ra.

– Thì nhà tôi cũng vậy, chị Cần ngắt lời, hôm qua lại phải đem gửi cái nồi ba đằng bà chánh để lấy gạo ăn.

– Thế còn hơn nhà tôi đấy, hết gạo ngay từ chiều hôm qua, chưa biết vay đâu, mà thầy nó từ sáng đến giờ cũng chưa có hột tấm nào trong bụng, không biết khiêng kiệu làm sao được.

Rồi chị Hai rơm rớm nước mắt.

Tiếng chiêng trống vẫn rộn rịp hòa cùng nhau, cờ mở, kiệu xoay, đám rước từ từ đi, sầm uất, tưng bừng, thái bình nghi vệ. Trẻ vẫn reo ầm.

Thằng bé nhà chị Hai cứ níu lấy vạt áo mẹ nó mà khóc đòi về ăn cơm.

Chia buồn với chị Hai, riêng có chị Cần là tri kỷ.

In trong tập *Bút xuân Mậu Dần*, 1938.

TRỜI SINH VOI, TRỜI SINH CỎ
(Truyện ngắn)

NGUYỄN XUÂN HUY

Tôi xa làng từ năm mới lên tám đến nay đã ngoài mười năm trời. Những cảnh vật, nhân vật cho đến cả những bạn đánh khăng, thả diều của tôi thuở bé đến nay hầu như tôi không nhớ gì nữa. Thế mà duy có nụ cười yêu đời của đồ Bính là tôi không sao quên được. Nó còn như hiển hiện ở trước mắt tôi, những đêm trăng sáng mà ông đến nhà tôi trải chiếu ra sân ngồi, vừa uống nước chè vừa nói chuyện gẫu. Ông đồ Bính cứ mỗi khi rót được bát nước nóng ra thì hai tay ôm lấy nó một cách quý hóa nâng lên ánh trăng, vừa xem khói nước tỏa lên vừa thong thả nói một mình:

– Chà! Trời sinh voi thì trời sinh cỏ.

"Trời sinh voi trời sinh cỏ" là câu nói cửa miệng của ông và cũng là cái triết lý của đời ông. Ông nói luôn luôn câu ấy, mà ông cũng sống vì câu ấy. Không một lúc nào mà ông không cười toe toét.

Cha mẹ chết đi để lại cho ông chừng một sào vườn, mà bảy tám mụn con nheo nhóc. Ruộng cấy không đủ thuế, vườn cứ phải bán dần để ăn. Nhà thì hai cái, một cái nhà gỗ, một cái nhà tre. Trước còn bán cái nhà gỗ, sau bán cả nhà tre, chỉ còn lại cái bếp lụp xụp giữa ba thước vườn, thực là bằng cái "mùi soa" – nói theo người Pháp.

Ông thư Vang cũng hay sang uống nước ở nhà tôi, có khi thương hại, hỏi ông:

– Ba thước vườn với cái nhà bếp ấy rồi bảy đứa con trai thì chúng nó chui rúc vào đâu?

– Chà! Trời sinh voi thì trời sinh cỏ chứ!

Ông đồ Bính lại cười toe toét, uống cạn một hơi nước chè, rồi khoái trá ngồi phe phẩy cái quạt mo và nhìn trăng sáng.

*

*   *

Cho cả đến những ngày sưu thuế đến sau lưng, những ngày lo nhất của dân quê, người ta thì chạy ngược chạy xuôi, sợ xanh mặt mà ông thì vẫn bình tĩnh, vẫn cười như thường. Tôi còn nhớ năm tôi ra đi, sưu thế rất ngặt. Một hôm ông Vang bảo ông Bính:

– Này tôi bảo thực, thằng lý này thì nó kẹp thực chứ đừng tưởng bỡn!

– Tôi cũng biết rồi. Hôm nọ tôi đã trông thấy ông huyện đứng coi cho nó đánh một người xẻ hẳn một miếng thịt ra. Nhưng mà làm thế nào được? Đấy còn ba thước vườn đấy. Nó có mua thì tôi cũng bán cho nó! Mà không ai mua thì kẹp đánh hay bỏ tù nữa cũng phải chịu, chứ biết tính làm sao? Chà, có nước chè nóng đấy phải không? Cho tôi xin một bát.

Ngồi uống hết bát nước rồi, ông đồ Bính lại toe toét cười:

– Ấy thế, nhưng mà may ra còn có hy vọng. Tôi vẫn mong thằng Bính ngoài mỏ lắm.

Bính là thằng con lớn nhất nhà ông. Năm nó mười hai tuổi, gặp phải năm mất mùa vì bão lụt, nhà ông đồ Bính cũng như số đông dân ở vùng tôi, mỗi ngày chỉ được một nồi cháo cám. Một hôm Bính nấu xong nồi cháo đợi mẹ đi đắp đê chưa về, đói quá bèn nhắc ra ăn, rồi... ăn hết cả. Ăn xong, sợ phải đòn, Bính trốn biệt đi mà không về nữa. Bà đồ Bính khóc hết nước mắt cứ tưởng con đã chết đói ở cái quán bên đường nào mất rồi. Nhưng hai năm sau thì thấy con viết giấy về nói rằng đã có việc làm ở Uông Bí, làm phu mỏ, mỗi ngày được bảy tám xu. Cuối thư, lại hẹn rằng Tết năm ấy thì sẽ về chơi.

Tết năm ấy, bà đồ Bính cố dành dụm vay mượn gói những hai cái giò mỡ. Thấy ai vào bà cũng khoe: "Ấy để khi thằng Bính nó về thì nó ăn kẻo đi làm ở ngoài ấy "cá thịt" quen mà về nhà chơi lại phải ăn muối vừng với rau tội nghiệp!" Nhưng hai chiếc giò năm ấy rồi để mốc, bà Đồ chờ đợi hết tháng giêng vẫn chẳng thấy con về. Cho đến mãi cuối tháng ba mới lại nhận được lá giấy thứ hai của con nói rằng: "Độ ấy định về nhưng rồi bị "goòng" đè phải dập cả một ống chân, hiện giờ thì đang nằm ở nhà thương, đau đớn lắm, mà không biết sống chết thế nào..."

Thấy cái tình cảnh thế mà ông đồ Bính còn hy vọng vào con, ông thư Vang bèn chép miệng bảo:

– Khốn nạn! Thằng Bính làm phu mỏ thì nuôi thân cũng chẳng xong, còn làm gì có tiền thuế mà gửi về cho ông.

– Ấy không, độ này cháu làm loong toong nhà thương rồi ông ạ!

– Thế à!

– Phải, kể ra thì cũng lại là một cái may: độ ấy "goòng" nghiến rồi vào nằm nhà thương thì họ chữa cho khỏi. Rồi ý chừng họ thấy cu cậu cũng sạch sẽ, láu lỉnh, họ bèn cho làm chức loong toong, bây giờ nhờ trời cũng được sáu bảy đồng một tháng...

– Ơ thế thì phúc đức đấy.

– Phải, may ra cũng được nửa suất thuế, còn một nửa thì tôi sẽ bán thóc. Mùa vừa rồi, chân ruộng của tôi được vài trăm thóc, bán cũng được hai đồng.

Mẹ tôi nhìn ông thương hại:

– Bán hết thóc rồi ra ngoài thuế thì ăn bằng gì? Hai đứa con lớn thì nó đi ở được rồi. Nhưng còn những đứa bé thì chúng nó chết đói à? Lại còn thằng cu mới đẻ nữa?

Ông Đồ chỉ toe toét cười:

– Ấy, rồi liệu. Chà! Trời sinh voi trời sinh cỏ!

*

* *

Năm ấy tôi ra đi.

Cách mười mấy năm trời nay tôi mới về làng. Những cổng ngõ, những lối đi ngày xưa bẩn thỉu như thế nào nay vẫn y nguyên như thế. Những nhà tranh chen chúc lúp xúp lại càng lúp xúp chen chúc. Thằng Mô, thằng Thệ, bạn đánh khăng với tôi khi xưa, đã mỗi đứa một đàn con cả rồi, một đàn con cũng ỏng bụng toét mắt như chúng nó ngày xưa vậy!

Tôi về nhằm vụ thuế. Người ta vẫn nhớn nhác đi bán lúa, cầm đồ thờ lấy tiền nộp một cách nhẫn nhục. Đêm có trăng sáng, nhà tôi vẫn trải chiếu ra sân, rồi ông thư Vang, ông xã Khuýnh, ông trương Đức, vẫn đến quây chung quanh ấm nước chè nói chuyện về hai ba đám cưới vừa mới xảy ra tối hôm qua và cuộc tranh cử chánh tổng sắp tới. Thấy thiếu mặt ông đồ Bính, tôi hỏi mẹ tôi:

– Ông đồ Bính độ này vẫn cười toe toét đấy chứ, mẹ?

– Độ này tình cảnh nhà ông ấy thiểu não lắm con ạ.

Ông đồ Bính từ năm ấy, tôi ra đi rồi thì cũng khá lên, nghĩa là đã khỏi nheo nhóc đói khổ. Thằng Bính làm chức loong toong chu cấp cho gia đình mỗi tháng một đồng, nên bà Đồ và một đàn con dại tuy vẫn phải ăn ngô khoai trừ cơm nhưng đã được đủ một ngày hai bữa.

Nhưng có ai ngờ đâu bước sang năm nay, nhà ông Đồ lại gặp nhiều cái rấp thế. Bắt đầu, hai đứa con trai lớn, đã đi vào "rừng cao su" và sang bên Lào kiếm ăn được, thì dạo trong năm về ăn Tết sốt rét ngã nước rồi chết giữa ngày tiệc làng "ra ngõ" mồng bốn tháng giêng. Rồi đến đứa con gái lớn sắp đi lấy chồng cũng ốm bệnh báng mà chết. Còn lại một lũ lau nhau chỉ biết tranh nhau cơm, đánh nhau và khóc cả ngày. Tuy thế, thằng Bính vẫn gửi về cho ông mỗi tháng số tiền một đồng như trước. Và ông đồ Bính thì vẫn còn giữ được nụ cười toe toét vui sống.

Mẹ tôi ứa nước mắt, nói tiếp:

– Nhưng tội nghiệp ông ấy quá! Qua độ đầu tháng này thằng Bính cũng lại ốm hiện về nằm liệt giường tại nhà ông đấy. Không biết rồi đây ông ấy xoay sở ra sao?

Vừa lúc ấy thì ông đồ Bính lững thững đi vào, vẫn chiếc quạt mo cầm tay, phe phẩy. Mặt ông trông đã hốc hác ra.

– Chà! Hãy còn nước chè nóng, cho tôi một bát với.

Ông thư Vang vội lấy bát rót nước cho ông. Mẹ tôi hỏi:

– Thằng Bính có bớt không ông?

– Bớt gì bà, bệnh nó thì chết.

– Nhưng tôi vẫn thấy nó còn ăn được cơ mà...

– Còn ăn được. Ăn nhiều, mỗi bữa chín mười bát, khỏe hơn lực điền đấy. Nhưng bà tính lấy gì mà ăn?

– Còn ăn được thế thì vẫn còn có thể chữa được. Tôi tưởng ông nên cố thuốc men cho nó chứ chẳng lẽ nhẫn tâm ngồi mà nhìn nó chết à? Ông không thương con ông sao?

Ông Đồ ngồi lặng ngây ra một lúc. Lần đầu tiên tôi thấy trên nét mặt ông vẻ nghĩ ngợi buồn rầu. Một phút lâu rồi, ông phân giải bằng một giọng đầy nước mắt:

– Tôi đã nghĩ kỹ lắm rồi bà ạ. Cái tình cảnh gia đình tôi bây giờ thế này: bệnh thằng Bính là bệnh ho lao. Ít ra là năm sáu chục bạc thuốc thì mới khỏi mà dậy được. Thế mà cả nhà bây giờ chỉ còn ba thước vườn hoang với một cái nhà bếp. Giá tôi bán cho ông Bình Miệt bên hàng xóm thì ông ấy cũng mua và cũng được hai chục đồng. Nhưng hai chục đồng thì nó cũng vẫn chết.

Ông ngừng lại một giây, uống cạn ngụm nước rồi run run nghẹn ngào tiếp:

– Mà nó chết rồi thì những đứa em nó lấy gì mà nuôi? Cho nên tôi không dám bán, chứ bà tính con đẻ ra ai mà chẳng thương? Tôi thương nó lắm. Nó là đứa con khôn sõi nhất nhà tôi. Tôi vẫn nhớ rằng trong mười mấy năm nay nếu không có nó cứ tháng tháng lại gửi về cho một đồng thì tôi đã chết rồi! Ngày nay tôi ngồi mà nhìn con tôi chết, tôi đứt từng khúc ruột! Nhưng tôi biết làm thế nào được! Nếu tôi không chịu được thế thì rồi tôi sẽ phải ngồi mà nhìn cả đàn con tôi nheo nhóc chết theo nó nữa! Khổ lắm! Hai vợ chồng tôi năm nay đều cùng ngoài năm mươi tuổi đầu rồi! Tóc đã bạc trắng ra cả! Thật là khổ một đời!

Ông gục xuống như muốn giơ cái mái tóc chứng minh suốt cả một đời cơ khổ ấy ra cho mọi người xem rồi hai bàn tay ôm lấy bát nước nóng một cách quý hóa, ông nâng lên ánh trăng mà ngắm làn khói lờ mờ lặng lẽ bốc lên. Vẫn cái cử chỉ của ngày xưa, tôi thấy như ông lại sắp toe toét ra cười nữa và nhắc lại câu triết lý yêu đời của ông: "Trời sinh voi trời sinh cỏ".

Nhưng không, ông chỉ nhìn làn khói ra một cách thẫn thờ. Rồi đột nhiên, ông rời tay ra. Cái bát rơi xuống một tiếng nặng trịch, vỡ làm hai. Nước chè đổ loáng ra sân. Ông đồ Bính đưa hai tay lên, ôm lấy mặt hu hu khóc.

Sông Hương số 6 (5-10-1936).

CHIẾC ĐẦU SƯ TỬ

(Truyện ngắn)

NGUYỄN XUÂN HUY

Nghe ngoài phố vẳng có tiếng trống sư tử, Giới vừa vội vã chạy ra cửa vừa reo lên:

– A! Sư tử! Anh Hồng, anh Thực, chị Thẩm, chị Hiền ơi!

Hồng, Thực, Thẩm và Hiền đang loay hoay xếp hai con chó xanh, và một con kỳ lân vàng đỏ vào trong cái "động" bằng sắt tây, nghe thấy Giới gọi, thì vội vàng ồ chạy theo ra.

– A! Rước sư tử!

Đám rước rực rỡ những đèn, xanh đỏ những cờ, biển và tưng bừng inh ỏi những trống, những não bạt, những thanh la. Bầy trẻ con nai nịt và vẽ mặt nhọ nhem như những ông tướng tuồng, hớn hở, hăng hái, múa may diễu qua, chân nhịp theo những tiếng xôn xao, rầm rập...

– Đẹp quá đi mất, chị Hiền ạ!

Lần này là lần đầu Giới được xem đám rước sư tử ở Hà Nội, Giới vui sướng quá, vỗ tay và reo rộ lên...

Vú Hồng đứng bên, nhìn Giới vui thì cau mặt khó chịu, và chép miệng nói mỉa:

– Anh Giới hôm nay vui nhỉ! Chẳng bù với hôm nọ mợ mới dẫn đến đây ở nhờ!

Giới lẳng lặng cúi đầu, vú Hồng lại hỏi xỏ:

– Anh Giới này, cậu anh bây giờ ở đâu?

Giới vẫn lẳng lặng; nhưng Hiền thương hại, mắng con vú:

– Cậu Giới ở đâu thì việc gì đến vú đấy?

Giới xúc động, bỏ dở đám rước chạy vào trong nhà.

Giới lên ba tuổi thì ba Giới ly dị với mẹ Giới. Có những cuộc nhân duyên như thế: một khi khoái lạc đã thỏa rồi thì không còn

nghĩa gì nữa. Người ta ly dị với nhau như người bỏ cái áo rách, không có bợn một mảy may tình.

Mẹ Giới thì vì lòng kiêu căng mà cố đòi cho được nuôi Giới. Nhưng đòi được rồi thì cũng chẳng thiết gì con nên đem gửi Giới, hết nhà quen này đến nhà quen nọ. Ít khi mẹ Giới về thăm. Mà cha Giới thì từ khi khôn lớn lên, Giới chưa được thấy bao giờ...

Từ đầu niên học năm nay mẹ Giới đem Giới gửi ở nhà bà phán Tâm, – là mẹ của Hồng. Thực, Thẩm, Hiền, bà Phán, ông Phán thực lòng thương Giới, nếu không yêu. Hồng, Thực, Thẩm, Hiền – nhất là Hiền – đều là những trẻ ngoan, những bạn tốt của Giới. Chỉ có mấy con vú, thằng bếp trong nhà là hay trêu ghẹo Giới. Chúng như lấy sự mỉa mai được Giới làm một cái thích, một cuộc mua vui... Mới 11 tuổi đầu, lại là đứa trẻ hiền lành, Giới đứng trước những lời châm chọc ấy chỉ biết cúi đầu lặng thinh...

Đám rước sư tử vừa qua khỏi thì bà phán Tâm đi ra phố mua bánh trung thu đã về, Hồng – lên tám, là con bé nhất và được chiều chuộng nhất của bà Phán – vỗ tay reo lên:

– A! Mợ đã về! Chứ đầu sư tử của con đâu, mợ?

Bà Phán mắng yêu con:

– Đèn kéo quân, lại động, lại con giống mà còn chưa đủ ư? Lại còn phải đòi đầu sư tử nữa?

Hồng vòi mợ:

– Không, mợ cứ mua đầu sư tử cho con!

Thẩm và Hiền cũng nũng nịu:

– Phải đấy, mợ mua cho chúng con mỗi đứa một chiếc mợ ạ.

– Con gái mà cũng đòi mua sư tử! Hay hớm con mợ quá nhỉ?

Bà Phán nói đùa hai con gái rồi, cười khanh khách đi vào. Bốn đứa trẻ chạy theo, víu lấy áo mẹ, tiếng guốc nện lên nền gạch trong nhà một cách ngây thơ vui vẻ...

Giới đang đứng chỗ bàn "cỗ" nhìn cái đèn kéo quân chạy, thấy tiếng guốc bỗng quay lại. Bà Phán và bốn con đi qua chỗ Giới. Nhưng lơ đễnh bà không chú ý đến Giới: bà mải cúi nhìn cái đầu mới cạo nhẵn nhụi của Hồng, đi sát cạnh bà. Giới thấy thèm muốn được quấn quýt bên bà như Hồng, Thực, Thẩm, Hiền. Giới muốn chạy theo nhập bọn. Nhưng Giới không dám.

Giới chỉ đi theo cách xa xa, và nhìn theo một cách thèm thuồng, lặng lẽ.

Bà Phán và bốn con đi lên gác vào phòng ngủ riêng của bà. Giới cũng lên theo. Nhưng Giới không dám vào, Giới chỉ đứng ngoài, nép ở một chỗ bóng tối mà nhìn vào.

Trong phòng ngủ, ánh sáng ngọn đèn xanh dịu những ghế trải nệm, bàn, giường xếp bày một cách thân mật, ấm áp. Hồng vẫn quyện quanh mợ và vòi:

– Đi mợ, mợ cho con tiền mua một chiếc đầu sư tử.

Thẩm và Hiền cũng họa theo:

– Vâng, mợ mua cho chúng con mỗi đứa một cái.

Bà Phán mắng các con:

– Chúng mày chỉ được cái vòi thôi! Xem anh Thực kia kìa, anh ấy đứng đắn, anh ấy có đòi gì bao giờ đâu, mà cái gì mợ cũng mua cho cả!

Thực ngẩng lên, cười khanh khách:

– À, thế thì mợ mua cho con, mợ nhé!

Bà Phán gọi Hồng:

– Hồng lại gần đây mợ bảo, sao trán con toạc ra thế kia, con?

Thẩm mách:

– Thưa mợ, lúc nãy Hồng đuổi với nhau thằng Minh nhà ông Tham rồi ngã đấy ạ!

Hồng cũng mách lại:

– Thưa mợ, hôm qua chị Thẩm mất chiếc cặp tóc.

– Thế à? Thẩm! Lại đây mợ xem nào. Ừ, phải rồi. Thế mà cứ im đi, rồi để đầu bù rối lên như con mẹ dại ấy thôi!

Hiền lại gạ đến chuyện mua đầu sư tử:

– Thế thì mợ đừng mua đầu sư tử cho Thẩm nữa, mợ ạ!

Bà Phán cười:

– Mợ chả mua cho đứa nào cả!

Rồi bà đứng dậy, ra đầu giường mở ví và hỏi:

– Bao nhiêu chiếc cặp tóc, Thẩm nhỉ?

– Thưa mợ sáu xu ạ!

Hồng lém lỉnh cũng hỏi Thực:

– Bao nhiêu chiếc đầu sư tử, anh Thực nhỉ?

Bà Phán cười sung sướng ra ôm ghì lấy Hồng và hôn lấy hôn để lên hai má, rồi rút cho bốn con một đồng và âu yếm dặn:

– Đấy mợ cho cả bốn đứa đấy. Muốn mua đầu sư tử hay mua gì thì mua, nhưng đừng mua nhảm, mà phải về ngay, các con nhé!

Bà không nghĩ đến Giới. Không phải là bà không thương Giới: thường thì bà mua cho bốn con cái gì, cũng mua cho Giới và có một chút quà gì cũng chia đều cho cả năm đứa trẻ. Nhưng lần này, với lũ con vui vẻ quá, bà đã quên bẵng đi mất đứa cháu bơ vơ.

Bốn đứa trẻ được mợ cho tiền, reo vang và ồ chạy ra như một đàn chim sẻ.

Giới càng đứng nép vào trong bóng tối của xó tường, đàn trẻ con reo hò và ồ ạt ấy tự nhiên làm cho Giới sợ. Giới nhìn theo cho mãi đến khi chúng xuống khuất thang gác. Bá Phán trong buồng đóng sập cửa lại. Bóng tối hoàn toàn bao phủ đường hành lang. Giới ngồi lê xuống đất trông ra ngoài cửa sổ.

Da trời ngoài cửa sổ, bàng bạc, không có sao. Ánh trăng mờ nhạt, lạnh lùng. Những chiếc lá vàng rơi xào xạc xuống vườn. Từng cơn gió may đầu mùa thổi vào lành lạnh.

Giới nhẹ rùng mình lên một cái, và thấy lạnh lẽo cả lòng. Nhưng Giới không biết là lòng mình trống rỗng, lạnh lẽo. Giới chỉ thấy mình buồn buồn như muốn khóc. Bâng khuâng, Giới nghĩ đến những chuyện *Tấm Cám*, truyện *Lọ Lem* mà mỗi thứ bảy Giới được nghe thầy giáo đọc ở trường, những truyện trong ấy có những ông Bụt và những bà Tiên tốt bụng hiện lên để cứu những đứa trẻ con khổ sở.

– Không biết làm sao mợ hẹn đến rằm tháng tám thì lên mà mợ chưa lên? Rồi liên miên Giới nghĩ đến mợ Giới, đến khuôn mặt mợ Giới mà Giới thấy là rất dịu dàng, đến tiếng nói, tiếng nặng của mợ Giới, đến những phút mợ Giới ôm Giới vào lòng và hôn Giới như bà Phán hôn Hồng ban nãy.

– Mà mợ lại hẹn mua cho mình đầu sư tử nữa cơ đấy. Thế mà sao mãi mợ chưa lên?

Có tiếng gọi vang dưới nhà:

– Giới! Giới ơi, Giới!

Nghe tiếng gọi vui vẻ trong trẻo, Giới đã hết buồn ngay. Giới hớn hở chạy xuống. Hồng, Thực, Thẩm, Hiền đi ra phố đã về, Hồng tíu tít khoe:

– Giới này, đẹp không! Hồng và anh Thực mua một cái đầu sư tử và hai vuông vải đỏ để làm đuôi... Đẹp lắm cơ, Giới ạ!

Thẩm cũng khoe:

– Còn Thẩm và Hiền thì mua mỗi người một con búp bê. Đây này, Giới trông! Rồi Giới cho Thẩm cái hộp hôm nọ Giới làm travail maneul để Thẩm làm giường cho búp bê nhé! Nhé Giới nhé!

Hiền sực nghĩ đến Giới chưa có gì:

– À quên, chúng ta không mua gì cho Giới nhỉ?

Thực nói:

– Ừ quên đấy!

Hiền bảo Thực:

– Hay là anh Thực lên xin tiền mợ cho Giới với đi!

Thực nhìn lên gác và bảo Hiền:

– Nhưng cửa buồng mợ đóng mất rồi còn gì nữa! Mợ đã dặn hễ cửa buồng mợ đóng thì không đứa nào được gọi cả cơ mà!

Hiền an ủi Giới:

– Thôi thì Giới hãy chơi chung đầu sư tử với Hồng và anh Thực vậy nhé!

Nhưng chơi đầu sư tử chỉ cần có hai người. Hồng thì vừa múa vừa reo. Còn Thực thì vừa vẫy đuôi vừa đánh trống mồm inh ỏi.

Thẩm và Hiền chạy vào trong nhà tìm vải may áo cho búp bê. Đứng lặng thinh trong một xó tường, Giới nhìn hai anh chơi đùa một cách thèm muốn và buồn teo...

Có tiếng giày ông và bà Phán xuống gác. Thực ngừng đánh trống lại bảo em:

– Cậu mợ đi xem "ciné" Hồng ạ!

Hồng vội bỏ chiếc đầu sư tử ra, chạy lại với cậu mợ:

– Cậu, cho con đi với cậu nhé!

– Cậu có đi xem đâu con! Cậu mợ đi đằng bà Tham đây mà!

– Không cậu mợ cứ đi xem! Cậu mợ cho con đi với.

Ông Phán gắt!

– Vòi nào!

Hồng sợ, tiu nghỉu cái mặt. Bà Phán thương hại con:

– Hôm nay Hồng không ngoan tí nào cả. Mợ đã cho tiền mua sư tử thì ở nhà mà múa chứ! Chị Thẩm, chị Hiền đâu con?

– Các chị ấy vào trong nhà ạ!

– Giới đâu con?

Giới đang ngồi mân mê và ngắm nghía cái đầu sư tử mà Hồng vứt bỏ đấy, một cách ham mê. Mặt Giới buồn thiu... Bà Phán chợt trông thấy Giới, thương hại bảo:

– Giới ở nhà chơi với các anh nhé! Sao con buồn thế con!

Giới ngước mắt lên khẽ nhìn bà Phán, nhưng Hồng không được đi xem, đã lại với lấy đầu sư tử và bảo Thực:

– Nào anh Thực, múa nữa!

Hồng lại reo, Thực lại đánh trống inh ỏi, bà Phán và ông Phán ngoảnh lại nhìn thấy con đùa nghịch vùi vẻ thì sung sướng mỉm cười.

Thấy Giới đứng ở trong một xó, mặt buồn thiu – vì Hồng và Thực lại ra chơi sư tử thì Giới lại phải ra góc tường đứng nhìn – bà Phán hỏi khẽ ông Phán bằng một giọng thương hại:

– Sao cái thằng Giới trông mặt nó buồn quá nhỉ?

Ông Phán gật đầu:

– Ừ, thằng ấy lúc nào cũng buồn thế! Cái tướng ấy là tướng về sau vất vả khổ sở!...

In trong *Thềm nhà cũ* (tập truyện ngắn),
Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1941.

NỢ VĂN

(Phóng sự)

LÃNG TỬ

I

LỜI NÓI ĐẦU

Khuya hôm ấy, đi uống cà phê về, tôi vô tình đã ngồi giữa một ngã tư đường. Sực tỉnh, tôi liền tưởng đến cái ngã tư của đường đời mà hiện nay tôi đương đứng. Cô gái giang hồ những khi chạnh xót đến thân thế của chính mình, thường sùi sụt khóc. Tôi đây cũng vậy. Nhưng ngẫm nghĩ ra thấy mạng mình lại còn bạc hơn cả của cô gái làng chơi.

Nàng hằng đêm gặp khách còn có thể ngậm ngùi kể lể cảnh sa chân ngã bước của mình và trong đám người đi kiếm "mùi" cũng thường có kẻ vì nàng mà thương vay xót mướn. Tôi đây, không được thế. Và chỉ đành mang nặng trong cõi lòng cái nỗi uất ức của muôn ngàn kiếp mà hôm nay vì được tràn trề quá, nên xin mạn phép cùng độc giả cho kể lể ra đây.

Một hôm, nằm bên khay đèn với một ả làng chơi, tôi đã ngậm ngùi nói với "nàng" rằng đời một người viết báo không khác gì đời một cô gái đĩ. Nàng không tin, vì nàng làm sao có đủ tâm hồn để tin lời nói ấy?

Tuy nhiên nàng cũng cảm động lúc nghe tôi ngâm mấy câu giai tác:

Em là khách giang hồ,
Anh là người văn chương.
Gặp nhau âu cũng nợ,
Nghìn kiếp trước vấn vương.
Em có sắc nghiêng nước,
Anh trót sinh có tài.
Em liều vì thân thế;

Anh lụy bởi trần ai.
Đem xác em bán vui,
Để được sống như người.
Trao hồn anh đổi lấy,
Một sinh kiếp pha phôi.
Gặp nhau một đêm thâu,
Gió quyện án hương sầu.
Hai đời, hai cảnh khổ,
Họa bằng những giọt châu...

Cái nghề văn chương báo chí là một nghề bạc bẽo nhất đời mà những phút vinh quang và rạng rỡ thoáng qua không an ủi nổi một đời đau buồn khổ nhục.

Hôm nay phơi cảnh khổ của anh em cùng nghề ra đây, ý chẳng phải là để vạch cái khổ nhục của anh em cho đời cùng biết. Và ý định của tôi là cốt để khóc cái nợ văn, cái nợ mà các anh cũng như tôi, chúng ta đều đã phải đem đời ra mà trả.

Và chú ý của thiên điều tra này cũng không phải cốt để kêu xin lòng tốt của cái đám chủ nhân nào cả. Có kêu xin chăng là kêu xin sự chú ý của người độc giả bốn phương. Vì ít ra thiếu điều tra này cũng có thể cho các bạn thấy sự tận tụy của con nhà văn chúng tôi đối với nghề, và ít ra nó cũng có thể cảm động được các bạn, dầu chỉ trong giây phút.

II

ĐÔI GIÀY LỦNG

Đôi giày ấy, người ta không biết nó màu gì mà nói. Một họa sĩ đứng trước nó có thể lúng túng nếu ai cắc cớ hỏi đến. Vì nó đen không ra đen, trắng không ra trắng mà chỉ chập chững giữa hai màu, như vẻ hoàng hôn chập chững bên lề của ngày sắp tàn và đêm sắp đến. Nhưng trông kỹ thì nó vốn màu da mảng trắng mà vị chủ nhân nó bỏ luống không hề săn sóc đến, thành thử nó loang lổ lem luốc như mặt của một người thợ máy ở xưởng mới ra.

Nó được bao nhiêu tuổi rồi?

Một nhà khảo cổ chưa hẳn đã tìm ra được ngay câu trả lời ổn thỏa. Thôi thì ta hãy nghe chủ nhân của nó "tâm sự" với một người bạn:

– Đóng đằng tiệm Thắng Mỹ từ năm kia đấy. Đế tốt ghê! Chỉ một mình nó mà "bốn trời sương nắng gội" lâu nay. Đương chờ "kinh tế chấn hưng" để có thể cho nó nghỉ "xẹt vít" ít lúc!

Đôi giày ấy nếu biết cảm giác thì có thể thắt ruột lại lúc nghe chủ nó chấm câu bằng một tiếng cười vang thê thảm.

Chủ nó?

Là một nhà viết báo nghèo nàn, già trước tuổi vì đã quá lao lực với nghề. Không nhà ở và chưa hề sắm nổi một cái gối bông. Xin nói ngay đó là T.T. mà hẳn các bạn độc giả đã từng biết tài viết văn và chí hoạt động.

Người thanh niên ấy không biết mang nặng cái nợ văn chương từ đời thuở nào mà cảm tiếng gọi nó mãnh liệt đến thế.

Vốn con nhà "mực tàu giấy bản", chàng ta một buổi sáng sớm kia bỏ một địa vị đương chờ đợi, xách va ly ra đi, để gieo bao nhiêu tiếc hận vào gia đình. Ông thân sinh chàng là người nệ cổ nên cho cái sự có đứa con đi rẽ vào ngả đường giang hồ là một điều bất hạnh lớn lao.

Chàng biết cả, nhưng lý tưởng chàng, chàng không bỏ. Thành ra trong những tháng đầu, lạ nước lạ non ở Sài Gòn, chàng phải nếm đủ mùi lao khổ. Tuy vậy, lòng tự ái của chàng vẫn không cho phép chàng nản chí sờn lòng. Đức nhẫn nại và sự cố công dìu dắt chàng lần bước vào nghề, cái nghề bạc bẽo mà chàng thích, chàng ham.

Thế rồi ở trong tăm tối hôm qua, hôm nay chàng đã trở nên một tên tuổi. Tuy nhiên, cái vinh dự ấy chỉ là một nước sơn bóng bẩy bề ngoài chớ thiệt tình bên trong, cuộc đời vẫn là cuộc đời của người viết báo thuê. Đã thế, tình thế báo giới hồi ấy lại thỉnh thoảng còn phá việc làm và chén cơm của chàng. Một phen báo đóng cửa là một phen chàng bị đời đưa chân đá tống ra ngoài đại lộ.

Sự bán công rẻ mạt không cho phép chàng lập nổi gia đình. Vả lại, thiệt ra chàng cũng chưa bao giờ nghĩ đến chuyện lấy vợ. Chàng thường bảo:

– Đời mình, mình hy sinh vì nghề nghiệp được. Chứ mình đâu nỡ bắt một người khác phải khổ nhục theo mình!

Bởi thế cái nghèo từ ấy cứ lẽo đẽo theo chàng và như nó bám chặt vào cái thân thể gầy gò ốm yếu của chàng.

Chàng thiếu thốn về vật chất cũng như về tinh thần, ta có thể nói những mùa xuân rực rỡ chưa hề thoáng đến trong đời chàng lần nào cả.

Đôi khi, một nhan sắc lướt qua trong chuỗi ngày ảm đạm cũng đem lại cho lòng chàng một chút rung động. Nhưng chỉ có thế thôi. Mặt hồ lặng lẽ cau mày vì ngọn gió rồi cũng trở lại bằng phẳng một cách lạnh lùng.

Rồi cứ thế, cặm cụi viết mãi, chàng quên đi rằng những ngày, những tháng, những mùa thu cứ qua. Và thanh xuân chàng cũng vậy. Thế rồi chàng trở nên khó tính và học sống trong cô độc lạnh lùng. Nghề của chàng bắt buộc chàng phải đi vào mãi trong đám đông, nhưng càng trà trộn vào đám đông để cố tìm cái ấm áp cho lòng, chàng chỉ thất vọng thấy mình càng hiu quạnh.

III

CON THUYỀN MẶT NƯỚC

Những ai đã có dịp đi vào trong tòa soạn báo Đ.T. hẳn cũng phải để ý đến một anh chàng lạnh lùng.

Anh chàng ấy, luôn luôn tóc dài gần phủ xuống vai, mình gầy, má hóp, y phục quanh năm xuềnh xoàng, dơ dáy. Đôi mắt của anh lờ đờ trong cái khuôn mặt úa vàng, thỉnh thoảng lại đăm đăm nhìn lên mà chẳng hề trông thấy một ai hay một cái gì để lại nhìn xuống dưới đống giấy tờ ngổn ngang không trật tự.

Rồi anh ta lại cặm cụi viết, tay rờ lên mái tóc quá dài, và hai môi thường cứ mím lại.

Hẳn cũng có bạn muốn biết cái anh chàng ấy là ai mà xen vô ngồi trong tòa soạn ấy, để in một nét lỗi nhịp lên một bức tranh?

Thưa, đó là một viên bỉnh bút đã từng có danh, mà nay vì quá lấy thân trả nợ cho văn nên mới ra thân thể ấy.

Bây giờ trong tòa soạn ấy cũng như ở ngoài đời, chàng chỉ còn là một cái bóng. Mỗi ngày, chàng đến không bắt tay ai cả vì nhận biết rằng anh em đồng sự khinh rẻ mình, chàng cặm cụi làm việc cho đến xong thì lặng lẽ ra về. Chàng tới không ai biết. Chàng đi cũng chẳng ai hay.

Ấy là anh Th.K.

Vâng, vì anh chàng Th.K. một người bị quên bỏ. Gia đình chàng ở xa ý chừng cũng như quên chàng mà không ngờ rằng chàng hiện đương còn sống vất vả ở Sài Gòn; làng văn vì chàng im tiếng cũng quên phứt cái danh hiệu của chàng; anh em ở tòa soạn cũng quên lửng không biết rằng bên mình có một linh hồn đương âm thầm khổ não và cho đến cả đời, e đời cũng quên mà không biết rằng có một người tên gọi là Th.K. nữa. Chỉ có cô gái ông chủ, mỗi lần đến cuối tháng hay mồng 10 tây bắt buộc phải nhớ đến chàng trong sổ lương tòa soạn.

Thế thôi.

...

Còn nhớ cách đây 6 năm, hồi anh còn giúp *Trung lập* và nhân đi chơi hội chợ phụ nữ về, vì nhớ đến cô Trúc Mai ở gian hàng bán quạt mà anh thoáng viết nên một bài thơ.

Bài thơ ấy tôi còn nhớ đây:

Ngồi sửa hết trơn bài,
Bỗng dưng nhớ Trúc Mai.
Mông tròn như đít ảng,
Vú nổi tựa lao chai
Chuyện nhảm vài câu ngắn,
Tình si một khúc dài!
Tương tư lò lửa cháy,
Ai quạt ấy chăng ai?

Ai ngờ tác giả của bài thơ xinh đẹp ấy bây giờ lại như một cụ già, ít nói, không hề cười và không bao giờ vui nữa...

...

Th.K. bây giờ làm bỉnh bút cho báo Đ.T, chuyên dịch tin Tàu và tuy mỗi ngày tin tức chiến tranh Hoa Nhựt của anh gần choán hết năm sáu cột báo dài nhằng, cả năm nay chính nhờ mục ấy mà báo bán chạy gấp năm gấp bảy, thế mà ông chủ báo chỉ trả cho anh mỗi tháng đâu có 35 đồng bạc, ông còn cho là nhiều.

...

Với đồng lương "chết đói" ấy, anh bạn "nợ văn" đau đớn của chúng tôi phải nuôi một vợ với hai con thơ. Tội nghiệp! Anh với vợ anh, ngoài cơm trắng ra, mỗi ngày còn phải dùng đến cơm đen nữa.

Bởi vậy anh không hề mướn nổi một căn nhà. Trước kia anh núp nắng núp mưa trong một căn phố ở ngõ hẻm người ta bỏ không. Cả giang sơn chỉ có một manh chiếu rách với một cái lon sữa bò để uống nước. Lâu nay anh đánh bạo mướn một chiếc thuyền con, đậu ở phía cầu quay đành sống cái đời bồng bềnh trên mặt nước.

Tôi là người được cái hân hạnh anh đưa xuống chơi dưới "nhà nổi". Ví như con vật bị thương anh muốn ẩn dật, không muốn cho ai thấy rõ bước sa cơ trụy lạc của mình.

Cầm bàn tay lạnh ngắt của anh, tôi xiết bao ngậm ngùi và tôi liền tưởng ngay đến cuộc đời của anh, cũng lạnh lẽo như bàn tay ấy.

Chiếc ghe anh mướn một tháng sáu đồng bạc kể cả tiền nước. Một gia đình bốn mạng sống chật hẹp kham khổ ở trong ấy và hai đứa nhỏ thỉnh thoảng cứ rớt xuống sông luôn.

Cả hai vợ chồng đều vì buồn thân thế nên ghiền. Từ cái ngày làm ăn còn khá giả nhiều ít đã ghiền nên bây giờ cơ cực đến đỗi chỉ dùng có nhựa. Một hôm khác, đương lúc tôi ngồi trong một tiệm nước thì một người đàn bà đi qua. Người đó lui gót hỏi tôi có mua mấy cuốn sách chữ Hán mà nàng đương cầm trên tay không.

Nhìn kỹ thì chính là chị Th.K. chớ không ai khác. Trong lưng không tiền, nên tôi đành từ chối. Tôi ngậm ngùi muốn khóc trông theo người đàn bà đáng thương ấy, và tưởng đến người bạn đương nằm chèo queo đợi dưới lòng thuyền...

...

IV

MỘ CHIẾN SĨ

Có ai ngờ rằng con người tài hoa ấy bây giờ lại phải nằm chèo queo trong một tiệm hút ở Sài Gòn, chịu cúi đầu hàng phục số phận một cách ngoan ngoãn và thảm thương như thế?

Thiệt không ai ngờ rằng cuộc đời lại có những cái mờ lạt khốn khổ và đau đớn đến nông nỗi. Nhưng đã trót sinh làm kiếp văn nhân! Con ve sầu kêu suốt mùa hạ còn có thể chết khô trên một cành thông, thì anh văn sĩ khét tiếng trong những trận đấu bút so văn cũng có thể,

một hôm tối tăm, nằm nhờ vất vả trong tiệm công yên vì không có nhà, để đợi chờ một ngày phục hưng... không bao giờ đến.

T. Đ.B. đã từng biết những ngày vinh quang của nghề nghiệp và một độ trong làng báo Bắc Hà, ông ta đã từng được cái hân hạnh liệt vào trong số "ngũ hổ" mà cầm đầu là những bạn Phùng Bảo Thạch, Hoàng Tích Chu... Vác chiếc *"gậy gộc"*, ông đã hằng múa nó trước đô thành báo giới như múa gậy vườn hoang. Và người ta đã tưởng rằng cũng như cái tựa của tờ báo ông chủ trương *(Nhật tân)*, cuộc đời ông cũng như câu châm ngôn của vua Thang mà "ngày mới, ngày mới, lại ngày mới".

Hay ý giả muốn như vậy mà ông vác gậy gộc vào Nam cũng không biết. Dầu sao người ta cũng tin rằng ông B., từ giã Bắc Kỳ chẳng phải vì muốn quên một công cuộc rắc rối về tình duyên, mà vì muốn vào trong này để gây dựng một sự nghiệp biết đâu chẳng là hiển hách.

Thoạt tiên ông vào giúp ở tòa soạn báo *Đuốc* mấy ngày. Rồi đến tờ *Dân quyền* một tháng. Cuối cùng đến tờ báo ở đường Catinat. Sự ôm bút bước liên tiếp từ tòa soạn này sang tòa soạn khác làm cho ông B. hiểu rằng ông đã lầm mảnh đất. Lối văn cũng như ý kiến đối lập của ông, chẳng làm cho độc giả vừa ý...

...

Từ đó những ngày gió bụi bắt đầu.

Không việc, không nhà, ở giữa Sài Gòn, thì bạn đọc cũng hiểu được nỗi khổ nhục của văn sĩ nó đến cái điểm nào rồi. Sau cùng vì tứ cố vô thân, ông ta phải vào ở trong một tiệm hút.

Tôi quên nói từ trước rằng ông ta nghiện nặng. Thành ra mỗi ngày chạy cho hai bữa ăn khỏi thiếu chẳng phải là chuyện dễ dàng. Nhưng đời dầu muốn tàn bạo đối với khách tài hoa, cũng không thể giết người ta đi được ngay liền. Rốt cuộc nhà văn ta vẫn sống, tuy có vất vả cơ hàn một chút.

Anh em hiểu thấu cảnh ngộ của người bạn xấu số ấy, đều tỏ lòng thương xót, mà chẳng hề có ý khinh miệt. Và mỗi khi gặp người bạn ấy nguy biến đều kiếm cách đỡ đần. Bây giờ nằm gác chân chữ ngũ trong tiệm công yên, nhà văn của chúng ta vô ý đã bắt chước Khương Thượng đợi thời. Chỉ khác là đằng kia "Vị thủy điếu ngư" thì đằng

này "Công yên cao ngọa". Ông ta lấy nó làm nơi ăn ở và tiếp rước anh em mỗi lần có ai nhớ ông mà đến viếng.

Giữa kẻ viết bài này và ông B. vẫn có một tình cảm nồng mặn, nên nếu bài này có vô ý lọt dưới mắt ông thì ông cũng sẽ hiểu thấu tấm lòng của kẻ tri kỷ, đồng bịnh tương liên, chớ không vội cho rằng tôi có ý phơi lưng vạch áo.

Đã cùng làng, cùng cảnh ngộ tôi há lại chẳng hiểu rằng bạn phải khốn đốn là chỉ vì phụng sự nghề viết báo làm văn?

Tôi tuy là thanh niên nhưng vẫn được ông coi là bạn, nên tôi thường tới lui thăm viếng tại chỗ nằm nghỉ của ông. Và nhân thế cũng được đôi lần ông kể cho nghe tâm sự.

Ba bốn năm qua, T.Đ.B vẫn không rời chỗ ở và cũng vẫn cứ nằm. Người ta lấy làm lạ sao ông lại có thể nhịn nhục mãi với những ngày rỗng không vô vị.

Nhưng các bạn ơi! Khi người ta đã thất chí! Bây giờ T.Đ.B chỉ biết có á phiện và cũng chỉ có á phiện mới có thể làm cho ông lãng quên những thất bại của đời mình. Đừng nói rằng con người ấy đã ngao ngán mà không nhớ đến nghề!

Không. Ông bạn vẫn thương nhớ và khao khát được phụng sự lại nghề. Ông vẫn hằng để ý đếm từng bước đi của nghề và của những anh em trong làng văn làng báo. Con người đương còn nuôi hy vọng của lãng tử, một ngày kia sẽ trở về với làng với xóm. Đó là một điều mà những anh em quen biết vẫn mãi ước mong.

V

TANG THƯƠNG

Đêm ấy ngoài trời, gió rít từng hồi và mưa thì cứ tuôn không ngớt hột. Thiên nhiên đương nổi cơn thịnh nộ ghê gớm. Người ta tin rằng hẳn có bão táp đâu đây.

Trong tiệm công yên đường A.L. dân làng bẹp chập chờn trong mê ly của tâm tư và khoái trá của thể phách, lấy làm vui thích vì cảnh ẩm ướt của bên ngoài. Vì theo *điệu* của bạn ghiền thì buổi trời mưa, hút thấy ngon thập bội. Cảnh ấm cúng của đèn điếu làm cho cái xã hội

trụy lạc ấy quên đi một lúc cái phù trầm của thân thế. Tiếng ro ro đều đều hòa khúc nhạc sầu cùng tiếng giọt nước khóc ngoài hiên.

Đêm đã chầy. Đèn điện trong tiệm đã tắt. Tên phổ ky đã gài chặt hai cánh cửa. Người ta đương sống ở một thế giới biệt lập, xa hẳn với thực tế, phiêu phất trên đôi cánh cửa. Nàng tiên đen, ánh sáng vàng mờ của những ngọn đèn dầu phộng cắt rõ từng bóng đen, đưa lên hoạt động trên vách quét vôi. Giọng rì rầm của người ta chuyện văn nghe mơ hồ không rõ rệt.

Bỗng có tiếng đập cửa gấp rút và dữ dội... Một đôi xác chết đã trỗi dậy. Ai nấy nín lặng, để tai nghe ngóng. Có tiếng run rẩy ở bên ngoài:

– Mở cửa giùm cho ngộ với A Hoôn! *Ngộ* đây mà "*phàn dậu*".

Khi ấy, cả tiệm mới nhẹ nhõm, vì từ thằng phổ ky cho đến những thân chủ quen biết ai cũng đã nhận ra được tiếng của ai rồi.

Thằng Hoôn lệt đệt lê đôi guốc đi ra, càu nhàu, rủa nho nhỏ:

– *Tíu nà ma*, cái lầy trời mưa mà tế bây giờ mới về!

Cửa mở... Một người ướt át đi vào, đem theo vừa gió lạnh, vừa bao nhiêu cái rét mướt, khổ sở của cuộc đời bên ngoài. Thiên hạ có người thương vay, có người bất bình vì sự phá tan cái yên tịnh của họ.

Thằng phổ ky như thường lệ, đốt đèn ở cái chỗ để dành sẵn với hai ngao thuốc. Người thanh niên "*dài như một ngày không cơm*" vội vã tuột đôi giày ướt, leo lên ván, và mắc áo nón lên mắc xong, ngả mình xuống khay đèn, chụp lấy cây tiêm với cái cử chỉ hấp tấp như sợ cả những vật liệu dùng vào công cuộc tự sát... chạy trốn đi vậy!

Rồi anh ta run rẩy vừa tiêm thuốc vừa nói một mình:

– Trời tháng này, còn mưa gió cái gì không biết. Đã vậy tối nay còn phải chờ kết quả cuộc xổ số. Đ.M... thiệt là khốn nạn, cái đời làm nhật báo! Phải bỏ ra một cắc đi một cuốc xe thiệt là oan uổng quá!

Anh ta nguyền rủa tất cả, ví như mọi sự đều hè nhau để hại anh. Rồi loay hoay thế nào, một chút thuốc rơi ra, làm cho anh ngẩng dậy, đôi mắt sáng quắc lên, đoạn tìm nó được, và không ai có thể ngờ, anh chấm nơi tay, bỏ vào... miệng nhấp một cách ngon lành không thể tả.

Đó là một nhà viết báo ở ngoài lề của cuộc đời vì không còn ai biết đến nữa. Sau bao năm lăn lộn trong nghề "bạc", anh chẳng kiếm ra được một thỏa nguyện nào cả, ngoài cái thói ghiền... á phiện. Anh

N.T – vì chính là N.T – bây giờ là một hiện thân của một cảnh đời chật vật và thiếu thốn nếu chẳng là tang thương.

Trải qua những tờ *Trung lập, Công luận, Điện tín*, bây giờ anh trở lại làm ở báo Sài Gòn, tờ báo của người mà trước kia cũng như anh chỉ là một tay viết báo mướn. Anh đành thủ phận trở lại giúp việc cho một người đồng sự một nơi với anh lúc trước. Vì cuộc đời khi nào cũng chỉ là cuộc đời.

Anh ăn cơm ở tòa báo, ngủ tiệm công yên và ngoài ra hút, bây giờ dường như anh chẳng còn thiết đến một sự vật gì.

Thời giờ anh dùng trong một ngày, đâu đó đều có ngăn nắp cả. Thường hay để ý đến cử động của anh, tôi nhận thấy rằng hễ đúng mấy giờ là đã có anh lang thang trên đường đưa đến tiệm hút.

Tôi khỏi nói rằng anh khổ sở, vì với một số lương hai mươi lăm đồng bạc, anh đâu có đủ để cung phụng cho xác thịt mình đói khát đến cả hai thứ cơm, trắng và đen? Anh năm nay mới ngoài ba mươi tuổi nhưng bao vết tang thương đã in lên gương mặt úa tàn, cằn cỗi. Cái mảnh sống vất vưởng ấy đã già trước tuổi: người ta có thể nói anh hơn bốn mươi tuổi. Đó là một bộ xương, cao khấp khểnh và hễ đi thì thất thểu như chim tha mồi. Cái nghèo đã nhẫn tâm lóc anh từng thớ thịt để bây giờ anh chỉ còn một thân thể quá tiều tụy mà những kẻ thân yêu của anh ở xa, nếu gặp sẽ không nhìn ra được.

Đã lâu lắm, anh không hề biết đến cái thú của gia đình. Vợ con anh, anh đều cho về quê và từ đó anh yên tâm vào ở một công yên, làm người thân chủ trung thành và "đóng đô" luôn tại chỗ.

Những hình ảnh yêu đương, anh xem như đã có phủ lên làn bụi trắng. Anh không muốn biết đến một cái gì ngoài tiền, sở nơi anh làm và ả phù dung, ba cái cứu cánh nhau để tạo nên cái lẽ nó bắt anh còn kéo dài cái cuộc đời đen tối.

Cõi lòng của người bạn ấy đã tàn lạnh. Hết cả tin tưởng, hoài vọng của buổi thiếu thời. Còn đâu những ngày tươi đẹp của buổi thanh xuân, những mùa thu trong sáng của tuổi trẻ đầy máu nóng? Dĩ vãng xa xôi chỉ gợi thêm sầu thảm...

Vì N.T. ngày trai tráng đã từng bơi thuyền trên sông Hương với một ca kỹ và đã phung phí ở đó cả một sự nghiệp của ông cha. Sau lại mê nghề làm báo, anh ta đâm ra khinh rẻ cái tầm thường, cái mà

nếu anh ham thích thì cuộc đời anh ngày nay đã không xây dựng trên làn khói nặng.

Đến nay bao nhiêu nước đã chảy qua dưới cầu mà đời anh thì cứ càng ngày càng đắm chìm xuống, nhưng anh không đau buồn, không hối hận. Anh đón lấy cái khốn khổ với sự thản nhiên của một người hiểu tình cảnh đã dành sẵn cho mình.

Anh em vẫn luôn luôn thấy anh mặc cái áo ấy, cái quần ấy, thắt cái cà vạt ấy, và đội cái nón "phở" ấy, nên tin rằng có lẽ anh chỉ có bấy nhiêu đồ đó. Tóc anh ba bốn tháng mới có "dịp" được hớt một lần và mỗi lần hớt đi thì cái gương mặt tang thương ấy lại "sáng sủa" lên được mấy tuổi.

Một lần, sau khi bị báo Đ.T. cho thôi việc, N.T. không biết có phải vì chán nản nghề không, bỗng nẩy ra cái ý đi về cố hương. Anh em kẻ nhiều người ít, đậu tiền đưa người bạn ấy lên xe và đã vội mừng thầm cho anh ta có cái can đảm rứt bỏ được cái nghề đơn bạc, cái nghề mà mọi người ở lại đều biết chẳng nuôi sống được mình, nhưng mà không thể có gan lìa nó.

Thế nhưng chẳng được bao lâu, anh lại te tái trở vào. Người ta hỏi anh vì sao thì anh trả lời một cách lý thú rằng: hãy thử thôi làm nghề nhựt trình và về quê đi rồi sẽ biết!

Tôi không khỏi nghĩ đến những người bị tình phụ mà cứ vẫn đeo đẳng theo để thờ phụng một yêu đương không ngoảnh lại.

Người tình đây là cái nghề làm báo và kẻ bị tình phụ ấy tức là Nguyễn Quân.

VI

CON VOI GIÀ

Những người đọc báo Đ.T. đã đành rồi, nhưng còn những kẻ biên tập, trị sự, giám đốc, nói tóm lại là bao nhiêu người mà hiện bây giờ đương coi tờ báo ấy là một nguồn sống, có một ai còn nhớ đến người đã khai sinh ra nó hay không?

Quyết là không. Vì những người muốn nhớ thì không biết mà những người biết thì chẳng muốn nhớ làm gì. Ai hơi đâu ngồi trước ly

Whisky mà hoài tưởng đến cái bước xa xôi với những bạn tác mà bây giờ đã sa cơ vùi lấp!

Người đã khai sinh ra tờ Đ.T. không ai khác hơn là ông Lê. H.M. và cũng chính ông là người bạn sa cơ đã bị nghề và đời quên bỏ. Bạn đọc hãy cùng tôi đi ngược lại dĩ vãng để phiếm du qua xứ thời gian. Rồi cùng thấy một buổi mai ấy ông H.C, sau khi được lệnh của ông De L, xách xe đi kiếm ông Lê H.M, để phó thác tòa soạn của tờ báo nói trên. Và biết rằng nếu Lê Quân, như người ta mà chịu theo thời một chút thì hẳn bây giờ cũng đương còn nắm bút quyền cái cơ quan đó và đâu phải đến tay anh Bùi T.M. hôm nay đảm đương nhật ký mỗi ngày!

Nhưng vì không chịu được đồng lương ít ỏi, Lê Quân mới từ chức với cả giá trị của một nhà cầm bút biết tự trọng và biết yêu nghề. Từ ấy, gió bụi bắt đầu và cái khổ cứ kiên tâm theo người từng bước một.

Có ai thấy con người thấp hình nhưng cao tuổi vừa đi ngang đấy không? Đó là ông Lê H.M, biết hiệu là M.H L, mà nếu bây giờ còn nắm cán bút ngồi ở một tòa soạn nào thì cũng có thể rung đùi ngâm như người xưa:

Lão tướng công thành vạn cốt khô.

Vì đó là một nhà viết báo kỳ cựu, trong gần ba mươi năm nay bằng mục kích những cái vinh và nhục của nghề và bao nhiêu chế độ đổi thay, thay đổi.

Buổi ấy, Lê Quân là người có "tài sắc" nên tiếng tăm nổi dậy như cồn. Lời văn cũng như lý luận đã lôi cuốn, hấp dẫn, chinh phục tất cả xứ Nam Kỳ và cả cái thế hệ thanh niên hồi đó. Các ông Trương Duy Toản, Nguyễn Chánh Sắt, Trần Văn Chiêm, Nguyễn Hào Vĩnh, đều chưa có thể liệt ngang với Lê Quân được. Bởi rằng cái tài bút chiến của ông làm khuất phục cả các bạn cùng nghề thuở nọ.

Những ai đọc *Nông cổ mín đàm, Lục tỉnh tân văn* mà chẳng biết đến danh hiệu ông. Nói rằng khét tiếng một độ rất lâu trong báo giới xứ này thì cái danh dự ấy chỉ là riêng ông có. Bây giờ quen thuộc với cái táo bạo của tư tưởng Âu Mỹ, ta còn phải ngạc nhiên với lời văn khiêu dâm của Trương Tửu, Vũ Trọng Phụng, Trọng Lang, chớ có biết đâu hồi đó, lúc ảnh hưởng của Tống Nho đương còn khắc nghiệt vô cùng mà Lê Quân cũng đã dám có những ý nghĩ táo tợn và dạn dĩ mà viết ra *Hà Hương phong nguyệt.*

Sách, truyện hồi đó ông viết ra thiệt nhiều và đều bán chạy như tôm tươi giữa chợ buổi sớm. Ông nổi danh quá lắm, làm cho ông Nguyễn Văn C. trong một lúc vui sướng vì đã có một người giúp việc quý giá đã hứa với ông rằng sẽ giữ ông lại trong tờ báo trọn đời. Bởi vậy, ngoài việc coi sóc tờ báo *Lục tỉnh,* Lê Quân còn trông nom đến cả việc trong đời tư của chủ nhân. Những sự tận tâm ấy vẫn không cấm người "chủ bạn" (direc teur ami) của ông, một hôm kia sa thải ông một cách không tình không nghĩa.

Sự ấy chạm vào tin tưởng ở tình cố giao của ông rất nặng và nếu tôi không lầm từ ấy đến nay, thời gian vẫn chưa hàn kín. Ông đâm ra ngao ngán và hút nặng hơn lên. Và trở nên yên lặng, không nói không cười như một người vì quá bất đắc chí.

Bây giờ gặp ông ngoài đường, những kẻ quen biết ông ngày xưa không khỏi ngậm ngùi mà thương vay xót mượn, áo quần ông đã cũ mèm cả, ông lê đôi giầy đi lệt đệt, đôi mắt xa xôi như chẳng muốn nhìn ai và cũng chẳng muốn thấy ai. Trên vầng trán có nhiều vết nhăn của ông thoáng qua một áng mây buồn và trông đôi mắt ông ai tinh ý sẽ nhận thấy rằng còn ghi vết, bao nhiêu cái thất chí nản lòng của một cuộc đời vùi lấp.

Cũng may mà ở nhà quê ông còn có một chút ít hoa lợi chớ không thì chẳng biết ông sẽ lấy gì đắp đổi cho qua ngày? Vì cũng như bao nhiêu anh em đồng nghiệp khác, ông ra khỏi nghề với một bịnh trầm kha: bệnh ghiền. Ông có sẵn khay đèn ở nhà, nhưng mỗi ngày ông đều phải đến tiệm để giải trí. Bà Lê cũng như chồng, ăn cơm phải hai thứ. Và một người con trai của ông cũng vì tiêm thuốc cho ông hút mà phải vướng, nhưng may nay đã dứt được rồi.

Ông Lê, nào khác một con voi già vì đã bao xông pha trong trận mạc nên bây giờ thấy mình kiệt sức đi rồi. Và đành phải chịu cái số phận của người chiến bại? Tuy vậy, ông vẫn là người được nghề chiều đãi một hồi rất mực. Lương chủ bút đã từng ai ăn cao hơn Lê Quân? Và lúc báo giới mới phôi thai dân cư làng báo đương còn thưa thớt, ai đã từng được kính mến và thán phục bằng ông? Nói tóm lại là ông đã có cái vinh dự tối cao của một kẻ đàn anh ăn trước bước đầu, mà lại có tài hoa lỗi [illegible]c.

Cho nên bây giờ, luật đào thải không vị nể ai cả thì Lê Quân cũng chẳng nên lấy sự mình lìa làng báo làm chuyện buồn bã. Ai hưng thịnh được suốt cả một đời?

Phương chi sau này, đâu còn có ai được cái vinh dự như ông? Sao lại không lấy đó làm điều an ủi? Tôi biết rằng ông Lê còn yêu nghề lắm lắm. Ông cũng còn cảm giác như những anh em trong làng, nghĩa là cũng vui khi nào thấy làng báo tiến lên, gây được những thành tích tốt đẹp này kia, và cũng buồn khi nghe tin có con chiên ghẻ lở nào bôi nhọ tất cả toàn thể.

Trong cái thân thể gầy gò ấy không ai ngờ lại còn sôi nổi một bầu máu nóng, Lê Quân có lòng ngưỡng mộ những bạn trẻ ham làm việc xã hội, mê man trong công cuộc tranh đấu cho một hạng người. Ngày nào, được một tin mừng, đôi mắt lờ đờ bỗng sáng quắc lên. Thì ra, tinh thần người vẫn còn chớ chưa chết!

Nhưng có một điều là chẳng biết bây giờ Lê Quân còn hay đã hết ghét anh em Trung Bắc? Tôi tin rằng theo với thời gian qua và cuộc đời luân chuyển, chắc hẳn ông bạn già cũng đã đổi quan niệm rồi.

Ghét người làm gì nữa! Giận đời mà làm gì nữa! Hỡi hỡi Lê Quân! Lúc bạn lạnh lùng đi ngang phía trước nhà hàng Quảng Hạp là nơi mà trước kia bạn ngồi nhậu một ngày hàng mấy bận và bây giờ những tri kỷ của bạn vẫn còn ngồi ở đó và họ lờ đi làm như chẳng trông thấy bạn thoáng qua!

Cuộc đời là cuộc đời!

Trước kia bạn nói một tiếng là có thể có bạc ngàn nhưng bạn không thèm mà bây giờ dẫu tôi có nói ví dụ bạn có muốn nói một tiếng để có hai cắc kêu một cái ngao tài cũng không được.

Nợ văn là thế. Chỉ đưa người đến bước đường cùng.

VII

CHÓ RƯỢT

Trong các bạn, hẳn ai cũng có một lần bị chó rượt. Những người viết nhựt báo chúng tôi thì bị chó rượt hằng ngày. Bị chó đây chẳng phải là bị con vật rất trung thành (mà ở xứ người ta chỉ được đàn bà chìu chuộng nâng niu, nhưng ở xứ mình thì lại ham thích cái đồ thừa thãi trong bụng người) rượt cho chạy "có cờ" mà là bị dạ dày làm biểu tình đòi hỏi chẳng phải là tự do, hòa bình chi chi, mà chỉ... cơm thịt!

Tôi sở dĩ ví von như vậy là vì trong giới nhựt báo nghèo (xin các ông chủ báo, chủ bút và thơ ký tòa soạn thứ lỗi, tôi đã nói rõ là giới nhựt báo nghèo) chúng tôi có tiếng lóng (argot) ấy mỗi lần gặp nhau, coi bộ không vui hỏi nhau:

– Sao mày?

– Chó rượt.

Cũng như anh em cu li xe có tiếng nói riêng, cũng trường hợp ấy:

– Sao mày?

– Chích nê ô!

Bị chó đuổi thì cố nhiên là mặt phải tái đi và người phát lạnh, run cũng như đói. Danh từ ấy thông dụng là vì sự liên đới buồn cười đến... ra nước mắt ấy.

Tôi cũng là một người có chân (cố nhiên là bấc đắc dĩ) trong câu lạc bộ bị "chó đuổi" nhưng T.M. hiện làm phóng viên lấy tin miệt Chợ Lớn cho Đ.T. có lẽ là người bị "rượt" nhiều hơn hết, trong các anh em. Đó là người bạn đã đi chung với tôi trên đường gai góc để dìu dắt nhau từng bước phong trần. Nhưng nay tôi đã là kẻ bại trận, mà bạn còn gắng gượng giữ được thanh xuân để đuổi cánh bướm tươi non nhưng lừa đảo của đời, đương lúc mùa chưa ngã bóng. Bạn hỡi! Sao chúng ta lại cưỡng chi lời cha mẹ mà một sớm kia rủ nhau lại trốn tránh ra đi để cho bây giờ mỗi lần ngủ dậy buổi chiều, thấy đời nhuộm toàn một màu tang chế? Sao chúng ta chẳng an phận thủ thường, sống những ngày bằng phẳng? Lại đi mê làm gì cái nường con gái xinh xinh mà thiên hạ gọi là "nghệ thuật" để nhục cả một kiếp người!

Từ ngày còn bé, chúng ta đã ao ước sau này sẽ làm báo thì chúng ta đã thỏa nguyện. Nhưng bây giờ, hỡi bạn! Bạn có thấy ngày mai hứa hẹn một cái gì không? Mà thôi, sao tôi lại nói với bạn làm chi những phiền não và u buồn? Sao tôi lại bới làm chi trong đám tro tàn của ký ức?

Hoàng T.M. người viết báo trẻ tuổi nhất trong làng và cũng là người chống cự ráo riết với những cám dỗ của nghề nghiệp. Trải qua những *Dân quyền, Nghe thấy, Sài Gòn Tuần báo, Tân tiến,* bây giờ hắn làm phóng sự cho đồng nghiệp đường Catinat. Chủ nghĩa lãng mạn ám ảnh hắn chẳng rời, nên đã lâu lắm rồi, hắn sống một cái đời hết sức ngoài lề của khuôn sáo. Thỉnh thoảng lại thấy hắn cùng một người bạn nào chung mướn phòng ngủ để ở, rồi một tháng sau lại

thấy bơ vơ ở vệ đường. Tuy mướn phòng ngủ sang trọng thế đó, ăn mặc lúc nào cũng sạch sẽ thế đó, nhưng hắn vẫn đói hoài. Vì lương bổng một tháng 35 đồng bạc thì làm sao mà sống đủ? Đã thế, hắn còn phải "cõng" trên vai một hai người bạn thất nghiệp. Cho nên hắn ở đậu nhà một người quen biết, ăn uống bữa có bữa không ở mấy tiệm cơm các chú mà vẫn gửi gắm người bạn ấy ăn ở có nơi. Và hắn còn ham đọc sách, đọc báo đến đỗi tháng nào cũng phải tốn trên năm đồng. Thử làm một cái tính nhẩm thì ta đủ biết cái túng thiếu của người phóng viên khốn khổ ấy.

Hắn yêu thơ bằng cả tâm hồn mãnh liệt, mê nghề bằng cả một ám ảnh bất tuyệt và ham rượu như con ruột của bác Tản Đà.

Có đêm đã khuya người ta còn gặp hắn lang thang trước bồn Binh, say sưa thấy lảo đảo cả một trời thơ và thả tóc bay trước gió lạnh, ngâm nga như thằng mất trí.

Ta không nhắp rượu mà lòng ta say,
Vì lòng nao nức muốn,
Ghì lấy đám mây bay.
Té ra vốn là thi sĩ,
Khát khao trăng gió mà không hay.

Hoàng Quân là một thanh niên hiếu học, tha thiết yêu mến Poe, Baudelaire, Byron, về thân thế cũng như về văn chương. Cái họa của đời anh là do ở sách vở mà ra. Vì ta sợ người không đọc sách, nhưng ta phải thương hại người đọc nhiều sách quá. Còn gì sung sướng bằng sống rất nhiều đời, từ cái đời của kẻ thi sĩ chống chiếc gậy giang hồ cho đến cái đời của vị bạo chúa xây dải Trường thành bằng xương máu của lê dân... Và luôn luôn phiến du qua xứ thời gian để viếng hết Babylone đến A Phòng cung để ôm ấp trong mộng hết Dương Quý Phi đến nàng Bao Tự.

Nhưng cũng không còn gì nguy hiểm hơn nữa. Vì sau bữa tiệc đầy cả những cao lương mỹ vị cung cầu cho trí thức, sự tỉnh giấc mơ mới rõ thiệt não nùng. Người đọc nhiều sách sau khi đã giã từ những hình ảnh rực rỡ của muôn thủa, bị trả về với sự thực chật hẹp và ngán ngẩm thành ra sống mà thấy không còn mảy may sinh thú.

T. M. ở vào cái trường hợp ấy. Cho nên cuộc đời chàng, chính chàng có thể tổ chức lại có bề đàng hoàng được mà chàng không thiết đến. Thành ra cái khổ ấy lại tự chàng tạo lấy cho mình. Người

ta không thương hại chàng ở chỗ chàng nghèo mà chính ở chỗ chàng muốn nghèo.

Chàng ngỏ tâm sự:

– Đời gió bụi quen rồi. Không thể gì sống theo phần đông được. Cứ đói vậy thành ra khi nào có ăn là ăn ngon ghê lắm!

Tôi quên nói ngay rằng đó là một phóng viên trong sạch; ghen cả mọi người... với nghề, và ngoài đồng lương ra không còn biết đến tiền bạc do một nguồn nào khác hơn. Độ làm T.T. bị V.K.T. lợi dụng cho một cấp rất lâu mà không biết. Bây giờ về giúp việc cho ông Huyện, số phận cũng chẳng sướng hơn lên đặng tý nào cả. Thấy chàng thảnh thơi dạo ngoài phố mà mặt có hơi tái xanh, thì bạn chớ lầm tưởng rằng bởi chàng vừa mới gặp một nhan sắc nào đó nên cảm động quá mà nét mặt lạt phờ đi.

Không đâu. Túi và lòng của anh ta rỗng không đó.

Nhưng con người ấy, vì vốn là con nhà mực tàu giấy bản, nên ôm ấp giấu giếm cái nghèo đói của mình như cái anh chàng ăn mày của nước Tề xưa che đậy cái "địa vị" mình với hai người vợ vậy. Cũng vì thế mà một hôm xẩy ra một câu chuyện đau lòng này: Hôm ấy chàng đói lả đi rồi. Nhưng đương khi ngâm nga câu thơ Thế Lữ thì bị một người ở đằng sau lưng tiến đến vỗ mạnh vào vai làm cho chàng ta muốn... quỵ xuống vì đã "yếu" sẵn. Lúc ấy đồng hồ chợ đã chỉ hai giờ đúng. Tưởng ai lại hóa một người bạn cũ, điền chủ ở dưới vườn mới lên.

Thế là M. bị lôi vào một quán rượu gần đó. Dầu sao cũng phải giữ thể diện nên chàng ta đâu có can đảm chối từ không uống vì cớ rằng mình đang trống bụng! Và lại trống bụng vào cái giờ thứ 14 ấy!

Biết M. uống được nên người trọc phú nọ hết ép ly này đến ly khác làm cho M. ruột nóng cháy như có ai đốt ai bào. Trong trí chàng, chàng thú thiệt rằng chàng chưa từng chịu hình phạt nào ghê gớm hơn. Hết ly thứ hai đầu chàng đã nặng. Qua ly thứ ba thì mắt chàng hoa lên, thấy đủ 36 cây đèn đỏ! Mà từ chối trối chết, người ấy vẫn nhất định không cho. Cuối cùng chàng trả lại hết trước khi được người ta dìu dắt ra xe. Thiệt là mỉa mai, thiệt là thấm thía!

Năm nay chàng tuổi mới hai mươi hai mà trên gương mặt vết phong trần đã in rõ. Trước kia chàng yêu đời và vui vẻ chừng nào thì nay chàng gượng gạo ít nói ít cười chừng nấy.

Mà rồi chàng cứ càng ngày gầy đi từng chút, và thấy mình yếu

ngực mỗi lần làm việc thức khuya.

Nhưng thế đó, mà ai có yêu chàng xin đừng có nói chuyện khuyên chàng đổi nghề. Vì ngài sẽ mất một người bạn nếu ngài tỏ ý khinh miệt cái nghề văn mà chàng mê như mê một người gái đẹp.

Tôi có thể nói rằng đó là một tâm hồn già nằm trong một thân thể trẻ. Ảnh hưởng Baudelaire làm cho chàng nhìn ra ngoài đời thấy toàn là "một cánh chim đi, một vì sao rụng, một trời biệt ly". Đoàn dơi đen cứ mải vỗ cánh bay lẩn quẩn trong trí chàng. Bây giờ ngoài tình yêu nghề và ý phụng sự nó, chàng hết tin tưởng ở một cái gì cao xa hơn nữa.

Một hôm khác – ngày T.M. còn ở phòng ngủ Đại Nam – tôi bị "chó đuổi" chạy lại đó để mong hắn giải vây giùm, té ra cũng vừa gặp hắn đang tung một cảnh ngộ. Thế mà chúng tôi đành phải vật xuống nằm, gắng ngủ để cho qua buổi. Nhưng nào có ngủ được, các bạn ơi! Chai nước lạnh trên bàn cạn lần lần mà ruột chúng tôi càng bị cào cấu, xót xa không chịu nổi.

Chúng tôi nằm mỗi đứa một nơi, bốn mắt không dám gặp nhau vì sợ tủi cho thân thế mà không khéo lại đục vào nách nhau mà khóc. Vì lúc ấy, hắn cũng như tôi, đều thương hại cho chính mình và thấy lòng thấm thía một đớn đau vô hạn. Trời ơi! Đến cái ăn hàng ngày mà cũng thiếu! Đói lắm, chúng tôi đã "yếu" lắm rồi. Cho tới cầm tờ nhựt trình trên tay mà cũng thấy nặng nề.

Thế mà rồi lát nữa hắn phải bôn tẩu đi lấy tin và tôi phải đi đến tòa soạn để viết cho đủ bài báo vào khuôn chót.

VIII

BÊN LỀ CUỘC ĐỜI

Nện gót giày ngoài đường tráng nhựa, trí tôi đương vẽ một cảnh tươi vui mà bạn tôi sẽ cười cợt mở cửa đón chào, có lẽ cả với một câu chửi thề âu yếm. Vì chúng tôi là bạn thân vừa ngoài đời, vừa trong văn chương sự nghiệp. Vắng mặt nhau mới mươi hôm, mà đã thấy nhớ nhung. Đến hỏi ở tòa báo thì người ta bảo bạn đau, nên "nhọc" không đi làm! Tôi liền tót lên xe ô tô buýt đi Phú Nhuận để vấn an người bạn thâm giao mà tôi đã xem gần hơn ruột thịt.

Nhưng, lúc vào đến sân, nhìn thấy cánh cửa đóng, lòng tôi bỗng nao nao một niềm băn khoăn, lo ngại. Tâm linh như báo trước cho tôi hay rằng chắc bạn đã gặp phải chuyện không lành. Đau nặng lắm chăng? Có thể nguy đến tính mạng rồi chăng? Tim tôi rộn ràng trong buồng ngực.

Tôi đẩy cửa, ánh sáng thừa cơ tràn ngập vào căn nhà vắng vẻ, không một bóng người. Tiếng rên – hẳn là của bạn tôi – đều đều mệt nhọc ở từ trong giường ngủ đưa ra, làm cho tôi trong một giây, đứng lại thừ người, nôn nao gan ruột. Tôi chạy vào thì một cảnh tượng thê lương bay ngang trước mắt.

Bạn tôi nằm sóng sượt trên giường bịnh, người ốm nhom, đến nỗi không thể nhận ra, và mặt mày nhợt nhạt lẩn trong màu của chăn nệm trắng tinh. Bạn vừa cựa mình, vất vả nghiêng đầu nhổ nước miếng xuống một cái chậu to thì đôi mắt lờ đờ của bạn cũng vừa nhìn thấy tôi.

Trời ơi! Đôi mắt đầy khí sắc khi xưa, nay chỉ phản chiếu những chán chường, mỏi mê và nhọc mệt! Trong ấy, tôi nhận thấy cả một chiều hôm đương ngả bóng và cả một mùa xuân, đương hấp hối với đàn chim xanh cất cánh bay đi. Một niềm mừng mong manh như nắng chiều hiện lên gương mặt bạc phờ, một nỗi vui phù du phai ngay trước khi thành nét.

Bạn ứa nước mắt gọi tên tôi, nhưng nghẹn ngào không nên tiếng. Cầm lấy tay người bịnh, tôi bất giác òa lên khóc, như một đứa trẻ con.

Bạn tôi, từ ngày phát đau đến giờ chẳng biết khóc kể với ai, nay gặp được người chí thiết lại càng mủi lòng khóc lớn lên. Tôi dỗ dành bạn bằng những lời êm ngọt vì sợ bạn cảm xúc thái quá, nhưng chính lòng tôi cũng thổn thức, tôi cũng không hề ngăn nổi kia mà!

Bạn tôi khó nhọc nói trong nước mắt:

– "Không mẹ, không cha, Đức đây dầu có vợ, có em, còn khốn khổ thế này, huống hồ Lãng Tử chỉ có một thân một mình, không cửa, không nhà, nếu đau ốm thì không biết sẽ ra đến thế nào mà nói!".

Bạn tôi đã đụng ngay vào sợi dây của tơ lòng tôi đương rung chuyển. Vì tôi khóc đó, trước là tôi khóc bạn, nhưng sau nữa tôi có khóc cho tôi, cho nghề tôi, cái nghề bạc bẽo của người mang nặng nợ.

Bạn tôi là Ngô Văn Đ. tự là L.N. phóng viên lấy tin cho C.L. Một mình chạy rông suốt ngày cả Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định. Đã thế,

còn phải dịch tin Chánh phủ và coi sóc tất cả mấy chương trong. Mà người phóng viên ấy chẳng có xe đạp để đi, và cả tiền chuyển chỗ nhà báo họ cũng không nghĩ đến.

Nguyên nhân bịnh tình cũng chỉ vì bán công quá lắm, ngay những bữa ăn đã làm quá sức mệt nhọc mà cũng chẳng được phép nằm ở nhà. Vì vậy mà đến khi ráng xuống đau thì bịnh tình thành nặng mất rồi.

Tuy thế, bạn tôi cũng cứ tin ở sức mình, còn rán viết bài số tết trong lúc đã đau cho đến khi xây xẩm mặt mày, té lui, gãy cán bút.

Bạn tôi đau chẳng ai biết ngoài những anh em ở báo C.L. Nhưng ở đằng ấy, sự lo nghĩ của người ta là kiếm ngay một phóng viên "phe đảng" thay vào. Người bịnh chỉ còn cách xa cái chết có hai ngón tay mà chỉ được nhà báo đưa lên cho mười đồng, mặc dầu nhà báo vẫn còn thiếu lương bạn tôi ở những tháng trước. Người ta xử tệ với một người giúp việc bằng trí thức, thua cả anh em họ xử với nhau ở một tiệm hớt tóc. Nói ra mà những ngậm ngùi.

Bạn tôi đau liệt nằm ở nhà, không tiền uống thuốc chớ đừng nói đến chuyện có thể nằm nhà thương. Không một người nào săn sóc ở bên giường – à có chớ! Có một người vợ thỉnh thoảng vài giờ lại đi đâu về cằn nhằn cái chuyện dùng thuốc tây và để chọc cho người đau càng thên tức uất. Nhiều khi khát nước kêu gọi rầm lên, mà trả lời cho anh chỉ có sự im lặng của căn nhà trống rỗng.

Một lần, anh lết đến bên bàn lấy sữa uống đến đỗi vì mệt quá mà ngất đi.

Trong lúc tôi viết những hàng này thì bạn tôi đương ở vào buổi hoàng hôn chập chững của cuộc đời, bên lề của cái chết. Mà lúc ấy sự sống chung quanh Ngô Quân vẫn quay cuồng thản nhiên bình tĩnh. Anh em phóng viên đương mải bận lo cơm áo, chẳng ai rảnh tay rảnh trí mà nghĩ đến một người đồng nghiệp bất hạnh đương cầm cự đỡ gạt với lưỡi hái của tử thần. Bây giờ chúng ta thử hỏi:

– "Thoảng như Ngô Quân mà mạng yểu đi thì về tinh thần ai là những kẻ trách nhiệm trong vụ ngộ sát này?". Đồng nghiệp đường Pellerin vẫn tỏ ra trong sạch trong vụ bới móc chuyện Văn Hoàn với Tế Xuyên, nhưng sao về chuyện đối với đồng sự mình, trong lúc mà vấn đề chết sống của người ấy chỉ còn có thể kể với khắc, với giây, thì lại thờ ơ lãnh đạm, đến gần như ghét bỏ?

Hỡi anh em phóng viên! Cái thân thể gầy vàng của mày? Đồng nghiệp đường Pellerin vẫn tỏ ra trong bịnh kia là cái hình ảnh chung của chúng ta một ngày gần đây đó! Ngày mai đây biết đâu, bạn hay tôi, chẳng vì lao lực quá là "quỵ xuống" trong cảnh hiu quạnh thảm thê, bên sự quên lãng của anh em bạn tác, và nỗi bạc bẽo của bọn chủ nhân chỉ biết có tiền.

Hỡi các bạn! Bỏ cây bút xuống tức là cảm tình cũng một cái "độp" rơi theo. Bình thường không có chuyện gì cả, người ta ai cũng có thể ngồi cả giờ để nói chuyện ơn nghĩa, sống thác với mình, nhưng đến lúc hữu sự thì tan tác, tơi bời, rời rạc.

Chúng ta cần phải có một tinh thần mạnh mẽ riêng của làng phóng sự. Chúng ta sở dĩ bị coi thường vì chúng ta không biết liên hiệp chặt chẽ, chớ trong làng báo, phần tử nào cần yếu cho bằng bọn phóng viên.

Tin giờ chót cho chúng tôi hay rằng Hội Báo giới do lòng tốt của ông Nguyễn Văn Sâm, Hội trưởng, đã xót đến cảnh của Ngô Quân và đã đưa người bạn của chúng ta vào nhà thương rồi, tuy Ngô Quân vẫn không có chân trong Hội và tuy Hội vẫn đã trả giường nằm lại cho A.M.A.S.

Bài báo này, tôi viết trong một cơn xúc cảm đến gần đau đớn. Độc giả có thể trách tôi ở chỗ hơi thiên về tình cảm, nhưng bạn đọc hãy thử đặt mình vào cái cảnh của tôi, có một người bạn thân đương hấp hối thì các bạn sẽ biết lòng tôi, khổ sở đến dường bao!

Bài báo này ngẫu nhiên mà cùng đi chung vào tập "Nợ văn".

Đây là tiếng khóc than của tôi, của cái nghề mà hiện anh em phóng viên chúng tôi được ôm ấp, phụng thờ, của một thế hệ thanh niên siêng năng giàu nguồn trai trẻ.

Tôi cầu nguyện cho Ngô Quân chóng mạnh, cho cái bóng của tử thần đừng có đi vội qua đời người bạn thân yêu, để cho những hàng này khỏi có cái tội là những hàng tế sống cái người "một nửa của tôi" vậy.

Tiện đây tưởng nên nói luôn đến văn tài thi tứ của bạn Ngô Văn Đ., là một phóng viên xứng đáng, hiểu cái cao quý của chức vụ và biết yêu nghề. Ngoài ra lại còn là một nhà văn có tên tuổi ở đây. Những bài báo và những bài thơ trào phúng ký tên Linh Nhãn ở *Đông Dương* và *Công luận* đều là của Ngô Quân.

Bạn tôi lại còn là một thi sĩ.

Những câu thơ uyển chuyển xinh xinh như:

Hôm qua ghé bến Linh Giang,
Thấy cô gái đẹp bàng hoàng lòng ta.
Người đâu xinh tựa Tiên nga,
Không son không phấn mà ta ưa nhìn.
Hay tự Diêu Trì xuống đây, Ngọc Nữ,
Hay Chiêu Quân oan uổng hiện về đây,
Hay Hạnh Nguyên sắc đẹp bị trời đày,
Hay Thúy Kiều kiếp trước duyên chưa dứt.
Còn lưu liên chịu những ngày cơ cực... v.v.

Làm cho làng thơ chú ý đến nhiều.

Ngày hôm tôi đi thăm Đ. thì trước đó một buổi, tôi nhận được một bức thơ của Đào quân Chủ nhiệm báo *Mai*.

Ông Lãng Tử,

Tôi nghe tiếng ông Linh Nhãn sở trường về lối thơ khôi hài kiểu Tú Mỡ. Vậy ông làm ơn cậy ông Linh Nhãn viết dùm tôi một bài cho số Đặc biệt Thế giới năm 1939. Vì sợ giao nên không dám nói trực tiếp, e đường đột chăng? Tôi trông cậy ở ông.

Bức thư ấy, đem lên cho bạn, nhưng thấy bạn đương hấp hối nên tôi chẳng đưa ra làm gì. Vì tôi vẫn biết bạn là người mang nặng cái nợ văn, không khéo tôi lại làm cho bạn tủi nhớ đến những ngày lành mạnh.

Rồi đây, bạn tôi nếu mà bình phục lại thì đó là điều mà anh em ai cũng mong mỏi ước mơ. Nhưng nếu thoảng như chẳng qua khỏi, thì vợ bạn có lẽ sẽ khóc vì mất chồng, em bạn vì mất anh, các người đằng báo C.L. vì mất một người đồng sự, anh em trong làng mạc vì mất một đồng nghiệp, nhưng có lẽ chẳng ai khóc vì chúng ta mất một nhà văn có tài nghề, một thi sĩ có nhiều tương lai.

Bạn sống, bài báo này sẽ làm cho bạn tủi vì đã đa mang lấy cái duyên văn bội bạc như tôi.

Bạn chết – đó là điều Thượng Đế làm chứng cho rằng không bao giờ tôi muốn – thì bài báo này cũng sẽ làm những lời tiễn đưa thống thiết người đi, và những tiếc thương oán hận cho mình ở lại.

IX

NHÀ BÁO ĂN "BÔNG"

Tôi còn nhớ cách đây đã lâu, cái hôm mà anh em viết báo Sài Gòn thết một tiệc chay ở chùa Long Vân đặng đãi đằng một đồng nghiệp Bắc Hà: ông Thái Phỉ.

Lúc bấy giờ, hai chị Nguyễn Thị Kim và Nguyễn Thị Tam còn là những mạch suối đào giữa nơi sa mạc, nên ở buổi tiệc ấy mọi người đều tranh nhau để vui chuyện, tôi toan kể cả Sư Muôn [1]. Câu chuyện lần đi, đến sự dùng mặn và dùng chay. Cuộc cãi vã kéo dài đến không bao giờ dừng lại. Mỗi phe đều cực lực binh vực một lối ăn uống: ăn chay hay ăn mặn, làm cho Sư Muôn phải im tiếng, chẳng dám ngả hẳn về một bên nào. Người ta đã kéo cả những danh nhân ra chứng cho lý lẽ của mình. Tuy ở đó, tôi biết rằng những ai binh vực sự ăn chay thì chẳng bao giờ gặp dịp để ăn, còn mấy kẻ binh vực ăn mặn thì lại sống đời kham khổ, "mẩn" rau muối đã nhiều mà không tự biết.

Giữa lúc người ta đã vì quá trung thành với việc mà mình binh vực đến toan to tiếng, thì bỗng một bạn vui tính nhất, đột nhiên hỏi:

– Nếu vậy thì có ai biết dân viết báo ta thường ăn gì mà sống không?

Lặng im. Bực mình. Có kẻ suy nghĩ:

– Thưa các ngài, ăn chay, vì ăn toàn... bông cả!

Rồi chẳng để cho ai kịp nghĩ tại sao, anh bạn ấy liền cắt nghĩa:

– "Bông" đây là bông bua (bon poor)!

Cử tọa rập một tiếng cười vang. Nhưng tôi không cười vì người bạn ấy đã gảy khúc đoạn trường đương lúc nhiều người muốn quên tất cả để vui, vui cho trọn vẹn. Tôi có cái nguyên tắc là hễ đã vui thì vui, đừng có chút gợn. Như Tuy Lý Vương xưa, một lần giữa tiệc rượu, một thực khách kia được tin cha chết, liền biết ý lẳng lặng ra đi nói dối rằng mình đi có việc một lát ở đằng sau.

---

1. Sư Muôn tức Nguyễn Kim Muôn, độ ấy làm quản lý báo *Đuốc*.

Câu nói trào phúng và vô tâm – tôi dám quả quyết là vô tâm – của anh bạn kia đã dựng dậy trong tâm trí tôi cả bao nhiêu chuyện đẫm nước mắt vì đồng lương trả... giọt. Những ai đã từng sống đeo theo cái nghề "bạc", đã nặng gánh chủ trương gia đình, hoặc là mắc trúng cái bịnh dùng thêm một thứ cơm kia nữa, đến phải dậy sớm, ngủ khuya, để lo chạy cái "ăn" cho mình và cho vợ con, mà có lúc phải chảy lệ vì đợi chờ, nài xin năn nỉ, thì những người ấy hẳn thấu tất cả cái thấm thía, đớn đau của lời nói khôi hài: ăn bông!

– Nhà báo ăn toàn "bông bua" (bon pour)!

Có nhà báo mắc tiền các nhân viên trong tòa soạn đến đỗi người nào cũng tới hai ba trăm, mà vậy đó vẫn không cấm những kẻ bất hạnh kia siết chặt giây lưng vào mỗi lần bị "chó rượt". Tôi còn biết những ông chủ báo gan dạ đến dám cầm từng... đồng bạc một để trả cho người giúp việc. Và còn biết bao nhiêu chuyện nhẫn tâm như thế nữa mà ngòi bút tôi khổ não quá không thể đưa đi xa hơn.

Tôi hối hận lắm, rồi đây và nếu như gia đình tôi, cha mẹ anh em tôi lỡ đọc những hàng này, thì lòng tự ái tôi sẽ chịu một vết thương không biết bao giờ hàn gắn. Vì tôi đã cãi lời giáo huấn, bỏ một địa vị có sẵn để đi vào một cuộc đời mà tôi đã nặng tin là phi thường tự do. Nhưng sau bao năm lăn lộn tôi mới biết mình lầm. Tuy nhiên vì có lòng tự ái quá to, tôi thường vẫn nói dối những kẻ thân yêu rằng, tôi đã tìm được cái ước muốn của ngày xanh và chí nguyện thanh niên tôi đã được đạt thành. Tôi dấu kín cả những thất vọng, những cơ hàn, những khổ nhục mà những năm trời đắng cay tôi đã nếm trải.

Tôi chỉ là người của quả đất thì dầu đi đâu cũng chỉ đạp thấy đất. Tôi tránh cái đời bó buộc quỵ lụy của một người làm việc công sở thì tôi lại gặp cái kiếp văn chương báo chí, nó cũng có những cái khốn nạn chẳng phải thua gì. Thì ở đây có một vài tờ đại nhựt báo, mà cách tổ chức do sự lòn cúi của một bọn cầm bút thiếu vẻ cao thượng nhà nghề, nào có khác gì một triều đình loạn thế đâu!

Cũng có những phần tử lên mặt mày, phản động kẻ vạch.

Thành thử tôi chỉ tránh họa này để tìm một họa khác. Làm một anh công chức có lúc bị chủ rầy thì làm báo cũng thiếu gì phen bị chủ nhơn hắn dội nhục nhã vào đầu?

Công việc bằng trí tuệ, nếu chẳng là nghề thanh cao nhứt thì nó cũng là nghề hạ tiện nhứt đời. Nhà văn sĩ *Alexandre Dumas fils* lúc

viết câu này hẳn không bao giờ ngờ rằng non một trăm năm sau, lại có một kẻ như tôi sẽ dẫn ra để chỉ vào những cái xấu xa của một làng báo.

Người ta đã trả công chúng tôi với một đồng lương chết đói; mà đã thế, người ta cho ăn toàn "bo" nghĩa là chỉ trả nhỏ giọt.

Và rồi còn cái cách trao tiền lắm lúc nó mới khốn nạn làm sao! Thường thường, tuy quản lý cái công việc ấy thay thế chủ nhơn. Bọn này phần nhiều hoặc là con cháu chủ, hoặc là những kẻ rỗng học thức, nhưng chúng có xu. Chúng không hiểu thế nào là lòng tự ái của một nhà văn, một nhà báo. Thành ra có lúc làm cho chúng tôi đau xót mà họ không biết. Ví dụ sẵn tiền đầy trong "két" mà có bận chúng muốn chơi ngặt bảo không. Ông Tú Xương lắm khi trào nước mắt vì van nợ, thì chúng tôi cũng đã phải khóc thầm vì phải van bọn giữ "két" trong nhà báo.

Một lần, chính tay tôi đã nghe ở tòa báo T.D., viên quản lý trẻ tuổi nói với một anh bỉnh bút của báo ấy:

– Ông Huyện biểu khóa "két" lại đừng "cho" ai cả, nhưng tôi thấy anh tội nghiệp nên tôi mới "cho" anh xài đỡ.

Trời ơi! Trả tiền công mà giám gọi rằng cho! Quả chàng thanh niên, trẻ người non dạ – ngồi ở cái ghế nó già gấp mấy tuổi anh – đã dùng chữ Việt Nam một cách sâu sắc bất ngờ.

Nếu mã anh phát lớn mà anh sẽ ngồi ở cái ghế ngoại giao, thì không khéo sẽ có một tổng động viên của hai người!

Đây là một tấn bi kịch một hồi một cảnh. Cảnh là cảnh tòa báo nói trên và thêm ông chủ vào với hai nhân vật vừa rồi. Nhưng câu chuyện xảy ra vào lúc chập chững hoàng hôn. Nhà dàn cảnh là sự "tình cờ" nên dẫu là Von Sternberge cũng đến phải phục lăn, phục lóc.

Sáu tiếng khàn rè của chiếc đồng hồ trên vách đánh mạnh vào thần kinh hệ anh P.T., người bỉnh bút có cái nét mặt vàng úa và rầu rầu nó bắt người ta nghĩ đến sự anh đương làm di chúc. Anh cần tiền vì con anh ở nhà "nhác chơi" và hồi trưa hai vợ chồng anh chỉ ăn cháo trắng với muối hột.

Anh hy vọng, vì ông chủ còn ngồi trong phòng giấy và ông quản lý vừa mới bước lên lầu.

Nhưng kia! Ông chủ bỗng xách cặp ra đi, liệng cho anh một tờ thông cáo bảo dịch liền. Những chữ đánh máy trong miếng giấy nhảy

nhót trước cặp mắt anh và trước khi anh toan đứng dậy để chạy ra tỏ tình cảnh gia đạo, thì ông chủ đã bước lên xe kéo.

Anh ngồi thừ người ra ở đó, không nghĩ đến chuyện ra về nữa, vì anh đã như người mất trí. Giữa lúc ấy thì tiếng giầy đế sắt nện mạnh trên thang lầu xuống, ông quản lý ăn mặc đúng mốt bước ra. Mùi nước hoa mắc tiền như ướp cả gian phòng. Chàng thanh niên mang giầy nhảy claquette vì sắp đi dự một cuộc dạ hội có khiêu vũ.

Không hề ngờ đến cơn gió giông đương phũ phàng trong lòng người văn sĩ, ông quản lý cười nói thản nhiên, vô tư lự. Rồi ông còn nhảy thử mấy bước cho T.P. xem. Nhưng người khổ sở nhất thế giới kia nhìn mà chẳng hề thấy, nghe mà chẳng hề hiểu một chút gì! Bao nhiêu hình ảnh dồn dập quay cuồng trước mắt anh, và tiếng đế giầy lóc cóc gõ nhịp trên sàn như ấn mạnh vào quả tim anh vậy.

Vì đói bụng, nên mùi nước hoa làm cho T.P. ngây ngất. Anh ta bàng hoàng đứng dậy và lảo đảo đi mấy bước, nhưng thấy như mình chóng mặt đành phải tựa tay vào ghế một hồi.

Tự nhiên sau đó, anh bỗng thấy mình đứng ở trước một tiệm cơm tây. Cho nên không khí bên ngoài đã làm cho anh hơi khỏe. Nãy giờ, anh ra khỏi tòa báo, rồi lạnh lùng đi mà không biết, anh cũng không bắt tay người quản lý vì cái cảnh trái ngược của số phận hồi nãy đã làm cho anh oán hận tất cả mọi người.

X

ĐÊM TRỪ TỊCH CỦA TẢN ĐÀ Ở NAM KỲ

Tình cờ, thiên điều tra này, lúc tới đoạn chót nói về rượu thì lại gặp ngay vào dịp tân xuân. Thú thiệt rằng đó chẳng phải chỗ dụng ý hay dụng công gì của tôi, nhưng dầu sao, cái điều bất ngờ ấy, cũng đã làm ngạc nhiên một người, trước nhất: người ấy là... kẻ đã viết ra những hàng này:

Rượu chè, á phiện với đàn bà,

Ba cái lăng nhăng nó hại ta.

Những người viết báo mang nặng nợ văn đều có thể nhại thơ của ông Tú Vị Xuyên, mà ngâm nga hai câu giai tác trên đây, và nếu

muốn cho nó thấm thía thêm lên thì hãy rung đùi đi cho có vẻ "chi hồ dả dã"!.

Tuy nhiên rượu, á phiện với đàn bà, hại thì có hại cho con nhà cầm bút thiệt, nhưng nếu không có những "vật" đó, thì chẳng biết đời họ đã khổ nhục còn khổ nhục đến bực nào?

Đó là những nguồn an ủi đắc lực cho số kiếp của văn nhân mà hằng ngày biết bao kẻ đã cần kíp phải dùng để thoát ra khỏi sự thật quanh mình, chỉ là chật hẹp, buồn rầu, ngao ngán.

Ở đây tôi chỉ xin nói về chuyện rượu. Thứ "độc thủy" ấy đã giúp cho nhân loại được những danh nhân như: Edgar Poe, Lý Thái Bạch, thì ít ra cũng làm cho xứ này hiện thời có những chân thi sĩ như Tùng Lâm, Hoài Nam và Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu.

Tôi cũng chẳng hẹp gì mà không kể luôn cả ông Lê Trung Cang vào đây, nhưng nếu ta đã cho ông cái hân hạnh ấy thì tôi cũng cần phải nói rõ ra rằng: ví dầu ông ta có bỏ cái tật "nhậu" đi, thì cũng chỉ mất một thân chủ của hãng Martell, chớ chẳng thiệt thòi gì cho làng thơ, làng báo xứ này chút nào cả, mặc dầu ông có xài "Martell" một ngày những trên mười mấy đồng đi nữa. Vì người ta uống rượu là để quên cuộc đời bất như ý, thì ông lại uống để mà nâng niu lấy nó và để du dương cái giấc mộng của kẻ được vận đỏ chuộng chiều. Người ta với năm mươi xu rượu thuốc, đã có thể "đẻ" ra mấy vận thơ xinh, chớ "anh năm Cang" mà có "hũ chìm hũ nổi" bạc trăm, cũng chỉ nghĩ thêm được một vài cách bóp chẹt đồng lương hay đôi cái mánh khóe làm tiền như chẳng hạn trả rẻ công người giúp việc!

Sau khi đã nhởn nhơ trên đôi cánh của thần Bacchus để phiếm du qua xứ thời gian, bác Tản Đà hay bác Tùng Lâm có thể đến chơi ở A Phòng cung hay gặp gỡ được nường Tây Thi một mình trên Ngũ Hồ, không có một bên anh chàng Phạm Lãi. Trái lại, ông Huyện Cang dầu say tít cung mây, cũng chẳng làm sao tự thoát hóa một cách tài hoa như vậy nổi.

Không phải ai cũng là kẻ có tâm hồn, dầu cùng ở chung nghề. Ví dầu bác Tản Đà có nói: *Con người có khác con chó chỉ ở chỗ con người biết uống rượu* nhưng hồ dễ những ai uống rượu cũng đều được xem là phi thường cả sao?

Tiện đây tôi xin nói rõ vì sao ở trường hợp nào mà nhà thi hào núi Tản kia đã thốt ra câu nói ngông nghênh đầy vẻ thâm thúy ấy.

Chẳng là người nghiện rượu cũng như kẻ nghiện phù dung bao giờ họ cũng có những lý lẽ ngược đời để tự bào chữa. Ông ấm Hiếu ghét những người nào không biết "nhậu" và muốn bênh vực bịnh rượu của mình, nên mới có câu nói lý thú ấy chẳng mấy ai được biết mà chỉ có một người được nghe, là ông Tùng Lâm. Và rồi tôi là người thứ nhất được ông Tùng Lâm sang tai lại. Cho nên tôi rất lấy làm tiếc mà chẳng được thấy câu ấy ở tập sách của ông Trương Tửu lúc ông viết quyển *"Uống rượu với Tản Đà"*. Vì rằng theo ý tôi, câu nói ấy cần phải xem như một lời triết lý cao kỳ mà sách vở nói về rượu không có quyền quên bỏ.

Đương lúc xuân về trong nắng hường, trong gió trắng và cười reo trong đôi mắt của giai nhân, tôi không có quyền gạch một gạch xám đen trong ý nghĩ của bạn đọc và đem lại một nét u buồn. Dầu tôi đương viết đến cái nợ của văn chương nên không có phép chạy ra khỏi biên thùy của câu chuyện.

Nhưng sự tình cờ lại cho tôi gặp nhầm cái đầu đề phong lưu: Rượu. Thì sao tôi lại chẳng kể cho bạn đọc nghe chơi một câu chuyện rượu mà vai chính lại cũng chẳng ai khác hơn ông ấm Tản Đà?

Năm ấy, Tết đến mà tiền lãnh trước của nhà báo T.C. bác ấm Hiếu đã tiêu phăng hết cả rồi. Rộng rãi với nhà thơ quá lắm lúc ban đầu, ông Diệp cuối cùng cũng phải đâm ra không chịu được với cái khí phách giang hồ rất ngang tàng của người giúp việc kỳ khôi ấy... Nhưng ông Diệp cũng không thể chối từ được vào hôm 30, lúc thi sĩ, ý chừng không say, chỉ muốn mượn có 5 đồng bạc. Được tiền, nhà thơ của chúng ta tức thời chạy đi mướn một chiếc xe hơi "lô ca xông" khứ hồi, để vào Bà Chiểu, kéo ông bạn rượu Tùng Lâm ra Sài Gòn, cùng ăn Tết với mình.

Vào Nam Kỳ, lần ấy là lần đầu làm chủ được một chiếc xe hơi trong một lúc, ông Tản Đà lấy làm khoái trá vô cùng. Cho nên thi sĩ ngồi thóp bụng lại, phình ngực lên và hai cánh tay choàng rộng ra chẳng khác gì một bác trọc phú học làm sang cả. Ông ta đưa mắt ra đón cơn gió ngược với tất cả cái thích thú của kẻ giang hồ khí cốt. Buổi lãng du trên xe hơi bên người bạn quý, bác ấm cho là đáng ghi nhất trong lịch sử của đời mình và nếu không bị ngợp vì tốc lực, điếc vì máy rồ, có lẽ đã thung dung xướng họa.

Đêm ấy là đêm ba mươi, cái đêm nó bắt người tài hoa lưu lạc chạnh lòng nhớ đến quê nhà xa. Không nói ra chớ ai cũng nhận thấy

lòng sầu xứ thương quê đương hành hạ lòng nhau. Cái cười lúc ấy nó ngượng ngập và mất cả tự nhiên. Cuối cùng hai người định phác họa một chương trình chơi xuân mà cố nhiên là rượu chiếm địa vị quan trọng từ khoản đầu khoản chót.

Nhưng... thế mà năm đồng bạc trả tiền xe hơi đã hết một. Và lúc ban chiều xót cảnh thầy Ngô (Ngô Tất Tố), ông ấm Hiếu lại cũng đã tặng bạn hết ba trữ nữa rồi. Vậy chỉ còn lại có một đồng bạc trắng chẵn chòi. Mua đi một lít rượu nếp nữa thì còn lại có 7 cắc. Với món tiền "to lớn" còn lại ấy, họ cũng định tiêu "hoang" cho bằng hết. Vì chẳng lẽ lại uống rượu khan nên ông Tùng Lâm mới lĩnh mạng "vác" số tiền đó đi mua thêm một chai Mai Quế Lộ và một con gà quay. Con người vui tính và hay chiều bạn ấy mặc đồ mát ra đi để ông ấm Hiếu một mình ở nhà, rót rượu sẵn ra mấy ly đầy, ngồi đợi đồ nhắm.

Nhưng mua xong, toan quay về thì nhà thơ lại gặp ngay một đám đánh lộn. Vốn tính hiếu kỳ, ông mới xớ rớ đứng lại xem. Trà trộn trong đám đông, con hải âu mà thi sĩ Baudelaire đã nói, thường chậm chạp và ngơ ngác nên lúc lính mã tà áp lại, ông Tùng Lâm không "rút dù" tránh kịp. Thấy ăn mặc lôi thôi như quân du thủ du thực, lính bèn điệu ông về bót cùng theo một lũ chẳng có lá bùa hộ mạng.

Vào bót ngồi, mùi nước đái xông lên nồng nặc, lúc bấy giờ mới làm cho bác ta tỉnh hẳn người ra. Quả thiệt, tình thế của bác khi ấy, nó chẳng còn nên thơ nên phút chút nào. Phần tức giận hoàn cảnh, phần lo nghĩ đến anh bạn rượu đương ngồi đợi mình ở nhà, thi sĩ lòng như tơ chia trăm mối.

Mười hai giờ khuya, pháo nổ. Cái phút trân trọng của lễ Giao thừa, với bác, nó chẳng còn trân trọng quái gì. Cả hương xuân ngào ngạt ở đâu đâu không biết, chớ ở chỗ mà bác đương bị giam hãm chắc nó cũng chẳng dám bay vào.

Nhưng tiếng pháo nổ vang ở gần rồi lại ở xa, cuối cùng bỗng giúp cho thi sĩ một quyết định "bạc mạng". Là đập quách miệng chai cùng xé phăng con gà quay ra để nhắm. Cái công việc ấy lão ta làm một cách âm thầm, tỉ mỉ và không khỏi hằn học, như muốn trả thù, tất cả loài người. Lão ta chẳng kể lại, lúc đánh chén, có bịt mũi hay không.

Nhưng dầu sao, các bạn cũng có thể tin rằng ở bót đêm ấy lão ta đã no một bữa.

Làm xong bữa tiệc bất ngờ ấy, lão mới nhào xuống giữa sân lấm lem nước tiểu mà chập chờn một giấc mộng lớn.

Lúc ấy, ở nhà Tản Đà vẫn bình tĩnh trông đợi, nhưng thấy ông bạn rượu một ngày một mất nên lão cũng tức giận và buồn bã, bèn uống rượu khan một mình suốt đêm. Sáng ra bác Tùng Lâm bị chú biện đánh thức dậy, bác ngơ ngác như cò trắng giữa đàn quạ quanh mình: Bác ta quên hết, nên chẳng hiểu vì sao, mình lại ở đó và lại vạ vật nằm giữa gạch. Tuy nhiên, vì là mùng một Tết, nên bác được thả ra cùng một lũ người bất hạnh khác. Về đến nhà, lúc bước vào ngó thấy ông Hiếu say mèm, đương nằm một đống bên cạnh chai rượu đã sạch trơn. Nghĩ buồn cười cho câu chuyện xui xẻo ngày Tết, bác Tùng Lâm liền lấy đũa gõ vào chai rượu ngâm:

Cao hứng vì yêu bác Tản Đà,
Một chai Quế Lộ một con gà.
Suốt đêm trừ tịch nằm trong bót,
Nhớ lại buồn cười lúc tỉnh ra.

Nhà xuất bản Tân Việt, Hà Nội 1941.

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
Tập 29

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập

Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 29

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập :

BAN BIÊN TẬP

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Biên tập kỹ thuật :

NGUYỄN CỪ - ĐÀO TRỌNG CƯỜNG

Sửa bản in :

HÀ THỊ VINH - NGUYỄN TRƯỜNG MINH

HUỲNH THỊ HÒA

Trình bày bìa :

ĐỖ DUY NGỌC

In 300 cuốn khổ 16x24 cm tại Công ty in Trần Phú – TP. Hồ Chí Minh
Số đăng ký kế hoạch xuất bản : 143 – 02/CXB do Cục xuất bản ký ngày 4 tháng 1 năm 2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2000.

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

